JONATHAN LITTELL

NHỮNG KẺ THIỆN TÂM



NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

"Cet ouvrage, publié dans le cadre du Programme d'aide à la publication Nguyen Van Vinh, bénéficie du soutien du Centre Culturel et de Coopération de l'Ambassade de France au Vietnam pour l'édition et la prise en charge des droits d'auteurs"

"Cuốn sách này xuất bản trong khuôn khổ Chương trình hỗ trợ xuất bản Nguyễn Văn Vinh, được sự giúp đỡ của Trung tâm Văn hóa và Hợp tác Đại sứ quán Pháp tại Việt Nam về in ấn và bản quyền tác giả"

Dịch từ nguyên bản tiếng Pháp: *Les Bienveillantes*

© Jonathan Littell, 2006

Xuất bản theo hợp đồng chuyển nhượng bản quyền giữa tác giả *Jonathan Littell*, do *Andrew Nurnberg Associates Ltd.*, làm đại diện và *Nhã Nam*, 2007-2013.

Bản quyền bản tiếng Việt © Công ty Văn hóa và Truyền thông Nhã Nam, 2007.

Bản quyền tác phẩm đã được bảo hộ. Mọi hình thức xuất bản, sao chụp, phân phối dưới dạng in ấn hoặc văn bản điện tử, đặc biệt là việc phát tán trên mạng Internet mà không có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản là vi phạm pháp luật và làm tổn hại đến quyền lợi của nhà xuất bản và tác giả. Không ủng hộ, khuyến khích những hành vi vi phạm bản quyền. Chỉ mua bán bản in hợp pháp.

ML 555 | 2008

JONATHAN LITTELL

NHỮNG KẺ THIỆN TÂM



CAO VIỆT DŨNG dịch

ML5523/2008
PHÒNG MƯỢN LƯU

nhã nam
NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

THƯ VIỆN KHOA HỌC TỔNG HỢP
MM 21783

Dành tặng những người chết

TOCCATA

Này các anh em con người, hãy nghe tôi kể chuyện đã xảy ra như thế nào. Chúng ta không phải anh em của ngươi, các ngươi sẽ vặn lại, và chúng ta không muốn biết. Và quả thực đây là một câu chuyện ảm đạm, nhưng cũng mang tính khuyến thiện, một truyện ngụ ngôn thực thụ, tôi đảm bảo với các ngươi. Sẽ hơi dài đấy, thì đã có nhiều chuyện đến thế xảy ra cơ mà, nhưng nếu có thật như thế thì các ngươi cũng có vội vã gì lắm đâu, may mắn một chút là các ngươi có đủ thời gian thôi. Và rồi chuyện đó lại còn liên quan đến các ngươi nữa: các ngươi sẽ thấy rõ nó liên quan đến các ngươi. Đừng nghĩ tôi tìm cách thuyết phục các ngươi một điều gì; mà ý kiến của các ngươi đâu quan hệ gì đến tôi. Sau từng ấy năm, tôi quyết định viết, chỉ là để sắp xếp lại mọi chuyện, vì tôi, không phải vì các ngươi. Đã từ lâu, chúng ta bò đi trên mặt đất như một con sâu, chờ đợi con bướm huy hoàng màu trắng mờ vốn ẩn sẵn trong chúng ta lộ diện. Rồi thời gian trôi, nhộng không thấy đâu, chúng ta ấu trùng vẫn hoàn ấu trùng, tình hình thật đáng ngao ngán, mà làm gì được đây? Tự tử, dĩ nhiên, vẫn là một lựa chọn. Nhưng nói cho đúng, tự tử không hấp dẫn tôi mấy. Tôi từng, cái này thì hẳn nhiên rồi, nghĩ nhiều đến chuyện đó; và nếu quả thực phải viện nhờ đến nó, cách tôi làm sẽ là như sau: tôi sẽ đặt một quả lựu đạn ngay sát tim và ra đi trong một cơn vui nồng nhiệt. Một quả lựu đạn thuôn nhỏ mà tôi sẽ nhẹ nhàng rút chốt trước khi thả lỏng, miệng mỉm cười khi nghe tiếng lò xo bật khẽ, tiếng động cuối cùng mà tôi nghe thấy, ngoài tiếng

tìm đập trong tai. Và rồi cuối cùng là hạnh phúc, hoặc nếu không thì cũng phải là bình yên, và những bức tường văn phòng lấm chấm mẩu thịt nát bấy. Mấy bà lao công sẽ phải dọn, họ được trả tiền để làm việc đó, kệ họ. Nhưng tôi nói rồi, tự tử không hấp dẫn tôi. Ngoài ra tôi cũng không biết tại sao, có thể là một mảnh vụn xưa cũ nào đó của luân lý triết học còn sót lại, khiến tôi tin rằng chúng ta sống đâu phải để vui đùa. Thế thì để làm gì? Tôi biết làm sao được, hẳn là để kéo dài, để giết thời gian trước khi nó giết ta. Và trong trường hợp đó, trong những giờ bỏ phí đó, viết xứng đáng là một trò tiêu thời gian không kém cạnh gì những trò khác. Không phải vì tôi có rất nhiều thời giờ để mất, tôi là một người bận rộn; tôi có cái mà người ta gọi là một gia đình, một công việc, vậy là có trách nhiệm rồi, tất cả những cái đó đều mất thời gian, không còn nhiều để kể lại kỷ niệm đâu. Nhất là khi kỷ niệm thì tôi không thiếu, thậm chí còn ở một số lượng đáng kể. Tôi là một nhà máy sản xuất kỷ niệm thực thụ. Tôi hoàn toàn có thể dành cả đời sản xuất ra kỷ niệm, dù cho giờ đây người ta trả tiền cho tôi để sản xuất đăngten. Thực sự là tôi hoàn toàn có thể không viết. Đó có phải là một bổn phận đâu. Sau chiến tranh, tôi là một người kín đáo; nhờ Chúa, tôi không bao giờ cần, giống như vài đồng nghiệp cũ, viết hồi ký để thanh minh, vì tôi không cần phải thanh minh điều gì, cũng không phải vì mục đích tiền bạc, vì tôi kiếm tiền cũng khá. Một lần, ở Đức, trong một vụ làm ăn, tôi nói chuyện với giám đốc một hãng đồ lót lớn, tôi muốn bán đồ đăngten cho ông ta. Vài người bạn cũ giới thiệu tôi cho ông ta; thế rồi, không cần hỏi han gì nhau, chúng tôi biết ngay được là sẽ phải làm gì. Sau cuộc nói chuyện diễn ra hết sức suôn sẻ, ông ta đứng dậy rút từ tủ sách một cuốn sách tặng cho tôi. Đó là hồi ký in sau khi chết của Hans Frank, General-Gouverneur Ba Lan; sách tên là *Đối mặt với máy chém*. "Tôi nhận được một bức thư từ bà vợ góa của ông ấy," ông giám đốc giải thích. "Bà ấy tự bỏ tiền xuất bản bản thảo mà ông ấy viết sau phiên tòa xử mình, và bà ấy bán sách để lấy tiền nuôi con. Anh tưởng tượng được không? Đến mức đó đấy. Vợ góa của ngài General-Gouverneur. Tôi bèn đặt

mua hai mươi cuốn, để mang tặng. Tôi cũng đề nghị mỗi phụ trách bộ phận chỗ tôi mua một cuốn. Bà ấy viết cho tôi một bức thư cảm ơn rất mủi. Anh có biết ông ấy không?" Tôi trả lời là không, nhưng tôi sẽ thích thú đọc cuốn sách. Thực tế là có, tôi đã từng gặp thoáng qua ông ta, có thể sau này tôi sẽ kể, nếu có đủ can đảm hoặc kiên nhẫn. Nhưng lúc đó nói chuyện này có ích gì đâu. Cuốn sách thì vô cùng dở, lộn xộn, giọng điệu lè nhè, tẩm đẫm trong một thứ đạo đức giả mang tính tôn giáo kỳ quặc. Những câu tôi viết ở đây có thể cũng sẽ lộn xộn và dở, nhưng tôi sẽ làm hết sức để được rõ ràng; tôi có thể đảm bảo với các người rằng ít nhất thì chúng sẽ không chút vương vấn lòng ăn năn. Tôi không hối tiếc gì hết: tôi đã làm việc của tôi, vậy thôi; những câu chuyện gia đình, mà có thể là tôi cũng sẽ kể, chỉ liên quan đến mình tôi; trong những chuyện khác, ở đoạn cuối, hẳn là tôi cũng có vượt qua giới hạn một chút, nhưng khi đó thì tôi không còn hoàn toàn là tôi nữa, tôi chao đảo, mà xung quanh cả thế giới cũng ngả nghiêng, tôi không phải là người duy nhất mất trí, các người công nhận đi. Và rồi, tôi không viết để kiếm tiền nuôi vợ góa con côi, tôi hoàn toàn có khả năng chu cấp đầy đủ cho cả nhà. Không, tôi quyết định viết chỉ là để tiêu thời gian, và, nếu có thể, cả để soi sáng một hoặc hai điểm còn khó hiểu, có thể với các người và với chính tôi. Ngoài đó ra tôi nghĩ viết khiến tôi cảm thấy thoải mái. Đúng là tâm trạng tôi khá ảm đạm. Hiệu ứng của bệnh táo bón đấy. Vấn đề bục mình và đau đớn, không những thế còn mới phát sinh; ngày xưa thì ngược hẳn lại. Trước, mỗi ngày tôi phải vào nhà vệ sinh ba, bốn lần; giờ thì một lần một tuần đã là hạnh phúc lắm rồi. Tôi đành chấp nhận chịu đựng những lần thụt ruột, thủ tục thực sự khó chịu, nhưng hiệu quả. Tha lỗi cho tôi vì cứ nói mãi đến những chi tiết tục tằn như thế: tôi cũng có quyền được kêu ca một chút chứ. Và rồi nếu các người không chịu được thì cứ việc dừng lại luôn ở đây đi. Tôi không phải là Hans Frank, tôi không ưa kiểu cách. Tôi muốn chính xác, trong chừng mực khả năng. Dù có những lệch lạc, và lệch lạc thì cũng nhiều, tôi vẫn thuộc vào số những người nghĩ rằng chỉ có vài thứ không

thể thiếu cho cuộc sống người là không khí, ăn, uống và bài tiết, và tìm chân lý. Mọi cái còn lại đều thứ yếu.

Cách đây một thời gian, vợ tôi mang về nhà một con mèo đen, hẳn là nghĩ sẽ làm tôi thích. Dĩ nhiên không hỏi ý kiến tôi. Bà ta sợ tôi sẽ từ chối thẳng thừng, chuyện đã rồi thì chắc cú hơn. Và một khi mèo đã ở đó thì còn làm gì được nữa, bọn cháu chắt sẽ khóc lóc, rồi thì đủ thứ chuyện. Thế nhưng con mèo đó khó chịu kinh khủng. Khi tôi định vuốt ve nó để tỏ ra mình có thiện ý, nó bèn nhảy tót lên ngồi trên bậu cửa sổ và chằm chằm đôi mắt màu vàng vào tôi; nếu tôi tìm cách ôm nó, nó sẽ cào tôi. Ngược lại, đến đêm nó leo lên nằm cuộn tròn trên ngực tôi, một đống ngạt thở, và trong giấc ngủ tôi mơ thấy mình đang bị một đống đá chẹn nghẹt thở. Kỷ niệm của tôi cũng gần tương tự vậy. Lần đầu tiên quyết định ghi lại chúng bằng ngôn từ, tôi xin nghỉ phép. Có khả năng đó là một sai lầm. Dù thế mọi việc đều có vẻ đúng hướng: tôi đã mua và đọc một số lượng lớn sách viết về đề tài này, để cải tạo ký ức, tôi đã dựng bảng công việc, lập ra các niên biểu chi tiết, rồi nhiều việc khác nữa. Nhưng với lần nghỉ phép đó đột nhiên tôi có thời gian và bắt đầu suy nghĩ. Thêm vào đó hồi ấy là mùa thu, một cơn mưa xám ngoét khó chịu lột trần cây cối, tôi chầm chậm chìm vào nỗi hoang mang. Tôi nhận ra suy nghĩ không phải là một việc hay ho.

Điều đó thì còn phải bàn. Đồng nghiệp luôn coi tôi là một người bình thản, chậm rãi, suy tính nhiều. Bình thản thì chắc rồi; nhưng rất thường xuyên trong ngày, óc tôi gầm lên, tiếng ồn đinh tai như một cái lò thiêu xác. Tôi nói, tôi thảo luận, tôi quyết định, giống như mọi người; nhưng ở quầy bar, trước cốc rượu, tôi cứ tưởng tượng có một người cầm súng săn sấp sửa bước vào nã đạn; ở rạp chiếu phim hoặc rạp hát, tôi nhìn thấy một quả lựu đạn đã rút chốt lăn dưới những hàng ghế; trên quảng trường, vào một ngày lễ, tôi nhìn thấy một chiếc xe lèn chặt thuốc nổ tung lên, cuộc vui buổi chiều biến thành cuộc tàn sát, máu chảy thành dòng trên hè phố, từng mảng da thịt dính vào tường hoặc bắn qua những ô cửa sổ hạ cánh xuống bát súp ngày Chủ nhật, tôi nghe

thấy những tiếng hét, tiếng rên rỉ của những người tay chân bị giật đứt giống như cẳng chân của một con côn trùng, nạn nhân của một thằng bé tò mò, sự bàng hoàng của những kẻ sống sót, một sự im lặng lạ lùng như thể ép chặt lên màng nhĩ, khởi đầu của cơn sợ kéo dài. Bình thản? Đúng, tôi bình thản, dù có chuyện gì xảy ra, tôi không để lộ cho ai thấy, lúc nào tôi cũng bình tĩnh, vô cảm, giống như các mặt tiền nhà câm lặng của những thành phố bị tàn phá, giống như những lão già nhỏ bé ngồi trên ghế băng công viên tay cầm can, ngực đeo huân chương, giống như gương mặt là là trên mặt nước của những kẻ chết đuối không bao giờ vớt lên được. Phá vỡ cái vẻ bình thản đáng sợ đó, tôi hoàn toàn không có khả năng, dù cho có muốn đi chăng nữa. Tôi không thuộc số những kẻ gây ra một vụ xì căng đan vì một lời thuận hoặc một lời chống, tôi biết cách kìm giữ bản thân. Tuy thế điều ấy cũng đè nặng lên tôi. Điều tồi tệ nhất lại không hẳn là những hình ảnh mà tôi vừa miêu tả; những huyễn tưởng giống như chúng thì tôi đã quá quen từ lâu rồi, hẳn là phải từ khi tôi còn nhỏ, dù thế nào đi nữa cũng phải rất lâu trước khi cả tôi cũng rơi vào trước mũi dao pha. Chiến tranh, theo nghĩa ấy, chỉ là một lời khẳng định, và tôi đã quen với những kịch bản nho nhỏ đó, tôi coi chúng như một lời bình luận xác đáng về tính phù phiếm của các sự vật. Không, cái khó nhọc, nặng nề là không làm gì khác ngoài suy nghĩ. Thử ngẫm mà xem: cả các người nữa, các người nghĩ đến những gì trong một ngày? Trên thực tế là rất ít thứ. Thiết lập một bảng phân loại hợp lý những ý nghĩ thường gặp ở các người là một việc quá dễ: những ý nghĩ mang tính thực tiễn hoặc cơ học, những kế hoạch hóa cử động và thời gian (chẳng hạn: đặt nước đun cà phê trước khi đánh răng, nhưng nướng bánh thì phải sau đó, vì chúng chín nhanh hơn); những lo âu về công việc; những lo lắng về tiền bạc; những vấn đề gia đình; mộng ảo xác thịt. Chi tiết thì thôi, tôi tha cho các người. Bữa tối, các người nhìn cái mặt đang già đi của vợ, kèm kích thích hàng dặm so với nhân tình của các người, nhưng theo lối khác lại tốt đẹp ở mọi khía cạnh, làm gì bây giờ, đời là vậy, thế là các người bèn nói đến cuộc bê bối gần

đây nhất ở bộ, mà còn chuyện gì khác để nói nữa? Thử dẹp những ý nghĩ đó đi, các người sẽ đồng ý với tôi, sẽ không còn gì nhiều nhận đâu. Dĩ nhiên là vẫn còn có những khoảnh khắc rất khác. Không hề được chờ đợi giữa hai đoạn quảng cáo bột giặt, một điệu tango trước chiến tranh, cứ cho là *Violetta* đi, và thế là lại vang lên trở lại những tiếng ì oạp ban đêm của sông, những ngọn đèn trong quán rượu, mùi mồ hôi dịu nhẹ trên da thịt một người đàn bà vui tươi; ở lối vào một công viên, khuôn mặt tươi cười của một đứa bé trả lại cho các người khuôn mặt thằng con trai hồi trước khi nó biết đi; trên phố, một tia nắng xuyên qua làn mây chiếu sáng những cái lá to, khối thân màu trắng nhạt của một cây tiêu huyền: và đột nhiên các người nghĩ đến tuổi thơ, đến cái sân trong giờ ra chơi ở ngôi trường nơi các người hay chơi trò đánh trận giả, hét toáng lên những tiếng kinh hoàng và hạnh phúc. Các người vừa có một ý nghĩ người. Nhưng cái đó hiếm.

Nhưng khi nghỉ không làm việc, ngừng các hoạt động tầm thường, sự sôi động của hàng ngày, để nghiêm túc lao thân vào một suy nghĩ, mọi chuyện sẽ khác ngay. Mọi thứ sẽ ào về, những đợt sóng nặng và đen. Đêm đến, các giấc mơ sẽ trật rời, giãng ra, nảy nở, và để lại trong đầu, khi tỉnh giấc, một lớp màng mỏng chua chát và ẩm ướt, và còn đọng lại rất lâu mới tan đi. Đừng nhầm lẫn: đó không phải là ý thức phạm tội hay cảm giác hối hận. Hẳn những cái đó cũng tồn tại, tôi không muốn chối, nhưng tôi nghĩ là mọi thứ phức tạp theo cách hoàn toàn khác. Ngay một kẻ chưa từng tham gia chiến tranh, không buộc phải giết người, cũng sẽ phải chịu đựng những gì tôi vừa nói. Luôn có những độc ác nho nhỏ, hèn nhát, dối trá, những trò ti tiện mà ai nấy đều mắc phải. Không đáng ngạc nhiên, vì con người nghĩ ra cả công việc, rượu, những cuộc chuyện gẫu tào lao. Không đáng ngạc nhiên khi truyền hình thành công đến mức ấy. Tóm lại, tôi nhanh chóng chấm dứt kỳ nghỉ tệ hại, như thế tốt hơn. Tôi có khối thời gian, để nguệch ngoạc mấy câu vào bữa trưa hoặc vào buổi tối sau khi các thư ký đã ra về.

Đợi chút, tôi ra ngoài nôn rồi sẽ trở lại ngay. Thêm một

trong số rất nhiều những đau khổ nho nhỏ của tôi: thỉnh thoảng, những bữa ăn đã nhai xong lại trào lên cổ họng, có khi còn ngay lập tức sau khi ăn, có khi sau đó, không lý do, cứ trào lên vậy thôi. Đó là một cái nạn lưu niên, có từ hồi chiến tranh, chính xác là bắt đầu vào khoảng mùa thu 1941, ở Ukraine, Kiev, hoặc có thể là Jitomir. Chắc rồi tôi cũng sẽ nói đến những chuyện đó. Dù thế nào đi nữa, đã từ lâu tôi quen thế này: tôi đánh răng, nuốt ực một cốc rượu, và tiếp tục việc đang làm dở. Giờ thì quay lại với những kỷ niệm của tôi. Tôi đã mua nhiều cuốn vở học sinh, khổ lớn nhưng kẻ carô nhỏ, mà tôi để trong ngăn bàn làm việc lúc nào cũng khóa. Trước, tôi viết bút chì lên những tờ phiếu bằng giấy bristol, cũng kẻ carô rất sít; giờ, tôi quyết định viết lại một mạch. Để làm gì thì tôi cũng không rõ. Chắc chắn không phải để làm gương cho con cháu tôi. Nếu vào ngay lúc này tôi đột ngột chết đi, một cơn đột quỵ, hoặc nghẽn mạch máu não, và các thư ký của tôi lấy chìa khóa mở ngăn kéo này, họ sẽ bị sốc, những cô thư ký khốn khổ, và vợ tôi cũng thế: những mảnh phiếu bristol đã là đủ cho việc đó lắm rồi. Phải nhanh chóng đốt hết những cái đó để ngăn ngừa xì căng đan. Còn với tôi thì nước non gì, khi đó tôi chết rồi còn đâu. Và xét cho cùng, ngay cả khi tôi nói với các người, thì đâu có phải vì các người mà tôi viết.

Văn phòng của tôi là một nơi dễ chịu để viết, rộng, giản dị, yên tĩnh. Những bức tường trắng, gần như không có trang trí, tủ kính để các mẫu hàng; và ở cuối phòng là một cửa kính lớn nhìn xuống xưởng máy từ rất cao. Dù cửa lắp kính hai lớp, tiếng lách tách không ngừng của những cỗ máy dệt Leavers vẫn tràn ngập căn phòng. Khi muốn suy nghĩ, tôi rời khỏi bàn làm việc đến đứng trước cửa kính, ngắm nhìn đống máy sắp hàng thẳng tắp dưới chân, những động tác chắc chắn và chính xác của thợ dệt; tôi thấy như thể đang được đưa nôi. Đôi khi, tôi xuống lang thang giữa đám máy. Phòng u tối, các cửa kính bám bụi sơn màu xanh, vì đăngten là thứ đồ mỏng manh, nó sợ ánh sáng, và cái ánh sáng xanh nhạt đó làm tâm trí tôi được yên ổn. Tôi thích miên man suy nghĩ một chút trong tiếng máy đơn điệu theo nhịp lệch đang ngự

trị không gian, tiếng đập của kim loại theo nhịp hai đầy ám ảnh đó. Những cỗ máy dệt lúc nào cũng làm tôi ấn tượng. Chúng được đúc bằng gang, sơn màu xanh lá cây, và mỗi cái nặng mười tấn. Một số đã rất cũ, người ta không còn sản xuất chúng từ rất lâu rồi; tôi phải đặt làm các bộ phận máy thay thế; sau chiến tranh, chúng ta đã chuyển từ hơi nước sang điện, nhưng vẫn chưa chạm vào bản thân những chiếc máy. Tôi không lại gần chúng, vì sợ dây bẩn vào người: từng ấy bộ phận suốt ngày chạy đi chạy lại đó cần được liên tục bôi trơn, mà dầu mỡ thì rõ ràng là làm hại đăngten, vì thế phải dùng than chì, thứ than chì tán nhỏ mà thợ dệt rắc lên các bộ phận đang chuyển động nhờ một cái tất, giống như một cái lư hương. Từ đó đi ra đăngten có màu đen, và nó phủ lên tường, lên sàn nhà, những cỗ máy, và những người trông coi máy. Ngay cả khi không thường xuyên chạm tay vào đó, tôi vẫn biết rõ những cỗ máy to lớn này. Những cỗ máy dệt vải tuyn Anh đầu tiên, bí mật được bo bo giấu kín, đã được đưa lậu vào Pháp sau các cuộc chiến tranh của Napoléon, tác giả là những công nhân trốn thuế quan; một người Lyon tên là Jacquard đã biến đổi cấu tạo máy để sản xuất đăngten, bằng cách lắp thêm một loạt bìa cactông đục lỗ để định hình mẫu cắt. Những cái cuộn phía dưới cung cấp chỉ cho máy; ở giữa cỗ máy là năm nghìn bôbin, *lõi*, chặt cứng trong một giá đỡ; rồi một *catch-bar* (trong tiếng Pháp chúng tôi vẫn giữ nguyên thuật ngữ tiếng Anh) giữ và đưa cái giá này chuyển động từ trước ra sau, với một tiếng tặc tặc vang dội đầy mê hoặc. Những sợi chỉ, được dẫn đi theo chiều ngang, bởi các *comb* bằng đồng gắn trên chỉ, theo một vũ đạo phức tạp mã hóa bởi năm hay sáu trăm bìa cactông Jacquard, dệt thành những cái nút; một *cần mảnh hình cổ thiên nga* nhấc cái lược lên; cuối cùng là xuất hiện đăngten, mỏng nhẹ như mạng nhện, chảy ra dưới lớp than chì, và chầm chậm cuốn quanh một cái trục gắn trên đỉnh máy Laevers.

Công việc ở nhà máy đòi hỏi phân biệt giới tính cao độ: đàn ông tạo mẫu, đục bìa cactông, dựng dây chuyền, trông coi máy dệt và quản lý những thứ tương tự; vợ và con gái của họ, ngày

nay vẫn vậy, vẫn là những người quay tơ, tẩy than chì, khâu vá, thảo tơ sợi và gấp vải. Truyền thống có sức mạnh lớn. Ở đây, những người thợ dệt tạo thành cái gì đó tương tự một giai cấp quý tộc vô sản. Thời gian học nghề dài dặc, công việc thì khó khăn; trong thế kỷ vừa qua, thợ dệt Calais đi làm bằng xe ngựa và đội mũ cao thành, xưng hô cậu tớ với ông chủ. Thời thế đã thay đổi. Dù vẫn có vài máy dệt được dùng để làm việc cho Đức, chiến tranh đã làm ngành này lụn bại. Phải bắt đầu lại tất cả từ con số không; ngày nay, ở miền Bắc, chỉ còn lại khoảng ba trăm máy dệt, trước chiến tranh con số đó là bốn nghìn. Tuy nhiên, vào giai đoạn phục hồi kinh tế, thợ dệt còn mua được ôtô trước giới tư sản. Nhưng công nhân của tôi không xưng hô cậu tớ với tôi. Tôi không nghĩ công nhân của tôi yêu quý tôi. Có hề gì đâu, tôi không thuê họ yêu tôi. Và rồi tôi cũng đâu có yêu quý họ. Chúng tôi làm việc chung với nhau, có thế thôi. Khi một người làm công cẩn thận và chăm chú, đăngten từ máy của anh ta làm ra không cần mạng lại nhiều, đến cuối năm tôi thưởng cho anh ta một khoản; còn ai đi làm muộn, hoặc say rượu, thì tôi phạt. Trên cơ sở đó, chúng tôi tiến hành công việc một cách ăn ý.

Có thể các người đang tự hỏi làm thế nào mà tôi lại rơi vào cái nghề làm đăngten này. Thật ra tôi không hề có chút thiên hướng thương mại nào. Tôi học luật và kinh tế chính trị, tôi là tiến sĩ luật, ở Đức cụm từ *Dr. jur.* về mặt luật pháp cũng thuộc vào tên tôi. Nhưng rõ ràng là hoàn cảnh sau 1945 đã có phần ngăn cản mảnh bằng của tôi phát huy tác dụng. Nếu thực tình các người muốn biết tất cả, thì tôi cũng không hề có thiên hướng luật: khi còn trẻ, tôi chỉ muốn nghiên cứu văn chương và triết học. Nhưng người ta đã ngăn cản tôi; lại thêm một đoạn buồn bã trong cuốn *tiểu thuyết gia đình* của tôi, có thể tôi sẽ còn quay lại việc này. Tuy thế tôi phải công nhận rằng để làm đăngten, luật giúp ích được nhiều hơn so với văn chương. Mọi chuyện đã xảy ra gần giống như tôi kể sau đây. Khi tất cả cuối cùng cũng kết thúc, tôi đến được Pháp, tìm cách tự biến mình thành một người Pháp; cũng không khó khăn lắm, nếu nhìn vào sự hỗn loạn của thời đó,

THƯ VIỆN KHOA HỌC TỔNG HỢP
MM 20783
ML 5523 / 2008

tôi đã trở về cùng những người bị đi trại tập trung, người ta không đặt quá nhiều câu hỏi. Phải, tôi nói tiếng Pháp rất chuẩn; nguyên do nằm ở chỗ mẹ tôi là người Pháp; hồi nhỏ tôi sống mười năm ở Pháp, tôi đã học tiểu học, trung học, dự bị, thậm chí cả hai năm đại học, ở ELSP, và vì lớn lên ở miền Nam, thậm chí tôi còn có thể nói được một thứ tiếng Pháp giọng Nam, dù thế nào đi nữa thì cũng không ai chú ý đến tôi, hồi đó rất lộn xộn, người ta đón tiếp tôi ở Orsay, cho tôi ăn một bát xúp, kèm vài câu chửi bới, cũng cần nói thêm là tôi không hề định giả làm một người từ trại tập trung về, mà giả làm một người lao động thuộc STO, cái đó thì bọn họ, những kẻ theo phái de Gaulle, không khoái mấy, thế là bọn họ mắng mỏ tôi một chút, những người khác cũng chịu chung số phận, rồi họ thả chúng tôi ra, không có *Lutetia* nào cho chúng tôi, nhưng có tự do. Tôi không ở lại Paris, ở đó tôi quen quá nhiều người, lại toàn những người không nên quen, thế là tôi đi tỉnh, tôi sống bằng mấy thứ nghề vặt vãnh, nay đây mai đó. Và rồi mọi chuyện cũng dần êm trở lại. Họ nhanh chóng thôi không xử bắn người ta, thậm chí còn chẳng nhọc công bỏ tù ai nữa. Thế là tôi bắt đầu tìm kiếm và tìm lại được một người quen. Ông ta đã xoay xở rất giỏi, xuôi chèo mát mái chuyển từ chế độ này sang chế độ kia; là người nhìn xa trông rộng, ông tìm mọi cách không để lộ những gì đã làm cho chúng tôi. Thoạt tiên, ông không muốn tiếp tôi, nhưng khi cuối cùng hiểu ra tôi là ai, ông thấy rõ mình không còn lựa chọn nào khác. Tôi không thể nói rằng đó là một cuộc nói chuyện vui vẻ: ở đó ngự trị một không khí nặng nề và gò bó rõ nét. Nhưng ông hiểu rõ rằng chúng tôi có những lợi ích chung: tôi, tìm được một chỗ làm, và ông, giữ được chỗ của mình. Ông ta có một người em họ sống ở miền Bắc, cựu nhân viên môi giới, đang tìm cách thành lập một xí nghiệp nhỏ với ba chiếc máy Laevers lấy lại từ một bà góa phá sản. Người em họ này thuê tôi, tôi phải đi khắp nơi, đi rao hàng để bán đồ đăngten. Thứ công việc đó làm tôi bực mình vô cùng; cuối cùng tôi thuyết phục được ông ta rằng tôi sẽ có ích hơn trong công việc tổ chức. Quả thực là tôi có kinh nghiệm tốt trong lĩnh vực này, dù cho không còn có

thế giờ cái bằng tiến sĩ ra để làm chứng nữa. Xí nghiệp lớn dần lên, nhất là từ những năm 50, khi tôi nối lại được các quan hệ ở Cộng hòa Liên bang Đức và mở được thị trường này cho xí nghiệp. Tôi có thể dễ dàng quay trở lại Đức: rất đông đồng nghiệp cũ của tôi vẫn sống yên ổn ở đó, một số đã chịu xong một bản án nhỏ, những người khác thậm chí còn không bị sờ tới. Với học vấn của mình, tôi hoàn toàn có thể lấy lại tên, khôi phục tấm bằng tiến sĩ, đòi tiền trợ cấp dành cho cựu chiến binh và thương binh hạng nhẹ, sẽ không ai quan tâm. Tôi có thể nhanh chóng kiếm được việc làm. Nhưng, tôi tự nhủ, thế thì được gì? Sâu xa, tôi không thích thú ngành luật bằng ngành thương mại, và rồi tôi đã bắt đầu thấy thích đăngten, tạo tác đẹp mê hồn và hài hòa của con người. Khi đã mua xong đủ số lượng máy dệt, ông chủ của tôi quyết định mở một nhà máy thứ hai và giao cho tôi phụ trách. Kể từ đó tôi giữ chức vụ này, trong khi chờ đợi về hưu. Trong khoảng thời gian đó, tôi cưới vợ, quả là cũng không thích thú gì lắm, nhưng ở đây, ở miền Bắc, chuyện này khá cần thiết, một cách để củng cố những gì tôi đã có. Tôi đã chọn bà ta từ một gia đình khá giả, tương đối đẹp, một người đàn bà không có gì để chê, và ngay lập tức sinh cùng bà ta một đứa con, để bắt bà ta có việc mà lo. Thật không may là bà ta sinh hai đứa một lúc, mà trong gia đình, tôi muốn nói là gia đình tôi, một thằng nhóc đã là đủ lắm rồi. Ông chủ ứng trước tiền cho tôi, tôi mua một ngôi nhà tiện nghi, không xa biển lắm. Đó là cách tôi rơi tõm vào giai cấp tư sản. Dù sao đi nữa như thế thì cũng tốt hơn. Sau tất cả những gì đã xảy ra, tôi cần nhất là yên tĩnh và trật tự. Những giấc mơ hồi trẻ đã bị dòng đời riêng của tôi bẻ gãy sống lưng, và những nỗi sợ hãi từng phải chịu đựng từ ria bên này sang ria bên kia của châu Âu thuộc Đức, dần tiêu tan. Tôi ra khỏi chiến tranh với tư cách một con người trống rỗng, chỉ có trong mình niềm cay đắng và một nỗi xấu hổ dài dặc, giống như thứ cát nghiến lạo xạo trong hàm răng. Vì thế, một cuộc sống theo đúng mọi quy ước xã hội thích hợp với tôi: một cái vỏ tiện nghi, ngay cả khi tôi thường xuyên quan sát nó với vẻ mỉa mai, thậm chí có lúc còn căm ghét.

Cứ theo nhịp điệu ấy, tôi hy vọng một ngày nào đó sẽ đạt đến trạng thái được hồng ân của Jérôme Nadal, *đến chỗ không thiên về cái gì, nếu không phải là không thiên về cái gì*. Tôi trở nên sách vở mất rồi; đó là một trong những điểm yếu của tôi. Về sự thánh thiện thì than ôi, tôi vẫn chưa thoát hẳn được khỏi những nhu cầu của mình. Vợ tôi, thỉnh thoảng tôi vẫn còn chiếu cố đến bà ta, một cách chu đáo, không mấy thích thú nhưng cũng không đến nỗi đặc biệt kinh tởm, với mục đích đảm bảo yên ổn cho cuộc sống gia đình. Và, lâu lâu, vào những chuyến đi công vụ, tôi chịu khó nối lại với những thói quen cũ; nhưng gần như tất cả chỉ còn là vấn đề vệ sinh mà thôi. Tất cả những cái đó không còn hấp dẫn tôi nhiều nữa. Cơ thể một thằng bé xinh đẹp, một bức tượng của Michel-Ange, cũng vậy: tôi không còn hụt hơi vì thở dốc nữa. Giống như sau một cơn bệnh kéo dài, khi đồ ăn đi vào miệng không một chút mùi vị; khi đó ăn thịt bò hay thịt gà thì có quan trọng gì nữa? Phải ăn lấy sức, có thế thôi. Nói đúng ra thì chẳng còn mấy điều khiến tôi quan tâm nữa. Văn chương, cũng có thể, và ngay cả ở đây, tôi không chắc là không phải chỉ vì tôi đã có thói quen. Có thể vì lẽ đó mà tôi viết những kỷ niệm này: để tự kích thích, xem liệu tôi còn có thể cảm thấy điều gì nữa không, liệu tôi còn biết đau khổ chút nào không. Một thứ bài tập kỳ quái.

Tuy vậy, tôi phải biết rất rõ đau khổ chứ. Mọi người châu Âu thuộc thế hệ của tôi đều phải trải qua cái đó, nhưng tôi có thể nói không chút khiêm tốn giả hiệu nào, rằng tôi đã chứng kiến nhiều hơn phần lớn họ. Và rồi người ta quên đi rất nhanh, tôi nhìn thấy điều đó hàng ngày. Ngay cả những người từng ở đó cũng chỉ dùng đến, khi nói về những điều ấy, những ý nghĩ và câu văn có sẵn. Chỉ cần nhìn vào thứ thơ ca rên rỉ của các tác giả Đức viết về những trận đánh ở mặt trận phía Đông: một thứ chủ nghĩa tình cảm thối rữa, một thứ ngôn ngữ chết, xấu xí. Chẳng hạn như văn chương của Herr Paul Carrell, một tác giả thành công những năm vừa rồi. Hóa ra tôi từng biết Herr Carrell đó, ở Hungari, vào thời ông ta còn có tên Paul Carl Schmidt và viết, dưới sự chỉ đạo của bộ trưởng của ông ta, von Ribbentrop, những gì ông ta thực sự

nghĩ, bằng một thứ văn xuôi mạnh mẽ với một hiệu ứng đẹp nhất: *Vấn đề Do Thái không phải là một vấn đề nhân loại, đó không phải là một vấn đề tôn giáo; nó chỉ duy nhất là một vấn đề vệ sinh chính trị.* Giờ đây, Herr Carrell-Schmidt đáng kính đã thực hiện một chiến công to tát khi xuất bản được bốn tập sách nhạt nhẽo về cuộc chiến tranh ở Liên Xô, không một lần nào nhắc đến từ Do Thái. Tôi biết mà, tôi đọc chúng rồi: chán lắm, nhưng tôi vốn cứng đầu. Các tác giả Pháp của chúng ta, những Mabire và những người khác cùng thể loại, không khá gì hơn. Về phần những người cộng sản, cũng tương tự luôn, chỉ có điều là họ đứng ở cực đối lập. Đi đâu mất rồi những người từng hát *Hỡi những đứa trẻ, hãy mài dao trên vỉa hè đường?* Họ im lặng, hoặc họ đã chết. Người ta chuyện gẫu, người ta làm duyên làm dáng, người ta lội bì bõm trong một đám nhạt toẹt ngập tràn những từ *vinh quang, danh dự, chủ nghĩa anh hùng*, thật đáng ngán, chứ không ai nói gì cả. Có thể là tôi không công bằng, nhưng tôi dám hy vọng rằng các người sẽ hiểu tôi. Truyền hình quẳng lên đầu chúng ta cả đống số liệu, những con số ấn tượng, rất nhiều số không; nhưng ai trong số các người đôi khi dừng lại để thực sự nghĩ đến những con số đó? Ai trong số các người có lúc đã thử tính tất cả những người mình quen biết hoặc từng quen biết trong đời, và so sánh con số nực cười đó với những con số nghe được trên truyền hình, những con số ấn tượng như *sáu triệu*, hoặc *hai mươi triệu*. Làm toán đi. Toán học có lợi lắm, nó cung cấp triển vọng, cải tạo trí tuệ. Đó là một thứ bài tập đôi khi hết sức hữu ích. Thứ kiên nhẫn một chút và dành cho tôi một chút chú ý đi nào. Tôi sẽ chỉ chú trọng vào hai sân khấu nơi tôi đã có thể đóng được một vai, dù vô cùng nhỏ bé: cuộc chiến tranh chống Liên Xô, và chương trình diệt trừ mang cái tên chính thức trong các tài liệu của chúng tôi là "Giải pháp cuối cùng về vấn đề Do Thái," *Endlösung der Judenfrage*, một cách để trích lại cái uyển ngữ đẹp đẽ đó. Về phần các mặt trận phía Tây, dù thế nào đi nữa, tổn thất tương đối không lớn. Những con số khởi đầu của tôi hơi mang tính võ đoán: tôi không có lựa chọn, chẳng ai đồng ý với ai hết.

Về tổng số tổn thất bên phía Liên Xô, tôi sẽ sử dụng lại con số truyền thống, được Khrouchtchev đưa ra vào năm 1956, tức là hai mươi triệu, nhưng cũng phải nói rằng Reitlinger, một tác giả người Anh có tiếng, chỉ ước tính có mười hai triệu, và Erickson, một tác giả Scotland cũng có tiếng không kém, nếu không nói là hơn, tính rằng con số tối thiểu là hai mươi sáu triệu; vậy là con số chính thức của Liên Xô nằm ở ngay gần điểm chính giữa, sai số khoảng một triệu. Về phần tổn thất của Đức – chỉ tính ở mặt trận Liên Xô – chúng ta có thể dựa trên con số còn chính thức hơn và mang độ chính xác theo kiểu Đức, tổn thất 6 172 373 lính ở mặt trận phía Đông từ 22 tháng Sáu 1941 đến 31 tháng Ba 1945, con số được đưa ra trong một báo cáo nội bộ của OKH (bộ tổng chỉ huy quân đội) được tìm thấy sau chiến tranh, nhưng đó là bao gồm cả người chết (hơn một triệu), người bị thương (gần bốn triệu) và người mất tích (nghĩa là người chết và tù binh cộng với tù binh chết, khoảng 1 288 000 người). Nói ngắn gọn là hai triệu người chết, thương binh không liên quan gì đến chúng ta ở đây, cộng thêm một cách đại khái hơn năm mươi nghìn người thiệt mạng từ mồng 1 tháng Tư đến mồng 8 tháng Năm 1945, chủ yếu ở Berlin, và còn phải tính thêm, theo ước tính, một triệu dân thường chết trong lần tấn công ở phía Đông Đức và những di chuyển dân cư sau đó, hay, tổng cộng, cứ cho là ba triệu người. Về phần Do Thái, chúng ta có lựa chọn: con số được thừa nhận rộng rãi, dù ít người biết từ đâu ra, là sáu triệu (ở Nürnberg Höttl khai Eichmann từng nói với ông ta điều đó; nhưng Wisliceny thì lại khẳng định Eichmann nói cho các đồng nghiệp của mình con số năm triệu; và chính Eichmann, khi người Do Thái cuối cùng cũng đặt được câu hỏi cho đích thân ông ta, đã nói giữa năm và sáu triệu, nhưng hẳn là năm). Tiến sĩ Korherr, người thực hiện công việc thống kê cho Reichsführer-SS Heinrich Himmler, có được con số gần hai triệu vào ngày 31 tháng Chạp 1942, nhưng công nhận, khi tôi có dịp nói chuyện với ông ta vào năm 1943, rằng những con số được sử dụng để tính toán không đáng tin cậy cho lắm. Sau nữa, giáo sư Hilberg vô cùng khả kính, chuyên gia về vấn đề và không bao giờ

bị nghi ngờ thiên vị, ít nhất cũng không vị Đức, sau một phần trình bày chặt chẽ dài mười chín trang giấy, đi đến con số 5 100 000, khá tương hợp với ý kiến của Obersturmbannführer Eichmann quá cố. Cho nên cứ theo số liệu của giáo sư Hilberg, chúng ta sẽ có bảng sau:

Số tử vong của Liên Xô.....	20 triệu
Số tử vong của Đức.....	3 triệu
Tổng số tử vong (mặt trận phía Đông)	23 triệu
Endlösung.....	5,1 triệu
Tổng toàn bộ.....	26,6 triệu, biết rằng 1,5 triệu Do Thái đã được tính vào số tử vong của Liên Xô ("Công dân Liên Xô bị giết bởi quân xâm lược Đức phát xít" như đã được viết một cách vô cùng kín đáo trên bức tượng tuyệt đẹp ở Kiev).

Giờ thì làm toán. Xung đột với Liên Xô kéo dài từ 22 tháng Sáu 1941 vào ba giờ sáng cho đến, một cách chính thức, mồng 8 tháng Năm 1945 vào lúc 23h 01, nghĩa là ba năm, mười tháng, mười sáu ngày, hai mươi giờ và một phút, hoặc nếu làm tròn, 46,5 tháng, 202,42 tuần, 1 417 ngày, 34 004 giờ, hoặc 2 040 241 phút (tính cả cái phút lẻ). Về chương trình mang tên "Giải pháp cuối cùng", chúng ta lấy lại cùng những ngày tháng đó. Trước, chưa có gì được quyết định hay được hệ thống hóa, Do Thái chết vì không may. Bây giờ thử làm một trò chơi con số với hai bên: với người Đức, như vậy là mỗi tháng có 64 516 người chết, mỗi tuần 14 821 người chết, mỗi ngày 2 117 người chết, mỗi giờ 88 người chết, và mỗi phút 1,47 người chết, đó là trung bình mỗi phút mỗi

giờ mỗi ngày mỗi tuần mỗi tháng trong vòng ba năm, mười tháng, mười sáu ngày, hai mươi giờ và một phút. Với Do Thái, tính luôn cả Do Thái Liên Xô, chúng ta có khoảng 109 677 cái chết cho mỗi tháng hoặc 25 195 cái chết mỗi tuần hoặc 3 599 cái chết mỗi ngày hoặc 150 cái chết mỗi giờ hoặc 2,5 cái chết mỗi phút, trong *cùng* một khoảng thời gian. Cuối cùng, về phía Liên Xô, chúng ta có khoảng 430 108 cái chết mỗi tháng, 98 804 cái chết mỗi tuần, 14 114 cái chết mỗi ngày, 588 cái chết mỗi giờ, hoặc 9,8 cái chết mỗi phút, *cùng* thời gian. Tức là tính tổng sẽ có 572 043 cái chết mỗi tháng, 131 410 cái chết mỗi tuần, 18 772 cái chết mỗi ngày, 782 cái chết mỗi giờ, và 13,04 cái chết mỗi phút, tất cả các phút của tất cả các giờ của tất cả các ngày của tất cả các tuần của tất cả các tháng của mỗi năm trong khoảng thời gian cho trước, để nhắc lại, ba năm, mười tháng, mười sáu ngày, hai mươi giờ và một phút. Những kẻ từng chế nhạo cái phút lẻ ra, quả là cũng hơi có phần thông thái rởm, chỉ cần biết rằng cuối cùng có đến 13,04 cái chết, trung bình một phút, và chỉ cần tưởng tượng mười ba người quen biết của hắn ta bị giết trong vòng một phút, nếu hắn ta có khả năng tưởng tượng chuyện đó. Cũng có thể thực hiện một phép tính khác để chỉ ra khoảng cách thời gian giữa mỗi cái chết: chúng ta sẽ có được trung bình cứ 40,8 giây một người Đức chết, cứ 24 giây một Do Thái chết, và cứ 6,12 giây một Bônsêvích (tính cả Do Thái Liên Xô vào rồi), và tổng số cứ 4,6 giây có một cái chết, trong khoảng thời gian đã nói ở trên. Bây giờ các ngươi, từ những con số đó, thậm chí còn có thể thực hiện những bài tập tưởng tượng mang tính cụ thể khác. Chẳng hạn lấy một cái đồng hồ đeo tay ra và đếm một người chết, hai người chết, ba người chết, cứ thế, cứ 4,6 giây một lần (hoặc cứ 6,12 giây, hoặc cứ 24 giây, hoặc cứ 40,8 giây, nếu các ngươi thích một con số nào đó), và cố tưởng tượng rằng họ đang đứng đó trước mặt các ngươi, xếp hàng dọc, những một, hai, ba người chết đó. Các ngươi sẽ thấy rằng đó là một bài tập suy tư rất tốt. Hoặc là lấy một thảm họa khác, gần đây hơn, một thảm họa làm các ngươi cảm kích, và so sánh. Chẳng hạn, nếu là người Pháp, các ngươi hãy thử xem lại

cuộc phiêu lưu Algérie nho nhỏ của các người, cuộc phiêu lưu từng làm đồng bào các người bị chấn động đến thế. Các người mất ở đó 25 000 người trong vòng bảy năm, tính gộp cả các tai nạn: tương đương với số lượng người chết trong một ngày và mười ba giờ ở mặt trận phía Đông; hoặc số lượng Do Thái chết trong bảy ngày. Dĩ nhiên tôi sẽ không tính toán số lượng người Algérie chết: vì các người không bao giờ đả động gì đến chuyện đó, trong sách và các chương trình truyền hình của các người, hẳn là nó đâu có ý nghĩa gì lớn với các người. Tuy vậy mỗi người chết trong số các người đã giết mười người khác, nỗ lực đáng kính nể dù có phải so sánh với nỗ lực của chúng tôi. Tôi dừng lại ở đây, người ta có thể tiếp tục rất lâu; tôi mới các người cứ làm tiếp một mình, cho đến khi mặt đất hằng đi dưới chân các người. Còn tôi thì cần gì: từ rất lâu rồi, ý nghĩ về cái chết đã *gần gũi với tôi hơn cả tĩnh mạch cổ*, nói theo câu văn tuyệt đẹp của kinh Coran. Nếu có khi nào các người làm tôi khóc được, nước mắt tôi sẽ như axit bắn lên mặt các người.

Kết luận của tất cả những thứ đó, nếu các người cho phép tôi dùng một trích dẫn, trích dẫn cuối cùng, tôi hứa với các người, sẽ là, như Sophocle từng nói rất hay: *Điều mà ngươi phải thích hơn tất cả, là không được sinh ra.* Mặt khác Schopenhauer cũng viết gần như tương tự: *Sẽ tốt hơn nếu không có gì cả. Vì trên cõi đời này khổ đau nhiều hơn sung sướng, mọi niềm vui chỉ là tạm bợ, những ham muốn mới và những khốn quẫn mới sẽ được sinh ra, và sự kinh hoàng của con thú bị ăn thịt lớn hơn khoái cảm của con thú ăn thịt nó.* Vâng, tôi biết, hai trích dẫn liền, nhưng cùng một ý thôi: trên thực tế, chúng ta sống trong cái thế giới tệ hại nhất có thể có. Tất nhiên, chiến tranh kết thúc rồi. Và rồi người ta cũng đã rút ra được bài học, nó sẽ không quay trở lại nữa. Nhưng các người có chắc là người ta đã rút được bài học không? Các người có tin rằng nó sẽ không quay trở lại không? Các người có tin rằng chiến tranh đã kết thúc không? Theo một cách nào đó, chiến tranh không bao giờ kết thúc, hoặc là nó chỉ kết thúc khi đứa trẻ cuối cùng sinh ra vào ngày cuối cùng của những trận

chiến được chôn xuống đất, lành lặn vô sự, và ngay cả khi đó nó vẫn sẽ tiếp tục, trong những đứa con rồi trong những đứa con của những đứa con, cho đến khi cuối cùng cái di sản được truyền lại đó cũng bị phát tán đi một chút, các kỷ niệm tơi tả hết ra và nỗi đau giảm xuống, ngay cả khi vào thời điểm đó mọi người đều đã quên từ đời tám hoánh, và tất cả những cái đó từ rất lâu đã được xếp vào hàng những câu chuyện cũ, thậm chí còn không xứng tầm để được mang ra dọa trẻ con, và nhất là lũ con những người đã chết và những người những muốn như thế, tôi muốn nói là muốn chết.

Tôi đoán ra ý nghĩ của các người rồi: Đây là một thằng cha thậm ác, các người tự nhủ, một kẻ xấu, tóm lại, một thằng khốn nạn ở mọi khía cạnh, lẽ ra phải rũ xương trong tù chứ không phải ở đây mà nhồi nhét cho chúng ta thứ triết lý rồi tung của một thằng cựu phát xít mới hối cải một phần. Về chủ nghĩa phát xít, đừng có nhầm lẫn mọi thứ với nhau, và về vấn đề trách nhiệm hình sự của tôi, đừng vội xét đoán, tôi còn chưa kể câu chuyện của tôi đâu; còn về trách nhiệm luân lý, cho phép tôi có vài nhận xét. Các nhà triết học chính trị vẫn thường cho rằng vào thời chiến tranh, người công dân, ít nhất là công dân nam, mất đi một trong những quyền cơ bản nhất của mình, quyền được sống, và đã như vậy kể từ Cách mạng Pháp và kể từ việc phát minh ra trò nghĩa vụ quân sự theo lứa tuổi, nguyên lý giờ đây đã được chấp nhận ở khắp nơi hoặc gần như vậy. Nhưng hiếm khi họ nhận ra rằng người công dân đó cùng lúc cũng mất đi một quyền khác nữa, cũng vô cùng cơ bản và với anh ta, quyền đó có thể còn mang tính thiết yếu hơn, thuộc vào những gì anh ta nghĩ về bản thân mình với tư cách người văn minh: quyền được không giết người. Không ai hỏi ý kiến của các người đâu nhé. Người đứng ở trên miệng cái hố chôn người tập thể, trong phần lớn các trường hợp, không đòi được ở đó nhiều hơn là người đang nằm, đã chết hoặc đang chết, dưới đáy cái hố kia. Các người sẽ phản đối tôi, nói rằng hạ sát một tay lính chiến trong một trận đánh khác hẳn với giết một người thường dân tay không vũ khí; luật lệ của chiến tranh cho phép

điều này, còn điều kia thì không; luân lý chung cũng vậy. Đó là một lập luận tốt trong trừu tượng, chắc chắn rồi, nhưng nó tuyệt nhiên không tính đến những điều kiện của xung đột đang nói đến. Việc phân biệt hoàn toàn vô đoán sau chiến tranh giữa một bên là "các chiến dịch quân sự", tương đương với các chiến dịch của mọi cuộc xung đột khác, và bên kia là "những điều tàn bạo", được dẫn dắt bởi một thiểu số những kẻ mê khoái tàn ác và lũ loạn óc, phân biệt đó, như tôi hy vọng chỉ ra được, là một trò vè mang tính an ủi ve vãn của những kẻ thắng trận – những kẻ thắng trận phương Tây, tôi phải nói rõ, còn người Xô viết, mặc cho trò tu từ học của những kẻ kia, luôn hiểu được rõ sự tình: Stalin, sau tháng Năm 1945, và sau khi đã thực hiện xong những trò mị dân đầu tiên, chế nhạo đến thảm hại một thứ "công lý" ảo tưởng, ông ta muốn cái cứng rắn, cái cụ thể, nô lệ và trang thiết bị để chấn hưng và tái thiết, chứ không phải những lời than thở và ăn năn, bởi ông ta biết rõ ngang với chúng tôi rằng người chết không nghe thấy tiếng khóc hờ nữa, và những lời ăn năn không bao giờ mang được gạo bỏ vào bát. Tôi không biện hộ theo *Befehlsnotstand*, mệnh lệnh bất thế, trò rất được các luật sư Đức giỏi giang của chúng ta ưa thích. Những gì tôi đã làm, tôi đều đã làm với nhận thức đầy đủ về nguồn cơn, nghĩ rằng có cả những gì thuộc về bổn phận và cả những gì cần phải được làm, dù cho có khó chịu và bất hạnh đến đâu. Chiến tranh tổng lực còn có nghĩa này nữa: dân sự không còn tồn tại, và giữa đứa trẻ con Do Thái bị ngạt khí độc hoặc bị bắn chết và đứa trẻ con Đức chết dưới những trận bom cháy, chỉ có khác biệt về phương tiện; hai cái chết đó cũng vô ích như nhau, không cái chết nào làm chiến tranh ngắn lại dù chỉ một giây; nhưng trong hai trường hợp, kẻ hoặc những kẻ đã giết chúng tin rằng việc đó là đúng và cần thiết; nếu họ nhầm lẫn, thì phải trách cứ ai đây? Điều tôi nói cũng đúng ngay cả khi người ta phân biệt một cách hời hợt cái mà luật sư Do Thái Lempkin gọi là diệt chủng với chiến tranh, vì rõ ràng là ít nhất trong thế kỷ của chúng ta, không bao giờ có diệt chủng mà không có chiến tranh, diệt chủng không tồn tại ở đâu ngoài chiến

tranh, và giống như chiến tranh, nó cũng là một hiện tượng tập thể: diệt chủng hiện đại là một tiến trình buộc đám đông phải gánh chịu, do đám đông, vì đám đông. Trong trường hợp chúng ta đang nói, đó cũng là một tiến trình bị chia nhỏ bởi những đòi hỏi về phương pháp công nghiệp. Tất cả giống như, theo Marx, người công nhân bị tha hóa trong quan hệ với sản phẩm của anh ta, trong diệt chủng hoặc chiến tranh tổng lực dưới hình thức hiện đại của nó, kẻ tiến hành diệt chủng bị tha hóa trong quan hệ với sản phẩm hành động của anh ta. Điều đó cũng đúng trong trường hợp một kẻ kề miệng súng vào đầu một kẻ khác và bóp cò. Vì nạn nhân đã được mang đến đó bởi những người khác, cái chết của anh ta được quyết định bởi những người khác nữa, và kẻ bắn cũng biết mình chỉ là mắt xích cuối cùng của một chuỗi mắt xích rất dài, và không việc gì phải tự đặt cho mình nhiều câu hỏi hơn thành viên một đội hành quyết xử tử một kẻ bị luật pháp kết án một cách hợp lệ trong thời bình. Kẻ bắn biết rằng mình bắn người vì một sự tình cờ, rằng cũng vì tình cờ mà người bạn đồng ngũ của anh ta canh gác, và người thứ ba lái xe cam nhông. Cùng lắm thì anh ta sẽ chỉ có thể tìm cách đổi chỗ cho người gác hoặc người lái xe. Một ví dụ khác, rút ra từ kho văn học lịch sử phong phú, chứ không phải từ kinh nghiệm cá nhân tôi: ví dụ về chương trình tận diệt người Đức bị tàn tật nặng và người mắc chứng thần kinh, gọi là chương trình "Euthanasie" hoặc "T-4", được bắt đầu thực hiện hai năm trước chương trình "Giải pháp cuối cùng". Ở đây, người bệnh, chọn lọc theo khung một đạo luật, được các nữ y tá chuyên nghiệp đón tiếp trong một khu nhà, được ghi tên vào sổ và được cởi quần áo; các bác sĩ khám cho họ và dẫn họ đến một căn phòng kín mít; một người công nhân trông coi khí ga; những người khác dọn dẹp; một cảnh sát viết giấy chứng tử. Khi bị thẩm vấn sau chiến tranh, tất cả bọn họ đều nói: Tôi, phạm tội? Nữ y tá không giết ai, cô ta chỉ cởi quần áo và làm bệnh nhân bình tâm trở lại, những động tác thông thường của nghề nghiệp. Bác sĩ cũng không giết, ông ta chỉ xác nhận một chẩn đoán theo đúng những tiêu chí do các cấp khác lập ra. Người mở vòi khí ga, người gắn

nhất với người chết cả về thời gian và không gian, tiến hành một thao tác kỹ thuật dưới sự giám sát của cấp trên và các bác sĩ. Các công nhân dọn phòng làm một công việc vệ sinh cần thiết, hơn thế nữa lại rất độc hại. Người cảnh sát làm theo thủ tục, đó là xác nhận một cái chết và ghi rõ rằng cái chết đã xảy ra, không có vi phạm gì với luật lệ hiện hành. Vậy thì ai có tội? Tất cả hay không ai cả? Tại sao người công nhân phụ trách khí ga lại phạm tội nhiều hơn người công nhân phụ trách nồi hơi, phụ trách làm vườn, phụ trách xe cộ? Cũng vậy đối với tất cả các khía cạnh của cái công trình khổng lồ đó. Người bẻ ghi đường sắt, chẳng hạn, có tội về cái chết của những người Do Thái bị anh ta bẻ ghi hướng đường đến một trại tập trung không? Người công nhân ấy là một công chức, anh ta làm công việc đó từ hai mươi năm, anh ta hướng lối cho những con tàu theo một lịch trình, anh ta không cần biết tàu chở gì. Không phải lỗi của anh ta nếu những người Do Thái đó được chuyển từ một điểm A, qua điểm bẻ ghi của anh ta, đến một điểm B, nơi họ bị giết. Tuy vậy, người bẻ ghi đường sắt lại đóng một vai trò chủ chốt trong công việc tận trừ đó: không có anh ta, tàu chở người Do Thái sẽ không thể đến được điểm B. Cũng như vậy đối với người công chức phụ trách việc trưng dụng các căn hộ cho những người bị thiệt hại trong các trận bom, người thợ in ấn hành những tờ lệnh đi trại tập trung, người cung cấp bê tông hoặc dây thép gai cho SS, người hạ sĩ quan hậu cần chuyển xăng đến cho một Teilkommando của SP, và cả Chúa trên cao kia, người cho phép tất cả những chuyện đó. Dĩ nhiên là người ta có thể thiết lập những mức độ trách nhiệm hình sự tương đối chính xác, cho phép kết án một số người và để mặc những người khác cho lương tâm của họ, nếu giả sử họ có lương tâm; việc đó lại càng dễ dàng hơn vì người ta dựng ra những bộ luật theo các sự kiện, như ở Nürnberg. Nhưng ngay cả ở đó người ta cũng làm những việc rất vớ vẩn. Tại sao lại treo cổ Streicher, tay nhà quê bất lực, mà lại không treo cổ von dem Bach-Zelewski khủng khiếp? Tại sao lại treo cổ thượng cấp của tôi, Rudolf Brandt, mà không phải thượng cấp của ông ta, Wolff? Tại sao lại treo cổ bộ

trưởng Frick, mà không phải bộ hạ của ông ta, Stuckart, kẻ đã làm mọi việc thay cho ông ta? Cái tay Stuckart sung sướng đó, kẻ chỉ để tay mình vấy mực, không bao giờ vấy máu. Chúng ta, thêm một lần nữa, phải thật rõ ràng: tôi không tìm cách nói tôi không phạm tội về điều này hay điều kia. Tôi có tội, các người không có tội, thế là tốt rồi. Nhưng dù sao thì các người cũng phải biết đường tự nhủ rằng điều tôi đã làm, các người cũng có thể làm. Có thể là không nhiệt tình bằng, nhưng cũng có thể ít tuyệt vọng hơn, dù thế nào đi nữa cũng sẽ theo cách này hay cách khác. Tôi nghĩ mình được phép kết luận, như một sự kiện đã được lịch sử hiện đại chứng thực, rằng tất cả mọi người, hoặc phần lớn, trong một tổng hợp những hoàn cảnh cho trước, sẽ làm những gì người ta bảo họ làm; và, xin lỗi nhé, có rất ít cơ hội để các người là ngoại lệ, không nhiều hơn tôi đâu. Nếu các người sinh ra trong một đất nước hoặc vào một thời kỳ không những không có kẻ nào mò đến giết vợ con các người, mà còn không ai đến sai các người giết vợ con người khác, hãy tạ ân Chúa và ra đi trong thanh thản. Nhưng hãy luôn giữ ý nghĩ này trong tâm trí: có thể các người có nhiều may mắn hơn tôi, nhưng các người chẳng tốt đẹp gì hơn đâu. Bởi nếu các người có đủ lòng kiêu ngạo để nghĩ như thế, thì chính ở đó sẽ bắt đầu nguy cơ. Người ta thích đối lập nhà nước, dù toàn trị hay không, với con người bình thường, dù là con rệp hay cây sậy. Nhưng khi đó người ta quên rằng nhà nước được cấu thành từ nhiều người, tất cả đều ít nhiều bình thường, mỗi người có cuộc sống riêng, lịch sử riêng, cả một loạt những tình cờ khiến cho một ngày nào đó nó đứng ở vị trí nắm kiếm đẳng chuôi trong khi những người khác nằm ở phía tệ hại. Quá trình độ hiếm khi là đối tượng của một chọn lựa, thậm chí một thiên hướng. Các nạn nhân, trong đại đa số các trường hợp, không bị tra tấn hoặc bị giết chết vì họ tốt đẹp còn bọn đao phủ làm họ phải đau khổ vì chúng độc ác. Sẽ hơi ngây thơ nếu tin vào điều đó, và chỉ cần tiếp xúc với bất kỳ một tổ chức hành chính nào, dù có là Hồng Thập tự đi chăng nữa, là có thể hiểu ra điều đó. Stalin, mặt khác, đã chứng minh điều tôi vừa nói kia một cách rõ ràng, bằng cách biến thể hệ

đao phủ này thành nạn nhân của thế hệ tiếp theo, thế mà ông ta có bao giờ thiếu đao phủ đâu. Thế nhưng cỗ máy nhà nước được làm từ đống cát cũng dễ vỡ vụn như những gì chính nó đã tán nghiền ra, từng hạt từng hạt. Nó tồn tại bởi vì mọi người nhất trí để cho nó tồn tại, và rất thường xuyên, cho đến tận phút cuối cùng, ngay cả các nạn nhân của nó cũng nhất trí. Không có những Höss, những Eichmann, những Goglidze, những Vychinski, và cũng vậy, không có người người bẻ ghi đường sắt, những người sản xuất bê tông và những viên kế toán của các bộ, một Stalin hoặc một Hitler sẽ chỉ là một cái túi da chứa chất hận thù và đe dọa đầy bất lực. Nói rằng đại đa số những người tiến hành quá trình tận diệt không phải là những kẻ mê cuồng bạo lực hoặc bất bình thường về đầu óc giờ đây đã trở nên quá sáo mòn. Những kẻ cuồng loạn, những kẻ loạn óc, dĩ nhiên là cũng có, như trong tất cả các cuộc chiến tranh, và bọn họ gây ra những điều khủng khiếp không tên, đó là sự thật. Cũng là sự thật việc SS lẽ ra có thể tăng cường nỗ lực của mình để kiểm soát những kẻ đó, ngay cả khi nó đã làm việc đó nhiều hơn người ta vẫn thường nghĩ; và hoàn toàn không dễ dàng đâu nhé: cứ thử đi hỏi những ông tướng Pháp, họ cũng gặp nhiều phiền phức ở Algérie lắm chứ, với bọn sĩ quan say rượu, hiếp dâm, giết người của họ. Nhưng vấn đề không nằm ở đó. Những kẻ loạn óc, ở đâu và thời nào chẳng có. Các khu ngoại ô yên bình của chúng ta nhung nhúc bọn thích làm tình với trẻ con và những kẻ loạn tâm, các khu nhà ngủ đêm của chúng ta đầy bọn điên rồ thích nổi; một số quả thực trở thành vấn đề lớn, chúng giết hai, ba, mười, thậm chí năm mươi người – rồi chính cái nhà nước có lẽ sẽ sử dụng chúng không chút nhiu mày trong một cuộc chiến tranh lại đập bẹp chúng như bọn muỗi đã hút đầy máu người. Những kẻ bệnh hoạn đó là lũ dòi bọ. Nhưng những người bình thường từ đó nhà nước được xây dựng – nhất là vào những thời bất ổn – mới thật là một mối nguy. Nguy cơ thực sự với con người là tôi, là các người. Và nếu các người không chịu công nhận, thì không việc gì phải đọc thêm nữa. Các người sẽ chẳng hiểu gì hết và các người sẽ nổi giận, không được

ích lợi gì cho các người cũng như cho tôi.

Như phần lớn loài người, tôi chưa bao giờ đòi hỏi được trở thành một tên sát nhân. Nếu có thể, điều này tôi nói rồi, tôi muốn hiến thân cho văn chương. Viết, nếu tôi có tài, nếu không thì có thể là dạy học, miễn là được sống giữa những điều tốt đẹp và bình thản, những tạo tác tuyệt vời nhất của cái muốn của con người. Phải, nếu được tùy ý lựa chọn, ngoài một thằng điên, ai sẽ chọn giết chóc? Và rồi tôi muốn chơi dương cầm. Một hôm, khi nghe hòa nhạc, một người đàn bà đứng tuổi quay sang tôi: "Hẳn anh là nghệ sĩ dương cầm?" – "Ôi không phải đâu, thưa bà", tôi buộc phải tiếc rẻ trả lời. Giờ đây nữa, việc không chơi dương cầm, và sẽ không bao giờ chơi vẫn làm tôi uất hận, đôi khi thậm chí còn hơn cả những điều ghê rợn, dòng sông đen ký ức chở tôi đi suốt những năm dài. Theo nghĩa đen, điều đó vẫn làm tôi choáng váng. Khi tôi còn nhỏ, mẹ tôi từng mua đàn dương cầm cho tôi. Tôi nghĩ là cho ngày sinh nhật chín tuổi. Hoặc tám tuổi. Dù thế nào đi nữa thì cũng phải trước khi chúng tôi chuyển sang Pháp sống cùng tay Moreau đó. Tôi đã nài xin bà suốt hàng tháng, hàng tháng. Tôi mơ mình là nghệ sĩ dương cầm, một nghệ sĩ dương cầm lớn: dưới ngón tay tôi là những giáo đường, nhẹ bỗng như bong bóng xà phòng. Nhưng chúng tôi không có tiền. Bố tôi đã bỏ đi được ít lâu, các tài khoản của ông (mãi sau này tôi mới biết) bị phong tỏa, mẹ tôi phải tự xoay xở một mình. Nhưng rồi, bà kiếm được tiền, tôi không biết bằng cách nào, hẳn bà đã phải tiết kiệm, hoặc đi vay; thậm chí có thể bà đã bán thân, cái đó tôi không biết, mà cũng quan trọng gì. Hẳn bà đã nuôi dưỡng những tham vọng lớn về tôi, bà muốn vun xới những tài năng của tôi. Thế là, vào ngày sinh nhật của tôi, người ta chuyển đến chiếc đàn dương cầm đó, một chiếc dương cầm kiểu đứng rất đẹp. Dù là đồ cũ, hẳn nó cũng rất đắt tiền. Thời gian đầu, tôi như mê đi. Tôi bắt đầu học đàn; nhưng vì chậm tiến bộ nên tôi nhanh chóng chán, và sớm bỏ không tập nữa. Chạy gam không phải là điều tôi từng tưởng tượng, tôi cũng giống như tất cả những đứa trẻ con khác mà thôi. Mẹ tôi không bao giờ dám trách mắng tôi vì sự phù phiếm và tính lười biếng;

nhưng tôi hiểu rõ rằng cái ý nghĩ về cả món tiền bị tiêu phí đó hẳn đã làm bà rất đau khổ. Chiếc dương cầm đứng đó, bụi dần chồng lên từng lớp; em gái tôi không quan tâm đến nó hơn tôi; tôi không nghĩ đến nó nữa, và gần như không nhận ra khi cuối cùng mẹ tôi bán nó đi, chắc chắn là lỗ kha khá tiền. Tôi chưa bao giờ thực sự yêu mẹ tôi, thậm chí tôi còn ghét bà, nhưng sự cố đó khiến tôi thấy buồn cho bà. Bà cũng có lỗi một chút. Nếu bà kiên quyết, nếu bà biết tỏ ra nghiêm khắc khi cần thiết, hẳn là tôi đã có thể học được cách chơi đàn dương cầm, và điều đó sẽ mang lại cho tôi một niềm vui to lớn, một nơi trú ẩn chắc chắn. Chơi đàn ở nhà, chỉ cho mình tôi, hẳn sẽ làm tôi vui sướng lắm. Dĩ nhiên, tôi nghe nhạc rất thường xuyên, và có một niềm thích thú vô bờ với việc đó, nhưng hai chuyện khác hẳn nhau, đó chỉ là một dạng vật thế chỗ. Hoàn toàn giống như những mối tình đồng giới của tôi: thực tế, tôi không đỏ mặt khi nói điều đó đâu, là chắc chắn tôi thích mình là phụ nữ hơn. Không nhất thiết là một phụ nữ đầy sức sống và hoạt động giữa thế giới này, một người vợ, một người mẹ; không, mà là một người phụ nữ trần truồng, nằm ngửa, hai chân giạng ra, bị đè nghiến dưới trọng lượng của một người đàn ông, bấu chặt vào hắn ta và bị hắn ta xuyên thủng, chết chìm trong hắn và trở thành một biển cả không bến bờ trong đó chính hắn cũng chết chìm, khoái cảm không điểm dừng, và cũng không có điểm bắt đầu. Thế mà không được như vậy. Thay vào đó, tôi lại trở thành một luật gia, công chức ngành an ninh, sĩ quan SS, rồi giám đốc một nhà máy sản xuất đăngten. Thật đáng buồn, nhưng mà như thế đấy.

Những gì tôi viết hoàn toàn đúng, nhưng cũng đúng rằng tôi từng yêu một người phụ nữ. Một người duy nhất, nhưng hơn mọi người khác trên đời. Nhưng người phụ nữ đó lại chính là người tôi không được phép chạm tới. Thật dễ suy ra rằng khi mơ trở thành một người phụ nữ, khi mơ mình có một cơ thể phụ nữ, thì tôi vẫn đang tìm kiếm nàng, tôi muốn lại gần nàng, tôi muốn được như nàng, tôi muốn là nàng. Điều đó hoàn toàn có thể, dù chẳng thay đổi được gì. Tôi không yêu bất kỳ gã nào từng ngủ với tôi, tôi chỉ lợi dụng bọn họ, thân xác bọn họ. Nàng, tình yêu của

nàng sẽ là đủ cho cuộc đời tôi. Các người đừng chế nhạo tôi: tình yêu đó chắc chắn là điều tốt đẹp duy nhất mà tôi từng làm. Tất cả những cái đó, hẳn các người nghĩ vậy, có vẻ hơi kỳ quặc đối với một sĩ quan của *Schutzstaffel*. Nhưng tại sao một SS-Obersturmbannführer lại không thể có một cuộc sống nội tâm, những ham muốn, những niềm say mê như bất kỳ đàn ông nào khác? Những người trong số chúng tôi mà các người vẫn buộc tội là kẻ tội phạm, số đó có đến hàng trăm nghìn: trong số họ, cũng như trong số toàn bộ loài người, chắc chắn là có những kẻ tầm thường, nhưng cũng có những người khác thường, những nghệ sĩ, những người đầy văn hóa, những kẻ loạn thần kinh, những kẻ đồng tính, những kẻ mơ tưởng mẹ mình, và còn rất nhiều loại nữa, và tại sao lại không? Không ai điển hình hơn bất kỳ người nào trong bất kỳ nghề nào. Có những thương gia thích rượu vang ngon và xì gà, những thương gia bị tiền bạc ám ảnh, và cả các thương gia cắm một cái dương vật đồ chơi vào lỗ đít để đến văn phòng và giấu giếm, dưới bộ lễ phục đủ cả áo quần, giilê, những hình xăm tục tĩu: khả năng đó ai cũng nghĩ là chắc chắn, vậy thì tại sao lại không như vậy với SS hoặc Wehrmacht? Các bác sĩ quân y của chúng tôi tìm thấy nhiều đồ lót phụ nữ khi cắt quần phục của thương binh, hơn nhiều so với người ta nghĩ. Khẳng định rằng tôi không điển hình không có ý nghĩa gì hết. Tôi từng sống, tôi có một quá khứ, một quá khứ nặng nề và âm u, nhưng điều đó cũng thường thôi, và tôi quản lý nó theo cách của mình. Rồi chiến tranh xảy tới, tôi phục vụ, và rơi vào giữa những chuyện khủng khiếp, những điều thảm khốc. Tôi đã không hề thay đổi, tôi vẫn là con người đó, những vấn đề của tôi vẫn không được giải quyết, ngay cả khi chiến tranh đã đặt cho tôi những vấn đề mới, ngay cả khi những điều ghê rợn đó đã biến đổi tôi. Có những người nghĩ rằng chiến tranh, hoặc thậm chí giết người, là một giải pháp, nhưng tôi không nằm trong số những kẻ đó, với tôi, cũng như với phần lớn mọi người, chiến tranh và giết người là một câu hỏi, một câu hỏi không có trả lời, bởi khi người ta hét lên trong đêm, không ai trả lời cả. Và chuyện này sẽ kéo theo

chuyện khác: tôi đã khởi đầu trong khuôn khổ nghĩa vụ quân sự, rồi, dưới áp lực của các sự kiện, cuối cùng tôi đã vượt ra ngoài khuôn khổ đó; nhưng tất cả những thứ ấy có liên quan với nhau, chặt chẽ và sâu xa: nói nếu không có chiến tranh thì tôi cũng vẫn sẽ đi đến những chỗ cực đoan như thế là hoàn toàn sai. Cũng có thể sẽ vậy, nhưng cũng có thể là không, có thể tôi sẽ tìm được một giải pháp khác. Làm sao biết được. Eckhart đã viết: *Một thiên thần ở Địa ngục vẫn bay trên đám mây nhỏ Thiên đường của mình.* Tôi luôn nghĩ điều ngược lại vẫn đúng, rằng một con quỷ trên Thiên đường vẫn sẽ bay trên đám mây nhỏ Địa ngục của nó. Nhưng tôi không nghĩ mình là một con quỷ. Những điều tôi từng làm luôn có lý do, tốt hay xấu tôi không biết, nhưng dù thế nào đi nữa thì chúng cũng là những lý do rất người. Những kẻ giết chóc là con người, cũng như những người bị giết, chính điều đó là khủng khiếp. Các người không bao giờ có thể nói: Tôi sẽ không giết ai, điều đó là không thể, cùng lắm các người cũng chỉ có thể nói: Tôi hy vọng sẽ không giết ai. Tôi cũng vậy, tôi từng hy vọng thế, tôi cũng vậy, tôi muốn sống một cuộc đời tốt đẹp và có ích, là một con người trong số con người, bình đẳng với những người khác, tôi cũng vậy, tôi muốn đóng góp viên gạch của mình cho tác phẩm chung. Nhưng niềm hy vọng của tôi đã tan tành, và người ta đã sử dụng sự thành thực của tôi để hoàn thành một công trình xấu xa và có hại, và tôi *đã đi qua những lằn ranh tăm tối*, và toàn bộ cái ác đó đã xâm nhập chính đời tôi, và không gì trong tất cả những thứ đó có thể sửa chữa được, không bao giờ cả. Từ ngữ cũng không còn dùng để làm gì, chúng biến đi như nước tan vào cát, và thứ cát đó bịt kín miệng tôi. Tôi sống, tôi làm những gì có thể, ai cũng thế thôi, tôi là một người như những người khác, tôi là một người giống như các người. Nào bắt đầu thôi, bởi vì tôi nói là tôi cũng giống các người!

ALLEMANDE I VÀ II

Ở biên giới người ta đã bắc cầu phao. Ngay kế bên, những nhịp cầu cong queo của cây cầu sắt bị quân Xô viết đặt thuốc nổ vẫn phơi mình trong làn nước xám xịt của sông Bug. Người ta nói rằng lính công binh đã dựng xong cầu mới trong một đêm, và các Feldgendarm lãnh đạm, với các phù hiệu hình bán nguyệt lóe lên phản chiếu mặt trời đang điều khiển giao thông đầy vẻ uy quyền, như thể vẫn đang ở Đức. Wehrmacht có quyền ưu tiên; họ bảo chúng tôi chờ. Tôi ngắm nhìn dòng sông to lớn lười biếng, những khoảng rừng yên tĩnh phía bên kia bờ, đám đông trên cầu. Rồi đến lượt chúng tôi đi qua và ngay sau đó là khởi đầu của một đại lộ những đống khung xe cộ Nga, cam nhông bị đốt cháy và lún xuống đất, xe tăng tanh bành như những hộp đồ đông lạnh, quân xa bên pháo binh nhãn nhúm tựa như các thai nhi, tất cả đổ nhào, giập nát, rối tinh lẫn vào với nhau thành một dải những đống đổ nát lổn nhổn không dứt cháy sém, dọc theo hai bên vệ đường. Phía xa khu rừng bừng sáng dưới ánh sáng tuyệt đẹp của mùa hè. Con đường đất nện đã được khai quang nhưng vẫn nhìn thấy đầy đó dấu vết những vụ nổ, những vệt dầu lớn, những mảnh vụn rải rác. Rồi đến những ngôi nhà đầu tiên của Sokal. Ở trung tâm thành phố, vài đám cháy vẫn còn tiếp tục âm ỉ; những cái xác phủ đầy bụi, phần lớn mặc thường phục, chẹn mất một phần phố xá, lẫn vào với đám đổ nát và gạch vữa; và đối diện, trong bóng râm một công viên, những cây thập tự trắng vươn lên từ những mái ngói nhỏ kỳ quặc xếp thành hàng nghiêm chỉnh dưới những tán

cây. Hai lính Đức đang sơn tên người lên đó. Chúng tôi đợi cho đến khi Blobel, có Strehlke, sĩ quan quân nhu của chúng tôi, đi kèm, đến Đại bản doanh. Một mùi nhàn nhạt hơi choáng đầu trộn lẫn với mùi hắc của khói. Blobel nhanh chóng trở lại: "Tốt rồi. Strehlke lo vụ chỗ ở. Theo tôi."

AOK xếp cho chúng tôi vào một trường học. "Tôi rất tiếc, một người cần vụ nhỏ bẻ mặc feldgrau nhàu nát nói. Mọi việc vẫn còn đang được chuẩn bị. Nhưng chúng tôi sẽ gửi cho các anh khẩu phần ăn." Chỉ huy phó của chúng tôi, von Radetzky, một người Baltic lịch thiệp, vung vẩy bàn tay đeo găng mỉm cười: "Không có gì đâu. Chúng tôi sẽ không ở lại lâu." Không có giường, nhưng chúng tôi có mang theo chăn; chỗ ngồi là những chiếc ghế nhỏ của học sinh. Phải có đến bảy mươi người. Đến tối, quả thực chúng tôi được phát cho một bát xúp bắp cải và khoai tây, gần như lạnh ngắt, hành sống, và mấy tảng bánh mì đen, dính, khô đanh lại ngay khi cắt. Tôi đói, tôi nhúng bánh vào xúp để ăn và nhai hành sống. Von Radetzky phân công gác. Đêm trôi qua yên tĩnh.

Sáng hôm sau, Standartenführer Blobel, chỉ huy của chúng tôi, tập hợp các Leiter lại để đi đến Đại bản doanh. Leiter III, thượng cấp trực tiếp của tôi, muốn ngồi gõ một báo cáo và sai tôi đi thay. Bộ tổng tham mưu của đại đoàn số 6, AOK 6, mà chúng tôi trực thuộc, đã chiếm được một tòa nhà lớn theo kiểu Áo-Hung, mặt tiền sơn vôi màu da cam vui mắt, đứng trên những cái cột và họa tiết trang trí bằng đá lỗ chỗ vết đạn. Một viên Oberst, rõ ràng là thân quen với Blobel, tiếp chúng tôi: "Generalfeldmarschall làm việc bên ngoài. Các anh đi theo tôi." Ông ta dẫn chúng tôi về phía một khu vườn rộng kéo dài từ tòa nhà đến một đoạn sông Bug, phía hạ lưu. Gần một cái cây trơ trọi, một người đàn ông mặc đồ tắm đang rảo bước, xung quanh vo ve một đám sĩ quan vận đồng phục ướt đẫm mồ hôi. Ông ta quay sang chúng tôi: "A, Blobel! Xin chào, meine Herren." Chúng tôi chào ông ta: đó là Generalfeldmarschall von Reichenau, tư lệnh đại đoàn. Lồng ngực vồng lên và mượt như

nhung của ông ta ngời lên sức lực; mặc dù có dáng vẻ của một vận động viên, những đường nét thanh tú kiểu Phổ của ông ta biến mất hẳn ở đống mỡ nơi chiếc kính một mắt nổi tiếng ánh lên dưới mặt trời, một cái gì đó phi lý, gần như là lố bịch. Vừa ra những mệnh lệnh chính xác và tỉ mỉ ông ta vừa tiếp tục những bước đi giật cục; phải đi theo ông ta, chuyện đó cũng hơi bực mình; tôi va phải một Thiếu tá và không nghe được gì nhiều nhận. Rồi ông ta dừng lại để đuổi chúng tôi đi. "À phải! Còn một chuyện nữa. Với lũ Do Thái, năm khẩu súng trường là quá nhiều, các anh không đủ người đâu. Hai khẩu cho mỗi tên bị kết án là quá đủ rồi. Với bọn Bônsêvich, chúng ta sẽ xem xét sau. Nếu là đàn bà thì có thể dùng đến đội hành quyết đầy đủ." Blobel chào: "*Zu Befehl*, Herr Generalfeldmarschall." Von Reichenau rập hai gót chân trần lại và giơ tay lên: "Heil Hitler!" – "Heil Hitler!", chúng tôi đồng thanh trả lời trước khi quay gót cáo từ.

Sturmbannführer tiến sĩ Kehrig, thượng cấp của tôi, nghe tôi báo cáo lại với vẻ u ám. "Thế thôi à?" – "Tôi không nghe được tất cả, Herr Sturmbannführer." Ông ta vừa bĩu môi vừa nghịch nghịch đống giấy tờ. "Tôi không hiểu. Cuối cùng thì chúng ta sẽ phải nhận lệnh từ ai đây? Reichenau hay Jeckeln? Và Brigadeführer Rasch nữa, ông ta ở đâu rồi?" – "Tôi không biết, Herr Sturmbannführer." – "Anh biết ít thứ quá, Obersturmführer. Thôi, đi đi."

Blobel triệu tập tất cả các sĩ quan của mình vào ngày hôm sau. Sáng sớm, khoảng hai mươi người đã đi cùng Callsen. "Tôi đã gửi anh ta đến Lutsk cùng một Vorkommando. Toàn bộ Kommando sẽ đi theo trong một hoặc hai ngày nữa. Ở đó chúng ta sẽ lập bộ tham mưu tạm thời. AOK cũng sẽ được chuyển đến Lutsk. Các sư đoàn của chúng ta tiến chậm lắm, phải bắt tay vào việc thôi. Tôi đợi Obergruppenführer Jeckeln, ông ấy sẽ giao lệnh cho chúng ta." Jeckeln, một đảng viên kỳ cựu, bốn mươi sáu tuổi, là Höhere SS- und Polizeiführer phụ trách miền Nam nước Nga; với chức danh đó, toàn bộ các đơn vị SS trong vùng, kể cả chúng tôi, đều phải nghe lệnh ông ta. Nhưng vấn đề cấp bậc chỉ huy vẫn

tiếp tục ám ảnh Kehrig: "Thế thì có phải chúng ta nằm dưới quyền của Obergruppenführer không?" – "Về mặt hành chính mà nói, chúng ta thuộc đại đoàn số 6. Nhưng về mặt chiến thuật, chúng ta nhận lệnh của RSHA, thông qua Gruppenstab, và của HSSPF. Rõ ràng chưa?" Kehrig lúc lắc đầu thở dài: "Không hoàn toàn, nhưng tôi nghĩ các chi tiết sẽ dần dần sáng tỏ hơn." Blobel ngắt lời: "Nhưng người ta đã giải thích tất cả mọi điều cho các anh ở Pretzsch rồi còn gì, mẹ kiếp!" Kehrig vẫn giữ được bình tĩnh. "Ở Pretzsch, Herr Standartenführer, họ hoàn toàn không giải thích gì cho chúng tôi. Họ đọc cho chúng tôi những bài diễn văn và cho chúng tôi tập thể thao. Có vậy thôi. Tôi nhắc các anh rằng các đại diện của SD không hề được mời đến cuộc họp với Gruppenführer Heydrich hồi tuần trước. Tôi chắc rằng việc đó hẳn có lý do, nhưng sự thật là tôi không hề biết mình phải làm gì, ngoài việc viết các báo cáo về tinh thần và cách cư xử của Wehrmacht." Ông ta quay sang Vogt, Leiter IV: "Các anh cũng có mặt ở cuộc họp đó. Được rồi, khi nào họ nói rõ cho chúng ta các nhiệm vụ, chúng ta sẽ thực hiện chúng." Vogt gõ một cây bút xuống bàn, vẻ bực bội. Blobel nhai nhai phía trong má, và dân đôi mắt đen vào một điểm trên tường. "Được rồi, cuối cùng ông ta hét lên. Dù thế nào đi nữa, tối nay Obergruppenführer cũng sẽ tới. Ngày mai chúng ta sẽ biết."

Cuộc họp nghèo nàn về kết quả đó hẳn đã diễn ra vào ngày 27 tháng Sáu, vì hôm sau người ta triệu tập chúng tôi đến nghe một bài diễn văn của Obergruppenführer Jeckeln và những cuốn sách của tôi khẳng định rằng bài diễn văn đó được đọc vào ngày 28. Có khả năng Jeckeln và Blobel đã thống nhất với nhau rằng người của Sonderkommando cần một chút chỉ đạo và động lực; cuối buổi sáng, toàn Kommando xếp hàng trong sân trường học để nghe HSSPF nói. Jeckeln nói rất thẳng thừng. Nhiệm vụ của chúng tôi, ông ta giải thích, là định vị và loại trừ tất cả những nhân tố có khả năng gây hại đến an ninh các đội quân ở những vùng gần mặt trận. Tất cả bọn Bônsêvich, tất cả các ủy viên nhân dân, tất cả bọn Do Thái và bọn Digan bất kỳ lúc nào cũng có thể

làm nổ tung các khu phố của chúng ta, giết hại người của chúng ta, làm trật ray những con tàu của chúng ta, hoặc chuyển cho địch các thông tin quan trọng. Nghĩa vụ của chúng tôi không phải là chờ đến khi chúng ra tay hành động rồi mới trừng phạt, mà phải ngăn chúng hành động. Vấn đề cũng không phải là, nhìn vào tốc độ tiến quân của chúng tôi, tạo ra và chất đầy những khu trại: tất cả những kẻ bị tình nghi đều phải bị trừng trị thẳng tay. Với các chuyên gia luật trong số chúng tôi, ông ta nhắc lại rằng Liên Xô đã từ chối ký hiệp định La Haye, và rằng công pháp quốc tế điều chỉnh các hành động của chúng tôi ở phương Tây không được áp dụng ở đây. Chắc chắn là sẽ có những sai lầm, chắc chắn là sẽ có những nạn nhân vô tội, nhưng, than ôi, đây là chiến tranh mà; khi người ta ném bom một thành phố, dân thường cũng chết. Ông ta hoàn toàn hiểu điều đó có thể khiến chúng tôi cảm thấy khó chịu, đôi khi phương hại đến sự nhạy cảm và yếu đuối của con người nói chung và người Đức nói riêng; chúng tôi phải chiến thắng chính bản thân mình; và chỉ cần chúng tôi nhớ đến một câu mà ông ta nghe được từ chính miệng Führer: *Các vị chỉ huy có nghĩa vụ tiêu diệt những nghi ngờ của họ vì nước Đức*. Cảm ơn và Heil Hitler. Ít nhất điều đó cũng có mặt tốt là thành thực. Ở Pretzsch, những bài diễn văn của Müller hoặc của Streckenbach ngập tràn những câu danh ngôn khi cần phải tỏ ra cương quyết không khoan nhượng, nhưng ngoại trừ việc khẳng định với chúng tôi rằng quả thực chúng tôi phải đi sang Nga, họ chỉ loay hoay với những điều đại khái. Ở Düben, ngay trước khi đội quân xuất phát, lẽ ra Heydrich đã có thể rõ ràng hơn; nhưng ngay khi ông ta vừa cất lời, một trận mưa lớn đổ xuống: ông ta phải bỏ ngang bài diễn văn của mình và chạy thẳng về Berlin. Do đó không có gì đáng ngạc nhiên khi chúng tôi đều thấy mù mờ, nhất là khi ít ai trong số chúng tôi có kinh nghiệm trận mạc; bản thân tôi, kể từ khi được tuyển vào SD, tôi cũng chỉ gần như làm một việc là thu thập các hồ sơ pháp lý, và tôi hoàn toàn không phải là ngoại lệ. Kehrig phụ trách các vấn đề lập pháp; ngay Vogt, Leiter IV, cũng đến từ một cơ quan phụ trách tài liệu. Về phần Standartenführer

Blobel, người ta đã rút ông ta từ *Staatspolizei* Düsseldorf, hẳn công việc của ông ta trước đây chỉ là bắt giữ những kẻ bên lề xã hội và bọn đồng tính, đôi khi có thể là một tên cộng sản. Ở Pretzsch, người ta nói ông ta từng là kiến trúc sư; hiển nhiên là ông ta đã không thành danh được bằng cái nghề đó. Không thể gọi đó là một người dễ chịu. Ông ta có tính thích gây hấn, gần như là hung bạo với các đồng nghiệp. Khuôn mặt tròn của ông ta, với cái cằm bẹt và cặp tai vểnh, trông như thể rũ xuống cổ áo quân phục giống như cái đầu của một con kền kền, sự giống nhau càng thêm rõ nét với cái mũi khoằm mỏ chim. Lần nào đi gần ông ta tôi cũng ngửi thấy mùi rượu; Häfner khẳng định rằng ông ta đang tìm cách chữa bệnh ly. Tôi rất sung sướng vì không phải làm việc trực tiếp với ông ta, và tiến sĩ Kehrig, người bị buộc phải làm chuyện đó, có vẻ vô cùng ngán ngẩm. Bản thân Kehrig cũng không tỏ ra mấy thích thú với vị trí ở đây. Thomas, ở Pretzsch, giải thích với tôi rằng người ta đã lấy phần lớn sĩ quan từ các văn phòng nơi họ không phải là thành viên cốt cán; người ta gắn lon SS cho họ (chính bằng cách đó mà tôi trở thành SS-Obersturmführer, tương đương với trung úy của các người); Kehrig, còn là Oberregierungsrat hay cố vấn chính phủ mới từ một tháng trước, nhờ có vị trí cao trong ngạch công chức mà được phong ngay cấp bậc Sturmbannführer; và rõ mồn một là ông ta không sao làm quen được với ngũ vai mới, cũng như những nhiệm vụ mới của mình. Phần lớn hạ sĩ quan và lính trơn thuộc tầng lớp trung lưu cấp thấp, chủ cửa hàng, kế toán, nhân viên văn phòng, loại người đã tham gia SA đợt khủng hoảng với hy vọng tìm được việc làm, và không bao giờ rời khỏi đó nữa. Trong số họ có một số là *Volksdeutscher* các nước vùng Baltic hoặc Ruthénie, những con người u tối, mờ nhạt, ít tỏ ra thoải mái trong bộ quân phục của mình, mà thế mạnh duy nhất là biết tiếng Nga; một số người thậm chí còn không biết nói tiếng Đức. Von Radetzky, rõ ràng là như vậy, có lợi thế đầy mình: ông ta tự tán dương là biết rõ thứ tiếng lóng nhà thổ của Matxcơva, nơi ông ta sinh ra, ngang với tiếng lóng Berlin, và luôn có vẻ biết rõ những gì mình làm, ngay cả khi

không làm gì. Ông ta cũng nói được một chút tiếng Ukraine, có vẻ như ông ta từng làm việc trong ngành xuất nhập khẩu; cũng giống như tôi, ông ta xuất thân từ *Sicherheitsdienst*, Cơ quan an ninh của SS. Việc bị thuyên chuyển sang quân khu miền Nam làm ông ta tuyệt vọng; ông ta từng mơ được ở Trung tâm, được tiến vào Matxcơva như một người thắng trận, *được chùi đôi bốt lên thảm điện Kremlin*. Vogt an ủi ông ta bằng cách nói rằng ở Kiev cũng tìm được những thú vui chơi, nhưng von Radetzky bĩu môi: "Đúng là *lavra* thì tuyệt thật. Nhưng ngoài đó ra, thì không khác gì nơi đồng không mông quạnh." Buổi tối ngày Jeckeln đọc diễn văn, chúng tôi nhận lệnh thu dọn đồ đạc và chuẩn bị lên đường vào ngày hôm sau: Callsen đã sẵn sàng đón tiếp chúng tôi.

Lutsk vẫn còn bốc cháy khi chúng tôi đến. Một sĩ quan liên lạc của Wehrmacht chịu trách nhiệm dẫn chúng tôi về chỗ người ta đã sắp xếp cho chúng tôi; phải đi vòng qua khu thành cổ và pháo đài, đường đi hết sức rắc rối. Kuno Callsen đã trưng dụng Viện Hàn lâm âm nhạc nằm gần quảng trường lớn, dưới chân lâu đài: một công trình đẹp của thế kỷ XVII, phong cách đơn giản, một trường dòng cổ, hồi thế kỷ trước cũng từng được dùng làm nhà tù. Callsen cùng vài người đợi chúng tôi trên bậc thềm. "Đây là một nơi rất tiện, ông ta giải thích cho tôi trong khi người ta bỏ thiết bị và đồ đạc của chúng tôi xuống. Dưới hầm vẫn còn nhiều xà lim, chỉ cần làm lại khóa, tôi đã bắt đầu việc đó rồi." Về phần mình, tôi thích thư viện hơn nhà tù, nhưng tất cả sách đều bằng tiếng Nga hoặc tiếng Ukraine. Von Radetzky cũng nhúng cái mũi hình củ hành và cặp mắt lơ láo của mình vào đó, quan tâm trước hết đến các đường chỉ trang trí trên tường; khi ông ta đi qua gần chỗ tôi, tôi nêu nhận xét rằng không có cuốn sách tiếng Ba Lan nào hết. "Lạ thật đấy, Herr Sturmbannführer. Cách đây không lâu lắm, nơi đây vẫn thuộc Ba Lan mà." Von Radetzky nhún vai: "Anh cũng biết rõ là những người theo Stalin đã thanh toán hết rồi." – "Trong vòng hai năm?" – "Hai năm đã là quá đủ. Nhất là đối với một Viện Hàn lâm âm nhạc."

Vorkommando bắt đầu ứ việc. Wehrmacht đã bắt hàng trăm

Do Thái và bọn ăn cướp và muốn chúng tôi phụ trách bọn chúng. Những đám cháy vẫn tiếp tục bùng lên và có vẻ như là có bàn tay của phá hoại. Và rồi còn có vấn đề pháo đài cổ. Tiến sĩ Kehrig, trong khi sắp xếp lại giấy tờ, tìm được quyển hướng dẫn du lịch Baedeker và chìa qua phía trên những cái két ngửa bụng để cho tôi xem ghi chú: "Lâu đài Lubart. Một hoàng thân Latvia đã xây nó đấy." Sân chính đầy ngập xác chết, những tù nhân bị NKVD xử bắn trước khi rút chạy. Kehrig bảo tôi đến xem. Tòa lâu đài này đầy những bức tường gạch mênh mông, xây trên những ụ đất, ba cái tháp vươn lên; lính gác của Wehrmacht canh cổng, phải có can thiệp của một sĩ quan Abwehr tôi mới có thể vào được. "Xin thứ lỗi. Generalfeldmarschall đã ra lệnh cho chúng tôi phải bảo đảm an ninh cho khu vực." – "Tất nhiên rồi, tôi hiểu." Một mùi hôi thối khủng khiếp ập vào mặt tôi ngay khi bước chân qua cửa. Không có khăn mùi soa nên tôi phải đặt một cái găng tay lên mũi để tìm cách thở. "Cầm lấy cái này, viên Hauptmann của Abwehr chìa cho tôi một miếng vải ướt, sẽ giúp ích được một chút đấy." Quả là nó giúp được một chút, nhưng không đủ; dù cho đã thở bằng miệng, cái mùi đó vẫn ngập tràn hai lỗ mũi tôi, mềm mại, nặng nề, lộng óc. Tôi nuốt khan vội mấy cái để cố kìm không nôn mửa. "Lần đầu tiên à?" Hauptmann dịu dàng hỏi. Tôi cúi gằm mặt. "Rồi anh sẽ quen thôi, ông ta nói tiếp, nhưng có lẽ là không bao giờ hoàn toàn quen được." Bản thân ông ta cũng xanh nhợt người, nhưng không bịt miệng. Chúng tôi đi qua một hành lang dài có vòm, rồi một cái sân nhỏ. "Đến nơi rồi đấy."

Xác người chồng lên nhau trên một cái sân lớn lát gạch thành những đống hỗn độn, tản mát đó đây. Một tiếng vo ve mênh mông đầy ám ảnh đang thường trực trong không khí: hàng nghìn con nhặng nặng nề bay trên những cái xác, những đám máu, phân người. Đế bốt của tôi dính xuống mặt sân. Người chết đã bắt đầu trương, tôi thấy da họ có màu xanh lá cây và vàng vọt, những khuôn mặt biến dạng, giống mặt một người bị đánh. Mùi thật kinh khủng; và cái mùi đó, tôi đã biết, là khởi đầu và kết thúc của mọi thứ, là ý nghĩa của tồn tại chúng ta. Ý nghĩ đó làm tim tôi

chao đảo. Những toán lính nhỏ của Wehrmacht trang bị mặt nạ phòng độc tìm cách gỡ mấy cái đống để sắp xếp lại những cái xác; một người trong số họ kéo một cái tay, nó rời hẳn ra; anh ta mệt mỏi ném cái tay xuống một đống xác khác. "Hơn một nghìn cái xác, viên sĩ quan của Abwehr nói với tôi, gần như là thì thầm. Tất cả bọn Ukraine và Ba Lan mà chúng giam vào nhà tù kể từ khi chiếm được nơi đây. Tìm được cả phụ nữ, thậm chí cả trẻ con." Tôi muốn nhắm mắt lại, hoặc lấy tay che mắt, và cùng lúc tôi muốn nhìn, nhìn thỏa sức và thử dùng mắt nhìn để hiểu cái điều không thể hiểu nổi này, cái điều đang ở đó, trước mặt tôi, sự trống rỗng đối với suy nghĩ con người. Lúng túng, tôi quay sang viên sĩ quan của Abwehr: "Ông đã đọc Platon chưa?" Ông ta nhìn tôi, vẻ tò mò: "Gì cơ?" – "Không, không có gì." Tôi quay người đi và rời khỏi nơi đó. Ở cuối cái sân con đầu tiên, một cánh cửa mở ra ở bên trái, tôi đẩy nó, tìm thấy những bậc thang. Trên các tầng, tôi lang thang hú họa theo những hành lang vắng người, rồi nhìn thấy một cầu thang xoáy ốc, bên trong một cái tháp; lên đến trên, có lối đi qua một cây cầu bằng gỗ bắt chặt vào tường. Từ đó, tôi ngửi được mùi những đám cháy trong thành phố; dù sao cũng đã khá hơn, tôi hít thở thật sâu, rồi rút một điếu thuốc lá từ túi đựng và châm lửa. Tôi có cảm giác mùi của những cái xác rữa vẫn còn dính vào phía trong mũi tôi, tôi cố xua đuổi nó đi bằng cách phì một hơi khói thuốc ra đường mũi, nhưng chỉ được kết quả là ho đến quặn ruột. Tôi nhìn ra xa. Đằng sau pháo đài là những khu vườn giao nhau, những khoảnh trồng cây nhỏ với vài thứ cây ăn quả; bên ngoài bức tường tôi nhìn thấy thành phố và đoạn vòng của sông Styr; phía đó không có khói, mặt trời tỏa sáng trên vùng thôn quê. Tôi bình tĩnh hút thuốc. Rồi tôi đi xuống và quay lại cái sân lớn. Viên sĩ quan của Abwehr vẫn ở đó. Ông ta dán mắt vào tôi vẻ tò mò nhưng không chế giễu: "Đỡ hơn chưa?" – "Rồi, cám ơn." Tôi cố lấy giọng công việc: "Các anh đã có số liệu chính thức chưa? Tôi cần chúng cho báo cáo của tôi." – "Chưa. Tôi nghĩ là phải đến mai." – "Thế còn các quốc tịch?" – "Tôi đã nói với anh rồi, chắc chắn là người Ukraine và người Ba Lan. Khó nói lắm,

phần lớn không có giấy tờ. Bọn họ đã bị xử bắn thành từng nhóm, có thể thấy rằng chúng làm việc đó rất nhanh." – "Có Do Thái không?" Ông ta nhìn tôi vẻ ngạc nhiên: "Tất nhiên là không. Chính bọn Do Thái đã làm việc đó." Tôi nhăn mặt: "A, tất nhiên rồi." Ông ta quay về phía những cái xác và im lặng một lúc. "Tởm quá," cuối cùng ông ta lẩm bẩm. Tôi chào ông ta. Bên ngoài, bọn trẻ con tụ tập lại; một đứa hỏi tôi câu gì đó, nhưng tôi không hiểu thứ tiếng của nó, tôi im lặng đi qua, và trở lại Viện Hàn lâm âm nhạc để báo cáo cho Kehrig.

Ngày hôm sau, Sonderkommando thực sự bắt tay vào việc. Một trung đội, dưới sự chỉ huy của Callsen và Kurt Hans, xử bắn ba trăm người Do Thái và hai mươi tên kẻ cướp trong những khu vườn của lâu đài. Cùng với tiến sĩ Kehrig và Sturmbannführer Vogt, tôi dành cả ngày của mình cho những cuộc họp hoạch định chiến lược cùng người phụ trách thông tin quân sự của đại đoàn 6, Ic/AO Niemeyer, và nhiều đồng nghiệp của ông ta, trong đó có Hauptmann Luley, mà tôi đã gặp ngày hôm trước ở pháo đài, người phụ trách bộ phận phản gián. Blobel thấy rằng chúng tôi thiếu người và muốn Wehrmacht cho chúng tôi mượn thêm, nhưng Niemeyer rất cứng nhắc, nói rằng chỉ có Generalfeldmarschall và tham mưu trưởng của ông ta, Oberst Heim, mới được quyền quyết định những vấn đề tương tự. Trong một cuộc họp khác vào buổi chiều, Luley giọng căng thẳng thông báo với chúng tôi rằng người ta đã tìm thấy mười lính Đức trong số những người chết ở lâu đài, bị tra tấn dã man. "Họ đã bị trói và bị cắt mũi, tai, lưỡi và bộ phận sinh dục." Vogt cùng ông ta đi đến lâu đài và trở lại với khuôn mặt xám ngoét: "Phải, đúng, thật là kinh khủng, bọn chúng là lũ quái vật." Tin này gây náo động, Blobel ợ hơi trong hành lang rồi quay lại gặp Heim. Tối đến ông ta thông báo với chúng tôi: "Generalfeldmarschall muốn thực hiện một hành động trừng phạt. Chơi một cú lớn, làm nhụt chí lũ khốn nạn đó." Callsen đọc cho chúng tôi một bản báo cáo về các vụ hành quyết trong ngày. Chuyện diễn ra suôn sẻ, nhưng phương pháp do von Reichenau ấn định, với hai khẩu súng cho một người bị kết án, tỏ ra có nhiều điểm

bất lợi: nếu muốn chắc chắn, người ta buộc phải nhằm bắn vào đầu thay vì vào ngực, khiến cho máu và óc phọt vào mặt những người bắn, và họ than phiền. Chuyện này kéo theo một trận tranh cãi kịch liệt. Häfner buông lời: "Các anh sẽ thấy rồi sẽ lại phải dùng đến *Genickschuss* thôi, giống như bọn Bônsêvich." Blobel đỏ mặt đập bàn một cú thật mạnh: "Meine Herren! Thứ ngôn ngữ đó không thể chấp nhận được! Chúng ta không phải là bọn Bônsêvich!... Chúng ta là những người lính Đức. Phục vụ *Volk* của chúng ta và Führer của chúng ta! Mẹ kiếp!" Ông ta quay sang Callsen: "Nếu người của anh quá nhạy cảm, thì phải cho họ uống rượu mạnh." Rồi sang Häfner: "Dù thế nào đi nữa thì cũng không được bắn vào gáy. Tôi không muốn lính có cảm giác phải chịu trách nhiệm cá nhân. Những vụ hành quyết sẽ được tiến hành theo phương pháp quân đội, chỉ thế thôi."

Buổi sáng hôm sau tôi ở chỗ AOK: họ đã tịch thu những cái hòm tài liệu khi chiếm thành phố, tôi phải cùng một phiên dịch xem xét chúng, nhất là tài liệu của NKVD, và quyết định phải chuyển cho Sonderkommando những cái nào để ưu tiên phân tích. Chúng tôi đặc biệt tìm kiếm các danh sách thành viên của Đảng cộng sản, của NKVD hoặc các tổ chức khác: hẳn là còn rất đông những kẻ đó còn ở lại thành phố, lẫn với dân thường, để thực hiện công việc do thám hoặc phá hoại, định vị chúng là việc khẩn cấp. Khoảng giữa trưa, tôi quay về Viện Hàn lâm để hỏi ý kiến tiến sĩ Kehrig. Ở tầng trệt đang rất hỗn loạn: những nhóm người đi lại ở các góc, hăng hái thì thụt. Tôi túm lấy tay áo một Scharführer: "Có chuyện gì?" – "Tôi không biết, Herr Obersturmführer. Tôi nghĩ là có chuyện gì đó với Standartenführer." – "Các sĩ quan ở đâu?" Anh ta chỉ cho tôi cầu thang dẫn về chỗ ở của chúng tôi. Trên tầng, tôi gặp Kehrig, đang vừa đi xuống vừa lẩm bẩm: "Thật là nhố nhăng, thực sự là nhố nhăng." – "Có chuyện gì thế?" tôi hỏi ông ta. Ông ta liếc nhìn tôi vẻ âm đạm và buông một câu: "Làm sao mà làm việc nổi trong điều kiện thế này?" Ông ta tiếp tục đi. Tôi trèo lên vài bậc thang nữa và nghe thấy một tiếng súng nổ, tiếng kính vỡ, những tiếng kêu. Trên bậc thềm, trước cánh cửa mở của phòng

Blobel, hai sĩ quan Wehrmacht đang cùng với Kurt Hans giậm chân sốt ruột. "Có chuyện gì thế?" tôi hỏi Hans. Anh ta hất cằm chỉ căn phòng, hai tay chắp sau lưng. Tôi bước vào. Blobel đang ngồi trên giường, chân đi bốt nhưng không không mặc áo vest, vung vẩy một khẩu súng lục; Callsen đứng bên cạnh và tìm cách chĩa khẩu súng vào tường mà không phải tóm lấy tay ông ta; một khoang kính cửa sổ đã bị bắn vỡ; dưới đất, tôi nhìn thấy một chai rượu mạnh. Blobel người tái nhợt, hét lên những tiếng không đầu không cuối, mồm bắn tung tóe nước bọt. Häfner bước vào sau lưng tôi: "Có chuyện gì thế?" – "Tôi không biết, chắc Standartenführer lên cơn động kinh." – "Ông ấy tức quá phát rồ đấy mà." Callsen quay lại: "A, Obersturmführer. Đi nói với người của Wehrmacht rằng chúng ta xin lỗi, và một lúc nữa hãy quay lại, nhé." Tôi lùi bước và va phải Hans, vừa quyết định đi vào phòng. "August, đi tìm bác sĩ đi," Callsen nói với Häfner. Blobel tiếp tục rống lên: "Không thể được, không thể được, bọn chúng điên rồi, tôi phải giết bọn chúng." Hai sĩ quan Wehrmacht đứng hơi khuất trong hành lang, cứng đơ, tái nhợt. "Meine Herren...", tôi cất tiếng. Häfner đẩy tôi để chạy xuống cầu thang. Viên Hauptmann rít lên: "Kommandant của các anh điên rồi! Ông ta định bắn vào chúng tôi." Tôi không biết phải nói gì. Hans hiện ra từ sau lưng tôi: "Thưa các ngài, chúng tôi thành thật xin lỗi. Standartenführer đang lên cơn kịch phát và chúng tôi đã cho gọi bác sĩ. Chúng tôi buộc lòng phải lùi cuộc hội kiến này lại sau." Trong phòng, Blobel hét lên một tiếng lanh lảnh: "Tôi sẽ giết chúng, bọn giẻ rách đó, để tôi giết chúng." Viên Hauptmann nhún vai: "Nếu như vậy, thì các sĩ quan cao cấp của SS thật... Làm sao mà hợp tác được với các anh đây." Hắn ta dang hai tay quay sang đồng nghiệp: "Không thể tin được, hắn là người ta đã thả hết người trong các trại điên ra." Kurt Hans tái mặt: "Meine Herren! Danh dự của SS..." Giờ đây cả anh ta cũng đã rống lên. Cuối cùng tôi cũng can thiệp và ngắt lời anh ta. "Nghe đây, tôi còn chưa biết chuyện gì đã xảy ra, nhưng rõ ràng là chúng ta đang gặp một vấn đề y học. Hans, không việc gì phải tức giận. Meine Herren, như

đồng nghiệp của tôi đã nói, có thể là sẽ tốt hơn vào lúc này nếu các ngài đi khỏi đây." Viên Hauptmann nhìn sang vẻ khinh bỉ: "Anh là tiến sĩ Aue phải không? Được rồi, đi thôi," hắn nói với đồng nghiệp. Trong cầu thang họ gặp Sperath, bác sĩ của Sonderkommando, đang lên cầu thang cùng Häfner: "Ông là bác sĩ đấy à?" – "Vâng." – "Cẩn thận nhé. Hắn ta có thể bắn cả ông đấy." Tôi bước lùi sang bên nhường chỗ cho Sperath và Häfner, rồi theo họ vào phòng. Blobel đã đặt khẩu súng lên bàn cạnh giường và nói nhát gừng với Callsen: "Nhưng anh cũng hiểu là không thể bắn từng đó Do Thái. Cần phải có một cái cày, một cái cày, phải cày chúng xuống dưới đất!" Callsen quay sang chúng tôi. "August, trông chừng Standartenführer một phút được không?" Ông ta nắm lấy tay Sperath, kéo sang bên và bắt đầu sôi nổi thì thầm. "Mẹ kiếp!" Häfner hét lên. Tôi quay lại, anh ta đang giằng co với Blobel vừa tìm cách vồ lấy khẩu súng. "Herr Standartenführer, Herr Standartenführer, bình tĩnh lại đi, tôi xin ông," tôi kêu lên. Callsen quay lại bên cạnh Blobel, nhỏ nhẹ nói chuyện với ông ta. Sperath cũng tiến lại gần để bắt mạch. Blobel lại định vồ khẩu súng nhưng Callsen đã kịp đẩy cánh tay ông ta chệch hướng. Sperath nói: "Nghe này, Paul, anh làm việc quá sức rồi. Tôi sẽ phải tiêm một mũi." – "Không! Không tiêm!" Cánh tay của Blobel vung lên, đập trúng mặt Callsen. Häfner nhặt cái chai lên, nhún vai chìa cho tôi xem: nó đã gần cạn. Kurt Hans đứng gần cửa nhìn, không nói năng gì. Blobel buông những lời cảm thán gần như không có nghĩa: "Bọn rác rưởi Wehrmacht phải giết! Tất!" rồi lại tiếp tục lẩm bẩm. "August, Obersturmführer, đến đây giúp tôi đi," Callsen ra lệnh. Ba người chúng tôi nắm lấy chân tay Blobel, nhấc người ông ta và đặt nằm lên giường. Ông ta không cựa quậy. Callsen cuộn áo vest của mình lại luồn xuống dưới đầu ông ta; Sperath vén tay áo ông ta lên và tiêm một mũi. Ông ta đã có vẻ bình tĩnh lại một chút. Sperath kéo Callsen và Häfner ra cửa để bàn luận và còn lại mình tôi bên cạnh Blobel. Cặp mắt lồi của ông ta nhìn chằm chằm lên trần nhà, một ít nước bọt sủi ra ở khóe mép, ông ta vẫn lẩm bẩm: "Cày bọn Do Thái

xuống đất, cày bọn Do Thái xuống đất." Một cách kín đáo, tôi nhét khẩu súng vào một ngăn kéo bàn: chưa ai nghĩ đến chuyện đó. Blobel có vẻ đã thiếp ngủ. Callsen quay lại chỗ cái giường: "Chúng ta sẽ đưa ông ấy đến Lublin." – "Sao lại Lublin?" – "Ở đó có bệnh viện cho những ca tương tự," Sperath giải thích. – "Bệnh viện tâm thần ấy mà," Häfner nói, giọng buông tuồng. – "August, câm miệng đi," Callsen mắng. Von Radetzky hiện ra ở bậu cửa: "Chuyện ngớ ngẩn này là thế nào?" Kurt Hans lên tiếng: "Generalfeldmarschall ra lệnh, mà Standartenführer thì đang ốm nên không chịu nghe. Ông ấy định bắn vào các sĩ quan Wehrmacht." – "Sáng nay ông ấy đã lên cơn sốt rồi," Callsen nói thêm. Bằng vài câu, ông ta miêu tả chi tiết tình hình cho von Radetzky, và cả lời đề nghị của Sperath. "Được rồi, von Radetzky ngắt lời, chúng ta sẽ làm như bác sĩ nói. Đích thân tôi sẽ đưa ông ấy đi." Ông ta có vẻ nhợt nhạt. "Còn lệnh của Generalfeldmarschall, các anh đã bắt tay vào làm chưa?" – "Chưa, chúng tôi chưa làm gì cả," Kurt Hans nói. – "Được rồi. Callsen, anh hãy lo việc chuẩn bị đi. Häfner, anh sẽ đi với tôi." – "Tại sao lại là tôi?" Häfner nhăn nhó. – "Bởi vì thế, von Radetzky băm bổ đáp lại. Đi lấy xe Opel của Standartenführer đi. Lấy thêm mấy can xăng, đề phòng có việc gì." Häfner nằn nì: "Janssen đi không được à?" – "Không, Janssen sẽ giúp Callsen và Hans. Hauptsturmführer, ông ta nói với Callsen, anh có đồng ý không?" Callsen tư lự lắc đầu: "Có lẽ tốt hơn hết là các anh ở lại, để tôi đi cùng ông ấy, Herr Sturmbannführer. Từ giờ anh giữ quyền chỉ huy mọi chuyện." Von Radetzky lắc đầu: "Tôi lại nghĩ sẽ tốt hơn nếu tôi đi cùng ông ấy." Callsen vẫn có vẻ nghĩ ngợi: "Anh có chắc là sẽ tốt hơn nếu ở lại không?" – "Có, có. Dù thế nào đi nữa, thì cũng đừng lấy đó làm chuyện: Obergruppenführer Jeckeln sắp cùng bộ tham mưu đến rồi. Phần lớn trong số họ đã ở đây, tôi vừa gặp. Ông ấy sẽ quản lý mọi việc." – "Được rồi. Bởi vì anh cũng biết là với tôi, một *Aktion* ở tầm vóc đó..." Một nụ cười thoáng qua làm môi von Radetzky nhếch đi: "Đừng lo. Đến gặp Obergruppenführer đi, và lo việc chuẩn bị nhé: mọi chuyện sẽ ổn thôi, tôi đảm bảo với anh đấy."

Một giờ sau, các sĩ quan họp trong phòng lớn. Von Radetzky và Häfner đã đi cùng Blobel; ông ta vẫn còn giơ chân đá lung tung khi được nhét vào chiếc Opel, Sperath buộc phải tiêm thêm một mũi trong khi Häfner giữ chặt lấy người ông ta. Callsen cất tiếng: "Được rồi, tôi nghĩ rằng tất cả các anh đều đã nắm được tình hình." Vogt ngắt lời: "Nhắc lại được chứ?" – "Nếu anh muốn. Sáng nay, Generalfeldmarschall ra lệnh tiến hành trả đũa cho mười người lính Đức bị tra tấn đến chết trong pháo đài. Ông ấy ra lệnh xử tử một tên Do Thái cho mỗi người bị bọn Bônsêvich giết, tức là trên một nghìn Do Thái. Standartenführer nhận lệnh và có vẻ như là điều đó khiến ông ấy rơi vào tình trạng kịch phát..." – "Cũng có phần lỗi của bên đại đoàn nữa, Kurt Hans can thiệp. Lẽ ra họ phải gửi ai đó có tài ngoại giao hơn tay Hauptmann đó. Hơn nữa, sai một tay Hauptmann đi truyền một cái lệnh quan trọng như thế thì khác nào sỉ nhục người ta." – "Phải công nhận rằng toàn bộ câu chuyện này gây ảnh hưởng rất xấu đến danh dự của SS," Vogt bình luận. – "Nghe đây, Sperath nói giọng gay gắt, vấn đề không phải ở đó. Tôi có thể nói với các anh rằng Standartenführer đã ốm từ sáng nay rồi, ông ấy sốt cao lắm. Có vẻ như là chớm bệnh thương hàn. Chắc chắn điều đó đã làm cơn kịch phát đến nhanh hơn." – "Đúng, nhưng dù sao thì ông ấy cũng uống quá nhiều," Kehrig nhận xét. – "Đúng vậy, tôi rụt rè, có một cái chai không trong phòng ông ấy." – "Ruột ông ấy có vấn đề, Sperath đáp. Ông ấy nghĩ uống rượu có thể giúp ích được gì đó." – "Dù có chuyện gì đi nữa, Vogt kết luận, giờ đây chúng ta không còn chỉ huy nữa rồi. Và cả chỉ huy phó cũng không luôn. Không ra sao cả. Tôi đề nghị trong khi chờ Sturmbannführer von Radetzky trở về, Hauptsturmführer Callsen giữ chức chỉ huy Sonderkommando." – "Nhưng tôi không phải là người có cấp bậc cao nhất, Callsen phản đối. Là anh hoặc Sturmbannführer Kehrig chứ." – "Đúng, nhưng chúng tôi không phải là sĩ quan tác chiến. Trong số chỉ huy các Teilkommando, anh là người có thâm niên nhất." – "Tôi đồng ý," Kehrig nói. Callsen, khuôn mặt căng thẳng, liếc từ người này sang

người khác, rồi nhìn về phía Janssen, đang quay đầu đi trước khi lắc đầu. "Tôi cũng vậy, Kurt Hans nói. Hauptsturmführer, anh phải chỉ huy thôi." Callsen im lặng một lúc rồi nhún vai: "Thôi được rồi. Nếu các anh muốn vậy." – "Tôi có một câu hỏi," Strehlke, Leiter II của chúng tôi, nhẹ nhàng lên tiếng. Anh ta quay sang Sperath: "Bác sĩ, theo ông thì Standartenführer đang ở vào tình trạng thế nào? Liệu chúng ta có thể tính đến chuyện ông ta sớm quay về không?" Sperath dấu mồi: "Tôi không biết. Khó nói lắm. Một phần cơn của ông ta có nguồn gốc thần kinh, nhưng hẳn là phải có những lý do thuộc về nội tạng nữa. Cần phải kiểm tra khi nào ông ấy bớt sốt." – "Nếu tôi hiểu đúng, Vogt húng hắng ho, thì ông ấy sẽ không về ngay được." – "Khó có khả năng. Ít nhất thì cũng không phải trong vài ngày tới." – "Nếu quả là như vậy, thì ông ấy sẽ không bao giờ quay lại," Kehrig buông lời. Sự im lặng trùm khắp phòng. Hiển nhiên là một ý nghĩ chung đang tập hợp chúng tôi lại, ngay cả khi không ai muốn nói rõ ra: có thể việc Blobel không quay trở lại không phải là một việc gì đó quá đỏ. Một tháng trước đây trong số chúng tôi không có người nào quen biết ông ta, và chúng tôi mới chỉ nghe lệnh ông ta kể từ một tuần nay; tuy thế, chúng tôi đã hiểu ra rằng làm việc với ông ta không hề dễ dàng, thậm chí còn nặng nề. Callsen phá vỡ sự im lặng: "Nghe này, mọi việc chưa ngã ngũ, nhưng phải bắt đầu lên kế hoạch thôi." – "Phải, Kehrig nhiệt tình nói, nhưng rõ ràng chuyện này thật là lố bịch kinh khủng, chẳng ra sao cả." – "Cái gì lố bịch cơ?" Vogt hỏi. – "Thì cuộc trả đũa này! Cứ như là chúng ta đang ở trong thời Chiến tranh Ba mươi năm vậy! Và rồi, trước hết, các anh định làm thế nào để nhận dạng được một nghìn tên Do Thái? Trong một đêm?" Ông ta đập tay lên mũi. "Bằng mắt thường? Xem mũi? Lấy thước đo?" – "Cái đó thì đúng, Janssen công nhận, từ nãy đến giờ anh ta không hề nói gì. Sẽ không dễ đâu." – "Häfner có một ý tưởng," Kurt Hans ngắn gọn. "Chúng ta chỉ cần bảo chúng tụt quần ra." Kehrig bùng nổ ngay: "Thật là điên rồ! Các anh mất trí rồi!... Callsen, nói với họ đi." Callsen vẫn rầu rĩ nhưng không nao núng: "Sturmbannführer, bình tĩnh đi. Hẳn là phải có một giải

pháp, lát nữa tôi sẽ thảo luận với Obergruppenführer. Còn tôi thì cũng như anh thôi, tôi đâu có thích thú gì chuyện này. Nhưng mệnh lệnh là mệnh lệnh." Kehrig nhìn anh ta chằm chằm, răng cắn chặt lưỡi; rõ ràng là ông ta đang cố kìm giữ. "Thế còn Brigadeführer Rasch, cuối cùng ông ta cũng hét lên, ông ta nói gì? Đó là thượng cấp trực tiếp của chúng ta cơ mà." – "Thì quả đó cũng là một vấn đề. Tôi đã tìm cách liên hệ với ông ấy, nhưng có vẻ như là Gruppenstab vẫn đang hành quân. Tôi muốn gửi một sĩ quan đến Lemberg để báo cáo và nhận chỉ thị của ông ấy." – "Anh nghĩ nên sai ai?" – "Tôi đã nghĩ đến Obersturmführer Aue. Anh có thể không có anh ta một hoặc hai ngày không?" Kehrig quay sang tôi: "Mấy hồ sơ đó đến đâu rồi, Obersturmführer?" – "Tôi đã sắp xếp được một phần lớn rồi. Còn cần vài giờ làm việc nữa thôi." Callsen nhìn đồng hồ: "Dù sao thì cũng đã bắt đầu hơi muộn để có thể đến nơi trước nửa đêm rồi." – "Được rồi, Kehrig quyết định. Trong trường hợp đó, tối nay kết thúc mọi việc đi và sáng mai đi sớm." – "Vâng... Herr Hauptsturmführer, tôi hỏi Callsen, anh muốn tôi làm gì?" – "Báo cáo cho Brigadeführer tình hình hiện nay và vấn đề của Kommandant. Nói cho ông ấy những quyết định của chúng ta và nói với ông ấy rằng chúng ta chờ chỉ thị của ông ấy." – "Trong khi anh ở đó, Kehrig nói thêm, cố thu thập thông tin về tình hình địa phương nhé. Có vẻ như là ở đó hỗn loạn lắm, tôi muốn biết có chuyện gì xảy ra." – "*Zu Befehl.*"

Tối đến, tôi cần bốn người để mang đống tài liệu lưu trữ đã qua lựa chọn lên khu văn phòng của SD. Kehrig đang ở vào một tâm trạng tồi tệ. "Nói xem, Obersturmführer, ông ta hét lên khi nhìn thấy đống hòm của tôi, tôi đã bảo anh chọn lọc chúng rồi cơ mà nhỉ!" – "Ông phải nhìn những gì tôi đã để lại ở đó, Herr Sturmbannführer." – "Có thể. Chúng ta sẽ lại còn phải mượn các phiên dịch viên nữa. Được rồi. Xe của anh đã sẵn sàng, anh gọi Höfler nhé. Đi sớm đi. Bây giờ thì sang gặp Callsen." Trong hành lang, tôi chạm trán Untersturmführer Zorn, một sĩ quan cấp thấp khác, thường phục vụ Höfler. "A, Tiến sĩ Aue. Anh may thật đấy." – "Tại sao anh nói thế?" – "Thì được đi còn gì. Việc ngày

mai phải làm thật không ra gì." Tôi lắc đầu: "Chắc hẳn rồi. Mọi cái đã sẵn sàng chưa?" – "Tôi không biết, tôi phụ trách tiền nong thôi." – "Zorn chỉ chăm chăm phàn nàn," Janssen vừa ra đến chỗ chúng tôi, cáu nhàu. – "Anh giải quyết được vấn đề chưa?" – "Vấn đề gì?" – "Vấn đề Do Thái. Tìm ra bọn chúng." Anh ta cười khô khốc: "À, cái đó! Thật ra thì đơn giản lắm. AOK cho in các apphich: tất cả Do Thái được yêu cầu đến trình diện vào sáng mai ở quảng trường lớn để lao động công ích. Chúng ta sẽ bắt đứa nào mò đến." – "Và anh tin là sẽ có đủ à?" – "Obergruppenführer nói rằng sẽ đủ, trò này lần nào cũng thành công. Nếu không, chúng ta sẽ bắt mấy tên cầm đầu Do Thái, dọa sẽ xử bắn chúng nếu không gom đủ số lượng." – "Tôi hiểu rồi." – "A, thật là đê tiện, tất cả những chuyện đó, Zorn rên rỉ. May mắn là tôi chỉ phải phụ trách tiền nong." – "Ít nhất thì anh cũng ở đây, Janssen tinh quái. Không như đồ con lợn Häfner." – "Có phải lỗi của anh ấy đâu, tôi phản đối, anh ấy đã muốn ở lại đấy chứ. Sturmbannführer cứ nằng nặc đòi anh ấy đi cùng." – "Thì đúng thế. Tại sao anh ta không ở đây?" Ông ta từ từ nhìn tôi. "Cả tôi nữa, tôi cũng thích được đi dạo mát ở Lublin hoặc Lemberg." Tôi nhún vai và đi sang gặp Callsen. Ông ta đang cùng Vogt và Kurt Hans cúi xuống bàn xem bản đồ thành phố. "Có chuyện gì thế, Obersturmführer?" – "Ông muốn gặp tôi mà." Callsen có vẻ tự chủ hơn nhiều so với buổi chiều, gần như đã thoải mái trở lại. "Anh sẽ nói với Brigadeführer tiến sĩ Rasch rằng Obergruppenführer Jeckeln xác nhận các mệnh lệnh của đại đoàn và tự quản lý *Aktion*." Ông ta nhìn tôi chằm chằm với đôi mắt bình thản; rõ ràng là quyết định của Jeckeln đã đỡ cho ông ta một gánh nặng trên vai. "Ông ấy cũng khẳng định vị trí của tôi với tư cách chỉ huy tạm thời cho đến khi Sturmbannführer von Radetzky quay lại, ông ta nói tiếp, trừ khi Brigadeführer có chủ kiến gì khác. Cuối cùng, về *Aktion*, ông ấy cho chúng ta mượn các trợ tá người Ukraine và một đại đội của tiểu đoàn dự bị cảnh sát số 9. Thế thôi." Tôi chào và đi ra không nói một lời. Đêm đó, tôi thức rất lâu: tôi nghĩ đến những người Do Thái sáng mai sẽ đến. Tôi thấy phương pháp được sử

dụng không hề chính trực; tại sao lại đi trừng phạt những người Do Thái có thiện ý, những người đặt niềm tin vào lời nói của Reich Đức; còn những kẻ khác, những tên lười biếng, phản phúc, Bônsêvich, chúng vẫn ẩn trốn và không thể tìm ra chúng được. Như Zorn đã nói, đó là một việc thật đê tiện. Tôi rất mừng vì được đi Lemberg, đó sẽ là một chuyến đi thú vị; nhưng tôi không hề hài lòng vì tránh được công việc theo cách đó; tôi nghĩ một việc như thế là vấn đề nghiêm trọng, nhưng là vấn đề cần đương đầu và giải quyết, ít nhất là vì bản thân mình, chứ không phải chạy trốn. Những người khác, Callsen, Zorn, tất cả đều muốn né tránh, hoặc ít nhất là không muốn lĩnh trách nhiệm: điều đó là không đứng đắn, theo tôi nghĩ. Nếu chúng ta phạm phải một điều không chính trực, chúng ta phải suy nghĩ đến nó, và quyết định xem liệu nó có cần thiết và không thể tránh khỏi hay không, hay chỉ là kết quả của dễ dãi, lười biếng, thiếu suy nghĩ. Đó là một vấn đề mang tính nguyên tắc. Tôi biết những quyết định đó được thông qua ở cấp cao hơn cấp của chúng tôi rất nhiều; tuy thế, chúng tôi không phải là những cái ôtômat, vấn đề không chỉ là tuân lệnh, mà còn là phải tán đồng được chúng; thế mà tôi lại nghi ngờ, và điều đó làm tôi thấy rối loạn. Cuối cùng tôi đọc sách một lúc và ngủ vài giờ.

Bốn giờ sáng, tôi mặc quần áo. Höfler, người tài xế, đã đợi tôi ở nhà ăn sĩ quan với thứ cà phê tệ hại. "Nếu ông muốn thì tôi còn có bánh mì và phomat, Herr Obersturmführer." – "Thôi không cần đâu, tôi không đói." Tôi im lặng uống cốc cà phê. Höfler ngái ngủ. Bên ngoài, không có tiếng động nào. Popp, tay lính sẽ hộ tống tôi, đi đến và bắt đầu ăn một cách ồn ã. Tôi đứng dậy ra sân hút thuốc. Trời trong, những ngôi sao nhấp nháy phía trên những mặt tiền nhà cao của trường dòng cổ, đóng kín và vô cảm dưới ánh sáng trắng êm ả. Tôi không nhìn thấy trăng. Höfler cũng đi ra và chào tôi: "Sẵn sàng chưa, Herr Obersturmführer?" – "Anh đã mang theo mấy bidông xăng chưa?" – "Rồi, ba cái." Popp đứng gần cửa phía trước của chiếc Admiral, dáng vẻ vụng về và thỏa mãn với khẩu súng trường của mình. Tôi ra hiệu cho anh ta leo lên băng ghế sau.

"Theo lệ thường, Herr Obersturmführer, người hộ tống phải ngồi trên." – "Đúng, nhưng tôi muốn anh ngồi sau."

Sau khi qua sông Styr, Höfler đi xiên chéo theo đường phía Nam. Những tấm panô rải rác dọc đường; nhìn bản đồ thì chúng tôi còn phải đi vài giờ nữa. Đó là một buổi sáng thứ Hai đẹp trời, yên ắng, bình lặng. Những ngôi làng say ngủ như thể không mấy bị chiến tranh tác động tới, những chốt gác cho chúng tôi đi qua không chút khó khăn. Bên trái, trời đã bắt đầu hừng lên. Một lúc sau mặt trời, còn đỏ quạch, hiện ra phía bên kia hàng cây. Những cụm sương mù dính xuống mặt đất; giữa các isba những cánh đồng phẳng lì rộng lớn trải dài ngút tầm mắt, điểm xuyết bằng những bụi cây, những ngọn đồi lực lưỡng và rậm rạp. Bầu trời chầm chậm chuyển sang xanh. "Ở đây chắc đất tốt lắm," Popp bình luận. Tôi không trả lời và anh ta im tiếng. Ở Radziechow chúng tôi dừng xe để ăn. Lại nhìn thấy đống khung xe bọc thép lông chông bên vệ đường và những cái hố, những ngôi nhà gỗ của nông dân bị đốt cháy làm biến dạng làng mạc. Đã có nhiều xe cộ hơn, chúng tôi gặp những hàng xe cam nhông dài chở lính và lương thực. Ngay trước khi đến Lemberg, một cái chắn đường bắt chúng tôi dừng xe để nhường đường cho các panzer. Mặt đường rung lên, từng bụm khói lớn che mờ kính xe chúng tôi và len lỏi bay vào theo các kẽ nứt. Höfler mời tôi và Popp một điếu thuốc. Anh ta vừa châm thuốc vừa làm ra vẻ bực dọc: "Thật là tồi tệ, cái thứ thuốc lá Sportnixe này." – "Có gì đâu nào. Dễ tính chút đi." Những chiếc xe tăng đi qua, một Feldgendarm lại gần ra hiệu cho chúng tôi đừng nổ máy vội: "Còn một đội nữa sắp đến," anh ta hét lên. Tôi hút hết điếu thuốc và ném đầu mẩu ra khỏi cửa xe. "Popp nói đúng đấy, Höfler đột ngột nói. Vùng này đẹp quá. Sau chiến tranh có thể đến sống ở đây được." – "Anh sẽ đến sống ở đây?" tôi mỉm cười hỏi anh ta. Anh ta nhún vai: "Còn tùy" – "Tùy gì?" – "Bọn hành chính. Nếu vẫn như chỗ chúng tôi, thì thôi luôn." – "Thế anh sẽ làm gì?" – "Nếu tôi có thể à, Herr Obersturmführer? Tôi sẽ mở một cửa hàng, như ở nhà tôi. Một quán bán thuốc lá, có quầy tính tiền, và có thể cả trái cây và rau nữa, còn phải xem." –

"Và anh thích ở đây hơn là về nhà?" Anh ta gõ mạnh lên vôlăng: "Nhưng ở nhà thì tôi đã phải đóng cửa. Ngay từ năm 38." – "Tại sao?" – "Thì cái lũ cacten chó chết đó, tụi Reemtsma ấy. Bọn chúng nhất quyết phải thu về được ít nhất năm nghìn reichsmark mỗi năm thì mới được cung cấp hàng. Trong làng tôi, tổng cộng có lẽ có sáu mươi gia đình, thế mà đòi bán đến năm nghìn reichsmark tiền thuốc lá... Làm gì được đâu, bọn chúng giữ độc quyền cung cấp. Tôi là người bán thuốc lá duy nhất của cả làng, Parteiführer của chúng tôi ủng hộ tôi. Ông ấy viết nhiều thư gửi Gauleiter nói tốt cho tôi, chúng tôi đã tìm mọi cách, nhưng chả có kết quả gì. Mọi chuyện kết thúc ở tòa án kinh tế và tôi thua kiện, nên tôi phải đóng cửa. Bán rau thì không thể đủ sống được. Và rồi tôi bị gọi lính." – "Thế là làng anh không còn thuốc lá nữa à?" Popp hỏi giọng đục ngầu. – "Thì làm gì còn, anh cũng thấy rồi còn gì." – "Ở chỗ chúng tôi còn chưa bao giờ có cơ." Đội panzer thứ hai đi đến và tất cả lại rung lên bần bật. Một cửa kính gắn không chắc của chiếc Admiral rung lên dữ dội. Tôi chỉ nó cho Höfler, anh ta gật đầu. Đoàn xe đi qua, dài dằng dặc: toàn mặt trận hẳn vẫn đang tiến lên hết tốc lực. Cuối cùng viên Feldgendarm cũng ra hiệu cho chúng tôi báo đường đã thông.

Ở Lemberg thật hỗn loạn. Không tay lính nào ở các chốt gác có thể chỉ cho chúng tôi PC của *Sicherheitspolizei* và của SD nằm ở đâu; mặc dù quân đội chúng tôi đã chiếm được thành phố từ hai ngày trước, có vẻ như không ai buồn nghĩ đến chuyện dựng cọc chỉ dẫn quân sự. Chúng tôi đi theo một phố lớn, một cách hú họa; nó đâm ra một đại lộ lớn có một công viên, và dọc hè phố là những mặt tiền sơn màu phấn, trang trí một cách điệu đà với những đường chỉ trắng. Phố nhung nhúc người. Giữa đám xe cộ nhà binh Đức còn có ôtô và cam nhông mở toang, đeo băngrôn và cờ xanh và vàng, chật ních những người mặc đồ dân sự hoặc đôi khi có vài người mặc quân phục, vũ trang bằng súng trường và súng ngắn; họ hò hét, hát, bắn chỉ thiên; trên hè phố và trong công viên, những người khác, có vũ khí hoặc không, hoan hô bọn họ, đứng lẫn vào đám lính Đức lạnh lùng. Một Leutnant của

Luftwaffe cuối cùng cũng chỉ được cho tôi một PC sư đoàn; từ đó, chúng tôi được chỉ đường đến AOK 17. Các sĩ quan chạy trong hành lang, sập cửa đi vào, ra khỏi các văn phòng; những hồ sơ Liên Xô bị vứt quăng quật và bị giẫm lên nằm đầy trong các hành lang; trong sảnh là một nhóm người đeo băng tay màu xanh và vàng trên quần áo dân sự và những khẩu súng; họ bàn luận sôi nổi bằng tiếng Ukraine hoặc tiếng Ba Lan, tôi cũng không biết chắc, với những người lính Đức đeo phù hiệu rập hình một con sơn ca. Cuối cùng tôi cũng vớ được một Thiếu tá trẻ tuổi của bên Abwehr: "Einsatzgruppe B? Họ đến từ hôm qua. Họ ở các văn phòng của NKVD." – "Ai ở đâu?" Anh ta chằm chằm nhìn tôi, vẻ kiệt sức: "Tôi không biết gì đâu." Cuối cùng anh ta tìm được cho tôi một sĩ quan cấp thấp đã từng ở đó để dẫn đường.

Trên đại lộ, xe cộ nhích từng chút một, rồi một đám đông chặn nghẽn tất cả lại. Tôi xuống khỏi chiếc Opel để xem việc gì đang diễn ra. Đám người hò hét, vỗ tay hoan hô; một số còn mang cả ghế từ một quán cà phê hoặc kéo thùng hòm ra đứng lên để nhìn được rõ hơn; những người khác công kênh trẻ con trên vai. Tôi khó nhọc rẽ được một lối đi. Ở giữa đám đông, trong một vòng tròn rộng, có mấy người đang vênh vang những bộ trang phục ăn cướp từ một nhà hát hoặc một viện bảo tàng, những lối ăn vận kỳ quái, một bộ tóc giả thời Nhiếp chính cùng một chiếc áo vest lính khinh kỵ năm 1812, một áo choàng quan tòa viền lông chồn, những bộ chiến phục Mông Cổ và khăn tatăng Scotland, một bộ quần áo nhạc kịch nửa La Mã nửa Phục hưng, với cái cổ áo xếp bồng; một người đàn ông mặc quân phục hồng kỵ binh Budienny, nhưng lại đội một chiếc mũ chóp cao và đeo một cái cổ lông thú, và ve vẩy một khẩu Mauser dài; tất cả đều cầm dùi cui hoặc súng trường. Dưới chân họ nhiều người đang quỳ gối liếm hè phố; thỉnh thoảng, một trong số những kẻ mặc đồ kỳ quái đá họ hoặc giáng báng súng xuống họ; phần lớn trong số đó chảy rất nhiều máu; đám đông hò hét inh tai. Sau lưng tôi, ai đó chơi một khúc nhạc vui tai bằng đàn accordeon; ngay lập tức, hàng chục giọng hát rền vang, trong khi người mặc đồ Scotland rút ra một

cây đàn violon và gảy như đàn guitar vì thiếu cây vĩ. Một khán giả kéo tay áo tôi và hét lên vẻ rất túc tối: "*Yid, yid, kaputt!*" Nhưng cái đó thì tôi hiểu được. Tôi thoát ra bằng một cú đẩy mạnh và rẽ đám đông đi ngược trở lại; Höfler, trong thời gian đó, đã quay đầu xe. "Tôi nghĩ chúng ta có thể đi đường này," người của Abwehr nói, chỉ tay vào một phố ngang. Chúng tôi nhanh chóng lạc đường. Cuối cùng, Höfler nảy ra ý định hỏi một người đi đường: "NKVD? NKVD?" – "NKVD *kaputt!*" người kia hét lên một cách vui vẻ. Bằng cử chỉ, anh ta chỉ đường cho chúng tôi: nó chỉ nằm cách AOK có hai trăm mét, chúng tôi đã đi sai hướng ngay từ đầu. Tôi phóng thích người dẫn đường và bước vào tự giới thiệu. Rasch, người ta thông báo với tôi, đang họp với tất cả các Leiter của ông ta và các sĩ quan của đại đoàn; không ai biết khi nào ông ta có thể tiếp tôi. Cuối cùng một Hauptsturmführer đến giúp tôi: "Anh từ Lutsk đến à? Chúng tôi đã biết tin rồi, Brigadeführer đã nói chuyện điện thoại với Obergruppenführer Jeckeln. Nhưng tôi chắc chắn là ông ấy rất quan tâm đến báo cáo của anh." – "Được rồi. Thế thì tôi sẽ đợi." – "Ôi, không cần đâu, ít nhất phải hai tiếng nữa ông ấy mới xong. Anh cứ việc đi thăm thú thành phố. Nhất là khu phố cổ, đáng đồng tiền bát gạo đấy." – "Dân chúng có vẻ rất phấn khích," tôi nhận xét. – "A, cái đó thì đúng. NKVD đã thảm sát ba nghìn người trong các nhà tù, trước khi chuồn khỏi. Và rồi tất cả những người dân tộc chủ nghĩa Ukraine và Galicie ra khỏi rừng rú, mà thật ra chẳng ai biết họ trốn ở đâu, và họ có phần hơi nóng đầu. Bọn Do Thái sẽ phải chịu những giờ phút khủng khiếp." – "Và Wehrmacht không làm gì?" Anh ta nháy mắt: "Lệnh *từ trên* mà, Obersturmführer. Dân chúng đang thanh toán những kẻ phản phúc và bọn theo đuôi, không phải việc của chúng ta. Đó là một xung đột nội bộ. Được rồi, lát nữa gặp lại nhé." Anh ta biến mất vào một văn phòng và tôi đi ra khỏi tòa nhà. Những loạt đạn từ trung tâm vọng đến giống như tràng pháo một ngày chợ phiên. Tôi để Höfler và Popp cùng chiếc Opel lại và đi bộ về phía đại lộ trung tâm. Dưới hàng cột một bầu không khí hoan hỉ đang ngự trị; người ta mở toang cửa và cửa sổ

quán cà phê, người ta uống, hò hét; người đi qua bắt tay tôi; một người vui vẻ chìa cho tôi một ly rượu vang, tôi liền uống cạn; trước khi tôi kịp trả ly, anh ta đã biến mất. Hòa lẫn vào đám đông, như trong một buổi lễ carnaval, những người dị hợm trang phục diễn kịch vẫn tiếp tục diễu qua diễu lại, một số còn đeo cả mặt nạ, vui vẻ, xấu xí, thô kệch. Tôi đi qua công viên; bên kia bắt đầu khu phố cổ, dáng vẻ hoàn toàn khác đại lộ theo lối Áo-Hung; ở đó là những ngôi nhà cao, hẹp xây cuối thời Phục hưng, phủ lên trên những mái nhọn, mặt trước màu sắc khác nhau nhưng đều đã phai màu, được tôn lên bởi những trang trí kiểu Barốc bằng đá. Trên những phố đó vắng người hơn rất nhiều. Một tấm apphich đầy chết chóc choán hết cửa kính một cửa hàng đóng kín: hình phóng to một bức ảnh chụp xác chết, với dòng ghi chú bằng chữ cái Kirin; tôi chỉ đọc được những từ "Ukraine" và "*Jidy*", Do Thái. Tôi đi dọc theo một nhà thờ đẹp và lớn, chắc hẳn là nhà thờ Thiên chúa giáo; nó đóng kín và không ai trả lời khi tôi đập cửa. Qua một cánh cửa mở ở đoạn phố dưới vắng ra tiếng thủy tinh vỡ, những cú đánh, những tiếng la hét; xa hơn một chút, một cái xác Do Thái nằm sấp mặt, mũi vục xuống rãnh nước. Những nhóm người nhỏ có vũ trang, đeo băng tay xanh vàng, hỏi chuyện dân thường; thỉnh thoảng, họ vào một ngôi nhà và thế là lại nghe thấy tiếng ầm ĩ, đôi khi có cả tiếng súng. Phía trước tôi, trên tầng gác, đột nhiên một người đàn ông bắn ra từ một ô cửa sổ đóng kín và đập người xuống đường gần như ngay dưới chân tôi, giữa một cơn mưa vụn kính; và tôi nghe rất rõ ràng âm thanh khô khốc khi gáy ông ta đập xuống đường. Một người mặc áo sơ mi và đội mũ cát két nhoài người khỏi cửa sổ vừa bị phá tung; nhìn thấy tôi, hắn ta vui vẻ hét to bằng một thứ tiếng Đức chối tai: "Xin lỗi nhé, thưa ngài sĩ quan Đức quốc! Tôi không nhìn thấy ngài." Nỗi hoang mang tăng lên, tôi tránh cái xác và im lặng tiếp tục bước đi. Một lúc sau, một người râu rậm mặc áo chùng tu sĩ hiện ra ở một cánh cổng, dưới chân một gác chuông cổ; khi nhìn thấy tôi, ông ta nghiêng người: "Herr Offizier! Herr Offizier! Xin ngài đi vào đây." Tiếng Đức của ông ta khá khẩm hơn kẻ vừa phá hoại cửa

số, nhưng ông ta có một âm điệu rất kỳ cục. Ông ta gần như dùng vũ lực kéo tôi về phía cái cổng. Tôi nghe thấy tiếng la hét, tiếng hú man rợ; trong sân nhà thờ, một nhóm người đang đánh đập hết sức dã man những người Do Thái nằm trên mặt đất, bằng dùi cui hoặc gậy sắt. Vài thân người đã không còn nhúc nhích dưới những ngọn đòn; một số thân người khác vẫn còn run lên. "Herr Offizier! tu sĩ kêu lên, làm cái gì đó đi, tôi xin ông! Đây là nhà thờ cơ mà." Tôi không biết phải nghĩ gì nữa. Một người Ukraine nhìn thấy tôi và hất đầu nói gì đó với các bạn của mình; bọn họ do dự, dừng việc đánh đập lại; tu sĩ sủa một tràng từ ngữ mà tôi không hiểu, rồi quay sang tôi: "Tôi nói với họ rằng ngài ra lệnh dừng lại. Tôi nói với họ rằng nhà thờ là chốn linh thiêng, còn họ là lũ lợn, và nhà thờ được Wehrmacht bảo vệ, nếu không dừng lại họ sẽ bị bắt." – "Tôi chỉ có một mình," tôi nói. – "Không quan trọng," tu sĩ đáp lời. Ông ta lại tuôn thêm một tràng nữa bằng tiếng Ukraine. Chầm chậm, những người kia bỏ dùi cui xuống. Một trong số họ hăng hái nói gì đó với tôi, mà tôi chỉ hiểu được những từ "Stalin", "Galicie" và "Do Thái". Một người khác nhổ nước bọt xuống những thân người. Một khoảnh khắc trôi nổi mơ hồ kéo dài; tu sĩ lại nói gì đó; rồi những người kia bỏ những người Do Thái lại, xếp thành hàng bỏ đi, biến mất vào đường phố, không nói một lời. "Cảm ơn, tu sĩ nói với tôi, cảm ơn." Ông ta chạy lại xem xét những người Do Thái. Sân hơi dốc: phía dưới, một hàng cột u tối lợp mái đồng xanh xây lưng vào nhà thờ. "Giúp tôi với, tu sĩ nói. Người này vẫn còn sống." Ông ta xốc nách kéo cái thân người lên và tôi đỡ lấy hai chân; đó là một người đàn ông trẻ tuổi, râu mọc lún phún. Đầu anh ta ngửa ra sau, một dòng máu chảy dọc theo mớ tóc quăn và để lại một vệt máu, từng giọt lớn trên nền đá. Tim tôi đập dồn: tôi chưa bao giờ vác một người đang hấp hối. Phải đi vòng qua nhà thờ, tu sĩ đi giật lùi, phàn nàn bằng tiếng Đức: "Đầu tiên thì Bônsêvich, giờ thì bọn điên Ukraine. Tại sao quân đội của các ông không làm gì?" Ở cuối khu nhà thờ, một mái vòm lớn mở vào một cái sân rồi đến cửa vào nhà thờ. Tôi giúp tu sĩ vác người Do Thái vào sảnh và đặt anh ta xuống một cái ghế dài. Ông ta cất

tiếng gọi; hai người khác, da cũng sậm màu và để râu như ông ta, nhưng mặc đồ lễ, hiện ra từ gian giữa. Ông ta nói với họ bằng một thứ tiếng kỳ lạ, không hề giống tiếng Ukraine, tiếng Nga hay tiếng Ba Lan. Ba người cùng đi vào cái sân trước cửa; một người đi về phía sau bằng một lối đi trong khi hai người còn lại quay về phía những người Do Thái. "Tôi bảo anh ta đi tìm bác sĩ," tu sĩ nói. – "Đây là đâu?" tôi hỏi ông ta. Ông ta dừng lại, nhìn tôi chằm chằm: "Đây là nhà thờ lớn Armenia." – "Có người Armenia ở Lemberg à?" tôi ngạc nhiên. Ông ta nhún vai: "Từ trước cả người Đức và người Áo cơ." Ông ta và người bạn khiêng thêm một người Do Thái đang khẽ rên rỉ. Máu người Do Thái chầm chậm chảy theo những phiến đá của cái sân dốc, về phía hàng cột. Dưới những mái vòm, tôi nhìn thấy những tấm bia mộ gắn vào tường hoặc xuống đất, ở trên in chìm những dòng chữ bí hiểm, hẳn là tiếng Armenia. Tôi tiến lại gần: máu đã chảy đầy những dòng chữ khắc chìm trên những tảng đá gắn xuống đất. Tôi vội quay đi. Tôi cảm thấy tức thở, lúng túng; tôi châm một điếu thuốc. Dưới hàng cột rất mát mẻ. Trong sân, mặt trời chiếu lên những vũng máu tươi và những phiến đá lát bằng đá vôi, lên những thân người Do Thái nặng nề, lên những bộ quần áo vải thô màu đen hoặc nâu sũng máu của họ. Lũ ruồi vo ve quanh đầu họ và đậu xuống các vết thương. Tu sĩ quay lại đứng bên cạnh họ. "Còn những người chết? Ông ta nói với tôi. Không thể để họ lại đây." Nhưng tôi không hề có ý định giúp ông ta; ý nghĩ phải chạm tay vào một cái xác người vô hồn đó làm tôi thấy kinh tởm. Tôi vòng tránh họ, đi ra cổng, và bước ra phố. Phố không bóng người, tôi đi liều sang trái. Một lúc sau, phố kết thúc ở một ngõ cụt; nhưng đi về bên phải tôi đến được một quảng trường ngự trị bởi một nhà thờ kiểu Barôc khổng lồ, với những họa tiết rococo, một cửa chính cao với hàng cột chống và trên cùng là mái vòm bằng đồng. Tôi bước lên mấy bậc thang và bước vào. Vòm trần lớn của gian giữa, phía trên, tựa nhẹ lên những cây cột xoắn mảnh, ánh sáng ban ngày rơi thành từng đợt sống qua các cửa kính màu, vờn lên những pho tượng gỗ mạ vàng lá; các hàng ghế dài u tối và bóng loáng chạy

đến tận cuối phòng, không một bóng người. Bên cạnh một sảnh nhỏ quét vôi, tôi nhìn thấy một cái cửa thấp, làm bằng gỗ đã cũ có nẹp bịt sắt: tôi đẩy nó ra; vài bậc thang đá dẫn đến một hành lang rộng và thấp, được vài cửa kính nhỏ chiếu sáng. Những cái giá lắp kính chiếm lĩnh bức tường đối diện, để đầy những thứ đồ thờ; một số cái đã cũ, chế tác tinh xảo. Tôi kinh ngạc khi nhìn thấy một giá bày những thứ đồ của Do Thái: những cuộn giấy viết chữ Hebreu, những tấm khăn choàng đội khi cầu nguyện, những bản khắc cũ kỹ miêu tả người Do Thái trong nhà thờ. Những cuốn sách bằng tiếng Hebreu có dòng ghi chú của nhà in bằng tiếng Đức: *Lwow, 1884; Lublin, 1853; bei Schmuel Berenstein.* Tôi nghe tiếng bước chân và ngẩng đầu lên: một thầy tu có mái tóc gọt một phần ở phía trên tiến về phía tôi. Ông ta mặc đồ trắng của dòng Dominicain. Đến ngang chỗ tôi đang đứng ông ta dừng lại: "Xin chào, ông ta nói bằng tiếng Đức. Tôi giúp được gì cho ngài không?" – "Đây là đâu?" – "Ngài đang ở trong một tu viện." Tôi chỉ những cái giá: "Không, tôi muốn nói những thứ này." – "Những cái này? Đây là bảo tàng về các tôn giáo của chúng tôi. Tất cả các hiện vật đều lấy được trong vùng. Cứ xem đi, nếu ngài muốn. Thường thì phải trả một ít tiền, nhưng hôm nay miễn phí." Ông ta đi tiếp và yên lặng biến mất qua cánh cửa bịt sắt. Phía xa, nơi ông ta xuất hiện lúc nãy, hành lang quay thành một góc vuông; tôi đang đứng trong một tu viện nhỏ, xung quanh là một bức tường, và đóng lại bởi những cửa sổ phong kín giữa hàng cột. Một tủ kính thấp và dài làm tôi chú ý. Một đèn chiếu nhỏ, treo trên tường, chiếu sáng bên trong, tôi cúi xuống: hai bộ xương người quấn chặt lấy nhau, đã bị bong mất khá nhiều lớp đất nung bọc bên ngoài. Bộ xương lớn hơn, hẳn là đàn ông, mặc dù đeo hai cái khuyên tai lớn bằng đồng sát cạnh xương sọ, đang nằm ngửa; bộ xương còn lại, rõ ràng là phụ nữ, nằm nghiêng co quắp, trong vòng tay của bộ xương kia, hai chân kẹp vào giữa hai chân người đàn ông. Thật là đẹp, tôi chưa bao giờ thấy điều gì tương tự. Tôi có đọc tấm bảng giới thiệu bên cạnh mà không hiểu. Họ đã nằm quấn riết lấy nhau như thế bao nhiêu thế kỷ rồi? Những cái xác

này hẳn đã rất xưa, hẳn phải có niên đại rất cổ; chắc chắn là người phụ nữ đã bị chôn theo cùng mộ với người chồng và người chủ quá cố; cái đó, tôi biết, là tập tục thời nguyên thủy. Nhưng lập luận như thế cũng không ổn; dù thế nào đi nữa, đó là tư thế nghỉ ngơi sau khi yêu nhau, say đắm, no nê. Tôi nghĩ đến em gái mà cổ họng se lại: cả nàng cũng sẽ bật khóc khi nhìn thấy cảnh này. Tôi ra khỏi trường dòng mà không gặp phải ai; bên ngoài, tôi đi thẳng, về phía cạnh bên kia của quảng trường. Phía sau đó mở ra một quảng trường lớn khác, ở trung tâm là một khu nhà lớn dính liền với một tòa tháp, cây cối bao bọc xung quanh. Những ngôi nhà hẹp nằm sát nhau quanh quảng trường, sơn màu sặc sỡ, mỗi nhà theo một phong cách riêng. Sau tòa nhà trung tâm đang tập trung một đám đông ồn ào. Tôi đi sang phía trái để tránh họ, rồi đi vòng qua một nhà thờ lớn, dưới một cây thánh giá bằng đá được thiên thần thành kính ôm lấy, liền kề một bức tượng Moïse uể oải với những Luật lệ của mình và một vị thánh tử lự, quần áo rách rưới, cây thánh giá dựng trên một cái xương sọ và hai khúc xương vắt chéo, gần giống biểu tượng khâu vào mũ calô của tôi. Phía sau, trên một phố nhỏ, người ta đã đặt ra hè mấy thứ bàn ghế. Tôi nóng, tôi mệt, tiệm cà phê có vẻ không có ai, tôi bèn ngồi xuống. Một cô gái bước ra nói tôi bằng tiếng Ukraine. "Cô có bia không? Bia?" tôi nói bằng tiếng Đức. Cô ta lắc đầu: "*Pivo nye tu.*" Cái đó thì tôi hiểu. "Cà phê? *Kava?*" – "*Da.*" – "*Voda?*" – "*Da.*" Cô ta trở vào rồi bước ra với một cốc nước mà tôi uống cạn một hơi. Rồi cô ta mang cho tôi một tách cà phê. Đã có sẵn đường nên tôi không uống. Tôi châm một điếu thuốc. Cô gái lại xuất hiện và nhìn thấy tách cà phê: "Cà phê? Không ngon?" cô ta hỏi tôi bằng thứ tiếng Đức rụt rè. – "Đường. *Niet.*" – "A." Cô ta mỉm cười, mang tách cà phê đi và đem một tách khác lại cho tôi. Cà phê rất đặc, không đường, tôi vừa uống vừa hút thuốc. Phía bên phải, dưới chân nhà thờ lớn, một nhà thờ nhỏ phủ đầy phù điêu, kéo dài thành những gờ đen, che khuất quảng trường chính khỏi tầm nhìn của tôi. Một người mặc quân phục Đức đang đi vòng qua đó, chăm chú ngắm nhìn những bức tượng nhằng nhịt vào nhau. Ông

ta nhìn thấy tôi và bước đến; tôi nhìn ngủ vai ông ta, vội vã đứng lên chào. Ông ta chào lại: "Xin chào! Anh là người Đức?" – "Vâng, Herr Hauptmann." Ông ta rút một chiếc khăn mùi soa ra lau trán. "A, thế thì tốt rồi. Anh cho phép tôi ngồi cùng chứ?" – "Tất nhiên, Herr Hauptmann." Cô gái lại xuất hiện. "Ông dùng cà phê có đường hay không đường? Chúng tôi chỉ có như vậy thôi." – "Cô cho có đường." Tôi nói cô gái mang cho chúng tôi hai tách cà phê, đường bỏ riêng bên cạnh. Rồi tôi ngồi xuống cùng viên Hauptmann. Ông ta chìa tay cho tôi: "Hans Koch. Tôi ở chỗ Abwehr." Đến lượt tôi giới thiệu. "A, anh ở bên SD à? Đúng vậy, tôi quên không nhìn phù hiệu của anh. Thế thì càng tốt, càng tốt." Viên Hauptmann có cái vẻ dễ mến hết sức mềm mại: trạc ngũ tuần, đeo kính tròn và hơi phệ. Giọng ông ta có âm sắc miền Nam, không hoàn toàn là giọng Viên. "Chắc ông là người Áo, Herr Hauptmann?" – "Đúng, Styrie. Còn anh?" – "Bố tôi gốc Poméranie. Nhưng tôi sinh ở Alsace. Rồi sau đó chúng tôi ở cả hai nơi." – "Tất nhiên rồi, tất nhiên rồi. Anh đang đi dạo à?" – "Vâng, gần như thế." Ông ta lắc lắc đầu: "Còn tôi đến để họp. Ở đằng kia, ngay bên cạnh, lát nữa." – "Một cuộc họp à, Herr Hauptmann?" – "Khi mời, họ nói với chúng tôi đó là một cuộc họp văn hóa, nhưng tôi nghĩ chắc sẽ là một cuộc họp chính trị." Ông ta ghé sát vào người tôi như để tâm sự: "Người ta chỉ định tôi vì tôi được coi là chuyên gia về các vấn đề dân tộc Ukraine." – "Thế ông có phải là chuyên gia không?" Ông ta ngửa người ra sau: "Không hề! Tôi là giáo sư thần học. Tôi có một chút hiểu biết về vấn đề tôn giáo hợp nhất, nhưng chỉ có thế thôi. Hẳn là họ cho gọi tôi bởi vì tôi từng phục vụ trong quân đội hoàng gia, tôi từng là Leutnant trong Thế chiến thứ nhất, hẳn là họ tự nhủ tôi biết rõ vấn đề dân tộc; nhưng hồi đó tôi ở biên giới Ý, và lại còn ở bên quân nhu nữa. Quả thực là tôi có vài đồng nghiệp người Croatia..." – "Ông nói được tiếng Ukraine không?" – "Có nói được từ nào đâu. Nhưng tôi có một phiên dịch đi cùng. Anh ta đang uống với mấy tay bên OUN, trên quảng trường ấy." – "OUN?" – "Phải. Anh còn chưa biết là họ đã chiếm được chính

quyền vào sáng nay à? Thật ra thì họ chiếm đài phát thanh. Và rồi họ ra tuyên bố, về đổi mới Nhà nước Ukraine, nếu tôi hiểu đúng. Chính vì thế mà tôi phải đến dự cuộc họp này. Tôi nghe nói là giáo chủ chúc phúc cho Nhà nước mới. Có vẻ như là chúng ta đã yêu cầu ông ta cái đó, nhưng tôi cũng không rõ nữa." – "Giáo chủ nào?" – "Của tôn giáo hợp nhất, dĩ nhiên rồi. Bên chính giáo ghét chúng ta lắm. Họ cũng ghét Stalin, nhưng họ còn ghét chúng ta hơn." Tôi định đặt một câu hỏi nhưng bị ngắt lời thô bạo: một người đàn bà hơi béo, gần như trần truồng, đi tất rách, hò hét chạy tới từ phía sau nhà thờ lớn; cô ta chạy thẳng vào giữa những cái bàn, lảo đảo, đẩy đổ một cái, và khóc lóc phủ phục xuống chân chúng tôi. Làn da trắng của cô ta hằn những vết bầm giập, nhưng cô ta không chảy máu nhiều. Hai tay đàn ông tay đeo băng im lặng đuổi theo cô ta. Một trong hai người nói với chúng tôi bằng thứ tiếng Đức tồi tệ: "Xin lỗi các ngài Offizier. *Kein Problem.*" Tay kia túm tóc người đàn bà giật lên và đấm một cú vào bụng cô ta. Cô ta nấc lên và im tiếng, bọt mép sùi ra. Người đầu tiên đá chân vào mông cô ta và cô ta tiếp tục bỏ chạy. Hai người kia vừa cười vừa chạy theo sát nút và biến mất sau nhà thờ nhỏ. Koch bỏ mũ calô và lại lau trán trong khi tôi dựng cái bàn đổ lên. "Ở đây đúng là toàn bọn mọi rợ," tôi nhận xét. – "Ồ cái đó thì đúng, tôi đồng ý với anh. Nhưng tôi lại nghĩ các anh khuyến khích bọn họ như thế chứ?" – "Chắc không phải, Herr Hauptmann. Nhưng tôi cũng vừa mới tới, đã biết gì đâu." Koch tiếp tục: "Ở AOK, tôi nghe nói *Sicherheitsdienst* đã cho in các apphich xúi giục bọn họ. *Aktion Petlioura*, chắc thế. Anh có biết lãnh tụ của người Ukraine không? Một tay Do Thái đã ám sát ông ta, hình như thế. Năm 26 hoặc 27." – "Rõ ràng ông cũng là một chuyên gia đấy chứ." – "Ồ, đấy là do tôi đọc vài báo cáo thôi." Cô gái bước từ trong quán ra. Cô ta mỉm cười và ra hiệu cho tôi rằng cà phê là miễn phí. Dù sao thì tôi cũng không có tiền vùng này. Tôi nhìn đồng hồ: "Xin thứ lỗi, Herr Hauptmann. Tôi phải đi đây." – "Ồ, anh cứ tự nhiên." Ông ta bắt tay tôi: "Chúc may mắn."

Tôi tìm đường ngắn nhất rời khỏi khu phố cổ và khó nhọc

rẽ một lối đi giữa đám đông cuồng nhiệt. Ở Gruppenstab, không khí rất sôi nổi. Vẫn người sĩ quan đó tiếp tôi: "A, vẫn là anh." Cuối cùng, Brigadeführer cũng tiếp tôi. Ông ta lịch sự bắt tay tôi, nhưng khuôn mặt to bè trông rất nghiêm. "Ngồi xuống đi. Có chuyện gì xảy ra với Standartenführer Blobel?" Ông ta không đội mũ và cái trán gồ cao sáng bóng lên dưới ánh đèn. Tôi tóm tắt cho ông ta sự suy sụp của Blobel: "Theo bác sĩ, nguyên nhân chắc là do sốt và kiệt sức." Đôi môi dày của ông ta hơi bĩu ra. Ông ta lục tìm trong đống giấy tờ trên bàn làm việc và rút ra một tờ giấy. "Ic của AOK 6 đã viết thư cho tôi để kêu ca về những lời nói của ông ấy. Ông ấy đã đe dọa các sĩ quan Wehrmacht à?" – "Nói thế là quá lời rồi, Herr Brigadeführer. Quả thực là ông ấy đã phát điên, nói toàn những câu không đầu không cuối. Nhưng những câu đó không nhằm vào ai cụ thể, chỉ là do tác động của bệnh tật thôi." – "Được rồi." Ông ta hỏi tôi thêm vài điều nữa, rồi ra hiệu cuộc gặp kết thúc. "Sturmbannführer von Radetzky đã trên đường về lại Lutsk rồi, ông ấy sẽ chỉ huy thay cho đến khi Standartenführer khỏe lại. Ở đây sẽ chuẩn bị các lệnh và giấy tờ. Tối nay anh đến gặp Hartl ở bên hành chính, anh ta sẽ lo chỗ ngủ cho anh." Tôi đi ra và đến văn phòng của Leiter I; một phụ tá của ông ta đưa tôi mấy cái phiếu thực phẩm. Rồi tôi xuống chỗ Höfler và Popp. Trong sảnh, tôi gặp Thomas. "Max!" Anh vỗ vai tôi, và một nỗi sung sướng xâm chiếm lấy tôi. "Rất mừng gặp lại cậu ở đây. Cậu làm gì đấy?" Tôi giải thích cho anh. "Và cậu ở lại cho đến mai? Tuyệt vời. Tớ sẽ ăn tối với mấy người bên Abwehr, trong một quán ăn nhỏ, có vẻ rất ngon. Cậu đến ăn cùng nhé. Cậu có chỗ ngủ chưa? Không sang trọng lắm đâu, nhưng ít nhất cậu cũng sẽ có khăn trải giường sạch. Rất may là cậu không đến vào hôm qua: tất cả đều tanh bành. Bọn Đỏ đã tàn phá tất cả trước khi rút đi, và người Ukraine đã đến trước chúng ta. Bọn tớ đã bắt bọn Do Thái dọn dẹp nhưng phải mất rất nhiều thời gian, mãi đến sáng mới được ngủ." Tôi hẹn sẽ đến gặp anh ở khu vườn phía sau tòa nhà và chào tạm biệt. Popp đang ngây trong chiếc Opel, còn Höfler chơi bài với mấy viên cảnh sát; tôi thông báo lại cho anh ta về

chuyện ngủ đêm và ăn uống, và vào vườn hút thuốc trong khi chờ Thomas đến.

Thomas là một người bạn tốt, tôi thực sự mừng vì gặp lại anh. Tình bạn của chúng tôi đã bắt đầu từ nhiều năm trước; ở Berlin, chúng tôi thường xuyên ăn tối với nhau; thỉnh thoảng, anh dẫn tôi đến các hộp đêm, hoặc các phòng hòa nhạc danh tiếng. Đó là một người rất hoạt bát và có tài xoay xở. Ngoài ra, chủ yếu nhờ anh mà tôi có mặt ở Nga; ít nhất cũng là nhờ lời gợi ý của anh. Nhưng trên thực tế ngọn nguồn câu chuyện còn trở ngược lên xa hơn. Mùa xuân năm 1939, tôi vừa bảo vệ luận án tiến sĩ luật và gia nhập SD, chúng tôi rất hay nói chuyện về chiến tranh. Sau Bohême và Moravie, Führer đang quan tâm đến Danzig; vấn đề hoàn toàn nằm ở việc đoán trước phản ứng của Pháp và Anh. Phần lớn mọi người nghĩ rằng hai nước đó sẽ buông Danzig giống như từng làm với Praha; nhưng họ đã quây lấy biên giới phía Tây Ba Lan, và nhanh chóng tái vũ trang quân đội. Tôi tranh luận rất nhiều với Tiến sĩ Best, thượng cấp và cũng phần nào là quân sư của tôi ở SD. Về lý thuyết, ông ta khẳng định, chúng tôi sẽ không có gì phải lo ngại chiến tranh; chiến tranh là kết quả lôgic của *Weltanschauung*. Trích dẫn Hegel và Jünger, ông ta lập luận rằng Nhà nước chỉ có thể đạt đến mức độ thống nhất lý tưởng trong và bởi chiến tranh: "Nếu cá nhân là phủ nhận của Nhà nước, thì chiến tranh là phủ nhận của phủ nhận đó. Chiến tranh là thời điểm của sự xã hội hóa tuyệt đối tồn tại tập thể của dân tộc, của *Volk*." Nhưng giới chóp bu lại có nhiều lo lắng tàn mát hơn. Trong phạm vi bộ của von Ribbentrop, ở Abwehr, tại chính bộ ngoại giao của chúng tôi, mỗi người đánh giá tình hình theo một cách thức riêng. Một hôm, tôi được triệu tập đến chỗ *der Chef*, Reinhard Heydrich. Đó là lần đầu tiên và cũng niềm phấn khích hòa quyện với nỗi lo sợ khi tôi bước vào văn phòng ông ta. Tập trung một cách cao độ, ông ta đang làm việc với một chồng báo cáo, và tôi đứng nghiêm mất mấy phút mới được ra hiệu mời ngồi. Tôi có thời gian quan sát ông ta từ rất gần. Dĩ nhiên tôi đã nhiều lần nhìn thấy ông ta, trong các cuộc họp hoặc trong những

hành lang của Prinz-Albrecht-Palais; nhưng từ xa ông ta trông như là hiện thân của *Übermensch* miền Bắc, trong khi nhìn từ khoảng cách gần ông ta gây ra một ấn tượng rất lạ, hơi mơ hồ. Cuối cùng tôi đành quyết định đó là một vấn đề về tỉ lệ: đầu cái trán cao và gồ một cách khác thường, cái miệng quá rộng, đôi môi quá dày so với khuôn mặt hẹp; hai bàn tay có vẻ quá dài, trông giống như hai đám tảo dính một cách bồn chồn vào hai cánh tay. Khi ông ta nhướng đôi mắt nhỏ xíu quá gần nhau lên để nhìn tôi, thì tôi ra chúng có vẻ không nằm đúng chỗ; và khi cuối cùng ông ta nói với tôi, giọng nói lại có vẻ quá thanh so với một cơ thể đầy sức mạnh thế kia. Ông ta tạo cho tôi một cảm giác lạ lùng về nữ tính, điều đó khiến ông ta càng có vẻ khủng khiếp hơn nữa. Những câu nói của ông ta rơi xuống thật nhanh, ngắn gọn, căng thẳng; gần như không bao giờ ông ta kết thúc chúng; nhưng nghĩa của chúng thì bao giờ cũng nét và rõ. "Tôi có một nhiệm vụ cho anh, Doktor Aue." Reichsführer không hài lòng với những bản báo cáo mà ông ta nhận được về ý đồ của các nước lớn phương Tây. Ông ta muốn có một đánh giá khác, độc lập với đánh giá của bộ ngoại giao. Ai cũng biết là tại các nước đó có một trào lưu hòa bình chủ nghĩa rất mạnh, đặc biệt là trong số những người dân tộc chủ nghĩa hoặc thân phát xít; nhưng còn một điều rất khó đoán định là ảnh hưởng của họ đến các chính phủ. "Tôi thấy là anh biết rõ Paris. Theo hồ sơ thì anh có nhiều quan hệ với những người gần gũi với nhóm Action française. Kể từ đó những người này đã trở nên khá quan trọng." Tôi định cất lời nhưng Heydrich đã cắt ngang: "Không có vấn đề gì đâu." Ông ta muốn tôi sang Paris kết nối trở lại với những mối quen biết cũ để tìm hiểu sức mạnh chính trị thực sự của các nhóm hòa bình chủ nghĩa. Tôi sẽ phải lấy cớ là đang đi nghỉ sau khi học xong. Và rất tự nhiên, tôi sẽ phải nói với những ai muốn nghe những ý đồ mang tính hòa bình chủ nghĩa, đối với Pháp, của nước Đức dân tộc-xã hội. "Tiến sĩ Hauser sẽ đi cùng anh. Nhưng các anh sẽ phải làm báo cáo riêng. Standartenführer Taubert sẽ cung cấp tiền và các tài liệu cần thiết. Rõ hết rồi chứ?" Trên thực tế, tôi thấy hoàn toàn

lạc lối, nhưng ông ta không để tôi cất lời. "*Zu Befehl*, Herr Gruppenführer," đó là tất cả những gì tôi có thể nói. – "Tốt. Quay về vào cuối tháng Bảy nhé. Anh về đi."

Tôi đến gặp Thomas. Tôi rất mừng vì có anh đi cùng: hồi còn sinh viên, anh đã sống nhiều năm ở Pháp, tiếng Pháp của anh rất chuẩn. "Nào nào! Cậu lại giận dỗi rồi, anh ta nói ngay khi nhìn thấy tôi. Lẽ ra cậu phải sung sướng chứ. Một nhiệm vụ, cậu đã được giao một nhiệm vụ, không phải chuyện chơi đâu đấy." Tôi đột nhiên nhận ra quả thực đó là cả một mối lợi bất ngờ. "Cậu sẽ thấy. Nếu thành công, việc này sẽ mở cho chúng ta không ít cánh cửa. Mọi việc sẽ nhanh chóng biến chuyển, và sẽ có chỗ cho những người biết nắm lấy tình thế." Anh đã đến gặp Schellenberg, cố vấn chính của Heydrich về vấn đề ngoại giao; Schellenberg đã nói chi tiết những gì người ta chờ đợi ở chúng tôi. "Chỉ cần đọc báo là biết ai muốn chiến tranh và ai không muốn. Điều khó khăn hơn là phải đánh giá đúng được ảnh hưởng thực tế của hai phe. Và rồi nhất là ảnh hưởng thực tế của bọn Do Thái. Có vẻ như là Führer tin rằng chúng muốn lôi kéo nước Đức vào một cuộc chiến tranh khác; nhưng liệu người Pháp có ủng hộ chúng hay không? Đó chính là câu hỏi." Anh cười thật lớn: "Và rồi ở Paris ăn ngon phải biết! Phụ nữ thì đẹp." Nhiệm vụ được thực hiện không chút khó khăn. Tôi gặp lại những người bạn cũ, Robert Brasillach, người đang chuẩn bị đi xe lưu động vòng quanh Tây Ban Nha cùng cô em gái Suzanne và em rể Bardèche, Blond, Rebatet, những người khác ít nổi tiếng hơn, đều là bạn cũ của tôi vào thời tôi còn học dự bị và những năm ở ELSP. Đêm đến, Rebatet, say sưa ngật ngưỡng, lôi tôi đi khắp khu Latin để trịnh trọng bình luận cho tôi nghe những dòng chữ vừa được sơn lên những bức tường Sorbonne, MANE, THECEL, PHARÈS; ban ngày, đôi khi anh dẫn tôi đến nhà Céline, giờ đây đã nổi tiếng một cách đặc biệt, và vừa in cuốn sách đã kích thứ hai với nồng độ vô cùng đậm đặc; trên tàu điện ngầm, Poulain, một người bạn của Brasillach, đọc cho tôi nghe từng đoạn dài: *Không hề tồn tại thứ căm thù nền tảng, không thể cứu chữa giữa người Pháp và*

người Đức. Điều tồn tại là một thứ mưu mô thường trực, tinh vi, mang tính Do Thái-Anh quốc để cố sức ngăn chặn việc châu Âu biến cải thành một khối duy nhất nằm dưới sự cai trị của Pháp-Đức như trước năm 843. Toàn bộ tinh thần Do Thái-Anh quốc nằm ở chỗ lôi kéo chúng ta đi từ xung đột này đến một xung đột khác, từ cuộc nồi da nấu thịt này đến cuộc tàn sát khác, những trò giết chóc mà chúng ta, người Đức và người Pháp, thường xuyên phải tìm cách thoát khỏi trong những điều kiện khốn cùng, máu chảy đầm đìa, hoàn toàn phải nương vào lòng thương hại của lũ Do Thái của Độ thành. Còn về phía Gaxotte và bản thân Robert, mà tờ *Nhân đạo* nói là đã bị bỏ tù, họ giải thích cho những ai muốn nghe rằng toàn bộ nền chính trị nước Pháp được hướng lối bởi những cuốn sách thiên văn học của Trarieux d'Egmont, người đã có vinh dự dự báo chính xác ngày xảy ra vụ München. Chính phủ Pháp, một dấu hiệu rất xấu, vừa trục xuất Abetz và các phái viên Đức khác. Ý kiến của tôi được mọi người quan tâm: "Kể từ khi Versailles chui vào thùng rác của lịch sử, với chúng tôi không còn cái gọi là vấn đề Pháp nữa. Ở Đức không ai nuôi ý định thôn tính Alsace và Lorraine hết. Nhưng với Ba Lan, chưa phải mọi chuyện đã được giải quyết xong. Chúng tôi không hiểu điều gì đã đẩy nước Pháp can dự vào đó." Nhưng quả đó là sự thật, chính phủ Pháp muốn can dự vào đó. Những người không tin vào giả thuyết Do Thái thì phỉ nhổ nước Anh: "Bọn họ muốn bảo vệ Đế chế của họ. Vẫn là cái chính sách mòn mỏi từ thời Napoléon đó: không được cho phép hình thành khối lực lượng lục địa duy nhất." Ngược lại, những người khác nghĩ rằng Anh khá là dè dặt trong việc can thiệp, và chính bộ tổng tham mưu Pháp, vì mơ đến chuyện có được liên minh của Nga, muốn hạ thủ Đức *trước khi quá muộn*. Mặc cho sự nhiệt tình của họ, những người bạn tôi tỏ ra bi quan: "Cánh hữu Pháp đang chơi trò lội ngược dòng nước, một tối Rebatet nói với tôi. Vì danh dự." Tất cả mọi người đều có vẻ buồn bã mà chấp nhận rằng chiến tranh sớm muộn rồi cũng sẽ nổ ra. Cánh hữu phỉ nhổ cánh tả và Do Thái; cánh tả và Do Thái, dĩ nhiên, phỉ nhổ Đức. Tôi hiếm khi gặp Thomas. Một lần, tôi dẫn

anh đến quán rượu nơi tôi hẹn gặp nhóm *Je Suis Partout*, giới thiệu anh là bạn học cùng ở trường đại học. "Pylade của anh đấy à?" Brasillach hỏi xóc bằng tiếng Hy Lạp. "Chính xác, Thomas liền đáp lời cũng bằng thứ tiếng đó, thứ ngôn ngữ trở nên ngân nga qua âm sắc Viên của anh. Và cậu ấy là Oreste của tôi. Hãy đề phòng thứ tình bạn đầy mạnh mẽ." Bản thân anh cũng đã xây dựng được nhiều mối quan hệ trong giới thương nhân; trong khi tôi hài lòng với rượu vang và mì Ý trong những căn phòng áp mái đông nghẹt những người trẻ tuổi phấn khích, anh nhấm nháp gan ngỗng tại các quán ăn ngon nhất của thành phố. "Taubert sẽ thanh toán, anh cười. Tại sao lại bỏ lỡ cơ hội?"

Quay về Berlin, tôi đánh máy bản báo cáo. Những kết luận của tôi bi quan, nhưng sáng suốt: cánh hữu Pháp về cơ bản là chống chiến tranh, nhưng xét về mặt chính trị tiếng nói của họ có rất ít trọng lượng. Chính phủ, bị ảnh hưởng bởi người Do Thái và bọn đầu sỏ tài chính Anh, đã nhận định rằng sự bành trướng của Đức, ngay cả trong những giới hạn *Grossraum* tự nhiên của mình, cũng tạo ra một đe dọa cho các quyền lợi thiết yếu của nước Pháp; nước Pháp sẽ tham chiến, không phải vì bản thân Ba Lan, mà vì những cam kết đã có với Ba Lan. Tôi chuyển báo cáo cho Heydrich; theo lời yêu cầu của ông ta, tôi cũng chuyển một bản sao cho Werner Best. "Hẳn là anh có lý, tôi nghĩ thế, Best nói với tôi. Nhưng đó không phải là điều mà họ muốn nghe." Tôi đã không bàn bạc về báo cáo với Thomas; khi tôi miêu tả cho anh nội dung của nó, anh bĩu môi vẻ chán nản. "Cậu thực sự không hiểu tí chút gì. Người ta sẵn sàng nghĩ là cậu chui ra từ tận cùng xứ Franconie đấy." Anh đã viết điều hoàn toàn ngược lại: các nhà công nghiệp Pháp chống chiến tranh vì sợ ảnh hưởng đến xuất khẩu của mình, và do đó quân đội Pháp cũng chống, và thêm một lần nữa chính phủ sẽ lại phải xoay chiều theo sự đã rồi. "Nhưng cậu biết thừa là mọi chuyện sẽ không diễn ra như vậy," tôi phản đối. – "Chúng ta cần quái gì quan tâm đến những gì sẽ xảy ra? Nó quan hệ với chúng ta, cậu và tớ, theo cách nào mới được chứ? Reichsführer chỉ muốn một điều: có thể đảm bảo với Führer rằng

ông ấy có thể cai quản được Ba Lan theo cách của mình. Điều xảy đến sau này, thì sau này chúng ta sẽ quan tâm." Anh lắc đầu: "Thậm chí Reichsführer sẽ không nhìn đến báo cáo của cậu đâu."

Dĩ nhiên là anh có lý. Heydrich không có phản hồi nào về những gì tôi đã gửi cho ông ta. Một tháng sau, khi Wehrmacht tiến vào chiếm Ba Lan, và khi Pháp và Anh tuyên chiến với Đức, Thomas được thuyên chuyển đến một trong những Einsatzgruppe tinh nhuệ mới của Heydrich, và người ta gửi tôi về Berlin để làm những công việc vô vị. Tôi sớm hiểu ra rằng trong những *trò xiếc quốc xã* bất tận, tôi đã lạc lối nặng nề, tôi đã diễn giải sai những dấu hiệu mơ hồ từ trên cao, tôi đã không đoán đúng được ý muốn của Führer. Những phân tích của tôi chính xác, còn của Thomas sai; anh đã được trả ơn bằng một cuộc thuyên chuyển đáng ghen tị, cộng thêm với những cơ may thăng chức, còn tôi thì bị đẩy ra ngoài lề: chuyện này rất đáng được suy nghĩ. Trong những tháng sau đó, tôi phát hiện, thông qua những mánh mối đáng tin, rằng bên trong RSHA vừa được lập ra bằng việc sáp nhập không chính thức SP và SD, ảnh hưởng của Best suy sút, mặc cho việc ông ta được cử đứng đầu hai ban một lúc; ngược lại, ngôi sao Schellenberg leo lên ngày một cao hơn. Nhưng, như thể tình cờ, từ đầu năm Thomas đã bắt đầu nâng qua lại với Schellenberg; anh bạn tôi có một thiên tài kỳ lạ và không bao giờ nhầm lẫn trong việc tìm được chỗ tốt, không phải vào đúng lúc, mà là ngay trước đó; như thế, lần nào cũng có vẻ như anh vẫn luôn ở đó, và những ngoằn ngoèo của vấn đề ngôi bậc hành chính chính quyền còn phải chạy dài sau anh. Tôi cũng có thể hiểu ra điều đó sớm hơn nếu để tâm. Giờ đây, tôi ngờ rằng tên tôi đã bị gắn chặt với cái tên của Best, và qua đó gắn với những khái niệm *viên chức, luật gia nhỏ mọn*, không *năng động* cho lắm, không đủ *cứng rắn*. Tôi sẽ vẫn có thể ngồi viết ra những ý kiến về tư pháp, lúc nào cũng cần người làm việc đó, nhưng chỉ đến thế mà thôi. Và trên thực tế, vào tháng Sáu năm sau đó, Werner Best từ chức khỏi RSHA, cơ quan mà hơn ai hết ông ta đã góp công dựng lên. Thời gian đó tôi rất sẵn sàng để được thuyên

chuyển sang Pháp; người ta trả lời tôi rằng tôi sẽ có ích hơn nếu ở lại ban luật. Best rất tinh ma, ông ta có bạn bè và những người bảo trợ ở nơi khác; từ nhiều năm, những cuốn sách của ông ta đã biến cải luật hình sự và lập pháp đi theo hướng công ước quốc tế và lý thuyết về *Grossraum*, những "không gian lớn", mà ông ta phát triển để chống lại Carl Schmitt; trợ sức cho ông ta là thầy giáo cũ của tôi, Reinhard Höhn và vài trí thức khác; khéo léo chơi những quân bài đó, ông ta kiếm được một chức vụ cao cấp trong chính quyền quân sự ở Pháp. Còn tôi, người ta thậm chí còn không cho xuất bản gì cả hết.

Thomas, khi về nghỉ phép, khẳng định với tôi điều này: "Tớ từng nói với cậu là cậu đã làm một trò ngu xuẩn. Tất cả những người có thế lực đều đang ở Ba Lan." Lúc này, anh nói thêm, anh không thể làm được gì nhiều cho tôi. Schellenberg đang là ngôi sao, người được Heydrich bảo trợ, và Schellenberg không thích tôi, ông ta thấy tôi đã bị mắc kẹt. Về phần Ohlendorf, chỗ dựa khác của tôi, ông ta đang gặp quá nhiều khó khăn với chính cái ghế của mình để mà có thể nghĩ đến tôi. Có lẽ tôi phải đến gặp những giám đốc cũ của bố tôi. Nhưng ai cũng đều bận bịu cả.

Cuối cùng, chính Thomas là người khởi động lại mọi việc cho tôi. Sau Ba Lan, anh đi Nam Tư và Hy Lạp, và trở về với chức Hauptsturmführer, nhiều lần được tặng mề đay. Giờ đây lúc nào anh cũng mặc quân phục, cũng được may cắt thanh lịch ngang bằng với những bộ đồ cánh ngày xưa của anh. Tháng Năm 1941, anh mời tôi đến ăn tối ở *Horcher*, một quán ăn lừng danh trên Lutherstrasse. "Tớ sẽ đãi cậu," anh vừa cười to vừa tuyên bố. Anh gọi sâm banh và chúng tôi uống mừng thắng lợi: "Sieg Heil!" Những thắng lợi đã có, và thắng lợi sẽ có, anh nói thêm; tôi đã biết tin tức về nước Nga chưa? "Tớ đã nghe những lời đồn đại, tôi thú nhận, nhưng chỉ có vậy thôi." Anh mỉm cười: "Chúng ta sẽ tấn công. Tháng tới." Anh ngừng lời để gây thêm ấn tượng cho cái tin. "Chúa ơi", cuối cùng tôi cũng phải để bật ra tiếng kêu. – "Không có Chúa. Chỉ có Adolf Hitler, Führer của chúng ta, và sức mạnh bất khả chiến bại của Reich Đức. Chúng ta đang tập hợp

một quân đội lớn nhất của lịch sử loài người. Chúng ta sẽ nghiền nát bọn chúng trong vài tuần." Chúng tôi uống. "Nghe này, cuối cùng anh nói. *Der Chef* đang lập nhiều Einsatzgruppe để đi theo các đội lính chiến của Wehrmacht. Những đơn vị đặc biệt, như ở Ba Lan ấy. Tớ có những lý do để tin rằng họ sẽ sẵn sàng nhận tất cả các sĩ quan trẻ có tài của SS tình nguyện chuyển sang Einsatz đó." – "Tớ cũng đã thử đăng ký tình nguyện rồi. Sang Pháp. Họ đã từ chối." – "Lần này họ sẽ không từ chối nữa đâu." – "Còn cậu, cậu có đi không?" Anh lắc nhẹ ly sâm banh. "Tất nhiên rồi. Tớ đã được phái về một trong các Gruppenstab. Mỗi nhóm sẽ chỉ huy nhiều Kommando. Tớ chắc chắn người ta sẽ có thể cho cậu một chỗ tại một trong những Kommandostab đó." – "Thế thật ra các nhóm đó làm những gì?" Anh mỉm cười: "Tớ nói với cậu rồi còn gì: các hành động đặc biệt. Công việc của SP và SD, lo an ninh cho các đội quân phía sau chiến tuyến, thông tin, rồi thì nhiều cái khác tương tự. Cả việc trông chừng cánh quân đội nữa. Ở Ba Lan bọn họ cũng hơi khó tính, lại giở trò cũ ra ấy mà, không ai muốn chuyện đó tiếp tục xảy ra. Cậu có muốn suy nghĩ về điều đó không?" Liệu việc tôi không hề do dự có làm các người ngạc nhiên không? Những gì Thomas vừa nói đều có vẻ hợp lý, thậm chí gây phấn khích. Hãy tự đặt các người vào vị trí của tôi mà xem. Có người đầu óc bình thường nào lại có thể tưởng tượng ra rằng người ta chọn các luật gia để giết người không cần xét xử hay không? Những ý nghĩ của tôi rõ ràng và chân thực và tôi chỉ cần suy nghĩ tí chút trước khi trả lời: "Không cần đâu. Ở Berlin này tớ buồn chán đến chết đi được rồi. Nếu cậu có thể làm cho người ta nhận tớ, tớ sẽ đi." Anh lại mỉm cười: "Tớ vẫn luôn nghĩ cậu là một tay khá, có thể trông chờ vào cậu được. Cậu sẽ thấy chúng ta vui vẻ đến thế nào." Tôi cười vì sung sướng và chúng tôi tiếp tục uống rượu vang vùng Champagne. Chính bằng cách đó chứ không phải bằng cách nào khác, Quỷ đã mở rộng lãnh thổ của mình.

Điều đó thì chưa cần phải đến tận Lemberg tôi cũng đã biết. Trời tối dần khi Thomas đến kéo tôi ra khỏi những cơn mộng

tưởng. Vẫn còn nghe thấy những phát súng lẻ tẻ vọng vào từ đại lộ, nhưng trên đường đã khá yên tĩnh trở lại. "Cậu đến chứ? Hay ở lại đây mà há hốc miệng nhìn lũ quạ?" – "*Aktion Petlioura* là gì?" tôi hỏi anh. – "Là những gì cậu đã thấy trên phố. Cậu nghe thấy cái đó ở đâu thế?" Tôi không quan tâm đến câu hỏi của anh: "Có phải chính các cậu tiến hành cuộc tàn sát Do Thái này không?" – "Phải nói rằng bọn tớ không tìm cách ngăn cản nó. Bọn tớ đã dán vài cái apphich. Nhưng tớ không nghĩ là người Ukraine cần đến chúng ta để bắt đầu. Cậu chưa nhìn thấy những tấm apphich của OUN à? *Các người đã lấy hoa đón tiếp Stalin, chúng tôi lấy đầu các người thay lời chào đón Hitler.* Những cái đó bọn họ tự nghĩ ra cả đấy." – "Tớ hiểu rồi. Bây giờ đi bộ à?" – "Ngay gần đây thôi." Quán ăn nằm trên một phố nhỏ, sau đại lộ lớn. Cửa đóng; khi Thomas gõ, nó hé ra, rồi mở rộng vào phía bên trong mờ tối, được chiếu sáng bằng nến. "Chỉ dành cho người Đức," Thomas mỉm cười. "A, xin chào giáo sư." Các sĩ quan của Abwehr đã có mặt ở đó; ngoài họ ra không có ai khác. Ngay lập tức tôi nhận ra người to ngang hơn trong hai người, vừa được Thomas lên tiếng chào, một người đàn ông phong nhã và vẫn còn trẻ với hai con mắt màu nâu nhỏ bé linh lợi giữa một khuôn mặt thuôn dài, dáng vẻ ung dung, hờ hững. Ông ta có mái tóc sáng màu hơi quá dài và cuộn lên phía bên cạnh thành một cái mào chỉn chu trông rất không có vẻ nhà binh. Đến lượt tôi bắt tay ông: "Giáo sư Oberländer. Rất hân hạnh được gặp lại ông." Ông nhìn tôi: "Chúng ta có biết nhau?" – "Chúng ta đã được giới thiệu với nhau cách đây vài năm, sau một buổi giảng bài của ông ở đại học Berlin. Người giới thiệu là tiến sĩ Reinhard Höhn, thầy tôi." – "A, ra anh từng là sinh viên của Höhn! Thật tuyệt vời." – "Tiến sĩ Aue bạn tôi là một ngôi sao đang lên của SD," Thomas ranh mãnh chêm vào. – "Nếu là một học sinh của Höhn thì điều đó không hề làm tôi ngạc nhiên. Có lẽ phải nói rằng toàn bộ SD đều đã qua bàn tay đào tạo của ông ấy." Ông ta quay sang người đồng nghiệp của mình: "Nhưng tôi còn chưa giới thiệu với các anh Hauptmann Weber, phụ tá của tôi." Cả hai người, tôi nhận ra,

đều đeo phù hiệu rập hình con sơn ca mà tôi đã nhìn thấy lúc chiều trên cánh tay vài người lính. "Tha lỗi cho sự thiếu hiểu biết của tôi, tôi hỏi trong khi chúng tôi ngồi vào bàn, nhưng cái huy hiệu kia nghĩa là gì?" – "Đó là biểu tượng của "Nachtigall", Weber trả lời, một tiểu đoàn đặc biệt của Abwehr, chiêu mộ toàn những người dân tộc chủ nghĩa Ukraine sống ở vùng Tây Galicie." – "Giáo sư Oberländer chỉ huy "Nachtigall". Vì thế chúng ta là đối thủ của nhau," Thomas chen vào. – "Anh quá lời rồi, Hauptsturmführer." – "Không đến mức thế đâu. Các ông đã mang theo Bandera trong hành lý, còn chúng tôi, Melnyk và ủy ban Berlin." Ngay lập tức cuộc tranh luận trở nên sôi nổi. Người ta mang rượu vang tới. "Bandera có thể có ích cho chúng tôi," Oberländer khẳng định. – "Có ích vì chuyện gì mới được chứ? Thomas đốp lại. Người của ông ta làm dữ lắm, tuyên bố lung tung cả mà không buồn hỏi ý kiến một ai." Anh giơ tay lên: "*Độc lập*! Thật là hay hớm." – "Anh nghĩ Melnyk thì khá hơn à?" – "Melnyk là người chừng mực. Ông ấy tìm kiếm sự giúp đỡ của châu Âu chứ không phải là khủng bố. Đó là một nhà chính trị, sẵn sàng làm việc lâu dài với chúng ta, và điều đó khiến chúng ta có nhiều lựa chọn." – "Có thể, nhưng đường phố không nghe lời ông ta." – "Đúng là bọn điên rồ thì không! Nếu chúng không chịu bình tĩnh lại, chúng ta sẽ dẫn chúng như từ." Chúng tôi uống. Rượu vang ngon, hơi chát nhưng đậm vị. "Rượu này ở đâu nhỉ?" Weber lấy móng tay gõ gõ lên cái ly, hỏi. – "Cái này à? Transcarpathie, chắc vậy," Thomas trả lời. – "Anh biết đấy, Oberländer tiếp tục không chút nao núng, OUN chống lại bọn Xô viết từ hai năm nay, và đã thành công. Không phải dễ dàng mà loại bỏ được họ đâu. Tốt hơn hết là thu phục và dẫn dắt sức lực của họ đi theo đúng hướng. Ít nhất thì người ta cũng lắng nghe Bandera. Ông ấy vừa gặp Stetsko hôm nay, cuộc gặp hết sức thành công." – "Stetsko là ai?" tôi hỏi. Thomas mỉa mai trả lời: "Jaroslav Stetsko là Thủ tướng mới của cái gọi là nước Ukraine độc lập mà chúng ta không cho phép tồn tại." – "Nếu chúng ta chơi đúng các quân bài, Oberländer nói tiếp, họ sẽ nhanh chóng

từ bỏ những tham vọng vô lối thôi." Thomas phản ứng sôi nổi: "Ai kia? Bandera? Ông ta là một tay khủng bố và vẫn sẽ là một tay khủng bố. Ông ta có tinh thần của một tay khủng bố. Chính vì lẽ đó mà tất cả những kẻ cuồng tín kia thích ông ta." Anh quay sang tôi: "Cậu biết Abwehr đã đến chỗ nào để lôi ông ta ra không, Bandera ấy? Trong tù!" – "Ở Vacxava, Oberländer mỉm cười nói rõ thêm. Quả thực là ông ấy phải thọ án ở đó vì đã ám sát một bộ trưởng Ba Lan vào năm 1934. Nhưng tôi không thấy chuyện đó có gì xấu." Thomas quay sang ông ta: "Tôi chỉ nói đơn giản ông ta là kẻ không thể kiểm soát. Ông sẽ thấy. Đó là một kẻ cuồng tín, ông ta mơ đến một nước Đại Ukraine cận dãy Carpates và ven vùng sông Đông. Ông ta tự coi mình là hiện thân của Dimitri Donskoi. Melnyk ít ra cũng là một người thực tế. Và ông ấy cũng có chỗ dựa nữa. Tất cả các chiến sĩ thâm niên đều muốn có ông ấy." – "Đúng, nhưng cũng chính vì lẽ đó nên trong tay ông ta đâu có ai trẻ tuổi. Và rồi hãy công nhận rằng ông ta không mấy nhiệt tình với vấn đề Do Thái." Thomas nhún vai: "Cái đó thì chúng ta có thể đảm nhiệm không cần đến ông ấy. Dù thế nào đi nữa, về lịch sử mà nói, OUN chưa từng bao giờ chống Do Thái. Chỉ nhờ Stalin mà họ mới hơi ngả theo hướng đó một chút thôi." – "Có thể điều đó là đúng, Weber nhẹ nhàng công nhận. Nhưng dù sao cũng có một nền tảng trong mối liên hệ mật thiết giữa bọn Do Thái và giới chủ Ba Lan." Các món được mang ra: vịt rôti nhồi táo, khoai tây nghiền và củ cải đường nướng. Thomas gắp các món vào đĩa cho chúng tôi. "Ngon thật đấy," Weber bình luận. – "Phải, tuyệt vời," Oberländer đồng ý. "Đây là đặc sản vùng này à?" – "Đúng, Thomas giải thích giữa hai miếng gắp. Thịt vịt được nấu cùng rau kinh giới và tỏi. Thường thì phải ăn cùng một bát tiết canh khai vị cơ, nhưng hôm nay họ không làm được." – "Xin lỗi, tôi nói xen vào. "Nachtigall" của các ông có vai trò gì trong tất cả những chuyện đó?" Oberländer nhai cho xong, lau miệng rồi mới trả lời: "Họ lại khác hẳn nữa. Đó là tinh thần Ukraine theo hơi hướng vùng Ruthénie, nếu các anh muốn. Về mặt ý thức hệ – và thậm chí cả về mặt cá nhân đối với những người già nhất trong số họ –

họ xuất thân từ một lối đào tạo quốc gia của quân đội hoàng gia cũ, tên là "Ukrainski Sichovi Striltsi," Những Tay súng Ukraine miền Sich, có thể dịch ra như vậy, một kiểu hình thức Côđắc. Sau chiến tranh, họ ở lại đây và nhiều người trong số họ đã chiến đấu dưới lệnh Petlioura chống lại bọn Đỏ, và cũng chống chúng ta một chút, vào năm 1918. OUN không thích họ lắm. Theo cách nào đó họ muốn đòi hỏi tự trị hơn là độc lập." – "Giống những người Boulbovitsi", Weber bổ sung. Anh ta nhìn sang tôi: "Bọn họ vẫn chưa lò mặt ở Lutsk à?" – "Theo tôi biết thì chưa. Đó cũng là những người Ukraine à?" – "Người Volhynie, Obersländer cải chính. Một nhóm tự vệ khởi đầu chống người Ba Lan. Từ năm 39 họ đánh nhau chống lại người Xô viết, và sẽ rất có lợi cho chúng ta nếu hòa thuận được với họ. Nhưng tôi nghĩ rằng họ chủ yếu hoạt động ven sông Rovno, cũng như trong vùng đầm lầy Pripet." Mọi người lại tiếp tục ăn. "Điều mà tôi không hiểu, cuối cùng Obersländer lên tiếng, tay cầm dĩa trỏ về phía chúng tôi, là tại sao bọn Bônsêvich lại đàn áp người Ba Lan mà không phải bọn Do Thái. Như Weber đã nói, dù sao thì hai bên cũng đã từng rất thân cận với nhau." – "Tôi nghĩ rằng câu trả lời hết sức rõ ràng, Thomas nói. Sức mạnh của Stalin theo cách nào đi nữa cũng bị Do Thái thống trị. Khi Bônsêvich chiếm vùng này, chúng đã hất cẳng các *pan* Ba Lan, nhưng giữ nguyên dạng thức, nghĩa là tiếp tục dựa vào bọn Do Thái để bóc lột giai cấp nông dân Ukraine. Từ đó mà có sự nổi giận chính đáng của người dân, như chúng ta đã thấy ngày hôm nay." Weber nốc trong ly rượu; Obersländer lạnh lùng hắng giọng. "*Sự nổi giận chính đáng của người dân.* Như anh muốn thôi, Hauptsturmführer." Ông ta lấy thế ngồi chắc hơn trong ghế và lấy dao ăn gõ gõ lên cạnh bàn. "Cái đó chỉ hợp với bọn hiếu kỳ thôi. Với các đồng minh của chúng ta, có thể là với người Mỹ. Nhưng anh biết cũng rõ bằng tôi rằng sự nổi giận đó đã được tổ chức như thế nào." Thomas thân ái mỉm cười: "Ít nhất, thưa giáo sư, điều đó cũng thành công trong việc lôi kéo người dân ở khía cạnh tâm lý. Sau nữa, họ sẽ chỉ có thể vỗ tay hoan hô việc thực thi các biện pháp của chúng ta." – "Cái đó đúng, phải

công nhận thôi." Cô phục vụ đến lấy đĩa. "Cà phê chứ?" Thomas hỏi. – "Rất sẵn lòng. Nhưng phải nhanh, tối nay chúng tôi có việc phải làm." Thomas mời thuốc lá trong khi cà phê được mang tới. "Dù thế nào đi nữa, Obersländer cúi đầu xuống chỗ cái bật lửa của Thomas đang giơ ra, tôi rất muốn qua được sông Sbrutch." – "Nhưng tại sao?" Thomas vừa châm thuốc cho Weber vừa hỏi. – "Anh đọc sách của tôi chưa? Về vấn đề bùng nổ dân số nông thôn ở Ba Lan." – "Thật tiếc là chưa, tôi rất tiếc." Obersländer quay sang tôi: "Nhưng anh, với Höhn ở bên cạnh, tôi nghĩ là đã đọc." – "Tất nhiên rồi." – "Tốt. Thế thì, nếu những giả thuyết của tôi đúng, tôi nghĩ một khi đến được Ukraine, chúng ta sẽ tìm được ở đó một giai cấp nông dân giàu có." – "Làm sao lại thế được?" Thomas hỏi. – "Thì chính vì chính sách của Stalin. Trong vòng khoảng mười năm, hai mươi lăm triệu trang trại gia đình đã trở thành hai trăm năm mươi nghìn hợp tác xã nông nghiệp ở quy mô lớn. Công cuộc phi kulak hóa, theo tôi, và nhất là nạn đói, được lên kế hoạch vào năm 1932, là những minh chứng cho các ý đồ tìm ra điểm cân bằng giữa không gian sẵn có của khai thác các nguồn lương thực và dân cư tiêu thụ. Tôi có những lý do để tin rằng họ đã thành công." – "Thế nếu họ thất bại?" – "Thế thì chúng ta sẽ thành công." Weber ra hiệu cho ông ta và ông ta uống cạn tách cà phê. "Meine Herren, ông đứng dậy, rập gót và nói, cảm ơn vì buổi tối. Chúng tôi phải trả bao nhiêu tiền?" – "Để đấy đi, Thomas cũng đứng lên nói, đó là vinh hạnh của tôi." – "Thế thì phải có đi có lại đấy." – "Rất sẵn lòng. Kiev hay Matxcova đây?" Tất cả đều cười và bắt tay nhau. "Gửi lời chào của tôi tới tiến sĩ Rasch nhé, Obersländer nói. Chúng tôi hay gặp nhau hồi còn ở Königsberg lắm. Tôi hy vọng ông ấy sẽ có thời gian đến gặp chúng tôi, một buổi tối nào đó." Hai người đi ra và Thomas ngồi xuống: "Cậu uống một ly cognac nhé? Tập đoàn quân chi tiền đấy." – "Rất vui lòng." Thomas gọi rượu. "Cậu nói tiếng Ukraine tốt thật đấy," tôi nhận xét. – "Ồ. Ở Ba Lan, tớ học một ít tiếng Ba Lan rồi, hai thứ tiếng gần giống nhau ấy mà." Hai ly cognac được đưa đến và chúng tôi chạm cốc. "Ông ta muốn nói gì về chuyện

tàn sát Do Thái vậy?" Thomas im lặng một lúc trước khi trả lời. Cuối cùng anh quyết định nói: "Nhưng, anh nói rõ thêm, cậu không được nói cho ai đấy đấy. Cậu biết là ở Ba Lan bọn tớ có rất nhiều vấn đề với bên lính tráng. Nhất là về các phương pháp đặc biệt của bọn tớ. Các quý ngài đó phản đối nhân danh đạo đức. Bọn họ cứ tưởng rằng có thể rán trứng mà không cần đập vỏ. Lần này, bọn tớ đã tiến hành các biện pháp để tránh hiểu lầm: *der Chef* và Schellenberg đã thương lượng các thỏa thuận cụ thể với Wehrmacht, người ta đã giải thích cho các cậu ở Pretzsch rồi đấy." Tôi gật đầu và anh tiếp tục: "Nhưng dù sao, không ai muốn họ đổi ý cả. Và vì lẽ đó, những cuộc tàn sát Do Thái có một lợi thế lớn: điều đó chứng tỏ cho Wehrmacht rằng nếu SS và *Sicherheitspolizei* bị buộc tay, vùng hậu phương sẽ nhanh chóng rơi vào hỗn loạn. Và nếu có một điều gì đó khiến một tay quân nhân thấy kinh tởm còn hơn cả *mất danh dự*, thì đó là mất trật tự, như họ thường nói đấy. Chỉ cần ba ngày như thế nữa thôi là bọn họ sẽ đến van xin bọn tớ làm việc: sạch sẽ, kín đáo, hiệu quả, không ồn ào." – "Thế nhưng Obersländer nghĩ ngờ tất cả những điều đó." – "Ồ, cái đó không hề gây phiền hà gì cho ông ta đâu. Chỉ đơn giản là ông ta muốn chắc chắn rằng người ta sẽ để yên cho mình chơi những môn trò chính trị nhỏ mọn. Nhưng, anh mỉm cười nói thêm, cả ông ta bọn tớ cũng sẽ kiểm soát khi cần thiết."

Dù gì thì đó cũng là một anh chàng thật lạ, tôi nghĩ khi đi nằm. Thứ vô sỉ chủ nghĩa của anh nhiều khi làm tôi lộn tiết, mặc dù tôi thường xuyên thấy nó có tính chất giải nhiệt tốt; cùng lúc, tôi biết mình không thể xét đoán hành động của anh theo lời nói. Tôi hoàn toàn tin tưởng anh: ở SD, anh luôn giúp đỡ tôi một cách chân thành, không cần tôi đòi hỏi và ngay cả khi rõ ràng là tôi không thể đền đáp lại được gì. Đã có lần tôi hỏi thẳng anh câu đó và anh phá lên cười: "Cậu muốn tớ nói gì nào? Rằng tớ giữ cậu lại cho một kế hoạch dài hạn à? Tớ rất quý cậu, chỉ có vậy thôi." Những lời đó làm tôi cảm động đến tận sâu xa trái tim và anh vội thêm vào: "Dù thế nào, ngốc nghếch như cậu, thì ít nhất tớ cũng có thể chắc chắn là cậu không bao giờ đe dọa tớ. Thế đã là cái gì

đó rồi." Anh đóng một vai trò trong việc tôi vào SD, mặt khác cũng theo cách đó mà tôi gặp anh; đúng là việc đó đã xảy ra trong những hoàn cảnh khá đặc biệt, nhưng không phải lúc nào con người ta cũng có lựa chọn. Từ vài năm tôi đã thuộc mạng lưới các *Vertrauensmann* của SD, tức là những thành viên được tin cẩn sử dụng trong mọi mặt của đời sống Đức, công nghiệp, nông nghiệp, hành chính, giới đại học. Khi đến Kiel vào năm 1934, tôi có rất ít tiền, và nghe theo lời khuyên của một trong hai giám đốc cũ của bố tôi, tiến sĩ Mandelbrod, tôi đã đệ đơn vào SS, việc đó sẽ giúp tôi không phải trả tiền đăng ký học ở Đại học; với sự ủng hộ của ông ta, tôi đã nhanh chóng được nhận. Hai năm sau, tôi dự một hội thảo đặc biệt của Otto Ohlendorf về những chệch hướng của chủ nghĩa quốc xã; sau đó, tôi được tiến sĩ Jessen, giáo sư kinh tế của tôi, cũng là thầy giáo của Ohlendorf mấy năm trước, giới thiệu với ông ta. Ohlendorf hóa ra đã nghe tiến sĩ Mandelbrod, người quen của ông ta, nói về tôi; ông ta đã nói với tôi nhiều điều tốt đẹp về *Sicherheitsdienst*, và tuyển tôi làm *V-Mann* ngay tại chỗ. Công việc hết sức đơn giản: tôi phải gửi các báo cáo về những gì được nói ra, những tin đồn, những câu chuyện đùa, những phản ứng của người khác trước bước tiến của chủ nghĩa quốc xã. Ở Berlin, Ohlendorf giải thích, các báo cáo của hàng nghìn *V-Mann* được tập hợp lại, rồi SD tổng hợp, phân phát cho các cấp bậc khác nhau của Đảng, nhằm giúp họ đánh giá được tình cảm của *Volk* và thiết lập chính sách thích hợp. Theo cách nào đó, công việc này thay thế các kỳ bầu cử; Ohlendorf là một trong những người sáng lập hệ thống này, và rõ ràng rất lấy làm tự hào về nó. Thoạt tiên, tôi thấy việc đó rất thú vị, những gì Ohlendorf nói đã gây ấn tượng mạnh lên tôi và tôi sung sướng vì được bằng cách đó tham gia cụ thể việc xây dựng chủ nghĩa quốc xã. Nhưng ở Berlin, Höhn, thầy giáo của tôi, đã khéo léo làm giảm nhiệt tình của tôi xuống. Ở SD, ông từng là người đỡ đầu của Ohlendorf, cũng như cho rất nhiều người khác; nhưng sau đó ông đã cãi vã với Reichsführer và rời khỏi vị trí. Ông nhanh chóng thuyết phục được tôi rằng làm việc cho một cơ quan thông tin

hoặc mật thám chỉ là một trò thuần túy lãng mạn chủ nghĩa, và tôi có thể phục vụ hữu ích hơn cho Quốc gia bằng các công việc khác. Tôi vẫn giữ quan hệ với Ohlendorf, nhưng ông ta không nói nhiều về SD; cả ông ta, sau này tôi mới biết, cũng có những bất hòa với Reichsführer. Tôi tiếp tục nộp tiền phí cho SS và làm những việc được giao, nhưng không gửi báo cáo nữa, và một cách nhanh chóng tôi không còn nghĩ gì đến nó nữa. Tôi chủ yếu tập trung vào luận án, khá là hóc búa; ngoài ra, tôi còn đem lòng mê Kant và tỉ mẩn nghiên cứu Hegel và triết học tinh thần; được Höhn khích lệ, tôi tính chuyện xin một chân tại một bộ nào đó. Nhưng tôi phải nói rằng có điều gì đó đã cản tôi lại, những lý do mang tính cá nhân. Trong cuốn Plutarque của mình, một tối tôi đã gạch chân những câu viết về Alcibiade sau: *Nếu đánh giá chàng theo vẻ bề ngoài, người ta có thể nói: "Không, ngài không phải là con trai Achille, mà chính là Achille," một người đã được Lycurgue đào tạo nên. Nhưng, nếu quan sát những tình cảm và hành động thật của chàng, người ta có thể kêu lên: "Nhưng đây chính là một người phụ nữ, hôm nay hay ngày xưa cũng thế!"* Điều này có thể làm các người mỉm cười, hoặc nhăn mặt kinh tởm; giờ thì chuyện gì với tôi cũng đâu còn quan trọng. Ở Berlin, mặc dù đã có Gestapo, thời ấy người ta vẫn còn có thể tìm được tất cả những gì mong muốn. Những chốn lừng lẫy tiếng tăm, như *Kleist-Kasino* hoặc *Silhouette*, vẫn mở cửa, và ít khi bị càn quét, hẳn họ đã trả tiền cho ai đó. Nếu không, còn có một vài nơi nữa ở Tiergarten, gần Neuer See trước Vườn Bách thú, nơi các Schupo hiếm khi đặt chân đến vào ban đêm; sau những gốc cây, các *Strichjunge* hoặc những công nhân trẻ tuổi cơ bắp cuồn cuộn của khu phố Đỏ Wedding đã đợi sẵn. Ở Đại học, tôi có vài quan hệ, bắt buộc phải hết sức kín đáo và thường thì ngắn ngủi; nhưng tôi thích những người tình vô sản hơn, và tôi không thích trò chuyện.

Dù kín đáo đến đâu, cuối cùng tôi vẫn gặp phải rắc rối. Lẽ ra tôi phải chú ý hơn; dù sao tôi cũng đã nhận được nhiều lời cảnh báo. Höhn đã yêu cầu tôi – không chút ẩn ý nào – tóm tắt một cuốn sách của luật sư Rudolf Klare, *Đồng tính và Luật hình sự*.

Con người có nhiều thông tin đến kinh ngạc đó đã thiết lập một hệ thống những thực hành chính xác vô cùng, rồi, xuất phát từ đó, ông ta dựng ra một bảng phân loại các loại tội, kể từ *giao cấu trừu tượng hoặc ngắm nhìn* (cấp độ 1), đi qua *ấn dương vật trần lên một bộ phận cơ thể của đối tác* (cấp độ 5) và *cọ sát có nhịp điệu giữa đầu gối hoặc chân hoặc nách* (cấp độ 6), *cuối cùng là chạm dương vật bằng lưỡi, dương vật trong miệng, và dương vật trong lỗ hậu môn* (các cấp độ 7, 8 và 9). Mỗi cấp độ phạm tội lại có tương ứng một mức độ xử phạt theo chiều hướng tăng dần. Klare, điều này thấy rất rõ, hẳn đã từng sống trong kỷ túc xá; nhưng Höhn khẳng định rằng bộ Nội vụ và *Sicherheitspolizei* coi các ý tưởng của ông ta là hết sức nghiêm túc. Còn tôi thấy thật hài hước. Một tối mùa xuân – đó là năm 1937 – tôi đi dạo sau Neuer See. Tôi quan sát các bóng cây cho đến khi bắt gặp ánh mắt của một thanh niên; tôi rút một điếu thuốc, xin anh ta lửa, và khi anh ta đưa bật lửa lên, thay vì nghiêng người về phía tay anh ta, tôi lại gạt nó ra và vứt điếu thuốc đi, tôi nắm lấy cổ anh ta, hôn lên môi anh ta, nhẹ nhàng nhấm nháp hơi thở của anh ta. Tôi đi theo anh ta đến dưới tán cây, chúng tôi đi xa khỏi những con đường, tìm tối, như mọi lần, đập dồn dập trong cổ họng và trong thái dương, một tấm màn khô khốc phủ xuống hô hấp của tôi, tôi mở khóa quần anh ta, vùi mặt vào cái mùi hắc mồ hôi của anh ta, mùi da thịt đàn ông, nước đái và nước hoa eau de Cologne, tôi cọ mặt mình vào làn da anh ta, dương vật của anh ta và nơi đám lông kín của anh ta dày lên, tôi liếm nó, đưa nó vào trong miệng, rồi khi không chịu được nữa, tôi đẩy anh ta dựa vào một thân cây, quay người lại nhưng vẫn không thả anh ta ra và nhét anh ta vào trong tôi, cho đến khi thời gian và nỗi đau cùng biến mất. Khi đã xong việc, anh ta nhanh chóng đi khỏi, không nói một lời. Hà hê, tôi đứng dựa vào thân cây, lấy lại sức, châm một điếu thuốc và cố kìm cho hai chân không run lên nữa. Khi đã có thể đi, tôi bước về hướng Landwehr Canal, để đi qua đó trước khi tìm bến S-Bahn Vườn Bách thú. Một nỗi sung sướng không bờ bến nâng đỡ mỗi bước chân tôi. Trên cầu Lichtenstein, một người đàn ông đang

đứng dựa vào thành cầu: tôi nhận ra anh ta, chúng tôi có những mối quan hệ chung, anh ta tên là Hans P. Trông anh ta tái nhợt, mệt mỏi, không đeo cà vạt; một lớp mồ hôi mỏng làm khuôn mặt xanh nhợt của anh ta ánh lên trong ánh đèn đường mờ tối. Ngay lập tức cảm giác mê mẩn của tôi tan biến. "Anh làm gì ở đây thế?" tôi lấy giọng bề trên hỏi anh ta, không mấy thân tình. "A, Aue, anh đấy à?" Tiếng cười gằn của anh ta mang hơi hướng một cơn hysteria. "Anh muốn biết à?" Cuộc gặp này ngày càng có vẻ gì đó thật kỳ quái; tôi đứng đó như thể hóa đá. Tôi gật đầu. "Tôi muốn nhảy xuống, anh ta bặm môi giải thích với tôi. Nhưng tôi không dám. Thậm chí tôi còn, anh ta nói tiếp, vạch tà áo vest ra để lộ băng một khẩu súng lục, thậm chí tôi còn mang theo cái này nữa." – "Anh tìm thấy nó ở chỗ quái quỷ nào thế?" tôi hỏi hấn, giọng đã khàn đặc. – "Bố tôi là sĩ quan. Tôi ăn cắp của ông ấy. Nó có đạn đấy." Tôi nhìn anh ta, lo lắng. "Anh không muốn giúp tôi à?" Tôi nhìn ra xung quanh: dọc theo kênh, nhìn hút tầm mắt, không có một bóng người. Chầm chậm, tôi chìa tay ra và rút khẩu súng khỏi thắt lưng anh ta. Tôi say sưa nhìn nó, người như hóa đá. Tôi kiểm tra chỗ lắp đạn: nó có vẻ rất đầy và tôi lắp nó lại vào băng súng bằng một tiếng clic khô khốc. Khi đó tay trái tôi nắm thật nhanh lấy cổ anh ta, đẩy anh ta đứng dựa vào thành cầu, và nhét nòng súng vào giữa hai môi anh ta. "Mở ra! Tôi gào lên. Mở mồm ra!" Tim tôi đập dữ dội, có vẻ như tôi đã hét lên dù tôi cố gắng để nói thật nhỏ. "Mở ra!" Tôi nhét nòng súng vào giữa hai hàm răng anh ta. "Mày muốn thế này phải không? Mút đi!" Hans P. sợ run lên, đột nhiên tôi ngửi thấy mùi khai của nước đái, tôi hạ mắt xuống: anh ta đã làm ướt nhẹp cái quần dài. Cơn điên giận của tôi biến mất ngay lập tức, cũng bí ẩn như khi nó xuất hiện. Tôi nhét súng lại vào thắt lưng cho anh ta và vỗ vào má. "Sẽ ổn thôi. Về nhà đi." Tôi để anh ta lại đó, đi qua cầu và rẽ sang phải dọc theo con kênh. Vài mét sau đó có ba Schupo bất ngờ hiện ra. "Ê, anh kia! Anh làm gì ở đây? Giấy tờ." – "Tôi là sinh viên. Tôi đi dạo." – "Phải, bọn tao biết quá rõ cái trò đi dạo này rồi. Còn thằng đứng trên kia là bạn gái của mày phải không?" Tôi nhún

vai: "Tôi không biết anh ta. Anh tớ có vẻ rất lạ, anh ta đã định đe dọa tôi." Họ đưa mắt nhìn nhau và hai người trong số họ đi nhanh về phía cầu; tôi định lủi, nhưng người thứ ba đã giữ chặt tay tôi. Trên cầu trở nên náo nhiệt, những tiếng kêu, rồi những phát súng. Hai Schupo quay lại, một trong hai người mặt trắng bệch, nắm lấy vai, máu chảy qua tay. "A, thằng chó chết. Nó bắn tôi. Nhưng giết được nó rồi." Người đi cùng nhìn tôi vẻ hung ác: "Còn mày, đi cùng chúng tao."

Họ lôi tôi về *Polizeirevier* trên Derfflingerstrasse, ở góc giao với Kurfürstenstrasse; ở đó, một cảnh sát viên đang ngủ gà gật thu giấy tờ của tôi, hỏi vài câu và chép những câu trả lời lên một tờ khai; rồi họ bắt tôi ngồi xuống một cái ghế băng. Hai giờ sau họ dẫn tôi sang bên kia đường, đến *Abschnittkommand* Tiergarten, sở cảnh sát trung tâm của cả khu phố. Người ta đưa tôi vào một căn phòng đã có sẵn một người râu ria không cạo, nhưng trang phục chỉnh tề kỹ lưỡng, ngồi sau một cái bàn. Ông ta là người của Kripo. "Cậu rơi vào cảnh khốn nạn rồi, chàng trai ạ. Một người bắn vào cảnh sát và đã bị giết. Đó là ai? Cậu biết hắn? Người ta đã nhìn thấy cậu đứng trên cầu cùng hắn. Cậu làm gì ở đó?" Trên ghế băng, tôi đã có thời gian để suy nghĩ, và chọn một kịch bản đơn giản: là sinh viên đang làm luận án tiến sĩ, tôi thích đi dạo vào ban đêm để suy nghĩ; tôi từ nhà đi, đến Prenzlauer Berg, đi lang thang trên Unter den Linden rồi đi qua Tiergarten, tôi muốn ra ga S-Bahn để về nhà; tôi đi qua cầu và kẻ kia sấn lại gần tôi, hắn ta nói gì đó mà tôi không hiểu rõ, cái vẻ lạ lùng của hắn làm tôi cảm thấy sợ, tôi đã nghĩ hắn đe dọa tôi và tôi tiếp tục đi, rồi tôi gặp mấy người của Schupo và chuyện chỉ có thế. Ông ta lại đặt cho tôi cùng câu hỏi của mấy tay cảnh sát: "Đó là một địa điểm hò hẹn quen thuộc. Cậu có chắc đó không phải là bạn cậu chứ? Một cuộc cãi cọ giữa hai người tình? Mấy người bên Schupo khẳng định cậu đã nói chuyện với hắn." Tôi chối và nhắc lại câu chuyện của mình: sinh viên đang làm tiến sĩ, vân vân và vân vân. Cứ như thế mất một lúc: ông ta đặt những câu hỏi bằng cái giọng cứng rắn, đáng sợ, nhiều lần ông ta tìm cách khiêu

khích tôi, nhưng tôi không để bị núng thế, tôi biết tốt hơn cả là phải giữ được bình tĩnh. Tôi bắt đầu cảm thấy rất không thoải mái và tôi xin được đi vệ sinh. Ông ta cười khẩy: "Không. Để sau," và lại tiếp tục. Cuối cùng ông ta phẩy tay: "Đồng ý, thưa ông luật sư. Ông đi ra hành lang ngồi đi. Chúng ta sẽ tiếp tục sau." Tôi ra khỏi văn phòng và ngồi ở lối vào. Ngoài hai tay Schupo và một tên say rượu đang gà gật trên một chiếc ghế băng, tôi chỉ có một mình. Một ngọn đèn thỉnh thoảng nhấp nháy một chút. Mọi thứ sạch sẽ, tinh tươm, yên tĩnh. Tôi chờ đợi.

Vài giờ trôi qua, hẳn là tôi đã thiếp ngủ, ánh bình minh đã bắt đầu làm nhạt màu mấy ô gạch ở lối đi, một người bước vào. Anh ta ăn vận rất có gu, một bộ comlê sọc có đường cắt rất chuẩn, với một cái cổ cồn hồ bột và cà vạt len màu ghi xám; ở ve áo anh ta đeo phù hiệu của Đảng, một cái cặp tài liệu bằng da đen cắp dưới nách; tóc anh ta đen, dày, bóng lên nhờ bôi sáp, chải thẳng lật ra sau, và mặc dù khuôn mặt vẫn im lìm, đôi mắt anh ta có vẻ như đang cười khi nhìn tôi. Anh ta thì thầm vài câu với mấy tay Schupo đứng gác; một trong số họ đưa anh ta vào hành lang và cả hai biến mất. Vài phút sau tay Schupo trở lại và giơ ngón tay to đùng ngoắc tôi: "Mày, ra đây." Tôi đứng dậy, vươn vai, và đi theo gã, gắng hết sức đè nén cơn mót tiểu. Tay Schupo dẫn tôi quay lại căn phòng nơi tôi đã bị thẩm vấn. Viên thanh tra của Kripo đã biến mất; ngồi vào chỗ của ông ta là người thanh niên ăn vận chải chuốt kia, một cánh tay trong cái tay áo hồ bột đặt trên mặt bàn, tay còn lại hững hờ thả sau lưng ghế. Cái cặp đen nằm gần khuỷu tay anh ta. "Vào đi," anh ta lịch sự nhưng cương quyết nói. Anh ta chỉ cho tôi cái ghế trước bàn: "Ngồi xuống đi, xin mời." Viên Schupo đóng cửa lại sau lưng và tôi ngồi xuống. Tôi nghe tiếng bốt đinh của gã vang xa dần trong hành lang. Người thanh niên phong nhã và lịch thiệp nói giọng rất dịu dàng, nhưng không giấu nổi sự cả quyết. "Đồng nghiệp của tôi bên cảnh sát hình sự, Halbey, nghĩ anh là một đối tượng của điều khoản 175. Anh có phải là một đối tượng của điều khoản 175 không?" Tôi nghĩ đó là một câu hỏi thực thụ nên trả lời thẳng

thấn: "Không." – "Tôi cũng nghĩ vậy," anh ta nói. Anh ta nhìn tôi và chìa tay qua bàn: "Tôi tên là Thomas Hauser. Rất hân hạnh." Tôi cúi người xuống để bắt bàn tay đó. Cái bắt tay của anh ta chặt, da khô và nhẵn, các móng tay được cắt tỉa hoàn hảo. "Aue. Maximilien Aue." – "Vâng, tôi biết. Anh gặp may rồi, Herr Aue. Kriminalkommissar Halbey đã gửi một báo cáo sơ bộ về sự cố đáng tiếc này cho *Staatspolizei*, nói đến sự dính dáng của anh vào sự việc. Nó đã được gửi đến cho Kriminalrat Meisinger. Anh có biết Kriminalrat Meisinger không?" – "Không, tôi không biết ông ấy." – "Kriminalrat Meisinger chỉ huy Văn phòng trung tâm của Reich trong cuộc chiến chống nạn đồng tính và phá thai. Do đó ông ấy phụ trách bọn 175. Đó là một người hết sức khó chịu. Một tay người Bayern." Anh ta dừng lại một lúc. "Thật may mắn vì báo cáo của Kriminalkommissar Halbey trước tiên phải đi qua văn phòng của tôi. Tối qua tôi có phiên trực. Hiện tại tôi đã ngăn được bản báo cáo không cho nó đến tay Kriminalrat Meisinger." – "Anh thật là tốt." – "Vâng, quả đúng là như vậy. Anh có thấy không, người bạn của chúng ta, Kriminalkommissar Halbey, đã có một số nghi ngờ liên quan đến anh. Nhưng Kriminalrat Meisinger không quan tâm đến những nghi ngờ, ông ấy phụ trách các sự vụ. Và ông ấy có những phương pháp để có được những sự vụ đó, những phương pháp không được toàn bộ *Staatspolizei* tán thành, nhưng thường lại tỏ ra hết sức hiệu quả." Tôi lắc đầu: "Xin nghe tôi nói... Tôi không hiểu rõ lắm những gì anh đang nói. Chắc là có nhầm lẫn gì đó." Thomas chép miệng: "Lúc này thì anh có lý. Có vẻ như là có nhầm lẫn. Hoặc đúng hơn là một trùng hợp không may mắn, nếu anh thích thế, một trùng hợp đã bị Kriminalkommissar Halbey nhiệt tình diễn giải một cách vội vã." Tôi dang hai tay và cúi về phía trước: "Thực sự là những chuyện này thật ngu ngốc. Tôi là sinh viên, đảng viên, người của SS..." Anh ta ngắt lời tôi: "Tôi biết anh là một đảng viên và là người của SS. Tôi biết rất rõ giáo sư Höhn. Tôi biết rất rõ anh là ai." Khi đó thì tôi hiểu ra: "À, ra anh ở bên SD." Thomas mỉm cười thân thiện: "Gần như thế. Bình thường tôi làm việc cho Tiến

sĩ Six, người thay thế giáo sư của anh, tiến sĩ Höhn. Nhưng hiện nay tôi được điều sang *Staatspolizei* làm trợ lý cho tiến sĩ Best, người giúp *der Chef* xây dựng khung pháp lý cho SP." Khi đó tôi đã nhận ra cách anh ta nhấn mạnh khi phát âm từ *der Chef*. "Vậy ra ở *Sicherheitsdienst* các anh toàn là tiến sĩ?" tôi hỏi. Anh ta lại mỉm cười, một nụ cười cởi mở và chân thành: "Gần như vậy." – "Thế thì anh cũng là tiến sĩ?" Anh ta cúi đầu xuống: "Luật." – "Tôi thấy rồi." – "*Der Chef*, ngược lại, không phải tiến sĩ. Nhưng ông ấy thông minh hơn tất cả bọn tôi. Ông ấy sử dụng các tài năng của chúng tôi để đạt được những mục đích của mình." – "Thế các mục đích đó là gì?" Thomas nhíu mày: "Anh nghiên cứu vấn đề gì, cùng với Höhn? Dĩ nhiên là sự bảo vệ Nhà nước." Anh ta im lặng. Tôi không nói gì, chúng tôi nhìn nhau. Có vẻ như anh ta đang chờ đợi điều gì đó. Anh ta cúi xuống và tựa cằm vào tay, gõ gõ những cái móng tay cắt sửa cẩn thận của bàn tay còn lại lên mặt bàn. Cuối cùng anh ta hỏi tôi với vẻ mệt mỏi: "Anh không quan tâm đến sự bảo vệ Nhà nước à, Herr Aue?" Tôi ngập ngừng: "Tôi không phải là tiến sĩ..." – "Nhưng anh sẽ nhanh chóng là tiến sĩ." Vài giây im lặng nữa. "Tôi không hiểu anh đang tìm kiếm điều gì," cuối cùng tôi cũng nói được. – "Tôi không tìm kiếm gì hết, ngoài việc tránh cho anh những phiền phức không cần thiết. Anh cũng biết là những báo cáo mà anh gửi cho SD, trong một thời gian, đã ngay lập tức được chú ý. Viết rất tốt, tính tổng hợp cao, được nuôi dưỡng bởi một *Weltanschauung* với tính nghiêm ngặt không thể nghi ngờ. Thật đáng tiếc là anh đã không tiếp tục theo đuổi việc đó, nhưng thôi, điều này chỉ liên quan đến anh. Dù vậy, khi nhìn thấy báo cáo của Kriminalkommissar Halbey, tôi tự nhủ rằng đó sẽ là một tổn thất cho chủ nghĩa quốc xã. Tôi đã gọi điện cho tiến sĩ Best, đánh thức ông ấy, ông ấy đồng ý với tôi và cho phép tôi sang đây, để gợi ý với Kriminalkommissar Halbey giới hạn những dự định gây hậu quả xấu của ông ấy lại. Anh cũng biết đấy, chúng tôi sẽ phải tiến hành một cuộc điều tra hình sự, lần nào có người chết đều phải làm thế cả. Thêm nữa, một cảnh sát đã bị thương. Nhẹ nhàng nhất thì anh cũng sẽ phải ra tòa với

tư cách nhân chứng. Cứ nhìn vào nơi xảy ra án mạng, một nơi hẹn hò khét tiếng của giới đồng tính, vụ việc này, ngay cả khi tôi có thể thuyết phục được Kriminalkommissar Halbey giảm bớt được nhiệt tình của ông ta một chút, thì sớm hay muộn cũng sẽ tự động đến tai Kriminalrat Meisinger. Đến lúc đó, Kriminalrat Meisinger sẽ để ý đến anh. Ông ấy sẽ bắt đầu sục sạo, giống như một con thú hoang. Kết quả dù có là như thế nào cũng sẽ để lại những dấu vết vĩnh viễn không thể xóa trong hồ sơ cá nhân của anh. Mà Reichsführer-SS lại nuôi dưỡng một nỗi ám ảnh đặc biệt đối với hiện tượng đồng tính. Ông ấy sợ những người đồng tính, ông ấy ghét họ. Ông ấy tin rằng một người đồng tính theo di truyền có thể lây bệnh sang cho hàng chục thanh niên khác, và rồi tất cả những thanh niên đó coi như không còn ích lợi gì cho dòng giống nữa. Ông ấy cũng tin rằng những người đó là những kẻ nói dối bẩm sinh, những kẻ tin vào chính những lời dối trá của mình, và từ đó ông ấy rút ra kết luận là bọn họ không đủ năng lực trách nhiệm hành vi, từ đó mà không có khả năng trung thành, suốt ngày ba hoa xích tốc, và có thể phản bội. Như thế, đối với Reichsführer, mối đe dọa tiềm tàng do tụi đồng tính gây ra không phải là một vấn đề y học, mang tính trị liệu, mà là một vấn đề chính trị, phải được xử lý bằng các biện pháp của SP. Gần đây thậm chí ông ấy còn rất phấn khởi với đề nghị của một trong những sử gia luật giỏi nhất của chúng ta, giáo sư và cũng là SS-Untersturmführer Eckhardt, mà chắc anh cũng có biết, quay trở lại với cách xử lý cổ xưa của người Germain, dìm chết những kẻ quá nữ tính xuống đống than bùn. Cái này, chắc tôi là người đầu tiên nhận ra, là một quan điểm quá cực đoan và, mặc dù lôgic của nó không thể phản bác, không phải ai cũng nhìn sự vật theo lối ngang bằng sổ thẳng như thế. Bản thân Führer, có vẻ như vậy, cũng không mấy mặn mà với vấn đề này. Nhưng chính thế, việc ông ấy ít thể hiện quan tâm đến chủ đề này khiến Reichsführer được tự do làm gì thì làm, với những ý tưởng lệch lạc của ông ấy, để định ra chính sách ngày hôm nay. Như vậy, nếu Kriminalrat Meisinger có một ý kiến bất lợi về phía anh, ngay cả khi ông ta

không thể kết tội anh chiếu theo các điều khoản 175 hoặc 175a theo Luật Hình sự, anh vẫn có thể phải gánh chịu đủ loại phiền phức. Thậm chí còn có thể, nếu Kriminalrat Meisinger yêu cầu, có một án tù mang tính chất phòng ngừa dành cho anh. Tôi sẽ vô cùng buồn vì chuyện đó, cả tiến sĩ Best cũng vậy." Tôi không thể hoàn toàn tập trung nghe anh ta nói vì cơn mót tiểu đã quay lại, dữ tợn hơn bao giờ hết, nhưng cuối cùng tôi cũng phản ứng được: "Tôi không hiểu anh đang muốn đi đến đâu. Có phải anh đang định đề nghị với tôi một điều gì đó không?" – "Một đề nghị?" Thomas nhướng mày. "Anh nghĩ chúng tôi là ai vậy? Thực sự anh nghĩ rằng SD cần chơi trò *khủng bố* để tuyển người à? Anh không nghĩ thế đâu. Không, anh nở một nụ cười đầy thân thiện, chỉ đơn giản là tôi đến để giúp anh với tinh thần bằng hữu, như một đảng viên quốc xã với một đảng viên khác. Tất nhiên, anh ta nói tiếp với một cái nhìn ranh mãnh, chúng tôi ngờ là giáo sư Höhn khiến cho sinh viên của ông ấy kiêng dè SD, hẳn là ông ấy đã truyền cho các anh một chút chán nản, và điều đó thật là đáng tiếc. Anh có biết chính ông ấy đã tuyển tôi vào làm không? Ông ấy đang trở nên bội bạc. Nếu có khi nào anh đổi ý về chúng tôi thì rất tốt. Tôi nghĩ rằng nếu một ngày nào đó anh nhìn nhận công việc của chúng tôi với con mắt tán thành hơn, tiến sĩ Best sẽ rất sung sướng được nói chuyện với anh. Anh cứ nghĩ đến chuyện đó. Nhưng nó không có gì chung với việc tôi làm tối nay đâu." Tôi phải nói là tôi rất thích cái thái độ thẳng thắn không vòng vo đó. Tôi rất ấn tượng với cách nói, phong thái, niềm tin sâu sắc tỏa rạng từ Thomas. Điều này hoàn toàn không giống với ý tưởng tôi từng có về SD. Nhưng anh ta đã đứng dậy. "Anh sẽ đi ra cùng tôi. Sẽ không có ai ngăn cản. Tôi sẽ thông báo cho Kriminalkommissar Halbey rằng anh có mặt ở đó trong một công vụ, và mọi chuyện sẽ dừng ở đây. Khi cần, anh cứ làm một lời khai theo hướng đó. Như thế, mọi cái sẽ được dân sự hóa." Tôi không thể ngăn mình nghĩ đến nhà vệ sinh; cuộc nói chuyện vừa chấm dứt, Thomas kiên nhẫn đứng đợi trong hành lang trong khi tôi xả hết những gì có trong người ra ngoài. Bằng cách đó tôi cũng suy nghĩ được một

chút: khi đi ra, tôi đã quyết định xong. Bên ngoài, trời đã sáng. Thomas để tôi lại ở Kurfürstenstrasse và bắt tay tôi thật chặt. "Tôi chắc là chúng ta sẽ sớm gặp lại. *Tchüss!*" Và bằng cách đó, khi trong hậu môn vẫn còn đầy tinh trùng, tôi quyết định vào làm cho *Sicherheitsdienst*.

Ngày hôm sau hôm ăn bữa tối với Oberländer, ngay khi ngủ dậy, tôi đến gặp Hennicke, tham mưu trưởng của tập đoàn quân. "A, Obersturmführer Aue, các giấy tờ gửi Lutsk đã sắp xong cả rồi đấy. Anh đến gặp Brigadeführer đi. Ông ấy đang ở nhà tù Brygidki. Untersturmführer Beck sẽ dẫn anh đến đó." Tay Beck này vẫn còn rất trẻ; anh ta có dáng đẹp, nhưng có vẻ như đang buồn bực, cộng với một sự tức tối thầm kín. Chào tôi xong gần như anh ta không nói gì với tôi nữa. Trên phố, người dân có vẻ còn phấn khích hơn cả hôm qua, những nhóm người dân tộc chủ nghĩa vũ trang đi tuần, việc đi lại trở nên rất khó khăn. Người ta cũng nhìn thấy nhiều lính Đức hơn. "Tôi phải rẽ qua ga lấy một cái hòm, Beck nói. Anh không thấy phiền chứ?" Tài xế của anh ta đã nhớ được hết đường; để tránh đám đông, anh ta đi cắt vào một phố ngang; một đoạn sau, phố uốn lượn theo sườn một ngọn đồi nhỏ, hai bên là những tòa nhà kiểu tư sản, yên tĩnh và sung túc. "Thành phố đẹp thật," tôi nhận xét. – "Bình thường thôi mà. Về bản chất đây là một thành phố Đức," Beck đáp. Tôi im lặng. Ở ga, anh ta để tôi lại trong xe và biến mất vào đám đông. Những đoàn tramway thả khách xuống, lấy khách lên, và đi khỏi. Trong một công viên nhỏ, phía bên trái, thờ ơ với sự ồn ã, nằm la liệt dưới bóng cây là nhiều gia đình người Digan, bẩn thỉu, da sạm đen, mặc những thứ quần áo rách rưới. Những người khác đứng ở gần ga nhưng không xin ăn; ngay cả lũ trẻ con cũng không chơi đùa. Beck trở lại với một cái hộp nhỏ. Anh ta nhìn theo cái nhìn của tôi và nhận ra những người Digan. "Lẽ ra không nên mất thời gian với bọn Do Thái, xử lý bọn này thì tốt hơn nhiều, anh ta xổ một tràng, giọng cay độc. Bọn chúng nguy hiểm hơn nhiều. Bọn

chúng làm cho bọn Đỏ, anh không biết à? Nhưng chúng ta sẽ thanh toán với chúng thôi." Trên phố dài chạy thẳng từ nhà ga ra, *anh ta lại nói: "Nhà thờ Do Thái ở đây, ngay bên cạnh. Tôi muốn* nhìn nó. Sau đó chúng ta sẽ đến nhà tù." Nhà thờ được xây lùi vào trên một phố nhỏ, bên trái đại lộ dẫn đến trung tâm. Hai người lính Đức đang đứng canh trước cổng. Mặt tiền cũ kỹ trông chẳng ra sao cả; chỉ có một ngôi sao David trên mi cửa cho phép đoán được tính chất nơi đây; không nhìn thấy người Do Thái nào. Tôi đi theo Beck vào cánh cửa nhỏ. Gian phòng lớn trung tâm gồm hai tầng, phía trên chạy vòng quanh một lối đi cầu kỳ, hẳn là dành cho phụ nữ; những bức tranh đẹp màu tươi treo trên tường, theo một phong cách ngây thơ nhưng mạnh mẽ, vẽ một con Sư tử Juda lớn với những ngôi sao Do Thái bao quanh, những con quạ và chim én, và nhiều chỗ in hằn vết đạn. Thay vào chỗ các ghế băng là hàng ghế dựa nhỏ gắn chặt vào những cái bàn học sinh. Beck ngắm nhìn những bức tranh một lúc lâu, rồi đi ra. Phố chạy qua trước nhà tù đông nghẹt người, một đám đông ồn ào dị hợm. Người ta gào thướng lên, những người đàn bà lên cơn hysteria xé quần xé áo lăn lộn ra đất; những người Do Thái đang cọ rửa vỉa hè dưới sự trông coi của các Feldgendarm; thỉnh thoảng một người qua đường đạp cho họ một cú, một Feldwebel mặt đỏ lựng rú lên: *"Juden, kaputt!"*, những người Ukraine vỗ tay đầy vẻ ngưỡng mộ. Ở cổng nhà tù, tôi phải nhường đường cho một đoàn Do Thái, mặc sơ mi hoặc thân người trần để trần, phần lớn mắu me đầm đìa, một toán lính Đức đi quanh, đang mang những xác chết thối rữa đặt lên xe bò. Những bà già mặc đồ đen lao mình vào những cái xác rú lên, rồi nhảy bổ vào đám Do Thái, cào cấu bọn họ cho đến khi bị một người lính gạt ra. Không nhìn thấy Beck đâu nữa, tôi bước vào sân nhà tù, và cả ở đó cũng vẫn cảnh tượng ấy, những người Do Thái hoảng sợ phân chia xác chết, những người khác cọ rửa mặt sân dưới tiếng hò hét của toán lính; những người lính này nhảy lên trước, đánh đập bọn Do Thái, bằng tay không hoặc báng súng, những người Do Thái hú lên, đổ xuống, vùng vẫy cố đứng lên để tiếp tục làm việc, những người

lính khác chụp ảnh, và những người còn lại cười đùa, hét lên những lời chửi rủa hoặc khích lệ, đôi khi một người Do Thái không đứng dậy được nữa, lúc đó nhiều người nhảy vào giẫm cả bốt lên người họ, rồi một hoặc hai người Do Thái dùng chân đẩy cái xác sang bên, những người khác tiếp tục cọ rửa. Cuối cùng tôi cũng tìm được một sĩ quan SS: "Anh có biết Brigadeführer Rasch ở đâu không?" – "Tôi nghĩ ông ấy đang ở khu văn phòng, ở phía kia, vừa nãy tôi thấy ông ấy đi lên." Trong hành lang dài, những người lính đi đi lại lại, không khí tĩnh lặng hơn, nhưng những bức tường màu xanh lá cây, bóng lên và bẩn thỉu, dính đầy những vết máu còn khá mới, và cả những mẩu óc lẫn với tóc và những mảnh xương, dưới đất còn có những vệt bẩn dài nơi người ta dùng súng bắn chết nhiều người, giờ phải đi vục chân vào đó. Ở cuối hành lang, Rasch đang đi xuống một cầu thang, cùng một Oberführer to lớn khuôn mặt bầu bĩnh và nhiều sĩ quan trong nhóm. Tôi chào họ. "A, anh đây rồi. Tốt. Tôi đã nhận được báo cáo của von Radetzky; nói ông ấy đến đây ngay khi có thể. Còn anh trực tiếp báo cáo lại cho Obergruppenführer Jeckeln về *Aktion* ở đây. Nói rõ rằng những người dân tộc chủ nghĩa và dân chúng chủ động làm việc đó. Ở Lemberg, NKVD và bọn Do Thái đã giết chết ba nghìn người. Cho nên dân chúng trả thù, chuyện đó là bình thường. Chúng tôi đã yêu cầu AOK để họ tự do vài ngày." – "*Zu Befehl*, Herr Brigadeführer." Tôi theo họ đi ra ngoài. Rasch và viên Oberführer sôi nổi bàn luận. Trong sân, át cả mùi hôi thối của những cái xác là mùi nặng nề và quặn ruột của máu tươi. Khi đi ra, tôi bắt gặp hai người Do Thái đang bị dong đi ngoài đường; một trong hai người, còn rất trẻ, khóc nức nở run cả người lên nhưng không phát ra tiếng. Tôi tìm lại được Beck ở gần cái xe và chúng tôi quay trở về Gruppenstab. Tôi ra lệnh cho Höfler chuẩn bị chiếc Opel và đi tìm Popp, rồi đi lấy mấy bức điện ở chỗ Leiter III. Tôi cũng hỏi Thomas ở đâu, tôi muốn qua chào anh trước khi đi: "Ông sẽ tìm thấy ông ấy ở phía đại lộ, người ta chỉ cho tôi. Đến chỗ quán cà phê *Métropole* ở khu Sykstuska ấy." Ở dưới, Popp và Höfler đã sẵn sàng. "Chúng ta đi chứ, Herr Obersturmführer?" –

"Ừ, nhưng trên đường chúng ta sẽ dừng lại một lúc. Đi lối đại lộ." Tôi dễ dàng tìm được quán *Métropole*. Ở trong, từng đám người đang bàn luận ồn ào, một số đã say nói lăm nhăm; gần quầy bar, các sĩ quan của *Rollbahn* uống bia và bình luận các sự kiện. Tôi tìm thấy Thomas ở góc quán cùng một thanh niên tóc vàng mặc đồ dân sự, khuôn mặt phì phị và u tối. Họ đang uống cà phê. "Max, xin chào! Tớ giới thiệu với cậu Oleg. Một người rất hiểu biết, rất thông minh." Oleg đứng dậy nhanh nhảu bắt tay tôi; anh ta có vẻ ngu dốt thậm tệ. "Nghe này, tớ phải đi đây." Thomas trả lời bằng tiếng Pháp: "Tốt lắm. Dù gì thì chúng ta sẽ sớm gặp lại nhau thôi; theo kế hoạch, Kommandostab của cậu sẽ đóng ở Jitomir, cùng chỗ bọn tớ." – "Tuyệt vời." Anh nói tiếp bằng tiếng Đức: "Can đảm lên nhé! Cố gắng giữ tinh thần." Tôi chào Oleg và đi ra khỏi quán. Những đội quân của chúng tôi vẫn còn xa Jitomir, nhưng Thomas có vẻ rất tự tin, hẳn là anh phải có những nguồn tin đáng tin cậy. Trên đường, tôi thích thú gặp lại sự dịu dàng của đồng quê Galicie; chúng tôi đi chậm rãi, trong làn bụi của những đoàn xe cam nhông và đồ quân dụng đang ra mặt trận; mặt trời càng lúc càng xa xôi hơn đang xuyên qua những dải mây trắng chạy trên bầu trời, cả một vòm trời tỏa bóng mát, vui vẻ và yên lành.

Tôi đến Lutsk vào buổi chiều. Blobel, theo von Radetzky, sẽ chưa về ngay được; Häfner thân tình nói cho chúng tôi biết rằng cuối cùng ông ta đã được đưa vào một trại tâm thần của Wehrmacht. Hành động trả đũa đã được tiến hành tốt đẹp, nhưng không ai có vẻ thích nói về chuyện đó lắm: "Anh có thể nghĩ là mình may mắn vì đã không phải ở đây," Zorn nói với tôi. Ngày 6 tháng Bảy, Sonderkommando, vẫn đeo đẳng mũi tấn công của đại đoàn số 6, chuyển đến Rovno, rồi nhanh chóng đến Tsviahel hay Swjagel, mà người Xô viết gọi là Novograd-Volynskii. Ở mỗi chặng, người ta lại tách các Teilkommando ra để đi truy tìm, bắt và xử bắn những kẻ chống đối tiềm năng. Phải nói

rằng phần lớn trong số đó là Do Thái. Nhưng chúng tôi cũng bắn các ủy viên hoặc các công chức của Đảng Bônsêvich nếu tìm được, bọn ăn cắp, phá hoại, nông dân che giấu lúa đã thu hoạch, cả bọn Digan, Beck hẳn sẽ hài lòng lắm. Von Radetzky đã giải thích cho chúng tôi là phải lập luận bằng những thuật ngữ thuộc *đe dọa khách quan*: coi mỗi cá nhân phạm tội như một kẻ vô tích sự về mặt vật chất, phải xác định được các hạng người xếp theo xã hội học-chính trị có nguy cơ gây hại cho chúng tôi nhất và tùy theo đó mà hành động. Ở Lemberg, tướng Rentz, Ortskommandant mới, dẫn thành công trong việc tái lập trật tự và giảm bớt những vụ việc quá đà; tuy nhiên, Einsatzkommando 6, rồi 5 đến thay, đã tiếp tục xử bắn hàng trăm người ở bên ngoài thành phố. Chúng tôi cũng bắt đầu có những điều phiền toái với dân Ukraine. Ngày 9 tháng Bảy, khoảng thời gian độc lập ngắn ngủi chấm dứt một cách đột ngột: SP bắt Bandera và Stetsko và cho giải đến Cracovie, trong khi người của họ bị tước vũ khí. Nhưng ở nơi khác, OUN-B đã nổi loạn; ở Drohobycz, chúng đã nổ súng vào các đội quân của chúng tôi, nhiều người Đức đã bị giết. Kể từ lúc đó chúng tôi cũng bắt đầu áp dụng nguyên tắc *đe dọa khách quan* để đối xử với những người theo Bandera; những kẻ theo Melnyk vui sướng giúp chúng tôi tìm ra bọn chúng, và lĩnh trách nhiệm kiểm soát các cơ quan hành chính địa phương. Ngày 11 tháng Bảy, Gruppenstab mà chúng tôi trực thuộc đổi chỗ cho Gruppenstab gắn với tập đoàn quân Trung tâm: kể từ nay, Einsatzgruppe của chúng tôi được đặt tên là "C"; cùng ngày, ba chiếc Opel Admiral của chúng tôi tiến vào Jitomir cùng những chiếc xe tăng của đại đoàn số 6. Vài hôm sau, tôi được phái đến tăng cường cho Vorkommando này, trong khi chờ đợi số đông còn lại của bộ tham mưu đến nơi.

Ngay từ Tsviahel cảnh vật đã thay đổi hoàn toàn. Giờ đây là thảo nguyên Ukraine, một đồng cỏ gợn sóng mênh mông, được trồng trọt ken dày. Trên những cánh đồng lúa mì, cây hoa anh túc đại mới héo úa, nhưng lúa mạch đen và đại mạch đang chín, và

trên những chặng đường bất tận, hoa hướng dương, chĩa thẳng lên trời, những cái đài vàng chóe hướng theo luồng chiếu của mặt trời. Đây đó, như thể được ném xuống một cách ngẫu nhiên, một dãy isba dưới bóng những cây keo gai hoặc những khoảng rừng sồi, kết và tần bì nhỏ phá vỡ cảnh sắc kỳ dị kia. Những con đường nông thôn hai bên trồng cây đoạn, những dòng sông trồng hai bên bờ dương liễu; trong những thành phố, người ta trồng dẻ dọc theo các đại lộ. Bản đồ của chúng tôi hoàn toàn không chính xác: những con đường vẽ trong đó không hề tồn tại hoặc đã biến mất; ngược lại, nơi được ghi là một thảo nguyên trống không thì các đội tuần tra của chúng tôi lại phát hiện những nông trường tập thể và những cánh đồng trồng bông, dưa, củ cải đường mênh mông; những thành phố nhỏ xíu đã trở thành các trung tâm công nghiệp phát triển. Nhưng nếu xứ Galicie gần như toàn vẹn khi rơi vào tay chúng tôi thì ở đây, khi rút lui quân Đỏ đã áp dụng một chính sách phá hủy có hệ thống. Những ngôi làng, những cánh đồng cháy rụi, chúng tôi tìm thấy những cái giếng bị đặt thuốc nổ hoặc bị lấp, những con đường gài đầy mìn, những tòa nhà bị đặt bẫy; trong các nông trường vẫn còn lại súc vật nuôi, gia cầm và phụ nữ, nhưng đàn ông và ngựa đã đi khỏi; ở Jitomir, họ đã đốt tất cả những gì có thể: thật may mắn là nhiều nhà cửa vẫn còn đứng vững giữa đống đổ nát bốc khói âm ỉ. Thành phố vẫn nằm dưới quyền kiểm soát của người Hungari và Callsen tức tối: "Sĩ quan của bọn họ đối xử thân tình với bọn Do Thái, lại còn ăn tối chỗ bọn Do Thái!" Bohr, một sĩ quan khác, bổ sung: "Có vẻ như là chính một số sĩ quan cũng là Do Thái. Các anh có nhận ra không? Đồng minh của người Đức đấy! Tôi không còn dám cả bắt tay bọn họ nữa." Dân chúng đón tiếp chúng tôi khá thiện cảm, nhưng phàn nàn về việc lính của Honvéd có mặt trên đất Ukraine: "Người Đức là bạn từ xa xưa của chúng tôi, họ nói. Còn người Magyar chỉ muốn lấy đất của chúng tôi thôi." Những căng thẳng đó ngày nào cũng bùng nổ thành những sự cố nhỏ. Một đội công binh giết chết hai người Hungari; một trong số các tướng của chúng tôi phải đi xin lỗi. Về phần mình, Honvéd phong tỏa

công việc cảnh sát địa phương của chúng tôi, và Vorkommando buộc phải phàn nàn, thông qua Gruppenstab, lên Đại bản doanh của tập đoàn quân, OKHG Nam. Cuối cùng, ngày 15 tháng Bảy, người Hungari bị chuyển đi và AOK 6 đến đóng ở Jitomir, theo ngay sau là Kommando của chúng tôi cùng Gruppenstab C. Trong cùng lúc, tôi được sai đến Tsviahel lo việc liên lạc. Các Teilkommando dưới quyền Callsen, Hans và Janssen đã được giao mỗi bên phụ trách một khu vực, tỏa ra theo hình rẻ quạt gần đến biên giới, đang bất động trước Kiev; ở phía Nam, vùng của chúng tôi giao với Ek 5, phải phối hợp các hoạt động, vì mỗi Teilkommando hành động độc lập với nhau. Chính bằng cách đó mà tôi ở cùng chỗ với Janssen, ở vùng giữa Tsviahel và Rovno, tại biên giới với Galacie. Những cơn giông hè ngắn ngủi ngày càng dễ chuyển thành mưa rào, biến bụi mịn như bột của đất hoàng thổ thành một thứ bùn dính, dày và đen, mà lính gọi là *buna*. Những khoảng đầm lầy bất tận hình thành, nơi những xác người và xác ngựa sót lại từ những trận đánh chầm chậm phân hủy. Mọi người đều mắc phải những cơn ỉa chảy không ngớt, rận xuất hiện; ngay cả những chiếc cam nhông cũng sa lầy và ngày càng khó di chuyển hơn. Để trợ giúp các Kommando, người ta thuê nhiều người Ukraine, được những người từng tham chiến ở châu Phi gọi là các Askari; người ta trả tiền cho họ theo ngân quỹ các thành phố địa phương và bằng tiền tịch thu được của Do Thái. Nhiều người trong số họ là các Boulbovitsi, những người cực đoan Volhynie mà Oberländer từng nói đến (họ lấy tên theo Tarass Boulba): sau khi thanh toán OUN-B, người ta cho họ lựa chọn giữa quân phục Đức và trại tập trung; phần lớn đã trốn lẫn vào dân chúng, nhưng một số đã chọn cách đầu quân. Ngược lại, dịch lên phía Bắc, giữa Pinsk, Mozyr và Olevsk, Wehrmacht đã cho thành lập một "Nước Cộng hòa Ukraine vùng Polésie", do một người tên là Tarass Borovets cầm quyền, ông ta trước là chủ một công trường đá ở Kostopol bị Bônsêvich quốc hữu hóa; ông ta săn đuổi các đơn vị lẻ của Hồng quân và những kẻ thân Ba Lan, giúp chúng tôi tản được quân, để đổi lại chúng tôi khá chiều chuộng ông ta; nhưng

Einsatzgruppe ngờ rằng ông ta bảo trợ cho các phần tử đối nghịch của OUN-B, những kẻ mà chúng tôi vẫn đùa mà gọi là "OUN (Bônsêvich)" để đối lại các "Mensêvich" Melnyk. Chúng tôi cũng tuyển các *Volksdeutscher* tìm được tại các cộng đồng người, để làm thị trưởng hoặc cảnh sát. Bọn Do Thái, gần như ở khắp nơi, đã bị buộc làm những công việc khổ sai; và chúng tôi bắt đầu xử bắn có hệ thống những kẻ không làm việc. Nhưng về phía vùng đất của Ukraine bên kia sông Sbrutch, chúng tôi thường xuyên bị gây khó dễ bởi sự bất hợp tác của dân chúng địa phương, không chịu khai báo về các hoạt động của bọn Do Thái; bọn này lợi dụng điều đó để đi lại một cách bất hợp pháp, nấu mình trong những khu rừng miền Bắc. Brigadeführer Rasch ra lệnh giải người Do Thái đi ở chỗ công cộng, trước khi xử bắn, để phá hủy trong mắt người nông dân Ukraine huyền thoại về quyền lực cảnh sát Do Thái. Nhưng những biện pháp đó dường như không đạt được hiệu quả gì nhiều.

Một sáng, Janssen đề nghị tôi đến dự một hành động. Sớm hay muộn, chuyện này cũng sẽ phải xảy ra, tôi biết điều đó và đã nghĩ đến. Thành thực mà nói, tôi vẫn nuôi một mối nghi ngờ đối với những phương pháp của chúng tôi: tôi không hiểu rõ lắm lôgic của chúng. Tôi đã nói chuyện với các tù nhân Do Thái; họ khẳng định với tôi rằng với họ, lúc nào cũng vậy, những chuyện xấu xa toàn đến từ phía Đông, còn những gì tốt đẹp, từ phía Tây; năm 1918, họ đã đón tiếp những đội quân của chúng tôi như những người giải phóng, những vị cứu tinh; các đội quân đó đã cư xử hết sức nhân bản; sau khi họ đi khỏi, người Ukraine theo Petlioura đã quay trở lại tàn sát họ. Về phần chính quyền Bônsêvich, họ bỏ đói dân chúng. Giờ đây, chúng tôi giết bọn họ. Và không thể chối được, chúng tôi giết rất nhiều người. Tôi thấy đó là một điều bất hạnh, dù cho việc đó không thể tránh khỏi, và cần thiết. Nhưng điều bất hạnh thì nhất thiết phải nhìn thẳng vào, luôn phải sẵn sàng đối diện với chúng, và chấp nhận chứng kiến các hậu quả từ đó; nhắm mắt không bao giờ là một câu trả lời. Tôi nhận lời mời của Janssen. Hành động được điều hành bởi

Untersturmführer Nagel, phó của ông ta; tôi cùng Nagel đi từ Tsviahel. Hôm trước trời mưa nhưng đường vẫn tốt, chúng tôi đi chậm rãi giữa những bức tường tán cây cao để ánh nắng chảy lọt qua, những bức tường che khuất vùng cánh đồng. Ngôi làng, tôi không còn nhớ tên, nằm bên bờ một con sông rộng, vượt quá biên giới Xô viết cũ vài cây số; đó là một thị trấn nơi người Galacie sống chung với người Do Thái. Khi đến nơi tôi thấy đội lính canh đã được cất đặt. Nagel chỉ cho tôi một cánh rừng phía sau thị trấn: "Mọi việc sẽ diễn ra ở đó." Cả anh ta cũng có vẻ bồn chồn, do dự, hẳn anh ta cũng chưa từng giết ai. Trên quảng trường trung tâm, các Askari của chúng tôi tập hợp người Do Thái lại, cả đàn ông trưởng thành và thiếu niên; bọn họ được dẫn đến thành những nhóm nhỏ từ các phố nhỏ ở khu Do Thái, đôi khi bị đánh đập, rồi bị buộc phải ngồi xổm xuống, các Orpo canh giữ xung quanh. Vài người Đức đi cùng, trong số đó có một người tên là Gnauk đang dùng roi cặc bò quất lên người họ bắt họ tiến lên. Nhưng ngoài những tiếng hét tất cả đều có vẻ yên tĩnh, có trật tự. Không có đám đông hiếu kỳ đứng xem; thỉnh thoảng, một đứa trẻ con xuất hiện ở góc quảng trường, nhìn những người Do Thái ngồi xổm ở đó, và chạy mất. "Chắc còn phải kéo dài nửa tiếng nữa," Nagel nói. – "Tôi có thể đi thăm thú một chút được không?" tôi hỏi. – "Được chứ, tất nhiên rồi. Nhưng dù sao cũng nên mang theo một người tùy tùng." Và anh ta chỉ định Popp, người chưa hề rời khỏi tôi kể từ Lemberg, chuẩn bị chỗ ở và cà phê cho tôi, đánh bốt và mang quân phục đi giặt; tuy thế tôi chưa bao giờ đòi hỏi anh ta điều gì. Tôi đi theo phía các trang trại nhỏ kiểu Galicie, về phía sông, Popp đi theo tôi cách vài bước, súng trường để trên vai. Những ngôi nhà dài và thấp, những cánh cửa buồng bỉnh đóng lại, tôi không nhìn thấy ai ở các cửa sổ. Trước một cái cổng bằng gỗ trát sơn màu xanh nhạt, khoảng ba chục con ngỗng đang kêu váng óc, đòi được vào chuồng. Tôi đi qua những ngôi nhà cuối cùng và đi xuống phía sông, nhưng bờ sông thật lầy lội, tôi phải đi lên một chút; đi thêm một đoạn, tôi nhìn thấy cánh rừng. Không khí vang vọng tiếng kêu dai dẳng, âm ảnh của lũ ếch gọi

bạn tình. Xa hơn, giữa những cánh đồng ngập nước nơi những khoảnh nước phản chiếu mặt trời, khoảng một chục con ngỗng trắng bước theo hàng dọc, béo tốt và kiêu hãnh, đi theo sau là một con bò đầy vẻ sợ sệt. Tôi đã có dịp nhìn thấy vài ngôi làng ở Ukraine: tôi thấy chúng nghèo nàn và khốn khổ hơn ở đây rất nhiều, tôi sợ là các lý thuyết của Oberländer sẽ đổ vỡ tan tành. Tôi đi ngược trở lại con đường. Trước cái cổng màu xanh, những con ngỗng vẫn đang chờ, rình theo một con bò cái đang khóc, hai mắt dính nhớp đầy ruồi. Trên quảng trường, các Askari đã cho người Do Thái lên mấy cái xe cam nhông cùng những tiếng la hét và những cú roi vụt; tuy nhiên, những người Do Thái đó không chống cự lại. Hai người Ukraine trước mặt tôi kéo lê một ông già mang một bên chân gỗ, cái chân bị rơi ra và họ thẳng cánh ném nó vào trong xe cam nhông. Nagel đi lùi ra, tôi tóm lấy một tay Askari và chỉ cái chân gỗ cho hắn: "Đưa ông ta cái chân." Tay Ukraine nhún vai, nhặt lấy cái chân và ném theo ông già. Trong mỗi xe cam nhông, người ta chất khoảng ba mươi người Do Thái; tổng cộng phải có đến một trăm năm mươi người, nhưng chúng tôi chỉ có ba xe, phải đi thêm chuyến nữa. Khi những chiếc cam nhông đã đầy người, Nagel ra hiệu cho tôi lên chiếc Opel và đi vào con đường qua cánh rừng, những chiếc cam nhông bám theo sau. Ra đến bìa rừng, đội gác đã sẵn sàng. Người ta bắt những người Do Thái xuống khỏi xe, rồi Nagel ra lệnh chọn những người Do Thái phải đào đất; những người khác đứng đợi ở đó. Một Hauptscharführer lựa chọn, rồi người ta phát xẻng cho họ; Nagel gọi một toán lính áp giải và tất cả đi sâu vào rừng. Những chiếc cam nhông quay lại chỗ cũ. Tôi nhìn đám người Do Thái: những người đứng gần tôi nhất có vẻ nhợt nhạt, nhưng bình tĩnh. Nagel lại gần và nói hết sức cộc lốc, tay chỉ những người Do Thái: "Điều này là cần thiết, anh có hiểu không? Trong tất cả những chuyện này, sự đau đớn của con người không hề có ý nghĩa gì." – "Đúng, nhưng dù thế nào thì nó cũng có ý nghĩa gì đó." Đó chính là điều mà tôi không sao nắm bắt được: sự ngây độn, tính không ăn nhập tuyệt đối giữa sự dễ dàng trong việc giết chóc và sự khó khăn to

lớn hẳn phải có trong việc chết. Với chúng tôi, đó là một ngày phải làm việc quần quật; với họ, là kết thúc của tất cả.

Những tiếng kêu vang lên từ cánh rừng. "Có chuyện gì thế?" Nagel hỏi. – "Tôi không biết, Herr Untersturmführer, một hạ sĩ quan trả lời, tôi sẽ đi xem sao." Anh ta đi vào cánh rừng. Vài người Do Thái lê bước chân đi đi lại lại, hai mắt gầm xuống đất, trong một bầu không khí im lặng chết chóc của những con người đang chờ cái chết đến. Một thằng bé ngồi xổm lẩm nhẩm hát một bài đồng dao, nhìn tôi vẻ tò mò; nó đặt hai ngón tay lên môi; tôi chìa cho nó một điếu thuốc lá và bao diêm; nó cảm ơn tôi bằng một nụ cười. Viên hạ sĩ quan xuất hiện trở lại ở bìa rừng và gọi: "Họ tìm được một hố chôn người tập thể, Herr Untersturmführer." – "Sao cơ, một hố chôn người tập thể?" Nagel tiến về phía cánh rừng và tôi đi theo anh ta. Dưới những tán cây, viên Hauptscharführer đang vừa tát một người Do Thái vừa hét lên: "Mày biết rồi phải không? Đồ chó chết. Sao mày không nói?" – "Có chuyện gì thế?" Nagel hỏi. Viên Hauptscharführer ngừng tát người Do Thái và trả lời: "Nhìn này, Herr Untersturmführer. Chúng tôi rơi đúng phải một cái hố của bọn Bônsêvich." Tôi tiến lại gần cái rãnh đã được những người Do Thái phát quang; ở dưới đáy có thể nhìn thấy những cái xác mốc lên, teo tóp, gần giống các xác ướp. "Chắc là bị bắn hồi mùa đông, tôi bình luận. Chính vì thế mà chúng còn chưa bị phân hủy." Một người lính đứng dưới hố nhổm dậy. "Chắc là bọn họ bị bắn vào gáy, Herr Untersturmführer. Chắc là một cú của bọn NKVD." Nagel gọi tay *Dolmetscher*: "Hỏi hắn xem đã xảy ra chuyện gì." Viên thông ngôn dịch ra và người Do Thái nói. "Hắn nói chúng không biết người ta chôn bọn này ở đây." – "Lũ dòi bọ này mà không biết! viên Hauptscharführer phát khùng. Chính chúng giết bọn họ chứ còn ai vào đây nữa!" – "Hauptscharführer, bình tĩnh nào. Cho họ lấp lại cái hố và đi đào ở chỗ khác. Nhưng phải đánh dấu lại, nhỡ có lúc phải quay lại để điều tra sau." Chúng tôi quay lại chỗ đội gác; những chiếc cam nhông chở những người Do Thái còn lại đã đến nơi. Hai mươi phút sau, viên Hauptscharführer, mặt mũi đỏ gay, đi đến chỗ

chúng tôi. "Chúng tôi lại rơi đúng phải những cái xác, Herr Untersturmführer. Không thể thế được, bọn chúng đã lấp đầy cả khu rừng rồi." Nagel triệu tập một cuộc họp nhỏ. "Trong khu rừng này không có nhiều khoảnh đất thưa cây, một hạ sĩ quan gợi ý, chính vì thế chúng ta đã đào đúng phải những chỗ chúng đã đào." Trong khi họ tranh luận với nhau, tôi nhận ra tay bị cắm đầy những cái dằm gỗ rất mảnh, ngay dưới các ngón tay; trong lúc dò dẫm, tôi phát hiện chúng ăn sâu đến tận đốt ngón tay thứ hai, ngay dưới da. Thật đáng ngạc nhiên. Làm sao chúng lại cắm được vào đó? Mà tôi không hề cảm thấy gì. Tôi tìm cách nhổ chúng ra một cách nhẹ nhàng, từng cái một, cố tránh để máu không chảy . Thật may mắn là chúng tuột ra khá dễ dàng. Nagel có vẻ đã có được một quyết định: "Còn một phần rừng nữa, về phía kia, thấp hơn. Chúng ta sẽ thử ở đó xem thế nào." – "Tôi sẽ đợi các anh ở đây," tôi nói. – "Được rồi, Herr Obersturmführer. Tôi sẽ sai người đến tìm anh." Tôi chăm chú vào việc, thử gắp những ngón tay lại nhiều lần; mọi việc dường như đã ổn. Tôi đi dọc theo một cái dốc thoải để tránh xa khỏi vùng cảnh giới, trong đám cỏ dại và những bông hoa đã khô. Xuống thấp hơn bắt đầu một cánh đồng lúa mì, được trông coi bởi một con quạ, bị đóng đinh vào chân, hai cánh dang ra. Tôi nằm xuống cỏ và nhìn lên trời. Tôi nhắm mắt lại.

Popp đến tìm tôi. "Họ sắp sẵn sàng được rồi, Herr Obersturmführer." Đội gác cùng những người Do Thái đang tiến về phía khoảnh rừng thấp. Những người bị kết án kiên nhẫn chờ dưới những tán cây thành các nhóm nhỏ, vài người dựa lưng vào thân cây. Xa hơn, trong rừng, Nagel đứng đợi cùng những người Ukraine của mình. Vài người Do Thái, dưới một đường hào dài nhiều mét, vẫn đang hất từng xẻng đất qua gờ đất bồi của cái hố. Tôi cúi xuống: nước đã ngập đầy hố, những người Do Thái đứng ngập bùn đến đầu gối mà đào. "Đây không phải là một cái hố, mà là bể bơi," tôi nhận xét giọng hơi gay gắt với Nagel. Nagel không hiểu tôi nói gì lắm: "Anh còn muốn tôi làm gì nữa nào, Herr Obersturmführer? Chúng ta rơi đúng vào một cái rốn nước rồi,

càng đào nước càng dâng. Chúng ta ở gần sông quá. Dù sao tôi cũng không để cả ngày đào hố trong cánh rừng này đâu." Anh ta quay sang viên Hauptscharführer. "Thôi, đủ rồi. Bảo họ ra đi." Mặt anh ta xanh lướt. "Các tay súng của anh đã sẵn sàng chưa?" anh ta hỏi. Tôi hiểu là họ sắp sai những người Ukraine bắn. "Rồi, Herr Untersturmführer," viên Hauptscharführer nói. Anh ta quay sang tay *Dolmetscher* giải thích công việc. Tay *Dolmetscher* dịch lại cho những người Ukraine. Hai mươi người trong số họ đến đứng dàn hàng ngang trước cái hố; năm người khác tóm lấy những người Do Thái vừa đào hố, người vẫn còn lấm đầy bùn, bắt họ quỳ gối dọc theo miệng hố, lưng quay về phía những người cầm súng. Theo lệnh của viên Hauptscharführer, các Askari nâng súng cacbin lên vai chĩa nòng vào gáy những người Do Thái. Nhưng không có đủ người, lẽ ra phải có hai người phụ trách một người Do Thái, nhưng tổng số người bị bắt đào hố là mười lăm. Viên Hauptscharführer đếm lại, rồi ra lệnh cho những người Ukraine hạ súng xuống, đến kéo năm người Do Thái ra bắt ngồi đợi bên cạnh. Nhiều người trong số họ đang lầm rầm gì đó trong miệng, chắc là cầu nguyện, nhưng ngoài đó ra họ không nói gì hết cả. "Lấy thêm Askari thì tốt hơn đấy, một hạ sĩ quan khác đề xuất. Sẽ nhanh hơn." Một cuộc thảo luận nhỏ diễn ra; tổng cộng chỉ có hai mươi lăm người Ukraine; viên hạ sĩ quan đề nghị bổ sung năm Orpo; viên Hauptscharführer cho rằng không thể rút người của toán lính. Nagel bực mình quyết định: "Cứ tiếp tục như thế đi." Viên Hauptscharführer hét lên ra lệnh và các Askari nâng súng. Nagel tiến lên trước một bước. "Nghe lệnh..." Giọng anh ta bình thản, anh ta đã cố hết sức để giữ bình tĩnh. "Bắn!" Loạt đạn vang rền và tôi nhìn thấy như thể có một dòng màu đỏ phụt ra, bị đám khói súng trường che khuất đi. Phần lớn những người bị giết chồm lên trước, cắm đầu xuống nước; hai người trong số họ nằm lại đó trên bờ miệng hố, co quắp. "Đẩy chúng xuống và dẫn bọn khác lại đây," Nagel ra lệnh. Vài người Ukraine túm tay chân hai người Do Thái chết lẳng họ xuống hố; họ rơi xuống đáy hố với tiếng đập nước ồn ã, máu chảy thành

dòng từ những cái đầu vỡ toác, bắn cả lên bốt và quần phục của mấy người Ukraine. Hai người cầm xẻng tiến lên trước dọn dẹp bờ miệng hố, xúc những tảng đất đẫm máu và những mảnh sọ trắng nhờ đổ xuống đống người chết bên dưới. Tôi lại gần để nhìn: những cái xác nổi lềnh phềnh trong nước pha bùn, vài người nằm sấp, những người khác ngửa lên, mũi và râu thò ra khỏi mặt nước; máu tràn từ đầu họ loang lổ mặt nước, như một lớp váng dầu mỏng nhưng đỏ rực, những chiếc sơ mi màu trắng cũng chuyển sang đỏ và những sợi nhỏ màu đỏ chảy trên da và trong đám râu của họ. Nhóm thứ hai được đưa đến, năm người đã đào hố và năm người khác từ bìa rừng, bị bắt quỳ gối, mặt nhìn xuống cái hố, nhìn vào những cái xác trôi nổi của mấy người kia; một trong số họ quay về phía những người cầm súng, đầu ngẩng lên, im lặng nhìn. Tôi nghĩ đến những người Ukraine đó: làm sao mà họ lại như thế này? Phần lớn trong số họ đã chiến đấu chống người Ba Lan, rồi chống Xô viết, hẳn họ đã từng mơ có được một tương lai tốt đẹp hơn, cho họ và cho con cái của họ, thế mà giờ đây họ lại đang ở trong một khu rừng, mặc quần phục nước ngoài và giết những người không hề làm gì họ, không có lý do khả dĩ hiểu được nào cả. Họ có thể nghĩ gì về điều này? Tuy thế, khi nghe lệnh, họ sẽ bắn, sẽ đẩy những cái xác xuống hố và lôi những người khác ra chỗ miệng hố, họ sẽ không chống lại. Sau này họ sẽ nghĩ gì về tất cả những cái đó? Họ bắn thêm một lượt nữa. Giờ đây có thể nghe thấy những tiếng rên rỉ vọng lên từ cái hố. "Mẹ nó chứ, chúng chưa chết hết," viên Hauptscharführer gầm gừ. – "Thế thì giải quyết chúng đi," Nagel hét lên. Theo lệnh của viên Hauptscharführer, hai tay Askari tiến lên và bắn xuống cái hố. Những tiếng kêu vẫn tiếp tục. Họ bắn thêm lần thứ ba. Bên cạnh họ người ta đang dọn dẹp miệng hố. Thêm mười người nữa được dẫn đến. Tôi nhìn thấy Popp: anh ta đã xục tay vào đống đất gần cái hố, nhắc lên một nắm và ngắm nhìn, anh ta lấy những ngón tay thô kệch vân vê cát, hít ngửi, thậm chí còn cho vào miệng vài hạt. "Có chuyện gì vậy, Popp?" Anh ta tiến lại gần tôi: "Xem đất này, Herr Obersturmführer. Đất tốt lắm. Sống ở

đây là nhất đấy." Những người Do Thái quỳ gối xuống. "Vứt đi, Popp," tôi nói với anh ta. – "Họ đã nói là sau này chúng tôi có thể đến đây sống, dựng trang trại. Vùng này đất tốt lắm, tôi chỉ muốn nói thế thôi." – "Im đi nào, Popp." Các Askari bắn xong một tràng đạn nữa. Thêm một lần nữa, những tiếng hét ghê rợn vọng lên từ cái hố, những tiếng rên rỉ. "Xin các ngài, các ngài Đức! Xin các ngài!" Viên Hauptscharführer ra lệnh bắn phát súng ân huệ; nhưng những tiếng kêu gào vẫn không dứt, chúng tôi nghe tiếng người vùng vẫy trong nước, Nagel cũng hét lên: "Người của các anh bắn thế hả? Bảo chúng xuống hẳn nước mà bắn." – "Nhưng, Herr Untersturmführer..." – "Bảo chúng xuống!" Viên Hauptscharführer cho dịch mệnh lệnh. Những người Ukraine bắt đầu hung hăng nói gì đó. "Chúng nói gì?" Nagel hỏi. – "Họ không muốn xuống, Herr Untersturmführer, tay *Dolmetscher* giải thích. Họ nói rằng không cần thiết, họ sẽ bắn từ miệng hố." Mặt Nagel đỏ lựng. "Xuống ngay!" Viên Hauptscharführer tóm lấy tay một người kéo về phía cái hố; người Ukraine chống lại. Giờ đây tất cả đều la hét, bằng tiếng Ukraine và tiếng Đức. Xa hơn một chút, nhóm tiếp theo đang đứng chờ. Điên giận, tay Askari bị chỉ định ném súng xuống đất và nhảy vào hố, trượt chân, ngã nằm lên giữa đám xác chết và những người hấp hối. Người đồng đội của anh ta chạy theo, đứng lại ở miệng hố nắm tay anh ta kéo lên. Người Ukraine chửi thề, nhổ bậy, người đầy bùn và máu. Viên Hauptscharführer chìa khẩu súng cho anh ta. Bên trái có thể nghe thấy nhiều tiếng súng và tiếng hét; những người trong toán lính đang bắn vào khu rừng: một người Do Thái vừa lợi dụng huyên náo để tẩu thoát. "Bắn trúng hắn không?" Nagel gọi. – "Tôi không biết, Herr Untersturmführer," một cảnh sát trả lời từ xa. – "Thế thì đi xem đi!" Hai người Do Thái nữa đột nhiên chạy theo một hướng khác và các Orpo bắt đầu nã đạn: một trong hai người sụm xuống ngay lập tức, nhưng người kia đã biến mất vào khu rừng. Nagel rút súng lục chĩa tứ tung về mọi hướng, hét lên những mệnh lệnh trái ngược. Dưới hố, tay Askari tìm cách gí nòng

khẩu súng trường của mình vào trán một người Do Thái bị thương, nhưng người này lăn lộn trong nước, đầu biến mất dưới mặt nước. Cuối cùng người Ukraine cũng bắn được, phát đạn làm bay mất cái hàm của người Do Thái, nhưng vẫn chưa giết chết được anh ta, anh ta quẫy, tóm được hai chân người Ukraine. "Nagel", tôi nói. – "Sao hả?" Mặt anh ta đã trắng bệch, khẩu súng lủng lẳng ở tay. – "Tôi ra xe đợi." Trong khu rừng, những tiếng súng vang lên, các Orpo đang bắn những người bỏ trốn; tôi vội liếc các ngón tay của mình, để chắc không còn cái dằm nào cắm vào đó nữa. Gần cái hố, một người Do Thái òa khóc.

Cách làm nghiệp dư như thế nhanh chóng trở thành ngoại lệ. Trong vài tuần, các sĩ quan thu thập được kinh nghiệm, lính của họ quen dần với công việc; cùng lúc, có thể thấy rõ rằng tất cả mọi người tìm kiếm vị trí cho mình trong tất cả những điều đó, suy nghĩ theo cách của mình về những chuyện diễn ra. Tối đến, ở bàn ăn, người ta bàn luận về các hành động, kể cho nhau những giai thoại, so sánh kinh nghiệm, một số nói giọng buồn bã, những người khác, vui vẻ. Lại có những người im lặng, đó chính là những người cần theo dõi. Đã có hai vụ tự tử; và một đêm, một người tỉnh dậy bắn cả băng đạn lên trần nhà, người ta phải trói anh ta lại, một hạ sĩ quan suýt dính đạn. Một số người phản ứng cục cằn, có khi còn theo lối loạn dâm, họ đánh đập tù binh, tra tấn dã man trước khi giết; các sĩ quan tìm cách kiểm soát những cơn bột phát đó, nhưng rất khó, có rất nhiều sự quá đà. Người của chúng tôi, rất thường xuyên, chụp ảnh những cuộc hành quyết; họ đổi những bức ảnh lấy thuốc lá, dán chúng lên tường, ai cũng có thể nhờ rửa thêm ra. Qua kiểm duyệt quân sự, chúng tôi biết được là nhiều người đã gửi ảnh về cho gia đình mình ở Đức, một số thậm chí còn làm những album ảnh kèm với chú thích; hiện tượng này làm giới chỉ huy lo lắng, nhưng có vẻ như không thể kiểm soát nổi. Bản thân các sĩ quan cũng làm vậy. Một lần, trong lúc những người Do Thái đào hố, tôi bắt gặp Bohr đang lẩm nhẩm

hát: "Đất lạnh, đất mềm, đào đi, Do Thái, đào đi." Tay *Dolmetscher* dịch ra, điều đó làm tôi thấy sửng sốt một cách sâu sắc. Giờ đây tôi đã biết Bohr được một thời gian, đó là một người bình thường, không hề nuôi dưỡng sự căm ghét đặc biệt nào đối với người Do Thái, anh ta thực hiện nghĩa vụ của mình khi được yêu cầu; nhưng rõ ràng là việc này đã có tác động đến anh ta, làm anh ta có những phản ứng không hay. Dĩ nhiên là trong Kommando có những người bài Do Thái thực sự; chẳng hạn như Lübbe, một Untersturmführer khác, chỉ chực rình cơ hội để nguyền rủa không tiếc lời Israel, như thể đạo Do Thái thế giới chỉ là một âm mưu to lớn nhằm chống lại ông ta, Lübbe. Ông ta làm mọi người mệt mỏi vì chuyện này. Nhưng thái độ của ông ta trước các hành động rất lạ: đôi khi ông ta cư xử rất cộc cằn, nhưng cũng có lúc, vào buổi sáng, ông ta phải chịu những cơn ỉa chảy dữ dội, ngay lập tức ông ta báo ốm và xin được thay bằng người khác. "Chúa ơi, tôi căm ghét cái giống sâu bọ này biết bao, ông ta nói khi nhìn thấy họ chết, nhưng cái công việc này thì tởm lợm quá." Và khi tôi hỏi niềm tin của ông ta không giúp được gì cho ông ta trong việc chịu đựng điều đó sao, thì ông ta đáp: "Nghe này, không phải vì tôi ăn thịt mà tôi muốn làm việc trong một lò mổ." Sau đó vài tháng ông ta sẽ bị đuổi, khi tiến sĩ Thomas, người thay thế Brigadeführer Rasch, tiến hành thanh trừng các Kommando. Nhưng càng ngày càng khó kiểm soát các sĩ quan và lính tráng, họ tự cho mình có quyền làm những việc không được phép, những việc thật kỳ cục, nhưng chắc chắn là thực sự bình thường, khi với loại công việc đó các giới hạn rối tinh vào nhau, trở nên mù mờ. Và rồi lại có kẻ ăn cắp của người Do Thái, giữ lại đồng hồ vàng, nhẫn, đồ bạc, trong khi tất cả đều phải nộp cho Kommandostab để gửi về Đức. Trong các hành động, sĩ quan bị buộc phải trông coi các Orpo, Waffen-SS và Askari, để chắc chắn bọn họ không thuồng mất thứ gì. Nhưng các sĩ quan cũng giữ đồ lại cho mình. Và rồi họ uống rượu, ý thức kỷ luật lỏng lẻo. Một tối, chúng tôi đóng ở một ngôi làng, Bohr dẫn đến hai cô gái, hai nông dân Ukraine, và đem theo vodka. Anh ta cùng Zorn và

Müller uống với mấy cô gái, vầy vò họ, thọc tay xuống dưới váy họ. Tôi ngồi trên giường, cố gắng đọc sách. Bohr gọi tôi: "Đến đây chơi đi." – "Không, cảm ơn." Một cô gái đã bị lột áo, gần như trần truồng, đôi vú chắc hơi sệ một chút. Cái thứ ham muốn chua chua đó, cái da thịt mỡ màng đó làm tôi thấy tởm, nhưng tôi không có nơi nào để mà đi. "Anh không được thoải mái lắm rồi, tiến sĩ ơi," Bohr chĩa sang tôi nói. Còn tôi nhìn họ, như thể mất tôi là một máy quét Roentgen: dưới da thịt, tôi nhìn thấy rõ những cái xương, khi Zorn ôm lấy một cô gái thì không khác nào những khúc xương, sát kề nhau qua một lớp màng mỏng, ôm ghì lấy nhau, trong khi họ cười âm thanh lanh lảnh bắn ra từ những quai hàm trên cái sọ; ngày mai, họ sẽ già nua, những cô gái sẽ béo phì hoặc ngược lại lớp da nhăn nheo của họ sẽ phủ lên xương cốt, cặp vú khô khốc sẽ rũ xuống như những cái túi da đựng nước, và rồi Bohr và Zorn và những cô gái kia cũng sẽ chết và sẽ nằm dưới đất lạnh, đất mềm, giống hệt như những người Do Thái bị phạt ngang thân khi đang tuổi trẻ kia, những cái miệng đầy đất của họ sẽ không còn cười nữa, thế thì cái trò trụy lạc buồn bã này có ý nghĩa gì đây? Nếu tôi đặt câu hỏi cho Zorn, tôi biết trước anh ta sẽ trả lời: "Thì thế, để tận hưởng trước khi toi, được khoái lạc một chút," nhưng cả tôi nữa, tôi không tìm đến khoái lạc, tôi biết hưởng khoái lạc khi nào tôi muốn, không, hẳn đó là sự thiếu ý thức về bản thân đáng sợ của họ, cái cách thức kỳ quái làm sao cho không phải nghĩ đến điều gì, cả điều xấu lẫn điều tốt, để mặc cho dòng chảy cuốn mình theo, giết chóc mà không hiểu tại sao và cũng không chút nghĩ ngợi, vầy vò đàn bà vì thích điều đó, uống rượu như hũ chìm. Đó là điều tôi không hiểu được, nhưng người ta đâu có yêu cầu tôi phải hiểu điều đó.

Đầu tháng Tám, Sonderkommando bắt tay thực hiện cuộc thanh trừng Jitomir đầu tiên. Theo số liệu thống kê của chúng tôi, trước chiến tranh có ba mươi nghìn Do Thái sống ở đó; nhưng phần lớn bọn họ đã chạy trốn cùng quân Đỏ, chỉ còn lại năm

nghìn, chín phần trăm dân số hiện tại. Rasch đã quyết định rằng như vậy vẫn là quá nhiều. Tướng Reinhardt, tư lệnh sư đoàn số 99, cho chúng tôi mượn quân để tiến hành *Durchkämmung*, một từ tiếng Đức rất đẹp mà tôi không biết cách dịch, miêu tả quá trình sàng lọc. Tất cả mọi người đều có phần bồn chồn: ngày mồng một tháng Tám, vùng Galicie được sáp nhập với General-Gouvernement và các trung đoàn của "Nachtigall" nổi loạn đến tận Vinnitsa và Tiraspol. Phải xác định danh tính tất cả các sĩ quan và hạ sĩ quan của OUN-B trong số các phụ tá của chúng tôi, bắt họ, và gửi họ đi cùng các sĩ quan của "Nachtigall" đến cùng chỗ với Bandera ở Sachsenhausen. Kể từ đó, chúng tôi phải để mắt đến tất cả những người còn ở lại, trong số đó không phải tất cả đều có thể tin tưởng được. Ngay ở Jitomir, những kẻ theo Bandera cũng đã ám sát hai công chức theo phái Melnyk được chúng tôi cất nhắc; trước tiên chúng tôi nghi ngờ bọn cộng sản; rồi chúng tôi xử bắn tất cả những kẻ theo OUN-B có thể tìm được. Thật may mắn là mối quan hệ giữa chúng tôi và Wehrmacht rất tốt đẹp. Các cựu chiến binh hồi chiến tranh Ba Lan đều thấy kinh ngạc; họ chờ đợi cùng lắm là một sự đồng thuận mang tính dè chừng, thế nhưng hóa ra quan hệ của chúng tôi với các bộ tham mưu lại hết sức thân tình. Rất thường xuyên, bên quân đội là người lên tiếng trước, họ yêu cầu chúng tôi thanh toán bọn Do Thái ở các làng có xảy ra phá hoại, kết tội chúng là du kích, hoặc để trả đũa, và họ giao cho chúng tôi bọn Do Thái và Digan để hành quyết. Von Roques, chỉ huy vùng hậu phương phía Nam, đã hạ lệnh trong trường hợp không thể xác định chắc chắn được danh tính các thủ phạm của một vụ phá hoại, sẽ phải tiến hành các cuộc trả đũa lên người Do Thái hoặc người Nga, bởi vì không được phép làm hại người Ukraine một cách vô lối: *Cần phải tạo ra cảm giác rằng chúng ta là những người công bằng*. Dĩ nhiên là không phải sĩ quan nào của Wehrmacht cũng tán thành các biện pháp đó, theo Rasch thì đặc biệt là các sĩ quan lớn tuổi mãi vẫn không chịu hiểu ra vấn đề. Tập đoàn quân cũng gặp khúc mắc với một số chỉ huy của Dulag, những người mặt mày nhăn nhó

khi giao các ủy viên và các tù binh chiến tranh Do Thái lại cho chúng tôi. Nhưng von Reichenau, điều này thì ai cũng biết, rất hăng hái bảo vệ SP. Và ngược lại, cũng có đôi lúc Wehrmacht đi trước chúng tôi. PC của một sư đoàn muốn đóng quân tại một ngôi làng, nhưng không có đủ chỗ: "Vẫn còn bọn Do Thái," tham mưu trưởng gợi ý với chúng tôi; và AOK ủng hộ, thế rồi chúng tôi phải bắn chết hết tất cả những nam giới người Do Thái của làng, rồi tập hợp phụ nữ và trẻ con lại trong vài cái nhà để nhường chỗ cho các sĩ quan. Trong báo cáo vụ này được ghi là một cuộc trả đũa. Một sư đoàn khác thậm chí còn yêu cầu chúng tôi tiêu diệt bệnh nhân của một trại tâm thần, nơi họ muốn đặt trụ sở; Gruppenstab vẻ kinh tởm trả lời rằng *người của Staatspolizei không phải là đao phủ cho bên Wehrmacht*: "Hành động này không mang lại chút lợi ích nào cho SP. Các ông tự đi mà làm." (Nhưng một lần khác Rasch đã ra lệnh bắn những người điên bởi vì tất cả các y tá và nhân viên của bệnh viện đã đi khỏi, và ông ta cho rằng nếu những người bệnh lợi dụng tình thế đó để trốn đi thì họ sẽ tạo ra một nguy cơ cho vấn đề an ninh.) Ngoài ra có vẻ như là mọi chuyện sẽ sớm được đẩy mạnh. Nhiều tin đồn từ Galicie bay đến chỗ chúng tôi, nói về các *phương pháp mới*; dường như Jeckeln đã nhận được lực lượng tiếp viện đáng kể và tiến hành những cuộc bố ráp quy mô hơn tất cả các vụ bố ráp khác đã được thực hiện cho đến lúc này. Callsen, từ một công vụ ở Tarnopol trở về, đã loáng thoáng nói cho chúng tôi về một *Ölsardinenmanier* mới, nhưng ông ta không chịu nói gì hơn và không ai biết được nhiều lắm về chuyện ông ta nói. Và rồi Blobel trở về. Ông ta đã được chữa khỏi bệnh và quả thực có vẻ bớt uống đi, nhưng tính tình lúc nào cũng vẫn quạu cọ như vậy. Giờ đây phần lớn thời gian tôi ở Jitomir. Thomas cũng ở đó và gần như ngày nào tôi cũng gặp anh. Trời rất nóng. Trong các khu vườn, cây cối trĩu xuống dưới sức nặng của những quả mận và mơ chín thẫm; trong các khoảnh đất tư ở rìa thành phố, có thể nhìn thấy những đám bí nặng trĩu, vài cành ngô đã khô héo, những luống hoa hướng dương trơ trọi, đài hoa chúc xuống đất. Khi có thời

gian rảnh rỗi, Thomas và tôi rời khỏi thành phố để chèo thuyền trên sông Teterev và bơi; sau đó, nằm dưới bóng những cây táo, chúng tôi uống thứ rượu vang trắng tồi Bessarabie nhắm cùng một thứ quả chín nào đó, có khắp nơi xung quanh, trong đám cỏ. Vào thời đó, trong vùng còn chưa có bọn du kích, mọi thứ đều yên tĩnh. Thỉnh thoảng chúng tôi đọc cho nhau nghe những đoạn thú vị hoặc buồn cười trong sách, giống hệt như các sinh viên. Thomas mang theo một cuốn sách nhỏ bằng tiếng Pháp từ Viện nghiên cứu các vấn đề Do Thái: "Nghe thử thứ văn chương lạ lùng này nhé. Bài báo "Sinh học và hợp tác", của một tay tên là Charles Laville. Đây này. *Một nền chính trị phải mang tính sinh học, hoặc là không có nó.* Nghe tiếp, nghe tiếp nhé: *Liệu chúng ta có muốn vẫn mãi là một bộ xương san hô tầm thường hay không? Liệu có phải là ngược lại, rằng chúng ta muốn tiến đến một trình độ tổ chức cao hơn hay không?*" Giọng đọc tiếng Pháp của anh nghe như hát. "Câu trả lời: *Những kết hợp tế bào của các nhận tố có xu hướng bổ sung lẫn nhau là điều đã cho phép tạo nên các loài động vật cao cấp, cho đến con người. Theo một cách nào đó, chối bỏ những gì được trao mời cho chúng ta là một thứ tội ác chống lại loài người, và cùng lúc cũng chống lại sinh học.*" Về phần mình, tôi đọc thư từ của Stendhal. Một hôm, bến lính công binh mời chúng tôi lên chiếc canô gắn môtơ của họ; Thomas, đã ngà ngà say, đặt cả thùng lựu đạn giữa hai chân và, nằm dài một cách thoải mái ở mũi thuyền, anh nhặt từng quả lựu đạn trong thùng, mở chốt, và lười biếng ném chúng qua đầu ra phía sau; từng cột nước dựng đứng lên từ những tiếng nổ ngầm phía dưới bắn nước lên người chúng tôi, các công binh cầm lưới tìm cách vớt lấy mấy chục con cá chết đang trôi theo rạch nước của con thuyền, họ cười đùa ầm ĩ và tôi ngắm nhìn làn da rám nắng cùng sự trẻ trung vô tư lự của họ. Tối đến, thỉnh thoảng Thomas qua bên khu của tôi để nghe nhạc. Bohr đã tìm được một đứa trẻ con mồ côi Do Thái và nhận làm con nuôi lấy khước: thằng bé rửa xe cộ, lau chùi giày bốt và súng lục của các sĩ quan, nhưng đặc biệt là nó chơi đàn piano rất tuyệt, nhẹ nhõm, nhanh nhẹn, hoạt bát.

"Cách nhấn phím đó khiến người ta có thể được tha thứ mọi chuyện, kể cả việc là người Do Thái," Bohr nói. Ông ta bảo nó chơi Beethoven hoặc Haydn, nhưng thằng bé, Yakov, thích Bach hơn cả. Có vẻ như là nó thuộc lòng tất cả các bản *Suite*, thật tuyệt diệu. Ngay cả Blobel cũng đối xử nhẹ nhàng với nó. Khi Yakov không chơi đàn, thỉnh thoảng tôi tự giải trí bằng cách chọc tức các đồng nghiệp, đọc cho họ vài đoạn Stendhal miêu tả cảnh rút quân khỏi nước Nga. Một số người nổi điên: "Ừ, cũng có thể là có chuyện đó, nhưng chỉ là với người Pháp thôi, đúng là một dân tộc ngu ngốc. Nhưng chúng ta là người Đức." – "Chắc chắn rồi. Nhưng người Nga thì lúc nào chẳng là người Nga." – "Cái đó thì nhất định là không phải! Blobel rống lên. Bảy mươi hoặc tám mươi phần trăm dân Liên Xô có gốc Mông Cổ. Điều đó được chứng minh rồi. Và bọn Bônsêvich đã tiến hành một chính sách pha trộn chủng tộc đầy ý đồ. Trong Thế chiến thứ nhất, đúng vậy, khi đó thì chúng ta đã chiến đấu chống lại những tay moujik Nga thực thụ, và quả đúng là bọn chúng rất to con, cái bọn người man mọi đó, nhưng bọn Bônsêvich đã tiêu diệt hết bọn họ rồi! Gần như không còn lại một tay người Nga thực thụ nào, một tay người Xlavơ thực thụ nào. Dù thế nào đi nữa, ông ta nói tiếp, không màng chút nào đến việc tìm kiếm một lôgic, theo định nghĩa người Xlavơ là một chủng tộc người lai giống, bọn nô lệ. Bọn con hoang. Không có lấy một ông hoàng nào của bọn họ là người Nga thực thụ, lúc nào cũng có dòng máu Normand, Mông Cổ, rồi Đức. Ngay cả nhà thơ dân tộc của bọn chúng cũng là một *Mischling* da đen, và bọn chúng để yên cho tất cả các chuyện đó, như thế thì quá rõ rồi còn gì..." – "Dù thế nào đi nữa, Vogt trịnh trọng tiếp lời, Chúa đứng về phía Quốc gia và *Volk* Đức. Chúng ta sẽ không thể thua cuộc chiến này được." – "Chúa à? Blobel gào lên. Chúa là một thằng cộng sản. Và nếu tôi gặp hắn, hắn sẽ có kết cục cuộc đời giống hệt như các ủy viên của hắn."

Ông ta biết mình đang nói gì. Ở Tchernyakov, SP đã bắt được chủ tịch *Troika* vùng của NKVD, cùng một đồng nghiệp của ông ta, và đã gửi tất cả đến Jitomir. Bị Vogt và các đồng nghiệp

của ông ta tra hỏi, tay thẩm phán đó, Wolf Kieper, thừa nhận là mình đã ra lệnh hành quyết hơn một nghìn ba trăm năm mươi người. Đó là một tay Do Thái trạc sáu mươi tuổi, theo cộng sản từ 1905 và thành viên hội thẩm nhân dân từ 1918; tên còn lại, Moïse Kogan, trẻ hơn, nhưng cũng là một nhân viên của Tchéka và là một Do Thái. Blobel đã tranh luận về trường hợp này với Rasch và Oberst Heim và họ đã thống nhất tổ chức một cuộc xử tội công khai. Kieper và Kogan bị kết án tại một phiên tòa quân sự và bị xử tội chết. Ngày 7 tháng Tám, vào lúc sáng sớm, các sĩ quan của Sonderkommando, được các Orpo và Askari trợ sức, thực hiện nhiều cuộc bắt bớ người Do Thái và tập hợp bọn họ tại quảng trường chợ. Đại đoàn số 6 cấp một chiếc xe của bộ phận tuyên truyền gắn loa đi khắp các phố thông báo cuộc xử tội bằng cả tiếng Đức và tiếng Ukraine. Tôi đến địa điểm vào quãng cuối buổi sáng, cùng với Thomas. Hơn bốn trăm người Do Thái đã bị tập hợp lại và được lệnh ngồi xuống, hai tay để sau gáy, gần giá treo cổ rất cao do các lái xe của Sonderkommando dựng vào ngày hôm trước. Phía bên kia đội gác của Waffen-SS, hàng trăm kẻ tò mò đổ dồn tới, chủ yếu là cánh lính tráng, nhưng cũng có cả người của tập đoàn xây dựng Todt và của NKKK, cũng như nhiều dân thường người Ukraine. Những khán giả này chen chúc kín đặc quảng trường, khó mà rẽ nổi một lối đi; khoảng ba mươi tay lính thậm chí còn trèo lên mái nhà bằng tôn cạnh đó. Tiếng người cười đùa; nhiều người chụp ảnh cảnh tượng. Blobel đứng ở chân giá treo cổ cùng với Häfner, người vừa từ Bielaia Tserkov về. Bên trong vòng cảnh giới, von Radetzky đang nói oang oang bằng tiếng Ukraine: "Ai có một món nợ cần thanh toán với một kẻ Do Thái nào trong số này không?" ông ta hỏi. Một người đàn ông tách khỏi đám đông tiến đến, đá chân vào một người đàn ông đang ngồi, rồi quay đi; những người khác ném những thứ trái cây và cà chua thối. Tôi nhìn đám người Do Thái: mặt bọn họ xám xịt, những cặp mắt hoảng sợ đáo dác, đang tự hỏi không biết điều gì sẽ xảy tới tiếp theo. Trong số bọn họ có nhiều người đã già, chòm râu trắng rậm và mặc áo dài lông bẩn thỉu, nhưng cũng có những

người khá trẻ. Tôi nhận ra bên trong vòng cảnh giới có nhiều Landser của Wehrmacht. "Họ làm gì ở đây vậy?" tôi hỏi Häfner. – "Đó là những người tình nguyện. Họ tự đề nghị được giúp đỡ." Tôi bĩu môi. Có thể nhìn thấy nhiều sĩ quan, nhưng tôi không nhận ra ai là người của AOK cả. Tôi đi về phía đám lính và hỏi một người gác: "Anh làm gì ở đây thế? Ai ra lệnh cho anh đứng gác ở đây?" Anh ta có vẻ bối rối. "Thượng cấp của anh đâu?" – "Tôi không biết, Herr Offizier," cuối cùng anh ta cũng trả lời, tay gãi gãi cái trán dưới mũ calô. "Anh làm gì ở đây?" tôi nhắc lại. – "Sáng nay tôi đến chỗ ghetto, cùng các bạn đồng đội của tôi, thưa Herr Offizier. Và rồi sau đó, chúng tôi đề nghị được giúp đỡ, và các đồng nghiệp của ông đã đồng ý. Tôi đã xí trước một đôi bốt da của một tay Do Thái và muốn tìm thấy hắn ta trước khi... trước khi..." Anh ta thậm chí không dám nói từ đó ra. "Trước khi người ta xử bắn hắn ta, phải không?" tôi nói toẹt luôn ra. "Phải, thưa Herr Offizier." – "Thế anh có tìm thấy hắn không?" – "Hắn ở đằng kia. Nhưng tôi không tài nào nói chuyện được với hắn." Tôi quay lại chỗ Blobel. "Herr Standartenführer, phải đuổi người của Wehrmacht đi thôi. Thật không bình thường khi không có lệnh mà họ lại tham gia *Aktion*." – "Cứ để thế đi, cứ để thế đi, Obersturmführer. Họ thể hiện lòng hăng hái thì cũng tốt chứ sao. Họ là những người quốc xã tốt mà, chỉ là vì họ cũng muốn có phần của mình thôi." Tôi nhún vai, đi đến chỗ Thomas. Anh hất cằm về phía đám đông: "Nếu được quyền bán vé thì chúng ta giàu rồi." Anh nhếch miệng cười. "Ở AOK người ta gọi đó là *Exekution-Tourismus*." Chiếc xe cam nhông đến nơi và đỗ lại dưới giá treo cổ. Hai Waffen-SS lôi Kieper và Kogan từ trong đó ra. Cả hai đều mặc áo sơ mi kiểu nông dân và hai tay bị trói ra sau lưng. Chòm râu của Kieper đã bạc hẳn đi kể từ khi bị bắt. Các tài xế của chúng tôi bắc một tấm ván ngang qua thùng xe, dẫn ông ta lên và thắt các sợi dây. Tôi nhận thấy Höfler đứng hơi tách ra, anh ta hút thuốc, vẻ mặt ủ dột; Bauer, tài xế riêng của Blobel, kiểm tra các vòng dây buộc. Rồi Zorn cũng trèo lên và các Waffen-SS đẩy hai kẻ bị kết án lên. Người ta để bọn họ đứng dưới

giá treo cổ và Zorn đọc một bài diễn văn; anh ta nói bằng tiếng Ukraine, giải thích về bản án. Đám khán giả ồn ào lên, huýt sáo, và phải khó khăn lắm anh ta mới át được giọng nói của họ; nhiều lần anh ta giơ tay lên ra hiệu yêu cầu yên lặng, nhưng không ai buồn để ý cả. Đám lính tráng chụp ảnh, họ vừa cười vừa chỉ trỏ mấy kẻ bị kết án. Đúng lúc đó Zorn và một trong số các Waffen-SS choàng vòng dây vào cổ họ. Hai người bị kết án im lặng, kín bưng. Zorn và những người khác xuống khỏi tấm ván và Bauer nổ máy chiếc cam nhông. "Chậm hơn nữa, chậm hơn nữa," các Landser đang chụp ảnh hét lên. Chiếc cam nhông tiến lên, hai người đàn ông gắng sức giữ thăng bằng, rồi lần lượt ngã, lắc lư nhiều lần từ trước ra sau. Cái quần dài của Kieper tụt hẳn xuống mất cả chân; ông ta không mặc gì dưới áo sơ mi, tôi kinh hãi nhìn thấy dương vật ông ta phồng lên, nó vẫn tiếp tục phóng tinh. "*Nix Kultura!*" một Landser rống lên, những người khác hét theo. Trên mấy cái cột của giá treo cổ, Zorn đang đóng đinh treo mấy tấm bảng giải thích về bản án; người ta có thể đọc được trên đó rằng một nghìn ba trăm năm mươi nạn nhân của Kieper *đều là Volksdeutscher và người Ukraine.*

Sau đó, mấy người lính gác ra lệnh cho đám người Do Thái đứng dậy và bước đi. Blobel trèo lên xe ôtô của mình cùng Häfner và Zorn; von Radetzky mời tôi và Thomas lên ngồi cùng. Đám đông đi theo những người Do Thái, ồn ào khủng khiếp. Tất cả đi ra khỏi thành phố, tiến về phía vẫn hay được gọi là *Pferdefriedhof*, nghĩa trang ngựa: ở đó, người ta đã đào một đường hào, đằng sau chất một đống thanh gỗ để hứng đạn lạc. Obersturmführer Grafhorst, người chỉ huy đại đội Waffen-SS của chúng tôi, đang đợi sẵn cùng khoảng hai mươi người của mình. Blobel và Häfner kiểm tra đường hào, rồi chúng tôi chờ đợi. Tôi suy nghĩ. Tôi nghĩ đến cuộc đời mình, đến mối liên hệ có thể có giữa quãng đời mà tôi đã sống – một cuộc đời hoàn toàn bình thường, cuộc đời của bất kỳ ai, nhưng xét về một số khía cạnh cũng là một cuộc đời kỳ lạ, bất thường, dù cho bất thường cũng chính là rất bình thường – và những gì đang diễn ra ở đây. Chắc

hẳn phải có một mối liên hệ nào đó, và quả đúng là như vậy, trên thực tế có một mối liên hệ. Chắc chắn là tôi không tham gia các vụ xử tử, tôi không chỉ huy các đội hành quyết; nhưng điều đó không làm thay đổi gì nhiều, bởi vì tôi đều đặn tham dự chúng, tôi giúp đỡ trong việc chuẩn bị chúng và sau đó tôi viết các bản báo cáo; ngoài ra, cũng vì tình cờ mà tôi được cử về Stab chứ không phải là đến chỗ các Teilkommando. Và nếu người ta bổ tôi về một Teilkommando, liệu rằng cả tôi nữa, giống như Nagel hoặc Häfner, tôi có tổ chức những cuộc lùng bắt, ra lệnh đào những cái hố, bắt những người bị kết án xếp hàng ngang, và hét lên: "Bắn!"? Có chứ, không có gì phải nghi ngờ cả. Kể từ khi còn bé, tôi đã bị ám ảnh bởi niềm say mê cái tuyệt đối và sự vượt qua các giới hạn; giờ đây, niềm say mê đó đã dẫn tôi đến bên bờ những cái hố chôn người tập thể ở Ukraine. Lúc nào tôi cũng muốn suy nghĩ của mình triệt để; thế nhưng Nhà nước, Quốc gia cũng đều đã lựa chọn cái triệt để và cái tuyệt đối; vậy thì làm cách nào, vào đúng thời điểm này, quay lưng lại, nói không, và đến cuối cùng lại thích thú sự tiện nghi của các quy luật tư sản, sự đảm bảo tầm thường của khế ước xã hội hơn là những cái khác? Hiển nhiên điều đó là không thể. Và nếu tính triệt để lại chính là tính triệt để của vực thẳm, và nếu cái tuyệt đối lại hóa ra là cái tuyệt đối tệ hại, thì vẫn cứ phải, điều này thì tôi tin tưởng vô cùng, theo đuổi chúng cho đến tận cùng, mắt mở thật to để nhìn cho rõ. Đám đông đến nơi và chen đặc vào nghĩa trang; tôi nhìn thấy những tay lính mặc áo ba lỗ, và cả những người đàn bà, bọn trẻ con. Bọn họ uống bia và chuyền tay nhau những điếu thuốc lá. Tôi quan sát một nhóm sĩ quan của bộ tổng tham mưu: ở đó có Oberst von Schuler, IIa, cùng nhiều sĩ quan khác. Grafhorst, tay Kompanierführer, đang cất đặt người của mình. Hiện tại người ta sử dụng một khẩu súng trường cho một tên Do Thái, một phát vào ngực ở quãng tim. Thường thì như thế chưa đủ để giết được hẳn ta và một người phải nhảy xuống hố để kết liễu rốt cuộc đời; những tiếng kêu thét vang lên giữa những tiếng chuyện gẫu và la hét của đám đông. Häfner, đang ít nhiều là người chỉ huy chính

thức, gầm lên. Giữa những tràng đạn, nhiều người bước ra khỏi đám đông và đề nghị với các Waffen-SS cho họ thế chỗ; Grafhorst không lần nào phản đối và người của ông ta đưa những khẩu cacbin cho các Landser này để họ bắn một hoặc hai phát trước khi trở lại chỗ của mình giữa đám bạn bè. Các Waffen-SS của Grafhorst khá trẻ và kể từ đầu cuộc hành quyết hơi tỏ ra bồn chồn. Häfner bắt đầu chửi bới một trong số họ, người cứ sau mỗi tràng đạn lại chìa ngay khẩu cacbin của mình cho một tay lính tình nguyện và đứng dẹp hẳn sang một bên, mặt trắng bệch. Thêm nữa có rất nhiều phát đạn không trúng đích và quả thực đó là một vấn đề. Häfner cho dừng cuộc hành quyết lại để hội ý với Blobel và hai sĩ quan của Wehrmacht. Tôi không biết họ, nhưng theo màu ve áo của họ thì đó là một thẩm phán quân sự và một bác sĩ. Rồi Häfner đến thảo luận với Grafhorst. Tôi thấy Grafhorst phản đối những gì Häfner nói, nhưng tôi không nghe rõ những lời của họ. Cuối cùng Grafhorst cho dẫn đến một lượt Do Thái mới. Những người này đứng quay mặt về phía cái hố, nhưng các tay súng của Waffen-SS nhắm bắn vào đầu chứ không phải vào ngực; kết quả thực đáng sợ: phần trên xương sọ bắn tung lên trời, các tay súng bị những mảnh não bắn vào mặt. Một trong số các tay súng tình nguyện của Wehrmacht nôn oẹ và bị các bạn của anh ta chế nhạo. Mặt Grafhorst trở nên đỏ lựng và chửi mắng Häfner, rồi ông ta quay về phía Blobel và cuộc tranh luận tiếp tục. Họ lại thay đổi phương pháp một lần nữa: Blobel gọi thêm các tay súng và hai người bắn vào một cái gáy, giống như hồi tháng Bảy; Häfner tự mình đảm trách việc bắn phát súng ân huệ nếu cần.

Tối ngày diễn ra cuộc hành quyết đó tôi đi cùng Thomas đến phòng giải trí. Các sĩ quan của AOK đang hăng hái tranh luận về chuyện xảy ra ngày hôm đó; họ lịch sự chào chúng tôi, nhưng tỏ ra lúng túng, không thoải mái. Thomas bắt chuyện với một người; tôi rút lui vào một hốc tường để hút thuốc một mình. Sau bữa ăn các cuộc tranh luận lại tiếp tục. Tôi nhận ra tay thẩm phán quân sự nhìn thấy lúc trước đang nói chuyện với Blobel; trông ông ta có vẻ đặc biệt bồn chồn. Tôi tiến lại gần và nhập vào nhóm. Các sĩ quan,

tôi hiểu, không có gì để phản đối bản thân hành động, nhưng họ phản đối sự có mặt đông đảo lính của bên Wehrmacht và việc họ tham gia công việc hành quyết. "Nếu chúng ta ra lệnh cho họ thì lại đi một nhẽ, viên thẩm phán nói, nhưng như thế thì thật là không thể chấp nhận được. Thật là một nỗi nhục cho Wehrmacht." – "Gì cơ, Thomas lên tiếng, SS thì có thể bắn người rồi, nhưng lẽ nào Wehrmacht lại không được thậm chí là đứng xem?" – "Không phải vậy, hoàn toàn không phải vậy. Đó là một vấn đề về trật tự. Các nhiệm vụ như thế với mọi người đều là không dễ chịu chút nào. Nhưng chỉ những người nhận lệnh mới được phép tham gia. Nếu không, toàn bộ kỷ luật quân đội sẽ sụp đổ." – "Tôi đồng ý với tiến sĩ Neumann, Niemeyer, viên Abwehroffizier, nói xen vào. Đó không phải là một hoạt động thể thao. Mọi người đã cư xử như thể họ đang ở trường đua ngựa vậy." – "Tuy nhiên, Herr Oberstleutnant, tôi lưu ý ông ta, AOK đã đồng ý để vụ việc được công khai hóa. Thậm chí ông còn đã cho chúng tôi mượn PK của mình." – "Tôi không hề chỉ trích SS, những người phải làm một công việc rất khó khăn, Niemeyer trả lời, giọng hơi có vẻ đề phòng. Quả thực là trước đó chúng ta đã thảo luận và nhất trí rằng đó sẽ là một bài học tốt cho thường dân, rằng sẽ có ích khi họ được chứng kiến tận mắt cách chúng ta bẻ gãy quyền lực của bọn Do Thái và bọn Bônsêvich. Nhưng hôm nay thì đi hơi quá xa rồi. Người của các anh không việc gì phải đưa súng cho người của chúng tôi." – "Người của các anh, Thomas đáp lời gay gắt, cũng không được đòi hỏi điều đó chứ." – "Dù thế nào đi nữa, giọng Neumann, thẩm phán, trở nên the thé, cũng sẽ phải đưa vấn đề này ra trước Generalfeldmarschall."

Toàn bộ câu chuyện đó dẫn đến một mệnh lệnh đặc trưng của von Reichenau: dẫn chiếu đến *những cuộc xử tử hình cần thiết đối với bọn tội phạm, bọn Bônsêvich và các phần tử về cơ bản là Do Thái* của chúng tôi, ông ta cấm lính của đại đoàn 6, *nếu không được lệnh của một sĩ quan cấp trên*, tham dự, chụp ảnh,

hoặc tham gia các hành động. Tự bản thân chuyện này hẳn là không làm thay đổi được gì nhiều nhặn, nhưng Rasch ra lệnh cho chúng tôi phải tiến hành các hành động ở bên ngoài thành phố, và phải lập vòng cảnh giới ngăn không cho phép bất kỳ ai vào xem. Có vẻ như là kể từ nay mọi việc sẽ được tiến hành một cách kín đáo. Tuy nhiên, ham muốn được nhìn thấy những điều ấy cũng là một cái gì đó rất con người. Khi lật giở đống sách Platon của mình, tôi tìm thấy một đoạn trong *Cộng hòa* khiến tôi nhớ đến phản ứng trước đống xác người ở pháo đài Lutsk: *Léonte, con trai Aglaion, đang trèo lên thành Pirée bằng lối tường ngoài phía Bắc, thì nhìn thấy những xác chết nằm cạnh đao phủ; và chàng cảm thấy ham muốn được nhìn thấy chúng, và cùng lúc thấy ghê tởm với suy nghĩ đó, và muốn quay đi khỏi. Chàng chiến đấu với chính mình như vậy và đặt bàn tay lên che mắt, nhưng cuối cùng chàng đành chịu khuất phục ham muốn và, lấy các ngón tay vạch mắt ra, chàng nói: "Được rồi, hãy để cho các ngươi bị nguyền rủa đi, hãy tận hưởng cái cảnh tượng đẹp đẽ này đi!"* Nói cho đúng thì có vẻ như là lính tráng hiếm khi nào cảm thấy cùng nỗi hoang mang của Léonte, mà chỉ cảm thấy ham muốn của chàng ta, và điều làm phiền nhiễu giới cầm quyền hẳn là việc con người có thể thích thú với những hành động đó. Tuy nhiên, tất cả những ai tham gia chuyện ấy đều có một hứng thú nào đó, với tôi điều này là hiển nhiên. Rõ ràng là một số người khoái trá với tự bản thân hành động, nhưng những kẻ đó thì người ta có thể coi là bọn có bệnh rồi, và hết sức đúng đắn khi tìm ra bọn họ, giao cho bọn họ những công việc khác, hoặc thậm chí kết tội nếu bọn họ vượt quá một giới hạn nhất định nào đó. Còn với những người khác, dù cho điều ấy làm họ kinh tởm hay hoàn toàn dửng dưng, thì họ vẫn phải hoàn thành nó với ý thức về trách nhiệm và bổn phận, và bằng cách đó mà rút ra được hứng thú từ sự tận tâm của mình, từ khả năng hoàn thành tốt đẹp một nghĩa vụ khó khăn đến vậy, mặc cho sự kinh tởm và chán ghét: "Nhưng tôi không có chút hứng thú nào trong chuyện bắn giết," họ vẫn thường xuyên nói thế, bằng cách đó tìm ra được sự hứng thú trong tính nghiêm cẩn

và đức hạnh của mình. Dĩ nhiên là giới cầm quyền phải xem xét các vấn đề này trong tổng thể của chúng, dù cho những câu trả lời chỉ có thể là tương đối hoặc đại khái. Các *Einzelaktion*, những hành động mang tính cá nhân, tất nhiên, cần được xem là những vụ án mạng và phải được xử. Berück von Roques đã ban xuống một cách điển giải lệnh của OKW về kỷ luật, phạt sáu mươi ngày cấm túc đối với các hành động *bất tuân*, dành cho những tay lính tự mình nổi hứng bắn vào người Do Thái; người ta kể là ở Lemberg, một hạ sĩ quan đã nhận án phạt sáu tháng tù vì giết một bà già Do Thái. Nhưng các hành động càng được mở rộng phạm vi, người ta càng khó khăn hơn trong việc kiểm soát tất cả các vụ vi phạm. Hai ngày 11 và 12 tháng Tám, Brigadeführer Rasch tập hợp ở Jitomir tất cả các chỉ huy Sonderkommando và Einsatzkommando của mình: thêm vào đó là Blobel, Hermann ở 4b, Schulz ở 5 và Kroeger ở 6. Jeckeln cũng đến. Ngày 13 là sinh nhật của Blobel, và các sĩ quan đã quyết định tổ chức cho ông ta một bữa tiệc. Trong ngày hôm đó ông ta còn thể hiện một tâm trạng khó chịu hơn cả thường lệ, và suốt nhiều giờ liền ngồi lì một mình, tự nhốt mình trong văn phòng. Bản thân tôi cũng khá bận: chúng tôi vừa nhận được một mệnh lệnh từ Gruppenführer Müller, chỉ huy *Geheime Staatspolizei*, phải thu thập các tư liệu bằng hình ảnh về các hoạt động của chúng tôi – những bức ảnh, những cuộn phim, apphich, yết thị – để chuyển cho Führer. Tôi đến thương lượng xin một món tiền nhỏ ở chỗ Hartl, người quản lý của Gruppenstab, để có thể đi mua ảnh; thoạt tiên ông ta từ chối, nói rằng một mệnh lệnh của Reichsführer cấm các thành viên của các Einsatzgruppe lợi dụng các cuộc hành quyết theo mọi cách thức; mà với ông ta bán ảnh chính là một cách thu lợi nhuận. Cuối cùng tôi cũng thuyết phục được ông ta tin rằng chúng tôi không thể yêu cầu người khác bỏ tiền túi của mình để chi trả cho công việc của tập đoàn quân, và cần phải có tiền để in những bức ảnh mà chúng tôi muốn lấy làm tư liệu. Ông ta chấp nhận, nhưng với điều kiện là chỉ mua ảnh của các hạ sĩ quan và lính; các sĩ quan phải tự bỏ tiền mà rửa ảnh, nếu có chụp. Có được

sự đồng ý đó, phần còn lại của ngày tôi đi vào các doanh trại để xem xét những bộ sưu tập có ở đó và nhờ họ rửa ảnh. Mặt khác trong số họ nhiều người là những tay nhiếp ảnh rất cứng tay; nhưng tác phẩm của họ để lại trong tôi một dư vị khó chịu, và cùng lúc tôi không thể ngoảnh mặt đi, như thể bị thôi miên. Tối đến, các sĩ quan tập trung ở phòng ăn hôm nay được Strehlke và các trợ tá của anh ta trang hoàng đẹp đẽ. Blobel, khi đến chỗ chúng tôi, đã uống từ trước, mắt ông ta vẫn đỏ, nhưng vẫn còn tự chủ được và nói rất ít. Vogt, sĩ quan lớn tuổi nhất, thay mặt mọi người chúc mừng ông ta và chúng tôi nâng cốc mừng sức khỏe; rồi chúng tôi yêu cầu ông ta nói. Ông ta ngập ngừng, rồi đặt cốc xuống và quay về phía chúng tôi, hai tay bắt chéo sau lưng. "Meine Herren! Tôi xin cảm ơn những lời chúc tụng của các anh. Xin các anh biết rằng tôi rất cảm động vì lòng tin của các anh. Tôi buộc phải thông báo với các anh một tin khủng khiếp. Hôm qua, HSSPF Russland-Süd, Obergruppenführer Jeckeln, đã trao cho chúng ta một mệnh lệnh mới. Lệnh này được truyền thẳng xuống từ Reichsführer-SS và là của, tôi nhấn mạnh điều này giống như ông ấy đã nhấn mạnh với chúng tôi, đích thân Führer." Trong lúc nói, người ông ta run lên; ông ta vừa nói vừa cắn cắn vào bên trong má. "Kể từ nay các hành động chống lại bọn Do Thái sẽ bao gồm toàn bộ bọn người đó. Không có ngoại lệ nào cả." Các sĩ quan có mặt đều có vẻ rụng rời tay chân; nhiều người cùng lên tiếng một lúc. Giọng Callsen cất lên, đầy vẻ nghi ngờ: "Tất cả?" – "Tất cả," Blobel xác nhận. – "Nhưng điều đó là không thể," Callsen nói. Ông ta như thể đang cầu xin. Tôi thì im lặng, cảm thấy như thể người lên cơn sốt. Ôi Chúa ơi, tôi tự nhủ, giờ đây còn phải làm cả chuyện đó nữa, nó đã được nói ra, và sẽ phải trải qua nó. Tôi cảm thấy một nỗi kinh hoàng không giới hạn xâm chiếm lấy mình, nhưng vẫn giữ được bình tĩnh, không để lộ chút gì ra ngoài, nhịp thở vẫn đều đặn. Callsen tiếp tục phản đối: "Nhưng, Herr Standartenführer, phần lớn trong chúng ta đều đã có gia đình, chúng ta có con. Người ta không thể yêu cầu chúng ta điều ấy được." – "Meine Herren, Blobel ngắt lời, giọng cương quyết

nhưng cũng đẩy về trống trải, đây là một mệnh lệnh trực tiếp từ Führer của chúng ta, Adolf Hitler. Chúng ta là những người quốc xã và các SS, và chúng ta sẽ tuân lệnh. Hãy hiểu lấy điều này: ở Đức, vấn đề Do Thái đã có thể được giải quyết về tổng thể mà không phạm phải sự quá đà nào và theo cách thức phù hợp với những đòi hỏi của con người. Nhưng kể từ khi chiếm lấy Ba Lan chúng ta phải nhận thêm ba triệu tên Do Thái nữa. Không ai biết phải làm gì với chúng hoặc nhét chúng vào đâu. Ở đây, trên cái đất nước rộng lớn này, nơi chúng ta đang tiến hành một cuộc chiến tranh tàn phá không khoan nhượng chống lại quân đội của Stalin, ngay từ đầu chúng ta phải sử dụng các biện pháp triệt để để đảm bảo an ninh hậu phương chúng ta. Tôi tin rằng tất cả các anh đều đã hiểu rất rõ về tính cần thiết và tính hiệu quả. Lực lượng của chúng ta không đủ để vừa chiến đấu vừa lùng sục từng ngõ làng; và chúng ta không được phép để những tên kẻ thù tiềm năng giáo hoạt đến thế, khôn lanh đến thế, sót lại sau lưng mình. Ở *Reichsicherheitshauptamt*, người ta đang bàn luận đến khả năng, khi nào đã giành chiến thắng trong cuộc chiến, tập hợp tất cả bọn Do Thái lại trong một khu vực rộng lớn ở Xibêri hoặc ở miền Bắc. Ở đó, bọn chúng sẽ được yên ổn, và chúng ta cũng vậy. Nhưng trước tiên phải thắng cuộc chiến này cái đã. Chúng ta đã hành quyết hàng nghìn tên Do Thái và vẫn còn lại hàng chục nghìn tên nữa; lực lượng của chúng ta càng tiến lên thì sẽ lại càng có nhiều bọn chúng hơn. Thế nhưng, nếu chúng ta giết bọn đàn ông, thì sẽ không còn lại ai để nuôi bọn đàn bà và con cái chúng. Wehrmacht không đủ tiền để nuôi hàng chục nghìn giống cái vô tích sự và con của chúng. Chúng ta cũng không được để cho bọn chúng chết đói: đó là các phương pháp của bọn Bônsêvich. Gộp cả bọn chúng vào với chồng và con trai chúng trong các hành động của chúng ta quả thực là giải pháp nhân đạo nhất nếu xem xét cụ thể tình hình hiện nay. Ngoài ra, kinh nghiệm cho chúng ta biết rằng bọn Do Thái miền Đông sinh đẻ nhiều hơn và là cái nôi sản sinh liên tục, tái tạo lực lượng của bọn Do Thái-Bônsêvich cũng như bọn đầu sỏ tài chính tư bản. Nếu chúng ta để sót lại một số, những thứ sản phẩm

của chọn lọc tự nhiên này sẽ là nguồn gốc của một sự tái sản sinh còn nguy hiểm hơn là mối nguy hiện nay. Bọn trẻ con Do Thái ngày hôm nay sẽ trở thành lũ phá hoại, bọn du kích, bọn khủng bố vào ngày mai." Các sĩ quan im lặng như đưa đám; tôi nhận ra Kehrig đang uống hết cốc này đến cốc khác. Đôi mắt vằn tia máu của Blobel sáng bóng lên qua tấm màn rượu. "Chúng ta đều là người quốc xã, ông ta tiếp tục, các SS phục vụ cho *Volk* của chúng ta và cho Führer của chúng ta. Tôi xin nhắc lại rằng *Führerwörte haben Gesetzeskraft*, lời nói của Führer có sức mạnh của Luật lệ. Các anh sẽ phải cưỡng lại ham muốn làm người của mình." Blobel không phải là một người đặc biệt thông minh; những câu nói đầy mạnh mẽ đó hẳn không phải là của ông ta. Tuy nhiên, ông ta tin vào chúng; quan trọng hơn nữa, ông ta muốn tin vào chúng, và đến lượt mình ông ta trao chúng lại cho những ai cần, những kẻ có thể hưởng lợi từ chúng. Với tôi thì chúng không cần thiết lắm, các suy luận của mình, tôi phải tự xây dựng lấy. Nhưng tôi thấy khó suy nghĩ, đầu tôi quay cuồng, một áp lực khủng khiếp, tôi muốn về đi ngủ. Callsen xoay xoay chiếc nhẫn cưới, tôi chắc chắn rằng ông ta không hề để tâm đến hành động đó; ông ta muốn nói gì đó, nhưng lại thôi. *"Schweinerei*, thật là một *grosse Schweinerei,"* Häfner lẩm bẩm, và không ai phản đối anh ta. Có vẻ như là Blobel đã cạn lời, không còn sót lại ý tưởng nào trong đầu, nhưng tất cả đều cảm thấy rằng ý chí của ông ta đang bọc chặt lấy chúng tôi và không chịu thả ra, cũng giống hệt như các ý chí khác đang tóm chặt lấy chính ông ta. Trong một Nhà nước như của chúng tôi, các vai được phân cho tất cả: Anh, nạn nhân, và Anh, đao phủ, và không ai có lựa chọn nào, người ta không hỏi đến sự đồng thuận của bất kỳ ai, bởi vì tất cả đều có thể thay thế lẫn nhau, cả nạn nhân lẫn đao phủ. Hôm qua chúng tôi đã giết chết đàn ông Do Thái, ngày mai sẽ là đàn bà và trẻ con, ngày kia sẽ là những gì khác nữa; và chúng tôi, khi đã hoàn thành vai trò của mình, chúng tôi sẽ bị thay thế. Ít nhất thì người Đức cũng sẽ không tiêu diệt các đao phủ của mình, mà ngược lại, nó sẽ chăm sóc bọn họ, khác hẳn Stalin với cái thói thích thanh trừng của ông

ta; nhưng cả cái đó cũng nằm trong lôgic sự việc. Với người Nga, cũng như với chúng tôi, con người không có chút trọng lượng nào, Quốc gia, Nhà nước là tất cả, và theo hướng đó chúng tôi là các hình ảnh phản chiếu về nhau. Người Do Thái cũng có cái tình cảm cộng đồng, tình cảm về *Volk* mạnh mẽ đó: họ khóc thương những người chết, chôn cất họ nếu có thể và đọc kinh Kaddish; nhưng chừng nào chỉ duy nhất một người còn sống, thì Israel vẫn sống. Có lẽ chính vì thế mà bọn họ đã trở thành kẻ thù được ưu tiên của chúng tôi, vì bọn họ giống chúng tôi quá mức.

Đó không phải là một vấn đề con người. Một số, lẽ dĩ nhiên, có thể phê phán các hành động của chúng tôi nhân danh các giá trị tôn giáo, nhưng tôi không thuộc vào những kẻ đó, và ở SS, hẳn là cũng không có nhiều kẻ như thế lắm; hoặc là nhân danh các giá trị dân chủ, nhưng cái được gọi là dân chủ thì ở Đức chúng tôi đã vượt qua lâu rồi. Quả thực, các lập luận của Blobel cũng không hoàn toàn ngu ngốc: nếu giá trị tối cao chính là *Volk*, là dân tộc mà người ta thuộc về, và nếu như ý chí của *Volk* đó được hóa thân trong một vị chỉ huy, thì quả thực là *Führerwörte haben Gesetzeskraft*. Nhưng dù sao việc hiểu được *về mặt tự thân* sự cần thiết của các mệnh lệnh của Führer cũng là cốt tử: nếu chỉ quy phục điều đó bởi tinh thần tuân lời đơn giản của người Phổ, bởi tinh thần *Knecht*, không hiểu chúng và không chấp nhận chúng, nghĩa là không *tuân phục* chúng, thì người ta sẽ chỉ là một con bò, một tên nô lệ chứ không phải là một con người. Người Do Thái, khi hắn ta tuân phục một Luật lệ, cảm thấy rằng Luật đó sống trong người mình, và thứ luật đó càng khủng khiếp, hà khắc, đòi hỏi nhiều, hắn ta lại càng mê đắm nó. Chủ nghĩa quốc xã cũng cần phải trở thành giống như vậy: một Luật lệ sống động. Giết chóc là một điều khủng khiếp; phản ứng của các sĩ quan cho thấy rõ điều đó, ngay cả khi không phải là tất cả đều rút ra được các hậu quả từ phản ứng của mình; và người thấy rằng giết chóc không phải là một điều khủng khiếp, kể cả là giết một người đàn ông có mang vũ khí hay một người đàn ông không mang vũ khí, và một người đàn ông không mang vũ khí cũng như một người

đàn bà và con của cô ta, kẻ đó chỉ là một con vật, không xứng đáng thuộc về một cộng đồng người. Nhưng cũng có thể rằng cái điều khủng khiếp đó là một điều cần thiết; và trong trường hợp đó cần phải tuân theo sự cần thiết ấy. Cơ quan tuyên truyền của chúng tôi không ngừng lặp đi lặp lại rằng người Nga là những kẻ *Untermensch*, loại người hạ cấp; nhưng cái đó thì tôi từ chối tin. Tôi đã thẩm vấn nhiều sĩ quan bị bắt, các ủy viên, và tôi thấy rõ rằng họ cũng là người giống hệt chúng tôi, những người chỉ muốn điều tốt, những người yêu gia đình và tổ quốc mình. Tuy nhiên, các ủy viên và các sĩ quan đó đã giết chết hàng triệu đồng bào của họ, đã trục xuất các koulak, đã làm cho cả vùng nông thôn Ukraine trở nên đói nghèo, đã trấn áp và xử bắn những người tư sản và những người đi chệch đường lối. Trong số họ, có những kẻ cuồng loạn và tâm thần, tất nhiên, nhưng cũng có những người tốt, trung thực và liêm khiết, những người thực tâm muốn điều tốt cho dân tộc mình và cho giai cấp công nhân; và nếu họ lầm đường lạc lối, thì cũng là vì vấn đề niềm tin. Cả họ phần lớn cũng tin tưởng vào sự cần thiết của những gì họ làm, họ không chỉ là những kẻ điên, những kẻ cơ hội và những tên tội phạm giống như tên Kieper kia; cả bên kẻ thù của chúng tôi cũng vậy, một người tốt và trung thực có thể bị thuyết phục để làm những điều khủng khiếp. Những gì mà giờ đây người ta yêu cầu chúng tôi làm đặt cho chúng tôi cùng vấn đề đó.

Buổi sáng hôm sau tôi thức dậy lòng đầy hoang mang, với một điều gì đó giống như một nỗi thù hận buồn bã dính chặt vào đầu óc. Tôi đến gặp Kehrig và đóng cửa văn phòng lại: "Tôi muốn nói chuyện với ông, Herr Sturmbannführer." – "Về chuyện gì, Obersturmführer?" – "Về *Führervernichtungsbefehl*." Ông ta ngẩng phắt đầu lên và nhìn tôi chằm chằm qua cặp kính gọng mỏng: "Chẳng có gì để bàn luận cả, Obersturmführer. Dù thế nào đi nữa, tôi cũng sắp đi rồi." Ông ta ra hiệu và tôi ngồi xuống. "Ông đi à? Sao lại vậy được?" – "Tôi đã giải quyết việc đó với Brigadeführer Streckenbach thông qua trung gian là một người bạn. Tôi sẽ quay về Berlin." – "Khi nào?" – "Sớm thôi, vài ngày

mùa." – "Thế còn người thay chỗ ông?" Ông ta nhún vai: "Anh ta sẽ đến khi nào anh ta đến. Trong lúc đó, anh sẽ phụ trách công việc." Ông ta lại nhìn tôi chằm chằm: "Nếu anh cũng muốn đi thì, anh biết đấy, chuyện có thể dàn xếp được. Tôi có thể đến gặp Streckenbach ở Berlin để nói về trường hợp của anh, nếu anh muốn." – "Cám ơn, Herr Sturmbannführer. Nhưng tôi sẽ ở lại." – "Để làm gì mới được chứ? ông ta hỏi vội. Để kết thúc giống như Häfner hoặc Hans à? Để phơi bụng trong đống bùn đó à?" – "Thì ông đã từng ở đây đấy thôi," tôi nhẹ nhàng nói. Ông ta cất một tiếng cười khô khốc: "Tôi đã xin được thuyên chuyển từ đầu tháng Bảy. Đến Lutsk. Nhưng anh cũng biết thế nào rồi đấy, việc này đòi hỏi mất nhiều thời gian." – "Tôi sẽ rất lấy làm buồn vì phải thấy ông đi khỏi, Herr Sturmbannführer." – "Còn tôi thì không. Những gì bọn họ muốn làm thật quá quắt. Tôi không phải là người duy nhất nghĩ vậy. Schulz, ở Kommando 5, đã quy ngã khi được nghe về *Führerbefehl*. Ông ấy đã xin được đi ngay lập tức, và Obergruppenführer đã đồng ý." – "Có thể là ông có lý. Nhưng nếu ông đi, nếu Oberführer Schulz đi, nếu tất cả những người đáng kính trọng đi, thì ở đây sẽ chỉ còn lại bọn đồ tể, chỉ còn lại thứ cặn bã bẩn thỉu. Không thể chấp nhận điều đó được." Ông ta nhăn mặt vẻ kinh tởm: "Thế ra anh nghĩ rằng nếu ở lại anh sẽ thay đổi được điều gì đó à? Anh?" Ông ta lắc đầu. "Không đâu, tiến sĩ ạ, hãy làm theo lời khuyên của tôi, đi đi. Cứ để bọn đồ tể trông coi lò mổ của chúng." – "Cám ơn, Herr Sturmbannführer." Tôi bắt tay ông ta và ra khỏi phòng. Tôi đến Gruppenstab gặp Thomas. "Kehrig là một kẻ nhát chết, anh gay gắt nói ngay khi tôi kể lại cho anh cuộc nói chuyện. Schulz cũng thế. Schulz đã từng có lúc bị theo dõi rồi. Ở Lemberg, ông ta đã thả những kẻ bị kết án mà không được phép. Ông ta đi thì càng tốt, chúng ta không cần đến những gã như thế." Anh nhìn tôi vẻ tư lự. "Tất nhiên, mọi việc thật tàn khốc, những gì mà họ yêu cầu chúng ta ấy. Nhưng rồi cậu sẽ thấy, chúng ta sẽ thoát ra được thôi." Anh trở nên hoàn toàn nghiêm túc. "Tớ thì tớ không nghĩ rằng đó là một giải pháp tốt. Đó là một lời đáp trả mang tính tình thế, khi khẩn cấp, vì tình

hình chiến tranh. Cần phải chiến thắng thật nhanh cuộc chiến tranh này; sau đó, chúng ta sẽ có thể thảo luận một cách bình tĩnh hơn và có được các quyết định hợp lý hơn. Những ý kiến khôn ngoan hơn cũng sẽ được lắng nghe. Trong chiến tranh thì điều đó là không thể." – "Cậu có tin là nó sẽ còn kéo dài lâu không? Lẽ ra chúng ta đã phải đến được Matxcơva trong vòng năm tuần. Thế mà đã hai tháng, và chúng ta vẫn chưa đến được thậm chí là Kiev hay Leningrad." – "Khó nói lắm. Hiển nhiên là chúng ta đã đánh giá quá thấp trữ lượng công nghiệp của bọn chúng. Mỗi lần chúng ta nghĩ rằng bọn chúng cạn kiệt dự trữ, thì bọn chúng lại tung sang chúng ta những sư đoàn mới toanh. Nhưng giờ thì chắc hẳn là bọn chúng cũng phải kiệt quệ rồi. Và rồi, quyết định của Führer trong việc gửi Guderian cho chúng ta sẽ nhanh chóng khai thông mặt trận, ở chính nơi đây. Về phía tập đoàn quân Trung tâm, tính từ đầu tháng, họ đã bắt bốn trăm nghìn tù binh. Và ở Uman chúng ta cũng đang bao vây hai đại đoàn nữa."

Tối trở về Kommando. Ở nhà ăn, Yakov, thằng bé Do Thái của Bohr, đang ngồi một mình chơi đàn. Tôi ngồi xuống một cái ghế băng lắng nghe. Nó chơi nhạc Mozart, khúc *andante* của một xônat, và điều đó làm tim tôi thắt lại, khiến cho nỗi buồn càng trĩu nặng hơn. Khi nó chơi xong tôi hỏi: "Yakov, cháu có biết Rameau không? Couperin?" – "Không, Herr Offizier. Cái gì thế?" – "Đó là âm nhạc Pháp. Cháu phải học chơi mới được. Chú sẽ tìm bản nhạc cho." – "Có hay không?" – "Có thể là thứ âm nhạc hay nhất." – "Hay hơn cả Bach à?" Tôi cân nhắc vấn đề: "Gần hay bằng Bach," tôi công nhận. Thằng bé Yakov này chắc lên mười hai tuổi; lẽ ra nó đã có thể chơi nhạc ở bất kỳ phòng hòa nhạc nào của châu Âu. Nó từ vùng Czernowitz đến và lớn lên trong một gia đình nói tiếng Đức; cùng với cuộc chiếm đóng Bucovine vào năm 1940, nó bị đưa sang Liên Xô; bố nó bị người Xô viết trục xuất, và mẹ nó chết trong một trận bom oanh tạc của chúng tôi. Đó quả thực là một thằng bé rất đẹp: một khuôn mặt dài, hẹp, cặp môi dày, mái tóc đen thành từng lọn hoang dại, những ngón tay dài nổi gân xanh. Tất cả mọi người ở đây đều yêu quý nó; ngay cả

Lübbe cũng không đối xử tệ với nó. "Herr Offizier?" Yakov hỏi. Mắt nó vẫn nhìn xuống hàng phím đàn. "Cháu có thể đặt một câu hỏi được không?" – "Tất nhiên rồi." – "Có đúng là các chú sẽ giết tất cả người Do Thái không?" Tôi đứng dậy. "Ai nói với cháu điều đó?" – "Tối qua, cháu đã nghe Herr Bohr nói chuyện với các ông sĩ quan khác. Họ gào lên rất to." – "Họ uống rượu ấy mà. Lẽ ra cháu không nên nghe họ." Nó vẫn nằn nì, mắt tiếp tục cắm xuống đàn: "Cả cháu nữa, các chú cũng sẽ giết phải không?" – "Không đâu." Hai tay tôi nổi da gà, tôi cố gắng tạo ra một giọng nói bình thường, thậm chí là vui vẻ: "Tại sao cháu lại muốn bọn chú giết cháu?" – "Thì cháu cũng là người Do Thái mà." – "Thế thì có sao đâu. Cháu làm việc cho bọn chú cơ mà. Bây giờ cháu là một Hiwi rồi." Nó bắt đầu gõ nhẹ xuống một phím đàn, một nốt cao: "Lúc nào người Nga cũng nói với bọn cháu rằng người Đức rất độc ác. Nhưng cháu không tin. Cháu rất yêu quý các chú." Tôi không nói gì. "Chú có muốn nghe cháu chơi đàn không?" – "Chơi đi." – "Chú muốn cháu chơi gì?" – "Gì cũng được."

Không khí trong Kommando trở nên tệ hại; các sĩ quan nóng nảy, la hét vô lối. Callsen và những người khác trở về các Teilkommando của họ; mỗi người đều có ý kiến riêng của mình, nhưng có thể thấy rõ rằng các nhiệm vụ mới làm họ cảm thấy nặng nề. Kehrig nhanh chóng đi khỏi, gần như không nói lời từ biệt. Lübbe ốm triền miên. Từ thực địa, các Teilkommandoführer gửi về các báo cáo rất u ám về tâm trạng lính tráng: có nhiều vụ trầm cảm, nhiều người la khóc; theo Sperath, nhiều người lâm vào tình trạng bất lực về tình dục. Có cả loạt các vụ việc với Wehrmacht: gần Korosten, một Hauptscharführer đã bắt các phụ nữ Do Thái cởi hết quần áo và bắt họ trần truồng chạy trước một nòng súng máy; ông ta đã chụp ảnh, và những bức ảnh đó rơi vào tay AOK. Ở Bielaia Tserkov, Häfner phải đối đầu với một sĩ quan ban tham mưu của một sư đoàn, người đã can thiệp để ngăn chặn một cuộc hành quyết trẻ mồ côi Do Thái; Blobel đích thân đến tận nơi, và vụ việc lên đến tận von Reichenau, người xác nhận lệnh hành quyết và trách mắng viên sĩ quan; nhưng chuyện này làm

không ít người bực tức, và ngoài ra Häfner còn từ chối gán trách nhiệm đó cho người của mình, và đẩy hết sang cho các Askari. Các sĩ quan khác cũng làm theo cách đó; nhưng vì những hục hặc với OUN-B vẫn tiếp tục, cách làm đó đến lượt nó lại tạo ra những vấn đề mới, những người Ukraine, chán nản, đào ngũ hoặc thậm chí còn phản bội. Ngược lại những người khác thản nhiên thực hiện các cuộc hành quyết, nhưng bọn họ lại ăn cắp đồ của người Do Thái không chút ngượng ngùng, hãm hiếp phụ nữ trước khi giết họ; thỉnh thoảng lại phải xử bắn chính những người lính của chúng tôi. Người thay thế Kehrig không thấy đến và công việc ngập lên đầu tôi. Cuối tháng, Blobel gửi tôi đến Korosten. "Nước Cộng hòa Polésie" ở Đông Bắc thành phố, theo lệnh của Wehrmacht, không cho phép chúng tôi vào, nhưng dù sao trong vùng cũng đã có nhiều việc lắm rồi. Phụ trách là Kurt Hans. Tôi không thích Hans lắm, đó là một kẻ xấu xa, đầu óc thất thường; ông ta cũng không thích tôi. Tuy vậy, chúng tôi phải làm việc chung với nhau. Các phương pháp đã thay đổi, người ta đã hợp lý hóa và hệ thống hóa nhằm đáp ứng được các yêu cầu mới. Những thay đổi này dù thế không phải lúc nào cũng làm cho công việc của con người trở nên dễ dàng hơn. Kể từ nay, những người bị kết án, sẽ phải cởi hết quần áo trước khi bị xử tử, vì người ta lấy quần áo của bọn họ để cho Cứu viện mùa đông Secours d'hiver và những người hồi hương. Ở Jitomir, Blobel đã trình bày cho chúng tôi về kỹ thuật *Sardinenpackung* mới mẻ do Jeckeln phát triển, tức là phương pháp "cá xác đin" mà Callsen đã biết. Với khối lượng tăng lên đáng kể ở Galacie ngay từ tháng Bảy, Jeckeln cho rằng những cái hố đầy lên quá nhanh; những cái xác rơi xuống đó một cách tùy tiện, chèn lên nhau, làm phí rất nhiều chỗ, và do đó phải mất rất nhiều thời gian để đào; giờ thì những người bị kết án trần truồng nằm sấp bụng xuống đáy hố, và vài tay súng gí thẳng nòng súng vào gáy bọn họ mà bóp cò. "Tôi vẫn luôn chống lại *Genickschuss*, Blobel nhắc lại với chúng tôi, nhưng giờ đây chúng ta không còn lựa chọn nào khác." Sau mỗi hàng người, một sĩ quan sẽ phải kiểm tra để chắc chắn tất cả những kẻ

bị kết án đó đều đã chết; rồi người ta phủ lên trên một lớp đất mỏng và nhóm người tiếp theo đến nằm lên trên đó, lộn đầu lộn đuôi; sau khi cứ như vậy mà chồng lên được năm hoặc sáu lớp người, người ta phủ cái hố lại. Các Teilkommandoführer nghĩ rằng người của mình thấy làm như vậy là quá khó nhọc, nhưng Blobel không muốn nghe thấy những lời phản đối: "Trong Kommando của tôi, chúng tôi sẽ làm theo lời của Obergruppenführer." Dù sao đi nữa thì chuyện này không mấy làm phiền lòng Kurt Hans; anh ta có vẻ dửng dưng với mọi chuyện. Tôi cũng anh ta dự nhiều cuộc hành quyết. Giờ đây tôi đã có thể phân biệt ba loại tâm trạng có ở các đồng nghiệp. Trước hết là những người, mặc dù tìm cách che giấu, giết chóc một cách hà hè; tôi đã nói về nhóm này, đó là bọn tội phạm, những kẻ bị phát giác hành vi nhờ vào chiến tranh. Rồi đến những người chán ghét chuyện này và giết chóc theo nghĩa vụ, phải tìm cách vượt lên trên sự kinh tởm mà họ cảm thấy, nhờ vào tình yêu dành cho kỷ luật. Cuối cùng là những kẻ coi người Do Thái là những con vật và giết họ giống như một tay đồ tể chẹt họng một con bò cái, công việc vui vẻ và đầy phấn chấn, theo các mức độ tâm trạng hoặc tầm khả năng. Rõ ràng là Kurt Hans thuộc vào loại người thứ ba này: với anh ta điều duy nhất có ý nghĩa là độ chính xác của cử chỉ, tính hiệu quả, năng suất. Tối nào anh ta cũng tỉ mỉ kiểm kê số lượng công việc của mình. Thế còn tôi? Tôi không tự xếp mình vào loại nào trong số ba loại trên, nhưng cũng không biết rõ, và nếu bị gạn hỏi, hẳn là tôi sẽ phải khó nhọc lắm mới có thể có được một câu trả lời thành thực. Câu trả lời này, tôi vẫn đang tìm kiếm. Niềm say mê cái tuyệt đối có can dự vào đó, cũng như sự tò mò, như một hôm tôi bàng hoàng nhận ra: ở đây cũng như trong nhiều điều khác của cuộc đời tôi, tôi đều thấy tò mò, tôi tìm cách thấy được tất cả những cái đó tạo ra hiệu ứng gì lên tôi. Tôi thường trực tự quan sát mình: giống như có một cái camera gắn ở phía trên đầu tôi, và tôi vừa là cái camera đó, vừa là người bị nó quay, và lại cũng là người sau đó nghiên cứu bộ phim. Đôi khi điều này làm tôi choáng váng, và thường xuyên,

khi đêm xuống, tôi không ngủ, tôi nhìn chằm chằm lên trần nhà, cái ống kính vẫn không chịu buông tha. Nhưng câu trả lời cho câu hỏi kia vẫn tiếp tục vuột mất khỏi những ngón tay tôi.

Với đám đàn bà, và đặc biệt là với đám trẻ con, công việc của chúng tôi nhiều khi trở nên rất khó khăn, cảm giác vô cùng nặng nề. Lính tráng và sĩ quan không ngừng than vãn, nhất là những người có tuổi, đã có gia đình. Trước những người không chút khả năng tự vệ này, các bà mẹ chứng kiến người ta giết con cái mình mà không thể bảo vệ, những người chỉ có thể chết đi cùng với chúng, người của chúng tôi cảm thấy một thứ tình cảm vô cùng bất lực, cả họ cũng cảm thấy không có chút khả năng tự vệ nào. "Tôi chỉ muốn được toàn vẹn là mình," một hôm một Sturmmann trẻ tuổi của Waffen-SS nói với tôi, và mong muốn đó thì tôi hiểu rất rõ, nhưng tôi không thể giúp được gì cho anh ta. Thái độ của người Do Thái không làm cho mọi việc dễ dàng hơn. Blobel phải cho gửi trả một Rottenführer ba mươi tuổi về Đức, anh ta đã nói chuyện với một kẻ bị kết án; tên Do Thái, cùng tuổi với viên Rottenführer, bế trên tay một đứa bé chừng hai tuổi rưỡi, vợ hắn ta đứng bên cạnh cũng bế một đứa trẻ sơ sinh mắt xanh; gã đàn ông đã nhìn thẳng vào mắt viên Rottenführer và bình tĩnh nói với anh ta bằng một thứ tiếng Đức rất chuẩn: "Xin ngài, mein Herr, hãy bắn lũ trẻ cho đúng cách." – "Anh ta đến từ Hamburg, sau này viên Rottenführer giải thích với Sperath và ông ta kể lại, gần như anh ta là hàng xóm của tôi, những đứa con của anh ta cùng độ tuổi với các con tôi." Bản thân tôi cũng thấy chao đảo. Trong một cuộc hành quyết, tôi nhìn thấy một đứa bé hấp hối trong đường hào: tay súng hẳn là đã do dự, phát đạn đi quá thấp, xuống tận lưng. Thằng bé thở hổn hển, hai mắt mở to, trong vắt, và gộp thêm vào cảnh tượng kinh khủng này là một cảnh tượng khác của tuổi thơ tôi: tôi chơi trò cow-boy đuổi bắt người Anhđiêng với một người bạn, với những khẩu súng bằng sắt tây. Khi đó một khoảng thời gian ngắn sau Thế chiến thứ nhất, bố tôi đã trở về, tôi lên năm hoặc sáu tuổi, giống như thằng bé đang nằm trong đường hào kia. Tôi trốn đằng sau một cái cây; khi

người bạn của tôi tiến đến gần, tôi nhảy ra và nhả đạn tưởng tượng vào bụng cậu ta, miệng hét lên: "Pằng! Pằng!" Cậu ta thả rơi khẩu súng, hai tay ôm lấy bụng, gục xuống lăn lộn. Tôi nhặt khẩu súng của cậu ta lên và định trả lại: "Này, cầm lấy. Chơi tiếp nào." – "Tớ không thể. Tớ chết rồi." Tôi nhắm mắt lại, trước mặt tôi thằng bé vẫn tiếp tục thở. Sau hành động, tôi đến chỗ *shtetl*, giờ đây trống không, hoang vắng, tôi vào trong các isba, những ngôi nhà thấp tè của người nghèo, trên tường dán lịch Liên Xô và những hình ảnh cắt từ các tờ tạp chí, một vài đồ thờ, những thứ đồ gỗ thô kệch. Chắc chắn là chúng có liên quan đến *internationales Finanzjudentum*. Trong một ngôi nhà, tôi tìm được một cái xô nước lớn để trên cái lò, vẫn còn đang bốc khói; dưới đất, có những bình nước lạnh và một cái chậu. Tôi đóng cửa lại, cởi quần áo và tắm bằng thứ nước này, với một mẩu xà phòng cứng. Tôi chỉ pha một chút nước nóng: bỏng rát, da tôi đỏ ửng lên. Rồi tôi mặc lại quần áo và ra khỏi nhà; ở lối vào làng, những ngôi nhà bắt đầu cháy. Nhưng câu hỏi của tôi không chịu buông tha, nó cứ trở đi trở lại, và chính bằng cách đó mà một lần khác, ở rìa hố, một đứa bé gái khoảng bốn tuổi dịu dàng đến nắm lấy tay tôi. Tôi tìm cách gỡ tay ra, nhưng nó bám rất chặt. Trước mặt chúng tôi, người ta đang xử bắn những người Do Thái. "*Gdje mama?*" tôi hỏi đứa bé gái bằng tiếng Ukraine. Nó chỉ tay thẳng về phía cái hố. Tôi vuốt tóc nó. Chúng tôi đứng một lúc lâu như vậy. Tôi thấy chóng mặt, tôi muốn khóc. "Đến đây với chú, tôi nói với nó bằng tiếng Đức, đừng sợ, đến đây." Tôi tiến về phía miệng hố; nó đứng yên tại chỗ đó, giữ tay tôi lại, rồi cũng đi theo tôi. Tôi nhấc nó lên và chìa nó cho một Waffen-SS: "Tử tế với nó nhé," tôi nói đầy vẻ ngu ngốc. Tôi cảm thấy một cơn điên giận, nhưng không muốn tiếp tục ở lại đó với đứa bé gái, hay tay lính. Anh ta đi xuống dưới hố cùng với đứa bé trên tay và tôi quay vụt đi, rồi chạy thẳng vào trong rừng. Đó là một khu rừng thông rộng và sáng sủa, quang đãng và tràn ngập một thứ ánh sáng dịu nhẹ. Sau lưng tôi vang lên những tràng đạn. Hồi còn bé, tôi vẫn thường chơi trong những khu rừng giống thế này xung quanh Kiel, nơi tôi sống sau

chiến tranh: thật ra là những trò chơi hết sức kỳ quặc. Sinh nhật tôi, bố tôi tặng một hộp truyện *Tarzan* của nhà văn người Mỹ E.R. Burroughs, mà tôi say sưa đọc đi đọc lại, ở bàn, trong nhà vệ sinh, ban đêm với một cái đèn pin, và trong rừng, giống như người anh hùng của tôi, tôi cởi hết quần áo ra và trèo lên cây, giữa đám dương xỉ cao, tôi nằm lên những lớp lá thông nhọn đã khô, tận hưởng những vết đâm nhỏ vào da, tôi cuộn mình đằng sau một bụi cây hoặc một cái cây có cành ngả xuống, bên trên một con đường, để rình mò những ai đến dạo chơi ở đây, *những kẻ khác*, bọn người. Đó không phải là những trò chơi mang tính dục tính một cách rõ ràng, tôi còn quá nhỏ đối với chuyện đó, dĩ nhiên là thậm chí tôi còn không thủ dâm; nhưng với tôi, toàn bộ khu rừng đã trở thành một vùng kích dục, một khoảng đa rộng lớn nhạy cảm ngang với làn da trẻ con trần truồng của tôi đang nổi gai ốc vì lạnh. Sau này, tôi cần phải nói thêm, những trò chơi ấy còn mang một dáng vẻ kỳ lạ hơn nữa, hồi đó vẫn ở Kiel, nhưng chắc là sau khi bố tôi đã đi, chắc là tôi ở vào độ tuổi lên chín, lên mười: trần truồng, tôi dùng thắt lưng treo mình lên một cành cây, buộc vào cổ, và thả rơi toàn bộ trọng lượng cơ thể mình xuống, máu vọt lên mặt, hai thái dương đập thình thịch, hơi thở rít lên, cuối cùng tôi đứng dậy, lấy lại hơi, rồi lại bắt đầu trở lại. Với tôi trước đây những khu rừng là những trò chơi đó, một ham muốn mãnh liệt, một tự do không bờ bến; giờ thì rừng làm tôi sợ hãi.

Tôi quay lại Jitomir. Một sự bồn chồn căng thẳng ngự trị ở Kommandostab: Bohr bị bắt và Lübbe vào bệnh viện. Bohr đã tấn công ông ta ngay trong phòng ăn, trước các sĩ quan khác, thoạt tiên bằng ghế, sau đó bằng dao. Phải cần đến sáu người để kiềm chế ông ta, Strehlke, viên Verwaltungsführer, bị một nhát dao vào bàn tay, không sâu lắm nhưng đau đớn. "Ông ta phát điên rồi," anh ta nói và chìa cho tôi xem những vết dao cứa. – "Nhưng có chuyện gì thế?" – "Vì thằng bé Do Thái của ông ta đấy. Cái thằng chơi dương cầm ấy." Yakov gặp tai nạn khi sửa xe cùng Bauer: cái kích để không vững sụp xuống, tay nó bị nghiền nát. Sperath đã khám cho nó và tuyên bố phải cắt tay. "Thế thì nó không còn ích

lợi gì nữa cả," Blobel quyết định, và ông ta ra lệnh giết nó. "Vogt là người phụ trách việc đó, Strehlke kể cho tôi. Bohr không nói gì cả. Nhưng đến bữa tối Lübbe bắt đầu tìm ông ta. Anh cũng biết ông ta thế nào rồi đấy. "Hết đàn piano rồi," Lübbe nói rõ to. Bohr bèn nhảy vào tấn công ông ta. Nếu anh muốn biết ý kiến của tôi, anh ta nói tiếp, thì Lübbe đã nhận được cái mà ông ta xứng đáng được nhận. Nhưng cũng thật đáng tiếc cho Bohr: một sĩ quan tốt, và ông ấy phá hỏng cả sự nghiệp của mình vì một thằng bé Do Thái. Cứ như là ở đây thiếu bọn Do Thái lắm ấy." – "Bohr sẽ gặp phải chuyện gì?" – "Điều đó còn phụ thuộc vào báo cáo của Standartenführer. Tệ nhất là ông ấy sẽ phải ngồi tù. Nếu không, ông ấy sẽ bị lột lon và gửi sang bên Waffen-SS để hối cải." Tôi chia tay anh ta và lên phòng mình đóng kín cửa lại, trong lòng thấy tràn ngập sự kinh tởm. Tôi hoàn toàn hiểu Bohr; dĩ nhiên là ông ta đã phạm sai lầm, nhưng tôi hiểu. Lübbe không được phép chế nhạo như vậy, thật là đáng khinh bỉ. Cả tôi cũng thấy thân thiết với thằng bé Yakov; tôi đã kín đáo viết thư cho một người bạn ở Berlin để anh gửi cho tôi các bản nhạc của Rameau và Couperin, tôi muốn Yakov học chúng, muốn nó khám phá Tiếng chim hót, Ba bàn tay, Những chiến lũy bí ẩn và bao nhiêu điều tuyệt diệu khác nữa. Giờ đây, những bản nhạc đó sẽ không còn phục vụ được cho ai: tôi không chơi được đàn piano. Đêm đó, tôi có một giấc mơ kỳ lạ. Tôi tỉnh dậy và tiến về phía cửa, nhưng một người phụ nữ chặn đường tôi lại. Cô ta có mái tóc trắng và đeo kính: "Không, cô ta nói với tôi. Anh không được ra. Ngồi xuống và viết đi." Tôi quay lại bàn làm việc: một người đàn ông đang ngồi ở chỗ của tôi, gõ một cái máy chữ. "Xin lỗi," tôi thử nói. Các phím máy chữ phát ra những tiếng động ồn ào, anh ta không nghe thấy tôi nói. Tôi rụt rè vỗ lên vai anh ta. Anh ta quay lại và lắc đầu: "Không," anh ta nói, chỉ tay ra cửa. Tôi vào phòng thư viện của mình nhưng ở đó cũng có một người đang bình thản xé những cuốn sách của tôi và ném đống gáy sách vào một góc. Được rồi, tôi tự nhủ, trong trường hợp này mình sẽ đi ngủ. Một cô gái trẻ đang nằm trên giường, trần truồng dưới cái chăn. Khi

nhìn thấy tôi, cô ta kéo tôi lại gần, phủ lên mặt tôi những nụ hôn, lấy chân quàng lấy chân tôi, và tìm cách tháo thắt lưng. Phải khó khăn lắm tôi mới đẩy được cô ta ra; sự cố gắng đó làm tôi bàng hoàng. Tôi định lao người ra khỏi cửa sổ; nó bị đóng lại, kẹt cứng trong lớp sơn. Thật may mắn là trong phòng vệ sinh không có người, và tôi vội vã chạy vào trong đó đóng chặt cửa lại.

Cuối cùng, Wehrmacht cũng tiếp tục tiến lên, và chuẩn bị cho chúng tôi những nhiệm vụ mới. Guderian đã hoàn thành cuộc đột phá của mình, đánh tan tác các đại đoàn Xô viết ở Kiev, nhưng các đại đoàn đó, như thể bị tê liệt, không hề phản ứng. Đại đoàn số 6 tiếp tục ào lên, vượt sông Dniepr; phía Nam, đại đoàn số 17 cũng vượt sông Dniepr. Trời nóng, khô, và các đội quân di chuyển làm bốc lên những cột bụi cao như tòa nhà; khi mưa xuống, lính tráng sung sướng, rồi nguyền rủa bùn lầy. Không ai có thời gian để tắm và ai nấy xám ngoét lại vì bụi và bùn. Các trung đoàn tiến lên giống như những con tàu nhỏ trơ trọi trên đại dương ngô và lúa mì đến mùa gặt; cả ngày họ không nhìn thấy ai, những tin tức duy nhất đến từ các tài xế của *Rollbahn* từ mặt trận đi về; xung quanh họ, bằng phẳng và hoang vắng, trải dài những đất đai: *Có ai sống trên thảo nguyên này không?* dũng sĩ trong truyện cổ Nga hát như vậy. Thỉnh thoảng chúng tôi gặp các đơn vị đó khi đi công vụ, các sĩ quan mời chúng tôi ăn, họ sung sướng vì gặp được chúng tôi. Ngày 16 tháng Chín, Guderian hội quân được với các panzer của von Kleist ở Lokhvitsa, một trăm năm mươi cây số sau Kiev, và theo Abwehr thì bao vây đến bốn đại đoàn Xô viết; ở phía Bắc và ở phía Nam, không quân và bộ binh bắt đầu đè bẹp kẻ thù. Kiev mở toang hoang. Ở Jitomir, từ cuối tháng Tám, người ta đã ngừng giết người Do Thái, và những người sống sót được tập trung lại trong một ghetto; ngày 17 tháng Chín, Blobel cùng các sĩ quan của mình rời khỏi thành phố, hai đơn vị của trung đoàn cảnh sát phía Nam và các Askari của chúng tôi, chỉ để lại sau lưng mình các sĩ quan cần vụ, bộ phận

nấu nướng và trang thiết bị sửa chữa xe cộ. Kommandostab phải ổn định vị trí ở Kiev trong khoảng thời gian ngắn nhất. Nhưng ngày hôm sau, Blobel đổi ý, hoặc nhận được lệnh khác: ông ta quay lại Jitomir để giết sạch người trong ghetto. "Thái độ hỗn xược của bọn chúng không thay đổi, mặc cho tất cả những lời cảnh cáo và các biện pháp đặc biệt của chúng ta. Chúng ta không thể để bọn chúng lại sau lưng được." Ông ta thành lập một Vorkommando dưới sự chỉ huy của Häfner và Janssen để tiến vào Kiev cùng đại đoàn số 6. Tôi xin đi tình nguyện và được Blobel đồng ý.

Đêm đó Vorkommando đóng trong một làng nhỏ không bóng người gần thành phố. Bên ngoài, những tiếng kêu đầy ám ảnh của lũ quạ khiến người ta nghĩ đến tiếng gào của lũ trẻ con mới sinh. Trong khi nằm trên đệm cỏ trong một ngôi nhà gỗ cùng các sĩ quan khác, một con chim nhỏ, có thể là chim sẻ, bay vào phòng và đâm sầm vào các bức tường và những cánh cửa sổ đóng kín. Bị choáng, nó nằm im trong vài giây, hơi thở ngắt quãng, cánh rũ rượi, rồi nó lại cuống cuồng trong một sự hoảng loạn ngắn ngủi và không ích lợi gì. Chắc nó đang hấp hối. Những người khác đã ngủ hoặc không buồn phản ứng. Cuối cùng, tôi cũng nhặt được nó lên, cho vào một cái mũ và mang ra ngoài thả: nó bay vụt vào màn đêm như thể tỉnh dậy từ một cơn ác mộng. Bình minh đến với chúng tôi trên đường đi. Giờ đây chiến tranh đã ở ngay trước mặt, chúng tôi tiến lên một cách chậm chạp. Ở bên đường rải rác những xác người mất mở trọn trừng, trống trải. Chiếc nhẫn cưới của một người lính Đức ánh lên dưới mặt trời sáng sớm; khuôn mặt anh ta đỏ, phồng lên, miệng và hai mắt đầy ruồi. Những con ngựa chết nằm lẫn với người, một số con, bị thương bởi những phát đạn hay mảnh pháo, đang hấp hối, vẫn còn hí, vật lộn, điên cuồng quẫy đạp trên các bộ xương khác hoặc xác của các kỵ sĩ. Gần một cây cầu dựng tạm, ngay trước mặt chúng tôi, dòng nước cuốn đi ba người lính, và từ trên bờ, trong một lúc lâu, có thể nhìn thấy rõ những bộ quân phục ướt nước, những khuôn mặt xám ngoét của người chết đuối đang chậm rãi

trôi xa dần. Trong những ngôi làng hoang vắng, bị dân cư ở đó bỏ lại, những con bò cái vú căng phồng kêu ầm ĩ vì đau, những con ngỗng, phát điên, kêu quàng quạc trong những khu vườn nhỏ của các isba, giữa đám thỏ, gà và chó bị bỏ mặc cho chết đói cả đàn; những ngôi nhà cửa mở toang, vì sợ hãi, người ta vứt lại sách vở, tranh ảnh, đài radio, chăn lông. Rồi đến các khu ngoại ô của Kiev bị tàn phá, và ngay sau đó, trung tâm thành phố, gần như vẫn còn nguyên vẹn. Dọc theo đại lộ Chevtchenko, dưới ánh nắng đẹp đẽ của mùa thu, những cây đoạn rậm rạp và cây dẻ đang chuyển màu lá sang vàng; trên Khrechtchatik, phố chính lớn, phải đi vòng vèo để tránh các chiến lũy và thanh chống tăng, mà lính Đức mệt nhoài phải chật vật gỡ ra. Häfner kết nối được với đại bản doanh của quân đoàn số XXIX, từ đó người ta dẫn chúng tôi đến chỗ của NKVD, trên một ngọn đồi phía trên Khrechtchatik, nhìn thẳng xuống thành phố. Trước đây đó là một cung điện rất đẹp vào đầu thế kỷ XIX, với một mặt tiền dài màu vàng trang trí những đường chỉ và những cây cột cao sơn trắng chạy hai bên cánh cửa chính, dưới một mi cửa hình tam giác; nhưng nó đã bị dính bom, rồi sau đó NKVD đã châm lửa đốt để cảnh cáo. Theo các thông tin viên của chúng tôi, trước đây cung điện là chỗ trú ẩn cho các nữ đồng trinh nghèo; năm 1918, các *thiết chế Xô viết* đến đóng ở đó; kể từ đấy, danh tiếng ghê gớm của nó làm người ta sợ hãi, ở đó người ta xử bắn người trong vườn, sau *korpus* thứ hai. Häfner vội vã lập ra một đội lính đi bắt người Do Thái để dọn dẹp và sửa chữa những gì có thể; chúng tôi đặt văn phòng và trang thiết bị của mình vào những nơi có thể đặt được, một số người đã bắt tay vào việc. Tôi xuống đại bản doanh yêu cầu lính công binh: phải kiểm tra tòa nhà, yên tâm rằng nó không bị đặt mìn, người ta hứa sẽ cho người đến vào ngày hôm sau. Ở cung điện của các nữ đồng trinh trẻ tuổi, những người Do Thái đầu tiên được áp giải đến nơi và bắt đầu quét dọn; Häfner cũng đã cho tịch thu những tấm đệm và chăn lông, để chúng tôi không phải ngủ lạnh. Sáng hôm sau, thứ Bảy, thậm chí tôi còn không có thời gian đi hỏi lính công binh, thì một tiếng nổ lớn vang lên từ trung

tâm thành phố, làm vỡ nốt những tấm kính còn lại ở cung điện. Rất nhanh chóng có tin rằng thành Novo-Petcherskaia đã nổ tung, giết chết tư lệnh sư đoàn pháo binh và tham mưu trưởng của ông ta cùng nhiều người khác. Tất cả mọi người đều nói đến sự phá hoại, những khối bộc phá nổ chậm; Wehrmacht tỏ ra thận trọng, và không loại trừ khả năng một tai nạn do thuốc nổ không được trông coi kỹ càng gây ra. Häfner và Janssen bắt đầu bắt người Do Thái, trong khi tôi tìm cách tuyển các thông tin viên người Ukraine. Công việc rất khó khăn, chúng tôi không biết gì về họ: rất có khả năng những người đó lại là điệp viên của Nga. Những người Do Thái bị bắt được nhốt trong một rạp chiếu phim trên phố Khrechtchatik; tôi liên tục vấp phải thông tin ùn đến từ khắp nơi: có vẻ như tất cả đều nói rằng quân Xô viết đã gài mìn cả thành phố một cách cẩn thận; lính công binh mãi vẫn không thấy đến. Cuối cùng, sau khi bị chúng tôi phản đối dữ dội, người ta cũng gửi đến ba người từ bên công binh; họ đi khỏi sau hai giờ, không tìm thấy gì hết. Đêm đến, sự lo lắng đè nặng lên giấc ngủ của tôi và đầu độc cả những giấc mơ: tôi cảm thấy mót dữ dội và chạy vội vào nhà vệ sinh, cứt chảy ra trong suốt và dày, một dòng không ngớt nhanh chóng lấp đầy bồn tiêu, rồi dâng lên, tôi vẫn tiếp tục ỉa, cứt chạm vào phía dưới đùi tôi, ngập lên hết mông và bìu dái, và lỗ đít tôi vẫn không ngừng tuôn chảy. Tôi thấy cồn cào nỗi băn khoăn không biết phải làm thế nào để lau chùi hết đống cứt này, nhưng không làm sao để ngưng chuyện đó lại được, cái mùi hắc, nhầy nhụa, buồn nôn của nó ngập đầy miệng tôi, làm mất tôi lộn tròng. Tỉnh dậy, người tôi ướt đẫm đìa, miệng khát cháy, khô khốc và đắng ngắt. Bình minh ló rạng và tôi trèo lên vách đá nhìn mặt trời mọc trên dòng sông, những cây cầu gãy lòng chòng, thành phố và bình nguyên phía xa xa. Sông Dniepr chảy dưới chân tôi, rộng, chậm, mặt nước được bao phủ bởi những xoáy bọt màu xanh lá cây; ở giữa, dưới cây cầu có đường tàu hỏa chạy ngang bị mìn nổ tung, nổi lên vài hòn đảo nhỏ rậm rạp sậy và hoa súng, với vài cái thuyền ngư dân bỏ không; một con thuyền của Wehrmacht đang đi ngang; phía xa hơn, bờ bên

kia, một con tàu gỉ hoen nằm trên bãi, đổ nghiêng, lún một phần xuống cát. Cây cối che khuất *larva* và tôi chỉ nhìn thấy được cái đỉnh tròn mạ vàng của tháp chuông đang phản chiếu một cách nặng nề thứ ánh nắng màu đồng của mặt trời lên. Tôi quay về cung điện: dù là Chủ nhật hay không thì chúng tôi cũng có rất nhiều việc; thêm vào đó, Vorkommando của Gruppenstab đang tới. Họ đến nơi vào quãng giữa buổi sáng, chỉ huy là Obersturmführer tiến sĩ Krieger, Leiter V; cùng với anh ta là Obersturmführer Breun, một người tên là Braun, và Hauptmann của Schutzpolizei, Krumme, chỉ huy các Orpo của chúng tôi; Thomas đã ở lại Jitomir, vài ngày nữa anh mới đến cùng tiến sĩ Rasch. Krieger và những người đi cùng đến ở một cánh khác của cung điện, nơi chúng tôi đã dọn dẹp qua loa; những người Do Thái của chúng tôi làm việc hết tốc lực; đêm đến, chúng tôi nhốt họ trong một căn hầm gần các xà lim cũ của NKVD. Sau bữa trưa Blobel đến thăm và khen ngợi công việc của chúng tôi, rồi lại lên đường đi Jitomir. Ông ta không định ở lại đây vì thành phố này đã *Judenrein*; Kommando đã dọn dẹp sạch sẽ ghetto vào ngày chúng tôi đến Kiev và giết ba nghìn một trăm bốn mươi lăm người Do Thái còn lại. Thêm một con số cho các báo cáo, và sẽ sớm có những con số khác nữa. Ai, tôi tự hỏi, sẽ khóc cho tất cả những người Do Thái bị giết chết này, tất cả lũ trẻ con Do Thái bị chôn sống xuống thứ đất đen của Ukraine này, nếu người ta giết cả chị và mẹ chúng? Nếu giết hết tất cả, sẽ không còn ai để khóc, và cũng có thể đó chính là ý đồ. Công việc của tôi tiến triển: người ta đã gửi cho tôi những tay theo Melnyk có thể tin cậy, bọn họ chọn lựa các thông tin viên của tôi và thậm chí còn vạch mặt được ba tên Bônsêvich, trong đó có một phụ nữ, những người này bị xử bắn ngay lập tức; nhờ bọn họ, tôi tuyển được các *dvorniki*, tức là loại gác cửa của Xô viết vẫn cung cấp thông tin cho NKVD nhưng không ngần ngại, để đổi lấy những thứ thực phẩm ưu đãi hoặc lấy tiền, làm cùng việc đó cho chúng tôi. Họ nhanh chóng tố cáo với chúng tôi các sĩ quan quân Đỏ đóng giả làm thường dân, các ủy viên, những người ủng hộ Bandera, các trí thức Do Thái,

những kẻ mà tôi chuyển lại cho Häfner hoặc Janssen sau khi thẩm vấn nhanh. Về phần mình, họ không ngừng lấp đầy chỗ của *Goskino 5* với những người Do Thái bắt được. Kể từ vụ nổ tòa thành, thành phố trở lại yên tĩnh, Wehrmacht đã tổ chức lại, việc tiếp tế được cải thiện. Nhưng những cuộc khám soát được thực hiện phần nào quá vội vã. Sáng thứ Tư, như vậy là ngày 24, một vụ nổ mới làm phơi bụng Feldkommandantur đặt ở khách sạn *Continental*, góc phố Khrechtchatik cắt với Proreznaya. Tôi xuống xem. Phố đông đặc những kẻ tò mò và những người lính hoang mang đứng nhìn tòa nhà bị thiêu rụi. Các Feldgendarm bắt đầu tập hợp thường dân lại để bắt họ dọn dẹp đống đổ nát; các sĩ quan sơ tán khỏi phần còn nguyên vẹn của khách sạn, tay xách vali, chân màn, máy hát. Thủy tinh kêu lạo xạo dưới chân; nhiều cửa kính cách đó vài phố cũng vỡ tan dưới sức ép của vụ nổ. Hẳn nhiều sĩ quan đã chết, nhưng còn chưa biết chính xác con số là bao nhiêu. Đột nhiên một tiếng nổ nữa lại vang lên, nhỏ hơn, về phía Quảng trường Tolstoi; rồi một quả bom lớn khác phát nổ trong một tòa nhà đối diện khách sạn, ném thẳng về phía chúng tôi gạch vữa và một đám mây bụi. Mọi người sợ hãi chạy tán loạn, những bà mẹ gào khóc chạy tìm con; lính Đức đi môtô chạy dọc phố Khrechtchatik giữa đám chướng ngại vật chống tăng, vãi tứ tung hàng tràng đạn súng máy. Một làn khói đen nhanh chóng trùm lấy phố, nhiều đám cháy bốc lên, tôi bị ngạt thở. Các sĩ quan của Wehrmacht hò hét các mệnh lệnh trái ngược nhau; có vẻ như không thể biết ai là người chỉ huy nữa. Giờ đây phố Khrechtchatik ngổn ngang những đống đổ nát và xe cộ bị lật ngã, dây điện của đường xe bus bị giật đứt giăng khắp nơi; cách tôi hai mét, thùng xăng của một chiếc Opel nổ bùng và cái xe bốc cháy. Tôi quay về cung điện; nhìn từ trên cao, cả phố như đang cháy, vẫn còn nghe thấy những tiếng nổ. Blobel vừa đến nơi và tôi báo cáo tình hình cho ông ta. Häfner cũng đến nơi và cho biết phần lớn bọn Do Thái bị giam trong rạp chiếu phim gần khách sạn *Continental* đã lợi dụng tình thế nhốn nháo để chạy trốn. Blobel ra lệnh phải tìm bắt lại bọn họ; tôi gợi ý có lẽ việc khẩn cấp hơn cả là xem xét lại thật

kỹ lưỡng những nơi đóng quân. Janssen bèn chia các Orpo và Waffen-SS thành những nhóm nhỏ ba người và sai họ đi đến tất cả các lối ra vào, với lệnh phá bất kỳ cánh cửa khóa nào, và đặc biệt là phải lục soát các hầm và nhà kho chứa củi. Chưa đầy một giờ sau, một người đã phát hiện được chất nổ ở tầng hầm. Một Scharführer của Waffen-SS từng ở bên công binh, đến xem: có tổng cộng khoảng sáu mươi chai đựng đầy xăng, người Phần Lan gọi là "cocktail Molotov" kể từ cuộc chiến Mùa đông của họ, có vẻ như được trữ lại đó, nhưng không thể biết chắc được, cần phải có một chuyên gia. Tất cả rối tinh rối mù. Janssen la hét và lấy roi vụt các *Arbeitjude* của chúng tôi; Häfner, vẫn luôn với dáng vẻ đầy hiệu quả của mình, ra những mệnh lệnh vô ích để cố tạo ra một thái độ chuẩn mực. Blobel hội ý nhanh với tiến sĩ Krieger và ra lệnh sơ tán tòa nhà. Chưa hề có vị trí rút lui nào được dự tính, và không ai biết phải đi đâu cả; trong khi người ta vội vã chất đồ lên xe cộ, tôi chạy đến đại bản doanh của quân đoàn; nhưng các sĩ quan đang bận tối mắt tối mũi, họ bảo tôi tự đi mà xoay xở lấy. Tôi quay trở về cung điện qua những đám cháy và sự rối loạn. Lính công binh của Wehrmacht đang tìm cách sử dụng vòi chữa cháy, nhưng lửa đã bốc lên quá cao. Khi đó tôi nghĩ đến sân vận động Dynamo; nó nằm xa các đám cháy, gần *larva* trên dãy đồi Petchersk, và ít có khả năng Hồng quân thèm bỏ công đặt mìn ở đó. Blobel tán thành đề nghị của tôi và lệnh cho đoàn xe chở nặng đồ chạy về phía đó; các sĩ quan đóng trong các văn phòng bỏ không và phòng thay quần áo vẫn còn bốc mùi mồ hôi và chất khử mùi, trong khi những người khác chiếm lấy các khán đài và bắt những người Do Thái ngồi trên cỏ, dưới sự giám sát chặt chẽ. Trong khi người ta lấy đồ đạc xuống khỏi các xe và sắp xếp tài liệu, hòm xiểng và máy chữ, và các chuyên gia đang lắp các thiết bị liên lạc, đến lượt mình, Blobel sang chỗ quân đoàn; khi quay về, ông ta ra lệnh cho chúng tôi một lần nữa thu xếp đồ và chuyển đi: Wehrmacht đã phân cho chúng tôi một khu nhà ở cũ của Sa hoàng, dưới đó một chút. Lại phải chất hết đồ đạc lên; mất toi cả ngày cho những chuyển dịch đó. Chỉ có von Radetzky tỏ ra vui

về vị sự loạn xạ này: "*Krieg ist Krieg und Schnaps ist Schnaps,*" ông ta cao giọng nói với những người lên tiếng phàn nàn. Tối đến, cuối cùng tôi đã có thể cùng những cộng tác viên theo Melnyk xử lý các thông tin: công việc là biết được nhiều nhất có thể về kế hoạch của bọn Đỏ; rõ ràng là các vụ nổ đã được điều phối, cần phải bắt bọn phá hoại và xác định được Rostoptchine của chúng. Abwehr có nhiều thông tin về một tay tên là Friedmann, một nhân viên của NKVD, chỉ huy một mạng lưới gián điệp và phá hoại có tổ chức trước khi quân Đỏ rút đi; công binh cho rằng đó chỉ là những quả mìn nổ chậm có hẹn giờ. Trung tâm thành phố đã trở thành địa ngục. Tiếp tục có những vụ nổ khác, các đám cháy giờ đây đã tàn phá toàn bộ phố Khrechtchatik, từ Quảng trường Douma đến Quảng trường Tolstoi: các chai cocktail Molotov xếp trong những nhà kho chứa củi nổ tung dưới sức nóng, xăng nhẹ chảy trên các bậc cầu thang những tòa nhà, tiếp sức thêm cho các đám cháy, và dần dần các phố ngang cũng bắt lửa, một bên là phố Pouchkine, rồi phố Mering, phố Karl-Marx, phố Engels và cho đến mãi tận phố Cách mạng Tháng Mười dưới chân cung điện của chúng tôi. Hai TsOuM, các cửa hàng lớn, đã bị đám dân chúng đói khát xông vào cướp phá; các Feldgendarm bắt giữ nhiều tên kẻ cướp và muốn chuyển sang cho chúng tôi, những tên khác đã chết trong các đám cháy. Toàn bộ cư dân khu trung tâm chạy trốn, chất chồng trên người các balô và đẩy xe đẩy đựng đài radio, thảm và đồ gia dụng, trong khi bọn trẻ con khóc ngằn ngặt trên tay mẹ chúng. Nhiều lính Đức trà trộn cùng với bọn họ để chạy trốn, không hàng không lối. Thỉnh thoảng một mái nhà sập xuống bên trong một tòa nhà thành một tiếng rầm rền vang. Ở một số nơi tôi chỉ có thể thở được với một cái khăn mùi soa ướt đắp lên mũi, tôi ho đến quặn bụng, khạc ra từng đám chất nhớt dày.

Sáng hôm sau Gruppenstab đến nơi, cùng gần như toàn bộ Kommando của chúng tôi, do Kuno Callsen dẫn đầu. Cuối cùng thì lính công binh cũng đã kiểm tra cung điện của chúng tôi và di chuyển các thùng đựng chai xăng gây nổ, và chúng tôi đã có thể

quay về đó để đón tiếp những người mới đến. Một Vorkommando của HSSPF đến thế chỗ tại khu nhà ở của Sa hoàng mà chúng tôi bỏ lại; họ dẫn theo hai tiểu đoàn Orpo, giúp chúng tôi có thêm một lực lượng tăng cường đáng kể. Wehrmacht bắt đầu cho nổ các tòa nhà ở trung tâm thành phố để kiểm soát các đám cháy. Người ta đã tìm được bốn tấn thuốc nổ trong bảo tàng Lênin, sẵn sàng phát nổ, nhưng lính công binh đã vô hiệu hóa và xếp thành đống trước cổng. Kommandant mới của thành phố, General-major Kurt Eberhard, gần như liên tục tổ chức các cuộc họp có sự tham dự của đại diện các tập đoàn quân và của Kommando. Vì vẫn chưa có người thế chỗ Kehrig, tôi trở thành Leiter III *ad interim* của Kommando, và Blobel thường xuyên yêu cầu tôi đi cùng ông ta hoặc ủy quyền cho tôi đến họp thay những khi ông ta quá bận; Gruppenstab cũng liên lạc với người của HSSPF theo từng giờ, và đích thân Jeckeln sẽ đến nơi vào buổi tối hoặc ngày hôm sau. Buổi sáng, Wehrmacht vẫn còn lo ngại đến những kẻ phá hoại là dân thường và yêu cầu chúng tôi giúp họ tìm kiếm và tiêu diệt bọn chúng; rồi, trong ngày, Abwehr tìm được một sơ đồ của quân Đỏ miêu tả chi tiết gần sáu mươi mục tiêu được bọn chúng lên kế hoạch phá hủy trước khi đi khỏi. Người ta phái các kỹ sư đi thị sát và có vẻ như thông tin đó là chính xác. Hơn bốn mươi mục tiêu sắp sửa nổ tung, có những nơi còn được trang bị ngòi nổ không dây, có thể điều khiển từ xa; lính công binh lao vào công việc phá mìn. Wehrmacht muốn thực thi các biện pháp triệt để; cả ở tập đoàn quân người ta cũng nói đến các biện pháp cần tiến hành.

Sang ngày thứ Sáu, *Sicherheitspolizei* bắt đầu các hoạt động của mình. Với thông tin mà tôi thu thập được, một nghìn sáu trăm tên Do Thái và cộng sản đã bị bắt trong ngày. Vogt đã cử bảy nhóm thực hiện những cuộc thẩm vấn trong các Dulag, trại dành cho người Do Thái, trại dân sự và trong thành phố, để thanh lọc những đám tù binh và tìm ra trong số đó các phần tử nguy hiểm. Tôi được biết điều đó trong một cuộc họp với Eberhard; ông ta gật đầu, nhưng quân đội muốn nhiều hơn nữa. Những cuộc phá

hoại vẫn tiếp tục: một gã thanh niên Do Thái đã tìm cách chặt đứt một đường ống dẫn nước cứu hỏa được lính công binh đặt dưới sông Dniepr; Sonderkommando xử bắn hắn cùng với một nhóm Digan bị phát hiện đang thó đồ trong một khu phố xa trung tâm, gần một nhà thờ chính giáo. Theo lệnh của Blobel, một đơn vị của chúng tôi tiêu diệt những kẻ bị bệnh tâm thần của bệnh viện Pavlov vì sợ bọn họ chạy thoát ra ngoài làm gia tăng sự mất trật tự. Jeckeln đã có mặt; buổi chiều, ông ta chủ trì một cuộc họp lớn ở Ortskommandantur, có sự tham dự của tướng Eberhard và các sĩ quan tham mưu của đại đoàn số 6, các sĩ quan của tập đoàn quân, trong đó có Rasch, và các sĩ quan của Sonderkommando. Rasch không tỏ ra thoải mái: ông ta không nói năng gì, cầm một cái bút gõ gõ lên mặt bàn, cái nhìn có phần hoang vắng lơ đãng lần lượt chuyển qua các khuôn mặt ngồi xung quanh. Ngược lại, Jeckeln đầy năng nổ. Ông ta có một bài diễn văn ngắn về hoạt động phá hoại, hiểm họa do đám người Do Thái trong thành phố gây ra, và sự cần thiết phải viện đến các biện pháp đáp trả, nhưng đồng thời cũng phải có những biện pháp phòng ngừa mạnh tay hơn. Sturmbahnführer Hennicke, Leiter III của Einsatzgruppe, trình bày các số liệu thống kê: theo đó lúc này Kiev đang chứa chấp khoảng một trăm năm mươi nghìn Do Thái, cư dân thường trú hoặc chạy từ miền Tây Ukraine đến. Thoạt đầu, Jeckeln đề nghị bắn năm mươi nghìn trong số đó; Eberhard nồng nhiệt tán thành và hứa rằng đại đoàn số 6 sẽ trợ giúp về mặt hậu cần. Jeckeln quay về phía chúng tôi: "Meine Herren, ông ta tuyên bố, tôi cho các anh hai mươi tư giờ để chuẩn bị một kế hoạch." Blobel nhảy dựng lên: "Herr Obergruppenführer, xin tuân lệnh!" lần đầu tiên Rasch lên tiếng: "Với Standartenführer Blobel, ông có thể tin tưởng được về chuyện ấy." Giọng của ông ta mang sắc thái mỉa mai khá đậm nét, nhưng Blobel coi đó là một lời khen ngợi: "Nhất định rồi, nhất định rồi." – "Cần phải làm một cú thật mạnh," Eberhard kết luận và cho kết thúc cuộc họp.

Tôi làm việc cả đêm lẫn ngày, chỉ ngủ hai tiếng những lúc có thể; nhưng nói thật lòng tôi không thực sự đóng góp cho kế

hoạch: những sĩ quan của các Teilkommando, những người còn chưa thực sự ngập ngụa trong công việc (người ta đang xử bắn các *politrouk* bị các thẩm vấn viên của Vogt phát hiện và một số kẻ bị nghi ngờ khác, nhưng tất cả chỉ có vậy) đảm trách nhiệm vụ đó. Những cuộc họp với đại đoàn số 6 tiếp tục vào ngày hôm sau. Sonderkommando đề nghị một địa điểm: phía Tây thành phố, trong khu Syrets, gần nghĩa địa Do Thái nhưng dù sao cũng ở ngoài các khu dân cư, có nhiều thung nhỏ có thể sử dụng được. "Ngoài ra còn có một nhà ga dành cho việc chuyên chở hàng hóa, Blobel nói thêm. Việc đó sẽ khiến bọn Do Thái nghĩ rằng chúng ta gửi chúng đi chỗ khác." Wehrmacht cử các chuyên gia thực địa đi để tính toán: dựa trên báo cáo của họ, Jeckeln và Blobel chỉ định thung tên là Bà Nội hoặc Bà Già, nơi có một dòng suối nhỏ chảy qua ở đoạn cuối. Blobel triệu tập tất cả các sĩ quan của mình: "Bọn Do Thái cần hành quyết là những kẻ ngoài lề xã hội, không chút giá trị gì và nước Đức không thể nương tay. Chúng ta cũng sẽ gộp chung vào đó bọn bệnh nhân tâm thần, bọn Digan, và toàn bộ bọn ăn không ngồi rồi khác. Nhưng trước hết sẽ bắt đầu với bọn Do Thái." Chúng tôi nghiên cứu tỉ mỉ các bản đồ, cần phải cắt đặt lính canh, dự liệu đường đi lối lại và tính toán việc chuyên chở; giảm bớt số lượng xe cam nhông cũng như khoảng cách để tiết kiệm xăng; cũng cần phải nghĩ đến khối lượng đạn dược và quân lương; cái gì cũng cần phải tính toán. Để làm được điều đó cũng cần ấn định phương pháp hành quyết: cuối cùng Blobel quyết định một dạng biến thể của *Sardinenpackung*. Jeckeln khăng khăng đòi sử dụng hai tiểu đoàn Orpo của mình để làm đội hành quyết và áp giải phạm nhân, việc này rõ ràng làm Blobel sôi máu. Ngoài ra còn có các Waffen-SS của Grafhorst và các Orpo của Hauptmann Krumme. Về phía lính canh, đại đoàn số 6 cung cấp cho chúng tôi nhiều đại đội, cùng với xe cam nhông. Häfner tổ chức một địa điểm chọn lựa những thứ đồ vật có giá trị nằm giữa nghĩa trang Lukyanovskoe và nghĩa địa Do Thái cách thung một trăm năm mươi mét: Eberhard nhấn mạnh rằng cần phải tịch thu chìa khóa nhà, đánh dấu chúng, vì những đám cháy

đã làm cho hai mươi lăm nghìn dân thường phải ra đường sống, và Wehrmacht muốn cấp nhà cho họ sớm nhất có thể được. Đại đoàn số 6 giao cho chúng tôi một trăm nghìn viên đạn và in apphích bằng các thứ tiếng Đức, Nga và Ukraine trên loại giấy gói đồ màu ghi kém chất lượng. Blobel, khi không phải chăm chú với những tấm bản đồ, nghỉ ngơi và cũng tìm được thời gian cho các hoạt động khác; buổi chiều, với sự trợ sức của công binh, ông ta cho nổ nhà thờ Dormition, một nhà thờ chính giáo nhỏ tuyệt đẹp xây từ thế kỷ XIX nằm ở giữa *lavra*: "Người Ukraine cũng phải trả giá tí chút chứ," sau đó ông ta sẽ tỏ vẻ thỏa mãn mà giải thích với chúng tôi như vậy. Tôi có nói chuyện một lúc với Vogt về việc này, vì tôi hoàn toàn không hiểu được ý nghĩa của hành động đó; theo ông ta, đó chắc chắn không phải là điều Blobel nghĩ ra, nhưng ông ta không biết ai có thể cho phép hoặc ra lệnh chuyện này. "Chắc là Obergruppenführer. Có vẻ giống phong cách của ông ấy lắm." Dù thế nào đi nữa thì đó cũng không phải là tiến sĩ Rasch, mà người ta gần như không còn nhìn thấy ở đâu nữa. Khi gặp Thomas trong một hành lang tôi vội hỏi anh: "Brigadeführer có chuyện gì đấy? Hình như không tốt đẹp lắm thì phải." – "Ông ấy cãi nhau với Jeckeln. Cả với Koch nữa." Hans Koch, Gauleiter của Đông Phổ, đã được phong làm Reichskommissar của Ukraine một tháng trước đây. "Về chuyện gì?" tôi hỏi. – "Tớ sẽ kể cho cậu sau. Dù sao thì ông ấy cũng sẽ không chịu đựng được lâu nữa đâu. À, một câu hỏi nhé: tụi Do Thái dưới sông Dniepr là bên các cậu đấy à?" Tối hôm trước, toàn bộ số Do Thái đi đến nhà thờ để làm lễ shabbat đã biến mất; sáng hôm đó người ta tìm được xác bọn họ nổi lềnh bềnh trên sông. "Quân đội phàn nàn lắm, anh nói tiếp. Họ nói rằng những hành động như thế làm cho dân thường lo lắng. Không được *gemütlich* lắm." – "Thế những gì mà chúng ta đang chuẩn bị làm đây là *gemütlich* à? Tớ nghĩ rằng dân thường sẽ sớm lo lắng về những chuyện khác." – "Không giống nhau đâu. Ngược lại, họ sẽ sung sướng vì rảnh được cái nợ Do Thái." Tôi nhún vai: "Không, không phải bên bọn tớ đâu. Theo tớ được biết thì là như vậy. Hiện tại

bọn tớ hơi bận, còn có việc khác phải làm. Với lại cũng không giống các phương pháp của bọn tớ lắm."

Ngày Chủ nhật, chúng tôi dán apphich trong khắp thành phố. Người Do Thái được lệnh tập hợp vào sáng hôm sau trước nghĩa địa của mình trên Melnikova, mỗi người phải mang theo năm mươi cân đồ đạc, để di rời sang các vùng khác nhau của Ukraine. Tôi khá nghi ngờ vào thành công của cách làm này: chúng tôi không còn ở Lutsk nữa, và tôi biết rằng những tin đồn về số phận chờ đợi người Do Thái lọt qua các đạo quân đóng ở mặt trận đã lan đến đây; càng tiến sâu về phía Đông, chúng tôi càng ít tìm được bọn họ hơn, họ bỏ chạy cùng quân Đỏ, trong khi thoạt đầu họ tin tưởng chờ đợi chúng tôi đến. Mặt khác, như Hennicke nói với tôi, bọn Bônsêvich giữ một sự im lặng đáng chú ý về những cuộc hành quyết của chúng tôi: trên các chương trình phát thanh, bọn họ tố cáo chúng tôi về những điều tàn ác đáng ghê tởm, kinh khủng, nhưng không bao giờ nhắc gì đến người Do Thái; theo các chuyên gia của chúng tôi, có thể là bọn họ sợ làm tổn hại đến *sự thống nhất thiêng liêng của dân tộc Xô viết*. Qua các thông tin viên của mình, chúng tôi biết rằng nhiều Do Thái được chỉ định sơ tán về phía hậu phương, nhưng có vẻ như bọn họ được lựa chọn theo cùng các tiêu chí với người Ukraine và người Nga, nếu là kỹ sư, bác sĩ, đảng viên, công nhân có tay nghề cao; phần lớn Do Thái chạy trốn sử dụng các phương tiện riêng của mình. "Khó hiểu lắm, Hennicke nói thêm. Nếu quả thực bọn Do Thái nắm giữ các vị trí cao trong đảng cộng sản, thì bọn chúng phải có nhiều nỗ lực hơn để cứu những kẻ đồng giáo với mình chứ." – "Bọn chúng khôn lắm, tiến sĩ von Scheven, một sĩ quan khác của tập đoàn quân, lên tiếng. Chúng không muốn phơi sườn cho cơ quan tuyên truyền của ta khi quá công khai ủng hộ người của mình. Stalin cũng phải tính đến chủ nghĩa quốc gia Đại Nga chứ. Để giữ được quyền lực của mình, chúng sẵn sàng hy sinh những người anh em họ nghèo khổ." – "Anh nói có lý đấy," Hennicke đồng tình. Tôi thầm mỉm cười trong lòng, nhưng thấy đầy cay đắng: cũng giống như thời Trung cổ, chúng tôi toàn suy

luận theo các tam đoạn luận, chứng minh theo lối hỗ tương. Và các bằng chứng đó dẫn chúng tôi đến một con đường không có lối quay lại.

Grosse Aktion bắt đầu vào thứ Hai ngày 29 tháng Chín, buổi sáng lễ Yom Kippour, ngày Chuộc tội Do Thái. Từ hôm trước Blobel đã cho chúng tôi biết: "Bọn chúng sẽ chuộc tội, chuộc tội." Tôi đang ngồi lại ở văn phòng để viết một báo cáo. Callsen xuất hiện ở ngưỡng cửa: "Anh không đi à? Anh biết rằng Brigadeführer đã ra lệnh tất cả các sĩ quan đều phải có mặt chứ?" – "Tôi biết. Tôi làm nốt việc này rồi đến đây." – "Phải làm đúng thế đấy nhé." Ông ta biến mất và tôi tiếp tục làm việc. Một giờ sau tôi đứng dậy, đội mũ và đi găng tay, rồi đi tìm lái xe. Bên ngoài, trời lạnh, tôi nghĩ đến việc quay lại tìm một cái áo pull-over, rồi bỏ ý định. Trời u ám, đã sắp hết mùa thu, chuẩn bị chuyển sang mùa đông. Tôi đi qua những đống đổ nát vẫn còn bốc khói và đi qua phố Khrechtchatik, rồi ngược đại lộ Chevtchenko. Người Do Thái bước về phía Tây thành hàng lối, từng gia đình một, vẻ bình tĩnh, lưng đeo balô hoặc túi. Phần lớn có vẻ rất nghèo, hẳn là những kẻ từ nơi khác trốn tránh đến đây; đàn ông và các bé trai đều đội mũ cát két kiểu vô sản Xô viết, nhưng đây đó cũng có thể thấy những cái mũ mềm. Một số đến bằng xe do những con ngựa gầy gò kéo, đằng sau chở người già và vali. Tôi bảo lái xe đi vòng để tránh, tôi không còn chịu được nữa; anh ta rẽ sang trái và xuống quá trường đại học, rồi đi xiên về phía nhà ga bằng đường Saksaganskaia. Những người Do Thái xách đồ đạc ra từ tất cả các ngôi nhà và hòa vào dòng người đang tuôn chảy với một tiếng rì rầm nho nhỏ. Gần như không nhìn thấy người lính Đức nào. Ở các góc phố những dòng suối người này nhập vào nhau, phình to lên và chảy tiếp đi, không hề có náo động. Tôi leo lên ngọn đồi phía sau lưng nhà ga, và trở lại với đại lộ ở góc khu vườn bách thảo lớn. Một nhóm lính đang ở đó, với vài trợ tá người Ukraine, đang quay nguyên một con lợn trên một cái xiên khổng lồ. Mùi bốc lên rất thơm, những người Do Thái đi ngang qua đó đều ngắm nhìn con lợn vẻ thèm thuồng, còn những

người lính cười nhạo bọn họ. Tôi dừng lại và xuống xe. Người đi tới từ tất cả các phố ngang để nhập vào dòng trung tâm, những dòng sông nhỏ chảy vào một dòng sông lớn. Từng lúc, cột người bất tận dừng lại, rồi đùn đẩy nhau tiếp tục đi. Trước mặt tôi, những bà già đeo các vòng hành củ ở cổ dắt tay những thằng bé thò lò mũi, tôi nhìn thấy một đứa bé gái đứng giữa đống bình đựng đồ ăn dự trữ to hơn người. Tôi nghĩ chủ yếu bọn họ là người già và trẻ con, nhưng cũng khó đoán định: những người đàn ông đủ sức vóc hẳn là đã gia nhập quân Đỏ, hoặc chạy trốn. Bên tay phải, trước khu vườn bách thảo, một cái xác trồi lên mặt cống, một cánh tay gập lại dưới mặt; người ta đi ngang qua mà không nhìn vào đó. Tôi tiến lại gần đám lính đang xúm quanh con lợn: "Có chuyện gì thế?" Một Feldwebel chào tôi và trả lời: "Một tay gây bạo động, Herr Obersturmführer. Hắn gào thét, hắn kích động đám đông bằng cách đơm đặt về Wehrmacht. Chúng tôi đã bảo hắn câm miệng lại, nhưng hắn cứ tiếp tục la hét." Tôi lại nhìn đám đông: tất cả bọn họ đều có vẻ bình thản, có lẽ lo lắng một chút, nhưng thụ động. Thông qua mạng lưới chỉ điểm của mình, tôi đã đóng góp vào việc lan truyền các tin đồn: người Do Thái đang đi đến Palestin, họ đến ghetto sang Đức để làm việc. Chính quyền địa phương do Wehrmacht lập ra cũng tích cực hành động để tránh tình trạng hoảng loạn. Tôi biết rằng cũng có người nói đến chuyện thảm sát, nhưng tất cả các tin đồn đó triệt tiêu lẫn nhau, rốt cuộc người ta chỉ còn biết tin tưởng, và lúc đó thì đã có thể dựa vào những kỷ niệm của họ về kỳ chiếm đóng của Đức hồi 1918, vào lòng tin của họ đặt lên nước Đức, và cả vào hy vọng nữa, *hy vọng hão huyền*.

Tôi đi tiếp. Tôi không chỉ dẫn gì cho lái xe nhưng anh ta cứ chạy theo dòng người Do Thái, về phía Melnikova. Vẫn gần như không nhìn thấy lính Đức nào; chỉ có vài trạm kiểm soát tại các ngã tư, cũng như ở góc vườn bách thảo hoặc một trạm khác ở đoạn Artyoma cắt Melnikova. Tại đó, tôi gặp phải biến cố đầu tiên trong ngày: các Feldgendarm đánh đập nhiều người Do Thái râu rậm, chỉ mặc đọc áo sơ mi và những túm tóc xoăn phủ dài xuống tai, có

lẽ là các rabbin. Người họ đỏ rực màu máu, áo sơ mi ướt sũng, phụ nữ gào thét, đám đông náo loạn. Rồi các Feldgendarm tóm lấy những rabbin đó và lôi họ đi. Tôi nhìn đám đông: họ biết rằng những người kia sẽ chết, điều đó có thể thấy rõ trong ánh mắt hoảng hốt của họ; nhưng họ vẫn còn hy vọng rằng chỉ các rabbin, nghĩa là giới tu sĩ, mới phải gánh chịu số phận đó.

Ở đầu Melnikova, trước nghĩa địa Do Thái, các chướng ngại vật chống tăng và dây thép gai do lính Wehrmacht và cảnh sát Ukraine trấn giữ làm cho đường phố thu hẹp lại. Vòng cảnh giới bắt đầu ở đó; đi qua nút cổ chai này, những người Do Thái không còn có thể quay ngược trở lại nữa. Địa điểm chọn lựa nằm xa hơn một chút về phía tay trái, trên mảnh đất trống trước nghĩa trang Thiên chúa giáo khổng lồ Lukyanovskoe. Một bức tường dài bằng gạch đỏ, khá thấp, bao quanh nghĩa địa; đằng sau, những hàng cây lớn che khuất bầu trời, đã trụi lá một phần hoặc vẫn còn lá màu đỏ và vàng. Ở phía bên kia phố Degtiarovska, người ta đặt một dãy bàn cho người Do Thái đi qua phía trước. Ở đó tôi gặp nhiều sĩ quan của chúng tôi: "Đã bắt đầu rồi cơ à?" Häfner hất đầu về phía Bắc: "Phải, mấy tiếng đồng hồ rồi. Anh biến đi đâu đấy? Standartenführer đang tức tối lắm." Sau mỗi cái bàn là một hạ sĩ quan của Kommando, một phiên dịch và nhiều lính; ở cái bàn đầu tiên, người Do Thái phải đặt giấy tờ xuống, ở bàn thứ hai là tiền, của cải và đồ trang sức, sau đó là chìa khóa nhà, được đánh dấu rõ ràng, và cuối cùng là quần áo và giày. Hẳn là họ phải nghi ngờ điều gì đó, nhưng họ không nói năng gì; dù thế nào đi nữa, khu vực cũng được vây kín sau hàng binh lính. Một số người Do Thái tìm cách nói chuyện với cảnh sát, nhưng những người Ukraine la hét, đánh đập bọn họ, đẩy họ về lại hàng người. Một cơn gió lạnh buốt thổi tới, tôi thấy lạnh, tôi thấy hối tiếc vì đã không về lấy áo pull-over; thỉnh thoảng, khi có gió, có thể nghe thấy thoảng qua một tràng đạn nổ; có vẻ như phần lớn người Do Thái không hề để ý. Sau dãy bàn, các Askari của chúng tôi chất quần áo tịch thu được thành từng đống lớn trong các xe cam nhông; đám xe cộ lên đường trở về thành phố, chúng tôi đã mở

tại đó một trung tâm lựa chọn. Tôi đi kiểm tra đống giấy tờ vứt tung tóe giữa bãi đất mà sau đó người ta đem đốt. Có những cuốn hộ chiếu rách, sổ lao động, thẻ công đoàn hoặc thẻ lương thực, ảnh gia đình; gió thổi tung khắp những thứ giấy nhẹ nhất, cả khu vực phủ đầy giấy. Tôi nhìn mấy bức ảnh: ảnh thông thường, chân dung nghệ thuật đàn ông, phụ nữ và trẻ em, ông bà và những đứa bé má phính; đôi khi có một bức chụp cảnh đi nghỉ, khung cảnh hạnh phúc và cuộc sống bình thường trước đây của họ. Chúng gợi tôi nhớ lại một bức ảnh mà tôi để trong ngăn kéo tủ cạnh giường, ở trường trung học. Đó là bức chân dung một gia đình người Phổ trước Thế chiến thứ nhất, ba chú lính quý tộc mặc quân phục sĩ quan học việc và một người hẳn là em gái họ. Tôi không còn nhớ đã tìm thấy nó ở đâu nữa, có thể là trong một chuyến đi chợ hiếm hoi, ở chỗ một người bán đồ lặt vặt hoặc một lái buôn bưu ảnh. Thời kỳ đó, tôi rất buồn chán, tôi bị ép buộc vào ở trong cái khu nội trú kinh khủng đó sau một vụ việc kinh khủng (chuyện xảy ra ở Pháp, nơi chúng tôi đến ở sau khi bố tôi mất vài năm). Ban đêm, tôi bỏ hàng giờ nhìn chăm chăm bức ảnh đó, dưới ánh trăng hoặc trong chăn, với một cái đèn pin nhỏ. Tại sao, tôi tự hỏi, mình lại không được lớn lên trong một gia đình hoàn hảo giống như gia đình đó, chứ không phải là trong cái địa ngục xấu xa này? Các gia đình Do Thái trong những bức ảnh tản mát kia cũng có vẻ hạnh phúc như vậy; với họ địa ngục là nơi đây, giờ này, và họ chỉ có thể nuối tiếc cái quá khứ đã biến mất mà thôi. Bên kia dãy bàn, những người Do Thái mặc đồ lót run lên vì lạnh; các cảnh sát người Ukraine tách đàn ông và những cậu thiếu niên khỏi phụ nữ và lũ trẻ nhỏ; phụ nữ, trẻ con và người già được chất lên những chiếc cam nhông của Wehrmacht để chuyển đến thung; những người khác phải đi bộ đến đó. Häfner đến chỗ tôi đang đứng. "Standartenführer tìm anh đấy. Chú ý nhé, ông ấy đang rất cáu." – "Tại sao?" – "Ông ấy tức Obergruppenführer vì đã bắt ông ấy phải nhận hai tiểu đoàn cảnh sát. Ông ấy nghĩ rằng Obergruppenführer muốn chiếm lấy toàn bộ công lao với *Aktion*." – "Nhưng như thế thì ngu ngốc

quá." Blobel đến nơi, đã uống rượu và khuôn mặt sáng bóng lên. Vừa nhìn thấy tôi ông ta bắt đầu chửi bới thậm tệ: "Anh làm cái khỉ gì thế? Bọn tôi đợi anh đến hàng tiếng rồi." Tôi chào ông ta: "Herr Standartenführer! SD có những trách nhiệm riêng của mình. Tôi đã kiểm tra công việc chuẩn bị, để dự liệu tất cả các sự cố có thể xảy ra." Ông ta bình tĩnh lại một chút: "Thế rồi sao?" ông ta lẩm bẩm. – "Có vẻ như tất cả đều ổn, Herr Standartenführer." – "Tốt. Lên trên kia đi. Brigadeführer muốn gặp tất cả các sĩ quan."

Tôi lên lại xe và đi theo dãy cam nhông; ở nơi đến, cảnh sát bắt đám phụ nữ và trẻ con xuống xe và đi đến chỗ đám đàn ông đi bộ đến. Nhiều người Do Thái vừa bước đi vừa hát những bài hát tôn giáo; ít người tìm cách chạy trốn, những kẻ đó nhanh chóng bị lính canh bắt lại hoặc bị bắn hạ. Có thể nghe thấy rất rõ từng tràng đạn từ trên đỉnh, và đặc biệt là đám phụ nữ bắt đầu hoảng sợ. Nhưng bọn họ không thể làm được gì. Người ta chia họ thành các nhóm nhỏ và một hạ sĩ quan ngồi ở một cái bàn đếm họ rồi các Askari của chúng tôi tóm lấy họ và dẫn đến phía trên rìa cái thung. Sau mỗi loạt đạn, lại thêm một nhóm nữa đi, mọi việc được tiến hành rất nhanh chóng. Tôi đi vòng qua thung về phía Tây đến chỗ các sĩ quan khác đang ở bên trên, phía sườn Bắc. Nhìn từ đó, cả thung trải rộng trước mặt tôi: phải đến năm mươi mét chiều rộng và có lẽ là ba mươi mét chiều sâu, và chạy dài nhiều cây số; con suối nhỏ ở phía cuối thung chảy nhập vào với sông Syrets, cái tên được dùng để đặt cho cả khu vực. Người ta đã đặt những tấm ván lên dòng suối đó để người Do Thái và các tay súng có thể đi qua một cách dễ dàng; đi quá đó, rải rác khắp nơi trên các sườn trơ trọi của thung là vô số những cụm đá trắng. Những "người đóng hàng" người Ukraine kéo hàng của mình về những đám đá đó và bắt họ nằm dài ra ở trên hoặc bên cạnh; khi đó người của đội hành quyết tiến lên và đi dọc theo các hàng người gần như trần truồng nằm đó, bắn cho mỗi người một phát đạn súng tiểu liên vào gáy; tổng cộng có ba đội hành quyết. Giữa từng đợt bắn, một vài sĩ quan đi kiểm tra những cái xác và bắn

những phát ân huệ bằng súng lục. Ở phía trên cao, các nhóm sĩ quan SS và Wehrmacht đứng nhìn bao quát toàn bộ cảnh tượng. Jeckeln có mặt ở đó cùng những người thân tín của ông ta, bên cạnh là tiến sĩ Rasch; tôi cũng nhận ra nhiều sĩ quan cao cấp của đại đoàn số 6. Tôi nhìn thấy Thomas, anh cũng nhận ra tôi, nhưng không đáp lại lời chào. Trước mặt chúng tôi, từng nhóm người nhỏ đang đi xuống sườn thung và đến chỗ những đám xác người ngày càng trải rộng ra. Cái lạnh trở nên buốt giá, nhưng người ta đã phân phát rượu rhum, tôi cũng uống một chút. Blobel lao xe xuống thung thẳng từ nơi chúng tôi đang đứng, ông ta buộc phải đi vòng rất xa; ông ta uống rượu từ một cái chai dẹt nhỏ và lớn tiếng chửi rủa, gào lên rằng mọi việc không được nhanh như ông ta mong muốn. Tuy nhiên nhịp độ đã được đẩy lên đến mức tối đa. Các tay súng được thay sau mỗi tiếng đồng hồ và những người không bắn thì mang rượu rhum đến cho họ và nạp đầy các hộp đạn. Các sĩ quan nói ít, một số cố che giấu sự bối rối của mình. Ortskommandantur cho mang đến một cái bếp dã chiến và cử một mục sư quân đội đun trà để sưởi ấm cho các Orpo và thành viên của Sonderkommando. Vào giờ ăn trưa, các sĩ quan cao cấp quay trở lại thành phố, nhưng các sĩ quan khác ở lại ăn cùng người của mình. Vì những cuộc hành quyết phải được tiếp tục không ngưng nghỉ, người ta dựng một căng tin ở phía dưới, trong một cái hõm, từ đó không thể nhìn thấy thung được nữa. Tập đoàn quân chịu trách nhiệm tiếp tế lương thực; khi người ta mở các thùng đồ ăn ra, mọi người, nhìn thấy các khẩu phần dồi lợn đen, bắt đầu nhao nhao phản đối và la hét ầm ĩ. Häfner, người vừa bỏ ra một giờ thực hiện việc bắn những phát súng ân huệ, vừa ném những cái hộp đã mở vừa gào lên: "Cái quỷ quái gì thế này?"; sau tôi, một Waffen-SS nôn mửa dữ dội. Bản thân tôi cũng tái nhợt, việc nhìn thấy dồi lợn khiến tôi buồn nôn. Tôi quay về phía Hartl, viên Verwaltungsführer của tập đoàn quân, và hỏi tại sao ông ta lại cả gan làm việc đó. Nhưng Hartl, hai chân nhét trong cái quần cộc kiểu đua ngựa rộng đến lố bịch, tỏ ra hoàn toàn bàng quan. Tôi bèn hét lên với ông ta rằng đó là một sự sỉ nhục: "Nếu thế thì mọi

người có thể bỏ qua không dùng thứ đồ ăn đó!" Hartl quay lưng về phía tôi và bỏ đi; Häfner vứt mấy cái hộp vào một thùng cac-tông trong khi một viên sĩ quan khác, Nagel trẻ tuổi, tìm cách làm tôi trấn tĩnh: "Nào, nào, Herr Obersturmführer..." – "Không, thật là không bình thường chút nào, phải nghĩ đến những vấn đề như vậy chứ. Mà chính đó là trách nhiệm của ông ta." – "Hoàn toàn đúng, Häfner nhăn mặt. Tôi sẽ đi tìm thứ gì đó khác." Ai đó rót cho tôi một cốc rượu rhum, tôi làm một hơi cạn sạch; nó bỏng cháy, nó làm tôi thấy sảng khoái. Hartl quay trở lại và chĩa một ngón tay to tướng về phía tôi: "Obersturmführer, anh không được phép nói cái giọng đó với tôi." – "Còn anh thì không được... được... được...," tôi lắp bắp chỉ đống hộp đồ lỏng chỏng. – "Meine Herren! Vogt rống lên. Không được gây chuyện bê bối ở đây, tôi xin các anh đấy." Rõ ràng là tất cả mọi người đều hết sức căng thẳng. Tôi lùi ra xa và nhai một ít bánh với hành sống; đằng sau tôi, các sĩ quan hăng hái bàn luận với nhau. Một lúc sau đó, các sĩ quan cao cấp quay trở lại và Hartl hẳn là đã đi báo cáo, vì Blobel đến gặp tôi và nhân danh tiến sĩ Rasch mà trách mắng tôi: "Trong những trường hợp như vậy, người ta phải cư xử như một người sĩ quan." Ông ta ra lệnh cho tôi đến thay thế Janssen ở thung khi anh ta hết phiên. "Anh có súng rồi chứ? Ở Kommando của tôi không có những kẻ chết nhát, anh hiểu chứ?" Ông ta nhổ nước bọt, ông ta đã say hoàn toàn và gần như không còn tự kiểm soát được nữa. Một lúc sau tôi nhìn thấy Janssen đi lên. Anh ta nhìn tôi với một vẻ châm biếm: "Đến lượt anh." Vách của thung, nơi tôi đang đứng, muốn đi xuống thì lại quá dốc, tôi buộc phải đi vòng và tìm đường vào từ phía góc. Xung quanh những cái xác, đất xốp thẫm màu máu, con suối cũng đen kịt cả lại. Mùi cứt đái kinh người bốc lên từ đống máu, nhiều người đã phọt chất bài tiết ra vào đúng thời điểm chết; thật may mắn, gió thổi mạnh làm bạt đi một chút thứ mùi hôi thối bốc lên đó. Nhìn từ khoảng cách gần, mọi thứ kém dáng vẻ bình thản hơn thế rất nhiều: những người Do Thái đi xuống từ phía trên thung, bị các Askari và Orpo đuổi đánh từ đằng sau, la hét kinh hoảng khi phải chứng kiến cảnh

tượng cùng khốn, bọn họ vùng vẫy, những "người gói hàng" dùng roi và dây thép quật túi bụi để buộc họ đi xuống dưới và nằm ra đất, ngay cả khi đã nằm xuống bọn họ vẫn còn la hét và tìm cách đứng dậy, và bọn trẻ con cũng ra sức bấu víu lấy sự sống giống như người lớn, chúng nhảy dựng lên và cuống cuồng chạy cho đến khi một "người gói hàng" đuổi kịp và bắn, thường thì những phát đạn chỉ làm bọn họ bị thương, nhưng các tay súng không mấy quan tâm đến chuyện đó và đã chuyển sang nạn nhân tiếp theo, những người bị thương lăn lộn, cuộn người lại, rên rỉ vì đau đớn, những người khác, ngược lại, vì cú sốc, lại im lặng và tê liệt, mất mở to trợn trừng. Đám người hành quyết đi đi lại lại, bắn hết phát này đến phát khác, gần như không ngưng nghỉ. Tôi cảm thấy người mình cứng lại, không biết cần phải làm gì. Grafhorst đến bên và lay cánh tay tôi: "Obersturmführer!" Ông ta chĩa khẩu súng ngắn về phía những thân người. "Thử bắn chết bọn bị thương đi nào." Tôi rút súng ra và tiến về phía một nhóm người: một thanh niên rất trẻ rú lên vì đau đớn, tôi chĩa súng vào đầu anh ta và bóp cò, nhưng không thấy đạn đâu, tôi đã quên mở chốt an toàn, tôi bèn gạt nó lên và bắn cho anh ta một phát vào trán, anh ta nhảy dựng lên và đột ngột lặng im. Để đến được chỗ một số người bị thương, phải bước lên trên những cái xác, trơn khủng khiếp, những làn da trắng và mềm tuột ra dưới đôi bốt của tôi, những đám xương vỡ rạn theo những cách không ngờ khiến tôi lảo đảo, chân ngập đến mắt cá trong bùn và máu. Thật kinh khủng, và điều đó làm ngập tràn trong tôi một thứ cảm giác ghê tởm chồng chềnh, giống như cái buổi tối ở Tây Ban Nha, trong nhà tiêu cùng với những con gián, tôi còn trẻ, bố dượng tặng chúng tôi một chuyến du lịch đến vùng Catalan, chúng tôi ngủ trong một ngôi làng, và một đêm tôi bị tháo dạ, phải chạy vào nhà tiêu ở cuối vườn, cầm theo một cái đèn pin, và cái lỗ, ban ngày còn sạch sẽ, giờ dày đặc đám gián màu nâu to tướng, điều đó làm tôi kinh hoàng, tôi cố sức gồng người lên chịu đựng và quay về nằm, nhưng mấy con co thắt quá mạnh, trong phòng không có bô, tôi đành xỏ chân vào đôi bốt to tướng dùng để đi trời mưa và

quay lại nhà tiêu, tự nhủ rằng mình có thể đuổi lũ gián đi bằng những cú giậm chân và có thể làm nhanh được việc đó, tôi thò đầu qua cửa và chiếu đèn xuống sàn nhà, rồi tôi thấy một ánh *phản chiếu trên tường, tôi hướng luồng ánh sáng của cái đèn về* phía đó, tường cũng nhung nhúc những gián, cả bốn bức tường, cả trên trần nhà, và trên thanh gỗ phía trên cánh cửa, tôi chầm chậm quay đầu đã thò vào trong cửa và chúng cũng có cả ở đó, một đám đen, nhung nhúc, khi đó tôi chậm rãi rút đầu ra, thật chậm, và tôi quay trở về phòng và cố nhịn cho đến sáng. Bước đi trên đống xác chết Do Thái cũng gây cho tôi cùng cảm giác ấy, tôi bắn gần như vô tội vạ, vào tất cả những gì thấy động đậy, rồi tôi bình tâm lại và tìm cách chú ý, dù sao thì cũng phải làm thế nào để người ta có thể ít đau đớn nhất, nhưng tôi cũng chỉ có thể kết liễu những người gục xuống sau cùng, ở phía dưới còn có những người bị thương khác nữa, chưa chết, nhưng rồi cũng sắp. Tôi không phải là người duy nhất mất bình tĩnh, một số tay súng cũng run rẩy và phải uống rượu sau mỗi vòng. Tôi để ý một Waffen-SS trẻ, tôi không biết tên anh ta: anh ta bắt đầu bắn vô tội vạ, khẩu tiểu liên để ngang hông, anh ta ngoác miệng cười vẻ rất đáng sợ và trút băng đạn của mình đi loạn xạ, một phát sang trái, rồi sang phải, rồi hai phát rồi ba, như một đứa trẻ con đang đi trên vỉa hè theo một lịch trình nội tâm bí ẩn. Tôi tiến lại gần lay người anh ta, nhưng anh ta vẫn tiếp tục cười và bắn ngay trước mặt tôi, tôi bèn giật lấy khẩu tiểu liên và tát anh ta, rồi đẩy anh ta về phía những người nạp đạn; Grafhorst sai đến chỗ tôi một người khác để thế chỗ, và tôi vừa quẳng khẩu tiểu liên cho anh ta vừa hét: "Làm cho nó tử tế đấy nhé, hiểu chưa?!!!" Gần tôi, người ta dẫn đến một nhóm khác: cái nhìn của tôi bắt gặp ánh mắt của một cô gái đẹp, gần như trần truồng nhưng đầy vẻ đài các, bình thản, đôi mắt ngập tràn một nỗi buồn mênh mang. Tôi lùi ra xa. Khi tôi quay trở lại cô vẫn còn sống, nằm nghiêng sang một bên, một viên đạn chui ra từ phía dưới ngực và cô thở hổn hển, người cứng đờ, đôi môi đẹp run lên và như thể muốn nói gì đó, cô dán chặt đôi mắt to dò hỏi và đầy vẻ kinh ngạc vào tôi, đôi mắt của

một con chim trúng thương, và cái nhìn đó lặn vào trong tôi, quấy đảo bụng tôi và làm tuôn chảy một dòng mạt gỗ, tôi là một con búp bê thô thiển và không còn cảm thấy gì nữa, và cùng lúc tôi muốn biết bao nhiêu được cúi xuống cô để lau đất và mồ hôi trộn lẫn với nhau bám trên trán cô, vuốt ve má cô và nói với cô rằng chuyện rồi sẽ ổn thôi, rằng mọi thứ rồi sẽ lại tốt đẹp, nhưng thay vào đó tôi lại vội vàng bắn một viên đạn vào đầu cô, dù sao thì việc đó cũng chỉ vậy, đối với cô, nếu như không phải là đối với tôi, bởi vì khi nghĩ đến sự phí phạm mạng người phi lý đó tôi thấy một cơn điên giận khổng lồ, vô biên xâm chiếm lấy mình, tôi tiếp tục bắn và đầu cô toang hoác như một thứ quả, khi đó cánh tay tôi rời khỏi thân người và một mình bỏ đi vào trong thung, bắn lung tung về mọi phía, tôi chạy theo sau nó, lấy cánh tay còn lại ra hiệu bảo nó dừng lại, nhưng nó không muốn, nó coi khinh tôi và tự mình bắn vào những người bị thương, không cần có tôi, cuối cùng, mệt đứt hơi, tôi dừng lại và bắt đầu khóc. Giờ đây, tôi nghĩ, mọi chuyện đã chấm dứt rồi, cánh tay tôi sẽ không bao giờ trở lại nữa, nhưng trước sự kinh ngạc lớn lao của tôi nó lại đã nằm ở đó, đúng chỗ của mình, gắn chặt vào vai tôi, và Häfner tiến lại gần và nói: "Được rồi, Obersturmführer. Đến lượt tôi thay anh."

Tôi đi ngược lên và người ta đưa trà cho tôi uống; cái nóng của nước trà làm tôi bình tâm lại được một chút. Mặt trăng khuyết mất một góc đã lên và lơ lửng trên bầu trời màu xám, nhợt nhạt và mờ ảo. Người ta đã dựng một cái lều nhỏ cho các sĩ quan. Tôi vào đó và ngồi lên một cái ghế dài ở trong góc, hút thuốc và uống trà. Có ba người khác trong lều nhưng không ai nói năng gì. Phía dưới, những tràng đạn tiếp tục lách cách vọng tới: không mệt mỏi, có phương pháp, cả một cơ cấu khổng lồ mà chúng tôi dựng lên để tiêu diệt những con người đó. Có vẻ như là việc này sẽ không bao giờ dừng lại nữa. Kể từ thuở sơ khai của lịch sử con người, chiến tranh vẫn luôn được hình dung như là điều xấu xa nhất. Thế nhưng chúng tôi, chúng tôi đã tạo ra điều gì đó khiến cho ở bên cạnh nó chiến tranh trông có vẻ thật sạch sẽ và thuần khiết, điều gì đó mà nhiều người đã tìm cách thoát ra khỏi bằng

cách trú chân trong những điều chắc chắn mang tính cơ bản của chiến tranh và mặt trận. Ngay cả những cảnh nổi da nấu thịt của Thế chiến thứ nhất, mà thế hệ cha chú chúng tôi hoặc các sĩ quan nhiều tuổi đã trải qua cũng có vẻ gần như sạch sẽ và đúng đắn so với những gì mà chúng tôi sản sinh ra. Tôi thấy điều này thật đặc biệt. Tôi thấy như có một cái gì đó hết sức cốt yếu, và nếu hiểu được nó thì tôi sẽ hiểu mọi chuyện và cuối cùng có thể bình thản lại được. Nhưng tôi không sao suy nghĩ nổi, những ý nghĩa của tôi rối tinh vào nhau, rọi chiếu ánh sáng vào nhau trong đầu tôi giống như tiếng ồn của những toa tàu điện ngầm chạy từ ga này đến ga khác, theo mọi hướng và ở tất cả các tầng. Dù thế nào đi nữa thì cũng chẳng ai buồn quan tâm đến những gì tôi có thể nghĩ. Hệ thống của chúng tôi, Nhà nước của chúng tôi hoàn toàn không đoái hoài gì đến những ý nghĩ của các công bộc của mình. Nó bàng quan với việc người ta giết người Do Thái vì căm ghét bọn họ hay bởi vì muốn thăng tiến sự nghiệp hoặc thậm chí, ở một số chừng mực nhất định, bởi vì người ta cảm thấy thích thú khi làm việc đó. Cũng hoàn toàn giống như việc nó bàng quan với chuyện người ta không hề căm ghét những người Do Thái và Digan và Nga mà người ta giết, và rằng người ta chẳng thích thú chút nào khi tiêu diệt bọn họ, không hề thích thú. Về thực chất, nó thậm chí còn bàng quan với việc người ta từ chối giết bọn họ, sẽ không có hình phạt nào, bởi vì nó biết rõ rằng bể chứa những kẻ giết người sẵn sàng ra tay là không có đáy, có thể tìm được bao nhiêu người ở trong đó tùy thích, và những người đó cũng chấp nhận cả những nhiệm vụ khác nữa, thích hợp hơn với các tài năng của họ. Chẳng hạn như Schulz, Kommandant của Ek 5, người đã đòi được thế chỗ sau khi nhận được *Führerbefehl*, cuối cùng cũng vừa được rút đi, và người ta nói rằng ông ta kiếm được một chỗ tốt ở Berlin, tại *Staatspolizei*. Cả tôi nữa, tôi cũng có thể xin được đi khỏi, hẳn là thậm chí tôi còn có thể có được lời giới thiệu tốt từ Blobel hoặc tiến sĩ Rasch. Vậy tại sao tôi không làm việc đó? Chắc là vì tôi đã chưa hiểu những gì mà tôi muốn hiểu. Liệu rằng có bao giờ tôi hiểu được chúng hay không? Không có gì kém chắc

chấn hơn thế. Một câu của Chesterton nhảy nhót trong óc tôi: *Tôi chưa bao giờ nói rằng người ta luôn nhầm lẫn vì đã bước vào xứ sở của các nàng tiên. Tôi chỉ nói rằng lúc nào việc đó cũng nguy hiểm.* Liệu rằng có phải chính là như vậy, chiến tranh, một xứ sở bệnh hoạn của các nàng tiên, khu vui chơi của một thằng bé mắc chứng tâm thần vừa đập phá đồ chơi của mình vừa cười như nắc nẻ, và vui vẻ ném cốc chén ra ngoài cửa sổ?

Trước sáu giờ một chút, mặt trời lặn, và Blobel ra lệnh tạm dừng vì trời đã tối: dù thế nào đi nữa thì các tay súng cũng không nhìn thấy gì nữa cả. Ông ta tổ chức một cuộc họp chóng vánh phía sau thung cùng các sĩ quan của mình, để bàn luận về các vấn đề. Hàng nghìn người Do Thái vẫn chờ đợi tại chỗ và trong Melnikova; theo tính toán, chúng tôi đã bắn được gần hai mươi nghìn người trong số đó. Nhiều sĩ quan phàn nàn về chuyện người ta để cho các phạm nhân nhìn thấy cảnh tượng từ trên cao: khi chứng kiến những gì xảy ra dưới chân mình, bọn họ trở nên hoảng loạn và rất khó kiểm soát. Sau cuộc thảo luận, Blobel quyết định cho lính công binh của Ortskommandantur đào lối vào tại các thung bên cạnh dẫn đến thung chính, và cho dẫn người Do Thái đến từ đó; nhờ vậy mà bọn họ sẽ chỉ nhìn thấy các xác chết vào thời điểm cuối cùng. Ông ta cũng ra lệnh rắc vôi bột lên những cái xác. Chúng tôi quay trở lại chỗ đóng quân. Trên quảng trường phía trước Lukyanovskoe, hàng trăm gia đình đang ngồi trên vali của mình hoặc trên mặt đất mà chờ đợi. Một số đốt lửa nấu nướng. Trên phố cũng vậy: dòng người kéo dài đến tận thành phố, do một đội gác mỏng trông coi. Sáng hôm sau, lúc tinh mơ, mọi việc lại bắt đầu. Nhưng tôi không nghĩ rằng việc miêu tả tiếp là cần thiết.

Ngày mồng một tháng Mười, mọi việc kết thúc. Blobel cho nổ các sườn đồi dẫn xuống thung để che phủ những cái xác; chúng tôi chờ đợi chuyến viếng thăm của Reichsführer, ông ta muốn mọi thứ phải thật sạch sẽ. Cùng lúc đó các cuộc hành quyết vẫn tiếp diễn: vẫn là người Do Thái, nhưng cũng có thêm bọn cộng sản, sĩ quan của quân Đỏ, lính thủy của hạm đội Dniepr, lũ

kẻ cướp, bọn phá hoại, các công chức, bọn theo Bandera, Digan, Tatar. Rồi Einsatzkommando số 5, giờ đây nằm dưới quyền chỉ huy của một Sturmbannführer tên là Meier thay chỗ Schulz, đến Kiev để đảm nhiệm những cuộc hành quyết và nhiều công việc hành chính; Sonderkommando của chúng tôi sẽ tiếp tục tiến lên theo đại đoàn số 6, về phía Poltava và Kharkov; vì vậy mà những ngày tiếp theo ngày diễn ra Hành động Lớn, tôi rất bận rộn, vì phải chuyển tất cả các mạng lưới và mối quan hệ của mình lại cho người thay thế, Leiter III của Ek 5. Cũng phải điều hành các công việc tiếp theo hành động: chúng tôi đã thu thập được một trăm ba mươi bảy xe cam nhông quần áo, để dành cho các *Volksdeutscher* nghèo khổ của Ukraine; chăn màn được đưa sang cho Waffen-SS để chuyển đến một bệnh viện nông thôn. Và rồi còn phải lập các báo cáo: Blobel nhắc nhở tôi về lệnh của Müller, và giao cho tôi nhiệm vụ chuẩn bị một báo cáo bằng hình ảnh về hành động. Cuối cùng Himmler cũng đến, đi cùng với Jeckeln, và cùng ngày hôm đó dành cho chúng tôi một bài diễn văn. Sau khi giải thích cho chúng tôi về tầm quan trọng của việc quét sạch người Do Thái, *để nhổ đến tận rễ chủ nghĩa Bônsêvich*, ông ta nhấn mạnh một cách trang trọng rằng ông ta *ý thức được mức độ khó khăn của nhiệm vụ*; rồi gần như không hề báo trước ông ta trình bày cho chúng tôi cách nghĩ về tương lai miền Đông nước Đức của mình. Người Nga, khi kết thúc chiến tranh và đã bị đẩy lui sang bên kia dãy Oural, có thể sẽ thành lập một *Slavland* nối dài; lẽ dĩ nhiên là bọn chúng sẽ thường xuyên tìm cách quay trở lại; để ngăn chặn điều đó, nước Đức sẽ xây dựng trên vùng núi cao một phòng tuyến gồm các thành phố-trạm gác và pháo đài, và giao việc thực hiện cho Waffen-SS. Mọi thanh niên Đức sẽ phải đi nghĩa vụ hai năm cho SS và sẽ được đưa đến đó; chắc chắn là sẽ có những tổn thất, tuy nhiên các xung đột thường xuyên nhưng ở mức độ nhỏ và không mấy cam go đó sẽ cho phép Quốc gia Đức không bị *chìm sâu vào sự yếu đuối của kẻ thắng trận*, và gìn giữ được *sức mạnh chiến binh*, luôn cảnh giác và mạnh mẽ. Được phòng tuyến đó bảo vệ, đất Nga và đất Ukraine sẽ được mở rộng

cho quá trình thực dân hóa của Đức, để cho các cựu chiến binh của chúng ta phát triển: mỗi người, *lính-nông dân cũng như các con trai của anh ta*, sẽ quản lý một khu đất rộng lớn và màu mỡ; công việc ngoài cánh đồng sẽ được giao cho các nô lệ Xlavơ, và người Đức chỉ cần trông coi chung. Các trang trại này sẽ được bố trí theo kiểu chùm sao xung quanh những thành phố nhỏ vừa có trại lính vừa có chợ; tất cả các thành phố công nghiệp xấu xí của Nga đều sẽ bị san phẳng; tuy nhiên, Kiev, một thành phố rất cổ của Đức hồi đầu có tên là *Kiroffo*, có thể sẽ được bảo tồn. Tất cả những thành phố đó sẽ được kết nối với Reich thông qua một hệ thống đường cao tốc và tàu tốc hành hai tầng, với những khoang có giường nằm riêng, và người ta sẽ xây các con đường đặc biệt rộng hàng mét; những công việc to lớn đó sẽ được thực hiện bởi bọn Do Thái còn sót lại và tù binh chiến tranh. Cuối cùng là Crimée, trước đây là đất của người Goths, cũng như các vùng thuộc Đức dọc sông Volga và trung tâm dầu lửa Bakou, sẽ được sáp nhập vào Reich để trở thành một vùng du lịch và nghỉ ngơi, dễ dàng đi từ Đức sang bằng một tuyến tàu tốc hành đi qua ngã Brest-Litovks; Führer, sau khi hoàn thành những công trình kỳ vĩ ấy, sẽ lui về đó nghỉ. Bài diễn văn này gây chấn động tinh thần: rõ ràng là, ngay cả khi với tôi cái viễn cảnh được vẽ ra đó gợi nhớ những miền đất không tưởng mang tính điên rồ của Jules Verne hoặc Edgar Rice Burroughs, đã có một *kế hoạch*, một *mục tiêu cuối cùng* được dựng lên trong bầu sinh quyển loãng khí ở mãi tít trên đầu chúng tôi.

Reichsführer cũng nhân dịp này giới thiệu với chúng tôi SS-Brigadeführer và Generalmajor der Polizei, tiến sĩ Thomas, đi cùng với ông ta và sẽ thay chỗ tiến sĩ Rasch để chỉ huy Einsatzgruppe. Quả thực, Rasch, đã rời khỏi Kiev vào ngày thứ hai của hành động, thậm chí còn không nói lời từ biệt: Thomas, như thường lệ, lại dự đoán đúng được tình hình. Tin đồn bay khắp nơi; người ta nói đến sự xung đột giữa ông ta và Koch, người ta kể rằng ông ta đã suy sụp trong hành động. Tiến sĩ Thomas, người có huân chương Thập tự Sắt và nói được tiếng

Pháp, tiếng Anh, tiếng Hy Lạp và tiếng Latinh, là một người có khí chất khác hẳn; là bác sĩ chuyên ngành tâm thần học, ông ta đã bỏ nghề để gia nhập SD vào năm 1934, vì lý tưởng và lòng tin vào chủ nghĩa quốc xã. Tôi nhanh chóng có dịp biết thêm về ông ta bởi vì ngay sau khi đến nơi ông ta đã đi thăm tất cả các văn phòng của tập đoàn quân và các Kommando và bàn luận với từng sĩ quan một. Có vẻ như ông ta đặc biệt bận tâm đến những rối loạn tâm lý của con người và của các sĩ quan: như ông ta giải thích với chúng tôi, trong khi có mặt Leiter của Ek 5 đến để lấy các hồ sơ ở chỗ tôi và nhiều sĩ quan SD khác, với một người lành mạnh về tinh thần thì không thể có chuyện sau khi phải trải qua những tình huống đó trong nhiều tháng trời lại có thể không phải gánh chịu những di chứng, nhiều khi rất trầm trọng. Ở Latvia, tại Einsatzgruppe A, một Untersturmführer đã phát điên và giết chết nhiều sĩ quan khác trước khi bị bắn hạ; trường hợp này đã khiến Himmler và giới chức cao cấp lo ngại sâu sắc, và Reichsführer đã yêu cầu tiến sĩ Thomas, người có chuyên môn rất thích hợp để giải quyết vấn đề, đề xuất các giải pháp. Brigadeführer nhanh chóng ra một cái lệnh chưa từng có: tất cả những người tự thấy không đủ sức giết Do Thái, hoặc vì ý thức, hoặc vì yếu đuối, phải đến trình diện ở Gruppenstab để được giao nhiệm vụ khác hoặc thậm chí được gửi trả về Đức. Lệnh này đã làm nảy sinh những cuộc tranh luận nảy lửa giữa các sĩ quan; một số người nghĩ rằng công nhận một cách chính thức sự yếu đuối của mình như vậy sẽ để lại những dấu vết đáng lo ngại trong hồ sơ cá nhân, và sẽ làm tiêu tan mọi cơ hội thăng tiến; ngược lại những người khác lại tuyên bố sẵn sàng đặt lòng tin vào tiến sĩ Thomas, và yêu cầu được đi khỏi. Lại còn những người khác nữa, chẳng hạn như Lübbe, được thuyên chuyển dù không hề đòi hỏi, dựa theo ý kiến bác sĩ của các Kommando. Mọi việc bình ổn lại một chút. Về phần báo cáo của mình tôi đã quyết định, thay vì đưa ra các hình ảnh rời rạc, cho thực hiện hẳn một album. Điều này đòi hỏi rất nhiều công việc. Một trong số các Orpo của chúng tôi, nhiếp ảnh gia nghiệp dư, đã chụp nhiều cuộn phim màu những cuộc hành

quyết, và có đủ các dụng cụ để phóng chúng; tôi bảo anh ta mang đồ nghề vào trong một phòng nhỏ để rửa cho tôi những bức ảnh với chất lượng tốt nhất. Tôi cũng sưu tầm những bức ảnh đen trắng, và cho sao lại tất cả các báo cáo của chúng tôi có liên quan đến hành động trên loại giấy đẹp do bộ phận hậu cần của quân đoàn số XXIX cung cấp. Một nhân viên của Stab, bằng thứ chữ viết hành chính rất đẹp của mình, viết lời chú cho ảnh và một trang tiêu đề: *Hành động lớn ở Kiev*, và, với cỡ chữ nhỏ hơn, *Báo cáo và tài liệu*, và ngày tháng. Trong số các *Arbeitjude* chuyên môn hóa được giữ lại ở trại Syrets mới, tôi lấy một thợ sửa giày nhiều tuổi từng phục chế sách cho các văn phòng của Đảng và thậm chí từng chuẩn bị các album cho một hội nghị; von Radomski, chỉ huy trại, cho tôi mượn ông ta trong vài ngày, và, với một thứ da màu đen lấy ra từ những thứ đồ tịch thu được, ông ta đóng cho tôi các tập báo cáo và những bức ảnh, dưới một cái bìa rập nổi phù hiệu của Sk 4a. Rồi tôi đưa quyển sách cho Blobel. Ông ta rất vui; ông ta giở sách ra, mê mẩn với cái gáy đóng và chữ viết trong đó: "A, tôi muốn có một cuốn thế này làm kỷ niệm quá." Ông ta khen ngợi tôi và nói sẽ chuyển sách cho Reichsführer, thậm chí là cho cả Führer; toàn Kommando có thể tự hào về nó. Tôi không nghĩ rằng ông ta sẽ nhìn nhận cuốn album đó giống như tôi: với ông ta, đó là một thứ chiến quả; với tôi thì đúng ra nó là một tưởng niệm cay đắng, một lời nhắc nhở trang trọng. Tối đến tôi tranh luận về điều đó với một người mới quen, một kỹ sư của Wehrmacht tên là Osnabrugge. Tôi đã gặp anh ta tại phòng giải trí sĩ quan, anh ta mời tôi uống; anh ta tỏ ra khá thú vị, và tôi thích tranh luận với anh ta. Tôi nói về quyển album và anh ta có ý nghĩ kỳ lạ như sau: "Ai cũng phải làm công việc của mình với tình yêu." Osnabrugge tốt nghiệp một trường bách khoa vùng sông Rhin, chuyên ngành xây cầu; anh ta say mê với thiên hướng của mình và nói về nó đầy vẻ hùng hồn: "Anh có hiểu được không, tôi đã được đào tạo với một cảm giác về sứ mệnh văn hóa. Một cây cầu là một đóng góp theo nghĩa đen và theo nghĩa vật chất cho cộng đồng, nó tạo ra những con đường

mới, những đường dây liên hệ mới. Và rồi, nó lại còn đẹp nữa. Không chỉ là khi ngắm nhìn nó thôi đâu: giá mà anh hiểu được các tính toán, sức căng và các lực, các nhịp cầu và dây cáp, bằng cách nào mà tất cả những thứ đó cân bằng được với nhau thông qua trò chơi toán học!" Thế nhưng anh ta chưa bao giờ xây một cây cầu nào cả: anh ta từng vẽ nhiều bản thiết kế, nhưng chưa cái nào được thực hiện hết. Rồi Wehrmacht cử anh ta đến đây để giám sát việc phá hủy những cây cầu của quân Xô viết. "Thật là hấp dẫn, anh có thấy không. Không cây cầu nào được xây theo cùng một cách, cũng không cây cầu nào nổ tung theo cùng một cách. Lúc nào cũng có những điều ngạc nhiên, học hỏi được rất nhiều đấy. Nhưng dù sao thì cũng thật đau lòng khi phải chứng kiến cảnh đó. Chúng là những cây cầu đẹp đẽ biết bao nhiêu. Nếu anh muốn, tôi sẽ cho anh xem." Tôi vui mừng nhận lời, hiện tại tôi khá rảnh rỗi. Anh ta hẹn tôi dưới chân một trong những cây cầu lớn nhất trong số những cái đã bị phá ở sông Dniepr và tôi gặp lại anh ở đó vào một buổi sáng. "Ấn tượng mạnh thật đấy," anh ta vừa đưa mắt nhìn đống đổ nát vừa bình luận, hai tay chống nạnh, toàn thân im lìm. Cây cầu sắt nhiều nhịp khổng lồ này, được dựng lên ngay dưới các vách đá Petchersk, nằm trên năm cây cột lớn bằng đá xẻ; ba nhịp đã hoàn toàn bị thuốc nổ phá hủy, nằm sâu dưới nước; trước mặt, vẫn còn lại hai đoạn. Lính công binh đang dựng một cầu dẫn ngay cạnh bằng xà gỗ và những đoạn gỗ khác để trên những cái xuồng hơi lớn; chúng đã đi qua gần hết một nửa sông. Trong khi chờ đợi, giao thông được thực hiện bằng thuyền, và một đám đông chờ đợi trên bờ, cả lính lẫn dân thường. Osnabrugge có một cái canô máy. Chúng tôi đi vòng qua cầu dẫn đang được xây dựng và anh ta chậm rãi cập vào những thanh xà vặn vẹo của cây cầu đã bị phá sập. "Anh thấy không, anh ta chỉ mấy cái cột và nói với tôi, ở chỗ đó, thậm chí bọn họ còn làm nổ cả nhịp đỡ, nhưng chỗ kia thì không. Quả thực là việc đó không hề cần thiết, chỉ cần phá các yếu tố trụ đỡ là tất cả những gì còn lại sẽ bay biến. Bọn họ đã quá hăng máu." – "Thế còn những cái cột?" – "Đều còn tốt cả, có thể là ngoài cái cột ở

giữa. Chúng tôi đang xem xét. Dù thế nào đi nữa thì chắc chắn là sẽ phải xây lại thôi, nhưng không thể ngay lập tức được." Tôi nhìn ra xung quanh trong khi Osnabrugge tiếp tục nói về các chi tiết. Trên đỉnh những vách đá phủ cây, được mùa thu chuyển hóa thành một đám lửa màu da cam và vàng, với những chấm đỏ rực như thể được điểm xuyết một cách tình cờ, mấy cái đỉnh vòm mạ vàng của *larva* lấp lánh dưới mặt trời. Thành phố nâu mình ở phía sau và từ đây không thể nhìn thấy gì ở phía đó. Dưới thấp hơn, vùng hạ lưu, hai cây cầu bị phá hủy khác nằm chặn ngang dòng sông. Sông lững lờ chảy giữa đám xà gỗ nổi lập lờ; trước mặt chúng tôi, một cái thuyền chở đầy nông dân, tất cả là phụ nữ, quàng những cái khăn sặc sỡ và những người lính còn đang ngủ gà gật, bình thản tiến lên. Khi nhìn thấy những đoạn tảo dài uốn lượn dưới mặt nước tôi thấy như thể mình đang bị hoa mắt: tôi nhìn thấy rất rõ từng cây tảo một và cùng lúc tôi nhìn thấy những cái xác lính khinh kỵ cao lớn của Napoléon trong bộ binh phục màu vỏ táo, xanh đậm hoặc vàng, với những phù hiệu mũ và lông đà điểu mềm mại, đang trôi đi theo dòng nước. Cảm giác thật mạnh và hẳn là tôi đã buột miệng ra tên của hoàng đế, vì Osnabrugge đột nhiên đáp lời: "Napoléon? Đúng đấy, tôi đã tìm được một cuốn sách về Eblé trước khi đi, anh cũng biết phải không, tay kỹ sư trưởng ấy? Một người đáng ngưỡng mộ. Gần như là người duy nhất, ngoài Ney, từng chịu gian khổ, và cũng là người duy nhất trong số các sĩ quan cao cấp của Napoléon bị chết. Ở Königsberg, hồi cuối năm, sau khi làm cầu trên sông Berezina." – "Đúng vậy, ở Berezina, chuyện rất nổi tiếng." – "Chúng tôi chỉ nhanh hơn ông ta chưa đến một tuần. Anh cũng biết là Eblé đã cho xây ở đó hai cây cầu chứ? Một cho người và một cho xe cộ, trong đó tất nhiên là có các sĩ quan đi xe ngựa rồi." Chúng tôi quay về phía bờ. "Anh phải đọc Hérodote mới được, tôi nói. Ông ta cũng kể nhiều chuyện rất hay về cầu đấy." – "Ồ, cái đó thì tôi biết, tôi biết." Anh ta chỉ cầu dẫn của lính công binh: "Người Ba Tư cũng đã dựng cầu trên đống thuyền bè giống như thế kia rồi." Anh ta bĩu môi. "Chắc chắn là giỏi hơn." Anh ta để tôi lại trên bờ

và tôi thân ái bắt tay anh ta. "Cám ơn anh về cuộc đi dạo nhé. Tôi thấy thú vị lắm. Hẹn sớm gặp lại anh!" – "Ồ, tôi chưa biết được đâu. Mai tôi phải đi Dniepropetrovsk rồi. Tôi còn hai mươi ba cây cầu phải thị sát, anh cứ thử tưởng tượng mà xem! Nhưng chắc chắn là chúng ta sẽ còn gặp lại nhau vào một ngày nào đó."

Sinh nhật tôi là ngày 10 tháng Mười và năm đó Thomas mời tôi đi ăn tối. Cuối buổi chiều, nhiều sĩ quan đến cùng với một chai cognac lớn để chúc mừng tôi và chúng tôi uống vài cốc. Thomas đến với một tâm trạng tuyệt vời, nâng cốc lên chúc sức khỏe, rồi kéo tôi ra một chỗ và nắm chặt lấy tay tôi: "Bạn thân mến, tớ mang đến cho cậu một tin vui thay cho một món quà đây: cậu sẽ được thăng chức. Vẫn còn là bí mật, nhưng tớ đã nhìn thấy giấy tờ ở chỗ Hartl. Reichsführer, sau *Aktion*, đã ra lệnh cho Gruppenchef trình lên cho ông ấy danh sách những người có công trạng. Quyển album của cậu đã tạo ra một ấn tượng rất tốt và tên cậu có trong danh sách. Tớ biết rằng Hartl đã tìm cách phản đối, hắn ta vẫn chưa tha thứ cho những lời lẽ của cậu hồi *Aktion*, nhưng Blobel đã ủng hộ. Mặt khác sẽ rất tốt nếu một hôm nào đó cậu đến xin lỗi Hartl." – "Sẽ không có chuyện đó đâu. Phải là hắn đến xin lỗi tớ mới đúng chứ." Anh nhún vai cười: "Cậu muốn thế nào thì sẽ như thế thôi, Hauptsturmführer ạ. Nhưng thái độ của cậu sẽ không làm cho đời cậu được dễ dàng đâu." Tôi sầm mặt: "Thái độ của tớ là thái độ của một sĩ quan SS và của một đảng viên quốc xã. Kẻ nào có thể làm hơn như vậy cứ đến gặp tớ mà thỏa sức trách mắng." Tôi đổi chủ đề: "Thế còn cậu?" – "Gì cơ, tớ à?" – "Cậu không được thăng chức à?" Anh cười thật tươi: "Tớ không biết. Rồi cậu sẽ thấy thôi." – "Chú ý nhé! Tớ đuổi kịp cậu rồi đấy." Anh cười và tôi cười cùng anh. "Tớ sẽ rất ngạc nhiên nếu cậu làm được điều đó đấy," anh nói.

Thành phố chậm rãi hồi sinh. Sau khi đặt lại tên cho các phố chính – Khrechtchatik trở thành Eichhornstrasse, để vinh danh vị tướng Đức đã tiến vào Kiev năm 1918, đại lộ Chevtchenko thành Rovnoverstrasse, Artyoma thành Lembergstrasse, và đại lộ mà tôi thích nhất, Tchekistova, mang một cái tên thật thô thiển:

Gotenstrasse – Ortskommandantur đã cho phép một số quán ăn tư được mở cửa; quán ngon nhất trong số đó, người ta nói vậy, thuộc về một *Volksdeutscher* người Odessa, đã dùng tiền của mình tiếp quản lại căng tin dành cho công chức cao cấp của Đảng, nơi ông ta từng làm đầu bếp. Thomas đã đặt trước một bàn. Tất cả khách đều là sĩ quan Đức, ngoài hai cán bộ người Ukraine đang chuyện trò với các sĩ quan của AOK: tôi nhận ra Bahazy, "thị trưởng" Kiev do Eberhard chỉ định; SD ngờ ông ta tham nhũng nặng túi, nhưng ông ta ủng hộ Melnyk và von Reichenau đã đồng ý, và cuối cùng chúng tôi đành rút lại sự phản đối. Những tấm rido giả nhung dày che các ô cửa sổ, một ngọn nến chiếu sáng mỗi hốc tường; chúng tôi được xếp ngồi trong một góc hơi khuất, và được phục vụ món zakouski Ukraine – dưa chuột muối, tỏi ngâm và thịt hun khói – cùng rượu vodka mật ong và hạt tiêu, ướp lạnh. Chúng tôi uống rượu, nhấm nháp zakouski và trò chuyện. "Thế thì, Thomas cười lớn, cậu có thấy đề nghị của Reichsführer hấp dẫn không? Cậu có định ở lại đây để trở thành một quý ngài chủ trang trại không?" – "Chắc là không đâu! Tớ không giỏi công việc đồng áng cho lắm." Thomas đã chuyển sang đề tài Hành động Lớn: "Thật là nặng nề, thật là khó chịu, anh bình luận. Nhưng cần thiết." Tôi không muốn tiếp tục nói về chuyện đó: "Chuyện gì đã xảy đến với Rasch vậy?" tôi hỏi. – "Ôi, ông ấy! Tớ đã biết trước là cậu sẽ hỏi mà." Anh rút từ túi áo choàng ra một mớ giấy. "Đây, cậu đọc đi. Nhưng bí mật đấy nhé." Đó là một bản báo cáo viết trên giấy có tiêu đề của tập đoàn quân, ở dưới ký tên Rasch, và đề ngày trước *Grosse Aktion* một chút. Tôi đọc lướt qua; ở đoạn cuối, Rasch bày tỏ sự nghi ngờ về việc cần phải giết tất cả người Do Thái, và nhấn mạnh rằng họ không phải là mối nguy duy nhất: *Bộ máy Bônsêvich hoàn toàn không tương đồng với người Do Thái. Trong những điều kiện đó chúng ta sẽ không hoàn thành được mục tiêu đảm bảo an ninh chính trị, nếu thay thế nhiệm vụ chính, tức là phá hủy bộ máy cộng sản, bằng một nhiệm vụ khác, tương đối dễ dàng hơn, là diệt trừ người Do Thái.* Ông ta cũng nhấn mạnh đến ảnh hưởng

tiêu cực của việc tiêu diệt người Do Thái đối với sự tái thiết nền công nghiệp Ukraine, và đề xuất, thông qua một hệ thống lập luận chặt chẽ, sử dụng sức lao động của người Do Thái ở diện rộng. Tôi trả bản báo cáo lại cho Thomas, anh cẩn thận gập nó lại rồi nhét vào túi. "Tớ thấy rồi," tôi bặm môi. "Nhưng cậu sẽ thấy là ông ấy không hoàn toàn sai đâu." – "Thì rõ rồi! Nhưng cứ cãi cọ nhau như vậy thì giải quyết được vấn đề gì đâu. Không làm cho việc gì tiến triển được cả. Cậu nhớ lại báo cáo của cậu hồi năm 39 đi. Brigadeführer Thomas đã cho mấy tay cực đoan người Pháp giật mìn nổ tung mấy cái nhà thờ Do Thái ở Paris. Wehrmacht đã trục xuất ông ấy khỏi Pháp, nhưng Reichsführer lại lấy thế làm vui." Rượu vodka đã hết và chúng tôi bỏ chai đi; rồi người ta mang rượu vang Pháp ra, rượu bordeaux. "Bọn họ lấy đâu ra thứ này nhỉ?" tôi ngạc nhiên – "Một bất ngờ nho nhỏ: tớ đã nhờ một người bạn ở Pháp gửi sang đấy. Cậu thử tưởng tượng xem, chúng đã đến được nơi một cách an toàn. Có hai chai tất cả." Tôi rất cảm động; trong hoàn cảnh hiện tại, đây quả thực là một hành động thật đẹp. Tôi vui sướng nhấm nháp rượu. "Tớ đã cho bảo quản thật tốt, Thomas nói. Khác hẳn cái thứ vang Moldavia tồi tệ phải không?" Anh giơ cốc lên: "Cậu không phải là người duy nhất mừng ngày sinh nhật đâu, tớ nghĩ thế." – "Đúng thật." Thomas là một trong số hiếm hoi các đồng nghiệp của tôi biết rằng tôi có một cô em gái sinh đôi; thường thì tôi không nói đến chuyện đó, nhưng hồi trước anh đã đọc được trong hồ sơ của tôi, và tôi đã kể mọi chuyện cho anh. "Cậu không gặp cô ấy bao nhiêu lâu rồi?" – "Sắp được bảy năm." – "Thế có tin tức gì không?" – "Thỉnh thoảng thôi. Thật ra là rất hiếm." – "Cô ấy vẫn sống ở Poméranie à?" – "Ừ. Họ thường xuyên sang Thụy Sĩ. Chồng nó phải đi chữa bệnh ở các khu điều dưỡng." – "Cô ấy có con không?" – "Tớ không nghĩ vậy. Tớ sẽ rất ngạc nhiên nếu ngược lại. Thậm chí tớ còn không biết liệu chồng nó có khả năng hay không nữa. Tại sao?" Anh lại giơ cốc lên: "Vậy thì uống vì sức khỏe cô ấy nhé?" – "Vì sức khỏe của em gái tớ." Chúng tôi im lặng uống, người ta mang đồ ăn ra, chúng tôi vừa ăn vừa trò

chuyện một cách thoải mái. Khi ăn xong Thomas cho khui nốt chai rượu thứ hai và rút ra hai điếu xì gà từ túi áo varoi. "Bây giờ luôn hay gọi thêm cognac?" Tôi đỏ mặt vì sung sướng, nhưng cùng lúc cảm thấy một thoáng khó chịu. "Cậu đúng là một ảo thuật gia. Hút cùng với cognac đi, nhưng trước hết phải xử lý hết chỗ vang này đã." Cuộc nói chuyện quay sang tình hình quân sự. Thomas rất lạc quan: "Ở đây, ở Ukraine này, mọi chuyện đều đang hết sức thuận lợi. Von Kleist đang lao đến Melitopol và Kharkov sẽ thất thủ trong vòng một hoặc hai tuần nữa thôi. Còn Odessa thì chỉ là chuyện ngày một ngày hai. Nhưng quan trọng hơn cả là cuộc tấn công Matxcova đang được tiến hành rất mau lẹ. Kể từ khi Hoth hợp quân với Hoepner ở Vyazma, chúng ta đã bắt thêm được nửa triệu tù binh nữa! Abwehr nói đến ba mươi chín sư đoàn bị đánh tơi tả. Người Nga sẽ không bao giờ chịu đựng nổi mức độ tổn thất đó. Và rồi, Guderian đã gần đến được Mtsensk và sẽ sớm hội với những người khác. Führer quả là thiên tài khi cử Guderian đến đây để kết thúc Kiev, rồi lại sai tiếp đến Matxcova. Quân Đỏ đã không hiểu được điều đó. Ở Matxcova hẳn bọn chúng đang sợ cuống cuồng lên. Trong một tháng nữa chúng ta sẽ đến được đó và chiến tranh sẽ kết thúc." – "Đúng, nhưng nếu chúng ta không chiếm được Matxcova thì sao?" – "Chúng ta sẽ chiếm được Matxcova." Tôi vẫn tiếp tục: "Rồi, nhưng nếu chúng ta không chiếm được? Điều gì sẽ xảy ra? Wehrmacht sẽ làm thế nào mà sống qua được mùa đông? Cậu đã nói chuyện với người bên hậu cần chưa? Họ chưa hề có dự tính gì cho mùa đông, không gì hết. Lính của chúng ta vẫn mặc quần áo mùa hè. Ngay cả khi từ bây giờ đã bắt đầu mang quần áo ấm đến, họ sẽ không bao giờ có thể trang bị cho lính tráng một cách tử tế. Đó là cả một tội ác! Ngay cả khi chiếm được Matxcova, chúng ta cũng sẽ mất hàng chục nghìn người, mà đó mới chỉ là vì cái lạnh và bệnh tật thôi đấy." – "Cậu bi quan quá. Tớ chắc là Führer đã dự tính tất cả rồi." – "Không. Mùa đông không hề được tính đến. Tớ đã tranh luận về việc này ở AOK rồi, họ không có gì hết cả, họ không ngừng gửi điện về Berlin, họ đang hoảng lắm." Thomas

nhún vai: "Chúng ta sẽ giải quyết được vấn đề thôi. Ở Matxcơva, chúng ta sẽ tìm được tất cả những gì cần thiết." – "Cậu có thể chắc chắn rằng quân Nga sẽ phá hủy tất cả trước khi rút. Và rồi nếu chúng ta không chiếm được Matxcơva thì sao?" – "Tại sao cậu cứ có ý nghĩ là chúng ta không chiếm được Matxcơva thế? Quân Đỏ không có khả năng chống cự lại xe tăng panzer của chúng ta. Chúng đã huy động tất cả những gì chúng có ở Vyazma và chúng ta đã nghiền nát tất cả." – "Đúng vậy, bởi vì thời tiết vẫn còn ấm áp. Nhưng trời sắp đổ mưa rồi. Ở Uman, thậm chí đã bắt đầu có tuyết!" Tôi thấy người nóng lên, máu đang dồn lên mặt. "Hè vừa rồi cậu đã thấy chuyện gì xảy ra khi trời mưa một hoặc hai ngày chưa? Còn giờ thì có thể kéo dài đến cả hai hoặc ba tuần. Mỗi năm, vào mùa này, cả đất nước ngưng trệ, từ bao lâu nay vẫn vậy. Thế nên các cánh quân cũng sẽ phải dừng lại thôi. Và sau đó sẽ là cái lạnh." Thomas nhìn tôi chăm chăm vẻ giễu cợt; hai má tôi nóng bừng bừng, hẳn là mặt tôi đang đỏ lắm. "Cậu đã trở thành một chuyên gia quân sự thực thụ rồi đấy," anh bình luận. – "Không hề. Nhưng cứ sống mãi với lính tráng người ta sẽ học được nhiều thứ. Và rồi tớ còn đọc nữa. Chẳng hạn như tớ đã đọc một cuốn sách về Charles XII." Giờ đây tôi đã bắt đầu hoa chân múa tay. "Cậu biết Romny không? Ở vùng Guderian hội quân với von Kleist ấy? Đó chính là nơi Charles XII đã đặt đại bản doanh vào năm 1708 đấy, ngay gần Poltava. Ông ta và Pierre đều sử dụng những đội quân đắt tiền, nên buộc phải tiết kiệm, họ vờn nhau suốt mấy tháng trời. Rồi ở Poltava, Pierre tấn công qua loa quân Thụy Điển và ngay lập tức họ rút lui. Nhưng đó thì vẫn chỉ là chiến tranh kiểu phong kiến thôi, chiến tranh giữa những vị lãnh chúa lo lắng cho danh dự, và nhất là họ ngang bằng với nhau, thế cho nên cuộc chiến tranh của họ xét đến cùng là rất lịch thiệp, một kiểu trò chơi có tính nghi lễ hoặc một cuộc diễu binh, gần như là trò sân khấu, dù thế nào thì cũng không đến nỗi đẫm máu lắm. Trong khi sau đó, khi thần dân của vua, dân quê hoặc tư sản, trở thành một công dân, nghĩa là khi Nhà nước được dân chủ hóa, thì đột nhiên chiến tranh lại trở nên tổng lực và khủng

khiếp, nó trở nên nghiêm túc. Chính vì lẽ đó mà Napoléon đã nghiền nát cả châu Âu: không phải vì các đội quân của ông ta đông hơn hay vì ông ta là một vị tướng giỏi hơn những người khác, mà vì các nền quân chủ cũ kỹ vẫn chống trả lại ông ta theo lối cũ, có hạn chế. Trong khi ông ta đã không còn thực hiện dạng chiến tranh có hạn chế nữa. Nước Pháp của Napoléon *chiêu hiền đãi sĩ*, như người ta vẫn nói ấy, công dân được tham gia công việc hành chính, và Nhà nước ban hành luật nhưng người dân mới là ông chủ; vì vậy cái nước Pháp đó, rất tự nhiên, phải tiến hành một kiểu chiến tranh tổng lực, dốc toàn lực của mình vào đó. Và chỉ khi mà các kẻ thù của nó hiểu ra điều ấy và bắt đầu làm cùng điều đó, khi Rostoptchine đốt cháy Matxcơva và Alexandre khích người Codăc và nông dân quẩy nhiễu Quân đội Vĩ đại trong khi rút lui, thì cơ may mới xoay chiều. Trong cuộc chiến tranh giữa Pierre Đệ nhất và Charles XII, người ta chỉ phải đánh liều một món cược nhỏ: nếu mất, người ta sẽ ngừng chơi. Nhưng khi toàn bộ Quốc gia tiến hành chiến tranh, thì nó chơi tất tay và phải đặt cược thêm nữa, thêm nữa cho đến khi phá sản hoàn toàn. Và đó chính là vấn đề. Nếu không chiếm được Matxcơva, chúng ta sẽ không thể dừng lại và thương thuyết để có được một hòa bình hợp lẽ. Vậy là chúng ta cứ phải tiếp tục thôi. Nhưng cậu có muốn tớ nói với cậu thực sự tớ nghĩ gì không? Với chúng ta, cuộc chiến tranh này là một sự đánh cược. Một món cược khổng lồ, bao gồm toàn bộ Nhà nước, toàn bộ *Volk*, nhưng dù sao cũng vẫn cứ là một món cược. Và một món cược thì hoặc là cậu thắng, hoặc cậu thua. Người Nga không có được sự xa xỉ đó. Với họ đó không phải là một món cược, mà là một thảm họa đang giáng xuống đầu, một thứ thiên tai. Và cậu có thể thua một lần cược, nhưng cậu không thể thua trước một thảm họa, cậu buộc phải vượt qua nó, cậu không có lựa chọn nào hết." Tôi nói một hơi tất cả những điều đó, thật nhanh, gần như không kịp thở. Thomas im lặng uống cốc rượu vang của mình. "Vẫn còn một điều nữa, tôi sôi nổi nói thêm. Tớ chỉ nói với cậu, một mình cậu thôi. Sâu xa mà nói, việc giết người Do Thái không có ích lợi gì cả. Rasch đã tuyệt đối

đúng. Không hề có chút lợi lộc về kinh tế hay chính trị nào, không có ý nghĩa về mặt thực tiễn nào. Ngược lại, đó là một sự đoạn tuyệt với kinh tế và chính trị. Đó là một sự lãng phí, một thứ mất không. Chỉ vậy thôi. Và do đó nó chỉ còn lại một ý nghĩa duy nhất: ý nghĩa của một món đồ hy sinh tất định, cái dính liền với chúng ta một cách tất định, cái ngăn cản chúng ta, một lần cho tất cả, có thể quay ngược trở về phía sau. Cậu có hiểu không? Với cái đó, chúng ta bước ra khỏi thế giới của những vụ cá cược, không còn bước lùi được nữa. *Endsieg* hoặc cái chết. Cậu và tớ, tất cả chúng ta, giờ đây chúng ta bị gắn kết vào với nhau, gắn kết vào kết cục của cuộc chiến tranh này, thông qua các hành động mà chúng ta cùng nhau thực hiện. Và nếu sai lầm trong các tính toán, nếu đánh giá quá thấp số lượng nhà máy mà quân Đỏ đã dựng lên hoặc đổi chỗ ở sau dãy Oural, chúng ta sẽ tiêu tùng." Thomas uống cạn cốc rượu. "Max, cuối cùng anh cũng lên tiếng, cậu nghĩ ngợi nhiều quá. Không tốt cho cậu đâu. Cognac nhé?" Tôi bắt đầu ho và gật đầu đồng ý. Cơn ho tiếp tục thành từng đợt, tôi thấy có cái gì đó rất nặng chặn lại ở đoạn cơ hoành, cái gì đó không muốn thoát ra, và tôi ợ hơi thật mạnh. Tôi vội đứng dậy, lắp bắp xin lỗi và chạy ra phía sau quán. Tôi tìm được một cánh cửa, mở ra, nó dẫn vào một cái sân trong. Tôi thấy quận ruột khủng khiếp: cuối cùng tôi cũng nôn được. Điều đó làm tôi thấy nhẹ nhõm nhưng kiệt sức, cảm thấy người trống rỗng, tôi phải mất vài phút dựa người vào một cái xe bò dựng ở đó, hai càng hướng lên trời. Rồi tôi quay trở vào. Tôi tìm cô hầu bàn để xin nước: cô ta mang đến cho tôi cả một bình lớn, tôi uống một chút và dấp nước lên mặt. Rồi tôi quay lại chỗ ngồi. "Xin lỗi nhé." – "Không ổn à? Cậu ốm à?" – "Không, không sao đâu, chỉ là một cơn khó ở thôi." Đây không phải là lần đầu tiên. Nhưng tôi không biết chính xác nó bắt đầu khi nào. Có thể là ở Jitomir. Tôi mới chỉ nôn một hoặc hai lần, nhưng, rất đều đặn, sau các bữa ăn, tôi cảm thấy những cơn quặn ruột đầy khó chịu và mệt nhọc, luôn luôn có một đợt ho khan báo trước. "Cậu phải đến chỗ bác sĩ đi," Thomas nói. Người ta mang cognac ra và tôi uống một chút. Tôi cảm thấy khá hơn. Thomas lại

mời tôi một điếu xì gà; tôi cầm lấy, nhưng không châm lửa ngay. Thomas tò vẻ lo lắng. "Max... Cái kiểu suy nghĩ đó nhớ đừng có nói ra đấy nhé. Cậu sẽ chuốc lấy nhiều rắc rối." – "Phải, tớ biết. Tớ chỉ nói với một mình cậu thôi, bởi vì cậu là bạn tớ." Tôi đột ngột thay đổi chủ đề: "Thế nào, chọn được con bé nào chưa?" Anh cười: "Không có thời gian mà. Nhưng chắc là không phức tạp gì đâu. Cô phục vụ không tệ lắm, cậu có thấy không?" Thậm chí tôi còn chưa nhìn cô phục vụ. Nhưng tôi nói là đúng thế. "Còn cậu?" anh hỏi. "Tớ à? Cậu đã thấy chúng ta có chừng nào công việc chưa? Có thời gian để ngủ là tớ đã thấy may mắn lắm rồi, tớ không muốn đánh mất thời gian dành để ngủ." – "Thế còn hồi ở Đức? Trước khi đến đây? Chúng ta không gặp nhau nhiều lắm, từ sau Ba Lan. Và cậu là một tay kín đáo. Cậu không có một *Fräulein* xinh xắn nào giấu kín ở đâu đó để viết cho cậu những lá thư tình suốt mười dài ngoẵng à? Kiểu như là "Max, Max, anh yêu của em, mau về với em, ôi chiến tranh thật là tàn độc"?" Tôi cùng cười với anh và châm điếu xì gà. Thomas đã hút điếu của mình. Chắc chắn là tôi đã uống rất nhiều và đột nhiên muốn nói chuyện. "Không. Không có *Fräulein* nào cả. Nhưng rất lâu trước khi gặp cậu, tớ đã có một người vợ chưa cưới rồi. Tình yêu thuở nhỏ của tớ." Tôi thấy rằng anh tỏ ra tò mò: "Thật à? Kể đi." – "Không có gì nhiều để kể đâu. Bọn tớ yêu nhau từ khi còn rất nhỏ. Nhưng bố mẹ cô ấy không thích. Bố cô ấy, bố dượng thì đúng hơn, là một lão tư sản Pháp to béo, một quý ông rất nguyên tắc. Họ đã dùng vũ lực tách bọn tớ khỏi nhau, bọn tớ bị cho vào trường nội trú, cách xa nhau. Cô ấy giấu giếm viết cho tớ những bức thư tuyệt vọng, cả tớ cũng vậy. Và rồi người ta gửi tớ lên Paris học." – "Và cậu không bao giờ gặp lại cô ấy?" – "Thỉnh thoảng, vào dịp kỳ nghỉ, hồi mười bảy tuổi. Và rồi tớ đã gặp lại cô ấy lần cuối, nhiều năm sau đó, ngay trước khi sang Đức. Tớ đã nói với cô ấy rằng sự kết hợp của bọn tớ là không thể chia cắt được." – "Tại sao cậu không cưới cô ấy?" – "Không thể được mà." – "Thế còn bây giờ thì sao? Cậu đang ở vào vị thế tốt rồi." – "Giờ thì đã quá muộn: cô ấy lấy chồng rồi. Cậu thấy đấy, không thể tin tưởng gì vào đàn bà hết. Luôn luôn kết

thúc như vậy. Thật là xấu xa." Tôi buồn, cay đắng, lẽ ra tôi không nên kể những chuyện ấy. "Cậu có lý, Thomas nói. Chính vì lẽ đó mà không bao giờ tớ yêu cả. Mặt khác tớ thích những người đàn bà đã có chồng rồi hơn, như thế chắc hơn. Cô gái của cậu tên là gì vậy?" Tôi phác một cử chỉ cứng đờ: "Có quan trọng gì đâu." Chúng tôi ngồi im lặng hút thuốc và uống cognac. Thomas chờ cho đến khi tôi hút xong điếu xì gà mới đứng dậy. "Thôi nào, đừng tưởng tiếc quá khứ nữa. Dù sao hôm nay cũng là sinh nhật cậu." Chúng tôi là những người khách cuối cùng, cô hầu bàn đang ngồi ngủ gật trong góc phòng. Bên ngoài, lái xe của chúng tôi đang ngáy trong chiếc Opel. Bầu trời đêm sáng sủa, mặt trăng hạ huyền, rõ nét và bình lặng, đang tỏa thứ ánh sáng trắng của mình xuống thành phố bị tàn phá, im lìm.

Hẳn tôi không phải là người duy nhất tự đặt cho mình những câu hỏi. Một sự bất ổn câm lặng nhưng sâu sắc đang chạy lan trong các hàng ngũ của Wehrmacht. Sự hợp tác với SS vẫn hữu hảo, nhưng Hành động Lớn đã gây ra những điều bất toại lo lắng. Một mệnh lệnh mới của von Reichenau bắt đầu được truyền đi, một văn bản khô khốc và cứng rắn, một lời phủ nhận mạnh mẽ đối với các kết luận của Rasch. Những nghi ngờ được miêu tả ở trong đó như là *những ý tưởng mơ hồ về hệ thống Bônsêvich. Người lính ở các lãnh thổ phía Đông không chỉ là một chiến binh theo các quy tắc của nghệ thuật chiến tranh, ông ta viết, mà còn là người mang một ý thức hệ quốc gia chủ nghĩa đầy mạnh mẽ và là người trả thù cho những hành động hạ đẳng mà Quốc gia Đức đã phải chịu đựng và là những gì gần gũi với nó thông qua dòng giống. Như vậy, người lính phải hiểu được một cách thấu đáo sự cần thiết của một hành động trả thù nghiêm khắc nhưng đúng đắn chống lại bọn người Do Thái thấp kém.* Sự thương xót phải bị loại trừ: đưa đồ ăn cho một tên Xlavơ qua đường, rất có thể là một điệp viên Bônsêvich, thuần túy là một sự thiếu chín chắn, *một hành động ngộ nhận là nhân đạo.* Các thành phố sẽ bị phá

hủy, bọn du kích và kể cả bọn người còn do dự sẽ bị tiêu diệt. Những ý tưởng đó, dĩ nhiên, không phải đều thuộc về von Reichenau, hẳn là Reichsführer cũng đã truyền cho ông ta một ít, nhưng điều cốt tử là mệnh lệnh này *nhằm phục vụ cho đường hướng và mục đích của Führer*, để sử dụng lại một câu nói rất hay của một công chức không tên tuổi của bộ Nông nghiệp Phổ, cũng không đáng ngạc nhiên khi Führer rất thích nó, và cho tuyên truyền khắp các đội quân phía Đông như một hình mẫu. Nhưng tôi không tin điều đó là đủ để trấn an tinh thần mọi người. Quốc xã là một triết lý toàn vẹn, tổng thể, một *Weltanschauung*, như chúng tôi vẫn hay nói; mỗi người đều có thể tìm thấy bản thân mình ở trong đó, ở trong đó phải có chỗ cho tất cả. Thế nhưng ở đây, giống như là người ta đã dùng sức mà mở một lối vào cái tổng thể ấy và nhét vào đó mọi thứ số mệnh của chủ nghĩa quốc xã, bằng một con đường duy nhất và không có lối quay lại, và rằng tất cả đều phải đi theo, cho đến tận cùng.

Ở Kiev, tính chất định mệnh của mọi chuyện chỉ làm cho nỗi khó ở của tôi tăng thêm. Trong hành lang cung điện của các nữ đồng trinh trẻ tuổi, tôi bắt gặp một người quen từ hồi còn ở Berlin: "Herr Sturmbannführer Eichmann! Ông đã được thăng chức. Xin chúc mừng!" – "A, Doktor Aue. Đúng lúc tôi đang đi tìm anh đây. Tôi có một gói đồ cho anh. Người ta đã chuyển cho tôi đến Prinz-Albrecht-Palais." Tôi đã quen người sĩ quan này vào cái thời ông ta còn đang xây dựng các Văn phòng di cư trung tâm cho người Do Thái, theo lệnh của Heydrich; ông ta thường xuyên sang bộ phận của chúng tôi để hỏi về các vấn đề liên quan đến tư pháp. Khi đó ông ta là Obersturmführer; giờ đây, ông ta đeo lon mới trên cổ một bộ quân phục màu đen mặc trong thành phố trông thật nổi bật trước kiểu áo feldgrau chiến dịch của chúng tôi. Trông ông ta thật vênh vang, nói cách khác là giống như một con gà trống nhỏ; thật kỳ lạ, ông ta đã gây cho tôi ấn tượng về một công chức vội vã và cần cù, tôi không còn nhận ra ông ta được nữa. "Điều gì đã dẫn ông đến đây thế?" tôi vừa hỏi vừa dẫn ông ta vào phòng làm việc. – "Cái gói đồ của anh, và tôi còn có một

cái gối khác cho một đồng nghiệp của anh nữa cơ." – "Không, tôi muốn nói là đến Kiev ấy." Chúng tôi ngồi xuống và ông ta chồm về phía trước, trong dáng vẻ của một kẻ âm mưu: "Tôi đến để gặp Reichsführer." Rõ ràng là ông ta tỏa rạng niềm tự hào và đang rất muốn được nói: "Cùng với Amtchef của tôi. Được mời đặc biệt đấy." Ông ta lại chồm về phía trước: trông ông ta giống một con chim săn mồi, nhỏ, nhưng lén lút. "Tôi đến trình bày một báo cáo. Một báo cáo mang tính thống kê. Do chỗ tôi lập. Anh có biết là bây giờ tôi đang điều hành một *Referat* không?" – "Không, tôi không biết. Xin chúc mừng ông." – "IV B 4. Về các vấn đề Do Thái". Ông ta đã đặt cái mũ cát két xuống bàn làm việc của tôi và đặt một cái cặp bằng da trên đầu gối; ông ta rút ra từ trong túi áo choàng một bao kính, lấy ra một cặp kính to, đeo chúng lên mắt, và mở cặp để lấy một cái phong bì lớn, khá dày, và đưa nó cho tôi. "Đây này. Dĩ nhiên là tôi sẽ không hỏi anh là cái gì." – "Ồ, nhưng tôi có thể nói với ông được. Các bản nhạc đấy." – "Anh chơi nhạc à? Anh có tưởng tượng được không, tôi cũng thế, một chút thôi. Tôi chơi violon." – "Thật ra thì không. Chúng là để cho một người khác, nhưng trong khi chờ đợi thì người đó đã chết rồi." Ông ta bỏ kính ra: "A. Tôi rất tiếc. Cuộc chiến tranh này thật là khủng khiếp. Quả thực, ông ta tiếp tục, bạn anh, tiến sĩ Lulley cũng đã đưa cho tôi một lá thư nhỏ và nhờ tôi lấy hộ tiền." – "Không vấn đề gì. Từ giờ đến tối tôi sẽ gửi tiền ông. Ông ở đâu nhỉ?" – "Cùng bộ tham mưu của Reichsführer." – "Tốt lắm. Rất cảm ơn ông vì đã chuyển giùm. Ông thật tốt vì đã làm việc đó." – "Ồi, tôi thích làm mà. Giữa các *SS-Mann* thì phải giúp đỡ nhau chứ. Tôi chỉ tức cái là mãi đến giờ mới được làm." Tôi nhún vai: "Thì thế đấy. Tôi có thể mời ông một cốc được không?" – "Ồi, đúng ra là rất không nên. Nhiệm vụ mà, anh cũng biết đấy. Nhưng..." Ông ta có vẻ ngần ngừ và tôi bèn cung cấp một cơ hội: "Ở đây, người ta nói *Krieg ist Krieg*..." Ông ta kết thúc câu nói: "... *und Schnaps ist Schnaps*. Đúng vậy, tôi biết chứ. Nên một chút thì cũng được." Tôi rút từ trong hòm ra hai cái cốc và chai rượu mà tôi để sẵn đó để mời khách. Eichmann giơ cốc lên, vẻ nghiêm

trang: "Vì sức khỏe Führer của chúng ta!" Chúng tôi chạm cốc. Tôi thấy rằng ông ta vẫn đang muốn nói. "Thế báo cáo của ông là như thế nào? Nếu đó không phải là một bí mật." – "Thật ra thì tất cả những cái đó đều rất *hush-hush*, như người Anh nói ấy. Nhưng với anh thì tôi có thể nói được. Gruppenführer và tôi đã được *der Chef* gửi đến đây" – ông ta đang nói đến Heydrich, giờ đây đã ở Praha với chức danh phó Reichsprotektor – "để bàn luận với Reichsführer về kế hoạch sơ tán bọn Do Thái khỏi Reich." – "Sơ tán à?" – "Chính xác. Về phía Đông. Từ giờ đến cuối năm." – "Tất cả?" – "Tất cả." – "Thế chúng sẽ được đưa đi đâu?" – "Phần lớn chắc là đến Ostland. Và cả về phía Nam nữa, để xây dựng Durchgangstrasse IV. Vẫn còn chưa chắc được." – "Tôi hiểu rồi. Thế còn báo cáo của ông?" – "Một tóm tắt về mặt thống kê. Tôi đã tự mình trình bày nó trước Reichsführer. Về tình hình chung trong mối tương quan với việc di cư bọn Do Thái." Ông ta giơ một ngón tay lên. "Anh biết có bao nhiêu không?" – "Bao nhiêu gì?" – "Do Thái. Ở châu Âu." Tôi lắc đầu: "Làm sao tôi biết được." – "Mười một triệu! Mười một triệu, anh có tưởng tượng nổi không? Tất nhiên là với các nước chúng ta còn chưa kiểm soát được, như là nước Anh, con số chỉ là ước lượng thôi. Vì họ không có các đạo luật liên quan đến chủng tộc, chúng ta đã phải dựa chủ yếu trên các tiêu chí tôn giáo. Nhưng dù thế đã là nhiều lắm rồi. Chỉ ở Ukraine này thôi đã có gần ba triệu." Ông ta chuyển sang một cái giọng còn đạo mạo hơn nữa: "Hai triệu chín trăm chín mươi tư nghìn sáu trăm tám mươi tư, con số chính xác đấy." – "Đúng là chính xác thật. Nhưng nói tôi nghe xem nào, với một Einsatzgruppe thì người ta làm sao có thể làm được những việc to lớn?" – "Thì đúng vậy. Các phương pháp khác đang được nghiên cứu." Ông ta nhìn đồng hồ đeo tay và đứng dậy. "Bây giờ thì xin từ biệt anh, tôi phải quay về gặp Amtchef. Cám ơn vì cốc rượu nhé." – "Cám ơn vì cái gói! Lát nữa tôi sẽ cho người chuyển tiền đến cho ông để gửi cho Lulley." Chúng tôi cùng giơ tay lên và đồng thanh: "Heil Hitler!"

Eichmann đi khỏi, tôi ngồi xuống và ngắm nhìn cái gói đặt

trên mặt bàn làm việc. Bên trong là các bản nhạc của Rameau và Couperin mà tôi đã đặt cho cậu bé Do Thái ở Jitomir. Thật là ngu xuẩn, một thứ ngây thơ sặc mùi tình cảm; mặc dù vậy điều này khiến tôi cảm thấy một nỗi buồn to lớn. Giờ đây tôi nghĩ mình đã hiểu các phản ứng của người bình thường và các sĩ quan trong những vụ hành quyết hơn. Nếu họ đau đớn, như tôi đã đau đớn bởi diễn ra Hành động Lớn, thì lý do không chỉ nằm ở mùi vị và việc nhìn thấy máu, mà còn bởi vì sự khủng khiếp và đau đớn về tinh thần của những người bị kết án; và cũng vậy, những người mà chúng tôi bắn thêm vào đó, thường phải chịu đựng đau đớn và cái chết ở ngay trước mặt họ của những người mà họ yêu thương, vợ, bố mẹ, con cái, những cái đó lớn hơn cái chết của chính bản thân họ, thật ra đến cuối cùng điều này giống với một sự giải thoát nhiều hơn. Trong nhiều trường hợp, tôi có thể nói vậy, điều mà tôi từng cho là căn bệnh loạn dâm không nguyên cớ, sự tàn bạo kinh người mà một số người dùng để đối xử với những người bị kết án trước khi giết họ, đó chỉ là một hệ quả của lòng thương hại gớm ghiếc mà họ cảm thấy và cái đó, khi không tìm được cách nào thể hiện ra ngoài nữa, chuyển thành sự điên giận, nhưng là một sự điên giận bất lực, không đối tượng, và do đó, gần như không thể tránh khỏi, buộc phải quay ngược chống lại những kẻ nằm ở nguyên do đầu tiên. Nếu những vụ thảm sát kinh khủng ở phía Đông chứng tỏ được điều gì đó, thì thật nghịch lý, đó sẽ là tình tương ái đáng sợ, bất di bất dịch giữa người và người. Dù cho tàn bạo và quen tay đến đâu đi chăng nữa, thì không một người nào của chúng tôi có thể giết một phụ nữ Do Thái mà không nghĩ đến vợ mình, em gái mình hoặc mẹ mình, không thể giết một đứa trẻ Do Thái mà không nhìn thấy những đứa con của chính mình đang ở dưới hố. Những phản ứng của họ, sự tàn bạo của họ, thói rượu chè của họ, những cơn trầm uất nặng nề, những cuộc tự sát, nỗi buồn của chính tôi, tất cả đều cho thấy rằng *kẻ khác* có tồn tại, tồn tại với tư cách kẻ khác, với tư cách con người, và không một ý chí nào, không một ý thức hệ nào, không số lượng của sự xuẩn ngốc và rượu nào có thể cắt đứt sợi dây liên hệ

đó, sợi dây mỏng manh nhưng không thể phá hủy. Đó là một thực tế, chứ không phải là một ý kiến.

Giới chỉ huy bắt đầu nhận ra thực tế này và chú ý đến nó. Đúng như Eichmann đã giải thích với tôi, người ta đang nghiên cứu các phương pháp mới. Vài ngày sau khi ông ta đến Kiev, một người tên là tiến sĩ Widmann đến để giao cho chúng tôi một xe cam nhông kiểu mới. Cái xe hiệu Saurer này do Findeisen, tài xế riêng của Heydrich, lái; đó là một người rụt rè, anh ta cương quyết từ chối, mặc cho rất nhiều sự nài nỉ, giải thích cho chúng tôi tại sao mình lại được chọn cho việc này. Tiến sĩ Widmann, người đứng đầu bộ phận hóa học của Viện kỹ thuật hình sự trực thuộc Kripo, giới thiệu khá dài dòng với các sĩ quan: "Khí ga, ông ta nói, là một phương tiện thanh lịch hơn." Chiếc cam nhông, đóng kín im ỉm, dùng khí thải của chính nó để làm ngạt những người bị nhốt bên trong; giải pháp này, trên thực tế, không hề thiếu vắng sự thanh lịch lẫn tính chất tiết kiệm. Như Widmann giải thích với chúng tôi, người ta đã thử nghiệm nhiều cách khác trước khi tìm ra cách này; bản thân ông ta đã tiến hành các thí nghiệm ở Minsk, trên các bệnh nhân của một trại điên, cùng với Amtchef của ông ta, Gruppenführer Nebe; một thử nghiệm với chất nổ đã mang đến một kết quả thảm họa. "Không thể tả được. Một sự tàn phá." Blobel tỏ ra hào hứng: ông ta thích thử trò chơi mới này, ông ta vội vã muốn thử ngay. Häfner phản đối, cho rằng chiếc cam nhông không chứa được nhiều người lắm – tiến sĩ Widmann đã nói đến con số năm mươi người, tối đa là sáu mươi – hoạt động không nhanh lắm, và do đó có vẻ ít hiệu quả. Nhưng Blobel dẹp tan những nghi ngại đó: "Chúng ta sẽ giữ nó lại cho đàn bà và trẻ con, và sẽ rất tốt cho tinh thần quân lính." Tiến sĩ Widmann ăn tối cùng chúng tôi; sau đó, bên bàn bi a, ông ta kể cho chúng tôi về quá trình phát minh ra cái xe: "Đúng ra thì Gruppenführer Nebe là người có ý tưởng. Một tối, ở Berlin, ông ấy uống hơi quá chén, và đã ngủ trong xe ôtô của mình, đậu ở gara, máy vẫn mở và ông ấy đã suýt chết. Khi đó chúng tôi đang tìm cách tạo ra một kiểu xe cam nhông rồi, nhưng lúc đầu chúng tôi định dùng mônôxit

cacbon đóng trong chai, cái đó không hề tiện lợi chút nào trong hoàn cảnh phía Đông. Chính Gruppenführer, sau tai nạn của ông ấy, đã nghĩ đến việc sử dụng khí ga của chính xe cam nhông luôn. Một ý tưởng xuất sắc." Ông ta được thượng cấp của mình, tiến sĩ Heess, kể lại giai thoại, khi hai người ngồi trên tàu điện ngầm. "Giữa Wittemberg-Platz và Thiel-Platz, nếu nói một cách chính xác. Tôi đã bị ấn tượng rất mạnh."

Đã từ nhiều ngày nay, Blobel giục giã các Teilkommando ra khỏi Kiev để dọn dẹp các thành phố nhỏ. Péréiaslav, Iagotine, Koselets, Tchernigov, rất nhiều. Nhưng các Teilkommandoführer tuyệt vọng: sau một hành động, nếu quay lại rà soát một thành phố, họ sẽ vẫn tìm thấy người Do Thái; những kẻ đi trốn trở về sau khi họ đi khỏi. Họ phàn nàn rằng điều đó làm kết quả thống kê bị lộn xộn. Kommando, theo những con số Blobel thu thập được, đã thanh toán được năm mươi mốt nghìn người, *trong đó mười bốn nghìn không cần nhờ đến sự giúp đỡ từ bên ngoài* (nghĩa là không cần đến các tiểu đoàn Orpo của Jeckeln. Người ta thành lập một Vorkommando để tiến vào Kharkov và tôi phải đi cùng; giữa khoảng thời gian đó, vì tôi không còn gì để làm ở Kiev nữa (Ek 5 đã tiếp quản tất cả các công việc của chúng tôi), Blobel sai tôi đi thanh tra các Teilkommando. Những cơn mưa đã bắt đầu rơi và ngay khi vượt qua dòng sông Dniepr cuồn cuộn chảy, chúng tôi mắc kẹt trong bùn. Những chiếc cam nhông, những chiếc ôtô dính đầy một thứ bùn đen và dày, xen với những cọng rơm vì lính đã cướp những đống rơm bên vệ đường để làm đỡ lót đường cho xe đi, một cách vô ích. Tôi mất hai ngày mới đến được chỗ Häfner ở Péréiaslav, phần lớn thời gian bị quăng quật trên những chiếc xe gắn xích của Wehrmacht, và bắn đến tận mắt vì phải lội bì bõm trong bùn mà đẩy chiếc Admiral. Tôi qua đêm trong một ngôi làng nhỏ cùng vài sĩ quan thuộc một sư đoàn bộ binh đang từ Jitomir ra mặt trận, những con người kiệt sức, đang kinh hãi nhìn mùa đông đến và tự hỏi không biết mục tiêu cuối

cùng là gì. Tôi cẩn thận không nói gì với họ về dãy Oural; thậm chí giờ đây còn không thể đến được Kharkov. Họ phàn nàn về những tay lính mới, được đưa từ Đức sang để trám chỗ những người đã chết, nhưng được huấn luyện quá tồi và hơi một tí là sợ hãi, ít nhất là cũng mau sợ hãi hơn trước. Trang thiết bị hỏng hóc cả: những chiếc xe bò hiện đại của Đức, có bánh xe cao su và hệ thống quay bi, vỡ tung ra khi đi trên đường, họ thay thế chúng bằng các *panje* lấy của nông dân, những thứ gần như không thể phá hủy. Những con ngựa đẹp đẽ của Đức, Hungari hoặc Ailen mà người ta cưỡi khi bắt đầu chiến dịch lăn ra chết hàng loạt; chỉ những con ngựa poney nhỏ bé của Nga là còn sống, bọn chúng thì cái gì cũng ăn, chồi cây dương, rơm trên mái các isba; nhưng để có thể làm được các công việc chuyên chở nặng nhọc thì chúng lại quá nhẹ, và các đơn vị phải bỏ đi hàng tấn đạn dược và trang thiết bị. "Mỗi tối, người ta phải đánh nhau để chiếm được một chỗ có mái che hoặc một góc nào đó còn khô ráo một chút. Quần phục thì rách tơi tả, lúc nhúc chấy rận, không còn nhận được gì nữa, thậm chí gần như là không có cả bánh mì." Bản thân các sĩ quan cũng thiếu đủ thứ: không có dao cạo râu, xà phòng, kem đánh răng, không còn da thuộc để sửa giày bốt, không còn kim chỉ. Trời mưa rả rích suốt ngày đêm và tổn thất về người do bệnh tật – tiêu chảy, sốt vàng da, viêm phổi – nhiều hơn so với tổn thất trong chiến trận. Những người ốm phải đi bộ đến ba mươi lăm cây số một ngày, vì không có phương tiện chuyên chở và nếu để họ lại trong những ngôi làng, du kích sẽ đến giết họ. Giờ đây bọn du kích sinh sôi nảy nở nhanh như chấy rận; có vẻ như là bọn chúng có ở khắp mọi nơi, và các sĩ quan liên lạc hoặc lính giao liên đi lẻ mất tích trong các khu rừng. Tuy nhiên tôi cũng nhận thấy trong số lính tráng nhiều người Nga mặc quân phục Đức, với tấm băng trắng *Hilfswillige*. "Các Hiwi à? một sĩ quan đáp lời khi tôi nêu nhận xét. Không, chúng tôi không hoàn toàn có quyền làm việc đó đâu. Nhưng chúng tôi buộc phải sử dụng bọn họ, chúng tôi không có lựa chọn nào khác. Bọn họ là thường dân tình nguyện hoặc tù binh. Bọn họ làm tất cả mọi công việc liên quan

đến đỗ đạc, lái xe và cấp dưỡng; mọi việc được tiến hành không đến nỗi tệ hại lắm, họ quen với các điều kiện này hơn chúng tôi nhiều. Và rồi bộ tổng tham mưu không buồn quan tâm, họ nhắm mắt làm ngơ. Dù thế nào đi nữa thì hẳn là họ cũng đã quên mất chúng tôi rồi. Chúng tôi sắp đến được Poltava và thậm chí họ còn không cả biết chúng tôi là ai nữa cơ." – "Nhưng các anh không sợ bọn du kích sẽ lợi dụng chuyện đó để trà trộn và thông tin cho quân Đỏ về hoạt động của chúng ta à?" Anh ta nhún vai vẻ mệt mỏi và chán nản. "Nếu mà chúng thích làm như vậy... Dù thế nào đi nữa cũng có tên Nga nào trong bán kính một trăm cây số đâu. Cũng không có lấy một người Đức. Không ai cả. Mưa và bùn, chỉ vậy thôi." Người sĩ quan này có vẻ hoàn toàn mất ý chí; nhưng anh ta cũng chỉ cho tôi cách lau sạch bùn bẩn bám trên quần phục, điều đó rất có ích và tôi không muốn phản đối lời anh ta. "Đầu tiên anh phải đến gần chỗ bếp lò hơ cho bùn khô đi, rồi lấy một con dao mà cạo, thấy chưa nào, rồi sau đó đến lượt một cái bàn chải kim loại; chỉ sau đấy anh mới có thể giặt được quần phục. Đối với quần áo lót thì nhất thiết anh phải đun chúng trong nước sôi." Tôi tham dự công việc: thật là tởm lợm, bọn rận bở ra trong nước nóng thành từng đám dày đặc, béo phềnh. Tôi đã hiểu rõ hơn được cơn giận dữ của Häfner khi cuối cùng tôi cũng đến được Péréiaslav. Cùng với anh ta có ba Untersturmführer, Ott, Ries và Dammann, những người không làm được mấy việc bởi vì gần như họ không rời khỏi thành phố được vì đường sá hỏng hết cả. "Chúng ta phải có xe bọc thép! Häfner hét lên khi nhìn thấy tôi. Nếu không sắp sửa thậm chí chúng ta còn không quay lại nổi Kiev đâu. Đây, anh ta nói thêm trước khi lạnh lùng quay đầu đi, của anh đấy. Chúc mừng nhé." Đó là một bức điện của Blobel, xác nhận rằng tôi được thăng cấp; tôi cũng nhận được Huân chương Chiến đấu hạng nhì. Tôi đi theo Häfner đến ngôi trường nơi Teilkommando đang đóng và tìm một chỗ để đỗ đạc. Tất cả mọi người, lính tráng và sĩ quan, đều ngủ trong phòng tập thể dục; các phòng học được biến thành văn phòng. Tôi thay quần áo và quay lại chỗ Häfner, ông ta báo cho tôi về những sự điên rồ của

thuộc hạ của mình: "Anh có thấy ngôi làng Zolotonocha này không? Có vẻ như là có đến hơn bốn trăm tên Do Thái ở đó. Dammann đã ba lần thử đến đó, cả ba lần anh ta đều phải quay lại; chưa hết, lần cuối cùng, anh ta thậm chí còn suýt không quay lại được. Người ta trở nên xấu xa hết cả rồi." Tối đến, có món xúp và thứ *Kommissbrot* đen tồi tệ của Wehrmacht, và chúng tôi đi ngủ sớm. Tôi ngủ không ngon. Một trong số các Waffen-SS, nằm cách ổ rơm của tôi vài mét, nghiến răng kèn kẹt, một thứ âm thanh khủng khiếp làm thần kinh tôi căng lên; mỗi lần tôi thiếp đi được, anh ta lại đánh thức tôi dậy; tôi cảm thấy điên tiết. Tôi không phải là người duy nhất: nhiều người đến chỗ anh ta để la hét, tôi nghe thấy những cú đấm và nhìn thấy người ta đang đánh anh ta, nhưng không có kết quả gì cả, cái âm thanh kinh hoàng vẫn tiếp tục, hoặc chỉ dừng lại để tái diễn ngay sau đó. "Đêm nào cũng thế đấy, Ries nằm bên cạnh tôi càu nhàu. Tôi phát điên lên mất. Một ngày nào đó tôi sẽ bóp cổ hắn ta." Cuối cùng tôi cũng thiếp đi được và mơ thấy một giấc mơ kỳ lạ, in sâu vào trí nhớ. Tôi là một vị Chúa-cá mục khổng lồ và tôi ngự trị ở một thành phố đẹp đẽ bao quanh là các dòng nước chảy và những tảng đá trắng. Đặc biệt khu trung tâm chỉ hoàn toàn là nước, và những tòa nhà cao mọc lên xung quanh. Thành phố của tôi đầy những con người tôn kính tôi; và tôi đã nhường một phần quyền lực và uy danh của mình cho một người trong số họ, Người hầu của tôi. Nhưng một hôm tôi quyết định rằng mình muốn đuổi tất cả bọn người đó ra khỏi thành phố, ít nhất là trong một khoảng thời gian. Lệnh vừa ban ra, được Người hầu của tôi loan báo, thì ngay lập tức những đám người đã bắt đầu chạy trốn ra khỏi các cửa ô của thành phố, để đến chờ đợi trong những dãy nhà ổ chuột và lều trại dựng trên sa mạc bên ngoài tường thành. Nhưng bọn họ đi không đủ nhanh như tôi thích và tôi bắt đầu quẫy đạp dữ dội, dùng các xúc tu của mình đun sôi nước ở trung tâm, trước khi thu chúng lại và lao vào những dòng người hoảng loạn, quất roi và gầm lên bằng cái giọng khủng khiếp: "Ra ngoài! Ra ngoài! Ra ngoài!" Người hầu của tôi chạy điên loạn theo khắp các hướng, ra

lệnh, chỉ đường, hướng dẫn những kẻ chậm chạp, và theo cách đó thành phố đã không còn một bóng người. Nhưng trong các tòa nhà gần sát tường thành, và xa vùng nước nơi tôi đã xả vào toàn bộ cơn điên giận thánh thần nhất, nhiều nhóm người không để ý gì đến các mệnh lệnh. Đó là những kẻ nước ngoài, không thực sự có ý thức về sự tồn tại của tôi, về quyền lực của tôi ở cái thành phố này. Bọn chúng có nghe thấy lệnh sơ tán, nhưng thấy lệnh đó lố bịch và không thèm quan tâm. Người hầu của tôi phải đến gặp từng nhóm một, để thuyết phục họ đi một cách nhã nhặn: ví dụ cuộc họp của các sĩ quan Phần Lan, những người phản đối bởi vì họ đã thuê khách sạn và phòng họp và đã trả tiền trước, và sẽ không đi một cách đơn giản như vậy. Với những kẻ đó, Người hầu của tôi phải khôn khéo lừa bịp, nói với bọn họ chẳng hạn rằng đang có lệnh báo động, một mối nguy hiểm nghiêm trọng từ bên ngoài, và rằng bọn họ phải đi khỏi để đảm bảo an toàn cho chính mình. Tôi thấy điều này là vô cùng nhục nhã, bởi vì lý do thực thụ là Ý muốn của tôi, bọn chúng phải đi bởi vì tôi muốn điều đó, chứ không phải bởi vì người ta đang đùa với bọn chúng. Cơn điên giận của tôi tăng lên, tôi quẫy đạp, tôi gầm rống, tuôn ra những đợt sóng khổng lồ ào lên khắp thành phố. Khi tôi tỉnh dậy trời vẫn tiếp tục mưa rả rích bên ngoài ô kính cửa sổ. Bữa sáng, người ta phục vụ chúng tôi *Kommissbrot*, macgarin vùng Ruhr, khá ngon lành, mật ong tổng hợp làm từ nhựa thông, và loại trà thế phẩm kinh tởm Schlüter, mà hai gói giống hệt nhau không bao giờ chứa cùng các thành phần. Mọi người ăn trong im lặng. Ries, vẻ u ám, chỉ cho tôi một người lính trẻ tuổi đang cúi đầu xuống cốc trà của mình: "Hắn đấy." – "Hắn nào?" Ries làm động tác nghiến răng hàm. Tôi nhìn lại một lần nữa: đó gần như là một thiếu niên, anh ta có một khuôn mặt trống rỗng, lấm tấm mụn, và đôi mắt lọt thôm vào hai cái quầng to tướng. Các bạn đồng ngũ đối xử tàn tệ với anh ta, vừa chửi rủa vừa bắt anh ta làm đủ công việc nặng nhọc, bợp tai anh ta nếu làm không kịp. Anh chàng không nói năng gì. "Tất cả mọi người ở đây đều mơ đến chuyện hắn sẽ bị bọn du kích giết, Ries nói với tôi. Chúng tôi đã thử mọi cách, tất cả, thậm chí đã nhét giẻ

vào mồm hắn. Nhưng chả được tích sự gì."

Häfner là một người hung dữ nhưng làm việc rất có phương pháp. Anh ta giải thích kế hoạch hành động của mình trước một tấm bản đồ, và viết cho tôi một danh sách tất cả những gì còn thiếu, để tôi có thể tiến hành tìm kiếm có trọng tâm. Tôi sẽ phải thanh tra tất cả các Teilkommando; rõ ràng việc đó là không thể, và tôi buộc phải ở lại Péréiaslav vài ngày để chờ đợi các sự kiện diễn ra. Dù thế nào đi nữa, Vorkommando đã ở Poltava cùng với Blobel: nhìn vào hiện trạng đường sá, tôi không thể hy vọng đến được chỗ họ trước khi Kharkov thất thủ. Häfner tỏ ra bi quan: "Vùng này nhung nhúc bọn du kích. Wehrmacht đi càn suốt nhưng kết quả không mấy khả quan. Họ muốn chúng ta làm mạnh hơn. Nhưng tất cả đều kiệt sức rồi. Anh đã thấy cái thứ cứt đái mà chúng ta phải tọng vào mồm rồi đấy." – "Chuyện bình thường của quân đội mà. Và họ thì phải chịu đựng gian khổ nhiều hơn chúng ta." – "Về mặt thể chất thì đúng, hẳn nhiên rồi. Nhưng người của chúng ta kiệt lực về mặt tinh thần cơ." Häfner có lý và tôi sẽ sớm có thể tự đánh giá được điều đó. Ott đi cùng một nhóm hai mươi người để lục soát một ngôi làng không xa lắm, nơi tin báo cho biết có du kích; tôi quyết định đi cùng ông ta. Chúng tôi khởi hành lúc mờ sáng, với một chiếc cam nhông và một *Kübelwagen*, loại xe đi được tất cả các địa hình, được sư đoàn đóng ở Péréiaslav cho mượn. Mưa vẫn rơi, nặng hạt, không dứt, chúng tôi ướt lướt thướt trước cả khi lên đường. Mùi len ẩm ngập tràn trong xe. Harpe, lái xe của Ott, khéo léo tránh khỏi những ổ gà tệ hại nhất; đều đặn, hai bánh sau trật ra vì cán phải đất sét, thỉnh thoảng anh ta xử lý được để xe khỏi bị trượt bánh, nhưng thường thì chiếc xe nghiêng hẳn sang một bên và khi đó thì phải xuống để dựng nó lại; chúng tôi phải lội xuống bùn nhão ngập đến mắt cá chân, thậm chí một số người còn không rút được bốt lên. Tất cả đều chửi rủa, la hét, tức tối. Ott đã cho chất lên xe những thanh xà để kê dưới lốp thụt xuống bùn; thỉnh thoảng thì cũng thành công; nhưng chỉ cần xe hơi nghiêng ngả một chút là một cái bánh giữa, không có chỗ dựa, quay tít mù, làm bắn lên

từng tảng bùn lỏng. Rất nhanh chóng, áo capôt, và cái quần ngắn của tôi hoàn toàn lấm bùn. Một số người bị bùn bắn lên đầy mặt, chỉ còn có thể nhìn thấy đôi mắt lồi ra vì tức giận; khi xe đã thoát được khỏi bùn, họ vội vã rửa tay và mặt trong một vũng nước và trèo lên. Ngôi làng nằm cách Péréiaslav bảy cây số; chúng tôi mất ba tiếng đồng hồ để đi qua chặng đường đó. Khi đến nơi, Ott sai một nhóm đứng chặn hậu ở phía sau những ngôi nhà cuối cùng trong khi ông ta rải những người khác sang hai bên đường chính. Các isba khốn khổ nằm giăng hàng ngang dưới làn mưa, mái rơm tong tỏng chảy nước vào những khu vườn nhỏ ngập ngụa; vài con gà ướt lướt thướt kêu quang quác đây đó, không một bóng người. Ott sai một hạ sĩ quan và tay *Dolmetscher* đi tìm trưởng làng. Họ quay về sau khoảng mười phút, đi cùng là một lão già nhỏ bé người bọc trong một cái áo khoác da cừu và đội một cái mũ bonnê da thỏ tã tượi. Ott đứng luôn dưới màn mưa nặng hạt tra hỏi ông ta; lão già than vãn, chối là không có du kích nào cả. Ott nổi giận. "Lão ta nói là ở đây chỉ có người già và đàn bà, *Dolmetscher* dịch lại. Tất cả đàn ông đều đã chết hoặc đi rồi." – "Nói với lão ta rằng nếu tìm được cái gì đó thì chúng ta sẽ treo cổ lão đầu tiên!" Ott hét lên. Rồi ông ta sai người của mình đi lục soát những ngôi nhà. "Kiểm tra nền nhà ấy! Chúng hay đào hầm ngầm lắm." Tôi đi theo một nhóm. Bùn ngập đầy cả con đường nhỏ duy nhất của ngôi làng, giống như trên đường cái; chúng tôi vào các isba cùng với từng tảng bùn dưới đế giày, phải đi chúng xuống mọi nơi. Quả thực trong các ngôi nhà chúng tôi chỉ tìm được những ông già, đàn bà bần thỉu, bọn trẻ con đầy chấy rận nằm ngủ trên những cái bếp lò khổng lồ đắp bằng đất nung quét vôi mặt ngoài. Không có gì nhiều nhặn để mà lục soát: mặt sàn làm bằng đất nện, không có ván lát; gần như không có đồ đạc, và cũng không có kho chứa đồ, mái nhà đặt thẳng lên những bức tường. Khắp nơi bốc mùi bần thỉu, mùi lưu cữu, mùi nước đái. Sau những ngôi nhà chạy thành hàng ở bên trái con đường nhỏ là một khu rừng bạch dương nhỏ, hơi dốc lên. Tôi đi qua giữa hai isba và dò xét bìa khu rừng. Nước rơi xuống đám cành lá, làm phồng những

chiếc lá khô thối ken đầy mặt đất; taluy trơn tuột, rất khó trèo lên. Khu rừng có vẻ không có người nhưng dưới trời mưa thì không thể nhìn xa được. Một đống cành cây lay động một cách kỳ cục khiến tôi chú ý: trên những cái lá màu nâu nhạt lúc nhúc hàng trăm con bọ cánh cứng màu đen nhỏ bé; bên dưới có xác người đang phân rã, vẫn còn dính những mẩu quần phục màu nâu. Tôi định đẩy lại vì kinh tởm lũ côn trùng, nhưng chúng không ngừng tuôn chảy ra, chạy tứ tung khắp mọi nơi. Tức tối, tôi giơ chân đá vào đống lá. Một cái sọ người rời ra và lăn xuống cuối dốc taluy, nhúng cả đám bọ xuống bùn. Tôi đi xuống theo. Cái sọ nằm dựa vào một hòn đá, rất sạch sẽ, đã được chùi rửa, hai hốc mắt trống rỗng lúc nhúc lũ bọ, cặp môi đã bị gặm nhấm hết để lộ những cái răng vàng đã được nước mưa gột rửa: và quai hàm mở ra, nhìn thấy được những phần thịt trong miệng vẫn còn nguyên, một cái lưỡi lớn như thể đang vẫy vẫy, màu hồng, bẩn thỉu. Tôi quay lại gặp Ott, giờ đây đang ở trung tâm ngôi làng cùng với lão trưởng làng và tay *Dolmetscher*. "Hỏi lão ta xem mấy cái xác trong rừng từ đâu đến đi," tôi nói với tay *Dolmetscher*. Chapka của lão già rỉ nước xuống bộ râu, lão ta thì thầm, răng đã rụng gần hết. "Đó là lính của Hồng quân. Họ đã đánh nhau trong rừng hồi tháng trước. Nhiều người lính đã bị giết. Người làng đã chôn những người mà họ tìm thấy, nhưng họ đã không tìm khắp nơi." – "Thế còn vũ khí của chúng đâu?" *Dolmetscher* dịch ra. "Họ đã nộp cho người Đức rồi, ông ta nói thế." Một Scharführer tiến lại gần và chào Ott. "Herr Untersturmführer, ở đây không có gì cả." Ott rất tức tối. "Tìm tiếp đi! Tôi chắc chắn là chúng có giấu cái gì đó." Những người lính khác và các Orpo quay trở lại. "Herr Untersturmführer, chúng tôi đã xem cả rồi, không có gì." – "Tìm đi, tôi đã nói rồi!" Đúng lúc đó chúng tôi nghe thấy một tiếng hét lanh lảnh cách đó không xa. Một bóng người nhìn không rõ đang chạy trên phố. "Ở đó!" Ott hét. Viên Scharführer nâng súng lên và bắn qua màn mưa. Cái bóng ngã sấp xuống bùn. Mọi người dàn hàng ngang tiến lên. "Đồ ngu, đó là một người đàn bà," một giọng nói cất lên. – "Mày bảo ai là đồ ngu đấy?" viên Scharführer

gầm lên. Một người lật cái xác lên: đó là một nữ nông dân còn trẻ, với một chiếc khăn sặc sỡ quấn trên đầu, và có chửa. "Cô ta chỉ sợ thôi mà, một người nói. Không cần thiết phải bắn như thế." – "Cô ta chưa chết đâu," người cúi xuống xem xét cô gái nói. Y tá của đơn vị tiến lại gần: "Mang cô ta vào nhà đi." Nhiều người nâng cô ta lên; đầu cô ta ngật về phía sau, chiếc váy lấm bùn dính chặt vào cái bụng khổng lồ, mưa rơi như trút lên người cô ta. Họ mang cô ta vào nhà và đặt lên một cái bàn. Một bà già khóc nức nở trong góc nhà, ngoài ra cả isba vắng tanh. Cô gái nấc lên. Viên y tá xé váy của cô ta để xem xét. "Coi như là cô ta xong rồi. Nhưng đã đến cữ đẻ, vẫn có thể cứu đứa bé, nếu may mắn." Anh ta bắt đầu chỉ dẫn hai người lính đứng đó. "Đun nước đi." Tôi ra khỏi nhà dưới cơn mưa và đến chỗ Ott, giờ đã quay lại gần mấy cái xe. "Có chuyện gì thế?" – "Cô gái sẽ chết. Y tá của ông đang thử làm bà đỡ." – "Bà đỡ?! Hắn điên mất rồi!" Ông ta quay ngược trở lại trên phố, lội bì bõm trong bùn để đến chỗ ngôi nhà. Tôi đi theo ông ta. Ông ta lao vào: "Cái quái quỷ gì thế này, Greve?" Viên y tá cầm trên tay một khối nhỏ đầy máu, quấn trong một cái khăn trải giường, và đang tìm cách buộc dây nhau lại. Cô gái, đã chết, nằm đó, hai mắt mở to trên bàn, trần truồng, người đầy máu, bụng bị rạch từ rốn xuống đến bộ phận sinh dục. "Thành công rồi, Herr Untersturmführer, Greve nói. Nó sẽ sống. Nhưng phải tìm được một vú nuôi." – "Anh điên mất rồi! Ott hét lên. Đưa nó đây cho tôi!" – "Tại sao?" – "Đưa nó đây cho tôi!" Mặt Ott xanh nhợt đi và người ông ta run bắn Ông ta giật đứa bé sơ sinh khỏi tay Greve và, tóm lấy hai chân xách ngược nó lên, đập đầu nó vào một góc lò sưởi nát bét. Rồi ông ta ném nó xuống đất. Greve tức sùi bọt mép: "Tại sao ông lại làm thế?!" Ott cũng hét lên: "Lẽ ra anh phải để nó chết trong bụng mẹ nó chứ, sao mà ngu thế! Lẽ ra anh phải để cho nó yên! Tại sao anh lại lôi nó ra? Nó đã chưa đủ khổ hay sao?" Ông ta quay ngoắt người bỏ đi. Greve nức nở: "Lẽ ra ông không nên làm thế, lẽ ra ông không nên làm thế." Tôi đi theo Ott đang lao đi trong bùn và mưa phía trước viên Scharführer và vài người nữa. "Ott..." tôi gọi. Phía sau tôi vang

lên một tiếng gọi: "Untersturmführer!" Tôi quay đầu lại: Greve, hai tay vẫn đỏ rực máu, bước từ isba ra với khẩu súng trường đã giương lên. Tôi bước lùi lại và anh ta tiến thẳng về phía Ott. "Untersturmführer!" Ott quay lại, nhìn thấy khẩu súng và lại hét lên: "Cái gì đấy, thằng đần kia, mày còn muốn gì nữa? Mày muốn bắn phải không, thế thì bắn đi!" Viên Scharführer cũng gào lên: "Greve, lạy Chúa, bỏ súng xuống!" – "Lẽ ra ông không nên làm thế," Greve hét và tiếp tục đi về phía Ott. – "Thế thì bắn đi, đồ ngu, bắn đi!" – "Greve, ngừng lại ngay lập tức!" viên Scharführer gầm lên. Greve bắn; Ott, bị trúng đạn vào đầu, bay người ra phía sau và đổ ập xuống một cái vũng làm nước bắn tung tóe. Greve vẫn giữ nguyên khẩu súng ở cùng tư thế; tất cả mọi người im phăng phắc. Chỉ còn nghe thấy tiếng nước mưa rơi xuống những cái vũng, xuống bùn, xuống mũ của những người lính, xuống mái rơm các ngôi nhà. Greve run lên như một chiếc lá, khẩu súng vẫn tì lên vai. "Lẽ ra ông ta không nên làm thế," anh ta ngu ngốc nhắc đi nhắc lại. – "Greve," tôi nhẹ nhàng nói. Vẻ ngơ ngác, Greve chĩa súng về phía tôi. Tôi đang thật chậm hai tay ra, không nói năng gì. Greve lại chĩa súng về phía viên Scharführer. Hai người trong đội cũng chĩa súng vào Greve. Greve vẫn nhằm vào viên Scharführer. Những người kia có thể bắn hạ anh ta nhưng hẳn là anh ta cũng sẽ giết chết viên Scharführer. "Greve, viên Scharführer bình tĩnh nói, thực sự là anh đã làm một việc rất ngu xuẩn. Ott là một kẻ rác rưởi, đồng ý. Nhưng giờ thì anh thực sự rơi vào đống cứt rồi." – "Greve, tôi nói. Bỏ súng xuống đi. Nếu không chúng tôi sẽ buộc phải giết anh. Nếu anh đầu hàng tôi sẽ làm chứng có lợi cho anh." – "Dù thế nào đi nữa thì tôi cũng đã toi rồi," Greve nói. Anh ta vẫn nhằm vào viên Scharführer. "Nếu các anh bắn tôi sẽ không chết một mình." Anh ta lại chĩa súng sang phía tôi, gần ngay sát. Nước rỏ tong tỏng từ nòng súng, ngay trước mắt tôi, trên mặt tôi nước mưa cũng đang chảy. "Herr Hauptsturmführer! viên Scharführer gọi. Ông có đồng ý để tôi giải quyết việc này theo cách của tôi không? Để tránh có thêm những tổn thất khác nữa." Tôi gật đầu ra hiệu đồng ý. Viên

Scharführer quay về phía Greve. "Greve. Tôi cho anh chạy trước năm phút. Sau đó chúng tôi sẽ đi tìm anh." Greve do dự. Rồi anh ta hạ súng xuống và chạy về phía khu rừng. Chúng tôi chờ đợi. Tôi nhìn Ott. Đầu ông ta ngập trong nước, chỉ có mặt nổi lên, với một cái lỗ màu đen giữa trán. Máu tạo thành những khoảng đen nhạt trong nước đục lờ. Mưa đã rửa sạch mặt cho ông ta, rỏ nước xuống đôi mắt mở to đầy kinh ngạc, chầm chậm đổ đầy nước vào miệng ông ta, rồi tràn ra theo hai khóe môi. "Andersen, viên Scharführer nói. Dẫn theo ba người đi tìm anh ta." – "Chúng ta sẽ không tìm được anh ta đâu, Herr Scharführer." – "Tìm đi." Anh ta quay sang tôi: "Ông có phản đối gì không, Herr Hauptsturmführer?" Tôi lắc đầu: "Không." Những người khác đến chỗ chúng tôi. Bốn người trong số họ đi về phía khu rừng, súng tì sẵn trên vai. Bốn người nắm áo capốt để lôi xác Ott về xe cam nhông. Tôi cùng viên Scharführer đi theo họ. Họ dựa cái xác vào thành xe; viên Scharführer sai người đi tập hợp quân. Tôi muốn hút thuốc nhưng không thể được, ngay cả khi đã trùm áo capốt lên che. Từng nhóm người quay trở lại xe. Chúng tôi đợi những người mà viên Scharführer đã sai đi tìm Greve quay lại, tai dỏng lên chờ nghe tiếng súng. Tôi nhận ra rằng lão trưởng làng đã thận trọng biến mất, nhưng không nói gì. Cuối cùng Andersen và những người khác cũng xuất hiện, những bóng người màu xám hiện lên trong màn mưa. "Chúng tôi đã tìm kiếm trong rừng rồi, Herr Scharführer. Nhưng không tìm được gì. Chắc là hắn đã trốn rồi." – "Thôi được rồi. Lên xe đi." Viên Scharführer nhìn tôi: "Dù sao thì bọn du kích cũng sẽ xử lý hắn, thằng khốn đó." – "Tôi đã nói với anh rồi, Scharführer, tôi không hề phản đối quyết định của anh. Anh đã tránh được các khả năng đổ máu mới, cái đó thì tôi khen ngợi anh." – "Cám ơn, Herr Hauptsturmführer." Chúng tôi quay lại con đường, mang theo cái xác của Ott. Đường về Pèréiaslav còn làm chúng tôi mất nhiều thời gian hơn cả lúc đi. Khi về đến nơi, còn chưa kịp thay quần áo, tôi đã đến báo cáo về sự cố với Häfner. Anh ta suy nghĩ một lúc lâu. "Anh có nghĩ là hắn sẽ gia nhập bọn du kích không?" cuối cùng anh ta hỏi. – "Tôi nghĩ

rằng nếu ở đó có bọn du kích và nếu chúng tìm được hắn, thì chúng sẽ giết hắn. Nếu không thì dù sao đi nữa hắn cũng sẽ không qua được mùa đông đâu." – "Thế nếu hắn tìm cách sống ở làng?" – "Bọn họ sợ hãi lắm, sẽ tố giác hắn thôi. Hoặc cho chúng ta, hoặc cho bọn du kích." – "Tốt." Anh ta vẫn tiếp tục suy nghĩ. "Tôi sẽ tuyên bố là hắn đào ngũ, có vũ khí và nguy hiểm, được rồi." Anh ta ngừng lại một lúc. "Khổ thân Ott. Đó là một sĩ quan giỏi." – "Nếu anh muốn nghe ý kiến của tôi, tôi nói cộc lốc, lẽ ra chúng ta đã phải để anh ta đi nghỉ từ lâu rồi. Làm vậy có thể sẽ tránh được câu chuyện vừa rồi." – "Dĩ nhiên là anh có lý." Một vũng nước lớn tràn ra dưới ghế của tôi. Häfner chìa cổ ra làm nhỏ hắn cái cằm vuông của anh ta. "Kinh tởm thật đấy. Anh có muốn viết báo cáo cho Standartenführer không?" – "Không, dù sao thì đây cũng là Kommando của anh. Rồi tôi sẽ ký tên làm nhân chứng. Anh cũng sao cho tôi mấy bản, cho Amt III nhé." – "Được rồi." Cuối cùng tôi cũng có thể đi thay quần áo và hút một điếu thuốc. Bên ngoài, mưa vẫn rơi, có thể tin rằng nó sẽ không bao giờ ngừng.

Tôi lại ngủ không ngon giấc; ở Pêréiaslav có vẻ như là không thể làm khác được. Người ta cáu nhàu, ngáy rõ to; ngay khi thiếp đi được, những tiếng nghiến răng của tay Waffen-SS lại cắt đứt giấc ngủ của tôi và đột ngột kéo tôi ra khỏi đó. Trong cơn mộng mị bé bết ấy, khuôn mặt của Ott trong vũng nước và cái sọ của tay lính người Nga lẫn lộn vào với nhau: Ott, nằm trong vũng nước, mở thật to cái miệng và thè lưỡi ra với tôi, một cái lưỡi dày cộp và tươi rói, như thể đang mời gọi tôi hôn vào đó. Tôi vụt tỉnh dậy, sợ hãi, mệt mỏi. Bữa sáng, tôi lại ho, rồi đến những cơn quặn ruột dữ dội; tôi chui vào một góc hành lang vắng người, nhưng không nôn được. Khi quay lại phòng ăn, Häfner đang đợi sẵn tôi với một bức điện: "Kharkov vừa thất thủ, Herr Hauptsturmführer. Standartenführer đợi anh ở Poltava." – "Ở Poltava?" Tôi chỉ tay về phía những cái cửa sổ ướt nước. "Ông ấy quá lời rồi. Làm sao mà ông ấy có thể nghĩ rằng tôi sẽ đến được nơi?" – "Vẫn còn tàu chạy

từ Kiev đến Poltava đấy. Chừng nào bọn du kích chưa đánh phá đường ray. Có một đoàn xe của *Rollbahn* sẽ khởi hành đi Iagotine; tôi đã gọi điện cho sư đoàn, họ rất sẵn lòng chở anh theo. Iagotine nằm trên đường và từ đó anh có thể tự xoay xở để tìm được một chuyến tàu." Häfner quả thực là một sĩ quan vô cùng hiệu quả. "Được rồi, để tôi đi nói với lái xe của tôi." – "Không, lái xe của anh sẽ ở lại đây. Xe Admiral sẽ không bao giờ đi được đến Iagotine. Anh sẽ theo đoàn xe cam nhông của *Rollbahn*. Tôi sẽ gửi lái xe cùng với xe đến Kiev khi nào có thể." – "Được rồi." – "Đoàn xe khởi hành vào trưa nay. Tôi sẽ đưa anh cầm theo giấy tờ khẩn cho Standartenführer, trong đó có cả báo cáo về cái chết của Ott." – "Được rồi." Tôi đi thu xếp đồ đạc. Rồi tôi ngồi xuống một cái bàn và viết một bức thư gửi Thomas, miêu tả không chút vòng vèo sự cố ngày hôm qua: *Cậu sẽ nói chuyện đó với Brigadeführer, vì tớ biết rằng Blobel sẽ không làm gì đâu, trừ việc mũ ni che tai. Cần phải rút ra từ đó các kết luận, nếu không chuyện đó có khả năng sẽ còn lặp lại.* Viết xong thư, tôi cho nó vào trong một cái phong bì, dán lại và để sang bên cạnh. Rồi tôi đi tìm Ries. "Nói cho tôi đi, Ries, tay *Kindersoldat* bé nhỏ của anh, cái tay nghiến răng ấy. Anh ta tên là gì?" – "Anh muốn nói đến Hanika phải không? Franz Hanika. Tay mà tôi đã chỉ cho anh à?" – "Đúng, anh ta ấy. Anh có thể giao anh ta cho tôi không?" Anh ta nhướng lông mày, vẻ kinh ngạc. "Giao anh ta cho anh? Để làm gì?" – "Tôi để lái xe của tôi ở lại đây; tôi đã để người cần vụ lại Kiev, tôi cần có một người khác. Và rồi ở Kharkov sẽ có cách để cho anh ta ngủ riêng, như thế anh ta sẽ không còn làm phiền ai được nữa." Ries có vẻ vui mừng: "Nghe này, Herr Hauptsturmführer, nếu anh thực sự nghiêm túc... Về phần tôi thì sẵn sàng thôi. Tôi sẽ hỏi ý kiến Obersturmführer; tôi nghĩ rằng ông ấy sẽ không có gì để phản đối cả." – "Tốt. Còn tôi sẽ đến báo tin cho tay Hanika đó." Tôi tìm thấy anh ta trong nhà ăn, đang cọ nồi. "Hanika!" Anh ta đứng nghiêm chào và tôi nhìn thấy trên gò má anh ta có một vết bầm. "Vâng?" – "Tôi sắp đi Poltava, rồi Kharkov. Tôi cần một cần vụ. Anh muốn đi không?" Khuôn mặt buồn thảm của anh ta sáng

bừng lên: "Với ông à?" – "Phải. Công việc của anh sẽ không thay đổi nhiều lắm nhưng ít nhất thì anh cũng sẽ không bị người khác đè đầu cưỡi cổ nữa." Anh ta có dáng vẻ mừng rỡ, một đứa trẻ được nhận một món quà không ngờ. "Chuẩn bị đồ đạc đi," tôi nói với anh ta.

Chuyến đi bằng xe cam nhông đến Iagotine với tôi là một quãng trừ tình ngoại đề dài, một cơn buồn thảm bất tận. Mọi người phải ra ngoài đẩy xe nhiều thời gian hơn là ngồi trong xe. Nhưng dù cho bùn đất kinh khủng đến đâu, ý nghĩ về những gì sẽ xảy đến còn làm người ta hoảng sợ hơn thế nhiều. "Chúng ta không có gì hết cả, Herr Hauptsturmführer, ông cũng hiểu đấy, không gì hết cả, một Feldwebel giải thích với tôi. Không có quần áo lót ấm, không có áo pull-over, không có áo lông, không có chất chống tuyết, không gì hết. Còn bọn Đô thì đã sẵn sàng cho mùa đông rồi." – "Chúng cũng chỉ là người như bọn ta thôi. Cả chúng cũng sẽ bị lạnh." – "Không phải vậy, lạnh thì vẫn chống được. Cần có trang thiết bị, mà cái đó thì chúng sẽ có. Và ngay cả khi không có chúng cũng sẽ tự xoay xở được. Cả đời chúng đã quen làm vậy rồi." Ông ta kể cho tôi một ví dụ đáng kinh ngạc mà một Hiwi của ông ta đã kể lại: trong hàng ngũ quân Đỏ, người ta được phát bốt lớn hơn cỡ chân của mình hai số. "Chân sẽ sưng lên khi gặp giá lạnh, và rồi làm vậy khiến cho vẫn còn chỗ để nhét rơm và giấy báo vào. Còn chúng ta thì đi giày vừa khít. Một nửa số người của chúng ta sẽ đến *Revier* với những ngón chân bị cắt cụt."

Đến Iagotine, tôi bẩn thỉu đến nỗi viên hạ sĩ quan phụ trách nhà ga không nhận ra cấp bậc của tôi và đón tiếp bằng một tràng chửi rủa vì tôi lôi theo bùn đất vào phòng chờ của anh ta. Tôi đặt hành lý của mình xuống một cái ghế băng và đáp trả đầy cứng rắn: "Tôi là sĩ quan và anh không được phép nói với tôi như vậy." Tôi ra ngoài, đi đến chỗ Hanika, anh ta giúp tôi rửa ráy một chút ở chỗ một cái vòi nước bơm tay. Viên hạ sĩ quan xin lỗi rối rít khi nhìn thấy lon sĩ quan, vẫn còn mang cấp bậc Obersturmführer; anh ta mời tôi đi tắm và ăn tối. Tôi đưa cho anh ta lá thư gửi Thomas, sẽ được đưa đi cùng với chuyến tàu chở thư. Anh ta để

tôi ở trong một căn phòng nhỏ dành cho sĩ quan; Hanika ngủ trên một cái ghế băng ở phòng chờ, cùng những người được nghỉ phép đang đợi chuyến tàu đi Kiev. Viên trưởng ga đánh thức tôi vào giữa đêm: "Hai mươi phút nữa sẽ có một chuyến. Đi thôi." Tôi vội mặc quần áo và đi ra ngoài. Mưa đã ngừng rơi nhưng tất cả vẫn còn rỏ nước tong tỏng, đường ray sáng bóng lên dưới những ngọn đèn buồn bã của nhà ga. Hanika đến chỗ tôi cùng đống đồ đạc. Rồi tàu đến, phanh kèn kẹt mất một lúc lâu, giật lên từng cơn, trước khi dừng hẳn lại. Cũng giống như tất cả các chuyến tàu tiến đến gần mặt trận, nó rất vắng, có thể thoải mái chọn khoang nằm. Tôi nằm lại xuống và ngủ tiếp. Hanika có nghiến răng thì tôi cũng không thể nghe thấy.

Khi tỉnh dậy chúng tôi còn chưa đi được quá Lubny. Tàu dừng lại liên tục vì có báo động, hoặc để nhường đường cho các đoàn xe ưu tiên. Gần nhà vệ sinh, tôi làm quen với một Thiếu tá bên Luftwaffe, vừa nghỉ phép quay trở lại phi đội của mình ở Poltava. Anh ta đã rời nước Đức được năm ngày. Anh ta nói với tôi về tinh thần dân thường của Reich, những người vẫn giữ vững được lòng tin mặc dù chiến thắng mãi vẫn chưa đến, và rất thân ái mời chúng tôi một ít bánh mì và xúc xích. Ở các ga thỉnh thoảng chúng tôi cũng tìm được chút gì đó để nhấm nháp. Con tàu có thời gian riêng của nó, tôi không cảm thấy phải sốt ruột. Tại chỗ dừng tôi ngắm nhìn thật lâu sự buồn thảm của các nhà ga của Nga. Trang thiết bị mới lắp đã có vẻ rệu rã; cây phúc bồn tử và cỏ dại mọc đầy đường ray; đây đó, ngay cả vào mùa này, người ta có thể nhìn thấy màu sắc chói lên của một bông hoa bướng bỉnh, nằm lẫn vào giữa đám sỏi đầm đầu màu đen. Những con bò cái đùng đình đi ngang qua có vẻ như lần nào cũng giật mình khi tiếng còi chói tai của một đoàn tàu vang lên khuấy động sự trầm tư của chúng. Một thứ bùn và bụi màu xám bẩn bao trùm lên tất cả. Trên những con đường chạy dọc theo đường ray, một thằng bé bẩn thỉu đẩy một cái xe đạp vá víu, hoặc một bà nông dân già chạy quàng quàng về phía ga tìm cách bán được mấy thứ rau mốc thếch. Tôi đắm chìm vào những nhánh rẽ không điểm

dừng của hệ thống đường sắt, các điểm bẻ ghi do những kẻ thô lậu và say rượu canh giữ. Ở các ga lớn, có thể nhìn thấy những dòng bất tận toa tàu bẩn thỉu, cáu lại, lấm đầy bùn, chở lúa mì, than, sắt, dầu, gia súc, tất cả những thứ tài sản của đất nước Ukraine bị chiếm đóng bị vơ vét để đưa sang Đức, tất cả những gì mà người ta cần đến, chuyển từ nơi này sang nơi khác theo một bản đồ giao thông kỳ vĩ và bí ẩn. Có phải chính là vì những thứ đó mà người ta tiến hành chiến tranh, để rồi bao nhiêu người phải mất mạng không? Thế nhưng ngay cả trong cuộc sống thường ngày người ta đã như vậy rồi. Ở đâu đó, một người mất đi sự tồn tại, nằm dưới lớp bụi than, dưới sâu những hầm mỏ; ở nơi khác, xa xôi hơn, một người khác đang nghỉ ngơi ấm áp, choàng áo vải paca, ngồi thoải mái trên một cái ghế phôtơi đọc sách, không bao giờ nghĩ đến việc cái ghế này, quyển sách này, cái áo này, sự ấm áp này đến từ đâu và như thế nào. Chủ nghĩa quốc xã đã muốn làm sao cho trong tương lai mỗi người Đức đều có thể có được cái phần khiêm tốn của mình trong số những điều tốt đẹp của cuộc sống; thế nhưng, trong phạm vi Reich, điều đó là không thể; những thứ đó, giờ đây, chúng tôi đi lấy của những người khác. Điều đó có đúng đắn không? Chừng nào mà chúng tôi còn có sức mạnh và quyền lực thì đúng vậy, bởi trong những gì liên quan đến công lý, không có cấp xét xử tuyệt đối, và mỗi dân tộc tự định nghĩa cho mình chân lý và công lý riêng. Nhưng nếu nhỡ ra sức mạnh của chúng tôi suy yếu, nếu quyền lực của chúng tôi yếu đi, khi đó chúng tôi sẽ phải chịu đựng công lý của những người khác, dù cho nó có kinh khủng đến đâu đi chăng nữa. Và cả cái đó cũng là đúng đắn.

Ở Poltava, Blobel sai tôi đi diệt rận ngay khi ông ta nhìn thấy tôi. Rồi ông ta thông báo tình hình cho tôi. "Vorkommando đã có thể tiến vào Kharkov ngày 24, cùng với quân đoàn số LV. Họ đã dựng một văn phòng rồi." Nhưng Callsen thiếu rất nhiều người và đòi chi viện gấp. Tuy vậy, vào lúc này, những con đường đã bị mưa và bùn chặn lại. Tàu không đi được xa hơn vì đường ray phải được sửa sang và mở rộng, và cả cái đó cũng chỉ

có thể thực hiện được khi nào việc đi lại là có thể. "Ngay khi trời đóng giá anh sẽ đến Kharkov cùng vài sĩ quan khác và với lính tráng; Kommandostab sẽ đến gặp anh sau đó một chút. Toàn Kommando sẽ đóng hành dinh mùa đông ở Kharkov."

Hanika nhanh chóng tỏ ra là một cận vụ giỏi hơn rất nhiều so với Popp. Sáng nào tôi cũng thấy bốt của mình được đánh xi và một bộ quân phục sạch sẽ, khô ráo và được là cẩn thận; bữa sáng, anh ta thường xuyên làm được điều gì đó để cải thiện đồ ăn thường nhật. Anh ta còn rất trẻ; anh ta được chuyển từ bên Hitlerjugend sang Waffen-SS, và từ đó được sung vào Sonderkommando; nhưng anh ta không thiếu các phẩm chất tốt đẹp. Tôi dạy anh ta cách sắp xếp tài liệu, để anh ta có thể dọn dẹp hộ tôi hoặc tìm giấy tờ cho tôi. Ries đã bỏ mất một viên ngọc quý: cậu bé rất dễ mến, tận tụy, chỉ cần biết cách thu phục anh ta. Đêm đến, chỉ thiếu điều là anh ta nằm ngủ ngay ở ngưỡng của phòng tôi, như một con chó hoặc một tên gia nhân trong tiểu thuyết Nga. Được nuôi ăn tốt hơn, được nghỉ ngơi, khuôn mặt anh ta tròn lại, quả thực đó là một chàng trai đẹp đẽ mặc dù đống mụn tuổi dậy thì của mình.

Về phần mình, Blobel ngày càng điên rồ hơn; ông ta uống rượu, liên tục có những cơn tức tối điên rồ, không cần đến một cái cớ nào hết cả. Ông ta tự chọn cho mình một nạn nhân trong số các sĩ quan, và theo đuổi anh ta trong nhiều ngày, không chút ngưng nghỉ, gây sự với anh ta ở mọi khía cạnh công việc. Cùng lúc, đó lại là một người rất có óc tổ chức, ông ta có một ý thức rất mạnh về những điều cần ưu tiên và các bó buộc mang tính thực tiễn. Thật may mắn, ông ta vẫn chưa có dịp để thử nghiệm chiếc Saurer của mình; chiếc cam nhông bị bỏ lại ở Kiev, và ông ta sốt ruột chờ đợi nó được mang đến. Chỉ nghĩ đến việc đó thôi tôi đã thấy lạnh toát cả người, và tôi hy vọng đã đi khỏi đây trước khi ông ta nhận được nó. Tôi tiếp tục phải chịu đựng những cơn quận ruột tàn tệ, đôi khi đi kèm với những đợt ợ hơi đau đớn và mệt mỏi; nhưng tôi giữ kín những cái đó cho một mình tôi. Cả những giấc mơ cũng vậy, tôi không bao giờ kể với ai. Giờ đây gần như

đêm nào cũng thế, tôi trèo lên một chuyến tàu điện ngầm, mỗi lần một khác nhưng luôn luôn như một kẻ điên rồ, bệnh hoạn, không thể đoán định, và lúc nào trong tôi cũng chứa đựng giao thông đi lại liên tục của những đoàn tàu, những cầu thang cơ khí hoặc thang máy lên xuống các tầng, những cánh cửa mở ra và đóng lại bất ngờ, những cột đèn giao thông nhảy từ màu xanh sang màu đỏ mà không chặn nổi các đoàn tàu dừng lại, những đường ray giao nhau không điểm bẻ ghi, và những bến đỗ nơi hành khách đứng đợi trong vô vọng, một hệ thống loạn tâm, ầm ĩ, mênh mông, bất tận, bị cắt ngang bởi một sự đi lại không ngừng và vô nghĩa lý. Hồi còn trẻ tôi rất thích tàu điện ngầm; tôi đã phát hiện nó vào năm mười bảy tuổi khi lên Paris, và bất kỳ dịp nào có thể tôi đều sử dụng nó, đơn giản là vì sự thích thú đối với chuyển động, được nhìn người khác, các nhà ga chạy qua. Năm trước đó CMP vừa mở lại tuyến Bắc-Nam, và trả tiền cho một cái vé tôi có thể đi suốt dọc chiều dài thành phố. Rất nhanh chóng, tôi biết địa lý ngầm dưới đất của Paris rõ hơn nhiều so với trên mặt đất. Với các sinh viên nội trú khác cùng học lớp dự bị, tôi đi chơi buổi đêm nhờ một cái chìa khóa đánh trộm mà sinh viên truyền tay nhau từ thế hệ này sang thế hệ khác và, giắt theo mấy cái đèn pin nhỏ, chúng tôi đứng trên ke đợi chuyến tàu cuối cùng để rồi sau đó luồn vào trong các đường hầm và bước đi trên đường ray, từ ga này sang ga khác. Chúng tôi nhanh chóng phát hiện nhiều lối đi rộng và lối xuống không mở cửa cho mọi người, điều này vô cùng có ích khi các nhân viên, bị quấy rầy trong công việc ban đêm của mình, tìm cách truy đuổi chúng tôi. Hoạt động ngầm dưới đất này luôn để lại trong ký ức của tôi dấu vết của một cảm xúc mạnh mẽ, hòa trộn giữa tình cảm bạn bè yên ổn và cái nóng, và chắc hẳn là cả một màu sắc dục tình xa xôi nữa. Thời đó, những chuyến tàu điện ngầm đã tràn ngập trong giấc mơ của tôi, nhưng giờ đây, chúng chuyên chở một sự hoang mang trong suốt và sắc nhọn, tôi không bao giờ có thể đến được nơi tôi cần phải đến, tôi lỡ những chuyến tàu giao nhau, cửa toa tàu sập lại trước mũi tôi, tôi đi lại mà không có vé, trong nỗi sợ người soát vé, và tôi thường

xuyên tỉnh dậy trong một cơn sợ hãi lạnh giá, đột ngột, khiến tôi cảm thấy như thể người mình sắp vỡ tung ra.

Cuối cùng những đợt giá đầu tiên cũng phủ lên đường sá và tôi đã có thể đi. Cái lạnh ập xuống đột ngột, trong vòng một đêm; sáng ra, thật vui tươi khi nhìn thấy hơi nước của những hơi thở, những cửa sổ đóng giá trắng xóa. Trước khi khởi hành, tôi mặc lên người tất cả những chiếc áo pull-over mà mình có; Hanika đã kiếm được cho tôi một cái chapka bằng da rái cá với vài đồng reichsmark; ở Kharkov, sẽ cần phải nhanh chóng tìm ra quần áo ấm. Trên đường đi, bầu trời xanh trong vắt, những đám mây lững lờ vần vũ trước các khu rừng; gần các làng, những người nông dân phạt lau sậy mọc ở mặt ao đóng băng để phủ lên isba của mình. Nhưng đường sá thì rất nhiều cạm bẫy: ở nhiều chỗ, giá lạnh làm cứng lại những chỗ bùn nhô lên, được vệt đi của những chiếc xe bọc thép và xe cam nhông nâng đỡ, và những chỗ nhấp nhô này làm trượt bánh xe, làm rách lốp xe, thậm chí đôi khi còn gây ra những vụ lật xe khi một tài xế rẽ vòng không chuẩn xác và mất tay lái. Những chỗ khác, bên dưới mặt băng mỏng vỡ ra dưới sức nghiền của những cái bánh, bùn vẫn còn đặc quánh, đầy hiểm họa. Xung quanh chỉ có những thảo nguyên hoang vắng trải rộng, những cánh đồng đã qua mùa gặt, một vài khu rừng. Poltava cách Kharkov khoảng một trăm hai mươi cây số: chuyến đi mất đứt một ngày. Chúng tôi vào thành phố qua ngả những ngoại ô bị tàn phá, những bức tường cháy sém, lộn xộn, đổ sập, trong đó, đã được dọn dẹp một cách vội vã, chất ngất những đống trang thiết bị nhỏ vặn vẹo và cháy sạm lại, những thứ bị lãng phí cho cuộc phòng thủ thành phố trong vô vọng. Vorkommando đóng ở khách sạn *International*, nằm bên rìa một quảng trường trung tâm rộng mênh mông ở phía cuối ngự trị *Dom Gosprom*, những tòa nhà hình lập phương, sắp xếp thành một vòng tròn, với hai vòm vuông vắn và một cặp tòa nhà cao, một công trình đáng kinh ngạc đối với ngôi làng rộng lớn lười biếng gồm toàn những ngôi nhà bằng gỗ và nhà thờ thời Sa hoàng này. Nhà Kế hoạch, đã bị cháy trong các trận chiến, phô bày những mặt tiền nặng nề và đống cửa sổ rơi

rụng vỡ nát ngay bên cạnh, về phía bên trái; ở giữa quảng trường, một bức tượng Lênin lớn bằng đồng quay lưng về phía hai khối nhà, và, dửng dưng với những xe cộ và xe tăng Đức đang xếp hàng dưới chân mình, dang đôi tay phóng khoáng mời gọi những người khách qua đường đến với mình. Trong khách sạn mọi thứ đều lộn xộn; cửa kính của phần lớn các phòng đều bị vỡ, không khí lạnh lẽo vô cùng. Tôi chiếm được mấy phòng ở tạm được, để Hanika tự xoay xở với cửa sổ và hệ thống sưởi, và đi xuống tìm Callsen. "Cuộc chiến đấu chiếm thành phố rất ác liệt, ông ta tóm tắt cho tôi, phải phá hủy rất nhiều thứ, anh đã thấy rồi đấy; sẽ rất khó khăn để có thể tìm được chỗ ở cho toàn Sonderkommando." Tuy vậy, Vorkommando đã bắt đầu nghiệp vụ SP của mình và thẩm vấn những kẻ bị tình nghi; ngoài ra người ta đã, theo đề nghị của đại đoàn số 6, bắt giữ nhiều con tin để ngăn chặn những vụ phá hoại giống như hồi ở Kiev. Callsen đã tiến bộ rất nhiều về khả năng phân tích chính trị: "Phần lớn dân chúng thành phố là người Nga, cho nên ở đây những vấn đề tế nhị liên quan đến các quan hệ với người Ukraine không bị đặt ra. Cũng có rất nhiều Do Thái, mặc dù không ít đã chạy trốn cùng với bọn Bônsêvich." Blobel đã ra lệnh cho ông ta triệu tập những kẻ đầu lĩnh Do Thái và xử bắn bọn họ: "Với bọn còn lại thì chúng ta sẽ xem xét sau."

Trong phòng ngủ, Hanika đã dùng bìa cactông và vải bạt bịt các cửa sổ, và anh ta cũng đã tìm được vài ngọn nến; nhưng các phòng khác vẫn còn rất lạnh. Trong một lúc lâu, ngồi trên chiếc divăng trong khi anh ta đun trà, tôi để tâm trí thoải mái tưởng tượng: vin vào cái cớ trời lạnh, tôi bảo anh ta ngủ cùng với tôi, để cả hai cùng được ấm, rồi rất chậm rãi, trong đêm, tôi luồn tay xuống dưới áo choàng của anh ta, hôn lên đôi môi trẻ trung của anh ta, và khua khoắng bên trong quần dài của anh ta để lôi ra dương vật cứng ngắc. Quyến rũ một thuộc cấp, dù cho có được sự đồng thuận, là chuyện không thể chấp nhận được; nhưng đã từ lâu tôi không còn nghĩ đến những thứ như thế nữa, và tôi không tìm cách kháng cự lại sự dịu dàng của những hình ảnh ấy. Tôi nhìn vào gáy anh ta và tự hỏi không biết anh ta đã bao giờ biết

đến một cô gái hay chưa. Thực sự là anh ta còn rất trẻ, nhưng ngay cả trước tuổi của anh ta, ở ký túc xá, lũ con trai chúng tôi đã làm tất cả những gì chúng tôi có thể làm, và bọn nhiều tuổi hơn, cỡ tuổi của Hanika bây giờ, đã biết cách tìm đến với bọn con gái ở khu bên cạnh, những đứa con gái vui sướng vì được ve vãn. Rồi ý nghĩ của tôi trượt đi: thay vào chỗ cái gáy thanh mảnh là những cái gáy mạnh mẽ theo kiểu khác, những cái gáy đàn ông mà tôi đã biết đến hoặc thậm chí mới chỉ nhìn thấy, và tôi ngắm những cái gáy đó với cái nhìn của một người đàn bà, đột nhiên hiểu ra với một sự rõ ràng đến đáng sợ rằng đàn ông không kiểm soát được gì hết, không ngự trị được gì hết, rằng tất cả đều là lũ trẻ con và thậm chí là những món đồ chơi có ở đó để phục vụ khoái lạc của đàn bà, một thứ khoái lạc không thể thỏa mãn và lại càng có tính thống trị mạnh mẽ hơn, khi mà đàn ông cứ tưởng là mình quản lý được mọi sự, tưởng rằng thống trị được phụ nữ, trong khi trên thực tế đàn bà hút hết tinh chất trong người họ, phá sập sự thống trị của họ và giải trừ sự kiểm soát của họ, để rồi cuối cùng lấy đi của họ nhiều thứ hơn là những gì họ muốn cho đi. Đàn ông luôn có một xác tín đinh ninh rằng đàn bà là những kẻ dễ bị tổn thương, và rằng tính chất dễ bị tổn thương đó, họ cần phải hoặc tận dụng lấy, hoặc bảo vệ nó, trong khi đàn bà chỉ cười thầm, một cách bao dung và đầy tình yêu, hoặc là trộn lẫn một chút khinh bỉ, về cái tính dễ bị tổn thương đầy trẻ con và bất tất của đàn ông đó, về sự mong manh của họ, về tính chất dễ tan vỡ rất gần với việc mất kiểm soát, sự sụp đổ lúc nào cũng đầy nguy cơ đó, sự trống rỗng nằm trong một cơ thể cường tráng đến nhường ấy. Hẳn nhiên là chính vì lẽ đó mà rất ít khi đàn bà giết người. Họ chịu đựng nhiều hơn rất nhiều, nhưng khi nào họ cũng là người có tiếng nói cuối cùng. Tôi uống tách trà của mình. Hanika đã trải giường cho tôi với tất cả đống chăn mà anh ta có thể tìm thấy; tôi lấy hai cái và để lại cho anh ta cái thứ ba trên đivăng nơi anh ta ngủ. Tôi đóng cửa lại và thủ dâm nhanh chóng, rồi ngủ thiếp đi ngay lập tức, tay và bụng vẫn lấm đầy tinh trùng.

Vì một lý do nào đó, có thể là để được ở gần von Reichenau, người đặt đại bản doanh của mình tại đó, Blobel chọn cách ở lại Poltava, và chúng tôi phải chờ đợi Kommandostab trong vòng hơn một tháng trời. Vorkommando không nằm yên thụ động một chỗ. Cũng như khi ở Kiev, tôi thực hiện công việc xây dựng các mạng lưới thông tin; việc này càng cần thiết hơn khi nhìn vào tính chất dân cư ô hợp, đầy người nhập cư từ khắp Liên Xô, trong số đó chắc chắn là có nhiều gián điệp và phần tử phá hoại; ngoài ra, chúng tôi không sao tìm được một danh sách hay tài liệu nào của NKVD: trước khi thất trận bọn họ đã phá hủy một cách có phương pháp hồ sơ lưu trữ của mình, không còn lại gì ngõ hầu giúp ích cho chúng tôi. Làm việc trong khách sạn đã trở nên khá khó nhọc: trong khi tìm cách gõ một báo cáo hoặc thảo luận với một cộng tác viên người địa phương, từ phòng bên cạnh vang lên những tiếng la hét của một kẻ đang bị thẩm vấn, điều đó làm tôi cảm thấy bị ức chế. Một tối, chúng tôi được phục vụ rượu vang đỏ trong bữa tối: vừa xong bữa, tất cả những gì vừa nuốt vào đã chực ào ra. Chuyện này chưa bao giờ xảy đến với tôi với cùng mức độ bạo liệt đến vậy, và tôi bắt đầu thấy lo lắng: trước chiến tranh, tôi không bao giờ nôn mửa, kể từ khi còn bé gần như chưa bao giờ tôi nôn mửa, và tôi tự hỏi không biết mình có vấn đề gì. Hanika, người đã nghe thấy những âm thanh vọng ra từ sau cửa phòng tắm, cho rằng có lẽ đồ ăn không được ổn lắm, hoặc là tôi bị chứng viêm ruột: tôi lắc đầu, không phải vậy, cái đó thì tôi rất chắc, bởi vì nó đã bắt đầu chính xác như một cơn quặn ruột, sau một đợt ho và cảm giác nặng bụng hoặc có cái gì đó bị tắc nghẽn, chỉ có điều là chuyện đó đi xa hơn và tất cả đột nhiên bật ngược trở ra, đồ ăn vừa tiêu hóa xong trộn lẫn với rượu vang, một mớ lổn nhổn màu đỏ, đáng sợ.

Cuối cùng Kuno Callsen cũng được Orstkommandantur cho phép đặt Sonderkommando tại trụ sở của NKVD, trên Sovnarkomovskaia, phố của các văn phòng ủy viên nhân dân Xô viết. Tòa nhà lớn hình chữ L đó được xây dựng từ đầu thế kỷ, và lối vào chính nằm trên một phố cắt vuông góc, cây cối hai bên

đường trụi lá vì mùa đông; một tấm biển viết bằng tiếng Nga ở góc cho biết rằng hồi nội chiến, tháng Năm và tháng Sáu năm 1920, Dzerjinski danh tiếng đã từng ở đây. Các sĩ quan vẫn ở khách sạn; Hanika đã tìm được cho chúng tôi một cái lò sưởi; thật không may, anh ta đã đặt nó vào phòng khách nhỏ nơi anh ta ngủ và, nếu tôi để cửa mở, những đợt nghiến răng kinh người sẽ ào đến phá hỏng giấc ngủ của tôi. Tôi bảo anh ta sưởi thật ấm cả hai phòng trong ngày, để khi ngủ tôi có thể đóng được cửa lại; nhưng đến tảng sáng thì cái lạnh đánh thức tôi dậy, và cuối cùng tôi phải ngủ với đầy đủ quần áo trên người, với một cái mũ bonnê len, cho đến khi Hanika tìm được đống chăn bông để tôi có thể quấn chúng xung quanh, để mình trần mà ngủ, như đúng thói quen. Tôi tiếp tục nôn mửa gần như vào mỗi tối hoặc ít nhất là cứ hai tối một lần, ngay sau bữa ăn, và thậm chí một lần còn trước khi ăn xong, tôi vừa dùng xong một cốc bia lạnh uống để chiêu món sườn lợn, thì mọi thứ ào ra nhanh đến mức bia vẫn còn lỏng nguyên, một cảm giác thật tởm lợm. Tôi vẫn luôn tìm được cách nôn mửa một cách sạch sẽ, trong nhà vệ sinh hoặc vào một cái lavabo, không mấy khi bị ai để ý, nhưng việc đó làm tôi kiệt sức: những cơn quặn ruột dữ dội đi tiền trạm cho đợt ào ra của đồ ăn vết sạch trong người tôi, khiến tôi mất hết năng lượng trong suốt một quãng thời gian dài. Ít nhất thì đồ ăn cũng trào ra nhanh đến mức chưa kịp nhiễm axit, quá trình tiêu hóa vừa mới được bắt đầu khiến cho mọi thứ còn chưa kịp có vị gì, tôi chỉ cần súc miệng là đã cảm thấy khá hơn nhiều.

Các chuyên gia của Wehrmacht đã lục soát kỹ lưỡng tất cả các tòa nhà công cộng để tìm kiếm chất nổ và mìn, và đã vô hiệu hóa được vài chỗ; mặc dù vậy, vài ngày sau khi tuyết bắt đầu rơi, Nhà Hồng quân nổ tung, giết chết viên chỉ huy sư đoàn số 60, tham mưu trưởng, Ia, và ba nhân viên văn phòng cùng sư đoàn, tất cả đều bị tan thây. Cùng ngày hôm đó còn có bốn vụ nổ khác; các quân nhân trở nên giận dữ. Kỹ sư trưởng của đại đoàn số 6, Oberst Selle, ra lệnh nhốt người Do Thái vào tất cả các tòa nhà lớn để ngăn chặn những vụ nổ mới. Von Reichenau muốn thực hiện

các đòn trả đũa. Vorkommando không đính dáng vào việc đó: Wehrmacht đảm trách vụ này. Ortskommandant cho treo cổ các con tin trên tất cả các ban công trong thành phố. Đằng sau văn phòng của chúng tôi, hai phố Tchernychevski và Girchman được ghép với nhau để tạo thành một phố rộng bất thường, giống như một thứ quảng trường giữa những tòa nhà nhỏ được xây lên ở đó không theo một bản vẽ nào cả. Nhiều ngôi nhà trong số chúng, với niên đại và màu sắc khác nhau, mở cửa ra phố theo một góc tù, trước cánh cửa ra vào thanh lịch của chúng có thêm một ban công nhỏ; rất nhanh chóng, ở mỗi lan can, một hoặc nhiều người bị treo lủng lẳng lên giống như những cái túi. Trên một ngôi nhà tuyệt đẹp xây từ trước cuộc chiến vừa qua, màu xanh lá cây nhạt và có bốn tầng, hai cây cột tường hình người to lớn đứng hai bên cửa vào, đỡ lấy cái ban công bằng hai cánh tay màu trắng giơ lên: khi tôi đi ngang qua, một thân người vẫn còn đung đưa giữa các cây cột hình người dáng vẻ thản nhiên đó. Mỗi người bị treo lên đeo quanh cổ một tấm biển viết bằng tiếng Nga. Để đến văn phòng, tôi thích đi bộ, hoặc dưới tán hàng cây đoạn và tiêu huyền trụi lá của phố dài Karl-Liebknecht, hoặc đi tắt ngang công viên Công đoàn rộng lớn với bức tượng Chevtchenko; chỉ mất vài trăm mét, và vào ban ngày đường phố khá an toàn. Trên phố Liebktnecht cũng có người bị treo. Dưới một cái ban công, một đám người đang túm tụm lại. Nhiều Feldgendarm bước ra từ cửa sổ thấp và buộc thật chặt sáu sợi dây thừng có vòng thòng lọng ở đầu. Rồi họ trở vào căn phòng tối sầm. Một lúc sau họ xuất hiện trở lại, mang theo một người đàn ông chân tay trói chặt, đầu trùm mu kin mit. Một Feldgendarm tròng sợi dây thừng vào cổ ông ta, rồi đến lượt tấm bảng, sau đó giật cái mũ trùm đầu ra. Trong một lúc, tôi nhìn thấy đôi mắt lồi ra của người đàn ông, đôi mắt của con ngựa đang lên cơn kích động; rồi, như thể chợt thấy rã rời, ông ta nhắm chúng lại. Hai Feldgendarm nhấc ông ta lên và chậm rãi cho ông ta trượt xuống khỏi ban công. Cơ bắp bị trói chặt của ông ta giật lên từng cú mạnh, rồi chậm lại, ông ta bình thản đung đưa, cái gáy gãy gục, trong khi các Feldgendarm treo cổ người

tiếp theo. Người ta đứng nhìn cho đến khi kết thúc, tôi cũng nhìn, lòng cảm thấy một niềm phấn khích xấu xa. Tôi hau háu đưa mắt đò xét khuôn mặt những người bị treo lên, những kẻ bị kết án trước khi bị quẳng ra ngoài khỏi hàng lan can: những khuôn mặt đó, những đôi mắt sợ hãi hoặc cam chịu đến đáng sợ đó, không có nghĩa lý gì với tôi hết cả. Nhiều người chết với cái lưỡi thè ra ngoài, thô kệch, những đợt nước dãi chảy ra từ miệng họ rơi xuống hè phố, một vài người đứng xem phá lên cười. Sự hoang mang ập lên người tôi giống như một đợt sóng lừng, tiếng những giọt nước bọt rơi xuống làm tôi hoảng hốt. Khi còn nhỏ, tôi đã từng nhìn thấy một người bị treo cổ. Chuyện đó đã xảy ra trong cái ký túc xá ghê gớm nơi người ta nhốt tôi vào; ở đó tôi đã phải chịu đựng, nhưng tôi không phải là người duy nhất. Một tối, sau bữa ăn, có một buổi cầu nguyện đặc biệt, tôi không còn nhớ vì lẽ gì, và tôi xin được vắng mặt, viện cớ gia đình theo đạo Luther (đó là một ngôi trường Thiên chúa giáo); vì vậy, tôi được về phòng. Mỗi khu giường ngủ được tổ chức theo các lớp và gồm khoảng mười lăm cái giường tầng. Khi trèo lên gác, tôi đi ngang qua phòng bên cạnh, thuộc về học sinh lớp mười một (khi đó tôi đang học lớp mười, chắc là khoảng mười lăm tuổi); trong phòng có hai cậu con trai, cũng thoát được buổi lễ mixa: Albert, người mà tôi có kết giao, và Jean R., một cậu con trai lạ lùng, ít được yêu quý, nhưng lại làm các học sinh khác sợ hãi vì những cơn khủng hoảng thần kinh dữ dội và bất thường. Tôi chuyện gẫu với họ vài phút trước khi về phòng để đọc sách, một cuốn tiểu thuyết của E.R. Burroughs, loại sách chắc chắn là bị cấm trong cái nhà tù đó. Tôi vừa đọc xong chương thứ hai thì đột nhiên nghe thấy giọng Albert, một tiếng hét hoảng loạn: "Cứu với! Cứu với!" Tôi nhảy khỏi giường, tim đập thình thịch, rồi một ý nghĩ làm tôi khựng lại: nếu Jean R. đang giết Albert thì sao? Albert vẫn hét. Tôi lao đến; sợ hãi, sẵn sàng để chạy trốn, tôi tiến về phía cánh cửa và đẩy nó ra. Jean R. treo lủng lẳng trên một thanh xà, một dải ruybăng đỏ quấn quanh cổ, mặt đã xanh lét; Albert, miệng hét inh hỏi, giữ lấy hai chân cậu ta và tìm cách nâng cậu ta lên. Tôi chạy thẳng khỏi

phòng và lao xuống cầu thang, đến lượt mình hét toáng lên, băng qua sân, về phía nhà thờ. Nhiều thầy giáo chạy ra, do dự, rồi bắt đầu chạy về phía tôi, theo sau là một lũ học sinh. Tôi dẫn họ đến căn phòng nơi tất cả đều muốn ùa vào; ngay khi hiểu ra vấn đề, hai thầy giáo đứng chặn cửa, đuổi bọn học sinh lùi lại hành lang, nhưng tôi đã vào trong, tôi đã nhìn thấy tất cả. Hai hoặc ba thầy giáo đỡ lấy Jean R. trong khi một người khác vội vã lấy một cái dao nhíp hoặc một cái chìa khóa cắt đứt dải ruybăng. Cuối cùng Jean R. rơi xuống như một cái cây bị đốn, kéo theo ông thầy giáo ngã xuống sàn nhà. Albert, thu người chui vào một xó, khóc nức nở, hai bàn tay vặn xoắn trước mặt. Cha Labourie, thầy giáo tiếng Hy Lạp của tôi, cố cậy hàm Jean R. ra, ông dùng cả hai tay, dùng hết sức lực nậy răng, nhưng không được. Tôi còn nhớ rất rõ cái màu xanh đậm và bóng của khuôn mặt Jean R., và đôi môi tím ngắt sùi bọt trắng của cậu ta. Rồi người ta bắt tôi đi ra khỏi phòng. Đêm đó tôi ngủ ở trạm xá, tôi đoán người ta muốn cô lập tôi với các bạn học khác; tôi không biết họ để Albert ở đâu. Sau đó một lúc, cha Labourie đến gặp tôi, ông là một người dịu dàng và kiên nhẫn, những phẩm chất hiếm có ở cái trường này. Ông không giống như các vị thầy tu khác và tôi thích trò chuyện với ông. Sáng hôm sau, tất cả học sinh được tập hợp lại trong nhà thờ để nghe một bài giảng dài về sự xấu xa của tự tử. Jean R., người ta nói với chúng tôi, đã được cứu sống; và cần phải cầu nguyện để cứu vớt linh hồn tội lỗi của cậu ta. Chúng tôi không bao giờ gặp lại cậu ta. Vì tất cả các học sinh đều khá bị sốc, các cha quyết định tổ chức một cuộc dạo chơi trong rừng. "Ngu xuẩn thật," tôi nói với Albert khi gặp cậu ta trong sân. Cậu ta có vẻ khép nép, căng thẳng. Cha Labourie tiến lại gần tôi và dịu dàng nói: "Đến đây, đến đây với chúng ta. Ngay cả khi con không buồn quan tâm, thì việc đó cũng rất tốt cho những người khác." Tôi nhún vai và đến chỗ cả nhóm. Họ cho chúng tôi bước đi trong nhiều giờ; quả thực là tối đến mọi người đều cảm thấy bình tĩnh trở lại. Người ta để tôi trở lại phòng ngủ, nơi bọn con trai khác xúm vào hỏi chuyện. Trong khi đi bộ, Albert đã kể cho tôi rằng Jean R. đã

trèo lên trên giường cậu ta, và, sau khi quàng cái nút dây thừng quanh cổ mình, gọi: "Này, Albert, nhìn này," rồi lao người xuống. Phía trên vỉa hè Kharkov, những người bị treo lên đung đưa chậm rãi. Tôi biết rằng trong số đó có Do Thái, Nga, Digan. Tất cả những người bị treo lên dáng điệu u tối và sống sượt đó đều làm tôi nghĩ đến những con nhộng thiêm thiếp ngủ, kiên nhẫn chờ cho đến khi lột xác. Nhưng vẫn luôn có điều gì đó mà tôi không sao nắm bắt được. Cuối cùng thì tôi thoáng nhận ra rằng, dù cho số lượng người chết mà tôi sẽ nhìn thấy là bao nhiêu đi chăng nữa, hoặc là những người mà tôi nhìn thấy vào thời điểm cái chết của họ, thì tôi cũng sẽ không bao giờ nắm bắt được cái chết, cái thời điểm đó, chính bản thân nó. Có hai điều: một: hoặc là người ta chết, và khi đó dù gì đi nữa thì cũng sẽ không còn gì để hiểu, hoặc là người ta còn chưa chết, và trong trường hợp đó, ngay cả khẩu súng trường gí vào gáy hay sợi dây tròng quanh cổ, điều đó vẫn còn chưa thể hiểu được, một sự trừu tượng hóa thuần túy, cái ý tưởng phi lý rằng tôi, cái thực thể sống duy nhất trên cõi đời này, tôi có thể sẽ biến mất đi mãi mãi. Trong khi đang chết đi, có thể là chúng ta đã chết, nhưng chúng ta sẽ không bao giờ chết, cái thời điểm đó sẽ không bao giờ đến, hay nói đúng hơn là nó sẽ không bao giờ kết thúc cái hành trình đến, nó đấy, nó đến, và rồi nó lại đến, và rồi nó đã đi qua, thậm chí còn chưa bao giờ đến. Đó là cách lập luận của tôi ở Kharkov, hẳn là rất kém cỏi, nhưng hồi đó sức khỏe tôi không tốt.

Đã là cuối tháng Mười một; trên cái quảng trường hình tròn rộng lớn, giờ đã được đổi tên thành quảng trường Adolf-Hitler-Platz, một thứ tuyết màu ghi xám giống như từng miếng ánh sáng nhẹ nhàng rơi từ bầu trời buổi trưa xuống. Một người phụ nữ bị treo trên một sợi dây dài buộc ở cánh tay giơ ra của Lênin, những đứa trẻ chơi đùa ở dưới, và ngẩng đầu lên nhìn dưới váy cô ta. Khắp nơi đầy người bị treo, Ortskommandant đã ra lệnh rằng phải để họ như thế, *để làm gương*. Những người Nga đi qua đường nhanh chóng chạy đi trước mặt họ, đầu cúi gằm; những người lính Đức và lũ trẻ con tò mò đứng nhìn soi mói, và nhiều

khi lính tráng còn chụp ảnh lại. Từ nhiều ngày nay tôi không còn nôn mửa nữa, tôi hy vọng mọi chuyện đã khá hơn; nhưng đó chỉ là một quãng lặng; khi chuyện đó quay trở lại, chỉ một giờ sau bữa ăn tôi đã nôn ra cả miếng xúc xích, rau cải và bia, ở ngay trên phố, cố gắng nấu mình vào một ngõ nhỏ. Cách đó một chút, ở góc công viên Công đoàn, một giá treo cổ đã được dựng, và hôm đó người ta dẫn đến hai thanh niên rất trẻ và một người phụ nữ, hai tay bị trói ra sau lưng, xung quanh là một đám đông gồm chủ yếu là lính và sĩ quan Đức. Người phụ nữ đeo trên cổ một tấm biển to, giải thích rằng người ta xử họ để trả đũa cho vụ mưu sát một sĩ quan. Rồi người ta treo họ lên. Một trong hai thanh niên có vẻ ngơ ngác, kinh ngạc vì mình đang ở đó, người kia thì chỉ buồn bã; người phụ nữ nhăn nhó kinh khủng khi người ta rút giá đỡ ở dưới chân ra, nhưng chỉ có vậy. Chúa mới biết liệu họ có thực sự dính dáng đến vụ tấn công hay không; gần như là người ta treo cổ bất kỳ ai, Do Thái, nhưng cả lính Nga, những kẻ không giấy tờ, nông dân lảng vảng tìm đồ ăn. Ý tưởng không phải là trừng trị những kẻ phạm tội mà để đề phòng những vụ tấn công mới. Ở Kharkov này, điều đó có vẻ mang lại kết quả khả quan; không xảy ra các vụ nổ bom nào kể từ khi bắt đầu những cuộc treo cổ nữa. Nhưng bên ngoài thành phố, tình hình ngày càng tồi tệ hơn. Oberst von Hornbogen, Ic của Ortskommandantur, nơi tôi thường xuyên lui tới, treo trên tường một tấm bản đồ lớn vẽ các vùng lân cận Kharkov cắm đầy những cây kim màu đỏ, mỗi cái đánh dấu một vụ tấn công của bọn du kích hoặc một vụ mưu sát. "Có vấn đề thực sự rồi đấy, ông ta giải thích cho tôi. Chúng ta chỉ còn có thể dùng sức mà ra được khỏi thành phố; những người đi một mình sẽ bị bắn hạ như người ta săn thỏ. Chúng ta san phẳng tất cả các ngôi làng tìm được du kích, nhưng việc đó không giúp ích gì được nhiều. Tiếp tế lương thực trở nên khó khăn, ngay cả cho bên quân đội; còn lương thực nuôi dân chúng mùa đông này thì tốt nhất đừng nghĩ đến là hơn." Thành phố có khoảng sáu trăm nghìn dân; không có kho dự trữ công cộng nào, và người ta đã nói đến những người già đang chết đói. "Anh nói cho tôi biết về các vấn

đề liên quan đến kỷ luật ở chỗ anh đi," tôi hỏi viên Oberst, vốn có mối quan hệ khá tốt với tôi . – "Đúng vậy, chúng tôi có nhiều khó khăn. Nhất là các vụ cướp bóc. Lính tráng đã vơ sạch đồ trong nhà viên thị trưởng người Nga trong khi ông ta ở chỗ chúng tôi. Nhiều lính lấy áo măng tô hoặc mũ bonnê da của dân. Có cả các vụ hiếp dâm. Một phụ nữ Nga đã bị sáu lính Đức nhốt xuống một cái hầm và thay nhau làm nhục." – "Anh nghĩ nguyên nhân là gì?" – "Vấn đề tinh thần, tôi nghĩ thế. Quân đội kiệt sức, bẩn thỉu, người đầy chấy rận, thậm chí họ còn không có cả đến quần áo lót sạch, và rồi mùa đông đến, họ cảm thấy mọi thứ sẽ còn tồi tệ hơn nữa." Ông ta nghiêng người ra trước với một nụ cười thoáng qua: "Nói riêng với nhau nhé ở Poltava thậm chí người ta đã vẽ khẩu hiệu lên các tòa nhà của AOK. Những thứ như là *Chúng tôi muốn quay về Đức* hoặc *Người chúng tôi bẩn thỉu đầy chấy rận và chúng tôi muốn quay về Đức*. Generalfeldmarschall giận điên lên, ông ấy coi đó là một lời sỉ nhục cá nhân. Dĩ nhiên ông ấy thừa nhận có những căng thẳng và thiếu thốn, nhưng ông ấy nghĩ các sĩ quan phải làm nhiều hơn nữa để giáo dục lính tráng về nhận thức chính trị. Nhưng nói cho cùng, điều đáng lo ngại hơn cả vẫn là lương thực."

Bên ngoài, một lớp tuyết mỏng phủ lên quảng trường, rắc bụi lên vai và tóc những người bị treo cổ. Bên cạnh tôi, một thanh niên Nga trẻ tuổi chạy như bay vào Ortskommandantur, trên đường đi dùng chân khéo léo chặn cánh cửa nặng nề để nó không bị sập lại. Tôi hít thật sâu; một giọt nước chảy ra từ lỗ mũi và lạnh lẽo lăn thẳng xuống môi. Von Hornbogen đã làm cho tôi trở nên vô cùng bi quan. Tuy nhiên cuộc sống vẫn tiếp diễn. Những cửa hàng thuộc quyền sở hữu của các *Volksdeutscher* được mở, những quán ăn Armenia cũng vậy, và thậm chí có cả hai hộp đêm. Wehrmacht đã mở lại Nhà hát kịch Ukraine Chevtchenko, sau khi sơn lại mặt tiền thanh lịch với những cái cột và đường chỉ tường trắng theo kiểu thế kỷ XIX lỗ chỗ vết đạn của nó sang màu vàng sậm và một thứ màu đỏ sẫm nặng nề; người ta đã biến nó thành một nhà hát tên là *Panzersprenggranate*, "Lựu đạn chống

tăng," và một tấm biển sơn màu chói ghi dòng tên đó phía trên những cánh cửa cầu kỳ. Một tối, tôi dẫn Hanika đến đó để xem một vở tạp kịch hài. Kịch chán, nhưng người ta vui sướng cười cợt, vỗ tay như điên; một vài tiết mục cũng khá buồn cười. Trong một màn mang tính giễu nhại, một dàn đồng ca mang khăn san kẻ sọc mà các rabbin mặc khi hành lễ mà hát, tổng thể cũng tạm được, một khúc trong *Cuộc khổ nạn theo thánh Jean*:

Wir haben ein Gesetz
und nach dem Gesetz
soll er sterben.

Bạch, tôi tự nhủ, một con người sùng đạo, hẳn sẽ không thích thú gì trò đùa cợt này. Nhưng tôi phải công nhận rằng nó rất hài hước. Khuôn mặt của Hanika sáng bừng lên, anh ta vỗ tay sau tất cả các tiết mục; anh ta có vẻ sung sướng. Tối đó, tôi cảm thấy thoải mái, tôi không bị nôn và thích thú sự ấm áp cũng như bầu không khí sôi động trong nhà hát. Giờ nghỉ, tôi đến quầy để đồ uống và rót một cốc vodka lạnh cho Hanika; mặt anh ta đỏ lựng lên, anh ta không quen với việc đó. Trong lúc chỉnh lại quần phục trước một cái gương, tôi nhìn thấy một vết bẩn. "Hanika, tôi hỏi, cái gì thế này?" – "Cái gì vậy, Herr Hauptsturmführer?" – "Cái vết bẩn này này." Anh ta nhìn: "Tôi không thấy gì cả, Herr Hauptsturmführer." – "Có đấy chứ, tôi khẳng định, có một vết bẩn ở đây này. Màu hơi sẫm lại một chút. Khi giặt thì phải vò kỹ hơn nhé." – "Vâng, Herr Hauptsturmführer." Vết bẩn đó làm tôi cảm thấy khó chịu; tôi cố quên nó đi bằng cách uống một cốc rượu nữa, rồi quay lại phòng biểu diễn để xem phần thứ hai. Sau đó, cùng với Hanika, tôi đi bộ ngược lên phố Liebknecht cổ kính, giờ đã được đổi tên thành Horst-Wesselstrasse hoặc cái gì đó tương tự. Phía trên, đối diện với công viên, dưới sự kiểm soát của đám lính, mấy bà già đang gỡ xác một người bị treo cổ xuống. Ít nhất thì, tôi nghĩ khi nhìn thấy cảnh đó, những người Nga mà chúng ta treo lên này cũng còn có mẹ để lau cho mồ hôi trên trán,

vuốt mắt, chỉnh sửa lại tư thế để tay và chôn cất một cách trìu mến. Tôi nghĩ đến tất cả những người Do Thái mất vẫn mở trừng trừng ở cái thung nhỏ gần Kiev đó: chúng tôi đã tước đi cuộc sống của họ nhưng ngoài đó ra là cả sự trìu mến ấy, bởi vì cùng với họ chúng tôi giết cả mẹ, vợ và chị em gái của họ, và chúng tôi không để lại người nào để khóc thương cho họ. Số phận của họ, đó là sự cay đắng của một hố chôn tập thể, bữa tiệc tang lễ của họ, đó là thứ đất màu mỡ Ukraine ngập đầy mồm miệng, Kaddish duy nhất của họ, đó là tiếng gió rít trên thảo nguyên. Và cùng số phận đó cũng bao trùm lên những người đồng giáo với họ ở Kharkov này. Cuối cùng Blobel cũng tới nơi cùng với Hauptkommando, và tức tối phát hiện ra rằng chưa có biện pháp nào được thực thi, ngoài việc buộc người Do Thái phải đeo ngôi sao màu vàng. "Bọn họ làm cái quái quỷ gì ở Wehrmacht thế nhỉ?!! Họ muốn sống qua mùa đông cùng với ba mươi nghìn tên phá hoại và khủng bố à?" Ông ta mang theo người thay thế tiến sĩ Kehrig, vừa từ Đức sang; như vậy là tôi quay trở lại với các công việc của người phụ tá; xét theo tình trạng sức khỏe hiện nay thì điều đó không hề gây chút khó chịu nào. Sturmbannführer tiến sĩ Woytinek là một người bé nhỏ khô quắt, vẻ rầu rĩ, nuôi dưỡng trong mình một cảm giác rõ rệt về việc *không được tham gia chiến dịch ngay từ đầu* và hy vọng *sẽ nhanh chóng có cơ hội để có thể theo kịp người khác*. Quả thực, cơ hội sẽ đến; nhưng không phải ngay lập tức. Ngay khi đến nơi, Blobel và Vogt đã có những cuộc thương nghị với các đại diện của AOK để tổ chức một *Grosse Aktion* mới. Nhưng trong khoảng thời gian đó, von Rundstedt bị giáng chức vì đã rút quân khỏi Rostov và Führer chỉ định von Reichenau thay thế ông ta đứng đầu tập đoàn quân Nam. Chưa có ai được cử thay thế von Reichenau để chỉ huy đại đoàn số 6; hiện tại, AOK nằm dưới quyền của Oberst Heim, tham mưu trưởng; và ông ta, trong việc hợp tác với SP và SD, tỏ ra ít mặn mà hơn nhiều so với vị tướng cũ của mình. Ông ta không hề tỏ ra có bất kỳ phản đối nào về mặt nguyên tắc, nhưng ngày nào ông ta cũng gây những khó khăn mang tính thực tiễn mới cho những người xung quanh, và các

cuộc tranh luận cứ kéo dài lê thê. Blobel tức tối và trút cơn điên giận của mình lên các sĩ quan của Kommando. Tiến sĩ Woytinek thì làm quen với các loại tài liệu và cả ngày tra tấn tôi bằng những câu hỏi. Bác sĩ Sperath, khi nhìn thấy tôi, đã nhận xét: "Trông anh không được khỏe đâu nhé." – "Không sao đâu. Tôi chỉ hơi mệt thôi." – "Anh cần phải nghỉ ngơi." – Tôi cười khẩy: "Vâng, chắc là sau chiến tranh." Nhưng tôi cũng còn bị lãng trí bởi những vết bùn dính trên quần dài mà Hanika, có vẻ như đã trở nên khá cẩu thả, còn chưa giặt cho sạch.

Blobel đã đến Kharkov cùng chiếc xe cam nhông Saurer, và ông ta dự tính sẽ sử dụng nó trong hành động đã được lên kế hoạch. Cuối cùng ông ta cũng đã có thể thử nghiệm nó ở Poltava. Häfner, người có mặt ở đó – các Teilkommando đã được tập hợp ở Poltava trước khi cùng nhau hành quân đến Kharkov – kể lại cho tôi câu chuyện, vào một buổi tối ở phòng giải trí: "Thực sự thì không có chút tiến bộ nào đâu. Standartenführer đã cho đưa đàn bà và trẻ con lên trên đó, rồi ông ta nổ máy. Người Do Thái, khi hiểu ra sự việc, bắt đầu đập cửa và gào thét "Các ngài Đức thân mến! Các ngài Đức thân mến! Cho chúng tôi ra ngoài đi!". Tôi ngồi lại trong xe ôtô, cùng với Standartenführer đang uống rượu mạnh. Sau đó, trong khi mở cửa, tôi có thể nói với anh rằng không hề dễ chịu một chút nào đâu. Những cái xác ngập trong cứt và đồ nôn mửa, người ngợm thì kinh khủng. Findeisen, người lái chiếc cam nhông, cũng hít phải khí ga và nôn mửa khắp nơi. Thật kinh hoàng. Nếu đó là tất cả những gì người ta tìm ra để giúp chúng ta đơn giản hóa cuộc đời, thì họ nên nghĩ lại. Có thể thấy ngay rằng đó là một ý tưởng của dân ngồi bàn giấy quan liêu." – "Thế mà Standartenführer vẫn muốn tiếp tục sử dụng nó à?" – "Đúng thế! Nhưng tôi đảm bảo với anh là tôi sẽ không tham gia đâu."

Cuối cùng, những cuộc thương nghị với AOK cũng có kết quả. Blobel, được Ic Niemeyer ủng hộ, đã thắng thế với ý tưởng loại trừ dân Do Thái cũng như các loại người không được ưa chuộng khác và những kẻ bị tình nghi về mặt chính trị, thậm chí kể cả những kẻ không phải dân sở tại, sẽ giúp giảm bớt gánh

nặng về cung cấp lương thực, vấn đề ngày càng trở nên cấp thiết hơn. Wehrmacht, hợp tác với văn phòng nhà ở thành phố, chấp nhận đặt một địa điểm để Sonderkommando dùng làm nơi sơ tán, KhTZ, một nhà máy sản xuất máy kéo, với các khu lán trại dành cho công nhân. Nó nằm bên ngoài thành phố, cách trung tâm mười hai cây số, bên kia sông và trên con đường dẫn đi Matxcơva. Ngày 14 tháng Chạp, người ta dán thông báo ra lệnh cho tất cả dân Do Thái trong thành phố phải chuyển đến đó ở trong vòng hai ngày. Cũng như ở Kiev, người Do Thái tự đi lấy, không cần áp giải; và trong khoảng thời gian đầu tiên họ cũng thực sự được xếp ở trong các lán. Ngày chuyển cư, tuyết rơi, trời rất lạnh, bọn trẻ con kêu khóc. Tôi lấy một cái ôtô để đi đến KhTZ. Địa điểm không bị đóng cửa và có rất nhiều người đi lại. Vì trong những cái lán này không có cả nước lẫn đồ ăn và lò sưởi, người ta chạy đi tìm kiếm những gì cần thiết, và không ai làm gì để ngăn chặn họ; các tay chỉ điểm chỉ làm một việc là tìm kiếm những kẻ lan truyền tin đồn không hay và làm cho người khác lo sợ; người ta bắt họ một cách kín đáo và thủ tiêu họ dưới tầng hầm của Sonderkommando. Trong trại là cả một bầu không khí hỗn loạn, các lán trại đổ nát, lũ trẻ con gào thét, người già đã bắt đầu chết, và, vì các gia đình không thể chôn cất được cho họ, họ bị để nằm ngoài trời, đông cứng lại vì băng giá. Cuối cùng người ta đóng cửa trại lại và đặt một trạm canh của lính Đức. Nhưng dòng người vẫn tiếp tục đổ tới, những người Do Thái muốn đến chỗ gia đình mình, hoặc là những người vợ hoặc chồng là người Nga hoặc người Ukraine mang đồ ăn đến cho chồng, vợ hoặc con cái của mình; họ vẫn được phép ra vào trại, Blobel muốn tránh gây hoảng loạn và kín đáo dần dần thu hẹp cái trại lại. Wehrmacht cho rằng một hành động lớn duy nhất, giống như ở Kiev, sẽ gây ra quá nhiều phẫn nộ, và Blobel đã chấp nhận lập luận đó. Đêm trước Giáng sinh, Ortskommandantur mời các sĩ quan của Sonderkommando đến buổi tiếp tân tổ chức tại một phòng họp lớn của Đảng cộng sản Ukraine, đã được trang trí lại cho dịp này; trước một bữa tiệc rất thịnh soạn, chúng tôi uống rất nhiều rượu

một việc tốt; giờ đây, họ nói, bọn Phổ phản động già cả đó không thể kìm hãm ngài một cách khéo léo được nữa; vào mùa xuân, bọn Nga sẽ bị tiêu diệt. Ở Wehrmacht, người ta tỏ ra hoài nghi hơn. Von Hornbogen, Ic, nói đến những tin đồn về một cuộc tấn công về hướng Nam với mục tiêu là dầu mỏ vùng Caucase. "Tôi không hiểu được nữa, ông ta nói với tôi sau một hoặc hai cốc rượu ở chỗ phòng giải trí. Các mục tiêu của chúng ta là chính trị hay kinh tế vậy?" Cả hai, chắc thế, tôi đề xuất ý kiến; nhưng với ông ta vấn đề lớn nhất là vấn đề về phương tiện. "Người Mỹ sẽ phải mất một thời gian để tăng cao được sản lượng và tích tụ được đầy đủ trang thiết bị. Chúng ta vẫn còn thời gian. Nhưng nếu từ giờ đến lúc đó không kết thúc được với bọn Nga, thì chúng ta coi như là tiêu tùng." Dù sao thì những lời của ông ta cũng làm tôi thấy bị sốc; chưa bao giờ tôi nghe được một ý tưởng bi quan được trình bày một cách nặng nề như vậy. Tôi đã nghĩ đến khả năng về một chiến thắng ở phạm vi nhỏ hơn dự tính, một hòa bình thông qua thỏa hiệp, chẳng hạn thế, trong đó chúng tôi sẽ để lại cho Stalin nước Nga nhưng sẽ giữ lại Ostland và Ukraine, cũng như Crimée. Nhưng còn thất bại? Tôi chưa bao giờ nghĩ điều đó là có thể. Tôi rất muốn được tranh luận với Thomas, nhưng anh ở rất xa, tận Kiev, và tôi không nhận được tin tức gì của anh nữa kể từ khi anh được thăng cấp, trở thành Sturmbannführer, cái tin mà anh đã thông báo cho tôi trong thư trả lời cho lá thư gửi từ Péréiaslav. Ở Kharkov, không có nhiều người để tranh luận. Tối đến, Blobel uống rượu và chửi rủa Do Thái, cộng sản, thậm chí là cả Wehrmacht; các sĩ quan lắng nghe ông ta, chơi bi a, hoặc rút lui về phòng mình. Tôi thường xuyên chọn cách cuối cùng. Thời đó tôi đang đọc nhật ký của Stendhal, trong đó có những trang khó hiểu nhưng gần gũi một cách đáng kinh ngạc với tình cảm của tôi: *Từ chối Do Thái... Sự ngột ngạt của thời gian làm tôi khó thở... Sự đau đớn biến tôi thành cái máy...* Chính vì vậy, với cảm giác về sự bẩn thỉu do những cơn nôn mửa gây ra, tôi cũng bắt đầu có một sự chú ý gần như ám ảnh đến vệ sinh cá nhân; đã nhiều lần, Woytinek bắt gặp tôi đang ngấm vuốt bộ quân phục, tìm kiếm

những vết bùn hoặc những loại vết bẩn khác, và ra lệnh cho tôi phải ngừng ngay cái việc *lẩn thẩn ngớ ngẩn* đó lại. Ngay sau đợt thanh tra đầu tiên đối với *Aktion* tôi đã đưa bộ quần phục bẩn cho Hanika; nhưng mỗi lần anh ta đưa trả tôi lại tìm được những vết bẩn mới, và đến cuối cùng thì tôi không chịu đựng được nữa, tôi đã dùng những từ nặng nề để trách mắng sự lười biếng và thiếu năng lực trước khi ném cái cáo varơi vào mặt anh ta. Sperath đến hỏi tôi có ngủ ngon không; khi tôi trả lời ông ta là có, ông ta có vẻ hài lòng, và điều đó đúng, đêm đến tôi ngủ say như chết ngay khi nằm xuống giường, nhưng giấc ngủ của tôi lại đầy những cơn mộng mị nặng nề, nhọc nhằn, không hoàn toàn là những cơn ác mộng, mà giống như những dòng chảy ngầm trong lòng biển làm từ dưới đáy trào lên những đợt sóng trong khi mặt nước vẫn yên ả, phẳng lặng. Tôi phải nói thêm rằng tôi thường xuyên quay lại dự các cuộc hành quyết, không ai bắt tôi phải làm vậy, tôi tự mình đi đến đó. Tôi không bắn, nhưng tôi xem xét những người bắn, chủ yếu là các sĩ quan như Häfner hoặc Janssen, những người đã có mặt ở đó ngay từ lúc ban đầu và có vẻ như là cho đến giờ đã trở nên hoàn toàn thản nhiên trong công việc đao phủ của mình. Tôi cần phải trở nên giống như họ. Tôi cảm thấy, khi tự buộc mình phải chứng kiến cảnh tượng đó, không có ý định sử dụng nó như một thứ bê bối, một thứ tình cảm không thể vượt qua của sự bất tuân, của một sự vi phạm đáng ghê tởm cả cái Tốt và cái Đẹp, mà đúng hơn là một thứ bê bối tự sử dụng chính mình, và quả thực là người ta quen được với nó, xét về dài hạn người ta không còn cảm thấy gì nhiều nhặn về nó nữa; bằng cách ấy, những gì tôi đang tìm cách, một cách rào riết nhưng vẫn vô vọng, che kín đi, chính là cú sốc đầu tiên này, cái cảm giác về một đứt gãy, một sự rạn vỡ không ngừng nghỉ của con người tôi; thay vào đó, tôi chỉ còn cảm thấy một sự phấn khích ảm đạm và gây hoang mang, luôn luôn ngấn dần đi, chua chát, hòa lẫn với cơn sốt và các triệu chứng sức khỏe khác, và bằng cách đó, một cách chậm rãi, thậm chí chính tôi còn không kịp nhận ra, trong khi đi tìm ánh sáng tôi đã lao xuống bùn. Một sự cố nhỏ nhoi đã

chiếu một luồng sáng chói lên những vết nứt đang toác rộng miệng đó. Trong công viên tuyết phủ rộng lớn, đằng sau bức tượng Chevtchenko, người ta dẫn một nữ du kích trẻ đến chỗ giá treo cổ. Một đám người Đức xúm lại: các Landser của Wehrmacht và các Orpo, nhưng cũng có cả người của tập đoàn xây dựng Todt, các *Goldfasan* của *Ostministerium*, các phi công của Luftwaffe. Đó là một cô gái khá gầy, khuôn mặt có dấu vết của chứng hysteria, được bao bọc bởi mớ tóc đen nặng cắt ngắn một cách thô bạo, như thể bằng kéo cắt cành cây. Một sĩ quan trói tay cô ta lại, đặt dưới giá treo cổ và tròng dây thừng quanh cổ cô ta. Khi đó lính tráng và sĩ quan có mặt diễu qua trước mặt và lần lượt hôn lên miệng cô ta. Cô ta đứng câm lặng, hai mắt mở to. Một số người hôn dịu dàng, gần như thành kính, hơi giống với lũ học sinh; những người khác lại dùng hai tay tóm chặt lấy đầu cô và hôn mạnh lên. Đến lượt tôi, cô ta nhìn tôi, một cái nhìn sáng suốt và bừng tỉnh, sạch tinh không vướng bận gì hết, và tôi thấy rằng cô ta hiểu được tất cả, biết được tất cả, và trước cái biết thuần khiết đến mức đó tôi thấy người mình nóng bừng bừng. Quần áo tôi nổ lẹt đẹt, da bụng nứt toác, mỡ rơi thành từng giọt nhỏ, lửa ào lên trong hai mắt và miệng tôi và lau rửa bên trong đầu. Sự cháy mãnh liệt đến mức cô phải quay đầu đi. Tôi cháy thành tro, những gì còn lại biến thành pho tượng muối; nhanh chóng bị làm lạnh, từng phần của nó rơi rụng tách rời khỏi nhau, thoạt tiên là một bên vai, rồi một tay, rồi một nửa cái đầu. Cuối cùng tôi đổ sụp hoàn toàn xuống chân cô ta và gió thổi bay đi đống muối đó, phát tán đi khắp nơi. Viên sĩ quan đi sau đã tiến đến, và khi tất cả đã xong xuôi, người ta treo cổ cô ta lên. Trong nhiều ngày tôi suy nghĩ về cảnh tượng kỳ lạ đó; nhưng ý nghĩ ấy dựng lên trước mặt tôi giống như một cái gương, và tôi sẽ chỉ còn nhìn thấy được hình ảnh của chính mình, tất nhiên là ở chiều ngược lại, nhưng trung thực. Cơ thể cô gái kia với tôi cũng là một tấm gương. Sợi dây đã bị đứt hoặc người ta đã cắt nó, và cô ta hiện lên trong tuyết của công viên Công đoàn, cái gáy bị gãy gập, đôi môi phồng rộp, một bên vú để trần đã bị chó gặm mất. Mái tóc thô dày của cô ta tạo

thành một vòng sứa quanh đầu và với tôi trông cô ta đẹp tuyệt thế, sống trong cái chết như một kiểu thần tượng, Đức Mẹ Tuyết. Dù cho con đường mà tôi phải đi từ khách sạn đến văn phòng có như thế nào, tôi vẫn luôn thấy cô ta nằm đó, trên đường, một câu hỏi bướng bỉnh, gay gắt, ném tôi vào một mê cung đầy những suy nghĩ vô vọng và làm cho tôi trở nên hoang mang. Việc đó kéo dài hàng tuần liền.

Blobel ra lệnh kết thúc *Aktion* vài ngày sau lễ Năm Mới. Chúng tôi đã giữ lại hàng nghìn Do Thái ở KhTZ để làm những công việc nặng trong thành phố; sau đó họ sẽ bị xử bắn. Chúng tôi vừa được biết rằng Blobel sẽ bị thay đi. Bản thân ông ta đã biết từ nhiều tuần nay, nhưng không hề nói gì đến việc đó. Mặt khác cũng đã đến lúc ông ta cần phải đi. Kể từ khi đến Kharkov, ông ta đã trở thành một kẻ bê bết tính tình nóng nảy, ở vào trạng thái tồi tệ gần như ngang bằng với hồi ở Lutsk: một lúc nào đó, ông ta tập hợp chúng tôi lại để thể hiện sự vui sướng với những số liệu mới nhất của Sonderkommando, nhưng chỉ một lát sau, ông ta đã nổi điên, nói năng loạn xạ vì một chuyện ngu ngốc nào đó, một câu nhận xét không đúng ý. Một hôm, hồi đầu tháng Giêng, tôi vào phòng ông ta để trình một báo cáo của Woytinek. Không buồn chào hỏi, ông ta ném cho tôi một tờ giấy: "Xem cho tôi cái thứ cứt đái này." Ông ta đang say, mặt trắng bệch vì tức giận. Tôi cầm lấy tờ giấy: đó là một mệnh lệnh của Tướng von Manstein, chỉ huy đại đoàn số 11 ở Crimée. "Ông sếp Ohlendorf của anh đã chuyển cho tôi cái thứ này đấy. Đọc đi, đọc đi. Anh có thấy không, ở phía dưới ấy? *Thật mất tư cách khi các sĩ quan có mặt tại các cuộc hành quyết.* Mất tư cách! Bọn rẻ rách. Cứ như là những gì bọn họ làm thì có tư cách lắm ấy... cứ như là bọn họ cư xử với tù binh của họ có tư cách lắm ấy!... Tôi đã đi lính hồi Thế chiến trước. Trong cuộc Thế chiến đó chúng tôi chăm sóc tù binh, cho họ ăn, không để họ lăn ra chết đói như những con vật." Một chai rượu mạnh lăn lóc trên mặt bàn; ông ta rót ra một cốc lớn, và uống cạn một hơi. Tôi vẫn đứng trước bàn làm việc, không nói năng gì. "Cứ như là tất cả chúng ta không nghe lệnh từ một

nguồn ấy... Bọn chó đẻ. Chúng muốn tay mình sạch sẽ, cái lũ cứt đái khốn nạn bên Wehrmacht đó. Chúng muốn quẳng lại cho bọn ta những công việc bẩn thỉu." Ông ta điên lên, mặt tím bầm lại. "Lũ chó. Rồi sau đó chúng lại còn muốn nói với chúng ta: "À không, chúng tôi có làm gì kinh khủng đâu. Bọn họ đấy chứ, những bọn khác ấy, lũ sát nhân SS ấy. Chúng tôi có liên quan gì đâu. Chúng tôi đã chiến đấu như những người lính, đầy danh dự." Nhưng ai là kẻ đã chiếm những thành phố mà chúng ta phải dọn sạch đó? Hử! Ai là kẻ mà chúng ta phải bảo vệ, khi chúng ta tiêu diệt lũ du kích và bọn Do Thái cùng tất cả bọn cặn bã kia? Anh tưởng là chúng than vãn à? Chúng đang đòi hỏi điều đó ở chúng ta đấy chứ!" Ông ta hét tướng lên, nước bọt văng tung tóe. "Cái thằng Manstein rác rưởi đó, cái thằng đạo đức giả đó, cái loại Do Thái nửa mùa đó, cái đồ dạy chó giơ cẳng lên khi nghe thấy câu "Heil Hitler", và cũng là kẻ cho treo lên đằng sau bàn làm việc của hắn, cái này là Ohlendorf kể cho tôi đấy nhé, một tấm panô viết dòng chữ: *Nhưng Führer sẽ nói gì về chuyện đó?* Thì đúng là như thế mà, Führer của chúng ta sẽ nói gì về chuyện đó? Ông ấy sẽ nói gì, khi AOK 11 yêu cầu Einsatzgruppe của mình thanh trừng tất cả bọn Do Thái ở Simferopol trước Giáng sinh, để các sĩ quan có thể mừng lễ trong tình trạng *judenfrei?* Và rồi sau đó bọn chúng lại còn hươu vượn về danh dự của Wehmacht? Lũ lợn. Kẻ nào đã ký *Kommissarbefehl?* Kẻ nào đã ký lệnh xét xử theo các tài phán? Kẻ nào? Reichsführer chăng?" ông ta ngừng lời để lấy hơi và uống thêm một cốc nữa; ông ta bị sặc rượu, ngạt thở, phát ho. "Nếu mà mọi chuyện xoay ra không thuận lợi, thì bọn chúng sẽ quẳng hết trách nhiệm lên đầu chúng ta. Tất cả. Bọn chúng sẽ thoát ra khỏi một cách sạch sẽ, một cách duyên dáng, bằng cách ve vẩy giấy chùi đít như thế này này" – ông ta đã giật lại từ tay tôi tờ giấy và huơ huơ trong không khí – "và vừa làm thế vừa nói: "Không, chúng tôi có giết bọn Do Thái, bọn ủy viên, bọn Digan đâu, chúng tôi có thể chứng minh điều đó, các ông thấy không, chúng tôi không hề đồng ý, tất cả là do lỗi của Führer và bên SS"..." Ông ta quay sang cằn nhằn. "Mẹ

kiếp, ngay cả khi chúng ta chiến thắng bọn chúng cũng sẽ lật lọng thôi. Bởi vì, nghe tôi nói này, Aue, nghe tôi cho kỹ nhé" – giờ đây ông ta gần như thì thầm, giọng khàn đi – "đến một ngày nào đó tất cả sẽ lòi ra. Tất cả. Có quá nhiều người biết, quá nhiều nhân chứng. Và khi mọi chuyện lòi ra, dù cho chúng ta thắng hay thua cuộc chiến này thì cũng vẫn có những tin đồn, sẽ là một vụ bê bối lớn đấy. Cần phải hy sinh mạng người. Và bọn họ sẽ dùng mạng chúng ta để phục vụ cho đám đông trong khi tất cả lũ Phổ-Do Thái như von Manstein, tất cả các loại von Rundstedt và von Brauchitsch và von Kluge sẽ quay trở về với những trang viên đầy tiện nghi theo lối *von* của bọn họ để viết các hồi ký *von*, sẽ vỗ vỗ đập đập lưng người này người kia vì đã từng là những người lính *von* nghiêm chỉnh và đáng kính. Và chúng ta sẽ bị xếp xó thôi. Bọn họ sẽ tổ chức cho chúng ta một ngày 30 tháng Sáu, chỉ trừ một cái là lần này bọn bồ câu sẽ là SS. Lũ khốn nạn." Ông ta khạc nhổ khắp nơi lên đống giấy tờ của mình. "Lũ khốn nạn, lũ khốn nạn. Đầu chúng ta xếp trên một cái khay, còn bọn chúng thì có những bàn tay trắng muốt sạch sẽ và duyên dáng, cắt tỉa gọn ghẽ, không vương lấy một giọt máu. Cứ như là không một kẻ nào trong số bọn chúng từng ký một lệnh hành quyết vậy. Cứ như là không một kẻ nào trong số bọn chúng chưa từng giơ tay lên mà hét "Heil Hitler!" khi người ta nói với bọn chúng về chuyện giết Do Thái vậy." Ông ta nhảy bật dậy khỏi ghế, đứng nghiêm người, ưỡn ngực ra phía trước, tay giơ lên gần như theo chiều thẳng đứng, và gầm lên: "Heil Hitler! Heil Hitler! Sieg Heil!" Rồi ông ta vụt ngồi xuống và bắt đầu lẩm bẩm. "Lũ khốn nạn. Bọn chó đẻ đáng thương đầy tư cách. Giá mà chúng ta cũng có thể xử bắn luôn cả bọn chúng. Không phải là Reichenau, ông ấy là một moujik, nhưng bọn khác, tất cả bọn khác." Ông ta nói năng ngày càng rời rạc hơn. Cuối cùng ông ta im lặng. Tôi tận dụng thời cơ để chìa nhanh cho ông ta bản báo cáo của Woytinek và cáo từ. Ông ta lại bắt đầu la hét khi tôi vừa bước chân qua ngưỡng cửa nhưng tôi không dừng lại.

Cuối cùng người thay thế cũng đến. Blobel không dài dòng:

ông ta đọc một bài diễn văn từ biệt ngắn gọn và lên chuyến tàu đầu tiên đi Kiev. Không ai, tôi tin vậy, tiếc ông ta, nhất là khi chỉ huy mới của chúng tôi, Standartenführer tiến sĩ Erwin Weinmann, trái ngược một cách tích cực với người tiền nhiệm của mình. Đó là một người còn trẻ, chỉ hơn tôi vài tuổi, rất có phong thái, khuôn mặt đầy tư lự, gần như buồn bã, và là một đảng viên quốc xã thực thụ, đầy lòng tin. Cũng giống như tiến sĩ Thomas, ông ta là bác sĩ, nhưng đã làm việc cho *Staatspolizei* từ nhiều năm. Ông ta gây được ấn tượng tốt ngay lập tức. "Tôi đã ở Kiev nhiều ngày cùng Brigadeführer Thomas," ông ta thông báo ngay với chúng tôi, "và ông ấy đã nói cho tôi biết những khó khăn vô cùng lớn mà các sĩ quan và người của Kommando này phải đối mặt. Hãy tin rằng việc nước Đức tự hào về các anh không phải là một chuyện ất ơ. Tôi sẽ dành những ngày sắp tới để làm quen với công việc của Kommando; để làm được điều đó, tôi rất mong có thể thảo luận thẳng thắn và tự do với từng người trong số các anh, từng cá nhân một."

Weinmann mang đến cho chúng tôi một tin quan trọng. Cuối cùng von Reichenau đã được thuyên chuyển khỏi vị trí chỉ huy AOK 6 hồi đầu năm, thế chỗ là một người mới bắt đầu tham gia các chiến dịch, Tướng Friedrich Paulus của bên Panzertruppe, một trong số các sĩ quan tham mưu kể từ 1940 đã được giao nhiệm vụ lập kế hoạch ở OKW, và là người mà ông ta đánh giá rất cao. Thế nhưng Paulus đã mất đi người bảo trợ của mình. Ngay trước hôm Weinmann đến Kharkov, sau buổi chạy bộ buổi sáng dưới nhiệt độ âm 20, von Reichenau gục ngã, đột quỵ vì đau tim theo một số người, còn theo những người khác vì một cơn nghẽn mạch máu não; Weinmann đã biết tin khi còn ở trên tàu, qua một sĩ quan của AOK. Vì von Reichenau vẫn còn sống, Führer ra lệnh đưa ông ta về Đức; máy bay chở ông ta rơi gần Lemberg, và người ta tìm được ông ta vẫn được buộc chặt vào ghế ngồi, cây gậy Feldmarschall cầm trên tay, kết cục thật đáng buồn đối với một anh hùng của nước Đức. Sau nhiều do dự, người ta chỉ định Generalfeldmarschall von Bock thay chỗ ông ta; cùng

ngày bổ nhiệm, quân Xô viết, với mong muốn mở rộng chiến thắng của mình ở Matxcơva, tổ chức một cuộc tấn công từ Izyoum, phía Nam Kharkov, theo hướng Poltava. Giờ đây nhiệt độ đã là âm 30, gần như không một chiếc xe nào còn có thể chạy được nữa, việc tiếp tế lương thực được tiến hành bằng xe lửa *panje* và *Rollbahn* mất đi nhiều người hơn cả các sư đoàn ở mặt trận. Người Nga ồ ạt bày ra trận địa một loại xe tăng mới rất đáng gờm, xe T-34, không sợ lạnh và làm cho các Landser hoảng hốt; thật may mắn, bọn họ không kháng cự lại nổi những khẩu .88 của chúng tôi. Paulus chuyển AOK 6 từ Poltava đến Kharkov, việc này khiến cho thành phố của chúng tôi trở nên sôi động. Chắc chắn là quân Đỏ có ý định bao vây Kharkov, nhưng gọng kìm Bắc của họ không bao giờ khởi động được; gọng kìm Nam xuyên thủng được phòng tuyến của chúng tôi và phải vất vả lắm chúng tôi mới giữ chân được họ trước Krasnograd và Paulograd, vào khoảng cuối tháng, vụ này khiến cho chúng tôi bị khoét thủng một khoảng nghiêm trọng dài đến bảy mươi cây số, một đầu cầu đầy nguy hiểm phía bên kia sông Donets. Phía sau phòng tuyến của chúng tôi bọn du kích gia tăng hoạt động; ngay cả Kharkov cũng trở nên kém an toàn: những vụ tấn công, mặc dù bị đàn áp mạnh mẽ, liên tục xảy ra; hẳn là trong việc đó có vai trò của nạn đói đang hoành hành trong thành phố. Sonderkommando không bị loại trừ. Một hôm, ngay đầu tháng Hai, tôi có hẹn trong một văn phòng của Wehrmacht trên Maidan Tereleva, ở trung tâm thành phố. Hanika đi cùng tôi để tìm cách kiếm cái gì đó cải thiện cho khẩu phần ăn của chúng tôi và tôi để anh ta đi mua đồ. Cuộc hẹn diễn ra ngắn gọn, tôi nhanh chóng ra khỏi tòa nhà. Ở đầu bậc tam cấp, tôi dừng lại để hít thở làn không khí lạnh giá, sắc lẻm, rồi châm một điếu thuốc. Tôi vừa rít những hơi thuốc đầu tiên vừa ngắm nhìn quảng trường. Bầu trời sáng rực, cái màu xanh vô cùng thuần khiết của mùa đông nước Nga mà người ta không thể nhìn thấy ở bất kỳ nơi nào khác. Bên cạnh, ba bà già nông trường ngồi trên mấy cái thùng chờ có khách đến mua mấy thứ rau cỏ quắt queo nghèo nàn; trên quảng trường, dưới chân

bức tượng do Bônsêvich dựng để kỷ niệm giải phóng Kharkov (năm 1919), vài đứa trẻ con đang chơi đá bóng với một quả bóng quấn bằng giẻ, mặc cho trời lạnh. Một vài Orpo của chúng tôi đang thơ thẩn cách xa một chút. Hanika đứng ở góc phố, gần chiếc Opel vẫn để nổ máy. Hanika có vẻ nhợt nhạt, khép nép; những cơn giận dữ gần đây của tôi làm anh ta bị tổn thương; tôi cũng vậy, anh ta làm tôi tức tối. Một đứa bé khác chạy ra từ một phố nhỏ và lao về phía quảng trường. Trên tay nó cầm một cái gì đó. Đến ngang chỗ Hanika đang đứng nó nổ tung. Vụ nổ thổi bay cửa kính của chiếc Opel, tôi nghe rất rõ tiếng thủy tinh đập xuống hè phố. Các Orpo, hoảng sợ, bắt đầu nã đạn vào lũ trẻ con đang chơi bóng. Mấy bà già la hét, quả bóng rách tan, vấy đầy máu. Tôi chạy về phía Hanika: anh ta đang quỳ gối trên tuyết, tay giữ chặt lấy bụng. Da mặt anh ta, lốm đốm mụn, nhợt nhạt đáng sợ, trước khi tôi kịp đến nơi, đầu anh ta ngật ra sau và đôi mắt xanh của anh ta, tôi có thể thấy rất rõ, hòa lẫn vào với màu trời. Bầu trời xóa đi đôi mắt của anh ta. Rồi anh ta đổ người sang một bên. Thằng bé đã chết, một tay rụng ra; trên quảng trường, các cảnh sát, trong cơn sốc, tiến lại gần những đứa trẻ nằm chết mà mấy bà già nông trường đang vừa lay gọi vừa hét lên những tiếng lanh lảnh. Weinmann tỏ ra lưu tâm đến vụ nã súng lung tung của các Orpo hơn là cái chết của Hanika: "Thật không thể chấp nhận được. Chúng ta đang cố gắng cải thiện quan hệ với dân địa phương thì các anh lại giết con cái của họ. Cần phải xử." Tôi tỏ ra hoài nghi: "Sẽ khó đấy, Herr Standartenführer. Phản ứng của họ thật không hay, nhưng có thể hiểu được. Ngoài ra, chúng ta đã sai họ bắn trẻ con từ hàng tháng nay rồi; sẽ rất khó để xét xử họ về cùng một điều như vậy." – "Không phải là cùng một điều! Bọn trẻ con mà chúng ta xử tử là những kẻ bị kết án! Còn đây là những đứa trẻ vô tội." – "Nếu ngài cho phép, Herr Standartenführer, cơ sở mà chúng ta dựa trên để kết án khiến cho một sự phân biệt như vậy trở nên võ đoán." Ông ta mở to mắt và hai lỗ mũi phập phồng vì tức giận; rồi ông ta kiềm chế được và nhanh chóng bình tĩnh lại. "Chúng ta thay đổi chủ đề thôi, Hauptsturmführer. Dù

sao thì từ nhiều ngày nay tôi cũng đã muốn nói chuyện với anh rồi. Tôi cho là anh đang rất mệt mỏi. Bác sĩ Sperath nghĩ rằng anh đang bị suy nhược thần kinh." – "Xin lỗi, Herr Standartenführer, nhưng cho phép tôi được phản đối ý kiến đó. Tôi cảm thấy rất khỏe." Ông ta mời tôi một điếu thuốc và châm một điếu khác cho mình. "Hauptsturmführer, tôi là bác sĩ chuyên nghiệp. Cả tôi cũng biết nhận ra một số triệu chứng đấy. Anh bị, như người ta vẫn nói một cách thô thiển ấy, lử ra rồi. Mặt khác anh cũng không phải là người duy nhất như vậy: gần như tất cả các sĩ quan của Kommando đều kiệt sức. Dù thế nào đi nữa, nhờ mùa đông mà chúng ta có thể giảm đến tối thiểu các hoạt động và có thể tự cho phép tiến hành công việc với số lượng người giảm đi trong vòng một hoặc hai tháng. Một số sĩ quan sẽ được hoặc chuyển đi, hoặc được nghỉ phép dài ngày vì lý do sức khỏe. Những người có gia đình sẽ về Đức. Những người khác, giống như anh, sẽ đi Crimée, đến một khu điều dưỡng của Wehrmacht. Có vẻ như là ở đó rất đẹp. Thậm chí anh còn có thể tắm biển, từ đây đến vài tuần nữa." Một nụ cười mỉm thoáng qua trên khuôn mặt hẹp của ông ta và ông ta chìa cho tôi một cái phong bì. "Đây là các thứ giấy tờ đi lại của anh và giấy chứng nhận. Tất cả đều đã được chuẩn bị. Anh có hai tháng, sau đó chúng ta sẽ xem xét. Nghỉ ngơi thoải mái nhé."

Quyết định của Weinmann gây cho tôi một sự căm ghét và các tối đầy phi lý; nhưng khi đến Crimée, tôi hiểu ngay ra rằng ông ta có lý. Trong suốt chuyến đi dài bằng tàu hỏa, tôi suy nghĩ rất ít, để mặc cho ý nghĩ của mình phiêu lưu trên những mảng tuyết trắng mênh mông. Tôi tiếc Hanika. Khi tôi quay về nhà chuẩn bị đồ đạc, căn phòng quạnh quẽ làm tim tôi thắt lại; tôi có cảm giác rằng từ đầu đến chân mình lấm đầy máu của Hanika và tôi thay quần áo trong cơn điên giận; tất cả các bộ quân phục mà tôi có đều khiến tôi có cảm giác không sạch sẽ, điều đó làm tôi nổi cáu. Tôi phải nôn mửa thêm một lần nữa; nhưng khóc thì thậm chí tôi còn không nghĩ đến. Tôi đi ngay khi có thể, qua ngả

Dniepropetrovsk để đến Simferopol. Phần lớn những người trên tàu đều là người bệnh đang bình phục hoặc những người nghỉ phép, được người ta gửi đi nghỉ ngơi sau những điều kinh hoàng của mặt trận. Một bác sĩ quân y nói với tôi rằng, chỉ trong tháng Giêng, vì giá lạnh và bệnh tật, chúng tôi đã mất đi số lượng người tương đương với mười hai sư đoàn. Nhiệt độ có tăng lên một chút, và chúng tôi bắt đầu hy vọng rằng điều khủng khiếp nhất đã qua; nhưng đó chính là một trong những mùa đông tệ hại nhất trong lịch sử loài người, và không chỉ là ở Nga, lạnh đến nỗi khắp nơi trên châu Âu người ta phải đốt sách, đồ gỗ hoặc đàn piano, ngay cả những thứ cổ nhất, cũng như đây đó trên lục địa người ta đốt những gì từng làm nên niềm tự hào của nền văn minh chúng ta. Bọn Mọi đen trong rừng rậm của chúng, tôi cay đắng tự nhủ, nếu có biết chuyện này, thì hẳn là chúng sẽ thích chí lắm. Những tham vọng điên rồ của chúng tôi vào lúc này không mang lại được kết quả như dự tính từ trước, và ở khắp nơi sự đau khổ tăng lên, và mở rộng thêm nữa. Ngay cả Reich cũng không phải là ngoại lệ: người Anh tung đến những phi đội máy bay ném bom lớn, nhất là ở vùng Ruhr và sông Rhin; các sĩ quan có gia đình ở các vùng đó bị tác động rất mạnh. Chỉ tính trong khoang tàu của chúng tôi, một Hauptmann bên pháo binh, bị thương vào chân trong trận đánh ở Izyoum, đã mất hai đứa con trong một trận bom ở Wuppertal; người ta đã đề nghị anh ta trở về, nhưng anh ta xin đi Crimée, vì không muốn gặp lại vợ. "Tôi sẽ không thể làm được việc đó," anh ta nói ngắn gọn trước khi rút lui trở lại vào bên trong sự câm lặng của mình.

Viện bác sĩ quân y, một người Viên khá to béo, gần như hói đầu và tên là Hohenegg, tỏ ra là một người bạn đường dễ chịu. Đó là một giáo sư, giữ một ghế giảng dạy quan trọng ở Viên, giờ phụ trách khám nghiệm giải phẫu-bệnh học cho cả đại đoàn số 6. Ngay cả khi trình bày những ý tưởng nghiêm túc nhất, cái giọng nói dịu dàng, gần như mượt mà của ông ta vẫn như thể để lộ một chút gì đó mỉa mai. Nghề y đã mang lại cho ông ta những cái nhìn mang tính triết học: chúng tôi tranh luận với nhau rất lâu về

những điều đó trong khi đoàn tàu đi qua vùng thảo nguyên phía bên kia Zaporogue, hoang vắng bóng người giống như ở biển khơi. "Lợi thế của giải phẫu-bệnh học, ông ta nói với tôi, là cứ làm mãi công việc rạch xác những con người ở đủ mọi lứa tuổi và ở mọi giới tính, người ta sẽ có cảm giác rằng cái chết đã mất đi khía cạnh đáng sợ của nó, chỉ còn là một hiện tượng vật lý bình thường và tầm thường ngang bằng với các chức năng tự nhiên của cơ thể. Tôi còn có thể rất bình thản mà tưởng tượng ra chính bản thân tôi nằm trên một cái bàn phẫu thuật, dưới bàn tay của người thế chỗ tôi, người sẽ hơi bĩu môi khi quan sát tình trạng gan của tôi." – "A, nhưng đó là vì ông có may mắn vì được tiếp xúc với họ khi họ đã chết thôi. Mọi chuyện sẽ khác hẳn, như vẫn thường xảy ra ở đây, nhất là khi người ta làm ở SD, người ta sẽ phải tham dự chính cái *bước đi sang bên kia thế giới*." – "Thậm chí người ta còn đóng góp vào đó nữa." – "Chính xác. Dù cho thái độ và ý thức hệ của anh ta là gì đi chăng nữa, người chứng kiến sẽ không bao giờ nắm bắt được hoàn toàn kinh nghiệm của kẻ chết." Hohenegg tư lự: "Tôi hiểu điều anh muốn nói. Nhưng cái hố đó chỉ tồn tại với người nào nhìn vào thôi. Bởi vì chỉ một mình anh ta có thể phân biệt được rõ ràng cả hai khía cạnh. Người sắp chết thì chỉ làm một việc là chịu đựng một điều gì đó hỗn độn, ít nhiều ngắn gọn, ít nhiều bạo tàn, nhưng dù thế nào đi nữa thì cái đó cũng sẽ luôn tuột mất khỏi ý thức của anh ta. Anh có biết Bossuet không?" – "Thậm chí là bằng tiếng Pháp," tôi mỉm cười, trả lời bằng tiếng Pháp. – "Tuyệt vời. Tôi thấy rằng anh có được một học vấn rộng hơn khá nhiều so với của một chuyên gia luật cỡ trung bình đấy." Ông ta đọc cho tôi nghe vài đoạn bằng một thứ tiếng Pháp khá giật cục, đứt đoạn: "*Cái thời điểm cuối cùng đó, cái sẽ bằng một đường số thẳng xóa nhòa đi toàn bộ cuộc đời bạn, chính nó cũng sẽ lạc lối, với tất cả những điều khác nữa, trong cái hố thẳm hư vô mênh mông ấy. Trên trái đất sẽ không còn lại vết tích gì của cái mà chúng ta từng là: da thịt sẽ thay đổi bản chất; cơ thể sẽ mang một cái tên mới; ngay cả cái xác cũng sẽ không tồn tại lâu dài. Nó sẽ trở thành, Tertullien từng nói, một-thứ-mà-tôi-không-biết-*

là-cái-gì không có tên trong bất kỳ ngôn ngữ nào."" – "Cái này, tôi nói, rất chuẩn để nói về cái chết, tôi vẫn thường xuyên nghĩ thế. Chỉ có người sống là vấp phải vấn đề thôi." – "Cho đến cái chết của chính họ," ông ta vừa nháy mắt vừa đáp lời. Tôi khẽ cười và ông ta cũng vậy; các hành khách khắc cùng khoang, đang bàn luận về xúc xích hoặc đàn bà, ngạc nhiên quan sát chúng tôi.

Tại Simferopol, ga cuối cùng, người ta cho chúng tôi lên những chiếc cam nhông hoặc xe cứu thương để chuyển đến Yalta. Hohenegg, đến đây để thăm các bác sĩ của AOK 11, ở lại Simferopol; tôi cảm thấy nuối tiếc khi phải chia tay ông ta. Đoàn xe đi lên một con đường núi, ở phía Đông, qua Alouchta, bởi vì Bakhtchi-Sarai vẫn nằm trong khu vực chiến sự của cuộc bao vây Sébastopol. Người ta cho tôi vào một khu điều dưỡng nằm ở phía Tây Yalta, phía trên con đường đi Livadia, lưng quay về phía những ngọn núi dốc đứng tuyết phủ sừng sững chế ngự thành phố, một lâu đài hoàng gia cổ được cải tạo thành *Kurort* dành cho công nhân Xô viết, bị hư hại một chút bởi các trận chiến, nhưng đã được nhanh chóng sửa sang và sơn lại. Tôi có được một căn phòng nhỏ dễ chịu nằm trên tầng ba, có phòng tắm và ban công nhỏ: đồ đạc trong phòng không được tốt lắm, nhưng dưới chân tôi, phía bên kia hàng cây bách, biển Đen trải rộng, nhẵn lì, màu ghi, lặng tờ. Tôi ngắm nhìn nó không chán mắt. Tuy trời vẫn còn hơi lạnh, không khí ở đây dịu hơn hẳn so với ở Ukraine, và tôi có thể ra ngoài ban công hút thuốc; nếu không, nằm trên divăng đối diện với cái cửa sổ thấp, tôi dành hàng giờ đọc sách một cách yên tĩnh. Tôi không thiếu cái để đọc: tôi có sách riêng của mình và ngoài ra khu điều dưỡng cũng có một thư viện, chủ yếu gồm sách do các bệnh nhân trước đó để lại, rất đa dạng và thậm chí còn có cả, bên cạnh một quyển *Huyền thoại thế kỷ XX* rất khó hiểu, các bản dịch tiếng Đức tác phẩm của Tchekhov mà tôi sung sướng khám phá. Tôi không hề có ràng buộc gì về điều trị. Khi tôi đến nơi một bác sĩ đã khám và bảo tôi miêu tả các triệu chứng. "Không sao đâu, ông ta kết luận sau khi đọc thư của bác sĩ Sperath. Suy nhược thần kinh. Nghỉ ngơi, tắm biển, không phấn

khích quá, uống ít rượu nhất có thể được, và để phòng gái Ukraine. Mọi chuyện sẽ tự ổn thỏa thôi. Chúc vui vẻ nhé."

Trong khu bao phủ một bầu không khí vui tươi: phần lớn bệnh nhân và những người đang bình phục là các sĩ quan cấp thấp còn trẻ, thuộc tất cả các hình thức quân đội, nơi tràn ngập bầu không khí khá nhà nhớt, vào buổi tối, nguyên do là thứ rượu vang Crimée phục vụ trong bữa ăn và tình trạng hiếm hoi phụ nữ. Có lẽ điều đó cũng góp phần tạo ra sự tự do đáng kinh ngạc trong giọng điệu của các cuộc tranh luận: những câu chuyện cười hiểm hóc nhất về Wehrmacht và các chức sắc trong Đảng; một sĩ quan vừa chìa cho tôi xem tấm huân chương nhận được cho chiến dịch mùa đông vừa hỏi tôi, vẻ tinh quái: "Thế còn các anh ở SS, các anh vẫn chưa nhận được Huân chương thịt đông lạnh à?" Sự hiện diện của một sĩ quan SD không hề khiến những anh chàng trẻ tuổi kia cảm thấy phiền chút nào; có vẻ như là họ đã mặc nhiên nghĩ rằng tôi chia sẻ các ý kiến táo bạo nhất mà họ trình bày. Những người có óc phê phán mạnh mẽ nhất là sĩ quan của tập đoàn quân Trung tâm; trong khi ở Ukraine chúng tôi sẵn sàng coi việc cử đại đoàn thiết giáp số 2 của Guderian đến hỗ đầu tháng Tám là một hành động thiên tài, gây bất ngờ cho quân Đỏ và cho phép khai thông mặt trận phía Nam đang sa lầy và chiếm được Kiev cũng như kịp thời tiến đến được Donets, thì các sĩ quan của tập đoàn quân Trung tâm lại cho rằng đó là một trò điên rồ của Führer, một sai lầm mà thậm chí một số người còn cho rằng mang tính tội phạm. Nếu không có chuyện đó, họ hăng hái lập luận, thay vì giẫm chân tại chỗ suốt hai tháng quanh Smolensk, chúng ta đã chiếm được Matxcơva vào tháng Mười, chiến tranh hẳn là đã kết thúc hoặc gần như vậy, và hẳn là người ta đã tránh được cho lính tráng phải gánh chịu một mùa đông trong những cái hố tuyết đó, chi tiết mà dĩ nhiên là các quý ngài ở OKH không biết phải giải quyết như thế nào, bởi vì đã bao giờ có ai nhìn thấy một ông tướng bị giá lạnh làm cứng cả chân lại chưa? Lịch sử, kể từ đó, rõ ràng đã cho thấy là họ có lý, phần lớn các chuyên gia đều nhất trí về điểm này; nhưng các triển vọng thời đó không

giống hệt như vậy, những câu nói theo dạng đó bị coi là mang tinh thần nhụt chí, thậm chí vô kỷ luật. Nhưng chúng tôi đang đi nghỉ, chuyện đó không sao hết, tôi không hề thấy có vấn đề gì. Ngoài ra, từng đó sự vui nhộn, từng đó những chàng trai đẹp đẽ và vui vẻ làm dấy lên những tình cảm và ham muốn mà đã hàng tháng dài đằng đẵng tôi chưa hề có được. Và tôi thấy không phải là không thể tìm cách tự thỏa mãn ở đó: vấn đề duy nhất là lựa chọn sao cho thật khéo. Tôi thường ăn tối với một Leutnant trẻ tuổi của Waffen-SS tên là Willi Partenau. Mảnh khảnh, cơ thể đẹp, mái tóc sẫm gần như màu đen, anh mang trên ngực một vết thương dính phải trong trận Rostov. Tối đến, trong khi những người khác đánh bài và chơi bi a, hát hò, hoặc uống rượu ở quầy bar, thỉnh thoảng chúng tôi nán lại bàn để nói chuyện, trước một cửa kính của phòng khách. Partenau sinh ra trong một gia đình Kitô giáo tiểu tư sản vùng sông Rhin. Tuổi thơ của anh rất khó khăn. Ngay trước cuộc khủng hoảng 1929, gia đình anh chao đảo bên bờ vực của vô sản; bố anh, một quân nhân tầm vóc nhỏ bé nhưng có óc bạo chúa, bị ám ảnh bởi vấn đề vị trí trong xã hội, và đã phung phí những nguồn thu nhập ít ỏi của cả gia đình để trau chuốt cho vẻ bên ngoài: ngày nào họ cũng phải ăn khoai tây với bắp cải, nhưng ở trường bọn trẻ con phải mặc tươm tất, cổ cồn cứng đơ và giày đánh xi bóng loáng. Partenau được nuôi dạy trong một bầu không khí tôn giáo ngặt nghèo; chỉ cần mắc một lỗi nhỏ nhất là anh sẽ bị bố bắt phải quỳ gối trên sàn đá hoa lạnh giá để cầu nguyện; anh đã đánh mất niềm tin của mình từ rất sớm, hoặc đúng hơn là đã thay thế nó bằng chủ nghĩa quốc xã. Các Hitlerjugend, rồi SS, cuối cùng đã tạo cơ hội cho anh thoát được khỏi cái nơi ngột ngạt đó. Anh vẫn còn đang trong đợt huấn luyện tân binh thì các chiến dịch Hy Lạp và Nam Tư nổ ra, và anh cảm thấy đau buồn vì không được tham gia; niềm vui trở nên vô bờ bến khi anh được bổ vào "Leibstandarte Adolf Hitler" trong cuộc tấn công nước Nga. Một tối, anh thú nhận là mình đã thấy kinh hoàng trong kinh nghiệm đầu tiên với các phương pháp triệt để mà Wehrmacht và SS sử dụng để chống lại bọn du kích; nhưng

lòng tin sâu sắc của anh, rằng chỉ một đối thủ mọi rợ và hoàn toàn phi nhân tính mới có thể khiến người ta phải dùng đến những biện pháp cực đoan đến vậy, đã được củng cố. "Ở SD, hẳn là các anh đã phải chứng kiến nhiều điều thảm khốc lắm," anh nói thêm; tôi xác nhận điều đó, nhưng cũng nói thêm rằng không thích bàn về chủ đề này nữa. Thay vào đó tôi nói cho anh một chút về cuộc đời tôi, và nhất là về tuổi thơ của tôi. Tôi đã từng là một đứa bé yếu ớt. Em gái tôi và tôi mới lên một tuổi thì bố tôi đi ra trận. Sữa và thực phẩm khan hiếm, tôi gầy gò, nhợt nhạt, thần kinh căng thẳng. Hồi đó tôi thích chơi bời trong khu rừng gần nhà; chúng tôi sống ở Alsace, ở đó có những khu rừng lớn, tôi quan sát những con côn trùng hoặc nhúng chân xuống suối. Một sự cố vẫn còn in đậm dấu ấn trong ký ức tôi: trên một bãi cỏ hoặc một cánh đồng, tôi tìm thấy một con chó nhỏ bị bỏ rơi, vẻ khốn khổ, và trái tim tôi đem lòng thương xót nó, tôi muốn mang nó về nhà; nhưng khi tôi tiến lại gần để bắt lấy nó, con chó con liền hoảng sợ bỏ chạy. Tôi cố nói với nó thật dịu dàng, dụ nó đi theo mình, nhưng nó không để cho tôi lại gần. Cuối cùng, tôi ngồi bệt xuống cỏ và òa khóc, cảm thấy tan vỡ vì thương xót con chó con đang không chịu để cho tôi giúp. Tôi cầu xin nó: "Xin mày nào, chó ơi, đến đây với tao đi!" Cuối cùng nó cũng làm vậy. Mẹ tôi kinh hoàng khi nhìn thấy nó đang nhảy nhót trong vườn nhà chúng tôi, cổ bị buộc vào lan can, và bà dùng rất nhiều lý lẽ để thuyết phục tôi mang nó đến Hội bảo vệ súc vật nơi, từ lâu tôi vẫn luôn nghĩ, người ta sẽ giết nó ngay khi tôi quay lưng đi. Nhưng có lẽ là sự cố đó đã xảy ra sau chiến tranh và sau khi bố tôi trở về, ở Kiel, nơi chúng tôi đã từng rời khỏi khi quân Pháp chiếm Alsace. Bố tôi, cuối cùng cũng trở về, rất ít nói, vẻ trầm lặng, đầy cay đắng. Với các bằng cấp của mình, không khó khăn gì để ông có được một vị trí tốt trong một hãng lớn; ở nhà, ông thường nhốt mình trong thư viện, nơi, khi ông không có ở nhà, tôi thường lén luồn vào để chơi với những con bướm ép của ông, vài con to bằng cả một bàn tay người lớn, mà tôi lôi ra khỏi hộp và quay tròn trên một cái kim dài giống như một cái bánh xe màu

sắc sặc sỡ bằng bìa cactông, cho đến một hôm ông bắt được và phạt tôi. Quãng thời gian ấy, tôi đã bắt đầu chôm chỉa nhà các hàng xóm của chúng tôi, chắc chắn là, như sau này tôi sẽ hiểu ra, để thu hút sự chú ý của ông: tôi ăn trộm những khẩu súng ngắn làm bằng sắt tây, những cái đèn pin, những thứ đồ chơi khác, rồi tôi đào đất chôn chúng thật kín ở góc vườn nhà chúng tôi; thậm chí em gái tôi còn không biết chỗ; cuối cùng người ta đã phát hiện được tất cả. Mẹ tôi nghĩ rằng tôi ăn cắp *bởi khoái cảm gây điều ác thuần túy*; bố tôi kiên nhẫn giải thích cho tôi Luật lệ, rồi cho tôi một trận đòn. Chuyện đó không xảy ra ở Kiel mà trên đảo Sylt, nơi chúng tôi đến để nghỉ hè. Để đến được đó phải đi tàu hỏa chạy dọc theo đập Hindenburg: khi nước triều lên cao, đường ray bị ngập trong nước, và từ tàu hỏa nhìn ra chúng tôi có cảm giác mình đang đi trên mặt biển, từng đợt sóng đánh vào đến tận những cái bánh xe, những dây mayơ! Đêm đến, trên giường tôi, những đoàn tàu chạy điện phóng ngang qua bầu trời đầy sao của những giấc mơ.

Có vẻ như là từ rất sớm tôi đã hau háu tìm kiếm tình yêu ở tất cả những người mà tôi gặp. Cái bản năng đó, ít nhất là từ phía người lớn, thông thường được đáp trả, vì tôi là một thằng bé vừa xinh xẻo vừa thông minh. Nhưng ở trường, tôi phải đối mặt với những đứa trẻ tàn bạo và thích gây hấn, trong đó nhiều đứa đã mất bố trong chiến tranh, hoặc bị các ông bố đi lính trở về đánh đập và bỏ bẵng, những ông bố đã trở nên cộc cằn và gần như là phát điên vì hầm hào công sự. Ở trường, chúng trả thù sự thiếu thốn tình yêu ở nhà đó và quay sang trút lên đầu những đứa gầy gò hơn và yếu ớt hơn. Tôi thường xuyên bị đánh, ít bạn bè; trong các môn thể thao, khi các đội được thành lập, không ai muốn có tôi cả. Thế nhưng, thay vì tìm kiếm sự trìu mến của chúng, tôi lại tìm cách bắt chúng phải chú ý. Tôi cũng cố sức gây ấn tượng lên các thầy giáo, những người công bằng hơn lũ trẻ con ở tuổi tôi; vì tôi thông minh, việc đó rất dễ dàng: nhưng khi đó bọn khác sẽ coi tôi là *con cưng* và lại càng đánh đập tợn hơn. Dĩ nhiên là tôi không bao giờ nói những chuyện đó cho bố.

Khi thất trận, sau khi chúng tôi đến ở Kiel, hắn là ông đã lại ra đi, không ai biết ông đi đâu và tại sao lại đi; thỉnh thoảng, ông đào qua thăm chúng tôi, rồi lại biến mất; mãi đến cuối năm 1919 ông mới về ở hẳn với chúng tôi. Năm 1921, ông bị ốm nặng và phải ngừng làm việc. Bệnh tật kéo dài mãi, và bầu không khí trong gia đình trở nên căng thẳng và u ám. Vào khoảng đầu hè, trời vẫn còn xám xịt và lạnh giá như tôi còn nhớ, em trai ông đến thăm chúng tôi. Người em trai này, hoạt bát và vui tính, kể những câu chuyện đầy say mê về chiến tranh và về những chuyến đi của mình, khiến tôi cảm thấy vô cùng ngưỡng mộ. Em gái tôi lại không thích chú lắm. Vài ngày sau, bố tôi đi cùng chú đến thăm ông nội chúng tôi, người mà tôi mới chỉ gặp một hai lần và không còn nhớ gì nhiều (ông bà ngoại tôi hình như đều đã chết). Đến nay tôi vẫn còn nhớ lần khởi hành đó: mẹ tôi, em gái tôi và tôi đứng thành một hàng ngang trước cổng nhà, bố tôi cho vali vào cốp chiếc ôtô sẽ chở ông ra ga: "Tạm biệt các con, ông mỉm cười nói, đừng lo lắng nhé, bố sẽ chóng về thôi." Tôi không bao giờ gặp lại ông nữa. Thời đó em gái sinh đôi của tôi và tôi khoảng tám tuổi. Mãi sau này tôi mới biết sau đó một thời gian mẹ tôi nhận được một bức thư của chú tôi: có vẻ như là sau khi đến thăm ông bố của hai người, họ đã cãi cọ với nhau, và bố tôi hình như đã lên tàu đi về hướng Thổ Nhĩ Kỳ và Trung Đông; về sự biến mất của ông, chú tôi không còn biết gì hơn nữa; cả những ông sếp của bố tôi mà mẹ tôi liên hệ để hỏi cũng không biết gì. Tôi chưa bao giờ nhìn thấy lá thư đó của chú tôi; một hôm mẹ tôi giải thích điều đó cho tôi, và tôi chưa bao giờ có thể khẳng định được các lời nói của mẹ tôi, cũng như không thể tìm lại được người em trai kia, cho dù quả thực là ông ta có tồn tại. Tôi không kể tất cả những điều đó cho Partenau: nhưng với các người thì tôi kể.

Giờ đây tôi thường xuyên gặp Partenau. Về mặt tình dục, anh gây cho tôi một cảm giác không chắc chắn. Sự tuân thủ và nhiệt tình quốc xã và SS của anh có thể bị coi là một trở ngại; nhưng xét đến cùng, tôi cảm nhận được điều đó, ham muốn của anh hẳn là không hề bị định hướng nhiều hơn so với bất kỳ ai

khác. Ở trường cấp hai, tôi đã nhanh chóng hiểu ra, không hề tồn tại một thứ tình dục đồng giới thuần khiết, lũ con trai làm mọi thứ với những gì có ở đó, và ở quân đội, cũng như trong các nhà tù, hẳn là mọi thứ cũng tương tự. Chắc chắn là, kể từ năm 1937, năm tôi bị bắt vì vụ Tiergarten, quan điểm chính thống đã còn trở nên cứng rắn hơn nữa. Có vẻ như là SS bị chĩa mũi dùi một cách đặc biệt. Mùa thu trước, hồi tôi vừa đến Kharkov, Führer đã ký một quyết định, "Giữ gìn sự trong sạch trong SS và Cảnh sát", kết tội chết tất cả các *SS-Mann* hoặc công chức ngành cảnh sát dám tự cho phép mình có *một cách cư xử bẩn thỉu* với một người đàn ông khác hoặc thậm chí là nếu *để bị lợi dụng*. Quyết định này, *vì sợ rằng có thể sẽ tạo ra những hiểu lầm*, không được in ra, nhưng ở SD tất cả chúng tôi đều được thông báo. Về phần mình, tôi coi đó chủ yếu là một thứ tu từ học ở bề ngoài; trong các sự việc, nếu biết cách giữ bí mật, thì hiếm khi xảy ra vấn đề. Quan trọng nhất là không làm gì với một kẻ thù cá nhân; nhưng tôi không có kẻ thù cá nhân. Tuy nhiên, Partenau hẳn là bị ảnh hưởng bởi thứ tu từ học cao độ của *Schwarzes Korps* và những ấn phẩm khác của SS. Nhưng trực giác của tôi nói rằng nếu có thể cung cấp cho anh một cách nghĩ cần thiết, mọi chuyện sẽ ổn thỏa.

Không cần thiết phải tỏ ra tế nhị: chỉ cần biết làm việc có phương pháp một chút mà thôi. Đôi khi, vào các buổi chiều, nếu trời quang, chúng tôi đi xuống dạo chơi trong thành phố, đi trên những phố nhỏ hoặc dọc những bờ kè hai bên trồng cọ, rồi đến ngồi ở một quán cà phê để uống một cốc muscat Crimée, hơi quá ngọt so với sở thích của tôi, nhưng dễ chịu. Trên bờ, hầu như chỉ gặp người Đức, đôi khi đi cùng với các cô gái; còn về phía đàn ông trong vùng, ngoài vài người Tatar hoặc Ukraine đeo băng trắng của bên Hiwi, gần như chúng tôi không gặp ai cả; quả thực, hồi tháng Giêng, Wehrmacht đã đuổi toàn bộ đàn ông ở đây đi, thoạt tiên là đến các trại trung chuyển, rồi đến Generalkommissariat ở Nikolaiev: giải pháp hẳn là quá mức triệt để để đề phòng bọn du kích, nhưng phải công nhận rằng với tất cả những người lính bị thương hoặc đang bình phục đó, người ta không thể mạo hiểm

được. Trước mùa xuân, không có nhiều thứ giải trí, ngoài sân khấu hoặc rạp chiếu phim do Wehrmacht tổ chức. *Ngay cả các loại vi khuẩn cũng thiếp ngủ ở Yalta*, Tchekhov từng viết, nhưng sự buồn chán chậm chạp đó lại rất hợp với tôi. Đôi lúc, nhiều sĩ quan trẻ khác đi cùng chúng tôi lên ngồi ở một cái quán nhìn thẳng ra biển. Nếu tìm được – việc tiếp tế lương thực từ các kho tịch thu được tuân theo các quy luật bí ẩn – chúng tôi gọi một chai rượu; ngoài muscat còn có một loại *Portwein* đỏ, cũng dịu nhưng rất hợp với khí hậu. Chúng tôi bình luận say sưa về những người phụ nữ địa phương vắng chồng; và có vẻ như là Partenau không hề bàng quan trước họ. Giữa những trận cười, một sĩ quan, dạn dĩ hơn, tiến lại gần những cô gái trẻ và lúng búng mời họ đến chỗ chúng tôi ngồi; có lúc họ đỏ mặt đi khỏi, nhưng cũng có lúc họ đến ngồi cùng; khi đó Partenau hăng hái tham gia một cuộc trò chuyện được thực hiện chủ yếu thông qua các động tác, các từ tượng thanh và những từ rời rạc. Cần phải chấm dứt việc này. "Meine Herren, tôi không muốn trở thành một kẻ phá thối, tôi lên tiếng trong một dịp như thế. Nhưng tôi cũng phải cảnh báo các anh về các nguy cơ có thể gặp phải." Tôi đập tay vài lần xuống mặt bàn. "Ở SD, chúng tôi nhận về và tổng hợp tất cả các báo cáo về những sự cố xảy ra ở các vùng hậu phương của Wehrmacht. Công việc này khiến cho chúng tôi có được một cái nhìn toàn thể về các vấn đề, điều mà các anh không thể làm được. Tôi phải nói với các anh rằng có quan hệ với phụ nữ Xô viết, Ukraine hoặc Nga không chỉ là một việc không xứng đáng với một người lính Đức, mà còn nguy hiểm. Tôi không hề quá lời đâu. Rất nhiều phụ nữ trong số đó là Do Thái, nhưng chúng ta không đoán được nguồn gốc thông qua vẻ bên ngoài; chỉ vậy thôi đã là chạm đến *Rassenschande*, hoen ố về dòng giống rồi. Nhưng còn có một chuyện khác nữa. Không chỉ là phụ nữ Do Thái, mà cả đàn bà Xlavơ, tất cả đều gần gũi với bọn du kích; chúng ta biết rằng bọn họ sẵn sàng sử dụng thân xác của mình, cũng như sự tin tưởng của những người lính chúng ta, để tiến hành việc do thám và cung cấp thông tin cho kẻ thù. Có thể các anh nghĩ rằng mình sẽ giữ được mồm miệng; nhưng tôi

dám khẳng định rằng một chi tiết vô hại đơn giản là không tồn tại, và rằng công việc của một cơ quan tình báo có mục đích là xây dựng những bức tranh ghép vô cùng lớn từ các nhân tố nhỏ xíu, không hề có ý nghĩa gì nếu xét riêng từng cái một, nhưng khi xếp chung với hàng nghìn những cái khác nữa thì chúng lại có nghĩa. Bọn Bônsêvich cũng không khác đâu." Những câu nói của tôi có vẻ làm mọi người cảm thấy khó chịu. Tôi tiếp tục. "Ở Kharkov, ở Kiev, chúng tôi đã có thông tin về nhiều trường hợp lính và sĩ quan biến mất tại những cuộc hò hẹn tình ái, và sau đó họ được tìm thấy trong tình trạng thê thảm, các bộ phận trên người bị cắt đứt cả. Và rồi dĩ nhiên là còn có các thứ bệnh tật nữa. Bộ phận y tế của chúng ta đánh giá, theo các thống kê Xô viết để lại, rằng 90% phụ nữ Nga bị bệnh lậu và 50% giang mai. Nhiều lính của chúng ta đã mắc bệnh; và những người đó, khi về nhà nghỉ phép, lại đổ bệnh cho vợ hoặc bạn gái của mình; các cơ quan y tế của Reich rất lo lắng vì điều này, và đã nói đến một bệnh dịch. Một sự suy yếu của dòng giống như thế, nếu chúng ta không đấu tranh một cách quyết liệt, xét về lâu dài sẽ chỉ kéo theo một hình thức *Entdeutschung*, một sự phi Đức hóa của dòng giống và dòng máu chúng ta."

Rõ ràng là bài diễn văn của tôi đã tác động mạnh lên Partenau. Tôi không nói thêm gì cả, như vậy là đủ để làm anh phải suy nghĩ một chút. Ngày hôm sau, trong lúc tôi đang đọc sách trong công viên trồng toàn những cây bách đẹp đẽ và các loại cây ăn quả của khu điều dưỡng, anh đến gặp tôi: "Nói cho tôi nghe đi, anh thực sự tin vào những gì đã nói ngày hôm qua à?" – "Dĩ nhiên rồi! Đó là sự thật hoàn toàn." – "Nhưng nếu vậy thì anh nghĩ chúng ta có thể làm gì đây? Anh cũng hiểu..." Anh đỏ mặt lên, vẻ lúng túng nhưng vẫn muốn nói tiếp. "Anh cũng hiểu, anh nói tiếp, chúng tôi đã ở đây gần một năm mà không về lại Đức, chuyện đó rất khó khăn. Người đàn ông nào mà chẳng có các ham muốn." – "Tôi hiểu rất rõ, tôi lấy giọng bề trên đáp. Nhất là khi việc thủ dâm, theo các bác sĩ chuyên ngành, cũng chứa đựng nhiều nguy cơ lớn. Tất nhiên, một số người khẳng định rằng đó

chỉ là một triệu chứng bệnh tật về tinh thần, và đó không bao giờ là nguyên nhân cả, một số khác thì ngược lại, như Sachs vĩ đại, tin rằng đó giống như một thói quen xấu dẫn đến thoái hóa." – "Anh hiểu biết nhiều về y học quá nhỉ," Partenau nhận xét, có vẻ bị ấn tượng mạnh. – "Tôi không phải là một chuyên gia, cái đó thì đã rõ rồi. Nhưng tôi có quan tâm, tôi đã đọc nhiều sách." – "Thế anh đang đọc gì đấy?" Tôi giơ cái bìa sách ra: "*Bữa tiệc*. Anh đã đọc chưa?" – "Tôi phải thú nhận là chưa." Tôi gấp sách lại và chìa nó cho anh ta: "Cầm lấy đi. Tôi thuộc lòng nó rồi."

Thời tiết ấm dần lên; chúng tôi đã sắp có thể tắm biển, nhưng nước biển vẫn còn lạnh. Đã có hơi hướng của mùa xuân trong không khí và tất cả chúng tôi sốt ruột chờ đợi nó. Tôi dẫn Partenau đi thăm cung điện mùa hè của Nicolas II ở Livadia, đã bốc cháy trong các trận đánh, nhưng vẫn còn sừng sững với mặt trước đều đặn và bất đối xứng, cùng với những cái sân đẹp theo phong cách Florence và Arập. Từ đó chúng tôi trèo lên Đường mặt trời đi qua những rừng cây dẫn lên một mỏm đất nhìn bao quát được Oreanda; một quang cảnh tuyệt đẹp với bờ biển, những ngọn núi cao vẫn còn phủ tuyết ngự trị con đường đi Sébastopol, và, phía sau, tận bên dưới, tòa nhà duyên dáng bằng đá granit trắng của Crimée, điểm xuất phát của chúng tôi, vẫn còn đen màu khói nhưng đã rực lên trong mặt trời. Ngày báo hiệu rất đẹp, chuyến leo dốc lên đến mỏm núi làm mồ hôi chúng tôi toát ra và tôi cởi chiếc áo varơi. Xa hơn về phía Tây, chúng tôi nhìn rõ một cái tháp nằm chênh vênh trên các vách đá cao của một mũi đất, Tổ chim yến, một thứ phóng túng thời Trung cổ do một nam tước người Đức, ông trùm dầu mỏ, dựng lên, không lâu trước khi nổ ra Cách mạng. Tôi đề nghị Partenau cùng đi đến chỗ cái tháp và anh đồng ý. Tôi bước lên một con đường đi men theo các vách đá. Phía dưới, sóng biển bình thản đập vào những tảng đá; trên đầu chúng tôi, mặt trời rọi ánh sáng lấp lánh xuống những mảng tuyết phủ trên các mỏm đá nhọn hoắt. Một mùi

thơm dễ chịu của thông và thạch thảo bao trùm lấy không khí. "Anh biết không, đột nhiên anh nói, em đọc xong cuốn sách mà anh cho mượn rồi đấy." Chúng tôi đã bắt đầu xưng hô thân mật từ vài ngày nay. "Rất thú vị. Tất nhiên, em biết người Hy Lạp là những người đồng tính, nhưng em không hề biết là họ đã từng biến điều đó thành cả một ý thức hệ như vậy." – "Đó là một điều khiến người ta phải suy nghĩ trong suốt nhiều thế kỷ. Điều đó đi xa hơn rất nhiều so với hoạt động tình dục đơn thuần. Với họ, đó là một lối sống và một lối tổ chức mang tính toàn thể, bao gồm cả tình bạn, giáo dục, triết học, chính trị, thậm chí cả quân sự." Tôi ngừng nói; chúng tôi tiếp tục im lặng bước đi, áo varoi vắt trên vai. Rồi Partenau nói tiếp: "Khi còn nhỏ, trong giờ giảng giáo lý, người ta dạy em rằng đó là một trò bẩn thỉu, một điều xấu xa. Bố em cũng nói thế, ông ấy nói rằng những kẻ đồng tính sẽ phải xuống địa ngục. Em vẫn còn nhớ đoạn văn của thánh Paul mà ông ấy trích: *Cũng giống như vậy, những kẻ lơ là chức năng tự nhiên của người phụ nữ, cháy bỏng ham muốn với nhau, truyền sự ô uế sang nhau... Chính vì vậy mà chúng bị Chúa từ bỏ.* Tối hôm trước em đã đọc lại đoạn đó trong Kinh thánh." – "Đúng vậy, nhưng hãy nhớ những gì Platon nói: *Về cái đó không có gì tuyệt đối; vật thể tự một mình nó và tự thân nó không đẹp cũng không xấu.* Tôi sẽ nói với em điều mà tôi nghĩ: cái thứ định kiến Kitô giáo, cấm đoán Kitô giáo, đó là một thứ mê tín theo lối Do Thái. Paul, người có tên là Saul, là một rabbin Do Thái, và điều cấm đoán đó, ông ta đã không thể vượt qua được, giống hệt như bao nhiêu người khác. Nó có một nguồn gốc cụ thể: người Do Thái sống bên cạnh nhiều tộc người ngoại đạo, và ở nhiều tộc người trong số đó, các thầy tu tiến hành một thứ đồng tính mang tính nghi lễ vào một số lễ lạt tôn giáo. Việc đó hết sức phổ biến. Hérodote đã chép lại nhiều điều tương tự ở người Scythe sống ở vùng này và rồi trên toàn bộ thảo nguyên Ukraine. Ông ấy cũng nói đến các Énarée, hậu duệ của người Scythe, có lẽ chính là những người đã cướp phá ngôi đền thờ Ascalon và bị nữ thần trừng phạt bằng cách giáng xuống một thứ bệnh dịch của phụ nữ

Theo ông ấy thì bản thân các thầy bói cũng cư xử giống hệt phụ nữ; ông ấy cũng gọi bọn họ là các *androginoi*, các đàn ông-phụ nữ tháng nào cũng có kinh. Dĩ nhiên đó là các hoạt động saman mà Hérodote không hiểu được mấy. Tôi đã nghe nói rằng thậm chí người ta còn có thể nhìn thấy những điều tương tự ở Naples, rằng trong những buổi lễ lạt ngoại giáo đó người ta để cho một nam thanh niên sinh ra một con búp bê. Cũng phải ghi nhớ rằng người Scythe là tổ tiên của người Goths, những người từng sống ở đây, Crimée này, trước khi di cư về phía Tây. Dù cho việc này không làm vừa lòng Reichsführer, thì vẫn có rất nhiều lý do để tin rằng họ cũng đã biết đến các hoạt động đồng tính trước khi bị các thầy cả Do Thái giáo làm cho sa đọa." – "Em cũng không biết nữa. Nhưng dù sao thì *Weltanschauung* của chúng ta vẫn kết án đồng tính. Ở Hitlerjugend người ta bắt bọn em phải nghe những bài diễn văn về chủ đề này, và ở SS người ta dạy bọn em rằng đó là một thứ tội chống lại *Volksgemeinschaft*, toàn thể nhân dân." – "Tôi tin những gì em đang nói là một ví dụ về thứ chủ nghĩa quốc xã chưa được hiểu một cách thấu đáo, hoặc đó là cách để che giấu đi những mối quan tâm khác. Tôi biết rất rõ các quan điểm của Reichsführer về vấn đề này; nhưng Reichsführer, cũng giống như em, xuất thân từ một môi trường Thiên chúa giáo rất hà khắc; và mặc cho toàn bộ sức mạnh của ý thức hệ quốc xã của mình, ông ấy vẫn không hề biết cách hóa giải một số định kiến Kitô giáo, và thế là ông ấy đã lẫn lộn các sự việc với nhau, một điều không nên để xảy ra. Và khi tôi nói Thiên chúa giáo thì hẳn em cũng hiểu rằng tôi muốn nói đến Do Thái, ý thức hệ Do Thái. Không có gì trong *Weltanschuung* của chúng ta, nếu được hiểu đúng, có thể đi ngược lại một thứ tình dục nam tính cả. Ngược lại thì có, và tôi có thể chứng minh cho em thấy. Mặt khác em cũng sẽ nhận thấy rằng bản thân Führer chưa bao giờ thực sự nói về vấn đề này." – "Tuy vậy, sau ngày 30 tháng Sáu, ông ấy đã kết án Röhm và những người khác một cách quyết liệt vì có những hành vi đồi bại." – "Với những tay tư sản Đức chất phác gì cũng sợ của chúng ta, thì đó là một lập luận có trọng lượng, và Führer biết rất rõ điều

ấy. Nhưng điều có lẽ em chưa biết là trước ngày 30 tháng Sáu Führer vẫn luôn bảo vệ cách cư xử của Röhm; trong Đảng, có rất nhiều lời chỉ trích, nhưng Führer từ chối không chịu nghe, ông ấy trả lời lại những giọng lưỡi xấu xa rằng *SA không phải là một viện giáo dục luân lý cho thiếu nữ con nhà gia giáo, mà để giáo dục các chiến binh kiên cường.*" Partenau phá lên cười. "Sau ngày 30 tháng Sáu, tôi tiếp tục, khi đã rõ ràng rằng nhiều tông phạm của Röhm, chẳng hạn như Heines, lại cũng là tình nhân của ông ta, Führer đâm ra sợ rằng những người đồng tính có thể sẽ tạo ra một Nhà nước bên trong Nhà nước, một thứ hội kín, giống như bọn Do Thái, theo đuổi những lợi ích riêng của mình chứ không phải là các lợi ích của *Volk* nữa, một thứ "Hội giới tính thứ ba" như đã từng có một Hội đen. Đó chính là cái đã thúc đẩy những vụ tố cáo. Nhưng đó là một vấn đề mang tính chính trị chứ không phải ý thức hệ. Từ một quan điểm thực sự quốc xã thì hoàn toàn ngược lại, người ta có thể coi tình huynh đệ như một thứ xi măng thực thụ của một *Volksgemeinschaft* có tính chiến binh và sáng tạo. Platon, theo cách của mình, cũng nghĩ vậy. Chắc em còn nhớ bài nói của Pausanias trong đó chàng chỉ trích các quốc gia khác, chẳng hạn như người Do Thái, đã vứt bỏ tình dục nam tính chứ: *Ở người man rợ, cái đó bị coi là nhục nhã, và cũng vậy đối với tình yêu dành cho hiểu biết và tập luyện thể lực... Cũng như vậy, ở những nơi người ta coi việc có một người tình nam là điều nhục nhã, thì tập quán cũng được xây dựng dựa trên nhược điểm tinh thần của các tác giả của nó: ham muốn thống trị ở những người chủ, và sự hèn nhát ở những người phía dưới.* Mặt khác anh có một người bạn Pháp coi Platon là tác giả phát xít thực thụ đầu tiên." – "Đúng vậy, nhưng dù sao thì! Những người đồng tính bị ủy mị hóa, các đàn ông-đàn bà như anh nói ấy. Làm thế nào mà anh lại có thể muốn một Nhà nước khoan dung được với những kẻ không có khả năng trở thành lính?" – "Em nhầm rồi. Đối lập người lính nhiều nam tính với người hướng nội nữ tính là một quan niệm sai lầm. Kiểu người đó tồn tại, dĩ nhiên, nhưng đó là một thứ sản phẩm hiện đại của sự sa đọa và của sự thoái hóa tại

các thành phố của chúng ta, của bọn Do Thái hoặc những kẻ bị Do Thái hóa, không đủ sức thoát ra khỏi móng vuốt của bọn thầy cả hoặc mục sư. Xét về lịch sử mà nói, những người lính tốt nhất, những người lính tinh nhuệ, luôn được những người đàn ông khác đem lòng yêu. Họ vẫn lấy vợ, để trông coi nhà cửa và đẻ con cho họ, nhưng họ dành tất cả tình cảm của mình cho các bạn đồng ngũ. Nhìn vào Alexandre mà xem! Và Friedrich Đại đế, ngay cả khi người ta không muốn công nhận, thì cũng đều vậy cả. Thậm chí người Hy Lạp còn rút ra được một nguyên tắc quân sự thế này: ở Thèbes, họ đã lập ra Đội quân linh thiêng, gồm có ba trăm con người danh tiếng nhất của thời đó. Mỗi người chiến đấu thành từng cặp, sát cánh với bạn trai của mình; khi một người già đi và về hưu, người tình của ông ta trở thành người tình của một người khác trẻ hơn. Như vậy, theo cả hai chiều, họ thúc đẩy sự gan dạ ở nhau, cho đến mức bất khả chiến bại; không ai trong số đó dám quay lưng bỏ chạy trước bạn trai của mình; trong chiến trận, họ tự thúc đẩy nhau để chiến đấu thật tuyệt vời. Họ đã từng để bị giết cho đến người cuối cùng ở Chéronée, dưới tay người Macédoine của vua Philippe: một ví dụ trác tuyệt cho Waffen-SS của chúng ta. Có một hiện tượng gần giống trong các Freikorps của chúng ta; tất cả các cựu chiến binh trung thực một chút sẽ đều công nhận điều đó. Em thấy đấy, cần phải nhìn nhận vấn đề này từ một quan điểm trí thức. Rõ ràng là chỉ có đàn ông mới thực sự có đầu óc sáng tạo: phụ nữ cung cấp sự sống, nuôi nấng và dạy dỗ, nhưng họ không *tạo ra* được cái gì mới. Blüher, một triết gia rất gần gũi với các Freikorps vào thời của mình, và thậm chí còn chiến đấu bên cạnh họ, đã chứng minh rằng cái tình dục giữa nam giới, bằng cách thúc đẩy đàn ông đua tranh về lòng gan dạ, đức hạnh và luân lý, đóng góp vào cho chiến tranh và cho sự hình thành các Nhà nước, cái chỉ là một phiên bản mở rộng của các xã hội nam giới giống như quân đội. Đó cũng là một hình thức phát triển cao hơn, với những người tiến hóa hơn về mặt đầu óc. Những cánh tay của phụ nữ, cái đó thì tốt với đám đông, với những kẻ bình thường, nhưng không phải là với những người

đứng đầu. Em còn nhớ bài nói của Phèdre không: *Người được yêu, chúng ta thấy rất rõ điều này, cảm thấy xấu hổ nhất khi bị bắt gặp làm điều gì đó đáng hổ thẹn trước mặt các tình nhân của anh ta. Nếu có một cách thức tạo lập một quân đội nào đó, hoặc là một thành phố chỉ gồm các tình nhân nam của nhau, thì họ sẽ chỉ có thể có được một chính quyền tốt đẹp nhất nếu vứt bỏ đi tất cả những gì xấu xa, và cạnh tranh với nhau theo hướng trọng danh dự. Và nếu những người tình đó chiến đấu bên cạnh nhau, dù chỉ có một nhúm nhỏ, họ cũng có thể chiến thắng toàn thế giới.* Chắc hẳn là bài nói này đã truyền cảm hứng cho người thành Thèbes." – "Cái ông Blüher mà anh nói ấy, sau này ông ta ra sao?" – "Tôi nghĩ là ông ấy vẫn còn sống. Hồi *Kampfzeit*, "thời của chiến trận," tác phẩm của ông ấy được đọc rất phổ biến ở Đức, và, mặc cho các thiên hướng bão hoàng, ông ấy rất được coi trọng trong một số nhóm cánh hữu, trong đó có cả những người quốc xã. Sau đó tôi nghĩ rằng ông ấy đã quá bị đồng nhất với Röhm và kể từ năm 1934 đã bị cấm in sách. Nhưng một ngày nào đó người ta sẽ bỏ lệnh cấm đó. Còn có một điều nữa mà tôi muốn nói với em: đến tận bây giờ, chủ nghĩa quốc xã vẫn quá nhân nhượng trước các Nhà thờ. Ai cũng ý thức được điều ấy và Führer phải chịu đựng chuyện đó, nhưng trong thời gian chiến tranh ông ấy không thể tự cho phép mình tuyên chiến công khai với họ. Hai Nhà thờ vẫn còn quá nhiều dấu ấn lên tinh thần của bọn tư sản, và chúng ta buộc phải dung thứ điều đó. Chuyện này sẽ không kéo dài mãi đâu: sau chiến tranh, chúng ta sẽ có thể quay trở lại với tên kẻ thù bên trong và phá bỏ sự đè nén đó, sự ngột ngạt về tinh thần đó. Khi nước Đức đã sạch bóng bọn Do Thái, nó cũng sẽ cần được thanh tẩy khỏi những ý tưởng xấu xa của chúng. Khi đó em sẽ thấy rất nhiều thứ xuất hiện trong một ngày mới mẻ." Tôi ngừng nói; Partenau im lặng. Con đường chạy dọc theo những tảng đá về phía biển; rồi chúng tôi im lặng đi qua một bãi biển hẹp không bóng người. "Em muốn tắm không?" tôi đề nghị. – "Chắc là nước lạnh lắm." – "Lạnh chứ; nhưng người Nga còn tắm cả trong mùa đông nữa cơ. Ở biển Baltic người ta cũng tắm

vậy. Giúp lưu thông máu tốt lắm." Chúng tôi cởi hết quần áo và trần truồng chạy xuống biển; Partenau la hét chạy theo sau tôi; trong một khoảnh khắc cái lạnh của nước biển ngoạm vào làn da tôi, chúng tôi hú hét và cười đùa và nhảy nhót làm đủ trò trong những con sóng trước khi lên khỏi đó, cũng vội vã như khi nhảy xuống. Tôi nằm sấp bụng lên cái áo varơi của mình; Partenau nằm xuống bên cạnh tôi. Tôi vẫn còn ướt nhưng người đã ấm lên; tôi cảm thấy những giọt nước và mặt trời chiếu ở trên lưng. Tôi cố kháng cự một lúc lâu, lòng đầy xao xuyến, trước ý muốn được ngắm nhìn Partenau, rồi quay về phía anh: cơ thể trắng bóc của anh loáng nước biển, nhưng khuôn mặt anh đỏ ửng vì những nốt tàn nhang. Anh đang nhắm mắt. Khi chúng tôi mặc lại quần áo, anh ta nhìn thấy dương vật của tôi: "Anh bị cắt bao quy đầu à? Anh ngạc nhiên kêu lên và mặt càng đỏ thêm nữa. Xin lỗi nhé." – "Ồ, không có gì đâu. Một chứng bệnh hồi còn nhỏ ấy mà, chuyện cũng thường xảy ra lắm." Tổ chim yến vẫn còn ở cách đó hai cây số, phải trèo lên các vách đá; bên trên, trên cái ban công phía sau ngọn tháp có tường bao trổ lỗ châu mai, có một quán rượu nhỏ, không có lấy một người khách, nghiêng ra xuống biển; Tổ chim yến đóng cửa, nhưng có *Portwein* và một quang cảnh mênh mông nhìn xuống bờ biển và các ngọn núi và Yalta nép mình ở cuối vịnh, trắng toát và mơ hồ. Chúng tôi uống vài cốc, nói chuyện dăm ba câu. Giờ đây Partenau tái nhợt, vẫn còn chưa lấy lại hơi sau cuộc trèo núi và có vẻ thu mình lại. Rồi một chiếc cam nhông của Wehrmacht chở chúng tôi về Yalta. Trò chơi nho nhỏ này kéo dài thêm vài ngày nữa; nhưng cuối cùng tất cả đã diễn ra đúng như tôi muốn. Hóa ra mọi chuyện không hề phức tạp đến vậy. Cơ thể vững chãi của Partenau không mấy tỏ ra kinh ngạc; anh tận hưởng khoái cảm với cái miệng mở to tròn, một cái lỗ màu đen; và làn da anh có mùi chát nhẹ, hơi khó chịu, khiến tôi bị kích thích đến phát điên. Làm thế nào miêu tả được những cảm giác đó với những ai còn chưa bao giờ biết đến chúng? Thoạt tiên, khi nó đi vào, đôi khi rất khó, nhất là khi nó hơi khô quá. Nhưng một khi đã vào bên trong rồi thì, a, được rồi, các người không thể

tưởng tượng nổi đâu. Cái lưng cong hõm lại và giống như một dòng chì màu xanh và sáng rực tan chảy ngập tràn vùng xương chậu và chầm chậm dâng lên trong xương tủy để rồi tóm lấy tâm trí bạn và xóa bỏ nó đi. Có vẻ như là cái hiệu ứng đáng nói này có được là nhờ sự tiếp xúc của dương vật người "công" với tuyến tiền liệt của người "thụ", một dạng âm vật, nằm ngay sát ruột kết, trong khi ở phụ nữ, nếu các khái niệm giải phẫu học của tôi là chính xác, âm vật nằm tách biệt hẳn, phía bên kia một phần cơ quan sinh sản, điều đó giải thích tại sao thường thì phụ nữ không có khoái cảm lớn khi làm tình theo đường hậu môn, hoặc giả cái đó chỉ giống như một thứ khoái lạc tưởng tượng ra ở trong đầu. Với đàn ông, mọi chuyện khác hẳn; và tôi vẫn tự nhủ rằng tuyến tiền liệt và chiến tranh là hai món quà Chúa mang tặng đàn ông để đền bù cho việc họ không phải là phụ nữ.

Tuy nhiên không phải lúc nào tôi cũng yêu những cậu bé. Hồi còn trẻ, khi còn là một đứa bé, đúng như đã từng kể cho Thomas, tôi đã từng yêu một cô bé. Nhưng tôi đã không kể mọi chuyện cho Thomas. Cũng giống như Tristan và Yseut, mọi chuyện đã khởi đầu trên một con tàu. Vài tháng trước đó, ở Kiel, mẹ tôi đã gặp một người Pháp tên là Moreau. Chắc là bố tôi đã bỏ đi được khoảng ba năm, tôi nghĩ vậy. Tay Moreau này sở hữu một xí nghiệp nhỏ nằm ở miền Nam nước Pháp và thường sang Đức vì công việc kinh doanh. Chuyện xảy ra giữa họ tôi không hề biết, nhưng một thời gian sau đó ông ta quay trở lại và mời mẹ tôi đến sống chung. Bà ta chấp nhận lời mời. Khi nói với chúng tôi chuyện này, bà ta đã sử dụng một cách thức rất khéo léo, tán tụng với chúng tôi về thời tiết đẹp, biển, đồ ăn đầy ắp. Điểm cuối cùng này đặc biệt quyến rũ: nước Đức vừa thoát khỏi cuộc lạm phát trầm trọng, và ngay cả khi còn quá nhỏ để hiểu được nhiều điều, chúng tôi cũng phải chịu đựng khốn khổ từ chuyện ấy. Vì vậy em gái tôi và tôi đã trả lời: Rất tốt, nhưng chúng ta sẽ làm gì khi Bố quay trở về? "À không, ông ấy sẽ viết thư cho chúng ta và chúng ta sẽ trở về chứ." – "Mẹ hứa nhé?" – "Mẹ hứa."

Moreau sống trong một ngôi nhà lớn, có phần cũ kỹ và rất

nhiều ngóc ngách, ở Antibes sát gần biển. Đồ ăn đầy ắp thấm đẫm dầu ôliu, mặt trời đẹp đẽ ấm áp tháng Tư, mà ở Kiel chỉ có thể nhìn thấy được vào tháng Bảy, ngay lập tức đã làm chúng tôi vui sướng. Moreau, mặc dù là một người thô thiển, còn xa mới là một kẻ ngu ngốc, ông ta đã có những nỗ lực đặc biệt để có được, nếu không phải sự triu mến, thì ít nhất cũng là sự hài lòng của chúng tôi. Cùng mùa hè năm đó ông ta thuê được từ người quen một cái thuyền buồm lớn, và ông ta đưa chúng tôi đến quần đảo Lérins và thậm chí còn xa hơn, đến tận Fréjus. Thoạt tiên tôi bị say sóng, nhưng chuyện đó kết thúc rất nhanh; cô, người mà tôi đang nói, không hề bị say sóng. Chúng tôi ngồi cùng nhau ở mũi tàu, và chúng tôi ngắm nhìn những ngọn sóng trỗi lên, rồi chúng tôi nhìn nhau, và qua cái nhìn đó, bằng sự cay đắng của tuổi thơ chúng tôi và sự gầm gào đầy uy quyền của biển, đã xảy ra điều gì đó, một điều gì đó không thể cứu chữa được: tình yêu, ngọt ngào và cay đắng, cho đến tận khi chết. Nhưng lúc đó mới chỉ là một cái nhìn.

Mọi việc không ở nguyên tại chỗ của chúng trong một khoảng thời gian dài. Không phải ngay lập tức, mà có thể là một năm sau đó chúng tôi đã phát hiện những cái đó; thế là, một khoái cảm không bờ bến tràn ngập tuổi thơ chúng tôi. Và rồi một hôm, như tôi đã nói, chúng tôi bị bắt quả tang. Có những cảnh diễn đi diễn lại, mẹ tôi gọi tôi là *đồ lợn* và *đồ thoái hóa*, Moreau khóc, và đó là điểm kết thúc của tất cả những gì đẹp đẽ. Vài tuần sau, khi trở lại trường, người ta gửi chúng tôi mỗi người đến một ký túc xá Thiên chúa giáo, cách nhau hàng trăm cây số, và bằng cách đó, *vom Himmel durch die Welt zur Hölle*, bắt đầu một cơn ác mộng kéo dài nhiều năm và, theo một cách nào đó, vẫn còn tiếp tục. Những ông thầy tu túc tối, giận dữ khi biết được những tội lỗi của tôi, bắt tôi quỳ hàng giờ trên đá lát sàn lạnh giá của nhà thờ, và chỉ cho phép tôi tắm bằng nước lạnh. Partenau tội nghiệp! Cả tôi nữa, tôi cũng đã biết đến Nhà thờ, và thậm chí còn tệ hại hơn thế. Thế nhưng bố tôi lại là người theo Tin lành, và bọn Thiên chúa giáo đó, tôi đã khinh thường bọn họ rồi; dưới cách đối xử

đó, một vài điểm còn sót lại của lòng tin trẻ con ngây thơ của tôi cũng mai một, và thay vì sám hối, tôi bắt đầu căm hận.

Tất cả, trong cái trường đó, đều biến dạng và hư hỏng. Đêm đến, bọn con trai lớn tuổi hơn đến ngồi ở cạnh giường tôi và thò tay vào giữa hai chân cho đến khi tôi phải tát vào mặt chúng; khi đó chúng cười lớn, bình thản đứng dậy và đi khỏi; nhưng ở nhà tắm, sau khi tập thể thao, chúng chạy ập vào người tôi, để chim cọ nhanh vào sau đít tôi. Các ông thầy tu đôi khi cũng gọi bọn con trai đến phòng làm việc của mình để bắt chúng xưng tội, rồi, bằng những hứa hẹn, bằng quà cáp hoặc bằng dọa nạt, buộc chúng phạm những hành động tội lỗi. Thật không đáng ngạc nhiên khi cậu bé Jean R. tội nghiệp định tự tử. Tôi chán nản, tôi cảm thấy mình ngập ngụa trong bùn. Tôi không còn ai để cầu cứu được nữa: bố tôi sẽ không bao giờ cho phép chuyện này xảy ra, nhưng bố tôi thì tôi không biết phải tìm ở đâu.

Bởi tôi từ chối để cho chúng thỏa mãn những ham muốn bẩn thỉu, bọn con trai lớn đối xử với tôi cũng theo cách tồi tệ ngang bằng với các ông cha cố đáng kính. Chúng đánh tôi vì bất kỳ nguyên cớ nhỏ nhất nào, bắt tôi phục vụ chúng, đánh giày cho chúng, chải quần áo cho chúng. Một đêm, tôi mở mắt: ba thằng trong số chúng đang đứng cạnh giường, tay đang tự sờ soạng phía trên mặt tôi; trước khi tôi kịp phản ứng, những thứ bẩn thỉu của bọn chúng đã làm tôi tối tăm mặt mũi. Kiểu tình thế đó, chỉ có một cách để thoát ra, một cách rất cổ điển, là chọn lấy một người bảo trợ. Để làm điều đó trường đã xây dựng một kiểu lễ nghi rất chặt chẽ. Thằng bé ít tuổi hơn được gọi là *út*; thằng nhiều tuổi hơn phải đưa ra các đề nghị, chúng có thể bị từ chối ngay tại chỗ; nếu không, nó sẽ có quyền trình bày các lập luận của mình. Nhưng tôi vẫn còn chưa sẵn sàng: tôi thích chịu đựng, và mơ tưởng về mối tình đánh mất của mình hơn. Rồi một sự cố kỳ lạ xảy ra khiến tôi đổi ý. Người nằm bên cạnh giường tôi, Pierre S., cùng tuổi với tôi. Một đêm, giọng nói của cậu ta đánh thức tôi dậy. Cậu ta không hề làu bàu: ngược lại, cậu ta nói rất to và rõ ràng, nhưng rõ ràng là cậu ta đang ngủ. Cả tôi cũng nữa

thức nửa ngủ, nhưng nếu tôi không còn nhớ được chính xác những lời lẽ của cậu ta, thì sự kinh hoàng mà chúng gây cho tôi lúc đó vẫn còn rất sống động. Đại ý là thế này: "Không, chưa, đủ rồi," hoặc "Xin anh đấy, quá nhiều rồi, chỉ một nửa thôi." Suy nghĩ mãi, nghĩa của những câu này rất mù mờ; nhưng vào giữa đêm cách diễn giải của tôi dường như không còn có thể dễ hiểu hơn. Và tôi thấy lạnh hết cả người, cả tôi cũng thấy vô cùng sợ hãi, tôi phải cuộn người vào góc giường, cố gắng để không nghe nữa. Ngay cả như vậy, sự dữ dội của nỗi sợ, sự mau chóng của sự xâm chiếm làm tôi kinh ngạc. Những lời đó, tôi đã hiểu ra vào những ngày tiếp theo, chúng nói lên rõ mồn một những điều bị chôn giấu, nhiều vô tận, những lời đó tìm thấy những chị em thân thiết của mình giấu kín trong tôi, và những cái đó, được đánh thức, ngẩng những cái đầu ám đạm lên và mở to đôi mắt sáng rực. Dần dần, tôi tự nhủ điều này: Nếu tôi không thể có được cô, thì tất cả những điều này liệu sẽ có khác biệt gì đối với tôi? Một hôm một thằng bé tiến đến sát gần tôi trên cầu thang: "Tao đã nhìn thấy mày khi tập thể dục, nó nói với tôi, tao ở ngay phía dưới thanh xà, quần đùi của mày toang hoang nhìn thấy hết." Đó là một thằng bé rất đô con khoảng mười bảy tuổi, tóc tai bù xù, khá khỏe để có thể làm bọn khác phải sợ. "Đồng ý," tôi đáp trước khi xuống hết các bậc cầu thang. Sau đó tôi không còn gặp phải vấn đề gì nữa. Thằng bé đó, tên là André N., tặng tôi những món quà nhỏ và thỉnh thoảng kéo tôi vào nhà vệ sinh. Một thứ mùi sắc nhọn của da thịt tươi mới và mồ hôi toát ra từ cơ thể nó, đôi khi hòa lẫn với những mẩu cứt sót, như thể nó chưa chùi rửa kỹ. Nhà vệ sinh thì bốc mùi nước tiểu và chất khử mùi, lúc nào cũng bẩn, và cho đến giờ với tôi mùi người và tinh trùng vẫn gợi nhắc đến mùi phênôn và nước tiểu, cũng như mùi của đồ sứ bẩn, sơn tróc, gỉ và then cài gãy. Thoạt tiên, nó chỉ sờ soạng tôi, hoặc là tôi ngậm dương vật nó vào miệng. Rồi nó muốn điều khác nữa. Cái đó thì tôi biết, tôi đã từng làm điều đó với cô, sau khi cô bắt đầu có kinh; và điều đó đã gây khoái cảm cho cô, tại sao tôi lại không thể tự mang lại khoái cảm cho chính

tôi? Và rồi, tôi lập luận, cái đó sẽ đưa tôi lại gần với cô; theo một cách nào đó, tôi sẽ có thể cảm thấy được gần như tất cả những gì mà cô cảm thấy, khi cô chạm vào tôi, hôn tôi, liếm tôi, rồi chìa cho tôi cặp mông gầy và hẹp của mình. Chuyện đó làm tôi đau, và hẳn là cũng đã làm cô đau, và rồi tôi chờ đợi, và khi đạt khoái cảm, tôi nghĩ cô cũng đạt khoái cảm như vậy, một khoái cảm hừng hực, đau đớn, đến mức gần như tôi quên được rằng khoái cảm của mình thảm hại và kém cỏi đến mức độ nào bên cạnh khoái cảm của cô, khoái cảm mênh mông đã rất đàn bà của cô.

Sau đó, chắc vậy, mọi thứ đã trở thành một thói quen. Khi tôi nhìn bọn con gái, thử tưởng tượng ra cảnh mình đang ngậm những bầu vú nặng sữa của chúng trong miệng rồi cọ chim mình vào màng nhầy của chúng, tôi tự nhủ: Hay ho gì đâu, đó không phải là cô và sẽ không bao giờ là cô cả. Vậy thì tốt hơn hết là chính bản thân tôi trở thành cô và tất cả những kẻ khác, là tôi. Những kẻ khác này, tôi không hề yêu, tôi đã giải thích cho các người ngay từ đầu rồi. Miệng tôi, tay tôi, chim tôi, đít tôi thèm muốn bọn họ, nhiều khi rất mạnh mẽ, đến mất trí, nhưng từ họ tôi chỉ thèm muốn tay họ, chim họ và miệng họ mà thôi. Nói vậy không có nghĩa là tôi không cảm thấy gì hết. Khi ngắm nhìn cơ thể trần truồng đẹp đẽ của Partenau, giờ đây đã bị một vết thương ghê gớm như vậy, một cơn hoang mang cảm lặng xâm chiếm tôi: nếu lướt những ngón tay của mình lên ngực anh, qua cái núm rồi trên vết sẹo, tôi tưởng tượng ra rằng bộ ngực này sẽ lại bị kim loại nghiến vào; khi tôi hôn lên môi anh, tôi nhìn thấy quai hàm anh bị giật tung ra bởi một mảnh shrapnel; và khi lần xuống giữa hai chân anh, đấm chìm vào những bộ phận rậm rì của anh, tôi biết rằng ở đâu đó một quả mìn đang đợi sẵn, chuẩn bị làm chúng tan nát. Hai cánh tay mạnh mẽ của anh, cặp đùi mềm mại của anh cũng rất dễ bị tổn thương, không một bộ phận nào trên cái cơ thể đáng yêu của anh được yên ổn cả. Tháng tới, tuần sau, thậm chí là ngày mai, tất cả cái da thịt đẹp đẽ và dịu dàng đến nhường này có thể chỉ trong một khoảnh khắc bị biến thành thịt tươi, thành một đống máu me cháy sém, và đôi mắt xanh đến vậy của anh sẽ

tất ngấm mãi mãi. Đôi khi, chỉ thiếu điều là tôi đã bật khóc. Nhưng khi anh đã bình phục và ra đi, tôi không hề cảm thấy chút buồn bã nào. Mặt khác anh đã bị giết vào năm sau đó, ở Koursk.

Còn lại một mình, tôi đọc sách, tôi đi dạo. Trong vườn của khu điều dưỡng, những cây táo đang nở hoa, hoa giấy, đậu tía, lila, cây kim tước bừng nở và thấm đẫm bầu không khí một loạt những mùi vị dữ dội, nặng nề, đối nghịch. Ngày nào tôi cũng đi tha thẩn trong các khu vườn bách thảo ở phía Đông Yalta. Có những đoạn nằm lơ lửng phía trên mặt biển, với tầm nhìn trải rộng cho đến tận chân trời màu xanh hoặc màu ghi, và luôn dựa lưng vào những ngọn núi phủ tuyết, có mặt ở khắp nơi, những ngọn núi của Yalta. Trong Arboretum, những tấm biển dẫn khách đến một cây dẻ cười hơn một nghìn năm tuổi và một cây thông đỏ năm trăm năm; phía trên một chút, ở Vierkhny Park, vườn hồng tập hợp hai nghìn loài mới bắt đầu nở nhưng đã thu hút rất nhiều ong, giống như cây oải hương của tuổi thơ tôi; ở Primorskii Park, có những thứ cây hạ nhiệt đới trong nhà kính, chỉ hơi bị hư hại một chút, và tôi có thể bình yên ngồi trước biển để đọc sách. Một hôm, quay về qua lối thành phố, tôi đến thăm nhà Tchekhov, một datcha trắng nhỏ bé, tiện nghi, và đã được người Xô viết biến thành một dạng nhà-bảo tàng; ban giám đốc, theo như những gì viết trên các tấm bảng, có vẻ đặc biệt tự hào với cây đàn piano của phòng khách, mà Rachmaninov và Chaliapine đã từng chơi; nhưng về phần mình, tôi bị sốc khi gặp người trông coi nơi đó, Macha, em gái nhà văn, giờ đây đã ở tuổi bát tuần, ngồi trên một cái ghế gỗ giản dị đặt ở lối vào, bất động, câm lặng, hai tay đặt trên đùi. Cuộc đời bà, tôi biết, cũng giống hệt như tôi, đã bị tàn phá bởi điều không thể. Liệu có phải là khi ngồi đó trước mặt tôi, bà vẫn mơ đến người lẽ ra phải ở đây bên cạnh mình, Pharaon, người anh trai và đồng thời cũng là người chồng đã quá cố của mình?

Một tối, vào khoảng cuối kỳ phép của tôi, tôi đến phòng giải trí Yalta, đặt trong một kiểu cung điện theo phong cách rococo hơi cũ nát, khá dễ chịu. Trong cầu thang chính dẫn lên phòng, tôi gặp một Oberführer SS mà tôi biết rất rõ. Tôi đứng nghiêm, tránh

sang bên cạnh để chào ông ta, và ông ta lơ đãng chào lại tôi; nhưng xuống được thêm hai bậc gác thì ông ta dừng bước, vội vã quay đầu lại, và khuôn mặt ông ta sáng bừng lên: "Doktor Aue! Tôi không nhận ra anh đấy." Đó là Otto Ohlendorf, Amtchef ở Berlin của tôi, giờ đây đang chỉ huy Einsatzgruppe D. Ông ta chậm rãi bước ngược lên cầu thang và bắt tay tôi, chúc mừng tôi đã được thăng cấp. "Thật là ngạc nhiên! Anh làm gì ở đây thế?" Tôi ngắn gọn kể lại chuyện của mình cho ông ta. "A, anh đã ở chỗ Blobel! Tôi thấy thương anh đấy. Tôi không hiểu tại sao người ta lại có thể để cho những kẻ loạn thần kinh như thế ở lại SS, và nhất là lại còn giao cho bọn họ quyền chỉ huy nữa." – "Dù thế nào đi nữa, tôi đáp, Standartenführer Weinmann đã gây cho tôi ấn tượng ông ấy là một người nghiêm túc." – "Tôi không biết rõ anh ta lắm. Đó là người của *Staatspolizei*, phải không?" Ông ta nhìn tôi một lúc rồi nói: "Tại sao anh không ở lại với tôi nhỉ? Tôi đang cần một trợ lý cho Leiter III, ở Gruppenstab. Người trước bị viêm phổi và đã được chuyển đi rồi. Tôi biết rất rõ tiến sĩ Thomas, ông ấy sẽ không từ chối việc thuyên chuyển anh đâu." Lời mời làm tôi bất ngờ: "Tôi có phải trả lời ngay không?" – "Không, à thật ra là có!" – "Vậy thì, nếu Brigadeführer Thomas đồng ý, thì tôi xin chấp nhận." Ông ta mỉm cười và lại bắt tay tôi. "Tuyệt vời, tuyệt vời. Giờ thì tôi phải đi đã. Mai đến gặp tôi ở Simferopol nhé, chúng ta sẽ lo chuyện này và tôi sẽ giải thích cho anh các chi tiết. Anh sẽ không gặp khó khăn gì để tìm ra chỗ của tôi đâu, ngay bên cạnh AOK ấy, anh cứ hỏi. Chúc tối vui nhé!" Ông ta bước xuống cầu thang, vẫy tay và biến mất. Tôi đi về phía quầy bar và gọi một cốc cognac. Tôi rất thích Ohlendorf, và vẫn luôn rất thích thú những cuộc tranh luận của chúng tôi; lại được làm việc với ông ta là một cơ may không dám trông đợi. Đó là một người thông minh hiếm có, sắc sảo, chắc chắn là một trong những trí tuệ cao cấp nhất của chủ nghĩa quốc xã, và một trong những người ít chịu nhân nhượng nhất; thái độ của ông ta khiến ông ta có rất nhiều kẻ thù, nhưng với tôi đó là một nguồn cảm hứng. Bài nói chuyện mà ông ta trình bày ở Kiel, dịp tôi gặp ông ta lần đầu tiên, đã làm

tôi ngây ngất. Đầy hùng biện từ vài ghi chép rời rạc, bằng một giọng nói rõ ràng, nhấn nhá tốt, điểm nào cũng được phát biểu gãy gọn và chính xác, ông ta bắt đầu bằng một lời chỉ trích mạnh mẽ đối với chủ nghĩa phát xít Ý, theo ông ta là đã phạm tội thần thánh hóa Nhà nước và không công nhận các cộng đồng người, trong khi chủ nghĩa quốc xã được hình thành dựa trên cộng đồng, *Volksgemeinschaft*. Tệ hơn nữa, Mussolini đã tiêu diệt một cách có hệ thống tất cả các bó buộc mang tính thể chế có mục đích kìm hãm những người nắm quyền. Điều đó trực tiếp dẫn đến một phiên bản mang tính toàn trị của chủ nghĩa nhà nước, nơi cả quyền lực lẫn những sự lạm dụng nó đều không biết đến một giới hạn nào dù là nhỏ nhất. Về nguyên tắc, chủ nghĩa quốc xã được hình thành dựa trên thực tế giá trị của cuộc sống con người cá nhân và của *Volk* xét trên toàn thể; như vậy, Nhà nước phải được đặt dưới *Volk*. Dưới chủ nghĩa phát xít, con người không còn chút giá trị tự thân nào nữa, họ trở thành những thứ đồ vật của Nhà nước, và thực tế thống trị duy nhất là bản thân Nhà nước. Tuy nhiên, một số phần tử trong Đảng muốn đưa chủ nghĩa phát xít vào chủ nghĩa quốc xã. Ngay từ khi Nắm Chính Quyền, chủ nghĩa quốc xã, ở một số bộ phận, đã chệch đường, và đi theo các phương pháp cũ để giải quyết các vấn đề hiện tại. Những xu hướng xa lạ đó đặc biệt mạnh trong kinh tế học về lương thực, và cả trong ngành công nghiệp nặng, cái chỉ có tính chất quốc xã ở cái tên và lợi dụng chi tiêu hà lạm không được kiểm soát của Nhà nước để phát triển vượt ra ngoài mọi khuôn khổ. Sự cao ngạo và chứng hoang tưởng tự đại ngự trị ở một số bộ phận của Đảng chỉ làm cho tình thế trở nên nghiêm trọng hơn. Nguy cơ chết người khác đối với chủ nghĩa quốc xã là cái mà Ohlendorf gọi là chệch hướng theo Bônsêvich, chủ yếu là các xu hướng tập thể của DAF, Mặt trận lao động. Ley thường trực chê bai các tầng lớp trung bình, ông ta muốn phá hủy các xí nghiệp vừa và nhỏ, những cái tạo nên nền tảng xã hội thực thụ của nền kinh tế Đức. Mục tiêu nền tảng và quyết định của các giải pháp kinh tế chính trị phải là con người; kinh tế, và ở đó người ta hoàn toàn có thể đi theo các

phân tích của Marx, là bộ phận quan trọng nhất đối với số phận của con người. Đúng là chưa hề có một hệ thống kinh tế quốc xã. Nhưng chính sách quốc xã ở tất cả các bộ phận, kinh tế, xã hội hoặc lập pháp, luôn phải tâm niệm rằng mục đích của nó là con người và *Volk*. Các xu hướng tập thể trong chính sách kinh tế và xã hội, cũng như các xu hướng mang màu sắc tuyệt đối chủ nghĩa trong chính sách lập pháp, đã đi chệch khỏi hướng này. Với tư cách là tương lai của chủ nghĩa quốc xã, chúng tôi, các sinh viên, những hạt nhân ưu tú tương lai của Đảng, phải luôn trung thành với tinh thần cốt tử của nó, và để cho tinh thần này hướng lối cho tất cả các hành động và quyết định của chúng tôi.

Đó là lời phê phán xác đáng nhất đối với tình trạng nước Đức hiện đại mà tôi từng được nghe. Ohlendorf, một người chỉ hơn tôi ít tuổi, rõ ràng là đã nghiền ngẫm rất lâu những vấn đề đó và kết luận dựa trên các phân tích sâu sắc và chặt chẽ. Mặt khác sau này tôi được biết rằng, vào thời còn là sinh viên ở Kiel, năm 1934, ông ta từng bị Gestapo bắt và thẩm vấn vì những lời cáo buộc đanh thép đối với sự suy vi của chủ nghĩa quốc xã; hẳn là kinh nghiệm đó đã góp phần đẩy ông ta về phía công việc an ninh. Ông ta tỏ ra tự phụ về công việc của mình, coi nó là một phần cốt yếu của việc triển khai chủ nghĩa quốc xã. Sau bài nói chuyện, khi ông ta đề nghị tôi hợp tác với tư cách là *V-Mann*, tôi đã lỡ miệng, sau khi nghe ông ta miêu tả các công việc, thốt ra một cách ngu xuẩn: "Nhưng đó là công việc của một kẻ chỉ điếm!" Ohlendorf đã phản ứng một cách lạnh lùng: "Không, Herr Aue, đó không phải là một công việc *chỉ điếm*. Chúng tôi không đề nghị anh *dò la*, chúng tôi hoàn toàn không quan tâm đến việc bà giúp việc nhà anh kể một câu chuyện cười bỡi xấu Đảng. Nhưng câu chuyện cười đó thì chúng tôi lại quan tâm, bởi vì nó cho thấy tâm trạng của *Volk*. Gestapo có những bộ phận rất có năng lực để trông coi các kẻ thù của Nhà nước, nhưng đó không phải là mục tiêu của *Sicherheitsdienst*, về bản chất nó là một cơ quan chuyên về thông tin." Sau khi đến Berlin, tôi rất ít liên hệ với ông ta, chủ yếu thông qua trung gian là giáo sư của tôi, Höhn.

người mà ông ta vẫn giữ quan hệ ngay cả sau khi đã rời khỏi SD. Thỉnh thoảng chúng tôi gặp nhau để uống cà phê, thậm chí ông ta còn mời tôi về nhà để nói về các xu hướng không tốt gần đây nhất bên trong Đảng, và các ý tưởng của ông ta nhằm sửa chữa và chiến đấu chống lại chúng. Vào thời đó ông ta không làm việc toàn thời gian ở SD, vì còn bận tiến hành các nghiên cứu ở trường đại học Kiel và sau này trở thành một nhân vật quan trọng của Reichsgruppe Handel, Tổ chức thương mại Đức. Khi cuối cùng tôi cũng vào SD, ông ta trở thành, hơi giống tiến sĩ Best, người bảo trợ của tôi. Nhưng sự xung đột lúc nào cũng gay gắt giữa ông ta và Heydrich, cũng như quan hệ không xuôi chèo mát mái với Reichsführer, đã khiến cho vị trí của ông ta không được coi trọng, điều này không ngăn cản ông ta được phong làm Amtchef III – người đứng đầu *Sicherheitsdienst* – khi RSHA được thành lập. Ở Pretzsch, có nhiều tin đồn về lý do khiến ông sang Nga; người ta kể rằng ông ta đã từ chối vị trí đó nhiều lần, trước khi Heydrich, được Reichsführer thúc đẩy, buộc ông phải chấp nhận *để nhúng mũi ông ta xuống nước.*

Sáng hôm sau, tôi đi một chiếc xe bus quân sự đến Simferopol. Ohlendorf đón tiếp tôi với kiểu lịch sự quen thuộc của ông ta, có lẽ là không chút nồng ấm nào, nhưng ngọt ngào và dễ chịu. "Hôm qua tôi quên mất không hỏi ông dạo này Frau Ohlendorf có khỏe không?" – "Käthe à? Rất khỏe, cảm ơn. Tất nhiên là tôi nhớ bà ấy nhưng *Krieg ist Krieg*." Một người cần vụ phục vụ chúng tôi thứ cà phê tuyệt hảo và Ohlendorf bắt đầu giới thiệu một cách ngắn gọn. "Công việc, rồi anh sẽ thấy, hết sức thú vị. Anh sẽ không cần phải lo các biện pháp tiến hành, tôi để tất cả những cái đó lại cho các Kommando; dù thế nào đi nữa, Crimée đã gần như *judenrein* rồi, và chúng ta cũng đã sắp giải quyết xong bọn Digan." – "Tất cả Digan?" tôi ngạc nhiên hỏi. "Ở Ukraine, chúng ta không cần triệt để lắm đâu." – "Với tôi, tôi đáp, bọn chúng cũng nguy hiểm ngang với bọn Do Thái nếu không nói là hơn. Trong tất cả các cuộc chiến tranh, bọn Digan đều làm gián điệp, hoặc giao liên giữa các chiến tuyến. Ông chỉ cần đọc

các truyện của Ricarda Huch hoặc Schiller về cuộc chiến Ba mươi năm là sẽ thấy." Ông ta ngừng lại một chút. "Trong một khoảng thời gian, anh sẽ chủ yếu phụ trách các tìm kiếm. Mùa xuân này chúng ta sẽ tiến đến Caucase – đó là một bí mật mà tôi khuyên anh nên giữ riêng cho mình – và, vì đó vẫn là một vùng chưa được biết đến nhiều, tôi muốn xây dựng một tập hợp thông tin cho Gruppenstab và các Kommando, đặc biệt là những gì liên quan đến các dân tộc thiểu số khác nhau và quan hệ giữa họ với nhau và với chính quyền Xô viết. Về nguyên tắc, ở đó cũng sẽ cùng áp dụng một hệ thống chiếm đóng như ở Ukraine, chúng ta sẽ thành lập một Reichskommissariat mới, nhưng dĩ nhiên là SP và SD cũng có tiếng nói trong đó, và tiếng nói đó càng khéo léo thì nó càng được lắng nghe nhiều hơn. Thượng cấp trực tiếp của anh sẽ là tiến sĩ Sturmbannführer Seibert, cũng là tham mưu trưởng của tập đoàn quân. Đi cùng tôi, tôi sẽ giới thiệu hai người, cũng như với Hauptsturmführer Ulrich, người phụ trách việc thuyên chuyển anh."

Tôi có biết qua Seibert; ở Berlin, ông ta điều hành ban D (Kinh tế) của SD. Đó là một người nghiêm túc, thẳng thắn, lịch thiệp, một nhà kinh tế học xuất sắc xuất thân từ trường đại học Göttingen, một người cũng có vẻ không ở đúng chỗ của mình lắm ở đây, giống như Ohlendorf. Chứng rụng tóc bắt đầu khá sớm của ông ta lại còn tăng tốc thêm kể từ ngày ông ta đi; nhưng cả cái trán rộng kia, cả cái dáng vẻ tư lự, ngay cả vết sẹo do đấu súng trên cái cằm, tất cả đều không làm mất đi được ở ông ta một nét trẻ con, lúc nào cũng như đang mơ mộng. Ông ta tiếp đón tôi một cách thân ái, giới thiệu tôi với các đồng sự khác, rồi, khi Ohlendorf đã để chúng tôi lại, ông ta dẫn tôi đến văn phòng của Ulrich, người mà tôi thấy giống như một quan chức hành chính nhỏ bé rị mọ. "Oberführer có một cách nhìn quá dễ dãi về các bước đi phải tiến hành để thuyên chuyển người, ông ta nói với tôi vẻ gay gắt. Thường thì cần phải gửi một yêu cầu về Berlin, rồi đợi câu trả lời. Không thể nhận người cha vợ chú vào trên phố như vậy được." – "Oberführer không tìm được tôi trên phố, mà trong

một phòng giải trí," tôi lưu ý. Ông ta tháo kính ra và nheo mắt nhìn tôi: "Nói tôi nghe nào, Hauptsturmführer, anh đang nói đùa đấy à?" – "Không hề. Nếu quả thực ông nghĩ điều đó là không thể, thì tôi sẽ nói với Oberführer và quay lại Kommando của tôi." – "Không, không, không, ông ta vừa lấy tay chùi mũi vừa nói. Chỉ là chuyện này rất phức tạp, thế thôi. Tôi còn một đống giấy tờ phải lo nữa. Dù sao thì Oberführer cũng đã gửi một lá thư nói về anh cho Brigadeführer Thomas. Khi ông ấy nhận được hồi âm, nếu câu trả lời là đồng ý, tôi sẽ chuyển đi Berlin. Sẽ mất thời gian đấy. Cho nên anh cứ quay lại Yalta, rồi đến đây gặp tôi vào cuối kỳ nghỉ của anh."

Tiến sĩ Thomas nhanh chóng gửi câu trả lời thuận lợi đến. Trong khi chờ đợi Berlin phê chuẩn cuộc thuyên chuyển, tôi được "tạm thời bổ sung" vào Sonderkommando 4a ở Einsatzgruppe D. Thậm chí tôi còn không phải quay lại Kharkov, Strehlke chuyển đến cho tôi vài thứ đồ đạc mà tôi để lại ở đó. Tôi đến ở Simferopol trong một ngôi nhà tư sản xây từ thời tiền cách mạng dễ chịu, không còn ai ở, phố Tchekhov, cách Gruppenstab vài trăm mét. Tôi vui vẻ tập trung nghiên cứu các vấn đề liên quan đến Caucase, bắt đầu bằng một loạt sách, nghiên cứu lịch sử, ký sự du lịch, khảo luận nhân học, rất tiếc là phần lớn đều được viết trước Cách mạng. Đây không phải là nơi để tôi dài dòng về những điểm đặc biệt của vùng đất quyến rũ đó: độc giả nào quan tâm thì cứ việc đến thư viện hoặc, nếu anh ta muốn, đến kho lưu trữ của Cộng hòa Liên bang, nơi anh ta có thể tìm được, nếu biết kiên nhẫn và có chút ít may mắn, các báo cáo gốc của tôi, ký tên Ohlendorf hoặc Seibert, nhưng có thể nhận dạng được nhờ vào chữ viết tắt *M.A.* Chúng tôi biết được rất ít về các điều kiện hiện tại ở vùng Caucase thuộc Liên Xô. Vài người du lịch phương Tây vẫn còn có thể đến được đó vào những năm hai mươi; kể từ đó, ngay cả các thông tin cung cấp bởi *Auswärtiges Amt*, bộ ngoại giao của chúng tôi, cũng đều rất ít ỏi. Để tìm được thông tin, cần

phải đào bới. Gruppenstab sở hữu vài số một tờ tạp chí khoa học Đức tên là *Caucasica*: phần lớn các bài báo viết về ngôn ngữ học, đậm đặc tính kỹ thuật, nhưng ở trong đó có thể tìm được vô khối thứ; Amt VII, ở Berlin, đã đặt mua toàn bộ các số của tờ báo. Cũng có rất nhiều tác phẩm khoa học của Xô viết, nhưng chưa bao giờ được dịch ra và rất khó tiếp cận; tôi bảo một tay *Dolmetscher* không quá ngu ngốc đọc những quyển sách tìm được và trích dịch cho tôi vài đoạn, và làm tóm tắt. Còn lại, chúng tôi có rất nhiều thông tin về ngành dầu mỏ, cơ sở hạ tầng, liên lạc và công nghiệp; ngược lại, về chủ đề mối quan hệ giữa các tộc người hoặc quan hệ chính trị, hồ sơ của chúng tôi gần như trống trơn. Một Sturmbannführer tên là Kurreck, ở Amt VI, đã đến chỗ chúng tôi để xây dựng các "Sonderkommando Zeppelin," một dự án của Schellenberg: ông ta tuyển các "nhà hoạt động chống Bônsêvich" tại các Stalag và Oflag, hầu hết xuất thân từ các dân tộc thiểu số, để gửi họ ra sau các phòng tuyến của Nga nhằm do thám hoặc phá hoại. Nhưng chương trình vừa mới được khởi động và vẫn còn chưa có kết quả nào. Ohlendorf sai tôi đến hỏi ở chỗ Abwehr. Quan hệ của ông ta với AOK, vốn rất căng thẳng hồi bắt đầu chiến dịch, đã được cải thiện rất nhiều kể từ khi von Manstein đến thay chỗ tướng von Schobert bị tử nạn vào tháng Chín trong một tai nạn máy bay. Ông ta vẫn chưa thể hòa thuận được với tham mưu trưởng, Oberst Wöhler, người có xu hướng đối xử với các Kommando như những đơn vị cảnh sát quân sự mật, và từ chối gọi Ohlendorf theo cấp bậc của ông ta, một lời sỉ nhục nghiêm trọng. Nhưng các quan hệ công việc với Ic/AO, Thiếu tá Eisler, thì lại tốt, và quan hệ với viên sĩ quan phản gián, Thiếu tá Riesen, rất tuyệt vời, nhất là kể từ khi Einsatzgruppe tham gia tích cực cuộc chiến đấu chống bọn du kích. Vậy là tôi đến gặp Eisler, ông ta bảo tôi đến nói chuyện với một chuyên gia của mình, Leutnant tiến sĩ Voss. Voss, một con người nhã nhặn trạc tuổi tôi, không thực sự là một sĩ quan, mà đúng hơn là một nhà nghiên cứu ở trường đại học được bổ sung vào Abwehr trong thời gian diễn ra chiến dịch. Anh ta cũng tốt nghiệp đại học Berlin

giống như tôi; đó không phải là một nhà nhân học, cũng không phải một nhà dân tộc học, mà là một nhà ngôn ngữ học, cái nghề, như tôi vẫn hay nghĩ, chỉ chăm chăm đề cập các vấn đề chật hẹp thuộc về âm vị học, hình thái học hoặc cú pháp để tạo ra *Weltanschauung* đặc trưng của mình. Voss tiếp tôi trong một văn phòng nhỏ nơi anh ta đang đọc sách, hai chân đặt lên một cái bàn ngập đầy sách chồng chất và những tờ giấy rải rác khắp nơi. Khi anh ta thấy tôi gõ vào cánh cửa để mở, thậm chí còn chưa kịp chào tôi (tôi có cấp bậc cao hơn anh ta và lẽ ra anh ta phải đứng dậy) anh ta hỏi luôn: "Anh có muốn uống trà không? Tôi có trà thật đấy." Không đợi câu trả lời anh ta đã gọi: "Hans! Hans!" Rồi anh ta nhăn nhó: "Hắn ta chạy đâu mất rồi?" đặt quyển sách xuống, đứng dậy, đi qua trước mặt tôi và biến mất vào hành lang. Một lúc sau anh ta xuất hiện trở lại: "Tốt rồi. Nước đang sôi." Rồi anh ta nói: "Nhưng đừng có đứng ì ra đó chứ! Vào đi." Voss có một khuôn mặt hẹp, thanh và đôi mắt sống động; với mái tóc hoe vàng lộn xộn trên đầu và cạo nhẵn ở hai bên, anh ta trông giống một thằng bé vừa học xong trường cấp hai. Nhưng bộ quân phục anh ta đang mặc trên người được may rất khéo, và anh ta mặc nó với dáng vẻ thanh lịch và đầy tự tin. "Xin chào! Điều gì dẫn anh đến đây?" Tôi giải thích cho anh ta mục đích của mình. "Hóa ra là SD quan tâm đến Caucase. Tại sao? Chúng ta có kế hoạch tấn công Caucase à?" Trước vẻ mặt tiu nghỉu của tôi, anh ta phá lên cười. "Thôi bỏ cái mặt đó đi! Cứ tin là tôi biết mọi chuyện rồi đi. Dù sao đi nữa, tôi có mặt ở đây chỉ là để cho chuyện đó thôi. Tôi là chuyên gia về các ngôn ngữ Ấn-Đức và Ấn-Iran, và một chút hiểu biết về các ngôn ngữ Caucase. Vậy nên tất cả những gì tôi quan tâm đều nằm ở đó cả; ở đây thì tôi chỉ giẫm chân tại chỗ thôi. Tôi đã học tiếng Tatar, nhưng đó không phải là một mối quan tâm chính yếu. Thật may mắn là tôi đã tìm được những cuốn sách khoa học tốt ở thư viện. Chúng ta càng tiến đi xa hơn thì lại càng phải xây dựng một bộ sưu tập khoa học đầy đủ và gửi về Berlin." Anh ta phá lên cười. "Nếu giữ được quan hệ tốt với Stalin thì hẳn là chúng ta có thể đặt mua chúng. Chắc là sẽ tốn

khá tiền đấy, nhưng không thể bằng giá của một cuộc xâm chiếm đâu." Một người cần vụ mang nước nóng vào và Voss lấy trà từ trong một ngăn kéo ra. "Đường nhé? Thật không may là tôi không thể mời anh sữa được." – "Không cần đâu, cám ơn." Anh ta rót hai tách, chìa cho tôi một tách, và ngả người ra sau trên cái ghế của mình, một chân co gập lên đến tận ngực. Đống sách che khuất một phần khuôn mặt anh ta và tôi dịch ghế lại gần. "Thế anh muốn tôi kể gì nào?" – "Tất cả." – "Tất cả! Hóa ra là anh có khá thời gian đấy nhỉ." – "Đúng vậy. Tôi có thời gian." – "Tuyệt vời. Thế thì bắt đầu bằng các thứ tiếng nhé, bởi vì tôi là một nhà ngôn ngữ học. Hẳn anh đã biết rằng người Arập, ngay từ thế kỷ thứ X, đã gọi Caucase là *Núi của các Ngôn ngữ*. Đúng là như thế thật. Một hiện tượng duy nhất. Không ai thực sự đồng ý với ai về số lượng chính xác, bởi vì người ta vẫn còn tranh cãi về một số phương ngữ, đặc biệt là tiếng Daghestan, nhưng tổng cộng chắc là vào khoảng năm mươi cả thảy. Nếu lập luận theo nhóm ngôn ngữ hoặc ngữ hệ, thì trước hết là có các ngôn ngữ Ấn-Iran: tiếng Armenia, tất nhiên, một thứ tiếng tuyệt diệu, tiếng Ossète, mà tôi đặc biệt quan tâm, và tiếng Tat. Dĩ nhiên là tôi không tính tiếng Nga. Sau đó còn có các ngôn ngữ Thổ Nhĩ Kỳ, tất cả đều rải rác ở các rìa núi: tiếng Thổ Karatchai, Balkar, Nogai và Koumyk ở phía Bắc, rồi Azéri và phương ngữ Meskhète ở phía Nam. Azéri là thứ tiếng giống với ngôn ngữ người ta vẫn nói ở Thổ Nhĩ Kỳ nhất, nhưng nó còn lưu giữ nhiều yếu tố Ba Tư mà Kemal Ataturk đã gạt bỏ khỏi tiếng Thổ hiện đại. Tất cả các tộc người đó, tất nhiên, là những gì còn rơi rớt lại của các đạo quân Thổ-Mông từng xâm chiếm vùng vào thế kỷ XIII, hoặc là những gì còn lại của các cuộc di dân sau này. Mặt khác các Khan người Nogai đã trị vì rất lâu ở Crimée. Anh đã nhìn thấy cung điện của họ ở Bakhtchi-Saraï chưa?" – "Thật không may là chưa. Đó là vùng chiến sự." – "Đúng vậy. Tôi đã kiếm được một giấy thông hành. Cả các khu hang động cũng hết sức đặc biệt." Anh ta uống một chút trà. "Chúng ta nói đến đâu rồi nhỉ? À, đúng rồi. Sau đó còn có ngữ hệ vô cùng hấp dẫn, ngữ hệ Caucase hoặc Ibéro-caucasique. Tôi sẽ

dừng anh lại ngay: tiếng Kartvélien hoặc Georgian không hề có liên quan gì với tiếng Basque đâu. Đó là một ý tưởng do Humboldt rêu rao, cầu cho linh hồn ông ấy được yên nghỉ, và sau đó được sử dụng lại, nhưng sai bét. Từ *ibéro-* chỉ đơn giản là dẫn chiếu đến nhóm Caucase Nam. Mặt khác, thậm chí người ta còn không thể chắc chắn được rằng giữa các ngôn ngữ này có một liên hệ nào đó. Người ta nghĩ vậy – đó là một định đề của các nhà ngôn ngữ học Xô viết – nhưng điều đó là không thể chứng minh được về mặt nguồn gốc. Nhiều nhất thì người ta cũng chỉ có thể vẽ ra được các ngữ hệ nhỏ có chung một đơn vị gốc. Với tiếng Caucase Nam, nghĩa là tiếng Kartvélien, Svane, Mingrèle và Laz, rất khó chắc chắn được. Cũng tương tự với tiếng Caucase miền Tây Bắc: mặc cho" – anh ta để thoát ra một tiếng "xuýt" khá đặc biệt – "các thứ phương ngữ abkhaze hơi rắc rối, chủ yếu là các thứ tiếng Abaza, Adyghé và Kabarde-Tcherkesse, cũng như tiếng Oubykh đang trên con đường diệt vong và chỉ còn tìm được ở vài người còn sử dụng tại Anatolie, một ngôn ngữ duy nhất với rất nhiều biến thể mang tính địa phương. Cũng giống hệt với tiếng Vainakh, thứ tiếng có nhiều hình thái trong đó chủ chốt nhất là Tchétchène và Ingouche. Ngược lại, ở Daghestan vẫn còn rất lộn xộn. Người ta đã xác định được một số tập hợp như tiếng Avar và các thứ tiếng Andi, Dido hoặc Tsez, Lak và Lesghien, nhưng một số nhà nghiên cứu nghĩ rằng các ngôn ngữ Vainakh thuộc về chúng, những người khác lại không; và bên trong các phân nhóm đó cũng có những tranh cãi lớn. Chẳng hạn như về mối quan hệ giữa tiếng Kubachi và tiếng Dargva; hoặc là về liên quan gốc của tiếng Khynalug, mà một số người muốn coi là một ngôn ngữ độc lập, cũng như tiếng Archi." Tôi không hiểu được gì nhiều, nhưng vẫn lắng nghe anh ta phân tích một cách say mê. Trà của anh ta cũng rất ngon. Cuối cùng tôi hỏi: "Xin lỗi, anh biết tất cả các thứ tiếng đó à?" Anh ta phá lên cười. "Anh đùa đấy à? Anh thấy độ tuổi của tôi rồi chứ? Và rồi, không có làm việc thực địa thì chẳng có kết quả gì đâu. Không, tôi chỉ có một ít hiểu biết lý thuyết tương đối về tiếng Kartvélien, và tôi đã học một số yếu tố nền

tầng của các thứ tiếng khác, đặc biệt là ngữ hệ Caucase miền Tây Bắc." – "Thế tổng cộng anh biết bao nhiêu thứ tiếng?" Anh ta lại cười. "Nói được một thứ tiếng không giống như biết đọc và biết viết thứ tiếng đó; và có được một hiểu biết chính xác về âm vị học và hình thái học của nó lại là một chuyện khác nữa. Để quay trở lại với các ngôn ngữ Caucase miền Tây Bắc hoặc các thứ tiếng Adyghé, tôi đã làm việc với các hệ thống phụ âm – nhưng với các nguyên âm thì không nhiều lắm – và tôi có được một ý tưởng chung về ngữ pháp. Nhưng tôi không có khả năng nói chuyện đâu. Bây giờ, nếu anh nói rằng trong ngôn ngữ hàng ngày chúng ta hiếm khi dùng đến hơn năm trăm từ và một ngữ pháp khá là cơ bản, thì hẳn là tôi có thể nhai sống nuốt tươi gần như bất kỳ ngôn ngữ nào trong vòng mười hoặc mười lăm ngày. Sau đó, mỗi thứ tiếng lại có các khó khăn và vấn đề đặc thù cần phải tính đến nếu muốn nắm chắc nó. Có thể nói rằng nếu anh muốn ngôn ngữ giống như một đối tượng khoa học thì điều đó sẽ rất khác, trong cách tiếp cận đó, nếu coi ngôn ngữ là một phương tiện giao tiếp. Một thằng bé Abkhaze lên bốn tuổi có khả năng nói những thứ phức tạp kinh khủng mà không bao giờ tôi có thể lặp lại được một cách chính xác, nhưng tôi lại có thể phân tích và miêu tả, chẳng hạn như là các chuỗi âm lợi vòm đơn hoặc môi hóa, cái đó hoàn toàn không có chút ý nghĩa nào đối với một thằng bé sở hữu toàn bộ ngôn ngữ của nó trong đầu nhưng không bao giờ biết phân tích hết cả." Anh ta suy nghĩ một lúc. "Chẳng hạn, có một lần tôi đã quan sát hệ thống phụ âm của một ngôn ngữ Nam Tchad, nhưng chỉ là để so sánh với hệ thống của tiếng Oubykh. Tiếng Oubykh là một ngôn ngữ rất hấp dẫn. Đó là một bộ lạc Adyghé, hoặc Circassien như người ta vẫn hay nói ở châu Âu, đã hoàn toàn bị người Nga đuổi khỏi Caucase vào năm 1864. Những người sống sót đến ở Vương quốc Ottoman, nhưng phần lớn đã để mất ngôn ngữ để chuyển sang nói tiếng Thổ hoặc các thứ phương ngữ Circassien. Miêu tả không đầy đủ đầu tiên được thực hiện bởi một người Đức, Adolf Dirr. Đó là một người tiên phong vĩ đại của việc miêu tả các ngôn ngữ Caucase: mỗi năm ông ấy

nghiên cứu một thứ tiếng, trong các kỳ nghỉ. Thật không may là trong Thế chiến thứ nhất ông ấy bị kẹt lại ở Tiflis, cuối cùng thì ông ấy cũng thoát được, nhưng đánh mất gần hết các ghi chép, trong đó có những thứ về tiếng Oubykh tập hợp được vào năm 1913 ở Thổ Nhĩ Kỳ. Ông ấy đã cho xuất bản những gì còn lại, vào năm 1927 và chỉ vậy thôi cũng đã tuyệt vời lắm rồi. Sau đó, một người Pháp tên là Dumézil cũng nghiên cứu chúng và xuất bản một miêu tả hoàn chỉnh vào năm 1931. Nhưng tiếng Oubykh có đặc trưng là có đến tám mươi-tám mươi ba phụ âm, tùy theo cách tính của mỗi người. Trong nhiều năm người ta cứ nghĩ rằng đó là kỷ lục thế giới. Rồi người ta lại cho rằng một số ngôn ngữ miền Nam Tchad, chẳng hạn tiếng Margi, còn có nhiều phụ âm hơn. Nhưng đến giờ vẫn chưa có kết luận cuối cùng."

Tôi đặt tách trà xuống: "Tất cả những cái đó đều rất hấp dẫn, Leutnant. Nhưng tôi buộc phải quan tâm đến những vấn đề cụ thể hơn." – "Ồ, xin lỗi, tất nhiên rồi! Xét cho cùng, cái liên quan đến anh vẫn là chính sách dân tộc của Xô viết. Nhưng anh sẽ thấy rằng những lời dông dài của tôi không đến nỗi vô ích đâu: bởi vì chính sách đó được xây dựng dựa trên chính ngôn ngữ. Vào thời Sa hoàng, tất cả đều đơn giản hơn nhiều: những người dân bản địa bị chinh phục có thể làm gần như tất cả những gì họ muốn, chỉ cần không nổi loạn và đóng thuế đầy đủ. Những người ở tầng lớp tinh hoa có thể được giáo dục bằng tiếng Nga và thậm chí còn có thể được Nga hóa – mặt khác, một số gia đình thuộc hoàng gia Nga có nguồn gốc Caucase, nhất là kể từ cuộc hôn nhân của Ivan IV với một công chúa Kabarde, Maria Temrukovna. Vào cuối thế kỷ trước, các nhà khoa học Nga đã bắt đầu nghiên cứu các dân tộc đó, nhất là từ quan điểm dân tộc học, và họ đã làm ra được những công trình đáng kể, như là công trình của Vsevolod Miller, cũng là một nhà ngôn ngữ học xuất sắc. Phần lớn các tác phẩm đó có thể tìm được ở Đức và thậm chí một số đã được dịch ra; nhưng cũng có nhiều chuyên khảo ít được biết đến hoặc được in với số lượng rất nhỏ mà tôi hy vọng có thể tìm được tại thư viện của các nước Cộng hòa tự trị. Sau Cách mạng và nội chiến, chính quyền

Bônsêvich, thoạt tiên lấy cảm hứng từ một văn bản của Lênin, đã dần định ra một chính sách dân tộc vô cùng độc đáo: Stalin, người vào thời đó là ủy viên nhân dân về vấn đề dân tộc, đã đóng một vai trò hàng đầu. Chính sách đó là một sự tổng hợp đáng kinh ngạc giữa một bên là các công trình khoa học vô cùng khách quan, như là các tác phẩm của những nhà Caucase học danh tiếng Yakovlev hoặc Troubetskoi; bên còn lại là một ý thức hệ cộng sản mang hơi hướng quốc tế chủ nghĩa, thoạt tiên không có khả năng xét đến vấn đề dân tộc; và, cuối cùng, là thực tế các quan hệ và biến động về dân tộc tại chỗ. Giải pháp của Xô viết có thể được tóm tắt như sau: một dân tộc, hoặc một yếu tố mang tính dân tộc như người ta vẫn hay nói, đồng nghĩa với một ngôn ngữ cộng với một lãnh thổ. Chính là để tuân theo nguyên tắc đó mà họ đã thử giao cho người Do Thái, những người có một ngôn ngữ, tiếng Yiddish, nhưng không có lãnh thổ, một vùng tự trị ở vùng Viễn Đông, Birobidjan; nhưng có vẻ như là thử nghiệm đó đã thất bại, và người Do Thái không muốn đến sống ở đó. Tiếp theo, tùy theo dân số của mỗi dân tộc, người Xô viết tạo ra một hệ thống phức tạp gồm các mức độ cai trị về hành chính, với mỗi mức độ là các quyền lợi và hạn chế nhất định. Các dân tộc quan trọng hơn cả, như Armenia, Georgia và cái được gọi là Azéri, cũng như Ukraine và Belarus, có quyền có được một SSR, một Cộng hòa xã hội Xô viết. Ở Georgia, ngay cả giáo dục đại học cũng có thể được thực hiện hoàn toàn bằng tiếng Kartvélien, và người ta xuất bản các công trình khoa học có giá trị lớn bằng thứ tiếng đó. Cũng như vậy với tiếng Armenia. Cũng phải nói rằng cả hai đều là các ngôn ngữ văn chương rất cổ, với một truyền thống phong phú, đã có từ trước tiếng Nga và thậm chí là trước tiếng Slavon, trước tiên đã được ghi nhận bởi Cyrille và Méthode. Mặt khác, nếu anh cho phép một mở ngoặc nhỏ, Mesrop, người vào đầu thế kỷ thứ V đã tạo ra các bảng chữ cái Georgia và Armenia – trong khi hai thứ tiếng này không hề có liên quan gì với nhau – hẳn phải là một nhà ngôn ngữ học thiên tài. Bảng chữ cái Georgia của ông ấy hoàn toàn dựa theo âm vị. Không thể nói như vậy với các bảng chữ cái

Caucase do các nhà ngôn ngữ học Xô viết tạo ra được. Mặt khác người ta nói có thể Mesrop cũng đã tạo ra một bảng chữ cái cho tiếng Albania vùng Caucase; nhưng thật không may là không còn lại dấu vết nào cả. Để tiếp tục, sau đó anh có các nước Cộng hòa tự trị, như là Kabardino-Balkarie, Tchétchénie-Ingouchie hoặc Daghestan. Người Đức vùng sông Volga cũng có vị thế đó, nhưng như anh đã biết người ta đã trục xuất tất cả họ và nước Cộng hòa của họ bị giải thể. Và rồi còn tiếp tục với các Lãnh thổ tự trị và cứ thế nữa. Một điểm mấu chốt là khái niệm ngôn ngữ văn chương. Để có được nước Cộng hòa cho riêng mình, một dân tộc nhất định phải có một ngôn ngữ văn chương, nghĩa là ngôn ngữ viết. Thế nhưng, ngoài tiếng Kartvélien, như tôi vừa giải thích với anh, vào thời Cách mạng không một ngôn ngữ Caucase nào hội tụ đủ điều kiện đó. Đã từng có vài dự định vào thế kỷ XIX, nhưng chỉ là để cho mục đích khoa học, và còn tồn tại vài bản khắc chữ Arập có niên đại thế kỷ X hoặc XI, nhưng chỉ có vậy thôi. Chính ở điểm này các nhà ngôn ngữ học Xô viết đã làm được một việc rất giỏi, khối lượng khổng lồ: họ đã tạo ra các bảng chữ cái, dựa trên nền tảng trước hết là Latinh, rồi Kirin, cho mười một ngôn ngữ Caucase cũng như một số lượng lớn các ngôn ngữ Thổ, trong đó có cả những thứ tiếng Xibêri. Dĩ nhiên các bảng chữ cái đó còn rất nhiều điều cần phê phán về mặt kỹ thuật. Bảng chữ cái Kirin rất không thích hợp với các thứ tiếng đó: chữ Latinh sửa đổi, giống như cách người ta đã từng thử nghiệm trong những năm hai mươi, hoặc thậm chí là bảng chữ cái Arập, hẳn là tốt hơn nhiều. Mặt khác họ đã làm được một việc tuyệt diệu đáng kinh ngạc với tiếng Abkhaze, mà ngày nay người ta viết với một bảng chữ cái Georgia biến đổi; nhưng chắc chắn các lý do không mang tính kỹ thuật. Việc bắt buộc chuyển sang bảng chữ cái Kirin đã tạo ra những biến dạng khá thô thiển, như việc sử dụng các dấu từ, các đơn tố, các tam tố, và thậm chí là, trong tiếng Kabarde, một tứ tố để diễn tả âm tắc câm bật hơi môi hóa rung lưỡi gà." Anh ta cầm lấy một tờ giấy và viết thảo lên đó vài ký hiệu, rồi đưa lại cho tôi, trên đó viếtКХЪУ. "Đây là một chữ đấy. Trông lố bịch tương tự

như khi chúng ta viết Щ vậy." – anh ta lại viết – "*shch*, hoặc còn tệ hơn nữa, giống như tiếng Pháp, *chtch*. Sau đó, một số cách viết chính tả mới không hề chắc chắn chút nào. Trong tiếng Abkhaze, cách ghi lại các âm bật hơi và âm phun bất ổn định một cách kinh khủng. Chắc Mesrop sẽ phải nhảy dựng lên. Cuối cùng, tệ hơn cả, họ đã bắt buộc rằng mỗi ngôn ngữ phải có một bảng chữ cái khác nhau. Xét về mặt ngôn ngữ học mà nói, chuyện đó gây ra những tình huống phi lý, giống như Щ, cái trong tiếng Kabarde tương đương với ch và trong tiếng Adyghê *tch*, trong khi chúng cùng là một thứ tiếng; trong tiếng Adyghê, *ch* được viết là ЩЪ và trong tiếng Kabarde *tch* được viết là Щ . Cũng giống hệt vậy với các ngôn ngữ Thổ, chẳng hạn *g* mềm được viết theo một cách khác nhau trong mỗi thứ tiếng. Tất nhiên, họ đã cố tình làm như vậy: đó là một quyết định chính trị, không phải ngôn ngữ học, rõ ràng là nhằm đến việc chia rẽ các dân tộc lân cận càng nhiều càng tốt. Mặt khác điều đó cũng là để cung cấp cho anh một chìa khóa: các dân tộc gần nhau phải thôi không còn là một hệ thống, theo chiều ngang, để rồi tất cả phải được tổ chức theo chiều dọc và song song với chính quyền trung ương, nơi đóng vai trò trọng tài cao nhất cho các xung đột mà chính bản thân nó không ngừng gây ra. Nhưng để quay lại với các bảng chữ cái đó, mặc cho tất cả những lời chỉ trích, dù sao đó cũng là một công việc to lớn, nhất là khi cả một cơ chế giáo dục đã được xây dựng dựa trên đó. Trong mười lăm năm, có khi chỉ mười năm, các dân tộc không có chữ viết đã có được những tờ báo, sách, tạp chí bằng ngôn ngữ của mình. Trẻ con học đọc bằng tiếng mẹ đẻ của chúng trước khi học tiếng Nga. Thật là tuyệt vời."

Voss tiếp tục nói; tôi ghi chép càng nhanh càng tốt. Nhưng còn hơn cả các chi tiết, tôi bị quyến rũ bởi mối quan hệ giữa anh ta và kiến thức của anh ta. Các trí thức mà tôi hay gặp, như Ohlendorf và Höhn, liên tục phát triển hiểu biết và các lý thuyết của mình; khi họ nói, thì hoặc là để trình bày các ý tưởng của họ, hoặc là để đẩy chúng đi xa hơn nữa. Ngược lại, kiến thức của Voss, như thể sống ở bên trong anh ta, gần như là một thứ cơ

quan nội tạng, và Voss tận hưởng kiến thức đó giống như tận hưởng một người tình, thông qua các cảm giác, anh ta tắm mình trong nó, thường trực khám phá thêm những khía cạnh mới, đã có ở trong anh ta nhưng anh ta còn chưa ý thức được và thấy trong việc đó một khoái cảm của đứa trẻ con đang học mở và đóng một cánh cửa hoặc xúc đầy một xô cát rồi lại đổ đi; cái khoái cảm đó, người nào nghe anh ta nói sẽ chia sẻ ngay bởi vì phần trình bày của anh ta chỉ là những mảnh vụn bất kham và những bất ngờ liên miên; người ta có thể cười chúng, nhưng chỉ duy nhất với nụ cười vui sướng của người cha ngắm nhìn đứa con của mình vừa cười vừa mở và đóng một cánh cửa, mười lần liên tiếp. Tôi quay lại gặp anh ta nhiều lần, và lần nào anh ta cũng tiếp đón tôi với cùng sự thân ái đó và cùng sự nhiệt tình đó. Chúng tôi mau chóng có được một tình bạn thẳng thắn và dễ dàng mà chiến tranh và các tình huống đặc biệt rất sẵn sàng tạo điều kiện. Chúng tôi đi dạo trên những phố phường ồn ào của Simferopol, tận dụng mặt trời, giữa một đám đông ô hợp gồm lính Đức, Rumani và Hungari, các Hiwi mệt nhoài, người Tatar da sạm nắng và quấn khăn trên đầu, và những cô gái nông dân Ukraine má hồng. Voss biết tất cả các *tchai khona* của thành phố và nói chuyện một cách thân tình, bằng nhiều thứ phương ngữ khác nhau, với những ông chủ quán xun xoe hoặc vui vẻ vừa phục vụ chúng tôi vừa liên mồm xin lỗi vì thứ trà tồi tệ. Một hôm anh ta dẫn tôi đến Bakhtchi-Sarai thăm cung điện nhỏ tuyệt diệu của các Khan vùng Crimée, được các kiến trúc sư Ý, Ba Tư và Ottoman và các nô lệ Nga và Ukraine xây dựng vào thế kỷ XVI; và Chufut-Kale, pháo đài của người Do Thái, một thành phố khoét vào trong núi bắt đầu từ thế kỷ VI trong các vách đá vôi và là nơi trú ngụ của nhiều dân tộc khác nhau, mà những người cuối cùng, những người đã đặt cho thành phố một cái tên Arập, thật ra lại là người Karaite, một giáo phái Do Thái ly khai đã được miễn tố vào năm 1937, nhờ quyết định của Bộ Nội vụ, khỏi các đạo luật liên quan đến chủng tộc của Đức, và do đó ở Crimée này cũng thoát được khỏi các biện pháp đặc biệt của SP, theo như những gì tôi giải

thích cho Voss. "Có vẻ như là người Karaite của Đức đã trình ra những thứ giấy tờ của Sa hoàng, trong đó có cả một chiếu chỉ của Catherine Vĩ đại, khẳng định rằng họ không có nguồn gốc Do Thái, mà mãi sau này mới cải sang Do Thái giáo. Các chuyên gia của Bộ đã chấp nhận tính chân thực của những giấy tờ đó." – "Phải, tôi đã từng nghe nói về chuyện ấy, Voss mỉm cười nói. Họ là những kẻ ma lanh." Tôi những muốn hỏi anh ta muốn nói gì trong câu đó, nhưng anh ta đã chuyển sang chủ đề khác. Ngày thật đẹp. Thời tiết vẫn chưa nóng lắm, bầu trời vẫn còn nhợt nhạt và sáng sủa; phía xa, từ trên những vách đá, có thể nhìn thấy biển, một bề mặt mênh mông hơi có màu ghi đậm hơn dưới mặt trời. Từ phía Tây Nam mơ hồ vẳng tới tiếng ầm ì đơn điệu của những cỗ pháo đang nã đạn ở Sébastopol, dịu dàng vang lên dọc theo những ngọn núi. Những thằng bé người Tatar bẩn thỉu, ăn mặc rách rưới, chơi nghịch giữa các đống đổ nát hoặc trông lũ dê; nhiều đứa tò mò quan sát chúng tôi, nhưng tản ra ngay khi Voss gọi bằng ngôn ngữ của chúng.

Chủ nhật, khi không quá nhiều việc, tôi lấy một chiếc Opel và chúng tôi đi xuống bãi biển, ở Eupatorie. Thường thì tôi tự lái lấy. Cái nóng tăng dần lên mỗi ngày, đang là giữa mùa xuân, và tôi phải đề phòng những đám trẻ con trần truồng nằm dán bụng xuống nền đường rải nhựa nóng rực, tản ra tứ tung như những con chim sẻ trước mỗi cái xe, thành một đám hỗn loạn những cơ thể nhỏ bé gầy gò và rám nắng. Ở Eupatorie có một nhà thờ Hồi giáo rất đẹp, lớn nhất Crimée, được vẽ mẫu vào thế kỷ XVI bởi kiến trúc sư nổi tiếng người Ottoman tên là Sinan, và vài đống đổ nát kỳ lạ; nhưng ở đó không thể tìm được *Portwein*, thậm chí ngay cả trà cũng không có; và nước dưới hồ lững lờ, đầy bùn. Vậy là chúng tôi bỏ lại các thành phố để đi đến những bãi biển, nơi thỉnh thoảng chúng tôi bắt gặp những nhóm lính từ Sébastopol đến đang nghỉ ngơi. Phần lớn thời gian họ đều trần truồng, gần như lúc nào cũng trắng toát trừ khuôn mặt, cổ và cánh tay trước, bọn họ ồn ào như những đứa trẻ con và lao xuống nước, rồi nằm phơi những cái bụng vẫn còn ướt nước trên bãi cát, tận hưởng cái

nóng như một lời cầu nguyện, để xua đuổi sự lạnh giá của mùa đông. Thường thì các bãi biển không có lấy một bóng người. Tôi thích vẻ nham nhở của các bãi biển Xô viết: những cái dù sặc sỡ nhưng không có mái, những cái ghế băng phủ đầy phân chim, các cabin bằng sắt đã gỉ và tróc hết sơn, để lộ chân và đầu lũ trẻ con đang đứng rình ở đằng sau thanh chắn. Chúng tôi thích nhất một nơi, một bãi biển ở phía Nam thành phố. Hôm chúng tôi khám phá ra nó, khoảng nửa chục con bò, rải rác quanh một cái xà lúp sơn màu chói đặt nằm trên cát, đang gặm chỗ cỏ mới của vùng thảo nguyên lấn ra đến những đụn cát, không buồn quan tâm gì đến thằng bé tóc vàng đang ngồi trên cái xe đạp và víu lượn vòng vèo giữa chúng. Từ phía bên kia một cái vịnh hẹp, một tiếng nhạc buồn bã của Nga nghe rất nhỏ cất lên từ chiếc lều màu xanh đặt trên một bờ ke rung rinh, phía trước đang dập dờn ba cái thuyền đánh cá nghèo khó được neo lại bởi những sợi dây thừng cũ kỹ. Tất cả đắm mình trong một sự cô quạnh yên tĩnh. Chúng tôi đã mang theo bánh mì mới và táo đỏ của năm trước, dùng để nhấm cùng với rượu vodka; nước lạnh, đầy sức sống. Phía bên tay phải là hai quán rượu cũ khóa kín và tháp của huấn luyện viên bơi lội, nệu rã sắp sập xuống. Nhiều giờ trôi qua, chúng tôi gần như không nói năng gì. Voss đọc sách; tôi chậm rãi uống vodka và nhảy xuống nước; một trong những con bò cái, không biết vì cớ gì, chạy thẳng xuống bãi biển. Khi trở về, đi ngang qua một làng chài nhỏ để lấy xe ôtô đỗ lại ở đó, tôi bắt gặp một đàn ngỗng đang nối đuôi nhau đi vào dưới một cánh cổng bằng gỗ; con cuối cùng, mỏ ngậm một quả táo nhỏ còn xanh, chạy thật nhanh để cố đuổi kịp chị em.

Tôi cũng thường xuyên gặp Ohlendorf. Trong công việc, tôi thường xuyên xử lý mọi thứ cùng với Seibert; nhưng vào cuối buổi chiều, nếu Ohlendorf không quá bận, tôi qua phòng ông ta để uống một tách cà phê. Lúc nào ông ta cũng uống cà phê, những kẻ xấu miệng nói rằng ông sống bằng cái thứ đó. Có vẻ như là ông ta luôn luôn bị trưng dụng để làm rất nhiều việc đôi khi chẳng mấy liên quan đến công việc của tập đoàn quân. Trên

thực tế, Seibert mới là người quản lý công việc hàng ngày; chính ông ta là người trông coi các sĩ quan khác của Gruppenstab, và ông ta cũng tổ chức những cuộc họp đều đặn với tham mưu trưởng hoặc Ic của đại đoàn số 11. Để có thể trình một vấn đề chính thức lên cho Ohlendorf, nhất thiết phải đưa qua sĩ quan tùy tùng của ông ta, Obersturmführer Heinz Schubert, một hậu duệ của nhạc sĩ vĩ đại và là một con người tinh tinh cẩn thận, dù cho hơi cứng nhắc. Khi Ohlendorf tiếp tôi, hơi giống một giáo sư tiếp một sinh viên ngoài giờ học, tôi không bao giờ nói chuyện với ông ta về công việc; thường thì chúng tôi nói đến các vấn đề lý thuyết hoặc ý thức hệ. Một hôm, tôi nêu vấn đề Do Thái với ông ta. *"Bọn Do Thái!* ông ta kêu lên. *Cầu cho bọn chúng bị nguyền rủa! Chúng còn tệ hại hơn cả những kẻ theo Hegel!"* Ông ta nở một nụ cười hiếm hoi trước khi tiếp tục, bằng cái giọng hết sức chính xác, đầy nhạc tính, hơi vống cao của mình. "Mặt khác có thể nói rằng Schopenhauer đã đúng, nhất là khi chủ nghĩa Marx xét cho cùng chỉ là một thứ biến thể Do Thái xấu xa của Hegel. Có đúng không nào?" – "Tôi rất muốn hỏi ý kiến ông về hành động của chúng ta," tôi đánh liều. – "Chắc là anh muốn nói đến việc tiêu diệt dân tộc Do Thái?" – "Đúng. Tôi phải thú nhận rằng điều đó gây cho tôi một số vấn đề." – "Điều đó gây vấn đề cho tất cả mọi người, ông ta nói thật rõ ràng. Cả với tôi điều đó cũng gây vấn đề." – "Vậy thì ý kiến của ông là gì?" – "Ý kiến của tôi?" Ông ta duỗi người và chắp hai tay đặt trước môi; đôi mắt của ông ta, bình thường sắc sảo là vậy, giờ gần như trống rỗng. Tôi không quen nhìn thấy ông ta trong bộ quân phục; Ohlendorf, với tôi, vẫn là một người bên dân sự, và tôi gặp rất nhiều khó khăn trong việc tưởng tượng ra ông ta theo một cách khác với những bộ đồ kín đáo, cắt may rất đẹp. "Đó là một sai lầm, cuối cùng ông ta nói. Nhưng là một sai lầm cần thiết." Ông ta lại cúi người về phía trước và đặt hai khuỷu tay lên mặt bàn. "Tôi phải giải thích cho anh điều này. Uống cà phê đi. Đó là một sai lầm, bởi vì đó là kết quả của sự bất lực của chúng ta trong việc xử lý vấn đề theo một cách lý tính hơn. Nhưng đó là một sai lầm cần thiết bởi vì, trong

tình thế hiện nay, người Do Thái với chúng ta là một mối nguy hiểm rất lớn, khẩn cấp. Nếu Führer cuối cùng sẽ ấn định giải pháp triệt để nhất, thì có nghĩa là ông ấy đã bị thúc đẩy bởi sự thiếu quyết đoán và thiếu năng lực của những người phụ trách vấn đề." – "Ông muốn nói gì với câu *sự bất lực của chúng ta trong việc xử lý vấn đề*?" – "Tôi sẽ giải thích cho anh. Hẳn là anh còn nhớ rằng sau khi Nắm Chính Quyền, tất cả những kẻ vô trách nhiệm và đầu óc có vấn đề của Đảng cứ nhai nhải đòi thực hiện *các biện pháp triệt để* như thế nào, và đủ mọi loại hành động phạm pháp hoặc gây tổn hại được thực hiện, giống như những việc ngu xuẩn của Streicher. Führer, rất khôn ngoan, đã phanh hãm các hành động không có khuôn khổ đó và đưa cách giải quyết vấn đề vào một con đường đúng luật, dẫn đến việc ban hành các đạo luật liên quan đến chủng tộc, nhìn chung là thỏa đáng, vào năm 1935. Nhưng ngay cả sau khi đó, giữa các tay quan liêu lẫn mẫn nhận chìm mọi bước tiến dưới hàng núi giấy tờ, và những kẻ phấn khích thái quá chỉ chăm chăm khuyến khích các *Einzelaktion*, thường là vì lợi ích của riêng bọn họ, còn xa mới có được một giải pháp tổng thể về vấn đề Do Thái. Những cuộc tàn sát hồi năm 1938, những việc đã gây ra bao nhiêu tổn hại cho nước Đức, chỉ là một hậu quả lôgic của sự thiếu phối hợp hành động này. Phải mãi khi SD bắt đầu xem xét vấn đề một cách nghiêm túc thì một giải pháp thay thế cho các dự định *ad hoc* mới có thể xuất hiện. Sau những nghiên cứu và tranh luận dài chúng tôi đã có thể xây dựng và đề xuất một chính sách chung hợp lý: di cư tốc độ cao. Bây giờ tôi vẫn nghĩ rằng giải pháp đó lẽ ra đã phải làm thỏa mãn tất cả mọi người, và nó cũng vô cùng dễ thực hiện, ngay cả sau Anschluss. Các biện pháp được tạo ra để thuận lợi hóa cho việc di dân, nhất là để sử dụng tiền của người Do Thái chi trả cho sự chuyển cư của những người Do Thái nghèo, có thể coi là hết sức hiệu quả. Có lẽ anh còn nhớ cái tay mang nửa dòng máu Áo nhỏ bé khá xun xoe từng làm việc dưới quyền Knochen, cái Behrends..." – "Ông muốn nói đến Sturmbannführer Eichmann phải không? Tôi vừa gặp lại ông ấy vào năm ngoái, ở

Kiev." – "Đúng đấy. Thì chính ông ta, hồi ở Viên, đã xây dựng một cách tổ chức đáng chú ý. Hoạt động rất tốt." – "Đúng, nhưng sau đó thì có Ba Lan. Và không một đất nước nào trên thế giới này sẵn sàng chấp nhận ba triệu người Do Thái cả." – "Chính xác." Ông ta ngồi thẳng lên, chân này vắt tréo lên chân kia. "Nhưng ngay cả vào thời điểm đó lẽ ra chúng ta đã có thể giải quyết được các khó khăn theo từng bước một. Quá trình ghetto hóa dĩ nhiên là một thảm họa; nhưng theo tôi thì trong việc đó thái độ của Frank đóng vai trò rất lớn. Vấn đề thực sự là người ta cứ muốn làm mọi thứ cùng một lúc: đưa các *Volksdeutscher* về và giải quyết vấn đề Do Thái, rồi lại còn vấn đề Ba Lan. Thế nên chắc chắn mọi thứ phải hỗn loạn lên rồi." – "Đúng, nhưng ở một khía cạnh khác, việc đưa các *Volksdeutscher* về nước là điều khẩn cấp: không ai có thể biết được Stalin sẽ tiếp tục hợp tác thêm bao nhiêu lâu nữa. Ông ta có thể đóng hết các cửa lại vào bất kỳ ngày nào. Mặt khác, chúng ta cũng chưa bao giờ cứu thoát được những người Đức vùng sông Volga." – "Lẽ ra chúng ta đã có thể làm được, tôi nghĩ thế. Nhưng họ lại không muốn đến. Họ đã phạm phải sai lầm là đặt lòng tin vào Stalin. Họ cảm thấy được bảo vệ bởi vị thế của mình, có phải thế không nào? Dù thế nào đi nữa, anh cũng có lý: nhất thiết phải bắt đầu với các *Volksdeutscher*. Nhưng việc đó chỉ liên quan đến các Lãnh thổ sáp nhập, chứ không phải là General-Gouvernement. Nếu tất cả mọi người đều muốn hợp tác, thì hẳn là sẽ có cách để chuyển người Do Thái và người Ba Lan từ Warthegau và Danzig-Westpreussen về General-Gouvernement, để nhường chỗ cho những người hồi hương. Nhưng đến đây thì chúng ta đã chạm đến giới hạn của Nhà nước quốc xã của chúng ta ở thời điểm hiện nay. Rõ ràng là tổ chức của nền hành chính quốc xã vẫn còn chưa ăn nhập với các nhu cầu chính trị và xã hội của cách vận hành xã hội chúng ta. Đảng vẫn bị các phần tử xấu xa làm cho phát bệnh, những kẻ chỉ chăm chăm bảo vệ các quyền lợi riêng của mình. Như vậy, mỗi mâu thuẫn đều ngay lập tức trở thành xung đột nặng nề. Trong trường hợp hồi hương, các Gauleiter của các Lãnh thổ sáp nhập đã cư xử

theo lối cao ngạo khúng khiếp, và General-Gouvernement cũng phản ứng theo cùng một cách. Người này tố cáo người kia là đã vứt rác sang chỗ mình. Và SS, nơi được giao phụ trách vấn đề, không có đủ quyền lực để ấn định được một chế tài hợp lý. Ở mỗi bước, sẽ có ai đó có một ý định điên rồ, hoặc phản đối các quyết định của Reichsführer, bằng cách lợi dụng khả năng tiếp cận Führer của mình. Nhà nước của chúng ta vẫn còn chưa trở thành được một *Führerstaat* tuyệt đối, mới chỉ là quốc xã về lý thuyết; trong thực tế điều đó chỉ làm cho mọi việc trở nên tồi tệ hơn, đó là một hình thức vô chính phủ đa nguyên. Führer có thể tìm cách phân xử, nhưng ông ấy không thể hiện diện ở khắp nơi, và các Gauleiter của chúng ta rất biết cách diễn giải các mệnh lệnh của ông ấy, làm biến dạng chúng, và sau đó tuyên bố rằng họ tuân theo ý chí của ông ấy, để rồi thích làm gì thì làm."

Những điều này đưa chúng tôi đi hơi xa khỏi người Do Thái. "À đúng rồi. Dân tộc được đặc tuyển. Ngay cả với tất thảy những trở ngại đó, vẫn có thể có được các giải pháp hợp lý. Chẳng hạn như là sau chiến thắng của chúng ta trước nước Pháp, SD, kết hợp với *Auswärtiges Amt*, đã bắt đầu suy nghĩ một cách nghiêm túc đến giải pháp Madagascar. Trước đó, người ta đã nghĩ đến chuyện tập hợp tất cả Do Thái ở quanh Lublin, trong một kiểu khu biệt lập lớn nơi bọn họ có thể sống một cách yên bình và không gây nguy hiểm cho nước Đức; nhưng General-Gouvernement đã thẳng thừng từ chối và Frank, sử dụng các quan hệ của mình, đã thành công trong việc phá hỏng dự án. Madagascar là chuyện nghiêm túc. Chúng tôi đã tiến hành các nghiên cứu, có đủ chỗ cho tất cả Do Thái trong phạm vi kiểm soát của chúng ta. Chúng tôi đã đi khá xa trong việc hoạch định, thậm chí chúng tôi đã tiêm vắcxin phòng bệnh cho các nhân viên của *Staatspolizei* chống bệnh sốt rét để chuẩn bị đưa lên đường. Chủ yếu là Amt IV tiến hành dự án, nhưng SD đã cung cấp thông tin và ý tưởng, và tôi đã đọc tất cả các báo cáo." – "Tại sao việc đó không đi đến đâu?" – "Rất đơn giản, vì người Anh, một cách rất phi lý tính, đã từ chối không chấp nhận sự vượt trội quá rõ của

chúng ta và không chịu ký với chúng ta một hòa ước! Mọi chuyện phụ thuộc vào đó. Thoạt tiên là bởi vì chúng ta cần nước Pháp nhường lại Madagascar, cái đó có thể là một điều khoản của hiệp ước, và cũng bởi vì lẽ ra Anh cũng sẽ phải gửi hạm đội đến giúp đỡ, đúng không nào?"

Ohlendorf ngừng lại để đi gọi người cần vụ mang đến một bình cà phê mới. "Cả ở đây, ở Nga này, cũng vậy, ý tưởng ban đầu nhỏ bé hơn rất nhiều. Tất cả mọi người đều nghĩ chiến dịch sẽ rất ngắn và muốn làm như ở Ba Lan, nghĩa là tiêu diệt những kẻ cầm đầu, giới trí thức tinh hoa, bọn chỉ huy Bônsêvich, tất cả những kẻ nguy hiểm. Một nhiệm vụ đáng kinh tởm nếu xét riêng, nhưng nhất thiết phải làm và hợp lôgic, nếu nhìn vào bản chất thái quá của chủ nghĩa Bônsêvich, sự thiếu vắng hoàn toàn những bàn khoản dằn vặt của nó. Sau chiến thắng, lại một lần nữa chúng ta sẽ có thể tái thực hiện nghiên cứu về giải pháp tổng thể và quyết định, chẳng hạn bằng cách tạo ra một khu Do Thái riêng ở phía Bắc hoặc ở Xibêri, hoặc gửi bọn chúng đến Birobidjan, tại sao lại không?" – "Đó là một nhiệm vụ đáng kinh tởm, dù cho thế nào đi chăng nữa, tôi nói. Tôi có thể hỏi tại sao ông lại chấp nhận nó được không? Với cấp bậc và các khả năng của ông, lẽ ra ông đã có thể rất có ích ở Berlin." – "Chắc chắn rồi, ông ta hăng hái nói tiếp. Tôi không phải một quân nhân, cũng không phải một cảnh sát, và công việc thư lại này không hề hợp với tôi. Nhưng đó là một mệnh lệnh trực tiếp và tôi phải chấp hành. Và rồi, như tôi đã nói với anh, tất cả chúng tôi đều cứ nghĩ mọi chuyện sẽ chỉ kéo dài một hoặc hai tháng, không hơn." Tôi ngạc nhiên khi thấy ông ta trả lời câu hỏi của tôi một cách thẳng thắn đến thế; chúng tôi chưa bao giờ có một cuộc trò chuyện nào thoải mái như vậy. "Và kể từ *Führervernichtungsbefehl*?" tôi tiếp tục. Ohlendorf không trả lời ngay lập tức. Viên cần vụ mang cà phê đến; Ohlendorf mời tôi một tách nữa: "Tôi uống đủ rồi, cảm ơn." Ông ta đắm chìm vào các suy nghĩ của mình. Cuối cùng ông ta cũng trả lời, một cách chậm rãi, rất cẩn thận trong việc chọn lựa từ ngữ: "*Führervernichtungsbefehl* là một thứ kinh khủng. Thật nghiêm

lý, nó gần giống như là một mệnh lệnh của Chúa trong Kinh thánh của người Do Thái, phải không nào? *Giờ đây thì đi đi, đánh Amalek! Bắt hắn phải chịu rút phép thông công cùng tất cả những gì hắn có, đừng xót thương hắn, hãy giết đàn ông và đàn bà, trẻ con và trẻ sơ sinh, bò và cừu, lạc đà và lừa.* Anh biết quá rõ đoạn đó rồi đấy, trong sách đầu tiên của Samuel. Khi nhận được lệnh, tôi đã nghĩ ngay đến đoạn đó. Và như đã nói với anh rồi đấy, tôi nghĩ rằng đó là một sai lầm, rằng lẽ ra chúng ta phải có trí thông minh và khả năng để tìm ra được một giải pháp... nhân văn hơn, hoặc nói cách khác là phù hợp hơn với lương tâm người Đức và người quốc xã chúng ta. Theo nghĩa ấy, đó là một thất bại. Nhưng cũng phải nhìn vào thực tế của cuộc chiến tranh nữa. Chiến tranh kéo dài, và ngày nào cái lực lượng thù địch đó còn ở lại đằng sau trận tuyến của chúng ta, chúng sẽ cung cấp viện nhiều hơn cho đối thủ của chúng ta, làm suy yếu chúng ta. Đây là một cuộc chiến tranh tổng lực, huy động tất cả các lực lượng của Quốc gia, và chúng ta không được phép lơ là bất cứ điều gì mang lại chiến thắng, không gì hết. Rõ ràng là Führer rất hiểu điều đó: ông ấy đã cắt phăng mớ bùng nhùng của những mối nghi ngờ, những do dự, những mối quan tâm khác nhau. Ông ấy đã làm việc đó, cũng như đã làm tất cả, để cứu nước Đức, và ý thức được rằng nếu có thể đẩy vào chỗ chết hàng trăm nghìn người Đức thì cũng có thể đẩy vào đó người Do Thái và tất cả các kẻ thù khác. Bọn Do Thái cầu nguyện và hành động để chúng ta thất bại, và chừng nào còn chưa chiến thắng, chúng ta còn chưa thể bao bọc nuôi sống một kẻ thù như vậy được. Và với chúng ta, những người đã nhận lấy trách nhiệm thực hiện công việc nặng nề này, nghĩa vụ của chúng ta đối với nhân dân, nghĩa vụ của những người quốc xã thực thụ, là tuân lệnh. Ngay cả khi *tuân thủ là con dao găm cắt đứt ý chí của con người*, như Joseph de Cupertino từng nói. Chúng ta phải chấp nhận nghĩa vụ của chúng ta theo đúng cách Abraham chấp nhận sự hiến tế không thể tưởng tượng nổi, trao đứa con Isaac của mình theo lời Chúa. Anh đã đọc Kierkegaard chưa? Ông ấy gọi Abraham là *kỵ sĩ của*

lòng tin, người đã phải hy sinh không chỉ đứa con trai của mình, mà cả, và nhất là, các ý tưởng liên quan đến luân lý của mình. Vơi chúng ta mọi chuyện giống hệt như vậy, phải không nào? Chúng ta phải hoàn thành sự hy sinh của Abraham."

Ohlendorf, tôi nhận ra điều này thông qua những lời của ông ta, không hề muốn được bổ vào vị trí hiện tại; nhưng, vào thời của chúng tôi, ai là người có được may mắn làm những gì mình muốn? Cái đó thì ông ta hiểu và chấp nhận một cách sáng suốt. Với cương vị Kommandant, ông ta rất chặt chẽ và cẩn thận; khác với Einsatzgruppe cũ của tôi, nơi đã nhanh chóng rời bỏ phương pháp ít tính thực tiễn này, ông ta nhất định muốn rằng các cuộc xử bắn phải được thực hiện theo phương pháp quân sự, với đội hành quyết, và ông ta thường xuyên sai các sĩ quan của mình, như Seibert và Schubert, đến thanh tra để xem liệu các Kommando có tôn trọng chỉ thị hay không. Ông ta cũng muốn kiểm soát ở mức độ cao nhất có thể được những vụ trộm cắp nhỏ nhặt hoặc gian trá của những người lính làm công việc hành quyết. Cuối cùng, ông ta cấm ngặt việc đánh đập hoặc tra tấn những người bị xử tội; theo Schubert, các mệnh lệnh đó được thực thi *theo cách tốt nhất có thể*. Ngoài những cái đó ra, ông ta luôn tìm cách có được các quyết định tích cực. Mùa thu trước, thông qua hợp tác với Wehrmacht, ông ta đã tổ chức một đội thợ thủ công và nông dân Do Thái để làm ruộng ở gần Nikolaev; ông ta đã phải chấm dứt thử nghiệm đó theo lệnh trực tiếp của Reichsführer, nhưng tôi biết là ông ta rất tiếc việc này, và ở chỗ riêng tư ông ta coi lệnh đó là một sai lầm. Ở Crimée, ông ta đặc biệt đầu tư cho việc phát triển quan hệ với dân tộc Tatar, và thu được những thành công đáng kể. Tháng Giêng, khi đợt tấn công bất ngờ của quân Xô viết và việc chiếm đóng Kertch khiến cho toàn bộ vị trí của chúng tôi ở Crimée rơi vào vòng nguy hiểm, người Tatar, một cách bột phát, đã cắt một phần mười nam giới của mình đi theo Ohlendorf để giúp đỡ trong việc bảo vệ các

phòng tuyến của chúng tôi; họ cũng cung cấp một nguồn tương trợ đáng kể cho SP và SD trong cuộc chiến đấu chống lại bọn du kích, giao nộp cho chúng tôi những kẻ mà họ bắt được hoặc tự mình trừ khử bọn chúng. Quân đội đánh giá cao sự trợ sức này, và những nỗ lực của Ohlendorf trong chuyện đó đã đóng góp rất nhiều vào việc cải thiện mối quan hệ của ông ta với AOK, sau cuộc đối đầu với Wöhler. Tuy nhiên, ông ta vẫn không mấy thoải mái ở vai trò của mình; và tôi không thấy quá ngạc nhiên khi, sau cái chết của Heydrich, ông ta bắt tay vào việc thương thuyết để được quay trở về Đức. Heydrich bị thương ở Praha vào ngày 29 tháng Năm và chết ngày 4 tháng Sáu; hôm sau, Ohlendorf bay thẳng về Berlin để dự đám tang; ông ta quay lại vào khoảng cuối tháng, đã được thăng chức SS-Brigadeführer và có một lời hứa về việc sẽ sớm được thuyên chuyển; ngay khi trở về, ông ta đã bắt đầu những lời tạm biệt. Một tối, ông ta kể lại một cách ngắn gọn cho tôi chuyện đã xảy ra như thế nào: bốn ngày sau khi Heydrich chết, Reichsführer triệu tập ông ta đến một cuộc họp với phần lớn các Amtchef khác, Müller, Streckenbach và Schellenberg, để bàn luận về tương lai của RSHA, và thậm chí cả khả năng để RSHA tiếp tục hoạt động mà không có Heydrich, như một tổ chức độc lập. Reichsführer đã chọn cách không tìm người thay thế Heydrich ngay lập tức; ông ta sẽ đích thân tạm nắm chức vụ này, nhưng từ xa; và quyết định đó đòi hỏi sự có mặt của tất cả các Amtchef ở Berlin, để trực tiếp cai quản các *Amt* của mình nhân danh Himmler. Sự nhẹ nhõm của Ohlendorf có thể thấy rõ; ông ta có vẻ gần như là vui sướng, dù không đánh mất đi sự thận trọng cố hữu. Nhưng điều đó rất khó nhìn thấy giữa sự phấn khích chung: chúng tôi đang sắp sửa khởi động chiến dịch lớn mùa hè về phía Caucase. Chiến dịch Xanh bắt đầu vào ngày 28 tháng Sáu với cuộc tấn công của von Bock vào Voronej; hai ngày sau, người thay thế Ohlendorf, Oberführer tiến sĩ Walter Bierkamp, đến Simferopol. Ohlendorf không ra đi một mình: Bierkamp mang theo sĩ quan tùy tùng riêng, Sturmbannführer Thielecke, và đã có dự định từ trước rằng phần lớn các sĩ quan lâu

năm của Gruppenstab, cũng như chỉ huy các Kommando, sẽ được thay thế trong mùa hè, theo mức độ sẵn sàng của những người đến thay. Đầu tháng Bảy, trong sự nhiệt tình do việc chiếm được Sébastopol gây ra, Ohlendorf đọc cho chúng tôi một bài diễn văn tạm biệt đầy hùng biện, trong đó, với sự cao quý tự nhiên của mình, ông ta nói đến toàn bộ sự vĩ đại và khó khăn của cuộc chiến đấu chí mạng của chúng tôi chống lại chủ nghĩa Bônsêvich. Bierkamp, người đến với chúng tôi từ Bỉ và Pháp, nhưng trước đó đã chỉ huy Kripo của Hamburg, thành phố quê hương của ông ta, rồi làm IdS ở Düsseldorf, cũng nói với chúng tôi vài lời. Có vẻ như là ông ta rất lấy làm hài lòng về vị trí mới có được: "Công việc ở phía Đông, đặc biệt là trong thời chiến, là những gì gây kích thích mạnh mẽ nhất với mỗi con người," ông ta tuyên bố. Về nghề nghiệp, ông ta là luật gia và luật sư; những lời của ông ta, vào buổi đọc diễn văn và tiệc chiêu đãi sau đó, hé lộ tinh thần của một tay cảnh sát. Ông ta trạc bốn mươi tuổi và khá to béo, chân hơi ngắn, vẻ mặt xảo trá; mặc dù có bằng tiến sĩ, ông ta không hẳn là một trí thức, và cách nói năng của ông ta trộn lẫn tiếng lóng Hamburg với thứ biệt ngữ của SP; nhưng có vẻ như ông ta là người quyết đoán và có khả năng. Tôi chỉ gặp lại Ohlendorf một lần sau tối hôm đó, trong một bữa tiệc do AOK tổ chức để ăn mừng chiếm được Sébastopol: ông ta bận nói chuyện với các sĩ quan bên quân đội, và tranh luận một lúc lâu với von Manstein; nhưng ông ta chúc tôi may mắn, và mời tôi đến thăm khi nào ghé qua Berlin.

Voss cũng đã đi, đột ngột bị chuyển đến AOK của Generaloberst von Kleist, người chỉ huy những chiếc panzer đã vượt qua biên giới Ukraine và tiến thẳng đến Millerovo. Tôi cảm thấy hơi cô đơn một chút. Bierkamp ngập đầu trong công việc tái tổ chức các Kommando, trong đó một số sẽ bị giải tán để thành lập ở Crimée các cơ quan thường trực của SP và SD; Seibert cũng chuẩn bị đi. Với mùa hè, bên trong Crimée trời nóng ngột ngạt, và tôi tiếp tục tận dụng những bãi biển được bao nhiêu tốt bấy nhiêu. Tôi đến thăm Sébastopol, nơi một trong số các Kommando của

chúng tôi đã được bố trí: xung quanh cái cảng dài của vịnh Nam trải rộng một đống đổ nát vẫn còn bốc khói, đầy những người dân thường kiệt sức và bị sốc mà người ta đã sơ tán ra đó. Những thằng con trai gầy gò, bẩn thỉu, chạy quẩn chân lính tráng xin bánh mì; đặc biệt là người Rumani thường xuyên trả lời chúng bằng những phát đánh hoặc những cú đạp bốt vào mông. Tôi xuống thăm các pháo đài ngầm của cảng, nơi quân Đỏ đã xây dựng những nhà máy sản xuất vũ khí và đạn dược; phần lớn đã bị phá hoại hoặc đốt cháy bằng vòi phun lửa; cũng có đôi lúc, trong trận đánh cuối cùng, các chính ủy, bị kẹt lại đó hoặc trong những hang đá, tự cho nổ tung cùng với quân của mình và những người dân thường mà bọn họ che chở, cũng như các lính Đức tiến đến quá gần. Nhưng tất cả sĩ quan và công chức cấp cao Xô viết đều đã được tàu ngầm mang đi trước khi thành phố thất thủ, chúng tôi chỉ bắt được lính và các chuyên viên quèn. Những mỏm đất trơ trọi ngự trị phía trên cái vịnh mênh mông ở phía Bắc, xung quanh thành phố, được bao phủ bởi các công sự đã sụp đổ; các kết cấu bằng thép của những khẩu pháo 30,5 cm đã bị phá tan bởi đạn 80 của chúng tôi, bắn đi từ những khẩu súng cối khổng lồ đặt trên đường ray; những nòng súng dài vặn vẹo của chúng nằm ngốn ngang hoặc chĩa thẳng lên trời. Ở Simferopol, AOK 11 sửa soạn hành lý, von Manstein, được thăng làm Generalfeldmarschall, cùng đội quân của mình đi đánh Leningrad. Dĩ nhiên là thời đó chưa ai nói đến Stalingrad cả: đó vẫn chỉ là một mục tiêu thứ yếu.

Đầu tháng Tám, Einsatzgruppe bắt đầu khởi hành. Các lực lượng của chúng tôi, được tổ chức lại thành hai tập đoàn quân B và A, vừa chiếm lại Rostov sau những trận chiến ác liệt trên đường phố, và xe panzer, sau khi vượt sông Đông, tiến lên trên thảo nguyên Kouban. Bierkamp cử tôi vào Vorkommando của Gruppenstab và gửi chúng tôi đi qua Melitopol rồi Rostov, đến chỗ đại đoàn thiết giáp số 1. Đoàn người nhỏ bé của chúng tôi nhanh chóng vượt qua eo đất và Rãnh mênh mông của người

Tatar, đã được quân Xô viết biến thành một cái hố chống tăng, rồi đi xiên lên Perekop để bắt đầu vượt qua thảo nguyên Nogai. Cái nóng trở nên kinh khủng, người tôi toát mồ hôi đầm đìa, bụi dính vào mặt như một thứ mặt nạ màu ghi; nhưng vào lúc bình minh, không lâu trước thời điểm khởi hành, những màu sắc tinh tế và tuyệt đẹp đã từ lâu làm đổi màu bầu trời ngả dần sang xanh, và tôi không cảm thấy bất hạnh. Kẻ dẫn đường chúng tôi, một người Tatar, đều đặn cho xe cộ dừng lại để cầu nguyện; những lúc đó tôi để mặc các sĩ quan đang cáu gắt ỉnh ôi mà ra ngoài duỗi chân duỗi cẳng và hút thuốc. Ở hai bên con đường, sông suối cạn khô, tạo nên cả một hệ thống *balka* khắp khểnh ăn sâu vào thảo nguyên. Xung quanh, không hề nhìn thấy cây cối hay những ngọn đồi; chỉ có những cây cột điện báo Anh-Iran với khoảng cách đều đặn, được hãng Siemens xây dựng vào đầu thế kỷ, đặt cọc tiêu cho khoảng không buồn bã kia. Nước giếng mặn, cà phê có vị mặn, xúp như thể đầy muối; nhiều sĩ quan ăn quá nhiều dưa nên mắc chứng tiêu chảy, khiến cho bước tiến của chúng tôi càng chậm lại. Sau Mariupol chúng tôi đi theo một con đường ven biển xóc này cho đến Taganrog rồi Rostov. Hauptsturmführer Remmer, một sĩ quan của *Staatspolizei*, người chỉ huy Vorkommando, hai lần ra lệnh dừng lại, gần những khoảng mênh mông đầy sỏi và cỏ vàng úa, để mọi người có thể nhảy xuống nước; ngồi trên đám sỏi nóng bỏng, chúng tôi đợi cho khô người trong vài phút; rồi lại phải mặc quần áo để đi tiếp. Ở Rostov, đội ngũ của chúng tôi được Sturmbannführer tiến sĩ Christmann đón tiếp, ông ta thay thế Seetzen chỉ huy Sonderkommando 10a. Ông ta vừa giết xong người Do Thái, tại một nơi tên là Thung Rắn ở bên kia bờ sông Đông; ông ta cũng đã gửi một Vorkommando đến Krasnodar vốn bị thất thủ vào ngày hôm kia, nơi quân đoàn số V đã bắt được cả một núi giấy tờ của bên Xô viết. Tôi bảo ông ta thực hiện công việc phân tích chúng càng nhanh càng tốt và chuyển cho tôi mọi thông tin liên quan đến các công chức và đảng viên, để hoàn chỉnh cuốn sổ nhỏ bí mật mà Seibert, ở Simferopol, đã đưa tôi để làm thay ông ta; trong đó có tên, địa chỉ và thường

xuyên có số điện thoại của những kẻ cộng sản tích cực hoặc trí thức ngoài đảng, các nhà bác học, giáo sư, nhà văn và nhà báo danh tiếng, các công chức, chủ xí nghiệp Nhà nước và nông trường tập thể hoặc nông trường quốc doanh của khắp vùng Kouban-Caucase, in bằng chữ nhỏ trên giấy mỏng; thậm chí còn có cả danh sách bạn bè và gia đình họ, những miêu tả về ngoại hình, và vài bức ảnh. Christmann cũng thông báo cho chúng tôi về bước tiến của các Kommando: Sk11, vẫn dưới sự chỉ huy của tiến sĩ Braune, một người thân cận của Ohlendorf, vừa tiến vào Maikop cùng sư đoàn thiết giáp số 13; Persterer, cùng Sk 10b của mình, vẫn đang chờ ở Taman, nhưng một Vorkommando của Ek 12 đã ở Vorochilovsk, nơi Gruppenstab sẽ đóng lại cho đến khi chiếm được Groznyi; theo kế hoạch đã lên sẵn, bản thân Christmann cũng đang chuẩn bị chuyển Hauptkommando của ông ta đến Krasnodar. Tôi gần như không nhìn thấy gì ở Rostov; Remmer muốn tiếp tục đi, và ra lệnh khởi hành ngay sau bữa ăn. Sau dòng sông Đông mênh mông với một cầu phao của công binh bắc ngang, trải dài hàng cây số cánh đồng ngô chín, rồi thưa vắng dần trên thảo nguyên bao la hoang vắng của vùng Kouban; xa hơn về phía Đông là dãy hồ và đầm lầy Manytch khắp khểnh kéo dài, bị hồ chứa nước lớn của những cái đập khổng lồ cắt ngang, và với một số nhà địa lý đó chính là biên giới giữa châu Âu và châu Á. Các đội đi đầu của đại đoàn thiết giáp số 1, tiến lên theo những đội hình vuông vắn với xe tăng bao quanh xe cam nhông và pháo binh, còn cách năm mươi cây số trước mặt: những cột bụi khổng lồ trên bầu trời xanh, đi kèm với tấm màn khói đen lười biếng của các ngôi làng cháy dở. Theo chân họ, chúng tôi chỉ gặp những đoàn *Rollbahn* hoặc quân tiếp viện hiếm hoi. Ở Rostov, Christmann cho chúng tôi xem một điện khẩn của von Kleist, từ đó đã trở nên nổi tiếng: *Trước mặt tôi không có kẻ thù, sau lưng tôi không có quân dự trữ*. Và sự trống rỗng bất tận của thảo nguyên quả thực làm người ta hoảng sợ. Chúng tôi tiến lên khó nhọc: xe tăng đã biến đường đi thành một biển cát mịn; xe chúng tôi thường xuyên sa lầy và, khi bước chân ra ngoài, chúng tôi có

thể bị ngập lút đến đầu gối, giống như đi trên bùn. Cuối cùng, ngay trước khi đến Tikhoretsk, hiện ra những cánh đồng hướng dương đầu tiên, những khoảnh ruộng màu vàng hướng về phía mặt trời, báo hiệu là có nước. Rồi bắt đầu thiên đường của người Côdăc ở Kouban. Giờ đây con đường đi qua những cánh đồng ngô, lúa mì, kê, đại mạch, thuốc lá, dưa; cũng có các khoảnh ruộng cúc gai cao như những con ngựa, phủ màu hồng và tím; và phía trên tất cả là một bầu trời rộng mở êm đềm và nhợt nhạt, không một gợn mây. Những ngôi làng Côdăc giàu có, mỗi isba đều trồng mận, mơ, táo, lê, cà chua, dưa, nho, một cái sân nuôi gia cầm lớn, vài con lợn. Khi dừng lại ăn chúng tôi được tiếp đón nồng nhiệt, người ta mang bánh mới ra lò, trứng rán, sườn lợn nướng, hành xanh và nước lạnh lấy từ các giếng đến cho chúng tôi. Rồi Krasnodar hiện ra, ở đó chúng tôi gặp Vorkommandoführer Lothar Heimbach. Remmer cho dừng chân ba ngày, để thảo luận và nhanh chóng xem xét đống tài liệu chiếm được, mà Christmann sẽ cho dịch sang tiếng Đức khi ông ta đến nơi. Tiến sĩ Braune cũng từ Maikop lên để họp. Sau đó Vorkommando của chúng tôi tiến về Vorochilovsk.

Thành phố hiện ra phía trước chúng tôi, trải rộng trên một cao nguyên, giữa những cánh đồng và vườn cây ăn quả. Hai bên con đường ở đây nằm chồng chơ đầy các loại xe cộ, vũ khí hạng nặng hoặc xe tăng bị phá hủy; phía xa, trên các đường ray tàu hỏa, hàng trăm toa chở hàng vẫn còn đang cháy đùng đùng. Ngày xưa thành phố này mang tên Stavropol, trong tiếng Hy Lạp có nghĩa là "thành phố Chữ thập" hoặc đúng hơn là "thành phố Ngã tư"; nó được xây dựng ở chỗ giao nhau của những con đường cổ miền Bắc, và vào một thời kỳ, thế kỷ XIX, trong chiến dịch giải phóng các tộc người miền núi, nó được dùng làm căn cứ quân sự của người Nga. Ngày nay đó là một thành phố tỉnh lẻ êm đềm và buồn tẻ, không kịp phát triển để có thể bị biến dạng, như rất nhiều thành phố khác, thành một ngoại ô kiểu Xô viết dị hợm. Một đại lộ đôi dài xuất phát từ nhà ga chạy qua một công viên trồng đầy cây tiêu huyền; phía dưới, tôi nhìn thấy một hiệu thuốc

rất đẹp theo phong cách Nghệ thuật mới, với một lối vào và cửa kính hình vòng tròn, từng mảng đã bị những vụ nổ phá tung. Kommandostab của Ek 12 cũng đến nơi, và người ta cho chúng tôi ở tạm khách sạn *Kavkaz*. Sturmbannführer tiến sĩ Müller, chỉ huy Einsatzkommando, lẽ ra phải chuẩn bị sẵn cho Gruppenstab khi đến nơi, nhưng vẫn chưa có gì được quyết định; tất cả vẫn còn rất bấp bênh, vì người ta cũng đang chờ bộ tổng tham mưu của tập đoàn quân A, và Oberst Hartung, từ Feldkommandantur, rất chậm chạp trong việc phân bổ chỗ làm việc: Einsatzkommando đã có văn phòng của mình ở Nhà Hồng quân, đối diện NKVD, nhưng người ta nói đến chuyện đặt Gruppenstab cùng chỗ với OKHG. Tuy nhiên Vorkommando không thiếu việc làm. Ngay lập tức họ đã sử dụng hơi ngạt trong xe cam nhông Saurer với hơn sáu trăm bệnh nhân của một bệnh viện tâm thần có khả năng gây hỗn loạn; người ta đã thử xử bắn một số, nhưng việc đó đã gây ra một sự cố: một trong số những kẻ điên chạy vòng quanh, và viên Hauptscharführer trong lúc tìm cách bắn hạ hắn đã bắn trúng một đồng đội của mình đang đứng gần đó; viên đạn, xuyên qua đầu kẻ điên, găm vào cánh tay viên hạ sĩ quan. Những kẻ cầm đầu Do Thái, bị triệu tập đến các văn phòng cũ của NKVD, cũng đã bị giết bằng hơi ngạt. Cuối cùng, Vorkommando đã xử bắn nhiều tù binh Xô viết ở bên ngoài thành phố, gần một kho xăng máy bay bí mật; những cái xác bị ném xuống các hầm chứa ngầm dưới đất.

Hẳn là Einsatzkommando 12 sẽ ở lại Vorochilovsk, bởi vì người ta đã giao cho nó vùng mà người Nga gọi là KMV, *Kavkazkie Mineralnye Vodi*, hay "nước khoáng Caucase," một loạt thành phố nhỏ nổi tiếng về các suối nước chữa bệnh và khu điều dưỡng nước nóng nằm rải rác giữa những ngọn núi lửa; và sẽ chuyển đến Piatigorsk ngay sau khi chiếm được nó. Tiến sĩ Bierkamp và Gruppenstab đến nơi sau chúng tôi một tuần; cuối cùng Wehrmacht cũng giao cho chúng tôi nơi ở và văn phòng, trong một cánh riêng biệt của tòa nhà lớn của OKHG: người ta đã xây một bức tường để ngăn chúng tôi với họ, nhưng căng tin thì

vẫn chung, điều đó cho phép chúng tôi cùng bên quân sự ăn mừng việc một PK của sư đoàn Alps số 1 lên được đỉnh ngọn Elbrous, cao nhất của dãy Caucase. Tiến sĩ Müller và Kommando của ông ta đã đi, để lại một Teilkommando dưới quyền chỉ huy của Werner Kleber để hoàn thành việc dọn dẹp sạch sẽ Vorochilovsk. Bierkamp vẫn đợi Brigadeführer Gerret Korsemann đến nơi, đó là HSSPF mới của Kouban-Caucase. Về phần mình, người thay thế Seibert vẫn chưa thấy đến, và Hauptsturmführer Prill tạm giữ quyền. Prill cử tôi đến Maikop.

Một làn sương mù mùa hè thường trực ngăn người ta không nhìn thấy được những ngọn núi của dãy Caucase trước khi đến chân núi. Tôi đi qua các dải núi có hai thị trấn Armavir và Labinskaia nằm xen giữa; ngay khi rời khỏi lãnh thổ Côdắc, những lá cờ Thổ Nhĩ Kỳ, màu xanh với lưỡi liềm trắng, treo đầy trên những ngôi nhà, được người Hồi giáo vẫy trên tay để chào đón chúng tôi. Thành phố Maikop, một trong những trung tâm dầu mỏ lớn của Caucase, nấu mình vào sát chân núi, một đầu bị chặn bởi Biélaia, một dòng sông rất sâu soi bóng thành phố cổ từ trên những vách đá. Trước khi đến vùng ngoại ô, con đường chạy dọc theo một đường xe lửa chất chồng hàng nghìn toa tàu chở nặng chiến lợi phẩm mà người Xô viết chưa kịp tẩu tán. Rồi chúng tôi đi qua một cây cầu còn nguyên vẹn và vào thành phố, được chia thành từng hình vuông đều đặn bởi những phố vuông góc giống hệt nhau, thỉnh thoảng có một công viên Văn hóa, nơi những pho tượng thạch cao người anh hùng lao động đang rã vụn. Braune, một người có dáng vẻ hơi giống một con ngựa, khuôn mặt to tròn vành vạnh với cái trán gồ ra, sốt sắng đón tiếp tôi: tôi cảm thấy ông ta yên tâm vì được gặp lại một trong những "người của Ohlendorf" cuối cùng còn lại trong tập đoàn quân, ngay cả khi chính ông ta cũng đang chờ người thay thế mình sẽ đến trong vài tuần nữa. Braune lo lắng cho các địa điểm liên quan đến dầu mỏ ở Neftegorsk: Abwehr, ngay trước khi chiếm được thành phố, đã tuồn được một đơn vị đặc biệt, "Chamil," gồm có những người dân miền núi Caucase và hóa trang thành tiểu đoàn

đặc biệt của NKVD, để tìm cách chiếm các giếng dầu còn nguyên vẹn; nhưng kế hoạch đã thất bại và người Nga đã cho nổ tung tất cả ngay trước mũi những chiếc xe tăng panzer. Tuy nhiên, các chuyên gia của chúng tôi đã bắt tay vào làm việc để khôi phục chúng, và những con kền kền đầu tiên của Kontinental-Öl đã bắt đầu xuất hiện. Những kẻ hành chính quan liêu đó, tất cả đều có dính dáng đến Cơ quan Kế hoạch bốn năm của Göring, có được sự hậu thuẫn của Arno Schickedanz, Reichskommissar được chỉ định của Kouban-Caucase. "Chắc anh cũng đã biết rằng Schickedanz được bổ nhiệm là vì có quan hệ với bộ trưởng Rosenberg, học cùng lớp với ông ta ở trường trung học Riga. Nhưng ông ta đã cãi cọ với người bạn học cũ. Người ta nói rằng chính Herr Körner, *Staatssekretär* của Reichsmarschall Göring, là người đứng sau việc hai người trở nên thân thiết trở lại; và Schickedanz được cử vào hội đồng hành chính của KonÖl, công ty do Reichsmarschall dựng lên để khai thác các vùng dầu mỏ của Caucase và Bakou." Theo ý của Braune, khi vùng Caucase chuyển sang nằm dưới sự kiểm soát theo lối dân sự, có thể người ta sẽ phải chờ đợi một tình hình còn hỗn loạn và khó quản lý hơn cả ở Ukraine, nơi Gauleiter Koch cai trị kiểu tùy hứng, từ chối hợp tác với Wehrmacht lẫn SS, và với cả bộ của ông ta. "Điểm tích cực duy nhất đối với SS, là Schickedanz đã từng phong chức cho các sĩ quan SS như Generalkommissar vùng Vladikavkaz và Azerbaidjan: ít nhất thì tại các khu vực đó, các mối quan hệ cũng sẽ dễ dàng hơn."

Tôi làm việc cùng Braune trong ba ngày, giúp ông ta chuẩn bị tài liệu, các báo cáo bàn giao công việc. Trò giải trí duy nhất của tôi là đi uống thứ rượu vang địa phương tồi tệ trong sân một cái căng tin do một ông già nhăn nheo người miền núi làm chủ. Tuy vậy tôi cũng làm quen được, không hoàn toàn do tình cờ, với một sĩ quan người Bỉ, Kommandeur binh đoàn "Wallonie," Lucien Lippert. Trên thực tế tôi muốn gặp Léon Degrelle, người đứng đầu phong trào cực hữu ở Bỉ, đang chiến đấu ở vùng lân cận; hồi ở Paris, Brasillach đã lấy cái giọng trữ tình đầy nồng nàn mà nói

với tôi về ông ta. Nhưng viên Hauptmann của Abwehr mà tôi hỏi thăm đã cười vào mũi tôi: "Degrelle? Tất cả mọi người đều muốn gặp ông ta. Chắc đó chính là viên hạ sĩ quan nổi tiếng nhất của quân đội chúng ta. Nhưng ông ta ra mặt trận rồi, và anh biết đấy, ở đó thì gay cấn lắm. Hồi tuần trước tướng Rupp vừa suýt bị giết trong một đợt tấn công bất ngờ. Người Bỉ đã tổn thất nặng nề." Thay vào đó ông ta giới thiệu cho tôi Lippert, một sĩ quan trẻ tuổi gầy guộc và khá tươi cười, mặc một bộ quân phục feldgrau nhàu nhĩ, vá víu, hơi quá rộng so với anh ta. Tôi dẫn anh ta đi nói chuyện về chính trị Bỉ dưới cây táo của quán rượu. Lippert là một nhà quân sự chuyên nghiệp, một pháo thủ; anh ta đã gia nhập Đội quân lê dương vì chống chủ nghĩa Bônsêvich, nhưng vẫn là một người yêu nước thực thụ, và than phiền rằng mặc dù đã có những lời hứa hẹn nhưng người ta vẫn bắt lính lê dương phải mặc quân phục Đức. "Mọi người đều rất tức giận. Phải khó khăn lắm Degrelle mới làm họ bình tĩnh lại được." Degrelle, khi ông ta gia nhập, đã nghĩ rằng vai trò chính trị của mình xứng đáng để có được một cấp bậc sĩ quan, nhưng Wehrmacht đã từ chối thẳng thừng: thiếu kinh nghiệm. Lippert vẫn còn cười vì điều đó. "Rồi thì ông ấy vẫn đi, với tư cách là xạ thủ trung liên. Cũng phải nói rằng ông ấy không có nhiều lựa chọn lắm, mọi việc không trôi chảy với ông ta ở Bỉ." Kể từ đó, mặc dù ngay từ đầu đã gặp phải một trục trặc ở Gromovo-Balka, ông ta vẫn chiến đấu anh dũng và đã được thăng cấp ở chiến trường. "Điều rất phiền là ông ấy tự coi mình là một chính ủy, anh có hiểu không? Ông ấy muốn tự mình đi đàm phán về vấn đề tham gia của Đội quân lê dương, thật không ra sao cả. Dù sao thì ông ấy cũng chỉ mới là một hạ sĩ quan." Giờ đây, ông ta mơ đến việc nhập Đội quân Lê dương vào Waffen-SS. "Ông ấy đã gặp tướng Steiner của các anh vào mùa thu năm ngoái, và việc đó đã làm ông ấy nổi điên thực sự. Nhưng tôi thì tôi nói là không được. Nếu ông ấy làm vậy, tôi sẽ xin từ chức." Khuôn mặt anh ta trở nên vô cùng nghiêm trang. "Đừng khó chịu vì điều đó nhé. Đừng nghĩ là tôi có gì chống lại SS. Nhưng tôi là một quân nhân, và ở Bỉ các quân nhân không làm

chính trị. Không phải là việc của chúng tôi. Tôi là người bảo hoàng, tôi yêu nước, tôi chống cộng, nhưng tôi không phải là quốc xã. Khi đi lính, ở Cung điện người ta đã đảm bảo với tôi rằng việc này hoàn toàn thích hợp với lời thề trung thành với nhà vua của tôi, lời thề chưa lúc nào tôi phản bội, dù cho người ta có nói gì đi nữa. Còn lại, những trò về chính trị với dân Flamand, tất cả những cái đó, đều không phải là vấn đề của tôi. Nhưng Waffen-SS thì không phải là quân đội chính quy, đó là một tổ chức của Đảng. Degrelle nói rằng sau chiến tranh chỉ những người từng chiến đấu bên cạnh người Đức mới được quyền lên tiếng, mới có được một vị trí trong trật tự mới của châu Âu. Tôi nhất trí. Nhưng dù sao thì cũng không được quá đà chứ." Tôi mỉm cười: mặc cho sự hăng hái ấy, tôi vẫn thích anh ta, đó là một người thẳng thắn, trung thực. Tôi rót rượu vang mời anh ta và chuyển đề tài: "Hẳn các anh là những người Bỉ đầu tiên chiến đấu ở vùng Caucase." – "Anh nhầm rồi!" anh ta phá lên cười, và kể ngắn gọn cho tôi những cuộc phiêu lưu kỳ quặc của Don Juan van Halen, người anh hùng của cuộc cách mạng Bỉ năm 1830, một nhà quý tộc mang nửa dòng máu Flamand, một nửa Tây Ban Nha, cựu sĩ quan của Napoléon, người đã bị tống giam vì các niềm tin tự do của mình trong những nhà tù của Tòa án Dị giáo Madrid, dưới thời Ferdinand VII. Ông ta đã bỏ trốn và có Chúa mới biết tại sao ở Tiflis lại gặp đúng tướng Ermolov, chỉ huy quân đội Nga tại Caucase, và được giao quyền chỉ huy một đơn vị. "Ông ấy đã chiến đấu chống lại người Tchétchène, Lippert cười, anh cứ thử tưởng tượng xem." Tôi cười cùng anh ta, tôi thấy anh ta rất dễ mến. Nhưng anh ta phải đi; AOK 17 đang chuẩn bị cuộc tấn công vào Touapse, để giành quyền kiểm soát đường ống dẫn dầu, và Đội quân lê dương, được sung vào sư đoàn số 97 gồm các thợ săn Alpes, sẽ có vai trò trong đó. Khi tạm biệt tôi chúc anh ta may mắn. Nhưng nếu Lippert, cũng như người đồng bào van Halen của anh ta, rời khỏi Caucase mà vẫn toàn mạng, thì chao ôi vận may lại rời khỏi anh ta ở cách đó xa hơn: vào khoảng cuối cuộc chiến tranh, tôi biết tin anh ta tử trận cuối tháng Hai năm 1944,

trong trận đánh chọc thủng phòng tuyến Tcherkassy. Đội quân lê dương "Wallonie" đã được chuyển sang cho Waffen-SS quản lý vào tháng Sáu năm 1943, nhưng Lippert không muốn bỏ rơi người của mình, và chờ mãi một người thay thế cho đến tận tám tháng sau đó. Còn Degrelle đã qua được tất cả; trong cuộc bỏ chạy tán loạn cuối cùng, ông ta đã bỏ người của mình lại ở Lübeck, và bỏ trốn sang Tây Ban Nha trên máy bay riêng của bộ trưởng Speer. Mặc dù bị kết án tử hình vắng mặt, chưa bao giờ ông ta thực sự phải lo lắng. Lippert tội nghiệp hẳn là sẽ thấy xấu hổ vì một thái độ như vậy.

Tôi quay lại Vorochilovsk khi quân đội của chúng tôi chiếm được Mozdok, một trung tâm quân sự quan trọng của Nga; giờ đây mặt trận nằm dọc theo các sông Terek và Baksan, và sư đoàn bộ binh số 111 đang chuẩn bị vượt Terek theo hướng Groznyi. Các Kommando của chúng tôi hoạt động tích cực: ở Krasnodar, Sk 10a đã thanh toán ba trăm bệnh nhân của bệnh viện tâm thần vùng cũng như bệnh viện tâm thần trẻ em; ở KMV, tiến sĩ Müller chuẩn bị một *Aktion* ở phạm vi rộng lớn, và đã tạo ra các Hội đồng Do Thái ở mỗi thành phố; những người Do Thái của Kislovodsk, dưới sự chỉ huy của một nha sĩ, đã tỏ ra sốt sắng đến mức mang luôn đến nộp cho chúng tôi thảm, đồ trang sức và quần áo ấm của họ trước cả khi nhận được lệnh. HSSPF Korsemann vừa đến Vorochilovsk cùng bộ tham mưu của mình và mời chúng tôi, vào buổi tối khi tôi quay trở lại, đến dự buổi đọc diễn văn ra mắt của ông ta. Tôi đã nghe nói đến Korsemann ở Ukraine: đó là một cựu chiến binh của Freikorps và là người của SA, chủ yếu làm việc ở Hauptamt Orpo và mãi sau này mới vào SS, ngay trước chiến tranh. Người ta nói rằng Heydrich không hề muốn có ông ta và coi ông ta là *kẻ gây rối SA*; nhưng ông ta được Daluege và von dem Bach hậu thuẫn, và Reichsführer đã quyết định phong ông ta làm một HSSPF, đưa ông ta từng bước leo lên các bậc thang quyền lực. Ở Ukraine, ông ta đã là HSSPF z.b.V.

nghĩa là "được bổ nhiệm đặc biệt," nhưng ông ta vẫn chủ yếu nằm trong cái bóng của Prützmann, người đã thay chỗ Jeckeln với tư cách HSSPF Russland-Süd vào tháng Mười một năm 1941. Như vậy là Korsemann vẫn chưa bao giờ được chứng tỏ khả năng của mình; cuộc tấn công vào Caucase cho ông ta cơ hội để chứng tỏ. Có vẻ như là điều này kích thích ông ta rất mạnh, khiến cho bài diễn văn của ông ta tràn ngập lòng nhiệt tình. SS, ông ta hùng hồ, phải thực hiện không chỉ các nhiệm vụ tiêu cực, an ninh và đàn áp, mà còn phải là các nhiệm vụ tích cực, trong đó Einsatzgruppe có thể và phải đóng góp sức lực: tuyên truyền tích cực với dân bản địa; chiến đấu chống lại những căn bệnh nhiễm khuẩn; cải tạo các khu điều dưỡng cho thương binh của Waffen-SS; và sản xuất kinh tế, nhất là trong ngành dầu mỏ, và cả trong tất cả những gì liên quan đến tài sản mỏ còn chưa được giao cho ai, mà SS có thể nắm lấy quyền kiểm soát cho các xí nghiệp của mình. Ông ta cũng nhấn mạnh đến mối quan hệ với Wehrmacht: "Hẳn tất cả các anh đều đã biết về các vấn đề lớn ảnh hưởng rất mạnh đến công việc của Einsatzgruppe vào hồi đầu chiến dịch. Kể từ nay, để tránh mọi sự cố, quan hệ của SS với OKHG và các AOK sẽ được tập trung ở chỗ tôi. Bên ngoài các liên lạc và quan hệ công việc bình thường, không một sĩ quan SS nào dưới quyền chỉ huy của tôi được phép trực tiếp bàn thảo các vấn đề quan trọng với Wehrmacht. Trong trường hợp có vi phạm nặng về chuyện này, tôi sẽ xử phạt thật nghiêm, hãy tin điều đó." Nhưng dù cho sự cứng rắn hiếm thấy này, chủ yếu mang dáng vẻ sự thiếu tự tin của người mới đến, vẫn chưa cảm thấy thoải mái ở chức vụ của mình, Korsemann rất hùng biện, và toát ra một vẻ quyền rũ cá nhân lớn; ấn tượng chung là khá tích cực. Một lúc sau, trong buổi tối, trong một cuộc họp nhỏ không chính thức với các sĩ quan cấp thấp, Remmer đưa ra một cách giải thích cho thái độ hết sức chuẩn tắc đó của Korsemann: điều làm ông ta lo lắng là vẫn chưa có chút quyền lực thực tế nào. Theo nguyên tắc trực thuộc kép, Einsatzgruppe báo cáo trực tiếp cho RSHA, và do vậy Bierkamp có thể thông qua đó mà phản đối tất cả các mệnh lệnh của

Korsemann mà ông ta thấy là không phù hợp; cũng vậy đối với các nhà kinh tế học SS của WVHA, và dĩ nhiên là với Waffen-SS, dù sao thì cũng trực thuộc Wehrmacht. Thường thì, để áp đặt quyền lực của mình và có được một sức mạnh thực sự, một HSSPF được quyền sử dụng vài tiểu đoàn Orpo; thế nhưng Korsemann vẫn chưa nhận được những lực lượng đó, do vậy trên thực tế ông ta là một HSSPF "không có nơi bổ dụng cụ thể": ông ta có thể có các đề xuất, nhưng Bierkamp, nếu thấy chúng không phù hợp, không bị buộc phải làm theo.

Ở KMV, tiến sĩ Müller bắt đầu hành động của mình và Prill yêu cầu tôi đi thanh tra. Tôi bắt đầu thấy chuyện này kỳ cục: tôi không hề có gì chống lại các cuộc thanh tra, nhưng có vẻ như là Prill làm tất cả để tách tôi ra xa khỏi Vorochilovsk. Chúng tôi chờ đợi người thay thế Seibert, tiến sĩ Leetsch, sắp sửa đến nơi; có thể là Prill, người có cùng cấp bậc với tôi, lo lắng rằng, nhờ vào các quan hệ với Ohlendorf, tôi có thể thuyết phục được Leetsch cho tôi làm trợ tá thay vào chỗ của ông ta. Nếu quả thực vậy thì đúng là ngu ngốc quá mức: tôi không có chút tham vọng nào theo hướng ấy, và Prill không có gì phải lo ngại tôi. Nhưng có thể là tôi đã tưởng tượng ra mọi chuyện thì sao? Rất khó nói. Tôi chưa bao giờ làm chủ được các nghi lễ về ngôi thứ đầy tinh thần Baroc của SS, và rất dễ để lạc lối, theo hướng này hoặc theo hướng khác: bản năng và các lời khuyên của Thomas sẽ rất có ích cho tôi. Nhưng Thomas đang ở xa, và tôi không có người bạn thân nào trong tập đoàn quân. Nói đúng ra, đó không phải là kiểu người mà tôi có thể kết thân được một cách dễ dàng. Người ta đến tìm họ ở một xó xỉnh nào đó của các văn phòng RSHA, và phần lớn đều rất tham vọng, họ chỉ coi công việc của Einsatzgruppe như một thứ bàn đạp; gần như tất cả, ngay khi đến nơi, đều coi việc tận diệt như một cái gì đó rất đỗi hợp lý, và thậm chí họ còn không hề tự đặt cho mình những câu hỏi bình thường vẫn hay lẩn quẩn đầu óc của những người mới làm năm đầu tiên. Ở giữa những con người đó, tôi hiện ra như một kiểu trí thức hơi phức tạp, và tôi khá bị cô lập. Điều này không làm tôi cảm thấy phiền

mấy: tình bạn của những kẻ thô lỗ là thứ chẳng mấy khi tôi bận tâm đến. Nhưng cần phải đề phòng.

Tôi đến Piatigorsk vào lúc sáng sớm. Đang là đầu tháng Chín, bầu trời xám xanh vẫn còn nặng sương mù và bụi hè. Con đường đi Vorochilovsk cắt ngang đường tàu hỏa ngay trước Mineralnye Vody, rồi uốn lượn giữa năm đỉnh núi lửa, chính là ý nghĩa của tên thành phố Piatigorsk. Chúng tôi tiến vào từ phía Bắc, sau khi vòng qua khối núi Matchouk bằng lối đi bên sườn; con đường leo lên cao ở đoạn này, và thị trấn đột nhiên hiện ra dưới chân tôi, và bên kia vùng đất nhấp nhô các dãy núi ngang, sừng sững những ngọn núi lửa, cái đỉnh vòm dốc ngược của chúng được gieo xuống một cách tình cờ. Einsatzkommando đóng tại một trong các khu điều dưỡng xây dựng từ hồi đầu thế kỷ rải rác dưới chân núi Matchouk, ở phía Đông của thành phố; AOK của von Kleist đã đòi khu *Lermontov* rộng mênh mông, nhưng SS muốn có được *Voennaia Sanatoria*, mà họ định dùng làm doanh trại biệt lập cho Waffen-SS. Mặt khác, "Leibstandarte AH" đánh nhau trong vùng này, và tôi nghĩ đến Partenau với một chút nhói đau trong lòng; nhưng khuấy động những câu chuyện cũ không phải là một việc tốt, và tôi biết rằng mình sẽ không có nỗ lực nào để tìm lại anh. Piatigorsk gần như còn nguyên vẹn; sau cuộc loạn đả với một đội dân quân tự vệ nhà máy, quân chúng tôi đã chiếm được thành phố mà không phải qua trận đánh nào; và các phố đặc người giống như phố của một thị trấn mỏ nước Mỹ trong những năm đổ xô đi tìm vàng. Gần như là khắp nơi, những cái xe đẩy hoặc thậm chí là những con lạc đà đi cắt ngang đầu xe cộ quân sự và tạo ra những vụ tắc đường mà các Feldgendarm xử lý bằng cách thoải mái văng lời chửi rủa và ban phát những cú đánh đập. Đối diện khu vườn lớn Tsvetnik, trước khách sạn *Bristol*, ôtô và mô tô xếp thẳng hàng cho thấy đây là đại bản doanh của Feldkommandantur; các văn phòng của Einsatzkommando nằm dưới thấp hơn, trên đại lộ Kirov, trong

một học viện hai tầng cũ kỹ. Cây cối của đại lộ che khuất mặt tiền đẹp đẽ của nó; và tôi nhìn thấy được các mô típ hoa lá bằng gốm gắn trên những đường chỉ tường đã hoa vẽ cảnh một thiên thần đầu đội một giỏ hoa, ngồi phía trên hai con chim bồ câu; phía trên cao có thể nhìn thấy một con vẹt cúi đầu trong một cái vòng, và một khuôn mặt bé gái buồn bã với cái mũi tẹt. Bên phải là một cái vòm dẫn vào sân trong. Lái xe của tôi đỗ xe lại đó, bên cạnh chiếc cam nhông Saurer trong khi tôi trình giấy tờ cho lính gác. Tiến sĩ Müller đang bận và tôi được tiếp đón bởi tiến sĩ Obersturmführer tiến sĩ Bolte, một sĩ quan của *Staatspolizei*. Nhân viên ở trong các căn phòng rộng trần cao, đầy ánh sáng chiếu vào từ những cửa sổ bằng gỗ trên cao; tiến sĩ Bolte đặt văn phòng của mình trong một căn phòng nhỏ hình tròn xinh đẹp, ngay ở trên một trong hai tòa tháp nằm ở các góc khu nhà. Ông ta lạnh lùng miêu tả cho tôi các bước tiến hành hành động: mỗi ngày, theo một lịch định trước từ các số liệu do những Hội đồng Do Thái cung cấp, người ta sơ tán bằng đường sắt một phần hoặc toàn bộ người Do Thái của một thành phố vùng KMV; những tấm apphich mời họ đến "tái định cư ở Ukraine" được Wehrmacht in ra, và Wehrmacht cũng chuẩn bị tàu và các đội áp giải; người ta gửi họ đến Mineralnye Vody, ở đó họ được cho vào một nhà máy sản xuất thủy tinh trước khi được đưa đi xa hơn, đến một cái hố chống tăng của quân Xô viết. Tài liệu cho thấy số lượng lớn hơn nhiều so với dự tính: người ta tìm được nhiều Do Thái chạy trốn từ Ukraine hoặc từ Belarus đến, cũng như là toàn bộ giáo viên và sinh viên của trường đại học Leningrad, được gửi đến KMV hồi năm ngoái để được đảm bảo an toàn, và trong số đó rất nhiều là Do Thái, hoặc các đảng viên, hoặc được coi là nguy hiểm với tư cách là trí thức. Einsatzkommando lợi dụng cơ hội để thanh toán những kẻ cộng sản bị bắt, các komsomol, Digan, bọn tội phạm bình thường tìm thấy trong nhà tù, và nhân viên cùng bệnh nhân của nhiều khu điều dưỡng. "Anh cũng hiểu đấy, Bolte giải thích với tôi, cơ sở hạ tầng ở đây rất lý tưởng cho sự quản lý của chúng ta. Chẳng hạn như là các phái viên của Reichskommissar đã yêu cầu chúng tôi

giải phóng khu điều dưỡng của các ủy viên nhân dân ngành Công nghiệp dầu mỏ ở Kislovodsk." *Aktion* đã được tiến hành một cách thuận lợi: ngay trong ngày đầu tiên đã thanh toán xong toàn bộ Do Thái ở Minvody, rồi Do Thái ở Essentouki và Jeleznovodsk; ngày mai, họ sẽ bắt đầu với Do Thái của Piatigorsk, rồi hành động sẽ kết thúc với Do Thái của Kislovodsk. Trong mỗi trường hợp, lệnh sơ tán đều được thông báo trước hai ngày. "Vì không thể đi lại từ thành phố này sang thành phố khác nên chúng không nghi ngờ gì hết cả." Ông ta mời tôi đi thanh tra hành động đang được tiến hành; tôi trả lời là trước hết tôi muốn đến thăm các thành phố khác của KMV. "Thế thì tôi không thể đi cùng anh được: Sturmbannführer Müller đang đợi tôi." – "Không sao đâu. Chỉ cần ông cho mượn một người nắm rõ văn phòng của các Teilkommando thôi."

Con đường rời khỏi thành phố đi về Tây, vòng qua Beshtau, ngọn lớn nhất trong năm núi lửa; phía bên dưới, ở vài đoạn nó để lộ những đoạn uốn khúc của dòng Podkoumok, nước màu ghi và chở đầy bùn. Thực tế là tôi không có gì nhiều nhặn để làm ở các thành phố khác, nhưng tôi rất muốn đến tham quan chúng, và tôi cảm thấy cháy bỏng ham muốn được thực hiện việc này. Essentouki, dưới thời Xô viết, đã được chuyển hóa thành thành phố công nghiệp không có nhiều điều thú vị; ở đó tôi gặp các sĩ quan của Teilkommando, thảo luận về công việc của họ, và không ở lại lâu. Ngược lại, Kislovodsk rất hấp dẫn, đó là một thành phố nước nóng có vẻ quyến rũ cổ kính, xanh tươi và xinh đẹp hơn Piatigorsk. Các khu tắm nước nóng chính nằm trong một kiểu tòa nhà bất chước theo một lối đền thờ Ấn Độ đáng ngạc nhiên, được xây dựng vào khoảng đầu thế kỷ; ở đó tôi được nếm thử nước mà người ta gọi là Narzan, và thấy nó sủi bọt một cách dễ chịu, nhưng hơi quá hăng. Sau các cuộc thảo luận tôi đi lang thang trong công viên lớn, rồi quay trở lại Piatigorsk.

Các sĩ quan ăn tối cùng nhau trong phòng ăn của khu điều dưỡng. Cuộc thảo luận chủ yếu xoay quanh các sự kiện quân sự và phần lớn khách khứa tỏ ra lạc quan một cách hào hứng. "Giờ

đây, khi xe panzer của Schweppenburg đã vượt qua sông Terek, Wiens, trợ lý của Müller, một *Volksdeutscher* tính tình gay gắt đến hai mươi tư tuổi mới rời khỏi Ukraine lên tiếng, các lực lượng của chúng ta sẽ sớm đến được Groznyi. Sau đó, Bakou sẽ chỉ còn là vấn đề thời gian. Phần lớn chúng ta sẽ có thể đón Giáng sinh ở nhà." – "Các panzer của tướng Schweppenburg đang giậm chân tại chỗ, Hauptsturmführer, tôi lịch sự nói. Họ mới chỉ dựng được một đầu cầu thôi. Sức kháng cự của quân Xô viết ở Tchétchénie-Ingouchie mạnh mẽ hơn nhiều so với những gì chúng ta lường trước." – "Chà, Pfeiffer, một Untersturmführer to béo mặt đỏ ửng kêu to lên, đó là cơn co giật cuối cùng của bọn chúng thôi. Các sư đoàn của chúng đã thủng lỗ chỗ hết cả rồi. Chúng chỉ còn để lại một lực lượng mỏng dính để đánh lừa chúng ta; nhưng chỉ cần tấn công mạnh một lần, chúng sẽ sụp đổ hoặc chạy tán loạn như một lũ thỏ ngay." – "Làm sao mà anh biết được?" tôi tò mò hỏi. – "Ở AOK người ta vẫn nói thế mà, Wiens trả lời thay ông ta. Từ đầu mùa hè, họ bắt được rất ít tù binh ở những nơi bị vây đánh, Millerovo chẳng hạn. Họ đã suy luận rằng quân Bônsêvich đã vét cạn hết lực lượng dự trữ của chúng, đúng như bộ tổng chỉ huy của chúng ta đã dự đoán." – "Chúng tôi cũng đã thảo luận rất nhiều về điều này ở Gruppenstab và với OKHG, tôi nói. Không phải ai cũng có cùng ý kiến với các anh đâu. Một số người cho rằng quân Xô viết đã rút ra được bài học từ những tổn thất khủng khiếp hồi năm ngoái, và đã thay đổi chiến lược: chúng rút lui có trật tự trước sự tấn công của chúng ta, để chuẩn bị một cuộc phản công khi nào các chiến tuyến của chúng ta được mở quá rộng và trở nên suy yếu." – "Tôi thấy là anh quá bi quan đấy, Hauptsturmführer ạ," Müller, chỉ huy Kommando, miệng đang ngậm đầy thịt gà, cáu nhàu. – "Tôi không hề bi quan, Herr Sturmbannführer, tôi trả lời. Tôi chỉ ghi nhận các ý kiến đây đó, có vậy thôi." – "Anh nghĩ là các chiến tuyến của chúng ta trải quá rộng à?" Bolte tò mò hỏi. – "Cái đó phụ thuộc vào những gì mà chúng ta phải thực sự đối mặt. Mặt trận của tập đoàn quân B hành quân dọc theo sông Đông, nơi vẫn còn lại các đầu cầu Xô

viết mà chúng ta còn chưa vô hiệu hóa được, ở Voronej, mà người Nga vẫn còn giữ được mặc cho các nỗ lực của chúng ta, cho đến tận Stalingrad." – "Stalingrad sẽ không còn đứng vững lâu được đâu, Wiens gằn giọng, anh ta vừa uống cạn một cốc bia. Luftwaffe của chúng ta đã nghiền nát các cứ điểm của chúng hồi tháng trước, đại đoàn số 6 sẽ chỉ còn việc quét sạch nó nữa thôi." – "Có thể. Nhưng cũng chính vì thế mà, vì tất cả các lực lượng của chúng ta đều tập trung ở Stalingrad, các sườn của tập đoàn quân B sẽ chỉ còn được nắm giữ bởi các đồng minh của chúng ta, trên sông Đông và ở vùng thảo nguyên. Các anh cũng biết rõ như tôi rằng chất lượng các đội quân người Rumani hoặc Ý không thể bén gót được các đội quân Đức; và có thể người Hungari là những người lính giỏi, nhưng họ thiếu thốn đủ mọi thứ. Ở đây, ở Caucase này, cũng vậy thôi, chúng ta không có đủ người để hình thành một mặt trận dàn đều trên các ngọn núi. Và giữa các tập đoàn quân, mặt trận bị thảo nguyên Kamouk chia cắt; người ta chỉ sai đến đó các đội tuần tra và sẽ không tránh được những điều bất ngờ khó chịu đâu." – "Về điểm này, tiến sĩ Strohschneider, một người rất cao, hai môi trề ra dưới một hàng ria rậm rạp, chỉ huy một Teilkommando đóng ở Budionnovsk, lên tiếng, Hauptsturmführer Aue không hoàn toàn sai đâu. Thảo nguyên quả rộng lớn. Một cuộc tấn công táo bạo rất có khả năng làm suy yếu vị thế của chúng ta." – "Ồ, Wiens uống tiếp bia, đó sẽ chỉ là những vết muỗi đốt mà thôi. Và nếu như chúng ta gan tấn công các đồng minh của chúng ta, "gọng kìm" Đức sẽ thoải mái làm chủ được tình hình." – "Tôi rất hy vọng là anh có lý," tôi nói. – "Dù thế nào đi nữa, tiến sĩ Müller kết luận một cách trịch thượng, Führer sẽ luôn biết cách đưa ra những quyết định đúng đắn đối với các ông tướng phản động đó." Quả thực đó là một cách nhìn nhận sự việc. Nhưng cuộc nói chuyện đã chuyển chủ đề sang *Aktion* trong ngày. Tôi im lặng lắng nghe. Như mọi khi, vẫn là những giai thoại không thể tránh khỏi về thái độ của những người bị kết án, cầu nguyện, khóc lóc, hát *Quốc tế ca* hoặc im lặng, và những bình luận về các vấn đề liên quan đến tổ chức và

phản ứng của người chúng tôi. Tôi mệt mỏi chịu đựng tất cả những thứ đó; ngay cả những người có thâm niên cũng không làm gì khác ngoài nhắc lại những gì đã nghe thấy từ một năm trước, không có lấy một phản ứng chân thực trong những lời rỗng tuếch và nhạt nhẽo đó. Tuy nhiên, có một sĩ quan nổi bật với những lời chửi rủa đặc biệt phong phú và tục tĩu đối với người Do Thái. Đó là Leiter IV của Kommando, Hauptsturmführer Turek, một con người khó chịu mà tôi từng gặp ở Gruppenstab. Tay Turek này là một trong những kẻ hiếm hoi bài Do Thái theo lối bẩn thỉu, tục tĩu, giống kiểu Streicher, mà tôi từng gặp trong phạm vi các Einsatzgruppe; ở SP và SD, theo truyền thống, người ta theo một thứ chủ nghĩa bài Do Thái duy lý, và những lời lăng mạ đầy cảm tính như thế rất bị coi thường. Nhưng Turek có một vẻ ngoài đặc biệt giống người Do Thái: ông ta có mái tóc màu đen và xoăn, một cái mũi dài, đôi môi dày; sau lưng, một số cái miệng độc ác lén gọi ông ta là "tay Do Thái Süss," trong khi những người khác tung tin là ông ta mang dòng máu Digan. Hẳn là ông ta đã phải chịu đựng chuyện này từ hồi còn nhỏ; và ông ta không bỏ qua bất kỳ dịp nào để tự tung hô các bậc tổ tiên Aryen của mình: "Tôi biết rằng cái đó không lộ rõ," ông ta bắt đầu trước khi giải thích rằng để chuẩn bị cho đám cưới mới đây của mình ông ta đã cho tiến hành những nghiên cứu phả hệ kỹ lưỡng và đã có thể lần theo lịch sử lên đến tận thế kỷ XVII; thậm chí ông ta còn xin giấy chứng nhận của RuSHA cho biết ông ta *mang dòng máu thuần chủng và đủ khả năng sinh những đứa con Đức*. Tất cả những cái đó, tôi hiểu rất rõ, và lẽ ra tôi đã có thể thương hại ông ta; nhưng những trò quá đà và sự tục tĩu của ông ta đã vượt quá các giới hạn: tại các cuộc hành quyết, tôi nghe nói vậy, ông ta cắt lấy những cái dương vật bị cắt bao quy đầu của người bị kết án, và cho lột trần trước phụ nữ ra để nói với họ rằng *sẽ không bao giờ những cái âm hộ Do Thái của họ còn có thể sinh ra những đứa con được nữa*. Ohlendorf sẽ không bao giờ tha thứ cho cách cư xử này, nhưng Bierkamp thì nhắm mắt làm ngơ; về phần Müller, người lẽ ra phải nhắc nhở ông ta, cũng không thấy nói gì. Giờ đây

Turek đang nói chuyện với Pfeiffer, người phụ trách các đội hành quyết trong thời gian diễn ra hành động; Pfeiffer cười trước những lời ông ta nói của và khuyến khích ông ta tiếp tục. Ghê tởm, tôi xin phép cáo từ trước khi món tráng miệng được dọn ra và rút lên phòng. Những cơn buồn nôn lại tái diễn; từ hồi ở Vorochilovsk, hoặc có thể là từ trước đó, tôi lại phải chịu đựng những cơn quặn ruột mệt mỏi kiệt sức như hồi ở Ukraine. Tôi mới chỉ nôn một lần, ở Vorochilovsk sau một bữa ăn hơi nặng bụng, nhưng đôi khi tôi phải hết sức cố gắng chế ngự cơn buồn nôn: tôi ho rất nhiều, mặt đỏ bừng, tôi thấy chuyện đó thật khó chịu và thích về phòng nằm hơn.

Sáng hôm sau, tôi đi Minvody cùng các sĩ quan khác để thanh tra *Aktion*. Tôi có mặt khi đoàn tàu đến và khi những người trên tàu được đưa xuống: những người Do Thái có vẻ ngạc nhiên vì phải xuống tàu sớm vậy, trong khi nghĩ là mình sẽ được chuyển đến Ukraine, nhưng họ vẫn giữ bình tĩnh. Để tránh mọi náo loạn, bọn cộng sản đã nhận diện được nhốt riêng một chỗ. Trong sảnh lớn bừa bộn và đầy bụi của nhà máy thủy tinh, những người Do Thái phải nộp quần áo, đồ đạc, đồ dùng cá nhân và chìa khóa nhà. Điều đó gây ra một số phiền phức, nhất là khi nền nhà của nhà máy lại lõng chõng đầy thủy tinh vỡ, và một số người đi tất bị cứa đứt chân. Tôi nói điều đó với tiến sĩ Bolte, nhưng ông ta chỉ nhún vai. Các Orpo bắt đầu đánh đập, những người Do Thái hoảng sợ, trên người chỉ có độc quần áo lót, ngồi cả xuống, những người phụ nữ tìm cách dỗ dành bọn trẻ con. Bên ngoài, gió mát thổi; nhưng mặt trời chiếu qua cửa kính, bên trong nóng ngột ngạt như trong một nhà kính. Một người đàn ông trung niên, ăn mặc khá chải chuốt, đeo kính và có một bộ ria mép nhỏ, tiến lại gần tôi. Ông ta bế trên tay một thằng bé con. Ông ta bỏ mũ và nói với tôi bằng một thứ tiếng Đức rất chuẩn: "Herr Offizier, tôi có thể nói với ngài vài lời được không?" – "Ông nói tiếng Đức rất giỏi," tôi đáp. – "Tôi đã học ở Đức, ông ta nói, vẻ đường hoàng hơi cứng nhắc. Trước kia đó là một đất nước vĩ đại." Chắc đó là một giáo sư Leningrad. "Ông muốn nói gì với tôi?" tôi lạnh lùng

hỏi. Thằng bé con, đang quàng tay quanh cổ ông ta, nhìn tôi với đôi mắt to màu xanh. "Tôi biết việc các ngài đang làm ở đây, người đàn ông nhẹ nhàng nói. Thật là một điều đáng kinh tởm. Tôi chỉ muốn ngài còn sống sót sau cuộc chiến tranh này để đêm nào cũng phải thức dậy với tiếng hú hét, trong suốt hai mươi năm. Tôi hy vọng rằng ngài sẽ không có đủ khả năng nhìn những đứa con của mình mà không nhìn thấy con cái của chúng tôi, những đứa mà các ngài giết chết." Ông ta quay lưng lại và bỏ đi trước khi tôi kịp trả lời. Thằng bé tiếp tục nhìn tôi chằm chằm từ trên vai ông ta. Bolte tiến lại gần tôi: "Thật là hỗn xược? Làm sao mà hắn lại dám làm vậy? Lẽ ra anh phải phản ứng chứ." Tôi nhún vai. Ích gì? Bolte biết rất rõ người ta sẽ làm gì với người đàn ông đó và với đứa con của ông ta. Ông ta muốn nhục mạ chúng tôi thì cũng tự nhiên thôi. Tôi bước ra xa và tiến về phía cửa ra vào. Các Orpo đang vây lấy một nhóm người mặc quần áo lót và dẫn họ đến hố chống tăng, cách đó một cây số. Tôi nhìn họ đi xa dần. Cái hố quá xa từ đây không nghe được tiếng súng; nhưng hẳn là những người đó đang tự hỏi về số phận đang chờ đợi mình. Bolte gọi tôi: "Anh có đến không?" Ôtô của chúng tôi vượt lên trước nhóm người mà tôi đã nhìn thấy lúc trước; họ run lên vì lạnh, những người phụ nữ nắm chặt tay lũ trẻ con. Rồi trước mặt chúng tôi hiện ra cái hố. Những người lính và các Orpo đang đứng ở tư thế nghỉ, vẻ giễu cợt; tôi nghe thấy tiếng ồn ào, những tiếng hét. Tôi đi qua nhóm lính và nhìn thấy Turek đang cầm trên tay một cái xẻng đánh đập một người đàn ông gần như trần truồng nằm trên mặt đất. Hai cái xác đầy máu khác nằm trước mặt ông ta; xa hơn, những người Do Thái hoảng sợ đang đứng trong vòng lính kiểm soát. "Đồ dòi bọ! Turek gào lên, hai mắt lồi hẳn ra ngoài. Bò đi, thằng Do Thái kia!" Ông ta đập cạnh xẻng vào đầu người đàn ông; sọ người đàn ông vỡ ra, máu và não tóe vào đôi bốt của Turek; tôi nhìn thấy rõ ràng một con mắt, bị cú đập làm cho văng ra, bay ra xa vài bước chân. Đám người cười rộ lên. Tôi nhảy hai bước đến chỗ Turek và nắm chặt lấy cánh tay ông ta: "Ông điên rồi! Dừng ngay chuyện này lại!" Mặt tôi trắng bệch, người run

lên. Turek say máu quay về phía tôi và làm bộ giơ xẻng lên; rồi ông ta hạ nó xuống và giật mạnh tay ra. Ông ta cũng đang run lên. "Đừng có nhúng mũi vào những chuyện không liên quan đến anh," ông ta rít lên. Khuôn mặt ông ta đỏ tía, ông ta toát mồ hôi và hai mắt đảo lia lịa. Ông ta ném cái xẻng xuống đất và đi ra xa. Bolte đến chỗ tôi; bằng vài từ lạnh lùng, ông ta ra lệnh cho Pfeiffer, đang đứng ở đó thở một cách nặng nhọc, nhặt mấy cái xác lên và tiếp tục cuộc hành quyết. "Anh không cần phải can thiệp," ông ta trách tôi. – "Nhưng ông cũng thấy là những việc như thế không thể chấp nhận được!" – "Có thể, nhưng Sturmbannführer Müller chỉ huy Kommando này. Anh chỉ có mặt ở đây với tư cách quan sát viên thôi." – "Được thôi, vậy thì Sturmbannführer Müller đang ở đâu?" Người tôi vẫn còn run lên. Tôi quay lại xe và ra lệnh cho lái xe đưa tôi trở lại Piatigorsk. Tôi muốn châm một điếu thuốc; hai tay vẫn run, tôi không chế ngự được chúng và mãi không bật nổi bật lửa. Cuối cùng tôi cũng thành công và rít vài hơi trước khi ném điếu thuốc ra khỏi cửa sổ. Ở phía bên kia đường chúng tôi gặp đoàn người đang tiến lên từng bước một; qua khóe mắt, tôi nhìn thấy một thằng bé chạy ra khỏi hàng để nhặt mẩu thuốc lá của tôi trước khi quay trở lại đoàn người.

Ở Piatigorsk, tôi không thể tìm được Müller. Tay lính gác nghĩ ông ta đã đến AOK, nhưng không chắc lắm; tôi do dự không biết có nên chờ hay không, rồi quyết định đi: từng ấy đã đủ để có thể trực tiếp báo cáo sự cố cho Bierkamp. Tôi rẽ qua khu điều dưỡng để lấy đồ đạc và sai lái xe của mình đi lấy xăng ở AOK. Thật không đúng đắn khi đi mà không chào tạm biệt; nhưng tôi không muốn tạm biệt họ. Ở Mineralnye Vody, con đường đi ngang nhà máy, cách một đoạn không xa lắm, ngay sau đường sắt, dưới chân núi; tôi không dừng lại. Quay về đến Vorochilovsk, tôi viết báo cáo, chỉ chú trọng vào những gì quan trọng nhất trong các khía cạnh kỹ thuật và liên quan đến tổ chức của hành động. Nhưng tôi cũng cho thêm vào một câu về "một số sự việc quá đà đáng phàn nàn của các sĩ quan lẽ ra phải làm gương." Tôi biết

rằng chỉ như vậy là đủ. Quả thực, ngày hôm sau, Thielecke vào phòng làm việc của tôi, nói là Bierkamp muốn gặp. Prill, sau khi đọc báo cáo, đã đặt cho tôi vài câu hỏi: tôi từ chối trả lời ông ta và nói rằng việc này chỉ có liên quan đến Kommandant. Bierkamp tiếp tôi một cách lịch sự, mời tôi ngồi, và hỏi tôi về chuyện đã xảy ra; Thielecke cũng có mặt ở đó. Tôi kể cho họ sự cố, cố gắng hết sức trung lập nhất. "Thế anh nghĩ cần phải làm gì?" Thielecke hỏi khi tôi đã nói xong. – "Tôi nghĩ rằng, Herr Sturmbannführer, đó là một trường hợp cần đến *SS-Gericht*, một tòa án của SS và cảnh sát, tôi trả lời. Hoặc ít nhất là bên bác sĩ tâm thần." – "Anh quá lời rồi, Bierkamp nói. Hauptsturmführer Turek là một sĩ quan rất giỏi, năng lực cao. Sự khó chịu và cơn giận dữ đúng đắn của ông ấy nhằm vào bọn Do Thái, những kẻ thuộc về hệ thống của Stalin, là có thể hiểu được. Và rồi chính anh cũng công nhận rằng mình chỉ đến khi sự cố đã xảy ra xong. Chắc chắn là đã có chuyện khiêu khích trước đó." – "Ngay cả khi bọn Do Thái đó hỗn xược hoặc tìm cách chạy trốn, cách phản ứng của ông ta cũng không xứng đáng với một sĩ quan SS. Nhất là trước mặt lính tráng." – "Về điểm này thì chắc chắn là anh có lý." Thielecke và ông ta nhìn nhau một lúc, rồi ông ta quay sang tôi: "Tôi định đi Piatigorsk trong vài ngày tới. Đích thân tôi sẽ nói chuyện về sự cố này với Hauptsturmführer Turek. Cám ơn anh vì đã báo cáo lại các sự việc đó."

Cùng ngày hôm ấy, Sturmbannführer tiến sĩ Leetsch, người thay thế tiến sĩ Seibert, đến nơi cùng với một Obersturmbannführer, Paul Schultz, người sẽ thay chỗ tiến sĩ Braune ở Maikop; nhưng trước khi tôi kịp gặp ông ta, Prill đã yêu cầu tôi đi Mozdok thanh tra Sk 10b vừa đến đó. "Như vậy anh sẽ có thể gặp tất cả các Kommando, ông ta nói với tôi. Anh sẽ báo cáo cho Sturmbannführer khi nào quay trở lại." Để đến được Mozdok, cần phải đi sáu tiếng đồng hồ, qua Minvody rồi Prokhladny; vậy nên tôi quyết định sẽ đi vào sáng hôm sau, nhưng trước đó không gặp Leetsch. Lái xe của tôi đánh thức tôi dậy trước bình minh một chút. Chúng tôi vừa rời khỏi cao nguyên Vorochilovsk thì mặt trời lên, dịu dàng chiếu sáng

những cánh đồng và vườn cây ăn quả và xiên xuống những ngọn núi lửa của vùng KMV thấp thoáng từ xa. Sau Mineralnye Vody, con đường hai bên trồng đầy cây đoạn, chạy dọc theo các gờ núi của dãy Caucase, vẫn còn chưa nhìn rõ; mới chỉ có Elbrous, với những dáng hình tròn trôn phủ đầy tuyết, xuất hiện trên nền trời u ám. Ở phía Bắc con đường đã bắt đầu các cánh đồng, đây đó rải rác những ngôi làng nghèo khổ của người Hồi giáo. Chúng tôi chạy xe phía sau các đoàn cam nhông dài của *Rollbahn*, rất khó vượt lên trước. Ở Mozdok đang ngự trị một sự náo loạn căng thẳng, xe cộ quân sự làm tắc hết những phố phường đầy bụi; tôi đỗ chiếc Opel lại và đi bộ tìm đại bản doanh của quân đoàn số LII. Tôi được một sĩ quan đang rất phấn khích của Abwehr đón tiếp: "Ông đã biết tin chưa? Generalfeldmarschall List vừa bị giáng chức hồi sáng nay." – "Tại sao?" tôi kêu lên. List, chỉ vừa mới đến mặt trận phía Đông, thậm chí còn chưa ở đây được hai tháng. Viên AO nhún vai: "Chúng ta bị buộc phải lui về phòng thủ sau thất bại của lần dấn sâu xuống hữu ngạn sông Terek. Việc này chắc sẽ không khiến cấp trên thích thú đâu." – "Tại sao các anh lại không thể tiến lên được?" Anh ta giơ hai tay lên: "Thì chúng tôi thiếu quân mà! Việc chia đôi tập đoàn quân Nam là một sai lầm chết người. Giờ đây chúng tôi không có đủ lực lượng cho bất kỳ một mục tiêu nào hết. Ở Stalingrad, họ vẫn đang giẫm chân tại các ngoại ô." – "Thế ai được cử lên thay Feldmarschall?" Anh ta phá lên cười vẻ cay đắng: "Ông sẽ không tin tôi đâu: Führer đã đích thân giữ vị trí đó!" Quả thực điều này là quá sức tưởng tượng: "Führer đích thân nắm quyền chỉ huy tập đoàn quân A à?" – "Chính xác đấy. Tôi không biết ông ấy định sẽ làm gì; OKHG vẫn ở lại Vorochilovsk, và Führer thì đang ở Vinnitsa. Nhưng bởi vì đó là một thiên tài, nên chắc là ông ấy đã có giải pháp rồi." Giọng nói của anh ta ngày càng trở nên gay gắt hơn. "Ông ấy đã chỉ huy cả Reich, Wehrmacht, và lục quân. Giờ đây lại thêm một tập đoàn quân nữa. Ông có nghĩ là ông ấy sẽ cứ tiếp tục như vậy không? Có thể là ông ấy sẽ giành quyền chỉ huy một đại đoàn, rồi một quân đoàn, rồi một sư đoàn. Cuối cùng, ai mà biết được, nhỡ đâu ông ấy lại trở thành cai đội ở mặt trận như lúc khởi

đầu thì sao." – "Tôi thấy là anh đang rất hỗn xược đấy," tôi lạnh lùng nói. – "Thế còn ông, thưa ông thân mến, anh ta đáp lại, ông có thể biến đi được rồi đấy. Ông đang ở tại một đơn vị chiến đấu, ở đây SS không có quyền phán xét gì hết." Một người cần vụ bước vào. "Đây là người dẫn đường cho ông, viên sĩ quan nói. Chúc một ngày tốt lành." Tôi bước ra, không nói năng gì. Tôi bị sốc, nhưng cùng lúc cũng lo lắng: nếu cuộc tấn công của chúng tôi vào vùng Caucase, nơi chúng tôi đã đặt cược tất cả, mà sa lầy, thì đó sẽ là một dấu hiệu xấu. Thời gian đang không đứng về phía chúng tôi. Mùa đông đang tiến đến gần, và *Endsieg* tiếp tục lùi đi xa lắc, giống hệt những ngọn núi thần kỳ vùng Caucase. Cuối cùng, tôi cố thuyết phục mình, Stalingrad sẽ nhanh chóng thất thủ; việc đó sẽ giải phóng nhiều lực lượng để có thể tạo ra các tiến triển ở đây.

Sonderkommando chiếm một dãy nhà đã sụp mất một phần của một căn cứ quân sự Nga; một số phòng vẫn còn dùng được, những phòng khác đã bị chẹn lại bằng các thanh gỗ. Tôi được chỉ huy Kommando, một người Áo mảnh khảnh, Sturmbannführer Alois Persterer, với một hàng ria tỉa theo kiểu Führer đón tiếp. Đó là một người của SD, từng là Leiter tại Hamburg thời Bierkamp chỉ huy Kripo ở đó; nhưng có vẻ như là ông ta không đặc biệt gần gũi với Bierkamp. Ông ta tóm tắt ngắn gọn tình hình cho tôi: ở Prokhladny, một Teilkommando đã xử bắn những người Kabarde và người Balkar quy thuận chính quyền Xô viết, cũng như người Do Thái và bọn du kích; ở Mozdok, ngoài một số trường hợp tình nghi do quân đoàn số LII chuyển sang, họ còn chưa thực sự bắt đầu công việc. Người ta đã nói cho ông ta về một nông trường tập thể Do Thái trong vùng; ông ta đang cho tìm kiếm, và sẽ quan tâm đến việc đó. Dù thế nào đi nữa thì cũng không có nhiều bọn du kích,và trong vùng chiến sự người bản xứ có vẻ thù địch với bọn Đỏ. Tôi hỏi ông ta quan hệ với Wehrmacht ra sao. "Thậm chí tôi còn không thể nói đó là một mối quan hệ rất lỏng lẻo nữa. Có vẻ như là họ đã lờ chúng tôi đi." – "Phải, thất bại của cuộc tấn công đang làm họ bận tâm rất nhiều." Tôi qua đêm

ở Mozdok, trên một cái giường sắt đặt trong một văn phòng, và buổi sáng hôm sau đi khỏi đó; Persterer để nghị tôi tham dự một cuộc hành quyết ở Prokhladny, cùng với chiếc cam nhông hơi ngạt của họ, nhưng tôi chỉ lịch sự cảm ơn ông ta. Ở Vorochilovsk, tôi tự giới thiệu với tiến sĩ Leetsch, một sĩ quan khá nhiều tuổi, khuôn mặt hẹp góc cạnh, với mái tóc muối tiêu và cặp môi ưa gắt gỏng. Sau khi đọc báo cáo của tôi, ông ta muốn nói chuyện. Tôi nói những cảm giác của mình về tinh thần của Wehrmacht. "Đúng, cuối cùng ông ta nói, anh hoàn toàn có lý. Chính vì vậy mà tôi nghĩ rằng nhất thiết phải thắt chặt quan hệ của chúng ta với họ. Đích thân tôi phụ trách liên hệ với bên OKHG, nhưng tôi rất muốn được đặt một sĩ quan liên lạc ở Piatigorsk, tại Ic của AOK. Tôi muốn nhờ anh giữ vị trí đó." Tôi do dự mất một lúc; tôi tự hỏi không biết ý tưởng đó thực sự là của ông ta, hay là Prill đã gợi ý trong khi tôi vắng mặt. Cuối cùng tôi trả lời: "Vấn đề là ở chỗ quan hệ của tôi với Einsatzkommando số 12 không được tốt. Tôi đã có xô xát với một sĩ quan của họ, và tôi sợ là chuyện đó sẽ gây ra nhiều rắc rối." – "Anh không phải lo việc đó. Anh sẽ không phải gặp họ nhiều đâu. Anh sẽ ở luôn chỗ AOK và báo cáo trực tiếp cho tôi."

Vì vậy tôi quay lại Piatigorsk và người ta giao cho tôi một chỗ ở hơi cách xa trung tâm một chút, dưới chân núi Matchouk trong một khu điều dưỡng (đó là khu vực cao nhất của thành phố). Tôi có một cửa sổ thấp và một ban công nhỏ từ đó có thể nhìn thấy ngọn núi trọc Goriatchaia Gora cùng với ngôi nhà kiểu Trung Quốc của nó và vài cái cây, rồi đến bình nguyên và những ngọn núi lửa phía sau, chồng chất nhiều lớp trong sương mù. Khi quay đầu lại và ngả người về phía sau, tôi có thể nhìn thấy qua mái nhà một góc của Matchouk, đang bị một đám mây bay ngang tầm mắt che khuất. Trong đêm trời đổ mưa và không khí trở nên trong lành. Sau khi đến AOK trình diện ở chỗ Ic, Oberst von Gilsa, và các đồng nghiệp của ông ta, tôi ra ngoài đi dạo. Một lối

đi dài rải nhựa dẫn ngược lên trung tâm và men theo sườn núi; sau bức tượng Lênin, phải trèo lên vài bậc thang dốc ngược, rồi, sau các hồ nhỏ, đi vào giữa những dãy sồi non và thông tỏa mùi thơm, đường bắt đầu bớt dốc. Tôi đi qua khu điều dưỡng *Lermontov* phía bên tay trái, nơi von Kleist và bộ tham mưu của ông ta đang đóng; chỗ của tôi nằm khuất hơn một chút, trong một dãy nhà riêng biệt, dựa ngay vào dãy núi giờ đây đã gần như chìm hẳn trong những đám mây. Phía trên cao, lối đi mở rộng ra thành một con đường vòng qua núi Matchouk để nối liền với một loạt khu điều dưỡng; ở đó, tôi rẽ về phía ngôi nhà nhỏ mà người ta gọi là Cây đàn phong cầm Éolie, từ đó có thể nhìn được xuống một vùng rộng lớn của bình nguyên phía Nam, được điểm xuyết bởi những ụ đất đều đặn, một ngọn núi lửa rồi một ngọn khác và rồi lại một ngọn khác nữa, giờ đã tắt, nằm im lìm. Phía bên tay phải, mặt trời phản chiếu chói lóa trên mái lợp tôn của các ngôi nhà rải rác trong một vùng cây cối xanh tươi rậm rạp; và xa hơn, ở cuối trời, những đám mây đang thay đổi hình dạng, che khuất đi các dãy núi vùng Caucase. Một giọng nói vui vẻ vang lên sau lưng tôi: "Aue! Anh ở đây từ lâu chưa?" Tôi quay lại: Voss đang mỉm cười tiến đến dưới hàng cây. Tôi nồng nhiệt bắt tay anh. "Tôi vừa đến thôi. Tôi được giao làm sĩ quan liên lạc ở chỗ AOK." – "A, thật tuyệt vời! Tôi cũng đang ở AOK đây. Anh ăn gì chưa?" – "Chưa." – "Thế thì chúng ta đi thôi. Ở ngay phía dưới kia có một quán rất ngon đấy." Anh đi vào một con đường hẹp lát đá khoét thẳng vào núi và tôi đi theo. Bên dưới, ở đoạn cuối cái thung dài chia cắt núi Matchouk và Goriatchaia Gora, hiện ra một hành lang dài với hàng cột chống, theo phong cách Ý vừa nặng nề vừa nhẹ nhõm, bằng đá granit hồng. "Đây là hành lang Hàn lâm," Voss chỉ cho tôi. – "A! tôi kêu lên đầy phấn khích, nhưng đây chính là hành lang Élisabeth cổ mà! Chính ở đây Petchorine đã nhìn thấy Công tước tiểu thư Marie lần đầu tiên." Voss phá lên cười: "Vậy ra là anh có biết Lermontov phải không? Tất cả mọi người ở đây đều đọc ông ấy cả." – "Tất nhiên rồi! *Một anh hùng thời đại* là quyển sách gối đầu giường của tôi suốt một thời dạy."

Con đường dẫn chúng tôi đến gần hành lang, được thiết kế dựng để chứa trong lòng một dòng suối chảy rất mạnh. Những người lính chân tay què cụt, nhợt nhạt và chậm chạp, đang đi dạo hoặc ngồi trên những cái ghế băng, đối diện với con suối dài mở rộng về phía thành phố; một thợ làm vườn người Nga đang nhặt cỏ trong các bồn hoa tuylip và cẩm chướng đỏ nằm dọc theo cầu thang lớn dẫn xuống phố Kirov, phía dưới cùng thung lũng. Mái nhà bằng đồng của những khu tắm nước nóng nằm dựa sát vào Goriatchaia Gora, lô lên giữa những rặng cây, sáng lấp lánh dưới mặt trời. Phía bên kia đỉnh núi chỉ còn nhìn thấy rõ một ngọn núi lửa. "Anh đến chứ?" Voss nói. – "Đợi tôi một lát." Tôi bước vào hành lang để ngắm nhìn con suối, nhưng phải thất vọng: bên trong trống trơn không bóng người và nước đang chảy ra từ một cái vòi. "Quán nằm ngay phía sau kia," Voss nói. Anh bước qua lối đi mái vòm chia cắt dãy nhà phía trái với hành lang trung tâm; phía sau, bức tường cùng với tảng đá tạo thành một chỗ hõm rộng rãi, nơi người ta đã đặt vài bộ bàn ghế. Chúng tôi ngồi xuống và một cô gái trẻ xinh đẹp xuất hiện từ một cánh cửa. Voss nói vài câu bằng tiếng Nga với cô gái. "Hôm nay không có chachlik. Nhưng có sườn lợn Kiev đấy." – "Tuyệt vời." – "Anh muốn uống nước suối hay bia?" – "Tôi nghĩ rằng tôi thích bia hơn. Có tươi không?" – "Cũng hơi hơi. Nhưng tôi báo trước cho anh rằng đó không phải là bia Đức đâu đấy." Tôi châm một điếu thuốc và dựa lưng vào bức tường hành lang. Trời ấm áp dễ chịu; nước chảy qua khe đá, hai con chim nhỏ màu sắc sặc sỡ đang mổ xuống mặt sân. "Anh có thích Piatigorsk không?" Voss hỏi tôi. Tôi mỉm cười, tôi rất vui vì được gặp lại anh ở đây. "Tôi còn chưa xem được nhiều thứ," tôi nói. – "Nếu anh thích Lermontov thì thành phố quả đúng là một địa điểm hành hương đấy. Người Xô viết đã lập một bảo tàng nhỏ rất đẹp trong nhà ông ấy. Khi nào anh có một buổi chiều rảnh rỗi, chúng ta sẽ đến đó thăm." – "Rất sẵn lòng. Anh có biết cuộc đấu súng xảy ra ở đâu không?" – "Cuộc đấu súng của Petchorine hay của Lermontov?" – "Của Lermontov." – "Sau núi Matchouk ấy. Dĩ nhiên là có một bức

tượng xấu thảm hại. Và anh có tưởng tượng rằng thậm chí chúng tôi còn tìm được một hậu duệ của ông ấy không?" Tôi cười: "Không thể thế được." – "Thế mà đúng đấy. Một bà tên là Evguenia Akimovna Chan-Girei. Già lắm rồi. Tướng quân đã cấp cho bà ta một khoản trợ cấp, cao hơn khoản trợ cấp của người Xô viết." – "Bà ta có biết ông ấy không?" – "Anh sẽ không tin được đâu. Người Nga chuẩn bị tổ chức lễ kỷ niệm một trăm năm ngày mất của ông ấy đúng vào ngày chúng ta tấn công. Frau Chan-Girei sinh ra mười hoặc mười lăm năm sau đó, trong những năm năm mươi, tôi nghĩ vậy." Cô phục vụ quay trở lại với hai cái đĩa và bộ đồ ăn. "Sườn lợn" trên thực tế lại là thịt lợn xiên, bọc bơ nấu chảy và rắc vụn bánh mì lên trên, và đi kèm với một chút ragu nấm hoang trộn tỏi. "Ngon thật đấy. Và bia cũng không tệ." – "Tôi đã nói với anh rồi, phải không nào? Lúc nào có dịp là tôi đều đến đây. Không bao giờ đông khách đâu." Tôi im lặng ăn, cảm thấy vô cùng hài lòng. "Anh có nhiều việc không?" cuối cùng tôi hỏi. – "Thì tôi vẫn có thời gian cho công việc nghiên cứu thôi. Tháng trước tôi đã xông vào thư viện Pouchkine ở Kranosdar và tìm được nhiều thứ thú vị lắm. Đặc biệt là có sách vở về người Côdăc, nhưng tôi cũng kiếm được cả những quyển ngữ pháp tiếng Caucause và những quyển sách nhỏ rất hiếm của Troubetskoi. Tôi sẽ còn phải đi Tcherkessk nữa, tôi chắc chắn là ở đó có những quyển sách về người Circassien và Karatchai. Giấc mơ của tôi là tìm được một người Oubykh còn nói được ngôn ngữ dân tộc anh ta. Nhưng hiện tại thì vẫn chưa gặp may. Ngoài ra, tôi viết truyền đơn cho AOK." – "Truyền đơn kiểu gì?" – "Để tuyên truyền ấy mà. Họ lấy máy bay mang lên núi rải. Tôi đã viết một cái bằng tiếng Karatchai, Kabarde và Balkar, tất nhiên là phải hỏi thêm người địa phương rồi, nó buồn cười lắm: *Các bạn mến núi – Trước đây các bạn từng có tất cả, nhưng chính quyền Xô viết đã cướp đi hết! Hãy tiếp đón những người anh em Đức đã bay đến đây như những cánh chim đại bàng qua những ngọn núi để giải phóng các bạn!* Vân vân và vân vân." Tôi phá lên cười với anh. "Tôi cũng đã viết những lá thư kêu gọi chiêu hồi gửi cho bọn

du kích để chúng trở cờ. Trong đó viết rằng chúng ta sẽ đón tiếp chúng như các *soiouznik* trong trận chiến chung chống lại chủ nghĩa Do Thái-Bônsêvich. Hẳn là những người Do Thái trong số đó sẽ tha hồ mà cười. Những *propouska* đó có giá trị *cho đến khi kết thúc chiến tranh*." Cô gái dọn bàn và mang ra cho chúng tôi hai tách cà phê Thổ Nhĩ Kỳ. "Ở đây họ có mọi thứ!" tôi kêu lên. "Ồ, đúng vậy. Chợ vẫn mở, thậm chí người ta còn bán đồ ăn trong các cửa hàng nữa." – "Không hề giống ở Ukraine chút nào." – "Không hề. Và nếu may mắn một chút, mọi chuyện sẽ không giống vậy đâu." – "Anh muốn nói gì?" – "Ồ, có thể là sẽ có một số thay đổi đấy." Chúng tôi trả tiền và đi ngược trở lại chỗ mái vòm. Các thương binh vẫn dạo chơi trước hành lang, uống từng ngụm nhỏ nước khoáng. "Có thật là nó có lợi không?" tôi chỉ vào một cái cốc và hỏi Voss. – "Vùng này rất có tiếng. Anh cũng biết là người ta đã đến đây lấy nước từ trước khi có người Nga cơ. Anh có biết Ibn Battuta không?" – "Lữ khách người Arập ấy à? Tôi đã nghe nói." – "Ông ta đã đến đây vào khoảng năm 1375. Ông ta ở Crimée, chỗ người Tatar, và lấy một cô vợ. Người Tatar khi đó vẫn sống trong những khu trại du mục lớn, những thành phố trên bánh xe gồm những túp lều đặt trên chiếc xe khổng lồ, cùng với cả nhà thờ và cửa hàng. Mỗi năm, vào mùa hè, khi trời bắt đầu quá nóng ở Crimée, Khan Nogai lại cùng với toàn bộ thành phố biết đi của mình di chuyển qua eo đất Perekop và đến tận đây. Ibn Battuta miêu tả hết sức cặn kẽ nơi này, và ca ngợi các phẩm chất y học của nước suối. Ông ta gọi đây là *Bish* hoặc *Besh Dagh*, có nghĩa là, cũng như *Piatigorsk* trong tiếng Nga, "năm ngọn núi"." Tôi cười vì kinh ngạc: "Rồi Ibn Battuta ra sao?" – "Sau đó à? Ông ta đã tiếp tục, ông ta đi qua Daghestan và Afghanistan để đến Ấn Độ. Ông ta làm cadi ở Delhi trong một khoảng thời gian dài, và phục vụ Mohammed Tughluq, vị sultan mắc chứng hoang tưởng, trong vòng bảy năm trước khi bị thất sủng. Sau đó ông ta làm cadi ở Maldives, và thậm chí ông ta còn sang đến Ceylan, Indônêxia và Trung Quốc. Rồi ông ta quay về nhà, ở Marốc, để viết cuốn sách của mình trước khi chết."

Tối đến, tại phòng ăn sĩ quan, tôi phải thừa nhận rằng Piatigorsk quả đúng là một nơi hội ngộ: ngồi cùng bàn với các sĩ quan khác, tôi nhìn thấy Hohenegg, viên bác sĩ yếu ớt và vô sỉ chủ nghĩa mà tôi đã làm quen trên chuyến tàu đi từ Kharkov đến Simferopol. Tôi bước lại gần để chào: "Tôi nhận ra rằng, Herr Oberst, tướng von Kleist đã tập hợp quanh ông ấy toàn những con người giỏi giang." Ông đứng dậy để bắt tay tôi: "A, nhưng tôi không ở chỗ Generaloberst von Kleist đâu: tôi vẫn ở bên đại đoàn số 6, chỗ General Paulus." – "Thế thì ông làm gì ở đây vậy?" – "OKH đã quyết định tận dụng cơ sở hạ tầng của vùng KMV để tổ chức một cuộc hội thảo y khoa liên đại đoàn. Một cách trao đổi các thông tin hết sức hữu dụng. Sẽ là dịp tìm xem ai là người miêu tả được một trường hợp khủng khiếp nhất." – "Tôi chắc chắn rằng vinh dự đó sẽ thuộc về ông." – "Nghe này, tôi đang ngồi cùng với các đồng nghiệp; nhưng nếu anh muốn, sau bữa ăn đến gặp tôi nhé, chúng ta sẽ uống một ly cognac trong phòng tôi." Tôi quay lại ăn tối cùng các sĩ quan của Abwehr. Đó là những người thực tế và đáng mến, nhưng miệng lưỡi cũng đầy tính chỉ trích, giống hệt viên sĩ quan ở Mozdok. Một số người công khai khẳng định rằng nếu không nhanh chóng chiếm được Stalingrad, cuộc chiến tranh sẽ thất bại hoàn toàn; von Gilsa uống rượu vang Pháp và không phản đối gì. Sau đó, tôi ra ngoài đi dạo một mình trong công viên Tsvetnik, phía sau hành lang Lermontov, một ngôi nhà kỳ lạ bằng gỗ màu xanh nhạt, theo phong cách Trung cổ với những tháp nhỏ nhọn hoắt và những cửa sổ theo lối Art déco sơn hồng, đỏ và trắng: một kết hợp vô cùng lộn xộn, nhưng rất thích hợp ở đây. Tôi hút thuốc, lơ đãng ngắm nhìn những bông tuylip héo úa, rồi trèo lên ngọn đồi để đến khu điều dưỡng và gõ vào cửa phòng Hohenegg. Ông nằm trên đivăng, hai chân để trần, hai tay vắt chéo trên cái bụng to tròn mà tiếp tôi. "Xin thứ lỗi vì tôi không ngồi dậy được nhé." Ông ra hất đầu về phía một cái bàn một chân. "Cognac ở đó. Rót cho tôi một cốc luôn nhé." Tôi rót hai cốc và đưa cho ông một cốc; rồi tôi ngồi xuống ghế và vắt chéo hai chân. "Thế điều kinh khủng nhất mà ông từng chứng

kiến là gì?" Ông phẩy tay: "Con người, dĩ nhiên!" – "Tôi muốn nói về mặt y học." – "Về mặt y học, những điều kinh khủng không có gì thú vị cả. Ngược lại chúng tôi đã thấy những điều kỳ lạ vô cùng, làm đảo lộn hoàn toàn các khái niệm bình thường về những gì cái cơ thể tội nghiệp của chúng ta có thể chịu đựng được." – "Chẳng hạn như là gì?" – "Thì ví như một người bị trúng đạn vào chân, cắt mất động mạch máu chết sau đó hai phút, vẫn đứng nguyên, máu chảy ra đầy trong bốt mà anh ta không hề hay biết gì. Ngược lại, một người khác lại có hai thái dương bị đạn xuyên thủng mà vẫn đứng dậy được và tự mình đi đến chỗ cấp cứu." – "Chúng ta chẳng mấy lớn lao gì," tôi bình luận. – "Chính xác." Tôi nhấm nháp cognac của Hohenegg: đó là một thứ rượu Armenia, hơi ngọt nhưng uống được. "Thứ lỗi cho tôi về cognac nhé, ông nói, không quay đầu lại. Nhưng tôi không sao tìm được Rémy-Martin trong cái thành phố hoang dã này. Trở lại với điều tôi vừa nói, gần như tất cả các đồng nghiệp của tôi đều biết những câu chuyện dạng đó. Mặt khác, nó cũng không mới mẻ gì: tôi đã đọc hồi ký của một bác sĩ quân y hồi Thế chiến thứ nhất, và ông ta cũng kể chuyện tương tự. Tất nhiên, chúng ta vẫn mất đi quá nhiều người. Y học quân sự đã tiến bộ nhiều kể từ năm 1812, nhưng các phương pháp chém giết cũng vậy. Chúng tôi luôn luôn phải chịu cảnh đi sau đuổi. Nhưng, dần dần, chúng tôi tự hoàn thiện, quả đúng Gatling đã làm được cho ngành phẫu thuật hiện đại nhiều điều hơn Dupuytren." – "Thế nhưng ông cũng được chứng kiến những điều kỳ diệu thực sự chứ." Ông thở dài: "Có thể. Nhưng dù có thế nào thì tôi cũng không thể chịu đựng cảnh một người phụ nữ mang bầu được nữa. Nghĩ đến cái thai đang chờ đợi điều gì là tôi đã thấy trầm uất rồi." – "*Chỉ có những gì sinh ra mới chết*, tôi trích dẫn. *Sự sinh ra mắc một món nợ với cái chết.*" Ông kêu lên một tiếng, ngồi bật dậy và uống một hơi hết cốc cognac của mình. "Đó chính là điều tôi rất thích ở anh, Hauptsturmführer. Một người của *Sicherheitsdienst* trích Tertullien chứ không phải Rosenberg hoặc Hans Frank, cái đó lúc nào cũng rất dễ chịu. Nhưng tôi có thể phê phán cách dịch của

vai: "Lính tráng thì lúc nào chẳng bi quan. Ngay từ hồi ở vùng sông Rhin và Sudètes họ đã gào lên như những con mụ lắm điều rồi. Họ không bao giờ hiểu được sức mạnh của ý chí Führer và chủ nghĩa quốc xã cả. Nói cho tôi một việc khác đi, anh đã bao giờ nghe nói đến câu chuyện về chính quyền quân sự chưa?" – "Chưa, Herr Oberführer. Đó là cái gì?" – "Có một tin đồn nói rằng Führer đã thông qua một chế độ quân lý theo lối quân sự ở vùng Caucase, thay vì một chính quyền dân sự. Nhưng chúng ta vẫn chưa có được lời xác nhận chính thức. Ở OKHG họ rất lảng tránh vấn đề này." – "Tôi sẽ cố tìm kiếm thông tin ở AOK, Herr Oberführer." Chúng tôi còn nói thêm vài câu nữa rồi tôi cáo từ. Trong hành lang, tôi gặp phải Turek. Ông ta gườm gườm nhìn tôi vẻ cay độc rồi bật ra một câu thô bạo: "A, *Papiersoldat*. Anh đã không hề bỏ lỡ một phút nào." Hẳn là Bierkamp đã nói chuyện với ông ta. Tôi trả lời ông ta một cách nhẹ nhàng, với một nụ cười: "Hauptsturmführer, tôi hân hạnh được phục vụ ông." Ông ta còn nhìn tôi thêm một lúc với một cái nhìn tức tối, rồi biến mất vào một văn phòng. Vậy đấy, tôi tự nhủ, mi đã tự tạo cho mình một kẻ thù; cũng không khó khăn gì mấy.

Ở AOK, tôi xin được gặp von Gilsa và đặt cho ông ta câu hỏi của Bierkamp. "Quả thực, ông ta trả lời tôi, người ta có nói đến chuyện này. Nhưng tôi thấy các chi tiết vẫn còn chưa rõ ràng." – "Vậy thì điều gì sẽ xảy đến cho Reichskommissariat?" – "Việc thành lập Reichskommissariat bị hoãn lại một thời gian." – "Thế tại sao các đại diện của SP và SD lại không được báo tin?" – "Tôi không biết phải nói gì với anh. Tôi vẫn đang đợi các thông tin mới. Nhưng anh cũng biết đấy, vấn đề này thuộc thẩm quyền của OKHG. Oberführer Bierkamp sẽ phải hỏi thẳng họ thôi." Tôi ra khỏi văn phòng của von Gilsa với cảm giác ông ta biết nhiều hơn những gì nói ra. Tôi viết một báo cáo ngắn và gửi cho Leetsch và Bierkamp. Nhìn chung, công việc hiện giờ của tôi chỉ có vậy: Abwehr chuyển cho tôi những báo cáo mà họ muốn, thường liên quan đến tiến triển của vấn đề bọn du kích; tôi thêm vào đó các thông tin nghe được, phần lớn là tại các bữa ăn, và sau đó chuyển

tất cả về Vorochilovsk; đổi lại, tôi nhận được các báo cáo khác mà tôi đưa cho von Gilsa hoặc một trong số các đồng nghiệp của ông ta. Như vậy, các báo cáo về hoạt động của Ek 12, có các văn phòng nằm cách AOK năm trăm mét, trước hết sẽ được gửi về Vorochilovsk, rồi sau khi được tổng hợp cùng với các báo cáo về Sk 10b (những Kommando khác hoạt động trong vùng chiến sự hoặc phía sau đại đoàn số 17), họ đưa lại một phần đến tôi, và tôi chuyển sang cho Ic; cùng lúc đó, dĩ nhiên Einsatzkommando vẫn duy trì các quan hệ trực tiếp với AOK. Tôi không có nhiều việc lắm. Tôi tận dụng điều này: Piatigorsk là một thành phố dễ chịu, có rất nhiều thứ để xem. Cùng với Voss, người lúc nào cũng tò mò, tôi đi thăm Bảo tàng vùng, nằm dưới khách sạn *Bristol* một chút, đối diện bưu điện và công viên Tsvetnik. Ở đó có những bộ sưu tập đẹp, thu thập trong nhiều thập kỷ bởi tay *Kavkazkoe Gornoe Obchtchestvo*, một hiệp hội các nhà nghiên cứu tự nhiên nghiệp dư nhưng nhiệt tình: họ đã mang về từ các cuộc thám hiểm của mình những balô thú nhồi, chất khoáng, đầu lâu, cây cỏ khô; những ngôi mộ cổ và tượng ngoại giáo bằng đá; những bức ảnh đen trắng gây xúc động, phần lớn chụp các quý ông thanh lịch, đeo cà vạt, cổ cồn và đội mũ rơm, cúi người nhìn xuống dưới từ những đỉnh núi dốc ngược; và gợi tôi nhớ đến phòng làm việc của bố tôi một cách vui sướng cả một bức tường đầy những hộp bướm gồm hàng trăm mẫu, mỗi cái đều ghi ngày tháng và nơi bắt được, tên nhà sưu tầm, giới tính và tên khoa học của con bướm. Có các loài từ Kislovodsk, Adyghée, từ Tchétchénie, cho đến tận Daghestan và Adjarie; các năm ghi ở trên đó là 1923, 1915, 1909. Buổi tối, thỉnh thoảng chúng tôi đến *Teatr Operetty*, một tòa nhà khác xây dựng theo lối phóng túng, được trang trí bằng các ô vuông bằng gốm đỏ rập hình những quyển sách, nhạc cụ và tràng hoa, và mới đây đã được Wehrmacht mở cửa lại; sau đó, chúng tôi ăn tối hoặc ở nhà ăn sĩ quan, hoặc trong một quán cà phê, hoặc ở phòng giải trí, chính là khách sạn-quán ăn *Restoratsiya* cũ, nơi Petchorine gặp Marie và cũng là nơi, như một tấm biển viết bằng tiếng Nga mà Voss dịch cho tôi nói rõ, Léon Tolstoi đã tổ chức

sinh nhật hai mươi lăm tuổi của mình. Người Xô viết đã biến nơi đó thành một Viện nghiên cứu biển trực thuộc chính phủ; Wehrmacht đã để lại dòng chữ đầy ấn tượng ở trước mi cửa này, với các chữ cái bằng vàng phía trên những cây cột lớn, nhưng đã đưa tòa nhà trở về với công dụng nguyên thủy, và ở đó người ta có thể uống rượu vang Kakhétie và ăn chachlik, và đôi khi cả thịt thú rừng. Ở đó tôi đã giới thiệu Voss với Hohenegg và họ dành cả buổi tối để bình luận về nguồn gốc những cái tên bệnh, bằng năm thứ tiếng.

Vào khoảng giữa tháng, một điện khẩn của tập đoàn quân được chuyển đến làm rõ tình hình hơn một chút. Quả thực Führer đã thông qua việc thiết lập ở vùng Kouban-Caucase một nền hành chính quân sự, dưới quyền kiểm soát của OKHG A do General der Kavallerie Ernst Köstring đứng đầu. *Ostministerium* đặt một công chức cao cấp ở chính quyền này, nhưng việc lập thành Reichskommissariat bị lùi lại vô thời hạn. Đáng kinh ngạc hơn nữa, OKH đã ra lệnh cho OKHG A lập ra các đơn vị lãnh thổ tự trị cho người Côdăc và những dân tộc miền núi khác; các nông trường tập thể sẽ bị giải tán, lao động ép buộc bị cấm: hoàn toàn ngược lại với chính sách của chúng tôi ở Ukraine. Tôi thấy điều này quá thông minh để có thể là sự thật. Tôi phải lên ngay Vorochilovsk để tham dự một cuộc họp: HSSPF muốn thảo luận về các chỉ thị mới. Tất cả chỉ huy của các Kommando đều có mặt, phần lớn cùng với người phó của mình. Korsemann có vẻ lo lắng. "Điều rắc rối là Führer đã ra quyết định này vào đầu tháng Tám; nhưng bản thân tôi đến ngày hôm qua mới được thông báo. Thật là không thể hiểu được." – "Chắc bên OKH lo SS nhúng mũi vào," Bierkamp lên tiếng. – "Nhưng tại sao mới được chứ? Korsemann tỏ vẻ phàn nàn. Sự hợp tác của chúng ta rất tốt đẹp cơ mà." – "SS đã bỏ ra rất nhiều thời gian để xây dựng mối quan hệ tốt đẹp với Reichskommissar được chỉ định. Lúc này, toàn bộ công việc đó đã bị đổ xuống sông xuống biển." – "Ở Maikop, Schulz, người thay thế Braune, bị đặt biệt danh là Eisbein-Paule vì thân hình to béo, nói xen vào. Người ta nói rằng Wehrmacht sẽ

giữ quyền kiểm soát các địa điểm khai thác dầu mỏ." – "Tôi cũng xin lưu ý ông, Herr Brigadeführer, Bierkamp quay sang Korsemann, rằng nếu các "chính quyền tự trị địa phương" được thành lập, họ cũng sẽ nắm lấy quyền kiểm soát cảnh sát trong địa phận của mình. Theo quan điểm của chúng ta, điều đó là không thể chấp nhận được." Cuộc tranh luận tiếp tục theo lối đó thêm một lúc nữa; có vẻ như là mọi người đều cho rằng SS đã thực sự bị lu mờ. Cuối cùng người ta cũng cho chúng tôi đi và yêu cầu phải thu thập càng nhiều thông tin càng tốt.

Ở Piatigorsk, tôi bắt đầu xây dựng những mối quan hệ ở mức độ vừa phải với các sĩ quan của Kommando. Hohenegg đã đi, và, ngoài các sĩ quan của Abwehr, tôi gần như chỉ gặp một mình Voss. Tối đến, thỉnh thoảng tôi gặp các sĩ quan SS ở phòng giải trí. Dĩ nhiên là Turek không nói chuyện với tôi; còn về phía tiến sĩ Müller, kể từ khi tôi nghe ông ta giải thích công khai rằng ông ta không thích chiếc cam nhông hơi ngạt, mà thấy việc hành quyết bằng các đội xử bắn *gemütlich* hơn, tôi đã quyết định rằng giữa hai chúng tôi không còn gì nhiều để nói với nhau nữa. Nhưng trong số các sĩ quan cấp thấp cũng có những người khá khẩm, ngay cả khi họ thường xuyên rất nhàm chán. Một tối, trong lúc tôi đang uống một cốc cognac với Voss, Obersturmführer tiến sĩ Kern tiến lại gần và tôi mời ông ta nhập hội chúng tôi. Tôi giới thiệu ông ta với Voss: "A, đây chính là nhà ngôn ngữ học của AOK mà," Kern nói. – "Hẳn nhiên rồi," Voss trả lời vẻ thích thú. – "Đúng lúc quá, Kern nói, tôi đang muốn hỏi ý kiến anh về một trường hợp đây. Người ta đã nói với tôi rằng anh biết rất rõ các dân tộc vùng Caucase." – "Một ít thì đúng," Voss công nhận. – "Giáo sư Kern giảng dạy ở München, tôi nói xen vào. Ông ấy là chuyên gia về lịch sử Hồi giáo." – "Đó là chủ đề vô cùng thú vị," Voss kêu lên. – "Vâng, tôi đã sống bảy năm ở Thổ Nhĩ Kỳ và cũng có một chút hiểu biết," Kern đáp. "Vậy thì tại sao ông lại có mặt ở đây?" – "Cũng như mọi người thôi, tôi đã bị động viên. Tôi đã là thành viên của SS và làm việc từ xa cho SD, và cuối cùng thì ở Einsatz." – "Tôi hiểu rồi. Thế còn trường hợp của ông là gì?" –

"Nguyên do bắt nguồn từ một cô gái. Tóc đỏ, rất đẹp, duyên dáng. Những bà hàng xóm của cô ta tố cáo cô ta là Do Thái. Cô ta đã trình một quyển hộ chiếu nội địa của Xô viết, làm ở Derbent, trên đó quốc tịch của cô ta được ghi là *tatka*. Tôi đã xem trong hồ sơ: theo các chuyên gia của chúng ta, người Tat được nhập chung với các *Bergjude*, Do Thái miền núi. Nhưng cô gái đã khẳng định với tôi rằng tôi nhầm và người Tat là một tộc người Thổ. Tôi đã bảo cô ta nói thử: một thứ phương ngữ kỳ lạ, hơi khó hiểu, nhưng quả đúng là tiếng Thổ. Vậy là tôi đã để cô ta đi." – "Ông còn nhớ các từ hay cách nói mà cô ta đã sử dụng không?" Ông ta bèn nói cả một loạt câu tiếng Thổ: "Không hoàn toàn đúng vậy, Voss nói, ông có chắc không?" và họ làm lại. Cuối cùng Voss tuyên bố: "Theo những gì ông nói với tôi, quả thực là có ít nhiều giống tiếng Thổ biến dạng được sử dụng ở vùng Caucase trước khi người Xô viết ấn định nền giáo dục tiếng Nga của họ. Tôi đã đọc được rằng người ta vẫn còn sử dụng thứ tiếng đó ở Daghestan, nhất là ở Derbent. Nhưng tất cả các dân tộc ở đó đều nói ngôn ngữ này. Ông có ghi lại tên cô ta không?" Kern rút một quyển sổ từ túi ra và lật giở: "Đây rồi. Tsokota, Nina Chaulovna." – "Tsokota? Voss nhăn trán hỏi lại. Nghe kỳ lạ thật đấy." – "Đó là tên chồng của cô ta," Kern giải thích. – "A, tôi hiểu rồi. Thế thì hãy nói cho tôi đã, nếu cô ta là Do Thái, ông định sẽ làm gì?" Kern có vẻ ngạc nhiên: "Thì chúng ta sẽ... sẽ..." Rõ ràng là ông ta đang do dự. Tôi nói đỡ cho ông ta: "Cô ta sẽ được chuyển đi chỗ khác." – "Tôi hiểu rồi," Voss nói. Anh suy nghĩ một lúc rồi nói với Kern: "Theo chỗ tôi được biết, người Tat có ngôn ngữ riêng của mình, một thứ phương ngữ Iran và không có gì chung với các thứ tiếng vùng Caucase hoặc Thổ hết. Có thể là có những người Tat theo đạo Hồi ở Derbent thì tôi không biết, nhưng tôi sẽ hỏi thêm." – "Cám ơn. Tôi chắc chắn là anh có lý." Kern có vẻ yên tâm; rõ ràng là ông ta không nắm bắt được sự mỉa mai trong những lời cuối cùng của Voss. Chúng tôi trò chuyện thêm một lúc nữa và ông ta cáo từ. Voss nhìn theo ông ta đi khỏi với vẻ nghĩ ngợi. "Họ hơi kỳ lạ đấy, các đồng nghiệp của anh ấy," cuối cùng anh nói. – "Thế nào cơ?"

– "Thỉnh thoảng họ hỏi những câu rất rắc rối." Tôi nhún vai: "Họ làm công việc của họ thôi." Voss lắc đầu: "Tôi thấy phương pháp của các anh hơi võ đoán. Dù sao thì cũng không phải là việc của tôi." Anh có vẻ không vui. "Khi nào thì chúng ta đến bảo tàng Lermontov đây?" tôi hỏi để chuyển chủ đề. – "Khi nào anh muốn. Chủ nhật này được không?" – "Nếu trời đẹp, anh dẫn tôi đến chỗ xảy ra cuộc đấu súng nhé."

Các thông tin đa dạng nhất, và đôi khi trái ngược nhất về chính quyền quân sự mới đổ dồn đến. General Köstring lập văn phòng ở Vorochilovsk. Đó là một sĩ quan già nua, được gọi lại sau khi đã về hưu, nhưng những người mà tôi quen ở Abwehr khẳng định rằng ông ta vẫn còn rất khỏe, và có biệt hiệu Nhà hiền triết Đạo sĩ. Ông ta sinh ra ở Matxcơva, đã chiến đấu cho Đức ở Kiev, bên cạnh Hetman Skoropadsky vào năm 1918, và đã hai lần là tùy viên quân sự của đại sứ quán Đức tại Matxcơva: do đó ông ta được coi là một trong những chuyên gia người Đức về nước Nga giỏi nhất. Oberst von Gilsa đã sắp xếp cho tôi một cuộc gặp với đại diện mới của *Ostministerium* ở chỗ Köstring, một cựu lãnh sự ở Tiflis, tiến sĩ Otto Bräutigam. Với đôi mắt kính tròn, cổ áo hồ bột, và bộ quân phục màu hạt dẻ đeo huy hiệu màu vàng của Đảng, ông ta có vẻ hơi cứng nhắc; ông ta giữ khoảng cách, gần như lạnh lùng, nhưng vẫn tạo cho tôi một ấn tượng tốt hơn hầu hết các *Goldfasan*. Von Gilsa đã nói với tôi rằng ông ta nắm giữ một vị trí quan trọng ở ban chính trị của bộ. "Tôi rất mừng vì được gặp ông, tôi nói và bắt tay ông ta. Có thể là cuối cùng ông cũng sẽ mang đến cho chúng tôi một số lời giải thích." – "Tôi đã gặp Brigadeführer Korsemann ở Vorochilovsk và tôi đã có một cuộc nói chuyện dài với ông ấy. Einsatzgruppe đã được thông báo chưa?" – "Ồ, chắc chắn rồi! Nhưng nếu ông có vài phút, tôi sẽ rất vui sướng được nói chuyện, vì tôi rất quan tâm đến những vấn đề đó." Tôi dẫn Bräutigam vào văn phòng của mình và mời ông ta uống nước; ông ta lịch sự từ chối. "Hẳn là *Ostministerium* phải rất thất vọng với quyết định không thành lập Reichskommissariat nữa phải không?" tôi bắt đầu. – "Không hề.

Ngược lại, chúng tôi cho rằng quyết định của Führer là cơ may duy nhất để sửa chữa chính sách hoàn toàn sai lầm mà chúng ta đang tiến hành tại đất nước này." – "Thế nào cơ?" – "Hẳn anh cũng thấy rằng hai Reichskommissar đang tại chức hiện nay đã được phong mà không hề hỏi ý kiến của bộ trưởng Rosenberg, và có thể nói rằng *Ostministerium* không hề kiểm soát được họ. Vì vậy không phải là lỗi của chúng tôi nếu các Gauleiter Koch và Lohse chỉ thích tự mình quyết định tất cả; trách nhiệm rơi cả lên đầu những người ủng hộ họ. Chính sách của họ bị coi là lạc hướng, khiến cho bộ phải mang tiếng là *Chaostministerium*." Tôi mỉm cười; nhưng ông ta vẫn giữ vẻ mặt nghiêm túc. "Quả thực, tôi nói, tôi đã ở Ukraine một năm, và chính sách của Reichskommissar Koch đã gây cho chúng tôi rất nhiều vấn đề. Chúng ta có thể nói rằng ông ấy là một người tuyển chọn rất tốt, nhưng là cho bọn du kích." – "Cũng giống hệt như là Gauleiter Sauckel và những kẻ săn đuổi nô lệ. Đó chính là điều mà ở đây chúng tôi cố tránh. Anh cũng thấy đấy, nếu chúng ta đối xử với các bộ tộc vùng Caucase như đã đối xử với người Ukraine, họ sẽ nổi dậy và quay trở lại núi. Nếu thế thì chúng ta sẽ không bao giờ giải quyết xong được vấn đề. Người Nga, trong thế kỷ trước, mất đến ba mươi năm mới thu phục được imam Chamil. Tuy nhiên hồi đó quân nổi loạn chỉ có vài nghìn; để chế ngự được họ, người Nga đã phải dùng đến ba trăm năm mươi nghìn lính!" Ông ta dừng lại một chút và tiếp tục: "Bộ trưởng Rosenberg, cũng như ban chính trị của bộ, ngay từ đầu chiến dịch đã định ra một đường hướng chính trị rất rõ ràng: chỉ một liên minh với các dân tộc phía Đông nằm dưới sự áp bức của Bônsêvich mới có thể cho phép nước Đức đè bẹp hoàn toàn hệ thống Stalin. Cho đến giờ, chiến lược này, tạm gọi là *Ostpolitik*, chưa hề nhận được sự hưởng ứng; Führer vẫn luôn ủng hộ những người nghĩ rằng nước Đức có thể một mình hoàn thành nhiệm vụ này, bằng cách đè nén các dân tộc mà lẽ ra nó phải giải phóng. Reichskommissar được chỉ định Schickedanz, mặc dù là bạn bè nhiều năm với bộ trưởng, có vẻ như là quá thiên về hướng đó. Nhưng những cái đầu lạnh

bên trong Wehrmacht, đặc biệt là Generalquartiermeister Wagner, muốn tránh cho Caucase khỏi lặp lại thảm họa từng xảy ra ở Ukraine. Giải pháp của họ, đặt cả vùng dưới sự kiểm soát quân sự, với chúng tôi là tốt, nhất là khi tướng Wagner đã chủ đích muốn sử dụng những người sáng suốt nhất của bộ, như sự có mặt của tôi ở đây làm chứng. Với chúng tôi cũng như với Wehrmacht, đây là một cơ hội duy nhất để chứng tỏ rằng *Ostpolitik* là chính sách duy nhất khả dĩ; nếu thành công ở đây, chúng tôi cũng sẽ có thể có khả năng sửa chữa những tổn thất gây ra ở Ukraine và ở vùng Ostland." – "Như vậy là có rất nhiều thách thức quan trọng," tôi bình luận. – "Đúng vậy." – "Và Reichskommissar được chỉ định Schickedanz đã không giận dữ quá mức vì ở xa xôi như vậy ư? Cả ông ấy cũng có những bệ đỡ chứ." Bräutigam phác một cử chỉ đầy vẻ khinh miệt; mắt ông ta sáng rực lên sau mắt kính: "Không ai hỏi ý kiến ông ấy cả. Dù thế nào đi nữa, Reichskommissar được chỉ định Schickedanz cũng quá bận rộn nghiên cứu các bản phác thảo cung điện sắp tới của ông ấy ở Tiflis rồi, và cả việc bàn luận với các phụ tá của mình về số lượng cửa giả cần làm, để có thể quan tâm, như chúng ta đang làm đây, đến các chi tiết của công việc quản lý." – "Tôi hiểu rồi." Tôi suy nghĩ một lúc: "Còn một câu hỏi nữa. Trong sự phân công đó có thể nhìn thấy được vai trò của SS và SP ở chỗ nào?" – "*Sicherheitspolizei* dĩ nhiên là có các nhiệm vụ quan trọng phải làm. Nhưng họ sẽ cần phải phối hợp chặt chẽ với các tập đoàn quân và chính quyền quân sự để không đến nỗi can thiệp thái quá. Rõ ràng là, như tôi đã gợi ý với Brigadeführer Korsemann, sẽ cần tỏ ra tương đối mềm dẻo trong quan hệ với các dân tộc thiểu số miền núi và Côdăc. Quả thực là trong số họ có những phần tử đã từng cộng tác với bọn cộng sản, nhưng chủ yếu là vì chủ nghĩa dân tộc thì đúng hơn là vì lòng tin Bônsêvich, để bảo vệ các quyền lợi của dân tộc mình. Không cần phải đối xử với họ như là với các ủy viên hoặc công chức theo Stalin." – "Thế ông nghĩ gì về vấn đề Do Thái?" Ông ta giơ tay lên: "Cái đó thì là một chuyện khác hẳn. Rõ ràng dân Do Thái là một trong những kẻ chủ chốt ủng hộ hệ thống

Bônsêvich." Ông ta đứng dậy cáo từ. "Cám ơn ông vì đã bỏ thời gian nói chuyện với tôi," tôi nói và bắt tay ông ta trên bậc thềm. – "Không dám. Tôi tin rằng việc chúng tôi có được quan hệ tốt với SS cũng như Wehrmacht là rất quan trọng. Càng hiểu nhau rõ hơn về những gì chúng ta muốn làm ở đây thì mọi chuyện sẽ càng thuận lợi hơn." – "Ông có thể chắc chắn rằng tôi sẽ viết một báo cáo theo hướng đó để gửi cho thượng cấp." – "Tốt lắm. Đây là carte-vidit của tôi. Heil Hitler!"

Voss cho rằng cuộc trò chuyện đó thật hài hước khi tôi kể lại cho anh nghe. "Đã đến lúc rồi đấy! Không gì có thể sánh nổi với sự thất bại trong tác dụng kích thích tinh thần." Chúng tôi gặp nhau như đã hẹn trước, vào Chủ nhật, lúc cuối buổi sáng, trước Feldkommandantur. Một nhóm trẻ con đang đứng túm tụm ở chỗ hàng rào chắn, say mê ngắm nhìn những chiếc mô tô và một *Schwimmwagen* hai đầu đỗ ở đó. "Bọn du kích kìa!" một lính dự bị lớn tuổi hét lên và cố hết sức mà không đuổi được chúng đi bằng những cú quật gậy; vừa bị đuổi ở phía bên này, chúng đã lại dồn tụ lại ở chỗ bên kia, và tay lính đã bắt đầu thở phì phò. Chúng tôi leo lên cái dốc cứng đanh của phố Karl-Marx, đi về phía viện bảo tàng, và tôi vừa thuật lại xong những lời của Bräutigam. "Muộn vẫn còn hơn là không bao giờ, Voss bình luận, nhưng theo tôi sẽ không có kết quả gì đâu. Chúng ta đã có quá nhiều thói quen xấu rồi. Câu chuyện chính quyền quân sự này chỉ là một khoảng giãn cách mà thôi. Trong sáu hoặc mười tháng nữa họ sẽ phải chuyển giao quyền lực, và khi đó tất cả bọn chó rừng mà người ta vẫn còn đang giữ dây buộc cổ sẽ ào tới, những Schickedanz, những Körner, Sauckel-Einsatz, và sẽ lại có một cuộc hỗn loạn nữa thôi. Vấn đề là, anh cũng thấy rõ, chúng ta không hề có truyền thống thuộc địa. Trước Thế chiến thứ nhất, chúng ta đã quản lý rất kém cỏi các vùng đất châu Phi thuộc về mình rồi. Và rồi sau đó, chúng ta không còn đất đai gì nữa cả, và chút ít kinh nghiệm thu thập được trong việc quản lý thuộc địa cũng đã mất đi. Anh chỉ cần so sánh chúng ta với người Anh thôi là đủ: hãy nhìn sự tinh tế, sự khéo léo mà họ sử dụng để

quản lý và khai thác Vương quốc của họ. Họ rất biết cách sử dụng cây gậy khi cần, nhưng trước đó bao giờ cũng dùng cà rốt để nhử cái đã, và lúc nào cũng sẽ quay trở lại ngay với cà rốt sau cú vụt gậy. Ngay cả bọn Xô viết, xét cho cùng, cũng làm mọi việc giỏi hơn chúng ta: dù có tàn bạo, chúng vẫn cứ biết cách tạo ra thứ tình cảm về một bản sắc chung, và Đế chế của chúng đứng vững được. Những đạo quân của chúng bị đánh thua liểng xiểng trên sông Terek chủ yếu là gồm người Georgia và Armenia. Tôi đã nói chuyện với các tù binh người Armenia: họ cảm thấy mình là người Xô viết và chiến đấu vì Liên Xô, không chút mặc cảm. Chúng ta không thể đem cho họ được cái gì hay hơn đâu." Chúng tôi đã đến trước cánh cửa xanh của bảo tàng và tôi gõ cửa. Sau vài phút cánh cổng có bánh xe trượt, hơi cao một chút, mở hé ra, xuất hiện một người nông dân già nua nhăn nheo đội mũ cát két, bộ râu và những ngón tay chai sạn vàng ệch đi vì *makhorka*. Ông ta nói vài câu với Voss, rồi mở rộng cánh cửa thêm ra. "Ông ta nói rằng bảo tàng đóng cửa, nhưng nếu chúng ta muốn thì vẫn có thể xem được. Vài sĩ quan Đức đang sống ở đây, trong thư viện." Cửa mở ra một cái sân lát gạch, bao quanh là những ngôi nhà diêm dúa xây kiên cố; bên phải có một tầng thứ hai xây phía trên một lán để dụng cụ, với một cầu thang lộ thiên, thư viện nằm ở đó. Phía sau là núi Matchouk, choán hết không gian, sừng sững, vài đám mây bâm vào sườn phía Đông. Bên trái, phía thấp hơn, có thể nhìn thấy một cái vườn nhỏ với những giàn nho, rồi những ngôi nhà khác mái ngói phủ rơm. Voss trèo lên các bậc thang dẫn tới thư viện. Bên trong, những dãy giá sách gỗ đánh vecni chiếm nhiều chỗ đến mức người ta chỉ còn có thể đi lại một cách khó nhọc. Ông già vẫn đi theo chúng tôi; tôi chìa cho ông ta ba điếu thuốc; khuôn mặt ông ta rạng rỡ lên, nhưng ông ta vẫn đứng gần cửa để theo dõi chúng tôi. Voss xem xét những quyển sách qua cửa kính nhưng không chạm vào vật gì. Cái nhìn của tôi dính chặt vào một bức chân dung sơn dầu nhỏ của Lermontov, nét vẽ khá tinh tế: ông được vẽ trong bộ quân phục đỏ chói đính ngù vai và những mảnh vải thêu nhỏ dát vàng, đôi môi ẩm ướt, đôi mắt

không hiểu sao lại có vẻ rất lo lắng, đang ở chính giữa cơn giận dữ, nỗi sợ, hoặc một sự chế giễu nặng nề. Trong một góc nhà khác có treo một bức chân dung khắc gỗ, ở phía dưới tôi khó nhọc đoán nghĩa một dòng chữ viết bằng chữ cái Kirin: đó là Martynov, kẻ đã giết Lermontov. Voss đang cố mở một cửa kính, nhưng nó đã bị khóa lại. Ông già nói với vào câu gì đó và hai người nói chuyện với nhau một lúc. "Người trông coi bảo tàng đã chạy trốn, Voss dịch cho tôi nghe. Một trong các nhân viên nữ có chìa khóa, nhưng hôm nay bà ta lại không có ở đây. Tiếc thật, có bao nhiêu là thứ đẹp." – "Thì anh sẽ quay trở lại." – "Chắc chắn rồi. Đến đây, ông ta sẽ mở cửa cho chúng ta vào nhà Lermontov." Chúng tôi đi qua cái sân và khu vườn nhỏ để đến được dãy nhà thấp. Ông già đẩy cánh cửa; bên trong rất tối, nhưng ánh sáng chiếu từ chỗ cửa mở vào cho phép nhìn thấy được lờ mờ. Những bức tường được quét vôi trắng, đồ đạc đơn giản; có những tấm thảm phương Đông rất đẹp và những thanh gươm Caucase treo trên đinh. Một divăng hẹp có vẻ không mấy êm ái. Voss dừng lại trước một cái bàn làm việc lấy ngón tay vuốt ve. Ông già lại giải thích điều gì đó. "Ông ấy đã viết *Một anh hùng thời đại* trên cái bàn này," Vos tư lự dịch ra. – "Ở ngay đây à?" – "Không, ở Saint-Pétersbourg. Khi bảo tàng được thành lập, chính phủ đã cho chuyển cái bàn đến đây." Không còn gì khác để xem cả. Bên ngoài, những đám mây che kín mặt trời. Voss cám ơn ông già và tôi cho ông ta thêm vài điếu thuốc nữa. "Phải quay trở lại khi có người có khả năng giải thích tất cả, Voss nói. À, anh nói khi ra đến cửa, tôi quên nói với anh: giáo sư Oberländer đang ở đây." – "Oberländer? Nhưng tôi biết ông ấy mà. Tôi đã gặp ông ấy ở Lemberg, hồi đầu chiến dịch." – "Thế thì càng tốt. Tôi đang định rủ anh ăn tối cùng ông ấy." Trên phố, Voss rẽ sang trái, về phía lối đi lớn lát đá bắt đầu từ pho tượng Lênin. Con đường đi mãi lên cao, tôi đã bắt đầu thở không ra hơi. Thay vì rời khỏi lối đi ở đoạn Cây đàn phong cầm Éolie và hành lang Hàn lâm, Voss lại tiếp tục đi thẳng, dọc theo núi Matchouk, trên một con đường rải nhựa mà tôi chưa bao giờ đặt chân đến. Bầu trời tối sầm lại nhanh

chóng và tôi nghĩ rằng sắp có mưa. Chúng tôi đi qua vài khu điều dưỡng, rồi hết đường rải nhựa và chúng tôi đi tiếp trên một con đường nền đất nện rộng rãi. Nơi này ít người lai vãng: một người nông dân ngồi trên xe đi ngang qua chúng tôi trong tiếng lanh canh của bộ yên cương, hòa lẫn với những tiếng kêu của con bò và tiếng nghiến ken két của bánh xe được lắp không chỉnh lắm; phía sau, con đường vắng tanh. Xa hơn một chút, về bên trái, một vòm cổng bằng gạch mở vào sườn núi. Chúng tôi tiến lại gần, mắt nheo lại để có thể nhìn được trong bóng tối; một cánh cửa sắt dày, đang bị khóa, chặn lối vào đường hầm. "Đây là Proval, Voss cho biết. Ở trong cùng có một cái hang lộ thiên, với một dòng suối nước khoáng." – "Có phải đây chính là nơi Petchorine gặp Véra không?" – "Tôi không chắc lắm. Tôi cứ nghĩ là trong cái hang ở phía dưới, đoạn Cây đàn phong cầm Éolie chứ?" – "Sẽ phải kiểm tra lại." Những đám mây bay ngay qua trên đầu chúng tôi: tôi có cảm giác khi giơ tay lên tôi có thể vuốt ve được những đám bông bằng hơi đó. Hoàn toàn không thể nhìn thấy bầu trời được nữa và không khí bắt đầu trở nên êm dịu, tĩnh lặng. Bước chân của chúng tôi kêu lên rin rít trên cái nền đầy cát; con đường hơi dốc lên một chút; và những đám mây nhanh chóng bao quanh chúng tôi; không khí có vẻ ngột ngạt, thế giới đã biến mất. Từ xa, tiếng kêu của một con chim cu vang lên trong rừng, một tiếng gọi lo lắng và buồn thảm. Chúng tôi im lặng bước đi. Cứ thế một lúc lâu. Đây đó, tôi nhìn thấy những hình khối lớn mờ ảo sẫm màu, chắc là các tòa nhà; rồi lại là rừng. Những đám mây đang tan đi, qua bóng u ám đang lóe lên một ánh sáng run rẩy và đột nhiên chúng tã ra và tản mát đi mất, và chúng tôi lại ở dưới mặt trời. Cuối cùng trời không mưa. Bên phải chúng tôi, phía bên ngoài đám cây cối, nghiêng nghiêng những hình thù nham nhở của núi Beshtau; thêm khoảng hai mươi phút đi bộ nữa chúng tôi đến được chỗ bức tượng. "Chúng ta đã đi vòng khá xa, Voss nói. Đi theo triền bên kia nhanh hơn nhiều." – "Đúng, nhưng cũng đáng công đấy chứ." Bức tượng, một cột tháp màu trắng dựng lên giữa bãi cỏ không được chăm sóc, không mấy thú vị: trước cái đề co đã bị

lòng thương hại tư sản nhão nặn này, thật khó mà tưởng tượng ra những phát súng, máu, những tiếng kêu khản giọng, cơn giận dữ của nhà thơ bị bắn gục. Xe cộ Đức đỗ trên bãi; phía dưới, trước rừng, người ta đã đặt những cái bàn và ghế băng, nơi đám lính đang ăn uống. Để được yên tâm, tôi đến xem tấm bảng đồng và dòng chữ viết trên tượng. "Tôi đã nhìn thấy một bức tượng dựng tạm vào năm 1901, Voss nói. Một kiểu đình bán nguyệt đầy phóng túng bằng gỗ và thạch cao, trên đỉnh là một hình bán thân, rất cao. Nhìn vui hơn nhiều." – "Hẳn là họ đã có khó khăn về tiền. Chúng ta đi ăn chứ?" – "Phải đấy, ở đây có chachlik rất ngon." Chúng tôi đi qua bãi và xuống chỗ những cái bàn. Hai cái xe mang phù hiệu chiến thuật của Einsatzkommando; tôi nhận ra nhiều sĩ quan ở một cái bàn. Kern lấy tay vẫy chúng tôi và tôi vẫy tay chào lại, nhưng không đến tận nơi để chào. Có cả Turek, Bolte, Pfeiffer. Tôi chọn một cái bàn hơi khuất một chút, gần khu rừng, với những cái ghế thấp thô mộc. Một người miền núi đội mũ có chỏm, hai bên má cạo không kỹ xung quanh một bộ ria rậm rạp, tiến lại gần: "Không có thịt lợn, Voss nói. Chỉ có thịt cừu thôi. Nhưng có vodka và *kompot*." – "Thế là tốt lắm rồi." Tiếng người ồn ào vẳng đến từ những cái bàn khác. Cũng có các sĩ quan cấp thấp của Wehrmacht và vài người dân thường. Turek nhìn chúng tôi, rồi tôi thấy ông ta nói chuyện hăng hái với Pfeiffer. Bọn trẻ con Digan chạy nhảy giữa những cái bàn. Một trong số chúng lại gần bàn chúng tôi: "*Khleb, khleb*", nó lẩm bẩm và chìa một bàn tay đen đúa ra. Người miền núi đã mang đến cho chúng tôi bánh mì và tôi chìa cho nó một lát, mà nó nhét ngay vào miệng. Rồi nó chỉ tay vào rừng: "*Sestra, sestra, dyev. Krasivaia.*" Nó phác một động tác tục tĩu. Voss phá lên cười và ném cho nó một câu nói khiến nó chạy biến. Nó đi về phía các sĩ quan SS và lặp lại động tác của mình. "Anh có nghĩ là họ sẽ đi không?" Voss hỏi. – "Không phải là trước mặt mọi người như thế này đâu," tôi khẳng định. Quả thực, Turek vung tay đánh một cú làm thằng bé ngã bay ra cỏ. Tôi thấy ông ta làm ra vẻ sắp rút súng; thằng bé vội chạy trốn vào đám cây. Người đàn ông miền núi, đang làm việc

sau một cái két dài bằng kim loại có chân, trở lại chỗ chúng tôi với hai xiên thịt và đặt chúng lên bánh mì; rồi ông ta mang đồ uống và cốc lại. Rượu vodka vô cùng hợp với thịt đẫm nước xốt và chúng tôi uống nhiều cốc liền, sau đó là đến *kompot*, một thứ nước quả ép. Mặt trời chiếu xuống bãi cỏ sáng bừng, những cây thông thanh mảnh, bức tượng và triền đốc núi Matchouk ở đằng sau tất cả những cái đó; những đám mây đã biến mất hoàn toàn ở phía sườn bên kia. Tôi lại nghĩ đến Lermontov nằm hấp hối trên bãi cỏ cách đó vài bước chân, ngực bị xuyên thủng, vì một câu nhận xét vu vơ về quần áo của Martynov. Khác hẳn với nhân vật Petchorine của ông, Lermontov đã bắn lên trời; nhưng đối thủ của ông thì không. Martynov có thể nghĩ đến điều gì khi nhìn cái xác của kẻ thù? Bản thân ông ta cũng muốn trở thành nhà thơ, và chắc chắn ông ta đã đọc *Một anh hùng thời đại*; hẳn ông ta đã có thể nếm những tiếng dội cay đắng và những đợt sóng chậm rãi của một huyền thoại đang sinh ra, ông ta cũng biết rằng tên của mình sẽ chỉ còn được biết đến như tên của kẻ đã giết chết Lermontov, một Anthès thứ hai quấy nhiễu văn học Nga. Tuy nhiên, hẳn là khi dấn thân vào cuộc đời ông ta phải còn có những tham vọng khác nữa; cả ông ta nữa, ông ta cũng muốn làm, và làm tốt. Có thể chỉ đơn giản là ông ta ghen tị với tài năng của Lermontov chăng? Cũng có thể là ông ta muốn được nhớ đến vì điều xấu xa mà ông ta làm, thà vậy còn hơn là không có gì, chăng? Tôi có sức nhớ lại chân dung ông ta nhưng không nổi. Còn Lermontov? Ý nghĩ cuối cùng của ông, khi ông bắn hết đạn trong khẩu súng của mình lên trời và thấy Martynov đang chĩa thẳng súng vào mình, liệu nó có cay đắng, tuyệt vọng, điên giận, mỉa mai không? Hay ông ta chỉ đơn giản nhún vai, và ngắm nhìn ánh sáng mặt trời trên những cây thông? Cũng như với Pouchkine, người ta kể rằng cái chết của ông là một trò dàn cảnh, một cuộc giết người được đặt hàng; nếu quả là như vậy, hẳn là ông đã mở to mắt mà đi đến đó, vui sướng, khác hoàn toàn so với Petchorine. Điều Blok từng viết về Pouchkine hẳn là còn đúng hơn trong trường hợp của ông: *Không phải phát đạn của Dantès đã giết*

ông, mà là sự ngạt thở. Cả tôi nữa, tôi cũng ngạt thở, nhưng mặt trời và món chachlik, và lòng tốt rạng ngời của Voss, cho phép tôi thở được một lúc. Chúng tôi trả tiền cho người đàn ông miền núi bằng những đồng *carbovanet* được dùng trong thời gian chiếm đóng này và quay trở lại con đường dọc theo núi Matchouk. "Tôi đề nghị chúng ta qua nghĩa trang cũ một lát, Voss lên tiếng. Có một tấm bia ở nơi chôn cất Lermontov." Sau cuộc đấu súng, bạn bè ông đã chôn ông ngay tại chỗ; một năm sau, tức là một trăm năm trước khi chúng tôi đến Piatigorsk, bà ngoại ông đã đến tìm hài cốt của ông và mang về nhà mình, gần Penza, để chôn bên cạnh mộ mẹ ông. Tôi vui sướng nhận lời đề nghị của Voss. Hai chiếc xe ôtô chạy vượt qua chúng tôi trong một làn bụi mù mịt: các sĩ quan của Kommando đang quay về. Turek đích thân lái chiếc đầu tiên; cái nhìn đầy căm hận của ông ta, mà tôi nhìn thấy qua cửa kính, khiến cho ông ta quả thực có dáng vẻ của một tên Do Thái. Đoàn xe nhỏ bé tiếp tục đi thẳng nhưng chúng tôi rẽ sang trái, đi hết một con đường dài cắt ngang dẫn lên sườn núi Matchouk. Sau bữa ăn, rượu vodka, mặt trời, tôi cảm thấy người nặng nề; rồi tôi bị nấc và vội rời khỏi đường để chạy vào rừng. "Ổn chứ?" Voss hỏi khi tôi quay lại. Tôi phác một cử chỉ mơ hồ và châm một điếu thuốc. "Không sao đâu. Dị chứng một thứ bệnh mà tôi mắc phải từ hồi ở Ukraine thôi. Thỉnh thoảng cứ bị lại." – "Anh phải đi khám bác sĩ thôi." – "Có thể. Hình như bác sĩ Hohenegg cũng sắp quay lại đây, tôi sẽ xem sao." Voss đợi tôi hút xong điếu thuốc, rồi bước theo sau. Tôi thấy nóng nên bỏ mũ calô và áo varoi. Lên đến đỉnh gò đất, con đường vẽ nên một vòng tròn lớn từ đó nhìn xuống người ta thấy được một quang cảnh tuyệt đẹp của thành phố và bình nguyên phía xa. "Nếu cứ đi thẳng, chúng ta sẽ quay trở lại các khu điều dưỡng, Voss nói. Để đến chỗ nghĩa trang, chúng ta có thể đi theo những khu vườn này." Sườn dốc cứng, cỏ héo úa, trồng đầy cây ăn quả; một con lừa buộc vào một sợi dây, đang dũi mõm xuống đất tìm táo rơi. Chúng tôi đi xuống, đường hơi trơn một chút, rồi đi cắt ngang một khu rừng khá rậm và nhanh chóng lạc đường. Tôi mặc lại áo

varơi vĩ bị cành cây và những cành cây ngấy chọc vào tay. Cuối cùng, theo sau Voss, tôi bước ra một khoảnh rừng thưa nhỏ chạy dọc theo một bức tường bằng đá trát xi măng. "Chắc là đây rồi, Voss nói. Chúng ta sẽ đi một vòng." Kể từ khi những chiếc xe đi vượt qua, chúng tôi chưa nhìn thấy người nào, tôi có cảm giác đang bước trên vùng nông thôn hoang vắng; nhưng đi thêm vài bước nữa thì một thằng bé con, chân trần và dắt theo một con lừa, đi ngang qua mà không nói năng gì. Men theo bức tường, cuối cùng chúng tôi đến một quảng trường nhỏ, trước một nhà thờ chính giáo. Một bà già vận đồ đen, ngồi trên một cái thùng, bán vài bông hoa; những người khác từ nhà thờ đi ra. Bên kia cánh cổng, những ngôi mộ nằm rải rác dưới hàng cây cao phủ bóng xuống cái nghĩa trang dốc thoải. Chúng tôi đi theo một lối đi dốc lên, lát những viên đá thô ăn sâu xuống đất, giữa những nấm mồ cũ lẫn khuất trong đám cỏ khô, dương xỉ, những bụi cây gai. Những khoảng ánh sáng rơi xuống đây đó giữa đám cây cối và trên những đảo ánh sáng nhỏ đó những con bướm nhỏ màu đen và trắng đang nhảy múa quanh những bông hoa héo rũ. Rồi con đường lượn đi và những cái cây mở ra để lộ bình nguyên Tây Nam. Trong một cái hõm rào kín xung quanh, hai cây nhỏ được trồng để tỏa bóng mát xuống tấm bia đánh dấu vị trí ngôi mộ đầu tiên của Lermontov. Những âm thanh duy nhất là tiếng ve kêu và tiếng cơn gió nhẹ sột soạt trong tán lá. Gần tấm bia là mộ những người thân của Lermontov, gia đình Chan-Girei. Tôi quay đầu lại: phía xa, các *balka* dài màu xanh lá cây thụt xuống trên bình nguyên cho đến tận những dãy núi đá đầu tiên. Những cái ụ đất vùng núi lửa trông giống những mô đất từ trên trời rơi xuống; xa xa, tôi thấp thoáng nhìn thấy tuyết trên đỉnh Elbrous. Tôi ngồi xuống bậc thang dẫn lên tấm bia, trong khi Voss đi tìm kiếm cách đó một quãng, lại thêm một lần nữa nghĩ đến Lermontov: cũng như tất cả các nhà thơ, trước tiên họ giết ông, rồi sau đó thờ kính ông.

Chúng tôi trở xuống thành phố bằng *Verkhnii rynok*, nơi những người nông dân đang hoàn thành việc chất gà quế, trái cây và rau cỏ không bán được xe bò hoặc trên lưng lừa. Xung quanh

rải rác đám người bán hạt hướng dương và đánh giày; mấy thằng bé ngồi trên những cái xe vá víu với những thanh gỗ và bánh xe cút kít chờ đợi một người lính chậm chân đến thuê chở đống đồ đạc của mình. Dưới chân đồi, trên đại lộ Kirov, những hàng cửa thập mới chạy thẳng hàng trên một gò đất có một bức tường bao quanh: công viên nhỏ xinh đẹp nơi đặt bức tượng Lermontov đã được chuyển thành nghĩa trang cho lính Đức. Đại lộ, theo hướng công viên Tsvetnik, chạy qua trước đống đổ nát của nhà thờ lớn chính giáo cổ, bị NKVD cho nổ tung vào năm 1936. "Anh có nhận thấy không, Voss vừa nói vừa chỉ những mẩu đá vụn, họ đã không chạm vào nhà thờ Đức. Người của chúng ta vẫn đến đó để cầu nguyện." – "Đúng vậy, nhưng họ đã giết sạch ba làng của các *Volksdeutscher* xung quanh. Sa hoàng đã mời họ đến đây ở vào năm 1830. Năm ngoái chúng đã gửi tất cả họ đi Xibêri." Nhưng Voss vẫn nghĩ đến nhà thờ dòng Luther của mình. "Anh có biết là nó được một người lính xây không? Một người tên là Kempfer, người đã chiến đấu chống lại người Tcherkesse dưới sự chỉ huy của Evdokimov, và đã ở đây." Ở công viên, ngay sau lối vào, là một nhà trưng bày bằng gỗ hai tầng, với những tòa tháp có mái tròn kiểu chú nghĩa vị lai và một cánh cổng cao đến tầng trên. Ở đó có vài cái bàn, nơi người ta phục vụ những ai đủ sức trả tiền cà phê Thổ Nhĩ Kỳ và vài thứ đồ ngọt. Voss chọn một chỗ cạnh lối đi chính của công viên, phía trên vài nhóm ông già râu ria lưỡi cạo, quạu cọ, cãu nhàu, buổi tối thường đến chiếm mấy cái ghế băng để chơi cờ. Tôi gọi cà phê và cognac; người ta cũng mang đến cho chúng tôi mấy cái bánh ngọt vị chanh; cognac được mang từ Daghestan đến và có vẻ ngọt hơn rượu Armenia, nhưng lại rất hợp với bánh ngọt và tâm trạng vui vẻ của tôi. "Công việc của anh thế nào?" tôi hỏi Voss. Anh mỉm cười: "Tôi vẫn chưa tìm được người Oubykh nào để nói chuyện; nhưng tôi đã có những tiến bộ đáng kể với tiếng Kabarde. Điều mà tôi thực sự chờ đợi là người ta chiếm được Ordjonikidze." – "Tại sao?" – "À, thì tôi đã giải thích với anh rằng các thứ tiếng Caucase chỉ là chuyên ngành phụ của tôi thôi. Cái tôi thực sự quan tâm là các ngôn ngữ Ấn-

Đức, và đặc biệt hơn là ngôn ngữ nguồn gốc Iran. Và Ossète lại là một thứ tiếng Iran đặc biệt hấp dẫn." – "Như thế nào?" – "Anh biết tình hình địa lý của Ossétie rồi đấy: trong khi tất cả những người nói các thứ tiếng không phải là Caucase đều ở bên rìa hoặc tại các dãy núi của vùng Caucase, họ lại sống ở khối núi đôi, ngay ở ngang đoạn dễ xâm nhập nhất, Darial, nơi người Nga đã xây dựng *Voennaia doroga* Tiflis của mình ở Ordjonikidze, trước đây là Vladikavkaz. Mặc dù những người này học theo lối trang phục và các tập quán của những người hàng xóm miền núi, thì rõ ràng đó vẫn là một sự đồng hóa sau này. Có cơ sở để nghĩ rằng người Ossétie hay người Osse là hậu duệ của người Alain và do đó là của người Scythe; nếu điều đó là chính xác, thì ngôn ngữ của họ cho thấy một dấu vết khảo cổ học sống động của ngôn ngữ Scythe. Còn có thêm một việc nữa: vào năm 1930 Dumézil đã xuất bản một tuyển tập các truyền thuyết Ossétie nói về một dân tộc kỳ lạ, á thánh, tên là người Narte. Thế nhưng Dumézil cũng cho là có một liên quan giữa những truyền thuyết này và tôn giáo Scythe đúng như Hérodote đã kể lại. Các nhà nghiên cứu Nga đã làm việc về chủ đề này từ cuối thế kỷ trước; thư viện và các viện nghiên cứu Ordjonikidze hẳn là phải đầy ắp những thứ tài liệu tuyệt vời mà ở châu Âu người ta không hề biết tới. Tôi chỉ đơn giản là hy vọng người ta sẽ không đốt hết tất cả khi tổ chức tấn công vào đó." – "Nói tóm lại, nếu tôi hiểu đúng ý anh, những người Ossétie đó là một *Urvolk*, một trong những dân tộc có nguồn gốc Aryen." – "Nguồn gốc, đó là một từ mà người ta sử dụng và sử dụng sai rất nhiều. Hãy cứ cho rằng ngôn ngữ của họ có một tính chất cổ xưa rất thú vị theo quan điểm khoa học." – "Anh muốn nói gì về từ nguồn gốc?" Anh nhún vai: "Nguồn gốc, đó là một thứ có tính huyền tưởng, một sự tự phụ mang tính tâm lý hoặc chính trị, hơn là một khái niệm khoa học. Lấy tiếng Đức làm ví dụ nhé: trong suốt nhiều thế kỷ, ngay cả trước Martin Luther, người ta vẫn cho rằng đó là một ngôn ngữ gốc, viện cớ nó không dùng đến các gốc từ vay mượn nước ngoài, khác hẳn với những thứ tiếng Latinh mà người ta lấy ra để so sánh. Một số nhà

thần học, trong cơn hoang tưởng của mình, thậm chí còn cho rằng tiếng Đức là ngôn ngữ của Adam và Eva, và rằng tiếng Hebreu được phái sinh từ đó, sau này. Nhưng đó là một lời khẳng định hoàn toàn ảo tưởng bởi vì ngay cả nếu các gốc từ là "bản địa" – trên thực tế, tất cả đều phái sinh trực tiếp từ các ngôn ngữ du mục Ấn-Âu – thì ngữ pháp của chúng ta vẫn được cấu trúc hoàn toàn dựa trên tiếng Latinh. Tuy nhiên, kho tàng tưởng tượng văn hóa của chúng ta lại bị ảnh hưởng rất nhiều bởi các ý tưởng đó, bởi tính chất đặc biệt theo đó tiếng Đức so với các ngôn ngữ châu Âu khác, có khả năng theo cách nào đó tự tạo ra cho mình một kho từ vựng riêng. Dã quá rõ rằng bất kỳ một đứa trẻ người Đức tám tuổi nào cũng biết tất cả các gốc từ của ngôn ngữ chúng ta và có thể tách ra và hiểu được bất kỳ từ nào, ngay cả những từ có tính bác học nhất, hoàn toàn trái với một đứa bé Pháp chẳng hạn, nó sẽ phải mất rất nhiều thời gian mới học được các từ "khó" phái sinh từ tiếng Hy Lạp hoặc tiếng Latinh. Mặt khác điều đó đẩy chúng ta đi rất xa trong cái ý tưởng cho rằng chúng ta được tạo ra từ chính chúng ta: *Deutschland* là đất nước duy nhất của châu Âu không được tạo thành theo lối địa lý, không mang tên một địa điểm hoặc một dân tộc như Angle hoặc Franc, đó là đất nước của "dân tộc tự mình"; *deutsch* là một dạng tính từ của từ Đức cổ *Tuits*, nghĩa là "dân tộc". Chính vì thế mà các nước láng giềng của chúng ta mỗi người gọi chúng ta theo một kiểu: *Allemand, German, Duit, Tedeschi* trong tiếng Ý cũng phái sinh từ *Tuits*, hoặc *Niemtsy* ở Nga này, từ đó có nghĩa là "Những người câm", những người không biết nói, giống hệt như từ *Barbaros* trong tiếng Hy Lạp. Và toàn bộ ý thức hệ chủng tộc của chúng ta và *völkisch* hiện nay, theo một cách nào đó, đã được dựng lên trên những sự tự phụ đó của người Đức. Cái đó, tôi phải nói thêm, không phải chỉ có ở chúng ta: Goropius Becanus, một tác giả người Flamand, vào năm 1569 đã khẳng định cùng một ý đó cho tiếng Hà Lan, mà ông ta so sánh với những cái mà ông ta gọi là *các ngôn ngữ nguồn gốc Caucase, âm đạo của các dân tộc.*" Anh phá lên cười. Tôi những muốn tiếp tục cuộc nói chuyện, nhất là

liên quan đến chủ đề các lý thuyết về chủng tộc, nhưng anh đã đứng dậy: "Tôi phải đi đây. Anh có muốn ăn tối với Oberländer nếu ông ấy rỗi không?" – "Rất sẵn lòng." – "Chúng ta hẹn gặp ở phòng giải trí nhé? Khoảng tám giờ." Anh bước xuống các bậc cầu thang. Tôi ngồi xuống lại và ngắm nhìn mấy ông già đang ngồi chơi cờ. Mùa thu đang đến gần: mặt trời đã ra đến sau núi Matchouk, nhuộm hồng trên đỉnh và chiếu xuống đại lộ phía dưới những ánh màu da cam giữa đám cây cối, cho đến tận các cửa kính và lớp vữa trát màu ghi trên các mặt tiền nhà.

Khoảng bảy giờ rưỡi tôi xuống phòng giải trí. Voss còn chưa đến và tôi gọi một cốc cognac, và mang đến một hốc tường hơi khuất một chút để ngồi uống. Một lúc sau Kern bước vào, nhìn quanh phòng, và tiến về phía tôi. "Herr Hauptsturmführer! Tôi đang tìm anh." Ông ta bỏ mũ calô và ngồi xuống, nhìn ra xung quanh; ông ta có vẻ bối rối, căng thẳng. "Herr Hauptsturmführer. Tôi muốn báo cho anh một việc mà tôi nghĩ là có liên quan đến anh." – "Vâng?" Ông ta do dự: "Người ta... Anh vẫn thường xuyên đi lại với viên Leutnant của Wehrmacht đó. Điều này... biết nói thế nào bây giờ? Điều này khiến người ta xì xào." – "Xì xào như thế nào?" – "Những lời xì xào... những lời xì xào nguy hiểm. Kiểu lời xì xào có thể đưa người ta thẳng đến trại tập trung." – "Tôi hiểu rồi." Tôi vẫn giữ bình tĩnh. "Lời xì xào theo kiểu đó có tính cờ do một loại người nào đó tung ra không?" Mặt ông ta tái hẳn đi: "Tôi không muốn nói thêm nữa. Tôi thấy điều đó là hèn hạ, nhục nhã. Tôi chỉ muốn báo cho anh để anh có thể... có thể làm thế nào đó để mọi việc không đi quá xa." Tôi đứng dậy và chìa tay cho ông ta: "Cảm ơn vì thông tin này, Obersturmführer. Nhưng những kẻ hèn hạ tung tin đồn bẩn thỉu thay vì nói thẳng vào mặt người khác, tôi khinh bỉ chúng và không quan tâm đến chúng." Ông ta nắm lấy tay tôi: "Tôi hoàn toàn hiểu phản ứng của anh. Nhưng dù sao thì cũng nên để ý." Tôi ngồi xuống, cảm thấy tức tối: bọn chúng đang muốn chơi trò này đây! Thêm nữa, chúng đã nhầm hoàn toàn. Tôi đã nói rồi: không bao giờ tôi kết thân với những người tình của mình; tình bạn thì lại là một chuyện khác

hẳn. Trên đời này tôi chỉ yêu duy nhất một người, và ngay cả khi tôi không bao giờ gặp được nàng nữa, với tôi như thế cũng đã là đủ. Thế nhưng cái đó thì những loại cặn bã như tay Turek và bạn bè của hắn sẽ không bao giờ hiểu được. Tôi quyết định sẽ trả thù; tôi còn chưa biết bằng cách nào, nhưng chắc chắn là sẽ có cơ hội. Kern là một người trung thực, ông ta đã làm đúng khi thông báo cho tôi: việc đó cho tôi thời gian để suy nghĩ.

Một lúc sau Voss đến nơi cùng Oberländer. Tôi vẫn đang chìm đắm trong suy nghĩ. "Xin chào, giáo sư, tôi nói và bắt tay Oberländer. Lâu lắm rồi không được gặp ông." – "Phải, phải, đã xảy ra quá nhiều chuyện kể từ lúc ở Lemberg. Thế còn anh chàng sĩ quan trẻ tuổi kia, người đi cùng anh ấy?" – "Hauptsturmführer Hauser? Chắc là anh ấy vẫn ở chỗ tập đoàn quân C. Đã khá lâu tôi không có tin gì của anh ấy." Tôi đi theo họ vào quán ăn và để cho Voss gọi đồ. Người ta mang ra cho chúng tôi rượu vang Kakthétie. Oberländer có vẻ mệt mỏi. "Tôi nghe nói ông đang chỉ huy một đơn vị đặc biệt mới?" tôi hỏi ông ta. – "Đúng vậy, Kommando "Bergmann". Người của tôi đều là dân miền núi Caucase hết." – "Các dân tộc nào?" Voss tò mò hỏi. – "Ồ, có tất cả. Người Karatchai và người Circassien, tất nhiên rồi, nhưng cũng có cả người Ingouche, người Avar, người Lak mà chúng tôi tuyển được trong các Stalag. Thậm chí tôi còn có một anh chàng người Svan." – "Tuyệt vời! Tôi rất muốn được nói chuyện với anh ta." – "Vậy thì anh phải đi Mozdok rồi. Họ đang bận ở đó cho các chiến dịch chống du kích." – "Ông không có tay Oubykh nào à?" tôi hỏi đùa ông ta. Voss phá lên cười. "Người Oubykh à? Không, tôi nghĩ là không? Nhưng tại sao?" Voss cố nén cười và Oberländer nhìn anh ta, vẻ bối rối. Tôi phải cố lắm mới nghiêm túc lại được và trả lời: "Đó là một sở thích của tiến sĩ Voss. Anh ấy nghĩ rằng Wehrmacht nhất thiết phải tiến hành một chính sách ủng hộ người Oubykh, để tái lập thế cân bằng tự nhiên về quyền lực giữa các dân tộc vùng Caucase." Voss, đang cố uống rượu vang, suýt nhổ bắn ra những gì vừa uống vào. Tôi cũng phải cố gắng lắm mới kìm được. Oberländer vẫn chưa hiểu gì và bắt đầu

nổi giận: "Tôi không hiểu các anh đang nói gì cả," ông ta lạnh lùng nói. Tôi cố gắng giải thích: "Đó là một dân tộc Caucase bị người Nga trục xuất. Sang Thổ Nhĩ Kỳ. Ngày xưa, họ chiếm giữ cả một phần của vùng đó." – "Người Hồi giáo à?" – "Vâng, tất nhiên rồi." – "Trong trường hợp đó, một sự ủng hộ cho những người Oubykh đó hoàn toàn phù hợp với khuôn khổ *Ostpolitik* của chúng ta." Voss, mặt đỏ lựng, đứng dậy, lúng búng một lời xin lỗi, và chạy thẳng vào nhà vệ sinh. Oberländer sửng sốt: "Anh ta bị làm sao thế?" Tôi vỗ tay vào bụng. "A, tôi hiểu rồi, ông ta nói. Ở đây bị thế là thường. Tôi đang nói đến đâu rồi nhỉ?" – "Chính sách ủng hộ Hồi giáo của chúng ta." – "Đúng rồi. Dĩ nhiên, đó là một chính sách truyền thống của Đức. Những gì chúng ta muốn hoàn thành ở đây xét về khía cạnh nào đó chỉ là một sự tiếp nối chính sách liên Hồi giáo của Ludendorff. Thông qua việc tôn trọng những đặc điểm văn hóa và xã hội của Hồi giáo, chúng ta có thể tìm được những đồng minh hữu dụng. Hơn nữa, chúng ta cũng gây ảnh hưởng được đến Thổ Nhĩ Kỳ, dù sao đó cũng vẫn là một nơi quan trọng, đặc biệt là nếu chúng ta muốn vòng tránh Caucase để đánh bất ngờ được người Anh ở Syrie và Ai Cập." Voss quay trở lại; anh có vẻ đã bình tĩnh lại. "Nếu tôi hiểu đúng, tôi nói, ý tưởng là tập hợp các dân tộc Caucase và đặc biệt là các dân tộc nói tiếng Thổ trong một phong trào Hồi giáo chống Bônsêvich khổng lồ." – "Đó là một lựa chọn, nhưng đến giờ vẫn chưa được cấp trên chấp nhận. Một số người lo ngại một sự đổi mới mang tính liên Thổ-Mông có thể cung cấp quá nhiều sức mạnh cho Thổ Nhĩ Kỳ, ở mức độ vùng, và làm chậm bước những cuộc chinh phục của chúng ta. Bộ trưởng Rosenberg nghiêng về hướng xây dựng trục Berlin-Tiflis. Nhưng cái đó thì lại là ảnh hưởng của tay Nikouradze đó." – "Vậy thì ông nghĩ gì?" – "Lúc này, tôi đang viết một bài báo về nước Đức và vùng Caucase. Có thể là anh cũng biết rằng sau khi giải tán tiểu đoàn "Nachtigall", tôi đã làm việc với tư cách là Abwehroffizier ở chỗ Reichskommissar Koch, một người bạn lâu năm từ hồi Königsberg. Nhưng gần như ông ấy không bao giờ ở Ukraine và

các thuộc hạ của ông ấy, nhất là Dargel, đã tiến hành một chính sách vô trách nhiệm. Chính vì vậy mà tôi đã đi. Trong bài báo của mình, tôi thử chứng minh rằng tại các lãnh thổ chiếm được chúng ta cần có sự hợp tác của người dân bản địa để tránh những tổn thất quá nặng nề trong cuộc tấn công và chiếm đóng. Một chính sách ủng hộ Hồi giáo hoặc ủng hộ Thổ-Mông hẳn là rất thích hợp. Dĩ nhiên là chỉ có thể có một và chỉ một thế lực có được chiến thắng cuối cùng." – "Tôi lại cứ nghĩ rằng một trong những mục đích khiến chúng ta tiến vào vùng Caucase là để thuyết phục Thổ Nhĩ Kỳ tham chiến ở bên phía chúng ta chứ?" – "Tất nhiên. Và nếu chúng ta đến được Iraq hoặc Iran, thì chắc chắn là họ sẽ làm vậy. Saracoglu là người thận trọng, nhưng ông ta không muốn bỏ qua cơ hội lấy lại đất đai cũ của Ottoman đâu." – "Nhưng điều đó không làm ông ta giẫm chân lên *Grossraum* của chúng ta chứ?" tôi hỏi. – "Không hề. Chúng ta hướng đến một Đế chế lục địa: chúng ta không hề có lợi ích hay phương tiện để với tay đến những nơi quá xa xôi. Chúng ta sẽ giữ lại những vùng sản xuất dầu mỏ ở Vịnh Ba Tư, dĩ nhiên rồi, nhưng chúng ta cũng sẽ có thể trao toàn bộ phần còn lại của Cận Đông thuộc Anh cho Thổ Nhĩ Kỳ." – "Thế Thổ Nhĩ Kỳ sẽ phải làm gì cho chúng ta để đổi lại?" Voss hỏi. – "Nó có thể sẽ rất hữu ích cho chúng ta. Xét về mặt chiến lược, nó có một vị trí then chốt. Nó có thể dùng làm căn cứ thủy quân và bộ binh, cho phép chúng ta chấm dứt sự hiện diện của người Anh ở Trung Đông. Nó cũng có thể cung cấp quân lính cho mặt trận chống Bônsêvich." – "Đúng, tôi nói, chẳng hạn như là nó có thể gửi cho chúng ta một trung đoàn lính Oubykh." Voss lăn ra cười không nén nổi. Oberländer nổi cáu: "Mấy câu chuyện về người Oubykh này là thế nào đây? Tôi không hiểu." – "Tôi đã nói với ông rồi, đó là một điều ám ảnh của tiến sĩ Voss. Anh ấy thấy tuyệt vọng vì đã viết hết báo cáo này đến báo cáo khác nhưng không ai trong số chỉ huy chịu tin vào tầm quan trọng chiến lược của người Oubykh. Ở đây, họ chỉ quan tâm đến người Karatchai, người Kabarde và người Balkar thôi." – "Nhưng vậy thì tại sao anh ta lại cười?" – "Vâng, Doktor Voss, tại sao anh lại

cười? tôi hỏi với dáng vẻ hết sức nghiêm túc. Chắc là vì căng thẳng đầu óc quá đấy, tôi nói với Oberländer. Cầm lấy này, Doktor Voss, uống thêm rượu vang nữa đi." Voss uống một chút và cố sức tự chủ. "Tôi, Oberländer tuyên bố, tôi không biết nhiều về vấn đề này lắm để có thể phán xét." Ông ta quay sang Voss: "Nếu anh có các báo cáo về những người Oubykh đó, thì tôi sẽ rất vui mừng được đọc chúng." Voss vội vàng gật đầu lia lịa: "Doktor Aue, anh nói, tôi sẽ rất biết ơn nếu anh chuyển giùm chủ đề cho." – "Như anh muốn thôi. Dù sao thì các món cũng đang đến đây rồi." Người ta phục vụ chúng tôi. Oberländer có vẻ tức giận; mặt Voss đỏ phừng phừng. Để tiếp tục cuộc nói chuyện, tôi hỏi Oberländer: "Các *Bergmann* của ông có hiệu quả trong cuộc chiến đấu chống du kích không?" – "Trên núi, họ là những người rất đáng gờm. Một số ngày nào cũng mang về cho chúng tôi đầu hoặc tai người. Ở đồng bằng thì họ cũng không hơn lính của chúng ta bao nhiêu đâu. Họ đã đốt nhiều ngôi làng xung quanh Mozdok. Tôi cố gắng giải thích cho họ rằng cứ gặp là đốt như vậy thì cũng không phải là hay, nhưng giống như là họ bị mê lú rồi ấy. Và rồi còn có những vấn đề về kỷ luật khá nghiêm trọng: nhất là đào ngũ. Có vẻ như là nhiều người trong số họ chỉ đi lính để nhằm được về nhà; kể từ khi chúng tôi đến vùng Caucase, họ không còn bỏ trốn nữa. Nhưng tôi đã cho xử bắn tất cả những kẻ bị bắt lại trước mặt những người khác: tôi tin rằng việc này đã làm họ bình tĩnh lại một chút. Và rồi tôi có rất nhiều người Tchétchénie và Daghestan, đất nước của họ vẫn nằm trong tay quân Xô viết. À, các anh đã nghe nói đến một cuộc nổi dậy ở Tchétchénie chưa? Ở vùng núi." – "Có những tin đồn, tôi đáp. Một đơn vị đặc biệt trực thuộc Einsatzgruppe sẽ tìm cách thả tình báo xuống để liên lạc với những người nổi dậy." – "A, chuyện thú vị đây, Oberländer nói. Có vẻ như là có rất nhiều trận đánh, và sự đàn áp rất khốc liệt. Chuyện đó có thể sẽ tạo ra nhiều cơ hội cho quân chúng ta. Làm thế nào để tôi có thể biết thêm thông tin [illegible]?" – "Tôi khuyên ông đến hỏi Oberführer Bierkamp, ở [illegible]chilovsk." – "Tốt lắm. Thế còn ở đây? Các anh có nhiều vấn

đề với bọn du kích không?" – "Không nhiều lắm đâu. Có một nhóm gần Kislovodsk. Phân đội "Lermontov". Hình như ở đây có cái mốt gì cũng đặt tên là Lermontov thì phải." Voss cười, lần này đã bình thường trở lại: "Chúng có táo tợn không?" – "Không thực sự. Chúng bám chặt lấy người dân miền núi, chúng sợ phải đi xuống. Chủ yếu là chúng cung cấp thông tin cho bọn Đỏ. Chúng sai bọn trẻ con đi đếm số lượng mô tô và cam nhông dựng trước Feldkommandantur, chẳng hạn thế." Chúng tôi đã ăn xong; Oberländer vẫn nói tiếp về *Ostpolitik* của chính quyền quân sự mới: "Tướng Köstring là một lựa chọn rất tuyệt. Tôi nghĩ rằng với ông ấy kế hoạch này có nhiều cơ may thành công." – "Ông có biết tiến sĩ Bräutigam không?" tôi hỏi. – "Herr Bräutigam? Tất nhiên rồi. Chúng tôi thường xuyên trao đổi ý kiến với nhau. Đó là một người rất tích cực, rất thông minh." Oberländer uống xong tách cà phê và cáo từ. Chúng tôi chào nhau và Voss đi cùng ông ta ra ngoài. Tôi ngồi hút thuốc đợi anh quay trở lại. "Anh thật là tóm lợm," anh vừa ngồi xuống lại vừa nói. – "Tại sao vậy?" – "Anh biết quá rõ rồi còn gì." Tôi nhún vai: "Không đến nỗi độc ác lắm mà." – "Hẳn Oberländer phải nghĩ rằng chúng ta đã chế nhạo ông ấy." – "Thì đúng vậy mà, chúng ta đã chế nhạo ông ta. Chỉ có điều ông ta sẽ không bao giờ dám thú nhận điều đó đâu. Anh cũng biết rõ các giáo sư ngang với tôi còn gì. Nếu họ công nhận rằng mình không biết gì về vấn đề Oubykh, điều đó sẽ tổn hại đến danh hiệu "Lawrence vùng Caucase" của họ." Đến lượt chúng tôi đi ra khỏi phòng giải trí. Trời đổ một cơn mưa mảnh và nhẹ. "Đây rồi, tôi nói như thể cho chính mình. Mùa thu đến rồi." Một con ngựa buộc trước Feldkommandantur hí lên và lúc lắc bờm. Đám lính gác đã mặc lên người những chiếc áo capốt đánh xi. Trên phố Karl-Marx, nước chảy thành từng dòng nhỏ theo con dốc. Mưa nặng hạt thêm. Chúng tôi chia tay nhau trước chỗ ở và chúc nhau ngủ ngon. Trong phòng, tôi mở cái cửa sổ thấp và đứng một lúc lâu nghe tiếng nước chảy rào rào trên lá cây, trên những ô vuông của ban công, trên mái nhà lợp tôn, trên cỏ và trên mặt đất ẩm ướt.

Mưa ba ngày liên tục. Các khu điều dưỡng đầy thương binh chuyển từ Malgobek và Sagopchi về, đó là những nơi cuộc tấn công mới của chúng tôi vào Groznyi khựng lại vì vấp phải một sự kháng cự mạnh mẽ. Korsemann đến gắn huy chương cho những người lính tình nguyện Phần Lan của "Wiking", những chàng trai tóc vàng đẹp đẽ trông hơi ngốc nghếch, bị thương bởi những làn đạn trong thung lũng Juruk, dưới chân núi Nijny Kurp. Chính quyền quân sự mới của Caucase đã được thành lập. Đầu tháng Mười, theo quyết định của Generalquartiermeister Wagner, sáu *raion* Côđắc, với 160 000 dân, được nhận vị thế mới, "tự quản lý", người ta sẽ phải chính thức tuyên bố quyền tự trị của Karatchai trong một buổi lễ lớn ở Kislovodsk. Cùng với những sĩ quan SS chủ chốt khác trong vùng, tôi lại bị Korsemann và Bierkamp triệu tập đến Vorochilovsk. Korsemann lo lắng về quyền hành hạn chế của SS tại các vùng tự quản lý, nhưng muốn theo đuổi một chính sách thiên về củng cố hợp tác với Wehrmacht. Bierkamp thì lại tỏ ra tức tối; ông ta đánh giá các *Ostpolitiker* là *những tay ủng hộ Sa hoàng* và *bọn nam tước vùng Baltic*: "Cái *Ostpolitik* lừng danh này chỉ là trò khơi dậy của tinh thần Tauroggen mà thôi," ông ta tuyên bố. Khi nói chuyện riêng, Leetsch sử dụng những câu nói vòng vèo để làm cho tôi hiểu rằng Bierkamp đang sôi máu vì những con số hành quyết của các Kommando, không sao vượt quá được vài chục mỗi tuần: người Do Thái trong các vùng chiếm đóng đều đã bị thanh toán, trừ các thợ thủ công được Wehrmacht giữ lại để làm thợ đóng giày và thợ may; bọn du kích và cộng sản thì chỉ bắt được rất ít; còn các dân tộc thiểu số có lãnh thổ riêng và người Côđắc, chiếm phần lớn dân cư, giờ đây đã trở nên gần như không thể chạm tới. Tôi thấy cách suy nghĩ này của Bierkamp quá hẹp hòi, nhưng tôi có thể hiểu ông ta: ở Berlin, người ta đánh giá tính hiệu quả của các Einsatzgruppe thông qua số liệu, và một sự giảm sút có thể bị coi là do Kommandant thiếu kiên quyết. Tuy nhiên, tập đoàn quân không nằm yên thụ động. Ở Elista, vùng giáp ranh với thảo nguyên Kalmouk, người ta tạo ra một Sk "Astrachan" nhằm mục đích chiếm thành phố này;

trong vùng Krasnodar, sau khi hoàn thành tất cả các nhiệm vụ được ưu tiên khác, Sk 10a thanh toán các trại dành cho người điên, có vấn đề về đầu óc và tàn phế, chủ yếu là sử dụng xe cam nhông hơi ngạt. Ở Maikop, đại đoàn số 17 tung một cuộc tấn công về phía Touapsé, và Sk 11 đang góp sức trấn áp hoạt động du kích bùng nổ trên các vùng núi, nơi có địa hình hiểm trở và lại càng trở nên khó khăn hơn với cơn mưa dai dẳng. Ngày 10 tháng Mười, tôi kỷ niệm sinh nhật của mình ở quán ăn cùng Voss, nhưng không nói gì với anh; ngày hôm sau, chúng tôi đi cùng một bộ phận lớn của AOK đến Kislovodsk để ăn mừng Uraza Bairam, ngày chấm dứt tháng ăn chay Ramadan. Đó là một kiểu lễ khải hoàn. Trên một cánh đồng lớn ở bên ngoài thành phố, imam của người Karatchai, một ông già mặt mũi nhăn nheo có giọng nói cương quyết và rõ ràng, cử hành một buổi lễ cầu nguyện tập thể dài; đối diện với những ngọn đồi gần đó, hàng trăm cái mũ cát kết, mũ chỏm, mũ rộng vành hoặc mũ bonnê lông, hàng ngũ san sát, cúi rạp người xuống mặt đất và đứng dậy theo nhịp điệu bài hát. Sau đó, trên một cái bục treo cờ Đức và Hồi giáo, Köstring và Bräutigam, giọng nói được kích âm lượng bằng một cái loa của PK, tuyên bố thành lập Tỉnh tự trị Karatchai. Những tiếng hoan hô và tiếng súng chào đón mỗi câu nói. Voss, hai tay chắp sau lưng, dịch bài diễn văn của Bräutigam; Köstring đọc thẳng bài diễn văn của mình bằng tiếng Nga, và sau đó được tung lên trời, nhiều lần liền, bởi những thanh niên hào hứng. Bräutigam đã giới thiệu cadi Bairamukov, một nông dân chống Bônsêvich, là người đứng đầu tỉnh mới: ông già, mặc một chiếc *tcherkesska* và một *bechmet* và đội một cái *papakh* rất to bằng lông cừu trắng, trang trọng cảm ơn nước Đức vì đã cứu người Karatchai khỏi ách áp bức Nga. Một thằng bé dẫn đến trước bục phát biểu một con ngựa trắng tuyệt đẹp của vùng Bakardie, lưng phủ một sumak Daghestan màu sắc tươi sáng. Con ngựa giữ giữ bờm, ông già giải thích rằng đó là một món quà của dân tộc Karatchai cho lãnh tụ nước Đức, Adolf Hitler; Köstring cảm ơn ông ta và đảm bảo với ông ta rằng con ngựa sẽ được gửi đến cho

Führer, ở Vinnitsa bên Ukraine. Khi đó những chàng trai người miền núi trong trang phục truyền thống công kênh Köstring và Bräutigam trên vai trong tiếng hò reo của mọi người, tiếng la hét của phụ nữ, và những tràng đạn của các khẩu súng chất lượng tồi. Voss, mặt đỏ lên vì thích thú, vui vẻ đứng nhìn cảnh tượng ấy. Chúng tôi đi theo đám đông: ở cuối cánh đồng, một đội quân nho nhỏ toàn phụ nữ đang chất đầy đồ ăn lên những cái bàn dài đặt dưới các ôvăng. Một khối lượng lớn đến khó tưởng tượng thịt cừu, dọn ra cùng với nước canh, ninh trong các chảo gang lớn; cũng có thịt gà hầm, tỏi hăng, trứng cá và *manti*, những loại bánh bột Caucase; những người phụ nữ Karatchai, một số vui vẻ và tươi cười, không ngừng đặt thêm các đĩa thức ăn mới trước mặt khách khứa; những chàng trai trẻ vẫn túm tụm lại ở một bên, hăng hái thì thào với nhau, trong khi những người lớn tuổi hơn ngồi ăn. Köstring và Bräutigam ngồi dưới một cái lọng cùng các trưởng lão, trước con ngựa vùng Kabardie mà người ta có vẻ quên mất, đang kéo sợi dây buộc cổ, gí mũi hít ngửi các đĩa thức ăn dưới những tràng cười của người ở đó. Các nhạc sĩ người miền núi hát những bài ca dài đệm bằng thứ nhạc cụ dây nhỏ bé tiếng khá sắc; sau đó, họ có thêm sự nhập cuộc của các nhạc công chơi bộ gõ và nhạc trở nên dữ tợn, điên cuồng, người ta hình thành một vòng tròn lớn và các chàng thanh niên trẻ, dưới sự hướng dẫn của một người chủ trò, nhảy điệu *lesghinka*, cao quý, tuyệt đẹp, đầy nam tính, rồi những điệu nhảy khác nữa, với dao găm, quay cuồng đến chóng mặt. Người ta không phục vụ rượu, nhưng phần lớn các khách mời người Đức, cảm thấy bức bối vì thịt và những điệu nhảy, như thể bị say hết cả, mặt đỏ lừng, mồ hôi toát đầm đìa, đầy phấn khích. Những người Karatchai hoan hô các động tác nhảy thành công nhất bằng những tràng đạn và điều đó lại càng đẩy sự phấn khích lên đến cực điểm. Tim tôi đập dồn dập; cùng với Voss, tôi giậm chân đập tay, tôi hét lên như một thằng điên trong vòng tròn khán giả. Đêm đến, người ta mang đến những ngọn đuốc và bữa tiệc tiếp tục; khi đã quá mệt, chúng tôi quay lại bàn uống trà và ăn một chút. "Các *Ostpolitiker*

đã quá thành công! tôi hết lên về phía Voss. Vụ này sẽ thuyết phục được bất kỳ ai."

Nhưng tin tức mặt trận không hề tốt đẹp. Ở Stalingrad, dù cho các bản tin quân sự ngày ngày thông báo về một cuộc tấn công mang tính quyết định, đại đoàn số 6, theo Abwehr, đã hoàn toàn sa lầy ở trung tâm thành phố. Các sĩ quan từ Vinnista trở về khẳng định rằng ở GQG ngự trị một bầu không khí nặng nề, và rằng Führer gần như không nói chuyện với các tướng Keitel và Jodl, và không cho họ ngồi cùng bàn ăn nữa. Những tin đồn u ám lan truyền trong các nhóm quân sự, mà thỉnh thoảng Voss có nói lại cho tôi: tinh thần Führer đã tê liệt, bị những cơn điên rồ bùng phát và ra những quyết định trái ngược nhau, không đầu không cuối; tướng lĩnh bắt đầu mất lòng tin. Chắc hẳn là mọi chuyện đã bị nói quá lên, nhưng tôi thấy việc những lời xì xào như vậy tràn lan trong quân đội là một điều đáng lo ngại, và tôi đã ghi việc đó vào trong báo cáo về *Tinh thần Wehrmacht* của mình. Hohenegg đã quay trở lại, nhưng cuộc hội thảo của ông được tổ chức ở Kislovodsk, và tôi không thể gặp được; sau vài ngày ông gửi một lá thư mời tôi đến ăn tối. Voss thì đến chỗ quân đoàn thiết giáp số III ở Prokhladny; von Kleist đang chuẩn bị một cuộc tấn công vào Naltchik và Ordjonikidze, và Voss ta muốn theo dõi nó thật sát sao để có thể bảo đảm an toàn được cho các thư viện và viện nghiên cứu.

Cùng sáng hôm đó, Leutnant Reuter, một phụ tá của von Gilsa, vào văn phòng của tôi: "Chúng tôi có một trường hợp kỳ lạ mà anh phải đến xem. Một lão già, tự đến trình diện một mình. Lão ta kể những chuyện kỳ lạ và nói rằng mình là Do Thái. Oberst đề nghị anh thẩm vấn lão ta." – "Nếu đó là một tên Do Thái, thì phải gửi hắn đến Kommando." – "Có thể. Nhưng anh không muốn gặp lão ta à? Tôi đảm bảo với anh là đáng ngạc nhiên lắm đấy." Một người lính cần vụ dẫn người đàn ông đến chỗ tôi. Đó là một ông già cao lớn, với một bộ râu dài màu trắng, trông vẫn còn rất trăng kiện; ông ta mặc một chiếc *tcherkesska* đen, đi bốt da mềm gắn đế gỗ của nông dân Caucase, và một cái mũ chóp

thêu đẹp đẽ, màu tím, xanh da trời và vàng. Tôi ra hiệu cho ông ta ngồi xuống và, hơi bực bội, hỏi người cần vụ: "Lão ta chỉ nói tiếng Nga thôi có phải không? *Dolmetscher* đâu rồi?" Ông già nhìn tôi với đôi mắt sắc sảo và nói một thứ tiếng Hy Lạp cổ nhấn âm một cách kỳ quặc nhưng hoàn toàn có thể hiểu được: "Tôi thấy rõ anh là một người có học. Chắc là anh phải biết tiếng Hy Lạp." Sửng sốt, tôi bảo người cần vụ đi và trả lời: "Phải, tôi biết tiếng Hy Lạp. Còn ông, làm sao mà ông lại nói được thứ tiếng đó?" Ông ta không để ý đến câu hỏi. "Tên tôi là Nahum ben Ibrahim, từ Magaramkend trong *goubernatoria* Derbent đến. Với người Nga, tôi lấy tên Chamiliev, để vinh danh Chamil vĩ đại mà cha tôi đã chiến đấu bên cạnh. Còn anh, tên anh là gì?" – "Tôi tên là Maximilien. Tôi đến từ Đức." – "Thế bố anh là ai?" Tôi mỉm cười: "Bố tôi thì liên quan gì ở đây, hả ông già?" – "Làm sao mà anh lại muốn tôi biết mình đang nói chuyện với ai nếu không biết được tên bố anh?" Tiếng Hy Lạp của ông ta, giờ đây tôi đã nghe ra, có những cấu trúc câu vô cùng bất thường; nhưng tôi vẫn hiểu được. Tôi nói tên bố tôi và ông ta có vẻ hài lòng. Rồi tôi hỏi ông ta: "Nếu bố ông từng chiến đấu cùng Chamil, thì hẳn là ông phải già lắm rồi." – "Bố tôi đã chết một cách vinh quang ở Dargo sau khi giết chết hàng chục người Nga. Đó là một người rất sùng đạo, và Chamil tôn trọng tôn giáo của ông ấy. Ông ấy nói rằng chúng tôi, các *Dagh-Chufuti*, tin vào Chúa nhiều hơn so với người Hồi giáo. Tôi còn nhớ ngày ông ấy tuyên bố điều đó trước các *murid* của mình, ở nhà thờ Vedeno." – "Không thể thế được! Ông không thể biết Chamil được. Cho tôi xem hộ chiếu của ông." Ông ta chìa cho tôi một quyển sổ và tôi lật nhanh ra xem. "Xem kìa! Ở đây viết rằng ông sinh năm 1866. Vào thời đó, Chamil đã rơi vào tay người Nga ở Kalouga rồi." Ông ta bình tĩnh nhận lại hộ chiếu và dùng tay nhét nó vào một cái túi trong. Đôi mắt ông ta dường như ánh lên vẻ hài hước và ranh mãnh. "Làm sao mà anh lại muốn rằng một *tchinovnik* nghèo khổ" – ông ta dùng từ tiếng Nga – "ở Derbent, một người thậm chí còn chưa học xong tiểu học, biết được rằng tôi sinh khi nào? Khi làm giấy tờ cho tôi anh

ta cứ ghi bừa vào là tôi bảy mươi tuổi, chẳng thêm hỏi lại tôi lấy một câu. Nhưng tôi già hơn thế nhiều. Tôi ra đời trước khi Chamil kích động các bộ tộc. Tôi đã là một người đàn ông khi bố tôi chết ở Dargo, dưới tay lũ chó Nga. Lẽ ra tôi đã phải thay chỗ ông ấy ở bên cạnh Chamil, nhưng tôi đã học Luật lệ, và Chamil nói với tôi rằng ông ấy đã có đủ chiến binh rồi, giờ đây ông ấy muốn có những con người uyên bác hơn." Tôi hoàn toàn không biết phải nghĩ gì; có vẻ như là ông ta rất tin tưởng vào những gì mình nói, nhưng thật kỳ lạ: từ đó đến giờ ít nhất là một trăm hai mươi năm đã trôi qua. "Thế còn tiếng Hy Lạp thì sao? tôi lại hỏi. Ông đã học ở đâu?" – "Daghestan không phải là nước Nga, ngài sĩ quan trẻ tuổi ạ. Trước khi người Nga chém giết họ không thương xót, những người thông thái nhất trên đời đều sống ở Daghestan, người Hồi giáo và Do Thái. Người ta đến từ Arập, từ Turkestan, và thậm chí là từ Trung Quốc để hỏi ý kiến họ. Và các *Dagh-Chufuti* không phải là những kẻ Do Thái chấy rận như ở Nga. Tiếng mẹ đẻ của tôi là tiếng Farsi, và tất cả mọi người đều nói tiếng Thổ. Tôi đã học tiếng Nga để buôn bán, bởi vì như Rabbi Eliezer đã nói, tư tưởng của Chúa không lấp đầy được cái bụng. Tiếng Arập thì tôi đã học với những imam của các medresseh ở Daghestan, và tiếng Hy Lạp, cũng như tiếng Hebreu, trong sách vở. Tôi chưa bao giờ học thứ tiếng của người Do Thái ở Ba Lan, tức là tiếng Đức, một thứ ngôn ngữ *niemtsy*." – "Như vậy ông là một bác học." – "Đừng chế giễu tôi, *meirakion*. Cả tôi nữa, tôi cũng đã đọc Platon và Aristote của anh. Nhưng tôi đã đọc chúng cùng với sách của Moïse xứ Leon, điều đó tạo ra một khác biệt rất lớn." Từ một lúc tôi đã bắt đầu nhìn chằm chằm vào bộ râu của ông ta, được tỉa vuông vắn, và nhất là cái môi trên nhẵn thín. Có điều gì đó làm tôi lấn cấn: dưới mũi ông ta, cái môi rất trơn, không có chỗ lõm vẫn thường thấy ở nhân trung. "Làm sao mà môi ông lại như thế kia? Tôi chưa bao giờ thấy thế cả." Ông ta cọ cọ tay vào môi: "Cái đó hả? Khi tôi sinh ra, thiên thần đã không đóng dấu lên môi tôi. Vì vậy, tôi còn nhớ tất cả những gì đã từng xảy ra trước đó." – "Tôi không hiểu." – "Nhưng anh là người có

học cơ mà. Tất cả những cái đó đều được viết trong Sách về việc sinh ra trẻ con thuộc các Bình luận Nhỏ trong Talmud. Đầu tiên, các ông bố bà mẹ cặp đôi với nhau. Việc này tạo ra một giọt nước và Chúa truyền tinh thần con người vào trong đó. Sau đó, cứ sáng ra thiên thần dẫn giọt nước lên Thiên đường, và buổi tối, xuống Địa ngục, rồi chỉ cho nó nơi nó sẽ sống trên mặt đất và nơi nó sẽ được chôn cất khi Chúa gọi cái tinh thần mà Người đã đặt vào trở về. Sau đó, có đoạn này. Xin thứ lỗi nếu tôi trích dẫn không chính xác, nhưng tôi phải dịch từ tiếng Hebreu mà anh không biết ra: *Nhưng thiên thần luôn luôn dẫn giọt nước vào cơ thể người mẹ của nó và vị thánh, cầu cho ngài được vinh danh, đóng lại sau lưng tất cả các cánh cửa và ổ khóa. Và vị thánh, cầu cho ngài được vinh danh, nói với nó: Ngươi sẽ đi đến đó, chứ không xa hơn nữa. Và đứa trẻ nằm trong bụng người mẹ trong vòng chín tháng.* Rồi thế này: *Đứa bé ăn tất cả những gì mà mẹ nó ăn, uống tất cả những gì mẹ nó uống và không thải ra chất bài tiết, vì nếu nó làm vậy, mẹ nó sẽ chết.* Rồi sau đó: *Và khi đến thời điểm nó được sinh ra trên đời, thiên thần hiện ra trước mặt nó và nói: Ra đi, bởi vì đã đến lúc ngươi xuất hiện trên trần thế. Và linh hồn đứa bé trả lời: Tôi đã nói trước người ở đó là tôi hài lòng với cái thế giới trong đó tôi đã sống. Và thiên thần trả lời: Thế giới mà ta dẫn ngươi tới rất đẹp. Và sau đó: Dù có muốn hay không, ngươi đã được thành hình trong cơ thể mẹ ngươi, và dù cho có muốn hay không, ngươi được sinh ra để sống trên đời. Ngay lập tức đứa trẻ sẽ bật khóc. Và tại sao nó khóc? Nguyên do là vì cái thế giới trong đó nó đã sống và nó bị buộc phải rời khỏi. Và ngay khi nó ra đến ngoài, thiên thần liền đánh nó một phát vào mũi và tắt ánh sáng trên đầu nó đi, bắt đứa trẻ phải ra đi cho nó có muốn hay không và đứa trẻ quên đi tất cả những gì mà nó đã nhìn thấy. Và ngay khi ra ngoài, nó sẽ bắt đầu khóc ngay.* Cú đập vào mũi mà cuốn sách nói đến, chính là như vậy: thiên thần đóng dấu lên môi đứa bé và cái dấu đó để lại một dấu vết. Nhưng đứa bé không quên ngay lập tức. Khi con trai tôi lên ba tuổi, cách đây đã lâu rồi, tôi bắt gặp nó trong đêm bên cạnh nôi của em gái nó: "Nói cho anh về Chúa đi," nó nói

với em gái. "Anh đang dần quên mất đây." Chính vì lẽ đó mà con người phải học lại tất cả về Chúa, và chính vì lẽ đó mà con người trở nên độc ác và chém giết lẫn nhau. Nhưng tôi, thiên thần đã để tôi ra mà không đóng dấu lên môi tôi, như anh đã thấy rồi đấy, và tôi còn nhớ được tất cả." – "Vậy thì ông vẫn còn nhớ được nơi ông từng bị chôn à?" tôi hỏi ông ta. Ông ta nở một nụ cười thật tươi: "Chính vì vậy mà tôi đến đây để gặp anh đấy." – "Thế có xa đây không?" – "Không. Tôi có thể chỉ cho anh, nếu anh muốn." Tôi đứng dậy và cầm lấy cái mũ cát kê: "Đi nào."

Ra đến ngoài, tôi yêu cầu Reuter cấp cho mình một Feldgendarm; anh ta bảo tôi đến gặp chỉ huy đại đội của mình, và ông ta chỉ định một Rottwachtmeister: "Hanning! Anh đi cùng Hauptsturmführer và làm theo những gì ông ấy nói." Hanning lấy mũ cứng và quàng lên vai khẩu súng trường; ông ta vào khoảng bốn mươi tuổi; miếng kim loại hình bán nguyệt nhảy nhót trên khuôn ngực hẹp. "Chúng ta cần một cái xẻng nữa," tôi nói thêm. Bên ngoài, tôi quay sang hỏi ông già: "Đường nào?" Ông ta giơ ngón tay chỉ về hướng Matchouk nơi đỉnh núi, đang bị vài đám mây bao quanh, như thể đang khạc ra khói: "Hướng này." Có Hanning đi theo sau, chúng tôi đi ngược lên dốc, qua các phố cho đến phố cuối cùng, chạy vòng quanh núi; ở đó, ông già chỉ sang phải, về hướng Proval. Những cây thông được trồng hai bên đường và ở một chỗ một lối đi nhỏ chạy vào đám cây. "Hướng này đây," ông già nói. – "Ông có chắc là chưa bao giờ đến đây không?" tôi hỏi. Ông ta nhún vai. Lối đi ngoằn ngoèo dẫn lên phía trên và con dốc dựng đứng. Ông già đi trước với những bước nhanh nhẹn và tự tin; phía sau, cái xẻng đặt trên vai, Hanning đang thở phì phò như một con bò. Khi ra khỏi đám cây, tôi nhìn thấy gió đã xua tan những đám mây trên đỉnh núi. Đi thêm một chút tôi quay đầu nhìn lại. Vùng Caucase trải rộng đến chân trời. Hội đêm trời đã mưa, và cơn mưa cuối cùng đã đánh bạt làn mây lúc nào cũng lơ lửng ở đây trong mùa hè, hé lộ núi non, rõ ràng, kỳ vĩ. "Thôi ngừng mơ mộng đi," tôi tiếp tục bước đi. Chúng tôi trèo lên như vậy trong vòng khoảng nửa giờ. Tim

tôi đập dồn, tôi thấy khó thở, Hanning cũng vậy; còn ông già trông vẫn tươi trẻ như một cái cây non. Cuối cùng chúng tôi đến được một dạng thềm đất cỏ mọc, chỉ cách đỉnh gần một trăm mét. Ông già tiến lên phía trước và ngắm nhìn phong cảnh. Đó là lần đầu tiên tôi thực sự nhìn thấy vùng Caucase. Dãy núi uy nghiêm chạy dài như một bức tường mênh mông hơi nghiêng, cho đến tận chân trời, có thể nghĩ rằng chỉ cần nheo mắt lại là đã nhìn được những ngọn núi đầu tiên ăn sâu xuống biển Đen, rất xa về bên phải, và bên trái, biển Caspienne. Đường bờ biển đều màu xanh, bị án ngữ bởi những đỉnh núi màu vàng nhạt, trắng nhợt; núi Elbrous trắng, một bát sữa úp ngược, phủ lên những mỏm đá; xa hơn đó một chút, ngọn Kazbek nổi bật lên phía trên Ossétie. Thật là đẹp như một câu nhạc của Bach. Tôi im lặng ngắm nhìn. Ông già chỉ tay về hướng Đông: "Phía đó chỉ sau Kazbek là đã đến Tchétchénie rồi, và sau đó là Daghestan." – "Thế còn ngôi mộ thì ở đâu?" Ông ta xem xét nền đất phẳng và đi vài bước. "Ở đây," cuối cùng ông ta nói và lấy chân giẫm xuống nền đất. Tôi lại nhìn ra những ngọn núi: "Thật là một nơi đẹp để để an táng, ông có nghĩ vậy không?" tôi nói. Ông già nở một nụ cười thật tươi, vẻ mặt vui sướng: "Đúng vậy không?" Tôi bắt đầu tự hỏi không biết liệu có phải ông ta đang chế nhạo mình. "Anh đã thực sự nhìn thấy nó chứ?" – "Tất nhiên rồi!" tôi khó chịu nói. Nhưng tôi có cảm giác là ông ta đang cười sau bộ râu của mình. "Thế thì đào đi," tôi nói – "Gì cơ? đào? Anh có thấy xấu hổ không thế, *meirakiske?* Anh biết tôi bao nhiêu tuổi rồi không? Tôi có thể là ông của ông anh đấy! Tôi thà nguyền rủa anh còn hơn là đào." Tôi nhún vai và quay sang Hanning vẫn đứng chờ ở đó với cây xẻng. "Hanning. Đào đi." – "Đào, Herr Hauptsturmführer? Đào gì cơ?" – "Một cái mộ, Rottwachtmeister. Ở đây." Ông ta hất đầu ra hiệu: "Thế còn lão già? Lão ta không thể đào được à?" – "Không. Nào, bắt đầu đi." Hanning đặt khẩu súng trường và cái mũ xuống cỏ và đi về phía chỗ đã được chỉ. Ông ta nhổ nước bọt vào lòng bàn tay và bắt đầu đào. Ông già vẫn ngắm nhìn núi. Tôi nghe thấy tiếng gió thổi rì rào, tiếng ồn mơ hồ của thành phố dưới

chân chúng tôi, tôi cũng nghe thấy tiếng xẻng đang chạm xuống đất, những mẩu đất rơi xuống, những tiếng thở nặng nhọc của Hanning. Tôi nhìn ông già: ông ta đang đứng đối mặt với núi và mặt trời, và lẩm bẩm điều gì đó. Tôi lại nhìn những ngọn núi. Những biến thể tinh tế và vô tận của màu xanh da trời điểm sắc những sườn núi hẳn có thể coi như là một dòng nhạc dài, được các ngọn núi giữ nhịp. Hanning, đã cởi phù hiệu đeo trước ngực và áo vest, đào khá có phương pháp và giờ đây đã sâu được đến đầu gối. Ông già quay về phía tôi vẻ vui sướng: "Có tiến triển không?" Hanning dừng tay đào để thở, chùi tay vào cái xẻng. "Đã đủ chưa, Herr Hauptsturmführer?" ông ta hỏi. Cái hố giờ đây đã đủ chiều dài nhưng mới sâu được nửa mét. Tôi quay sang ông già: "Thế đã đủ chưa?" – "Anh đùa đấy à? Anh không định bắt tôi nằm trong một nấm mồ của người nghèo đấy chứ, tôi đây, Nahum ben Ibrahim! Dù thế nào anh cũng không phải là một *nèpios*." – "Rất tiếc, Hanning ạ. Phải đào thêm nữa." – "Nói cho tôi đi, Herr Hauptsturmführer, ông ta hỏi tôi trước khi quay trở lại với công việc, anh đang nói với ông ta bằng thứ tiếng gì vậy? Nghe không phải tiếng Nga." – "Không, đó là tiếng Hy Lạp." – "Đó là một người Hy Lạp à?! Tôi lại cứ tưởng lão ta là người Do Thái chứ?" – "Nào, đào đi." Ông ta chửi thề và tiếp tục đào. Sau khoảng hai mươi phút ông ta lại dừng đào và thở rất mạnh. "Anh cũng biết đấy, Herr Hauptsturmführer. Thường thì phải cần đến hai người để làm việc này. Tôi có còn trẻ nữa đâu." – "Đưa xẻng cho tôi và ra khỏi đó đi." Đến lượt mình, tôi bỏ mũ và cởi áo varơi rồi thế chỗ Hanning dưới hố. Đào đất không phải là một việc mà tôi quen làm. Tôi phải mất nhiều phút mới tìm được nhịp điệu của mình. Ông già cúi xuống tôi: "Anh làm kém lắm. Người ta có thể thấy rõ rằng cả đời anh chỉ biết chúi mũi vào sách vở. Ở chỗ chúng tôi, ngay cả các rabbin cũng biết cách xây một ngôi nhà. Nhưng anh là một chàng trai tốt đấy. Tôi đã rất đúng khi nói chuyện với anh." Tôi đào, giờ đây phải hất đất lên khá cao, một phần rơi trở lại xuống hố. "Như thế này đã được chưa?" cuối cùng tôi hỏi. – "Thêm một chút nữa đi. Tôi muốn một ngôi mộ

thoải mái ngang với trong bụng mẹ." – "Hanning, tôi gọi, đến thay tôi đi." Giờ đây cái hố đã sâu ngang ngực và ông ta phải giúp tôi trèo ra. Tôi mặc lại áo và hút thuốc trong khi Hanning tiếp tục đào. Tôi lại ngắm nhìn ngọn núi, tôi ngắm mãi mà không thấy chán. Ông già cũng nhìn. "Anh biết đấy, tôi đã từng thất vọng vì không được chôn cất trong thung lũng của mình, ở gần Samur, ông ta nói. Nhưng giờ đây thì tôi hiểu rằng vị thiên thần đó đã rất khôn ngoan. Đây là một địa điểm rất đẹp." – "Phải đấy," tôi nói. Tôi nhìn sang bên: khẩu súng trường của Hanning nằm trên cỏ cạnh cái mũ của ông ta, như thể bị bỏ quên. Khi đầu Hanning chỉ còn lấp ló ngang mặt đất, ông già tuyên bố là được rồi. Tôi giúp Hanning ra khỏi hố. "Giờ thì sao?" tôi hỏi. – "Giờ thì anh phải cho tôi vào trong đó. Gì nữa? Anh không tin rằng Chúa sẽ giáng sét xuống đầu tôi à?" Tôi quay sang Hanning: "Rottwachtmeister. Mặc lại quân phục và bắn người đàn ông này đi." Mặt Hanning đỏ bừng lên, ông ta nhổ xuống đất và chửi thề. "Sao vậy?" – "Nói vô phép, Herr Hauptsturmführer, với các nhiệm vụ đặc biệt, tôi phải có lệnh của thượng cấp tôi." – "Leutnant Reuter đã đặt anh dưới quyền quản lý của tôi." Ông ta do dự: "Thôi được rồi," cuối cùng ông ta nói. Ông ta mặc lại áo vest, buộc lại phù hiệu và đội mũ sau khi đã phủi quần, và cầm lấy khẩu súng trường. Ông già đang đứng ở đầu ngôi mộ, mặt nhìn ra phía núi, và vẫn luôn mỉm cười. Hanning nâng khẩu súng lên và chĩa thẳng vào gáy ông già. Đột nhiên tôi cảm thấy hoang mang. "Đợi đã!" Hanning hạ súng xuống và ông già quay đầu về phía tôi. "Thế còn mộ của tôi, tôi hỏi ông ta, ông cũng đã nhìn thấy à?" Ông ta mỉm cười: "Phải." Hơi thở của tôi rít lên, chắc là trông tôi phải nhợt nhạt lắm, một cơn hoảng loạn mạnh mẽ xâm chiếm người tôi: "Nó nằm ở đâu?" Ông ta tiếp tục mỉm cười: "Cái đó thì tôi sẽ không nói cho anh đâu." – "Bắn đi!" tôi hét lên với Hanning. Hanning nâng khẩu súng lên và bắn. Ông già rơi như một con rối bị cắt đứt chỉ, rất gọn gàng. Tôi tiến lại gần cái hố và cúi người xuống: ông ta nằm dưới đáy như một cái túi, đầu quay sang một bên, vẫn hơi mỉm cười dưới bộ râu nhuốm máu; đôi mắt

mở to, hướng về phía vách tường, cũng đang cười. Tôi run lên. "Lấp đất lại đi," tôi lạnh lùng ra lệnh cho Hanning.

Ở chân núi Matchouk, tôi bảo Hanning về AOK và đi qua hành lang Hàn lâm đến khu tắm Pouchkine, mà Wehrmacht đã mở lại một phần cho các bệnh nhân đang hồi phục. Ở đó, tôi cởi hết quần áo và ngâm cả người xuống dòng nước bông rát, màu nâu nhạt và sủi bọt. Tôi nằm một lúc lâu dưới đó rồi tráng người dưới một vòi nước lạnh. Cách này làm cơ thể và tâm trí tôi hồi sức trở lại: đa tôi chỗ đỏ ửng lên chỗ trắng đi, tôi cảm thấy tỉnh táo, gần như là nhẹ nhõm. Tôi trở về doanh trại và nằm nghỉ một giờ, hai chân vắt chéo trên divăng, mặt nhìn ra cửa sổ thấp để mở. Rồi tôi thay quần áo và xuống AOK tìm chiếc xe ôtô mà buổi sáng tôi đã yêu cầu. Trên đường đi, tôi hút thuốc và ngắm nhìn những ngọn núi lửa, những dãy núi hiền hòa màu xanh của vùng Caucase. Bóng tối buông xuống, đã là mùa thu. Ở lối vào Kislovodsk con đường chạy qua Podkoumok; phía dưới, mấy chiếc xe bò của nông dân lội qua con sông nông choèn; cái cuối cùng, một thanh gỗ bắc lên trên những cái bánh xe, được một con lạc đà lông dài và cái cổ to tướng kéo đi. Hohenegg đang đợi tôi ở phòng giải trí. "Trông anh có vẻ rất khỏe khoắn đấy," ông nói khi nhìn thấy tôi. – "Tôi đang tái sinh. Nhưng tôi đã có một ngày rất kỳ lạ." – "Anh sẽ kể cho tôi nghe." Hai chai rượu vang trắng Palatinat đợi sẵn cạnh bàn trong mấy cái xô đá: "Tôi đã nhờ vợ tôi gửi chúng đến đấy." – "Bác sĩ, ông đúng là có tài xuất quỷ nhập thần." Ông mở chai đầu tiên: rượu lạnh như thể cần vào lưỡi, để lại đằng sau sự ve vuốt của vị trái cây. "Cuộc hội thảo của ông thế nào?" tôi hỏi ông. – "Rất tốt. Chúng tôi đã xem xét lại bệnh tả, viêm phổi và bệnh lỵ, và bây giờ đang đến chủ đề đau đớn do các vết cước." – "Vẫn còn chưa đến mùa mà." – "Cũng sắp rồi đấy. Thế còn anh?" Tôi kể lại cho ông ta câu chuyện về ông già *Bergjude*. "Một người thông thái, cái lão Nahum ben Ibrahim đó, ông bình luận khi tôi kể xong. Chúng ta phải ghen tị với ông ta thôi." – "Chắc chắn là ông có lý." Bàn của chúng tôi được kê vào sát một vách tường; đằng sau là một phòng riêng, từ đó vẳng

ra tiếng cười và những giọng nói không nghe rõ được. Tôi uống thêm một chút nữa. "Tuy nhiên, tôi nói tiếp, tôi phải thú nhận với ông rằng tôi không hiểu mấy." – "Tôi thì hoàn toàn không hiểu gì, Hohenegg khẳng định. Anh thấy đấy, theo tôi có ba thái độ có thể có trước cuộc đời đầy phi lý này. Trước hết là thái độ của đám đông, *hoi polloi*, nghĩa là phủ nhận một cách đơn giản việc nhìn nhận cuộc đời giống như một câu nói đùa. Những người này không biết cười, nhưng họ làm việc, tích tụ, nhai nghiền, ia đái, nhảy mái, sinh đẻ, già đi và chết giống như những con bò gắn chặt vào cái bừa, ngu ngốc như bọn họ đã sống. Đó là đa số. Sau đó, có những người, giống như tôi, biết rằng cuộc đời là một câu nói đùa và có đủ can đảm để cười nhạo, theo cách của các nhà Đạo học hoặc ông già Do Thái của anh. Cuối cùng, có những người, và nếu cách chẩn bệnh của tôi chính xác thì đó chính là trường hợp của anh, biết rằng cuộc đời là một lời nói đùa, nhưng lại đau khổ về điều đó. Cũng giống như Lermontov của anh đó, mà cuối cùng tôi cũng đã đọc: *Jizn takaia poustaia i gloupaia choutka, ông ấy viết vậy.*" Giờ đây tôi đã biết kha khá tiếng Nga, đủ để hiểu và hoàn chỉnh: "Cần phải thêm vào nữa: *i groubaia*, "một lời nói đùa trống rỗng, ngu ngốc và bẩn thỉu"." – "Chắc chắn là ông ấy đã nghĩ đến điều đó. Nhưng như thế thì sẽ làm hỏng mất nhịp điệu câu thơ." – "Tuy nhiên những người có thái độ đó biết rằng cuộc đời trước có tồn tại," tôi nói. – "Đúng, nhưng họ không sao đảm trách được cả nó nữa." Những giọng nói ở phía bên kia vách tường trở nên rõ ràng hơn: một cô phục vụ đã để mở nhầm căn phòng khi đi ra. Tôi nhận ra những âm thanh thô tục của Turek và tên đồng bọn của hắn, Pfeiffer. "Những thằng đàn bà như vậy thì phải cấm tiệt khỏi SS!" Turek rít lên. – "Đúng quá. Lẽ ra hắn phải ở trong một trại tập trung, chứ không phải là trong bộ quân phục," Pfeiffer đáp lời. – "Phải, một giọng nói khác, nhưng cần phải có bằng chứng." – "Người ta đã nhìn thấy bọn chúng với nhau, Turek nói. Hôm trước, ở sau núi Matchouk. Chúng đã rời khỏi đường để vào rừng làm những trò bậy bạ." – "Anh có chắc không?" – "Tôi đảm bảo bằng danh dự sĩ quan của

tôi." – "Và anh nhận ra hắn chứ?" – "Aue à? Hắn ở gần tôi giống như anh lúc này ấy." Bọn người chợt im bặt. Turek chầm chậm quay đầu lại và nhìn thấy tôi đang đứng ở lối vào phòng. Khuôn mặt đỏ bừng của hắn nhợt đi không còn chút máu. Pfeiffer, ngồi ở đầu bàn, mặt vàng ệch. "Thật đáng tiếc là anh lại sử dụng danh dự sĩ quan của mình một cách nhẹ dạ như vậy, Hauptsturmführer, tôi nói thật rõ ràng, giọng trung tính và không cảm xúc. Anh làm nó mất giá đấy. Tuy nhiên, vẫn còn đủ thời gian để anh rút lại những lời bẩn thỉu đó. Tôi báo trước với anh: nếu anh không làm như vậy, chúng ta sẽ phải chiến đấu với nhau." Turek đứng dậy, đẩy mạnh cái ghế ra một bên. Một cái tật phi lý làm biến dạng môi hắn, khiến hắn càng có vẻ nhu nhược và hoang mang hơn bình thường. Hắn đưa mắt tìm Pfeiffer: tên này khích lệ hắn bằng một cái gật đầu. "Tôi không có gì phải rút lại cả," hắn rít lên. Hắn vẫn còn do dự không biết có nên làm đến cùng không. Tôi thấy ngập tràn trong lòng một nỗi căm tức; nhưng giọng nói của tôi vẫn bình tĩnh, rành rọt. "Anh có chắc chắn vào điều đó không?" Tôi muốn thúc đẩy hắn, làm hắn nổi điên và đóng tất cả các cánh cửa lại sau lưng mình. "Giết tôi sẽ không dễ như giết một tên Do Thái tay không tấc sắt đâu, anh cứ tin chắc là vậy đi." Những lời này khuấy lên sự ồn ào. "Người ta nhục mạ SS!" Pfeiffer rống lên. Turek xanh nhợt, hắn nhìn tôi như một con bò tót điên giận, không nói năng gì. "Tốt lắm, tôi nói. Lát nữa tôi sẽ cử người đến văn phòng của Teilkommando." Tôi quay gót đi thẳng ra khỏi quán ăn. Hohenegg đuổi kịp tôi ở bậc tam cấp: "Làm vậy là không khôn ngoan lắm đâu. Chắc chắn là anh đã bị Lermontov ám ảnh quá mức rồi." Tôi nhún vai. "Bác sĩ, tôi tin ông là một người trọng danh dự. Ông có muốn làm người làm chứng cho tôi không?" Đến lượt ông nhún vai. "Nếu anh muốn. Nhưng việc này ngu ngốc quá." Tôi thân ái vỗ vai ông. "Đừng lo! Mọi chuyện sẽ ổn thỏa thôi. Nhưng đừng quên rượu của ông nhé, chúng ta sẽ cần đấy." Ông dẫn tôi về phòng mình và chúng tôi uống cạn chai đầu tiên. Tôi nói cho ông một chút về cuộc đời mình và về tình bạn với Voss: "Tôi rất quý anh ấy. Đó là một

người đăng kinh ngạc. Nhưng chuyện đó không có gì đính dáng đến những điều bọn lợn kia âm chỉ cả." Rồi tôi bảo ông đến chỗ Teilkommando và bắt đầu uống chai thứ hai trong khi chờ đợi, hút thuốc và ngắm nhìn mặt trời mùa thu nhảy nhót trên công viên lớn và các triền núi Maloe Sedlo. Ông quay lại sau đó một giờ. "Tôi phải báo ngay với anh, ông nói thẳng băng, bọn chúng đang lập kế hoạch cho một cú bắn thìu." – "Như thế nào cơ?"

"Tôi vào Kommando và nghe thấy chúng đang rống lên với nhau. Tôi để lỡ mất đoạn đầu cuộc nói chuyện, nhưng tôi nghe được thằng béo nói: "Như thế chúng ta sẽ không gặp phải nguy cơ nào. Dù sao thì hắn cũng không xứng đáng với cái gì khác cả." Rồi đối thủ của anh, cái tên có một cái mặt rất Do Thái, phải không?, trả lời: "Thế còn người làm chứng của hắn?" Tên kia hét lên: "Kệ cha cả hắn luôn đi." Sau đó tôi bước vào và chúng câm tiệt. Theo tôi thì chúng đang chuẩn bị giết chết tươi cả hai chúng ta đấy. Thế mà anh còn nói đến danh dự SS." – "Đừng lo, bác sĩ. Tôi sẽ đề phòng. Ông đã thỏa thuận xong với chúng rồi chứ?" – "Rồi. Tối mai chúng ta sẽ gặp chúng vào lúc sáu giờ ở lối vào Jeleznovodsk và chúng ta sẽ đi tìm một *balka* trống trải. Người nào chết sẽ được tính vào với bọn du kích hay làng vãng ở đoạn đó." – "Đúng vậy, đám bè đảng Poustov. Một ý hay đấy. Chúng ta đi ăn chứ?"

Tôi quay về Piatigorsk sau khi ăn uống thoải mái. Hohenegg, trong suốt bữa ăn, trông rất u ám: tôi thấy rõ rằng ông phản đối hành động của tôi và toàn bộ câu chuyện này. Tôi thì vẫn thấy phấn khích một cách kỳ lạ; như thể một gánh nặng to lớn vừa được cất đi khỏi vai. Turek, tôi sẽ bắn chết hắn một cách vui sướng; nhưng tôi cũng phải nghĩ đến chuyện phá tan cái bẫy mà hắn và Pfeiffer định giăng ra với tôi. Một giờ sau khi tôi về đến nơi, có tiếng gõ cửa. Đó là một người cần vụ của Kommando, anh ta chìa cho tôi một bức thư. "Rất tiếc vì đã làm phiền vào lúc muộn thế này, Herr Hauptsturmführer. Đây là một lệnh khẩn cấp của Gruppenstab." Tôi xé phong bì: Bierkamp triệu tập tôi vào lúc tám giờ, cùng với Turek. Đã có kẻ nào đó phản thùng. Tôi cho người cần vụ đi và ngồi sụp xuống divăng. Tôi có cảm giác mình

đang bị một lời nguyền rủa bám chặt lấy: như vậy, dù cho tôi có làm gì, mọi hành động thuần túy cũng đều là không thể nữa rồi! Tôi thấy như thể mình nhìn thấy ông già Do Thái, trong nấm mồ trên núi Matchouk, đang hé miệng cười nhạo. Trống rỗng, tôi òa lên khóc và ngủ thiếp đi trong lúc khóc, vẫn mặc nguyên quần áo.

Sáng hôm sau tôi trình diện đúng giờ ở Vorochilovsk. Turek cũng đã tự đến. Chúng tôi đứng nghiêm trước bàn làm việc của Bierkamp, bên cạnh nhau, không có ai khác làm chứng. Bierkamp đi thẳng vào vấn đề: "Meine Herren. Người ta báo cho tôi là ở chỗ công cộng các anh đã ném vào mặt nhau những câu nói không xứng đáng với tư cách sĩ quan SS, và rằng, để giải quyết cuộc cãi vã của mình, các anh đã định tiến hành một hình thức đã bị luật lệ nghiêm cấm, ngoài ra chuyện đó lại có thể khiến cho tập đoàn quân mất đi hai nhân tố có giá trị và khó thay thế được; bởi vì các anh có thể chắc chắn rằng người sống sót sẽ ngay lập tức ra tòa án của SS và cảnh sát, và có thể bị kết án tử hình hoặc vào trại tập trung. Tôi nhắc cho các anh rằng các anh ở đây là để phục vụ Führer và *Volk* của các anh, chứ không phải là để thỏa mãn những ý thích cá nhân: nếu các anh có muốn hy sinh cuộc đời mình, thì phải làm điều đó vì Reich. Do đó tôi đã triệu tập cả hai anh đến đây để các anh xin lỗi nhau và hòa giải. Tôi nói thêm rằng đó là một mệnh lệnh." Cả Turek lẫn tôi đều không nói gì. Bierkamp nhìn Turek: "Hauptsturmführer?" Turek nín lặng. Bierkamp quay sang tôi: "Còn anh, Hauptsturmführer Aue?" – "Với tất cả sự kính trọng, Herr Oberführer, những lời nhục mạ mà tôi nói là để đáp lại những lời nhục mạ của Hauptsturmführer Turek. Vì vậy tôi cho rằng ông ấy phải là người nói lời xin lỗi trước tiên, nếu không tôi sẽ bị buộc phải bảo vệ danh dự của mình dù cho hậu quả có là như thế nào đi chăng nữa." Bierkamp quay về phía Turek: "Hauptstumführer, có đúng là những lời xúc phạm đầu tiên là của anh không?" Turek nghiến chặt hàm răng đến mức cơ mặt hắn rung rung: "Vâng, Herr Oberführer, cuối cùng hắn cũng nói, điều đó là đúng." – "Trong trường hợp đó, tôi ra lệnh cho anh phải xin lỗi Hauptsturmführer tiến sĩ Aue." Turek

rập gót chân quay một phần tư vòng tròn và đứng đối diện với tôi, vẫn ở tư thế đứng nghiêm; tôi cũng bắt chước hắn. "Hauptsturmführer Aue, hắn nói chậm rãi, giọng khàn đặc, tôi xin anh nhận lấy lời xin lỗi của tôi vì những lời nhục mạ mà tôi đã nói với anh. Khi đó tôi đã uống rượu, và không kiểm soát được bản thân." – "Hauptsturmführer Turek, tôi trả lời, trống ngực đập dồn dập, tôi chấp nhận lời xin lỗi của anh, và cũng xin lỗi anh với cùng tinh thần đó, đối với phản ứng gây tổn thương của tôi." – "Rất tốt, Bierkamp lạnh lùng nói. Bây giờ hai anh bắt tay nhau đi." Tôi cầm lấy tay Turek và thấy nó ướt đẫm. Rồi chúng tôi lại quay sang đứng đối diện với Bierkamp. "Meine Herren, tôi không biết các anh đã nói gì với nhau và tôi cũng không muốn biết. Tôi rất mừng vì các anh đã hòa giải. Nếu một sự cố như vậy còn lặp lại nữa, tôi sẽ gửi cả hai vào một tiểu đoàn kỷ luật của Waffen-SS. Rõ chưa? Nghỉ đi."

Khi ra khỏi phòng làm việc của ông ta, vẫn còn chao đảo, tôi đi đến phòng của tiến sĩ Leetsch. Von Gilsa đã báo cho tôi rằng một máy bay do thám của Wehrmacht bay trên vùng Chatoi và chụp được ảnh nhiều làng bị đánh bom; thế nhưng, quân đoàn không quân số IV nhắc đi nhắc lại rằng máy bay của họ không hề tiến hành cuộc tấn công nào lên Tchétchénie, và người ta nghĩ thủ phạm gây ra phá hoại là không quân Xô viết, điều đó có vẻ cũng có các tin đồn về một sự nổi dậy ở phạm vi khá rộng. "Kurreck đã thả xuống nhiều người trong vùng núi, Leetsch báo cho tôi. Nhưng kể từ đó chúng ta không còn liên lạc gì với họ nữa cả. Hoặc là bọn họ đã đào ngũ ngay lập tức, hoặc đã bị giết hoặc bị bắt." – "Wehrmacht nghĩ rằng một cuộc nổi loạn ở hậu phương của Xô viết sẽ có thể làm cho cuộc tấn công Ordjonikidze trở nên dễ dàng hơn." – "Có thể. Nhưng theo tôi, chúng đã đàn áp xong rồi, nếu quả thực có một cuộc nổi loạn. Stalin sẽ không để xảy ra một nguy cơ như vậy đâu." – "Chắc là vậy. Nếu lúc nào đó Sturmbannführer Kurreck biết được điều gì đó, anh có thể báo cho tôi được không?" Ra đến ngoài, tôi bắt gặp Turek, đứng dựa lưng vào một cánh cửa, đang nói chuyện với Prill. Họ ngừng nói

và nhìn tôi chằm chằm khi tôi đi ngang qua. Tôi lịch sự chào Prill, rồi quay về Piatigorsk.

Hohenegg, mà tôi gặp vào tối hôm đó, không có vẻ gì là quá thất vọng. "Đó là nguyên tắc của thực tế, bạn thân mến ạ, ông ta tuyên bố. Điều đó sẽ dạy cho anh cách muốn đóng vai người hùng lãng mạn. Đi uống rượu đi." Nhưng câu chuyện vẫn làm tôi cắn cái. Ai đã tố cáo chúng tôi với Bierkamp? Chắc chắn đó là một trong những đồng đội của Turek, kẻ sợ mang tai tiếng. Hoặc có thể là một người trong số đó, khi biết tin về cái bẫy đang được chuẩn bị, muốn ngăn chặn nó chăng? Thật khó tưởng tượng rằng chính Turek lại đâm ra hối hận. Tôi tự hỏi không biết hắn đang âm mưu gì với Prill: chắc chắn là không có gì tốt đẹp rồi.

Một đợt hoạt động mới đẩy sự việc đó xuống hàng thứ yếu. Quân đoàn thiết giáp số III của von Mackensen, được Luftwaffe hỗ trợ, tấn công Ordjonikidze; tuyến phòng ngự Xô viết trước Naltchik sụp đổ sau hai ngày và cuối tháng Mười các lực lượng của chúng tôi đã chiếm được thành phố trong khi các panzer tiếp tục tiến về phía Đông. Tôi yêu cầu một chiếc xe và trước tiên đi đến Prokhladny, nơi tôi gặp Persterer, rồi đến Naltchik. Trời mưa nhưng giao thông không bị cản trở nhiều lắm; sau Prokhladny, những đoàn xe của *Rollbahn* chuyển lương thực về phía trước. Persterer sắp chuyển Kommandostab của mình đến Naltchik và đã sai một Vorkommando đi tiền trạm để chuẩn bị trụ sở. Thành phố thất thủ nhanh đến mức người ta có thể bắt được cả các công chức Bônsêvich và những kẻ khả nghi khác; có nhiều Do Thái, nhân viên hành chính từ Nga đến cũng như một cộng đồng đông đảo dân bản địa. Tôi nhắc lại cho Persterer các yêu cầu của Wehrmacht liên quan đến thái độ đối với dân cư địa phương: người ta dự tính sẽ nhanh chóng lập ra một tỉnh tự trị Kabarde-Balkar, và trong bất kỳ trường hợp nào cũng không được làm tổn hại đến những mối quan hệ tốt đẹp. Ở Naltchik, tôi đến chỗ Ortskommandantur vẫn đang được xây dựng. Luftwaffe đã oanh tạc thành phố và nhiều ngôi nhà đơn lẻ và các tòa nhà vẫn còn bốc khói dưới trời mưa. Ở đó tôi gặp lại Voss, đang lựa chọn hàng

đống sách trong một căn phòng trống; anh có vẻ vui sướng với những gì mình tìm được. "Nhìn đây này," anh nói và chìa cho tôi xem một quyển sách cổ bằng tiếng Pháp. Tôi nhìn trang bìa: *Các dân tộc vùng Caucase và những đất nước biển Đen và biển Caspienne trong thế kỷ X, hay Hành trình của Abou-el-Cassim*, xuất bản tại Paris vào năm 1828 bởi một người tên là Constantin Mouradgea d'Ohsson. Tôi trả quyển sách lại với một cái bĩu môi khâm phục: "Anh có tìm được nhiều không?" – "Không ít đâu. Một quả bom đã rơi trúng thư viện, nhưng không có nhiều tổn thất lắm. Ngược lại, các đồng nghiệp của anh muốn lấy một phần bộ sưu tập về cho SS. Tôi đã hỏi họ quan tâm đến những gì, nhưng vì họ không có chuyên gia nên họ cũng không biết mấy. Tôi bèn đề nghị họ lấy ngăn sách kinh tế chính trị học Marxit. Họ trả lời tôi rằng còn phải hỏi ý kiến Berlin. Cho đến lúc đó thì tôi cũng đã xong việc rồi." Tôi cười: "Nghĩa vụ của tôi chắc là chọc gậy bánh xe anh." – "Có thể. Nhưng anh sẽ không làm vậy đâu." Tôi kể lại cho anh vụ cãi lộn với Turek, mà anh thấy quá đỗi buồn cười: "Anh đã muốn đấu súng vì tôi à? Doktor Aue, anh thật là hết đường cứu chữa. Thật là phi lý." – "Tôi sẽ không đánh nhau vì anh: chúng sỉ nhục tôi đấy chứ." – "Và anh nói rằng bác sĩ Hohenegg sẵn sàng làm chứng cho anh à?" – "Cũng không thích thú gì lắm." – "Tôi thấy ngạc nhiên đấy. Tôi cứ nghĩ đó là một người thông minh cơ." Tôi thấy thái độ của Voss có phần khó chịu; hẳn là anh nhận ra vẻ mặt tức tối của tôi nên phá lên cười: "Đừng cau có thế! Anh chỉ cần tự nhủ là những kẻ thô tục và ngu dốt sẽ phải tự trừng phạt mình thôi."

Tôi không thể ở lại Naltchik buổi tối, vì phải quay về Piatigorsk để làm báo cáo. Hôm sau, tôi được von Gilsa triệu tập. "Hauptsturmführer, chúng ta có một vấn đề nho nhỏ ở Naltchik liên quan đến toàn bộ *Sicherheitspolizei*." Sonderkommando, ông ta giải thích, đã bắt đầu xử bắn người Do Thái ở gần trường đua ngựa: những người Do Thái Nga, phần lớn là đảng viên hoặc công chức, nhưng cũng có một số Do Thái địa phương, có vẻ như chính là những "Do Thái miền núi" lừng danh hay Do Thái

Caucase. Một trong số trưởng lão của họ đã đi gặp Selim Chadov, luật sư người Kabarde được chính quyền quân sự chỉ định để đứng đầu vùng tự trị tương lai; đến lượt mình ông ta đã đến Kislovodsk gặp Generaloberst von Kleist, và giải thích rằng các *Gorski Evrei* không phải là Do Thái nếu xét về chủng tộc, mà là một dân tộc miền núi cải sang Do Thái giáo, hoàn toàn giống như người Kabarde đã cải sang Hồi giáo. "Theo ông ta, các *Bergjude* đó ăn giống như những người miền núi khác, mặc cũng giống họ, cưới xin giống họ, và không nói cả tiếng Hebreu lẫn tiếng Yiddish. Từ hơn một trăm năm mươi năm nay họ đã sống ở Naltchik và tất cả đều nói, ngoài tiếng của mình, tiếng Kabarde và tiếng Thổ Balkar. Herr Chadov đã nói với Generaloberst rằng người Kabarde sẽ không chấp nhận người ta giết những người anh em miền núi của mình, và rằng họ phải được bỏ ra ngoài khỏi mọi biện pháp đàn áp và thậm chí còn phải được miễn đeo ngôi sao vàng." – "Thế Generaloberst nói gì?" – "Anh cũng biết đấy, ở đây Wehrmacht tiến hành một chính sách hướng đến những mối quan hệ tốt đẹp với các dân tộc thiểu số chống Bônsêvich. Không được phép xem nhẹ những mối quan hệ này. Tất nhiên, an ninh quân đội cũng là một vấn đề sống còn. Nhưng nếu xét về mặt chủng tộc những người này không phải là Do Thái, thì có khả năng là họ sẽ không gặp phải nguy cơ gì hết. Vấn đề rất tế nhị và cần được nghiên cứu. Vì vậy Wehrmacht sẽ lập ra một ủy ban các chuyên gia và tiến hành xem xét. Trong khi chờ đợi, Generaloberst yêu cầu *Sicherheitspolizei* không được có biện pháp gì chống lại nhóm người này. Dĩ nhiên, *Sicherheitspolizei* hoàn toàn được tự do đưa ra ý kiến của mình về vấn đề, sau đó tập đoàn quân sẽ xem xét. Tôi nghĩ rằng OKHG sẽ chuyển vụ này sang cho General Köstring. Dù sao thì điều này cũng liên quan đến một vùng được dự tính trở thành vùng tự quản." – "Rất tốt, Herr Oberst. Tôi đã ghi nhớ và sẽ chuyển đi một bản báo cáo." – "Cám ơn anh. Tôi cũng sẽ rất biết ơn nếu anh yêu cầu Oberführer Bierkamp xác nhận bằng văn bản cho chúng tôi rằng *Sicherheitspolizei* sẽ không thực hiện hành động nào mà không

có quyết định của Wehrmacht." – "*Zu Befehl*, Herr Oberst."

Tôi gọi cho Obersturmbannführer Hermann, người thay thế tiến sĩ Müller vừa đi hồi tuần trước, và giải thích sự việc cho ông ta. Bierkamp đang đến, ông ta trả lời và mời tôi xuống Kommando. Bierkamp đã biết tin: "Thật là không thể chấp nhận được! ông ta gằn giọng. Wehrmacht thực sự là đã quá đà hết sức. Bảo vệ bọn Do Thái, đó là vi phạm ý muốn của Führer một cách có chủ ý." – "Nếu ông cho phép, Herr Oberführer, tôi tin mình hiểu Wehrmacht không bị thuyết phục rằng những người đó phải bị xem là Do Thái. Nếu chứng minh được rằng họ đúng là như vậy, OKHG sẽ không thể có lời phản đối nào khi SP tiến hành các biện pháp cần thiết đâu." Bierkamp nhún vai: "Anh ngây thơ quá, Hauptsturmführer. Wehrmacht sẽ chứng minh được những gì mà họ muốn chứng minh. Đó chỉ là thêm một cái cớ để họ chống lại công việc của *Sicherheitspolizei* thôi." – "Xin lỗi, Hermann, một người có những đường nét thanh mảnh, dáng vẻ nghiêm khắc nhưng cũng hơi mơ mộng, nói xen vào, đã bao giờ có những trường hợp tương tự chưa?" – "Theo tôi được biết, tôi đáp, thì mới chỉ có những trường hợp cá nhân đơn lẻ thôi. Sẽ phải kiểm tra." – "Đó chưa phải là tất cả, Bierkamp nói thêm. OKHG đã viết thư cho tôi báo rằng theo Chadov chúng ta đã tiêu diệt toàn bộ một ngôi làng của bọn *Bergjude* đó ở gần Mozdok. Họ yêu cầu tôi phải gửi sang một bản báo cáo để thanh minh." Hermann có vẻ không theo dõi kịp. "Có đúng thế không?" tôi hỏi. – "Nghe này, nếu anh tin rằng tôi thuộc lòng được tất cả các hành động của chúng ta... Tôi sẽ hỏi Sturmbannführer Persterer, chắc đó là bộ phận của ông ấy." – "Dù thế nào đi nữa, Hermann lên tiếng, nếu đó là bọn Do Thái, thì chúng ta cũng không thể trách cứ gì ông ấy được." – "Anh còn chưa biết Wehrmacht ở đây, Obersturmbannführer. Tất cả các cơ hội với họ đều là dịp để bới bèo tìm bọ chống lại chúng ta." – "Brigadeführer Korsemann nghĩ gì?" tôi hỏi thử. Bierkamp lại nhún vai. "Brigadeführer nói rằng không được gây ra những xung đột không cần thiết với Wehrmacht. Giờ đây cái đó đã trở thành nỗi ám ảnh của ông ấy rồi." – "Chúng ta cũng có thể tiến hành một

nghiên cứu để chứng minh điều ngược lại," Hermann đề nghị. – "Ý kiến hay đấy, Bierkamp đồng tình. Hauptsturmführer, anh nghĩ sao?" – "SS có một kho hồ sơ phong phú về vấn đề này, tôi trả lời. Và tất nhiên, nếu cần, chúng ta có thể gọi đến đây các chuyên gia của mình." Bierkamp gật đầu. "Nếu tôi không nhầm, Hauptsturmführer, anh đã có những nghiên cứu về vùng Caucase cho người tiền nhiệm của tôi?" – "Chính xác, Herr Oberführer. Nhưng cái đó không trực tiếp liên quan đến các *Bergjude*." – "Đúng, nhưng ít nhất thì anh cũng đã có tài liệu. Và rồi trong các báo cáo anh cũng thể hiện rõ là anh rất am hiểu những vấn đề dân tộc. Anh có thể phụ trách vấn đề này cho chúng ta được không? Tập trung tất cả các thông tin lại và chuẩn bị những câu trả lời cho Wehrmacht. Tôi sẽ cấp cho anh một lệnh công tác. Tất nhiên, anh sẽ hỏi ý kiến tôi, hoặc tiến sĩ Leetsch, ở mỗi bước tiến hành." – "*Zu Befehl*, Herr Oberführer. Tôi sẽ cố gắng hết sức." – "Tốt. Và, Hauptsturmführer?" – "Vâng, Herr Oberführer?" – "Trong các nghiên cứu của anh, không được nhiều lý thuyết quá đấy, nghe chưa? Cố gắng đáp ứng tốt nhất các yêu cầu của SP." – "*Zu Befehl*, Herr Oberführer."

Gruppenstab lưu giữ tất cả các kết quả nghiên cứu của chúng tôi ở Vorochilovsk. Tôi lập một báo cáo ngắn gọn cho Bierkamp và Leetsch với những gì tôi tìm thấy: không có nhiều kết quả lắm. Theo một quyển sách nhỏ in năm 1941 của Viện nghiên cứu nước ngoài, tên là *Danh sách các quốc tịch sống ở Liên Xô*, các *Bergjude* quả thực là Do Thái. Một quyển sách nhỏ của SS gần đây hơn đưa ra một số chi tiết phụ: *Các dân tộc phương Đông sống trộn lẫn với nhau, hậu duệ của người Ấn Độ hoặc một tộc người khác nhưng có gốc Do Thái, đã đến vùng Caucase vào thế kỷ VIII*. Cuối cùng, tôi tìm được một tài liệu chi tiết hơn, được SS đặt hàng Viện Wannsee thực hiện: *Người Do Thái vùng Caucase không được đồng hóa*, văn bản khẳng định khi nói đến cả những người Do Thái Nga lẫn các *Bergjude*. Theo tác giả, những người Do Thái miền núi hoặc những người Do Thái Daghestan (*Dagh-Chufuti*), cũng giống như người Do Thái Georgia (*Kartveli*

Ebraelebi) có vẻ như đã đến đây, vào khoảng thời gian Chúa Jesus sinh ra đời, từ Médie, từ Palestin hoặc từ Babylonie. Không trích dẫn nguồn, ông ta khẳng định: *Độc lập với một ý kiến đúng đắn nào đó, người Do Thái xét về toàn thể, dù là những người mới đến hay các Bergjude, đều là các Fremdkörper, những người nước ngoài sống ở vùng Caucase.* Một ghi chú của Amt IV in trên bìa nói rõ rằng tài liệu này là đủ để có thể cung cấp cho Einsatzgruppe những ánh sáng cần thiết để phân biệt các *Weltanschauungsgegner*, những "đối thủ ý thức hệ" tại vùng chiến sự. Ngày hôm sau, khi Bierkamp quay trở về, tôi trình cho ông ta báo cáo của mình và ông ta đọc lướt một lượt. "Tốt lắm, tốt lắm. Đây là lệnh công tác của anh để sang bên Wehrmacht." – "Sturmbannführer Persterer nói gì về vấn đề ngôi làng mà Chadov đã nhắc đến?" – "Ông ấy nói quả thực là họ đã thanh toán một nông trường tập thể Do Thái trong vùng này, vào ngày 20 tháng Chín. Nhưng ông ta không biết liệu đó có phải là những *Bergjude* hay không. Trong lúc đó, một trưởng lão của bọn Do Thái đó đã đến gặp Kommando ở Naltchik. Tôi đã sai thực hiện một bản tóm tắt cuộc nói chuyện cho anh đây." Tôi xem tài liệu mà ông ta chìa cho mình: trưởng lão, một người tên là Markel Chabaev, đến trình diện trong một chiếc *tcherkesska* và một cái mũ bonnê cao bằng lông cừu; ông ta sử dụng tiếng Nga để giải thích rằng ở Naltchik có khoảng vài nghìn người Tat đang sống, đó là một dân tộc Iran mà người Nga gọi nhầm thành *Gorski Evrei*. "Theo Persterer, Bierkamp nói thêm, rõ ràng là rất chán nản, cũng chính cái lão Chabaev này đã đến phàn nàn với Chadov. Tôi nghĩ anh sẽ phải gặp lão ta đấy."

Von Gilsa, khi gọi tôi vào phòng làm việc của mình hai ngày sau đó, có vẻ suy nghĩ rất lung. "Có chuyện gì thế, Herr Oberst?" tôi hỏi ông ta. Ông ta chỉ cho tôi một đường vạch trên tấm bản đồ treo tường lớn của mình: "Các panzer của Generaloberst von Mackensen không tiến lên được nữa. Sự kháng cự của quân Xô

viết đã kết cứng lại trước Ordjonikidze, ở đó đã bắt đầu có tuyết rồi. Tuy nhiên họ chỉ còn cách thành phố có bảy cây số nữa thôi." Mắt ông ta dõi theo đường kẻ dài màu xanh chạy ngoằn ngoèo rồi biến mất vào cát thảo nguyên Kalmouk. "Ở Stalingrad họ cũng đang giẫm chân tại chỗ. Quân của chúng ta kiệt sức rồi. Nếu OKH không nhanh chóng gửi cứu viện đến, chúng ta sẽ phải qua cả mùa đông ở đây." Tôi không nói gì và ông ta chuyển chủ đề. "Anh cũng đã kịp xem xét vấn đề của những người *Bergjude* rồi chứ?" Tôi nói với ông ta rằng theo tài liệu của chúng tôi thì phải xem họ là Do Thái. "Có vẻ như là các chuyên gia của chúng tôi nghĩ khác, ông ta đáp. Và tiến sĩ Bräutigam cũng vậy. General Köstring đề nghị triệu tập một cuộc họp về chủ đề này vào ngày mai, ở Vorochilovsk; ông ấy muốn cả SS và SP cũng có mặt." – "Tốt lắm. Tôi sẽ báo cho Oberführer." Tôi gọi điện cho Bierkamp và ông ta yêu cầu tôi đến; ông ta cũng sẽ tham dự cuộc họp. Tôi cùng von Gilsa lên Vorochilovsk. Bầu trời đầy mây, xám xịt nhưng khô ráo, các đỉnh núi lửa biến mất trong những khối mây rung động, quay cuồng, thất thường. Von Gilsa có tâm trạng u ám và tiếp tục gặm nhấm sự bi quan ngày hôm trước của mình. Thêm một cuộc tấn công vừa thất bại. "Mặt trận sẽ không biến chuyển gì nữa, tôi nghĩ thế." Ông ta cũng tỏ ra rất lo lắng cho Stalingrad: "Các bên sườn của chúng ta rất yếu. Các cánh quân đồng minh thực sự là loại hạng hai, và gọng kìm không giúp ích được bao lăm. Nếu bọn Xô viết thử làm một cú lớn, thì họ sẽ bị chọc thủng. Trong trường hợp đó, vị thế của đại đoàn số 6 có thể sẽ nhanh chóng suy yếu." – "Dù sao thì ông cũng không tin rằng người Nga vẫn còn đủ quân dự trữ cần thiết cho một cuộc tấn công chứ? Những tổn thất của họ ở Stalingrad là rất lớn, và họ đã ném vào đó tất cả những gì mà họ có chỉ để giữ vững thành phố." – "Không ai thực sự biết tình trạng dự trữ của bên Xô viết là như thế nào, ông ta trả lời. Từ đầu cuộc chiến tranh, chúng ta đã đánh giá quá thấp bọn chúng. Tại sao ở đây chúng ta lại không tiếp tục đánh giá quá thấp?"

Cuộc họp diễn ra trong một phòng họp của OKHG.

Köstring đến cùng sĩ quan tùy tùng của mình, Hans von Bittenfeld, và hai sĩ quan tham mưu của Berück von Roques. Có cả Bräutigam và một sĩ quan Abwehr tùy viên bên OKHG. Bierkamp đã dẫn theo Leetsch và một phụ tá của Korsemann. Köstring khai mạc bằng cách nhắc lại các nguyên tắc của chính quyền quân sự ở vùng Caucase và chế độ tự quản lý. "Các dân tộc đã đón tiếp chúng ta như những người giải phóng và chấp nhận sự cai quản tốt đẹp của chúng ta biết rất rõ về kẻ thù của họ, ông ta kết luận bằng giọng chậm rãi và khôn ngoan. Vì vậy, chúng ta phải biết cách lắng nghe họ." – "Theo quan điểm của Abwehr, von Gilsa giải thích, an ninh cho hậu phương là một vấn đề thuần túy khách quan. Nếu các *Bergjude* đó gây ra những vụ bạo loạn, che giấu bọn phá hoại hoặc tiếp tay cho bọn du kích, thì cần phải đối xử với họ như với bất kỳ nhóm kẻ thù nào. Nhưng nếu họ yên ổn, sẽ không có lý do gì để khiêu khích các bộ tộc khác bằng những biện pháp trấn áp lớn." – "Về phần mình, Bräutigam lên tiếng bằng cái giọng hơi the thé, tôi nghĩ rằng cần phải nhìn những mối liên hệ nội tại của các dân tộc vùng Caucase trong tổng thể của chúng. Các bộ tộc miền núi có coi *Bergjude* là người của mình không, hay vứt bỏ họ như là với các *Fremdkörper?* Việc Herr Chadov can thiệp mạnh mẽ đến vậy tự bản thân nó đã chứng tỏ sự ủng hộ đó rồi." – "Có thể là Herr Chadov có những lý do cứ cho là chính trị, mà chúng ta không hiểu được thì sao, Bierkamp xen vào. Tôi đồng ý với các nhận định của tiến sĩ Bräutigam, ngay cả khi tôi không thể chấp nhận lời kết luận mà ông rút ra từ đó." Ông ta đọc vài trích đoạn trong báo cáo của tôi, tập trung vào ý kiến của Viện Wannsee. "Điều này, ông ta nói thêm, có vẻ như đã được xác nhận bởi tất cả các báo cáo của các Kommando trong phạm vi hoạt động của tập đoàn quân A. Những báo cáo này cho chúng ta thấy rằng sự căm ghét người Do Thái là rất phổ biến. Tất cả các hành động mà chúng ta thực hiện đối với chúng, từ việc bắt đeo ngôi sao vàng cho đến những biện pháp nặng nề hơn, đều gặp được sự thông hiểu hoàn toàn của dân chúng và thậm chí còn được hoan nghênh. Mặt khác một số

tiếng nói quan trọng thấy rằng các hành động chống Do Thái Nga của chúng ta vẫn còn chưa đủ và đòi có những biện pháp mạnh hơn nữa." – "Ông hoàn toàn có lý về những gì liên quan đến bọn Do Thái Nga mới định cư ở đây, Bräutigam đáp. Nhưng chúng tôi không có cảm giác rằng thái độ này vẫn đúng đối với các *Bergjude* mà sự hiện diện đã bắt đầu từ ít nhất hàng thế kỷ nay." Ông ta quay sang Köstring: "Ở đây tôi có bản sao một tài liệu gửi đến *Auswärtiges Amt* từ giáo sư Eiler. Theo ông ấy, các *Bergjude* có nguồn gốc Caucase, Iran và Afghanistan và không phải là Do Thái, ngay cả khi họ theo tôn giáo của Moïse." – "Xin lỗi, Noeth, viên sĩ quan Abwehr của OKHG, xen vào, nhưng từ đâu mà họ lại có tôn giáo Do Thái chứ?" – "Điều này không rõ ràng, Bräutigam trả lời, lấy đầu bút chì gõ gõ xuống mặt bàn. Có thể là ở chỗ các Khazar nổi tiếng đã cải sang đạo Do Thái từ hồi thế kỷ VIII rồi." – "Thế tại sao không phải chính các *Bergjude* đã cải đạo cho các Khazar?" đó là ý kiến của Eckhardt, người của Korsemann. Bräutigam giơ hai tay lên trời: "Đó chính là điều mà chúng ta cần tìm hiểu." Giọng uể oải, đầy thông minh, sâu sắc của Köstring lại vang lên: "Xin lỗi, nhưng không phải là chúng ta đã vấp phải một trường hợp tương tự như thế ở Crimée rồi à?" – "Đúng vậy, Herr General, Bierkamp trả lời khô khốc. Đó là vào thời người tiền nhiệm của tôi. Tôi tin rằng Hauptsturmführer Aue đây sẽ có thể giải thích cặn kẽ mọi chuyện." – "Chắc chắn rồi, Herr Oberführer. Ngoài trường hợp người Karaite, được Bộ Nội vụ công nhận không phải Do Thái xét về mặt chủng tộc vào năm 1937, một cuộc tranh luận đã nổ ra ở Crimée liên quan đến người Krimtchak, được xem như là một dân tộc Thổ Nhĩ Kỳ mãi sau này mới cải sang Do Thái giáo. Các chuyên gia của chúng ta đã tiến hành một cuộc điều tra và đã kết luận rằng quả thực họ là người Do Thái Ỷ, đã đến Crimée vào khoảng thế kỷ XV hoặc XVI và sau đó đã được Thổ hóa." – "Thế người ta đã làm gì?" Köstring hỏi. – "Họ đã bị coi là Do Thái và bị đối xử đúng như vậy, Herr General." – "Tôi hiểu rồi," ông ta ngọt ngào nói. – "Nếu các ông cho phép, Bierkamp nói xen vào, chúng ta cũng đã từng có vấn

đề với người *Bergjude* ở Crimée. Đó là một nông trường tập thể Do Thái, tại tỉnh Freidorf gần Eupatorie. Ở đó đầy người *Bergjude* của Daghestan chuyển sang sống trong những năm ba mươi với sự trợ giúp của Joint, tổ chức Do Thái quốc tế rất nổi tiếng. Sau cuộc điều tra, họ đã bị xử bắn vào tháng Ba năm nay." – "Có thể đó là một hành động quá nóng vội chăng, Bräutigam lên tiếng. Cũng giống như nông trường tập thể của các *Bergjude* mà chúng ta đã thanh toán ở gần Mozdok." – "À vâng, đúng vậy, Köstring làm ra vẻ một người vừa sực nhớ ra một chi tiết, ông đã tìm hiểu về vụ đó chưa, Oberführer?" Bierkamp trả lời Köstring nhưng lờ đi lời nhận xét của Bräutigam: "Rồi, Herr General. Thật không may là hồ sơ của chúng tôi không có nhiều manh mối, bởi vì trong sự nôn nóng của cuộc tấn công, khi Sonderkommando vừa đến Mozdok, một phần các hành động không được ghi chép lại với đầy đủ sự chính xác cần thiết. Theo Sturmbannführer Persterer, Kommando "Bergmann" của giáo sư Oberländer cũng hoạt động rất tích cực trong khu vực đó. Có thể là họ." – "Tiểu đoàn đó nằm dưới sự kiểm soát của chúng tôi, Noeth, tay người Áo, đáp. Nếu thế thật thì chúng tôi đã phải biết rồi." – "Ngôi làng tên là gì?" Köstring hỏi. – "Bogdanovka, Bräutigam lục tìm sổ tay và trả lời. Theo Herr Chadov, bốn trăm hai mươi dân làng đã bị giết và ném xuống những cái giếng. Tất cả đều là người nhà của nhóm *Bergjude* Naltchik với những cái tên như Michiev, Abramov, Chamiliev; cái chết của họ đã gây ra làn sóng phẫn nộ lớn ở Naltchik, không chỉ ở những người *Bergjude* mà còn ở người Kabarde và người Balkar." – "Thật không may, Köstring nói vẻ xa vắng, Oberländer đã đi khỏi. Vì vậy chúng ta không thể hỏi ông ấy được." – "Dĩ nhiên rồi, Bierkamp nói tiếp, cũng hoàn toàn có thể đó là Kommando của tôi. Dù sao, các mệnh lệnh họ nhận được rất rõ ràng. Nhưng tôi cũng không chắc lắm." – "Thôi được rồi, Köstring nói. Dù thế nào đi nữa thì điều đó cũng không quan trọng. Điều cần quan tâm hiện nay là phải có một quyết định về những gì liên quan đến các *Bergjude* ở Naltchik, gồm có tổng số..." Ông ta quay sang Bräutigam. "Từ sáu đến bảy nghìn

người," ông ta kết thúc câu. – "Chính xác, Köstring nói tiếp. Như vậy là một quyết định công bằng, có chứng cứ về mặt khoa học, và cuối cùng phải tính đến an ninh của vùng hậu phương." – ông ta ngoảnh mặt về phía Bierkamp – "và ý muốn hợp tác tối đa với các dân tộc địa phương của chúng ta. Ý kiến của hội đồng khoa học do đó sẽ rất quan trọng." Von Bittenfeld lật giở một chồng giấy tờ: "Chúng ta đã có Leutnant tiến sĩ Voss tại chỗ, một người tuy tuổi còn trẻ nhưng đã có danh tiếng rất cao trong giới khoa học ở Đức. Ngoài ra chúng tôi sẽ cho điều tới một nhà nhân học hoặc một nhà dân tộc học." – "Về phần tôi, Bräutigam nói xen vào, tôi đã xin ý kiến của bộ. Họ sẽ gửi từ Frankfurt một chuyên gia đến đây, từ Viện các vấn đề Do Thái. Họ cũng sẽ cố gắng có thêm được một người của viện nghiên cứu của tiến sĩ Walter Frank ở München." – "Tôi đã xin ý kiến bộ phận khoa học của RSHA, Bierkamp nói. Tôi cũng nghĩ đến chuyện yêu cầu một chuyên gia. Trong khi chờ đợi, tôi đã giao việc xem xét cho Hauptsturmführer tiến sĩ Aue có mặt ở đây, chuyên gia của chúng tôi về các vấn đề vùng Caucase." Tôi lịch sự cúi đầu. "Tốt lắm, tốt lắm, Köstring đồng tình. Trong trường hợp đó, chúng ta sẽ gặp lại nhau khi nào có kết quả của các nghiên cứu chứ? Điều đó sẽ cho phép chúng ta, tôi hy vọng như vậy, giải quyết vụ việc này. Meine Herren, cám ơn các anh đã đến đây." Cuộc họp giải tán trong tiếng xô ghế. Bräutigam đã kéo tay Köstring sang một bên để nói chuyện. Các sĩ quan từng người đi ra một, nhưng Bierkamp còn nán lại cùng Leetsch và Eckhardt, chiếc mũ cát kết cầm trên tay: "Họ lấy trọng pháo ra rồi. Chúng ta cũng phải tìm được một chuyên gia giỏi, nếu không chúng ta sẽ thua ngay lập tức." – "Tôi sẽ hỏi Brigadeführer, Eckhardt nói. Có thể là những người ở Vinnitsa chỗ Reichsführer có thể tìm cho chúng ta ai đó. Nếu không thì phải gọi người từ Đức sang."

Voss, theo von Gilsa, vẫn ở Naltchik; tôi cần gặp anh nên ngay khi có dịp tôi bèn đi đến đó. Ngay từ Malka, một lớp tuyết mỏng đã phủ lên những cánh đồng; trước Baksan, những đợt gió lốc làm bầu trời tối sầm lại, ném xuống từng mảng bông tuyết

trong ánh sáng đèn pha ôtô. Những ngọn núi, những cánh đồng, đầm cây cối, tất cả đều biến mất; xe cộ chạy từ hướng ngược lại hiện ra như những con quái vật gầm rú, hiện lên từ các hậu trường bị cơn bão che phủ. Tôi chỉ có một cái măng tô len từ năm ngoái, vẫn còn đủ ấm, nhưng sẽ sớm không còn đủ nữa. Tôi tự nhủ là sẽ cần phải nghĩ đến việc kiếm quần áo ấm. Ở Naltchik, tôi tìm được Voss giữa đống sách vở ở Ortskommandantur, nơi anh đã đặt phòng làm việc; anh dẫn tôi đến phòng ăn sĩ quan để uống trà thế phẩm, tại một cái bàn phủ phoocmica kẻ sọc đặt một bình hoa bằng nhựa. Cà phê rất dở và tôi tìm cách lấy sữa lấp đầy lên; có vẻ như là Voss không chú ý đến điều đó. "Anh không quá thất vọng vì cuộc tấn công thất bại chứ? tôi hỏi anh. Tôi muốn nói là về các nghiên cứu của anh." – "Hơi hơi, tất nhiên rồi. Nhưng ở đây tôi cũng có nhiều việc để làm lắm." Anh có vẻ giữ khoảng cách, hơi lơ đễnh. "Vậy là General Köstring đã yêu cầu anh tham gia hội đồng điều tra về người *Bergjude*?" – "Phải. Và tôi nghe nói rằng anh sẽ đại diện cho SS." Tôi cười khô khốc: "Ít nhiều là như vậy. Oberführer Bierkamp đã chính thức phong tôi làm chuyên gia về các vấn đề Caucase. Hình như là do lỗi của anh thì phải." Anh cười và uống cà phê. Lính tráng và sĩ quan, đôi khi người phủ đầy tuyết, đi lại hoặc nhỏ giọng trò chuyện với nhau ở các bàn khác. "Thế anh nghĩ thế nào về vấn đề này?" tôi trở lại. – "Tôi nghĩ gì à? Đặt vấn đề như thế thì thật là phi lý. Điều duy nhất mà chúng ta có thể nói về những người đó là họ nói một thứ tiếng Iran, theo tôn giáo Moïse, và sống theo các tập quán của người miền núi Caucase. Chỉ có vậy thôi." – "Đúng, nhưng họ phải có nguồn gốc chứ." Anh nhún vai: "Ai chẳng có một nguồn gốc, và phần lớn đều là do tưởng tượng ra. Chúng ta đã từng nói về chuyện đó. Với người Tat, nó đã biến mất với thời gian và các truyền thuyết. Ngay cả khi đó quả thực là những người Do Thái từ vùng Babylonie đến – thậm chí có thể nói rằng là một trong các bộ tộc đã biến mất – thì theo thời gian họ đã hòa trộn với các dân tộc ở đây đến mức chuyện ấy không còn ý nghĩa gì nữa. Ở Azerbaidjan, hẳn là có những người Tat Hồi giáo. Liệu đó có phải

là những người Do Thái đã cải sang Hồi giáo không? Hay là những người được giả định là Do Thái đó đến từ nơi khác đã đổi vợ với một bộ tộc Iran ngoại đạo, mà các hậu duệ sau này sẽ được cải sang một trong các đạo xuất phát từ Kinh thánh? Không thể nói được." – "Tuy vậy, tôi vẫn nằn nì, hẳn là cũng phải có những dấu vết về mặt khoa học cho phép xác quyết được chứ?" – "Có quá nhiều và người ta có thể nói được rất nhiều điều. Thử xét tiếng nói của họ mà xem. Tôi đã nói chuyện với họ và có thể định vị được nó một cách khá rõ ràng. Nhất là khi tôi lại tìm được một quyển sách của Vsevolod Miller về chủ đề này. Chủ yếu đó là một phương ngữ Tây Iran, với sự pha trộn giữa Hebreu và Thổ. Phần tiếng Hebreu chủ yếu liên quan đến ngữ vựng tôn giáo, và cũng không mang tính hệ thống lắm: họ gọi nhà thờ là *nimaz*, lễ Phục sinh Do Thái là *Nisanu*, và Lễ Chuộc tội là *Homonu*; tất cả đều là danh từ Ba Tư. Trước khi có chính quyền Xô viết, họ viết ngôn ngữ Ba Tư của mình bằng mẫu tự Hebreu, nhưng theo họ, những quyển sách đó không còn nữa sau một loạt cải cách. Giờ đây, tiếng Tat được viết bằng mẫu tự Latinh: ở Daghestan, họ xuất bản những tờ báo và dạy dỗ trẻ em bằng thứ tiếng này. Thế nhưng nếu đó quả thực là những người Chaldée hoặc Do Thái đến từ Babylone sau khi Đền thờ Thứ nhất bị phá hủy, như một số người nói, thì theo lôgic họ phải nói một thứ phương ngữ phát sinh từ tiếng Iran trung gian, gần với tiếng Pahlavie thời Sassanide. Nhưng thứ ngôn ngữ Tat này là một phương ngữ Iran mới, do đó phải sau thế kỷ X và gần với tiếng Dari, Baloutche hoặc Kurde. Người ta có thể kết luận mà không sợ sai lầm nhiều lắm rằng đã có một cuộc di dân tương đối gần đây, và tiếp sau đó là một cuộc cải đạo. Nhưng người ta cũng hoàn toàn có thể chứng minh điều ngược lại, nếu muốn. Điều mà tôi không hiểu là tại sao tất cả những thứ đó lại có liên quan với an ninh quân đội của chúng ta. Dù sao thì người ta cũng có khả năng suy xét một cách khách quan, dựa trên các sự kiện, về thái độ của họ đối với chúng ta chứ?" – "Đó chỉ đơn giản là một vấn đề về chủng tộc, tôi trả lời. Chúng ta biết rằng có những nhóm kém cỏi hơn xét về mặt chủng

tộc, trong đó có Do Thái, những kẻ mang những đặc tính rõ rệt, những cái đó đến lượt mình lại định trước sự đối bại của Bônsêvich, ăn cắp, giết người, và đủ mọi hành vi xấu xa khác. Dĩ nhiên là không phải mọi thành viên trong nhóm đều như vậy. Nhưng trong thời chiến, trong tình hình chiếm đóng và với nguồn lực hạn chế, chúng ta không thể tiến hành những điều tra mang tính cá nhân. Vì vậy chúng ta bị buộc phải xem xét các nhóm mang nguy cơ từ toàn thể, và phải phản ứng theo cách tổng thể. Điều này tạo ra những bất công lớn, nhưng nguyên do nằm ở hoàn cảnh đặc biệt thôi." Voss nhìn tách cà phê của mình với vẻ cay đắng và buồn bã. "Doktor Aue. Tôi vẫn luôn coi anh là một người thông minh và có đầu óc. Ngay cả khi tất cả những gì anh vừa nói với tôi là đúng, thì anh hãy giải thích cho tôi, xin anh đấy, anh hiểu chủng tộc như thế nào. Bởi vì với tôi, đó là một khái niệm không thể định nghĩa về mặt khoa học và do đó không có giá trị lý thuyết gì hết." – "Thế nhưng, chủng tộc lại tồn tại, đó là một sự thật, các nhà nghiên cứu giỏi nhất của chúng ta nghiên cứu nó và viết về nó. Anh biết rất rõ điều này. Các nhà nhân học chủng tộc của chúng ta là những người giỏi nhất thế giới." Đột nhiên Voss bùng nổ: "Chúng là một lũ thối tha. Chúng không có sự cạnh tranh nào tại những đất nước nghiêm túc bởi vì bộ môn của chúng không tồn tại và không được giảng dạy ở đó. Không kẻ nào trong số chúng sẽ có được một chỗ làm và in được sách nếu đó không phải là vì những động cơ chính trị!" – "Doktor Voss, tôi rất tôn trọng ý kiến của anh, nhưng không phải là anh đã nói quá rồi sao?" tôi nhẹ nhàng đáp. Voss đập mạnh lòng bàn tay lên mặt bàn, làm những cái tách và lọ đựng hoa giả nảy lên; tiếng động và giọng nói oang oang của anh khiến vài cái đầu ngoảnh sang nhìn: "Cái thứ *triết học của bọn bác sĩ thú y* đó, như Herder từng nói, đã lấy cắp tất cả các khái niệm của nó từ ngôn ngữ học, thứ khoa học duy nhất của con người cho đến thời điểm này có được một nền tảng lý thuyết khả dĩ một cách đúng đắn. Anh có hiểu" – anh hạ giọng xuống, nói gấp gáp và giận dữ – "anh có hiểu được dù chỉ một lý thuyết khoa học là như thế nào

không? Một lý thuyết không phải là một sự kiện: đó là một công cụ cho phép đưa ra những định đề và tạo ra các giả thuyết mới. Người ta nói một lý thuyết là tốt, trước hết, là vì nó tương đối đơn giản, và tiếp theo, nếu nó cho phép có được những định đề khả kiểm. Vật lý Newton cho phép tính toán các quỹ đạo: nếu người ta quan sát vị trí của Mặt trăng hoặc sao Hỏa theo những thời điểm cách nhau vài tháng, thì lúc nào chúng cũng nằm đúng ở những nơi lý thuyết đã dự báo là chúng sẽ phải ở. Ngược lại, người ta đã nhận ra rằng quỹ đạo của sao Kim chứa đựng những bất thường nhỏ đi chệch ra khỏi quỹ đạo đã được lý thuyết của Newton dự đoán. Thuyết tương đối của Einstein dự đoán được mức độ lệch đó một cách chính xác: do đó nó tốt hơn là lý thuyết của Newton. Thế nhưng ở Đức, xưa kia là đất nước khoa học lớn nhất thế giới, lý thuyết của Einstein bị tố cáo là *khoa học Do Thái* và bị vứt bỏ mà không có lấy một lời giải thích nào. Điều này chỉ đơn giản là phi lý, và đó cũng chính là cái mà chúng ta chê trách ở những người Bônsêvích, với những thứ giả khoa học chỉ được dùng để phục vụ Đảng. Cũng giống hệt như vậy ở ngôn ngữ học và cái được gọi là nhân học chủng tộc. Chẳng hạn như trong ngôn ngữ học, ngữ pháp so sánh Ấn-Đức đã cho phép tạo ra một lý thuyết về những chuyển dịch âm vị, một điều mang giá trị dự đoán lớn lao. Bopp, vào năm 1820, đã phát hiện tiếng Hy Lạp và tiếng Latinh có nhiều tương đồng về nguồn gốc với tiếng Phạn. Xuất phát từ tiếng Iran trung gian và bằng cách đi theo cùng những nguyên tắc cố định, người ta tìm thấy lại được các từ Gaël, cái đó có thể tiến hành được và khả chứng. Do vậy đó là một lý thuyết tốt, mặc dù lúc nào nó cũng đang tiến triển, chịu những sửa chữa và hoàn thiện hóa. Nhân học chủng tộc, nếu so sánh với cái đó, không có được một lý thuyết nào hết. Nó đưa ra các chủng tộc, nhưng không thể định nghĩa được chúng, rồi phân chia các thứ bậc, không theo một tiêu chí nào cả. Tất cả những toan tính để định nghĩa các chủng tộc theo lối sinh học đều đã thất bại. Nhân học về sọ người đã từng là một cái lò nhét mọi thứ: sau nhiều thập kỷ của tính toán và tập hợp bảng, dựa trên các chỉ dẫn

hoặc từ góc độ hoang tưởng nhất, người ta vẫn không biết cách phân biệt một xương sọ Do Thái với một xương sọ Đức dù chỉ là với một mức độ chắc chắn tối thiểu. Còn về phía di truyền học Mendel, nó cung cấp các kết quả tốt cho những cơ quan có cấu tạo đơn giản, nhưng ngoài cái cằm Habsbourg người ta vẫn còn xa mới áp dụng được nó cho con người. Tất cả những cái đó đều đúng đến mức để viết ra các đạo luật về chủng tộc nổi tiếng của chúng ta, chúng ta đã phải dựa trên tôn giáo của ông bà! Người ta đã cho rằng người Do Thái của thế kỷ trước thuần khiết về mặt chủng tộc, nhưng điều đó là hoàn toàn vô đoán. Ngay cả anh hẳn cũng đã nhìn thấy rồi. Còn về những gì tạo nên một người Đức thuần khiết về mặt chủng tộc, thì không ai biết cả, dù cho điều đó có làm Reichsführer-SS của anh khó chịu thì cũng thế mà thôi. Như vậy, nhân học chủng tộc cái thứ không thể định nghĩa được, đã chỉ đơn giản là hạ thấp các phạm trù khả chứng hơn rất nhiều so với các nhà ngôn ngữ học. Schlegel, người say mê với các công trình của Humboldt và Bopp, đã suy ra từ sự tồn tại của một ngôn ngữ Ấn-Iran độc đáo rồi giả định ý tưởng về một dân tộc cũng độc đáo ngang bằng mà ông gọi là Aryen, sử dụng lại từ của Hérodote. Cũng như vậy đối với người Do Thái: khi các nhà ngôn ngữ học đã chứng minh xong về sự tồn tại của một nhóm ngôn ngữ tên là Sémitique, các chuyên gia nhân chủng đã bám ngay vào đó và nhào nặn nó một cách hoàn toàn không có lôgic, bởi vì nước Đức đang tìm cách o bế người Arập, và rằng Führer tiếp đón chính thức Đại Mufti của Jérusalem! Ngôn ngữ, với tư cách là cái chuyên chở văn hóa, có thể có ảnh hưởng lên tư duy và thái độ. Humboldt đã hiểu điều đó từ lâu lắm rồi. Nhưng ngôn ngữ cũng có thể được truyền đi và văn hóa, dù cho là theo một cách chậm chạp hơn, cũng vậy. Ở Turkestan thuộc Trung Quốc, những người Hồi giáo nói tiếng Thổ ở Urumchi hoặc Kashgar có vẻ bên ngoài rất giống người Iran: người ta hoàn toàn có thể nghĩ đó là dân cư đảo Sicile. Chắc chắn đó là hậu duệ của các dân tộc đến từ phía Tây và xưa kia từng nói một thứ tiếng Ấn-Iran. Rồi họ đã bị một dân tộc Thổ Nhĩ Kỳ, Ouighour, xâm chiếm và đồng hóa, học

ngôn ngữ của những người này và một phần tập quán của họ. Ngày nay họ là một nhóm văn hóa riêng biệt, chẳng hạn như là các dân tộc dòng Thổ Nhĩ Kỳ như Kazakh và Kirghize, và những người Trung Quốc bị Hồi giáo hóa mà người ta gọi là người Hui hoặc những người Hồi giáo Ấn-Iran như người Tadjik. Nhưng tìm cách định nghĩa họ theo một cách khác với theo ngôn ngữ của họ, tôn giáo của họ, tập quán của họ, nơi sống của họ, các thói quen kinh tế hoặc tình cảm của họ về bản sắc sẽ không có chút ý nghĩa nào hết. Và tất cả những cái đó đều là thu nhận được, không phải là bẩm sinh. Các thứ bệnh tim mạch được di truyền theo huyết thống, nếu sự phản bội cũng được di truyền, thì hẳn là sẽ không có ai chứng minh được nó. Ở Đức, những thằng ngu nghiên cứu mèo bị cắt cụt đuôi để tìm cách chứng minh rằng mèo con sinh ra cũng không có đuôi; và bởi vì chúng đeo một cái mề đay vàng mà người ta giao cho chúng một ghế giáo sư đại học! Ngược lại, ở Liên Xô, mặc cho mọi áp lực về chính trị, các công trình ngôn ngữ học của Marr và các đồng nghiệp của mình, ít nhất là ở cấp độ lý thuyết, vẫn rất tuyệt vời và khách quan, bởi vì" – anh gõ gõ mấy ngón tay xuống mặt bàn – "cũng như cái bàn này, cái đó có tồn tại. Với tôi thì những người như Hans Günther hoặc như Montandeau ở Pháp, cũng khá nổi tiếng, tôi chỉ muốn chửi vào mặt bọn họ. Và nếu những tiêu chí của bọn họ sẽ được dùng để quyết định sống chết của người ta, thì thà anh lấy súng bắn lung tung vào đám đông còn hơn, kết quả cũng sẽ giống hệt." Tôi không nói gì trong suốt bài độc thoại dài của Voss. Cuối cùng tôi trả lời, một cách chậm rãi: "Doktor Voss, từ trước đến nay tôi chưa bao giờ biết anh lại nóng nảy đến vậy. Các luận điểm của anh mang đầy tính khiêu khích, và tôi không thể theo kịp anh ở một số điểm. Tôi tin rằng anh đã đánh giá quá thấp một số khái niệm duy tâm, những cái tạo nên *Weltanschauung* của chúng ta và rất xa với một thứ *triết học của bọn bác sĩ thú y*, như anh vừa nói. Tuy nhiên, điều này đòi hỏi cần phải suy nghĩ và tôi không muốn trả lời một cách hời hợt. Vì vậy tôi hy vọng rằng anh sẽ cùng tôi nói tiếp câu chuyện này trong vài ngày nữa, khi tôi đã

kịp có thời gian để thỏa sức suy nghĩ về nó." – "Rất sẵn lòng. Voss nói, đã đột nhiên bình tĩnh lại. Tôi rất tiếc vì đã để cho cảm xúc cuốn đi. Chỉ đơn giản là, khi người ta nghe phải quá nhiều điều ngu xuẩn và bố láo xung quanh mình, đến một lúc nào đó sẽ rất khó để giữ im lặng. Tôi không nói về anh, tất nhiên, mà là một số đồng nghiệp của tôi. Ham muốn duy nhất và hy vọng duy nhất của tôi là khoa học Đức, khi mọi thứ đam mê quái đản đã qua đi, tìm lại được vị trí mà nó đã có được một cách khó nhọc nhờ vào công việc của những con người tinh tế, giỏi giang, chăm chú và khiêm nhường trước mọi thứ của cuộc đời này."

Tôi đặc biệt quan tâm đến một vài luận điểm của Voss: nếu người *Bergjude* quả thực tự coi mình, và bị những người hàng xóm của mình coi là những người miền núi Caucase thực thụ, thì thái độ của họ đối với chúng tôi, xét về tổng thể, sẽ có thể là trung thực, dù cho nguồn gốc của họ là gì đi chăng nữa. Các yếu tố văn hóa và xã hội cũng có thể có vai trò; chẳng hạn như là cần tính đến mối quan hệ mà dân tộc này có với chính quyền Xô viết. Những lời của ông già người Tat ở Piatigorsk đã gợi ý với tôi rằng người *Bergjude* không mấy yêu quý những người Do Thái Nga, và có thể là cũng hoàn toàn giống như vậy đối với cả hệ thống của Stalin. Thái độ của các bộ tộc khác với họ cũng rất quan trọng, không thể chỉ phụ thuộc vào lời nói của một mình Chadov được: cả ở đây nữa, rất có thể, người Do Thái cũng sống theo lối tầm gửi. Trở về Piatigorsk, tôi nghĩ đến các luận điểm khác của Voss. Chối bỏ hoàn toàn nhãn học chủng tộc như vậy với tôi là quá lời; chắc chắn là các phương pháp có thể được cải thiện hơn nữa, và tôi không hề nghi ngờ về chuyện những kẻ thiếu khả năng có thể lợi dụng các liên hệ với Đảng của mình để tự xây dựng một sự nghiệp không xứng đáng: ở Đức, loại tầm gửi này đầy nhung nhúc (và chiến đấu chống lại điều đó cũng là một trong các nhiệm vụ của SD, ít nhất là trong đầu óc của một số người). Nhưng Voss, mặc cho tất cả tài năng của mình, vẫn có những ý tưởng quá cực đoan của một người còn trẻ tuổi. Chắc chắn là mọi việc phức tạp hơn nhiều so với anh nghĩ. Tôi không có đủ hiểu

biết để có thể chỉ trích anh, nhưng có vẻ như là nếu người ta tin một ý tưởng nào đó về nước Đức và vào *Volk* Đức, tất cả những gì còn lại sẽ tự nhiên mà tới. Một số điều có thể được chứng minh, nhưng những điều khác thì chỉ có thể đơn giản là được hiểu; hẳn đó cũng là một vấn đề về lòng tin.

Ở Piatigorsk, một câu trả lời đầu tiên của Berlin đang đợi tôi, gửi qua đường telex. Amt VII đã hỏi ý kiến của một giáo sư tên là Kittel, người tuyên bố: *Vấn đề khó, cần nghiên cứu theo từng vùng*. Không mấy khích lệ. Ngược lại, ban VII B 1 đã chuẩn bị hồ sơ, và chúng sắp được chuyển đến qua đường thư tín máy bay. Viên chuyên gia của Wehrmacht, von Gilsa thông báo với tôi, hiện đang trên đường tới, và chuyên gia của Rosenberg sẽ đến ngay sau đó. Trong khi chờ đợi chuyên gia của chúng tôi, tôi giải quyết vấn đề quần áo mùa đông. Reuter đã thân ái cho tôi sử dụng một trong số các thợ thủ công Do Thái: ông già râu dài, khá gầy gò đến lấy số đo của tôi, và tôi đặt ông ta làm một cái áo măng tô dài màu xám kiểu cổ và có lót bằng lông cừu mà người Nga gọi là *chouba*, và một đôi bốt da có lót bên trong; về phần chapka (cái của năm ngoái đã biến mất từ lâu), tôi tự đi kiếm một cái bằng lông cáo màu bạc ở *Verkhnii rynok*. Nhiều sĩ quan của Waffen-SS có thói quen khâu hình sọ người trên những chiếc chapka không thuộc quân phục của mình; tôi thấy như vậy là quá điệu đà; nhưng ngược lại tôi gỡ ngù vai và phù hiệu SD khỏi một trong những cái áo varoi để cho khâu nó lên áo măng tô.

Những cơn buồn nôn và đợt nôn mửa xảy đến thất thường; và những giấc mơ đáng sợ làm sự khó ở của tôi tăng thêm. Chúng vẫn thường xuyên đen tối và mờ đục, buổi sáng sẽ xóa đi tất cả mọi hình ảnh và chỉ còn để lại sự nặng nề. Nhưng cũng có lúc bóng tối đó bị xé toang, để lộ ra những ảo ảnh vô cùng rõ nét và đầy kinh hoàng. Hai hay ba đêm sau khi quay trở về Naltchik, tôi mở nhầm một cánh cửa: Voss, trong một căn phòng tối om và trống không, đang bò bốn chân, sau đít để trần; và từ lỗ đít anh chảy ra thứ cứt lỏng. Lo lắng, tôi vội lấy giấy, những trang báo *Izvestia*, và tìm cách lau thứ chất lỏng màu nâu đang dần trở nên

sậm màu hơn và càng dày thêm lên. Tôi cố giữ cho hai tay mình sạch, nhưng không thể, thứ chất bài tiết gần như đen kịt phủ kín những tờ giấy và những ngón tay tôi, rồi toàn bộ bàn tay luôn. Kinh tởm đến phát bệnh, tôi chạy đi rửa tay trong một bồn tắm gần đó; nhưng trong lúc ấy thứ chất này vẫn tiếp tục tuôn trào. Khi tỉnh dậy, tôi tìm cách hiểu những hình ảnh kinh khủng đó; nhưng hẳn là tôi vẫn chưa hoàn toàn tỉnh táo, vì những ý nghĩ của tôi, khi đó tôi thấy hoàn toàn sáng suốt, vẫn mù mờ ngang bằng với chính bản thân ý nghĩa của hình ảnh: trên thực tế có vẻ như là có vài dấu vết cho thấy các nhân vật đó lại là biểu hiện của những nhân vật khác, người bò bốn chân hẳn là chính tôi, còn người lau chùi cho người đó là bố tôi. Và những bài báo trên *Izvestia* có thể nói về những gì? Liệu đó chẳng phải chính là một văn bản, rất có thể mang tính chất quyết định, về vấn đề Tat? Việc nhận thư của VII B 1, do một ai đó tên là Oberkriegsverwaltungsrat tiến sĩ Füsslein gửi, không thể giải quyết được sự bi quan của tôi; tay Oberkriegsverwaltungsrat hăng hái đó, quả thực, chỉ làm một việc đơn giản là tập hợp các đoạn trích khác nhau của *Bách khoa toàn thư Do Thái* lại, trong đó có những thứ rất uyên bác, nhưng các ý kiến trái ngược nhau đó, than ôi, không cho phép rút ra một kết luận nào. Tôi cũng được biết rằng người đầu tiên nói đến người Do Thái vùng Caucase là Benjamin xứ Tudela, người đã du hành ở những vùng này vào khoảng năm 1170, và Pethahiah thành Ratisbonne đã khẳng định rằng họ có nguồn gốc Ba Tư và đến vùng Caucase vào thế kỷ thứ XII. Guillaume xứ Ruysbroek, vào năm 1254, đã tìm thấy một số lượng lớn dân cư Do Thái ở vùng phía Đông dãy núi, trước Astrakan. Nhưng một văn bản tiếng Georgia năm 314, lại nói đến những người Do Thái nói tiếng Hebreu, những người có vẻ như đã bắt đầu dùng tiếng Iran cổ ("Parsee" hay "Tat") sau thời kỳ người Ba Tư chiếm đóng vùng Transcaucasie, trộn lẫn tiếng Hebreu với các ngôn ngữ địa phương. Thế nhưng người Do Thái ở Georgia, theo Koch được gọi là *Huria* (có thể được phái sinh từ *Iberia*) không nói tiếng Tat mà một thứ thổ ngữ Kartvélien. Và theo *Derbent-Nameh*, người Arập

đã tìm thấy ở Daghestan những người Do Thái khi họ chinh phục nơi này, vào thế kỷ VIII. Các nhà nghiên cứu hiện thời chỉ làm cho mọi việc thêm rối tinh lên. Quả thực là phải cảm thấy tuyệt vọng: tôi quyết định gửi tất cả cho Bierkamp và Leetsch mà không kèm theo lời bình luận nào, nhấn mạnh rằng cần phải triệu tập một chuyên gia càng sớm càng tốt.

Tuyết ngừng rơi vài ngày, rồi lại tiếp tục. Ở nhà ăn, các sĩ quan thì thầm nói chuyện với nhau, vẻ lo lắng: Rommel đã bị người Anh đánh bại ở El-Alamein, rồi vài ngày sau đó, Liên quân Anh-Mỹ đổ bộ lên Bắc Phi; các lực lượng của chúng tôi, để trả đũa, vừa chiếm Vùng tự do ở Pháp; nhưng điều đó đã thúc đẩy các đội quân của Vichy ở châu Phi gia nhập Đồng minh. "Giá mà ở đây mọi chuyện tốt hơn," von Gilsa bình luận. Nhưng trước Ordjonikidze các sư đoàn của chúng tôi đã chuyển sang thế phòng thủ; phòng tuyến chạy từ miền Nam Tcheguem và từ Naltchik về phía Tchikola và Gizel, rồi chạy ngược lên dọc theo sông Terek cho tới phía Bắc Malgobek; rất nhanh chóng, một cuộc phản công của Xô viết đã chiếm lại Gizel. Rồi sự kiện bất ngờ đó xảy đến. Tôi không biết ngay lập tức, vì các sĩ quan của Abwehr không cho tôi vào phòng bản đồ và từ chối cung cấp thông tin. "Tôi rất tiếc, Reuter xin lỗi. Kommandant của anh sẽ thảo luận về việc đó với OKHG." Đến cuối ngày, tôi cũng biết được rằng quân Xô viết đã tổ chức một cuộc phản công trên mặt trận Stalingrad; nhưng ở đâu và với tầm vóc như thế nào thì tôi không sao tìm cách biết được: các sĩ quan của AOK, với những khuôn mặt u tối và căng thẳng, nhất quyết từ chối nói chuyện với tôi. Qua điện thoại, Leetsch khẳng định rằng OKHG sẽ phản ứng theo cùng một cách; Gruppenstab không biết nhiều hơn tôi, và yêu cầu tôi chuyển gấp mọi thông tin mới về. Thái độ đó vẫn tiếp diễn trong ngày hôm sau, và tôi nổi cáu với Reuter, người lạnh lùng trả lời rằng AOK không có trách nhiệm gì trong việc thông báo cho SS về các chiến dịch đang tiến hành ở bên ngoài vùng đất họ đang chiếm. Nhưng những tin đồn đã lan truyền, các sĩ quan không còn tiếp tục kiểm soát được những *Latrinenparole* nữa; tôi tìm

cách nghe ngóng ở chỗ những người lái xe, sĩ quan liên lạc và hạ sĩ quan, và trong vài giờ, bằng kết nối và suy luận, tôi đã có thể tự hình dung ra mức độ nguy hiểm. Tôi gọi lại cho Leetsch, có vẻ như ông ta cũng có cùng các thông tin đó; nhưng không ai khả dĩ nói về câu trả lời có thể có của Wehrmacht. Hai mặt trận Rumani, ở phía Tây Stalingrad trên sông Đông và ở phía Nam trên thảo nguyên Kalmouk, sụp đổ, và quân Đỏ rõ ràng là đang tìm cách tiêu diệt đại đoàn số 6. Vậy thì họ đã tìm đâu ra được những lực lượng cần thiết đó? Tôi không thể biết được là từ đâu, tình hình diễn biến quá nhanh ngay cả đối với những người đầu bếp, nhưng có vẻ như là việc đại đoàn số 6 phải rút lui là vô cùng cấp bách để có thể duy trì được vòng vây; thế nhưng nó không hề nhúc nhích. Ngày 21 tháng Mười một, Generaloberst von Kleist được phong làm Generalfeldmarschall và được cử làm tư lệnh tập đoàn quân A: chắc là Führer đã cảm thấy không đủ sức đảm trách được nữa. Generaloberst von Mackensen thay chỗ von Kleist đứng đầu đại đoàn thiết giáp số 1. Von Gilsa chuyển cho tôi tin mới này theo con đường chính thức; ông ta có vẻ tuyệt vọng, và úp mở để cho tôi hiểu rằng tình hình đang trở nên bi thảm. Ngày hôm sau đó, một ngày Chủ nhật, hai gọng kìm của Xô viết hội quân được ở Kalatch-trên-sông-Đông, và đại đoàn số 6 cùng một phần đại đoàn thiết giáp số 4 bị bao vây. Có những tin đồn nói đến sự bỏ chạy tán loạn, đến những con số thương vong khổng lồ, đến sự hỗn độn; nhưng mỗi thông tin chính xác một chút lại nói ngược hẳn lại so với thông tin trước đó. Đến cuối ngày, cuối cùng, Reuter đưa tôi vào chỗ von Gilsa, người dành cho tôi một trình bày ngắn gọn trên bản đồ. "Quyết định không tìm cách sơ tán đại đoàn số 6 đã được đích thân Führer thông qua," ông ta nói với tôi. Các sư đoàn bị bao vây giờ đây đã tạo thành một *Kessel* khổng lồ, nghĩa là một "lòng chảo" như người ta vẫn hay nói, chắc chắn là bị chia cắt khỏi các phòng tuyến của chúng ta, nhưng trải rộng từ Stalingrad xuyên qua thảo nguyên, gần đến tận sông Đông. Tình hình rất đáng lo ngại, nhưng các tin đồn đã phóng đại mọi chuyện rất nhiều: bên Đức chỉ mất ít người cùng trang thiết

bị và vẫn giữ nguyên được hàng ngũ; hơn nữa, kinh nghiệm ở Demiansk hồi năm ngoái cho thấy rằng một *Kessel*, được cung cấp lương thực qua đường hàng không, có thể trụ vững mãi. "Một kế hoạch giải vây đang được tiến hành," ông ta kết luận. Ngày hôm sau một cuộc họp do Bierkamp triệu tập khẳng định thông tin theo hướng lạc quan đó: Reischsmarschall Göring, Korsemann thông báo, đã hứa với Führer rằng Luftwaffe có đủ khả năng tiếp tế cho đại đoàn số 6; General Paulus đã đặt bộ tham mưu của mình ở Goumrak để chỉ huy các hoạt động từ bên trong Kessel; và người ta gọi Generalfeldmarschall von Manstein từ Vitebsk về để tạo lập một tập đoàn quân mới của vùng sông Đông và tung một cuộc tấn công về phía các đội quân bị bao vây. Tin cuối cùng này đã mang đến một sự nhẹ nhõm to lớn: kể từ khi chiếm được Sébastopol, von Manstein đã được coi là vị tướng giỏi nhất của Wehrmacht; nếu có ai đó đủ khả năng gỡ rối tình hình, thì đó hẳn phải là ông ta.

Cùng lúc đó, viên chuyên gia mà chúng tôi đang cần đến nơi. Vì Reichsführer đã cùng Führer rời khỏi Vinnista hồi cuối tháng Mười để quay về Đông Phổ, Korsemann phải nói chuyện thẳng với Berlin và RuSHA chấp nhận gửi đến một phụ nữ, tiến sĩ Weseloh, chuyên gia về các ngôn ngữ Iran. Bierkamp tỏ ra vô cùng không hài lòng khi biết tin: ông ta muốn có một chuyên gia về chủng tộc của Amt IV, nhưng không ai trong số đó có thể đến được. Tôi trấn an ông ta, giải thích rằng cách tiếp cận theo hướng ngôn ngữ học sẽ rất có ích. Tiến sĩ Weseloh đã có thể đi nhờ một máy bay chở thư đến Rostov, có rẽ qua Kiev, nhưng đến đó thì buộc phải tiếp tục bằng tàu hỏa. Tôi đi đón bà ta ở ga Vorochilovsk nơi tôi gặp bà ta cùng với nhà văn nổi tiếng Ernst Jünger, hai người đang tranh luận rất hăng hái. Jünger, hơi mệt mỏi nhưng ăn vận vẫn hết sức bảnh bao, một bộ quân phục đánh trận cấp bậc Hauptmann của Wehrmacht; Weseloh mặc đồ dân sự, một chiếc áo vest và một cái jupe dài bằng len màu ghi sợi to. Bà ta giới thiệu tôi với Jünger, rõ ràng là đang hết sức thích thú với người quen mới của mình: bà ta đã tình cờ ở cùng khoang tàu

với ông ta kể từ Krapotkine, và đã ngay lập tức nhận ra ông ta. Tôi bắt tay ông ta và tìm cách nói vài lời về tầm quan trọng của những cuốn sách của ông ta, đặc biệt là *Người lao động*, đối với bản thân tôi, nhưng các sĩ quan của OKHG đã bao vây lấy ông ta và kéo ông ta đi theo. Weseloh nhìn ông ta đi khỏi, vẻ xúc động, tay đưa lên vẫy vẫy. Đó là một người phụ nữ khá gầy, ngực phẳng, nhưng hông lại rộng một cách vô lối; bà ta có một khuôn mặt ngựa dài, mái tóc vàng chải thành một túm tóc bồng lên, và cặp kính để lộ một đôi mắt hơi sợ hãi, nhưng đồng thời cũng đầy hăng hái. "Tôi rất tiếc vì không mặc quân phục, bà ta nói sau khi chúng tôi đã chào nhau theo kiểu Đức xong. Người ta đã yêu cầu tôi đi vội đến mức tôi còn không có đủ thời gian để kiếm một bộ." – "Không sao đâu, tôi thân ái đáp lại. Ngược lại, chị sẽ bị lạnh đấy. Tôi sẽ tìm cho chị một cái áo măng tô." Trời mưa và phố ngập bùn; trên đường đi, bà ta say sưa nói về Jünger, từ Pháp sang để thanh tra; họ đã nói chuyện về những tấm bia mộ Ba Tư và Jünger đã khen ngợi sự hiểu biết sâu rộng của bà ta. Ở tập đoàn quân, tôi giới thiệu bà ta với tiến sĩ Leetsch, người giải thích mục đích nhiệm vụ cho bà ta; sau bữa trưa, ông ta giao bà ta cho tôi và bảo tôi cho bà ta đến ở Piatigorsk, trợ giúp bà ta trong công việc và chăm sóc bà ta. Trên đường đi, bà ta lại nói với tôi về Jünger, rồi hỏi tôi về tình hình ở Stalingrad: "Tôi đã nghe rất nhiều tin đồn. Thật ra thì chuyện gì đã xảy ra?" Tôi nói cho bà ta những thông tin ít ỏi mà tôi biết. Bà ta chăm chú lắng nghe và cuối cùng nói, vẻ đầy tin tưởng: "Tôi chắc chắn rằng đó là một kế hoạch xuất sắc của Führer nhằm nhử lực lượng kẻ thù vào một cái bẫy và tiêu diệt bọn chúng một lần cho gọn." – "Chắc chắn là chị có lý." Ở Piatigorsk, tôi cho bà ta vào ở một khu điều dưỡng, rồi đưa cho bà ta đống hồ sơ và báo cáo của tôi. "Chúng tôi cũng có nhiều nguồn tiếng Nga," tôi nói với bà ta. – "Thật không may, bà ta lạnh lùng trả lời, tôi không đọc được tiếng Nga. Nhưng những gì anh có ở đây đã đủ lắm rồi." – "Vậy thì tốt. Khi nào chị xong, chúng ta sẽ cùng đi Naltchik."

Tiến sĩ Weseloh không đeo nhẫn cưới, nhưng không hề có

vẻ gì là quan tâm đến các quân nhân đẹp trai vây quanh mình. Tuy nhiên, mặc cho vẻ bên ngoài không mấy bất mãn của bà ta và những động tác đầy vụng về, trong vòng hai ngày tiếp theo đó tôi phải tiếp nhiều khách hơn so với thường lệ: các sĩ quan không chỉ của Abwehr, mà ngay cả của các ban tác chiến, những người bình thường không mấy khi thèm nói chuyện với tôi, đột nhiên tìm ra đủ thứ lý do cấp bách để đến gặp tôi. Không một người nào bỏ qua dịp chào vị chuyên gia của chúng tôi, người ngồi lì trong một phòng làm việc và đắm chìm trong đống tài liệu, chỉ đôi khi mới đáp lại những lời chào của họ bằng một câu nói lơ đãng hoặc một cái gật đầu, trừ khi đó là một sĩ quan cấp bậc cao hơn cần phải chào. Bà ta chỉ thực sự phản ứng một lần, khi viên Leutnant trẻ tuổi von Open đến rập gót trước bàn bà ta và nói: "Xin cho phép tôi, Fräulein Weseloh, chào mừng bà đến với vùng Caucase của chúng tôi..." Bà ta ngẩng đầu lên ngắt lời anh ta: "Fräulein Doktor Weseloh, xin anh làm ơn." Von Open, bị bất ngờ, đỏ mặt và ấp úng mấy lời xin lỗi, nhưng Fräulein Doktor đã quay trở lại với đống tài liệu của mình. Tôi phải khó khăn lắm mới không phá lên cười trước cô gái già ưa khoa trương và khó tính nhưng không mấy thông minh cũng như không mấy nổi bật về khía cạnh con người. Đến lượt mình tôi cũng có dịp phải chịu đựng tính cách mạnh mẽ của bà ta khi muốn bàn luận về kết quả công việc. "Tôi không hiểu tại sao người ta phải đưa tôi đến tận đây, bà ta ngạo nghễ khịt mũi. Tôi thấy vấn đề đã quá rõ ràng rồi." Tôi bảo bà ta nói tiếp. "Vấn đề ngôn ngữ không hề quan trọng chút nào. Vấn đề tập quán quan trọng hơn một chút, nhưng không nhiều lắm. Nếu đó là Do Thái, thì chúng vẫn cứ là Do Thái mặc cho tất cả các toan tính đồng hóa, chính xác giống như bọn Do Thái ở Đức, những kẻ nói tiếng Đức và ăn mặc như giới tư sản phương Tây, nhưng vẫn là Do Thái dưới cái yếm hồ bột cứng của chúng, và không thể lừa gạt ai hết cả. Cứ cởi quần dài kẻ sọc của một nhà công nghiệp Do Thái, bà ta nói tiếp một cách thẳng thừng, anh sẽ tìm thấy một kẻ bị cắt quy đầu. Ở đây thì cũng vậy thôi. Tôi không hiểu tại sao người ta lại phải băn khoăn nhiều đến vậy."

Tôi tảng lờ cách nói năng, điều khiển tôi đâm ra nghi ngờ, ở vị nữ tiến sĩ với vẻ bên ngoài băng giá đến vậy, những rối loạn ở chiều sâu và ham muốn xấu xa, nhưng tôi cũng tự cho phép mình nêu nhận xét rằng, nhìn vào các tập quán của người Hồi giáo, tôi thấy ít nhất là dấu hiệu đó không được thuyết phục cho lắm. Bà ta nhìn tôi với vẻ còn khinh bỉ hơn nữa: "Tôi nói theo lối ẩn dụ, Hauptsturmführer. Anh coi tôi là ai vậy? Điều tôi muốn nói, đó là các *Fremdkörper* vẫn là như vậy dù cho bối cảnh có là thế nào đi chăng nữa. Tôi sẽ chứng minh những gì tôi muốn nói tại chỗ."

Nhiệt độ giảm đi rõ rệt, và chiếc áo lông của tôi mãi vẫn chưa lấy được. Weseloh có một chiếc măng tô không to lắm nhưng có hai lớp mà Reuter đã tìm được cho bà ta; ít nhất thì trong những chuyến thực địa, tôi đã có cái chapka. Nhưng ngay cả cái đó cũng làm bà ta thấy khó chịu: "Bộ quần áo này không hợp quy phải không Hauptsturmführer?" bà ta nói khi nhìn thấy tôi đội mũ chapka lên đầu. – "Quy định được thảo ra từ trước khi chúng ta đến Nga, tôi lịch sự giải thích. Nó còn chưa được cải tiến. Tôi lưu ý chị rằng áo măng tô Wehrmacht của chị cũng không hợp quy đâu." Bà ta nhún vai. Trong khi bà ta nghiên cứu tài liệu, tôi đã tìm cách lên Vorochilovsk với hy vọng tìm được một cơ hội gặp Jünger; nhưng điều đó là không thể, và tôi phải hài lòng với những lời bình luận của Weseloh, vào buổi tối, ở phòng ăn sĩ quan. Giờ đây tôi phải chở bà ta đến Naltchik. Trên đường, tôi nói đến Voss và sự có mặt của anh trong hội đồng của Wehrmacht. "Tiến sĩ Voss à? bà ta nói vẻ tư lự. Quả thực đó là một chuyên gia khá tiếng tăm. Nhưng các công trình của anh ta bị phê phán rất nhiều ở Đức. Dù sao thì cũng rất thú vị nếu gặp được anh ta." Tôi cũng rất muốn gặp lại Voss, nhưng là hai người với nhau, hoặc ít nhất cũng không phải là với sự có mặt của con mụ miền Bắc độc ác này; tôi muốn tiếp tục cuộc nói chuyện ngày hôm trước; và rồi giấc mơ, tôi phải thú nhận như vậy, nó đã làm tôi cảm thấy bối rối, và tôi nghĩ rằng một cuộc nói chuyện với Voss, tất nhiên là không nhắc đến những hình ảnh kinh khủng đó, sẽ giúp tôi làm sáng tỏ một số điều. Ở Naltchik, trước hết tôi đến văn phòng của

Sonderkommando. Persterer vắng mặt, nhưng tôi có thể giới thiệu Weseloh với Wolfgang Reinholz, một sĩ quan của Kommando cũng đang phụ trách vấn đề các *Bergjude*. Reinholz nói với chúng tôi rằng các chuyên gia của Wehrmacht và của *Ostministerium* đã qua đây. "Họ đã gặp Chabaev, ông già ít nhiều đại diện cho các *Bergjude*, ông ta đã đón tiếp họ trọng thể và dẫn họ đi thăm *kolonka*." – "*Kolonka* à? Weseloh hỏi. Cái gì thế?" – "Khu Do Thái. Nó nằm cách trung tâm một chút về phía Nam, giữa ga và sông. Chúng tôi sẽ dẫn hai người đến đó. Theo các thông tin của tôi, anh ta quay về phía tôi, Chabaev đã cho cất hết thảm, giường, ghế phôtơi đi để che giấu sự giàu có của bọn họ, và đã mời các chuyên gia ăn món chachlik. Ở đó họ chỉ nhìn thấy cái lò sưởi." – "Tại sao anh không can thiệp?" Weseloh hỏi. – "Vấn đề hơi phức tạp một chút, Fräulein Doktor, Reinholz đáp. Có những vấn đề về luật pháp. Lúc này, người ta cấm chúng tôi can dự vào chuyện của bọn Do Thái đó." – "Dù thế nào đi nữa, bà ta đáp lại về bực tức, thì tôi cũng đảm bảo với các anh rằng tôi sẽ không bao giờ để cho mình bị lừa bởi mấy cái trò đó đâu."

Reinholz sai hai Orpo đi triệu tập Chabaev đến và mời Weseloh uống trà; tôi gọi điện sang Ortskommandantur để gặp Voss, nhưng anh đã đi khỏi; người ta hứa sẽ nhắn anh gọi lại cho tôi khi anh quay về. Reinholz, cũng như tất cả mọi người, đã nghe nói về việc Jünger đến đây, hỏi Weseloh về các thiên hướng quốc xã của nhà văn; rõ ràng là Weseloh không biết gì cả, nhưng tin rằng mình từng nghe nói ông ta không phải là đảng viên. Một lúc sau, Chabaev xuất hiện: "Markel Avgadulovich", ông ta tự giới thiệu. Ông ta mặc một bộ quần áo truyền thống của người miền núi và có một bộ râu đường bệ, và có vẻ kiên quyết và đầy tự chủ. Ông ta nói tiếng Nga với một cái giọng nặng trịch, nhưng viên *Dolmetscher* không có vẻ gì là gặp phải khó khăn trong việc dịch. Weseloh mời ông ta ngồi và bắt đầu cuộc nói chuyện bằng một thứ tiếng mà không ai trong số chúng tôi hiểu được. "Tôi biết các phương ngữ ít nhiều gần với tiếng Tat, bà ta tuyên bố. Tôi sẽ nói thứ tiếng đó với ông ta và sẽ giải thích cho các anh sau." Tôi để

họ lại và đi uống một tách trà với Reinholz trong một phòng khác. Anh ta nói với tôi về tình hình địa phương; các thắng lợi của Xô viết xung quanh Stalingrad đã tạo ra những bất ổn lớn ở người Kabarde và người Balkar, và hoạt động của bọn du kích trên các vùng núi lại nhộn nhịp. OKHG có kế hoạch sẽ sớm tuyên bố tình tự trị và định sẽ giải tán các nông trường tập thể và nông trường quốc doanh vùng núi (những cái nằm ở vùng sông Baksan và Terek, được xem là của người Nga, sẽ không bị giải tán) và chia đất cho người dân bản địa để trấn an tinh thần họ. Sau một tiếng rưỡi, Weseloh xuất hiện: "Lão già muốn chỉ cho chúng ta khu phố và nhà của mình. Các anh muốn đi chứ?" – "Rất sẵn lòng. Còn anh?" tôi nói với Reinholz. – "Tôi đi rồi. Nhưng ở đó lúc nào cũng được ăn ngon." Anh ta lấy một đội hộ tống gồm ba Orpo và lái xe chở chúng tôi đến nhà Chabaev. Ngôi nhà, xây bằng gạch với một khoảng sân trong rộng rãi, gồm những căn phòng trống trải, không hành lang. Sau khi bảo chúng tôi tháo bốt bỏ bên ngoài, người ta mời chúng tôi đến ngồi trên những cái đệm nhỏ loại tồi và hai người phụ nữ trải một tấm vải nỉ đánh xi ra trước mặt chúng tôi. Nhiều đứa trẻ con chạy vào phòng và dồn cả vào một góc, đứng nhìn chúng tôi với những đôi mắt mở to, thì thào và cười với nhau. Chabaev ngồi xuống một cái đệm đối diện chúng tôi trong khi một người đàn bà trạc tuổi ông ta, đầu bó chặt trong một cái khăn màu sắc sặc sỡ, phục vụ chúng tôi trà. Trong phòng rất lạnh và tôi vẫn mặc nguyên cái măng tô. Chabaev nói vài lời bằng thứ tiếng của mình. "Ông ta xin lỗi vì chỉ đón tiếp được đơn sơ như thế này, Weseloh dịch lại, vì họ không chờ đợi chúng ta. Vợ ông ta sẽ đun nước pha trà. Ông ta cũng đã mời vài người hàng xóm sang để nói chuyện với chúng ta." – "Trà, Reinholz nói rõ hơn, có nghĩa là ăn no lòi kèn. Tôi hy vọng là hai người đang đói." Một thằng bé bước vào và nói vài câu rất nhanh với Chabaev trước khi chạy vụt đi. "Cái đó thì tôi không hiểu," Weseloh nổi giận. Bà ta nói một lúc với Chabaev. "Ông ta nói rằng đó là con trai một người hàng xóm, họ nói với nhau bằng tiếng Kabarde." Từ trong bếp, một cô gái rất xinh mặc váy dài và

quấn khăn mang ra nhiều miếng bánh mì tròn và dẹt lớn, và đặt lên trên tấm vải. Rồi bà vợ của Chabaev và cô đặt những cái bát đựng pho mát trắng, hoa quả khô, kẹo gói trong giấy bạc xuống. Chabaev xé một cái bánh mì và chia cho chúng tôi những mẩu nhỏ: vẫn còn nóng rồn, rất ngon. Một ông già khác vận *papakh* và đi bốt mềm bước vào và ngồi xuống bên cạnh Chabaev, rồi thêm một người khác nữa. Chabaev giới thiệu họ. "Ông ta nói rằng người bên tay trái là một người Tat Hồi giáo, Weseloh giải thích. Kể từ đầu, ông ta đã tìm cách nói với tôi rằng chỉ có người Tat là theo tôn giáo Do Thái. Tôi sẽ hỏi ông ta." Bà ta nói chuyện một hồi lâu với ông già thứ hai. Thấy hơi chán, tôi ngồi nhấm nháp đồ ăn và ngắm nhìn căn phòng. Những bức tường, không treo gì, có vẻ như mới được quét vôi. Bọn trẻ con im lặng lắng nghe và dò xét chúng tôi. Bà vợ Chabaev và cô gái trẻ mang cho chúng tôi mấy cái đĩa đựng thịt cừu hầm với nước xốt tỏi và những viên bột luộc. Tôi bắt đầu ăn; Weseloh tiếp tục nói chuyện. Rồi người ta mang ra món chachlik gà băm để thành đống trên những cái bánh mì; Chabaev xé những cái bánh khác và chia từng khoanh cho mọi người để dùng thay cho đĩa, rồi với một con dao găm dài theo kiểu Caucase, một *kindjal*, lấy cho mỗi người chúng tôi vài viên, cắt thẳng từ que xiên ra. Người ta cũng mang đến cơm và thịt quấn trong lá nho. Tôi thích cái đó hơn thịt hầm, và bắt đầu thích thú ăn; Reinholz bắt chước tôi, trong khi có vẻ như là Chabaev đang hỏi dồn dập Weseloh, người không ăn uống gì cả. Bà vợ Chabaev cũng đến ngồi bên cạnh chúng tôi để dùng những động tác mạnh mẽ chỉ trích việc Weseloh không chịu ăn gì. "Fräulein Doktor, tôi nói với bà ta giữa hai lần nhai, chị có thể hỏi họ ngủ ở đâu được không?" Weseloh nói chuyện với bà vợ của Chabaev: "Bà ta nói là ở ngay đây, dưới sàn, trên nền gỗ." – "Theo tôi, Reinholz nói, bà ta nói dối." – "Bà ta nói rằng trước đây họ cũng có nệm, nhưng bọn Bônsêvich đã lấy đi hết của họ trước khi rút quân." – "Cái đó thì có thể là đúng," tôi nói với Reinholz; ông ta đang cắn chachlik và chỉ nhún nhẹ vai. Cô gái trẻ liên tục phục vụ trà nóng cho chúng tôi, theo một kỹ thuật kỳ lạ: trước tiên cô

đổ một thứ nước đặc màu đen từ một ấm pha trà nhỏ, rồi đổ thêm nước lên trên. Khi chúng tôi ăn xong, những người phụ nữ đến lấy những gì còn sót lại và dọn tấm vải; rồi Chabaev đi ra và quay trở lại với vài người đàn ông mang nhạc cụ, mà ông ta cho ngồi xuống dọc bức tường, đối diện với góc có những đứa trẻ. "Ông ta nói rằng bây giờ chúng ta sẽ nghe âm nhạc cổ truyền Tat, và xem những điệu nhảy của họ, để có thể thấy rằng chúng giống hệt với các dân tộc miền núi khác," Weseloh giải thích. Các nhạc cụ gồm có đàn banjo cán rất dài gọi là *tar*, những cây sáo dài tên là *saz* – một từ Thổ Nhĩ Kỳ, Weseloh nói rõ thêm, vì tinh thần nghề nghiệp – một cái bình đất dùng ống để thổi vào trong, và những cái trống nhỏ. Họ chơi nhiều bản nhạc và cô gái trẻ đã phục vụ trà nhảy múa trước mặt chúng tôi, một cách khá dè dặt nhưng đầy vẻ duyên dáng và mềm dẻo. Những người đàn ông không chơi nhạc đập theo nhịp trống. Những người khác đi vào và ngồi xuống hoặc đứng dựa vào tường, đám phụ nữ mặc jupe dài với những đứa trẻ con ở giữa hai chân, những người đàn ông trong trang phục người miền núi, quần áo đã sờn rách, hoặc mặc bờ lu và đội mũ cát két của công nhân Xô viết. Một trong số các phụ nữ ngồi cho một đứa bé bú, không quan tâm nhiều lắm đến việc che đậy. Một chàng thanh niên cởi áo vest ra để nhảy. Anh ta đẹp trai, nhã nhặn, thanh lịch, kiêu hãnh. Nhạc và những điệu nhảy trông khá giống với của người Karatchai, mà tôi đã xem ở Kislovodsk; phần lớn các bản nhạc, với những nhịp điệu lệch nghe rất lạ tai, rất vui vẻ và đầy phấn khích. Một trong số các nhạc công già hát một bài dài, chỉ được đệm bằng một cây banjo hai dây mà ông ta gảy bằng một cái móng. Đồ ăn và nước trà đẩy tôi vào một trạng thái yên bình, gần như thiếp ngủ, tôi để mặc cho nhạc cuốn mình đi và thấy toàn bộ cảnh tượng này thật đẹp đẽ và những con người kia mới nồng ấm làm sao, đáng yêu vô cùng. Khi nhạc dừng, Chabaev nói một cách trang trọng theo kiểu một bài diễn văn mà Weseloh không dịch lại; rồi người ta tặng quà cho chúng tôi: một tấm thảm phương Đông lớn dệt bằng tay cho Weseloh, mà hai người đàn ông trải ra trước mặt chúng tôi trước khi cuộn

lại, và những chiếc *kindjal* chế tác đẹp đẽ, đựng trong bao gỗ đen khảm bạc, cho Reinholz và tôi. Weseloh cũng nhận được những cái khuyên tai bằng bạc và một cái nhẫn từ tay bà vợ Chabaev. Cả đám người đưa chúng tôi ra phố, và Chabaev trang trọng bắt tay chúng tôi: "ông ta cảm ơn chúng ta vì đã cho ông ta cơ hội được thể hiện sự hiếu khách của người Tat, Weseloh lạnh lùng dịch lại. Ông ta xin lỗi vì sự nghèo nàn trong cách đón tiếp, nhưng nói rằng lỗi là của bọn Bônsêvich vì đã lấy cắp hết mọi thứ của họ."

"Đúng là một trò xiếc!" bà ta kêu lên trong xe. – "Như thế vẫn chưa là gì so với những gì mà họ đã làm cho hội đồng của Wehrmacht đâu," Reinholz bình luận. – "Còn những món quà nữa chứ! bà ta tiếp tục. Họ tưởng tượng ra điều gì thế? Định mua chuộc các sĩ quan SS à? Quả thực đó là một chiến thuật của bọn Do Thái." Tôi không nói gì: Weseloh làm tôi bực bội, có vẻ như là bà ta xuất phát từ một ý tưởng sẵn có; tôi không nghĩ rằng cần phải tiến hành mọi việc theo cách ấy. Ở văn phòng của Sonderkommando, bà ta giải thích cho chúng tôi rằng ông già mà bà ta đã nói chuyện biết rất rõ kinh Coran, những bài nguyện và tập quán Hồi giáo; nhưng theo bà ta, điều đó không chứng tỏ gì hết cả. Một người cần vụ bước vào và nói với Reinholz: "Có một cú điện thoại từ Ortskommandantur. Họ nói rằng có ai đó muốn gặp một Leutnant tên là Voss." – "A, của tôi đấy," tôi nói. Tôi đi theo người cần vụ vào phòng liên lạc và cầm lấy máy. Một giọng nói xa lạ cất lên: "Ông là người đã để lại một tin nhắn cho Leutnant Voss phải không?" – "Vâng," tôi trả lời, cảm thấy bối rối. – "Tôi rất tiếc phải báo với ông rằng ông ấy bị thương và không thể gọi lại cho ông được," người đàn ông nói. Cổ họng tôi thắt lại: "Có nặng không?" – "Cũng khá đấy." – "Ông ấy ở đâu?" – "Ở đây, bên y tế." – "Tôi đến ngay." Tôi bỏ máy và quay lại căn phòng nơi có Weseloh và Reinholz. "Tôi phải sang bên Ortskommandantur đây," tôi vừa cầm lấy áo măng tô vừa nói. – "Có chuyện gì vậy?" Reinholz hỏi. Mặt tôi trắng bệch ra, tôi quay nhanh lưng đi. "Tôi sẽ quay lại ngay," tôi nói và ra khỏi phòng.

Bên ngoài, bóng tối đã buông xuống, trời rất lạnh. Tôi đi bộ,

trong lúc vội vã tôi quên mất cái chapka, tôi nhanh chóng thấy run lên. Tôi rảo bước và thiếu điều trượt chân trên một khoảng băng cứng; tôi kịp thời bám tay vào một cái cột, nhưng lại bị đau tay. Cái lạnh siết chặt lấy đầu trần, những ngón tay, đút sâu trong túi áo, tê dại đi. Tôi cảm thấy từng cơn ớn lạnh chạy qua người. Tôi đã tính sai khoảng cách đến Ortskommandantur: khi đến nơi, trời đã tối đen, tôi run lên như một chiếc lá. Tôi hỏi một sĩ quan trực. "Tôi đã nói chuyện với anh phải không?" anh ta hỏi khi ra đến lối vào, nơi tôi đang cố gắng làm người mình ấm lên một cách vô vọng. – "Đúng. Chuyện gì đã xảy ra?" – "Chúng tôi chưa chắc chắn lắm. Người miền núi đã lôi ông ấy đến một cái xe bò. Ông ấy ở chỗ một *aoul* của người Kabarde, ở phía Nam. Theo các nhân chứng, ông ấy vào các nhà hỏi người sống ở đó về ngôn ngữ của họ. Một người hàng xóm nghĩ rằng ông ấy đã ở một mình với một cô gái trẻ và bị bố cô ta bắt gặp. Họ đã nghe thấy những tiếng súng nổ: khi đến nơi, họ tìm thấy Leutnant bị thương và cô gái đã chết. Người bố đã biến mất. Vậy là họ mang ông ấy về đây. Tất nhiên, đó chỉ là những gì họ kể lại cho chúng tôi. Cần phải tiến hành một cuộc điều tra." – "Ông ấy thế nào?" – "Tôi e rằng rất tệ. Ông ấy bị trúng đạn vào bụng." – "Tôi gặp ông ấy được không?" Viên sĩ quan do dự, anh ta dò xét nhìn mặt tôi với vẻ tò mò không che giấu. "Vụ việc này không liên quan đến bên SS," cuối cùng anh ta nói. – "Đó là một người bạn." Anh ta ngần ngừ thêm một lúc nữa, rồi đột ngột nói: "Nếu thế thật thì được. Nhưng tôi phải báo trước là ông ấy đang ở trong một tình trạng rất tệ hại đấy."

Anh ta dẫn tôi đi qua dãy hành lang mới được sơn lại màu ghi và xanh nhạt, đến một căn phòng lớn nơi vài người ốm và người bị thương nhẹ nằm trên một dãy giường. Tôi không nhìn thấy Voss. Một bác sĩ, mặc áo bờ lu trắng hơi lấm bẩn bên ngoài quân phục, đi về phía chúng tôi. "Vâng?" – "Ông đây muốn gặp Leutnant Voss, viên sĩ quan trực chỉ tay vào tôi nói. Tôi để hai người lại nhé. Tôi có việc phải làm." – "Cám ơn," tôi nói với anh ta. – "Đi đường này, bác sĩ nói. Chúng tôi cho ông ấy nằm riêng một chỗ." Ông ta đưa tôi đi về phía một cánh cửa ở cuối phòng.

"Tôi có thể nói chuyện với ông ấy được không?" tôi hỏi. – "Ông ấy sẽ không nghe thấy ông nói gì đâu," bác sĩ trả lời. Ông ta mở cửa và bảo tôi đi vào trước. Voss nằm dưới một cái chăn, khuôn mặt xám xấp mỏ hôi, hơi ngả sang xanh lá cây. Mắt anh nhắm nghiền và từ miệng phát ra tiếng rên rỉ. Tôi tiến lại gần. "Voss," tôi nói. Anh không có phản ứng nào. Chỉ có những âm thanh tiếp tục thoát ra từ miệng, không phải thực sự là những tiếng rên rỉ, mà đúng hơn là những âm thanh có cấu âm nhưng không thể hiểu được, giống như những tiếng bi bô của trẻ con, là cách diễn dịch, trong một thứ ngôn ngữ riêng tư và bí ẩn, những gì đang diễn ra ở bên trong con người. Tôi quay sang bác sĩ: "Ông ấy sẽ qua khỏi được chứ?" Bác sĩ lắc đầu: "Thậm chí tôi còn không hiểu tại sao ông ấy còn trụ được cho đến giờ. Chúng tôi không phẫu thuật được, vì việc đó cũng không có ích gì." Tôi quay lại về phía Voss. Những âm thanh tiếp tục không ngừng nghỉ, một miêu tả bằng ngôn ngữ sự hấp hối của anh. Điều đó làm người tôi lạnh buốt, tôi thấy khó thở, như trong một giấc mơ nơi một người nói gì đó không thể hiểu được. Nhưng ở đây không có gì để hiểu cả. Tôi nhắc một lọn tóc rơi xuống mi mắt anh. Anh mở mắt và nhìn tôi chằm chằm, nhưng đôi mắt ấy không có biểu hiện nào là nhận ra tôi. Anh đã đến cái nơi riêng tư, khép kín đó, nơi không thể còn lên lại được trên bề mặt nữa, nhưng từ đó cũng không thể rơi xuống tiếp được. Giống như một con vật, cơ thể anh chống chọi lại những gì xảy đến với mình, các âm thanh, cả chúng nữa, cũng là những âm thanh của loài vật. Thỉnh thoảng những âm thanh đó ngừng lại để anh có thể thở hổn hển, hắt ra không khí giữa những cái răng với một âm thanh gần như trong suốt. Rồi mọi thứ lại bắt đầu từ đầu. Tôi nhìn bác sĩ: "Ông ấy đang đau đớn. Ông có thể tiêm moocphin cho ông ấy không?" Bác sĩ có vẻ không thoải mái: "Chúng tôi đã tiêm rồi." – "Phải, nhưng ông ấy cần thêm nữa." Tôi nhìn chăm chăm vào mắt ông ta; ông ta do dự, lấy một ngón tay gõ gõ vào răng. "Tôi gần hết rồi, cuối cùng ông ta nói. Chúng tôi đã phải gửi tất cả kho dự trữ đến Millerovo cho đại đoàn số 6. Tôi phải giữ những gì còn lại cho các trường hợp cần phẫu thuật. Dù

thế nào đi nữa, ông ấy cũng sắp chết rồi." Tôi tiếp tục nhìn chăm chăm. "Ông không có quyền ra lệnh cho tôi," ông ta nói tiếp. – "Tôi không ra lệnh cho ông, tôi chỉ yêu cầu ông thôi," tôi lạnh lùng nói. Mặt ông ta tái nhợt đi. "Được rồi, Hauptsturmführer. Ông nói có lý... tôi sẽ tiêm thêm." Một cái tật nhỏ làm biến dạng đôi môi viên bác sĩ. Ông ta đi ra ngoài. Tôi nhìn Voss: những âm thanh kỳ lạ, đáng sợ, như tự được hình thành, tiếp tục thoát ra từ khóe miệng đang co giật. Một giọng nói cổ xưa, vọng đến từ thời gian cội rễ, nhưng đích thực là một ngôn ngữ, anh không nói gì, chỉ đang diễn tả sự chết đi của mình. Bác sĩ quay lại cùng một ống kim tiêm, kéo tay Voss ra, lần tìm mạch, và tiêm. Dần dần những âm thanh trở nên giãn cách hơn, hơi thở chậm lại. Đôi mắt nhắm lại. Thình thoảng một mớ âm thanh buột ra, như một cái phao cứu sinh cuối cùng được quẳng xuống từ boong tàu. Bác sĩ lại đi ra. Tôi lấy lưng những ngón tay chạm nhẹ lên má Voss, và cũng đi ra. Bác sĩ đang làm việc với dáng vẻ thể hiện cùng một lúc sự khó chịu và sự tức tối. Tôi lạnh lùng cảm ơn ông ta, rồi rập gót chân lại và giơ tay lên. Bác sĩ không chào lại và tôi im lặng bước ra ngoài.

Một chiếc ôtô của Wehrmacht đưa tôi quay trở lại Sonderkommando. Ở đó tôi gặp Weseloh và Reinholz vẫn đang tranh cãi quyết liệt. Reinholz đang đưa ra các luận cứ ủng hộ nguồn gốc Thổ Nhĩ Kỳ của các *Bergjude*. Ông ta ngừng lời khi thấy tôi quay lại: "A, Herr Hauptsturmführer. Chúng tôi đang tự hỏi không biết anh làm gì. Tôi đã chuẩn bị chỗ cho anh. Đã quá muộn để hai người có thể quay về." – "Dù thế nào đi nữa, Weseloh nói, tôi cũng sẽ phải ở đây thêm vài ngày nữa, để tiếp tục các nghiên cứu của mình." – "Tối nay tôi về Platigorsk, tôi nói bằng một cái giọng không âm sắc. Tôi có việc phải làm ở đó. Quanh đây không có bọn du kích nên tôi có thể lái xe ban đêm." Reinholz nhún vai: "Như vậy là đi ngược lại các chỉ thị của tập đoàn quân, Herr Hauptsturmführer, nhưng cứ làm như anh muốn đi." – "Tôi giao cho anh tiến sĩ Weseloh. Liên lạc với tôi nếu ông cần bất kỳ điều gì nhé." Weseloh, hai chân đan chéo nhau trên cái ghế gỗ của mình, có vẻ hoàn toàn thoải mái và hạnh phúc

về cuộc phiêu lưu; bà ta tỏ ra thờ ơ về việc tôi đi khỏi. "Cám ơn anh vì đã giúp đỡ, Hauptsturmführer, bà ta nói. À, tôi có thể gặp được cái ông tiến sĩ Voss kia không?" Tôi đã ra đến cửa, chiếc chapka cầm trên tay. "Không." Tôi không đợi sự phản ứng và bước ra ngoài. Người lái xe của tôi không mấy sung sướng với việc lái xe ban đêm, nhưng anh ta không phản đối gì khi tôi nhắc lại mệnh lệnh bằng một cái giọng gần như là vỡ òa. Chuyến đi kéo dài: Lemper, người lái xe đó, chạy rất chậm để tránh các khoảng băng. Bên ngoài quầng sáng đèn pha, bị che bớt một phần để trốn máy bay, gần như không thể nhìn được gì; thỉnh thoảng, một trạm kiểm soát quân sự hiện ra từ trong bóng tối trước mặt chúng tôi. Tôi lơ đãng mân mê cái *kindjal* mà Chabaev tặng, tôi hút hết điếu thuốc này đến điếu thuốc khác, tôi nhìn mà không nghĩ gì vào màn đêm mênh mông và trống rỗng.

Cuộc điều tra xác nhận những gì dân làng nói về cái chết của Leutnant tiến sĩ Voss. Trong ngôi nhà xảy ra thảm kịch, người ta tìm thấy quyển sổ của anh, thấm đẫm máu và viết đầy các phụ âm Kabarde và ghi chép liên quan đến ngữ pháp. Bà mẹ cô gái, lên cơn động kinh, thề rằng mình chưa hề gặp lại chồng kể từ sự cố; theo những người hàng xóm, hẳn là ông ta đã lên núi cùng với khẩu súng gây án, một khẩu súng săn cũ kỹ, để làm *abrek*, như người ta vẫn nói ở vùng Caucase, hoặc gia nhập một toán du kích. Vài ngày sau, một phái đoàn trưởng lão của làng đến gặp tướng von Mackensen: họ trang trọng xin lỗi nhân danh *aoul*, tái khẳng định tình bạn sâu sắc của họ dành cho quân đội Đức, và nộp một chồng thảm, da cừu, và đồ trang sức để tặng cho gia đình người quá cố. Họ thề sẽ tự tìm ra tên sát nhân và giết hoặc nộp lại hắn; vài người đàn ông còn lành lặn ở lại *aoul*, họ khẳng định là họ đã tìm kiếm trên núi. Họ sợ những cuộc trả đũa: von Mackensen trấn an họ, hứa rằng sẽ không có đòn trừng phạt tập thể nào. Tôi biết rằng Chadov đã tranh cãi về vấn đề này với Köstring. Quân đội cho đốt nhà của thủ phạm, ra một lệnh mới nhắc lại những điều

cấm đoán liên quan đến sự kết giao với phụ nữ miền núi, và nhanh chóng xếp vụ việc lại.

Hội đồng của Wehrmacht hoàn thành nghiên cứu của mình về các *Bergjude* và Köstring muốn tổ chức một cuộc hội thảo ở Naltchik về vấn đề này. Việc này càng trở nên cấp thiết hơn khi Hội đồng quốc gia Kabarde-Balkar đang được hình thành và OKHG muốn giải quyết vụ việc trước khi thành lập tỉnh tự trị, được dự tính chính thức vào ngày 18 tháng Chạp, vào dịp Kurman Bairam. Weseloh đã làm xong việc và viết báo cáo; Bierkamp triệu tập chúng tôi đến Vorochilovsk để xem xét tình hình hiện tại. Sau vài ngày tương đối nhẹ nhàng, trong đó trời lại đổ tuyết, nhiệt độ xuống đến khoảng âm 20 độ; cuối cùng tôi đã nhận được *chouba* và bốt của mình; rất nặng, nhưng giữ được ấm. Tôi đi cùng Weseloh; từ Vorochilovsk, bà ta sẽ đi thẳng về Berlin. Ở Gruppenstab, tôi gặp lại Persterer và Reinholz, mà Bierkamp cũng đã triệu tập; ngoài ra, Leetsch, Prill và Sturmbannführer Holste, Leiter IV/V của tập đoàn quân, cũng tham dự cuộc họp. "Theo các thông tin của tôi, Bierkamp mở đầu, Wehrmacht và tay tiến sĩ Bräutigam muốn loại trừ các *Bergjude* khỏi các biện pháp chống Do Thái để không làm hỏng đi các quan hệ tốt đẹp với người Kabarde và người Balkar. Vì vậy họ sẽ tìm cách chứng minh rằng bọn họ không thực sự là Do Thái, nhằm tránh bị Berlin chỉ trích. Với chúng ta, đó sẽ là một sai lầm nghiêm trọng. Với tư cách là Do Thái và *Fremdkörper* trong số các dân tộc sống quanh đây, loại dân này sẽ tiếp tục là một mối nguy hiểm thường trực đối với quân đội của chúng ta: một ổ gián điệp và phá hoại và một nguồn nuôi dưỡng cho bọn du kích. Sự cần thiết của các biện pháp liên quan đến chủng tộc là không có gì phải nghi ngờ cả. Nhưng chúng ta phải có được những bằng chứng vững chắc để đối mặt với các lập luận lẳng nhẳng của Wehrmacht." – "Tôi nghĩ rằng, Herr Oberführer, sẽ không khó khăn để chứng minh tính đúng đắn của chúng ta đâu, Weseloh khẳng định bằng cái giọng hơi khàn của mình. Tôi sẽ rất tiếc vì không thể tự mình làm việc đó, nhưng trước khi đi tôi sẽ để lại một báo cáo hoàn chỉnh với tất

cả các điểm quan trọng. Cái đó sẽ cho phép các anh đáp trả mọi lời phản đối của Wehrmacht hay *Ostministerium*." – "Tuyệt vời. Về các luận cứ khoa học, chị sẽ xem lại cùng Hauptsturmführer Aue, người sẽ trình bày phần đó. Đích thân tôi sẽ trình bày cách nhìn cụ thể của *Sicherheitspolizei* từ quan điểm an ninh." Trong khi ông ta nói, tôi đọc lướt qua danh sách các trích dẫn do Weseloh lập ra để tìm cách chứng tỏ nguồn gốc Do Thái thuần khiết và rất xa xưa của các *Bergjude*. "Nếu ngài cho phép, Herr Oberführer, tôi muốn có một nhận xét về hồ sơ do tiến sĩ Weseloh lập ra. Đây là một công trình tuyệt vời, nhưng nó đã tránh né một cách hoàn toàn việc trích dẫn các văn bản nói khác với quan điểm của chúng ta. Các chuyên gia của Wehrmacht và *Ostministerium* sẽ không bỏ lỡ dịp phản đối đâu. Vì vậy tôi tin rằng nền tảng khoa học của cách nhìn chúng ta hơi yếu." – "Hauptsturmführer Aue, Prill ngắt lời, hẳn là anh đã dành quá nhiều thời gian thảo luận với anh bạn của anh, Leutnant Voss. Có thể thấy rằng anh ta đã gây ảnh hưởng lên cách đánh giá của anh." Tôi ném một cái nhìn tức giận về phía ông ta: vậy đó, đây là cái trò ông ta đang âm mưu cùng với Turek. "Anh nhầm rồi, Hauptsturmführer. Tôi chỉ đơn giản là tìm cách nhận xét rằng hồ sơ khoa học hiện tại không có tính chất kết luận, và dựa cách nhìn của chúng ta lên đó sẽ là một sai lầm." – "Cái tay Voss đã bị giết đó à?" Leetsch ngắt lời. – "Đúng vậy, Bierkamp trả lời. Bởi bọn du kích, có thể là chính bọn Do Thái kia. Dĩ nhiên là việc thật đáng tiếc. Nhưng tôi có những lý do để tin rằng anh ta đã tích cực làm việc để chống lại chúng ta. Hauptsturmführer Aue, tôi tin vào các nghi ngờ của anh; nhưng anh phải nhìn vào bản chất chứ không phải các chi tiết. Ở đây những mối quan tâm của SP và SS hết sức rõ ràng." – "Dù thế nào đi nữa, Weseloh nói, tính chất Do Thái của chúng cũng đập vào mắt còn gì. Cách thức của chúng thật xấu xa, và thậm chí chúng còn tìm cách mua chuộc chúng ta." – "Rõ ràng rồi, Persterer xác nhận. Nhiều lần liền chúng đến Kommando, mang cho chúng ta những chiếc áo măng tô nhồi lông, chăn, nồi niêu xoong chảo. Chúng nói rằng đó là để giúp quân đội của

chúng ta, nhưng chúng còn mang cho chúng ta cả thảm, những con dao găm đẹp và đồ trang sức." – "Không được để bị đánh lừa," Holste nói, ông ta có vẻ chán nản. – "Đúng, Prill nói, nhưng hãy nghĩ rằng chúng cùng làm việc đó với Wehrmacht." Cuộc tranh luận kéo dài một lúc. Bierkamp kết luận: "Đích thân Brigadeführer Korsemann sẽ đến cuộc hội thảo ở Naltchik. Tôi không nghĩ, nếu chúng ta trình bày thật tốt, rằng tập đoàn quân sẽ dám công khai phản đối chúng ta. Dù sao thì an ninh của chính họ đang bị đặt thành vấn đề. Sturmbannführer Persterer, tôi rất mong anh bố trí mọi chuẩn bị cần thiết cho một *Aktion* nhanh và hiệu quả. Một khi được bật đèn xanh, chúng ta sẽ phải làm mọi việc thật nhanh chóng. Tôi muốn tất cả xong hết vào khoảng Giáng sinh để tôi có thể đưa các số liệu vào báo cáo cuối năm."

Sau cuộc họp, tôi đến chào tạm biệt Weseloh. Bà ta nồng nhiệt bắt tay tôi. "Hauptsturmführer Aue, anh không thể biết tôi sung sướng như thế nào khi được thực hiện nhiệm vụ này đâu. Với các anh, ở đây, miền Đông này, chiến tranh là chuyện hàng ngày; nhưng ở Berlin, tại các văn phòng, người ta nhanh chóng quên đi sự nguy hiểm chết người mà *Heimat* đang phải lâm vào, cùng những khó khăn và nặng nhọc của mặt trận. Việc đến đây đã cho phép tôi hiểu được điều đó từ tận sâu con người mình. Tôi sẽ mang kỷ niệm về tất cả các anh như một điều quý giá. Chúc may mắn, chúc may mắn. Heil Hitler!" Khuôn mặt bà ta bừng sáng, bà ta đang ở trong một trạng thái phấn khích đáng kinh ngạc. Tôi chào lại bà ta và đi khỏi.

Jünger vẫn còn ở lại Vorochilovsk, và tôi đã nghe nói rằng ông ta tiếp những người ngưỡng mộ xin được gặp; hẳn là ông ta sắp phải đi thanh tra các sư đoàn của Ruoff ở gần Touapsé. Nhưng tôi đã đánh mất toàn bộ ham muốn được gặp Jünger. Tôi quay về Piatigorsk, vừa đi vừa nghĩ đến Prill. Rõ ràng là ông ta tìm cách làm hại tôi; tôi không hiểu rõ lắm là tại sao: tôi chưa bao giờ tìm cách gây chuyện với ông ta; nhưng ông ta đã chọn đứng về phe của Turek. Ông ta có liên lạc thường xuyên với Bierkamp và Leetsch, và hẳn sẽ không khó khăn gì, bằng cách liên tục tung

ra những câu nói có ẩn ý, khiến cho họ quay sang chống lại tôi. Vụ các *Bergjude* này có nguy cơ khiến tôi rơi vào một vị thế xấu: tôi không có thiên kiến gì, chỉ đơn giản là tôi mong muốn tôn trọng một mức độ trung thực mang tính trí thức nào đó, và tôi không hiểu tại sao Bierkamp lại cứ khăng khăng muốn thanh trừng họ bằng mọi giá; liệu ông ta có thành thực mà tin rằng họ là người Do Thái không? Với tôi, đống hồ sơ không nói được điều gì rõ ràng cả; về phía vẻ bên ngoài hoặc cách cư xử, họ không hề giống với những người Do Thái mà chúng tôi vẫn biết; chỉ cần nhìn họ ở nhà mình là đã thấy họ hoàn toàn giống với những người Kabarde, những người Balkar, hoặc những người Karatchai. Những người này cũng tặng cho chúng tôi những món quà hậu hĩnh, đó là một truyền thống, không nhất thiết phải xem là sự mua chuộc. Nhưng tôi phải để ý: một chút do dự có thể bị coi là biểu hiện của sự yếu đuối, và Prill và Turek sẽ lợi dụng bất kỳ một bước đi sai lầm nào.

Ở Piatigorsk, tôi lại thấy phòng bản đồ bị đóng: đại đoàn Hoth, được tạo thành từ những gì còn lại của đại đoàn thiết giáp số 4 cùng với quân chi viện, tổ chức tấn công từ Kotelnikovo về hướng *Kessel*. Nhưng các sĩ quan tỏ ra rất lạc quan, và những lời bình luận của họ khiến tôi hiểu được một cách hoàn chỉnh các công văn và những tin đồn; tất cả đều khiến người ta tin rằng lại thêm một lần nữa, như hồi ở trước Matxcova vào năm vừa rồi, Führer sẽ lại có lý khi trụ vững được. Dù thế nào đi nữa thì tôi cũng phải chuẩn bị cho cuộc hội thảo về các *Bergjude* và có ít thời gian cho những việc khác. Khi đọc lại các báo cáo và ghi chép của mình, tôi nghĩ đến những lời của Voss trong cuộc nói chuyện cuối cùng của chúng tôi: và trong khi kiểm tra các bằng chứng thu thập được, tôi tự hỏi: Anh ấy sẽ nghĩ gì, anh ấy sẽ chấp nhận những gì và vứt bỏ những gì? Xét cho cùng, hồ sơ cũng khá mỏng. Tôi thành thực thấy rằng giả thuyết Khazar không đứng vững, rằng chỉ có nguồn gốc Ba Tư là đáng tin hơn cả; còn về những gì điều đó muốn nói, thì tôi càng không chắc chắn hơn bao giờ hết. Tôi vô cùng tiếc nuối cái chết của Voss; ở đây anh là

người duy nhất tôi có thể tranh luận một cách nghiêm túc; những người khác, cả bên Wehrmacht lẫn SS, thật ra không hề quan tâm gì đến sự thật và độ chặt chẽ khoa học: với họ đó chỉ là một vấn đề chính trị.

Cuộc hội thảo diễn ra vào khoảng giữa tháng, trước đại lễ Bairam mấy ngày. Có rất đông người, Wehrmacht đã cho quét vôi một cách nhanh chóng một phòng họp lớn trước đây là trụ sở của Đảng cộng sản, với một cái bàn hình ôvan khổng lồ vẫn còn lại những vết shrapnel đã rơi thủng mái nhà. Có một cuộc tranh luận ngắn rất sôi nổi về một vấn đề ngôi thứ: Köstring muốn tập hợp các phái đoàn khác nhau lại, chính quyền quân sự, Abwehr, AOK, *Ostministerium* và SS, và điều đó có vẻ lôgic, nhưng Korsemann khăng khăng rằng tất cả mọi người phải được sắp xếp theo cấp bậc; cuối cùng Köstring cũng nhượng bộ, điều đó khiến cho Korsemann ngồi bên tay phải ông ta, Bierkamp thấp hơn một chút, và tôi ngồi ra đến gần đầu bàn, đối diện với Bräutigam vốn chỉ là một Hauptmann quân dự bị, và bên cạnh chuyên gia dân sự của viện trực thuộc bộ trưởng Rosenberg. Köstring khai mạc cuộc họp rồi giới thiệu Selim Chadov, người đứng đầu Hội đồng quốc gia Kabarde-Balkar, đọc một bài phát biểu dài về mối quan hệ rất cổ xưa giữa những người hàng xóm thân thiết, sự tương trợ, tình bạn, và thậm chí đôi khi có cả hôn nhân giữa các dân tộc Kabarde, Balkar và Tat. Đó là một người đàn ông hơi béo, mặc một bộ comlê vạt chéo bằng vải sáng màu, khuôn mặt hơi chảy sệ cứng lại bởi một hàng ria rậm rạp, và nói một thứ tiếng Nga chậm rãi và nhấn nhá nhiều; đích thân Köstring dịch lời của ông ta. Khi Chadov nói xong, Köstring đứng dậy và trấn an ông ta, bằng tiếng Nga (lần này, một *Dolmetscher* dịch cho chúng tôi nghe), rằng ý kiến của Hội đồng quốc gia rất có trọng lượng, và rằng ông ta hy vọng vấn đề sẽ được giải quyết nhằm thỏa mãn tất cả mọi người. Tôi nhìn Bierkamp, đang ngồi ở đầu bên kia bàn, cách Korsemann bốn chỗ: ông ta đã đặt cái mũ cát két của mình xuống mặt bàn bên cạnh đống giấy tờ, và vừa lắng nghe Köstring vừa gõ gõ ngón tay xuống bàn; Korsemann thì đang lấy bút cậy một lỗ

thủng do mảnh shrapnel rơi trúng. Sau câu trả lời của Köstring, người ta cho Chadov ra, và vị tướng quân ngồi xuống mà không bình luận về cuộc trao đổi. "Tôi đề nghị chúng ta bắt đầu bằng các báo cáo của chuyên gia, ông ta nói. Doktor Bräutigam?" Bräutigam chỉ vào người ngồi bên trái tôi, một người mặc đồ dân sự có nước da màu xám nhạt, một hàng ria rủ và mái tóc bồng loáng, được chải cẩn thận, cũng như hai bên vai áo chỉn chu, phủ đầy một lớp gàu trắng xóa. "Cho phép tôi giới thiệu với các ngài tiến sĩ Rehrl, một chuyên gia về Do Thái giáo phương Đông ở Viện các vấn đề tôn giáo của Frankfurk." Rehrl nhấc mông lên khỏi ghế một chút để hơi cúi người chào rồi bắt đầu bằng một cái giọng đơn điệu và hơi vống lên: "Tôi nghĩ rằng ở đây chúng ta đang đối mặt với một tộc người Thổ còn sót lại, những người đã theo đạo Moïse vào hồi cải đạo của giới quý tộc Khazar, và sau này đến trú ngụ ở miền Đông vùng Caucase, vào khoảng thế kỷ X hoặc XI, sau khi Đế chế Khazar diệt vong. Ở đó, họ đã hòa nhập thông qua hôn nhân với một bộ tộc miền núi nói ngôn ngữ Iran, người Tat, và một bộ phận chuyển sang hoặc tái chuyển sang đạo Hồi trong khi những người khác duy trì một thứ đạo Do Thái ngày càng thêm suy đồi." Ông ta bắt đầu đưa ra các bằng chứng: trước tiên, những từ trong tiếng Tat chỉ đồ ăn, con người và động vật, chính là cấp độ nền tảng của ngôn ngữ, chủ yếu đều có nguồn gốc Thổ Nhĩ Kỳ. Rồi ông ta chuyển sang xem xét lại những gì ít ỏi mà người ta biết được về lịch sử cải đạo của người Khazar. Trong đó có những điểm đáng quan tâm, nhưng bản trình bày của ông ta tìm cách đưa mọi thứ ra một cách thẳng băng, và hơi khó theo dõi. Tuy vậy tôi cũng bị ấn tượng bởi lập luận của ông ta về các tên riêng: người ta tìm được, ở các *Bergjude*, những cái tên lễ lạt Do Thái như Hanoukah hoặc Pessah được sử dụng như tên riêng, chẳng hạn trong cái tên đã được Nga hóa Khanukaiev, cách dùng không tồn tại ở cả người Do Thái Ashkenaze lẫn ở người Séfarade, nhưng lại xuất hiện ở người Khazar: tên riêng Hanukkah, chẳng hạn, xuất hiện hai lần trong *Lá thư từ Kiev*, một lá thư tiến cử viết bằng tiếng Hebreu bởi cộng đồng người Khazar

của thành phố này vào đầu thế kỷ X; một lần trên một tấm bia mộ ở Crimée và một lần trong danh sách các vua Khazar. Với Rehrl, như vậy, các *Bergjude*, mặc cho ngôn ngữ của họ, từ quan điểm chủng tộc, đã đồng hóa với người Nogai, người Koumyk và người Balkar nhiều hơn là với người Do Thái. Người đứng đầu hội đồng điều tra của Wehrmacht, một sĩ quan mặt đỏ lừ tên là Weintrop, phát biểu khi đến lượt mình: "Ý kiến của tôi không được cả quyết như của người đồng nghiệp đáng kính vừa rồi. Theo tôi, những dấu vết của ảnh hưởng Do Thái vùng Caucase lên những người Khazar lừng danh đó – những người quả thực chúng ta không biết được gì nhiều nhặn – cũng nhiều ngang với những bằng chứng của một ảnh hưởng theo chiều ngược lại. Ví dụ, trong tài liệu được biết đến dưới cái tên *Bức thư khuyết danh từ Cambridge*, và hẳn là được viết vào thế kỷ X, có viết rằng *những người Do Thái Armenia đã cưới dân cư của mảnh đất này* – nghĩa là người Khazar – *hòa trộn với những người Đáng mến, học được các tập quán của họ, và thường xuyên giao chiến với họ; rồi tất cả trở thành một dân tộc duy nhất*. Tác giả đang nói đến người Do Thái vùng Trung Đông và người Khazar: khi ông ta nói đến Armenia, thì đó không phải là Armenia hiện đại mà chúng ta biết, mà là Đại Armenia cổ xưa, nghĩa là gần như toàn bộ vùng Transcaucasie và một phần Anatolie..." Weintrop tiếp tục theo hướng đó; mỗi bằng chứng mà ông ta đưa ra dường như lại phản bác bằng chứng trước đó. "Nếu giờ đây chuyển sang khía cạnh dân tộc học, chúng ta thấy có rất ít khác biệt với các láng giềng cải sang Hồi giáo của họ, và thậm chí là cả với những người đã cải sang Kitô giáo như người Osse. Ảnh hưởng ngoại giáo cũng rất mạnh: các *Bergjude* thực hành quỷ thần học, mang bùa phép để tự bảo vệ mình khỏi các ác thần, và nhiều thứ khác nữa. Những cái đó giống với các tập quán được gọi là khổ hạnh của người miền núi theo Hồi giáo, như tục thờ mộ hoặc những điệu nhảy nghi lễ, cũng là những tàn dư ngoại giáo. Mức sống của người *Bergjude* cũng tương tự với của những người miền núi khác, dù sống ở thành phố hay ở các *aoul* mà chúng tôi đã đến thăm: có

thể loại trừ được việc người *Bergjude* đã lợi dụng chủ nghĩa Do Thái-Bônsêvich để có được một vị thế cao hơn. Ngược lại, có vẻ như thường thì họ nghèo khổ hơn người Kabarde. Trong bữa ăn của lễ Shabbat, phụ nữ và trẻ em ngồi cách xa đàn ông: điều này đi ngược với truyền thống Do Thái, nhưng đó là truyền thống của người miền núi. Ở chiều ngược lại, trong các đám cưới, giống như đám cưới mà chúng tôi từng dự, với hàng trăm khách mời Kabarde và Balkar, đàn ông và phụ nữ *Bergjude* nhảy cùng với nhau, điều này bị nghiêm cấm trong Do Thái giáo chính thống." – "Vậy thì kết luận của anh là gì?" đó là câu hỏi của von Bittenfeld, sĩ quan tùy tùng của Köstring. Weintrop gãi gãi mái tóc trắng cắt sát đầu của mình: "Về nguồn gốc, rất khó nói: các thông tin trái ngược với nhau. Nhưng có vẻ như rất hiển nhiên rằng họ đã hoàn toàn được đồng hóa và hòa nhập, tức là *vermischlingt*. Các dấu vết của dòng máu Do Thái còn lại hẳn là không nhiều." – "Tuy nhiên, Bierkamp ngắt lời, họ vẫn bướng bỉnh bám chặt vào tôn giáo Do Thái, mà họ đã bảo lưu nguyên vẹn trong suốt hàng thế kỷ." – "Ồ, không còn nguyên vẹn đâu, Herr Oberführer, không còn nguyên vẹn đâu, Weintrop hiền lành nói. Ngược hẳn lại mới đúng, tôi thấy là đã rất suy đồi rồi. Họ đã đánh mất hết tri thức về Talmud, đấy là nói giả sử họ đã từng có được chúng. Với món quỷ thần học của mình, đúng hơn họ là những người dị giáo, giống như người Karaite ấy. Mặt khác, người Do Thái Ashkénaze khinh bỉ họ và gọi họ là *Byky*, "Bò tót," một từ miệt thị." – "Về vấn đề này, Köstring quay sang Korsemann ngọt ngào nói, ý kiến của SS là gì?" – "Chắc chắn rằng đây là một vấn đề quan trọng, Korsemann lên tiếng. Tôi sẽ nhường lời cho Oberführer Bierkamp." Bierkamp đã tập hợp đống giấy tờ của mình lại: "Thật không may là chuyên gia của chúng tôi, tiến sĩ Weseloh, phải quay trở về Đức. Nhưng bà ấy đã chuẩn bị một báo cáo hoàn chỉnh mà tôi đã gửi cho ngài, Herr General, và báo cáo đó ủng hộ mạnh mẽ ý kiến của chúng tôi: những *Bergjude* đó là các *Fremdkörper* vô cùng nguy hiểm, một mối nguy cơ cho an ninh của quân đội chúng ta, mối đe dọa buộc

chúng ta phải phản ứng mạnh mẽ và kiên quyết. Quan điểm này, khác với quan điểm của các nhà nghiên cứu, tập trung vào vấn đề sống còn của an ninh chúng ta, cũng là kết quả của một nghiên cứu tài liệu khoa học do tiến sĩ Weseloh tiến hành, mà những kết luận khác biệt với kết luận của các chuyên gia khác đang có mặt ở đây. Tôi sẽ để Hauptsturmführer Aue trình bày chúng." Tôi cúi đầu: "Cám ơn, Herr Oberführer. Tôi tin rằng, để mọi chuyện được rõ ràng, nên phân biệt các mức độ của bằng chứng. Trước hết có các tài liệu lịch sử, rồi đến tài liệu sống động là ngôn ngữ; sau đó có các kết quả của nhân học vật thể và văn hóa; và cuối cùng là các nghiên cứu dân tộc học điền dã giống như những gì tiến sĩ Weintrop hay tiến sĩ Weseloh đã thực hiện. Nếu chúng ta xem xét các tài liệu lịch sử, có vẻ như đã rõ ràng rằng người Do Thái sống ở vùng Caucase trước thời điểm cải đạo của người Khazar rất nhiều." Tôi trích dẫn Benjamin xứ Tudela và một số nguồn cổ khác như *Derbent-Nameh*. "Vào thế kỷ IX, Eldad ha-Dani đã du hành đến vùng Caucase và đã ghi nhận rằng người Do Thái vùng núi có hiểu biết rất tốt về Talmud..." – "Họ đã đánh mất nó rồi!" Weintrop ngắt lời. – "Rất đúng, nhưng vẫn phải công nhận rằng một thời các chuyên gia Talmud vùng Derbent và vùng Chemakha, ở Azerbaidjan, đã từng hết sức lừng danh. Mặt khác đó cũng có thể là một hiện tượng hơi muộn: quả thực, một nhà du hành Do Thái trong những năm 80 của thế kỷ trước, một người có tên là Judas Tchorny, cho rằng những người Do Thái đã đến vùng Caucase không phải sau mà là trước khi Ngôi đền Thứ nhất bị tàn phá, và đã sống tách biệt với tất cả ở đó, dưới sự bảo trợ của người Ba Tư, cho đến thế kỷ IV. Chỉ mãi đến sau này, khi người Tatar xâm chiếm Ba Tư, các *Bergjude* mới gặp những người Do Thái Babylonie và được dạy cho kinh Talmud. Do vậy phải mãi đến giai đoạn đó họ mới chấp nhận theo truyền thống và những lời răn dạy của các rabbin. Nhưng điều này không có bằng chứng. Đối với những bằng chứng về sự lâu đời của họ, tốt hơn hết là nên nhìn vào những dấu vết khảo cổ học, như những phế tích hoang ở Azerbaidjan mà người ta gọi là *Chifut Tebe*, "đồi của

người Do Thái", hoặc *Chifut Kabur*, "mộ của người Do Thái". Chúng rất cổ. Xét về ngôn ngữ, những quan sát của tiến sĩ Weseloh khẳng định các quan sát của tiến sĩ Voss quá cổ: đó là một phương ngữ Tây Iran hiện đại – tôi muốn nói là không xưa quá thế kỷ VIII hoặc IX, thậm chí là thế kỷ X – điều này có vẻ như mâu thuẫn với giả thuyết về một dòng hậu duệ trực tiếp của Chaldée, như Pantyoukov từng đề xuất, dẫn theo Quatrefages. Mặt khác Quatrefages nghĩ rằng những người Lesghine, một số người Svan và người Khevsour cũng có nguồn gốc Do Thái; trong tiếng Georgia, *Khevis Uria* có nghĩa là "người Do Thái ở thung lũng". Nam tước Peter Uslar, một cách xác đáng hơn, đề xuất giả thuyết về sự di cư thường xuyên và đều đặn của người Do Thái đến vùng Caucase trong hai nghìn năm, mỗi đợt lại hòa nhập ít nhiều với các bộ tộc địa phương. Một cách giải thích vấn đề ngôn ngữ là người Do Thái đã lấy người của một bộ tộc Iran, người Tat, đến ở đây sau này; bản thân họ có thể đến vào thời của các Achéménide với tư cách là những kẻ thực dân quân sự để bảo vệ bậc thềm Derbent chống lại người du mục các vùng bình nguyên phía Bắc." – "Bọn Do Thái là thực dân quân sự ư? một Oberst của AOK kêu lên. Tôi thấy điều đó thật lố bịch." – "Không đến mức độ đó đâu, Bräutigam đốp lại. Trước thời Di cư, người Do Thái đã có một truyền thống chiến trận rất dài rồi. Chỉ cần đọc Kinh thánh là đủ. Và cũng phải nhớ họ từng đương đầu với người La Mã như thế nào." – "À đúng, cái đó ở trong Josephus," Korsemann nói thêm. – "Đúng rồi, Herr Brigadeführer," Bräutigam đồng tình. – "Nói tóm lại, tôi tiếp tục, tổng thể các sự kiện đó có vẻ như phản đối lại một nguồn gốc Khazar. Ngược lại, giả thuyết của Vsevolod Miller, theo đó chính các *Bergjude* đã mang Do Thái giáo đến cho người Khazar, đúng đắn hơn nhiều." – "Thì đó cũng chính là điều tôi đã nói mà, Weintrop nói xen vào. Nhưng bản thân anh với cái luận cứ ngôn ngữ học của anh cũng không từ chối khả năng về "quá trình pha trộn"." – "Thật đáng tiếc vì tiến sĩ Voss không có ở đây với chúng ta, Köstring nói. Chắc chắn anh ta sẽ làm sáng tỏ được vấn đề này." – "Đúng vậy,

von Gilsa buồn bã nói. Chúng ta rất thương tiếc anh ta. Quả là một tổn thất to lớn." – "Khoa học Đức, Rehrl trịnh trọng tuyên bố, cũng phải trả một cái giá đắt cho chủ nghĩa Do Thái-Bônsêvich." – "Đúng rồi, nhưng dù sao thì trong trường hợp của Voss tội nghiệp, thì đó đúng hơn là một hiểu lầm mang tính văn hóa," Bräutigam lên tiếng. – "Meine Herren, Meine Herren, Köstring ngắt lời. Chúng ta đang đi xa khỏi chủ đề. Hauptsturmführer?" – "Cảm ơn, Herr General. Thật không may, nhân học vật thể rất khó cho phép chúng ta lựa chọn xác quyết được một giả thuyết nào. Cho phép tôi được trích dẫn các chi tiết được nhà bác học vĩ đại Erckert thu thập trong *Der Kaukasus und Seine Völker*, xuất bản vào năm 1887. Trong bảng chỉ dẫn kích cỡ đầu người, ông đưa ra con số 79,4 (đầu cỡ trung bình) cho người Tatar Azerbaidjan, 83,5 (đầu ngắn) cho người Georgia, 85,6 (đầu rất ngắn) cho người Armenia, và 86,7 (đầu rất ngắn) cho các *Bergjude*." – "Ha! Weintrop kêu lên. Cũng giống như người dân vùng Mecklenburg!" – "Suyt..., Köstring lên tiếng. Để Hauptsturmführer nói đi." Tôi tiếp tục: "Độ dài đầu: Kalmouk, 62; Georgia, 67,9 ; *Bergjude*: 67,9; Armenia: 71,1. Chỉ số mặt: Georgia: 86,5; Kalmouk, 87; Armenia: 87,7; và *Bergjude*: 89. Cuối cùng là chỉ số mũi: người *Bergjude* xếp dưới cùng với 62,4, và người Kalmouk cao nhất với 75,3, một khoảng cách đáng kể. Người Georgia và người Armenia nằm ở đoạn giữa." – "Tất cả những cái đó có nghĩa gì? viên Oberst của AOK hỏi. Tôi không hiểu." – "Điều đó có nghĩa, Bräutigam, người vừa nguệch ngoạc các con số và tính nhẩm vội trong đầu, giải thích, là nếu người ta coi hình dạng cái đầu như một chỉ dẫn về chủng tộc ít nhiều cao cấp, thì các *Bergjude* chính là loại người đẹp nhất của vùng Caucase." – "Đó chính xác là điều Erckert đã nói, tôi tiếp tục. Nhưng dĩ nhiên, cách tiếp cận này, nếu còn chưa hoàn toàn bị loại bỏ, ngày nay cũng không còn được sử dụng mấy nữa. Khoa học đã có một vài tiến bộ." Tôi thoáng ngẩng đầu nhìn về phía Bierkamp: ông ta đang quan sát tôi với vẻ nghiêm túc, tay gõ gõ cái bút chì xuống mặt bàn. Ông ta ra hiệu cho tôi nói tiếp. Tôi lại

đắm chìm vào đống tài liệu: "Nhân học văn hóa cung cấp được rất nhiều dữ liệu. Tôi sẽ phải mất rất nhiều thời gian mới có thể trình bày được hết mọi thứ. Thường thì, chúng hướng đến việc coi các *Bergjude* đã hoàn toàn thu nhận tập quán của người miền núi, kể cả các tập quán liên quan đến *kanly* hoặc *ichkil*, lối trả nợ máu. Chúng ta biết rằng những chiến binh vĩ đại người Tat đã từng chiến đấu bên cạnh imam Chamil chống lại người Nga. Cũng vậy, trước kỳ thực dân của Nga, các *Bergjude* chủ yếu sống bằng nông nghiệp, trồng nho, lúa, thuốc lá, và nhiều loại hạt khác nhau." – "Đó không phải là một tập quán Do Thái, Bräutigam lưu ý. Người Do Thái ghê tởm những công việc nặng nhọc như nông nghiệp." – "Hẳn rồi, Herr Doktor. Tuy nhiên, sau này, dưới Đế chế Nga, tình hình kinh tế đã biến họ thành thợ thủ công chuyên nghề thuộc da và chế tác trang sức; thợ làm vũ khí và thảm; và cả các lái buôn nữa. Nhưng đó là một tiến hóa sau này, và một số *Bergjude* vẫn làm ruộng." – "Giống như những người bị giết ở gần Mozdok phải không? Köstring nhớ lại. Chúng ta vẫn chưa bao giờ làm sáng tỏ được vụ việc đó." Cái nhìn của Bierkamp tối sầm lại. Tôi tiếp tục: "Ngược lại, có một điều rất đáng tin, đó là, nếu không tính một vài kẻ phản loạn đã đi theo Chamil, phần lớn các *Bergjude* Daghestan, có thể là vì những vụ thanh trừng của người Hồi giáo, đã chọn đứng về phe Nga trong những cuộc chiến tranh Caucase. Sau chiến thắng, chính quyền Sa hoàng đã thưởng cho họ bằng cách cho họ bình đẳng với các bộ tộc vùng Caucase khác, và được phép thăng tiến trong nền hành chính. Cái đó, dĩ nhiên, giống với các phương pháp tầm gửi Do Thái mà chúng ta biết. Nhưng cần lưu ý rằng phần lớn các quyền này đã bị hủy bỏ dưới chế độ Bônsêvich. Ở Naltchik, vì đó là một nền cộng hòa tự trị Kabarde-Balkar, tất cả các chức vụ không thuộc về người Nga hoặc người Do Thái Xô viết đều thuộc về hai dân tộc đó; các *Bergjude*, ở đây, gần như không tham gia quản lý, ngoài một số nhân viên lưu trữ và công chức cấp thấp. Sẽ rất thú vị nếu xem xét tình hình ở Daghestan." Tôi kết thúc bằng cách trích dẫn các quan sát dân tộc học của Weseloh. "Có vẻ như là chúng

không mâu thuẫn với các quan sát của chúng tôi," Weintrop cãu nhàu. – "Không, Herr Major. Chúng bổ sung cho nhau." – "Ngược lại, Rehrl tư lự lẩm bẩm, một phần lớn các thông tin của anh không mấy tương thích với giả thuyết về nguồn gốc Khazar hoặc Thổ Nhĩ Kỳ. Tuy nhiên, tôi nghĩ rằng nó vững chắc. Ngay cả Miller của anh..." Köstring húng hắng ho ngắt lời ông ta: "Tất cả chúng ta đều rất ấn tượng với tầm hiểu biết mà các chuyên gia của SS thể hiện, ông ta nói một cách mềm mại với Bierkamp, nhưng tôi thấy những kết luận của các anh không khác mấy so với kết luận của Wehrmacht, phải không?" Giờ đây Bierkamp có vẻ giận dữ và lo lắng; ông ta cắn chặt lưỡi: "Như chúng ta đã thấy, Herr General, những quan sát mang tính thuần túy khoa học hết sức trừu tượng. Cần phải thêm vào đó các quan sát do công việc của *Sicherheitspolizei* cung cấp. Chỉ có chúng mới cho phép chúng ta kết luận rằng đó là một kẻ thù nguy hiểm xét về mặt chủng tộc." – "Xin ngài cho phép, Herr Oberführer, Bräutigam ngắt lời. Tôi không cảm thấy bị thuyết phục vì điều đó." – "Đó bởi vì ông là một người dân sự và có một quan điểm theo lối dân sự, Herr Doktor, Bierkamp lạnh lùng đáp. Không phải là tình cờ khi Führer đã tin tưởng trao trách nhiệm phụ trách an ninh của Reich cho SS. Ở đây có một vấn đề về *Weltanschauung*." – "Ở đây không ai nghi ngờ về năng lực của *Sicherheitspolizei* hay SS cả, Oberführer, Köstring lại cất cái giọng chậm rãi và đầy vẻ cha chú của mình lên. Lực lượng của các anh là những người phụ tá rất có ích cho Wehrmach. Tuy nhiên, chính quyền quân sự, cái đó cũng xuất phát từ một quyết định của Führer, phải xem xét tất cả các khía cạnh của vấn đề. Xét về chính trị, một hành động chống lại các *Bergjude* không được biện minh đầy đủ sẽ gây ra tổn thất cho chúng ta. Do đó cần phải có những cách nhìn nhận khác để cân bằng điều này. Oberst von Gilsa, ý kiến của Abwehr về mức độ nguy hiểm do loại dân cư đó gây ra là như thế nào?" – "Vấn đề đã được nêu ra trong cuộc hội thảo đầu tiên về chủ đề này ở Vorochilovsk, Herr General. Kể từ đó, Abwehr đã chăm chú quan sát các *Bergjude*. Cho đến ngày

hôm nay, chúng tôi chưa hề ghi nhận được dấu vết phản loạn nào. Không có liên lạc với bọn du kích, không có hành động phá hoại, không có hoạt động gián điệp, không có gì hết. Nếu như tất cả các dân tộc khác cũng được thuần như vậy thì nhiệm vụ của chúng tôi ở đây sẽ được thuận lợi rất nhiều." – "SP thì cho rằng không được đợi đến khi xảy ra tội ác mới nghĩ đến chuyện phòng ngừa," Bierkamp túc tối đáp lại. – "Chắc chắn rồi, von Bittenfeld nói, nhưng trong một sự can thiệp mang tính phòng ngừa, cần phải cân đong đo đếm cả những điều có lợi và các nguy cơ." – "Nói tóm lại, Köstring tiếp tục, nếu có nguy cơ nào đó từ phía các *Bergjude*, thì nó cũng không phải là ngay lập tức phải không?" – "Không, Herr General, von Gilsa khẳng định. Không có ý kiến của Abwehr." – "Như vậy là chỉ còn lại vấn đề chủng tộc, Köstring nói. Chúng ta đã nghe rất nhiều luận cứ. Nhưng tôi tin rằng tất cả các anh đều công nhận rằng không cái nào trong số đó hoàn toàn thuyết phục, dù là theo bất cứ nghĩa nào." Ông ta ngừng lại một lúc và lấy tay cọ lên má. "Tôi thấy chúng ta vẫn còn thiếu dữ liệu. Quả thực Naltchik không phải là nơi cư ngụ tự nhiên của những *Bergjude* đó, chắc chắn là điều này làm biến dạng cách nhìn nhận. Vì vậy tôi đề nghị chúng ta lùi vấn đề lại cho đến khi chiếm được Daghestan. Tại chỗ, ở nơi cư ngụ ban đầu của họ, các nhà nghiên cứu của chúng ta hẳn là sẽ có khả năng tìm được các chi tiết đáng giá hơn. Đến lúc đó chúng ta sẽ tổ chức một cuộc hội thảo mới." Ông ta quay sang Korsemann. "Ông nghĩ gì, Brigadeführer?" Korsemann do dự, liếc xéo Bierkamp, lại do dự, rồi nói: "Tôi không thấy có lý do gì để phản đối, Herr General. Tôi nghĩ cách đó sẽ làm thỏa mãn tất cả các bên, trong đó có cả SS. Có đúng không, Oberführer?" Mất một lúc Bierkamp mới trả lời: "Nếu ngài nghĩ vậy, Herr Brigadeführer." – " Thế là được rồi, Köstring nói thêm với dáng vẻ ông già tốt bụng của mình, trong khi chờ đợi, chúng ta sẽ theo dõi họ sát sao. Oberführer, tôi cũng trông đợi nhiều vào sự cảnh giác của Sonderkommando của anh. Nếu họ trở nên hỗn xược hoặc liên lạc với bọn du kích, thì cứ việc xử lý. Doktor Bräutigam?" Giọng của

Bräutigam vống lên hơn bao giờ hết: "*Ostministerium* không có lời phản đối nào với lời đề nghị rất hữu lý của ngài, Herr General. Tôi nghĩ rằng chúng ta cũng phải cảm ơn các chuyên gia, trong đó một số đã từ tận Reich đến đây, vì công việc xuất sắc mà họ đã làm." – "Chắc chắn rồi, chắc chắn rồi, Köstring đồng tình. Doktor Rehrl, Major Weintrop, Hauptsturmführer Aue, xin chúc mừng các anh, cũng như đồng nghiệp của các anh." Tất cả những người dự họp vỗ tay. Mọi người đứng dậy trong tiếng xô ghế và tiếng giấy tờ sột soạt. Bräutigam đi vòng qua bàn đến bắt tay tôi: "Công việc rất tốt, Hauptsturmführer." Ông ta quay sang Rehrl: "Tất nhiên, giả thuyết Khazar vẫn có thể tự vệ được." – "Ồ, Rehrl nói, chúng ta sẽ thấy ở Daghestan thôi. Tôi chắc chắn là ở đó chúng ta sẽ tìm được những bằng chứng mới, như tướng quân đã nói. Nhất là ở Derbent, sẽ có các tài liệu, những dấu vết khảo cổ học." Tôi nhìn Bierkamp đang chạy ra gặp Korsemann và hạ giọng hoa chân múa tay nói rất nhanh với ông ta. Köstring đứng nói chuyện với von Gilsa và viên Oberst của AOK. Tôi trao đổi vài câu với Bräutigam rồi thu thập đống giấy tờ của mình và tiến về phía phòng để quần áo; Bierkamp và Korsemann cũng đã ra đến đó. Bierkamp giận dữ nhìn tôi chằm chằm: "Tôi cứ nghĩ rằng anh rất thiết tha với các quyền lợi của SS cơ đấy, Hauptsturmführer." Tôi không để những lời của ông ta làm cho nao núng: "Herr Oberführer, tôi không hề bỏ qua một bằng chứng nào cho thấy tính chất Do Thái của họ." – "Lẽ ra anh phải trình bày chúng một cách rõ ràng hơn chứ. Bớt mù mờ đi chứ." Korsemann can thiệp bằng cái giọng giật cục của mình: "Tôi không hiểu tại sao ông phải chê trách, Oberführer. Anh ta đã xoay xở rất tốt đấy chứ. Mặt khác tướng quân đã khen ngợi anh ta hai lần liền cơ mà." Bierkamp nhún vai: "Tôi đang tự hỏi không biết là Prill có lý hay không." Tôi không trả lời. Phía sau chúng tôi, những người khác đang đi ra. "Ngài có chỉ thị nào khác cho tôi nữa không, Herr Oberführer?" cuối cùng tôi hỏi. Ông ta phác một cử chỉ mơ hồ: "Không. Không phải là bây giờ." Tôi chào ông ta và đi ra ngoài sau von Gilsa.

Bên ngoài, không khí khô, buốt lạnh. Tôi hít thật sâu và cảm thấy cái lạnh đang rát bỏng bên trong hai lá phổi. Tất cả đều có vẻ giá băng, câm lặng. Von Gilsa trèo lên ôtô cùng viên Oberst của AOK và mời tôi ngồi lên ghế trước. Chúng tôi trao đổi thêm vài câu rồi dần dần tất cả đều im lặng. Tôi nghĩ đến cuộc hội thảo: cơn giận dữ của Bierkamp là có thể hiểu được. Köstring đã chơi chúng tôi một vố xấu xa. Tất cả mọi người trong phòng đều biết rất rõ rằng Wehrmacht không có cơ may nào để đến được Daghestan. Một số thậm chí còn nghi ngờ – nhưng có thể là trong số đó không có Korsemann hoặc Bierkamp – rằng ngược lại tập đoàn quân A sẽ sớm phải rời khỏi vùng Caucase. Ngay cả khi Hoth hội quân được với Paulus, thì cũng chỉ là để thu đại đoàn số 6 về Tchir, thậm chí là vùng hạ lưu sông Đông. Chỉ cần xem một tấm bản đồ là hiểu được khi đó vị trí của tập đoàn quân A sẽ không thể giữ được. Hẳn là Köstring có những thông tin chắc chắn về chuyện đó. Vì vậy, có thể loại trừ khả năng phải gánh lấy các dân tộc miền núi vì một vấn đề ít quan trọng đến như vấn đề người *Bergjude*: ngay khi họ hiểu ra được rằng quân Đỏ đang quay trở lại, sẽ có những vụ quấy nhiễu – dù cho chỉ là để thể hiện, tuy rằng rất muộn màng, sự trung thành và lòng yêu nước của họ – và cần phải tránh để chuyện đó bùng nổ bằng mọi giá. Một cuộc rút lui qua một nơi hoàn toàn thù địch, rất thuận lợi cho chiến tranh du kích, có thể trở thành một thảm họa. Vì vậy phải đưa ra những đảm bảo cho các dân tộc đồng minh. Điều đó thì tôi nghĩ Bierkamp không thể hiểu nổi; đầu óc mang tính cảnh sát của ông ta, lại càng thêm quá đà bởi nỗi ám ảnh đối với những con số và báo cáo, khiến cho ông ta trở nên thiển cận. Mới đây, một trong số các Einsatzkommando đã thanh toán một trạm y tế dành cho trẻ em bị bệnh lao, trong một vùng hẻo lánh thuộc Krasnodar. Phần lớn bọn trẻ là người miền núi, các hội đồng quốc gia liền phản đối một cách mạnh mẽ, đã xảy ra những vụ đụng độ làm nhiều binh lính mất mạng. Bairamukov, lãnh tụ người Karatchai, đã đe dọa von Kleist về một cuộc nổi dậy chung nếu chuyện đó còn tái diễn; và von Kleist đã gửi một lá thư đầy giận dữ cho

Bierkamp, nhưng ông ta, theo những gì mà tôi nghe được, đã tiếp nhận nó với một vẻ bàng quan kỳ lạ: ông ta không biết vấn đề nằm ở đâu. Korsemann, nhạy cảm hơn với ảnh hưởng của bên quân sự, hẳn là đã phải can thiệp và bắt ông ta gửi đến các Kommando những chỉ thị mới. Như vậy, Köstring không có lựa chọn nào cả. Khi đến cuộc hội thảo, Bierkamp nghĩ rằng mọi chuyện vẫn chưa được quyết định; nhưng Köstring, chắc chắn là cùng với Bräutigam, đã tung xong những quân xúc xắc, và việc trao đổi quan điểm chỉ là một thứ trò hề, một màn diễn của những kẻ mơ hồ. Dù cho Weseloh có thể tham dự, hoặc dù cho tôi có dựng đến một hệ thống lập luận hết sức có ý đồ, thì cũng sẽ không thay đổi được gì hết. Cú Daghestan thật xuất sắc, không ai tránh nổi: nó là hệ quả tự nhiên của tất cả những gì được nói ra hôm đó, và Bierkamp không thể tìm ra được một lời phản đối hữu lý nào hết; còn về chuyện nói ra sự thật, rằng sẽ không thể chiếm được Daghestan, thì chỉ đơn giản là không thể được; Köstring khi đó sẽ hoàn toàn có thể kết tội Bierkamp là bi quan chủ nghĩa. Không phải tình cờ mà dân quân sự gọi Köstring là "cáo già": đó quả thực, tôi tự nhủ với một sự thích thú đầy cay đắng, là một đòn thiên tài. Tôi biết rằng chuyện này sẽ gây cho tôi nhiều phiền phức: Bierkamp sẽ tìm cách đổ trách nhiệm thất bại lên ai đó, và tôi là người có nhiều triển vọng nhất. Tuy nhiên, tôi đã tiến hành công việc một cách chặt chẽ và hăng hái; thế nhưng, cũng như trong chuyến đi của mình đến Paris, tôi đã không hiểu được luật chơi, tôi đã tìm kiếm sự thật ở nơi người ta không muốn sự thật mà là một lợi thế về mặt chính trị. Giờ đây Prill và Turek sẽ dễ dàng vu khống tôi. Ít nhất, Voss cũng sẽ không phải thất vọng vì bài trình bày của tôi. Voss đã chết, và tôi lại cô độc.

Bóng tối buông xuống. Một lớp sương giá dày phủ lên mọi thứ: những cành cây vặn vẹo, những sợi dây và cột hàng rào, bờ cỏ cằn cỗi, mặt ruộng trơ khấc. Chúng giống như một thế giới toàn những hình thù đáng sợ trắng toát, gây hoang mang, đầy huyền hoặc, một vũ trụ pha lê không có chỗ nào cho sự sống. Tôi nhìn lên những ngọn núi: bức tường màu xanh mênh mông chặn

lấy chân trời, người gác cửa của một thế giới khác, bị che kín. Mặt trời, hẳn là từ phía Abkhazie, xuống sau các đỉnh núi, nhưng ánh sáng của nó vẫn lùa lên chúng, rọi lên nền tuyết những luồng sáng lộng lẫy và mong manh màu hồng, vàng, da cam, màu hồng tía, chảy nhẹ nhàng từ mỏm núi này sang mỏm núi khác. Đó là một vẻ đẹp tàn khốc, làm cho người ta không thở nổi, gần như thuộc con người nhưng cùng lúc lại ở bên ngoài tất cả những mối bận tâm của loài người. Dần dần, phía sau đằng xa kia, biển nuốt mất mặt trời, và từng màu sắc tắt đi, để lại một thứ tuyết màu xanh, rồi màu ghi trắng yên bình ánh lên trong màn đêm. Cây cối khâm sương giá hiện ra trong những luồng ánh sáng đèn pha của chúng tôi trông giống như những sinh thể đang cựa quậy. Tôi thấy như thể mình đang chuyển sang thế giới bên kia, đến cái đất nước mà bọn trẻ con biết rất rõ, và không trở về nữa.

Tôi không hề nhầm về Bierkamp: nhát dao rơi xuống còn nhanh hơn là tôi chờ đợi. Bốn ngày sau cuộc hội thảo, ông ta triệu tập tôi đến Vorochilovsk. Ngày hôm trước đó, người ta đã tuyên bố chính thức thành lập Tỉnh tự trị Kabarde-Balkar vào dịp ăn mừng lễ Kurman Bairam, ở Naltchik, nhưng tôi không đến dự; có vẻ như là Bräutigam đã có một bài diễn văn quan trọng, và người miền núi đã phủ lên các sĩ quan một núi quà, *kindjal*, thảm, kinh Coran chép tay. Còn tại mặt trận Stalingrad, theo các tin đồn, xe panzer của Hoth khó nhọc tiến lên, và vừa vấp phải Mychkova, cách *Kessel* sáu mươi cây số; trong thời gian đó quân Xô viết, trên sông Đông chếch lên hướng Bắc, tung một đợt tấn công mới vào mặt trận Ý; người ta nói đến sự bỏ chạy tán loạn, và giờ đây xe tăng Nga đang đe dọa các sân bay mà Luftwaffe dùng để tiếp tế lương thực một cách được chăng hay chớ cho *Kessel*! Các sĩ quan của Abwehr vẫn từ chối cung cấp thông tin chính xác, và rất khó có được một hình dung đúng đắn về mức độ nguy kịch của tình hình, ngay cả khi đã kết hợp đủ mọi nguồn tin đồn khác nhau lại. Tôi báo cáo với Gruppenstab những gì tôi hiểu được hoặc xác

mình được, nhưng tôi có cảm giác người ta không coi trọng các báo cáo của tôi lắm: gần đây nhất, tôi nhận được từ bộ tham mưu của Korsemann một danh sách các SSPF và những người của SS khác được bổ nhiệm phụ trách các tỉnh của vùng Caucase, trong đó có Groznyi, Azerbaidjan và Georgia, và một nghiên cứu về cây kok-sagyz mà người ta tìm thấy quanh Maikop, thứ cây mà Reichsführer muốn trồng trên diện rộng để sản xuất một chất thay thế cho cao su. Tôi tự hỏi không biết có phải Bierkamp đang nghĩ theo cách phi thực tế đến vậy không; dù sao thì lệnh triệu tập của ông ta cũng làm tôi lo lắng. Trên đường đi tôi tìm cách tập hợp các luận điểm để tự vệ, để hình thành cho mình một chiến lược, nhưng vì không biết ông ta sẽ nói gì với mình, tôi thấy mọi thứ đều rối tinh lên.

Cuộc gặp rất ngắn. Bierkamp không mời tôi ngồi và tôi đứng nghiêm trong khi ông ta chìa cho tôi một tờ giấy. Tôi nhìn nó mà không hiểu lắm: "Cái gì đây?" tôi hỏi. – "Lệnh thuyên chuyển của anh. Người phụ trách công việc tổ chức cảnh sát ở Stalingrad yêu cầu gấp một sĩ quan SD. Người của ông ta bị giết cách đây hai tuần. Tôi đã báo cho Berlin rằng Gruppenstab có thể cắt giảm người, và họ đã phê chuẩn việc thuyên chuyển anh. Xin chúc mừng, Hauptsturmführer. Đây là một cơ hội của anh." Tôi vẫn tỏ ra cứng rắn: "Liệu tôi có thể hỏi tại sao ông lại đề nghị tôi được không, Herr Oberführer?" Bierkamp giữ vẻ khó chịu nhưng lại hơi mỉm cười: "Ở bộ tham mưu của tôi, tôi muốn có những sĩ quan hiểu được những gì người ta trông chờ ở họ mà không cần phải giải thích từng chi tiết một; nếu không thì thà tự làm lấy công việc còn hơn. Tôi hy vọng rằng với anh công việc của SD ở Stalingrad sẽ có ích. Ngoài ra, cho phép tôi lưu ý rằng cách cư xử cá nhân của anh là không được tốt, dẫn đến những tin đồn không hay ho trong nội bộ đơn vị. Thậm chí một số người còn đòi có sự can thiệp của *SS-Gericht*. Về nguyên tắc tôi từ chối tin vào những lời xì xào đó, nhất là khi lại liên quan đến một sĩ quan được đào tạo về mặt chính trị tốt như anh, nhưng tôi sẽ không chấp nhận một vụ bê bối xảy đến làm hoen ố thanh danh người của tôi.

Trong tương lai, tôi khuyên anh chú ý để cách hành xử không tạo cơ hội cho những loại người ngồi lê đôi mách đó. Anh có thể về." Chúng tôi chào nhau theo kiểu Đức và tôi rút lui. Trong hành lang, tôi đi qua trước phòng làm việc của Prill; cửa để mở, và tôi thấy ông ta đang nhìn tôi với một nụ cười mỉm. Tôi dừng lại trên ngưỡng cửa và đến lượt mình nhìn chằm chằm vào ông ta, trong khi một nụ cười rạng rỡ, một nụ cười trẻ thơ choán dần khắp gương mặt tôi. Dần dần nụ cười của ông ta tắt đi và ông ta quan sát tôi với một vẻ u tối, bối rối. Tôi không nói gì, tôi tiếp tục mỉm cười. Tôi vẫn cầm tờ lệnh trên tay. Cuối cùng tôi đi ra.

Trời vẫn lạnh như vậy, nhưng cái áo lông che chở cho tôi và tôi đi vài bước. Tuyết không được dọn kỹ đóng giá và rất trơn. Ở góc phố, gần khách sạn *Kavkaz*, tôi bắt gặp một cảnh tượng kỳ lạ: những người lính Đức bước ra từ một tòa nhà, trên vai vác các manocanh vận trang phục lính Napoléon. Có đồ của lính khinh kỵ, mũ sacõ, binh phục đỏ, vàng nhạt hoặc trắng, lính rồng đỏ xanh lá cây với đường viền đỏ tía, lính cận vệ mặc măng tô xanh da trời với những cái nút mạ vàng, các công binh Hannover màu đỏ tôm luộc, một kỵ binh cầm giáo người Croatia trắng toát với một cái cà vạt đỏ. Những người lính giữ các manocanh đó đứng trong mấy cái xe cam nhông phủ vải bạt để người khác buộc dây cố định lại. Tôi tiến lại gần viên Feldwebel trông coi mọi việc: "Có chuyện gì vậy?" Anh ta chào tôi và trả lời: "Đây là Bảo tàng của vùng, Herr Hauptsturmführer. Chúng tôi mang những thứ này về Đức. Lệnh của OHKG." Tôi nhìn họ một lúc rồi quay về xe, tờ lệnh đi đường vẫn nằm trên tay. *Finita la commedia.*

COURANTE

Vậy là tôi đi tàu đến Minvody và khó nhọc ngược tiếp lên phía Bắc. Giao thông tắc nghẽn nặng nề, nhiều lần tôi phải chuyển từ đoàn xe này sang đoàn xe khác. Trong những phòng đợi bẩn thỉu, hàng trăm người lính chờ đợi, đứng hoặc nằm vạ vật trên gói đồ của mình, và được người ta phục vụ xúp hoặc một ít trà thế phẩm trước khi được cho lên tàu đi về một hướng bất định. Người ta nhường cho tôi một góc ghế băng và tôi ngồi đờ dẫn ở đó, cho đến khi một trưởng ga mệt mỏi tả tơi đến lay tôi dậy. Cuối cùng, ở Salsk, tôi lên được một chuyến tàu đi đến Rostov cùng với người và trang thiết bị dành cho đại đoàn của Hoth. Những đơn vị không thuần nhất này được thành lập một cách vội vã, quáng quàng, với những quân nhân nghỉ phép bị thu gom từ khắp nơi trong địa phận Reich, cho đến Lublin và thậm chí là Posen, rồi được gửi trở lại Nga, những người quá tuổi bị triệu tập đến các khóa huấn luyện tăng tốc rồi rút ngắn thời gian, những người đang bình phục thu lượm được tại các bệnh viện quân đội, những người thuộc đại đoàn số 6 tìm thấy bên ngoài Kessel sau lần thảo chạy. Có vẻ như là ít người trong số đó ý thức được mức độ nghiêm trọng của tình hình; và điều đó cũng không đáng kinh ngạc, các thông cáo quân sự nhất quyết im lặng về chủ đề này, cùng lắm cũng chỉ thông báo là có hoạt động ở khu vực Stalingrad. Tôi không nói chuyện với những người đó, tôi để gọn gói đồ của mình và thu người lại trong góc một toa tàu, cô độc, lơ đãng ngắm nhìn những chiếc lá tơ, gân chẳng chịt và sắc nét, bị

sương giá gắn chắc lên mặt cửa kính. Tôi không muốn suy nghĩ, nhưng những ý nghĩ cứ ào đến, chua xót, đầy thương hại cho chính bản thân tôi. Bierkamp, một giọng nói nội tâm giận dữ vang lên trong tôi, lẽ ra phải lôi tôi ra bắt đứng trước một đội hành quyết, như thế còn nhân đạo hơn, chứ không phải nói với tôi những điều giả dối về giá trị giáo dục của một cuộc vây dồn giữa mùa đông nước Nga. Nhờ trời, một giọng nói khác rên rỉ, ít nhất thì tôi cũng có cái áo lông và đôi bốt. Thật lòng tôi gặp khó khăn trong việc hình dung ra tác dụng giáo dục của những mảnh kim loại cháy bỏng xuyên qua da thịt mình. Khi người ta xử bắn một Do Thái hoặc một tên Bônsêvich, điều đó không hề có chút tác dụng giáo dục nào cả, chỉ là giết chết chúng, vậy thôi, mặc cho chúng tôi cũng đã có rất nhiều uyển ngữ khi nói đến chuyện này. Người Xô viết, khi muốn trừng trị một ai đó, sẽ gửi họ đến một Chtrafbat nơi hiếm khi người ta trụ được quá vài tuần: phương pháp tàn độc, nhưng thẳng thắn, giống như tất cả những gì thông thường bọn họ vẫn làm. Mặt khác tôi thấy rằng đó là một trong những lợi thế lớn của họ so với chúng tôi (ngoài các sư đoàn và xe tăng có vẻ như là vô cùng tận của họ): ít nhất thì ở chỗ họ người ta cũng biết được phải nhảy múa bằng chân nào.

Đường nghẽn đặc, chúng tôi mất hàng giờ chờ đợi trên các tuyến đường ray, theo những quy tắc không thể hiểu nổi về mức độ ưu tiên được ấn định bởi những mệnh lệnh bí hiểm và xa xôi. Thỉnh thoảng, tôi tự bắt mình ra ngoài hít thở không khí buốt giá và nhúc nhắc tay chân: ngoài đoàn tàu không có gì khác nữa, chỉ là một khoảng rộng mênh mông trắng xóa, trống rỗng, gió thổi lồng lộng, không có lấy cái bóng nào của sự sống. Dưới những bước chân của tôi, tuyết cứng và khô kêu lạo xạo như bánh mì ròn; gió tấp làm nứt nẻ hai má tôi; vì vậy tôi xây lưng lại và nhìn ra thảo nguyên, con tàu với những cửa kính trắng xóa băng giá, vài người hiếm hoi cũng bị nỗi buồn chán hoặc bệnh ỉa chảy đẩy ra ngoài giống tôi. Những ham muốn điên rồ xâm chiếm lấy tôi: nằm xuống tuyết, lăn thành vòng trong cái áo lông, và ở lại đó để con tàu đi khỏi, khi ấy thì tôi cũng đã được một lớp tuyết trắng

mông phủ lên, một cái kén mà tôi có thể hình dung là mềm mại, ấm áp, êm ái, giống như cái bụng từ đó một ngày kia tôi đã bị tống cổ ra ngoài. Những cơn buồn bã đó làm tôi kinh hãi; đến khi trấn tĩnh lại được, tôi tự hỏi không biết chúng có thể đến từ đâu. Tuy vậy đó không phải là thói quen của tôi. Nỗi sợ, có thể, cuối cùng tôi tự nhủ. Tốt thôi, nỗi sợ, nhưng vậy thì là nỗi sợ trước cái gì? Cái chết, tôi nghĩ là đã thuần phục được nó ở bên trong con người mình, và không chỉ là từ những hầm mộ ở Ukraine, mà đã từ lâu rồi. Có thể đó là một ảo ảnh, một tấm riđô mà tâm trí tôi kéo ra che phủ cái bản năng thú vật thô lậu vẫn ẩn nấp đâu đó chăng? Cũng có thể, chắc chắn rồi. Nhưng cũng có thể đó là ý tưởng về sự tù đày: quay trở lại sống trong cái nhà tù lộ thiên mênh mông đó, như trong một cuộc lưu vong không có ngày hồi hương. Tôi đã muốn phục vụ, tôi đã hoàn thành, cho Quốc gia và dân tộc của tôi và nhân danh công việc đó, những điều nặng nề, đáng sợ, trái ngược với bản chất con người tôi; và vậy là giờ đây người ta trục xuất tôi khỏi chính tôi và khỏi cuộc sống chung để buộc tôi phải đến chỗ của những người đã chết, những người bị bỏ rơi. Cuộc tấn công của Hoth ư? Stalingrad không phải là Demiansk, và trước ngày 19 tháng Mười một chúng tôi đã cạn kiệt hơi sức, chúng tôi đã đạt đến những giới hạn xa xôi nhất, chúng tôi, những kẻ mạnh mẽ nhường ấy, luôn tin mọi chuyện mới chỉ bắt đầu. Stalin, cái tay người Ossète khôn ngoan đó, đã dùng các chiến thuật của tổ tiên người Scythe của ông ta để đối phó với chúng tôi: rút lui không ngừng, luôn luôn vào sâu hơn trong lục địa, *tiểu xảo*, giống như Hérodote từng gọi, cuộc truy đuổi điên cuồng; vận dụng sự trống rỗng. *Khi quân Ba Tư có những dấu hiệu kiệt sức và chán chường đầu tiên, người Scythe bèn nghĩ ra một phương cách để lên dây cót tinh thần cho đối phương và bằng cách đó buộc chúng phải nếm trải mọi chuyện đến tận cùng. Họ sẵn sàng hy sinh vài đội quân, để mặc đi lang thang một cách hữu ý và quân Ba Tư sẽ hau háu nhảy vào tấn công ngay lập tức. Nhờ đó mà chúng tìm lại được một chút lạc quan. Nhiều lần Darius rơi vào cái bẫy đó, kết cục là phải gục ngã*

trước cái đói. Chỉ khi ấy (Hérodote kể) người Scythe mới gửi đến Darius thông điệp huyền bí của họ dưới dạng một đồ hiến tế: một con chim, một con chuột, một con ếch, và năm mũi tên. Thế nhưng, với chúng tôi, không có vật hiến tế nào, không có thông điệp nào hết, mà là: cái chết, sự hủy diệt, kết thúc của hy vọng. Tất cả những cái đó, liệu đã bao giờ tôi nghĩ đến chưa? Biết đâu những ý nghĩ đó mãi sau này mới đến, khi kết cục đã tiến lại gần, hoặc khi tất cả đã kết thúc? Cũng có thể, nhưng cũng có thể rằng tôi đã từng nghĩ vậy khi đi từ Salsk đến Kotelnikovo, bởi vì những bằng chứng nằm ở đó, chỉ cần mở to mắt để nhìn, và có thể nỗi buồn của tôi đã bắt đầu mở mắt cho tôi. Thật khó nói, giống như là khi nói về một giấc mơ sáng đến chỉ còn để lại những dấu vết mơ hồ và sắc nhọn, giống như những bức vẽ kỳ bí mà, như một đứa trẻ, tôi đã dùng móng tay vạch lên lớp sương giá bám trên cửa kính tàu.

Ở Kotelnikovo, điểm xuất phát cuộc tấn công của Hoth, người ta đang dỡ đồ từ một đoàn tàu trước chuyến của chúng tôi, phải chờ nhiều giờ trước khi xuống được. Đó là một ga nhỏ nông thôn xây bằng gạch đã mòn vẹt, với vài đường ke làm bằng thứ bê tông tồi tệ giữa các đường ray; đây đó, những toa tàu, rập nổi biểu tượng của Đức, mang những dấu hiệu của Séc, Pháp, Bỉ, Đan Mạch, Na Uy: để tập hợp được người và trang thiết, giờ đây người ta phải vơ vét đến tận những nơi hẻo lánh nhất của châu Âu. Tôi đứng dựa lưng vào cánh cửa toa tàu để mở, hút thuốc và ngắm nhìn sự tất bật loạn xạ của nhà ga. Có binh lính Đức thuộc mọi quân đội, các Polizei Nga hoặc Ukraine mang băng tay có hình chữ thập ngoặc và những khẩu súng trường cũ kỹ, các Hiwi với khuôn mặt hốc hác, những cô nông dân mặt đỏ ửng vì lạnh bán hoặc đổi chác vài thứ rau trộn nghèo nàn hoặc một con gà gầy còm. Người Đức mặc áo măng tô hoặc áo lông; người Nga, áo vest lót vải bông, phần lớn rách rưới tả tơi, từ đó bay ra từng túm rơm hoặc giấy báo; và cái đám đông ô hợp đó nói chuyện với nhau, la hét ồn ã, xô đẩy nhau ngay dưới đôi bốt của tôi, từng đợt huyên náo lộn xộn. Ngay dưới tôi, hai người lính cao lớn buồn bã dìu

nhau đi; xa hơn một chút, một người Nga gầy nhom, bần thỉu, run rẩy, chỉ mặc trên người một cái áo vest vải mỏng, đi dọc theo đường ke với một chiếc đàn accordeon đeo trên vai; ông ta tiến lại gần các nhóm lính hoặc Polizei, họ đuổi ông ta đi bằng một từ độc ác hoặc một lời chế nhạo, tử tế nhất là quay lưng đi. Khi ông ta đi ngang qua chỗ tôi, tôi chìa ra một tờ giấy bạc lấy từ trong túi ra một tờ giấy bạc. Tôi nghĩ rằng ông ta sẽ tiếp tục đi, nhưng ông ta đứng lại đó và hỏi tôi, bằng một thứ hỗn hợp giữa tiếng Nga và tiếng Đức tồi tệ: "Ông muốn gì? Một dân dã, một truyền thống, hay một Côdăc?" Tôi không hiểu ông ta nói gì nên chỉ nhún vai: "Thế nào cũng được." Ông ta ngẫm nghĩ một lúc rồi cất giọng hát một bài hát Côdăc mà tôi biết vì vẫn thường xuyên nghe thấy ở Ukraine, bài hát có nhịp điệu rất vui *O, i ty Galia, Galia moloda-ia*... và kể lại câu chuyện thảm khốc về một thiếu nữ bị người Côdăc bắt đi, bị chúng dùng những lọn tóc dài màu vàng của chính cô buộc vào gốc một cây thông, và bị thiêu sống. Nghe thật tuyệt vời. Người đàn ông hát, khuôn mặt ngẩng về phía tôi: đôi mắt màu xanh thẫm của ông ta dịu dàng ánh lên qua lớp rượu và sự bần thỉu; đôi má của ông ta, với một đám râu màu đỏ nhạt ăn lan cả mảng lớn, nhẵy nhót; và cái giọng trầm thuốc lào thuốc lá của ông ta cất lên thật rõ, trong và chắc nịch, và ông ta hát hết đoạn này sang đoạn khác, như thể sẽ không bao giờ dừng lại được nữa. Dưới những ngón tay của ông ta phím accordeon kêu lách cách. Trên ke tàu, sự lộn xộn đã giảm xuống, người ta ngoái lại nhìn và lắng nghe, hơi ngạc nhiên, ngay cả những người mới lúc trước còn đối xử tàn nhẫn với người đàn ông, tất cả đều bị quyến rũ bởi vẻ đẹp đơn giản và kỳ lạ của bài hát. Từ phía bên kia, ba cô gái nông trường to béo xếp hàng dọc đi tới, giống như ba con ngỗng tròn quay lạch bạch trên một con đường làng, với một khoảng trắng hình tam giác lật hất trước mặt, một tấm khăn len đan. Người chơi đàn accordeon chặn đường đi của họ và họ chạy vòng tránh ông ta như một đợt sóng biển vòng quanh một tảng đá, trong khi ông ta hơi quay người sang hướng bên kia nhưng vẫn không ngừng hát, rồi họ tiếp tục đi dọc đoàn tàu và

đám đông đứng lẫn vào với nhau lắng nghe người nhạc công; đằng sau tôi, trong khung cửa, nhiều người lính bước ra khỏi toa tàu để nghe ông ta. Âm nhạc như thể không chấm dứt, sau mỗi đoạn ông ta lại chuyển sang một đoạn khác, và không ai không muốn nó kết thúc. Cuối cùng nó cũng kết thúc và thậm chí không buồn chờ được cho thêm tiền ông ta đã bước sang toa sau đó, và dưới chân tôi mọi người tản ra hoặc tiếp tục những việc đang làm hoặc tiếp tục chờ đợi.

Cuối cùng cũng đến lượt chúng tôi được xuống. Trên ke, các Feldgendarm kiểm tra giấy tờ và hướng dẫn mọi người về những điểm tập hợp khác nhau. Người ta gửi tôi đến một văn phòng của nhà ga nơi một tay nhân viên bàn giấy mệt mỏi nhìn tôi vẻ vô hồn: "Stalingrad? Tôi không biết gì cả. Ở đây là đại đoàn của Hoth." – "Người ta nói với tôi là phải đến đây và tôi sẽ được đưa đến một sân bay." – "Các sân bay nằm bên kia sông Đông. Đến đại bản doanh xem đi." Một Feldgendarm khác cho tôi lên một chiếc cam nhông chạy về AOK. Tại đó, cuối cùng tôi cũng tìm được một sĩ quan tác chiến thạo tin một chút: "Những chuyến bay đi Stalingrad khởi hành từ Tatsinskaia. Nhưng thường thì các sĩ quan đến đại đoàn số 6 phải đi đến đó từ Novotcherkassk, đại bản doanh của tập đoàn quân sông Đông đóng ở đó. Chúng tôi có chuyến liên lạc với Tatsinskaia, có thể là cứ ba ngày một lần. Tôi không hiểu sao người ta lại gửi anh đến đây. Dù sao thì chúng tôi cũng sẽ cố gắng thu xếp cho anh." Anh ta cho tôi vào một phòng ngủ có nhiều giường đôi. Vài giờ sau anh ta xuất hiện trở lại. "Tốt rồi. Tatsinskaia gửi đến cho anh một chiếc Storch. Đi thôi." Một người lái xe chở tôi ra khỏi thị trấn đến một đường bay làm tạm trên tuyết. Tôi tiếp tục đợi trong một túp lều được một cái lò sưởi ấm, uống thứ trà thế phẩm cùng vài hạ sĩ quan của Luftwaffe. Họ chán nản sâu sắc khi nhắc đến cầu hàng không với Stalingrad: "Mỗi ngày chúng tôi mất năm đến mười máy bay, và ở Stalingrad có vẻ như là họ đang chết đói. Nếu tướng Hoth không chọc thủng được phòng tuyến địch, họ sẽ tiêu." – "Nếu tôi là ông, một người khác nói thêm vẻ thân thiện, tôi sẽ không vội

vã đi đến chỗ họ như vậy đâu." – "Ông không thể đi lạc đường một chút à?" người thứ nhất bồi thêm. Rồi chiếc Fieseler Storch bé nhỏ lảo đảo đáp xuống. Viên phi công thậm chí còn không buồn tắt máy, đến cuối đường băng anh ta đi vòng lại và đến đỗ ở điểm xuất phát. Một trong những người của Luftwaffe giúp tôi mang đồ đạc. "Ít nhất thì ông cũng có quần áo ấm," anh ta hét lên để át tiếng động cơ gầm rú. Tôi trèo lên máy bay và ngồi sau viên phi công. "Cám ơn vì đã đến!" tôi hét lên với anh ta. – "Không có gì, anh ta hét trả lời. Chúng tôi đã quen với việc lái taxi bay rồi." Anh ta cất cánh trước cả khi tôi kịp buộc dây và chỉnh hướng chếch về phía Bắc. Bóng tối đã đổ xuống nhưng bầu trời quang đãng và lần đầu tiên tôi nhìn thấy mặt đất từ trên không trung. Một bề mặt phẳng, trắng, thuần nhất chạy dài đến tận chân trời; đôi lúc, một đường vạch khía một nhát dầy bi thảm và rõ nét lên khoảng rộng đó. Các *balka* trông như những cái hố dài tối om núp dưới ánh sáng đang tắt dần hắt lên thảo nguyên. Ở những điểm giao nhau của các đường vạch đó trồi lên những dấu vết làng mạc, đã gần như chìm hẳn vào bóng tối, những ngôi nhà không mái đầy tuyết bên trong. Rồi đến sông Đông, một con rắn màu trắng khổng lồ neo mình trong màu trắng của thảo nguyên, nhìn thấy được nhờ vào hai bên bờ xanh bợt và bóng của những ngọn đồi nằm ở hữu ngạn. Phía xa cùng tận, mặt trời nằm trên đường chân trời như một quả cầu màu đỏ phồng to lên, nhưng màu đỏ đó không trang trí cho cái gì hết, tuyết vẫn trắng xanh. Từ khi cất cánh, chiếc Storch bay thẳng, khá thấp, một cách ung dung, một con ong bình thản; đột nhiên nó rẽ về phía trái, đâm bổ xuống và dưới tôi là các dãy sà lan nạo vét bùn to lớn đây đó và những cái bánh đã chạm xuống mặt đất và chiếc Storch nảy lên trên tuyết cứng và chạy đến xếp vào phía cuối sân bay. Viên phi công tắt máy và chỉ cho tôi một tòa nhà dài và thấp: "Ở chỗ đó. Người ta đang chờ anh đấy." Tôi cảm ơn anh ta và xách đống đồ bước nhanh về phía cánh cửa được chiếu sáng bởi một ngọn đèn treo trên cao. Trên đường băng, một chiếc Junker vừa nặng nề đỗ xuống. Với bóng tối đang buông nhiệt độ hạ rất nhanh, cái lạnh tạt vào mặt tôi như

một cái tát và làm phồi tôi bỏng cháy. Bên trong, một hạ sĩ quan mời tôi đặt đồ xuống và dẫn tôi vào một phòng tác chiến đang ấm như một tổ ong. Một Oberleutnant của Luftwaffe chào tôi và kiểm tra giấy tờ. "Thật không may, cuối cùng anh ta nói, những chuyến bay tối nay đã đầy hết rồi. Tôi có thể xếp cho ông bay vào sáng mai. Cũng đang có một người khách đang chờ." – "Các anh bay ban đêm à?" Anh ta nhìn tôi vẻ ngạc nhiên: "Dĩ nhiên rồi. Tại sao?" Tôi lắc đầu. Anh ta đưa tôi cùng đống đồ đạc đến một phòng ngủ đặt trong một tòa nhà khác: "Cố mà ngủ nhé," anh ta nói khi đi khỏi. Phòng ngủ không có người, nhưng một gói đồ khác đặt trên một cái giường. "Đó là ông sĩ quan sẽ đi cùng, viên Spiess cùng vào với tôi nói. Chắc ông ấy đang ở nhà ăn. Ông có muốn ăn không, Herr Hauptsturmführer?" Tôi đi theo anh ta vào một phòng khác, với vài cái bàn và hai cái ghế băng dưới ánh sáng của một ngọn đèn vàng vọt, nơi các phi công và nhân viên mặt đất đang vừa ăn tối vừa khẽ khàng nói chuyện với nhau. Hohenegg đang ngồi một mình ở một cái bàn; ông toét miệng cười khi nhìn thấy tôi: "Hauptsturmführer thân mến của tôi! Anh lại làm điều gì xuẩn ngốc nữa thế?" Tôi đỏ mặt vì sung sướng, và đi lấy một đĩa xúp đậu lớn, bánh mì và một tách trà thế phẩm trước khi ngồi xuống đối diện với ông. "Dù sao thì cũng không phải là vụ đấu súng hụt của anh khiến tôi có hân hạnh được làm bạn đường của anh chứ? ông lại hỏi bằng cái giọng vui vẻ và dễ chịu của mình. Tôi sẽ không bao giờ tự tha thứ cho mình về điều đó." – "Tại sao ông lại nói chuyện ấy?" Ông có vẻ vừa bối rối vừa thích thú: "Tôi phải thú nhận là chính tôi đã tố giác kế hoạch của anh." – "Ông!" Tôi không biết nên nổi giận hay nên cười vì chuyện này. Hohenegg có dáng vẻ của một đứa trẻ bị bắt quả tang vừa phạm lỗi. "Đúng vậy đấy. Trước hết, để tôi nói với anh rằng quả thực đó là một ý tưởng ngu ngốc, đầy màu sắc lãng mạn Đức đã lỗi mốt. Và rồi, anh hãy nhớ lại, chúng còn định đánh bẫy chúng ta. Tôi không hề có ý định để cho mình mất mạng cùng với anh đâu." – "Bác sĩ, ông đúng là một người thiếu lòng tin. Cùng nhau, chúng ta sẽ thoát được bẫy của bọn chúng." Tôi giải thích

ngắn gọn cho ông ta những mắc mớ với Bierkamp, Prill và Turek. "Lẽ ra anh không việc gì phải phàn nàn, ông kết luận sau khi nghe xong. Tôi chắc chắn rằng đó sẽ là một kinh nghiệm rất thú vị đấy." – "Đó cũng là điều Oberführer của tôi đã tán tụng với tôi. Nhưng tôi không thấy bị thuyết phục." – "Vậy là anh vẫn còn thiếu triết học rồi. Tôi lại cứ nghĩ là anh được cấu tạo khác cơ." – "Có thể là tôi đã thay đổi. Thế còn ông, bác sĩ? Điều gì đã mang ông đến đây?" – "Một tay quan liêu trong ngành y tế ở Đức đã quyết định rằng người ta phải lợi dụng cơ hội để nghiên cứu các tác động của việc thiếu ăn lên lính tráng của chúng ta. AOK 6 nghĩ rằng không cần thiết, nhưng OKH thì cứ khăng khăng. Thế là người ta yêu cầu tôi phụ trách nghiên cứu hấp dẫn này. Tôi thú nhận rằng mặc cho tình hình hiện nay việc này vẫn rất kích thích trí tò mò của tôi." Tôi chĩa thìa vào cái bụng tròn của ông: "Hãy cứ hy vọng rằng ông sẽ không trở thành đối tượng nghiên cứu của chính ông." – "Hauptsturmführer, anh đã trở nên thô thiển rồi đấy. Đợi đến khi bằng tuổi tôi rồi hẵng cười. À, anh bạn nhà ngôn ngữ học trẻ tuổi của chúng ta ra sao rồi?" Tôi bình thản nhìn ông: "Anh ấy chết rồi." Khuôn mặt ông tối sầm xuống: "A. Tôi rất tiếc." – "Tôi cũng vậy." Tôi ăn hết đĩa xúp và uống trà. Thật tệ hại và đắng nghét, nhưng cũng giải khát. Tôi châm một điếu thuốc. "Tôi tiếc chai rượu của ông, bác sĩ ạ," tôi mỉm cười nói. – "Tôi vẫn còn một chai cognac đây, ông ta đáp. Nhưng phải giữ nó lại. Chúng ta sẽ cùng uống ở *Kessel*." – "Đừng bao giờ nói, bác sĩ ạ, rằng: Ngày mai tôi sẽ làm cái này cái kia, mà không thêm vào: Nếu Chúa muốn." Ông lắc đầu: "Anh đánh mất thiên hướng của mình rồi, Hauptsturmführer ạ. Thôi đi ngủ."

Một hạ sĩ quan lôi tôi ra khỏi giấc ngủ tối tệ vào khoảng sáu giờ. Phòng ăn lạnh và gần như trống không, tôi cố gắng quên đi vị đắng của trà, tập trung tinh thần để hấp thụ sức nóng của nó, hai tay cầm chặt lấy cái ca sắt. Sau đó, người ta đưa chúng tôi cùng hành lý ra đến một hăngga lạnh giá và bắt chúng tôi chờ rất lâu, giậm chân cho đỡ lạnh giữa đống máy móc nhờn mỡ và đống thùng đựng linh kiện thay thế. Hơi thở của tôi tạo thành một làn

khói nặng nề trước mặt, nó treo lơ lửng trong không khí ẩm ướt. Cuối cùng viên phi công đến và tự giới thiệu: "Chúng ta đổ đầy bình xăng và đi luôn, anh ta nói. Thật không may là tôi không có dù cho các ông." – "Cái đó có lợi ích gì không?" tôi hỏi. Anh ta cười: "Về mặt lý thuyết, nếu bị máy bay tiêm kích của quân Xô viết bắn trúng, chúng ta sẽ có thời gian để nhảy ra ngoài. Trong thực tiễn thì chuyện đó không bao giờ xảy ra." Anh ta đưa chúng tôi lên một chiếc cam nhông chạy đến một chiếc Junker-52 đỗ ở đầu đường băng. Trong đêm mây đã kéo đến phủ kín bầu trời; ở phía Đông, đám mây bông sáng rực lên. Vài người đang đổ đầy những cái thùng nhỏ để trên máy bay, viên phi công cho chúng tôi lên và hướng dẫn cách tự buộc mình vào một cái ghế băng hẹp. Một thợ máy to béo đến ngồi đối diện với chúng tôi; anh ta nở một nụ cười đầy mỉa mai, rồi không để ý đến chúng tôi nữa. Những tiếng lạo xạo và tiếng nói vẳng đến từ máy điện đàm. Viên phi công đi vào khoang hành khách để kiểm tra cái gì đó ở phía cuối, trước đi trên đống thùng và túi được buộc tùm chặt lại bằng một cái lưới chắc. "Đi hôm nay là tốt đấy, anh ta nói khi đi ngang qua chúng tôi. Bọn Đỏ gần như ở Skassirskaia hết rồi, ngay trên phía Bắc ấy. Chúng tôi sắp đóng cửa rồi." – "Các anh sẽ di chuyển sân bay à?" tôi hỏi. Anh ta bĩu môi và quay trở về chỗ của mình. "Anh biết truyền thống của chúng ta mà, Hauptsturmführer, Hohenegg bình luận. Chúng ta chỉ di chuyển khỏi một nơi nào đó khi tất cả đều đã bị giết." Từng động cơ một kêu lên lạch xạch và khởi động. Một tiếng rú sắc nhọn tràn ngập khoang máy bay; mọi thứ rung lên, cái ghế ở dưới tôi, vách máy bay ở sau lưng tôi; một cái mũ lết bị bỏ quên trên sàn này lên tưng tưng. Chầm chậm, máy bay bắt đầu chạy ra đường băng, rẽ sang hướng khác, tăng tốc; cái đuôi nhấc lên; rồi toàn bộ khối sắt bốc khỏi mặt đất. Túi của chúng tôi, chưa được buộc chặt, lăn ra phía sau; Hohenegg đỡ người vào tôi. Tôi nhìn ra ô cửa tròn: chúng tôi chui thẳng vào làn sương mù và những đám mây, tôi chỉ còn thoáng nhìn thấy động cơ. Những đợt rung xâm nhập cơ thể tôi theo cách rất khó chịu. Rồi máy bay ra khỏi lớp mây và bầu trời

xanh một màu xanh kim loại và quầng mặt trời đang lên tỏa một thứ ánh sáng lạnh xuống khung cảnh mây mênh mông, thụt xuống ở những đoạn *balka* giống như trên thảo nguyên. Không khí lạnh buốt, vách khoang máy bay đóng giá, tôi choàng cái áo lông lên và cuộn người lại. Hohenegg như thể đang ngủ, hai tay đút vào túi áo, đầu nghiêng về phía trước; những đợt rung nảy của máy bay làm tôi thấy chộn rộn, tôi không thể bắt chước ông được. Cuối cùng máy bay bắt đầu hạ xuống; nó lướt trên đỉnh những đám mây, lặn xuống, và lại một lần nữa tất cả có màu ghi tối. Xuyên qua tiếng ì ầm đơn điệu của động cơ tôi nghĩ là mình nghe thấy một tiếng nổ đanh, nhưng không chắc chắn lắm. Vài phút sau, viên phi công hét lên từ buồng lái: "Pitomnik!" Tôi lay Hohenegg dậy, ông choàng tỉnh nhưng không hề tỏ ra ngạc nhiên, và lấy tay lau làn hơi phủ lên ô cửa tròn. Chúng tôi vừa trôi qua bên dưới những đám mây và thảo nguyên trắng xóa, gần như không có hình thù cố định, trải rộng dưới cánh máy bay. Trước mặt, tất cả đều đảo lộn: những đỉnh núi lửa màu nâu dây lên tuyết những vết bẩn lớn; những đống sắt vụn nằm ngổn ngang, tuyết phủ lên trên. Máy bay hạ xuống rất nhanh nhưng tôi vẫn không thấy đường băng đâu. Rồi nó tiếp đất thật mạnh, nảy bật lên, hạ xuống. Người thợ máy đã cởi xong bộ quần áo nặng nề của mình: "Nhanh lên, nhanh lên!" anh ta hét. Tôi nghe thấy một tiếng nổ và một nắm tuyết bay đến đập vào ô cửa tròn và vách khoang máy bay. Tôi quáng quàng tháo dây buộc. Máy bay đã đỗ lại ở tư thế không ngay ngắn lắm và người thợ máy đã mở cửa và ném thang ra. Viên phi công vẫn không tắt máy. Người thợ máy vớ lấy đồng túi của chúng tôi, ném bừa chúng ra khỏi cửa, rồi rối rít ra hiệu bảo chúng tôi xuống. Một cơn gió rít lên, mang theo một làn tuyết mỏng và cứng, đập vào mặt tôi. Những người mặc nhiều quần áo đang loay hoay xung quanh máy bay, đặt những miếng kê, mở cửa khoang hầm. Tôi tuột xuống thang và lấy lại gói đồ. Một Feldgendarm cầm khẩu tiểu liên chào tôi và ra hiệu bảo tôi đi theo; tôi hét lên với anh ta: "Đợi đã, đợi đã!" Đến lượt Hohenegg đi xuống. Một quả đạn cối nổ trong đống tuyết cách

đó vài chục mét, nhưng không ai có vẻ để ý đến nó. Ở bên cạnh đường băng là một taluy đã quét sạch tuyết; một nhóm người đang đợi sẵn ở đó, dưới sự canh chừng của nhiều Feldgendarm cầm súng, áo măng tô của họ đính những mảnh phù hiệu kim loại buồn thảm. Hohenegg và tôi, đi sau người áp giải, tiến lại gần; đến gần hơn, tôi thấy phần lớn những người đó bị bịt mắt hoặc chống nạng; hai trong số đó nằm trên cáng; tất cả đều đeo tấm biển bằng bìa đính rất dễ nhìn trên áo capôt báo hiệu mình là thương binh. Sau một hiệu lệnh tất cả chạy về phía máy bay. Phía sau là cả một đám đông hỗn độn: các Feldgendarm chặn một lối vào ở đoạn hàng rào dây thép gai, bên ngoài đó là một khối người hoảng hốt đang hú hét, cầu xin, vung vẩy những cái chân cái tay băng bó, tiến sát lại gần các Feldgendarm cũng đang hú hét và vung vẩy những khẩu tiểu liên của mình. Một tiếng nổ mới, gần hơn, làm tuyết bắn tung lên; các thương binh nằm vội xuống đất, nhưng đám Feldgendarm vẫn không tỏ ra sợ hãi; đằng sau chúng tôi, người ta gào lên, một vài trong số những người đang chuyển đồ từ máy bay xuống có vẻ đã bị trúng đạn, họ nằm trên đất và được những người khác kéo sang một bên, các thương binh được chấp nhận xô đẩy nhau để leo lên cầu thang, những người khác hoàn thành việc chuyển đồ bằng cách ném những cái túi và thùng xuống đất. Viên Feldgendarm đi cùng chúng tôi bắn một tràng đạn chỉ thiên rồi lao vào đám người điên khùng và rên rỉ, vừa đi vừa lấy cùi chỏ huých sang hai bên; tôi cố sức theo sát ông ta, kéo theo Hohenegg ở sau lưng. Ra khỏi đó là những dãy lều phủ đầy sương giá, những lối vào boongke màu nâu; xa hơn, những chiếc cam nhông gắn điện đàm đỗ thành từng nhóm sát nhau giữa một rừng những cột, ăng ten, dây điện; ở cuối đường băng bắt đầu một bãi để phế liệu, những chiếc máy bay phơi bụng hoặc nát bươm, những chiếc cam nhông cháy, xe tăng, máy móc vỡ tan chất thành đống, một phần nằm dưới lớp tuyết. Nhiều sĩ quan tiến về phía chúng tôi; chúng tôi chào nhau. Hai bác sĩ quân y đón Hohenegg; người tiếp tôi là một viên Leutnant trẻ tuổi của Abwehr đến tự giới thiệu và chào mừng tôi: "Tôi phải chăm lo

cho ông và tìm cho ông một cái xe để đi về thành phố." Hohenegg đi khỏi: "Bác sĩ!" Tôi bắt tay ông. "Chắc chắn là chúng ta sẽ còn gặp lại, ông nói với tôi vẻ thân thiết. *Kessel* không lớn lắm đâu. Khi nào buồn thì anh đến chỗ tôi uống cognac nhé." Tôi khoát tay: "Theo tôi, bác sĩ ạ, cognac của ông sẽ không còn lại lâu đâu." Tôi đi theo viên Leutnant. Gần những cái lều tôi nhìn thấy một loạt đống lớn lấm tấm tuyết. Xa xa, từ phía sân bay, thỉnh thoảng vọng lại một tiếng nổ đanh. Chiếc Junker đã chở chúng tôi đến đây đang chầm chậm chạy về phía cuối đường băng. Tôi dừng lại để xem nó cất cánh và viên Leutnant cũng bắt chước theo. Gió thổi khá mạnh, phải nheo mắt lại để tránh làn tuyết mỏng bị thổi bắt lên từ mặt đất bay vào. Đến đúng chỗ, máy bay ngoặt lại và không hề ngừng nghỉ chút nào, bắt đầu tăng tốc. Nó chạy chệch đường một lần, rồi một lần nữa, gần cái taluy tuyết phủ một cách nguy hiểm; rồi những cái bánh rời khỏi mặt đất và nó vừa rên rỉ vừa bay lên, loạng choạng vài cú, trước khi biến mất vào trong tăng mây mờ tối. Tôi lại nhìn cái đống tuyết phủ ở gần mình và thấy rằng nó được tạo nên từ các xác chết, được chất lên nhau như những súc gỗ, những khuôn mặt của họ giá lại một màu đồng hơi ngả sang lục, lấm chấm những mảng râu cứng, với những vệt tuyết ở khóe môi, trong lỗ mũi, hốc mắt. Phải có đến hàng trăm người. Tôi hỏi viên Leutnant: "Các anh không chôn họ đi à?" Anh ta giậm chân: "Chôn thế nào bây giờ? Đất cứng như sắt. Mà chúng ta không có đủ thuốc nổ để mà lãng phí. Thậm chí còn không đào nổi công sự nữa." Chúng tôi bước đi; nơi dòng người đi lại đã tạo thành đường, mặt đất nhẵn, trơn, tốt hơn hết là phải đi sang bên cạnh, trong những đống tuyết. Viên Leutnant dẫn tôi lại gần một hàng dài thấp lè tè phủ tuyết. Tôi cứ tưởng rằng đó là các boongke nhưng khi tiến lại gần thì hóa ra chúng là những toa tàu bị chôn xuống đất một nửa, vách và mái chất đầy những túi cát, với những bậc thang đào thẳng vào đá dẫn lên cửa. Viên Leutnant đưa tôi vào; ở bên trong, các sĩ quan đi lại trong hành lang, các khoang đã được chuyển thành phòng làm việc; những bóng đèn yếu ớt tỏa một thứ ánh sáng bẩn thỉu và vàng vọt, và

hẳn là người ta đặt một lò sưởi ở đâu đó, vì không thấy lạnh lắm. Viên Leutnant mời tôi ngồi trong một khoang tàu sau khi dọn khỏi cái ghế băng những thứ giấy tờ đang chất đầy ở trên. Tôi nhận ra những đồ trang trí Giáng sinh, được cất một cách vụng về từ thứ giấy nhiều màu, và treo lủng lẳng trên cửa kính, ở phía sau là mặt đất và tuyết và những túi cát lạnh băng. "Ông có muốn uống trà không? viên Leutnant hỏi. Tôi không thể mời ông cái gì khác nữa đâu." Tôi nhận lời và anh ta đi ra. Tôi cởi cái chapka và áo lông, rồi ngồi xuống ghế băng. Viên Leutnant quay trở lại cùng hai cái tách trà thế phẩm và chìa cho tôi một tách; anh ta uống phần của mình ở lối vào khoang tàu. "Ông thật không may, anh ta rụt rè nói, vì bị gửi đến đây đúng vào trước lễ Giáng sinh như thế này." Tôi nhún vai và thổi tách trà đang bốc khói: "Còn với tôi thì, anh biết không, Giáng sinh có ý nghĩa gì đâu." – "Với chúng tôi ở đây thì rất quan trọng đấy." Anh ta lấy tay chỉ các thứ đồ trang trí. "Mọi người đều rất háo hức. Tôi hy vọng quân Đỏ sẽ để yên cho chúng ta. Nhưng không thể nào biết trước được đâu." Tôi thấy điều này thật kỳ quặc: Hoth, về nguyên tắc, đang tiến lên để hội quân; tôi nghĩ lẽ ra các sĩ quan phải đang chuẩn bị rút lui chứ không phải tổ chức ăn mừng lễ Giáng sinh. Viên Leutnant nhìn đồng hồ đeo tay: "Việc đi lại bị hạn chế hết sức và chúng tôi không thể đưa ông về thành phố ngay được. Chiều nay có một chuyến." – "Tốt lắm. Anh biết tôi phải đi đâu chứ?" Anh ta có vẻ ngạc nhiên: "Chắc là đến Kommandantur của thành phố. Tất cả các sĩ quan SP đều ở đó cả." – "Tôi phải đến trình diện Feldpolizeikommissar Möritz." – "À, ra thế." Anh ta do dự: "Ông nghỉ đi. Tôi sẽ quay lại tìm sau." Anh ta đi khỏi. Một lúc sau, một sĩ quan bước vào, lơ đãng chào và ngồi xuống hăng hái gõ một cái máy chữ. Tôi ra ngoài hành lang nhưng có quá nhiều người đi lại. Tôi bắt đầu đói, người ta không cho tôi ăn gì cả, và tôi không muốn yêu cầu. Tôi ra ngoài hút một điếu thuốc, ở đó vẫn còn nghe được tiếng ì ầm máy bay, những tiếng nổ khi dồn dập lúc thưa thớt, rồi tôi quay lại chờ đợi trong tiếng lạch xạch đơn điệu của cái máy chữ.

Viên Leutnant xuất hiện trở lại vào quãng giữa buổi chiều. Tôi rất đói. Anh ta chỉ gói đồ của tôi và nói: "Xe sắp chuyển bánh." Tôi đi theo anh ta đến chỗ một chiếc Opel lắp bánh xích và thật kỳ lạ là lại do một sĩ quan cầm lái. "Chúc may mắn nhé," viên Leutnant nói khi chào tôi. – "Chúc Giáng sinh vui vẻ," tôi đáp lại. Trong xe nhồi nhét đến năm người, với đống áo măng tô gần như không còn chỗ để cựa và tôi có cảm giác bị ngạt thở. Đầu tôi dựa vào cửa kính lạnh giá, tôi thổi lên trên đó để làm tan lớp băng mỏng. Xe nổ máy và chồm lên khởi hành. Được đặt cọc tiêu là các tấm biển chiến thuật đóng trên những cái que, những mảnh gỗ, và cả những cái chân ngựa đông lạnh vó chổng lên trời, con đường trơn tuột, và mặc cho đã có dây xích chiếc Opel vẫn thường xuyên trượt vào những chỗ ngoặt; hầu như lần nào viên sĩ quan cũng chỉnh lại được hướng một cách khéo léo, nhưng cũng có lúc nó sa vào những đống tuyết và khi đó phải xuống xe để đẩy. Pitomnik, tôi biết, nằm về phía trung tâm của *Kessel*, nhưng đường đi không thẳng đến Stalingrad, nó đi theo một con đường trắc trở, dừng lại ở nhiều PC; mỗi lần như thế, các sĩ quan rời khỏi xe, những người khác lên thế chỗ; gió lại nổi và đã trở thành một cơn bão tuyết: chúng tôi chậm chạp tiến lên, như thể dò dẫm từng bước một. Cuối cùng cũng hiện ra những đống đổ nát đầu tiên, các ống khói xây bằng gạch, những mảng tường mọc lên dọc theo đường. Giữa hai đợt gió lốc tôi nhìn thấy một tấm biển: STALINGRAD – CẤM VÀO – NGUY HIỂM CHẾT NGƯỜI. Tôi quay sang người ngồi bên cạnh: "Họ nói đùa đấy à?" Anh ta nhìn tôi vẻ u ám: "Không. Tại sao?" Con đường dốc xuống, ngoằn ngoèo, như thể một vách núi; ở phía dưới bắt đầu những đống đổ nát của thành phố: các tòa nhà đổ, cháy, với những cửa sổ mở toang hoác. Mặt đường chỗng chơ những thứ mảnh vụn, đôi khi mới được dọn dẹp qua loa để xe cộ đi lại. Những hố đạn pháo bị tuyết phủ lên gây ra những cú giật kinh hoàng cho bộ giảm xóc. Đây đó xe chạy qua một đống hỗn độn khung xe ôtô, cam nhông, xe tăng, cả của Đức lẫn của Nga, thậm chí đôi khi còn lồng khít vào nhau. Vài chỗ chúng tôi gặp một đội tuần tra, hoặc, trước sự

ngạc nhiên của tôi, đám thường dân mặc quần áo rách rưới, nhất là phụ nữ, xách xô hoặc túi. Trong tiếng dây xích nghiến kèn kẹt, chiếc Opel chạy qua một cây cầu dài bên trên một đường tàu, được sửa sang lại với những thứ vật liệu đúc sẵn của công binh: phía dưới trải dài hàng trăm toa tàu im lìm, phủ đầy tuyết, vẫn còn nguyên vẹn hoặc đã bị thuốc nổ phá tan tành. Sau sự im lặng của thảo nguyên, chỉ bị khuấy động bởi tiếng động cơ xe, tiếng dây xích nghiến và gió, ở đây ngự trị tiếng ồn ào thường trực, những tiếng nổ ít nhiều được giảm thanh, tiếng loạt xoạt khô khốc của các PAK, tiếng lẹt đẹt của những khẩu súng máy. Sau cây cầu, xe rẽ sang bên trái, đi dọc theo đường tàu và những con tàu chở hàng bị bỏ không. Bên tay phải chúng tôi là một công viên rất dài, trơ trụi không một cái cây; đi qua đó, lại là những tòa nhà đổ nát, màu đen, câm lặng, những mặt tiền đổ sập ra đường, hoặc dựng đứng chĩa lên trời như một thứ đồ trang trí. Con đường vòng quanh nhà ga, một tòa nhà xây từ thời Sa hoàng, hẳn trước kia có màu vàng và trắng; trên quảng trường trước mặt chất chồng một đống xe cộ bị đốt cháy, thủng lỗ chỗ vì những phát đạn bắn thẳng, những hình dạng méo mó mới chỉ được tuyết làm dịu bớt đi một chút. Chiếc xe đi vào một đại lộ dài chạy chéo: tiếng súng nổ to dần lên, ở phía trước tôi nhìn thấy những cột khói đen, nhưng không hay biết chiến tuyến có thể nằm ở đâu. Đại lộ chạy vào một quảng trường mênh mông trống rỗng, đầy những mảnh vụn, chạy vòng quanh một kiểu vườn hoa trồng những cột đèn ở ven đường. Viên sĩ quan đỗ xe lại trước một tòa nhà lớn với một hàng cột chạy quanh hình bán nguyệt ở phía góc, những cây cột tả tơi vì vết đạn, phía trên là những ô kính lớn trống rỗng và tối đen và trên cùng, một lá cờ thập ngoặc ủ rũ rũ xuống trên một cái cán. "Anh đến nơi rồi đấy," anh ta nói và châm một điếu thuốc. Tôi ra khỏi xe, mở cốp lấy gói đồ. Vài người lính cầm tiểu liên đứng dưới hàng cột nhưng không tiến lại gần. Ngay khi tôi đóng cốp lại, chiếc Opel lại nổ máy, gọn gàng quay vòng trở lại đại lộ đi về phía nhà ga, trong tiếng xích sắt nghiến lên ken két. Tôi nhìn quảng trường vắng hiu hắt: ở trung tâm, một

đám tượng trẻ em bằng đá hoặc thạch cao, chắc là phế tích của một vòi phun nước, như thể đang khinh khỉnh nhìn đống đổ nát xung quanh. Khi tôi tiến về phía hàng cột, những người lính chào tôi nhưng chặn đường lại; tôi ngạc nhiên thấy tất cả họ đều đeo băng trắng của các Hiwi. Một trong số họ hỏi giấy tờ của tôi bằng một thứ tiếng Đức tồi tệ và tôi chìa sổ lương ra. Anh ta xem xét nó, trả lại cho tôi cùng với một động tác chào, và ra một câu lệnh ngắn gọn bằng tiếng Ukraine cho một trong số những người ở đó. Người này ra hiệu bảo tôi đi theo anh ta. Tôi bước lên những bậc thang gác giữa đám cột, thủy tinh và đá hoa giả vỡ lạo xạo dưới chân, và bước vào tòa nhà tối om bằng một lối vào lớn không có cửa. Ngay phía trên đó là một đám manocanh bằng nhựa hồng mặc đủ loại trang phục khác nhau đứng sắp hàng: những cái váy phụ nữ, quần áo bảo hộ lao động màu xanh, comlê vạt chéo; những bộ mặt, vài cái đầu toác ra vì trúng đạn, vẫn ngây ngô mỉm cười, hai tay giơ lên hoặc làm một động tác trẻ trung và nghịch ngợm. Phía sau, trong bóng tối, là những giá hàng vẫn xếp đầy đồ gia dụng, những cửa kính vỡ hoặc lật nhào, những quầy hàng phủ đầy thạch cao và mảnh vụn, những khay bày mẫu váy vải chấm hoặc xuchiêng. Tôi đi theo tay thanh niên Ukraine qua những lối đi của cái cửa hàng ma này cho đến một cầu thang được hai Hiwi khác canh gác; theo lệnh của người đi cùng tôi, họ tránh đường để tôi đi qua. Anh ta dẫn tôi đi xuống tầng hầm được chiếu sáng bởi thứ ánh sáng màu vàng mờ tối của những bóng đèn thiếu điện: các hành lang, những căn phòng kín đặc sĩ quan và lính của Wehrmacht, vận những bộ quân phục theo các lối khác nhau nhất, măng tô theo quy định, áo vest màu ghi độn vải bông, capôt Nga đính phù hiệu Đức. Càng tiến lên, không khí càng trở nên nóng nực, ẩm thấp, nặng nề, tôi toát đầy mồ hôi dưới cái áo lông. Chúng tôi tiếp tục đi xuống, rồi đi ngang qua một phòng tác chiến rộng và cao được một chùm đèn thủy tinh rất nhiều chi tiết chiếu sáng, với những thứ đồ gỗ theo phong cách Louis XVI và đồ pha lê nằm rải rác giữa những tấm bản đồ và đống hồ sơ; một bản aria của Mozart rin rít vẳng ra từ một cái

máy hát xách tay đặt trên hai thùng rượu Pháp. Các sĩ quan đang làm việc trong những cái quần thể thao, giày păngtup và thậm chí là quần soóc; không ai để ý đến tôi. Bên kia căn phòng mở ra một hành lang khác và cuối cùng tôi cũng nhìn thấy một bộ quân phục SS: tay Ukraine để tôi lại và một Untersturmführer dẫn tôi đến chỗ Möritz.

Feldpolizeikommissar, một người tròn xoe béo lùn đeo cặp kính tròn, trên người đánh độc cái quần buộc dây broten và một chiếc áo may ô bẩn loang lổ, đón tiếp tôi khá lạnh nhạt: "Không được sớm sủa lắm đấy nhé. Tôi đã yêu cầu cử người nào đó đến đây từ ba tuần nay rồi. Cuối cùng thì cũng có, Heil Hitler." Một cái nhẫn nặng bằng bạc lấp lánh ở bàn tay giơ lên gần ngang với cái bóng đèn treo phía trên cái đầu to tướng của ông ta. Tôi mơ hồ nhận ra ông ta: ở Kiev, Kommando đã hợp tác với Feldpolizei mật, hẳn là tôi đã gặp ông ta trong một hành lang nào đó. "Tôi mới nhận được lệnh thuyên chuyển được bốn ngày, Herr Kommissar. Không thể đến nhanh hơn được." – "Tôi không phàn nàn về anh. Mà là lũ hành chính quan liêu kia cơ. Ngồi xuống đi." Tôi cởi cái áo lông và chapka ra, đặt chúng lên gói đồ, và tìm một chỗ trong phòng làm việc ngổn ngang. "Như anh đã biết, tôi không phải là một sĩ quan SS, và nhóm *Geheime Feldpolizei* của tôi nằm dưới sự kiểm soát của AOK. Nhưng với tư cách là Kriminalrat của Kripo, tôi quản lý tất cả các cơ quan cảnh sát của *Kessel*. Đó là một cách tổ chức khá rắc rối, nhưng chúng tôi rất ăn ý với nhau. Công việc thực tế do các Feldgendarm phụ trách, hoặc là những người Ukraine của tôi. Tổng cộng tôi có tám trăm người, nhưng đã có nhiều tổn thất. Họ được chia vào hai Kommandantur, nơi này và một cái khác nữa ở phía Nam Tsaritsa. Anh là sĩ quan SD duy nhất của *Kessel*, cho nên nhiệm vụ của anh sẽ rất đa dạng. Leiter IV của tôi sẽ giải thích chi tiết hơn. Anh ấy cũng sẽ lo vấn đề hậu cần cho anh. Đó là một SS-Sturmbannführer, cho nên, trừ khi có việc gì khẩn cấp, anh sẽ báo cáo mọi việc cho anh ấy và làm cho tôi một bản tóm tắt. Cố gắng lên nhé."

Áo lông và gói đồ xách trên tay, tôi đi ra hành lang và tìm thấy viên Untersturmführer: "Cho tôi hỏi Leiter IV?" – "Đằng này." Tôi đi theo anh ta đi đến một căn phòng nhỏ ngổn ngang bàn làm việc, giấy tờ, thùng, hồ sơ, với những ngọn nến cắm trên tất cả bề mặt trống. Một sĩ quan ngẩng đầu lên: đó là Thomas. "Chà chà, anh vui vẻ nói ngay, không được sớm sủa lắm đấy nhé." Anh đứng dậy, đi vòng qua bàn nồng nhiệt bắt tay tôi. Tôi nhìn anh, tôi không nói gì. Rồi tôi nói: "Nhưng cậu làm gì ở đây thế?" Anh dang rộng hai tay; đúng như thói quen của mình, anh ăn mặc một cách cầu kỳ, râu ria cạo kỹ, tóc chải sáp, áo varơi thắt nút lên đến tận cổ, với tất cả các loại huân chương đeo trên người. "Tớ tình nguyện đấy, bạn thân mến ạ. Cậu mang đồ ăn gì đến cho bọn tớ nào?" Tôi mở to mắt: "Đồ ăn? Không có gì cả, tại sao?" Khuôn mặt anh biểu lộ sự kinh hoàng: "Cậu đến từ bên ngoài Stalingrad mà không mang theo thứ đồ ăn nào à? Cậu phải lấy làm xấu hổ vì chuyện đó chứ. Người ta chưa giải thích cho cậu tình hình ở đây hay sao?" Tôi cắn môi, không thể biết được liệu có phải là anh đang nói đùa hay không: "Nói thật lòng, tớ không hề nghĩ đến chuyện ấy. Tớ cứ nghĩ rằng SS có tất cả những gì cần thiết." Đột nhiên anh ngồi xuống và giọng nói rè ra: "Thế thì tự đi mà tìm cách xoay xở lấy nhé. SS, cậu phải hiểu chứ, không kiểm soát máy bay, cũng như những gì mà chúng mang tới. Chúng ta phải nhận tất cả từ AOK, và họ chia cho chúng ta khẩu phần theo định mức công đoàn, hiện nay là..." – anh lục tìm trên bàn và rút ra một tờ giấy – "... hai trăm gam thịt, thường là thịt ngựa, cho mỗi người một ngày, hai trăm gam bánh mì, và hai mươi gam macgarin hoặc mỡ. Khỏi cần phải nói, anh vừa đặt tờ giấy xuống bàn vừa nói tiếp, rằng từng ấy thì làm sao đủ cho một người được." – "Cậu không có vẻ gì là bị thiếu thốn quá mức," tôi nhận xét. – "Đúng vậy, thật may mắn, một số người biết nhìn xa trông rộng hơn cậu nhiều. Và rồi những người Ukraine bé nhỏ của chúng ta cũng giỏi xoay xở lắm, nhất là khi chúng ta không đặt cho họ quá nhiều câu hỏi." Tôi rút thuốc lá từ túi áo varơi ra và châm một điếu. "Ít nhất thì, tôi nói, tớ cũng mang theo thuốc

lá đây." – "A! Hóa ra là cậu cũng không đến nỗi đần lắm nhỉ. Mà có vẻ như là cậu gặp phiền phức với Bierkamp phải không?" – "Theo một cách nào đó thì đúng. Một sự hiểu nhầm." Thomas nhoài người về phía trước một chút và vung vẩy một ngón tay: "Max, đã hàng năm nay tớ nói với cậu là phải chú ý đến các mối quan hệ rồi cơ mà. Sẽ đến ngày mọi chuyện sẽ kết thúc rất tệ hại đấy." Tôi phác một cử chỉ mơ hồ về phía cửa ra vào: "Có thể nói rằng đã tệ hại lắm rồi còn gì. Và rồi tớ cũng phải nêu nhận xét là cả cậu cũng đang ở đây đấy." – "Ở đây? Ở đây rất ổn, ngoại trừ cái món ăn uống thôi. Sau đó, sẽ có thăng chức, gắn huân chương, *e tutti quanti*. Chúng ta sẽ là những người anh hùng thực thụ và sẽ có thể diễu đi diễu lại trong những phòng khách tuyệt hảo nhất với cả đống mề đay. Thậm chí người ta còn sẽ quên đi những câu chuyện bé nhỏ của cậu cơ." – "Có vẻ như là cậu bỏ qua mất một chi tiết: giữa cậu và các phòng khách của cậu, còn có vài đại đoàn Xô viết. *Der Manstein kommt*, nhưng ông ta vẫn còn chưa đến." Thomas bĩu môi vẻ khinh thường: "Cậu vẫn lúc nào cũng có cái tâm lý bi quan đó. Thêm nữa, cậu có ít thông tin quá: *der Manstein* không đến nữa, ông ta đã ra lệnh cho Hoth co cụm lại từ cách đây nhiều giờ rồi. Với việc mặt trận Ý sụp đổ, người ta cần ông ta ở chỗ khác. Nếu không chúng ta sẽ mất Rostov. Dù thế nào đi nữa, dù cho chúng đến được tận chỗ chúng ta đây, thì cũng sẽ không có lệnh rút đâu. Và không có lệnh, Paulus sẽ không bao giờ dám nhúc nhích. Toàn bộ câu chuyện này của Hoth, nếu cậu muốn có ý kiến của tớ, là chỉ dành cho bọn ba hoa bốc phét mà thôi. Để lương tâm Manstein đỡ cắn rứt ấy mà. Và ngoài ra Führer cũng vậy. Tất cả những cái đó để nói với cậu rằng tớ chưa bao giờ tin tưởng Hoth. Đưa tớ một điếu thuốc đi." Tôi chìa cho anh một điếu và châm lửa. Anh phì ra một hơi dài và ngửa người ra trên ghế: "Những người thực sự cần thiết, các chuyên gia sẽ được sơ tán ngay trước khi kết cục xảy tới. Moritz nằm trong danh sách, cả tớ nữa, tất nhiên. Rõ ràng là một số sẽ phải ở lại đến cùng để cầm cự. Cái đó có tên là may mắn. Cũng giống như đối với những người Ukraine của chúng ta ấy: họ tiêu rồi, và họ biết điều đó.

Chuyện này khiến họ trở nên độc ác và họ thực hiện việc trả thù trước." – "Cậu có thể bị giết trước đó. Hoặc thậm chí là trong lúc đi khỏi đây: tớ đã thấy khối máy bay nằm đó rồi." Anh nở một nụ cười rộng rãi: "Cái đó thì, bạn thân mến ạ, cái đó là những rủi ro nghề nghiệp. Người ta cũng có thể bị ôtô chẹt chết khi chạy qua đường Prinz-Albrechtstrasse." – "Tớ rất vui vì thấy cậu không hề đánh mất chút nào thứ vô sỉ chủ nghĩa quen thuộc đó." – "Max thân mến của tớ, tớ đã giải thích cho cậu hàng trăm lần rằng chủ nghĩa quốc xã là một khu rừng rậm, nó vận hành theo các nguyên lý mô phỏng học thuyết của Darwin một cách chặt chẽ. Đó là sự tồn tại của kẻ mạnh hơn hoặc khôn khéo hơn. Nhưng cái đó thì cậu có bao giờ muốn hiểu đâu." – "Thì cứ cho rằng cậu có cách nhìn nhận mọi thứ khác đi." – "Phải, và cứ nhìn kết quả mà xem: cậu đang ở Stalingrad." – "Thế còn cậu, có thực sự là cậu đã yêu cầu được đến đây không?" – "Từ trước cuộc vây hãm, tất nhiên. Có vẻ như thoạt đầu mọi chuyện không đến nỗi tệ hại lắm. Và rồi ở tập đoàn quân, mọi thứ chững hết lại. Tớ chưa bao giờ muốn trở thành KdS trong một cái hố khốn khổ ở Ukraine này. Stalingrad cung cấp những khả năng thú vị. Và nếu tớ thoát ra được, thì cũng đáng đồng tiền bát gạo đấy. Nếu không..." – anh cười phô cả hàm răng – "*c'est la vie*," anh kết luận bằng tiếng Pháp. – "Sự lạc quan của cậu thật đáng ngưỡng mộ. Còn tớ, các triển vọng tương lai của tớ là gì?" – "Cậu à? Rất có thể là sẽ phức tạp hơn một chút đấy. Nếu người ta gửi cậu đến đây, thì là bởi vì người ta không coi cậu là ai đó thực sự cần thiết: cậu sẽ sẵn lòng công nhận điều đó với tớ. Thế nên để có được một chỗ trong các danh sách người được sơ tán, tớ sẽ xem có thể làm gì, nhưng tớ không hứa trước gì đâu đấy. Nếu không, lúc nào cậu cũng có thể vớ được một *Heimatschuss*. Khi đó thì người ta có thể dàn xếp để có thể ưu tiên đưa cậu ra. Nhưng chú ý nhé! Không được để bị thương nặng quá; chỉ những người còn có thể chỉnh trang lại để tiếp tục phục vụ mới được đưa về nước thôi. Về chủ đề này, bọn tớ đã bắt đầu có kinh nghiệm phong phú về các hình thức tự thương rồi. Cậu phải thấy những cái mà bọn họ sáng tạo, có những lúc tinh

vi vô cùng. Kể từ cuối tháng Mười một, người ta đã xử bắn nhiều người của chúng ta hơn là bọn Nga. *Để khuyến khích những người khác*, như Voltaire từng nói về đô đốc Byng." – "Dù sao thì cậu cũng không tìm cách để nghỉ với tớ..." Thomas phẩy tay: "Không đâu, không đâu! Đừng nhạy cảm quá thế chứ. Tớ chỉ nói vậy thôi. Cậu ăn gì chưa?" Tôi chưa hề nghĩ đến điều này kể từ khi đến thành phố; dạ dày tôi đang sôi lên ùng ục. Thomas cười. "Nói thật lòng là tớ chưa ăn gì kể từ sáng. Ở Pitomnik, họ chẳng mời tớ ăn gì cả." – "Lòng hiếu khách mất tiệt cả rồi. Đi thôi, chúng ta sẽ cất đồ đạc của cậu. Tớ đã xếp cậu ở chung phòng với tớ, để có thể trông coi cậu thật sát sao."

Được ăn, tôi cảm thấy khá hơn. Trong khi tôi nuốt một thứ canh nổi lềnh phềnh vài mẩu thịt mơ hồ, Thomas giải thích những điều cốt lõi của các công việc của tôi: thu thập những lời xì xào, tin đồn và *Latrinenparole* và báo cáo về tình hình tinh thần lính tráng; chiến đấu chống lại hệ thống tuyên truyền gây nhụt chí của người Nga; và đào tạo vài thông tin viên từ dân thường, chủ yếu là trẻ con, những người luồn lách được giữa hai bên chiến tuyến. "Hơi giống một con dao hai lưỡi ấy, anh nói, bởi vì họ cung cấp cùng một lượng thông tin cho bọn Nga và cho chúng ta. Và rồi họ thường xuyên nói dối. Nhưng đôi khi cũng hữu ích đấy." Trong phòng ngủ, một căn phòng hẹp với đồ đạc là một cái giường tầng bằng kim loại và một thùng đạn trống không với một cái chậu men và một chiếc gương đã rạn để cạo râu, anh mang đến cho tôi một bộ quân phục mùa đông mặc được cả hai mặt, sản phẩm đặc trưng của lính công binh Đức, một mặt trắng, mặt kia màu giống feldgrau. "Cầm cái này cho những lần đi ra ngoài đi, anh nói. Cái áo lông thì chỉ dùng cho thảo nguyên thôi; ở thành phố kềnh càng quá." – "Chúng ta có thể đi dạo được à?" – "Cậu sẽ còn bị bắt buộc phải làm vậy cơ. Nhưng tớ sẽ cho cậu một người dẫn đường." Anh dẫn tôi đến một phòng trực nơi các phụ tá người Ukraine đang vừa chơi bài vừa uống trà. "Ivan

Vassilievitch!" Ba trong số họ ngẩng đầu lên; Thomas chỉ vào một người, anh ta bước ra ngoài gặp chúng tôi ở hành lang. "Đây là Ivan. Một trong những người giỏi nhất của tớ. Anh ta sẽ lo cho cậu." Anh quay sang anh ta và nói điều gì đó bằng tiếng Nga. Ivan, một anh chàng tóc nâu hơi gầy, gò má cao, lắng nghe một cách chăm chú. Thomas quay sang tôi: "Ivan không được khá lắm về khoản kỷ luật, nhưng anh ta biết từng ngóc ngách của thành phố và rất trung thành. Đừng bao giờ ra ngoài mà không có anh ta và ở bên ngoài, cứ làm theo tất cả những gì anh ta nói với cậu, ngay cả khi cậu không hiểu là tại sao. Anh ta nói được một ít tiếng Đức, hai người có thể hiểu được nhau đấy. *Capisce?* Tớ đã nói với anh ta rằng từ nay anh ta là vệ sĩ riêng của cậu và rằng anh ta phải đặt tính mạng cậu lên trên cái đầu của anh ta." Ivan chào tôi và quay trở lại phòng. Tôi cảm thấy kiệt sức. "Thôi, đi ngủ nào, Thomas nói. Tối mai, chúng ta sẽ ăn mừng lễ Giáng sinh."

Trong đêm đầu tiên ở Stalingrad, tôi vẫn còn nhớ, tôi lại có giấc mơ về tàu điện ngầm. Đó là một ga có nhiều tầng, nhưng giữa chúng có đường thông nhau, một mê cung khổng lồ đầy những thanh xà bằng thép, những đoạn đường nối, những cầu thang kim loại dốc đứng, những cầu thang xoáy trôn ốc. Những đoàn tàu đến các bờ ke và rời đi trong tiếng ồn ã đinh tai. Tôi không có vé và hoảng hốt với ý nghĩ sẽ bị kiểm tra. Tôi đi xuống vài tầng và lén nhảy lên một đoàn tàu đang rời khỏi ga, nó gần như rơi theo chiều thẳng đứng xuống đường ray; xuống đến dưới, nó phanh lại, quay đầu và, sau khi đi qua bờ ke mà không dừng lại, lao mình vào hướng bên kia, trong một vực sâu mênh mông đầy ánh sáng và tiếng ồn ghê rợn. Khi tỉnh dậy, tôi cảm thấy người trống rỗng, phải cố gắng vô cùng tận để có thể rửa mặt và cạo râu. Da tôi nổi ngứa; tôi hy vọng không bị bám rận. Tôi bỏ vài giờ để nghiên cứu một tấm bản đồ thành phố và các hồ sơ; Thomas giúp tôi định hướng: "Bọn Nga vẫn còn giữ một đoạn ngắn dọc bờ sông. Chúng bị bao vây, nhất là khi sông đầy băng và không đóng giá hẳn lại; hiện tại, chúng quay lưng ra sông, và chính chúng lại bao vây chúng ta. Ở đây, phía trên, là Quảng

trường Đỏ; tháng trước, chúng ta đã thành công, ở chỗ này, phía dưới một chút, trong việc xẻ đôi mặt trận của chúng, và vì vậy mà đặt được chân đến sông Volga, ở đây, đoạn cảng cũ của chúng. Nếu có đủ đạn dược thì chúng ta sẽ cắt đứt được hoàn toàn việc tiếp tế của chúng, nhưng chúng ta gần như chỉ có thể nổ súng trong trường hợp bị tấn công, và chúng cứ việc đi lại tùy thích, ngay cả vào ban ngày, trên những tảng băng. Toàn bộ đồ hậu cần của chúng, bệnh viện của chúng, pháo binh của chúng, đều nằm ở bờ bên kia. Thỉnh thoảng chúng ta cũng bắn sang chúng vài phát Stuka, nhưng chỉ là để trêu chúng thôi. Gần chỗ này, chúng bám chặt vào vài khối nhà dọc theo sông, rồi chúng chiếm toàn bộ nhà máy lớn, cho đến tận chân đồi 102, tức là một gò mộ cổ của người Tatar mà chúng ta đã chiếm được rồi lại để mất hàng chục lần. Jägerdivision số 100 phụ trách khu vực này, những người Áo ấy, cùng với một trung đoàn Croatia nữa. Sau nhà máy, có những vách đá nhìn thẳng xuống sông, và bọn Nga có cả một cơ sở ở bên trong đó, cũng không thể với tới được vì pháo của chúng ta toàn bắn sượt qua phía trên. Chúng ta đã tìm cách thanh toán chúng bằng cách cho nổ các kho dầu, nhưng chúng đã xây dựng lại tất cả ngay sau khi lửa tắt. Sau đó, chúng cũng đang chiếm một phần lớn nhà máy hóa học Lazur, cùng với toàn bộ vùng mà người ta gọi là "vợt tennis", vì hình dáng những con đường ở đó. Dịch lên phía Bắc một chút, phần lớn các nhà máy đã thuộc về chúng ta, trừ một khu vực xưởng đúc Tháng Mười Đỏ. Kể từ đó là đến sông rồi, cho tới Spartakovka, ria phía Bắc của *Kessel*. Bản thân thành phố được quân đoàn số LI của tướng Seydlitz giữ; nhưng khu vực các nhà máy thuộc về quân đoàn số XI. Phía Nam cũng vậy luôn: bọn Đỏ chiếm một khu đất rộng khoảng một trăm mét. Mãi mà chúng ta vẫn không sao thu hẹp được một trăm mét đó. Ít nhiều thì thành phố bị thung Tsaritsa chia làm hai phần; ở đó chúng ta được thừa hưởng một cơ sở hạ tầng đẹp đẽ đào sâu vào các vách đá, nó đã trở thành bệnh viện chính của chúng ta. Đằng sau ga có một Stalag do Wehrmacht quản lý; ngoài ra chúng ta còn có một KL nhỏ ở nông trường tập

thể Vertiashii, dành cho những đám thường dân mà chúng ta bắt được và chưa hành quyết ngay. Còn gì nữa không nhỉ? Có các loại nhà thổ dưới hầm, nhưng cậu sẽ không tự mình tìm ra chúng được đâu, nếu như cậu có quan tâm. Ivan biết rất rõ chúng đấy. Nói vậy thôi, bọn con gái nhung nhúc chấy rận." – "Nhân tiện nói về rận..." – "À cái đó thì cậu phải quen đi thôi. Nhìn này." Anh cởi áo varơi, luồn tay xuống phía dưới, sờ soạng, và rút nó ra: đầy một nắm những con vật bé xíu màu ghi mà anh ném vào lò sưởi, làm chúng nổ lép bép. Thomas tiếp tục một cách thản nhiên: "Chúng ta có những vấn đề lớn với xăng dầu. Schmidt, tham mưu trưởng, người đã thay thế Heim, cậu có nhớ không?, Schmidt quản lý tất cả các kho dự trữ, kể cả các kho của chúng ta, và ông ta phân chia chúng theo kiểu nhỏ giọt. Dù thế nào đi nữa, cậu cũng sẽ thấy: ở đây Schmidt kiểm soát tất cả. Paulus chỉ là một con rối thôi. Kết quả là di chuyển bằng xe cộ bị *verboten*. Giữa đồi 102 và nhà ga phía Nam, chúng ta phải đi bộ; để đi xa hơn, phải vẫy xe đi nhờ Wehrmacht. Họ có những chuyến xe khá thường xuyên giữa các khu vực." Vẫn còn nhiều điều nữa cần chỉ dẫn, nhưng Thomas rất kiên nhẫn. Đến giữa buổi sáng, chúng tôi biết tin Tatsinskaia đã thất thủ vào lúc sáng sớm; Luftwaffe chờ xe tăng Nga đến gần đường băng mới chịu sơ tán, nên đã mất 72 máy bay, gần mười phần trăm đội bay chuyên chở của mình. Thomas đã cho tôi xem những con số liên quan đến tiếp tế: thật là thảm họa. Thứ Bảy trước đó, ngày 19 tháng Chạp, 154 máy bay hạ cánh xuống được với 289 tấn hàng; nhưng cũng có những ngày chỉ được 15 hoặc 20 tấn; AOK 6, thoạt tiên, đòi tối thiểu 700 tấn mỗi ngày, và Göring đã hứa 500. "Cái lão đó, Möritz lạnh lùng bình luận trong cuộc họp nơi ông ta thông báo tin Tatsinskaia thất thủ cho các sĩ quan của mình, cái lão đó cần phải được sống vài tuần ở *Kessel*." Luftwaffe dự kiến sẽ thiết lập căn cứ mới ở Salsk, cách *Kessel* 300 cây số, tức là giới hạn khả năng của những chiếc máy bay Ju-52. Tất cả hứa hẹn một lễ Giáng sinh vui vẻ.

Đến khoảng cuối buổi sáng, sau một bát xúp và vài cái bánh khô, tôi tự nhủ: Nào, đã đến lúc bắt tay vào việc rồi đây. Nhưng

bắt đầu từ đâu bây giờ? Tinh thần quân lính ư? Tại sao lại không, tinh thần quân lính. Tôi hình dung rất rõ rằng hẳn là nó không được tốt đẹp lắm, nhưng tôi buộc phải kiểm tra các ý kiến của mình. Nghiên cứu tinh thần quân lính của Wehrmacht, việc đó có nghĩa là phải đi ra ngoài; tôi không nghĩ rằng Möritz muốn có một bản báo cáo về tinh thần các Askari người Ukraine của chúng tôi, những người lính duy nhất mà tôi có được trong tầm tay. Ý nghĩ phải xa rời sự an toàn dẫu rằng tạm bợ của cái boongke làm tôi hoảng hốt, nhưng đó là việc cần phải làm. Và rồi, dù sao thì cũng phải nhìn ngó thành phố một chút. Cũng có thể là tôi sẽ quen được và mọi chuyện sẽ khá hơn. Vào lúc mặc quần áo, tôi do dự: tôi định lật mặt màu ghi ra ngoài, nhưng nhìn thấy cái bĩu môi của Ivan thì tôi hiểu rằng mình đã phạm một sai lầm. "Hôm nay có tuyết. Mặc màu trắng đi." Tôi không để tâm đến cách xưng hô suồng sã và quay về phòng để thay đồ. Tôi cũng lấy, Thomas đã nhấn mạnh tầm quan trọng của việc này, một cái mũ sắt: "Cậu sẽ thấy, nó hữu ích lắm đấy." Ivan chìa cho tôi một khẩu tiểu liên; tôi tư lự ngắm nhìn khẩu súng, không chắc chắn lắm là mình biết sử dụng nó, nhưng dù vậy cũng vẫn đeo nó lên vai. Bên ngoài, một cơn gió dữ dội bắt đầu nổi lên, mang theo những cột tuyết lớn: từ lối vào Univermag, thậm chí còn không thể nhìn thấy vòi phun nước có hàng tượng trẻ con. Sau cái ấm ngạt thở của boongke, không khí lạnh và sắc làm tôi khỏe ra. "*Kouda?*" Ivan hỏi tôi. Tôi không hề biết. "Đến chỗ người Croatia," tôi nói bâng quơ; hồi sáng Thomas đã nói với tôi về người Croatia. "Xa không?" Ivan bật ra một tiếng càu nhàu và rẽ sang tay phải, đi vào một phố dài có vẻ dẫn về phía ga. Thành phố tương đối yên tĩnh; thỉnh thoảng, một tiếng nổ đinh tai vang lên qua làn tuyết, ngay cả cái đó cũng làm tôi thấy căng thẳng; tôi không hề do dự trong việc bắt chước Ivan, khi đó đang bước đi sát dọc các tòa nhà, tôi cũng ép sát người vào tường. Tôi cảm thấy trơ trọi và dễ bị tổn thương đến phát sợ, giống như một con cua rời bỏ cái mai của nó; tôi đau đớn nhận ra rằng, kể từ mười tám tháng ở Nga đến nay, đây là lần đầu tiên tôi thực sự ở vào tình thế *trận mạc*

và một nỗi hoang mang nặng nề làm tay chân tôi trở nên nặng như chì và làm các ý nghĩ của tôi bết lại. Ở trên tôi đã nói đến nỗi sợ điều lúc này tôi cảm thấy, tôi sẽ không gọi là nỗi sợ, dù sao cũng không phải là một nỗi sợ thẳng thắn và hữu thức, mà là một sự khó chịu gần như mang tính vật lý, như một cơn ngứa mà người ta không sao gãi được, tập trung vào các bộ phận không thể với tới trên cơ thể, gáy, lưng, mông. Để thư giãn đầu óc, tôi ngắm nhìn những tòa nhà bên kia phố. Nhiều mặt tiền đã đổ up, để lộ ra bên trong các căn hộ, một loạt những cảnh của cuộc sống thường ngày, bị tuyết rắc lên trên và đôi khi thật kỳ cục: ở tầng bốn, một cái xe đạp được treo lên tường, ở tầng năm, giấy dán tường vẽ hoa, một cái gương còn nguyên vẹn, và một bức tranh chép lồng khung bức *Người đàn bà xa lạ* màu xanh đầy cao ngạo của Kramskoi, ở tầng sáu, một cái divăng màu xanh lá cây với một xác người nằm ở trên, bàn tay phụ nữ rơi thõng vào khoảng không. Một viên đạn pháo, đập vào mái tòa nhà, đã cắt ngang cái ảo ảnh về sự bình yên đó: tôi cuộn người lại và hiểu tại sao Thomas nhấn mạnh tầm quan trọng của cái mũ sắt: tôi nhận xuống đầu mình một cơn mưa mảnh vụn, những mẩu ngói và mẩu gạch. Khi ngẩng đầu lên tôi nhìn thấy Ivan thậm chí còn không nghiêng đầu, anh ta chỉ lấy tay che mắt. "Đi nào, anh ta nói, có chuyện gì đâu." Tôi nhẩm tính toán hướng đi ra sông và mặt trận, và hiểu rằng các tòa nhà mà chúng tôi đang đi dọc theo phần nào bảo vệ cho chúng tôi. Những viên đạn pháo, để rơi được xuống phố này, phải bay qua được những mái nhà, có ít cơ hội để chúng nổ được dưới đất. Nhưng ý nghĩ đó chỉ có chút ít tác dụng trấn an. Phố dẫn tới các kho bãi và hạ tầng đường sắt đổ nát; Ivan, trước mặt tôi, đang chạy nhanh qua quảng trường dài, và đi vào một nhà kho qua cánh cửa sắt lăn sang một bên giống như nắp một hộp cá xacđin. Tôi do dự, rồi đi theo anh ta. Bên trong, tôi chạy ngang qua những núi thùng từ lâu đã bị vét sạch bên trong, đi vòng qua một đoạn mái nhà rơi xuống, và lại bước ra ngoài không khí qua một cái lỗ đục trong bức tường gạch, từ đó có nhiều vết chân in trên tuyết đi ra ngoài. Lối đi dọc theo

những bức tường của nhà kho; trên taluy dựng đứng là những toa tàu hàng mà hôm trước từ cầu tôi đã nhìn thấy, các vách lỗ chỗ vết đạn bắn và phủ đầy những dòng chữ viết nguệch ngoạc bằng tiếng Nga và tiếng Đức, từ hài hước đến tục tĩu. Một bức biếm họa màu tuyệt đẹp vẽ hình Stalin và Hitler đang đè lên nhau trong khi Roosevelt và Churchill kéo giật dương vật ở xung quanh: nhưng tôi không thể xác định được là ai đã vẽ nó, một người của chúng tôi hay một người của bọn họ, điều này khiến cho nó không còn mấy hữu ích cho báo cáo của tôi nữa. Xa hơn một chút, một đội tuần tra tiến đến từ hướng ngược lại đi qua chúng tôi, không nói một lời, không hề chào hỏi. Những người đàn ông có khuôn mặt bạc nhược, vàng ệch, râu ria lởm chởm, nắm tay nhét trong túi áo, và kéo lê những đôi bốt thủng lỗ chỗ hoặc nhét chân trong những đôi giày đế gỗ to tướng xung quanh quấn rơm, hết sức vướng víu. Họ biến mất vào làn tuyết trắng phía sau chúng tôi. Đây đó, trong một toa tàu hoặc trên đường, nổi lên một cái xác đóng giá, quốc tịch không thể xác định. Không nghe thấy tiếng nổ nào nữa và tất cả có vẻ yên tĩnh. Rồi trước mặt chúng tôi tất cả lại tái diễn: những tiếng nổ, những phát súng hoặc những tràng đạn súng máy. Chúng tôi đã đi qua những dãy nhà kho cuối cùng và đi ngang qua một vùng dân cư khác: khung cảnh mở ra một bãi đất phủ tuyết bên trái ngự trị một cái gò tròn xoe khổng lồ giống như một núi lửa nhỏ, đỉnh khạc ra từng loạt khói đen của những vụ nổ. "Mamaev Kourgan," Ivan chỉ, trước khi rẽ sang trái và bước vào một tòa nhà.

Vài người lính ngồi trong những căn phòng trống, dựa lưng vào tường, đầu gối ép sát vào ngực. Họ nhìn chúng tôi với những cặp mắt trống rỗng. Ivan đưa tôi đi qua nhiều tòa nhà, vượt qua những khoảng sân trong hoặc các ngõ nhỏ; rồi, hẳn là chúng tôi đã cách xa khu vực chiến sự một quãng, anh ta tiếp tục đi vào một khu phố. Những tòa nhà ở đây thấp, chỉ ba tầng là tối đa, có thể là các khu nhà nghỉ của công nhân; tiếp sau đó là những ngôi nhà bị nghiền nát, phá sập, hỗn độn, tuy thế vẫn còn đầy đủ hình dạng hơn những ngôi nhà mà tôi đã nhìn thấy ở lối vào thành

phố. Thỉnh thoảng một chuyển động, một tiếng động cho thấy rằng vẫn có người ở trong một số đống đổ nát đó. Gió vẫn tiếp tục rít; giờ đây tôi nghe thấy những tiếng nổ ồn ào trên gò mộ nằm bên tay phải chúng tôi, phía sau những ngôi nhà. Ivan kéo tôi vào những khu vườn nhỏ, có thể nhận ra được dưới làn tuyết nhờ các dãy lan can hoặc hàng rào. Nơi này có vẻ hoang vắng, nhưng con đường mà chúng tôi đang theo thì nhiều người đi, những vết chân người đã làm bạt bớt tuyết. Rồi nó đi sâu vào một *balka*, dốc xuống phía dưới. Ngọn đồi biến mất khỏi tầm mắt; ở dưới cùng, gió thổi bớt mạnh, tuyết nhẹ nhàng rơi, và đột nhiên mọi thứ sống động hẳn lên, các Feldgendarm chặn đường chúng tôi, phía sau họ là lính tráng đi lại. Tôi chìa giấy tờ, họ chào tôi và tránh đường để chúng tôi đi qua; và khi đó tôi nhìn thấy sườn phía Đông của *balka*, dựa lưng vào cái gò và ở phía trước, dày đặc những boongke, những đường hầm màu đen chống những cây xà hoặc thanh gỗ phía trên mọc lên những ống khói nhỏ bốc khói làm bằng đồ hộp lồng vào với nhau. Người ta quỳ gối để ra vào cái thành phố trong hang đó, thường thì phải bò giật lùi. Ở cuối thung, trên một cái thớt gỗ, hai người lính đang lấy riu xẻ thịt một con ngựa đã đóng băng; những mẩu thịt, được cắt ra theo những hình thù kỳ quặc, được ném vào một cái nồi đựng nước sôi ùng ục. Sau khoảng hai mươi phút con đường rẽ nhánh sang một *balka* khác cũng có đầy những boongke tương tự; những công sự sơ sài nằm cách nhau từng quãng, chạy về phía gò mộ mà chúng tôi đi vòng qua để tránh; phía xa, một chiếc xe tăng chôn dưới đất đến tận tháp pháo được dùng làm bệ cố định cho pháo binh. Đôi khi những viên đạn pháo Nga rơi xuống quanh các thung này, làm bắn lên từng mảng tuyết lớn, tôi nghe thấy chúng rít lên, một âm thanh chói tai, nhói lên khiến ruột tôi thắt lại; lần nào tôi cũng phải cố cưỡng ham muốn được nhào xuống mặt đất, và tôi tự bắt mình phải làm theo gương Ivan, anh ta tảng lờ chúng một cách cao ngạo. Sau một lúc, tôi bắt đầu lấy lại được sự tự tin: đang lúc tôi để cho mình bị xâm chiếm bởi cảm giác rằng tất cả những chuyện này chỉ là một sân chơi trẻ con rộng lớn, một vùng đất

phiêu lưu tuyệt vời giống như người ta vẫn thường mơ thấy khi lên tám tuổi, với những tiếng động giả tự gây ra, những hiệu ứng, những lối đi huyền bí, và tôi gần như phá lên cười vì thích thú với nó, với ý nghĩ đưa tôi trở lại những trò chơi xa xưa nhất, thì Ivan nhào vào tôi không hề báo trước và vật tôi ngã lăn ra đất. Một tiếng nổ rền vang xé toạc thế giới, gần đến mức tôi cảm thấy không khí đập thẳng vào màng nhĩ, và một cơn mưa hòa trộn tuyết và đất đổ ập xuống chúng tôi. Tôi tìm cách co người lại, nhưng Ivan đã kéo vai và năng tôi dậy: cách đó khoảng ba mươi mét, một cột khói đen đang uể oải bốc lên từ mặt đất của *balka*, bụi bay lên chầm chậm đáp lại xuống tuyết; mùi thuốc nổ rất hắc tràn ngập không khí. Tim tôi đập dồn, tôi cảm thấy nặng võ cùng ở hai đùi khiến chúng đau nhức, tôi muốn ngồi xuống lại, như một đống thịt. Nhưng có vẻ như Ivan không coi chuyện đó là nghiêm trọng; anh ta lấy tay phủi bộ quân phục của mình với một dáng vẻ đầy chăm chú. Rồi anh ta quay người tôi lại và phủi mạnh tay lên lưng áo trong khi tôi phủi hai tay áo. Chúng tôi tiếp tục bước đi. Tôi bắt đầu thấy chuyến đi này thật là ngu ngốc: thật ra thì tôi định làm gì ở đây? Có vẻ như là tôi vẫn chưa hiểu được một cách rõ ràng rằng mình không còn ở Piatigorsk nữa. Con đường của chúng tôi ra khỏi các *balka*: ở đó bắt đầu một cao nguyên vắng vẻ, hoang dại, từ mặt sau ngọn đồi có thể nhìn được bao quát. Tần suất những vụ nổ trên đỉnh núi, mà tôi biết là do lính của chúng tôi trấn giữ, hấp dẫn tôi: làm thế nào mà những người kia có thể ở lại đó, chịu đựng cơn mưa đạn và kim loại đó? Tôi còn ở cách đó một hoặc hai cây số, và điều đó làm tôi sợ. Con đường của chúng tôi đi ngoằn ngoèo giữa những đụn tuyết mà gió ở đây đó đã bới tung ra để lộ một nòng súng hướng lên trời, cánh cửa vặn vẹo của một chiếc cam nhông, những cái bánh của một chiếc ôtô lật ngửa. Phía trước, chúng tôi gặp lại đường tàu, lần này trống không, và nó biến mất vào thảo nguyên phía xa xa. Nó đến từ phía sau đồi và tôi bị xâm chiếm bởi nỗi sợ phi lý sẽ nhìn thấy một đoàn xe tăng T-34 hiện ra dọc theo đường ray. Rồi một thung khác thụt xuống khỏi cao nguyên và tôi đi xuống sườn

của nó theo sau Ivan, như thể đang đắm chìm vào sự an toàn ấm áp của một ngôi nhà tuổi thơ. Cả ở đó cũng có các boongke, những người lính rét cóng và hoảng hốt. Tôi có thể dừng lại ở bất kỳ đâu, nói chuyện với vài người rồi quay trở về, nhưng tôi chỉ ngoan ngoãn đi theo Ivan, như thể anh ta biết những gì tôi phải làm. Cuối cùng chúng tôi ra khỏi *balka* dài dặc đó: lại một vùng dân cư nữa hiện ra; nhưng những ngôi nhà đã bị quét sạch, đốt cháy đến tận nền đất, ngay cả các ống khói cũng đổ sập. Những thứ bị phá hủy ngập đầy phố phường, những chiếc xe tăng, phương tiện chiến đấu, những mảnh của pháo binh Xô viết, và cả của chúng tôi. Những bộ xương ngựa nằm lổng chổng ở tư thế khó tin, đôi khi vẫn bị đóng vào càng xe đã biến mất như những sợi rơm; dưới tuyết, người ta vẫn nhìn rõ những cái xác, cả chúng cũng ở trong những dáng vẻ vặn vẹo kỳ cục, bị cái lạnh găm cứng lại cho đến lần tan băng tới. Thỉnh thoảng một đội tuần tra đi ngang qua chúng tôi; cũng có những điểm kiểm soát, nơi các Feldgendarm có số phận may mắn hơn lính trắng một chút săm soi giấy tờ của chúng tôi trước khi để cho chúng tôi đi sang khu vực sau đó. Ivan đi vào một phố rộng hơn; một người phụ nữ đi về phía chúng tôi, cổ rụt vào trong hai cái áo măng tô và một chiếc khăn phu la, một cái túi gần như rỗng không đặt trên vai. Tôi nhìn mặt cô ta: không thể nói được cô ta hai mươi hay năm mươi tuổi. Xa hơn, một cây cầu sập nằm vắt qua một thung sâu; phía Đông, về hướng sông, một cây cầu khác, rất cao, còn nguyên vẹn một cách đáng kinh ngạc, đứng sừng sững ở miệng của chính cái thung đó. Phải đi xuống bằng cách men theo những đống đổ nát rồi, đi vòng tránh hoặc bước qua những mảnh bê tông vỡ, leo lên lại ở bờ bên kia. Một trạm Feldgendarm nằm trong một chỗ khuất tạo nên bởi một góc nấp máy xe. "*Khorvati?* Ivan hỏi họ. Người Croatia?" Viên Feldgendarm chỉ dẫn cho chúng tôi; không còn xa lắm. Chúng tôi bước vào một khu dân cư khác: khắp nơi, chúng tôi nhìn thấy những vết đạn cũ, có những tấm biển chữ đỏ: ACHTUNG! MINEN, những gì còn lại của các hàng rào thép gai, những công sự giữa các tòa nhà đã bị tuyết phủ gần hết; một thời

đây đã từng là một khu vực chiến sự. Ivan dẫn tôi đi qua một loạt phố nhỏ, lại đi nép sát vào những bức tường; đến một góc phố, anh ta lấy tay ra hiệu với tôi: "Anh muốn gặp ai?" Tôi vẫn gặp khó khăn trong việc quen được với cách xưng hô suồng sã của anh ta. "Tôi không biết. Một sĩ quan." – "Đợi chút." Anh ta bước vào một tòa nhà, cách đó một chút, rồi bước ra cùng một người lính đang chỉ trỏ cho anh ta điều gì đó trên phố. Anh ta ra hiệu và tôi đi đến chỗ anh ta. Ivan giơ tay chỉ về hướng sông, từ đó vẳng lại tiếng ồn liên tục của đạn moocchiê và súng máy: "Ờ đó, *Krasnyi Oktiabr. Russki.*" Đã đi được kha khá đường đất: hiện tại chúng tôi ở gần một trong những nhà máy cuối cùng, một phần còn bị quân Xô viết nắm giữ, bên ngoài gò mộ và "vợt tennis". Các tòa nhà hẳn đã từng là chỗ ở tập thể của công nhân. Đến một trong các khu giường ngủ đó, Ivan leo lên ba bậc thềm và nói vài lời với một người lính gác. Người lính chào tôi, và tôi bước vào hành lang. Mỗi gian phòng, tối om, với những cửa sổ bịt kín một cách được chăng hay chớ bằng những thanh gỗ, những viên gạch xếp chồng lên nhau không trát vữa và những cái chăn, là chỗ trú của một nhóm lính. Phần lớn đang ngủ, nằm sát vào với nhau, đôi khi nhiều người dưới cùng một cái chăn. Những hơi thở tạo thành từng đám mây nhỏ. Ngự trị bên trong là một thứ mùi đáng sợ, một sự hội thối do tất cả các chất bài tiết của cơ thể con người tạo ra, trong đó nổi bật nhất là mùi nước tiểu và mùi hắc của chứng tiêu chảy. Trong một gian phòng dài, hẳn là phòng ăn cũ, nhiều người đang ngồi chen chúc quanh lò sưởi. Ivan chỉ cho tôi một viên sĩ quan ngồi trên một cái ghế băng nhỏ; cũng như những người khác, anh ta đeo ở tay áo feldgrau Đức của mình một mảnh vải carô hai màu đỏ và trắng. Nhiều người trong số đó quen biết Ivan: họ nói chuyện với nhau bằng một thứ ngôn ngữ pha tạp trộn lẫn giữa tiếng Ukraine và tiếng Croatia, đầy những từ bậy bạ nhất (*pitchka, pizda, pizdets*, những từ có trong tất cả các thứ tiếng Xlavơ và người ta có thể học được rất nhanh). Tôi tiến về phía viên sĩ quan, anh ta đứng dậy chào tôi. "Anh nói tiếng Đức không?" tôi hỏi anh ta sau khi đã rập gót chân và giơ tay lên. –

"Có, có." Anh ta ngạc nhiên nhìn tôi; quả thực là bộ quân phục mới của tôi không mang dấu hiệu phân biệt rõ ràng nào. Tôi tự giới thiệu. Đằng sau anh ta, trên tường, người ta đã gắn những đồ trang trí Giáng sinh nghèo nàn: những tràng hoa bằng giấy báo quanh một cái cây vẽ bằng than thẳng lên tường, những ngôi sao cắt từ thiếc, và những sản phẩm khác từ sự khéo tay của lính tráng. Cũng có một bức tranh lớn và đẹp vẽ mảng cỏ: nhưng thay vì cảnh diễn ra trong một tàu ngựa, thì ở đây lại được vẽ trong một ngôi nhà bị phá hủy, giữa đám đổ nát cháy sém. Tôi ngồi xuống cùng viên sĩ quan. Đó là một Oberleutnant trẻ tuổi, anh ta chỉ huy một trong số các đại đội của đơn vị lính Croatia này, trung đoàn bộ binh số 369: một phần quân của anh ta gác tại một khu vực mặt trận, trước nhà máy Thăng Mười Đỏ; những người khác đang nghỉ ngơi ở đây. Bọn Nga, từ vài ngày nay, tương đối yên tĩnh; thỉnh thoảng, chúng bắn sang vài phát moocchiê, nhưng những người Croatia cảm thấy rõ ràng là chỉ để dọa nạt họ thôi. Chúng cũng bắc loa đối diện với công sự và cả ngày bật nhạc buồn, hoặc vui, xen kẽ với những lời tuyên truyền quân lính đào ngũ hoặc đầu hàng. "Người của tôi không quan tâm lắm đến tuyên truyền, bởi vì chúng đã ghi âm sẵn bằng tiếng Serbe; nhưng nhạc thì làm họ buồn bã một cách sâu sắc." Tôi hỏi anh ta có nhiều người định đào ngũ không. Anh ta trả lời khá mơ hồ: "Cũng có... nhưng chúng tôi đã làm tất cả để ngăn chặn." Anh ta xởi lởi hơn rất nhiều khi nói về chủ đề lễ Giáng sinh mà họ đang chuẩn bị; tư lệnh sư đoàn, một người Áo, đã hứa sẽ cấp cho họ một khẩu phần trội hơn bình thường; bản thân anh ta vẫn giữ được một chai lozavitsa, dọ bố anh ta chưng cất, để uống chung với người của mình. Nhưng hơn tất cả, anh ta muốn có tin tức của von Manstein. "Thế ông ấy có đến không vậy?" Dĩ nhiên thất bại của cuộc tấn công của Hoth bị bưng bít với lính tráng, và đến lượt tôi trở nên mơ hồ: "Cứ chuẩn bị sẵn sàng," tôi ủ rũ trả lời. Viên sĩ quan trẻ tuổi này hẳn đã từng là một con người lịch thiệp và dễ mến; giờ đây, anh ta trở nên bi thảm như một con chó bị nện. Anh ta nói chậm chạp, cẩn thận chọn lựa từ ngữ, như thể suy nghĩ của

anh ta bị vặn chậm lại. Chúng tôi còn nói chuyện một lúc về các vấn đề tiếp tế, rồi tôi đứng dậy để đi. Lại thêm một lần nữa, tôi tự hỏi mình đang làm cái quái gì ở đây thế này: tôi sẽ biết được gì từ viên sĩ quan bị cô lập trước tất cả mà tôi chưa từng bao giờ đọc được trong bất cứ báo cáo nào? Chắc chắn, thông qua bản thân mình tôi nhìn thấy sự bần cùng của con người, sự mệt mỏi của họ, sự hoang mang của họ, nhưng tất cả những cái đó, tôi đều đã biết cả rồi. Tôi đã mơ hồ nghĩ, khi tới nơi, đến một cuộc tranh luận về sự tham gia về mặt chính trị của những người lính Croatia bên cạnh nước Đức, về ý thức hệ oustachie: giờ đây tôi hiểu rằng chuyện đó không có chút ý nghĩa nào; nó còn tệ hại hơn cả sự phù phiếm, và viên Oberleutnant này hẳn là sẽ không biết phải trả lời thế nào, trong đầu anh ta chỉ có chỗ cho thực phẩm, nhà anh ta, gia đình anh ta, việc bị bắt hoặc cái chết sắp tới. Đột nhiên tôi thấy mệt mỏi và chán nản, thấy mình giả dối, ngu độn. "Chúc Giáng sinh vui vẻ," viên sĩ quan vừa nói vừa mỉm cười bắt tay tôi. Vài người của anh ta nhìn tôi, không để lộ một chút tò mò nào. "Chúc mừng Giáng sinh," tôi tự bắt mình phải trả lời. Tôi đến chỗ Ivan rồi đi ra, hít thở thật mạnh làn không khí lạnh giá: "Còn bây giờ?" Ivan hỏi. Tôi suy nghĩ: nếu đã đến tận đây, tôi nghĩ, thì ít nhất tôi cũng phải đi xem một trong các trạm tiền tiêu. "Chúng ta có đi được đến mặt trận không?" Ivan nhún vai: "Nếu anh muốn, sếp. Nhưng phải hỏi sĩ quan." Tôi quay lại gian phòng lớn: viên sĩ quan chưa hề nhúc nhích, anh ta vẫn ngồi nhìn lò sưởi vẻ trống vắng. "Oberleutnant? Tôi có thể đi thị sát một vị trí phía trước của anh không?" – "Nếu ông muốn." Anh ta gọi một trong số người của mình và ra lệnh cho anh ta bằng tiếng Croatia. Rồi anh ta nói với tôi: "Đây là Hauptfeldwebel Ničić. Anh ấy sẽ dẫn đường cho ông." Đột nhiên tôi nảy ra ý mời anh ta một điếu thuốc: khuôn mặt anh ta sáng bừng lên và anh ta chậm rãi chìa tay ra để nhận. Tôi lắc lắc bao thuốc: "Lấy thêm đi." – "Cám ơn cám ơn. Chúc mừng Giáng sinh một lần nữa nhé." Tôi cũng mời viên Hauptfeldwebel một điếu, anh ta nói "*Hvala*" và cẩn thận cất nó vào một cái túi nhỏ. Tôi nhìn viên sĩ quan trẻ tuổi một lần nữa:

anh ta vẫn cầm ba điếu thuốc lá trên tay, khuôn mặt rạng rỡ như mặt một đứa trẻ. Còn bao nhiêu thời gian nữa, tôi tự hỏi, mình sẽ trở nên giống anh ta? Ý nghĩ này làm tôi muốn bật khóc. Tôi cùng viên Hauptfeldwebel đi ra, trước tiên anh ta dẫn chúng tôi ra phố, rồi đi theo những khoảng sân và bên trong một nhà kho. Hẳn là chúng tôi đang ở trong phạm vi nhà máy; tôi không nhìn thấy tường, nhưng tất cả đều rối tung, đảo lộn, thường thì không thể nhận ra gì hết. Nền đất của nhà kho được đào xuống một cái rãnh mà viên Hauptfeldwebel bảo chúng tôi đi xuống. Bức tường ở phía đối diện lỗ chỗ vết đạn, ánh sáng và tuyết tràn tới với một luồng sáng xanh lục trong khoảng không gian trống vắng rộng lớn này; những đường hào phụ nhỏ tỏa đi từ đường hào chính để chạy đến các góc của nhà kho; chúng không đi thẳng và tôi không nhìn thấy ai cả. Chúng tôi đi thành hàng dọc bên dưới bức tường nhà kho: đường hào đi qua một cái sân và biến mất vào đống đổ nát của một tòa nhà hành chính xây bằng gạch đỏ. Ničić và Ivan cúi gằm mặt bước đi, để đầu chỉ ngang với miệng hố, và tôi răm rắp bắt chước họ. Trước mặt chúng tôi, tất cả đều yên lặng một cách kỳ lạ; đi xa hơn, ở phía bên phải, chúng tôi nghe thấy những loạt đạn ngắn. Bên trong tòa nhà hành chính tối om và còn bốc mùi hôi thối hơn cả trong ngôi nhà những người lính dùng để ngủ. "Đây," Ničić bình thản nói. Chúng tôi đang ở trong một cái hầm, ánh sáng duy nhất rọi xuống từ những cửa hầm nhỏ hoặc từ những cái lỗ trên bức tường gạch. Một người đàn ông hiện ra từ bóng tối và nói với Ničić bằng tiếng Croatia. "Vừa có đụng độ. Bọn Nga muốn tiến vào. Chúng đã giết vài người," Ničić dịch lại bằng một thứ tiếng Đức khá tồi. Anh ta thản nhiên giải thích cho tôi cách bố trí của trạm gác: moocchiê ở đâu, Spandau ở đâu, những khẩu súng máy ở đâu, tầm bắn của chúng là bao nhiêu, đâu là những góc chết. Tôi không quan tâm lắm đến những điều này nhưng để yên cho anh ta nói; dù thế nào đi nữa, tôi cũng không thực sự biết mình quan tâm đến điều gì. "Thế còn loa tuyên truyền của chúng?" tôi hỏi. Ničić nói với người lính: "Sau trận đánh chúng đã ngừng rồi." Chúng tôi đứng im lặng một lúc.

"Tôi nhìn sang bên chúng được không?" cuối cùng tôi hỏi, hẳn là để tự tạo cho mình cảm giác đã đến đây vì một điều gì đó. – "Đi theo tôi." Tôi đi ngang qua cái hầm và trèo lên một cầu thang phủ đầy thạch cao và mẩu gạch. Ivan, khẩu tiểu liên kẹp dưới nách, đi sau cùng. Trên tầng, một hàng lang dẫn chúng tôi đến một căn phòng, ở tận góc trong. Tất cả các cửa sổ đều được xây gạch hoặc đóng thanh gỗ bịt kín, nhưng ánh sáng vẫn lọt qua từ hàng nghìn lỗ thủng. Trong phòng đầu tiên, hai người lính đang ngồi dựa lưng vào tường với một Spandau. Nicić chỉ cho tôi một cái lỗ bao quanh bởi các túi cát với những thanh gỗ đỡ bên dưới. "Ông có thể từ đây nhìn ra. Nhưng không được lâu quá. Những tay bắn tỉa của chúng giỏi lắm đấy. Có vẻ như là toàn phụ nữ." Tôi quỳ gối xuống gần cái lỗ rồi chậm rãi thò đầu ra; cái khe khá hẹp, tôi chỉ nhìn thấy một khung cảnh đổ nát không ra hình thù gì, gần như là trừu tượng. Chính lúc đó tôi nghe thấy tiếng hét, phía bên tay trái: một tiếng hú dài, khàn đặc, rồi đột nhiên tắt ngấm. Rồi tiếng hét lại vang lên. Không có tiếng động nào khác và tôi nghe thấy nó rất rõ. Nó phát ra từ một thanh niên trẻ, và đó là những tiếng hét dài chói tai, trống rỗng đến đáng sợ; hẳn là anh ta bị thương vào bụng, tôi tự nhủ. Nghiêng người sang, tôi nhìn thấy đầu và một phần nửa người trên của anh ta. Anh ta hét đến bật hơi, dừng lại để lấy sức, rồi lại tiếp tục. Không biết tiếng Nga tôi cũng hiểu được anh ta đang hét gì: "*Mama! Mama!*" Thật là không thể chịu được. "Cái gì vậy?" tôi hỏiNicić một cách ngu ngốc. – "Đó là một trong những tay vừa nãy." – "Các anh không thể giết hắn à?" Nicić nhìn tôi chằm chằm với một ánh mắt cứng rắn, đầy khinh miệt: "Chúng ta không có đạn để mà lãng phí," cuối cùng anh ta nhả ra. Tôi ngồi dựa vào tường, giống như những người lính. Ivan đứng dựa vào cửa ra vào. Không ai nói gì. Bên ngoài, cậu thanh niên vẫn hú lên: "*Mama! Ia ne khatchu! Ia ne khatchu! Mama! Ia khatchu domoi*" và những từ khác nữa mà tôi không nghe hết được. Tôi lấy tay quàng xung quanh đầu gối. Nicić, ngồi chồm hổm, tiếp tục nhìn tôi. Tôi muốn bịt tai, nhưng cái nhìn chăm chằm của anh ta làm người tôi cứng lại. Những tiếng hét của cậu

thanh niên làm óc tôi đảo lộn, một cái xẻng ngoáy tìm trong một lớp bùn dày và dính, đầy sâu bọ và nhầy nhụa. Còn tôi, tôi tự hỏi, tôi có khóc gọi mẹ khi đến lúc không? Tuy nhiên, ý nghĩ về người đàn bà đó làm tôi thấy ngập tràn lòng hận thù và sự chán ghét. Đã nhiều năm nay tôi không gặp lại bà ta, và tôi không muốn gặp bà ta; ý nghĩ phải gọi tên bà ta, cầu cứu bà ta với tôi là không thể hình dung được. Tuy vậy, tôi buộc phải ngờ rằng đằng sau bà mẹ ấy còn có một bà mẹ khác, bà mẹ của đứa trẻ mà tôi từng là, trước khi một điều gì đó đã tan vỡ không thể cứu chữa. Cả tôi nữa, hẳn vậy, tôi cũng sẽ lăn lộn và hú hét gọi người mẹ đó. Và nếu không phải là gọi bà, thì sẽ là gọi cái bụng của bà, cái có trước ánh sáng, thứ ánh sáng ban ngày bệnh hoạn, nhơ nhuốc. "Lẽ ra ông không nên đến đây, Ničić nói một cách tàn nhẫn. Không được việc gì cả. Và nguy hiểm nữa. Thường xuyên xảy ra tai nạn." Anh ta nhìn tôi chằm chằm với một cái nhìn hằn học công khai. Anh ta cầm lấy báng khẩu tiểu liên của mình, tay đặt trên cò súng. Tôi nhìn Ivan: anh ta cũng cầm khẩu súng của mình theo đúng cách đó, chĩa về hướng Ničić và hai người lính. Ničić quay theo hướng ánh mắt của tôi, nhìn khẩu súng của Ivan, khuôn mặt anh ta, rồi nhổ xuống đất: "Tốt nhất là ông về đi." Một tiếng nổ khô khốc làm tôi nhảy dựng lên, một tiếng nổ nhỏ, chắc là một quả lựu đạn. Những tiếng hét dừng một lúc, rồi lại tiếp tục, đơn điệu, mệt mỏi. Tôi đứng dậy: "Phải. Dù sao thì tôi cũng phải quay về trung tâm. Muộn rồi." Ivan bước tránh ra để chúng tôi đi qua rồi theo sau, mắt vẫn không rời khỏi hai người lính, cho đến khi đã vào trong hành lang. Chúng tôi lại đi theo đường hào lúc trước, không ai nói một lời nào; đến ngôi nhà nơi đại đội trú ngụ, Ničić không buồn chào tôi. Tuyết đã ngừng rơi và bầu trời quang đãng, tôi nhìn thấy trăng, trắng và phồng lên trên nền trời đang tối lại rất nhanh. "Tối thế này có về được không?" tôi hỏi Ivan. – "Có. Thậm chí còn nhanh hơn. Một tiếng rưỡi thôi." Hẳn là chúng tôi sẽ có thể đi theo các đường tắt. Tôi cảm thấy trống rỗng, già nua, lạc lõng. Xét cho cùng, viên Hauptfeldwebel đã nói đúng.

Trong khi bước đi, ý nghĩ về mẹ tôi quay trở lại một cách dữ

dội, đảo lộn và va đụng trong đầu tôi như một con mụ đàn bà say rượu. Đã từ lâu, tôi không có những suy nghĩ như vậy. Khi nói chuyện này với Partenau, ở Crimée, tôi chỉ nói đến các sự kiện, những gì ít có ý nghĩa nhất. Lúc này, đó là một tổ hợp ý nghĩ khác, cay đắng, căm ghét, nhuốm màu nhục nhã. Khi nào thì nó đã bắt đầu? Ngay từ khi tôi sinh ra ư? Có nhẽ đâu tôi chưa bao giờ tha thứ cho bà ta vì đã sinh ra tôi, cái quyền cao ngạo vô lý mà bà ta tự giành lấy cho mình vì đã sinh ra tôi? Thật kỳ cục, tôi dị ứng kinh khủng với sữa chảy ra từ vú bà ta; như chính bà ta sau này đã kể lại cho tôi, nhẹ bỗng như không, tôi chỉ toàn mút sữa bình, và tôi nhìn đứa em gái sinh đôi của mình bú sữa với một cái nhìn tràn ngập cay đắng. Tuy nhiên, hồi còn nhỏ, chắc hẳn là tôi cũng phải yêu bà ta, giống như tất cả bọn trẻ con yêu mẹ mình. Tôi vẫn còn nhớ mùi vị êm dịu và đầy nữ tính trong phòng tắm của bà ta, khiến tôi bị nhấn chìm trong một niềm vui sướng trì độn, như một cuộc quay về với cái bụng đã mất: hẳn đó phải là, nếu nghĩ kỹ, một hỗn hợp của hơi ẩm phòng tắm, những loại nước hoa, xà phòng, có thể là cả mùi bộ phận sinh dục và có thể cả mùi cứt của bà ta nữa; ngay cả khi bà ta không để tôi vào chỗ tắm cùng, tôi vẫn không mệt mỏi ngồi trên bồn cầu, gần bà ta, đầu óc lơ mơ. Rồi tất cả đã thay đổi. Nhưng chính xác thì là lúc nào, và tại sao? Tôi chưa bao giờ trách bà ta vì sự biến mất của bố tôi: ý nghĩ đó chỉ xuất hiện sau này, khi bà ta hiến thân cho cái tay Moreau đó. Thế nhưng ngay cả khi trước khi gặp ông ta, bà ta đã bắt đầu cư xử theo cách làm tôi nóng máu. Liệu đó có phải là vào thời điểm cha tôi bỏ đi không? Rất khó nói, nhưng có vẻ như là sự đau đớn đã làm bà ta phát điên. Một tối, ở Kiel, bà ta đã một mình vào một quán cà phê dành cho dân vô sản, gần bến tàu, và đã uống say bí tỉ, xung quanh là cả đống người lạ, các công nhân bốc dỡ, thủy thủ. Thậm chí còn có khả năng là bà ta đã ngồi lên một cái bàn và kéo jupe lên để phơi bộ phận sinh dục ra. Dù thế nào đi nữa, mọi việc đã biến thành vụ bê bối và *con mụ tư sản* bị tống ra ngoài đường, và ngã vào một vũng nước. Một người cảnh sát đã đưa bà ta về nhà, run rẩy, xộc xệch, váy ướt nhẹp; tôi nghĩ

mình đến chết vì xấu hổ. Còn nhỏ như thế – chắc lúc đó tôi khoảng mười tuổi – mà tôi đã muốn đánh bà ta, và thậm chí bà ta còn không có khả năng tự vệ, nhưng em gái tôi đã can thiệp: "Anh thương lấy bà ấy đi. Bà ấy buồn. Bà ấy không đáng nhận cơn giận dữ đó của anh đâu." Phải rất lâu tôi mới bình tĩnh lại được. Nhưng ngay cả vào lúc đó hẳn là tôi vẫn chưa căm ghét bà ta, chưa, tôi chỉ cảm thấy bị làm nhục. Sự căm ghét hẳn là sau này mới tới, khi bà ta quên đi chồng mình và hy sinh những đứa con để trao thân cho một người xa lạ. Tất nhiên cái đó không ngày một ngày hai mà thành, có nhiều bước trên con đường đó. Moreau, như tôi đã nói, không phải là một con người tệ hại, và thoạt đầu ông ta đã có những nỗ lực lớn để được chúng tôi chấp nhận; nhưng đó là một kẻ thiển cận, bị cầm tù trong những quan niệm tư sản và tự do thô thiển của mình, nô lệ của ham muốn mà ông ta dành cho mẹ tôi, người nhanh chóng tỏ ra còn có nhiều nam tính hơn ông ta; như thế, ông ta tự nguyện trở thành kẻ đồng lõa với những lầm lỗi của bà ta. Rồi xảy đến thảm họa lớn kia, sau đó tôi bị gửi đến trường; cũng có những xung đột khác có tính truyền thống hơn, như xung đột nổ ra khi tôi học xong trung học. Tôi sắp thi xong tú tài, cần phải có một quyết định cho những gì sau đó; tôi muốn học triết học và văn chương, nhưng mẹ tôi từ chối thẳng thừng: "Con cần có một nghề nghiệp. Con tin là chúng ta sẽ sống mãi được bằng lòng tốt của người khác à? Sau đó thì con có thể làm tất cả những gì con muốn." Và Moreau chế giễu: "Gì cơ? Làm nghề gõ đầu trẻ ở một thị trấn heo hút nào đó trong mười năm à? Văn sĩ ba xu, chết đói chết khát? Cháu không phải là Rousseau, con trai ạ, thực tế hơn đi nào." Chúa ơi, sao mà tôi căm ghét họ đến vậy. "Cháu phải có sự nghiệp cái đã. Rồi sau đó, cháu có thể viết thơ vào những lúc rảnh rỗi, đó là việc của cháu. Nhưng ít nhất thì cháu sẽ kiếm đủ tiền để nuôi gia đình." Chuyện đó kéo dài một tuần; chạy trốn cũng chẳng ích gì, tôi sẽ bị tóm lại, như khi tôi định bỏ đi hoang. Phải nhượng bộ. Hai người bọn họ quyết định cho tôi vào Trường tự do khoa học chính trị, từ đó tôi sẽ có khả năng xâm nhập một trong các cơ quan lớn của Nhà nước: Hội đồng Nhà

nước, Thẩm kế viện, Tổng cục thanh tra tài chính. Tôi sẽ là một thầy ký của Nhà nước, một ông quan: một thành viên của *tầng lớp tinh hoa*, họ hy vọng như thế. "Sẽ khó khăn đấy, Moreau giải thích với tôi, cháu sẽ phải chiến đấu hết mình"; nhưng ông ta có nhiều quan hệ ở Paris, ông ta sẽ giúp tôi. A, mọi chuyện đã không diễn ra như họ muốn: những viên quan của Pháp giờ đây đang phục vụ cho đất nước của tôi; và tôi, tôi đã rơi vào đây, trong đống đổ nát lạnh giá của Stalingrad, hẳn là để chấm dứt tất cả. Em gái tôi thì có nhiều may mắn hơn: đó là một phụ nữ, và những gì nàng làm có tầm quan trọng thấp hơn; đó sẽ chỉ là những thứ điểm xuyết làm vừa lòng người chồng tương lai. Người ta để mặc nàng tự do đến Zurich học môn tâm lý học cùng một ông bác sĩ nào đó tên là Karl Jung, kể từ khi đó đã bắt đầu khá nổi.

Điều thảm khốc nhất đã xảy tới. Khoảng mùa xuân năm 1929, vẫn ở trường học, tôi nhận được thư của mẹ tôi. Bà ta thông báo rằng, vì không bao giờ nhận được tin tức của ông ấy, và vì những yêu cầu liên tiếp của bà ta tại nhiều lãnh sự quán Đức ở các nước không mang lại kết quả gì, bà ta đã đưa đơn để bố tôi được chính thức tuyên bố là đã chết. Đã bảy năm trôi qua kể từ khi ông biến mất, tòa án ra phán quyết mà bà ta mong đợi; giờ đây, bà ta sẽ cưới Moreau, một người đàn ông tốt bụng và hào hiệp, người giống như là bố của chúng tôi. Bức thư xấu xa này đẩy tôi vào cơn điên giận rồ dại. Tôi viết ngay cho bà ta một lá thư đầy những lời sỉ nhục dữ dội: Bố tôi, tôi viết trong thư, chưa chết, cả hai kẻ các người dù có mong muốn đến đâu cũng không thể giết ông ấy. Nếu muốn bán mình cho một thằng cha lái buôn bẩn thỉu ti tiện người Pháp, thì bà ta cứ việc; còn về phần mình, tôi sẽ coi cuộc hôn nhân của họ là không hợp thức và vi phạm chế độ một vợ một chồng. Ít nhất thì tôi cũng hy vọng rằng họ sẽ không tìm cách ấn cho tôi một thằng con hoang mà tôi sẽ chỉ có thể căm ghét. Mẹ tôi, đầy khôn ngoan, không trả lời lại sự lăng mạ đó. Mùa hè năm ấy, tôi thu xếp để được bố mẹ một người bạn giàu có mời đến nhà nghỉ, và không đặt chân về Antibes. Họ cưới nhau vào tháng Tám; tôi xé tan thiếp mời và ném vào bồn cầu; kỳ

nghỉ sau đó, tôi lại bướng bỉnh không chịu trở về; cuối cùng họ cũng thành công trong việc đưa được tôi về, nhưng đó lại là một câu chuyện khác. Trong khi chờ đợi, sự căm thù của tôi vẫn ở đó, nguyên vẹn, bừng nở, một cái gì đó đầy tràn và gần như ngọt ngào ở bên trong tôi, một mảnh gỗ chờ đợi que diêm. Nhưng tôi chỉ biết cách trả thù bằng cách thức hạ cấp và đáng xấu hổ: tôi vẫn giữ một tấm ảnh chụp mẹ tôi; tôi thủ dâm hoặc liếm mút các bạn tình nam của mình trước bà ta và cho họ phóng tinh xuống đó. Tôi còn làm những việc tồi tệ hơn thế. Trong ngôi nhà lớn của Moreau, tôi tự buông thả mình cho những trò chơi tình ái theo lối Barốc, đầy tính phóng túng. Lấy cảm hứng từ các tiểu thuyết sao Hỏa của Burroughs (tác giả cuốn *Tarzan* của tuổi thơ tôi), mà tôi ngốn ngấu với cùng niềm say mê khi đọc các tác giả Hy Lạp cổ điển, tôi tự nhốt mình vào phòng tắm rộng ở tầng trên, bật nước chảy để không thu hút sự chú ý, và dàn những cảnh kỳ quái của thế giới tưởng tượng của tôi. Bị một đội quân người xanh lá cây có bốn tay của Barsoom bắt, tôi bị lột trần truồng, trói lại và đưa đến trước một nàng công chúa sao Hỏa có nước da màu đồng, cao ngạo và lơ đãng trên ngai vàng. Đến đoạn đó, dùng một cái thắt lưng da làm dây trói và với một cái chổi hoặc một cái chai nhét vào lỗ đít, tôi quằn quại trên nền đá hoa lạnh giá trong khi khoảng nửa chục tên vệ sĩ cao lớn và câm lặng thay phiên nhau hiếp tôi trước mặt nàng ta. Nhưng những cái chổi hoặc những cái chai có thể gây đau đớn: tôi tìm kiếm cái gì đó khác thích hợp hơn. Moreau thích những cái xúc xích to của Đức; đêm đến, tôi lấy trộm một cái trong tủ lạnh, lăn lăn trong lòng bàn tay để làm nó nóng lên, lấy dầu ôliu bôi trơn; xong việc, tôi rửa nó thật cẩn thận, hong khô và để lại vào trong tủ. Ngày hôm sau tôi nhìn Moreau và mẹ tôi cắt nó ăn một cách ngon lành, và tôi mỉm cười mà từ chối phần của mình, viện cớ là mình ăn không thấy ngon, vui sướng chịu đựng cái bụng rỗng để được nhìn họ ăn. Đúng ra thì chuyện đó xảy ra vào trước đám cưới của họ, khi tôi còn thường xuyên đến nhà họ. Do đó cuộc hôn nhân của họ không phải là nguyên nhân duy nhất. Nhưng đó chỉ là những trò khốn

khổ, những đòn trả thù buồn bã của đứa trẻ con bất lực. Sau này, khi đã trưởng thành, tôi quay lưng lại họ, bỏ đi sang Đức và ngừng trả lời những lá thư của mẹ tôi. Thế nhưng câu chuyện cứ tiếp diễn một cách câm lặng, và chỉ cần một điều nhỏ nhặt, chỉ cần tiếng hét của một kẻ đang hấp hối, là tất cả lại hiện hết lên, bởi vì nó vẫn luôn ở đó, nó đến từ nơi khác, từ một thế giới không phải là thế giới của con người và của công việc hàng ngày, một thế giới thường xuyên đóng chặt nhưng chiến tranh đã đột nhiên giật tung những cánh cửa, để thoát sự ngơ ngác của nó ra ngoài trong một tiếng kêu khàn đặc và nghe không rõ đầy vẻ hoang dại, một đầm lầy hôi thối, làm đảo ngược cái trật tự đã được thiết lập xong, các tập quán và quy luật, buộc con người phải giết lẫn nhau, đặt lại họ dưới cái ách mà họ đã từng phải rất khó nhọc mới thoát khỏi được, cái gánh nặng của những gì đã có trước đó. Chúng tôi lại đi dọc theo đường tàu của những toa bò không: đắm chìm trong những suy nghĩ, tôi gần như không để ý gì đến đoạn đường dài đi vòng để tránh gò mộ. Tuyết cứng, đang kêu lạo xạo dưới chân tôi, mang những màu sắc nhợt nhạt dưới ánh trăng bợt ra đang chiếu lên con đường của chúng tôi. Mười lăm phút nữa là đủ để chúng tôi quay về được Univermag; tôi chỉ cảm thấy hơi mệt, vì đã lại sức sau cuốc đi bộ. Ivan hững hờ chào tôi và đi đến chỗ những người đồng hương của mình, mang theo khẩu tiểu liên của tôi. Trong căn phòng tác chiến rộng, dưới ngọn đèn chùm khổng lồ lấy từ một nhà hát, các sĩ quan của Stadtkommandantur uống rượu và đồng thanh hát *O du fröhliche* và *Stille Nacht, heilige Nacht*. Một người trong số họ chìa cho tôi một cốc rượu vang đỏ; tôi uống một hơi cạn cả cốc, mặc dù đó là một thứ rượu vang ngon của Pháp. Trong hành lang, tôi gặp Möritz, ông ta nhìn tôi vẻ tò mò: "Anh đã ra ngoài à?" – "Vâng, Herr Kommissar. Tôi đã đi xem một phần các vị trí của chúng ta, để có một hình dung về thành phố." Khuôn mặt ông ta sầm lại: "Đừng có mạo hiểm tính mạng một cách vô ích. Tôi phải mất bao nhiêu công sức mới có được anh, nếu anh để cho chúng giết luôn thì tôi sẽ không bao giờ có thể tìm người thay anh được nữa đâu."

– "*Zu Befehl*, Herr Kommissar." Tôi chào ông ta và đi thay đồ. Một lúc sau, Möritz mời các sĩ quan của mình một cốc, với hai chai cognac được cất giữ một cách cẩn thận; ông ta giới thiệu tôi với các đồng nghiệp mới, Leibbrandt, Dreyer, Vopel, người phụ trách thông tin, Hauptsturmführer von Ahlfen, Herzog, Zumpe. Zumpe và Vopel, viên Untersturmführer mà tôi đã gặp ngày hôm trước, làm việc cùng Thomas. Ngoài ra còn có Weidner, Gestapoleiter của thành phố (Thomas là Leiter IV cho toàn bộ *Kessel*, và do đó là thượng cấp của Weidner). Chúng tôi uống mừng sức khỏe của Führer và cho *Endsieg* và chúng tôi chúc nhau một lễ Giáng sinh vui vẻ; không khí khá trầm lắng và lạnh nhạt, tôi thích điều này hơn rất nhiều so với những bùng nổ tình cảm hoặc tôn giáo ở các quân nhân. Thomas và tôi, vì tò mò, đến dự lễ mixa nửa đêm tổ chức tại phòng lớn. Ông linh mục và ông mục sư của một trong các sư đoàn lần lượt làm chủ lễ, trong một tinh thần tôn giáo chung hoàn hảo, và các tín đồ của cả hai bên cùng nhau cầu nguyện. Tướng von Seydlitz-Kurbach, người chỉ huy quân đoàn số LI, có mặt ở đó cùng với nhiều tướng lĩnh của sư đoàn và các tham mưu trưởng của họ; Thomas chỉ cho tôi Sanne, người chỉ huy Jägerdivision số 100, Korfes, von Hartmann. Một vài trong số những người Ukraine của chúng tôi cũng cầu nguyện: đó là, Thomas giải thích cho tôi, những người theo phái tôn giáo hợp nhất của Galicie, những người ăn mừng Giáng sinh cùng lúc với chúng tôi, khác với những người anh em theo chính thống giáo của họ. Tôi nhìn họ, nhưng không thấy Ivan trong số đó. Sau lễ mixa, chúng tôi quay trở về uống cognac; rồi, đột nhiên thấy kiệt sức, tôi về đi ngủ. Tôi lại mơ thấy những chuyến tàu điện ngầm: lần này, hai đường ray song song nằm cạnh nhau giữa những bờ ke được chiếu sáng rực rỡ, rồi chập lại làm một trong đường hầm, sau một đoạn ngăn cách được đánh dấu bởi những cây cột tròn bằng bê tông; nhưng chỗ bè ghi đó không hoạt động nữa và một nhóm phụ nữ mặc đồng phục màu da cam, trong đó có một người da đen, đang làm việc điên cuồng để sửa chữa trong khi đoàn tàu, với đông đặc hành khách bên trên, đã rời khỏi ga.

Cuối cùng tôi cũng bắt tay vào việc một cách có phương pháp và chặt chẽ hơn. Buổi sáng ngày lễ Giáng sinh, một cơn bão tuyết dữ dội nổi lên chấm dứt mọi hy vọng về chuyển tiếp tế đặc biệt; cùng lúc, người Nga tung một cuộc tấn công vào khu vực Đông Bắc và cả vào hướng các nhà máy, chiếm lại của chúng tôi vài cây số và giết hơn một nghìn hai trăm người. Những người Croatia, tôi viết trong một báo cáo, đã phải đương đầu với thử thách dữ dội, và Hauptfeldwebel Ničić có tên trên danh sách tử trận. *Carpe diem!* Tôi hy vọng ít nhất anh ta cũng có đủ thời gian để hút điếu thuốc của mình. Còn tôi thì ngồi đọc các báo cáo và viết những báo cáo khác. Lễ Giáng sinh có vẻ không gây ảnh hưởng nhiều lắm lên tinh thần mọi người: phần lớn, theo các báo cáo hoặc những lá thư mà bộ phận kiểm duyệt mở ra đọc, vẫn giữ nguyên vẹn lòng tin của mình vào Führer và vào chiến thắng; tuy nhiên ngày nào người ta cũng xử bắn những kẻ đào ngũ hoặc những người tự sát thương. Một số sư đoàn tự bắn những kẻ phạm tội thuộc đơn vị của mình; những nơi khác giao cho chúng tôi; việc đó được tiến hành trong một cái sân, đằng sau Gestapostelle. Người ta cũng chuyển đến cho chúng tôi những thường dân bị các Feldgendarm bắt quả tang đang phá hoại, hoặc bị nghi ngờ là cung cấp thông tin cho người Nga. Vài ngày sau Giáng sinh, trong một hành lang tôi bắt gặp hai thằng bé bẩn thỉu thò lò mũi xanh mà những người Ukraine lôi đi xử bắn sau khi tra hỏi: chúng đánh giày cho các sĩ quan của nhiều PC khác nhau và ghi nhớ trong đầu các chi tiết nghe được; đêm đến, chúng luồn theo một cái cống để đi báo tin cho quân Xô viết. Trên người một trong số hai đứa, người ta tìm được một mề đay Nga giấu kín: nó khẳng định là đã được gắn huy chương, nhưng cũng rất có thể chỉ đơn giản là nó đã lấy cắp hoặc giật được từ một xác chết. Chúng khoảng mười hai hoặc mười ba tuổi, nhưng người ta sẽ nói chúng chưa lên mười, và trong khi Zumpe, người sắp chỉ huy đội hành quyết, giải thích sự việc cho tôi, cả hai đứa nhìn tôi chằm chằm với đôi mắt mở to, như thể tôi sẽ cứu sống chúng vậy. Điều đó làm tôi nổi điên: Chúng mày muốn gì? tôi cảm thấy ham

muốn được hét lên điều đó. Chúng mày sẽ chết, rồi sao? Cả tao nữa, chắc chắn là tao cũng sẽ chết ở đây, tất cả mọi người ở đây đều sẽ chết. Đó là món công đoàn phí. Tôi mất vài phút để bình tĩnh lại được; sau này, Zumpe kể lại cho tôi rằng chúng đã khóc nhưng vẫn cố hét: "Stalin muôn năm!" và "*Urra pobiéda!*" trước khi gục xuống. "Có thể coi đó là một câu chuyện có tính khuyến thiện được hay không?" tôi nói với anh ta; anh ta đi khỏi, có vẻ hơi tiu nghỉu.

Tôi bắt đầu gặp một số người vẫn được gọi là thông tin viên, mà Ivan hoặc một người Ukraine khác dẫn đến cho tôi, hoặc là tự tìm đến. Những người đàn bà và đàn ông đó ở trong một tình trạng thảm hại, bốc mùi hôi thối, người đầy cáu ghét và chấy rận; rận thì tôi đã bắt đầu có, nhưng mùi của những con người kia vẫn làm tôi thấy buồn nôn. Với tôi họ giống với những tên ăn mày hơn là các điệp viên: những thông tin mà họ cung cấp cho tôi lúc nào cũng vô ích hoặc không thể kiểm chứng; để đổi lại, tôi phải đưa cho họ một củ hành hoặc một củ khoai tây đóng băng để trong một cái cốp dành riêng cho chuyện này, đó là một thứ *quỹ đen* thực thụ, bằng tiền địa phương. Tôi không hề biết phải xử trí thế nào với những tin đồn trái ngược nhau mà họ báo cáo lại đó; Abwehr sẽ chế nhạo chúng tôi nếu tôi chuyển chúng sang cho họ; cuối cùng tôi lập một danh sách có tiêu đề là *Những thông tin khác, không được xác nhận*, và cứ hai ngày một lần chuyển cho Möritz.

Tôi đặc biệt quan tâm những thông tin liên quan đến các vấn đề tiếp tế, rất có ảnh hưởng lên tinh thần binh lính. Tất cả mọi người đều biết, dù không nói ra, rằng các tù binh Xô viết của Stalag của chúng tôi, những người mà có thể nói rằng chúng tôi đã không còn cho ăn được một thời gian, đã rơi vào tình trạng ăn thịt lẫn nhau. "Bản chất con người chúng đang bộc lộ," Thomas nói khi tôi tìm cách tranh luận về việc đó với anh. Có tin cho rằng viên Landser người Đức, trong cơn hoảng loạn, đã rất biết cách kiềm chế. Cú sốc, do báo cáo về một trường hợp ăn thịt người trong một đại đội đóng quân ở rìa phía Tây *Kessel*, lại càng có tác động lớn vì đã xảy ra ngay tại đó. Hoàn cảnh khiến cho vụ việc

càng trở nên thảm khốc. Khi nạn đói đã buộc họ phải lựa chọn lối thoát đó, những người lính của đại đội, vẫn còn lo lắng đến *Weltanschauung*, đã tranh luận về điểm sau đây: phải ăn thịt một người Nga hay một người Đức? Vấn đề thuộc về ý thức hệ đặt ra ở đây là vấn đề về tính hợp thức của việc ăn thịt một người Xlavơ, một *Untermensch* Bônsêvich. Thứ thịt này liệu có khả năng làm thoái hóa những cái dạ dày Đức hay không? Nhưng ăn thịt một người đồng ngũ tử trận sẽ là hành động mất tư cách; ngay cả khi không còn có thể chôn họ được nữa, người ta vẫn phải biết kính trọng những người ngã xuống vì *Heimat*. Vậy rồi họ nhất trí với nhau là sẽ ăn thịt một trong số các Hiwi của mình, một sự thỏa hiệp xét cho cùng là hữu lý, nếu nhìn vào các luận điểm của cuộc tranh luận. Họ đã giết anh ta và một Obergefreite, từng làm nghề bán thịt ở Mannheim, tiến hành việc xẻ thịt. Các Hiwi sống sót rơi vào tình trạng hoảng loạn: ba trong số họ đã bị giết trong khi tìm cách chạy trốn, nhưng một người khác đã đến được PC của trung đoàn, và tại đó anh ta đã tố cáo chuyện này với một sĩ quan. Không ai tin lời anh ta; sau cuộc điều tra, người ta buộc phải tin vào điều hiển nhiên, vì đại đội đã không biết cách phi tang toàn bộ cái xác của nạn nhân, và người ta đã tìm được nguyên khung lồng ngực của anh ta và một phần thịt vụn, bị cho là không đủ sạch sẽ để ăn. Những người lính khi bị bắt giữ đã khai ra tất cả; theo họ, thịt có vị của thịt lợn, và ngon hơn thịt ngựa rất nhiều. Người ta đã kín đáo xử bắn tay hàng thịt và bốn kẻ chủ mưu khác, rồi êm nhẹm vụ việc, nhưng chuyện này đã gây xôn xao ở các ban tham mưu. Möritz yêu cầu tôi lập một báo cáo chung về tình hình dinh dưỡng của lính tráng kể từ khi *Kessel* bị cô lập; ông ta có các số liệu của AOK 6, nhưng ngờ rằng phần lớn chúng chỉ là lý thuyết. Tôi nghĩ đến việc đi gặp Hohenegg.

Lần này, tôi chuẩn bị kỹ càng hơn. Tôi đã từng đi ra ngoài cùng với Thomas, để đến thăm Ic/AO của các sư đoàn; sau cuộc đi dạo đến chỗ những người Croatia, Möritz đã ra lệnh cho tôi nếu ra ngoài một mình thì trước đó phải điền vào một tờ đơn xin đi lại. Tôi gọi điện cho Pitomnik, đến văn phòng của

Generalstabsarzt bác sĩ Renoldi, phụ trách y tế của AOK 6, tại đó người ta thông báo cho tôi rằng Hohenegg đang ở bệnh viện tác chiến trung tâm tại Goumrak; tại đó, người ta thông báo với tôi rằng ông đang đi lại vài nơi trong *Kessel* để quan sát tình hình; cuối cùng tôi cũng định vị được ông ở Rakotino, một *stanitsa* ở phía Nam lòng chảo, trong khu vực của sư đoàn số 376. Sau đó phải gọi điện đến nhiều PC để tổ chức đi lại. Mất nửa ngày để đi chuyển, và chắc chắn là tôi sẽ phải qua đêm ở Rakotino, hoặc ở Goumrak; nhưng Möritz cho phép tôi đi. Vẫn còn vài ngày nữa mới đến Năm Mới, từ Giáng sinh nhiệt độ đã xuống khoảng âm 25 độ, và tôi quyết định lấy cái áo lông ra, mặc dù có rất nhiều nguy cơ lũ rận đã làm tổ bên trong. Dù sao thì tôi cũng đã mặc lít nhiều lớp bên trong quần áo, những cuộc lùng bắt chăm chú vào buổi tối ở mỗi đường chỉ chẳng đem lại một kết quả nào: bụng tôi, hai bên nách, phía bên trong bụng chân đỏ lên vì những vết đốt, mà tôi không thể tự ngăn cản mình gãi đến khi bật máu. Ngoài ra tôi còn phải chịu chứng bệnh tiêu chảy, chắc hẳn là do thứ nước tệ hại và ăn uống không đều đặn, một hỗn hợp của giăm bông đóng hộp hoặc patê Pháp và *Wassersuppe* thịt ngựa, tỉ lệ tùy theo ngày. Ở PC thì vẫn còn khá, chỗ vệ sinh của các sĩ quan bẩn thỉu nhưng ít nhất là vẫn còn vào được, nhưng khi đi lại thì chuyện đó nhanh chóng trở thành cả một vấn đề lớn.

Tôi đi một mình, không có Ivan theo cùng: tôi không cần anh ta trong *Kessel*; dù sao thì cũng có rất ít chỗ ngồi trong những chuyến xe giao liên. Một chiếc ôtô đầu tiên chở tôi đến Goumrak, một chiếc khác đến Pitomnik; tại đó, tôi phải chờ một cái xe đi Rakotino trong nhiều giờ. Tuyết không rơi nhưng bầu trời vẫn nguyên một màu ghi đục, u ám, và những chiếc máy bay, giờ đây cất cánh từ Salsk, đến nơi một cách thất thường. Trên đường băng ngự trị một cảnh hỗn độn còn khủng khiếp hơn hồi tuần trước; mỗi khi có máy bay đến là một cuộc chạy đua, những người bị thương ngã xuống và bị những người khác giẫm đạp lên, các Feldgendarm phải bắn những tràng đạn chỉ thiên để làm chùn chân đám người tuyệt vọng. Tôi trao đổi vài câu với một phi công

chiếc Heinkel 111 đang đi ra xa khỏi máy bay của mình để hút thuốc; mặt anh ta tái nhợt, anh ta nhìn cảnh tượng với vẻ hoảng hốt, miệng thì thầm: "Không thể thế được, không thể thế được... Ông biết không, cuối cùng anh ta nói với tôi trước khi đi khỏi, tối nào khi vẫn còn sống để về được đến Salsk, tôi cũng khóc như một đứa trẻ." Câu nói đơn giản này làm tôi chóng mặt; quay lưng về phía viên phi công và đám người hãng máu, tôi bật khóc nức nở: những giọt nước mắt đóng giá trên mặt tôi, tôi khóc cho tuổi thơ tôi, cho khoảng thời gian khi tuyết là một thú vui bất tận, khi một thành phố là một khoảng không gian diệu kỳ để sống và một khu rừng chưa còn là một nơi thuận tiện để giết người. Phía sau tôi, những người bị thương la hét như những kẻ quỷ ám, những con chó điên, gần như át hẳn tiếng gầm rú của các động cơ. Chiếc Heinkel này, ít nhất, cũng cất cánh được một cách an toàn; đó không phải là trường hợp của chiếc Junker sau đó. Những viên đạn pháo tiếp tục rơi xuống, chắc người ta đã bơm kêrôxen một cách cẩu thả, hoặc có thể là một trong các động cơ bị hỏng vì trời lạnh: vài giây sau khi những cái bánh rời khỏi mặt đất, động cơ bên trái ngừng chạy; máy bay, khi đó còn chưa lấy đủ tốc độ, lật ngược sang một bên; viên phi công tìm cách dựng nó lại, nhưng máy bay bị mất thăng bằng quá lớn và đột nhiên cánh nó nhào xuống và lao đi nổ bùng cách đường băng vài trăm mét, trong một khối lửa tròn khổng lồ làm sáng bừng thảo nguyên lên trong một khoảnh khắc. Tôi đã trốn vào một boongke để tránh đạn nhưng vẫn nhìn thấy tất cả từ lối vào, một lần nữa mất tôi lại đầy nước, nhưng tôi trấn tĩnh được kịp thời. Cuối cùng người ta đến tìm tôi vì xe đã tới, nhưng không phải là trước khi một quả đạn pháo rơi trúng một túp lều của thương binh nằm gần đường băng, làm bắn tung ra những đoạn tay chân và mảnh thịt lên toàn bộ khoảng đất dùng để dỡ đồ xuống. Vì đang ở ngay cạnh đó, tôi phải giúp gạt đống đổ nát đẫm máu để tìm kiếm những người sống sót; trong lúc kinh ngạc xem xét nội tạng nằm tung tóe trên mặt tuyết đỏ bầm của một người lính trẻ bụng vỡ toang hoác để tìm kiếm trong đó những dấu vết của quá khứ đã qua của tôi hoặc

các chỉ dẫn cho tương lai, tôi tự nhủ rằng nhất định tất cả câu chuyện này đang có dáng vẻ của một câu chuyện đùa thâm hiểm. Tôi vẫn bị chấn động vì nó, tôi hút hết điếu thuốc này đến điếu thuốc khác, dù kho dự trữ chỉ còn lại rất hạn chế, và cứ mười lăm phút một lần tôi phải chạy vào nhà tiêu để xả ra một tấm lưới mảnh của thứ phân lỏng; mười phút sau khi xe chuyển bánh, tôi phải bảo tài xế dừng lại để chạy vội vào sau một đống tuyết; cái áo lông làm vướng tôi và tôi dây bẩn lên nó. Tôi cố sức dùng tuyết gột rửa, nhưng rốt cuộc chỉ làm cho những ngón tay cóng lại; quay trở lại xe, tôi ngồi nép sát vào cánh cửa và nhắm mắt lại để tìm cách xua đuổi tất cả những thứ đó. Tôi lục tìm trong những hình ảnh quá khứ của mình như thể trong một bộ bài cũ, để cố rút ra được điều gì đó ngõ hầu trở nên sống động trước mắt tôi trong một lúc: nhưng chúng tuột đi, tan rã hoặc nằm đó im lìm. Ngay cả hình ảnh em gái tôi, điều cuối cùng tôi viện đến, cũng giống như một bức tượng gỗ. Chỉ sự hiện diện của các sĩ quan khác mới ngăn được tôi không òa lên khóc một lần nữa.

Trước khi tôi đến nơi, tuyết lại tiếp tục rơi, và những bông tuyết nhảy múa trong làn không khí màu ghi xám, vui vẻ và nhẹ bẫng; và chỉ thêm một chút nữa thôi hẳn người ta có thể tin rằng thảo nguyên mênh mông trống rỗng và trắng xóa trên thực tế là một đất nước của những nàng tiên pha lê, vui vẻ và nhẹ bẫng như những bông tuyết, với nụ cười dịu dàng nở ra trong tiếng gió thổi; nhưng khi biết được rằng nó đã bị vấy bẩn bởi con người và bởi sự đau khổ cùng với nỗi hoang mang bấn thỉu của họ ảo ảnh liền tan biến. Ở Rakotino, cuối cùng tôi cũng tìm được Hohenegg trong một isba nhỏ bé thảm hại thụt hẳn xuống tuyết, đang gõ chiếc máy chữ xách tay trong ánh sáng của một ngọn nến cắm trong một cái đui của PAK. Ông ngẩng đầu lên nhưng không biểu lộ chút ngạc nhiên nào: "Kìa. Hauptsturmführer. Con gió tốt lành nào mang anh đến đây vậy?" – "Ông." Ông đặt bàn tay lên cái đầu hói của mình: "Tôi không biết là mình lại đáng thèm muốn đến thế đâu nhé. Nhưng tôi báo trước với anh: nếu anh bị ốm thì có đến đây cũng chỉ vô ích thôi. Tôi chỉ phụ trách những người

thập tử nhất sinh hết hy vọng cứu chữa." Tôi cố gắng lắm mới bình tâm lại được và tìm được một lời đáp trả: "Bác sĩ, tôi chỉ bị một chứng bệnh thôi, lây lan qua đường sinh dục và gây tử vong một cách không thể cứu chữa: sống." Ông bĩu môi: "Không những thấy anh hơi nhợt nhạt, mà tôi còn thấy anh rơi vào sự sáo mòn rồi đấy. Tôi từng biết anh trong bộ dạng khá hơn thế này. Tình trạng bị vây hãm không hợp với anh lắm rồi." Tôi cởi áo lông, treo nó lên một cái đinh, rồi không đợi được mời ngồi xuống một cái ghế băng thô kệch, lưng tựa vào vách tường. Căn phòng không ấm lắm, chỉ vừa đủ để ngăn chặn cái lạnh một chút; những ngón tay của Hohenegg có vẻ chuyển sang màu xanh. "Công việc của ông thế nào, bác sĩ?" Ông nhún vai: "Thường thôi. Tướng Renoldi đón tiếp tôi không được thân thiện lắm; có vẻ như là ông ta coi toàn bộ nhiệm vụ này là vô ích. Tôi không lấy thế làm bực mình nhưng vẫn sẽ thích hơn nếu ông ta phát biểu ý kiến khi tôi còn ở Novotcherkassk. Nói vậy thôi, ông ta nhầm đấy: tôi còn chưa xong việc, nhưng các kết quả ban đầu đã rất tuyệt rồi." – "Đó chính là chủ đề khiến tôi đến đây để thảo luận đấy." – "Bây giờ SD còn quan tâm đến vấn đề dinh dưỡng nữa à?" – "SD quan tâm đến mọi chuyện, bác sĩ ạ." – "Vậy thì đợi tôi viết xong báo cáo hẳng nhé. Rồi tôi sẽ đi tìm cái được gọi là xúp ở chỗ được gọi là nhà ăn, và chúng ta sẽ vừa làm ra vẻ vừa ăn vừa nói chuyện." Ông đập tay lên cái bụng tròn của mình: "Hiện tại thì chuyện này với tôi là một đợt điều trị đầy hữu ích. Nhưng không được để nó kéo dài lâu quá." – "Ít nhất thì ông cũng có dự trữ cơ mà." – "Chẳng có nghĩa lý gì đâu. Những kẻ gầy tinh tinh căng thẳng, như anh chẳng hạn, có vẻ trụ được lâu hơn những người béo khỏe. Để tôi làm việc đi. Anh không vội quá đấy chứ?" Tôi giơ hai tay lên: "Ông biết đấy, bác sĩ, nhìn vào tầm quan trọng vô song của những gì tôi đang làm vì tương lai nước Đức và vì đại đoàn số 6..." – "Đúng là điều tôi đã nghĩ mà. Trong trường hợp đó, anh sẽ qua đêm ở đây và sáng mai chúng ta sẽ cùng quay lại Goumrak."

Làng Rakotino lặng yên một cách kỳ lạ. Chúng tôi đang ở cách mặt trận chưa đầy một cây số, nhưng kể từ khi đến nơi tôi

chỉ nghe thấy vài tiếng súng nổ. Tiếng gõ lách cách của chiếc máy chữ vang lên trong sự im lặng đó và khiến cho nó càng gây hoang mang nhiều hơn. Ít nhất thì những cơn quặn ruột của tôi đã lắng xuống. Cuối cùng, Hohenegg xếp đống giấy tờ của mình vào một cái cặp, đứng dậy và đội một chiếc chapka rách tả tơi lên cái đầu tròn xoe của mình. "Đưa tôi số ăn của anh, tôi sẽ đi lấy xúp. Anh sẽ tìm thấy một ít củi bên cạnh lò sưởi: chè đi, nhưng dùng ít nhất có thể được thôi nhé. Chúng ta phải trụ được cho đến ngày mai với từng ấy củi đấy." Ông đi ra; tôi lại gần lò sưởi để nhóm lửa. Quả thực là đống gỗ dự trữ còn lại rất ít: vài thanh hàng rào ẩm, lẫn với mấy đầu mẩu dây thép gai. Cuối cùng tôi cũng chẩm được một mẩu gỗ sau khi đã chặt nhỏ nó ra. Hohenegg trở lại cùng một cà mèn xúp và một khoanh *Kommissbrot* lớn. "Tôi rất tiếc, ông nói, nhưng họ từ chối cấp cho anh một khẩu phần nếu không có lệnh viết tay của đại bản doanh quân đoàn thiết giáp. Chúng ta sẽ chia nhau vậy." – "Đừng lo, tôi trả lời, tôi đã dự kiến trước việc này rồi." Tôi đi đến chỗ cái áo lông và rút từ trong túi ra một mẩu bánh mì, những cái bánh ngọt khô và một hộp thịt. "Tuyệt diệu! ông kêu lên. Để hộp thịt lại cho tối nay đi, tối có một củ hành rồi: đó sẽ là một bữa đại tiệc. Cho bữa trưa thì tôi đã có cái này rồi." Ông rút từ túi xà cột của mình ra một mẩu thịt mỡ gói trong một mảnh giấy báo Xô viết. Bằng một con dao nhíp, ông cắt bánh thành nhiều lát và cũng cắt miếng thịt thành hai phần; ông đặt tất cả thẳng lên trên lò sưởi, cùng với cà mèn xúp. "Thứ lỗi nhé, tôi không có nồi." Trong khi miếng thịt cháy xèo xèo ông cất cái máy chữ nhỏ bé đi và trải miếng giấy báo lên mặt bàn. Chúng tôi ăn thịt mỡ kèm với những mẩu bánh mì đen đã hâm nóng lại: chất béo đã tan ra một chút ngấm vào miếng bánh dày cộp ăn rất ngon. Hohenegg đưa xúp cho tôi; tôi từ chối, lấy tay chỉ vào bụng. Ông nhướng lông mày: "Té re à?" Tôi gật đầu. "Cẩn thận với bệnh ly nhé. Lúc bình thường thì cũng không sao, nhưng ở đây nó làm người ta lăn ra chết trong vài ngày đấy. Người họ bị vét rỗng rồi chết." Ông giải thích cho tôi các biện pháp vệ sinh cần quan tâm. "Ở đây thì cũng hơi khó," tôi nêu nhận xét. – "Đúng

vậy," ông buồn bã công nhận. Trong khi chúng tôi kết thúc món bánh trộn thịt, ông nói với tôi về lũ rận và bệnh sốt chấy rận. "Đã có nhiều ca rồi, người ta tìm mọi cách để cách ly họ, ông nói. Nhưng sẽ không thể tránh được một đợt dịch đâu. Và khi đó sẽ là thảm họa. Người sẽ chết như ngả rạ." – "Theo tôi, giờ họ đã chết quá nhanh chóng rồi." – "Anh có biết các *tovarichtchi* của chúng ta làm gì không, bây giờ, trên mặt trận của sư đoàn ấy? Chúng phát băng thu những tiếng *tíc tắc, tíc tắc* của một cái đồng hồ treo tường, nghe rất to, rồi một giọng nói thê lương cất lên bằng tiếng Đức: "Cứ bảy giây lại có một người Đức chết trên đất Nga!" Rồi lại là những tiếng *tíc tắc, tíc tắc*. Chúng bật cái đó hàng giờ liền. Nghe rất rùng rợn." Với những người đang thối rữa đi vì lạnh và đói, bị loài sâu bọ ăn mòn dần, chôn mình ở tận cùng những boongke phủ đầy tuyết và đất lạnh, tôi có thể hình dung được mọi thứ đáng sợ như thế nào, ngay cả khi con số đó đã bị phóng đại, như chúng ta đều đã biết, nếu so sánh với số liệu tôi đưa ra ở ngay đầu cuốn sách hồi ức này. Đến lượt mình, tôi kể cho Hohenegg câu chuyện về những kẻ ăn thịt người gớm ghiếc. Lời bình luận duy nhất của ông là: "Nếu phải phán xét qua các Hiwi mà tôi đã từng khám, thì hẳn là họ cũng không no được lắm đâu." Chuyện này đưa tôi thẳng đến mục đích chuyến đi của mình. "Tôi chưa đi được hết các sư đoàn, ông nói với tôi, và có những khác biệt mà tôi còn chưa tìm ra được cách giải thích. Nhưng tôi đã thực hiện khoảng ba mươi cuộc khám nghiệm tử thi và các kết quả là không thể chối bỏ được: gần một nửa có những triệu chứng thiếu ăn trầm trọng. Nhìn chung là gần như không còn chút mỡ nào ở dưới da và xung quanh các cơ quan nội tạng; thất thoát gelatin trong màng ruột; gan bị nghẽn, các bộ phận xanh nhợt và thiếu máu trầm trọng; tủy xương màu đỏ và vàng được thay thế bởi một thứ chất trong suốt; cơ tim teo đi, nhưng lại đi kèm với một sự giãn nở của tâm thất và tiểu nhĩ phải. Nói theo ngôn ngữ bình thường, cơ thể của họ, không còn lại gì để duy trì các chức năng cốt yếu, tự ngấu nghiến chính nó để tìm được lượng calo cần thiết; khi không còn gì nữa, mọi thứ sẽ dừng lại, như một chiếc

ôtô bị hỏng không nổ được máy nữa ấy. Đó là một hiện tượng được biết đến nhiều rồi: nhưng điều đáng ngạc nhiên ở đây là mặc dù có sự giảm sút nghiêm trọng về khẩu phần thì vẫn còn quá sớm để có đến từng ấy số lượng các ca. Tất cả các sĩ quan đều đảm bảo với tôi rằng việc tiếp tế lương thực được tập trung trong tay AOK và các sĩ quan đều nhận được khẩu phần chính thức. Lúc này khẩu phần đó ở mức gần được 1000 calo một ngày. Như vậy là quá ít, nhưng vẫn còn là cái gì đó; chắc chắn là người ta trở nên yếu ớt hơn, dễ bị mắc các chứng bệnh và dễ bị nhiễm trùng hơn, nhưng họ chưa thể chết đói được. Chính vì vậy mà các đồng nghiệp của tôi đang tìm một cách giải thích khác: họ nói đến *sự kiệt sức*, đến *suy kiệt*, đến *sốc tâm lý*. Nhưng tất cả những cái đó đều mơ hồ và không mấy thuyết phục. Những cuộc giải phẫu tử thi của tôi thì không nói dối được." – "Vậy ông nghĩ thế nào?" – "Tôi không biết. Hẳn là phải có cả một mớ những lý do, rất khó phân tách trong hoàn cảnh này. Tôi ngờ rằng khả năng một số cơ quan có chức năng phân hủy các loại thức ăn theo đúng cách, hoặc là tiêu hóa chúng nếu anh muốn, bị suy yếu do các nhân tố khác như là sự căng thẳng hoặc thiếu ngủ. Dĩ nhiên là có những trường hợp hết sức hiển nhiên: nhiều người bị những cơn tiêu chảy nặng đến mức một chút đồ ăn ít ỏi mà họ hấp thụ không nằm lại lâu trong dạ dày và gần như cứ nguyên xi mà chạy ra ngoài; đây chủ yếu là trường hợp của những người gần như không ăn gì khác nữa ngoài món *Wassersuppe*. Một số thức ăn mà người ta phân phát cho lính tráng thậm chí còn có độc; như món thịt hộp của anh chẳng hạn, rất nhiều mỡ, đôi khi có thể giết chết những người chỉ ăn bánh mì và xúp trong suốt nhiều tuần liền; cơ quan nội tạng của họ không chịu nổi cú sốc đó, tim phải bơm máu quá nhanh và là luôn ra. Còn cả món bơ nữa, cái thứ vẫn còn đến được đây: nó được giao thành từng khối đóng băng, và, trên thảo nguyên, các Landser không có gì để nhóm lửa, nên họ phải lấy rìu ra đập và mút từng mẩu. Cái đó gây ra những cơn tiêu chảy kinh hoàng làm người ta chết rất nhanh chóng. Nếu anh muốn biết tất cả, thì phần lớn những cái xác mà tôi nhận được

đều có quần vẫn dính đầy phân, thật may là phân đó cũng đã đóng băng lại: đến lúc kết cục, họ yếu đến mức không còn có đủ sức đủ chỉ để kéo quần xuống. Và hãy nhớ rằng đó là những cái xác lấy về từ các chiến tuyến, chứ không phải là tại các bệnh viện. Tóm lại, để quay trở lại giả thuyết của tôi, sẽ rất khó để chứng minh nó, nhưng với tôi nó rất đúng. Bản thân sự chuyển hóa cũng bị nhiễm lạnh và mệt mỏi đến mức không còn hoạt động một cách chuẩn mực được nữa." – "Thế còn nỗi sợ?" – "Cả nỗi sợ nữa chứ, tất nhiên rồi. Người ta đã từng thấy điều này trong Thế chiến thứ nhất: dưới một số cuộc oanh tạc đặc biệt dữ dội, tim bị suy; người ta tìm được những người còn trẻ, ăn uống đầy đủ, sức khỏe tốt, chết mà không có vết thương nào trên người. Nhưng ở đây tôi sẽ nói rằng đó là một yếu tố gia tăng, chứ không phải là nguyên do đầu tiên. Lại thêm một lần nữa, tôi sẽ phải tiếp tục các nghiên cứu của mình. Hẳn là việc này sẽ không có ích gì lắm cho đại đoàn số 6 đâu, nhưng tôi được ve vuốt với ý nghĩ điều đó sẽ phục vụ cho khoa học, và đó chính là thứ giúp được tôi tỉnh dậy vào mỗi buổi sáng; cái đó, và cái thứ *saliout* không bao giờ vắng hẹn từ những người bạn bên kia bờ chiến tuyến của chúng ta. Cái *Kessel* này, trên thực tế, là cả một phòng thí nghiệm khổng lồ. Một thiên đường thực thụ cho một nhà nghiên cứu. Trong tay tôi có đủ số lượng xác chết mà tôi muốn, được bảo quản một cách tuyệt vời, ngay cả khi có lúc cũng hơi khó khăn trong việc rã đông chúng. Tôi phải bắt các trợ tá tội nghiệp qua đêm cùng với chúng bên cạnh lò sưởi, để có thể lật chúng một cách đều đặn. Hôm trước, ở Babourkine, một trong số họ ngủ quên mất; sáng hôm sau, tôi thấy đối tượng nghiên cứu của mình đông cứng ở một phía và bị nướng chín ở phía bên kia. Giờ thì đi thôi, sắp đến giờ rồi." – "Giờ à? Giờ gì?" – "Anh sẽ thấy." Hohenegg vơ lấy cái cặp và mấy đánh chữ và choàng áo măng tô; trước khi đi ra, ông thổi tắt nến. Bên ngoài, trời đã tối. Tôi đi theo ông đến một *balka* phía sau làng nơi ông chụm hai chân nhảy vào một boongke gần như vô hình dưới lớp tuyết. Ba sĩ quan đang ngồi trên những ghế đẩu nhỏ quanh một ngọn nến. "Meine Herren, xin chào, Hohenegg

nói. Tôi xin giới thiệu với các anh Hauptsturmführer tiến sĩ Aue, người đã rất tử tế khi lặn lội đến thăm chúng ta." Tôi bắt tay các sĩ quan và, vì không còn ghế nào, ngồi luôn xuống mặt đất lạnh giá, lên trên cái áo lông. Mặc dù có lớp lông dày tôi vẫn cảm thấy lạnh. "Viên chỉ huy Xô viết trước mặt chúng ta là một người đúng giờ đáng ngạc nhiên, Hohenegg giải thích với tôi. Ngày nào cũng vậy, kể từ giữa tháng đến giờ, hắn ta tưới đạn ba lần lên chỗ này, vào đúng năm giờ ba mươi, mười một giờ, và mười sáu giờ ba mươi. Giữa đó thì không có gì hết, ngoài vài phát moocchiê. Như thế là rất tiện để làm việc." Quả thực, ba phút sau, tôi nghe thấy tiếng rít lanh lảnh, đi kèm với một loạt những tiếng nổ rền vang ngay sát gần, cùng một tràng "những cây đàn organ của Stalin". Cả boongke rung lên, tuyết rơi xuống phủ gần hết lối vào, những mẩu đất từ trên trần ào ào đổ xuống. Ánh sáng yếu ớt của ngọn nến run rẩy, phóng ra những cái bóng ma quái trên những khuôn mặt kiệt sức, râu ria tua tủa của các sĩ quan. Những tràng đạn khác tiếp liền sau, được điểm xuyết bởi những tiếng nổ đanh hơn của đạn pháo xe tăng hoặc pháo binh. Tiếng ồn đinh tai nhức óc, ghê gớm, với một đời sống riêng, chiếm lĩnh bầu không khí và ép chặt lên lối vào đã bị bít mất một phần của boongke. Tôi kinh hoàng với ý nghĩ mình thiếu điều thì bị chôn sống, tôi những muốn vùng bỏ chạy, nhưng kìm lại được. Sau mười phút đợt pháo đột nhiên ngừng bặt. Nhưng tiếng ồn, sự hiện diện và sức ép của nó, phải mất một lúc mới rút và tan đi. Mùi hắc của thuốc nổ xộc thẳng vào mũi và mắt. Một trong số các sĩ quan ra dùng tay dọn tuyết ở lối vào boongke và chúng tôi bò ra ngoài. Phía trên *balka*, ngôi làng có vẻ như đã bị nghiền nát, thối bay như vừa dính một cơn bão; các isba bốc cháy, nhưng tôi nhanh chóng nhận ra chỉ vài ngôi nhà bị trúng đạn: chỗ đạn pháo vừa nãy nhằm vào các cứ điểm. "Vấn đề duy nhất, Hohenegg vừa lấy tay phủi đất và tuyết dính trên áo lông của tôi vừa bình luận, là chúng không bao giờ nhằm vào cùng một chỗ. Nếu chúng làm thế thì còn thuận tiện hơn nữa. Giờ chúng ta thử đi xem liệu nơi trú ẩn có làm sao không nào." Túp lều vẫn đứng vững; thậm chí lò sưởi vẫn còn

liu riu. "Các ông có muốn đến uống một cốc trà không?" một sĩ quan đi cùng chúng tôi đề nghị. Chúng tôi đi theo anh ta đến một isba khác, bị một cái vách chia ra làm hai phần; căn phòng thứ nhất, nơi đã có hai người đang ngồi, cũng được trang bị một cái lò sưởi. "Ở đây, trong làng, thì ổn thôi, viên sĩ quan nhận xét. Sau mỗi đợt bắn phá là chúng tôi lại tìm được thêm củi. Nhưng những người ở chiến tuyến thì không có gì đâu. Chỉ cần bị một vết thương nhỏ xíu là họ đã chết vì cú sốc và những vết cước do mất máu gây ra. Hiếm khi nào người ta kịp sơ tán họ về một bệnh viện." Một người khác đun "trà", đồ thế phẩm Schlüter. Cả ba đều là Leutnant hoặc Oberleutnant, còn rất trẻ; họ chuyển động và nói năng chậm rãi, gần như lãnh đạm. Người đun trà mang một huân chương Thập tự Sắt. Tôi mời họ hút thuốc: việc này gây ra ở họ cùng những hiệu ứng như ở viên sĩ quan Croatia đợt trước. Một trong số họ rút ra một bộ bài bẩn thỉu: "Các ông chơi không?" Tôi lắc đầu, nhưng Hohenegg nhận lời, và ông chia bài cho một ván skat. "Những cây bài, những điếu thuốc lá, nước trà..., người thứ ba, cho đến lúc đó vẫn chưa nói gì, cười khẩy. Người ta có thể nghĩ là đang ở nhà." – "Trước đây, người đầu tiên nói với tôi, chúng tôi chơi cờ. Nhưng giờ thì không đủ sức nữa rồi." Viên sĩ quan mang Thập tự Sắt rót trà vào những cái cốc xù xì. "Tôi rất tiếc, không có sữa đâu. Cũng chẳng còn đường." Chúng tôi uống trà và họ bắt đầu chơi. Một viên hạ sĩ quan bước vào và hạ giọng nói gì đó với viên sĩ quan mang Thập tự Sắt. "Trong làng, viên sĩ quan tuyên bố, giọng có vẻ cà khịa, bốn chết, mười ba bị thương. Đại đội 2 và 3 cũng dính." Anh ta quay sang tôi với dáng vẻ vừa tức tối vừa chân nản: "Ông là người phụ trách về thông tin, Herr Hauptsturmführer, liệu ông có thể giải thích cho tôi một điều không? Chúng lấy đâu ra tất cả chỗ vũ khí đó, những khẩu pháo và những viên đạn ấy? Chúng ta đã đánh dồn và đuổi theo chúng từ một năm rưỡi nay cơ mà. Chúng ta đã đuổi chúng từ Bug bật về sông Volga, chúng ta đã phá hủy các thành phố của chúng, đã san phẳng các nhà máy của chúng... Vậy thì chúng kiếm đâu ra được tất cả đống xe tăng và đại bác khốn kiếp

đó?" Anh ta đã gần như bật khóc. "Tôi không phụ trách loại thông tin đó, tôi bình tĩnh giải thích. Tiềm năng quân sự của kẻ thù là việc của Abwehr và của *Fremde Heere Ost*. Theo tôi, ngay từ đầu nó đã bị đánh giá quá thấp. Và rồi, chúng đã di chuyển được rất nhiều nhà máy. Khả năng sản xuất của chúng, ở Oural, có vẻ như là rất đáng kể." Viên sĩ quan có vẻ muốn tiếp tục cuộc nói chuyện, nhưng rõ ràng là đã quá mệt mỏi. Anh ta tiếp tục im lặng chơi bài. Một lúc sau, tôi hỏi họ tình hình tuyên truyền nhằm gây nhụt chí của bên Nga ra sao. Người đã mời chúng tôi vào đây đứng dậy, đi vòng ra sau vách ngăn, rồi mang lại cho tôi hai tờ giấy to. "Chúng đã gửi sang cái này." Một trong hai tờ giấy là một bài thơ đơn giản viết bằng tiếng Đức, tên là *Hãy nghĩ đến con anh!* Và ký tên một người nào đó tên là Erich Weinert; tờ kia kết thúc bằng câu trích dẫn: *Nếu những người lính và sĩ quan Đức đầu hàng, Hồng quân phải nhận họ làm tù binh và tha mạng sống cho họ (lệnh số 55 của Ủy viên quốc phòng J. Stalin).* Đó là một tác phẩm khá cao cấp: ngôn từ và cách trình bày rất cẩn thận. "Thế có hiệu quả gì không?" tôi hỏi. Các sĩ quan nhìn nhau. "Thật không may là có," cuối cùng người thứ ba nói. – "Không thể ngăn cản người ta đọc chúng được," người mang Thập tự Sắt lên tiếng. – "Mới đây, người thứ ba lại nói, trong một cuộc tấn công, một đơn vị đã can thiệp kịp thời và ngăn được đợt xung phong. Cuối cùng chúng ta đã đẩy lui được bọn Đỏ, chúng không bắt được tù binh mang theo. Nhiều người trong số chúng đã bị giết trong trận đánh; người ta đã bắn chết những tên khác." Viên Leutnant mang Thập tự Sắt ném sang anh ta một cái nhìn đen tối và anh ta ngừng nói. "Tôi giữ chúng được không?" tôi hỏi, lấy tay chỉ vào hai tờ giấy. – "Nếu ông muốn. Chúng tôi giữ chúng vì có một mục đích rõ ràng." Tôi gấp chúng lại và cho vào túi áo varoi. Hohenegg chơi hết ván bài và đứng dậy: "Chúng ta đi chứ?" Chúng tôi cảm ơn ba viên sĩ quan và quay trở lại isba của Hohenegg, nơi tôi chuẩn bị một bữa ăn nhỏ với hộp thịt và mấy lát hành nướng. "Tôi rất tiếc, Hauptsturmführer, nhưng tôi để chai cognac lại Goumrak mất rồi." – "A, thôi thì để lần khác vậy." Chúng tôi nói về mấy

viên sĩ quan; Hohenegg kể cho tôi những ám ảnh kỳ lạ ở một số người, tay Oberstleutnant của sư đoàn số 44 đã cho phá sập toàn bộ một isba có khoảng chục người của anh ta đang trú ở trong, để đun nước tắm, rồi, sau khi đã ngâm nước và cạo râu chán chê, mặc lại bộ quân phục và tự bắn một viên đạn vào miệng. "Nhưng bác sĩ ạ, tôi nêu nhận xét, chắc chắn ông biết rằng trong tiếng Latinh từ *vây hãm* là *obsidere*, ám ảnh. Stalingrad là một thành phố bị ám ảnh." – "Đúng vậy. Thôi đi ngủ nào. Đồng hồ báo thức buổi sáng cũng hơi ồn ào quá đáng đấy." Hohenegg có một ổ rơm và một túi ngủ; ông tìm được cho tôi hai cái chăn và tôi cuộn tròn người trong cái áo lông. "Anh phải đến xem bản doanh ở Goumrak của tôi mới được, ông vừa nằm dài ra vừa nói. Tôi có một boongke với tường bằng gỗ, được sưởi ấm rất tốt, và khăn trải giường sạch. Đồ xa xỉ đấy." Khăn trải giường sạch: đây rồi, tôi tự nhủ, đó chính là những gì người ta mơ đến. Một lần được tắm nước nóng và nằm trên khăn trải giường sạch. Liệu có thể có chuyện tôi sẽ chết trước khi được tắm một lần không? Có chứ, rất có thể, và nhìn vào isba của Hohenegg thì điều này thậm chí là đầy khả năng. Thêm một lần nữa, một cơn thèm khóc to lớn lại xâm chiếm lấy tôi. Giờ đây điều này thường xuyên xảy đến.

Quay trở lại Stalingrad, với các số liệu do Hohenegg cung cấp, tôi viết một bản báo cáo khiến cho, theo lời Thomas, Möritz bị chấn động: ông ta đã đọc nó một lèo, anh kể lại, rồi gửi nó đi luôn mà không kèm thêm lời bình luận nào. Thomas muốn chuyển thẳng nó về Berlin. "Cậu có thể làm được việc đó mà không cần sự cho phép của Möritz à?" tôi hỏi anh đầy ngạc nhiên. Thomas nhún vai: "Tớ là sĩ quan của *Staatspolizei*, chứ không phải *Geheime Feldpolizei*. Tớ làm những gì tớ muốn." Quả thực, tôi đã nhận ra, tất cả chúng tôi đều ít nhiều được tự chủ. Hiếm khi lắm Möritz mới ra cho tôi các chỉ thị chính xác, và thường thì tôi tự mình quyết định lấy. Tôi đã từng tự hỏi rất nhiều tại sao ông ta lại đưa mình đến đây. Thomas thì vẫn giữ các liên hệ trực tiếp

với Berlin, tôi không biết rõ lắm là thông qua kênh nào, và có vẻ như là lúc nào cũng biết chắc được bước tiếp theo. Trong những tháng đầu tiên thành phố bị chiếm đóng, SP, cùng với các Feldgendarm, đã thanh toán người Do Thái và bọn cộng sản; rồi họ đã tiến hành sơ tán phần lớn dân thường và gửi về Đức những người trong độ tuổi lao động, tổng cộng gần sáu mươi lăm nghìn, cho *Aktion* Sauckel. Nhưng cả họ giờ cũng có ít việc để làm. Tuy nhiên Thomas lại có vẻ bận rộn; ngày qua ngày, anh nuôi các Ic của mình bằng thuốc lá và đồ hộp. Tôi quyết định, vì không làm được gì khá khẩm hơn, tổ chức lại hệ thống các thông tin viên thường dân mà tôi được thừa hưởng. Tôi cắt bớt thực phẩm của những người mà tôi thấy có vẻ vô dụng, và tuyên bố với những người khác là tôi chờ đợi ở họ nhiều hơn. Theo một gợi ý của Ivan, tôi cùng một *Dolmetscher* đến thăm những căn hầm của các tòa nhà bị phá hủy ở khu trung tâm: ở đó có những người đàn bà nhiều tuổi biết rất nhiều chuyện, nhưng không chịu di chuyển. Phần lớn họ căm ghét chúng tôi, và sốt ruột chờ đợi sự trở lại của các *nashi*, "người của ta"; nhưng vài củ khoai tây, và nhất là ham muốn có được ai đó để trò chuyện, là đủ để khiến lưỡi họ hoạt động. Theo quan điểm quân sự thì họ không mang lại gì cả; nhưng họ đã sống hàng tháng ngay sau chiến tuyến của quân Xô viết, và nói rất hùng hồn về tinh thần lính tráng, về sự can đảm, về lòng tin của họ vào nước Nga, và cả về những hy vọng to lớn mà chiến tranh có thể mang lại cho dân tộc, và cũng là những điều người ta tranh luận công khai, thậm chí cả với các sĩ quan: tự do hóa chế độ, phá hủy các nông trường quốc doanh và nông trường tập thể, bỏ sổ lao động vốn là thứ ngăn trở đi lại. Một trong số các bà già đó, Macha, xúc động miêu tả cho tôi tướng Tchouikov của họ, mà bà ta đã gọi là "người anh hùng của Stalingrad": kể từ khi nổ ra các trận đánh ông ta chưa hề rời khỏi vùng hữu ngạn; buổi tối khi chúng tôi đốt cháy những kho dự trữ dầu, ông ta vừa vặn trốn kịp lên một chỏm núi đá, và đã qua đêm giữa biển lửa mà không hề nhăn mày; người ta chỉ còn cất lời thề vì ông ta; về phần mình, đây là lần đầu tiên tôi nghe thấy cái tên

đó. Với những người đàn bà này, tôi cũng biết thêm rất nhiều về các Landser của chúng tôi: nhiều người trong số họ từng đến trú vài giờ ở nhà họ, ăn uống một chút, nói chuyện, ngủ. Vùng mặt trận này là một đống hỗn độn khủng khiếp của các tòa nhà đổ sập, thường xuyên bị pháo Nga rót vào, thỉnh thoảng người ta còn có thể nghe thấy tiếng chúng xuất phát từ bên kia bờ sông Volga; được Ivan, người có vẻ như biết hết tất cả các ngóc ngách của thành phố, dẫn đường, tôi gần như chỉ còn sống dưới lòng đất, chuyển từ căn hầm này sang căn hầm khác, thậm chí đôi khi còn bò theo hệ thống cống ngầm. Ngược lại, ở những chỗ khác, người ta đi lại giữa các tầng nhà, vì những lý do huyền bí Ivan thấy cách thức đó an toàn hơn, chúng tôi đi ngang qua những căn hộ với những mẩu riđô cháy sém, trần loang lổ và đen kịt lại, tường trơ gạch sau giấy bồi và vữa thủng lỗ chỗ, vẫn còn chật cứng xác những cái giường mạ kền, đivăng lồng chỏng, tủ và đồ chơi trẻ con; rồi đến những thanh gỗ gắn trên những cái lỗ toác miệng, các hành lang phơi mình ra nơi người ta phải bò bốn chân, và khắp nơi là những viên gạch nham nhở như vải đăngten. Có vẻ như là Ivan không đoái hoài gì đến pháo binh nhưng lại mang trong người một nỗi sợ đầy mê tín dành cho những tay súng bắn tỉa; với tôi thì ngược lại, các vụ nổ làm tôi hoảng sợ, tôi luôn phải cố gắng hết sức để không co rúm người lại; còn đối với các tay súng thì tôi không quan tâm, nguyên do là vì còn chưa biết gì và thường xuyên Ivan phải kéo mạnh tôi chạy khỏi một chỗ hẳn là trơ trọi hơn nhưng với tôi thì giống hệt như những chỗ khác. Cả anh ta cũng khẳng định phần lớn những tay súng đó là phụ nữ, cả anh ta cũng nói là đã tận mắt mình trông thấy xác người nổi tiếng nhất trong số họ, một nữ vô địch Đại hội thể thao toàn Liên Xô năm 1936; và tuy thế anh ta chưa bao giờ nghe nói đến người Sarmate vùng hạ Volga, theo Hérodote là hậu duệ của những cuộc hôn nhân giữa người Scythe và các nữ chiến binh Amazon những người gửi phụ nữ của mình đi chiến đấu với đàn ông, và xây dựng các gò mộ khổng lồ như ngọn đồi của các Mamai. Trong khung cảnh bị tàn phá và hoang vắng đó, tôi cũng gặp những

người lính; một số nói chuyện với tôi về thù địch, những người khác một cách thân thiện, lại có những người bàng quan; họ kể về *Rattenkrieg*, "cuộc chiến của những con chuột cống" để chiếm lấy những đống đổ nát này, nơi mỗi hành lang, mỗi trần nhà, mỗi bức tường đều là một chiến tuyến, nơi người ta điên cuồng ném lựu đạn sang nhau trong làn khói bụi, nơi những người sống ngạt thở trong sức nóng của các trận cháy, nơi những người chết nằm đầy các cầu thang, thềm nhà, ngưỡng cửa của các căn hộ, nơi người ta đánh mất toàn bộ khái niệm thời gian và không gian và nơi cuộc chiến tranh gần như trở thành một ván cờ trừu tượng, ba chiều. Chính bằng cách đó mà các toán quân của chúng tôi thỉnh thoảng tiến đến sát sông Volga, chỉ còn cách ba hoặc hai phố, nhưng không bao giờ hơn được nữa. Giờ đây đã đến lượt người Nga: ngày nào cũng vậy, thường là vào lúc sáng sớm và buổi tối, họ tung những cuộc tấn công khủng khiếp vào các cứ điểm của chúng tôi, nhất là ở khu vực các nhà máy, nhưng cũng có cả ở khu trung tâm nữa; đạn dược của các đại đội, được phân chia chặt chẽ theo định mức, sụt giảm, và sau trận đánh những người sống sót nặng nề sụp xuống; ban ngày, người Nga đi lại thoải mái vì biết người của chúng tôi không được phép bắn. Trong những căn hầm, chất đống lại với nhau, họ sống dưới những tấm thảm chuột cống đã mất đi toàn bộ sự e ngại, chạy lung tung trên người sống cũng như người chết và, đêm xuống, đến gặm tai, mũi hoặc ngón chân của những người đói khát đang say ngủ. Một hôm, tôi đang ở tầng ba một tòa nhà thì một viên đạn moocchiê nhỏ nổ trên phố; một lúc sau, tôi nghe thấy một trận cười điên loạn thực sự. Tôi nhìn ra ngoài cửa sổ và thấy một nửa thân người phía trên nằm giữa đống gạch vữa: một người lính Đức, hai chân bị viên đạn phạt đứt, đang cười to hết cỡ. Tôi nhìn và anh ta không ngừng cười giữa một vũng máu đang chảy rộng dần ra giữa những mảnh vụn. Cảnh tượng này làm tôi thấy gai người, lòng ruột tôi quặn thắt lại; tôi hét bảo Ivan đi ra và tụt ngay quần xuống giữa phòng khách. Trong khi đi lại, khi bị quặn ruột, tôi ỉa ở bất kỳ đâu, trong các hành lang, những cái bếp, các phòng ngủ, thậm

chí, khi tình cờ bắt gặp giữa đống đổ nát, ngồi xuống một bồn cầu, không phải lúc nào cũng được gắn vào một đường ống nước, thực sự là như vậy. Các tòa nhà lớn bị phá hủy này, nơi mới hè trước hàng nghìn gia đình vẫn còn sống cuộc sống bình thường, tầm thường của các gia đình, không mảy may nghi ngờ rằng người ta sắp ngủ sáu người liền trên giường ngủ vợ chồng của họ, chùi đít bằng ridô hoặc khăn trải giường của họ, giết nhau bằng những nhát xẻng trong bếp của họ, và dồn đống xác người bị giết vào bồn tắm của họ, những tòa nhà đó làm tràn ngập trong tôi một nỗi hoang mang vô vọng và cay đắng; và qua nỗi hoang mang đó những hình ảnh của quá khứ trỗi lên như những người chết đuối sau một vụ đắm tàu, từng cái một, ngày càng với tần suất cao hơn. Đó là những kỷ niệm thường xuyên thảm hại. Vậy là, hai tháng sau khi chúng tôi đến nhà Moreau, trước khi lên mười một tuổi một chút, mẹ tôi, dịp khai trường, đã cho tôi vào một khu nội trú tại Nice, viện cớ là ở Antibes không có trường tốt nào. Đó không phải là một ngôi trường khủng khiếp, giáo viên đều là những người bình thường (sau này, ở chỗ các ông thầy tu, tôi sẽ nuối tiếc nơi này biết bao nhiêu!); tôi về nhà vào các chiều thứ Năm và dịp cuối tuần; tuy vậy, tôi căm ghét nó. Tôi đã quyết định không quay trở lại làm cái đích ngắm yêu thích của lòng ghen tị và sự độc ác của những đứa trẻ khác, như hồi còn ở Kiel; việc hồi đầu tôi vẫn giữ một chút âm sắc Đức khiến cho tôi càng trở nên lo lắng hơn; cho đến giờ, khi ở nhà mẹ tôi vẫn nói chuyện với chúng tôi bằng tiếng Pháp, nhưng trước khi đến Antibes chúng tôi chưa bao giờ luyện nói cả. Ngoài ra tôi rất gầy gò nhỏ bé so với tuổi. Để bù lại, tôi tự vun trồng cho mình, dù không ý thức được điều đó, một thái độ xấu xa và đầy mỉa mai, chắc chắn là giả tạo, mà tôi dùng để chống lại các giáo viên. Tôi trở thành thằng hề của lớp; tôi cắt ngang bài giảng bằng những lời bình luận hoặc những câu hỏi đều cáng khiến cho các bạn tôi hú hét lên một sự vui sướng xấu xa; tôi dàn dựng những vở kịch hài đầy toan tính, và đôi khi tàn bạo. Một thầy giáo đặc biệt hay trở thành nạn nhân của tôi, một người tốt bụng và hơi nữ tính dạy tiếng

Anh, mang một cái nơ hình con bướm, và bị đồn rằng có những cách cư xử mà, cũng như tất cả những người khác, khi đó tôi coi là bẩn thỉu, dù không hề biết là gì. Vì những lý do đó, và bởi vì ông ta có một bản chất yếu đuối, tôi đã biến ông ta thành người bị bắt nạt, và tôi đều đặn làm nhục ông ta trước lớp, cho đến một ngày, bị một cơn giận dữ điên rồ và bất lực xâm chiếm, ông ta tát tôi. Nhiều năm sau này, kỷ niệm đó vẫn làm tôi thấy người thất lại vì tủi hổ, vì đã từ lâu tôi hiểu ra rằng tôi đã sử dụng người đàn ông khốn khổ này, giống như những kẻ thô lỗ bẩn thỉu đối xử với tôi, không chút hối hận, cho niềm thích thú xấu xa được chứng tỏ một sự vượt trội đầy ảo tưởng. Chắc chắn đó là cái lợi thế to lớn của những kẻ mà người ta gọi là mạnh đối với những kẻ yếu: cả hai bên đều bị giam giữ trong niềm hoang mang, nỗi sợ hãi, sự nghi ngờ, nhưng những kẻ yếu biết được điều đó để mà làm suy yếu kẻ kia, trong khi những kẻ mạnh thì không nhìn thấy và, để xây cao hơn nữa bức tường bảo vệ mình khỏi sự trống rỗng không đáy đó, quay ra chống lại những kẻ kia, mà sự mong manh quá rõ đe dọa sự chắc chắn mong manh. Chính bằng cách đó mà những kẻ yếu đe dọa những kẻ mạnh và kích động sự hung bạo và giết chóc đã đập vào họ không thương xót. Và chỉ khi nào sự hung bạo mù quáng và không thể cưỡng lại quay sang đập vào những kẻ mạnh thì bức tường chắc chắn của họ mới rạn nứt: chỉ khi đó họ mới nhận ra những gì đang chờ đợi mình, và thấy rằng họ đã tiêu rồi. Đó là điều xảy đến với tất cả những con người của đại đoàn số 6 này, những người kiêu hãnh là vậy, cao ngạo là vậy khi nghiền nát các sư đoàn Nga, cưỡng đoạt những người dân thường, loại bỏ những kẻ bị tình nghi như thể người ta đập nát bép lũ muỗi: giờ đây, cùng với pháo binh và những tay súng bắn tỉa Xô viết, cái lạnh, những thứ bệnh tật và cái đói, chính sự dâng lên chậm chạp của cơn sóng lòng bên trong đang giết chết họ. Cả trong tôi nó cũng dâng lên, hắc và hôi thối như thứ phân có mùi rất nhẹ chảy ra thành từng đợt từ đám lòng ruột. Một cuộc gặp kỳ lạ mà Thomas tổ chức cho tôi chỉ cho tôi thấy điều đó một cách hết sức sáng rõ. "Tôi muốn cậu nói chuyện với một người," anh

yêu cầu tôi, đầu thò vào cái góc chật hẹp mà tôi dùng làm phòng làm việc. Chuyện đó đã xảy ra, tôi chắc chắn như vậy, vào ngày cuối năm 1942. "Ai thế?" – "Một *politrouk* bắt được gần các nhà máy ngày hôm qua. Bọn tớ đã dùng hết cách rồi, cả bên Abwehr cũng vậy, nhưng tớ tự nhủ là sẽ rất thú vị nếu để cậu nói chuyện với hắn ta về ý thức hệ, ngó một chút xem chúng có gì trong đầu, những ngày này, ở phía bên kia. Cậu có một đầu óc tinh tế, cậu sẽ làm được việc đó tốt hơn tớ. Hắn ta nói tiếng Đức giỏi lắm." – "Nếu cậu nghĩ chuyện đó là cần thiết." – "Đừng mất thời gian với những vấn đề quân sự: bọn tớ đã lo xong rồi." – "Hắn có nói không?" Thomas nhún vai và dịu dàng mỉm cười: "Không hoàn toàn. Hắn không còn trẻ lắm, nhưng rất lực lưỡng. Có thể sau này chúng ta sẽ còn sử dụng đến hắn." – "A, tớ hiểu rồi: cậu muốn tớ làm hắn mềm ra một chút." – "Chính xác. Lên lớp cho hắn đi, nói cho hắn về tương lai của các con hắn ấy."

Một người Ukraine dẫn người đàn ông bị còng tay vào. Ông ta mặc một cái áo vest ngắn màu vàng bẩn thỉu của lính xe tăng, ống tay phải tuột chỉ; khuôn mặt bị lột da hoàn toàn ở một bên, như thể bị nạo; phía bên kia, một khối tụ máu xanh nhợt gần như che hết mắt; nhưng hẳn là ông ta vừa cạo râu xong trước khi bị bắt. Người Ukraine thô bạo xô ông ta ngồi xuống một cái ghế học sinh nhỏ đặt trước bàn làm việc của tôi. "Mở còng cho anh ta, tôi ra lệnh. Và ra ngoài hành lang đợi đi." Người Ukraine nhún vai, tháo còng, và đi ra. Chính ủy xoa xoa cổ tay. "Rất đáng mến, những kẻ phản quốc của chúng tôi, phải không nào?" ông ta vui vẻ nói. Mặc dù có âm sắc nước ngoài, tiếng Đức của ông ta vẫn rất rõ ràng. "Các anh có thể mang theo chúng khi đi khỏi đây." – "Chúng tôi sẽ không đi," tôi lạnh lùng nói. – "A, thế thì càng tốt. Như vậy thì càng đỡ cho chúng tôi phải đuổi theo để bắn các anh." – "Tôi là Hauptsturmführer tiến sĩ Aue, tôi nói. Còn anh?" Ông ta hơi cúi người trên ghế: "Pravdine, Ilia Semionovich, xin được phục vụ." Tôi rút một trong những bao thuốc lá cuối cùng của mình ra: "Anh có hút không?" Ông ta mỉm cười, để lộ hàm răng thiếu hai cái: "Tại sao lúc nào bọn cớm cũng mời thuốc lá thế

nhỉ? Lần nào bị bắt người ta cũng mời tôi hút thuốc. Nói vậy thôi, tôi không từ chối đâu." Tôi chìa cho ông ta một điếu và ông ta cúi người về phía trước để được tôi châm lửa cho. "Cấp bậc của anh?" tôi hỏi. Ông ta phà ra một bụm khói dài cùng một tiếng thở khoan khoái: "Lính của các anh đang chết đói, nhưng tôi thấy là các sĩ quan vẫn còn thuốc lá ngon để hút. Tôi là chính trị viên trung đoàn. Nhưng gần đây người ta đã phong cấp bậc quân sự cho chúng tôi và tôi nhận được bậc trung tá." – "Nhưng anh là đảng viên chứ có phải là sĩ quan Hồng quân đâu." – "Chính xác. Thế còn anh? Anh cũng là người của Gestapo à?" – "SD. Không hoàn toàn là một đâu." – "Tôi biết sự khác biệt rồi. Tôi đã tra hỏi không ít người của các anh." – "Thế tại sao một ủy viên như anh lại có thể để bị bắt?" Khuôn mặt ông ta tối sầm lại: "Trong một cuộc tấn công, một quả đạn pháo đã nổ gần tôi và tôi bị dính đống gạch vữa vào đầu." Ông ta chỉ phần khuôn mặt bị lột da. "Tôi bị ngất đi. Chắc đồng đội tưởng rằng tôi đã chết. Khi tỉnh lại, tôi đã ở trong tay người của các anh. Không làm được gì nữa cả," ông ta buồn bã kết luận. – "Một *politrouk* cao cấp mà lại lên đến tuyến đầu, chuyện đó cũng hiếm đấy chứ?" – "Chỉ huy đã bị giết và tôi phải tập hợp lính tráng. Nhưng nói chung là tôi đồng ý với anh: người ta không thường nhìn thấy các cán bộ của Đảng ở trận tuyến. Một số lạm dụng những ưu tiên của mình. Nhưng các lạm dụng đó sẽ bị xử lý." Ông ta lấy đầu ngón tay nhẹ nhàng dò dẫm lần da tím ngắt, bọt bạt xung quanh đôi mắt sưng phồng. "Cả cái đó, tôi hỏi, cũng là do vụ nổ à?" Ông ta nở một nụ cười thiếu răng: "Không, cái đó là do các đồng nghiệp của anh đấy. Chắc là anh phải biết rõ phương pháp đó rồi chứ." – "NKVD của anh cũng sử dụng cùng một cách thôi." – "Hẳn nhiên rồi. Tôi có phàn nàn gì đâu." Tôi ngừng lại một chút: "Anh bao nhiêu tuổi, nếu tôi được phép hỏi?" cuối cùng tôi lên tiếng. "Bốn mươi hai. Tôi sinh ra cùng với thế kỷ này, như ông Himmler của các anh ấy." – "Như vậy là anh có biết cuộc Cách mạng?" Ông ta cười: "Tất nhiên! Mười lăm tuổi tôi đã theo Bônsêvich. Tôi là thành viên một Xô viết công nhân ở Petrograd. Anh không thể tưởng tượng được

thời kỳ đó như thế nào đâu! Cả một cơn gió tự do vĩ đại." – "Vậy thì mọi chuyện đã thay đổi rất nhiều rồi." Ông ta trở nên tư lự: "Phải. Đúng vậy. Hẳn là dân tộc Nga còn chưa sẵn sàng để đón nhận một thứ tự do rộng lớn và đột ngột đến thế. Nhưng dần dần thì cũng ổn. Trước hết cần phải giáo dục họ đã." – "Còn tiếng Đức thì anh học ở đâu?" Ông ta lại mỉm cười: "Hồi mười sáu tuổi tôi tự học, với các tù binh chiến tranh. Sau đó, đích thân Lênin đã gửi tôi đến gặp những người cộng sản Đức. Anh có tưởng tượng được là tôi quen biết cả Liebknecht và Luxemburg không! Những con người tuyệt vời. Và sau nội chiến, tôi còn nhiều lần quay lại Đức, một cách bí mật, để nối liên lạc với Thölmann và những người khác. Anh không biết được đời tôi ra sao đâu. Năm 1929, tôi làm phiên dịch cho các sĩ quan của các anh sang nước Nga Xô viết để huấn luyện, thử các loại vũ khí mới và xem xét các chiến thuật mới của các anh. Chúng tôi đã học được rất nhiều điều cùng với các anh." – "Đúng, nhưng các anh đã không tận dụng được điều đó. Stalin đã thanh trừng các sĩ quan thu nhận các quan điểm của chúng tôi, bắt đầu là Toukhatchevski." – "Tôi rất thương tiếc Toukhatchevski. Tôi muốn nói là về mặt cá nhân. Theo quan điểm chính trị mà nói, tôi không thể phán xét Stalin. Có thể đó là một sai lầm. Người Bônsêvich cũng phạm phải những sai lầm. Nhưng điều quan trọng là chúng tôi có đủ sức mạnh để đều đặn trong sạch hóa hàng ngũ của mình, loại bỏ những kẻ biến chất, những kẻ để cho mình bị tha hóa. Đó là một sức mạnh mà các anh thiếu: Đảng của các anh thối rữa từ bên trong." – "Cả ở bên tôi cũng có nhiều vấn đề. Ở SD, chúng tôi biết rõ điều đó hơn bất kỳ ai khác, và chúng tôi làm việc để biến Đảng và *Volk* trở nên tốt đẹp hơn." Ông ta dịu dàng mỉm cười: "Thế hóa ra là hai hệ thống của chúng ta cũng không khác nhau mấy. Ít nhất là về mặt nguyên tắc." – "Đó là một lời nói kỳ lạ ở một người cộng sản." – "Không đến mức đó đâu, nếu anh chịu nghĩ kỹ. Xét cho cùng thì một chủ nghĩa quốc xã và một chủ nghĩa xã hội trong cùng một đất nước khác gì nhau?" – "Trong trường hợp đó, tại sao chúng ta lại phải lao vào một cuộc chiến chí tử như vậy?" – "Các anh mới

là những người muốn điều đó, chứ không phải là chúng tôi. Chúng tôi đã sẵn sàng với các thỏa thuận. Nhưng cũng giống như ngày xưa, giữa người Kitô giáo và người Do Thái ấy: có nhiều điểm chung như vậy, lẽ ra họ phải tập hợp với nhau thành dân Chúa để hình thành một mặt trận chung chống lại người dị giáo, thì thật bất hạnh, người Kitô giáo lại muốn, chắc hẳn là vì lòng ghen tị, trở thành bọn tà giáo và quay sang chống lại những chứng nhân của chân lý. Đó là cả một sự lãng phí to lớn." – "Tôi hình dung là, trong sự so sánh của anh, những người Do Thái chính là các anh?" – "Dĩ nhiên rồi. Dù sao, các anh cũng đã lấy hết mọi thứ của chúng tôi, ngay cả khi chỉ là để biến nó thành một bức tranh biếm họa. Và tôi không chỉ nói đến các biểu tượng, chẳng hạn như lá cờ đỏ và ngày mồng một tháng Năm. Tôi đang nói đến những khái niệm quen thuộc nhất của *Weltanschauung* của các anh." – "Anh muốn nói theo hướng nào?" Ông ta bắt đầu đếm ngón tay, theo lối của người Nga, gập từng ngón một lại, khởi đầu từ ngón út: "Nơi mà chủ nghĩa cộng sản hướng đến một xã hội không có giai cấp, thì các anh rêu rao *Volksgemeinschaft*, cái về bản chất hoàn toàn vẫn vậy, nhưng được thu gọn lại trong vòng biên giới của các anh. Nơi mà Marx coi người vô sản là người mang chân lý, thì các anh quyết định rằng cái gọi là chủng tộc Đức là một chủng tộc vô sản, hiện thân của cái Thiện và của luân lý; do đó, thay vì đấu tranh giai cấp, các anh sử dụng chiến tranh vô sản Đức chống lại các Nhà nước tư bản chủ nghĩa. Trong kinh tế học cũng vậy, các tư tưởng của các anh cũng chỉ là sự bóp méo các giá trị của chúng tôi. Tôi biết rất rõ món kinh tế chính trị học của các anh, vì trước chiến tranh tôi từng dịch cho Đảng các bài báo từ những tờ tạp chí chuyên sâu của các anh. Nơi Marx đã đặt ra một lý thuyết về giá trị dựa trên lao động, thì Hitler của các anh tuyên bố: *Đồng mark Đức của chúng ta, dù không được dựa trên vàng, có giá trị cao hơn vàng.* Cái câu hơi khó hiểu đó đã được bình luận bởi cánh tay phải của Goebbels, Dietrich, kẻ giải thích rằng chủ nghĩa quốc xã đã hiểu rằng nền tảng tốt nhất của một đồng tiền là lòng tin vào các lực lượng sản xuất của Quốc gia

và để phục vụ cho Nhà nước. Kết quả là tiền, với các anh, đã trở thành một thứ vật thờ đại diện cho sức sản xuất của đất nước các anh, do đó là một sự sai lạc hoàn toàn. Quan hệ của các anh với những nước tư bản lớn mang tính giả dối một cách thô thiển, đặc biệt là kể từ các cải cách của bộ trưởng Speer: giới quan chức của các anh tiếp tục rao giảng tự do kinh doanh, nhưng các ngành công nghiệp đều nằm dưới sự chi phối của một kế hoạch và lãi của chúng bị giới hạn ở 6%, Nhà nước hưởng hết phần còn lại ngoài sản xuất." Ông ta ngừng lời. "Chủ nghĩa quốc xã cũng có những chệch hướng của nó," cuối cùng tôi trả lời. Tôi giải thích ngắn gọn cho ông ta các luận điểm của Ohlendorf. "Đúng, ông ta nói, tôi biết rõ những bài báo của ông ta. Nhưng cả ông ta cũng đi sai lối. Bởi vì các anh không bắt chước chủ nghĩa Marx, mà các anh đã làm nó tha hóa. Lấy chủng tộc để thay thế cho giai cấp, điều đó dẫn các anh đi đến chủ nghĩa phân biệt chủng tộc vô sản, là một thứ vô nghĩa lý đến phi lý." – "Cũng không hơn gì khái niệm chiến tranh giai cấp thường trực của các anh đâu. Các giai cấp là một dữ liệu lịch sử; chúng xuất hiện vào một thời điểm nào đó và cũng sẽ biến mất như thế, tan biến một cách hài hòa vào *Volksgemeinschaft* thay vì đánh lẫn nhau. Trong khi chủng tộc là một dữ liệu sinh học, tự nhiên, và do đó không thể tránh khỏi được." Ông ta giơ tay lên: "Nghe này, tôi sẽ không nhấn mạnh điểm này, vì đó là một vấn đề thuộc về lòng tin và do đó những chứng minh theo lôgic hay lý trí đều không có ích lợi gì. Nhưng ít nhất thì anh cũng có thể đồng ý với tôi về một điểm: ngay cả khi sự phân tích các phạm trù có vai trò khác đi, thì hai ý thức hệ của chúng ta vẫn đều có một nền tảng chung, đó là cả hai xét về bản chất đều mang tính quyết định luận; quyết định luận chủng tộc đối với các anh, quyết định luận kinh tế đối với chúng tôi, nhưng dù sao thì cũng vẫn là quyết định luận. Cả hai chúng ta đều tin rằng con người không tự do lựa chọn số phận của mình, mà nó được tự nhiên hoặc lịch sử ấn định. Và cả hai chúng ta đều rút ra được kết luận từ đó rằng tồn tại những *kẻ thù khách quan*, rằng một số nhóm người có thể và buộc phải, một cách chính

danh, bị loại trừ không phải bởi vì những gì họ đã làm hoặc thậm chí đã nghĩ, mà vì những gì mà họ là. Ở điều này, chúng ta chỉ khác biệt với nhau bởi định nghĩa các nhóm người: với các anh là người Do Thái, người Digan, người Ba Lan, và tôi tin rằng cả những người bị bệnh tâm thần nữa; với chúng tôi, bọn koulak, bọn tư sản, những kẻ đi chệch đường lối của Đảng. Xét cho cùng thì đó là cùng một chuyện; cả hai chúng ta đều buộc tội cái *homo economicus* của bọn tư bản, con người ích kỷ, cá nhân chủ nghĩa, bị đánh bẫy trong ảo tưởng về tự do của mình, để ca ngợi một *homo faber: Not a self-made man but a made man*, có thể nói bằng tiếng Anh như vậy, một người để nhào nặn bởi vì người cộng sản cần phải được xây dựng, giáo dục, cũng giống như người quốc xã hoàn hảo của các anh ấy. Và cái con người cần tạo ra đó biện minh cho sự thanh trừng khủng khiếp tất cả những kẻ nào không thể cải hóa được, và do đó biện minh cho NKVD và Gestapo, những người làm vườn của cơ chế xã hội, những người nhổ đi các thứ cỏ dại và buộc những kẻ thấp kém phải làm theo các người giám hộ của mình." Tôi chìa cho ông ta một điếu thuốc nữa và châm một điếu cho mình: "Anh có những ý tưởng thật lớn, đối với một *politrouk* Bônsêvich." Ông ta cười, hơi có vẻ cay đắng. "Đó là vì những mối quan hệ cũ của tôi, với người Đức và những người khác, bị đánh giá không tốt. Khi bị nhốt riêng một chỗ, người ta sẽ có thời gian và nhất là một triển vọng để suy tư." – "Đó chính là lý do giải thích tại sao một người với quá khứ như anh lại chỉ có một chức vụ nói chung là rất khiêm tốn như vậy?" – "Chắc chắn rồi. Một thời, anh biết không, tôi đã rất gần gũi với Radek – nhưng không phải là Trotsky, điều đó khiến bây giờ tôi vẫn ở đây. Nhưng anh biết không, tôi chẳng hề phiền lòng vì mình chậm thăng tiến đâu. Tôi không có chút tham vọng cá nhân nào. Tôi phục vụ Đảng và đất nước của tôi, và tôi hạnh phúc khi được chết vì nó. Nhưng điều này không ngăn cản tôi suy nghĩ." – "Nhưng nếu anh tin rằng hai hệ thống của chúng ta là tương đồng, thì tại sao anh lại còn chiến đấu chống lại chúng tôi?" – "Tôi chưa bao giờ nói là chúng tương đồng với nhau! Và anh quá

thông minh khi đã hiểu ra như vậy. Tôi chỉ tìm cách chỉ cho anh thấy rằng các cách thức vận hành của ý thức hệ hai bên chúng ta giống nhau. Còn dĩ nhiên là nội dung thì khác: giai cấp và chủng tộc. Với tôi, chủ nghĩa quốc xã của các anh là một thứ tà thuyết của chủ nghĩa Marx." – "Theo anh, ý thức hệ Bônsêvich cao hơn ý thức hệ quốc xã ở điểm nào?" – "Ở điểm nó muốn điều tốt cho toàn nhân loại, trong khi thứ chủ nghĩa của các anh thì ích kỷ, chỉ muốn điều tốt cho người Đức. Khi không phải là người Đức, tôi không thể nhập vào đó được, ngay cả khi tôi có muốn đi chăng nữa." – "Đúng, nhưng nếu khi anh sinh ra đã là tư sản, giống như tôi, anh sẽ không thể trở thành Bônsêvich: anh sẽ vẫn cứ là một *kẻ thù khách quan*, dù cho thiên hướng cá nhân của anh có là như thế nào đi nữa." – "Đúng vậy, nhưng nguyên do nằm ở giáo dục. Một đứa trẻ con nhà tư sản, một đứa cháu nhà tư sản, ngay từ khi sinh ra đã được giáo dục tại một đất nước xã hội chủ nghĩa, sẽ là một người cộng sản chân chính, tốt đẹp, ở trên mọi sự nghi ngờ. Khi xã hội phi giai cấp trở thành một thực tế, tất cả các giai cấp đều sẽ bị triệt tiêu trong chủ nghĩa cộng sản. Về lý thuyết, điều này có thể mở rộng ra toàn thế giới, đó không phải là trường hợp của chủ nghĩa quốc xã." – "Trên lý thuyết, có thể. Nhưng anh không thể chứng minh nó được, và trên thực tế các anh phạm những tội ác thảm khốc nhân danh cái xứ không tưởng đó." – "Tôi sẽ không trả lời rằng những tội ác của các anh còn tệ hại hơn. Tôi sẽ chỉ nói đơn giản rằng nếu chúng tôi không thể chứng minh với ai đó từ chối tin vào chân lý của chủ nghĩa Marx về căn cứ vững chắc của những hy vọng của mình, thì chúng tôi vẫn có thể và sẽ chứng minh cho các anh một cách cụ thể tính cứng nhắc của những hy vọng của các anh. Cái thứ chủng tộc sinh học của các anh tuyên bố rằng các chủng tộc không bình đẳng với nhau, rằng một số mạnh hơn và có giá trị hơn các chủng tộc khác, và rằng chủng tộc mạnh nhất và có giá trị nhất trong tất cả là chủng tộc Đức. Nhưng khi Berlin sẽ trở nên giống hệt với thành phố này" – ông ta chĩa ngón tay lên trần nhà – "và khi nào những người lính can đảm của chúng tôi diễu hành trên phố Unter den Linden của

các anh, thì ít nhất các anh cũng sẽ phải buộc lòng, nếu vẫn muốn tiếp tục tin vào niềm tin chủng tộc, công nhận rằng chủng tộc Xlavơ mạnh hơn chủng tộc Đức." Tôi không để cho mình bị nao núng: "Anh thành thực nghĩ rằng các anh sẽ chiếm được Berlin khi mà các anh mới chỉ giữ vững được Stalingrad à? Chắc anh muốn nói đùa." – "Tôi không nghĩ, mà tôi biết điều đó. Chỉ cần nhìn vào tương quan lực lượng tiềm năng của hai bên là đủ. Chưa tính đến mặt trận thứ hai mà các đồng minh của chúng tôi sắp mở ở châu Âu. Các anh tiêu rồi." – "Chúng tôi sẽ chiến đấu đến viên đạn cuối cùng." – "Chắc chắn rồi, nhưng dù thế nào thì các anh cũng sẽ thua. Và Stalingrad sẽ trở thành biểu tượng cho thất bại của các anh. Nhưng cũng không hoàn toàn chuẩn xác đâu. Theo tôi, các anh đã bại trận hồi năm ngoái rồi, khi bị chặn đứng lại trước Matxcơva. Chúng tôi đã để mất đất, những thành phố, những con người; tất cả các thứ đó đều thay thế được. Nhưng Đảng đã không gục ngã, và, đó là hy vọng duy nhất của các anh. Không được như thế thì ngay cả khi các anh chiếm được Stalingrad thì mọi chuyện cũng sẽ không thay đổi. Và mặt khác, các anh *đã có thể* chiếm được Stalingrad, nếu không phạm nhiều sai lầm đến vậy, nếu các anh không đánh giá thấp đối phương đến vậy. Việc các anh thất bại ở đây là không thể tránh được, cũng không thể tránh khỏi việc cả đại đoàn số 6 sẽ bị tàn sát. Nhưng nếu các anh giành được Stalingrad, thì sẽ có gì? Chúng tôi vẫn có thể ở Oulianovsk, ở Kouibyshev, ở Matxcova, ở Sverdlovsk. Và cuối cùng thế nào chúng tôi cũng sẽ làm được điều tương tự với các anh ở xa hơn một chút. Tất nhiên, biểu tượng sẽ khác đi, sẽ không phải là thành phố của Stalin nữa. Nhưng xét cho cùng Stalin là ai? Và sự quá đà cũng như vinh quang của ông ta thì có thể làm được gì cho chúng tôi, những người Bônsêvich? Với chúng tôi, ở đây, những người chết đi hàng ngày, những cú điện thoại hàng ngày của ông ta cho Joukov thì làm được gì? Stalin không phải là người truyền cho lính tráng lòng can đảm để lao đến trước những khẩu súng máy của các anh. Tất nhiên là cần có một người chỉ huy, cần phải có ai đó tổng

điều hành mọi thứ, nhưng đó có thể là bất kỳ con người có giá trị nào. Stalin cũng không phải là không thể thay thế ngang bằng với Lênin, cũng như với tôi. Ở đây chiến lược của chúng tôi là một chiến lược của lương trì. Và những người lính của chúng tôi, những người Bônsêvích hẳn là cũng sẽ thể hiện cùng lòng can đảm đó nếu ở Kouibyshev. Mặc cho tất cả những thất bại quân sự của mình, Đảng và dân tộc của chúng tôi sẽ không thể bị đánh bại. Giờ đây, mọi việc đang tiến triển theo hướng ngược hẳn lại. Người của các anh đã bắt đầu sơ tán khỏi Caucase. Chiến thắng cuối cùng của chúng tôi là hiển nhiên." – "Có thể, tôi đáp. Nhưng sẽ bằng cái giá nào, đối với cái chủ nghĩa cộng sản của các anh? Stalin, kể từ đầu cuộc chiến, đã kêu gọi các giá trị dân tộc, những thứ duy nhất thực sự tạo nguồn cảm hứng cho người ta, chứ không phải là các giá trị cộng sản. Ông ta đã tái sử dụng các mệnh lệnh thời Sa hoàng của Souvorov và Koutouzov, cũng như các ngù vai mạ vàng cho các sĩ quan, những gì mà vào năm 17 các chiến hữu ở Petrograd của anh đã lấy đinh đóng lên vai những người kia. Trong túi áo những người tử trận bên các anh, ngay cả ở các sĩ quan cao cấp, chúng tôi tìm thấy những biểu tượng bị che giấu. Còn hơn thế nữa, qua các cuộc thẩm vấn chúng tôi biết được rằng các giá trị chủng tộc của các anh được thể hiện giữa ban ngày ban mặt ở các cấp cao nhất của Đảng và quân đội, một thứ tinh thần Đại Nga, bài Do Thái, mà Stalin và những người lãnh đạo Đảng xây đắp. Cả các anh cũng vậy, các anh đã bắt đầu nghi ngờ những người Do Thái của các anh; tuy nhiên, đó đâu phải là một giai cấp." – "Những gì anh nói chắc chắn là đúng rồi, ông ta buồn bã công nhận. Dưới sức ép của chiến tranh, những thứ mê tín ngu muội lại nổi lên trên bề mặt. Nhưng không được quên rằng dân tộc Nga trước năm 1917 là như thế nào, tình trạng ngu dốt, lạc hậu của họ. Thậm chí chúng tôi còn chưa có được đến hai mươi năm để giáo dục và chỉnh đốn họ, như vậy là quá ít. Sau chiến tranh chúng tôi sẽ tiếp tục sứ mạng đó, và dần dần tất cả các sai lầm ấy đều sẽ được sửa chữa." – "Tôi tin rằng anh đã nhầm. Vấn đề không phải là dân chúng, mà là những người lãnh

đạo của các anh. Chủ nghĩa cộng sản là một cái mặt nạ gắn lên khuôn mặt bất biến của nước Nga. Stalin của các anh là một Sa hoàng, Politburo của các anh là các tay điền chủ hoặc những tên quý tộc tham lam và ích kỷ, những cán bộ của Đảng các anh vẫn là các *tchinovnik* giống như thời Pierre hoặc Nicolas. Vẫn là cái chủ nghĩa tự cung tự cấp kiểu Nga đó, vẫn là sự mất an ninh thường trực đó, vẫn là nỗi hoảng sợ đối với bên ngoài đó, vẫn là sự thiếu khả năng quản lý đúng đắn ở mức độ nền tảng đó, vẫn là sự thay thế đồng thuận chung bằng nỗi khiếp sợ đó, và do vậy đối với quyền lực thực sự, vẫn là sự suy thoái điên rồ đó, dưới những hình thức khác, vẫn là sự thiếu năng lực đó, vẫn là sự say sưa đó. Cứ đọc thư từ giữa Kourbsky và Ivan, cứ đọc Karamzine, cứ đọc Custine mà xem. Nhân tố trung tâm của lịch sử các anh vẫn chưa bao giờ biến đổi: sự nhục nhã, từ cha đến con. Kể từ đầu, nhưng đặc biệt là kể từ hồi người Mông Cổ, tất cả đều làm nhục các anh, và toàn bộ chính sách của những người cai trị các anh đều không phải là sửa chữa sự nhục mạ đó cùng với những nguyên nhân của nó, mà là che giấu nó đi trước những người còn lại của thế giới. Thành phố Saint-Petersburg của Pierre chỉ là một ngôi làng theo kiểu Potemkine: đó không phải là một cửa sổ mở vào châu Âu, mà là một bài trí sân khấu dựng lên để giấu giếm trước phương Tây toàn bộ sự khốn khổ và bẩn thỉu bất tận trải dài ở sau đó. Thế nhưng người ta chỉ có thể làm nhục những người có thể bị làm nhục; và đến lượt mình, chỉ có những người bị làm nhục mới đi làm nhục. Những người bị làm nhục vào năm 1917, từ Stalin cho đến dân moujik, kể từ đó không làm một việc gì khác là quẳng sang cho những người khác nỗi sợ và sự nhục nhã của mình. Bởi vì ở cái đất nước của những kẻ bị làm nhục này, Sa hoàng, dù cho có sức mạnh lớn đến đâu, cũng đều bất lực, ý chí của ông ta chìm nghỉm trong những đầm lầy bùn nhão của nền hành chính của mình, và rất nhanh chóng ông ta sẽ bị buộc phải, giống như Pierre ấy, ra lệnh cho người ta phải tuân thủ các mệnh lệnh; trước mặt ông ta, người ta cúi rạp người, và sau lưng ông ta, người ta ăn cắp hoặc âm mưu chống lại; tất cả đều nịnh bợ cấp

trên và đàn áp thuộc cấp, tất cả đều có đầu óc nô lệ, đầu óc *raby* như các anh vẫn hay nói, và cái tinh thần nô lệ đó chạy lên đến tận đỉnh; tên nô lệ lớn nhất trong số tất cả chính là Sa hoàng, kẻ không thể làm gì để chống lại sự hèn nhát và nhục nhã của cái dân tộc toàn nô lệ ấy, và do đó cũng là kẻ, trong sự bất lực của mình, giết họ, khủng bố họ và làm nhục họ nhiều hơn nữa. Và cứ mỗi lần có một đoạn tuyệt thực sự trong lịch sử của các anh, một cơ may thực sự để thoát ra khỏi cái vòng tròn khủng khiếp đó nhằm khởi đầu một *lịch sử mới*, các anh lại để lỡ nó: trước tự do, cái tự do của năm 1917 mà anh đã nói đến, tất cả mọi người, cả dân chúng cũng như những người lãnh đạo, đều lùi bước và quay lại với những phản ứng cũ kỹ. Việc chấm dứt chính sách NEP, tuyên bố chủ nghĩa xã hội ở một nước duy nhất, không phải là cái gì khác ngoài đó. Và rồi vì không phải các hy vọng đều bị dập tắt hoàn toàn, lại cần phải có những cuộc thanh trừng. Thứ chủ nghĩa Đại Nga hiện nay chỉ là kết quả lôgic của tiến trình ấy. Người Nga, kẻ bị làm nhục vĩnh cửu, sẽ chỉ có thể thoát được ra khỏi tình trạng đó bằng một phương cách duy nhất, tự đồng hóa mình với cái vinh quang trừu tượng của nước Nga. Hắn ta có thể làm việc mười lăm giờ mỗi ngày trong một nhà máy lạnh giá, cả đời ăn bánh mì đen và bắp cải, và phục vụ cho một lão chủ to béo tự nhận mình là Marxit-Lêninnit nhưng đi lại bằng xe limousin và cùng với những cô đào hạng sang và rượu sâm banh Pháp, cái đó thì có quan trọng gì với hắn ta đâu, khi mà Đệ Tam La Mã sẽ được thành lập. Và cái Đệ Tam La Mã này có thể là mang tính Kitô giáo hay cộng sản thì cũng mặc xác thôi. Còn về phía giám đốc nhà máy, hắn ta sẽ thường trực phải run lên để lo giữ cho được cái ghế, hắn ta sẽ phỉnh nịnh cấp trên của hắn và tặng hàng đống quà xa xỉ, và, nếu bị mất chức, thì sẽ lại có một kẻ khác, giống y hệt, được bổ nhiệm vào chỗ đó, cũng tham lam, ngu dốt và nhục nhã như vậy, và đáng khinh miệt đối với những người công nhân của hắn ta bởi vì xét cho cùng hắn ta phục vụ một Nhà nước vô sản. Chắc chắn là một ngày nào đó, cái mặt tiền cộng sản sẽ biến đi mất, thông qua bạo động hoặc là không bạo động. Khi đó người

ta sẽ phát hiện vẫn cái nước Nga đó, nguyên vẹn. Nếu nhỡ ra mà các anh chiến thắng, thì các anh sẽ ra khỏi cuộc chiến tranh này với nhiều tính chất quốc xã và đế quốc hơn cả chúng tôi, nhưng chủ nghĩa xã hội của các anh, khác với của chúng tôi, sẽ chỉ là một cái tên trống rỗng, và sẽ chỉ còn lại cái chủ nghĩa dân tộc mà các anh bám chặt lấy. Ở Đức, và tại các nước tư bản, người ta khẳng định rằng chủ nghĩa cộng sản đã làm nước Nga lụn bại; nhưng tôi, tôi nghĩ ngược lại: chính nước Nga đã làm lụn bại chủ nghĩa cộng sản. Lẽ ra cái đó đã có thể trở thành một tư tưởng đẹp đẽ, và ai có thể nói được điều gì sẽ xảy tới nếu Cách mạng xảy ra ở Đức chứ không phải ở Nga? Nếu nó được dẫn dắt bởi những người tin tưởng vào chính mình, như các bạn của anh, Rosa Luxemburg và Karl Liebknecht? Về phần mình, tôi nghĩ rằng đó sẽ là một thảm họa, bởi vì nó sẽ làm trầm trọng thêm những xung đột cố hữu của chúng tôi, những gì mà chủ nghĩa quốc xã đang tìm cách giải quyết. Nhưng ai biết? Điều có thể chắc chắn được là sau khi đã được thử ở đây, kinh nghiệm cộng sản chỉ có thể là một thất bại. Cũng giống như là một thí nghiệm y học được tiến hành trong một môi trường truyền nhiễm: kết quả chỉ có thể vứt đi mà thôi." – "Anh là một nhà biện chứng rất giỏi, và tôi xin chúc mừng anh, cứ như thể anh đã từng được đào tạo về chủ nghĩa cộng sản vậy. Nhưng tôi đang mệt và sẽ không tranh cãi với anh. Dù thế nào đi nữa, tất cả cũng chỉ là ngôn từ. Cả anh lẫn tôi đều sẽ không được nhìn thấy cái tương lai mà anh miêu tả đâu." – "Ai biết được? Anh là một ủy viên cao cấp. Có thể là chúng tôi sẽ gửi anh đến một trại tập trung để tiếp tục thẩm vấn." – "Đừng chế nhạo tôi, ông ta đáp lại một cách cứng rắn. Máy bay của các anh có quá ít chỗ để có thể đưa ra ngoài một con cá nhỏ như tôi. Tôi biết chắc chắn là mình sẽ bị bắn, lát nữa hoặc ngày mai. Điều đó không làm tôi thấy phiền chút nào cả." Ông ta nói tiếp với giọng vui vẻ: "Anh có biết nhà văn Pháp Stendhal không? Thế thì chắc là anh đã đọc câu này: *Tôi chỉ thấy rằng án tử hình làm một con người trở nên cao quý. Đó là điều duy nhất không thể mua được.*" Tôi không thể ngăn mình nhếch mép cười; ông ta cũng cười, nhưng nhẹ

nhàng hơn. "Nhưng anh đã đi đâu để có thể đọc được cái đó?" cuối cùng tôi cũng nói được một câu. Ông ta nhún vai: "Ồ. Tôi chỉ đọc Marx mà, anh cũng biết đấy." – "Thật đáng tiếc vì tôi không có gì uống cả, tôi nói. Tôi rất sẵn lòng mời anh một cốc." Tôi nghiêm túc trở lại: "Cũng thật đáng tiếc rằng chúng ta lại là kẻ thù của nhau. Ở hoàn cảnh khác, chắc là chúng ta đã có thể rất hiểu nhau." – "Có thể, ông ta tư lự nói, nhưng cũng có thể là không." Tôi đứng dậy, đi ra cửa, và gọi người Ukraine. Rồi tôi quay lại sau bàn làm việc. Chính ủy đã đứng dậy và tìm cách nhét lại ống tay áo rách về đúng chỗ. Vẫn đang đứng, tôi đưa ông ta cả bao thuốc còn lại. "A, cám ơn, ông ta nói. Anh có diêm không?" Tôi đưa luôn bao diêm. Người Ukraine đứng chờ trên ngưỡng cửa. "Cho phép tôi không bắt tay anh," ủy viên cười mỉa mai nói. – "Anh cứ tự nhiên," tôi đáp. Người Ukraine nắm lấy tay ông ta và ông ta đi ra ngoài, vừa đi vừa nhét bao thuốc lá và bao diêm vào túi áo vest. Lẽ ra mình không nên đưa cho ông ta cả bao thuốc, tôi tự nhủ; ông ta sẽ không có đủ thời gian để hút hết, và những người Ukraine kia sẽ hút những điếu còn lại.

Tôi không viết báo cáo về cuộc gặp này; có gì để báo cáo lại đây? Tối đến, các sĩ quan họp lại để chúc mừng năm mới lẫn nhau và uống nốt những chai rượu cuối cùng mà một số người còn giữ được. Nhưng buổi lễ rất u ám: sau mấy cốc thường lệ, các đồng nghiệp của tôi nói rất ít, mỗi người ở lì tại chỗ của mình, để uống và để suy nghĩ; đám đông nhanh chóng tản đi. Tôi đã thử miêu tả cuộc gặp với Pravdine cho Thomas, nhưng anh ngắt lời ngay: "Tớ hiểu rằng cái đó hấp dẫn cậu; nhưng còn tớ, mấy cái trò lý thuyết suông không phải là mối bận tâm chính của tớ." Vì một sự ngượng ngập kỳ lạ tôi không hỏi về số phận của ủy viên. Sáng hôm sau tôi thức dậy, rất lâu trước một bình minh vô hình ở đây, dưới mặt đất, rùng mình vì những cơn ớn lạnh. Trong khi cạo râu tôi chăm chú xem xét đôi mắt, nhưng không nhìn thấy vằn đỏ nào; ở nhà ăn, tôi phải cố gắng lắm mới nuốt trôi được đĩa xúp và tách trà; tôi không sờ nổi vào mẩu bánh mì. Ngồi đó, đọc, viết báo cáo với tôi trở thành một cái gì đó không thể chịu đựng nổi; tôi có

cảm giác ngạt thở; tôi quyết định, dù không có sự cho phép của Möritz, đi ra ngoài trời hít thở không khí: Vopel, trợ lý của Thomas, vừa bị thương, và tôi sẽ đến thăm anh ta. Ivan, theo đúng thói quen, thản nhiên vác súng lên vai. Bên ngoài, thời tiết dịu và ẩm một cách đặc biệt, tuyết trên mặt đất biến thành một thứ bùn sũng nước, một lớp mây dày che kín mặt trời. Hẳn là Vopel đang nằm ở bệnh viện dặt tại nhà hát thành phố, ở bên dưới một chút. Những viên đạn pháo đã bắn nát những bậc thềm và thổi tung các cánh cửa gỗ nặng nề; bên trong phòng lớn dành cho diễn viên, giữa những mảnh đá hoa và cột đổ, dồn đống lên hàng chục cái xác, mà các hộ lý lôi lên từ dưới hầm và xếp ở đó, trong khi chờ thiêu đi. Một mùi hôi thối khủng khiếp tràn lên từ các lối đi dẫn xuống lòng đất, tràn ngập trong sảnh. "Tôi đợi ở đây," Ivan tuyên bố, đứng lại gần cánh cửa chính để cuốn một điếu thuốc. Tôi ngắm nhìn anh ta và sự ngạc nhiên trước vẻ bàng quan của anh ta chuyển thành một nỗi buồn đột ngột và sắc nhọn: tôi, quả thực là tôi có đầy đủ các cơ may để ở lại đây, nhưng anh ta, anh ta không hề có cơ may nào để thoát ra được. Anh ta bình thản hút thuốc, vẻ lơ đãng. Tôi tiến về phía những căn hầm. "Ông đừng lại quá gần mấy cái xác nhé," một y tá đứng gần tôi nói. Anh ta giơ ngón tay lên và tôi nhìn theo: một đống nhung nhúc màu tối sẫm rất khó nhìn rõ đang lưu chuyển trên những cái xác chồng chất lên nhau, tách ra khỏi đó, chạy lung tung giữa đống đổ nát. Nhìn gần hơn, dạ dày tôi quặn thắt lại; đàn rận rời khỏi những cái xác lạnh giá, cả một đám, để tìm kiếm những thân chủ mới. Tôi cẩn thận đi vòng để tránh chúng và bước xuống: sau lưng tôi, tay y tá cười khẩy. Trong hầm, mùi bao lấy tôi như một thứ ga trải giường ướt nước, một cái gì đó sống động và nhiều hình dạng đang cuộn mình trong lỗ mũi và cổ họng, được làm từ máu, chứng hoại thư, những vết thương thối rữa, khói từ những thanh củi ẩm, len ướt hoặc đẫm nước đái, phân tiêu chảy gần như ngọt, đồ nôn mửa. Tôi chu môi lại thở bằng miệng, cố gắng kìm giữ những cơn quặn ruột. Người ta đã xếp những người bị thương và người ốm thành hàng dài, trải chăn ở dưới hoặc đôi khi ngay

trên nền, trong khu hầm bê tông lạnh giá của nhà hát này; những tiếng rên rỉ và la hét vang lên trên các vòm trần; một lớp bùn dày phủ trên nền nhà. Vài bác sĩ hoặc y tá vận áo bờ lu bị vấy bẩn đi lại chầm chậm giữa những dãy người hấp hối, cẩn trọng tìm chỗ đặt chân để tránh giẫm lên một cánh tay hoặc một cẳng chân. Tôi không hề biết phải làm thế nào để tìm ra Vopel trong đám hỗn loạn này. Cuối cùng tôi định vị được cái giống như một phòng mổ và bước vào mà không gõ cửa. Sàn nhà lát đá ô vuông lấm đầy bùn và máu; bên tay trái tôi, một người đàn ông chỉ còn một cánh tay ngồi trên một cái ghế băng, đôi mắt mở to và trống rỗng. Trên mặt bàn là một người phụ nữ tóc vàng – chắc hẳn là một người bên dân sự, vì người ta đã sơ tán tất cả các nữ y tá của chúng tôi – trần truồng, với những vết bỏng khủng khiếp trên bụng và dưới hai vú, và hai chân bị cắt trên đầu gối. Cảnh tượng này làm tôi choáng váng ghê gớm; tôi phải gắng sức quay mặt đi, để không nhìn chằm chằm vào bộ phận sinh dục phồng lên giữa hai mẩu thịt của cô ta. Một bác sĩ bước vào và tôi hỏi ông ta chỗ của thương binh SS. Ông ta ra hiệu bảo tôi đi theo và dẫn tôi đến một căn phòng nhỏ nơi Vopel, để trần nửa thân người trên, ngồi trên một cái giường gấp. Một phát đạn bắn trúng cánh tay anh ta, và anh ta có vẻ rất sung sướng vì biết bây giờ mình sẽ có thể được đi. Nhợt nhạt, ghen tị, tôi nhìn cái vai băng bó của anh ta như ngày xưa đã từng nhìn em gái tôi ngậm vú mẹ tôi. Vopel hút thuốc và nói huyên thuyên, anh ta đã có *Heimatschuss* và vận may khiến anh ta trở nên tươi tỉnh như một đứa trẻ, anh ta không sao che giấu điều đó đi được, thật là không sao chịu nổi. Anh ta không ngừng mân mê như cầm một vật thờ cái nhãn VERWUNDETE gắn trên hàng cúc chiếc áo varơi đang khoác hờ trên vai của mình. Tôi đi khỏi đó, hứa là sẽ bàn với Thomas về việc sơ tán anh ta. Anh ta may mắn hết sức: xét theo cấp bậc, anh ta không có chút hy vọng nào có tên trên các danh sách sơ tán gồm những chuyên gia quan trọng đặc biệt; và tất cả chúng tôi đều biết rằng với mình, các sĩ quan SS, thậm chí sẽ không có đến cả trại tù binh, và người Nga sẽ đối xử với người của SS như chúng tôi đã từng

đối xử với các ủy viên và người của NKVD. Khi đi ra, tôi lại nghĩ đến Pravdine và tự hỏi không biết mình có thể tỏ ra bàng quan được như ông ta hay không; tôi nghĩ tự tử còn là điều đáng thèm muốn hơn những gì chờ đợi tôi ở chỗ bọn Bônsêvich. Nhưng tôi không biết liệu mình sẽ có được sự can đảm đó hay không. Hơn lúc nào hết tôi cảm thấy mình bị mắc kẹt giống như một con chuột; và tôi không thể chấp nhận chuyện này sẽ kết thúc như vậy, trong sự bẩn thỉu và khốn cùng này. Những cơn ớn lạnh quay trở lại, tôi hoảng sợ nghĩ rằng chỉ cần một tí chút thôi là tôi cũng sẽ nằm đó trong cái hầm thối hoăng này, bị mắc phải cái bẫy của cơ thể chính mình cho đến khi tới lượt tôi cũng sẽ được người ta mang lên lối vào, cuối cùng cũng thoát được khỏi lũ rận bám trên người. Ra đến chỗ phòng diễn viên, tôi không đi tiếp tới chỗ Ivan đứng mà leo lên cầu thang lớn về phía phòng biểu diễn. Hẳn là nó đã từng là một căn phòng đẹp, với những ban công và ghế phôtơi bằng nhung; giờ đây, trần nhà, bị những viên đạn pháo bắn thủng lỗ chỗ, đã gần như sập xuống, dàn đèn chùm đã rơi xuống vỡ tan giữa những hàng ghế, một lớp gạch vữa và tuyết dày phủ lên chúng. Cảm thấy tò mò, nhưng cũng có thể là cả vì nỗi sợ phải đi ra ngoài hiện lên một cách đột ngột, tôi trèo lên xem các tầng trên. Cả ở đây nữa cũng từng có chiến sự: người ta đã đục những bức tường để tạo ra các vị trí bắn, những vỏ đạn, hộp đạn rỗng lăn lóc ở các hành lang; trên một ban công, xác hai người Nga, mà không ai nhọc sức mang xuống dưới, vẫn nằm đó trên ghế phôtơi, như thể đang chờ đợi khởi đầu của một vở kịch không ngừng được bài trí lại. Bằng một cánh cửa thủng ở cuối một hành lang, tôi vào được một lối đi nhỏ chạy phía trên sân khấu: phần lớn những ngọn đèn nhỏ và máy móc trang trí đã rơi, nhưng một số vẫn còn ở nguyên chỗ cũ. Tôi đi được đến sườn mái: nơi căn phòng mở ra ở phía dưới, giờ chỉ còn là một khoảng không trống rỗng, nhưng trên sân khấu sàn vẫn còn nguyên vẹn, và mái nhà, thủng lỗ chỗ khắp nơi, vẫn gá được trên hệ thống xà. Nhòm thử qua một trong những cái lỗ, tôi nhìn thấy những đống đổ nát đen kịt, khói bốc lên từ nhiều chỗ; dịch lên phía Bắc một chút, một

cuộc tấn công dữ dội đang diễn ra, và phía sau, tôi nghe thấy tiếng rền rĩ đặc trưng của các máy bay Sturmovik vô hình. Tôi tìm kiếm sông Volga, mà tôi rất muốn được nhìn thấy dù chỉ một lần, nhưng nó bị khuất sau những đống đổ nát; nhà hát này không đủ cao. Tôi quay đầu lại và ngắm nhìn tầng áp mái hoang vắng: nó làm tôi nhớ đến ngôi nhà lớn của Moreau ở Antibes. Mỗi lần tôi quay trở lại từ ký túc xá ở Nice, cùng với em gái mà hồi đó lúc nào tôi cũng quấn quýt ở bên cạnh, tôi thám hiểm những ngóc ngách của ngôi nhà chấp vá đó, và lần nào điểm kết thúc cũng là vựa cỏ. Chúng tôi vác lên trên đó một cái máy nghe quay tay lấy trong phòng khách, và một bộ con rối giật dây của em gái tôi, gồm có nhiều con vật khác nhau, một con mèo, một con ếch, một con nhím: chăng một cái khăn trải giường giữa hai xà nhà, chúng tôi dàn cảnh, chỉ cho chúng tôi xem với nhau, những vở kịch và opera. Vở diễn mà chúng tôi thích hơn cả là *Cây sáo thần* của Mozart: khi đó con ếch trở thành Papageno, con nhím thành Tamino, con mèo thành Pamina, và một con búp bê có hình dạng người, Nữ hoàng Đêm tối. Đứng giữa đống đổ nát đó, hai mắt mở to, tôi tưởng như mình nghe thấy tiếng nhạc, nắm bắt được trò chơi thần tiên của những con rối. Một cơn quặn bụng nặng nề xâm chiếm lấy tôi và tôi tụt quần ngồi thụp xuống, và trong khi thứ phân lỏng chảy ra, tôi đã ở rất xa, tôi nghĩ đến những đợt sóng, đến mặt biển dưới thân tàu, hai đứa bé ngồi phía trước hướng mặt ra biển, tôi và em gái sinh đôi Una của tôi, cái nhìn và hai bàn tay chạm vào nhau mà không ai nhìn thấy, và tình yêu khi đó còn rộng lớn và vô biên hơn cả mặt biển xanh kia và hơn sự cay đắng và nỗi đau của những năm phiền muộn, sự rực rỡ của mặt trời, một vực thẳm tự nguyện. Những cơn co thắt của tôi, chứng tiêu chảy của tôi, những đợt sốt của tôi, cả nỗi sợ của tôi nữa, tất cả đều bị xóa nhòa, tan biến đi trong sự trở về tuyệt diệu này. Thậm chí không cả buồn kéo quần lên, tôi nằm xuống lớp bụi và đống gạch vữa và quá khứ nở bùng ra như một bông hoa mùa xuân. Chúng tôi yêu vựa cỏ là vì khác với các tầng hầm, ở đó lúc nào cũng có ánh sáng. Ngay cả khi mái nhà không bị những

shrapnel bắn thủng, hoặc là ánh nắng ban ngày lọt vào qua các ô cửa sổ nhỏ và khe ngói, hoặc từ cái lỗ trổ xuống phía dưới chiếu lên, ở đó không bao giờ hoàn toàn tối. Và chính trong cái ánh sáng lan tràn, vô định, bị phân mảnh đó, chúng tôi chơi và học những điều cần phải học. Ai biết được rằng chuyện đó đã đến như thế nào? Có thể là chúng tôi đã tìm thấy, được cất giấu đằng sau những quyển sách khác trong thư viện của Moreau, một số sách cấm, có thể là chuyện đó đã đến một cách hết sức tự nhiên, trong những trò chơi và những khám phá của chúng tôi. Mùa hè năm đó, chúng tôi ở lại Antibes, nhưng thứ Bảy và Chủ nhật chúng tôi đến một ngôi nhà do Moreau thuê, gần Saint-Jean-Cap-Ferrat, bên bờ biển. Tại đó, những trò chơi của chúng tôi xâm lăng những cánh đồng, những khu rừng thông màu đen và cây bụi ngay cạnh, rung lên tiếng gáy của những con dế và tiếng vo ve của bầy ong trong đám oải hương, với cái mùi phủ ât lên mùi vị hương thảo, húng tây và nhựa thông, và cũng trộn lẫn, vào khoảng cuối mùa hè, với mùi những quả sung mà chúng tôi ngốn ngấu đến phát lộn mửa, và rồi, phía xa, biển và những tảng đá hỗn độn tạo thành đường bờ biển nhấp nhô đó, cho đến một hòn đảo nhỏ dốc thoải mà chúng tôi có thể đến được bằng cách bơi hoặc đi canô. Ở đó, trần truồng như những kẻ hoang dã, chúng tôi cầm một cái thìa sắt lặn xuống để gỡ những con nhím biển lớn màu đen bám chặt vào các tảng đá ngầm; khi đã lấy được nhiều, chúng tôi dùng một con dao bỏ túi tách miệng chúng ra và húp lấy đống trứng nhỏ màu da cam sáng chóe dính vào vỏ, trước khi vứt những gì còn lại ra biển và kiên nhẫn nhổ từng cái dằm nhỏ cắm vào tay, lấy mũi dao chọc vào da và đái vào vết thương. Thỉnh thoảng, nhất là khi có gió mistral thổi, những đợt sóng lớn dần lên, đập mình tan vào đá; quay về bờ trở thành một trò chơi nguy hiểm, đòi hỏi toàn bộ sự khéo léo và hăng hái trẻ thơ: một lần, trong khi tôi từ dưới nước trồi lên sau khi chờ đợi một luồng nước để đến được tảng đá, một con sóng bất ngờ xô bắn tôi lên trên đá, da tôi rách toạc trên mặt đá gồ ghề, máu chảy ra từ muôn vàn những mắt lưới nhỏ xíu được nước biển làm dịu cơn đau; em gái tôi vội

lao về phía tôi và đỡ tôi nằm xuống cỏ, rồi lần lượt hôn lên từng chỗ xước, liếm máu và muối như một con mèo phàm ăn. Trong cơn điên rồ cao ngạo của mình, chúng tôi đã tạo ra cả một bảng mật mã cho phép mình, ở ngay trước mặt mẹ và Moreau, công khai trao nhau những cử chỉ và những hành động. Đó là tuổi của sự trong trắng thuần khiết, tráng lệ, tuyệt đẹp. Tự do chiếm lĩnh những cơ thể bé nhỏ gầy gò, thanh mảnh, rám nắng, chúng tôi bơi như những con rái cá, chạy qua những khu rừng như những con cáo, lăn lê bò toài cùng nhau trong làn bụi, cơ thể trần truồng của chúng tôi không thể tách rời nhau, không còn rõ rệt đâu là đứa con trai và đâu là đứa con gái nữa, mà là một cặp rắn quấn riết lấy nhau.

Đêm đến, cơn sốt gia tăng cường độ, tôi nằm run rẩy trên giường, phía trên Thomas, quấn chặt chăn vào người, bị lũ rận xâu xé, chìm đắm trong những hình ảnh xa xôi. Sau mùa hè, đến lúc khai giảng, gần như không có gì thay đổi. Chia tay nhau, chúng tôi mơ đến nhau, chúng tôi chờ đợi cái thời điểm sẽ tập hợp chúng tôi lại với nhau. Chúng tôi có cuộc đời bên ngoài của mình, phơi bày công khai giống như mọi đứa trẻ khác, và cuộc đời riêng của chúng tôi, chỉ thuộc về chúng tôi, một khoảng không rộng lớn hơn thế giới, chỉ bị giới hạn bởi các khả năng của hai tinh thần hợp nhất. Theo dòng thời gian, các bài trí thay đổi, nhưng điệu nhảy của mối tình chúng tôi tiếp tục giữ nguyên nhịp điệu, thanh lịch hoặc điên cuồng. Kỳ nghỉ đông, Moreau đưa chúng tôi lên núi; thời ấy đó là một cái gì đó hiếm hoi hơn bây giờ. Ông ta thuê một ngôi nhà gỗ từng thuộc về một nhà quý tộc người Nga: cái tay người Matxcơva đó đã biến một khu phụ thành phòng tắm hơi, cái mà chưa ai trong số chúng tôi từng nhìn thấy trước đó, nhưng người chủ nhà đã hướng dẫn cách sử dụng và đặc biệt là Moreau rất say mê với phát minh này. Cuối buổi chiều, khi chúng tôi trở về từ trò trượt tuyết hoặc xe trượt hoặc đi bộ, ông ta chui vào đó một giờ để làm cho mình toát mồ hôi; tuy

vậy, ông ta không đủ can đảm để ra ngoài lăn mình trong tuyết giống như chúng tôi nhưng, than ôi, chúng tôi bị mẹ buộc phải mặc thêm một bộ áo tắm. Bà ta, về phần mình, không thích thú gì cái phòng xông hơi đó và tránh xa nó. Nhưng khi được ở nhà một mình, hoặc vào ban ngày, khi họ đi dạo trong thành phố, hoặc vào buổi tối, lúc họ đã ngủ, chúng tôi chiếm lấy căn phòng đã lạnh ngắt đó và cuối cùng cũng cởi bỏ được quần áo, và hai cơ thể nhỏ bé của chúng tôi trở thành tấm gương soi cho nhau. Chúng tôi cũng trốn trong những ngăn tủ dài trống không đặt dưới cái mái dốc lớn của căn nhà gỗ, nơi có đủ chỗ để có thể đứng thẳng, nhưng chúng tôi toàn ngồi hoặc nằm, bò lổm ngổm, quấn lấy nhau, da thịt cọ xát, trở thành nô lệ của nhau và là chúa tể của mọi thứ.

Trong ngày, tôi tìm cách để thấy lại cái nền tảng mong manh của mình giữa thành phố bị tàn phá này; nhưng cơn sốt và chứng tiêu chảy ngăn giữ tôi, tách tôi ra khỏi cái thực tế tuy rằng hết sức nặng nề và đầy khổ não đang vây xung quanh mình. Tôi còn bị đau ở tai trái, một cơn đau câm lặng, đè nén, ngay dưới da, bên trong vành tai. Tôi cố sức làm dịu nó đi bằng cách dùng ngón tay út cọ vào chỗ đó, nhưng không có kết quả gì. Lơ đãng, tôi trôi qua hàng giờ đồng hồ xám xịt như vậy trong phòng làm việc, cuộn mình trong cái áo lông bị dây bẩn, lẩm nhẩm một giai điệu đơn giản máy móc và không âm sắc, và cố công tìm lại những lối đi xa xưa đã mất. Thiên thần mở cửa phòng làm việc của tôi và bước vào, mang theo viên than hồng đốt cháy mọi tội lỗi; nhưng thay vì áp chúng lên môi tôi, nó lại tống cả vào miệng tôi; và nếu khi đó mà bước ra ngoài phố, tiếp xúc với không khí trong lành, tôi sẽ bốc cháy. Tôi đứng đó, tôi không mỉm cười, nhưng cái nhìn của tôi, tôi biết, vẫn phẳng lặng, phải, ngay cả khi những ngọn lửa liếm lên mí mắt tôi, cào sâu xuống hai lỗ mũi tôi, ngập tràn trong hàm răng tôi và che phủ mắt tôi. Khi lửa đã tắt, tôi nhìn thấy những điều đáng kinh ngạc, kỳ quái. Trên một phố hơi dốc lên, hai bên đầy ôtô và cam nhông bị phá hủy, tôi nhìn thấy một người đàn ông trên vỉa hè, một tay chống vào cột đèn. Đó là một người

-lính, bẩn thỉu, râu ria, mặc quần áo rách rưới được giữ bằng những sợi dây và kim băng, chân phải bị cắt dưới đầu gối, một vết thương mới còn toác miệng vẫn còn trào ra từng đợt máu; người đàn ông cầm một thứ đồ hộp hoặc một cái cốc bằng sắt tây đưa xuống phía dưới mẩu thịt và tìm cách hứng lấy chỗ máu đó và uống nó thật nhanh, để không bị mất quá nhiều. Anh ta thực hiện những động tác này một cách có phương pháp, đầy chính xác, và họng tôi thắt lại vì kinh hãi. Mình không phải là một bác sĩ, tôi tự nhủ, mình không thể làm gì được. Thật may mắn là chúng tôi đang ở gần nhà hát, và tôi vội chạy qua những căn hầm dài tối om và bừa bộn, làm cho lũ chuột đang rúc rích trên người các thương binh vùng bỏ trốn: "Một bác sĩ! Tôi cần một bác sĩ!" tôi hét lên; các y tá nhìn tôi với vẻ u tối và đờ đẫn, không một ai đáp lời. Cuối cùng tôi tìm được một bác sĩ đang ngồi trên một cái ghế nhỏ gần lò sưởi, chậm rãi uống trà. Mất một lúc ông ta mới có phản ứng trước sự rối rít của tôi, ông ta có vẻ mệt mỏi, hơi tức tối vì sự cả gan của tôi; nhưng cuối cùng ông ta cũng đi theo tôi. Ngoài phố, người đàn ông cụt chân đã ngã xuống. Anh ta vẫn bình tĩnh và thản nhiên, nhưng rõ ràng là anh ta đang yếu đi. Mẩu thịt giờ đây rỉ ra một thứ chất trắng nhờ lẫn với máu, có thể là mủ; chân kia cũng chảy máu và có vẻ muốn rụng ra. Viên bác sĩ quỳ gối xuống gần anh ta và bắt đầu chăm sóc các vết thương thảm khốc của anh ta bằng những động tác lạnh lùng và chuyên nghiệp; vẻ thoải mái đó làm tôi sửng sốt, không chỉ là khả năng chạm vào những địa điểm kinh khủng đó mà còn là khả năng làm việc với chúng mà không hề có cảm xúc hay cơn co giật nào; về phần mình, điều đó làm tôi phát ốm. Vừa làm việc, viên bác sĩ vừa nhìn tôi và tôi hiểu được cái nhìn của ông ta: người đàn ông sẽ không trụ được lâu nữa, không còn gì để làm ngoài việc làm ra vẻ giúp anh ta để làm dịu một chút sự hoang mang và những giây phút cuối cùng của cuộc đời đang trôi tuột đi kia. Tất cả những cái đó đều rất thật, các người cứ tin là như vậy đi. Ở chỗ khác, Ivan từng dẫn tôi đến một tòa nhà lớn, không xa mặt trận lắm, trên Prospeckt Respublikanskii, nơi có tin một kẻ đào ngũ người

Nga đang ẩn náu. Tôi không tìm thấy hắn ta; tôi đang đi vào từng căn phòng, hối tiếc vì đã đến đây, thì tiếng cười sắc nhọn của một đứa trẻ con vang lên trong hành lang. Tôi ra khỏi căn hộ và không nhìn thấy gì; nhưng một lúc sau cầu thang bị xâm chiếm bởi một đoàn con gái hoang dã và trơ trảo, lượn lờ sờ soạng người tôi và chui qua dưới hai chân tôi trước khi vén váy lên để trưng ra cho tôi nhìn thấy những cái đít bẩn thỉu và nhảy vọt lên biến mất đi ở tầng trên; rồi chúng lại lao xuống cả đám, với những tràng cười lanh lảnh. Chúng giống với những con chuột cái háu ăn đang lên cơn động đực: một trong số chúng đứng sững trên bậc thang ngang với đầu tôi và giạng chân ra, bày tênh hênh một cái âm hộ để trần và trơn nhẵn; một đứa khác cắn các ngón tay của tôi; tôi tóm lấy tóc nó và kéo lại gần để tát, nhưng một đứa thứ ba đã luồn tay vào giữa hai chân tôi từ phía sau, trong khi đứa mà tôi đang giữ uốn éo, tuột đi, và biến mất vào trong một hành lang. Tôi chạy theo nó nhưng hành lang đã lại vắng tanh. Tôi nhìn những cánh cửa đóng kín của các căn hộ một lúc, nhảy đến, mở một cái ra: tôi phải bật ngửa người về đằng sau để không rơi tõm vào khoảng trống, không có gì sau cánh cửa đó hết, và tôi đóng sập nó lại, ngay trước khi một tràng đạn súng máy của Nga bay đến bắn thủng lỗ chỗ. Tôi lăn mình xuống sàn: một viên đạn pháo chống tăng nổ trên vách tường, làm tai tôi ù đặc và phủ đầy vữa và những mẩu gỗ và giấy báo cũ lên người tôi. Tôi điên cuồng bò đi và lăn mình vào một căn hộ khác, ở phía bên kia của hành lang, nơi không còn cửa ra vào nữa. Trong phòng khách, đang thở hổn hển để lấy lại hơi, tôi nghe thấy rất rõ tiếng đàn piano; khẩu tiểu liên cầm trên tay, tôi mở cửa phòng ngủ ra: bên trong, một cái xác lính Xô viết nằm trên cái giường bừa bộn, và một viên Hauptmann mang chapka, ngồi vắt chéo chân trên một cái ghế, nghe một đĩa nhạc đặt trên cái máy nghe để trên sàn nhà. Tôi không nhận ra giai điệu và hỏi anh ta đó là bản nhạc nào. Anh ta đợi đến cuối bản nhạc, một đoạn nhẹ nhõm với một câu lặp đầy ám ảnh, rồi mới nhấc đĩa lên để nhìn nhãn: "Daquin. *Con chim cu.*" Anh ta nâng cần đọc đĩa lên, rút một đĩa khác từ một cái vỏ

bằng giấy màu vàng, và đặt kim xuống. "Cái này thì ông sẽ nhận ra." Quả thực, đó là bản *Rondo Thổ Nhĩ Kỳ* của Mozart, được chơi một cách gấp gáp và vui vẻ nhưng cùng lúc cũng thấm đẫm tính nghiêm trang lãng mạn: một dương cầm thủ Xlavơ, hẳn là vậy. "Ai chơi thế?" tôi hỏi. – "Rachmaninov, tay nhạc sĩ ấy. Ông có biết không?" – "Một chút. Tôi không biết là ông ấy cũng chơi nhạc đâu." Anh ta chìa cho tôi một chồng đĩa. "Chắc anh bạn của chúng ta kia là một tay mê nhạc phát điên, anh ta chỉ về phía cái giường. Và hẳn là anh ta phải có quan hệ tốt với Đảng, nếu nhìn vào xuất xứ của những cái đĩa này." Tôi nhìn nhãn: chúng được in bằng tiếng Anh, những cái đĩa này từ Mỹ đến; Rachmaninov chơi Gluck, Scarlatti, Bach, Chopin, cũng như một trong số các bản nhạc của chính mình; thời điểm thu âm là nửa đầu thập niên 20, nhưng có vẻ như là mới được xuất bản. Cũng có cả những cái đĩa Nga. Bản nhạc của Mozart kết thúc và viên sĩ quan bật Gluck, bản chuyển soạn một đoạn trong *Orfeo ed Euridice*, tinh tế, chán nản, buồn bã kinh khủng. Tôi hất cằm về phía cái giường: "Tại sao anh không vứt anh ta đi?" – "Để làm gì? Anh ta cứ ở đó thì cũng có sao đâu." Tôi nghe xong bản nhạc rồi mới hỏi tiếp: "Nói thử xem, anh không nhìn thấy một đứa bé gái à?" – "Không, tại sao, ông cần phải có một đứa à? Âm nhạc hay hơn chứ." Tôi quay lưng lại anh ta và ra khỏi căn hộ. Tôi mở cánh cửa tiếp sau đó: đứa bé gái đã cắn tay tôi đang ngồi đái trên một tấm thảm. Khi nhìn thấy tôi nó giương đôi mắt sáng rực lên, tay cọ vào giữa hai đùi, và lao vào giữa hai chân tôi trước khi tôi kịp phản ứng, rồi lại lao vào hành lang, vừa chạy vừa cười. Tôi đến ngồi lên ghế trăng kỷ và nhìn vệt ướt trên tấm thảm hoa; tôi vẫn còn bị chấn động bởi viên đạn pháo, tiếng đàn piano vẫn vang lên trong cái tai bị viêm đang làm tôi đau tấy. Tôi lấy ngón tay chạm nhẹ vào nó rồi rút tay ra, nó phủ đầy một thứ mủ vàng ệch, mà tôi lơ đãng chùi lên vải lót của chiếc sofa. Rồi tôi xì mũi vào đám ridô và đi ra khỏi đó; kệ xác đứa con gái, sẽ có ai đó dắn cho nó một trận đúng như những gì mà nó xứng đáng. Trong hầm của Univermag, tôi đến gặp một bác sĩ: ông ta khẳng định là tai tôi bị nhiễm trùng, rồi lau

chùi nó một cách qua quýt và đặt một miếng gạc lên đó, nhưng không thể cho tôi thêm cái gì nữa, bởi vì ông ta không còn gì hết cả. Tôi không thể nói được hôm nay là ngày nào, thậm chí tôi còn không thể nói liệu cuộc tấn công lớn của người Nga vào mặt Tây của *Kessel* đã bắt đầu hay chưa; tôi đã đánh mất toàn bộ ý niệm về thời gian và các chi tiết của cuộc hấp hối tập thể này. Khi người ta nói với tôi, những lời đó vẳng đến như thể từ rất xa, một giọng nói nằm dưới mặt nước, và tôi không hiểu bất kỳ điều gì chúng tìm cách thông báo với tôi hết. Hẳn là Thomas nhận ra là tôi đang nhanh chóng mất phương hướng và anh đã có rất nhiều nỗ lực để chỉ đường cho tôi, để dẫn tôi quay trở lại những con đường có vẻ ít lầm lạc hơn. Nhưng cả anh cũng gặp khó khăn trong việc giữ được một ý thức về sự tiếp diễn và về tầm quan trọng của mọi thứ. Để làm tôi phải bận trí, anh dẫn tôi ra ngoài: một số các lc mà anh hay qua lại vẫn còn giữ được một chai cognac Armenia hoặc rượu mạnh, và trong khi anh nói chuyện với họ tôi nhâm nhi một cái cốc và lấy lại tinh thần trong tiếng vo ve bên trong người. Khi trở về từ một chuyến đi như vậy, ở góc một phố nhỏ tôi nhìn thấy của xuống một bến tàu điện ngầm: trước đó tôi không biết là Stalingrad cũng có tàu điện ngầm. Tại sao người ta chưa từng bao giờ cho tôi xem một cái bản đồ? Tôi nắm lấy tay áo của Thomas và chỉ cho anh những bậc thang mất hút vào bóng tối và nói với anh: "Nào, Thomas, đến gần xem kỹ cái tàu điện ngầm đó hơn một chút đi." Anh trả lời tôi rất mềm mỏng nhưng cương quyết: "Không, Max, không phải là bây giờ. Đi thôi." Tôi nằn nì: "Xin cậu đấy. Tớ muốn thấy nó." Giọng tôi đầy vẻ van xin, một nỗi hoang mang câm lặng tràn ngập trong tôi, cái miệng tàu điện ngầm này quyến rũ tôi đến mức không thể cưỡng lại được, nhưng Thomas vẫn tiếp tục từ chối. Tôi sắp òa khóc như một đứa trẻ bị người ta từ chối đưa cho một món đồ chơi. Đúng lúc đó một quả đạn pháo nổ ngay gần chúng tôi và sức ép làm tôi ngã ngửa người ra. Khi khói đã tan bớt, tôi ngồi dậy và lắc đầu; Thomas, tôi nhìn thấy rất rõ, vẫn nằm trong tuyết, cái áo măng tô dài của anh lấm đầy máu trộn lẫn với những mẩu đất vụn; ruột anh bung ra từ

trong bụng thành những con rắn dài dính, trơn, bốc khói. Trong khi tôi kinh hoàng nhìn anh, anh nhổm dậy với những động tác giật cục, loạng choạng, giống như một đứa trẻ vừa mới tập đi, và luồn bàn tay đeo găng của mình vào trong bụng để rút từ đó ra những mẩu shrapnel sắc nhọn rồi ném chúng xuống tuyết. Những mảnh đó vẫn còn gần như cháy sáng và, mặc cho chiếc găng, khiến những ngón tay anh bị bỏng, anh bèn buồn bã mút chúng sau mỗi mẩu; khi rơi xuống tuyết, chúng liền kêu xèo xèo và biến vào trong đó, làm bốc lên một làn hơi. Những mẩu cuối cùng hẳn là phải nằm khá sâu, bởi vì Thomas phải thò cả nắm tay của mình vào để lôi được chúng ra. Anh bắt đầu tập hợp đống lòng ruột lại, nhẹ nhàng kéo về phía mình, vừa quấn chúng lại quanh một bàn tay, anh vừa nở một nụ cười méo xệch: "Vẫn còn vài mẩu nữa, tớ nghĩ thế. Nhưng chúng nhỏ quá." Anh nhét những túm ruột vào và đẩy các nếp thịt trên bụng. "Cho tớ mượn cái khăn của cậu được không?" anh hỏi tôi; vẫn rất điệu đà, anh chỉ mặc một cái áo pull-over cổ cuộn. Mặt tái mét, tôi lặng im đưa cho anh cái khăn của mình. Luồn nó xuống dưới những mẩu rách của bộ quân phục, anh cẩn thận quấn nó vòng quanh bụng và buộc một cái nút ở phía trước. Rồi, giữ chặt tác phẩm của mình bằng một tay, anh loạng choạng đứng dậy, dựa vào vai tôi. "Mẹ kiếp, anh lẩm bẩm, người chao đảo, cũng không tệ lắm." Anh kiễng người trên đầu mũi chân và nhún nhún vài lần, rồi thử mạo hiểm nhảy lên. "Được rồi, chắc là sẽ giữ yên được." Với toàn bộ vẻ cao quý vốn có, anh đắp lại lên người mình những mẩu quân phục và kéo chúng lên trên bụng. Thứ máu nhớp dính lấy chúng và ít nhiều giữ được chúng ở yên tại chỗ. "Tất cả những gì tớ cần. Dĩ nhiên, là tìm được kim chỉ, ở đây, nếu không thì khéo mà quên mất." Tiếng cười rè rè nhỏ bé của anh biến thành một cái nhăn nhó đầy đau đớn. "Khốn kiếp thật, anh thở dài. Chúa tôi, anh nói thêm khi nhìn thấy khuôn mặt tôi, trông cậu có vẻ hơi xanh xao đấy."

Tôi không đòi xuống tàu điện ngầm nữa, mà đi theo Thomas về Univermag, chờ đợi kết cục sắp tới. Cuộc tấn công của người Nga ở phía Tây *Kessel* đã chọc thủng hoàn toàn các phòng

tuyến của chúng tôi. Vài ngày sau, người ta sơ tán Pitomnik trong một sự hỗn loạn ghê gớm, để lại hàng nghìn thương binh rải rác trên thảo nguyên giá lạnh; các đội quân và PC đổ về thành phố, ngay cả AOK tại Goumrak cũng chuẩn bị rút, và Wehrmacht đuổi chúng tôi ra khỏi boongke của Univermag và để chúng tôi trú tạm tại trụ sở cũ của NKVD, trước đây vốn là một tòa nhà đẹp với đỉnh vòm lớn bằng thủy tinh giờ đã vỡ vụn và nền lát đá granit nhẵn, nhưng khu hầm đã bị một đơn vị y tế chiếm, thành ra chúng tôi phải tụ tập vào các phòng làm việc đổ nát ở tầng hai, thế mà vẫn cứ phải tranh chấp với bộ tham mưu của Seydlitz (tình cảnh giống hệt với một khách sạn nhìn ra biển, khách chỉ khăng khăng đòi ở một bên hành lang). Nhưng tôi hoàn toàn bàng quan với tất cả những sự kiện náo động đó, gần như tôi không thể ghi nhớ được một cách rành mạch các đổi thay cuối cùng, vì tôi đã tìm được một thứ tuyệt diệu, một cuốn sách của Sophocle. Quyển sách bị xé làm đôi, chắc là có ai đó muốn chia nó ra và, than ôi, đó chỉ là các bản dịch, nhưng may mà vẫn có *Électre*, vở kịch mà tôi thích hơn cả. Tạm quên những đợt rùng mình vì sốt đang làm rung chuyển cơ thể, thứ mủ sùi ra từ chỗ băng bó, tôi sung sướng vùi trí óc vào những câu thơ. Ở khu nội trú nơi mẹ tôi cho nhốt tôi vào, để trốn tránh bầu không khí tàn bạo xung quanh, tôi đã lao vào học, và đặc biệt thích tiếng Hy Lạp, nhờ có ông thầy của chúng tôi, vị linh mục trẻ tuổi mà tôi đã từng nói đến. Tuy chưa đầy mười lăm tuổi nhưng tôi đã dành những giờ rảnh rỗi trong thư viện để giải mã từng dòng trong *Iliade*, với một niềm say mê và sự kiên nhẫn vô bờ bến. Cuối năm học, lớp tôi tổ chức biểu diễn một vở bi kịch, chính là vở *Électre*, tại phòng tập thể dục của trường được sửa sang lại cho dịp đó; và tôi được chọn đóng vai chính. Tôi mặc một cái váy dài màu trắng, đi dép xăng đan, và đội một bộ tóc giả với những sợi quăn màu đen dài rủ xuống hai vai: khi ngắm mình trong gương, tôi tưởng như đang nhìn thấy Una, và suýt nữa thì ngất xỉu. Chúng tôi đã bị chia lìa từ gần một năm. Khi bước ra sân khấu, lòng tôi tràn ngập nỗi hận thù và tình yêu và xúc cảm đối với cơ thể trẻ trung

trinh nguyên của mình đến nỗi không nhìn thấy gì, không nghe thấy gì nữa cả; khi tôi rên rỉ *Ôi Oreste của chị, cái chết của em giết chết chị*, nước mắt bắt đầu ứa ra. Oreste xuất hiện trở lại, bị Érinye ám, tôi bèn hét lên, tuôn trào những mệnh lệnh trong thứ ngôn ngữ đẹp và cao quý đến nhường ấy, *Đi đi nào, thêm một lần nữa*, nếu em còn đủ sức, tôi hét lên, tôi khích lệ chàng, tôi giục chàng đi giết người, *Chóng giết hắn đi, rồi bày xác hắn ra: sẽ có đủ bọn phu đào huyệt thích hợp*. Và khi vở kịch kết thúc, tôi không nghe thấy tiếng vỗ tay, tôi không nghe thấy những lời chúc mừng của cha Labourie, tôi òa lên khóc nức nở, và cuộc chém giết trong các cung điện của nhà Atride cũng chính là thứ máu chảy lênh láng trong nhà tôi.

Thomas, có vẻ như đã hoàn toàn bình phục sau tai nạn, lấy giọng bạn bè trách móc, nhưng tôi không thèm để ý. Để trêu anh, khi dứt được khỏi các trang tác phẩm của Sophocle, tôi trích cho anh mấy câu của Joseph de Maistre: *Thế nào là một trận chiến thất bại? Đó là trận chiến mà người ta nghĩ là thất bại*. Sung sướng, Thomas cho sơn những lời đó lên một tấm biển và treo trong hành lang chung của chúng tôi: có vẻ như là anh được Möritz khen ngợi, và câu châm ngôn mới đến tai tận tướng Schmidt, ông ta muốn sử dụng nó làm khẩu hiệu cho cả đại đoàn; nhưng người ta nói rằng Paulus không cho phép. Cả Thomas lẫn tôi, theo một thỏa thuận chung, đều không nói gì đến chuyện sơ tán; tuy nhiên, ai cũng biết rằng đó chỉ còn là vấn đề ngày một ngày hai, và những kẻ đặc tuyển gặp vận của Wehrmacht đã kịp đi rồi. Tôi đắm mình vào trong sự hờ hững đáng hổ thẹn; chỉ nỗi ám ảnh về căn bệnh sốt chấy rận mới thỉnh thoảng làm tôi nhức nhích được một chút và, không chỉ hài lòng với việc săm soi mắt và miệng, tôi còn cởi hết quần áo để tìm kiếm những vệt màu đen trên người. Còn những đợt tiêu chảy, tôi không nghĩ đến nữa, thậm chí khi ngồi xổm trong nhà tiêu thối hoăng tôi còn tìm lại được một chút yên bình nhất định, và tôi những muốn, giống như khi còn là một đứa trẻ, chui vào trong đó hàng giờ để đọc sách, nhưng không có đèn, không có cả cửa, nên tôi chỉ có thể hài lòng

với một điếu thuốc lá, một trong những điếu cuối cùng. Cơn sốt, giờ đây đã gần như thường trực, giống như một cái vỏ kén nóng bỏng để tôi cuộn mình lại nằm ở trong, và tôi điên lên vì sung sướng, tận hưởng sự bẩn thỉu, mồ hôi, làn da khô quắt lại, đôi mắt hao mòn của mình. Từ nhiều ngày nay tôi không cạo râu nữa và một bộ râu ngắn màu hung đỏ càng khiến tôi cảm thấy sự bẩn thỉu và thờ ơ một cách mãnh liệt hơn. Cái tai đau của tôi mưng mủ, thỉnh thoảng ong ong giống như một cái chuông hoặc tiếng còi đinh tai; đôi lúc tôi không còn nghe thấy gì nữa. Sau khi Pitomnik thất thủ là đến một đợt yên ắng kéo dài vài ngày; rồi, khoảng 20 tháng Giêng, tiến trình nghiền nát *Kessel* một cách có hệ thống lại tiếp tục (tôi đã xem lại ngày tháng trong sách vở chứ không nhớ được, vì với tôi lịch đã trở thành một khái niệm trừu tượng, kỷ niệm thoáng qua về một thế giới đã tận diệt). Sau đợt ấm hồi đầu năm, nhiệt độ tụt xuống dữ dội, xuống đến âm 25 hoặc 30 độ. Những đống lửa nhỏ đốt trong các thùng dầu rỗng không đủ sức sưởi ấm thương binh; ngay cả trong thành phố, lính tráng cũng phải bọc vải quanh dương vật để đi tiểu, một mảnh vải thối hoăng, luôn được cất giữ cẩn thận trong túi; và những người khác lợi dụng các cơ hội đó để chìa bàn tay sưng phồng vì cước ra hứng lấy tia nước ấm. Tất cả các chi tiết này đều được báo cáo về chỗ tôi từ các cơ chế ngái ngủ của quân đội; cũng ngái ngủ như vậy, tôi đọc và sắp xếp các báo cáo đó, sau khi đã dán cho mỗi cái một con số riêng; nhưng đã khá lâu tôi không còn tự viết báo cáo nữa. Khi Möritz muốn có thông tin, tôi vơ cầu may vài báo cáo của bên Abwehr và mang đến cho ông ta; có thể Thomas đã nói với ông ta là tôi bị ốm, ông ta nhìn tôi vẻ rất kỳ cục nhưng không nói gì. Thomas, để nói thêm về anh, không bao giờ trả lại cái khăn cho tôi, và khi đi ra ngoài trời hít thở không khí tôi bị lạnh cổ: nhưng tôi vẫn đi ra, mùi hôi nồng của các tòa nhà đã trở nên không thể chịu đựng nổi. Tôi rất tò mò vì sự hồi phục chóng vánh của Thomas: anh có vẻ hoàn toàn khỏe mạnh, và khi tôi đem chuyện đó ra hỏi, nhướng mày đầy ẩn ý và nhìn xuống bụng anh: "Sao rồi, ổn chứ?" anh liền lấy vẻ mặt bối rối mà đáp: "Ổn,

rất ổn, tại sao lại không ổn mới được chứ?" Nhưng các vết thương và những cơn sốt của tôi thì không hề khỏi, tôi rất muốn biết bí mật của anh. Một hôm, chắc là ngày 20 hoặc 21, tôi đi ra phố hút thuốc và không lâu sau đó Thomas cũng đi ra. Bầu trời sáng và quang đãng, lạnh cắt da cắt thịt, mặt trời rọi chiếu khắp nơi qua các mặt tiền nhà trống hơ trống hoác rồi phản chiếu trên mặt tuyết khô, rực rỡ, chói mắt, và các nơi nó không chiếu được đến trở thành những đoạn bóng tối lạnh ngắt. "Cậu nghe thấy không?" Thomas hỏi, nhưng cái tai đau của tôi cứ ong ong, tôi không nghe thấy gì cả. "Đến đây đi." Anh kéo tay áo tôi. Chúng tôi đi vòng qua tòa nhà và khám phá một cảnh tượng kỳ cục: hai hoặc ba Landser, quấn mình ấm áp trong áo capôt hoặc chăn, đang tụ tập gần một cây đàn piano đứng đặt ở giữa phố. Một người lính ngồi trên cái ghế đẩu nhỏ đang chơi, và những người khác có vẻ chăm chú lắng nghe, nhưng tôi không nghe thấy gì, thật lạ lùng, và điều đó làm tôi buồn: cả tôi nữa, tôi cũng muốn nghe thứ âm nhạc đó, tôi nghĩ mình cũng có quyền giống như mọi người khác. Vài người Ukraine đi về phía chúng tôi; tôi nhận ra Ivan đang lấy tay ra hiệu với tôi. Tai tôi phát ngứa khủng khiếp, tôi không còn nghe thấy gì nữa: ngay cả những lời của Thomas, lúc đó đang ở sát liền bên cạnh tôi, cũng chỉ còn vẳng đến như một tiếng ầm ào lẫn lộn. Tôi có cái cảm giác khủng khiếp và đáng sợ là mình đang phải sống trong một bộ phim câm. Tức tối, tôi giật cái băng gạc ra và chọc ngón tay út vào lỗ tai; một cái gì đó bị thủng, một đợt mủ bẩn lên tay tôi và chảy xuống cổ áo lông. Tôi thấy nhẹ nhõm được một chút nhưng vẫn không nghe thấy gì; cây đàn piano, nếu tôi hướng tai về hướng ấy, có vẻ như đang phát ra âm thanh nước chảy; tai kia không khá khẩm gì hơn; thất vọng, tôi quay lưng và chậm rãi đi khỏi. Ánh nắng tuyệt đẹp như thể đèo gọt từng chi tiết trên các mặt tiền lởm chởm. Từ sau lưng, cảm thấy có điều gì đó xảy ra, tôi bèn quay lại: Thomas và Ivan đang rối rít ra hiệu, những người khác thì nhìn tôi. Tôi không biết họ muốn gì, nhưng thấy ngượng vì trở thành trung tâm của sự chú ý như thế, tôi thân ái ra hiệu trả lời và tiếp tục bước đi. Tôi

còn liếc nhìn họ một lần nữa: Ivan chạy về phía tôi, nhưng tôi bị lăng đi vì một cú đập nhẹ lên trán: một mảnh vữa, có thể là như vậy, hoặc một con côn trùng, bởi vì khi tôi lần tay sờ lên, một giọt máu hiện ra lóng lánh trên ngón tay. Tôi chùi sạch và tiếp tục đi về phía sông Volga, chắc là nằm ở ngay gần. Đây là khu vực mà tôi biết là chúng tôi đang giữ được đoạn bờ sông; thế nhưng tôi vẫn chưa lần nào được nhìn thấy con sông Volga lừng danh ấy, và tôi cả quyết tiến bước về hướng đó, để được nhìn thấy nó ít nhất là một lần trước khi rời khỏi cái thành phố này. Đường sá đã nằm hẳn dưới những đống đổ nát hỗn độn yên ắng và vắng vẻ, được mặt trời tháng Giêng rọi chiếu, rất tĩnh lặng và tôi thấy vô cùng dễ chịu; nếu có những phát súng, thì tôi cũng không nghe thấy gì. Không khí lạnh giá làm tôi thấy khỏe hẳn ra. Mủ đã ngừng chảy từ tai tôi, điều này khiến tôi hy vọng là ổ viêm đã bị chọc thủng hoàn toàn; tôi cảm thấy thư thái và tràn trề sức lực. Sau những tòa nhà cuối cùng, trên các vách đá soi bóng xuống dòng sông khổng lồ, một đường tàu chạy qua, bị bỏ hoang, các thanh ray đã bị gỉ ăn gần hết. Quá đó là bề mặt màu trắng của dòng sông phủ đầy băng, rồi xa hơn nữa là bờ bên kia, nơi chúng tôi chưa bao giờ đặt được chân lên, phẳng lì và cũng màu trắng và hoang vắng. Xung quanh tôi không có một ai, tôi không nhìn thấy chiến hào hay cứ điểm nào, chắc chiến tuyến nằm ở đoạn trên kia. Thấy vững tâm, tôi trèo qua taluy rải cát dốc đứng và ra đến bờ sông. Thoạt tiên ngần ngừ, rồi cảm thấy tự tin hơn, tôi đặt một bàn chân lên lớp băng phủ tuyết, rồi đến lượt nốt chân bên kia: tôi bước đi trên sông Volga, và việc này làm tôi thấy sung sướng như một đứa trẻ con. Những bông tuyết bị một đợt gió nhẹ thổi tung lên từ mặt băng xoay tròn trong ánh nắng, thứ ma trơi li ti xung quanh hai bàn chân tôi. Trước mặt, một cái hố tối đen mở ra trên mặt băng, khá rộng, hẳn là bị một quả đạn pháo cỡ lớn không qua được sông rơi trúng vào; dưới hố, nước chảy xiết, gần như biến thành màu xanh lá cây dưới ánh nắng, tươi mát, hấp dẫn; tôi cúi xuống và nhúng tay vào nước, có vẻ không hề lạnh: dùng hai tay vốc nước, tôi rửa mặt, tai, gáy, rồi uống nhiều ngụm

liền. Tôi cởi áo lông, gấp lại thật cẩn thận, đặt nó xuống băng cùng với mũ cát kết, rồi, hít vào thật sâu, tôi nhảy xuống nước. Nước trong vắt và đầy ân cần, ấm áp như trong bụng mẹ. Luồng nước chảy xiết tạo ra những đoạn xoáy nhanh chóng cuốn tôi xuống dưới lớp băng. Đủ mọi thứ xuất hiện bên cạnh tôi, và tôi nhìn thấy rất rõ trong làn nước xanh đó: những con ngựa bị dòng nước du đi mấy cái chân trông như đang phi nước đại, những con cá to mồng dính chuyên ăn rác, các xác lính Nga mặt trương phềnh, người quấn trong những cái áo choàng màu nâu dị hợm, các mẩu áo quần và quân phục, những lá cờ thủng lỗnh bềnh trên cán, một cái bánh xe bò chắc bị nhúng trong dầu, vẫn vừa quay vừa cháy trong nước. Một cái xác xô vào tôi, rồi lại tiếp tục trôi; nó mặc quân phục Đức; trong khi nó đang trôi đi tôi nhìn được khuôn mặt và những lọn tóc vàng dập dờn, đó là Voss, miệng đang mỉm cười. Tôi định tóm lấy anh nhưng một đợt sóng đã làm tăng khoảng cách giữa chúng tôi và, khi tôi vững lại được, anh đã biến mất. Phía trên đầu tôi, băng tạo thành một tấm màn bí hiểm, nhưng trong phổi tôi vẫn còn không khí, tôi không thấy lo lắng và tiếp tục bơi, vượt qua những con thuyền đầm chất đầy xác đàn ông trẻ tuổi đẹp đẽ ngồi thành hàng, súng vẫn cầm trên tay, những con cá nhỏ tung tăng bơi giữa những mái tóc bị dòng nước khuấy động. Rồi trước mặt tôi nước chậm rãi sáng dần lên, những cột ánh sáng màu xanh lá cây chiếu xuống qua các lỗ băng thủng, trở thành một cánh rừng rồi dần dần hòa lẫn vào với nhau, khi các khối băng đã cách xa nhau hơn. Cuối cùng tôi cũng trồi lên mặt nước để lấy hơi. Một tảng băng nhỏ va vào người tôi, tôi lại lặn xuống, khỏa tay lấy lại thăng bằng, và lại nổi lên. Đoạn sông này gần như không có băng. Phía thượng nguồn, bên tay trái, một chiếc xe của Nga rơi xuống nước, bị lật nghiêng, vẫn đang cháy nhè nhẹ. Mặc dù có mặt trời, vẫn có vài bông tuyết lớn sáng rực rơi xuống, rồi tan biến ngay khi chạm vào nước. Dùng hai tay khỏa sang hai bên, tôi quay đầu nhìn lại: thành phố nằm suốt dọc bờ sông, đang biến dần đi sau một tấm rido khói đen dày đặc. Phía trên đầu tôi, những con mòng biển đang vừa bay vòng vòng

vừa kêu, ném xuống tôi những ánh mắt bối rối, hoặc có thể là tính toán, rồi đậu xuống một tảng băng; tuy nhiên biển ở cách rất xa đây cơ mà; liệu có phải là chúng từ Astrakhan đến không? Những con chim sẻ cũng đang chao lượn và dập dờn trên mặt nước. Tôi bắt đầu thong thả bơi về phía tả ngạn. Cuối cùng chân tôi chạm được xuống đất và tôi lên bờ. Bãi cát ở đây rất mịn, hơi dốc lên, tạo thành những đụn nhỏ; đi quá lên khỏi đó, tất cả đều phẳng lì. Theo lôgic thì hẳn là tôi đang ở đoạn Krasnaia Sloboda, nhưng tôi không nhìn thấy gì, cả pháo binh xếp hàng, chiến hào, làng mạc lẫn lính tráng, không ai hết cả. Vài cái cây xơ xác nằm trên đỉnh những đụn cát hoặc nghiêng xuống dòng Volga đang cuồn cuộn chảy sau lưng tôi; đây đó, một con chim hồng tước đang hót; một con rắn nước chạy luồn qua hai chân tôi và biến mất vào cát. Tôi trèo lên những đụn cát và nhìn ra xung quanh: trước mặt tôi trải rộng một thảo nguyên gần như trơ trọi, đất màu trơ điểm xuyết một chút tuyết, với đôi chỗ một thứ gì đó có màu nâu, thấp, cằn, và vài túm ngải; phía Nam, một hàng tiêu huyền chấn lấy tầm mắt, hẳn là chạy dọc theo một dòng kênh dẫn nước; ngoài đó ra không có gì khác nữa cả. Tôi lục trong túi áo varoi và rút ra bao thuốc lá, nhưng nó đã ướt nhẹp. Quần áo ướt dính nhép vào da, nhưng tôi không thấy lạnh, không khí dịu và nhẹ nhõm. Đúng lúc đó tôi cảm thấy một cơn mệt mỏi ập đến, hẳn là hiệu ứng sau khi bơi: tôi ngã quỵ xuống và chọc những ngón tay vào nền đất cứng, vẫn còn giá lạnh mùa đông. Cuối cùng tôi cũng bốc được vài mẩu đất và nhét vội chúng vào miệng. Chúng có vị hơi hắc, đầy mùi khoáng chất, nhưng khi hòa vào với nước bọt của tôi thì thứ đất đó lại tỏa ra vị gần như thuộc về cây cỏ, một sức sống của thực vật, tuy nhiên tôi cũng thấy chưng hửng; tôi muốn nó mềm, nóng và ngậy hơn, rằng nó tan chảy vào trong miệng, và rằng tôi có thể nhấn chìm cả con người mình vào đó, được lăn vào đó như vào trong một nấm mộ. Ở vùng Caucase, các dân tộc miền núi có một phương pháp đào mộ rất kỳ lạ: trước tiên họ đào một cái hố theo chiều thẳng đứng, sâu hai mét; sau đó, ở dưới đáy, họ đào một cái hốc bên ngách, tạo thành một cái tổ chênh chếch; người chết,

không có quan tài, được bọc vào một tấm vải liệm trắng, và đặt nằm nghiêng vào phần đào thêm này, mặt quay về hướng Đất Thánh; rồi người ta chặn cái hốc lại bằng cách xây gạch hoặc gá những thanh gỗ nếu gia đình đó nghèo, và sau đó lấp kín cái hố, đất thừa sẽ tạo thành một cái gò dài; thế nhưng người chết không nằm dưới gò đất đó, mà ở ngay bên cạnh. Đó chính là, tôi tự nhủ khi nghe nghe miêu tả tập quán, một cái mộ rất hợp với mình, ít nhất thì sự khủng khiếp giá lạnh của việc đó cũng hết sức rõ ràng, và rồi hẳn là như vậy sẽ tiện nghi hơn, có thể là gần gũi hơn nữa. Nhưng ở đây không có ai để giúp tôi đào hố và tôi cũng không có thứ dụng cụ nào, thậm chí không có lấy cả một con dao găm: vì vậy tôi bắt đầu bước đi, chếch theo hướng mặt trời. Đó là một bình nguyên rộng lớn hoang vắng, không có cả những gì sống động trên mặt đất đến những gì đã chết dưới lòng đất; và tôi bước đi thật lâu dưới một bầu trời trong suốt, không còn biết được lúc này đang là mấy giờ nữa (đồng hồ đeo tay của tôi, đã được lên theo giờ Berlin như tất cả các đồng hồ đeo tay của Wehrmacht, đã không trụ được khi chạm nước và vĩnh viễn chỉ mười hai giờ kém mười ba phút trưa). Đây đó mọc lên một cây mào gà đỏ chói, những đốm màu duy nhất trong cả khung cảnh buồn thảm này; nhưng khi tôi thử hái một bông, nó liền chuyển ngay sang màu ghi và tan biến thành một làn tro mảnh. Cuối cùng, tôi nhìn thấy những bóng hình từ xa xa. Khi tiến lại gần tôi nhận ra đó là một khí cầu thuôn dài màu trắng đang treo lơ lửng trên một gò mộ lớn. Nhiều bóng người đang đi lại trên các sườn của nấm mồ: ba trong số đó tách khỏi nhóm và tiến về phía tôi. Khi chúng đã đến khá gần tôi nhìn thấy chúng mặc những chiếc bờ lu trắng trên bộ comlê, với những cái cổ giả cao hơi lỗi mốt và những chiếc cà vạt đen; một trong số đó còn đội một cái mũ quả dưa. "*Guten Tag, meine Herren*," tôi lịch sự nói khi chúng đến trước mặt. "Chào ông," người đội mũ chào lại bằng tiếng Pháp. Hắn ta hỏi tôi đang làm gì ở đây và, bằng cùng thứ tiếng đó, tôi cố gắng giải thích theo cách tốt nhất mà mình có thể. Hai người còn lại gật đầu. Khi tôi đã kể xong chuyện, người đàn ông đội mũ nói: "Đã vậy thì

ông phải đi cùng chúng tôi; tiến sĩ muốn nói chuyện với ông." – "Nếu như ông muốn. Tiến sĩ là ai?" – "Tiến sĩ Sardine, người chỉ huy của đoàn chúng tôi." Họ dẫn tôi đến chân gò mộ; ba sợi dây cáp to tướng neo chặt khí cầu, một quả bóng lớn đang chao đảo một cách chậm rãi trong làn gió nhẹ phía trên cao cách đầu chúng tôi khoảng năm mươi mét, thân hình dài hình ôvan của nó mang một cái giỏ kim loại hai tầng. Một sợi dây cáp khác, mảnh hơn, như thể được dùng làm dây điện thoại: một trong những người đàn ông nói vài câu vào một cái ống nói đặt trên chiếc bàn gấp. Trên gò mộ, những người khác đang đào bới, đo đạc, tính toán. Tôi lại ngẩng đầu lên: một cái giỏ nhỏ được chầm chậm thả xuống từ giỏ chính, lắc lư dữ dội trong cơn gió mạnh. Khi nó xuống đến gần mặt đất hai người đàn ông bèn túm lấy và kéo xuống. Cái giỏ này được làm từ các thanh nẹp tròn và cành liễu xoắn; người đàn ông đội mũ quả dưa mở một cánh cửa ra và ra hiệu bảo tôi ngồi vào đó; rồi hắn ta đi vào cùng tôi và đóng cửa lại. Sợi dây cáp bắt đầu đi lên và bằng một cú giật mạnh cái giỏ rời mặt đất; cộng thêm trọng lượng của chúng tôi, nó lắc lư ít hơn, nhưng dù sao nó cũng gây ra một chút cảm giác say sóng và tôi bám chặt vào bên cạnh; kẻ áp giải đặt tay lên mũ để giữ cho nó khỏi bay mất. Tôi nhìn xuống thảo nguyên: xa hút tầm mắt cũng không có một bóng cây, không một ngôi nhà, ở đường chân trời chỉ có duy nhất một dạng cái bướu, hẳn là một gò mộ khác.

Cái giỏ đi qua một cửa sập vào một căn phòng của giỏ chính; từ đó, kẻ áp giải đưa tôi đi lên một cầu thang xoáy trôn ốc, rồi xuống một hành lang dài. Ở đây, tất cả đều được làm bằng nhôm, thiếc, đồng thau, gỗ cứng và nhẵn bóng: quả thực là một cái máy rất đẹp. Đến một cánh cửa bịt nệm, người đàn ông bấm vào một cái nút nhỏ. Cửa mở ra,ông ta ra hiệu bảo tôi vào, và không đi theo vào cùng.

Đó là một phòng lớn, sát tường là một băng ghế và một cửa kính chạy dài, và đồ đạc là những cái giá, ở giữa đặt một cái bàn dài chất đống những thứ đồ lặt vặt lộn xộn: sách, bản đồ, quả địa cầu, thú nhồi bông, ma két xe cộ tưởng tượng, các dụng cụ viễn

vọng, ống kính, định hướng. Một con mèo trắng mất nhiều màu lặng lẽ đi lại giữa những đồ vật đó. Một người đàn ông bé nhỏ, cũng mặc áo bờ lu trắng, ngồi thu mình lại trên một cái ghế ở rìa bàn; khi tôi bước vào ông ta quay lại bằng cách xoay cả cái ghế. Tóc ông ta, lốm đốm ghi và chảy hất ra đằng sau, có vẻ bẩn thỉu và rối bù; một đôi kính gọng lớn đeo hất trên trán cố định chúng lại. Khuôn mặt hơi nhăn nhúm của ông ta lởm chởm râu ria và có vẻ cau có, khó chịu. "Vào đi! Vào đi..." ông ta nghiến răng, giọng rè rè. Ông ta chỉ bằng ghế dài: "Anh ngồi xuống đi." Tôi vòng qua cái bàn và ngồi xuống, hai chân vắt chéo. Ông ta phun nước bọt trong khi nói; những mẩu vụn còn lại từ bữa ăn trước vương trên áo bờ lu. "Anh trẻ quá nhỉ!..." ông ta kêu lên. Tôi hơi ngoái đầu lại và ngắm nhìn thảo nguyên trơ trọi qua cửa kính, rồi lại nhìn người đàn ông. "Tôi là Hauptsturmführer tiến sĩ Maximilien Aue, xin được phục vụ ông," cuối cùng tôi nói và lịch sự cúi đầu xuống. – "A! ông ta ré lên, một tiến sĩ! một tiến sĩ! Tiến sĩ gì?" – "Luật, thưa ông." – "Một luật sư!" Ông ta nhảy dựng lên khỏi ghế. "Một luật sư! Giống xấu xa... bị nguyền rủa! Các anh còn tệ hại hơn cả bọn Do Thái! Còn tệ hại hơn cả bọn chủ nhà băng! Còn tệ hại hơn cả bọn bảo hoàng!" – "Tôi không phải là luật sư, thưa ông. Tôi là luật gia, chuyên về luật hiến pháp, và là sĩ quan của *Schulzstaffel*." Ông ta bình tĩnh lại một cách đột ngột và ngồi phịch xuống: hai chân ông ta, quá ngắn so với cái ghế, treo lơ lửng cách mặt đất vài xăngtimet. "Cũng chẳng hơn gì mấy đâu..." Ông ta suy nghĩ. "Tôi cũng là tiến sĩ. Nhưng... về những điều có ích. Sardine, tôi là Sardine, tiến sĩ Sardine..." – "Rất hân hạnh, thưa tiến sĩ." – "Tôi thì chưa thấy hân hạnh. Anh làm gì ở đây?" – "Trên khinh khí cầu của ông ấy à? Các đồng nghiệp của ông đã mời tôi lên đây." – "Mời... mời... một từ to tát. Tôi muốn nói là ở đây, trong vùng này." – "À, thì tôi đang bước đi." – "Anh đang bước đi... rồi! Nhưng là để đi đâu?" – "Tôi bước đi vô định vậy thôi. Nói thật lòng là tôi hơi bị lạc đường một chút." Ông ta cúi người ra phía trước vẻ nghi ngại, hai tay bám chắc lấy hai bên thành ghế: "Anh có chắc chắn về điều đó không?... Anh không có

một cái đích cụ thể?!" – "Tôi phải thú nhận là không." Nhưng ông ta vẫn lẩm bẩm: "Thú nhận đi, thú nhận đi... không phải là anh đang tìm kiếm một cái gì đó... không phải là anh đang... đi tìm tôi! không phải là các đối thủ cạnh tranh của tôi sai anh đến đấy chứ!..." Ông ta tự thấy phấn khích. "Vậy thì tại sao anh lại tìm ra chúng tôi được?" – "Khí cầu của ông có thể nhìn thấy từ rất xa, trên cái bình nguyên này." Nhưng ông ta không cắn câu: "Không phải anh là một tay chân của Finkelstein đấy chứ...! của Kraschild! Những kẻ cùng một giuộc, cái đám đầy lòng ghen tị đó... lúc nào cũng trương phềnh lên vì tầm quan trọng của bọn họ... bọn béo! bọn lùn! bọn đánh giày! bọn giả mạo bằng cấp và kết quả..." – "Cho phép tôi nêu một nhận xét với ông, thưa tiến sĩ, rằng hẳn là ông không thường xuyên đọc báo. Nếu không hẳn là ông đã biết rằng một người Đức, và còn hơn thế nữa, một sĩ quan SS, hiếm khi nào phục vụ bọn Do Thái. Tôi không biết những quý ngài mà ông vừa nói đến, nhưng nếu gặp họ, thì hẳn là tôi sẽ có nghĩa vụ bắt họ ngay." – "Phải... phải... ông ta vừa nói vừa cọ cọ ngón tay lên môi dưới, rất có thể, quả có vậy..." Ông ta lục tìm trong túi áo bờ lu và rút ra một cái túi nhỏ bằng da; ông ta dùng hai ngón tay vàng khè vì nicôtin khoắng từ trong đó một túm thuốc lá và bắt đầu cuốn một điếu thuốc. Vì không có vẻ gì là ông ta muốn mời tôi, tôi lại lấy bao thuốc của mình ra: nó đã khô, và bằng cách cuốn chặt và dỗ dỗ một điếu thuốc, tôi có được một điếu thuốc khá dĩ chấp nhận được. Ngược lại, những que diêm hỏng hết cả; tôi nhìn lên bàn, nhưng không thấy có que nào giữa đống đồ lổn nhổn kia. "Ông có lửa không, thưa tiến sĩ?" tôi hỏi. – "Đợi một lát, chàng trai trẻ, một lát..." Ông ta đã cuốn xong điếu thuốc, nhấc từ trên bàn một khối lập phương khá to bằng thiếc lên, nhét điếu thuốc của mình vào một cái lỗ, và bấm một cái nút nhỏ. Rồi ông ta chờ đợi. Sau vài phút mà tôi thấy khá dài, một tiếng *ping* vang lên: ông ta rút điếu thuốc ra, đầu nó đã đỏ rực. "Hay không?" – "Rất hay. Nhưng có lẽ là hơi chậm." – "Tại điện trở đấy. Đưa tôi điếu thuốc của anh." Tôi chìa nó cho ông ta và ông ta lặp lại những động tác lúc vừa nãy, vừa làm vừa thổi phù

phù; lần này, tiếng *ping* vang lên sớm hơn một chút. "Đây là thói xấu cuối cùng của tôi..., ông ta lẩm bẩm, thói xấu duy nhất đấy! Tất cả những thứ khác... kết thúc! Rượu... một thứ thuốc độc... Còn về chuyện ngủ nghê... Tất cả những giống cái tham lam đó! màu sắc sặc sỡ lố lăng! giang mai! sẵn sàng mút sạch thiên tài của một người đàn ông... cắt bao quy đầu tâm hồn anh ta!... Đấy là còn chưa nói đến mối nguy sinh ra những đứa con... khắp mọi nơi... Dù cho có làm gì, người ta cũng không thể thoát ra khỏi, đâu đâu chúng cũng xoay xở được... một sự đồi bại! Những cái xấu xí mọc vú! quẫy đạp suốt! diêm diêm dúa dúa, đang chờ đợi để xuống tay cái đòn kết liễu! Lúc nào cũng lên cơn động đực! Những thứ mùi! suốt cả năm! Một con người của khoa học phải biết cách quay lưng lại tất cả những cái đó. Tự tạo cho mình một cái mai rùa bằng quan... của ý chí... *Noli me tangere.*" Trong khi hút thuốc, ông ta để tàn rơi xuống đất; vì không nhìn thấy cái gạt tàn nào, tôi cũng bắt chước ông ta. Con mèo trắng cọ gáy vào một cái máy lục phân. Đột nhiên, Sardine hạ kính xuống mắt và cúi người xuống để nhìn tôi thật kỹ: "Cả anh nữa, anh cũng đang tìm kiếm nơi tận cùng thế giới?" – "Xin lỗi, ông nói gì cơ?" – "Tận cùng thế giới! Tận cùng thế giới! Đừng có làm ra vẻ ngây thơ. Còn có điều gì khác đưa anh đến đây được nữa đâu." – "Tôi không biết ông đang muốn nói gì, thưa tiến sĩ." Ông ta cười nắc lên, bật dậy khỏi cái ghế, đi vòng quanh bàn, cầm lấy một thứ đồ vật và ném vào đầu tôi. Tôi vừa kịp bắt được nó. Đó là một chóp hình nón, đặt trên một cái bệ, được vẽ như một quả địa cầu với các lục địa vòng vòng ở trên; cái nền phẳng màu ghi mang dòng chữ: TERRA INCOGNITA. "Đừng nói với tôi rằng anh chưa bao giờ nhìn thấy cái đó!" Sardine đã quay trở lại chỗ của mình và đang cuốn một điếu thuốc khác. "Chưa bao giờ, thưa tiến sĩ, tôi trả lời. Cái gì thế?" – "Đó là Trái đất! Đồ dốt nát! Đồ giả dối! Đạo đức rởm!" – "Tôi thực sự lấy làm tiếc, thưa tiến sĩ. Ở trường, người ta đã dạy cho tôi rằng Trái đất có hình tròn." Ông ta phát ra một tiếng càu nhàu dữ dội: "Vớ vẩn! Tầm phào!... Những thứ lý thuyết thời Trung cổ... lỗi thời... Sự mê tín! Đây này!" ông ta vừa

hú lên vừa chĩa điếu thuốc lá vào hình chóp mà tôi vẫn cầm trên tay, "Đây này! Đây mới là sự thật này! Và tôi sẽ chứng minh điều đó! Lúc này, chúng ta đang di chuyển về phía Rìa." Quả thực, tôi nhận ra cabin đang rung lên nhè nhẹ. Tôi nhìn ra ngoài cửa kính: khí cầu đã nhổ neo và chậm rãi bay lên cao. "Và khi chúng ta đến đó, tôi thận trọng dò hỏi, cái máy của ông sẽ bay qua phía trên nó à?" – "Đừng có làm ra vẻ dần độn nữa! Đồ ngu dốt. Anh là một người có học, chính anh đã nói thế cơ mà. Suy nghĩ đi! Chắc chắn là bắt đầu từ Rìa sẽ không còn trường trọng lực nữa. Nếu không thì từ lâu người ta đã chỉ ra điều hiển nhiên rồi!" – "Nhưng thế thì ông định sẽ làm thế nào?..." – "Đó là toàn bộ thiên tài của tôi, ông ta đáp lời, vẻ lâu lỉnh. Cái máy này còn giấu bên trong một cái máy khác nữa." Ông ta đứng dậy và đến ngồi cạnh tôi. "Tôi sẽ nói cho anh. Dù sao thì anh cũng sẽ ở lại với chúng tôi. Anh, Kẻ Dốt nát, anh sẽ là Nhân chứng. Ở Rìa thế giới, chúng ta sẽ hạ xuống, chúng ta sẽ xì hơi quả bóng, ở đó, ở phía trên đó, nó sẽ thu lại và được xếp vào một cái ngăn được dự liệu từ trước. Bên dưới, có những cái chân gấp lại được, có khớp, tổng cộng là tám cái, đoạn dưới cùng lắp những cái panh rất cứng." Trong khi nói, ông ta lấy các ngón tay bắt chước cử động của những cái panh. "Những cái panh này có thể bám vào được bất kể loại địa hình nào. Như vậy, chúng ta sẽ trôi qua Rìa Lớn theo cách của một con côn trùng, một con nhện. Nhưng chúng ta sẽ trôi qua đó! Tôi không kém phần hãnh diện đâu... Anh có tưởng tượng được không?! Những khó khăn... trong thời chiến... để làm ra được một cái máy như thế này?... phải mặc cả gay go với quân chiếm đóng? Với cái lũ ngu dốt tột độ của chính phủ Vichy, uống nước khoáng đến phát say? Với quân phiến loạn... Toàn bộ cái thứ xúp bảng chữ cái hỗ lốn đó, đông đặc bọn dần độn, đầu nhỏ xíu, bọn cơ hội? Và ngay cả với bọn Do Thái! Vâng, thưa ông sĩ quan Đức, cả bọn Do Thái nữa! Một con người của khoa học không thể có những băn khoăn vớ vẩn... Anh ta phải sẵn sàng ký giao ước với quỷ nếu cần." Một tiếng còi vang lên đâu đó trên khí cầu, cắt ngang lời ông ta. Ông ta đứng dậy: "Tôi phải đi. Đợi tôi ở đây." Ra đến cửa, ông ta quay

đầu lại: "Đừng có động vào cái gì đấy!" Còn lại một mình, tôi cũng đứng dậy và đi vài bước. Tôi chìa những ngón tay ra để vuốt ve con mèo có đôi mắt nhiều màu, nhưng nó đã nhe răng xù lông rít lên. Tôi lại nhìn những thứ đồ vật chồng chất trên cái bàn dài, gõ tay lên vài thứ, lật giở một quyển sách, rồi đến quỳ gối lên băng ghế và ngắm nhìn thảo nguyên. Một dòng sông cắt ngang nó, chảy ngoằn ngoèo một cách hiền hòa, phản chiếu lại ánh mặt trời. Tôi nghĩ là mình nhìn thấy một vật gì đó trên mặt nước. Ở cuối căn phòng, một ống nhòm đặt trên giá đỡ, đang dựng trước cửa kính. Tôi gí một mắt vào đó, quay núm chỉnh tiêu cự để nhìn rõ vật kia. Đó là một cái thuyền với những người ở trên. Tôi chỉnh nét. Một người phụ nữ trần truồng đang ngồi giữa thuyền, những bông hoa cài trên tóc; trước và sau nàng, hai sinh thể khủng khiếp, dưới hình dạng của con người và cũng trần truồng, đang chèo thuyền. Người phụ nữ có mái tóc dài màu đen. Tim bỗng nhiên đập dồn dập, tôi tìm cách nhìn rõ khuôn mặt nàng, nhưng rất khó để thấy được các đường nét. Dần dần, sự chắc chắn trở nên không có gì phải bàn cãi nữa: đó là Una, em gái tôi. Nàng đang đi đâu thế này? Những chiếc canô khác đang đi theo thuyền của nàng, phủ đầy hoa, trông giống như một đám cưới. Tôi cần phải đến chỗ nàng. Nhưng bằng cách nào bây giờ? Tôi chạy vội ra khỏi cabin, lao xuống cầu thang xoáy trôn ốc: trong căn phòng để cái giỏ, có một người đàn ông: "Tiến sĩ đâu? tôi thở hổn hển. Ông ấy đâu rồi? Tôi phải gặp ông ấy." Ông ta ra hiệu bảo tôi đi theo và dẫn tôi về phía trước khí cầu, đưa tôi vào cabin chỉ huy nơi, trước một cửa kính tròn lớn, những người đàn ông mặc áo bờ lu trắng đang bận rộn làm việc. Sardine ngồi trên một cái ghế phôtơi cao trước một tấm bảng chỉ huy. "Anh muốn gì?" ông ta hỏi thẳng băng khi nhìn thấy tôi. "Tiến sĩ... tôi phải xuống. Đây là một vấn đề sống còn." – "Không thể được! ông ta hét lên lanh lảnh. Không thể được. Tôi hiểu mọi chuyện rồi. Anh là một tên gián điệp! Một kẻ tay chân!" Ông ta quay sang người đã dẫn tôi đến. "Bắt lấy hắn! Còng tay hắn lại!" Người đàn ông đặt tay lên cánh tay tôi; không suy nghĩ gì, tôi đấm ngược lên vào hàm ông

ta và nhảy vọt ra phía cửa. Nhiều người đàn ông lao vào tôi, nhưng cửa quá hẹp để tất cả có thể cùng đi qua, điều đó làm họ chậm lại. Tôi lại trèo lên cái cầu thang xoáy trôn ốc, nhảy ba bậc một và lên đến đỉnh: khi cái đầu đầu tiên hiện ra phía sau tôi, đội bên trên một cái mũ quả dưa, tôi đạp cho nó một cú khiến người đàn ông ngã bật ra sau; ông ta rơi xuống các bậc thang, kéo theo các đồng nghiệp trong một tiếng ồn lớn. Tôi nghe thấy tiếng Sardine hét lên. Tôi mở bừa những cánh cửa ra: đó là các cabin, một phòng chơi bài, một phòng ăn. Cuối hành lang tôi rơi vào một căn phòng hẹp với một cầu thang dẫn lên trên; cửa sập ở cuối cầu thang hẳn là mở vào bên trong tàu, phục vụ cho công việc sửa chữa; ở đó có những cái tủ sắt, tôi mở chúng ra, bên trong là những cái dù. Những người truy đuổi đang tiến lại gần; tôi choàng một cái dù lên người và bắt đầu trèo lên. Cửa sập mở ra một cách dễ dàng: bên trên, một cái khoang hình trụ khổng lồ bằng vải bạt đánh xi đặt trên các thanh vòm chạy suốt dọc khí cầu. Một làn ánh sáng mờ xuyên qua vải, cũng có những cái đèn cách nhau từng quãng một; qua các ô cửa tròn bằng cao su trong suốt, có thể nhìn thấy hình dáng mềm oặt của những quả khí cầu nhỏ chứa khí hyđrô. Tôi trèo hết cầu thang. Cái giếng, được cố định tại chỗ bởi các dây chằng vững chãi, cao khoảng vài chục mét, và tôi nhanh chóng cảm thấy hết hơi. Tôi liều nhìn xuống dưới chân: cái mũ quả dưa đầu tiên ló ra khỏi miệng cửa sập, theo sau đó là thân hình người đàn ông. Tôi nhìn thấy ông ta chĩa một khẩu súng ngắn và vội vã tiếp tục trèo lên. Ông ta không bắn, hẳn là sợ làm thủng các quả bóng. Những người khác theo sau ông ta; họ cũng trèo với tốc độ chậm chạp như tôi. Cứ bốn mét lại có một chiếu nghỉ mở ra cắt ngang cái giếng, cho phép dừng chân, nhưng tôi không thể dừng, tôi tiếp tục trèo lên, từng bậc thang một, hơi thở ngắt quãng. Tôi không ngẩng nhìn lên và có vẻ như là cái cầu thang ngoại cỡ này sẽ không bao giờ kết thúc. Cuối cùng đầu tôi đập vào cửa sập ở trên cùng. Phía dưới vang lên những tiếng va đập kim khí gây ra bởi những người đang trèo lên. Tôi quay maniven của cánh cửa, đẩy nó lên, và thò đầu ra: một cơn gió

lạnh ập vào mặt tôi. Tôi đang ở trên đỉnh khoang khí cầu, một bề mặt cong lớn, khá cứng, có vẻ như vậy. Tôi trèo hẳn ra ngoài và đứng thẳng dậy; than ôi, không thể đóng lại cánh cửa sập từ bên ngoài được. Với cơn gió và những chao đảo của khinh khí cầu khó mà giữ được thăng bằng. Tôi lão đảo tiến về phía đuôi, vừa đi vừa kiểm tra độ chắc của cái dù. Một cái đầu hiện ra ở chỗ cửa sập và tôi bắt đầu chạy; bề mặt con tàu hơi đàn hồi và lún xuống dưới những bước chạy; một phát súng vang lên và viên đạn rít qua tai tôi; tôi lảo đảo, lăn đi, nhưng thay vì cố đứng vững được tôi lại để mặc cho mình tuột xuống. Tôi nghe thấy một phát súng khác. Cái dốc mỗi lúc một dựng đứng hơn, tôi trượt xuống rất nhanh, tìm cách xoay người để chân rơi xuống trước, rồi cái dốc gần như trở nên thẳng đứng và tôi rơi vào khoảng không như một con rối đứt dây, quờ quạng hai tay và hai chân trong gió. Thảo nguyên màu nâu và ghi dâng lên về phía tôi như một bức tường. Tuy chưa bao giờ nhảy dù nhưng tôi biết là phải kéo một sợi dây ra; dồn hết sức lực, tôi thu được hai cánh tay về sát người, tìm được cái tay gạt, và kéo mạnh; cú sốc đột ngột đến nỗi tôi thấy đau ở gáy. Giờ đây tôi rơi xuống chậm hơn hẳn, hai chân hướng xuống phía dưới; tôi tóm lấy các dây néo dù và ngẩng đầu nhìn lên: bụng dù màu trắng tràn đầy bầu trời, ngăn không cho tôi nhìn thấy cái khí cầu. Tôi đưa mắt tìm dòng sông: có vẻ như là nó đang ở cách đây vài cây số. Đoàn thuyền đang lấp lánh dưới mặt trời và tôi nhẩm tính chặng đường phải đi qua để có thể đến được đó. Mặt đất đang tiến lại gần và tôi chụm hai chân lại, hơi cảm thấy lo lắng. Rồi tôi cảm thấy cú sốc dữ dội chạy qua suốt dọc người, tôi lăn tròn, để cho cái dù đang bị gió cuốn kéo mình đi, cuối cùng cũng trụ vững lại được và đứng thẳng người lên. Tôi tháo các dây buộc và vứt cái dù lại đó, nó đón no gió và lăn tròn trên nền đất xỉn màu. Tôi nhìn trời: khí cầu thản nhiên đi khỏi. Tôi định vị phương hướng và chạy vội ra phía sông.

Khí cầu biến mất. Thảo nguyên dường như đang hơi dốc lên: tôi mệt bã ra, nhưng tự bắt mình phải tiếp tục. Chân tôi bước lảo đảo trên những cụm cỏ khô. Thở hổn hển, tôi ra được đến

sông; nhưng giờ đây tôi mới nhận ra mình đang ở trên đỉnh của một vách đá dựng đứng cách mặt sông khoảng hai mươi mét; phía dưới, dòng nước cuồn cuộn chảy; không thể nhảy xuống, cũng không thể trèo xuống khỏi cái vách núi này. Tôi cần phải sang được bờ bên kia: ở đó, bờ sông gần như phẳng lì chạy thẳng xuống mặt nước. Bên tay trái, phía thượng lưu, tôi nhìn thấy đoàn thuyền đang đi đến. Các nhạc công đeo vòng hoa, đi theo sau con thuyền chạm trổ chở em gái tôi, chơi một thứ nhạc chói tai và trang trọng bằng những cây sáo, những thứ nhạc cụ dây và những cái trống. Tôi nhìn thấy rõ em gái tôi, ngạo nghễ giữa hai sinh thể đang chèo thuyền; nàng ngồi khoanh chân và mái tóc dài màu đen chảy xuống hai vú. Tôi khum hai bàn tay lại và hét gọi tên nàng, nhiều lần liên tiếp. Nàng ngẩng đầu lên và nhìn tôi, nhưng không thay đổi nét mặt và cũng không nói gì, cái nhìn dính chặt vào cái nhìn của tôi trong khi con thuyền chầm chậm trôi qua; tôi hét gọi tên nàng như một thằng điên, nhưng nàng không phản ứng; cuối cùng nàng ngoảnh mặt đi. Đoàn thuyền chầm chậm đi về phía hạ lưu trong khi tôi đứng ở đó, lòng tan nát. Tôi những muốn lao mình đuổi theo nàng; nhưng lúc này những cơn quặn ruột dữ dội nổi lên; tôi vội vã kéo quần và ngồi thụp xuống; thế nhưng, thay vì cứt, đó lại là những con ong, những con nhện và những con bọ cạp bắn ra từ lỗ đít tôi. Nóng khủng khiếp, nhưng cần phải thải chúng ra ngoài; tôi rặn, những con nhện và những con bọ cạp chạy tản mát đi, những con ong bay đi, tôi phải nghiến răng lại để không hét lên vì đau. Tôi nghe thấy tiếng gì đó và quay đầu lại: hai thằng bé, hai đứa trẻ sinh đôi giống nhau như lột, đang im lặng nhìn tôi. Chúng chui từ chỗ quỷ quái nào ra vậy? Tôi đứng dậy và kéo quần lên; nhưng chúng đã quay người bỏ đi. Tôi chạy bật lên phía sau chúng và hét gọi chúng. Nhưng tôi không bắt được chúng. Tôi đi theo chúng một lúc lâu.

Trên thảo nguyên, còn có một cái gò khác nữa. Hai thằng bé trèo lên trên đó rồi đi xuống ở phía bên kia. Tôi chạy vòng sang, nhưng chúng đã biến mất. "Các cháu ở đâu rồi?" tôi hét lên. Tôi

nhận ra rằng, ngay cả khi đứng trên đỉnh gò, tôi cũng không nhìn thấy dấu vết nào của dòng sông cả; bầu trời âm u giấu đi mặt trời, tôi không biết phải định hướng bằng cách nào; vậy đấy, tôi đã để cho mình bị đánh lạc hướng như một thằng ngu! Phải tìm lại được hai thằng bé kia. Tôi đi vòng lại bên kia gò và nhìn thấy một đoạn hõm xuống: tôi lấy tay rờ vào và một cánh cửa hiện ra. Tôi gõ, nó mở ra và tôi bước vào; một hành lang dài trải dài trước mặt tôi, cùng với, ở cuối, một cánh cửa khác. Tôi lại gõ và nó cũng lại mở ra. Trong đó có một căn phòng lớn, rất cao, được những ngọn đèn dầu soi sáng: tuy nhiên, từ bên ngoài, tôi không thấy cái gò này to lắm. Đằng sau phòng dựng lên một cái gì đó như một cái rèm quây phủ thảm và gối nhỏ, với một thằng lùn bụng phệ đang chơi một trò chơi; đứng bên cạnh là một người đàn ông cao và gầy, một mắt đeo mảnh vải màu đen hình tam giác; một bà già quắt queo, choàng khăn, quấy trộn một cái nồi lớn có hình trang trí bên ngoài, treo dưới trần nhà ở một góc phòng. Không có dấu vết gì của hai thằng bé con. "Xin chào, tôi lịch sự nói. Các bạn có nhìn thấy hai đứa bé trai không? Hai đứa trẻ sinh đôi," tôi nói thêm cho rõ hơn. – "A! thằng lùn kêu lên, một người khách! Anh có biết chơi trò nardi không?" Tôi tiến lại gần chỗ cái rèm quây và nhìn thấy hắn ta đang chơi trictrac, tay phải chống lại tay trái: lần lượt mỗi bên gieo xúc xắc rồi đẩy quân tiến lên, quân đỏ hoặc quân trắng. "Thực tình thì, tôi nói, tôi đi tìm em gái tôi. Một người phụ nữ trẻ rất đẹp tóc đen. Người ta chở cô ấy trên thuyền." Thằng lùn, vẫn không ngừng chơi, nhìn thằng chột, rồi quay sang tôi: "Cô gái đó là người ta mang đến đây. Chúng tôi sẽ cưới cô ấy, anh trai tôi và tôi. Tôi hy vọng quả đúng là cô ấy đẹp như người ta nói." Hắn ta nhăn mặt vẻ khôi hài và thọc nhanh một tay vào quần. "Nếu anh là anh trai cô ấy thì chúng ta trở thành bà con rồi. Anh ngồi xuống uống trà đi." Tôi ngồi xuống một cái đệm nhỏ, hai chân vắt chéo lại, đối diện với bàn cờ; bà già mang cho tôi một bát đựng nước trà nóng rất ngon, thứ trà thực thụ chứ không phải là đồ thế phẩm, mà tôi uống một cách sung sướng. "Tôi thích các anh không cưới cô ấy hơn," cuối cùng tôi nói. Thằng lùn tiếp tục

cho hai bàn tay của mình chơi cờ. "Nếu anh không muốn chúng tôi cưới cô ấy, thì hãy chơi với tôi. Không ai chịu chơi với tôi cả." – "Tại sao lại thế?" – "Vì các điều kiện của tôi." – "Thế những điều kiện đó là gì? tội thân ái hỏi. Nói cho tôi nghe đi, tôi không biết đâu." – "Nếu tôi thắng, tôi sẽ giết anh, nếu tôi thua, tôi sẽ giết anh." – "Được rồi, thế thì cũng không sao, chúng ta chơi thôi." Tôi nhìn cách chơi của hắn ta: trông nó không giống như trò trictrac mà tôi biết. Ở đầu ván, các quân cờ, thay vì được xếp thành những cột gồm hai, ba, và năm quân, lại được xếp tất cả về một đầu; và trong khi chơi, chúng không được phép ăn quân, mà chỉ được chặn đối phương ở chỗ mà chúng chiếm được. "Dãy không phải là luật trictrac rồi," tôi nêu nhận xét. – "Nói nghe xem nào, anh bạn, ở đây có phải là München đâu." – "Tôi không đến từ München." – "Thế thì Berlin vậy. Chúng tôi chơi nardi." Tôi nhìn tiếp: có vẻ như là nguyên tắc không khó nắm bắt lắm, nhưng hẳn là phải có nhiều thủ thuật. "Được rồi, vậy thì ta chơi thôi." Quả thực, trò này phức tạp hơn nhiều so với vẻ bề ngoài, nhưng tôi nhanh chóng hiểu ra và thắng ván cờ. Thằng lùn đứng dậy, rút ra một con dao găm dài và nói: "Được rồi, tôi sẽ giết anh." – "Bình tĩnh đã nào. Nếu tôi thua thì anh có thể giết tôi, nhưng tôi thắng cơ mà, vậy thì tại sao anh lại giết tôi?" Hắn ta suy nghĩ và lại ngồi xuống: "Anh có lý. Chúng ta chơi lại vậy." Lần này thì thằng lùn thắng. "Anh sẽ nói gì nào? Tôi sẽ giết anh." – "Được rồi, tôi sẽ không nói gì, tôi đã thua, giết tôi đi. Nhưng anh không nghĩ rằng chúng ta nên chơi một ván thứ ba để phân tài cao thấp à?" – "Anh có lý." Chúng tôi lại chơi thêm một lần nữa và tôi thắng. "Bây giờ, tôi nói, anh phải trả em gái cho tôi." Thằng lùn nhảy bật dậy, quay lưng lại phía tôi, cúi người xuống và thả một phát rắm to vào mặt tôi. "Á, bẩn quá!" tôi kêu lên. Thằng lùn nhảy như con choi choi tại chỗ, mỗi lần nhảy lại thả ra một phát rắm và hát ông ổng: "Ta là một ông Chúa, hãy làm những gì mi muốn, ta là một ông Chúa, hãy làm những gì mi muốn. Giờ đây, hắn ngừng lại nói tiếp, tôi sẽ giết anh." – "Đúng thật là không thể làm gì với anh được, anh quá kém giáo dục." Tôi đứng dậy, quay đi và bước ra

ngoài. Từ xa, tôi nhìn thấy một đám mây bụi lớn hiện ra. Tôi trèo lên gò để nhìn rõ hơn: đó là các ky sĩ. Họ tiến lại gần, chia làm hai và xếp hàng đối diện với nhau ở lối vào, như thể để tạo thành một lối đi dài. Tôi nhìn thấy rõ những người gần nhất; những con ngựa như thể được đặt trên các bánh xe. Khi nhìn gần hơn, tôi thấy rằng người ta đã dùng những thanh cột lớn đặt trên một cái bệ gắn các bánh xe xuyên vào đít chúng; những cái cẳng chân treo lủng lẳng; và các ky sĩ cũng bị đóng cọc như vậy, tôi nhìn thấy đầu những cái que thò lên khỏi đầu hoặc miệng họ: một công việc nói thật lòng được thực hiện khá là cẩu thả. Mỗi xe hoặc tập hợp xe được đẩy bởi các nô lệ trần truồng, sau khi đã xếp thành hàng họ đến ngồi thành một nhóm ở phía xa. Tôi nhìn mặt các ky sĩ và nghĩ là mình nhận ra những người Ukraine của Möritz. Như vậy là cả họ cũng đã đến đây, và cũng đã phải chịu đựng cái số phận dành sẵn cho họ? Nhưng có thể đó chỉ là một cảm giác sai. Tay chột cao gầy đi đến chỗ tôi. "Thật là không thỏa đáng, tôi chê trách hắn ta, khi nói rằng, dù có thắng hay thua, anh cũng sẽ giết chết những người chơi với anh." – "Anh có lý. Chỉ là vì chúng tôi rất ít khi có khách đến chơi thôi. Nhưng tôi sẽ bắt em trai tôi ngừng ngay cái trò ấy." Một cơn gió nhẹ lại nổi lên và thổi bay đám bụi do những cỗ xe làm tung lên. "Cái gì thế?" tôi chỉ chúng, hỏi. – "Đội danh dự. Cho đám cưới của chúng tôi." – "Đúng, nhưng tôi đã thắng hai trên ba ván. Như vậy các anh phải trả em gái cho tôi." Gã đàn ông buồn bã nhìn thẳng vào mặt tôi bằng con mắt duy nhất của mình: "Anh sẽ không bao giờ lấy lại được em gái đâu." Một nỗi hoang mang tồi tệ dâng lên trong cổ họng tôi. "Tại sao?" tôi hét lên. "Như thế là không thỏa đáng," hắn ta đáp. Từ xa, tôi nhìn thấy những hình người đi bộ đang làm tung lên rất nhiều bụi, nhanh chóng bị gió thổi đi. Em gái tôi đang bước đi ở giữa, vẫn trần truồng, do hai sinh thể kinh tởm và đám nhạc công áp giải. "Thế có thỏa đáng không khi cô ấy phải bước đi như thế kia, trần truồng, trước tất cả mọi người?" tôi giận dữ hỏi. Con mắt duy nhất của hắn ta không rời khỏi tôi: "Tại sao lại không? Dù sao thì đó cũng không còn là một trinh nữ nữa. Tuy vậy chúng tôi

vẫn cứ lấy cô ấy." Tôi muốn xuống khỏi gò để đến chỗ nàng nhưng hai thằng bé sinh đôi, vừa hiện ra trở lại, đã đứng chặn đường tôi. Tôi tìm cách vòng qua nhưng chúng không chịu nhường. Tức tối, tôi giơ tay lên chĩa về phía chúng. "Đừng đánh chúng!" Tên chột mắt gào lên. Tôi quay về phía hắn ta, giận điên người: "Chúng là gì của tôi mới được chứ?" tôi điên cuồng hỏi. Hắn ta không trả lời. Ở cuối lối đi, giữa hai hàng kỵ sĩ, em gái tôi đang tiến lên với nhịp bước đều đặn.

SARABANDE

Tại sao tất cả lại trắng toát thế này? Thảo nguyên chưa bao giờ trắng đến thế. Tôi nằm trên một khoảng rộng màu trắng. Có thể là tuyết đã rơi, có thể là tôi đang nằm đây như một tên lính bị hạ gục, một lá cờ nằm vùi trong tuyết. Dù thế nào đi nữa thì tôi cũng không thấy lạnh. Nói thật lòng là thật khó để đánh giá được, tôi cảm thấy hoàn toàn tách rời khỏi cơ thể mình. Từ xa, tôi cố gắng định danh một cảm giác cụ thể: trong miệng tôi có vị bùn. Nhưng cái miệng này đang lơ lửng ở đây, thậm chí không có cả đến một hàm răng để đỡ lấy nó. Còn ngực tôi, nó như thể bị nghiền nát dưới nhiều tấn đá; tôi đưa mắt tìm kiếm chúng, nhưng nhìn được thấy chúng là điều không thể. Nhất quyết là, tôi tự nhủ, mình đã bị xẻ người ra rồi. Ôi, cái cơ thể khốn khổ của tôi. Tôi muốn dán sát người ấp vào nó giống như người ta nằm sát vào một đứa trẻ yêu quý vào ban đêm, trong cái lạnh.

Ở những vùng đất trắng xóa bất tận này, một hòn lửa đang xoay tròn, đốt cháy cái nhìn của tôi. Nhưng những ngọn lửa của nó, thật lạ lùng, không hề mang lại chút hơi ấm nào cho cái sắc trắng kia. Không thể nhìn chằm chằm vào nó, cũng không thể rời mắt đi khỏi nó, nó theo đuổi tôi bằng sự hiện diện khó chịu của mình. Nỗi hoảng hốt đang chế ngự tôi; và nếu tôi không bao giờ tìm lại được đôi bàn chân, thì làm thế nào để làm chủ được nó đây? Tất cả những cái đó đều thật khó khăn. Tôi đã trải qua bao nhiêu thời gian như vậy rồi? Tôi không thể nói được, ít nhất là một năm nằm trong bụng mẹ. Việc đó cho tôi thời gian để quan

sát mọi thứ và chính bằng cách đó, một cách chậm chạp, tôi nhận ra rằng toàn bộ màu trắng này không đồng nhất; có những biến chuyển về cấp độ, chắc chắn là không cái nào xứng đáng với danh hiệu màu ghi xám, nhưng dù sao cũng là những biến tấu; để miêu tả chúng, cần đến một kho từ vựng mới, tinh tế và chính xác ngang bằng với kho từ vựng của người Inuit, để miêu tả các trạng thái của băng. Hẳn đó cũng còn là một vấn đề về kết cấu; nhưng thị giác của tôi, ở điểm này, có vẻ như là cũng ít nhạy cảm ngang bằng với những ngón tay trơ ì của tôi. Những tiếng gầm gào xa xa vẳng đến với tôi. Tôi quyết định bám chặt vào một chi tiết, một sự đứt đoạn của màu trắng, cho đến khi nó thuộc về tôi. Tôi dành thêm ít nhất một hoặc hai thế kỷ cho nỗ lực khổng lồ này, nhưng cuối cùng tôi hiểu ra nó là như thế nào: đó là một góc vuông. Thôi nào, thêm một nỗ lực nữa đi. Trải rộng cái góc đó ra, cuối cùng tôi phát hiện ra một góc khác, rồi lại một góc khác nữa; như vậy đó, eurêka, đó quả thực là một cái khung, giờ đây mọi chuyện tiến triển nhanh lên nhiều, tôi phát hiện ra những cái khung khác, nhưng tất cả những cái khung này đều màu trắng, và ngoài những cái khung cũng là màu trắng, và bên trong những cái khung cũng vậy: tôi tuyệt vọng, rất ít hy vọng mình sẽ nhanh chóng đi được đến tận cùng. Hẳn nhiên là phải đi theo các giả thuyết. Liệu đó có phải là nghệ thuật hiện đại hay không? Nhưng những cái khung đều đặn đó đôi khi lại bị làm rối mù lên bởi những hình dáng khác, cũng màu trắng nhưng mờ mịt, mềm oặt. A, thật là một sự lao lực về diễn giải, một công việc bất tận làm sao. Nhưng sự bướng bỉnh cũng liên tục mang lại cho tôi những kết quả mới: bề mặt màu trắng trải dài đến xa tít tắp kia trên thực tế lại bị khía cạnh, chập chùng, một thảo nguyên có thể là được nhìn từ trên máy bay (nhưng không phải là từ một khí cầu, trông dáng vẻ rất khác). Thành công mới lớn làm sao! Tôi thấy không ít hãnh diện về mình. Thêm một nỗ lực cuối cùng nữa, có vẻ như vậy, là tôi có thể đi được đến hết những điều bí ẩn này. Nhưng một thảm họa không thể dự đoán trước đã đột ngột chấm dứt những tìm kiếm của tôi: quả cầu lửa tắt ngấm, và tôi bị nhấn sâu

vào trong bóng tối, một màn đêm dày đặc, ngạt thở. Quẫy đạp cũng chẳng ích gì; tôi hét lên, nhưng không một âm thanh nào phát ra từ hai lá phổi giập nát của tôi. Tôi biết rằng mình chưa chết, bởi vì bản thân cái chết cũng không thể đen tối được đến mức đó; cái đó còn tệ hại hơn cái chết, một hố nước bẩn, một đầm lầy mờ đục; và sự vĩnh cửu như thể chỉ còn là một khoảnh khắc nếu đem so với khoảng thời gian mà tôi đã trải qua.

Cuối cùng, án phạt được gỡ bỏ: chầm chậm, màu đen vô tận của thế giới tan ra. Và với sự quay trở lại kỳ diệu của ánh sáng, tôi nhìn mọi thứ rõ ràng hơn; khi đó, là chàng tân Adam, khả năng đặt tên mọi thứ được trao về cho tôi (hoặc có thể chỉ đơn giản là được giao phó): bức tường, cửa sổ, bầu trời đùng đục sau những ô cửa sổ. Tôi say mê ngắm nhìn cảnh tượng kỳ lạ này; rồi tôi phân tích tất cả những gì mà cái nhìn của tôi có thể bắt gặp: cánh cửa, tay nắm cửa, ngọn đèn yếu ớt dưới cái chụp, chân giường, ga trải giường, những bàn tay nổi gân, hẳn là tay của tôi. Cửa mở ra và một người phụ nữ vận đồ trắng xuất hiện; nhưng cùng với cô là một sắc màu nhảy bổ vào thế giới này, một hình dáng màu đỏ, chói như màu máu trên tuyết, và điều đó làm tôi đau lòng quá sức chịu đựng, và tôi òa lên khóc. "Tại sao anh lại khóc?" cô hỏi, giọng du dương, và những ngón tay xanh nhợt và ấm áp của cô vuốt lên má tôi. Dần dần tôi bình tĩnh lại. Cô còn nói điều gì đó nữa mà tôi không nghe rõ; tôi cảm thấy cô đang lật giở người mình; hoảng sợ, tôi nhắm mắt lại, điều này cuối cùng đã mang lại cho tôi một chút quyền lực lên cái màu trắng chói mắt ấy. Rồi đến lượt một người đàn ông đứng tuổi xuất hiện, chắc đó là cái mà người ta vẫn gọi là đi vào, vậy là, một người đàn ông đứng tuổi, tóc trắng, đến lượt mình đi vào: "A, vậy là anh đã tỉnh!" ông ta kêu lên, giọng vui sướng. Tại sao ông ta lại nói điều đó? Tôi đã thức được cả một khoảng thời gian đằng đẵng; giấc ngủ, tôi đã quên đi đến tận cả cái tên của nó. Nhưng có thể là ông ta và tôi đang không nghĩ đến cùng một thứ. Ông ta ngồi xuống gần tôi, không chút đắn đo vạch mí mắt tôi, chiếu thẳng một ngọn đèn vào mắt tôi: "Tốt lắm, tốt lắm," ông ta nhắc đi nhắc lại,

hài lòng về cái trò tàn ác của mình. Cuối cùng ông ta cũng đi khỏi.

Phải mất một lúc tôi mới nối kết được những cảm giác lè tè đó lại và hiểu được rằng mình đã rơi vào tay các đại diện của nghề y. Tôi phải kiên nhẫn và học cách để cho mình bị vặn bị bóp: không chỉ là những người phụ nữ, các y tá, tha hồ nghịch ngợm cơ thể tôi, mà cả các bác sĩ, những người đàn ông nghiêm trang và nghiêm trọng, với giọng nói đầy vẻ cha chú, đi vào phòng bất kể giờ giấc, bao quanh là một đám người trẻ tuổi, tất cả đều mặc áo bờ lu, và, nâng người tôi lên không chút ngượng ngùng, họ dịch chuyển đầu tôi và nói huyên thuyên về tôi, như thể tôi là một manocanh. Tôi thấy điều này thật là khó chịu, nhưng không thể phản kháng: khác với các giác quan còn lại, khả năng nói của tôi vẫn còn chưa được tái kích hoạt. Nhưng vào cái ngày khi cuối cùng tôi cũng đã có thể gọi được một trong số các quý ngài đó là *đồ lợn*, ông ta không hề tức tối; ngược lại, ông ta còn mỉm cười và vỗ tay: "Hoan hô, hoan hô." Được khuyến khích, tôi dạn dĩ hẳn lên và lại tiếp tục trong những lần viếng thăm sau đó: "Đồ rác rưởi, đồ khốn kiếp, đồ hôi thối, đồ Do Thái, đồ chó chết." Các bác sĩ nghiêm trang gật đầu, những người trẻ tuổi ghi chép lên những tờ giấy đặt trên các tấm kim loại nhỏ; cuối cùng, một nữ y tá tỏ ý trách móc tôi: "Dù thế nào đi nữa thì ông cũng có thể lịch sự hơn chứ." – "Vâng, đúng vậy, cô có lý. Tôi có phải gọi cô là *meine Dame* không?" Cô ta vẫy vẫy một bàn tay để trấn nhỏ bé trước mắt tôi: "*Mein Fräulein*," cô ta trả lời một cách nhẹ nhàng, và biến mất. Với tư cách là một thiếu nữ, cái cô y tá này có một cổ tay rất vững và khéo léo: khi tôi phải đi vệ sinh, cô quay trở lại với tôi, trợ giúp tôi, rồi lau chùi cho tôi với một sự hiệu quả đầy suy tính, những động tác chắc chắn và thoải mái, không gợn chút ghê tởm nào, giống như một người mẹ lau rửa cho đứa con của mình; như thể là, dù cho có thể vẫn còn là trinh nữ, cô ta đã làm việc này cả đời rồi. Hẳn là tôi thấy có khoái cảm trong việc đó, và tôi thích thú được đòi hỏi cô ta phục vụ mình. Cô ta và những người khác cũng cho tôi ăn, luôn những thìa nước canh vào giữa hai môi tôi; tôi những muốn được ăn một miếng beefteck còn tái đỏ, nhưng

không dám yêu cầu, dù thế nào đi nữa thì đây cũng không phải là một khách sạn, mà là, cuối cùng thì tôi cũng hiểu, một bệnh viện: và cái từ bệnh nhân, cả điều này cũng vậy, muốn nói chính xác những gì nó muốn nói.

Như thế, hẳn vậy, tôi đã gặp một tai nạn nào đó gây tổn hại đến sức khỏe, trong những hoàn cảnh mà tôi vẫn còn chưa nắm bắt được; và nếu tin vào sự tươi mới của khăn trải giường và sự yên tĩnh, sạch sẽ của nơi này, hẳn là tôi không còn ở Stalingrad nữa; hoặc là mọi việc đã thay đổi rất nhiều. Quả thực, tôi không còn ở Stalingrad nữa, mà, như cuối cùng thì tôi cũng biết được, ở Hohenlychen, phía Bắc Berlin, bệnh viện của Hồng Thập tự Đức. Bằng cách nào mà tôi đến được đây, không ai có thể nói cho tôi biết cả; tôi đã được chuyển đến trong một chiếc xe bịt bùng, người ta đã yêu cầu họ chăm sóc tôi, họ không đặt câu hỏi, họ chăm sóc tôi, và tôi, tôi cũng không đặt câu hỏi, tôi phải bình phục.

Một hôm, có tiếng ồn ào: cửa mở ra, căn phòng nhỏ bé của tôi đầy người, lần này phần lớn không mặc đồ trắng mà là đồ đen. Người nhỏ bé nhất trong số họ, tôi nhận ra được sau khi cố gắng một lúc, trí nhớ của tôi đã quay trở về toàn vẹn: đó là Reichsführer-SS, Heinrich Himmler. Vây quanh ông ta là các sĩ quan SS khác; bên cạnh ông ta là một người khổng lồ mà tôi không biết, khuôn mặt dài ngoẵng như thể được đẽo bằng dao quắm và chằng chịt sẹo. Himmler đứng ngay gần tôi và có một bài phát biểu ngắn bằng cái giọng the thé và mô phạm của ông ta; ở phía bên kia giường, người ta chụp ảnh và quay phim lại cảnh đó. Tôi hiểu được rất ít trong lời nói của Reichsführer: những khái niệm đơn lẻ lội bì bõm trên bề mặt những lời của ông ta, *sĩ quan anh dũng, danh dự của SS, những bản báo cáo sáng suốt, can đảm*, nhưng những cái đó hẳn là không tạo nên được một cái gì đó liền mạch để tôi có thể nhận ra chính mình, tôi gặp khó khăn trong việc áp những từ này vào mình; và tuy vậy, ý nghĩa của cái cảnh này thật rõ ràng, chính là vì tôi mà tất cả các sĩ quan và quan chức bóng nhoáng đó đang tập hợp lại trong căn phòng chật hẹp. Trong đám đông, ở cuối phòng, tôi nhận ra

Thomas; anh thân ái ra hiệu cho tôi, nhưng than ôi, tôi không thể nói chuyện được với anh. Đọc xong bài diễn văn, Reichsführer quay sang một sĩ quan đeo cặp kính tròn gọng đen khá lớn, người đang sốt sắng chìa cho ông ta một thứ gì đó; rồi ông ta cúi xuống tôi, và với một sự hoảng hốt mỗi lúc một tăng tôi nhìn ông ta gí sát cặp kính kẹp mũi xuống mình, hàng ria thô kệch của ông ta, những ngón tay béo và ngắn với những cái móng bẩn thỉu của ông ta; ông ta muốn để cái gì đó lên ngực tôi, tôi nhìn thấy một cái kim băng, tôi kinh hãi với ý nghĩ ông ta muốn đâm nó vào người tôi; rồi khuôn mặt ông ta hạ xuống thấp hơn nữa, ông ta hoàn toàn không quan tâm đến sự hoang mang của tôi, hơi thở đầy mùi xà chanh của ông ta làm tôi ngạt thở, và ông ta đặt một nụ hôn ẩm ướt lên mặt tôi. Ông ta đứng dậy và rống lên, tay giơ cao; tất cả những người có mặt bắt chước ông ta, và giường tôi bị bao vây bởi một rừng cánh tay giơ lên, đen, trắng, nâu; rụt rè, để không thu hút sự chú ý, tôi cũng giơ cánh tay của mình lên; việc này tạo ra hiệu ứng, vì tất cả mọi người đều quay lưng và đi ra cửa; đám đông đi khỏi một cách nhanh chóng, và tôi còn lại một mình, kiệt sức, không thể tháo bỏ được cái vật lạnh giá kỳ cục đang đè nặng lên ngực mình kia.

Giờ đây tôi đã có thể đi được vài bước, nếu có người đỡ; rất là tiện, điều này cho phép tôi đi vào phòng vệ sinh. Cơ thể của tôi, nếu tôi tập trung, đã bắt đầu đáp lại các mệnh lệnh, trước tiên rất ngập ngừng, rồi ngoan ngoãn hơn; chỉ có bàn tay trái vẫn tiếp tục đứng ở bên ngoài bản hòa tấu; tôi có thể nhúc nhích các ngón của nó, nhưng chúng vẫn nhất định không chấp nhận khép lại, tạo thành một nắm đấm. Trong một cái gương, lần đầu tiên tôi nhìn gương mặt mình: nói thật lòng là tôi không nhận ra điều gì ở đó, tôi không thấy được bằng cách nào mà tập hợp những đường nét khác biệt đến vậy lại có thể nằm cùng với nhau được, và càng nhìn, chúng càng trở nên xa lạ hơn. Những dải băng màu trắng bao quanh đầu tôi ít nhất cũng ngăn không cho chúng vỡ vụn ra, như vậy đã là một điều gì đó, thậm chí là một điều đáng kể, nhưng điều đó không đẩy những suy nghĩ của tôi nhanh lên,

khuôn mặt này giống với một bộ sưu tập những mảnh ghép rất khít, nhưng chúng được rút ra từ các bộ xếp hình khác nhau. Cuối cùng, một bác sĩ đến nói là tôi đã có thể đi: tôi khỏi bệnh rồi, ông ta giải thích, họ không còn có thể làm được cho tôi điều gì nữa, người ta sẽ gửi tôi đi một nơi khác để hồi phục sức khỏe. Khỏi bệnh! Một từ kỳ lạ làm sao, thậm chí tôi còn không biết là mình đã bị thương: Trên thực tế, đầu tôi đã bị một viên đạn xuyên qua. Do một sự tình cờ đúng ra là không hiếm hoi như người ta vẫn nghĩ, kiên nhẫn giải thích cho tôi, tôi đã không chỉ sống sót, mà còn không phải chịu một di chứng nào; việc bàn tay trái của tôi bị cứng lại, một rối loạn nhẹ về thần kinh, sẽ còn tiếp tục dai dẳng thêm một thời gian nữa, nhưng cũng sẽ biến mất. Thông tin khoa học chính xác này khiến tôi ngây người ra: như vậy, những cảm giác bất thường và kỳ bí đó đã có một nguyên nhân, có thể giải thích và duy lý; thế nhưng, ngay cả khi nỗ lực, tôi vẫn không thể gắn chúng được với lời giải thích đó, tôi thấy nó trống rỗng, bịa đặt; nếu nguyên nhân là như vậy, thì cả tôi nữa, giống như Luther, tôi cũng muốn coi nó là *Hure*, đồ con đĩ; và quả thực, tuân theo những mệnh lệnh bình thản và kiên nhẫn của các bác sĩ, trước mặt tôi cái nguyên nhân đó vén váy của mình lên, để lộ ra phần dưới trần trụi của mình. Về nó, tôi cũng có thể nói cùng một điều như khi nói về cái đầu của tôi: một cái lỗ là một cái lỗ là một cái lỗ. Ý tưởng rằng một cái lỗ cũng có thể là một toàn thể không hề hiện ra trong tâm trí tôi. Khi đã tháo băng, tôi có thể tự mình nhận ra rằng ở dưới đó gần như không có gì để nhìn cả: trên trán tôi, một cái sẹo tròn rất nhỏ, ngay phía trên mắt phải; phía sau đầu, phải rất chăm chú mới nhìn thấy, người ta đảm bảo với tôi, có một cái u; ở giữa hai cái đó, những sợi tóc đã mọc lại che khuất dấu vết của cuộc phẫu thuật mà người ta đã thực hiện. Nhưng, nếu tin vào những tay bác sĩ rất chắc chắn về khoa học của mình, thì một cái lỗ đã xuyên qua đầu tôi, một hành lang tròn hẹp, một cái giếng kỳ ảo, đóng kín, bất khả nhập đối với suy nghĩ, và nếu điều đó là đúng thì tại sao không còn gì giống như cũ, làm thế nào mà mọi chuyện lại có thể thành ra như vậy được? Suy tư của

tôi về thế giới giờ đây đã được tổ chức lại xung quanh cái lỗ đó. Nhưng tất cả những gì cụ thể mà tôi có thể nói là: Tôi đã tỉnh lại, và sẽ không còn gì có thể giống như trước được nữa. Trong khi tôi đang suy nghĩ đến vấn đề đầy ấn tượng ấy, người ta đến tìm tôi và đặt tôi lên một cái cáng trên một chiếc xe bệnh viện; một trong số các nữ y tá nhẹ nhàng đút vào túi áo tôi một cái hộp cùng với tấm huy chương, mà Reichsführer đã trao cho tôi. Người ta chở tôi đến Poméranie, trên hòn đảo Usedom gần Swinemünde; ở đó, bên bờ biển, có một nhà nghỉ của SS, một ngôi nhà đẹp và rộng rãi; phòng của tôi, rất sáng sủa, nhìn thẳng ra biển, và ban ngày, được một nữ y tá đẩy đi trên chiếc xe lăn, tôi có thể đến ngồi trước một cửa kính lớn và ngắm nhìn thứ nước nặng nề màu ghi của biển Baltic, cái trò chơi chối tai của lũ mòng biển, thứ cát lạnh, ẩm ướt của bãi biển, lổn nhổn những viên đá nhỏ. Các hành lang và phòng chung đều đặn được lau rửa bằng chất phênôn, và tôi thích cái mùi hắc và lập lờ đó, nó làm tôi đa diết nhớ những tuyệt diệu đã mất đi của tuổi thơ tôi; những bàn tay dài, nhợt nhạt nối gân xanh, các nữ y tá, những cô gái miền Bắc tóc vàng và xinh đẹp, cũng có mùi phênôn, và những người bệnh đang phục hồi sức khỏe, giữa họ với nhau, gọi đó là các *Karbol Maüschen*. Những thứ mùi và cảm giác mạnh mẽ này mang lại cho tôi những cơn cương cứng, đáng kinh ngạc đến mức như thể chúng tách rời hẳn khỏi con người tôi; nữ y tá thường vừa mỉm cười vừa lau rửa người cho tôi cọ vào những chỗ đó với vẻ bàng quan ngang bằng với ở những chỗ khác; đôi khi, chúng kéo dài, với một sự nhẫn nại đầy bực bội; như thể tôi không có khả năng làm cho mình nhẹ nhõm trở lại. Với tôi việc vẫn còn có ban ngày đã trở thành một điều không được chờ đợi, điên rồ, không thể giải mã; một cơ thể vẫn là cái gì đó quá phức tạp đối với tôi, cần phải tìm hiểu mọi thứ thật từ từ.

Tôi rất thích cuộc sống yên ổn trên hòn đảo lạnh giá và trần trụi này, tất cả đều có màu ghi, vàng và xanh lợt; ở đó vừa có đủ những chỗ gồ ghề để bám vào, để không bị gió cuốn đi, nhưng không quá nhiều, người ta không mắc nguy cơ trầy xước mình

mấy ở đó. Thomas đến gặp tôi; anh mang đến cho tôi những món quà, một chai rượu cognac và một quyển sách rất đẹp của Nietzsche; thế nhưng, tôi không được phép uống rượu, đọc sách, mà tôi cũng không có khả năng đó, ý thức chuội đi, bằng chữ cái chế nhạo tôi; tôi cảm ơn anh và nhét những món quà vào một ngăn tủ. Phù hiệu trên cổ áo bộ quân phục màu đen đẹp đẽ của anh giờ đây có mang thêm, bên trên bốn hình thoi thêu bằng sợi bạc, hai sọc, và một chữ V ngược trang trí thêm cho phần giữa các ngù vai; anh đã được thăng lên SS-Obersturmbannführer, và tôi cũng vậy, anh thông báo với tôi, tôi đã được thăng cấp, Reichsführer đã nói điều đó cho tôi trong lần trao huân chương, nhưng tôi đã không nắm bắt được chi tiết này. Giờ đây tôi là một anh hùng của nước Đức, *Schwarzes Korps* đã đăng một bài báo về tôi; tấm huy chương của tôi, mà tôi chưa bao giờ nhìn, là huân chương Thập tự Sắt, hạng nhất (cùng lúc tôi cũng được truy lĩnh hạng hai). Tôi không hề biết mình đã làm gì để được như vậy, nhưng Thomas, vui vẻ và liến láu, đã nhanh chóng chuyển sang các thông tin và lời đồn đại: Schellenberg cuối cùng đã thay chỗ của Jost ở vị trí đứng đầu Amt VI, Best đã bị Wehrmacht đuổi ra khỏi Pháp nhưng Führer đã phong cho ông ta làm đại sứ đặc mệnh toàn quyền tại Đan Mạch; và Reichsführer cuối cùng đã quyết định chỉ định một người thay chỗ của Heydrich, Obergruppenführer Kaltenbrunner, con quỷ mặt sẹo mà tôi đã nhìn thấy đứng bên cạnh ông ta trong phòng bệnh của tôi. Cái tên không nói lên cho tôi điều gì, tôi biết rằng ông ta từng là HSSPF-Danube và rằng người ta thường coi ông ta là một người không mấy nổi bật; Thomas lại tỏ ra vui mừng vì lựa chọn đó, Kaltenbrunner gần như là "đồng hương" của anh, nói cùng thứ phương ngữ với anh, và đã từng mời anh đến ăn tối. Bản thân anh cũng được phong làm Gruppenleiter phụ tá của IV A, dưới quyền Panzinger, người thay chỗ Müller. Nói thật lòng thì tôi không mấy quan tâm đến các chi tiết đó, nhưng tôi đã học lại được cách tỏ ra lịch sự, và tôi chúc mừng anh, bởi vì anh có vẻ rất hài lòng, về số phận của anh, và về con người của anh. Anh lấy giọng rất

hài hước kể cho tôi về những đám tang bi tráng của đại đoàn số 6; một cách chính thức, tất cả mọi người, từ Paulus cho đến viên Gefreiter cuối cùng, đã *ngoan cường chiến đấu cho đến giây phút cuối cùng*; trên thực tế, chỉ có một viên tướng, Hartmann, bị giết trong chiến trận, và một người duy nhất (Stempel) cho rằng nên tự sát; hai mươi hai người khác, trong đó có Paulus, đều rơi vào tay quân Xô viết. "Chúng sẽ quay họ tít mù, Thomas vui vẻ nói. Rồi cậu sẽ thấy." Trong vòng ba ngày, tất cả các đài phát thanh của Reich đều hoãn các chương trình của mình lại để phát nhạc tang lễ. "Tệ hại nhất là Bruckner. Giao hưởng số bảy. Bất tận. Không thể thoát ra được. Tớ cứ nghĩ là phát điên." Anh còn kể cho tôi, nhưng gần như là chỉ lướt qua, làm cách nào mà tôi đến được đây: tôi chăm chú lắng nghe câu chuyện của chính mình, và do đó có thể thuật lại nó, nhưng tôi không thể kết nối nó với cái gì hết, cũng tương tự như tất cả những thứ khác, đó vẫn là một truyện kể, độ xác thực không thể nghi ngờ, nhưng tuy vậy là một truyện kể không hơn gì mấy so với những câu nói được sắp xếp theo một trật tự kỳ bí và vô đoán, chịu sự kiểm soát của một thứ lôgic không có mấy điểm chung với những gì đang cho phép tôi hít thở cái không khí mặn mòi vùng Baltic này, cảm thấy cơn gió thổi trên mặt khi người ta mang tôi ra ngoài, đưa những thìa xúp từ cái bát lên miệng tôi, rồi vạch lỗ đít tôi khi đến lúc phải tống khứ chất thải ra bên ngoài. Theo truyện kể đó, mà tôi không hề sửa đổi chút nào, tôi đã tách rời khỏi Thomas và những người khác, đi về phía phòng tuyến của quân Nga, một vùng đất trơ trọi, không để ý chút nào đến những tiếng la hét của họ; trước khi họ kịp tóm lại được tôi, đã có một phát súng, một phát duy nhất, và tôi đổ uych người xuống. Ivan đã can đảm phơi mình ra để kéo tôi vào một chỗ trú ẩn, anh ta cũng phải hứng chịu một phát đạn, nhưng viên đạn đã xuyên qua ống tay áo anh ta mà không chạm vào người. Còn tôi – ở điểm này phiên bản của Thomas tương hợp với những lời giải thích của viên bác sĩ ở Hohenlychen – thì bị viên đạn bắn xuyên qua đầu; nhưng, trước sự kinh ngạc của những người đứng xung quanh lúc đó, tôi vẫn còn thở. Người ta

đã mang tôi đến một trạm cấp cứu; tại đó, bác sĩ tuyên bố không thể làm được gì, nhưng vì tôi vẫn cứ buớng bỉnh tiếp tục thở, ông ta bèn chuyển tôi đến Goumrak, nơi có một nhóm bác sĩ phẫu thuật giỏi hơn của *Kessel*. Thomas đã yêu cầu một chiếc xe và tự mình chở tôi đến đó, rồi, cho rằng đã làm xong tất cả những gì có thể, anh để tôi lại. Cùng tối hôm ấy anh nhận được lệnh rời đi. Nhưng ngày hôm sau, Goumrak, đường bay chính kể từ khi Pitomnik sụp đổ, cũng bị sơ tán trước sự tiến lên của quân Nga. Vậy là anh bèn lên Stalingradski, nơi vẫn còn có vài chiếc máy bay cất cánh; trong khi chờ đợi, vì buồn chán, anh đến thăm bệnh viện dã chiến đặt tạm dưới những túp lều và tìm thấy tôi ở đó, bất tỉnh, đầu quấn băng, nhưng vẫn thở như một cái bễ lò rèn. Một y tá, sau khi được mời một điếu thuốc, kể lại rằng người ta đã mổ cho tôi ở Goumrak, anh ta không biết lắm, và đã có một cuộc đấu khẩu, và rồi một lúc sau bác sĩ phẫu thuật đã bị một phát đạn moocchiê rơi xuống đúng chỗ đó giết chết, nhưng tôi vẫn sống, và với tư cách sĩ quan tôi có quyền được chăm lo; khi sơ tán, người ta đã đặt tôi lên một chiếc xe và mang tôi đến đây. Thomas những muốn cho tôi lên cùng máy bay, nhưng các Feldgendarm từ chối, vì những viền đỏ in trên cái nhãn VERWUNDETE của tôi có nghĩa là "Không thể chuyển đi". "Tớ không đợi được, bởi vì máy bay của tớ sắp cất cánh. Và rồi mọi chuyện lại bắt đầu loạn xị trở lại. Đúng lúc đó thì tớ tìm được một tay trông đứ đừ lắm rồi nhưng lại có một cái nhãn bình thường và tớ đã trao cái đó cho cậu. Dù sao thì hắn ta cũng sẽ không thể thoát được. Rồi tớ để cậu cùng với các thương binh ở bên lề đường băng và đi khỏi. Họ đã cho cậu lên chuyến máy bay sau đó, một trong những chuyến cuối cùng. Cậu phải nhìn thấy mặt của họ, ở Mélitopol, khi tớ đến nơi. Không ai muốn bắt tay tớ, họ quá sợ bị lây rận. Chỉ có Manstein, ông ta bắt tay tất cả mọi người. Ngoài tớ ra gần như chỉ còn lại các sĩ quan bên panzer. Cũng không đáng ngạc nhiên, nếu biết rằng Hube là người lên các danh sách cho Milch. Không thể đặt lòng tin vào ai được nữa." Tôi thả người xuống những cái gối dựa và nhắm mắt lại. "Ngoài chúng ta ra, còn có ai thoát nữa?" –

"Ngoài chúng ta hả? Chỉ có Weidner, cậu còn nhớ anh ta không? bên *Gestapostelle* ấy. Möritz cũng đã nhận được lệnh, nhưng người ta không bao giờ tìm lại được dấu vết của ông ta cả. Thậm chí còn không thể biết chắc liệu ông ta đi được hay không." – "Còn cái cậu bé nhỏ? Đồng nghiệp của cậu, cái tay dính một phát đạn và rất lấy làm sung sướng ấy?" – "Vopel à? Anh ta đã được sơ tán ngay cả trước khi cậu bị thương cơ, nhưng chiếc Heinkel của anh ta đã bị một Sturmovik bắn rơi khi cất cánh." – "Còn Ivan?" Anh rút một hộp thuốc lá bằng bạc ra: "Tớ hút thuốc được chứ? Ivan? À, anh ta thì ở lại, tất nhiên rồi. Dù sao thì cậu cũng không tin là người ta sẽ nhường chỗ của một người Đức cho một tay Ukraine đấy chứ?" – "Tớ không biết. Cả anh ta nữa, anh ta cũng đã chiến đấu cho chúng ta." Anh rút ra một điếu thuốc và mỉm cười nói: "Cậu đang có một thứ lý tưởng chủ nghĩa đặt sai chỗ rồi. Tớ thấy rất rõ rằng viên đạn rơi trúng đầu chẳng làm cậu thay đổi chút nào cả. Cậu phải tự thấy là may mắn vì còn sống chứ." Sung sướng vì còn sống? Điều này với tôi cũng kỳ cục ngang với việc được sinh ra.

Ngày nào cũng vậy, những thương binh mới đổ đến: họ tới từ Koursk, Rostov, Kharkov, từng nơi một đều bị quân Xô viết chiếm lại, cả từ Kasserine nữa; và một vài câu trao đổi với những người mới đến nói lên được nhiều điều hơn các thông cáo quân sự. Những bản thông cáo này, mà người ta đọc cho chúng tôi nghe trong các căn phòng sinh hoạt chung qua những cái loa nhỏ, được mở đầu bằng khúc ouverture của bản cängtat của Bach, *Eine Feste Burg ist unser Gott*; thế nhưng Wehrmacht lại sử dụng cách hòa âm của Wilhelm Friedmann, đứa con phóng đãng của Johann Sebastian, người đã cho thêm ba kèn trômpet và một trống định âm vào tổng phổ đơn giản của cha mình; cái cớ rất đầy đủ, theo tôi, để chạy trốn khỏi phòng vào mỗi lần phát loa, do đó cũng tránh được việc làm cho mình ngất ngây với đợt sóng những uyển ngữ đầy tính xoa dịu, thỉnh thoảng kéo dài đến hai mươi phút. Tôi không phải là người duy nhất biểu lộ một sự bực bội nhất định với những bản thông cáo đó; một nữ ý tá mà tôi thường

xuyên gặp vào thời điểm đó, bướng bỉnh ngồi lì ở một sân hiên, một hôm nói với tôi rằng phần lớn người Đức đã biết tin về sự vây hãm đại đoàn số 6 cùng lúc với sự hủy diệt của nó, điều này không có mấy ý nghĩa cho việc giảm nhẹ cú sốc tinh thần. Điều đó không phải là không để lại những hậu quả cho *Volksgemeinschaft*; người ta công khai nói và chỉ trích; thậm chí còn có cả một cái gì đó giống với một cuộc nổi dậy của sinh viên đã nổ ra ở München. Dĩ nhiên là điều này thì tôi không biết được thông qua đài phát thanh lẫn các nữ y tá, cũng như các bệnh nhân, mà từ Thomas, giờ đây đã ở đúng chỗ để được thông báo về loại sự việc đó. Người ta đã phân phát các truyền đơn chống đối, sơn những khẩu hiệu đầy chán nản lên các bức tường; Gestapo đã phải can thiệp mạnh mẽ, và người ta đã kết án và xử tội những kẻ cầm đầu, phần lớn là các thanh niên lầm lạc. Trong số các hậu quả phụ của thảm họa cũng có thể tính thêm, than ôi, sự quay trở lại đầy ầm ĩ trên chính trường của tiến sĩ Goebbels: lời tuyên bố *chiến tranh tổng lực* của ông ta, ở Sportpalast, đã được truyền toàn văn đến chúng tôi qua đài phát thanh, không thể trốn thoát được; trong một nhà nghỉ của SS, thật không may là người ta coi những việc như thế là rất nghiêm túc.

Những viên Waffen-SS đẹp đẽ nằm đầy trong các phòng phần lớn đều ở vào tình trạng thảm hại: thường thì họ bị thiếu mất các đoạn tay chân, thậm chí là một cái hàm, không khí không phải lúc nào cũng vui tươi. Nhưng tôi thấy thú vị khi nhận ra rằng gần như tất cả, mặc cho những gì mà sự quan sát dù là kém cỏi nhất các sự kiện hoặc việc nghiên cứu một tấm bản đồ có thể gợi ý, đều giữ được toàn vẹn lòng tin về *Endsieg* và sự tôn thờ dành cho Führer. Đó không phải là trường hợp của tất cả mọi người, một số, ở Đức, đã bắt đầu, một cách sáng suốt, từ các sự kiện và những tấm bản đồ, rút ra được các kết luận một cách khách quan; tôi đã nói chuyện này với Thomas; và thậm chí anh đã nói cho tôi biết rằng có những người như vậy, chẳng hạn Schellenberg, để suy nghĩ đến các hậu quả lôgic của những kết luận của họ, và để nghĩ đến việc xử trí trên các cơ sở đó. Dĩ nhiên

là tất cả những điều này tôi không hề mang ra bàn luận với những người đồng hoạn nạn với mình: làm mất tinh thần của họ thêm một chút, nhẹ dạ tước đi những gì làm nên nền tảng cuộc đời đau khổ của họ, cái đó không có chút ý nghĩa nào cả. Tôi lấy lại được sức lực: giờ đây tôi đã có thể mặc quần áo, bước đi một mình trên bãi biển, trong cơn gió và tiếng kêu khàn khàn của những con mòng biển; bàn tay trái của tôi đã bắt đầu nghe lệnh. Vào khoảng cuối tháng (tất cả chuyện này diễn ra vào tháng Hai năm 1943), bác sĩ trưởng của nơi này, sau khi khám cho tôi, hỏi rằng tôi đã cảm thấy có thể đi khỏi đây hay chưa: với tất cả những gì đang xảy đến, họ bị thiếu chỗ, và tôi hoàn toàn có thể hoàn tất việc hồi phục sức khỏe tại nhà. Tôi thân ái giải thích với ông ta rằng quay trở về nhà mình là chuyện tôi không nghĩ đến, nhưng nếu ông ta muốn, tôi sẽ đi, tôi sẽ đến thành phố, ở khách sạn. Các giấy tờ mà ông ta cấp cho tôi viết rõ tôi được hưởng ba tháng nghỉ ngơi. Vì vậy, tôi bắt tàu hỏa để đi Berlin. Tại đó, tôi thuê một phòng của một khách sạn tốt, *Eden*, trên Budapesterstrasse: một dãy phòng rộng rãi, với một phòng khách, một phòng ngủ, và một phòng tắm đẹp đẽ lát đá hoa kẻ ô vuông; nước nóng, ở đây, không được cấp theo hạn mức, và ngày nào tôi cũng chui vào bồn tắm, từ đó một giờ sau tôi bước ra với làn da đỏ hồng lên, và trần truồng nằm vật xuống giường, tim đập thình thịch. Cũng có một cửa sổ thấp và một ban công nhỏ nhìn xuống Vườn Bách thú: buổi sáng, khi tỉnh dậy và uống trà, tôi nhìn những người gác vườn đi kiểm tra và cho thú ăn, tôi rất thích thú với việc này. Tất nhiên là khá đắt tiền; nhưng tôi vừa nhận được toàn bộ số lương truy lĩnh từ hai mươi mốt tháng qua; cùng với các khoản tiền thưởng, tôi có một món tiền khá lớn, tôi có thể thoải mái vung tay một chút. Do vậy tôi đặt ở chỗ thợ may của Thomas một bộ quân phục tuyệt đẹp màu đen, trên đó tôi cho khâu lên quân hàm Sturmbannführer mới và gắn các loại huân chương (ngoài huân chương Thập tự Sắt và Huân chương Chiến đấu, tôi còn có các loại mề đay nhỏ hơn khác: cho vết thương trong chiến dịch mùa đông năm 41-42 của mình, hơi muộn một chút, và một mề đay

của NSDAP mà người ta cấp cho gần như bắt kỳ ai); tôi, dù vốn là người không mấy thích thú những bộ quân phục, phải công nhận rằng trông mình rất đỏm dáng, và thật là vui khi được đi loăng quăng trong thành phố, mũ cát kết đội hơi lệch, đôi găng trẻ nải trên tay; nhìn tôi, ai nghĩ được rằng về bản chất tôi chỉ là một tay bàn giấy quan liêu? Thành phố, kể từ khi tôi đi khỏi, đã thay đổi dáng vẻ đi một chút. Khắp nơi các biện pháp được sử dụng để phòng chống bom oanh tạc của người Anh đã làm biến dạng nó: một cái lều xiếc khổng lồ, làm từ những tấm lưới được ngụy trang bằng những mẩu vải và cành thông, phủ lên Charlottenburgstrasse kể từ cổng Brandenburg cho đến cuối Tiergarten, làm cho đại lộ tối om ngay cả vào ban ngày; cây cột Chiến thắng đã mất đi cái lá vàng của mình và thay vào đó là một thứ sơn màu nâu xấu khủng khiếp và những tấm lưới; trên Adolf-Hitler Platz và cả những nơi khác nữa, người ta đã xây những tòa nhà giả, những bài trí sân khấu lớn với ôtô và tramway chạy bên dưới; và một công trình kỳ cục ngự trị Vườn Bách thú gần khách sạn của tôi, như thể được rút ra từ một giấc mơ đầy hoang mang, một pháo đài Trung cổ to lớn bằng bê tông, tua tủa những nòng súng sẵn sàng bảo vệ người và thú khỏi *Luftmörder* Anh: tôi thấy không ít tò mò về sự xấu xí đang được giăng lên đó. Nhưng phải công nhận là những cuộc tấn công, vào thời kỳ đó, dù cho cũng làm cho dân chúng hoảng sợ, không thể so sánh được với những gì sẽ xảy đến sau này. Gần như tất cả các quán ăn ngon đều đã bị đóng cửa vì lệnh *tổng động viên*; Göring cố gắng bảo vệ *Horcher*, quán ưa thích của mình, và đã cho đặt lính gác, nhưng Goebbels, với tư cách là Gauleiter của Berlin, đã tổ chức một *cuộc biểu tình bột phát bày tỏ sự tức giận của người dân*, trong đó người ta đã đập vỡ hết các cửa kính; và Göring đành phải nhường bước. Thomas và tôi không phải là những người duy nhất cười cợt về sự cố này: vì không có một chế độ ăn uống "Stalingrad", một chút thanh đạm hẳn sẽ không gây điều xấu cho Reichsmarschall. Thomas, thật may mắn, có biết các câu lạc bộ tư, không bị chi phối bởi các quy định mới: ở đó người ta có thể nhấm nháp tôm hùm

hoặc hàu, giá rất cao nhưng không bị khẩu phần hóa, và uống rượu Champagne, bị kiểm soát rất chặt chẽ ở chính nước Pháp, nhưng ở Đức thì không; thật không may là không thể tìm được cả, cũng như bia. Những chỗ đó nhiều khi có một tinh thần kỳ lạ, nếu nhìn vào không khí chung: ở quán *Fer à Cheval Doré*, có một nữ phục vụ da đen, và các khách hàng nữ có thể trèo lên ngựa trên một đường đua ngựa nhỏ, để khoe chân cẳng; ở *Jockey Club*, dàn nhạc chơi nhạc Mỹ; không nhảy được, nhưng quán trang trí đầy những bức chân dung của các ngôi sao điện ảnh Hollywood, và thậm chí cả Leslie Howard.

Tôi nhanh chóng nhận ra rằng sự vui vẻ từng tràn ngập mình khi đến Berlin đã nằm lại trên bề mặt; bên dưới, nó trở nên mỏng manh một cách đáng sợ, tôi cảm thấy mình được làm ra từ một thứ vật liệu dễ mủn, tan rã ở mỗi hơi thở dù là nhỏ nhất. Khắp những nơi tôi nhìn vào, cảnh tượng của cuộc sống bình thường, đám đông trên các tramway hoặc S-Bahn, tiếng cười của một người phụ nữ thanh lịch, tiếng sột soạt đầy hài lòng của một tờ báo, va đập vào tôi như tiếp xúc của một mảnh thủy tinh sắc. Tôi có cảm giác cái lỗ trong trán mình đã mở thêm một con mắt thứ ba, một con mắt không quay về phía mặt trời, có khả năng ngắm nhìn ánh sáng chói lòa của mặt trời, mà lại hướng về bóng tối, có khả năng nhìn khuôn mặt trần trụi của cái chết, và nắm lấy nó, khuôn mặt này, đằng sau mỗi khuôn mặt bằng da bằng thịt, dưới những nụ cười, xuyên qua những làn da trắng nhất và thánh thiện nhất, những cặp mắt vui tươi nhất. Thảm họa đã có ở đó và người ta không nhận ra nó, bởi vì thảm họa, đó chính là ý tưởng về thảm họa đang đến, cái làm suy sụp mọi thứ ngay cả trước khi tới kỳ hạn. Xét cho cùng, tôi tự nhắc đi nhắc lại với một niềm cay đắng vô vọng, chỉ có chín tháng đầu tiên người ta mới được yên ổn, và sau đó vị tổng thiên thần với lưỡi gươm lửa vĩnh viễn đánh đuổi bạn ra khỏi cánh cửa in dòng chữ *Lasciate ogni speranza*, và người ta chỉ còn có thể làm một việc, quay đầu ra đằng sau, trong khi thời gian vẫn tiếp tục khăng khăng đẩy bạn lên phía trước và ở đầu kia không có gì hết, tuyệt đối không có gì. Những ý nghĩ

đó không có gì là độc đáo cả, chúng ở trong tầm tay bất kỳ người lính nào từng bị chìm đắm trong thứ tuyết của miền Đông, người biết được rằng, trong khi lắng nghe sự im lặng, cái chết đang ở gần kề, và người hình dung ra được giá trị vô tận của mỗi hơi thở, của mỗi nhịp đập của trái tim, của cái mùi lạnh lẽo và choáng váng của không khí, của điều kỳ diệu của ánh sáng ban ngày. Nhưng khoảng cách từ mặt trận đến đây giống như một lớp mỡ tinh thần, và khi nhìn những con người đầy thỏa mãn đó thình thoảng tôi thấy mình như thể hụt hơi, tôi muốn hét lên. Tôi đi cắt tóc: ở đó, đột nhiên, trước tấm gương, thật kỳ cục, là nỗi sợ. Đó là một căn phòng màu trắng, sạch sẽ, tiệt trùng, hiện đại, một phòng cắt tóc đắt tiền một cách kín đáo; một hoặc hai người khách đang ngồi trên những cái ghế khác. Người thợ cắt tóc choàng lên người tôi một cái áo bờ lu màu đen dài, và dưới cái áo đó tim tôi đập thình thịch, các cơ quan nội tạng của tôi chìm vào một cơn lạnh ẩm ướt, nỗi hoảng sợ tràn ngập toàn bộ cơ thể tôi, đầu các ngón tay lăm răm kim châm. Tôi nhìn mặt mình: nó bình tĩnh, nhưng sau sự bình tĩnh đó nỗi sợ đã xóa nhòa đi tất cả. Tôi nhắm mắt lại: *snip, snip*, trong tai tôi vang lên tiếng những nhát kéo của người thợ cắt tóc. Khi về nhà, tôi có ý nghĩ này: Đúng, cứ tiếp tục nhắc đi nhắc lại rằng mọi chuyện sẽ ổn đi, ai mà biết được, có thể là cuối cùng mi sẽ tự thuyết phục được mình. Nhưng tôi không làm sao tự thuyết phục được, tôi chao đảo. Tuy vậy, tôi không hề có triệu chứng cụ thể nào, giống như những người mà tôi biết ở Ukraine và Stalingrad: tôi không bị mắc những cơn buồn nôn, tôi không nôn mửa, hệ tiêu hóa hoạt động rất tốt. Chỉ có điều, trên phố, tôi có cảm giác đang bước đi trên thứ thủy tinh lúc nào cũng sẵn sàng vỡ vụn dưới chân. Sống đòi hỏi một sự quan tâm cao độ đối với mọi thứ, điều này làm tôi kiệt sức. Trên một trong những phố nhỏ yên tĩnh gần Landwehrkanal, tôi tìm thấy, trên bệ cửa sổ tầng trệt, một cái găng tay dài của phụ nữ bằng xatanh màu xanh da trời. Không suy nghĩ gì, tôi cầm lấy nó và tiếp tục bước đi. Tôi muốn xỏ thử vào nó; dĩ nhiên là nó quá nhỏ, nhưng vải xatanh làm tôi thấy phấn khích. Tôi tưởng tượng ra bàn

tay đeo cái găng đó: ý nghĩ này làm tôi bối rối. Tôi sẽ không giữ lại nó; chỉ vậy thôi, để vứt bỏ được nó, tôi chỉ cần một cái cửa sổ khác, với một đường viền sắt rèn chạy quanh bệ, và tốt hơn cả là tại một tòa nhà cổ; thế nhưng, trên phố chỉ có các cửa hiệu, với mặt trước câm lặng và đóng kín. Cuối cùng, ngay trước khi về đến khách sạn, tôi tìm được cái cửa sổ thích hợp. Các cánh chớp đều được hạ xuống; tôi nhẹ nhàng đặt cái găng tay vào giữa bệ, như một thứ đồ hiến tế. Hai ngày sau đó các cánh chớp cửa sổ vẫn đóng, và cái găng vẫn nằm đó, dấu hiệu mờ đục, kín đáo, đang tìm cách nói cho tôi một điều gì đó, nhưng là điều gì?

Hẳn là Thomas đã bắt đầu đoán ra trạng thái tinh thần của tôi, bởi vì qua những ngày đầu tiên tôi không gọi cho anh nữa, tôi không đi ăn tối với anh nữa; nói thật lòng, tôi thích đi lang thang trong thành phố hơn, hoặc từ ban công của mình ngắm nhìn những con sư tử, hươu cao cổ và voi của Vườn Bách thú, hoặc là trôi nổi trong cái bồn tắm xa xỉ của mình, lãng phí nước nóng không một chút xấu hổ. Trong nỗi lo lắng chính đáng tìm cách giải khuây cho tôi, Thomas yêu cầu tôi đi chơi với một người phụ nữ trẻ tuổi, một thư ký của Führer đang nghỉ phép ở Berlin và quen biết ít người ở đây; vì lịch sự, tôi không muốn từ chối. Tôi đưa cô ta đi ăn tối ở khách sạn *Kempinski*: ngay cả khi các món ở đó được đặt những cái tên ái quốc kỳ cục, chất lượng đồ ăn vẫn rất tuyệt, và khi nhìn những tấm mề đay của tôi người ta không làm tôi phải nhọc lòng với những câu chuyện về khẩu phần. Cô gái trẻ, tên là Grete V., hau háu lao vào những con hàu, nuốt tuột hết con này đến con khác vào giữa hai hàm răng: có vẻ như là ở Rastenburg, người ta ăn uống rất đạm bạc. "Và nữa! cô ta kêu lên. Thật may là chúng tôi không bị bắt buộc phải ăn cùng những thứ với Führer." Trong khi tôi rót rượu vang cho cô ta, cô ta kể cho tôi rằng Zeitzler, tham mưu trưởng mới của OKH, bị chấn động trước những lời nói dối thô thiển của Göring liên quan đến vấn đề tiếp tế lương thực qua đường hàng không cho *Kessel*, vào tháng Chạp đã công khai cho phục vụ mình, ở nhà ăn, cùng khẩu phần của những người lính đại đoàn số 6. Ông ta nhanh chóng

xuống cần và Führer đã buộc ông ta phải ngừng ngay *những trò chứng minh bệnh hoạn* đó; ngược lại, sâm banh và cognac đã bị cấm. Trong khi cô ta nói, tôi ngồi im quan sát: vẻ bên ngoài của cô ta không mấy quen thuộc. Cô ta có quai hàm khỏe, rất dài; khuôn mặt cô ta tìm kiếm sự bình thường nhưng có vẻ như đang che đậy một ham muốn nặng nề, bí mật, bị giam kín bởi hai nét kẻ màu máu của lớp son môi. Đôi bàn tay của cô ta rất sống động, những ngón tay đỏ ửng lên vì máu lưu chuyển không tốt; cô ta có những nét của loài chim, mảnh dẻ, xương xẩu, sắc nhọn; những dấu vết kỳ lạ cắt ngang dọc nắm tay trái của cô ta, như thể dấu vết của những cái vòng hoặc dây buộc. Tôi thấy cô ta rất thanh lịch và sống động, nhưng bị một sự giả dối câm lặng phủ lên trên. Vì rượu vang làm cô ta trở nên lắm lời, tôi bảo cô ta nói về cuộc sống riêng tư của Führer, mà cô ta miêu tả với một sự trơ trên đáng kinh ngạc: mỗi tối, ông ta phát biểu trong hàng giờ liền, và những cuộc độc thoại của ông ta có tính chất lặp lại, nhàm chán, thiếu sức sống đến nỗi các thư ký, trợ tá và sĩ quan tùy tùng phải thiết lập cả một hệ thống luân phiên để lắng nghe ông ta; những người đến lượt chỉ có thể đi ngủ được vào sáng sớm. "Dĩ nhiên, cô ta nói thêm, đó là một thiên tài, vị cứu tinh của nước Đức. Nhưng cuộc chiến tranh này đã làm ông ấy kiệt sức." Buổi chiều tối, khoảng năm giờ, sau những cuộc họp nhưng trước bữa tối, những bộ phim và buổi trà đêm, có một chầu cà phê cho các thư ký; ở đó, được toàn phụ nữ vây quanh, ông ta tỏ ra khá lịch thiệp – ít nhất là trước trận Stalingrad – ông ta đùa cợt, trêu các cô gái, và họ không nói về chính trị. "Ông ta có tán tỉnh các cô không?" tôi vui vẻ hỏi. Cô ta lấy vẻ hết sức nghiêm trang: "Ồ, không, không bao giờ!" Cô ta hỏi tôi về Stalingrad; tôi cung cấp cho cô ta một miêu tả khủng khiếp và đáng sợ, khiến cô ta trước tiên cười đến chảy cả nước mắt, nhưng sau đó cảm thấy khó ở đến mức cô ta ngắt lời tôi luôn. Tôi đưa cô ta về khách sạn của cô ta, ở gần Anhalter Banhof; cô ta mời tôi lên phòng uống một cốc, nhưng tôi nhẹ nhàng từ chối; sự lịch sự của tôi cũng có những giới hạn của nó. Ngay sau khi rời khỏi cô ta, tôi bị một cảm giác bồn chồn, lo

lắng xâm chiếm: mất thời gian vì cái chuyện này thì được ích lợi gì? Những trò đơm đặt và những câu chuyện ngồi lê đôi mách về Führer thì có thể làm được điều gì cho tôi? Vênh vang như vậy trước một con mụ tô vẽ sặc sỡ, kẻ xét cho cùng chỉ chờ đợi ở tôi một thứ, thì có ích gì? Tốt hơn hết là cứ được yên tĩnh. Nhưng ngay cả ở khách sạn, mặc dù là khách sạn rất cao cấp, sự yên tĩnh vẫn chạy trốn khỏi tôi: ở tầng dưới đang có một bữa tiệc ầm ĩ, và âm nhạc, những tiếng la hét, những tiếng cười lọt qua sàn nhà vẳng lên, thắt chặt lấy cổ họng tôi. Nằm trên giường, chìm trong bóng tối, tôi nghĩ đến những con người của đại đoàn số 6: buổi tối mà tôi đang nói đến vào khoảng đầu tháng Ba, đã hơn một tháng sau khi các đơn vị cuối cùng đầu hàng; những người sống sót, bị sâu bọ và cơn sốt giày vò, hẳn là đã ở trên đường đi Xibêri hoặc Kazakhstan, đúng lúc này, khi mà tôi đang nặng nhọc hít thở không khí ban đêm của Berlin, và với họ, không có âm nhạc, không có những tiếng cười, chỉ có những tiếng la hét mang một tính chất khác hẳn. Và không chỉ có mình họ, điều đó ở khắp mọi nơi, toàn thế giới đang quằn quại vì đau đớn, và tất cả những thứ đó không phải là để người ta vui sướng, dù sao thì cũng không phải là ngay lúc này, lẽ ra phải chờ đợi một chút, phải có một khoảng thời gian thích hợp trôi qua cái đã. Một nỗi hoang mang nặng mùi và độc ác dâng lên làm tôi nghẹt thở. Tôi đứng dậy, lục tìm trong ngăn kéo tủ bàn làm việc, rút ra khẩu súng lục của mình, kiểm tra xem đã nạp đạn chưa, và đeo nó vào đúng chỗ. Tôi nhìn đồng hồ đeo tay: hai giờ sáng. Tôi mặc áo vest quân phục (tôi vẫn chưa cởi quần áo) và đi xuống mà không cài cúc lại. Ở chỗ tiếp tân, tôi hỏi điện thoại và gọi cho Thomas ở căn hộ mà anh đang thuê: "Rất tiếc vì đã làm phiền cậu muộn thế này." – "Không, không sao đâu. Có chuyện gì thế?" Tôi giải thích cho anh những thôi thúc mang tính giết chóc của mình. Trước sự ngạc nhiên của tôi, anh không phản ứng một cách mỉa mai, mà nói với tôi hết sức nghiêm túc: "Bình thường thôi mà. Bọn người đó là một lũ khốn nạn, những kẻ lợi dụng. Nhưng dù sao thì nếu bắn vào cái đống đó, cậu cũng sẽ gặp phiền phức đấy." – "Vậy thì cậu

bão tớ phải làm gì?" – "Đến nói với bọn họ. Nếu bọn họ không chịu im đi, chúng ta sẽ xem. Tớ sẽ gọi thêm bạn bè." – "Được rồi, tớ đi đây." Tôi bỏ mày và lên đến tầng gác dưới tầng của tôi; tôi dễ dàng tìm ra cánh cửa đó và gõ. Một người đàn bà cao lớn đẹp đẽ trong trang phục dạ hội hơi trễ nải mở cửa cho tôi, hai mắt long lanh. "Vâng?" Phía sau bà ta, nhạc rú lên, tôi nghe thấy những tiếng chạm cốc, những trận cười man dại. "Đây là phòng của bà à?" tôi hỏi, tim đập dồn. – "Không. Đợi đã." Bà ta quay đầu lại sau: "Dicky! Dicky! Một sĩ quan hỏi cậu." Một người đàn ông vận veston, ngà ngà say, đi ra cửa; người đàn bà nhìn chúng tôi, không giấu vẻ tò mò. "Vâng, Herr Sturmbannführer? ông ta hỏi. Tôi có thể làm gì cho ngài?" Giọng ông ta mượt mà, lịch thiệp, gần như lúng búng hé lộ thân phận một quý tộc dòng dõi lâu đời. Tôi cúi nhẹ người xuống và bắt đầu bằng một cái giọng trung tính nhất có thể được: "Tôi sống ở phòng ngay trên phòng của ông. Tôi từ Stalingrad trở về, ở đó tôi đã bị thương nặng và ở đó gần như tất cả các bạn đồng ngũ của tôi đều đã chết. Những hoạt động tiệc tùng của ông làm phiền tôi. Tôi những muốn xuống để giết các ông, nhưng tôi đã gọi điện cho một người bạn, anh ấy khuyên tôi đến nói chuyện với các ông trước đã. Thế là tôi đến đây để nói chuyện với ông. Tốt hơn hết cho tất cả chúng ta là tôi không phải xuống lại." Mặt người đàn ông trở nên nhợt nhạt: "Không, không..." Ông ta ngoái đầu lại: "Gofi! Tắt nhạc đi! Tắt đi!" Ông ta nhìn tôi: "Xin thứ lỗi cho tôi, chúng tôi sẽ dừng lại ngay lập tức." – "Cám ơn." Trong khi trèo lên gác, cảm thấy hài lòng một cách mơ hồ, tôi nghe thấy tiếng ông ta hét lên: "Tất cả mọi người ra ngoài! Kết thúc rồi! Ra đi!" Tôi đã chạm đến một đầu mối, và đó không phải là một vấn đề về nỗi sợ cả ông ta nữa, đột nhiên, ông ta đã hiểu ra, và ông ta thấy xấu hổ. Trong phòng tôi, hiện tại mọi thứ đều đã yên tĩnh; những tiếng động duy nhất là tiếng một chiếc ôtô phóng qua, tiếng ré của một con voi mất ngủ. Tuy nhiên, tôi không bình tĩnh được: tôi thấy hành động của mình giống như một cuộc dàn cảnh, bị thúc đẩy bởi một cảm giác có thật và khó giải thích, nhưng sau đó đã bị làm giả, bị chuyển

sang thành một cơn giận dữ làm cảnh, đầy tính khuôn mẫu. Nhưng vấn đề nằm ở chính đó: cứ tự quan sát bản thân mình như vậy, một cách thường trực, với cái nhìn từ bên ngoài đó, cái máy camera mang tính phê phán đó, làm thế nào mà tôi còn có thể thốt ra được dù chỉ là một lời thực, có được một cử chỉ thực dẫu là nhỏ nhất? Tất cả những gì tôi làm đang trở thành một vở diễn đối với chính tôi; bản thân suy nghĩ của tôi cũng chỉ còn là một cách khác để tự soi mình vào đó, một Narcisse khốn khổ cứ liên tục tự làm đẹp chính mình, nhưng không bao giờ bị mắc lừa vì điều đó. Cái ngõ cụt mà tôi đã lao vào kể từ khi tuổi thơ kết thúc, chính là vậy: trước đây chỉ có duy nhất Una đủ sức kéo tôi ra khỏi con người của chính tôi, khiến tôi quên được mình đi một chút, và kể từ khi mất nàng, tôi không ngừng tự nhìn lại mình với một cái nhìn trong tâm tưởng hòa lẫn với cái nhìn của nàng nhưng vẫn là, vì không có lối thoát nào hết, của tôi. Không có em, anh không phải là anh: và cái đó, cái đó là sự kinh hoàng thuần khiết, chết người, không chút quan hệ nào với những nỗi kinh hoàng ngọt ngào của tuổi thơ, một bản án không có chỗ cho kháng cáo, và cũng không qua xét xử.

Chính vào những ngày đầu tiên của tháng Ba năm 1943 đó, tiến sĩ Mandelbrod mời tôi đến dùng trà.

Tôi biết Mandelbrod và người liên danh của ông ta, Herr Leland, đã từ rất lâu. Trước đây, sau Thế chiến thứ nhất – và thậm chí là trước đó, nhưng tôi không có cách nào để kiểm tra – bố tôi đã làm việc cho họ (có vẻ như là cả chú tôi cũng từng thỉnh thoảng làm đại diện cho họ). Mối quan hệ của họ, theo những gì mà tôi dần dần hiểu được, vượt quá mức độ liên hệ bình thường giữa ông chủ và người làm công: sau khi bố tôi mất tích, tiến sĩ Mandelbrod và Herr Leland đã giúp mẹ tôi trong việc tìm kiếm, và có thể cũng đã giúp đỡ bà ta về tài chính, nhưng điều đó thì ít chắc chắn hơn. Và họ tiếp tục đóng một vai trò trong đời tôi: năm 1934, khi tôi chuẩn bị đoạn tuyệt với mẹ tôi để đi sang Đức, tôi đã liên lạc với Mandelbrod, người từ lâu là một gương mặt được kính trọng trong Phong trào; ông ta khuyến khích tôi, giúp đỡ tôi;

cũng chính ông ta đã đẩy tôi – nhưng giờ đây là cho nước Đức, chứ không phải là cho nước Pháp – tiếp tục việc học hành, và là người tổ chức cho lần ghi danh của tôi ở Kiel cũng như vào SS. Mặc dù cái tên có âm hưởng Do Thái của ông ta, đó là, giống như bộ trưởng Rosenberg, một người Đức thuần khiết có dòng dõi Phổ lâu đời, có thể là mang một chút máu Xlavơ; Herr Leland lại có gốc Anh, nhưng những thiên hướng thân Đức đã thúc đẩy ông ta chối từ quê hương của mình rất lâu trước khi tôi ra đời. Đó là các nhà công nghiệp, nhưng rất khó xác định được vị thế chính xác của họ. Họ có tên trong nhiều hội đồng quản trị, nhất là hội đồng của IG Farben, và đã đóng góp về mặt tài chính cho nhiều công việc khác nữa, dù cho tên họ không hề gắn liền mật thiết với nơi đâu; người ta nói rằng họ rất có thể lực trong ngành hóa học (cả hai đều là thành viên của *Reichsgruppe* về công nghiệp hóa học) và cả trong ngành sản xuất kim loại. Ngoài ra, họ rất gần gũi với Đảng kể từ *Kampfzeit*, và đã đóng góp vào việc chăm lo tài chính cho nó kể từ khởi đầu; theo Thomas, người mà tôi đã một lần nói về chuyện này hồi trước chiến tranh, họ nắm giữ những vị trí trong nội các của Führer, nhưng không hoàn toàn là thuộc cấp của Philipp Bouhler; và họ xâm nhập được những khu vực cao nhất của trung ương Đảng. Cuối cùng, Reichsführer-SS đã phong cho họ làm SS-Gruppenführer danh dự, và là các thành viên của *Freundeskreis Himmler*, nhưng Thomas, một cách đầy bí ẩn, khẳng định rằng việc này không hề khiến SS có được ảnh hưởng nào lên họ, và rằng nếu có ảnh hưởng, thì đúng hơn là theo chiều ngược lại. Anh tỏ ra hết sức bị ấn tượng khi tôi nói với anh về quan hệ giữa tôi và họ, và rõ ràng là thậm chí anh còn hơi ghen tị với tôi vì có được những người bảo trợ như vậy. Tuy nhiên, mối quan tâm của họ đối với sự nghiệp của tôi thay đổi theo từng giai đoạn: khi đang ở vào cái có thể được gọi là một thời điểm then chốt, sau bản báo cáo năm 1939 của mình, tôi đã tìm cách để gặp họ; nhưng đó là một thời kỳ đầy biến động, tôi đã mất nhiều tháng trời để có được một câu trả lời, và chỉ vào thời điểm nước Pháp bị xâm chiếm họ mới mời tôi đến ăn tối: Herr Leland, theo

tôi đang đi vòng qua để đến bắt tay ông ta; ông ta chỉ lướt đầu những ngón tay trên bàn tay tôi trong khi người phụ nữ quay trở lại nơi từ đó cô ta đã đến. "Ngồi xuống đi nào," ông ta thì thầm bằng cái giọng rất hay của mình. Ông ta mặc một bộ lễ phục dày bằng len màu nâu; cái cà vạt của ông ta biến mất dưới một khối thịt treo lủng lẳng ở cổ. Một âm thanh đầy thô thiển vang lên phía dưới ông ta và một thứ mùi kinh khủng xộc thẳng lên mũi tôi; tôi cố gắng hết sức để giữ được vẻ thản nhiên. Cùng lúc đó một con mèo nhảy lên đầu gối ông ta và ông ta hất hơi, rồi bắt đầu vuốt ve nó, trước khi hắt hơi thêm một cái nữa: mỗi tiếng hắt hơi đều nổ to như một vụ nổ làm con mèo nhảy dựng lên. "Tôi bị dị ứng với những con vật khốn khổ này, ông ta khịt mũi, nhưng tôi quá yêu chúng." Người phụ nữ lại xuất hiện cùng với một cái khay: cô ta đi đến chỗ chúng tôi bằng một bước đi đều đặn và vững chãi, đặt một bộ đồ uống trà xuống cái bàn thấp, cố định chỗ một chiếc bàn nhỏ gấn trên tay cầm cái ghế phôtơi của Mandelbrod, rót cho chúng tôi hai tách trà và lại biến mất, tất cả đều hết sức kín đáo, cũng im lìm giống như lũ mèo. "Có đường và có sữa, Mandelbrod nói. Anh tự lấy nhé. Còn tôi thì tôi không dùng." Ông ta nhìn tôi chằm chằm một lúc: một tia sáng láu lỉnh nhấp nháy trong đôi mắt nhỏ gần như chìm hẳn vào trong những nếp mỡ của ông ta. "Anh đã thay đổi, ông ta tuyên bố. Mặt trận phía Đông đã gây một hiệu ứng tốt lên anh. Anh đã trưởng thành. Bố anh sẽ rất tự hào." Những lời này làm tôi vô cùng xúc động: "Ông tin vậy à?" – "Hẳn rồi. Anh đã thực hiện được một việc đáng chú ý: đích thân Reichsführer đã ghi chép lại từ các báo cáo của anh. Ông ấy đã cho chúng tôi xem quyển album ảnh mà anh làm ở Kiev: sếp của anh muốn vơ lấy hết vinh dự cho bản thân mình, nhưng chúng tôi biết rằng ý tưởng xuất phát từ anh. Dù thế nào đi nữa thì đó cũng chỉ là một việc nhỏ. Nhưng những báo cáo mà anh đã viết, nhất là những tháng gần đây, thật là tuyệt vời. Theo tôi, anh đang có một tương lai rực rỡ trước mặt đấy." Ông ta im lặng và nhìn tôi: "Vết thương của anh sao rồi?" cuối cùng ông ta hỏi. – "Tốt, Herr Doktor. Đã khỏi rồi, tôi chỉ còn phải nghỉ ngơi

thêm một chút thôi." – "Còn sau đó?" – "Tôi sẽ quay trở lại công việc, dĩ nhiên rồi." – "Và anh tính sẽ làm gì?" – "Thực tình là tôi không biết. Điều đó phụ thuộc vào những gì người ta đề nghị với tôi." – "Việc anh đề nghị những gì anh muốn chỉ phụ thuộc vào một mình anh thôi. Nếu anh lựa chọn đúng, những cánh cửa sẽ mở ra, tôi đảm bảo với anh đấy." – "Ông đang nghĩ đến điều gì vậy, Herr Doktor?" Một cách chậm rãi, ông ta nâng tách trà của mình lên, thổi cho nguội, và sụp soạt uống. Tôi cũng uống một chút. "Ở Nga, tôi nghĩ rằng chủ yếu anh phụ trách vấn đề Do Thái, đúng vậy không?" – "Vâng, Herr Doktor, tôi nói, hơi cảm thấy khó ở. Nhưng không chỉ có vậy." Mandelbrod tiếp tục cất cái giọng bằng phẳng và du dương: "Từ vị trí mà anh đang đảm trách hiện nay, chắc chắn là anh không thể biết được tầm vóc của cả vấn đề lẫn giải pháp mà người ta đã chọn cho nó. Hẳn anh đã từng nghe thấy các tin đồn rồi: chúng đúng cả đấy. Kể từ cuối năm 1941, giải pháp này đã được mở rộng ra tất cả các nước châu Âu, trong chừng mực có thể. Chương trình được thực hiện từ mùa xuân năm ngoái. Người ta đã ghi nhận những thành công đáng kể, nhưng còn lâu mới hoàn thành được. Ở đó vẫn còn có chỗ cho những người có năng lực và tận tâm như anh." Tôi cảm thấy mặt mình đỏ lên: "Tôi xin cảm ơn lòng tin của ông, Herr Doktor. Nhưng tôi phải nói với ông rằng: cái khía cạnh đó của công việc, tôi thấy nó đặc biệt khó khăn, quá sức tôi. Giờ đây tôi những muốn tập trung vào việc gì đó thích hợp hơn với các khả năng và hiểu biết của tôi, như là luật hiến pháp hoặc thậm chí là các quan hệ tư pháp với các nước châu Âu khác. Việc xây dựng một châu Âu mới là một lĩnh vực rất hấp dẫn tôi." Trong khi tôi nói một tràng, Mandelbrod đã uống xong tách trà của mình; nữ chiến binh Amazon tóc vàng hoe lại xuất hiện và đi ngang qua phòng, đến rót cho ông ta một tách khác, rồi đi khỏi. Mandelbrod uống tiếp. "Tôi hiểu được những do dự của anh, cuối cùng ông ta nói. Tại sao lại phải nhận lấy những nhiệm vụ nặng nề, nếu còn có những việc khác để làm? Đây chính là tinh thần của thời đại. Trong cuộc chiến trước, mọi chuyện khác hẳn. Công việc càng

khó khăn hoặc nguy hiểm thì người ta lại càng sốt sắng hoàn thành. Chẳng hạn như bố anh coi bản thân khó khăn là một lý do để làm một điều gì đó, và thực hiện nó một cách hoàn hảo. Ông anh là một người có cùng khí chất đó. Ngày nay, mặc cho tất cả các nỗ lực của Führer, người Đức trượt dài vào sự mềm yếu, sự không dứt khoát, thỏa hiệp." Tôi cảm thấy lời lăng mạ gián tiếp như một cái tát; nhưng có một điều gì đó khác trong những gì ông ta nói quan trọng với tôi nhiều hơn: "Xin ông thứ lỗi, Herr Doktor. Tôi nghĩ là mình hiểu đúng, rằng ông có biết ông nội tôi?" Mendelbrod đặt cái tách xuống: "Tất nhiên rồi. Cả ông ấy cũng đã từng làm việc cùng chúng tôi, vào lúc khởi đầu. Một con người đáng kinh ngạc." Ông ta chìa bàn tay núc ních của mình về phía bàn làm việc. "Đến đó xem đi." Tôi vâng lời. "Anh có thấy tập tài liệu bọc da không? Mang nó lại đây cho tôi." Tôi quay trở lại gần ông ta và chìa nó ra. Ông ta đặt nó lên đầu gối, mở ra, và rút từ đó một bức ảnh rồi chìa cho tôi. "Nhìn đi." Đó là một bức ảnh cũ bằng mực khô đã hơi ố vàng: ba người đứng cạnh nhau, trên nền của những thứ cây nhiệt đới. Người phụ nữ đứng giữa có một khuôn mặt bầu bĩnh nhỏ nhắn, vẫn còn điểm những vết tàn nhang của tuổi dậy thì; hai người đàn ông mặc đồ sáng màu mùa hè: người đứng bên tay trái, với những đường nét thanh hơi mờ và một lọn tóc rủ xuống trán, cũng đeo một cái cà vạt; cổ cồn của người đàn ông bên phải mở ra dưới một khuôn mặt góc cạnh, như thể được tạc vào một thứ đá quý; ngay cả một cặp kính màu cũng không thể che giấu được mức độ vui vẻ và táo bạo của đôi mắt anh ta. "Ai là ông nội tôi?" tôi hỏi, đầy say mê, và cả hoang mang. Mandelbrod chỉ người đàn ông đeo cà vạt. Tôi nhìn anh ta một lần nữa: trái ngược với người kia, anh ta có đôi mắt kín đáo, gần như là trong suốt. "Còn người phụ nữ?" tôi hỏi một lần nữa, nhưng đã đoán ra. – "Bà nội anh đấy. Bà ấy tên là Eva, một người phụ nữ tuyệt vời, xinh đẹp." Trên thực tế tôi không biết cả hai người: bà tôi chết rất lâu trước khi tôi sinh ra, và những cuộc viếng thăm ít ỏi đến chỗ ông tôi, khi tôi còn nhỏ xíu, không để lại cho tôi ký ức nào cả. Ông chết không lâu sau khi bố tôi mất tích.

"Thế người còn lại là ai?" Mandelbrod nhìn tôi với một nụ cười trong vắt: "Anh không đoán ra à?" Tôi nhìn ông ta: "Không thể thế được!" tôi kêu lên. Ông ta vẫn không tắt nụ cười của mình: "Tại sao? Dù gì thì cậu cũng không nghĩ rằng tôi vẫn luôn phải có cái dáng vẻ đó đấy chứ?" Bối rối, tôi ấp úng: "Không, không, đó không phải là điều tôi muốn nói, Herr Doktor! Nhưng tuổi tác của ông...: Trên ảnh, người ta có thể nói rằng ông cùng tuổi với ông nội tôi." Một con mèo khác, đang đi lại trên tấm thảm, nhẹ nhàng nhảy lên lưng ghế phôtơi và trèo lên vai ông ta, cọ cọ người vào cái đầu khổng lồ của ông ta. Mandelbrod lại hắt hơi. "Trên thực tế, ông ta nói giữa hai cái hắt hơi, tôi già hơn ông ấy. Nhưng tôi tự bảo quản mình rất tốt." Tôi vẫn nhìn chằm chằm vào bức ảnh: vậy là có đến biết bao nhiêu điều nó có thể nói với tôi! Tôi rụt rè hỏi: "Tôi có thể giữ nó được không, Herr Doktor?" – "Không." Thất vọng, tôi đưa nó lại cho ông ta; ông ta cất nó vào cái cặp đựng tài liệu và bảo tôi để nó lại trên mặt bàn làm việc. Tôi quay lại ngồi. "Bố cậu là một người quốc xã chân chính, Mandelbrod tuyên bố, và ngay cả trước khi Đảng tồn tại. Những người ở thời kỳ đó sống dưới sự ngự trị của các tư tưởng sai lầm: với họ, chủ nghĩa quốc xã có nghĩa là một thứ chủ nghĩa ái quốc mù quáng và hẹp hòi, một thứ chủ nghĩa ái quốc của lũ nhà quê, cộng thêm cả một sự bất công bên trong to lớn; chủ nghĩa xã hội, với các đối thủ của bọn họ, đồng nghĩa với một thứ bình đẳng giả dối về giai cấp ở tầm mức quốc tế, và một cuộc đấu tranh giữa các giai cấp bên trong mỗi quốc gia. Tại Đức, bố cậu từng là một trong những người đầu tiên hiểu được rằng cần phải có một vai trò ngang bằng, cùng với một sự tôn trọng lẫn nhau, đối với mọi thành viên của quốc gia, nhưng chỉ là ở trong phạm vi quốc gia mà thôi. Theo cách của mình, tất cả các xã hội vĩ đại trong lịch sử đều đã từng có tính quốc gia và xã hội. Hãy nhìn Temüdjin, kẻ bị loại trừ, mà xem: chỉ khi ông ta đã có thể ấn định được tư tưởng đó, và tập hợp các bộ tộc trên cái nền chung ấy, thì người Mông Cổ mới có thể chinh phục được thế giới, nhân danh cái kẻ bị phi giai cấp hóa đã trở thành Hoàng Đế Đại Dương, Gengis Khan. Tôi

đã đưa cho Reichsführer đọc một cuốn sách viết về Temüdjin, và ông ấy đã bị ấn tượng rất mạnh. Với một sự khôn ngoan khổng lồ và dũ dội, những người Mông Cổ đã quét sạch mọi thứ ở trước mắt mình, để rồi sau đó xây dựng lại trên những nền tảng tốt lành. Toàn bộ cơ sở hạ tầng của Đế chế Nga, toàn bộ nền móng trên đó người Đức đã xây dựng, ở nước mình, dưới các hoàng đế đặc chất Sa hoàng, đều là những gì mà người Mông Cổ đã mang đến cho họ: đường sá, tiền, bưu điện, hải quan, nền hành chính. Chỉ khi người Mông Cổ làm hỏng đi tính thuần khiết của mình, bằng cách từ thế hệ này sang thế hệ khác kết hôn với những người đàn bà nước ngoài, thường xuyên nhất là tụi nestorien, nghĩa là những kẻ có tính chất Do Thái nhất trong số dân Kitô giáo, thì Đế chế của họ mới bị tan rã và sụp đổ. Người Trung Quốc là một trường hợp ngược lại nhưng cũng đầy tính giáo dục: họ không rời khỏi Đế chế Trung tâm của mình, mà hấp thu và Hán hóa một cách không thể đảo ngược tất cả các dân tộc bước chân vào đó, dù cho là mạnh đến đâu đi nữa, họ nhấn chìm những dân tộc này trong một đại dương dòng máu Trung Quốc không bờ bến. Họ rất mạnh. Mặt khác, khi nào kết thúc được với người Nga, chúng ta cũng sẽ có người Trung Quốc trước mặt để chinh phục. Người Nhật sẽ không bao giờ kháng cự lại được trước họ, ngay cả khi ngày nay bọn họ giữ được vị trí hàng đầu. Nếu không phải là ngay lập tức, thì dù sao đến một ngày nào đó cũng sẽ phải đối đầu với họ, trong một trăm, hai trăm năm nữa. Khi đó thì phải mãi giữ họ yếu ớt, nếu có thể được thì ngăn cản họ hiểu được chủ nghĩa quốc xã và áp dụng nó vào tình hình cụ thể của mình. Mặt khác, cậu có biết rằng ngay bản thân cái khái niệm "quốc xã" cũng do một tên Do Thái, một kẻ tiền triệu của chủ nghĩa Sion, Moïse Hess, tạo ra, không? Hôm nào đó cậu cứ thử đọc cuốn sách của ông ta mà xem, cuốn *Rome và Jerusalem* ấy, rồi cậu sẽ thấy. Điều này rất có ý nghĩa giáo dục. Và đó không phải là một điều tình cờ: cái gì còn có thể *völkisch* hơn là chủ nghĩa Sion được nữa đây? Cũng như chúng ta, bọn họ đã công nhận rằng không thể có *Volk* và *Blut* nếu không có *Boden*, không có đất đai, và do đó cần

phải đưa những kẻ Do Thái đến được với đất, *Eretz Israüël* không lẫn lộn với một chủng tộc nào khác cả. Tất nhiên, đó là những tư tưởng Do Thái cổ. Do Thái là những người quốc xã thực thụ đầu tiên, đã từ gần ba nghìn năm trăm năm rồi, kể từ khi Moïse trao cho họ một Luật lệ để phân cách họ vĩnh viễn với các dân tộc khác. Tất cả các tư tưởng vĩ đại của chúng ta đều đến từ bọn Do Thái, và chúng ta phải có được sự sáng suốt để nhận ra điều này: Đất với tư cách là lời hứa và với tư cách là sự hoàn thành, khái niệm dân tộc được đặc tuyển giữa tất cả các dân tộc khác, quan niệm về sự thuần khiết dòng máu. Chính vì lẽ đó mà những người Hy Lạp, hoang tàng, dân chủ, thích du lịch, thích giao đãi, căm ghét bọn họ đến mức đó, và cũng chính vì thế mà trước tiên họ đã tìm cách tiêu diệt chúng, rồi, thông qua Paul, làm mọt ruỗng tôn giáo của chúng từ bên trong, bằng cách hất bỏ chúng khỏi đất và khỏi máu, biến chúng trở thành *Công giáo*, nghĩa là phổ quát, bằng cách xóa bỏ đi tất cả những luật lệ được dùng làm rào chắn để giữ gìn cho sự thuần khiết của dòng máu Do Thái: những lệnh cấm về thực phẩm, tục cắt bao quy đầu. Và cũng chính vì lẽ đó mà Do Thái, trong số tất cả các kẻ thù của chúng ta, là những kẻ thù tồi tệ nhất, những kẻ nguy hiểm nhất; những kẻ duy nhất thực sự xứng đáng để căm thù. Quả thực đó là những kẻ cạnh tranh duy nhất của chúng ta. Những đối thủ nghiêm túc duy nhất của chúng ta. Người Nga thì yếu ớt, một đám đông bị rỗng ruột dù cho những toan tính của cái tay người Georgia cao ngạo đó trong việc áp đặt cho họ một thứ "chủ nghĩa cộng sản dân tộc". Và những kẻ sống ở đảo, người Anh hoặc người Mỹ, đều thối hoăng, hoại tử, tha hóa. Nhưng còn Do Thái! Còn ai nữa đây, trong thời kỳ khoa học, đã tái phát hiện, bằng cách dựa trên trực giác nghìn năm của dân tộc mình, dù cho bị làm nhục nhưng không bị chinh phục, chân lý về chủng tộc? Disraeli, một người Do Thái. Gobineau đã học được tất cả mọi điều từ ông ta. Anh không tin tôi à? Lại đằng kia xem đi." Tôi đứng dậy và đi đến chỗ những cái giá: nhiều quyển sách của Disraeli nằm bên cạnh sách của Gobineau, Vacher de Lapouge, Drumont, Chamberlain,

Herzl, và nhiều tác giả khác nữa. "Quyển nào, Herr Doktor? Có nhiều lắm." – "Quyển nào cũng được, quyển nào cũng được. Tất cả đều nói về cùng một điều. Thôi, lấy *Coningsby* đi. Cậu đọc được tiếng Anh, phải không? Trang 203. Bắt đầu với *But Sidonia and his brethren...* Đọc to lên." Tôi tìm được đoạn đó và đọc: "*Nhưng Sidonia và những người anh em của mình có thể tự tuyên bố về một khác biệt mà người Saxon và người Hy Lạp, và tất cả các quốc gia vùng Caucase, đã từ bỏ. Người Hebreu là một chủng tộc không pha tạp... Một chủng tộc không pha tạp, có một cách tổ chức tuyệt hảo, là giai cấp quý tộc của Tự nhiên.*" – "Tốt lắm! Giờ thì giở trang 231 ra. *The fact is, you can not destroy...* Tất nhiên là ông ta nói về người Do Thái rồi." – "Đây rồi. *Vấn đề là người ta không thể phá hủy một chủng tộc thuần khiết tổ chức theo lối Caucase. Đó là một sự thật mang tính sinh lý; một quy luật đơn giản của tự nhiên, cái đã khiến cho các vị vua Ai Cập và Assyrie, các hoàng đế La Mã, các quan tòa dị giáo Thiên chúa giáo phải thất bại. Không một bộ luật hình sự nào, không một sự tra tấn về thể xác nào có thể khiến một chủng tộc cao quý hơn bị một chủng tộc thấp kém hơn hấp thụ, hoặc bị nó phá hủy. Các chủng tộc xử án nhưng bị pha tạp biến mất; chủng tộc thuần khiết dù bị xử án vẫn còn lại.*" – "Thấy chưa! Cứ nghĩ rằng người đàn ông đó, cái tay Do Thái đó đã từng là Thủ tướng của nữ hoàng Victoria! Rằng ông ta đã lập ra Đế chế Anh! Ông ta, người, khi vẫn còn chưa được biết đến, đã đưa ra các giả thuyết như vậy trước một Nghị viện theo Thiên chúa giáo! Quay trở lại đây đi. Rót cho tôi nước trà." Tôi trở lại gần ông ta và rót cho ông ta một tách mới. "Vì tình yêu và sự kính trọng với bố anh, Max, tôi đã giúp đỡ cậu, tôi đã dõi theo sự nghiệp của cậu, tôi đã đỡ cho cậu những khi có thể. Cậu nợ việc vinh danh ông ấy, cũng như chủng tộc của ông ấy và chủng tộc của chính cậu. Trên trái đất này chỉ có chỗ cho một dân tộc được chọn lựa, được gọi đến để cai trị các dân tộc khác: hoặc đó sẽ là bọn họ, như tay người Do Thái Disraeli và tay Do Thái Herzl, hoặc đó sẽ là chúng ta. Và do đó chúng ta phải giết cho đến kẻ cuối cùng của chúng, phải nhổ bật

đến tận gốc rễ của chúng. Bởi vì dù cho chúng chỉ còn lại mười, một số lượng đại diện đầy đủ nào đó, dù cho chúng chỉ còn lại có hai, một đàn ông và một đàn bà, thì trong một trăm năm nữa chúng ta sẽ gặp lại cùng một vấn đề, và tất cả sẽ phải làm lại từ đầu." – "Liệu tôi có thể đặt cho ông một câu hỏi không? Herr Doktor?" – "Nói đi, nói đi, con trai của ta." – "Thật ra thì vai trò của ông trong tất cả chuyện này là gì?" – "Của Leland và của tôi, cậu muốn nói vậy phải không? Cũng hơi khó giải thích. Chúng tôi không có một vị thế nào về mặt hành chính. Chúng tôi... chúng tôi đứng bên cạnh Führer. Cậu thấy đấy, Führer đã có đủ can đảm và sự sáng suốt để ra cái quyết định lịch sử, đầy định mệnh này; nhưng, dĩ nhiên, khía cạnh thực tế của mọi chuyện không liên quan gì đến ông ấy cả. Thế nhưng giữa quyết định này và việc thực hiện nó, đã được giao phó cho Reichsführer-SS, có cả một khoảng không rộng lớn. Nhiệm vụ của chúng tôi là tìm cách thu hẹp cái khoảng không đó lại. Theo hướng này, thậm chí chúng tôi còn không đáp lời Führer, mà đúng hơn là đáp lời khoảng không đó." – "Tôi không chắc chắn là đã hiểu hoàn toàn. Nhưng vậy thì ông chờ đợi gì ở tôi?" – "Không có gì, ngoài việc cậu đi tiếp con đường mà chính cậu đã tự vạch ra cho mình, và đi cho đến cùng." – "Tôi không thực sự chắc chắn rằng đó là con đường của tôi, Herr Doktor. Tôi phải suy nghĩ." – "Ồ, suy nghĩ đi! Suy nghĩ đi. Rồi gọi cho tôi. Chúng ta sẽ thảo luận về chuyện này." Một con mèo khác leo lên đầu gối tôi, kịp để lại những sợi lông màu trắng trên màu vải đen trước khi tôi đuổi được nó đi. Mandelbrod, thậm chí không buồn chớp mắt, vẫn luôn thản nhiên như vậy, gần như là say ngủ, phát ra một phát rắm rền vang khác. Mùi thối chẹn lấy cổ họng tôi và tôi phải thở thành từng hơi nhỏ bằng miệng. Cửa chính mở ra và người phụ nữ trẻ trông coi công việc tiếp tân bước vào, có vẻ không hề để ý đến cái mùi đó. Tôi đứng dậy: "Cám ơn, Herr Doktor. Xin ông chuyển những lời kính trọng của tôi cho Herr Leland. Hẹn sớm gặp lại ông." Nhưng Mandelbrod có vẻ đã ngủ; chỉ có một trong hai bàn tay khổng lồ của ông ta, đang chậm rãi vuốt ve một con mèo, cho

thấy điều ngược lại. Tôi đợi một lúc, nhưng ông ta không có vẻ muốn nói thêm điều gì, và tôi đi ra, theo sau cô gái, người không một tiếng động khép lại những cánh cửa.

Khi nói với tiến sĩ Mandelbrod về mối quan tâm dành cho các quan hệ ở châu Âu, tôi đã không nói dối, nhưng tôi cũng không nói tất cả: quả thực là tôi đã có một ý tưởng trong đầu, một ý tưởng chính xác về những gì mà tôi muốn. Tôi không biết thật ra thì nó đã đến với tôi bằng cách nào: hẳn trong một đêm khó ngủ ở khách sạn *Eden*. Cả mình nữa, tôi tự nhủ, đã đến lúc phải làm một việc gì đó cho riêng mình, mà mình nghĩ là dành cho mình. Và những gì Mandelbrod đề nghị với tôi không tương hợp với cái ý tưởng mà tôi đã có đó. Nhưng tôi cũng không chắc là mình đã biết cách để thực hiện điều này. Hai hoặc ba ngày sau cuộc gặp tại văn phòng trên phố Unter den Linden, tôi gọi điện cho Thomas và anh mời tôi đến gặp. Thay vì bảo tôi đến phòng làm việc ở Prinz-Albrechtstrasse, anh hẹn gặp tôi ở văn phòng chỉ huy SP và SD, trên phố Wilhelmstrasse bên cạnh. Nằm thấp hơn Bộ Không quân của Göring một chút – một tòa nhà to lớn bằng bê tông nằm ở góc phố, theo phong cách tân cổ điển khô cằn và điệu đà – Prinz-Albrecht-Palais hoàn toàn khác hẳn: một *palazzo* nhỏ theo lối cổ điển của thế kỷ XVIII đầy thanh lịch, được Schinkel cải tạo vào thế kỷ XIX, nhưng rất có gu và đầy tinh tế, được Nhà nước giao cho SS vào năm 1934. Tôi biết nó rất rõ; bộ phận của tôi, trước khi tôi sang Nga, nằm ở trong đó, và tôi đã bỏ nhiều giờ để lang thang trong những khu vườn, một kiệt tác nho nhỏ bất cân xứng và là một biến tấu nho nhỏ nhờ bàn tay Lenné. Từ ngoài phố nhìn vào, một hàng cột lớn và cây cối che khuất mặt tiền tòa nhà; những người lính gác, trong các kiôt màu đỏ và trắng, chào khi tôi đi qua, nhưng một ékip khác, kín đáo hơn, kiểm tra giấy tờ của tôi trong một căn phòng nhỏ đặt cạnh bồn hoa, trước khi dẫn tôi đi đến chỗ tiếp tân. Thomas đang chờ tôi sẵn: "Hay là chúng ta vào công viên đi? Trời đang đẹp." Khu vườn, mà chúng tôi đi vào theo vài bậc thang đặt nhiều chậu hoa sành, trải rộng từ cung điện cho đến Europahaus, một khối lập thể lớn theo lối

chủ nghĩa hiện đại nằm trên Askanischer Platz và tương phản một cách đặc biệt với những nếp cuộn yên tĩnh và ngoằn ngoèo của các lối đi vạch giữa các bồn hoa đã đánh tơi đất, những hồ nước nhỏ hình tròn và những cái cây vẫn còn trụi lá bắt đầu trổ lên những cái nụ đầu tiên. Không có một bóng người. "Kaltenbrunner không bao giờ đến đây, Thomas bình luận, vì vậy ở đây rất yên tĩnh." Heydrich thỉ lại thích đi dạo ở đây; nhưng khi đó thì không ai có thể đi vào, trừ những người được mời. Chúng tôi đi lang thang giữa những hàng cây và tôi kể lại cho Thomas những điểm chính yếu nhất trong cuộc trò chuyện với Mandelbrod. "Ông ta quá lời rồi, anh nói thẳng băng khi tôi đã kết thúc. Quả thực bọn Do Thái là một vấn đề và cần phải lo việc đó, nhưng đây không phải là một cứu cánh tự thân. Mục đích không phải là giết người, mà là quản lý một dân tộc; sự thanh trừng về mặt vật lý cũng là một phần của các phương tiện quản lý. Không được lấy đó làm một điều ám ảnh, còn có những vấn đề khác cũng nghiêm trọng không kém. Cậu có thực sự nghĩ là ông ta tin vào tất cả những gì ông ta nói không?" – "Tớ có cảm giác như vậy. Tại sao?" Thomas suy nghĩ một lúc; sỏi kêu lạo xạo dưới những chiếc bốt của chúng tôi. "Cậu cũng thấy là, cuối cùng anh nói tiếp, với nhiều người, chủ nghĩa bài Do Thái là một thứ phương tiện. Vì đó là một chủ đề mà Führer đặc biệt quan tâm, nên nó đã trở thành một trong những cách thức tốt nhất để thân cận được với ông ấy: nếu cậu đóng được một vai trò trong giải pháp về vấn đề Do Thái, sự nghiệp của cậu sẽ thăng tiến nhanh hơn nhiều nếu như cậu phụ trách, chẳng hạn, các Chứng nhân của Jehovah hoặc những kẻ đồng tính. Theo hướng đó, người ta có thể nói rằng chủ nghĩa bài Do Thái đã trở thành biểu ngữ của sức mạnh Nhà nước quốc xã. Cậu còn nhớ những gì tớ từng nói với cậu vào tháng Mười một năm 38, sau *Reichskristallnacht*, không?" Có, tôi còn nhớ. Tôi đã tìm được Thomas vào ngày hôm sau cuộc nổi loạn của SA, cả người đang ngập tràn một sự điên rồ lạnh lẽo. "Bọn chó đẻ! anh đã gào lên khi trườn vào góc quán bar nơi tôi đang đợi anh. Bọn chó đẻ thâm hại." – "Ai cơ, SA ư?" –

"Đừng có ngốc thế. SA đã không một mình làm việc đó." – "Vậy thì ai đã ra lệnh?" – "Goebbels, cái lão chân thọt gớm guốc đó. Đã hàng năm nay lão ta rỏ nước dãi thèm được nhúng mũi vào vấn đề Do Thái. Nhưng lần này thì lão ta đã làm hỏng bét mọi việc rồi." – "Dù vậy, cậu cũng không nghĩ rằng đã đến lúc người ta phải làm một điều gì đó cụ thể rồi à? Dù sao thì..." Anh có một nụ cười ngắn ngủi và cay đắng: "Tất nhiên là phải làm một điều gì đó. Bọn Do Thái sẽ uống đến tận cặn chai rượu lễ của chúng. Nhưng không phải như vậy. Làm vậy chỉ đơn giản là *ngu ngốc*. Cậu có chút ý tưởng nào về cái giá sẽ phải trả không?" Cái nhìn bần thần của tôi hẳn là đã khuyến khích anh bởi anh tiếp tục gần như không ngừng lại chút nào. "Theo cậu, tất cả những cửa kính bị đập vỡ kia, chúng thuộc về ai? Bọn Do Thái chăng? Bọn Do Thái chỉ thuê cửa hiệu thôi. Và luôn luôn là người chủ phải chịu trách nhiệm trong trường hợp có thiệt hại. Và rồi lại còn các công ty bảo hiểm nữa. Những công ty Đức, họ sẽ phải đền bù cho các chủ sở hữu những ngôi nhà Đức, và thậm chí là cả các chủ sở hữu Do Thái. Nếu không, đó sẽ là dấu chấm hết của ngành bảo hiểm Đức. Và rồi còn thủy tinh nữa. Loại cửa kính như vậy, cậu thấy không, người ta không còn sản xuất ở Đức nữa. Tất cả đều đến từ Bỉ. Người ta vẫn còn đang ước lượng thiệt hại, nhưng như vậy thôi là đã hơn một nửa tổng sản lượng hàng năm của họ rồi. Và cái đó thì sẽ phải trả bằng tiền mặt. Ngay vào lúc quốc gia đang phải tập trung toàn bộ sức lực của mình vào kế hoạch tự cung tự cấp và tái vũ trang. Ôi, quả đúng là có những kẻ ngu dốt toàn phần tại cái đất nước này." Đôi mắt của anh bừng sáng lên trong khi anh khạc ra những lời lẽ: "Nhưng để tớ nói cho cậu biết nhé. Tất cả những thứ đó, giờ đây đã *chấm dứt*. Führer vừa chính thức giao vấn đề này cho Reichsmarschall. Nhưng trên thực tế phần lớn công việc sẽ rơi vào tay chúng ta, vào tay Heydrich và chúng ta. Và sẽ không một thằng dần nào trong Đảng có thể dính mũi vào được nữa. Kể từ nay, mọi việc sẽ được thực hiện đúng cách. Đã hàng năm nay chúng ta đang thúc đẩy một giải pháp toàn thể. Giờ đây, chúng ta đã có thể đưa nó vào thực hiện. Một cách chuẩn

xác, một cách hiệu quả. Một cách duy lý. Cuối cùng chúng ta cũng sẽ có thể làm mọi việc đúng như cần phải vậy."

Thomas ngồi xuống một cái ghế băng và, hai chân vắt tréo, chìa ra cái hộp bạc mời tôi một điếu thuốc lá hạng sang, đốt mạ vàng. Tôi cầm lấy một điếu và anh cũng châm điếu thuốc của mình, nhưng tôi vẫn đứng. "*Giải pháp toàn thể* mà cậu từng nói vào thời đó là sự di cư. Mọi việc đã thay đổi nhiều kể từ hồi ấy." Thomas nhả ra một bụm khói dài trước khi trả lời: "Đúng thế. Và cũng đúng là cần phải thay đổi theo thời gian. Điều đó không nhằm để nói rằng cần phải trở nên ngu dốt. Tu từ học, phần lớn là để cho những kẻ hạng hai, thậm chí là hạng ba." – "Tớ không muốn nói đến chuyện ấy. Điều tớ muốn nói, đó là chúng ta không nhất thiết bị buộc phải dính vào." – "Cậu muốn làm điều gì đó khác à?" – "Đúng. Nó làm tớ mệt mỏi lắm rồi." Đến lượt tôi rít một hơi thuốc dài. Nó thật ngon, một thứ thuốc lá đậm đà và thơm. "Tớ vẫn luôn bị ấn tượng bởi sự thiếu tham vọng đáng ngại của cậu, cuối cùng Thomas nói. Tớ biết đến mười kẻ sẵn sàng bóp cổ bố mẹ mình để có được một cuộc gặp riêng với một người như Mandelbrod. Hãy cứ nghĩ rằng ông ta đã từng ăn trưa với Führer đi! Thế mà cậu còn khó tính. Ít nhất thì cậu cũng biết là mình muốn gì chứ?" – "Có. Tớ muốn quay lại Pháp." – "Quay lại Pháp!" Anh suy nghĩ. "Đúng vậy, với những mối quan hệ của cậu, khả năng ngôn ngữ của cậu, điều đó không ngốc nghếch lắm đâu. Nhưng cũng không hẳn là như thế. Knochen đang là BdS, tớ biết ông ta rất rõ, nhưng các vị trí ở chỗ ông ta rất hạn chế và cũng khó vào." – "Tớ cũng biết Knochen. Nhưng tớ không muốn ở chỗ BdS. Tớ muốn một chức vụ phụ trách các quan hệ chính trị." – "Nghĩa là một chức vụ ở đại sứ quán hoặc ở *Militärbefehlshaber*. Nhưng tớ từng nghe nói là kể từ khi Best đi khỏi, SS không còn được Wehrmacht coi trọng lắm nữa, và ở chỗ Abetz cũng không luôn. Có thể chúng ta sẽ tìm được cái gì đó hợp với cậu ở chỗ Oberg, tay HSSPF ấy. Nhưng Amt I không thể làm được gì nhiều nhặn đâu: cần phải trực tiếp thông qua *SS-Personal Hauptamt*, và ở đó thì tớ không biết ai cả." – "Nếu một lời đề nghị được Amt I

đưa ra, thì có thể được hay không?" – "Có thể." Anh rít hơi thuốc cuối cùng và lơ đãng ném đầu mẩu vào bồn hoa. "Nếu vẫn là Streckenbach thì sẽ không có vấn đề gì. Nhưng ông ấy cũng giống hệt cậu, ông ấy suy nghĩ quá nhiều và ông ấy chán rồi." – "Giờ ông ấy ở đâu?" – "Ở bên Waffen-SS. Ông ấy chỉ huy một sư đoàn người Latvia ở mặt trận, sư XIX." – "Thế ai đã thay thế ông ấy? Thậm chí tớ còn chưa biết tin này." – "Schulz." – "Schulz? Là ai?" – "Cậu không nhớ à? Tay Schulz từng chỉ huy một Kommando ở tập đoàn quân C, chính là tay đã xin đi khỏi ngay từ hồi đầu ấy. Cái tay nhát như cáy, có một hàng ria mép nhỏ lố bịch." – "À, ông ta! Nhưng tớ chưa bao giờ gặp ông ta cả. Có vẻ như đó là một tay rất nghiêm chỉnh." – "Hẳn rồi, nhưng tớ không quen trực tiếp ông ta, và giữa Gruppenstab và ông ta tình hình không dễ chịu lắm. Đó là một tay chủ nhà băng, trước đây ấy, cậu hiểu cái kiểu đó rồi đấy. Trong khi Streckenbach thì tớ đã từng phục vụ cùng ông ấy ở Ba Lan. Và rồi Schulz vừa được phong chức, cho nên ông ta sẽ rất hăng hái. Nhất là khi ông ta có cách để đổ vấy tội. Kết luận: nếu cậu đưa một đơn yêu cầu chính thức, người ta sẽ gửi cậu đi bất kỳ đâu, trừ Pháp." – "Thế thì theo cậu tớ nên làm gì?" Thomas đứng dậy và chúng tôi tiếp tục bước đi. "Nghe này, tớ sẽ xem sao. Nhưng sẽ không dễ dàng đâu. Về phía cậu, cậu không thể xem xét thế nào đó à? Cậu biết rõ Best: ông ấy thường xuyên qua lại Berlin, đến hỏi ý kiến ông ấy đi. Cậu có thể dễ dàng liên hệ với ông ấy thông qua *Auswärtiges Amt*. Nhưng nếu tớ là cậu, tớ sẽ thử nghĩ đến các lựa chọn khác. Và rồi, đây là chiến tranh. Không phải lúc nào người ta cũng có lựa chọn đâu."

Trước khi chia tay, Thomas nhờ tôi một việc: "Tớ muốn cậu gặp một người. Một tay chuyên gia về thống kê." – "Của SS à?" – "Chính thức mà nói, ông ta là thanh tra chuyên thống kê ở chỗ Reichsführer-SS. Nhưng đó là một công chức, thậm chí còn không phải là thành viên của *Allgemeine-SS*." – "Lạ đấy nhỉ?" – "Không lạ lắm đâu. Hẳn là Reichsführer muốn có một ai đó từ bên ngoài." – "Thế cậu muốn tớ kể cho tay chuyên gia thống kê của cậu chuyện gì?" – "Hiện tại ông ta đang chuẩn bị một báo cáo mới

cho Reichsführer. Một cái nhìn tổng quát về tình hình giảm sút dân số Do Thái. Nhưng ông ta phản đối số liệu từ những báo cáo của các Einsatzgruppe. Tớ đã gặp ông ta rồi, nhưng sẽ rất tốt nếu cậu nói chuyện với ông ta. Cậu ở gần thực địa hơn là tớ." Anh nguệch ngoạc viết một địa chỉ và một số điện thoại lên quyển sổ và xé tờ giấy đưa cho tôi: "Văn phòng của ông ta nằm ngay gần đây, trong SS-Haus, nhưng lúc nào ông ta cũng chết gí ở IV B 4, chỗ Eichmann, cậu có biết là ai không? Ở đó người ta lưu tất cả những gì liên quan đến vấn đề này. Hiện giờ họ có cả một tòa nhà riêng." Tôi nhìn địa chỉ, nó nằm trên phố Kurfürstenstrasse. "A, thế thì gần khách sạn tớ ở. Tốt lắm." Cuộc nói chuyện với Thomas khiến tôi buồn bã, tôi có cảm giác đang rơi vào một đầm lầy. Nhưng tôi không muốn để mình bị cuốn đi, tôi phải kiểm soát mọi việc trở lại. Tôi thử gọi điện cho chuyên gia thống kê, tiến sĩ Korherr. Thư ký của ông ta đặt cho tôi một cuộc hẹn. Trụ sở IV B 4 là một tòa nhà đẹp cao năm tầng, bằng đá tảng, xây từ cuối thế kỷ trước: không một bộ phận nào khác của *Staatspolizei*, theo chỗ tôi được biết, sở hữu những phòng làm việc như vậy, chắc khối lượng công việc của họ phải thực sự lớn. Người ta bước vào một sảnh chính, một căn phòng dạng hầm và ít ánh sáng, qua một cầu thang lớn bằng đá; Hofmann, tay thư ký, đã đợi sẵn để đưa tôi đến chỗ Korherr. "Ở đây lớn thật đấy," tôi bình luận khi đi cùng anh ta lên một cầu thang khác. – "Đúng vậy. Đây là trụ sở cũ của bọn Tam điểm Do Thái, dĩ nhiên là được trưng dụng." Anh ta dẫn tôi vào phòng làm việc của Korherr, một căn phòng nhỏ xíu bừa bộn thùng hòm và hồ sơ: "Xin lỗi vì sự lộn xộn nhé, Herr Sturmbannführer. Đây chỉ là phòng làm việc tạm thời thôi." Tiến sĩ Korherr, một người đàn ông bé nhỏ u buồn, mặc đồ dân sự và bắt tay tôi thay vì giơ tay chào. "Xin mời ông ngồi xuống," ông ta nói trong khi Hofmann rút lui. Ông ta định gạt một phần giấy tờ trên một cái bàn, rồi nghĩ lại và để nguyên chúng ở đó. "Obersturmbannführer đã hết sức rộng rãi với đống hồ sơ của ông ấy, ông ta thì thầm, nhưng thực sự là không có trật tự gì hết cả." Ông ta ngừng lục tìm, tháo kính ra và đụi mắt.

"Obersturmbannführer Eichmann có ở đây không?" tôi hỏi. – "Không, ông ấy đang đi công tác. Vài ngày nữa ông ấy mới về. Obersturmbannführer Hauser đã giải thích cho ông về công việc của tôi chưa?" – "Đại khái." – "Dù sao thì ông cũng đến hơi muộn. Tôi đã viết gần xong báo cáo rồi, tôi sẽ phải nộp trong vài ngày tới." – "Vậy thì tôi có thể làm gì cho ông đây?" tôi đáp lại, hơi bực bội. – "Ông đã từng ở Einsatz phải không?" – "Phải. Trước tiên là trong một Kommando..." – "Cái nào?" ông ta ngắt lời. – "4a." – "À vâng. Blobel. Ồng ấy có nhiều kết quả hay ho lắm." Tôi không thể nắm bắt được liệu ông ta đang nói nghiêm túc hay mỉa mai. "Sau đó, tôi đã phục vụ tại Gruppenstab D, ở Caucase." Ông ta bĩu môi: "Vâng, cái đó thì tôi ít quan tâm hơn. Ít số liệu quá. Nói cho tôi về 4a đi." – "Ông muốn biết những gì?" Ông ta cúi người xuống ở phía sau bàn làm việc của mình và xuất hiện trở lại cùng một cái thùng cactông và đặt ra trước mặt tôi. "Đây là các báo cáo của tập đoàn quân C. Tôi đã xem xét chúng hết sức tỉ mỉ, cùng trợ lý của tôi, tiến sĩ Plate. Thế nhưng, chúng tôi đã nhận ra những điều kỳ lạ: thỉnh thoảng, có những con số vô cùng chính xác, 281, 1 472, hoặc 33 771, như ở Kiev; những lần khác thì lại là các con số đã được làm tròn. Trong đó có cả với trường hợp cùng một Kommando. Chúng tôi cũng tìm thấy những con số mâu thuẫn với nhau. Chẳng hạn như một thành phố được cho có 1 200 Do Thái, nhưng các báo cáo lại ghi nhận là có 2 000 người phải chịu các biện pháp đặc biệt. Và còn nhiều nữa. Do đó, điều mà tôi quan tâm là các phương pháp tính toán. Tôi muốn nói là các phương pháp thực tế, tại chỗ." – "Lẽ ra ông phải hỏi trực tiếp Standartenführer Blobel chứ. Tôi nghĩ rằng ông ấy ở đúng chỗ hơn tôi để có thể trả lời ông." – "Thật không may là Standartenführer Blobel lại đã đi sang phía Đông và tôi không thể tìm được ông ấy. Nhưng, ông cũng biết đấy, dù sao thì tôi cũng đã có cách giải thích của riêng tôi. Lời của ông sẽ chỉ là để xác nhận nó thôi, tôi nghĩ vậy. Nói cho tôi về Kiev đi, chẳng hạn thế. Một con số lớn đến như vậy nhưng lại rất chính xác, rất lạ." – "Không hề. Ngược lại, một *Aktion* càng lớn thì người ta càng có

nhiều phương tiện hơn, và lại càng dễ dàng có được những tính toán chính xác hơn. Ở Kiev, có các đơn vị lính canh rất chặt chẽ. Ngay trước nơi sẽ tắc chiến, các... các bệnh nhân, hoặc là những người bị kết án, được chia thành các nhóm bằng nhau, lúc nào cũng là một con số chẵn, hai mươi hoặc ba mươi, tôi không còn nhớ nữa. Một hạ sĩ quan có trách nhiệm đếm số lượng người của các nhóm, những người này phải đi qua trước bàn của anh ta và anh ta ghi chép lại. Ngày đầu tiên, chúng tôi đã bắt đúng 20 000 người." – "Và tất cả những người đi qua trước bàn đều được đối xử theo cách đặc biệt đó à?" – "Về nguyên tắc thì đúng. Dĩ nhiên là cũng có vài tên, cứ cho là như vậy, vờ vịt, rồi lợi dụng bóng tối để chạy trốn. Nhưng nhiều lắm thì đó cũng chỉ là một nhúm nhỏ các cá nhân thôi." – "Thế còn các hành động nhỏ?" – "Chúng được đặt dưới trách nhiệm của một Teilkommandoführer, người phải đếm số lượng và chuyển các số liệu về cho Kommandostab. Standartenführer Blobel luôn luôn đòi phải có số chính xác. Về trường hợp mà ông nói lúc nãy, tôi muốn nói là trường hợp người ta thấy có nhiều Do Thái hơn là số lượng ban đầu, tôi nghĩ là có thể cung cấp một cách giải thích: khi chúng tôi đến nơi, nhiều Do Thái đã chạy trốn vào các khu rừng hoặc trên thảo nguyên. Teilkommando chỉ có thể ước lượng được những kẻ còn lại ở đó, rồi đi khỏi. Nhưng bọn Do Thái không thể trốn mãi được: người Ukraine đuổi chúng khỏi các ngôi làng, đôi khi bọn du kích cũng giết chúng nữa. Thế là, dần dần, bị cái đói thúc đẩy, chúng quay trở lại các thành phố hoặc làng của mình, thường là cùng với những kẻ ẩn trốn khác. Khi biết tin, chúng tôi thực hiện một chiến dịch thứ hai và thêm một lần nữa lại giết thêm được một số. Nhưng rồi lại có những kẻ khác quay về. Một số làng đã được tuyên bố là *judenfrei* ba, bốn, năm lần, nhưng sau mỗi lần chúng lại xuất hiện thêm nữa." – "Tôi hiểu rồi. Đây là một cách giải thích thú vị." – "Nếu tôi hiểu đúng, tôi bật nói, hơi cảm thấy bực bội, thì ông nghĩ rằng các tập đoàn quân đã thổi phồng con số thực có?" – "Để thành thực với ông, thì quả đúng là như vậy. Vì nhiều lý do, chắc chắn rồi, thăng tiến cũng chỉ là một trong số đó. Còn

có cả vấn đề quan liêu trong quản lý nữa. Trong thống kê, người ta có thói quen thấy các tổ chức ấn định một con số, không ai biết là bằng cách nào, và sau đó con số này sẽ được tái sử dụng và truyền đi như một sự thật, không có chút phê phán hay biến đổi nào. Người ta gọi đó là một *con số tự tạo*. Nhưng cái đó cũng khác biệt giữa các tập đoàn quân và giữa các Kommando. Tệ hại hơn cả rõ ràng là tập đoàn quân của Einsatzgruppe B. Cũng có những điều bất thường trong các Kommando của tập đoàn quân D." – "Vào năm 41 hay năm 42?" – "Đặc biệt là năm 1941. Hồi đầu tiên, rồi sau đó cả ở Crimée nữa." – "Tôi từng ở Crimée một thời gian ngắn, nhưng tôi không hề tham gia các hành động ở thời điểm đó." – "Thế còn trong kinh nghiệm của ông với 4a?" Tôi suy nghĩ một lúc trước khi trả lời: "Tôi nghĩ rằng tất cả các sĩ quan đều rất trung thực. Nhưng hồi đầu, mọi thứ đều chưa được tổ chức tốt, và có thể là một vài con số có hơi võ đoán." – "Dù sao thì chuyện này cũng không nghiêm trọng lắm, Korherr trang trọng nói. Ngay cả khi có chênh lệch ở mức 10% thì điều đó cũng không ảnh hưởng nhiều đến các con số toàn thể." Tôi cảm thấy có cái gì đó đang thắt lại ở ngang cơ hoành. "Ông có số liệu trên toàn châu Âu à, Herr Doktor?" – "Đúng, chắc chắn rồi. Cho đến ngày 31 tháng Chạp năm 1942." – "Ông có thể nói cho tôi là bao nhiêu không?" Ông ta nhìn tôi qua cặp kính nhỏ của mình: "Tất nhiên là không rồi. Đây là một bí mật, Herr Sturmbannführer." Chúng tôi nói chuyện thêm một lúc về công việc của Kommando; Korherr đặt những câu hỏi chính xác, tỉ mỉ. Cuối cùng, ông ta cảm ơn tôi. "Báo cáo của tôi sẽ được gửi trực tiếp cho Reichsführer, ông ta nói với tôi. Nếu những gì ông vừa nói là cần thiết, ông sẽ được nêu tên." Ông ta đưa tôi ra cửa tòa nhà. "Chúc may mắn! Và Heil Hitler."

Tại sao tôi lại đặt cho ông ta câu hỏi vừa ngu ngốc vừa không cần thiết đó? Điều đó thì liên quan gì đến tôi? Đó chỉ là một sự tò mò bất chợt, và tôi rất tiếc vì đã có. Tôi chỉ còn muốn quan tâm đến những điều tích cực mà thôi: chủ nghĩa quốc xã vẫn còn rất nhiều thứ phải xây dựng, đó chính là nơi tôi muốn đóng góp sức lực của mình. Thế nhưng Do Thái, *unser Unglück*, vẫn

theo đuổi tôi giống như một giấc mơ tồi tệ vào đầu buổi sáng, dính chặt vào tận sâu trong đầu. Tuy nhiên, ở Berlin, vẫn còn nhiều thứ khác nữa: tất cả những người lao động Do Thái được coi là "được bảo vệ" trong các nhà máy quân sự vừa bị vây ráp. Nhưng số mệnh đã định trước rằng tôi phải gặp lại họ tại những nơi kỳ cục nhất.

Ngày 21 tháng Ba, ngày Kỷ niệm các Anh hùng, Führer đọc một bài diễn văn. Đó là lần xuất hiện trước công chúng đầu tiên của ông ta kể từ sau thất bại Stalingrad và, cũng như tất cả mọi người, tôi sốt ruột và hoang mang chờ đợi những lời của ông ta: ông ta sẽ nói gì, ông ta sẽ có dáng vẻ ra sao? Làn sóng đo cú sốc của thảm họa gây ra vẫn còn có thể cảm nhận được một cách mạnh mẽ, những tin đồn khác nhau nhất đang tràn lan khắp nơi. Tôi muốn dự buổi diễn thuyết đó. Tôi mới chỉ nhìn thấy Führer tận mắt một lần, khoảng mười năm trước (kể từ đó tôi thường xuyên nghe ông ta nói trên đài phát thanh và nhìn thấy ông ta trong các chương trình thời sự); khi đó là chuyến trở lại Đức đầu tiên của tôi, mùa hè năm 1930, trước khi Nắm Chính Quyền. Tôi đã đòi được mẹ tôi và Moreau cho mình chuyến đi đó, để đổi lại tôi phải đồng ý đi học những gì mà họ yêu cầu. Qua được tú tài (nhưng không được hạng cao, điều đó buộc tôi phải theo một lớp dự bị để thi vào ELSP), họ để cho tôi đi. Đó là một chuyến đi tuyệt diệu, khi trở về tôi bị quyến rũ, choáng ngợp. Tôi đi cùng hai người bạn học ở trung học, Pierre và Fabrice; và chúng tôi thậm chí còn không biết các *Wandervogel* là gì, gần như theo bản năng mà chúng tôi lần theo dấu vết của họ, được dẫn về phía những khu rừng, ban ngày đi bộ và đêm đến trò chuyện quanh những đốm lửa trại nhỏ bé, ngủ trên đống lá thông nhọn. Rồi chúng tôi xuống thăm các thành phố vùng sông Rhin, rồi kết thúc ở München, nơi tôi dành nhiều giờ ở Viện bảo tàng hoặc đi lang thang trên những phố nhỏ. Nước Đức, mùa hè năm đó, lại trở nên nhộn nhạo: dư chấn của cuộc khủng hoảng chứng khoán Mỹ năm trước đó vẫn còn có thể cảm thấy một cách nặng nề; kỳ bầu cử vào Reichstag, dự định tổ chức vào tháng Chín, sẽ quyết định

tương lai của Quốc gia. Tất cả các đảng phái chính trị đều sôi lên với những bài diễn văn, những cuộc diễu hành, thỉnh thoảng có cả những vụ đụng độ tay chân hoặc bạo loạn khá dữ dội. Ở München, một đảng tách biệt rõ rệt khỏi các đảng khác: NSDAP, mà khi đó tôi được nghe nói đến lần đầu tiên. Tôi đã nhìn thấy các nhà phát xít Ý trên những bản tin thời sự, và có vẻ như là những người quốc xã này lấy cảm hứng từ phong cách của họ; nhưng thông điệp của họ thì đặc thù Đức, và người đứng đầu, một cựu chiến binh từng tham gia trực tiếp Thế chiến thứ nhất, nói về một sự đổi mới của nước Đức, của vinh quang Đức, của một tương lai Đức phong phú và rung động. Chính vì lẽ đó, tôi tự nhủ khi nhìn họ diễu hành, mà bố tôi đã chiến đấu suốt bốn năm dài, để cuối cùng bị phản bội, ông và tất cả các bạn đồng ngũ của mình, và để rồi mất đi đất đai, ngôi nhà của mình, ngôi nhà của chúng tôi. Đó cũng là tất cả những gì mà Moreau, cái tay *cấp tiến* tốt bụng và yêu nước người Pháp đó, kẻ vào mỗi năm, vào dịp lễ kỷ niệm, lại uống rượu mừng sức khỏe Clemenceau, Foch và Pétain, căm ghét đến tận xương tủy. Người đứng đầu NSDAP sẽ đọc một bài diễn văn trong một *Braukeller*: tôi để các bạn Pháp của mình ở lại khách sạn nhỏ bé của chúng tôi. Tôi đứng ở phía cuối cùng, đằng sau đám đông, chỉ nghe được loáng thoáng những người phát biểu; còn về phần Führer, tôi chỉ còn nhớ những cử chỉ trở nên cuồng nhiệt dưới tác động của cảm xúc và cái cách mà lọn tóc của ông ta không ngừng rơi xuống trán. Nhưng ông ta nói, tôi biết một cách chắc chắn tuyệt đối, những điều mà bố tôi hẳn cũng sẽ nói, nếu như ông đang có mặt ở đây; nếu ông vẫn còn đó, hẳn là ông cũng đang đứng ở trên bục diễn thuyết, là một trong những người thân cận của con người này, một trong những chiến hữu đầu tiên của ông ta, thậm chí ông cũng có thể, nếu đó là số phận của ông, ai biết được, đang đứng ở chính chỗ của người đàn ông kia. Führer, mặt khác, khi ông ta đứng im, rất giống bố tôi. Tôi trở về từ chuyến đi đó cùng với, lần đầu tiên, ý nghĩ rằng có một điều gì đó có thể xảy ra bên ngoài con đường hẹp và khổ hạnh do mẹ tôi và chồng bà ta vạch ra sẵn,

và rằng tương lai của tôi nằm ở đó, cùng với dân tộc đau khổ này, dân tộc của bố tôi, cũng là dân tộc của tôi.

Kể từ đó, mọi thứ đã thay đổi. Führer giữ được toàn bộ lòng tin của *Volk*, nhưng sự chắc chắn vào thắng lợi cuối cùng, trong dân chúng, bắt đầu bị xói mòn. Người ta than phiền về Bộ Tổng chỉ huy, các nhà quý tộc Phổ, Göring và Luftwaffe của ông ta; nhưng tôi cũng biết rằng trong nội bộ Wehrmacht, người ta than phiền về các cẩn thiệp của Führer. Ở SS, người ta thì thầm với nhau rằng, kể từ Stalingrad, ông ta rơi vào một cơn trầm uất, ông ta không nói chuyện với ai nữa; rằng khi Rommel, hồi đầu tháng, tìm cách thuyết phục ông ta rút quân khỏi Bắc Phi, ông ta đã lắng nghe mà không hiểu. Những tin đồn chính trị trên tàu, trên tramway, trong những đám người đứng xếp hàng, đã trở nên thực sự đáng lo ngại: theo các báo cáo SD mà Thomas nhận được, người ta nói rằng Wehrmacht đã giam lỏng Führer tại gia ở Berchtesgaden, rằng ông ta đã mất trí và bị canh giữ, tiêm thuốc, trong một bệnh viện SS, rằng Führer mà người ta nhìn thấy chỉ là một kẻ đóng thế vai. Bài diễn văn sẽ được đọc trong Zeughaus, kho vũ khí cũ ở đầu Unter den Linden, ngay bên cạnh kênh Spree. Với tư cách là cựu chiến binh Stalingrad, bị thương và được thưởng huân chương, tôi không gặp khó khăn gì trong việc có được một tờ giấy mời; tôi đề nghị Thomas đi cùng, nhưng anh cười mà trả lời: "Tớ không được nghỉ, tớ có công việc phải làm." Vậy là tôi đi một mình. Người ta đã triển khai những biện pháp an ninh đáng kể; giấy mời nói rõ là không được mang theo súng công vụ. Khả năng về một cuộc không kích của Anh cũng làm một số người hoảng sợ: vào tháng Giêng, người Anh đã có một thú vui xấu xa là tung một cuộc tấn công của máy bay Mosquito vào đúng ngày kỷ niệm Nắm Chính Quyền, làm vô số người chết; tuy nhiên người ta đã đặt những hàng ghế ở trong sân của Zeughaus, dưới cái vòm lớn bằng kính. Tôi ngồi ở khoảng giữa, kẹp hai bên là một Oberstleutnant đeo đầy huân chương và một người bên dân sự gắn Phù hiệu vàng của Đảng ở ve áo. Sau bài diễn văn khai mạc, Führer xuất hiện. Tôi mở to mắt: trên đầu và

trên hai vai, trên bộ quân phục feldgrau đơn giản của ông ta, dường như tôi nhìn thấy cái khăn lớn sọc xanh trắng của các rabbin. Führer ngay lập tức lên tiếng, bằng cái giọng gấp gáp và đơn điệu của mình. Tôi nhìn lên lớp thủy tinh: liệu đó có phải là một ảo giác hay không? Tôi nhìn thấy rõ cái mũ cát kết của ông ta; nhưng ở dưới, tôi tin là mình nhìn rõ những dải giấy xoăn dài, chạy dọc theo hai thái dương xuống đến ve áo, và trên trán ông ta, các bùa chữ và *tefillin*, cái hộp nhỏ bằng da đựng một bộ kinh Torah. Khi ông ta giơ tay lên, tôi tin rằng mình thấy rõ ở tay áo của ông ta các bùa chữ bằng da khác; và dưới áo veston của ông ta, liệu rằng đó không phải là những đường diềm của cái mà người Do Thái gọi là *khăn trùm đầu nhỏ* đang chìa ra đó ư? Tôi không biết phải nghĩ gì nữa. Tôi nhìn sang những người ngồi xung quanh: họ lắng nghe bài diễn văn với một sự chăm chú nghiêm trang, tay công chức liên tục gật gù cái đầu. Như vậy là ông ta không nhìn thấy gì cả ư? Tôi là người duy nhất nhìn thấy cảnh tượng kỳ quặc này ư? Tôi nhìn chăm chăm lên bục chính thức: đằng sau Führer, tôi nhận ra Göring, Goebbels, Ley, Reichsführer, Kaltenbrunner, các nhà lãnh đạo nổi tiếng khác, các tướng lĩnh cao cấp của Wehrmacht; tất cả đều đang ngắm nhìn lưng của Führer hoặc căn phòng, vẻ thản nhiên. Có thể là, tôi hoảng hốt tự nhủ, đây là câu chuyện về vị *hoàng đế cởi truồng*: tất cả mọi người đều nhìn thấy rõ ông ta như thế nào, nhưng che giấu điều đó, vì nghĩ rằng người bên cạnh mình cũng sẽ làm vậy. Không, tôi lập luận, hẳn là mình đang bị ảo giác, với một vết thương như của tôi thì điều đó là hoàn toàn có thể. Thế nhưng tôi đang cảm thấy rất mình mẫn. Tôi đứng khá xa bục, và Führer được chiếu sáng từ phía bên cạnh; có thể đó chỉ là một thứ ảo ảnh quang học thôi? Tuy nhiên, tôi vẫn luôn nhìn thấy ông ta. Có thể là "con mắt thứ ba" đang chơi tôi một vố chăng? Nhưng có phải tôi đang mơ đâu. Cũng có thể là tôi đã phát điên. Bài diễn văn rất ngắn gọn, và tôi đứng giữa đám đông đang xô đẩy nhau về phía lối ra, lùng nhùng trong những suy nghĩ của mình. Hẳn là giờ đây Führer đang vào trong các căn phòng của Zeughaus để tham

quan một cuộc triển lãm các chiến tích lấy được từ bên Bônsêvich, trước khi đi thị sát một đội gác danh dự và đặt một vòng hoa tại Neue Wache; lẽ ra tôi phải đi theo ông ta đến những chỗ đó, giấy mời của tôi có ghi rõ, nhưng tôi quá bị chấn động và mất phương hướng, tôi vội vã tách khỏi đám đông và đi ngược lên đại lộ theo hướng bến S-Bahn. Tôi đi qua đại lộ và đến ngồi trong một quán cà phê, dưới vòm tường của Kaiser Gallerie, gọi một cốc schnaps và uống một hơi hết luôn, rồi một cốc khác. Tôi phải suy nghĩ, nhưng suy nghĩ trượt khỏi đầu óc tôi, tôi thấy khó thở, phải nới lỏng cổ áo và tiếp tục uống. Có một cách để biết được chính xác: tối đến, ở rạp chiếu phim, bản tin thời sự sẽ chiếu các trích đoạn của bài diễn văn; bằng cách đó tôi sẽ biết. Tôi gọi một tờ báo in danh sách các buổi chiếu: vào lúc mười chín giờ, chỉ vài tiếng nữa thôi, người ta sẽ chiếu phim *Tổng thống Krüger*. Tôi gọi một chiếc sandwich rồi đi dạo trong Tiergarten. Trời vẫn còn lạnh và chỉ có ít người đi dạo dưới những hàng cây trơ trụi. Những cách giải thích đan cài vào nhau trong đầu tôi, tôi chỉ mong sao bộ phim chóng bắt đầu, ngay cả khi triển vọng sẽ không nhìn thấy gì ở đó cũng vẫn có tính trấn an cao hơn là ngược lại. Mười tám giờ, tôi đi về phía rạp chiếu phim và đứng vào hàng người mua vé. Trước mặt tôi, một nhóm người đang bàn luận về bài diễn văn, mà hẳn là họ đã nghe được trên đài phát thanh; tôi chăm chú nghe họ nói. "Ông ấy lại trút tất cả mọi thứ lên lưng bọn Do Thái, một người đàn ông khá gầy cuộc đầu đội mũ nói. Điều mà tôi không hiểu là ở Đức làm gì còn Do Thái nữa, vậy thì làm thế nào mà đó lại là lỗi của bọn chúng được?" – "Ôi không, *Dummkopf*, một người đàn bà khá thô thiển, tóc nhuộm và bôi keo bóng mượt lên tiếng, đó là bọn Do Thái quốc tế chứ." – "Phải rồi, người đàn ông đáp, nhưng nếu bọn Do Thái quốc tế đó mạnh đến vậy, tại sao chúng lại không thể cứu được những người anh em của chúng ở đây?" – "Chúng trừng phạt chúng ta bằng cách ném bom còn gì, một người đàn bà khác có làn da hơi xam xám và người gầy nhẳng, nói. Ông đã thấy những gì hôm trước chúng làm ở Münster chưa? Chính là để bắt chúng ta phải chịu đau khổ đấy. Như thể chúng

ta chịu đựng còn chưa đủ với tất cả những người của chúng ta ở mặt trận ấy." – "Còn tôi thì tôi thấy rằng điều hết sức bê bối, một người đàn ông mặt đỏ, to béo, mặc một bộ comlê màu ghi kẻ sọc, khẳng định, là thậm chí ông ấy còn không nhắc đến Stalingrad. Đó là một nỗi xấu hổ." – "Ôi, đừng nói với tôi về Stalingrad, người đàn bà tóc nhuộm vàng nói. Bà chị gái khốn khổ của tôi đã mất con trai ở đó, sư đoàn số 76. Chị ấy gần như phát điên, thậm chí còn không biết được là nó còn sống hay đã chết nữa." – "Trên đài, người đàn bà da xám nói, họ nói rằng tất cả đều đã chết. Rằng họ đã ngoan cường chiến đấu đến viên đạn cuối cùng, họ đã nói vậy." – "Và chị tin vào tất cả những gì họ nói trên đài à, chị khốn khổ của tôi? người đàn ông đội mũ gay gắt. Em họ tôi, một Oberst, nói rằng có rất nhiều tù binh. Hàng nghìn người. Có thể là đến một trăm nghìn người." – "Thế thì Hansi có thể là tù binh chứ?" người đàn bà tóc vàng hỏi. – "Cái đấy thì có thể." – "Vậy thì tại sao họ lại không viết thư về? gã tư sản to béo hỏi. Tù binh của chúng ta ở Anh và ở Mỹ vẫn viết về, thậm chí còn gửi được qua đường Hồng Thập tự." – "Điều đó thì đúng," người đàn bà mặt chuột nói. – "Làm thế nào mà ông lại muốn họ viết khi chính thức mà nói họ đều đã chết? Họ viết, nhưng người của chúng ta không chuyển thư của họ." – "Cho phép tôi ngắt lời, một người khác xen vào, nhưng cái đó đúng. Chị vợ tôi đã nhận được một lá thư từ mặt trận, ký ở dưới là: *Một người Đức yêu nước*, nói là chồng chị ấy, Leutnant của bên panzer, vẫn còn sống. Quân Nga đã vứt những tờ giấy sang chiến tuyến của chúng ta, ở gần Smolensk, với các danh sách gồm tên và địa chỉ, in nhỏ li ti, và các thông điệp gửi về gia đình. Vậy là những người lính nhặt được chúng viết những lá thư nặc danh, hoặc thậm chí là gửi cả tờ giấy về." Một người đàn ông tóc để theo lối nhà binh tham gia cuộc nói chuyện: "Dù thế nào đi nữa, ngay cả nếu như có tù binh, thì họ cũng sẽ không sống được lâu đâu. Bọn Bônsêvich sẽ đày họ đi Xibêri và bắt họ đào những dòng kênh cho đến khi họ chết. Sẽ không ai trở về được đâu. Và rồi, sau những gì chúng ta đã làm với chúng, cái đó cũng công bằng thôi." – "Ông muốn nói gì vậy,

sau những gì chúng ta đã làm với chúng?" gã to béo hỏi ngay. Người đàn bà tóc nhuộm vàng đã nhìn thấy tôi và đưa mắt dò xét bộ quân phục. Người đàn ông đội mũ nói trước tay nhà binh: "Führer đã nói rằng có 542 000 người chết kể từ đầu cuộc chiến tranh. Ông có tin vào điều đó không? Tôi thì chỉ đơn giản nghĩ là ông ấy đã nói dối." Người đàn bà tóc vàng thúc cùi chỏ vào ông ta và hất mặt về phía tôi. Người đàn ông nhìn theo, đỏ mặt lên và ấp úng: "Chắc là người ta đã không cung cấp cho ông ấy tất cả các số liệu...". Những người khác cũng nhìn tôi và im bặt. Tôi thản nhiên ngó lơ. Rồi gã béo muốn đổi chủ đề cuộc nói chuyện sang một hướng khác, nhưng dòng người đã bắt đầu đổ dồn về phía ghisê. Tôi lấy một vé và đi tìm chỗ ngồi. Đèn nhanh chóng tắt và người ta chiếu bản tin thời sự, bắt đầu bằng bài diễn văn của Führer. Phim rất sạn, nó nhảy liên tục và thỉnh thoảng lại mờ đi, hẳn là người ta đã tráng và in sao quá vội. Tôi vẫn có cảm giác nhìn thấy cái khăn kẻ sọc lớn trên đầu và vai Führer, tôi không nhìn thấy gì khác nữa, ngoài bộ ria của ông ta, không thể chắc chắn vào điều gì cả. Suy nghĩ của tôi chạy tứ tung theo mọi hướng, như một bầy cá tản ra trước một tay thợ lặn, tôi chỉ xem đại khái bộ phim chính, một trò bài Anh ngu xuẩn, tôi vẫn luôn nghĩ đến những gì mình đã nhìn thấy, không có chút ý nghĩa nào cả. Tôi thấy rằng điều đó là không thể, nhưng không thể chấp nhận tin rằng mình đã có ảo giác. Vậy thì viên đạn trong đầu đã làm gì tôi? Liệu nó đã làm rối tung không thể cứu chữa thế giới này, hay là nó đã thực sự mở ra cho tôi một con mắt thứ ba, con mắt có thể nhìn xuyên qua được sự mờ đục của các sự vật? Bên ngoài, ở lối ra, trời đã tối, đã đến giờ dùng bữa, nhưng tôi không muốn ăn. Tôi trở về khách sạn và tự nhốt kín mình lại trong phòng. Trong vòng ba ngày tôi không đi ra ngoài.

Có người gõ cửa và tôi ra mở: một người phục vụ đến thông báo rằng Obersturmbannführer Hauser đã để lại một tin nhắn. Tôi bảo anh ta dọn đống đồ ăn mà tôi gọi lên vào hôm trước, và

bỏ thời gian đi tắm và chải đầu trước khi xuống chỗ tiếp tân để gọi lại cho Thomas. Werner Best đang ở Berlin, anh thông báo, ông ta chấp nhận gặp tôi vào ngay tối đó ở quầy bar khách sạn *Adlon*. "Cậu sẽ đến chứ?" Tôi lại lên phòng tắm, bật nước nóng hết mức có thể, và nằm lì ở trong bồn cho đến khi hai lá phổi như thể bị nghiền nát ra. Rồi tôi gọi một người thợ cắt tóc lên phòng. Đến giờ, tôi tới *Adlon*, căng thẳng dùng chân nghịch một mảnh thủy tinh vỡ ra từ chai rượu Martini, ngắm nhìn các Gauleiter, các nhà ngoại giao, các sĩ quan cao cấp của SS, các nhà quý tộc giàu có sống ở trong đó hoặc thuê phòng ở đó khi ghé qua Berlin. Tôi nghĩ đến Best. Một người như Werner Best sẽ phản ứng thế nào nếu tôi nói với ông ta rằng tôi đã nhìn thấy Führer mang một cái khăn san rabbin? Hẳn là ông ta sẽ đưa cho tôi địa chỉ của một bác sĩ tốt. Nhưng cũng có thể ông ta sẽ lạnh lùng giải thích với tôi rằng tại sao lại *phải* như vậy. Một người kỳ quặc. Tôi đã gặp ông ta vào mùa hè năm 1937, sau khi ông ta đã giúp tôi, thông qua Thomas, trong lần tôi bị bắt ở Tiergarten; sau đó không bao giờ ông ta ám chỉ đến chuyện này. Sau khi tôi được tuyển, mặc dù tôi kém ông ta ít nhất là mười tuổi, ông ta tỏ ra quan tâm đến tôi và nhiều lần mời tôi đi ăn tối, thường là cùng Thomas và một hoặc hai quan chức khác của SD, một lần với Ohlendorf, người uống rất nhiều cà phê và nói ít, và thỉnh thoảng chỉ có tôi và ông ta. Đó là một người chính xác, lạnh lùng và khách quan đến kỳ lạ, và cùng lúc vô cùng say mê các lý tưởng của mình. Trong khi tôi mới chỉ biết sơ sơ ông ta, có thể thấy rõ ràng là Thomas Hauser đang bắt chước phong cách của ông ta, và sau này tôi thấy phần lớn các sĩ quan trẻ của SD cũng vậy, những người ngưỡng mộ ông ta chắc chắn là nhiều hơn Heydrich. Best, vào thời đó, vẫn còn thích rao giảng cái mà ông ta gọi là *chủ nghĩa hiện thực anh hùng*: "Điều quan trọng, ông ta khẳng định bằng cách trích dẫn Jünger, mà ông ta đọc rất hăng hái, không phải vì sao người ta đánh nhau, mà là đánh nhau như thế nào." Với người đàn ông này, chủ nghĩa quốc xã không phải là một tư tưởng chính trị, mà đúng hơn là một cách sống, cứng rắn và triệt để, trộn lẫn một khả năng phân tích

khách quan với một năng lực hành động. Thứ luân lý cao nhất, ông ta nói với chúng tôi, là vượt qua được các đề nén truyền thống trong cuộc tìm kiếm những điều tốt đẹp cho *Volk*. Ở điểm này, *Kriegsjugendgeneration*, cái "thế hệ tuổi trẻ trong chiến tranh" mà ông ta thuộc về, cùng với Ohlendorf, Six, Knochen và cả Heydrich, khác biệt hoàn toàn với thế hệ trước đó, *junge Frontgeneration*, "tuổi trẻ ở mặt trận", những người từng biết đến chiến tranh. Phần lớn các Gauleiter và lãnh đạo của Đảng, như Himmler và Hans Frank và cả Goebbels và Darré, thuộc về thế hệ đó, nhưng Best đánh giá là họ quá duy tâm chủ nghĩa, quá tình cảm, ngây thơ và ít hiện thực. Các *Kriegsjurgen*, còn quá trẻ để có thể biết đến chiến tranh hoặc thậm chí là cả những trận chiến của các Freikorps, lớn lên trong những năm tháng nhiễu biến động của Weimar, và để chống lại sự hỗn loạn đó đã hình thành một lối tiếp cận *völkisch* và triệt để đối với các vấn đề của Quốc gia. Họ đã gia nhập NSDAP không phải vì ý thức hệ của nó khác với các đảng phái *völkisch* khác của những năm 20, mà bởi thay vì sa lầy trong các tư tưởng, những cuộc tranh cãi trong giới tinh hoa, những cuộc tranh luận khô cằn và không điểm dừng, nó tập trung vào sự tổ chức, tuyên truyền hàng loạt và chủ nghĩa hành động, và bằng cách đó, rất tự nhiên, nổi lên để chiếm lấy một vị trí dẫn đường. SD là hiện thân cho cách tiếp cận cứng rắn, khách quan, hiện thực đó. Về phần thế hệ của chúng tôi – Best, trong những cuộc tranh luận đó, muốn nói về thế hệ của Thomas và của tôi – vẫn còn chưa được định hình một cách đầy đủ: nó đến tuổi trưởng thành dưới thời quốc xã, nhưng vẫn còn chưa phải đối đầu với những thử thách thực thụ. Chính vì lẽ đó mà chúng tôi phải chuẩn bị, rèn luyện một thứ kỷ luật nghiêm ngặt, học cách chiến đấu vì *Volk* của chúng tôi và nếu cần thiết thì tiêu diệt các đối thủ, không hận thù và không tức tối, không giống như các ông quan người Teuton, những người cứ tưởng mình vẫn còn khoác bộ da thú, mà là theo một cách thức có hệ thống, hiệu quả, đầy suy tính. Đó chính là cách nghĩ của SD thời đó, cách nghĩ của những người chẳng hạn như giáo sư tiến sĩ Alfred Six, người

đứng đầu ban của tôi, và cùng lúc cũng là trưởng khoa kinh tế học nước ngoài ở Đại học: đó là một người chua chát, khá đáng ghét, và thường nói về chính sách chủng tộc-sinh học nhiều hơn là về kinh tế học; nhưng ông ta cũng được nuôi dưỡng theo cùng các phương pháp với Best, và do đó cũng là với tất cả những người trẻ tuổi được Höhn tuyển chọn trong nhiều năm, những con *sói trẻ* của SD, Schellenberg, Knochen, Behrends, d'Alquen, Ohlendorf, dĩ nhiên, nhưng còn đúng cả với những người hiện nay ít được biết đến hơn như Melhorn, Gürke, người đã bị giết ở mặt trận vào năm 1943, Lemmel, Taubert. Đó là một dòng giống riêng, không mấy được Đảng thích thú, nhưng sáng suốt, hoạt bát, có kỷ luật, và sau khi vào SD tôi không mong muốn điều gì khác là được trở thành một người trong số họ. Giờ đây, tôi không biết lắm nữa. Tôi có cảm giác, sau những kinh nghiệm của mình ở phía Đông, rằng các nhà lý tưởng chủ nghĩa của SD đã bị đánh bật ra bởi những cảnh sát, công chức đầy bạo lực. Tôi tự hỏi không biết Best nghĩ gì về *Endlösung*. Nhưng tôi không hề có ý định hỏi ông ta điều đó, thậm chí là không cả đề cập vấn đề, và nhất là ảo ảnh kỳ lạ của tôi thì lại càng không.

Best đến muộn nửa giờ, mặc một bộ quân phục màu đen đẹp tuyệt với hai hàng cúc mạ vàng và những ve áo rất lớn gắn nhung trắng. Sau khi chào nhau đúng theo hình thức, ông ta nắm chặt lấy tay tôi và xin lỗi vì đã đến muộn: "Tôi vừa ở chỗ Führer tới. Tôi còn chưa có cả thời gian để thay quần áo." Trong khi chúng tôi chúc mừng nhau về những thăng tiến của mỗi người, một người quản lý tiến đến, chào Best, và dẫn chúng tôi đến một góc đặt trước. Tôi gọi một cốc Martini thứ hai và Best, một cốc rượu vang đỏ. Rồi ông ta hỏi về sự nghiệp của tôi ở Nga: tôi trả lời nhưng không đi vào chi tiết; dù sao thì Best cũng biết rõ hơn bất kỳ ai thế nào là một Einsatzgruppe. "Còn bây giờ?" Thế là tôi nói với ông ta ý tưởng của mình. Ông ta kiên nhẫn lắng nghe, đầu gật gật; cái trán cao gồ ra, bóng loáng lên dưới những ngọn đèn chùm, vẫn mang cái dấu màu đỏ của mũ cát kết mà ông ta đã bỏ xuống trên băng ghế. "Phải, tôi nhớ rồi, cuối cùng ông ta nói. Anh

đã bắt đầu quan tâm đến luật quốc tế. Tại sao anh chưa xuất bản gì cả?" – "Tôi chưa bao giờ thực sự được làm việc đó. Ở RSHA, sau khi ông đi khỏi, người ta chỉ giao cho tôi phụ trách các vấn đề luật hiến pháp và hình sự, và sau đó, trên thực địa, thì không thể được nữa. Ngược lại, tôi đã thu thập được một kinh nghiệm thực tiễn về các phương pháp tiến hành của chúng ta." – "Tôi không chắc rằng Ukraine là ví dụ tốt nhất." – "Chắc chắn là không rồi, tôi đáp. Ở RSHA không ai hiểu làm thế nào mà người ta lại để Koch suy sụp như vậy. Đó là một thảm họa." – "Đó là một trong những trục trặc về cách vận hành của chủ nghĩa quốc xã. Về điểm này, Stalin chặt chẽ hơn chúng ta nhiều. Nhưng những người như Koch thì tôi hy vọng là không có tương lai nào cả. Anh đã đọc *Festgabe* mà chúng tôi cho ấn hành để mừng sinh nhật lần thứ bốn mươi của Reichsführer chưa?" Tôi lắc đầu: "Thật không may là chưa." – "Tôi sẽ cho người gửi anh một quyển. Bài của tôi trong đó phát triển một lý thuyết của *Grossraum* dựa trên nền tảng *völkisch*; giáo sư cũ của anh, Höhn, đã viết một bài báo về cùng chủ đề đó, cũng như Stuckart, ở Bộ Nội vụ. Lemmel, hẳn là anh còn nhớ ông ấy, cũng đã xuất bản về các quan niệm này, nhưng ở chỗ khác. Cái đó vừa là để kết thúc cách đọc mang tính phê phán của chúng ta đối với Carl Schmidt và cùng lúc cũng là để đưa SS ra phía trước như một lực lượng mũi nhọn trong công cuộc xây dựng Trật tự Mới của châu Âu. Reichsführer, với những người như chúng tôi ở xung quanh, lẽ ra đã có thể trở thành kiến trúc sư chủ chốt của nó. Nhưng ông ấy đã bỏ lỡ mất cơ hội rồi." – "Vậy thì chuyện gì đã xảy ra?" – "Khó nói lắm. Tôi không biết liệu có phải là Reichsführer đã bị mờ mắt bởi các kế hoạch của ông ta trong việc tái thiết Đông Đức, hay là ông ta bị dồn đống quá nhiều việc. Chắc chắn là việc tham dự của SS vào tiến trình thay đổi dân số ở phía Đông đã đóng một vai trò. Cũng một phần vì thế mà tôi đã chọn cách rời khỏi RSHA." Câu cuối cùng này, tôi biết rõ, rất thiếu thành thực. Thời gian tôi kết thúc luận án (viết về sự hòa giải giữa cánh hữu nhà nước tích cực với khái niệm *Volkgemeinschaft*) và vào làm cho SD, để giúp ông ta soạn thảo

các ý kiến về luật học, Best đã bắt đầu gặp nhiều vấn đề, nhất là với Schellenberg. Schellenberg, ở chỗ riêng tư cũng như trong những gì viết ra, buộc tội Best là quá mức bàn giấy, ngồi ì một chỗ, một *luật gia hàn lâm*, một *kẻ chẻ sợi tóc làm tư*. Điều này, theo tin đồn, cũng là ý kiến của Heydrich; ít nhất thì Heydrich cũng đã bật đèn xanh cho Schellenberg. Về phần mình, Best chỉ trích "sự phi chính thức hóa" của cảnh sát: một cách cụ thể, ông ta cho rằng tất cả những người làm cho SD nhưng không thuộc SP, như Thomas và tôi, phải tuân theo những quy định và luật lệ bình thường của quản lý Nhà nước; chỉ huy các đơn vị đều phải được học về luật. Nhưng Heydrich chế giễu cái *vườn trẻ dành cho những tay soát vé* đó và Schellenberg tấn công theo từng đợt một. Về chủ đề này, một hôm Best nói với tôi một nhận xét đáng nhớ: "Anh biết đấy, mặc dù toàn bộ sự căm thù của tôi dành cho năm 1793, thỉnh thoảng tôi cảm thấy gần gũi với Saint-Just, người nói rằng: *Tôi không e ngại sự khổ hạnh hoặc điên rồ của một số người bằng sự khéo léo của những người khác.*" Tất cả những chuyện đó đã diễn ra trong mùa xuân cuối cùng trước chiến tranh; tôi đã từng nói đến những gì xảy ra sau đó vào mùa thu, sự ra đi của Best, những mối lo lắng của chính tôi: nhưng tôi hiểu rõ là Best thích nhìn vào các khía cạnh tích cực của những tiến triển đó hơn. "Ở Pháp và giờ đây là ở Đan Mạch, ông ta nói, tôi đã thử làm việc với các khía cạnh thực tế của những lý thuyết này." – "Và chuyện đã xảy ra như thế nào?" – "Ở Pháp, ý tưởng về một nền hành chính bị kiểm soát là rất tốt. Nhưng có quá nhiều can thiệp của Wehrmacht, những người theo đuổi chính sách riêng của mình, và của Berlin, và họ đã phần nào làm hỏng mọi chuyện với những câu chuyện về con tin đó. Và rồi, tất nhiên, ngày 11 tháng Mười một đã đặt dấu chấm hết cho tất cả. Theo tôi đó là một sai lầm to đùng. Nhưng thôi! Ngược lại tôi có đầy đủ hy vọng có thể biến Đan Mạch trở thành một Protektorat kiểu mẫu." – "Người ta chỉ nói những điều tốt đẹp về công việc của ông." – "Ồ, tôi cũng bị chỉ trích nhiều chứ! Và rồi, anh biết đấy, tôi cũng vừa mới bắt đầu thôi. Nhưng ngoài những việc cụ thể đó, điều quan trọng là phải

tích cực phát triển một tầm nhìn chung cho giai đoạn sau chiến tranh. Lúc này, tất cả các biện pháp của chúng ta đều là *ad hoc* và không ăn nhập nhiều với nhau. Và Führer lại còn ra những dấu hiệu trái ngược nhau trong các ý định của mình. Vì vậy, rất khó để có thể có được những lời hứa cụ thể." – "Tôi hoàn toàn hiểu được những gì ông muốn nói." Tôi nói qua cho ông ta về Lippert, về những niềm hy vọng mà ông ta đặt lên chúng tôi trong cuộc nói chuyện ở Maikop. "Đúng, đó là một ví dụ tốt, Best nói. Nhưng anh cũng thấy đấy, những người khác cũng hứa hẹn cùng những điều đó với người Flamand. Và rồi giờ đây là Reichsführer, bị thúc đẩy bởi Obergruppenführer Berger, đang tung ra chính sách của mình, với sự thành lập các đội Waffen-SS quốc gia, một cái không mấy tương thích hoặc dù sao thì cũng không hòa hợp mấy với chính sách của *Auswärtiges Amt*. Toàn bộ vấn đề là ở đó: chừng nào Führer còn chưa đích thân can thiệp, thì mỗi người đều tiến hành chính sách riêng của mình. Không có cái nhìn toàn thể nào và do vậy không có một chính sách nào thực sự *völkisch*. Những người quốc xã thực thụ không có khả năng làm công việc của mình, đó là hướng lối và dẫn đường cho *Volk*; thay vào đó, chính là các *Parteigenoss*, những người của Đảng, đang tự tạo cho mình lãnh địa riêng rồi điều hành theo cách nào làm bọn họ vui nhất." – "Ông không nghĩ rằng các đảng viên là những người quốc xã chân chính à?" Best giơ một ngón tay lên: "Chú ý nhé. Đừng lẫn lộn giữa đảng viên và người của Đảng. Tất cả các đảng viên, như anh và tôi, không nhất thiết là một "PG". Một người quốc xã phải tin tưởng vào cách nhìn của mình. Và nhất thiết, vì cách nhìn là duy nhất, tất cả những người quốc xã thực thụ đều chỉ có thể làm việc theo một hướng, đó là hướng của *Volk*. Nhưng anh có tin rằng tất cả những người đó" – ông ta khoát tay thật rộng về phía căn phòng – "đều là những người quốc xã chân chính hay không? Một người của Đảng, đó là một người xây dựng được sự nghiệp của mình nhờ vào Đảng, người có một vị trí cần bảo vệ trong Đảng, và do đó là người bảo vệ các quyền lợi của Đảng trong những cuộc tranh cãi với các cấp bậc khác, dù cho các

quyền lợi thực tế của *Volk* có là gì đi chăng nữa. Đảng, hồi đầu tiên, được hình dung như một phong trào, một tác nhân tập hợp *Volk*; giờ đây, nó đã trở thành một hệ thống quan liêu giống như những thứ khác. Trong một khoảng thời gian dài, một số trong chúng ta đã từng hy vọng rằng SS có thể thay thế. Và vẫn còn chưa quá muộn đâu. Nhưng SS cũng phải gánh chịu hậu quả của những hướng đi nguy hiểm." Chúng tôi uống một chút rượu; tôi muốn quay trở lại với vấn đề đang bận tâm. "Ông nghĩ gì về ý tưởng của tôi? cuối cùng tôi hỏi. Tôi nghĩ rằng với quá khứ của mình, hiểu biết về đất nước và nhiều dòng tư tưởng Pháp, tôi sẽ có ích nhất nếu được ở Pháp." – "Có lẽ anh có lý. Vấn đề là, như anh cũng biết đấy, ở Pháp, ngoài lĩnh vực hoàn toàn thuộc về cảnh sát, SS gần như không có mấy vai trò. Và tôi không nghĩ rằng tên tôi sẽ hữu ích cho anh ở chỗ *Militärbefehlshaber*. Với Abetz tôi cũng không thể làm gì, ông ta rất bo bo với chỗ của mình. Nhưng nếu quả thực là anh muốn vậy, thì thử liên hệ với Knochen xem sao. Hẳn là ông ấy vẫn còn nhớ đến anh." – "Vâng, đó cũng là một ý kiến," tôi buộc lòng phải nói điều này. Đó không phải là điều mà tôi muốn. Best tiếp tục: "Anh sẽ có thể nói với ông ấy là tôi tiến cử anh. Thế còn Đan Mạch thì sao? Anh không thích à? Hẳn là ở đó tôi sẽ có thể tìm được cho anh một chức vụ tốt." Tôi cố gắng không để lộ sự khó chịu ngày càng tăng: "Tôi cám ơn ông rất nhiều vì lời đề nghị này. Nhưng tôi đã có những ý tưởng cụ thể liên quan đến Pháp và tôi muốn đào sâu chúng nếu có thể." – "Tôi hiểu anh. Nhưng nếu anh đổi ý thì cứ liên hệ lại với tôi." – "Chắc chắn rồi." Ông ta nhìn đồng hồ đeo tay. "Tôi sẽ ăn tối với bộ trưởng và thực sự là tôi phải thay quần áo. Nếu nghĩ đến một cái gì đó khác, về nước Pháp, hoặc nghe được về một chức vụ thú vị, tôi sẽ báo cho anh biết." – "Tôi sẽ rất lấy làm biết ơn. Tôi xin cám ơn ông một lần nữa vì đã dành thời gian để gặp tôi." Ông ta uống hết cốc rượu và đáp: "Rất vui lòng. Đó chính là cái mà tôi tiếc nhất, kể từ khi rời khỏi RSHA: khả năng bàn luận công khai về các ý tưởng với những người có lòng tin. Ở Đan Mạch, lúc nào tôi cũng phải dè chừng. Thôi nào, chúc một buổi tối vui vẻ nhé!" Tôi đi

cùng ông ta ra ngoài và tạm biệt ông ta ở trên phố, trước đại sứ quán Anh cũ. Tôi nhìn xe của ông ta chạy đi trên Wilhelmstrasse rồi tản bộ về phía cổng Brandenburg và Tiergarten, bối rối với những câu nói cuối cùng của ông ta. Một người có lòng tin? Trước đây, hẳn là vậy, tôi đã từng là một người như thế, nhưng giờ đây, nó đâu mất rồi, sự sáng sủa của những niềm tin trong tôi? Những niềm tin đó, tôi có thể nhìn thấy chúng, chúng nhẹ nhàng bay lượn xung quanh tôi: nhưng khi tôi định tóm lấy một cái, thì nó lại luồn qua những ngón tay của tôi, giống như một con lươn bổn chồn và rất hoạt bát.

Thomas thì chắc chắn là một người có lòng tin rồi; những lòng tin, rất rõ ràng, hoàn toàn tương thích với cuộc truy đuổi theo các tham vọng và khoái cảm của anh. Quay về đến khách sạn, tôi thấy một tin nhắn của anh mời đi xem balê. Tôi gọi điện cho anh tỏ ý xin lỗi không đi được; không để cho tôi có thời gian, anh đã hỏi ngay: "Thế nào, chuyện tốt không?" rồi anh bắt đầu giải thích cho tôi tại sao về phần mình anh không làm được gì cả. Tôi kiên nhẫn lắng nghe và ngay khi có cơ hội liền từ chối lời mời. Nhưng anh không muốn nghe gì hết: "Cậu trở nên man rợ rồi đấy. Đi chơi sẽ mang lại điều tốt cho cậu." Thực sự là ý tưởng đó làm tôi thấy chán ngán một cách sâu sắc, nhưng cuối cùng tôi cũng nhượng bộ. Vì tất cả người Nga đều đã bị cấm, người ta diễn những khúc giải trí của Mozart, vở balê *Idomeneo* và tiếp sau đó là một *Gavotte* và *Những điều nhỏ bé*. Dàn nhạc do Karajan chỉ huy, khi đó đang là một ngôi sao trẻ đang lên nhưng vinh quang còn chưa kịp che phủ Furtwängler. Tôi tìm thấy Thomas ở gần lối vào dành cho các nghệ sĩ: một người bạn của anh đã xoay được một lô riêng. Tất cả đều được tổ chức một cách tuyệt vời. Những người mở cửa xăng xái đỡ lấy áo măng tô và mũ cát két của chúng tôi và dẫn chúng tôi vào một bàn tiệc đứng nơi người ta phục vụ đồ uống trong tiếng nhạc của các nhạc công và những ngôi sao nhỏ từ các studio của Goebbels, ngay lập tức say như điếu đổ sự hoạt bát và dáng điệu đẹp đẽ của Thomas. Khi người ta dẫn chúng tôi vào lô, nằm ngay dưới chân sân khấu, phía trên dàn

nhạc, tôi thì thầm: "Cậu không muốn mời một cô lên đây ngồi cùng à?" Thomas nhún vai: "Cậu đùa đấy à! Để có được tí xơ múi gì thì ít nhất cũng phải là Gruppenführer." Câu nói đùa đó, tôi đã tung ra một cách máy móc, không chút thích thú; tôi tự nhốt mình vào trong chính mình, kín mít, thù địch với tất cả; nhưng ngay khi buổi biểu diễn bắt đầu tôi liền cảm thấy vui sướng. Các vũ công đứng cách tôi chỉ vài mét, và khi nhìn họ tôi cảm thấy mình thật tội nghiệp, bạc nhược và khốn khổ, như thể chưa lắc được khỏi người mình cái lạnh và nỗi sợ của mặt trận. Còn họ, rực rỡ, và như thể để đánh dấu một khoảng cách không thể vượt qua, nhảy điệu nhảy trong những bộ trang phục lấp lánh của mình, và những cơ thể hào nhoáng và đẹp đẽ của họ làm tôi cứng đờ người lại và khiến tôi phát điên vì phẫn khích (nhưng đó là một sự phẫn khích vô vọng, không mục đích, uể oải). Vàng, đèn chùm pha lê, vải tuyn, lụa, các thứ đồ trang sức huy hoàng, những cái răng lóng lánh của các nghệ sĩ, cơ bắp chắc nịch của họ làm tôi ngạt thở. Ở giờ nghỉ đầu tiên, toát hết mồ hôi dưới bộ quân phục, tôi chạy vội đến quầy bar và uống nhiều cốc liền, rồi mang luôn cả chai về lô. Thomas vui vẻ nhìn tôi và cũng uống, một cách chậm rãi hơn. Từ phía bên kia sân khấu, ngồi trong một lô khác ở trên tầng, một người phụ nữ đang nhìn tôi qua cặp ống nhòm. Cô ta ở quá xa, tôi không thể nhìn rõ nét mặt và lại không có ống nhòm, nhưng rõ ràng là cô ta đang nhìn chằm chằm vào tôi, và cái trò chơi nhỏ bé đó khiến tôi thấy căng thẳng kinh khủng; ở giờ nghỉ thứ hai, tôi không hề có ý định đi tìm cô ta, tôi nấu mình vào quầy nước riêng và tiếp tục uống với Thomas; nhưng ngay khi vở balê tiếp tục, tôi trở nên giống như một đứa trẻ. Tôi vỗ tay, thậm chí tôi còn nghĩ cả đến chuyện thuê người mang hoa đến cho một trong số các nữ vũ công kia, nhưng tôi không biết phải chọn cô nào, và rồi tôi cũng không biết tên họ, và tôi cũng không biết phải làm ra sao, và tôi sợ là mình nhầm. Người phụ nữ tiếp tục nhòm tôi nhưng tôi không buồn quan tâm nữa. Tôi lại uống rượu, tôi lại cười. "Cậu có lý, tôi nói với Thomas, đây quả là một ý hay." Tất cả đều làm tôi sung sướng và làm tôi sợ hãi. Tôi không sao hiểu

được vẻ đẹp cơ thể của các vũ công, một vẻ đẹp gần như là trừu tượng, phi giới tính, không chút khác biệt nào giữa đàn ông và phụ nữ: vẻ đẹp đó gần như làm cho tôi hốt hoảng. Sau vở balê, Thomas dẫn tôi đến một phố nhỏ của Charlottenburg; trước sự kinh hoàng của tôi, khi bước vào, tôi nhận ra đây là một nhà thổ, nhưng quay gót thì đã quá muộn. Tôi lại uống tiếp và ăn những chiếc sandwich trong khi Thomas khiêu vũ cùng các cô gái đã cởi hết quần áo, những người rõ ràng là biết anh rất rõ. Ở đó còn có các sĩ quan khác và vài người bên dân sự. Một máy hát đang bật những cái đĩa của Mỹ, một thứ nhạc jazz dồn dập và chói tai, hòa lẫn với tiếng cười đinh tai và ngơ ngẩn của những cô gái điếm. Phần lớn chỉ mặc quần áo lót bằng vải lụa nhiều màu, và da thịt họ mềm nhão, nhợt nhạt, rũ xuống, mà lúc ấy Thomas vơ cả vốc đầy trong nắm tay của mình, khiến tôi thấy kinh tởm. Một cô gái định ngồi xuống đầu gối tôi, tôi bèn lấy tay đẩy nhẹ bụng cô ta ra, nhưng cô ta cứ tiếp tục ngồi xuống, nên tôi bèn đẩy thật mạnh, khiến cô ta tức tối. Mặt tôi nhợt nhạt, mệt mỏi, tất cả đều quá chói, đều kêu lên lách tách và làm tôi đau. Thomas đến rót cho tôi một cốc rượu khác, vừa rót vừa cười: "Nếu cậu không thích cô ta thì cũng không việc gì phải gây ầm ĩ, còn rất nhiều cô khác nữa." Anh vẫy tay, mặt đỏ ửng. "Chọn đi, chọn đi, tớ mời đấy." Tôi không hề có chút ham muốn nào, nhưng anh cứ khăng khăng; cuối cùng, để được yên thân, tôi nắm lấy cổ chai rượu đang uống và đi lên tầng với một trong số các cô gái, được lựa chọn một cách bừa phứa. Trong phòng yên tĩnh hơn. Cô ta giúp tôi cởi áo varơi; nhưng khi cô ta muốn tháo hàng cúc áo sơ mi, tôi ngăn cô ta lại và bảo cô ta ngồi xuống. "Cô tên là gì?" tôi hỏi. – "Émilie," cô ta đáp; tên đầy vẻ Pháp. – "Kể tôi nghe một câu chuyện đi, Émilie." – "Loại chuyện như thế nào, Herr Offizier?" – "Kể cho tôi về tuổi thơ của cô đi." Những lời đầu tiên của cô ta làm người tôi lạnh buốt lại: "Tôi có một người em gái sinh đôi. Nó chết vào năm lên mười tuổi. Cả hai chúng tôi đều mắc cùng một chứng bệnh, những cơn thấp khớp cấp tính, và rồi nó chết vì chứng tăng urê trong máu, nước cứ chảy ra, chảy ra mãi... Nó chết vì ngạt thở."

Cô ta lục tìm trong một ngăn kéo và rút ra hai bức ảnh lồng khung. Bức thứ nhất chụp hai chị em sinh đôi đứng cạnh nhau, với những đôi mắt to và ruybăng buộc trên tóc, chừng ở tuổi lên mười; bức kia, đứa bé chết trong quan tài, xung quanh là hoa tuylip. "Ở nhà, chúng tôi treo bức ảnh này. Kể từ ngày đó mẹ tôi không chịu được hoa tuylip nữa, mùi hoa tuylip. Bà ấy nói: *Tôi đã đánh mất thiên thần và còn lại con quỷ*. Sau đó, khi thỉnh thoảng tự ngắm mình trong gương, tôi cứ nghĩ là mình đang nhìn đứa em gái đã chết. Và nếu tôi chạy từ trường về, mẹ tôi sẽ lên những cơn thần kinh khủng khiếp, bà ấy tưởng là nhìn thấy em tôi, vì vậy lúc nào tôi cũng phải cố đi từ trường về một cách thật nhẹ nhàng." – "Thế làm sao mà cô lại ở đây?" tôi hỏi. Nhưng cô gái, mệt quá, đã thiếp ngủ trên đivăng. Tôi ngồi chống cùi chỏ tay trên bàn và nhìn cô ta, thỉnh thoảng uống thêm rượu. Cô ta tỉnh dậy: "Ôi, xin lỗi, tôi sẽ cởi quần áo ngay đây." Tôi mỉm cười và trả lời: "Không cần đâu." Tôi ngồi xuống sofa, đặt đầu cô ta lên đùi mình và vuốt tóc cô ta. "Nào, ngủ thêm một chút nữa đi."

Một tin nhắn mới đang chờ tôi ở khách sạn *Eden*: "Frau von Üxküll, người gác cửa nói với tôi. Đây là số điện thoại của bà ấy, ông có thể gọi lại." Tôi trèo lên tầng và ngồi xuống đivăng, đổ sụp xuống, thậm chí còn không kịp cởi áo dài. Tại sao lại liên lạc với tôi như thế, sau từng ấy năm trời? Tại sao lại là bây giờ? Tôi sẽ không có đủ khả năng để nói liệu mình có mong gặp lại nàng hay không; nhưng tôi biết rằng nếu nàng muốn thì với tôi không gặp lại nàng cũng là bất khả ngang bằng với ngừng không thở nữa. Đêm đó, tôi không ngủ, hoặc là rất ít. Những kỷ niệm ào về đột ngột; khác với những kỷ niệm ập tới thành từng cơn sóng lớn, như hồi ở Stalingrad, đây không còn là những kỷ niệm hồi đi học, bừng sáng niềm hạnh phúc nữa, mà là những kỷ niệm đã nhuốm thứ ánh sáng lạnh lẽo của trăng tròn, trắng toát và cay đắng. Hồi mùa xuân, từ những trò chơi thể thao mùa đông trở về, chúng tôi lại tiếp tục chơi trong vựa cỏ, trần truồng, cơ thể sáng ánh lên

trong ánh sáng xuyên qua màn bụi, giữa những con búp bê và những chồng rương hòm và những giá nặng trĩu các bộ quần áo cũ mà chúng tôi trốn ở đằng sau. Sau mùa đông, tôi xanh lướt, và chưa có lấy một sợi lông nào; về phần mình, cái bóng của một đám lông đã xuất hiện giữa hai chân Una, và hai vú nhỏ xíu bắt đầu làm biến đổi bộ ngực mà tôi yêu quý, từng phẳng và nhẵn đến vậy: Nhưng không có cách nào để quay ngược trở lại phía sau cả. Trời vẫn còn lạnh, da chúng tôi căng ra và dựng lên. Una trèo lên người tôi nhưng một luồng máu đã chảy ra từ bên trong hai đùi. Nàng khóc: "Bắt đầu rồi, sự sa đọa bắt đầu rồi." Tôi ôm lấy nàng trong hai cánh tay gầy guộc và khóc cùng nàng. Chúng tôi còn chưa đầy mười ba tuổi. Thật là không công bằng, tôi muốn được giống như nàng; tại sao tôi lại không thể cũng chảy máu, chia sẻ điều đó cùng với nàng? Tại sao chúng tôi lại không thể giống nhau? Tôi còn chưa phóng tinh lần nào, những trò chơi của chúng tôi tiếp diễn; nhưng có lẽ giờ đây chúng tôi đã dò xét nhau, chúng tôi đã tự nhìn mình nhiều hơn trước một chút, và việc đó đã mang lại một khoảng cách, chắc chắn là rất nhỏ, nhưng có lẽ nó buộc chúng tôi thỉnh thoảng phải ép buộc nhiều thứ.

Rồi xảy đến điều không thể tránh khỏi: một hôm, thứ kem màu trắng đục xuất hiện trên tay tôi, trên đùi tôi. Tôi nói với Una và đưa cho nàng xem. Việc này quyến rũ nàng, nhưng nàng thấy sợ, người ta đã giải thích cho nàng các quy luật của cơ chế hoạt động. Và lần đầu tiên với chúng tôi vựa cỏ trở nên u tối, bụi bặm, chẳng chịt mạng nhện. Tôi muốn hôn vú nàng, giờ đây đã tròn lại, nhưng nàng không thích, và nàng quỳ gối xuống, hướng về phía tôi cặp mông thiếu nữ nhỏ bé của mình. Nàng đã cầm theo thứ kem lạnh lấy trong phòng tắm của mẹ chúng tôi: "Cầm lấy đi, nàng giải thích với tôi. Nếu không thì không làm được gì đâu." Hơn cả cảm giác đó, tôi còn nhớ cái mùi hắc và choáng óc của kem. Chúng tôi đang ở khoảng giữa của Thời Hoàng kim và Sự Sa đọa.

Khi tôi gọi điện cho Una, vào cuối buổi sáng, giọng nàng hoàn toàn bình tĩnh. "Bọn em đang ở *Kaiserhof*." – "Em có rồi

không?" – "Có. Chúng ta gặp nhau được không?" – "Anh qua đón em luôn đây." Nàng đợi tôi ở sảnh vào và đứng dậy khi nhìn thấy tôi. Tôi bỏ mũ cát kết và nàng hôn nhẹ lên má tôi. Rồi nàng bước lùi lại và ngắm nhìn tôi. Nàng chìa một ngón tay ra và lấy đầu móng tay gõ gõ lên một cái cúc hình chữ thập ngoặc trên áo choàng của tôi: "Trông bộ quân phục này khá hợp với anh đấy." Tôi nhìn nàng không nói năng gì: nàng không hề thay đổi, hẳn là chín chắn hơn một chút, nhưng vẫn đẹp như vậy. "Em làm gì ở đây?" tôi hỏi. – "Berndt có việc phải giải quyết với chưởng khế của bọn em. Em tự nhủ có thể anh đang ở Berlin, và em muốn gặp anh." – "Làm cách nào mà em tìm được anh?" – "Một người bạn của Berndt ở OKW đã gọi điện đến Prinz-Albrechtstrasse và họ nói cho anh ấy chỗ ở của anh. Anh muốn làm gì?" – "Em có thời gian không?" – "Cả ngày luôn." – "Thế thì đi Potsdam đi. Chúng ta sẽ ăn và đi dạo trong công viên."

Đó là một trong những ngày đẹp trời đầu tiên của năm. Không khí ấm lại, cây cối đâm chồi này lộc dưới một mặt trời vẫn còn hơi nhợt nhạt. Trên tàu chúng tôi không nói chuyện nhiều với nhau; nàng có vẻ xa vắng, và phải nói thật lòng là tôi thấy sợ. Mặt quay sang cửa kính, nàng nhìn đám cây cối vẫn còn trơ trụi của khu rừng Grunewald trôi qua; còn tôi, tôi nhìn khuôn mặt đó. Dưới mái tóc dày đen nhánh, khuôn mặt đó gần như trong mờ, với những đường mạch máu xanh chạy dài hiện rõ lên dưới làn da màu sữa. Một trong số chúng chạy từ thái dương xuống, chạm vào khóe mắt, rồi đi theo một đường vòng cung rộng ngang qua cái má như một vết rạch dài. Tôi tưởng tượng ra máu đang chậm rãi trào đi dưới cái bề mặt dày và sâu như những mảng màu sơn dầu trắng đục của một bậc thầy hội họa Flamand. Ở cuối cái cổ, một hệ thống mạch máu khác khởi phát, hiện ra phía trên cái xương đòn thanh mảnh, và đi xuống phía dưới cổ áo len, tôi biết là chúng giống như hai bàn tay to lớn mở ra để cung cấp nước cho hai vú nàng. Còn đôi mắt nàng, tôi thấy chúng đang được phản chiếu trên cửa kính, trên cái nền màu nâu của những gốc cây mọc sát nhau, không màu sắc, xa xôi, lơ đãng. Ở Potsdam, tôi biết một

quán ăn nhỏ gần Garnisonskirche. Bộ chuông hòa âm của nhà thờ đang gõ một giai điệu buồn bã, dựa trên một bản nhạc của Mozart. Quán mở cửa: "Những ý tưởng xơ cứng của Goebbels không có hiệu lực ở Potsdam," tôi bình luận; nhưng ngay cả ở Berlin phần lớn quán ăn cũng đã mở cửa lại. Tôi gọi rượu vang và hỏi em gái tôi về sức khỏe chồng nàng. "Ổn," Una trả lời ngắn gọn. Họ chỉ ở Berlin vài ngày, vợn Üxküll phải thực hiện một đợt điều trị. Ngập ngừng, tôi muốn nàng nói về cuộc sống ở Poméranie. "Em không có gì phải phàn nàn cả, nàng khẳng định, đôi mắt to trong sáng nhìn tôi. Những người làm trong trang trại của Berndt mang đồ ăn đến, bọn em có tất cả những gì cần thiết. Thậm chí bọn em còn có cả cá. Em đọc sách rất nhiều, em đi dạo. Em thấy chiến tranh như thể ở rất xa." – "Nó đang tiến lại gần," tôi nói thẳng thừng. – "Dù sao thì anh cũng không tin là chúng sẽ đến tận Đức đấy chứ?" Tôi nhún vai: "Mọi thứ đều có thể." Những câu nói của chúng tôi vẫn lạnh lùng, vay mượn, tôi thấy rất rõ điều đó, nhưng không biết làm thế nào để làm tan biến đi sự lạnh lùng đó, sự lạnh lùng mà nàng không có vẻ gì là chú ý đến. Chúng tôi uống rượu và ăn một chút. Cuối cùng, một cách nhẹ nhàng hơn, nàng bâng quơ: "Em nghe nói là anh bị thương. Qua những người bạn bên quân sự của Berndt. Bọn em sống một cuộc đời khá kín đáo, nhưng anh ấy vẫn giữ một số mối liên hệ. Em không biết chi tiết và em rất lo lắng. Nhưng nếu nhìn anh thì chắc là cũng không đến nỗi nặng lắm." Thế là, một cách thoải mái, tôi kể lại cho Una những chuyện đã xảy ra và cho nàng xem cái lỗ thủng. Nàng buông rơi thìa dĩa, mặt tái mét; nàng giơ tay lên, rồi lại bỏ xuống. "Xin lỗi. Em không hề biết." Tôi chìa những ngón tay ra và chạm vào mu bàn tay nàng; nàng chậm rãi rút nó lại. Tôi không nói gì. Dù sao thì tôi cũng không biết phải nói gì: tất cả những gì tôi muốn nói, tất cả những gì lẽ ra tôi phải nói, thì tôi không thể nói được. Không có cà phê; chúng tôi kết thúc bữa ăn và tôi trả tiền. Các phố ở Potsdam rất yên tĩnh: những người lính, phụ nữ với những cái xe nôi, ít xe cộ. Chúng tôi đi về phía công viên, không nói năng gì. Cổng Marlygarten, mà chúng tôi

dùng để đi vào, kéo dài và còn làm dày thêm lên sự vắng lặng của phố xá; thỉnh thoảng, chúng tôi nhìn thấy một cặp tình nhân hoặc vài thương binh đang hồi phục sức khỏe, với những cây nạng, những cái xe lăn. "Thật là khủng khiếp, Una thì thầm. Thật là một sự phí phạm to lớn." – "Điều đó là cần thiết mà," tôi nói. Nàng không trả lời: chúng tôi vẫn như thể tự nói tự nghe. Những con sóc đã dạn người chạy trên bãi cỏ; bên tay phải chúng tôi, một trong số chúng chạy đi lấy những mẩu bánh để trên tay một cô bé gái, lùi lại, quay về nhấm nhấp, và cô bé phá lên cười như nắc nẻ. Trên những nơi có nước, những con vịt cổ cườm và các loại vịt khác bơi lội hoặc bay đến đáp xuống: trước lúc tiếp xúc, chúng vỗ mạnh đôi cánh, chĩa thẳng xuống để phanh lại, và chìa những cái chân có màng của mình về phía mặt nước; ngay khi chạm nước, chúng quặp chân lại và đáp cái bụng phồng ra của mình xuống, trong một vùng nước nhỏ tóe lên. Mặt trời chiếu sáng qua những cây thông và cành trơ trụi của những cây sồi; ở chỗ giao nhau của các lối đi mọc lên những chân đèn có hình những thiên thần nhỏ hoặc các nữ thần nymphe bằng đá màu ghi, mờ mờ và mỉa mai. Ở Mohrenrondell, một vòng tròn tượng dựa lưng vào những bụi cây cắt tỉa gọn gàng dưới những sân thượng trồng nho và đặt nhà kính, Una kéo cái jupe lên và ngồi xuống một cái ghế băng, nhẹ nhàng như một thiếu nữ. Tôi châm một điếu thuốc, nàng mượn của tôi và rít vài hơi trước khi trả lại. "Nói cho em về nước Nga đi." Tôi giải thích với nàng, bằng những câu ngắn và khô khốc, công việc an ninh ở các vùng sát với mặt trận là như thế nào. Nàng lắng nghe không nói năng gì. Sau cùng nàng hỏi: "Anh đã giết người rồi à?" – "Một lần, anh phải phụ trách bắn những phát ân huệ. Phần lớn thời gian anh chỉ làm về thông tin, anh viết các báo cáo." – "Thế khi anh bắn lên những người đó, anh cảm thấy gì?" Tôi trả lời không chút ngần ngừ: "Cùng một cảm giác khi nhìn những người khác giết. Ngay khi cần phải làm việc đó, thì ai làm không còn là quan trọng nữa. Và rồi, anh coi việc đứng nhìn cũng có cùng mức độ trách nhiệm với làm việc đó." – "Nhưng liệu có phải làm như vậy không?" – "Nếu chúng ta muốn thắng

trong cuộc chiến này thì phải như vậy, chắc chắn rồi." Nàng cân nhắc điều đó một lúc rồi nói: "Em thấy may mắn vì không phải là đàn ông." – "Còn anh, anh vẫn thường xuyên mong có được sự may mắn của em." Nàng chìa tay ra và lướt bàn tay qua má tôi, vẻ tư lự: tôi tin rằng niềm hạnh phúc sẽ làm tôi ngạt thở, rằng tôi sẽ nhào vào vòng tay nàng, giống như một đứa trẻ. Nhưng Una đã đứng dậy và tôi đi theo sau nàng. Nàng ung dung bước đi về phía tòa lâu đài nhỏ màu vàng. "Anh có tin tức gì của mẹ không?" nàng hỏi với về phía tôi. – "Không. Từ nhiều năm nay đã không có thư từ gì rồi. Bà ta thế nào rồi?" – "Bà ấy vẫn ở Antibes, cùng với Moreau. Ông ấy có nhiều vụ làm ăn với quân đội Đức. Hiện tại, họ nằm dưới sự kiểm soát của người Ý: có vẻ như tình hình của họ rất ổn, nhưng Moreau tức tối vì ông ấy tin rằng Mussolini muốn chiếm lấy vùng Côte d'Azur để nhập vào với Ý." Chúng tôi đã đi đến sân hiên cuối cùng, một mặt phẳng rải sỏi dẫn đến mặt tiền của lâu đài. Từ đó có thể nhìn bao quát cả công viên, các mái nhà và những tháp chuông của Potsdam hiện ra phía sau rặng cây. "Bố rất thích chỗ này," Una nhẹ nhàng nói. Máu trào lên mặt tôi và tôi nắm lấy tay nàng: "Làm sao mà em biết được chuyện đó?" Nàng nhún vai: "Em biết, chỉ vậy thôi." – "Em chưa bao giờ..." Nàng buồn bã nhìn tôi: "Max, ông ấy chết rồi. Anh phải cho điều đó vào trong đầu đi chứ." – "Cả em, em cũng nói vậy," tôi khạc ra một cách thù ghét. Nhưng nàng vẫn bình tĩnh: "Đúng, cả em nữa, em cũng nói vậy." Và nàng đọc những câu thơ tiếng Anh sau:

Full fathom five thy father lies;
Of his bones are coral made;
Those are pearls that were his eyes:
Nothing of him that doth fade,
But doth suffer a sea-change
Into something rich and strange.

Chán nản, tôi quay lưng đi khỏi. Nàng đuổi theo và nắm lấy cánh tay tôi. "Lại đây đi. Chúng ta sẽ đi thăm lâu đài." Sỏi kêu lạo

xạo dưới chân, chúng tôi vòng quanh tòa nhà và đi qua dưới cái đình tròn. Ở bên trong, tôi lơ đãng ngắm nhìn những chi tiết mạ vàng, những thứ đồ đạc nhỏ bé quý giá, những bức tranh đầy khoái lạc của thế kỷ XVIII; ý nghĩ của tôi chỉ bắt đầu nhúc nhích trong phòng nghe nhạc, khi nhìn chiếc piano kiểu cổ và tự hỏi không biết đó có phải chính là cái đàn mà Bach già nua đã dùng để ứng tác cho nhà vua nghe bản nhạc sau này sẽ trở thành *Hiến tế âm nhạc*, vào cái ngày ông đến nơi đây: nếu không có người gác, hẳn là tôi đã giơ tay ra để đánh xuống những cái phím kia, những cái phím rất có thể từng cảm nhận ngón tay của Bach. Bức tranh lừng danh của von Manzel vẽ Friedrich II, được chiếu sáng bởi các tầng nến, đang thổi sáo, giống hệt như ngày ông đón tiếp Bach, đã bị tháo đi, hẳn là vì sợ các cuộc khủng kích. Xa hơn một chút là phòng dành cho khách, hay được gọi là *phòng Voltaire*, với một cái giường nhỏ xíu, nơi người ta nói rằng con người vĩ đại đó đã nằm ngủ trong những năm ông dạy cho Friedrich về Ánh sáng và lòng cảm thù bọn Do Thái; trên thực tế, có vẻ như là ông sống trong lâu đài nằm ở thành phố Potsdam. Una thích thú xem xét các họa tiết trang trí nhẹ nhõm: "Một ông vua thậm chí còn không đủ khả năng để tự nhấc bốt của mình lên, và cả quần đùi nữa, lại thích đàn bà khỏa thân đến vậy. Cả cái cung điện này đều sặc mùi dục tình." – "Đó là để gợi nhớ những gì ông ấy đã quên thôi." Khi đi ra, nàng chỉ ngọn đồi chất đầy những đống đổ nát nhân tạo gây ra bởi cơn điên cuồng của ông hoàng hơi rồ dại đó: "Anh muốn lên trên kia không?" – "Không. Hay là đi đến chỗ vườn cam nhé." Chúng tôi lười biếng bước đi, không mấy lúc nhìn ngắm xung quanh. Chúng tôi ngồi một lát trên thềm nhà ươm cam, rồi đi xuống những bậc thang bao lấy các hồ nước nhỏ và bồn hoa được sắp xếp trong một trật tự hài hòa, cổ điển, đối xứng một cách hoàn hảo. Sau đó lại bắt đầu khu vườn và chúng tôi tiếp tục đi không mục đích, theo những lối đi dài. "Anh có thấy hạnh phúc không?" nàng hỏi tôi. – "Hạnh phúc? Anh? Không. Nhưng anh đã từng biết đến hạnh phúc. Giờ đây, dù cho có chuyện gì thì anh cũng hài lòng với nó, anh không phàn nàn.

Tại sao em lại hỏi anh điều ấy?" – "Hỏi vậy thôi. Không có lý do." Đi một quãng nữa, nàng nói tiếp: "Anh có thể nói cho em biết là tại sao chúng ta lại không hề nói chuyện gì với nhau từ suốt hơn tám năm nay không?" – "Em đã lấy chồng," tôi đáp, cố kìm giữ một cơn điên giận. – "Phải, nhưng cái đó là mãi về sau. Và rồi, đó có phải là một lý do đâu." – "Với anh thì đó là một lý do. Tại sao em lại lấy ông ta?" Nàng dừng lại và chăm chú nhìn tôi: "Em không hề nợ nần gì anh cả. Nhưng nếu anh muốn biết, thì em yêu ông ấy." Đến lượt tôi nhìn nàng: "Em đã thay đổi." – "Tất cả mọi người đều thay đổi. Cả anh cũng đã thay đổi." Chúng tôi tiếp tục bước đi. "Còn anh, anh chưa yêu ai à?" nàng hỏi. – "Chưa. Anh thì anh giữ lời hứa." – "Em chưa bao giờ bắt anh hứa." – "Đúng vậy," tôi công nhận. – "Dù sao đi nữa, nàng tiếp tục, sự lệ thuộc bướng bỉnh vào những lời hứa cũ không phải là một điều gì tốt đẹp cả. Thế giới thay đổi, cần phải biết thay đổi cùng với nó. Còn anh, anh vẫn cứ mãi là một tên tù binh của quá khứ." – "Anh thích nói đến sự trung thành, lòng chung thủy hơn." – "Quá khứ đã chấm dứt rồi, Max." – "Quá khứ không bao giờ chấm dứt cả."

Chúng tôi đi đến ngôi nhà Trung Quốc. Một viên quan, dưới cái dù của mình, đứng từ trên đỉnh mái vòm viền một ôvăng màu xanh và vàng dựng trên những cái cột mạ vàng theo hình cây cọ nhìn xuống dưới. Tôi liếc nhìn vào phía bên trong: một căn phòng hình tròn, những bức tranh phương Đông. Bên ngoài, dưới chân mỗi cây cọ là những hình thù ngoại lai, cũng được mạ vàng. "Một *nhà vườn* thực thụ, tôi bình luận. Đây là cái mà những con người vĩ đại thời xưa mơ tưởng. Hơi lố bịch một chút." – "Không hề lố bịch hơn những điều điên rồ của những kẻ có quyền lực ngày nay đâu, nàng bình tĩnh trả lời. Em thì lại rất thích cái thế kỷ đó. Đó là thời duy nhất mà ít nhất người ta cũng có thể nói là không phải là một thế kỷ của lòng tin." – "Từ Watteau đến Robespierre," tôi đáp lại một cách mỉa mai. Nàng bĩu môi: "Robespierre thì đã là thế kỷ XIX rồi. Ông ta gần như là một nhà lãng mạn người Đức. Anh vẫn yêu cái thứ nhạc Pháp đó như vậy chứ, Rameau, Forqueray, Couperin?" Tôi cảm thấy mặt mình tối sầm lại: câu

hỏi của nàng đột nhiên làm tôi nhớ đến Yakov, cậu bé Do Thái chơi dương cầm ở Jitomir. "Vẫn, cuối cùng tôi trả lời. Nhưng anh chưa có dịp nào nghe lại họ, cũng từ khá lâu rồi." – "Thỉnh thoảng Berndt vẫn chơi nhạc của họ đấy. Nhất là Rameau. Ông ấy nói là không tệ, có những thứ gần sánh được với Bach, ở đàn piano." – "Anh cũng nghĩ vậy." Gần như là tôi có lại cuộc trò chuyện từng có với Yakov. Tôi không nói gì nữa. Chúng tôi đã đi hết công viên; chúng tôi quay ngược trở lại, rồi với một sự đồng ý chung, đi xiên chéo về phía Friedenskirche và lối ra. "Thế còn em? tôi hỏi. Em có hạnh phúc ở cái xó Poméranie đó không?" – "Có. Em hạnh phúc." – "Em không buồn chán à? Chắc là thỉnh thoảng em cũng cảm thấy cô độc chứ." Nàng lại nhìn tôi, thật lâu, trước khi trả lời: "Em không cần gì hết cả." Câu nói này khiến người tôi lạnh buốt. Chúng tôi đón một chiếc xe bus để ra ga. Trong khi đợi tàu, tôi mua tờ *Völkische Beobachter*, Una cười khi nhìn tôi quay trở lại. "Tại sao em lại cười?" – "Em nghĩ đến một chuyện đùa của Berndt. Tờ *VB*, ông ấy gọi là *Verblödungsblatt*, Báo U mê." Mặt tôi sạm lại: "Ông ta nên chú ý đến những gì mình nói thì hơn." – "Đừng lo. Ông ấy không ngốc đâu, và bạn bè của ông ấy đều là những người thông minh cả." – "Anh không lo lắng gì. Anh chỉ bảo em cẩn thận thôi." Tôi nhìn trang nhất: người Anh vẫn tiếp tục đánh bom xuống Cologne, giết chết nhiều thường dân. Tôi chìa cho nàng bài báo: "Những *Luftmörder* đó thực sự không biết ngượng là gì. Chúng nói rằng chúng bảo vệ tự do, thế rồi chúng giết phụ nữ và trẻ em." – "Cả chúng ta cũng vậy, chúng ta cũng giết phụ nữ và trẻ em," nàng nhẹ nhàng đáp. Những lời của nàng làm tôi xấu hổ, nhưng ngay lập tức nỗi xấu hổ của tôi chuyển thành sự giận dữ: "Chúng ta giết kẻ thù của chúng ta, để bảo vệ đất nước của chúng ta." – "Họ cũng vậy, họ bảo vệ đất nước của họ." – "Họ giết những thường dân vô tội!" Mặt tôi đỏ bừng, nhưng nàng vẫn bình tĩnh. "Những người mà các anh xử bắn không phải tất cả đều bị bắt với vũ khí trên tay. Cả các anh nữa, các anh cũng giết trẻ con." Cơn giận làm tôi ngạt thở, tôi không biết phải nói gì với nàng; sự khác biệt có vẻ rất rõ ràng, nhưng

nàng, nàng cứ bướng bỉnh, nàng cố tình không nhìn thấy. "Em coi anh là kẻ sát nhân!" tôi kêu lên. Nàng nắm lấy tay tôi: "Không mà. Bình tĩnh đi nào." Tôi bình tĩnh lại và đi ra hút thuốc; rồi chúng tôi lên tàu. Cũng như lúc đi, nàng ngắm khu rừng Grunewald trôi qua bên ngoài, và trong khi nhìn nàng, tôi ngược trở về, thoạt tiên một cách chậm rãi, nhưng sau đó thì với tốc độ chóng mặt, với cuộc gặp lần trước. Đó là vào năm 1934, ngay sau ngày sinh nhật lần thứ hai mươi mốt của chúng tôi. Cuối cùng tôi cũng có được tự do, tôi đã thông báo với mẹ tôi là tôi đi khỏi Pháp; trên đường sang Đức, tôi ghé qua Zurich; tôi thuê một căn phòng tại một khách sạn nhỏ rồi đi tìm Una, lúc đó đang theo học ở thành phố này. Nàng tỏ ra ngạc nhiên khi nhìn thấy tôi: tuy nhiên, nàng đã biết tin về chuyện xảy ra ở Paris, với Moreau và mẹ chúng tôi, và về quyết định của tôi. Tôi đưa nàng đi ăn tối ở một quán ăn khá khiêm tốn nhưng yên tĩnh. Nàng hài lòng với Zurich, nàng nói với tôi, nàng có bạn bè, Jung là một con người tuyệt vời. Những lời cuối cùng của nàng làm tôi sởn gai ốc, hẳn là có cái gì đó trong giọng nói, nhưng tôi im lặng. "Thế còn anh?" nàng hỏi tôi. Thế là tôi kể với nàng những niềm hy vọng của mình, việc ghi tên vào học ở Kiel, và cả việc gia nhập NSDAP (tôi đã làm việc này trong chuyến sang Đức lần thứ hai, năm 1932). Nàng vừa uống rượu vang vừa nghe tôi nói; tôi cũng uống, nhưng chậm rãi hơn. "Em không chắc có thể chia sẻ với anh sự nhiệt tình dành cho cái ông Hitler đó, nàng bình luận. Em thấy ông ta có vẻ căng thẳng thần kinh, trong người đầy các mặc cảm giằng xé không thể giải quyết, những điều bất toại và những cảm giác nguy hiểm." – "Làm sao mà em lại có thể nói như thế được!" Tôi lao vào một cuộc độc thoại dài. Tôi ngừng lại trong lúc nàng tự rót cho mình một cốc, và nắm lấy bàn tay nàng đang đặt trên khăn trải bàn kẻ carô. "Una. Đó là điều anh *muốn* làm, đó là điều anh *phải* làm. Bố chúng ta là người Đức. Tương lai của anh nằm ở nước Đức, chứ không phải cùng với giai cấp tư sản mọt ruỗng đó của nước Pháp." – "Có thể anh có lý. Nhưng em sợ anh sẽ mất cả linh hồn cho những con người đó." Tôi đỏ mặt lên vì giận dữ

và đập tay xuống bàn. "Una!" Đó là lần đầu tiên tôi lên giọng trước mặt nàng. Cú đập làm cho cốc rượu của nàng đổ ra, lăn đi, và vỡ tan dưới chân nàng, loang ra thành một vũng rượu vang đỏ. Một người phục vụ vội cầm chổi chạy đến và Una, cho đến lúc đó vẫn cúi mặt xuống, ngẩng lên nhìn tôi. Cái nhìn của nàng trong sáng, gần như là trong suốt. "Em biết không, tôi nói, cuối cùng anh cũng đã đọc Proust. Em còn nhớ đoạn này không?" Tôi đọc đoạn đó ra, cổ họng se thắt lại: "*Thứ thủy tinh này sẽ, như trong Đền thờ, là biểu tượng của sự kết hợp không thể chia cắt của chúng ta.*" Nàng phẩy tay. "Không, không. Max, anh chẳng hiểu gì hết cả, anh chưa bao giờ hiểu gì hết." Mặt nàng đỏ lựng, hẳn là nàng đã uống rất nhiều. "Lúc nào anh cũng nhìn nhận mọi chuyện quá nghiêm trọng. Đó chỉ là các trò chơi, trò chơi của trẻ con. Hồi đó chúng ta là những đứa trẻ." Đôi mắt tôi, cổ họng tôi phồng lên. Tôi cố gắng kìm giữ giọng nói của mình. "Em nhầm rồi, Una. Chính em mới chẳng hiểu gì hết cả." Nàng tiếp tục uống. "Phải chín chắn lên chứ, Max." Chúng tôi tách rời khỏi nhau đã được bảy năm. "Không bao giờ, tôi nói gằn từng tiếng, không bao giờ." Và lời hứa đó, tôi vẫn giữ, dù cho nàng chưa bao giờ bắt tôi phải làm vậy.

Trên chuyến tàu từ Potsdam về, tôi nhìn Una, bị chế ngự bởi cảm giác mất mát, như thể tôi đã chìm nghỉm xuống nước và chưa bao giờ ngoi được lên. Và nàng, nàng đang nghĩ đến gì? Khuôn mặt nàng không hề thay đổi sau cái đêm ở Zurich đó, chỉ đơn giản thấy hơi đẫy ra một chút; nhưng với tôi nó vẫn khép kín, bất khả nhập; đằng sau nó là một cuộc đời khác. Chúng tôi đang đi qua những ngôi nhà thanh lịch của Charlottenburg; rồi đến Vườn Bách thú và Tiergarten. "Em biết không, tôi nói, kể từ khi đến Berlin đến giờ, anh chưa hề đến Vườn Bách thú." – "Anh thích vườn bách thú lắm cơ mà." – "Phải. Anh phải đến mới được." Chúng tôi xuống ở Lehrter Hauptbahnhof và tôi gọi một chiếc taxi đưa Una về Wilhelmplatz. "Em có muốn ăn tối với anh không?" tôi hỏi nàng trước lối vào *Kaiserhof*. – "Rất sẵn lòng, nàng đáp, nhưng giờ thì em phải đi gặp Berndt đã." Chúng tôi

thỏa thuận sẽ gặp lại sau hai giờ nữa và tôi về khách sạn tắm và thay quần áo. Tôi cảm thấy kiệt sức. Lời nàng quyện lẫn với kỷ niệm của tôi, những kỷ niệm cùng các giấc mơ của tôi, các giấc mơ cùng với những ý nghĩ điên rồ nhất của tôi. Tôi nhớ đến câu thơ tàn bạo nàng trích của Shakespeare: liệu rằng có phải nàng cũng đã gia nhập phe cánh mẹ tôi hay không? Hẳn đó là ảnh hưởng của chồng nàng, tay nam tước Baltic. Tôi giận dữ tự nhủ: lẽ ra nàng phải còn là đồng trinh, giống như tôi. Ý nghĩ này làm tôi phá lên cười, một tràng cười dài man rợ; cùng lúc, tôi chợt muốn khóc. Đến giờ đã hẹn, tôi đi tới *Kaiserhof*. Una xuống gặp tôi ở sảnh, giữa những chiếc ghế phôtơi vuông êm ái và những cây cọ nhỏ trồng trong chậu; nàng vẫn mặc nguyên bộ quần áo hồi chiều. "Berndt đang nghỉ," nàng nói. Nàng cũng thấy mệt và chúng tôi quyết định ăn tối ở khách sạn. Kể từ khi các quán ăn mở cửa trở lại, một quyết định mới của Goebbels ra lệnh chỉ phục vụ cho khách của các *Feldküchengerichte*, thực đơn chiến dịch, để bày tỏ sự đoàn kết với lính tráng ở mặt trận; cái nhìn của người quản lý, khi ông ta giải thích điều đó, dính chặt vào đám mề đay, và nét mặt tôi khiến ông ta bối rối; tiếng cười vui vẻ của Una giúp ông ta thoát được ra khỏi sự lúng túng: "Tôi tin rằng anh tôi đã ăn đủ thứ đó rồi." – "Vâng, tất nhiên, ông ta vội nói. Chúng tôi cũng có thịt thú rừng của Rừng Đen. Ăn cùng nước xốt mận. Ngon lắm." – "Tốt, tôi nói. Và rượu vang Pháp." – "Rượu Bourgogne nhé, để ăn kèm với thịt thú rừng?" Trong bữa ăn chúng tôi nói về đủ thứ trên đời, xoay quanh những gì liên quan chặt chẽ nhất đến chúng tôi. Tôi lại nói với nàng về nước Nga, không phải là những điều kinh hoàng, mà là những kinh nghiệm mang tính con người nhất mà tôi có được: cái chết của Hanika, và nhất là của Voss: "Anh từng rất yêu quý anh ta." – "Đúng. Đó là một người rất hay." Una nói với tôi về những bà phu nhân chuyên quấy rầy nàng từ khi đến Berlin. Cùng với chồng, nàng đã đến một buổi tiếp tân và vài bữa tối của giới thượng lưu; tại đó, vợ của các quan chức cao cấp của Đảng chỉ chiết *những kẻ đào ngũ trên mặt trận sinh đẻ*, những bà vợ không con mang cái

ăn *phản bội lại tự nhiên vì cuộc đình công của cái bụng*. Nàng cười: "Dĩ nhiên, không ai đủ dũng khí để tấn công em một cách trực diện, tất cả mọi người đều thấy Berndt đang ở vào tình trạng như thế nào. Mặt khác cũng thật may mắn vì nếu không em sẽ cho bọn họ một cái tát. Nhưng họ chết vì tò mò, họ xoay vòng vòng xung quanh em mà không dám hỏi thẳng liệu ông ấy có thể *hành sự* hay không." Nàng lại cười và uống thêm một chút rượu vang. Tôi im lặng; cả tôi nữa, tôi cũng đang tự đặt cho mình câu hỏi đó. "Có một bà, anh thử tưởng tượng cảnh đó đi, một bà vợ Gauleiter to béo khắp người lúc lỉu kim cương, lúc nào cũng có một vết bầm tím, đã cả gan đề nghị em – *nếu một ngày nào đó thấy cần thiết* – đi tìm một viên SS đẹp trai để xin một đứa con. Một người đàn ông, bà ta nói thế nào nhỉ?, *đẹp đẽ, đầu dài, mang một ý chí* völkisch, *khỏe mạnh cả về thể chất lẫn tinh thần*. Bà ta bảo em có một văn phòng SS phụ trách cái gì như là *trợ giúp ưu sinh* và rằng em có thể đến đó nhờ vả. Cái đó có đúng không?" – "Người ta có nói. Đó là một dự án của Reichsführer mang tên *Lebensborn*. Nhưng anh không biết nó được tổ chức như thế nào." – "Bọn họ thực sự là điên hết cả rồi. Anh có chắc rằng đó không đơn giản là một nhà thổ cho SS và vợ nhà người ta à?" – "Không, không, khác chứ." Nàng lắc đầu. "Nói tóm lại, anh sẽ thích bản án: *Cô sẽ không nhận được đứa con của Thánh Chúa, bà ta nói với em như vậy*. Em phải kìm giữ lắm mới không trả lời rằng dù sao thì em cũng không quen biết viên SS nào đủ yêu nước để làm phình bụng bà ta cả." Una lại cười và tiếp tục uống. Nàng chỉ ăn rất ít nhưng một mình đã uống gần hết một chai rượu vang; tuy nhiên ánh mắt của nàng vẫn trong sáng, nàng không say. Khi ăn tráng miệng, người quản lý đề nghị chúng tôi ăn bưởi: tôi đã không hề ăn kể từ đầu cuộc chiến tranh. "Bưởi Tây Ban Nha đấy," ông ta nói rõ. Una không muốn ăn; nàng nhìn tôi gỡ bưởi và nếm thử; tôi đưa nàng vài miếng, hơi ngọt một chút. Rồi tôi đưa nàng ra chỗ sảnh lớn. Tôi nhìn nàng, trong miệng vẫn còn vương lại vị ngọt ngào của miếng bưởi: "Em ngủ chung phòng với ông ta à?" – "Không, nàng đáp, như vậy thì phức tạp quá."

Nàng do dự, rồi chạm những ngón tay thuôn dài lên mu bàn tay tôi: "Nếu anh muốn thì lên đó uống một cốc đi. Nhưng đừng có làm trò xuẩn ngốc đấy. Sau đó, anh sẽ phải đi." Trong phòng, tôi đặt mũ cát kết xuống một cái tủ và ngồi vào một cái ghế phôtơi. Una cởi giày và, đi tất lụa qua tấm thảm, rót cho tôi một cốc cognac; rồi nàng ngồi lên giường, hai chân vắt chéo, và châm một điếu thuốc. "Anh không biết là em có hút thuốc đấy." – "Thỉnh thoảng, nàng đáp. Khi nào em uống." Tôi thấy nàng đẹp hơn mọi thứ trên đời. Tôi nói với Una về dự định tìm một chỗ ở bên Pháp, và các khó khăn mà tôi gặp phải. "Anh phải hỏi Berndt đi, nàng nói. Ông ấy có nhiều bạn làm ở cấp cao trong Wehrmacht lắm, bạn đồng ngũ của ông ấy hồi cuộc chiến tranh trước. Có thể ông ấy sẽ làm được điều gì đó cho anh." Những lời đó làm bật ra cơn giận dữ dồn nén trong tôi: "Berndt! Lúc nào em cũng nói đến ông ta." – "Bình tĩnh nào, Max. Đó là chồng em." Tôi đứng dậy và bắt đầu đi đi lại lại trong phòng. "Anh mặc kệ. Đó là một kẻ không mời mà đến, ông ta chẳng có gì để làm giữa hai chúng ta cả." – "Max." Nàng tiếp tục nói một cách dịu dàng, đôi mắt đầy vẻ bình thản. "Ông ấy không ở giữa chúng ta. Cái chúng ta mà anh đang nói, nó không tồn tại, nó không còn tồn tại nữa, nó đã mất đi rồi. Berndt, đó là cuộc sống thường nhật của em, anh phải hiểu điều đó." Cơn điên giận của tôi lúc này đã hòa trộn với ham muốn theo lối chặt chẽ đến mức tôi không còn biết một cái bắt đầu từ đâu và cái kia kết thúc ở đâu nữa. Tôi tiến lại gần và nắm lấy hai cánh tay nàng: "Hôn anh đi." Nàng lắc đầu; lần đầu tiên, tôi thấy nàng có một cái nhìn cứng rắn. "Anh sẽ không bắt đầu lại mọi chuyện đấy nhé." Tôi cảm thấy tồi tệ, tôi ngạt thở; suy sụp, tôi ngã người xuống cạnh giường, đầu đặt lên đầu gối nàng như trên một cái thớt chém đầu. "Ở Zurich, em đã hôn anh," tôi òa khóc nức nở. – "Ở Zurich em say rượu." Nàng dịch người ra và đặt tay lên cái chăn. "Đến đây đi. Nằm xuống bên cạnh em." Chân vẫn đi bốt, tôi trèo lên giường và cuộn người nằm xuống giữa hai chân nàng. Tôi thấy như thể mình đang ngửi thấy mùi của nàng qua lần áo lót. Nàng vuốt tóc tôi. "Em trai bé nhỏ tội nghiệp của em,"

nàng thì thầm. Cười trong làn nước mắt, tôi cố gắng lắm mới nói được: "Em gọi anh như vậy bởi vì em sinh ra trước anh mười lăm phút, bởi vì người ta đã đeo vào cổ tay em sợi dây đỏ." – "Phải, nhưng có một khác biệt: giờ đây, em đã là một người đàn bà, còn anh, anh vẫn là một chú bé." Ở Zurich, mọi việc diễn ra khác hẳn. Una đã uống rất nhiều, và cả tôi cũng uống rất nhiều. Sau bữa tối chúng tôi đi ra ngoài. Bên ngoài, trời lạnh và nàng run lên; nàng hơi lảo đảo, tôi quàng tay ôm lấy người nàng và nàng nép sát vào tôi. "Đến với anh, tôi nói. Đến khách sạn của anh." Nàng phản đối bằng một chất giọng hơi nhè ra: "Đừng có ngu ngốc như vậy, Max. Chúng ta không còn là những đứa trẻ nữa." – "Đến đi, tôi vẫn nằn nì. Để nói chuyện một lúc." Nhưng chúng tôi đang ở Thụy Sĩ và ngay cả trong loại khách sạn này những người gác cửa cũng gây khó dễ: "Tôi rất tiếc, mein Herr. Chỉ có khách ở đây mới được vào phòng. Ông bà có thể đến quán bar nếu muốn." Una rẽ theo hướng ông ta chỉ nhưng tôi giữ nàng lại. "Không. Anh không muốn nhìn thấy người khác. Về nhà em đi." Nàng không kháng cự và dẫn tôi về căn phòng sinh viên của mình, nhỏ bé, đầy sách vở, lạnh giá. "Sao em không bật sưởi nóng hơn?" tôi hỏi khi lúi húi bên trong lò để châm lửa. Nàng nhún vai chỉ cho tôi một chai rượu vang trắng, làm bằng thứ nho phăngđăng Valais. "Đó là tất cả những gì em có. Có hợp với anh không?" – "Tất cả đều hợp với anh." Tôi mở chai và rót đầy hai chiếc cốc mà nàng vừa cười vừa đưa cho tôi. Nàng uống, rồi ngồi xuống giường. Tôi cảm thấy căng thẳng, người co quắp lại; tôi đi đến chỗ cái bàn và săm soi những gáy sách chồng chất lên nhau. Phần lớn những cái tên tôi không biết. Tôi rút đại một quyển. Una nhìn thấy và lại cười, một tiếng cười sắc nhọn, khiến những sợi dây thần kinh của tôi rung lên. "A, Rank! Rank thì hay lắm đấy." – "Ai vậy?" – "Một môn đệ cũ của Freud, một người bạn của Ferenczi. Ông ấy đã viết một cuốn sách rất hay về loạn luân." Tôi quay về phía nàng và nhìn nàng chằm chằm. Nàng thôi cười. "Tại sao em lại nói từ đó ra?" cuối cùng tôi hỏi. Nàng nhún vai và chìa cốc. "Thôi những trò ngốc nghếch của anh đi, nàng nói. Tốt hơn hết là rót thêm rượu

cho em." Tôi đặt quyển sách xuống và cầm lấy cái chai: "Đó không phải là những trò ngốc nghếch." Nàng lại nhún vai. Tôi rót rượu vào cốc cho nàng và nàng uống. Tôi lại gần nàng, chìa tay ra chạm vào tóc nàng, mái tóc dài và dày đẹp đẽ của nàng. "Una..." Nàng gạt tay tôi ra. "Dừng lại đi, Max." Người nàng hơi chao đảo và tôi luồn tay xuống dưới tóc, vuốt ve má, rồi cổ nàng. Nàng cứng người lại nhưng không đẩy tay tôi ra, và lại uống tiếp. "Anh muốn gì, Max?" – "Anh muốn tất cả lại giống như ngày trước," tôi dịu dàng nói, tim đập dồn. – "Không thể được." Răng nàng đập nhẹ vào nhau và lại uống. "Trước đây đã không giống như trước đây rồi. Chưa bao giờ tồn tại trước đây cả." Una trở nên lơ đãng, mắt nhắm lại. "Rót rượu cho em đi." – "Không." Tôi cầm lấy cốc của nàng và cúi xuống hôn lên môi nàng. Nàng đẩy mạnh tôi ra nhưng động tác làm nàng mất thăng bằng và nàng ngã ngửa ra giường. Tôi đặt cái cốc của nàng xuống và tiến lại gần. Nàng không động đậy nữa, hai chân đi tất dài thò ra khỏi giường, cái jupe đã vén lên trên đầu gối. Máu chảy rần rật trong thái dương tôi, tôi cảm thấy bị chấn động, vào lúc đó tôi yêu nàng hơn bao giờ hết, thậm chí còn hơn cả so với hồi từng yêu nàng trong bụng mẹ chúng tôi, và nàng, hẳn là nàng cũng yêu tôi, giống như vậy và mãi mãi. Tôi cúi xuống nàng. Nàng không hề kháng cự.

Hẳn là tôi đã ngủ thiếp đi; khi tỉnh dậy, căn phòng tối om. Tôi không còn biết mình đang ở đâu nữa, Zurich hay Berlin. Không có một ánh sáng nào xuyên qua những tấm riđô màu đen đầy vẻ thụ động. Tôi chỉ mơ hồ nhìn thấy một bóng hình ở bên cạnh mình: Una đã chui vào trong chăn và ngủ. Tôi nằm một lúc lâu lắng nghe hơi thở nhẹ nhàng và đều đặn của nàng. Rồi, với một sự chậm rãi đến vô tận, tôi gạt một lọn tóc khỏi tai nàng và cúi xuống khuôn mặt nàng. Tôi nằm im đó không chạm vào cơ thể nàng, ngửi hít làn da và hơi thở vẫn còn vương mùi thuốc lá của nàng. Cuối cùng tôi đứng dậy và, đi từng bước nhỏ trên tấm thảm, tôi ra ngoài. Trên phố, tôi nhận ra mình đã để quên cái mũ cát kết, nhưng tôi không lên lại phòng, tôi nhờ người gác cửa gọi hộ một cái taxi. Trong phòng mình, ở khách sạn, những kỷ niệm

tiếp tục ào về, nuôi dưỡng cơn mất ngủ của tôi, nhưng giờ đây đó đã là những kỷ niệm tàn bạo, rối tinh, xấu xí. Khi đã trưởng thành, chúng tôi đến thăm một kiểu bảo tàng Tra tấn; ở đó có đủ loại roi, panh, một "nữ đồng trinh Nürnberg", và một cái máy chém, ở căn phòng cuối cùng. Khi nhìn thấy thứ dụng cụ đó mặt em gái tôi đỏ tía lên: "Em muốn nằm ở đây." Căn phòng không có ai; tôi đến chỗ người gác và luồn vào tay ông ta một tờ tiền: "Để chúng tôi lại một mình hai mươi phút." – "Được rồi, thưa ông," ông ta đồng ý với một nụ cười thoáng qua. Tôi đóng cửa lại và nghe thấy ông ta quay chìa khóa. Una nằm lên cái ván; tôi mở cái khung bán nguyệt lên, để nàng thò đầu vào trong đó, và đóng nó lại xuống cái cổ thon của nàng, sau khi đã cẩn thận nhấc mái tóc dày nặng lên. Nàng thở hổn hển. Tôi lấy thắt lưng trói hai tay nàng lại sau lưng, rồi kéo cái jupe. Thậm chí tôi còn không buồn kéo quần lót của nàng xuống, tôi vén chỗ đăngten sang một bên và dùng hết sức vạch mông nàng ra: sâu trong rãnh, lần giữa những sợi lông, lỗ đít nàng đang co thắt nhè nhẹ. Tôi nhổ nước bọt lên đó. "Không," nàng phản đối. Tôi rút dương vật ra, nằm lên người nàng và ấn vào. Nàng hét lên một tiếng dài, nghèn nghẹn. Tôi đè hết cả trọng lượng cơ thể mình lên người nàng; vì tư thế quá bất tiện – cái quần dài làm vướng hai chân tôi – nên tôi chỉ có thể di chuyển thành từng đợt lên xuống. Cúi người ở phía trên cái khung hình bán nguyệt, cổ ở ngay dưới lưỡi dao, tôi thì thầm với nàng: "Anh sẽ kéo cần gạt, anh sẽ thả lưỡi dao xuống." Nàng van xin tôi: "Em xin anh đấy, làm từ phía trước đi." – "Không." Tôi lên cơn cực khoái, một cơn xung động làm đầu óc tôi trở nên trống rỗng như khi một cái thìa cạo hết bên trong một quả trứng luộc. Nhưng kỷ niệm này rất đáng ngờ, kể từ thời nhỏ chúng tôi chỉ gặp lại nhau một lần, ở chính Zurich đó, và ở Zurich thì không có máy chém, tôi không biết, hẳn đó là một giấc mơ, có thể là một giấc mơ xưa cũ mà trong cơn bối rối, một mình trong căn phòng tối om của khách sạn *Eden*, tôi bỗng nhớ ra, hoặc thậm chí là một giấc mơ được mơ thấy vào đêm đó, trong một quãng ngủ ngắn, gần như không hay biết. Tôi giận dữ, bởi vì ngày hôm

đó, mặc cho toàn bộ sự hoang mang của tôi, vẫn thấm đẫm sự thuần khiết, và giờ đây những hình ảnh xấu xa đó vụt tới vấy bẩn lên nó. Điều này khiến tôi thấy kinh tởm nhưng cùng lúc cũng làm tôi bối rối, bởi vì tôi biết rằng, dù cho đó là kỷ niệm, hình ảnh, huyễn tưởng hay giấc mơ, thì nó cũng sống trong tôi, và rằng tình yêu của tôi hẳn là cũng được làm nên từ đó nữa.

Buổi sáng, khoảng mười giờ, một người phục vụ tầng đến gõ cửa phòng tôi: "Herr Sturmbannführer, có một cuộc gọi cho ngài." Tôi xuống chỗ tiếp tân và cầm lấy ống nghe; giọng nói vui vẻ của Una vang lên ở đầu dây bên kia: "Max! Đến ăn với bọn em nhé? Đồng ý đi. Berndt muốn biết anh." – "Được rồi. Ở đâu?" – "Ở *Borchardt*. Anh có biết không? Trên Französischestrasse. Mười ba giờ. Nếu anh đến trước thì cứ nói tên bọn em, em đã đặt trước một bàn." Tôi lên lại phòng cạo râu và tắm. Vì không còn mũ cát kết nữa nên tôi mặc đồ dân sự, với huân chương Thập tự Sắt gắn trên túi áo veston. Tôi đến trước và hỏi Freiherr von Üxküll: người ta dẫn tôi đến một cái bàn hơi khuất và tôi gọi một ly rượu vang. Đầy suy nghĩ vẩn vơ, vẫn còn buồn bã vì những hình ảnh hồi đêm, tôi nghĩ đến cuộc hôn nhân kỳ lạ của em gái tôi, đến người chồng kỳ lạ của nàng. Đám cưới được tổ chức vào năm 1938, khi tôi vừa học xong. Em gái tôi, từ cái đêm ở Zurich, chỉ hiếm khi lắm mới viết thư cho tôi; năm đó, vào mùa xuân, tôi nhận được một lá thư dài của Una. Nàng kể cho tôi rằng vào mùa thu năm 1935, nàng bị ốm rất nặng. Nàng đã theo một đợt chữa bệnh, nhưng cơn trầm uất chỉ nặng thêm lên, và người ta đã gửi nàng đến một khu điều dưỡng gần Davos để nghỉ ngơi và hồi phục sức khỏe. Nàng đã ở lại đó nhiều tháng và đầu năm 1936 đã gặp một người, một nhạc sĩ. Kể từ đó họ thường xuyên gặp lại nhau và sẽ cưới nhau. *Em hy vọng anh sẽ chung vui với em*, nàng viết.

Bức thư đó đã làm tôi lả đi trong nhiều ngày. Tôi không còn đến trường Đại học nữa, tôi không rời khỏi phòng, nằm lì ở trên giường, mặt quay vào tường. Vậy đấy, tôi tự nhủ, mọi việc lại thành ra như vậy đấy. Bọn họ nói với bạn về tình yêu, nhưng ngay ở dịp đầu tiên có viễn cảnh về một cuộc hôn nhân tư sản tốt

đẹp, thế là hấp, bọn họ liền nằm ngửa ngay xuống và giạng chân ra. Ôi, nỗi cay đắng mới to lớn làm sao. Như thế đó là kết thúc không thể tránh khỏi của một câu chuyện cũ, vẫn không ngừng đeo đuổi tôi: câu chuyện gia đình của tôi, cái vẫn luôn, hoặc gần như vậy, bướng bỉnh tìm cách phá hủy mọi dấu vết của tình yêu trong đời tôi. Tôi chưa bao giờ cảm thấy cô độc đến vậy. Khi hồi lại được một chút, tôi viết cho nàng một lá thư lạnh lùng theo đúng các quy tắc, chúc mừng nàng và mong nàng có được hạnh phúc lớn nhất.

Vào thời đó, tôi bắt đầu thân thiết với Thomas, chúng tôi đã xưng hô thân mật với nhau, và tôi nhờ anh tìm hiểu về vị hôn phu, Karl Berndt Egon Wilhelm, Freiherr von Üxküll. Ông ta già hơn hẳn so với nàng; và nhà quý tộc này, một người Baltic Đức, bị liệt. Tôi không hiểu nổi. Thomas thông báo lại cho tôi các chi tiết: ông ta từng rất nổi bật hồi Thế chiến thứ nhất, lên được đến chức Oberst với *Huân chương Công trạng*; sau đó, ông ta đã chỉ huy một trung đoàn Landeswehr ở Courlande chiến đấu chống lại quân Latvia Đỏ. Tại đó, ở vùng đất của mình, ông ta bị trúng một viên đạn vào cột sống, và từ trên cáng, trước khi buộc phải rút lui, ông ta đã cho châm lửa đốt ngôi nhà của tổ tiên mình, *để bọn Bônsêvich không thể lấy những thứ đồi bại và cứt của chúng vấy bẩn lên đó*. Hồ sơ SD của ông ta khá dày: mặc dù không hoàn toàn bị coi là một người chống đối, ông ta bị một số người trong giới chóp bu nhìn nhận không được thân thiện lắm, có vẻ như vậy. Trong những năm Weimar, ông ta có được một danh tiếng ở tầm châu Âu với tư cách một nhà soạn nhạc hiện đại, người ta biết rằng ông ta là bạn và là người ủng hộ Schönberg, và có giao thiệp với các nhạc sĩ và nhà văn của Liên Xô. Ngoài ra, sau kỳ Nắm Chính Quyền, ông ta đã từ chối lời mời của Strauss ghi tên vào *Reichsmusikkammer*, điều này về thực chất đã chấm dứt sự nghiệp chính thức của ông ta, và ông ta cũng từ chối trở thành đảng viên. Ông ta ở ẩn tại vùng đất gia đình thuộc về mẹ ông ta, một ngôi nhà lớn ở Poméranie nơi ông ta đã chuyển đến sống sau thất bại của quân đội ở Bermondt và lệnh rút lui khỏi Courlande.

Ông ta chỉ còn rời khỏi đó cho các đợt chữa bệnh ở Thụy Sĩ; các báo cáo của Đảng và của SD địa phương nói rằng ông ta ít tiếp khách và còn ít đi ra ngoài hơn, tránh hòa mình vào với xã hội của *Kreis*. "Một tay kỳ quặc đấy, Thomas tóm tắt. Một tay quý phái hay cau có và tù hãm, một con khủng long. Và tại sao em gái cậu lại lấy một kẻ phế nhân như vậy nhỉ? Cô ấy có mặc cảm y tá à?" Quả thực là như vậy, tại sao? Khi nhận được một thiếp mời đến dự đám cưới sẽ được tổ chức ở Poméranie, tôi đã trả lời không thể đến được vì vướng việc học. Khi đó chúng tôi hai mươi lăm tuổi, và tôi thấy như thể tất cả những gì thực sự thuộc về chúng tôi đều đã chết đi.

Quán ăn dần đông người: một người phục vụ đẩy cái xe lăn của von Üxküll đến, và bên cạnh là Una kẹp mũ cát két của tôi dưới cánh tay. "Này! Nàng vui vẻ nói và hôn lên má tôi. Anh để quên nó này." – "Đúng rồi, cám ơn," tôi nói, mặt đỏ bừng lên. Tôi bắt tay von Üxküll trong khi người phục vụ bỏ đi một cái ghế, và tôi nói một cách khá trang trọng: "Freiherr, rất vui vì được làm quen với ông." – "Tôi cũng vậy, Sturmbannführer. Tôi cũng vậy." Una đẩy ông ta đến chỗ của mình và tôi ngồi xuống, đối diện với ông ta; Una đến ngồi giữa hai chúng tôi. Von Üxküll có một khuôn mặt nghiêm khắc, đôi môi rất mỏng, mái tóc màu ghi mọc thành bờm: nhưng đôi mắt màu nâu của ông ta thỉnh thoảng lại có vẻ tươi cười một cách kỳ lạ, với những vết chân chim. Ông ta ăn mặc đơn giản, một bộ comlê bằng len xám cùng một cái cà vạt đan, không đeo huân chương, và thứ đồ trang sức duy nhất là một cái nhẫn mặt đá bằng vàng, mà tôi nhìn thấy khi ông ta đặt tay lên tay Una: "Em muốn uống gì, em yêu quý?" – "Rượu vang." Una có vẻ rất vui vẻ, hạnh phúc; tôi tự hỏi không biết nàng có phải cố không. Vẻ cứng rắn của von Üxküll rõ ràng với nàng là hoàn toàn tự nhiên. Người ta mang rượu vang đến và von Üxküll hỏi tôi về vết thương và sự hồi phục của tôi. Ông ta vừa uống rượu vừa nghe tôi trả lời, nhưng rất chậm rãi, từng ngụm nhỏ. Rồi, vì không biết phải nói gì nữa, tôi hỏi ông ta đã đi nghe nhạc kể từ lúc đến Berlin hay chưa. "Tôi không thấy có gì thú vị

cả, ông ta đáp. Tôi không thích cái tay Karajan trẻ tuổi đó lắm. Anh ta vẫn còn quá say sưa với chính mình, quá cao ngạo." – "Vậy thì ông thích Furtwängler hơn phải không?" – "Hiếm khi nào Furtwängler gây được bất ngờ. Nhưng ông ấy rất vững. Thật không may là người ta không để ông ấy chỉ huy các opera của Mozart nữa, mà cái đó thì ông ấy lại giỏi nhất. Có vẻ như là Lorenzo Da Ponte có một nửa dòng máu Do Thái, và *Cây sáo thần* là một vở opera có tính chất Tam điểm." – "Ông không tin điều đó à?" – "Có thể điều đó là đúng, nhưng tôi thách anh tìm được cho tôi một khán giả Đức có thể tự biết được điều đó đấy. Vợ tôi có nói rằng anh rất thích nhạc Pháp cổ?" – "Vâng, nhất là các tác phẩm khí nhạc." – "Anh có gu tốt đấy. Rameau và Couperin vĩ đại vẫn còn quá bị xem nhẹ. Ngoài ra còn có cả một kho báu âm nhạc cho đàn viola của thế kỷ XVII, vẫn chưa được khai thác nhưng tôi đã được xem vài bản chép tay rồi. Tuyệt diệu. Nhưng nửa đầu thế kỷ XVIII ở Pháp thì quả thực là một đỉnh cao. Người ta không còn biết cách viết nhạc như vậy nữa. Các nhà lãng mạn đã làm hỏng tất cả, người ta vẫn còn gặp khó khăn trong việc thoát ra khỏi đó." – "Anh biết là tuần này Furtwängler đã chỉ huy mà, Una nói xen vào. Ở Admiralpalast. Có Tiana Lemnitz đó, không tệ chút nào cả. Nhưng bọn em đã không đến đó. Họ diễn nhạc Wagner, mà Berndt không thích Wagner." – "Nói vậy là còn nhẹ, ông ta nói tiếp luôn. Tôi ghét ông ta. Về kỹ thuật thì có những phát hiện tuyệt vời, những điều thực sự mới mẻ, khách quan, nhưng tất cả những cái đó bị mất đi trong sự phô trương, chứng phình đại và cả sự chi phối thô thiển các cảm xúc nữa, giống như phần lớn nhạc của Đức kể từ 1815. Nó được viết ra để cho những người có sở thích âm nhạc cơ bản, xét cho cùng, là thứ kèn trống quân đội. Đọc các bản nhạc của Wagner thì tôi thấy cuốn hút, nhưng nghe nó thì tôi không thể." – "Không có nhạc sĩ Đức nào được ông coi trọng à?" – "Sau Mozart và Beethoven ư? Một vài bản của Schubert, nhiều đoạn của Mahler. Như thế là tôi đã độ lượng lắm rồi đó. Xét cho cùng, gần như chỉ có Bach... và hiện nay, dĩ nhiên, Schönberg." – "Xin lỗi, Freiherr,

nhưng tôi thấy rằng thật khó xếp nhạc Schönberg vào cùng với nhạc Đức." – "Anh bạn trẻ, von Üxküll lạnh lùng đáp, đừng cố dạy tôi những bài học về chủ nghĩa bài Do Thái. Tôi bài Do Thái từ trước khi anh sinh ra cơ, ngay cả khi tôi đã quá lạc hậu khi tin rằng sự linh thiêng của lễ rửa tội là đủ mạnh mẽ để rửa sạch đi vết nhơ của Do Thái giáo. Schönberg là một thiên tài, người vĩ đại nhất kể từ sau Bach. Nếu người Đức không muốn ông ấy thì đó là vấn đề của họ." Una nở một nụ cười trong trẻo: "Ngay cả tờ *VB* cũng vẫn cho rằng Berndt là một trong những đại diện lớn nhất của văn hóa Đức. Nhưng nếu ông ấy là nhà văn, thì hẳn là hoặc ông ấy đã ở Mỹ cùng với Schönberg và anh em nhà Mann, hoặc là ở Sachsenhausen." – "Chính vì thế mà ông không sáng tác gì từ mười năm nay?" tôi hỏi. Von Üxküll lắc lắc cái đĩa và trả lời: "Trước hết, vì không phải là thành viên của *Musikkammer*, tôi không thể. Và tôi từ chối cho chơi nhạc của tôi ở nước ngoài nếu tôi không thể diễn nó được tại đất nước của tôi." – "Thế tại sao ông lại không ghi tên?" – "Theo nguyên tắc. Chính là vì Schönberg đấy. Khi họ đuổi ông ấy ra khỏi Viện Hàn lâm và ông ấy phải rời khỏi Đức, họ đã đề nghị tôi thay chỗ ông ấy: tôi đã đuổi thẳng cánh họ đi. Strauss đã đích thân đến gặp tôi. Ông ta vừa lấy chỗ của Bruno Walter, một chỉ huy dàn nhạc kiệt xuất. Tôi nói với ông ta rằng ông ta nên lấy làm xấu hổ, rằng đó là một chính phủ của bọn găngxtơ và của những tên vô sản cau có và nó sẽ không tồn tại được lâu đâu. Mặt khác họ cũng đánh sập Strauss hai năm sau đó còn gì, với cái cớ là cô con dâu Do Thái của ông ta." Tôi gượng cười: "Tôi sẽ không đi vào một cuộc tranh luận chính trị. Nhưng nghe ông nói, tôi thấy khó hiểu được bằng cách nào mà ông có thể tự coi mình là một người bài Do Thái." – "Thế nhưng việc đó lại hết sức đơn giản, von Üxküll cao ngạo trả lời. Tôi đã chiến đấu chống lại bọn Do Thái và bọn Đô ở Courlande và Memel. Tôi đã đấu tranh ủng hộ loại bỏ bọn Do Thái khỏi các trường đại học Đức, khỏi chính trường và nền kinh tế Đức. Tôi đã uống mừng sức khỏe của những người đã giết chết Rathenau. Nhưng âm nhạc thì lại là một chuyện khác. Chỉ cần

nhắm mắt lại nghe là ngay lập tức có thể biết được là nó hay hoặc không hay. Nó không có gì chung với máu, và tất cả những thứ nhạc vĩ đại đều có giá trị, cho dù nó là Đức, Pháp, Anh, Ý, Nga hoặc Do Thái. Meyerbeer không đáng giá gì, không phải vì ông ta là Do Thái, mà là vì ông ta không đáng giá gì. Và Wagner, người căm ghét Meyerbeer bởi vì ông ta là người Do Thái và vì ông ta đã giúp mình, theo sở thích của tôi cũng không đáng giá gì." – "Nếu Max nhắc lại những gì anh đang nói với đồng nghiệp của anh ấy, Una cười, thì anh sẽ gặp nhiều rắc rối đấy." – "Em đã nói với anh rằng đó là một người thông minh, ông ta nhìn nàng đáp. Anh tin từng lời em nói." – "Tôi không phải là một nhạc sĩ, tôi nói, và do đó sẽ rất khó có thể trả lời ông được. Những gì của Schönberg mà tôi đã nghe được với tôi đều là không chấp nhận được. Nhưng có một điều rõ ràng: chắc chắn là ông không đồng cảm với tinh thần của đất nước ông." – "Anh bạn trẻ, ông ta ngẩng cao đầu đáp lại, tôi không tìm cách trở nên như vậy. Đã từ lâu tôi không còn dính dáng gì tới công việc chung, và tôi cũng rất muốn rằng công việc chung sẽ không dính dáng gì đến tôi." Không phải lúc nào người ta cũng có lựa chọn, tôi rất muốn trả lời như vậy; nhưng tôi đã kìm lại được.

Cuối bữa ăn, do Una thúc đẩy, tôi đã nói với von Üxküll về mong muốn có được một vị trí ở Pháp. Una nói thêm: "Anh không thể giúp anh ấy được à?" Von Üxküll suy nghĩ: "Tôi có thể xem sao. Nhưng các bạn của tôi bên Wehrmacht không thích thú gì SS đâu." Cái đó thì tôi đã bắt đầu hiểu; và thỉnh thoảng tôi tự nhủ rằng xét cho cùng Blobel, khi mất trí ở Kharkov, đã có lý. Tất cả mọi hướng đi của tôi đều có vẻ như đang dẫn đến những ngõ cụt: Best đã gửi cho tôi quyển *Festgabe* của mình, nhưng không nói gì đến nước Pháp; Thomas cố gắng trấn an, nhưng anh không thể làm được gì cho tôi. Và tôi, hoàn toàn bị hớp hồn bởi sự hiện diện và suy nghĩ về em gái, tôi không còn cố gắng làm gì nữa cả, tôi sa lầy trong sự vật lộn bên trong, cứng đơ, hóa đá, một pho tượng muối buồn bã bên bờ Biển Chết. Tối đó, vợ chồng em gái tôi được mời đến một buổi tiếp tân, và Una đề nghị tôi đi cùng;

tôi từ chối: tôi không muốn nhìn thấy nàng như vậy, ở giữa những tay quý tộc phù phiếm, kiêu căng, say xỉn, uống rượu sâm banh và đùa cợt về tất cả những gì mà tôi coi là thiêng liêng. Ở giữa những kẻ đó, điều này là chắc chắn, tôi sẽ cảm thấy bất lực, ngượng ngùng, một thằng bé ngu dốt; những câu nói mỉa mai của họ sẽ làm tôi tổn thương, và nỗi hoang mang của tôi sẽ ngăn cản tôi đáp trả; thế giới của họ đóng kín cửa trước những người như tôi và họ rất biết cách làm người khác hiểu điều đó. Tôi tự nhốt mình vào trong phòng; tôi tìm cách lật giở quyển *Festgabe*, nhưng với tôi các từ không còn mang ý nghĩa nào nữa cả. Thế là tôi bèn buông xuôi mình vào vòng tay ru dịu dàng của những ảo tưởng điên rồ: Una, cảm thấy hối hận, bỏ bữa tiệc, đến khách sạn của tôi, cửa mở ra, nàng mỉm cười với tôi, và quá khứ, vào lúc đó, được cứu chuộc. Tất cả những điều này vô cùng ngu ngốc và tôi biết vậy, nhưng thời gian càng trôi đi, tôi càng bắt mình tin rằng điều đó sẽ xảy đến, tại đây, lúc này. Tôi ngồi trên đivăng, chìm đắm trong bóng tối, tim nhảy dựng lên khi nghe thấy từng tiếng động trong hành lang, từng tiếng chuông thang máy, tôi chờ đợi. Nhưng luôn luôn là một cánh cửa khác mở ra và đóng lại, và niềm tuyệt vọng dâng lên như một thứ nước màu đen, như thứ nước lạnh lẽo và không chút xót thương bao bọc những người chết đuối và cướp đi hơi thở của họ, cái thứ không khí quý giá đến nhường đó của cuộc sống. Ngày mai, Una và von Üxküll sẽ đi Thụy Sĩ.

Nàng gọi điện cho tôi vào buổi sáng, ngay trước khi lên tàu. Giọng của nàng nhẹ nhàng, dịu dàng, nồng ấm. Cuộc nói chuyện ngắn ngủi, tôi không thực sự để ý đến những gì nàng nói, tôi lắng nghe giọng nói ấy, cái máy nói điện thoại cầm chặt trong tay, đắm chìm trong sự buồn bã của mình. "Chúng ta có thể gặp lại, nàng nói. Anh có thể đến chỗ bọn em." – "Để xem sao," một kẻ khác trả lời từ miệng tôi. Tôi lại thấy quặn ruột, tôi nghĩ là mình sẽ nôn mửa, tôi vội vã nuốt nước bọt, hít thở thật mạnh và cố kìm giữ lại. Rồi nàng bỏ máy và tôi trở lại cô độc.

Thomas, cuối cùng, đã dàn xếp cho tôi một cuộc gặp với Schulz. "Vì thấy rằng mọi chuyện không tiến triển nhiều lắm, tớ nghĩ rằng cũng đáng để làm việc này đấy. Cố gắng làm một cách tinh tế nhé." Tôi không cần phải nỗ lực nhiều lắm: Schulz, một người đàn ông bé nhỏ gầy gò hay nói lắm bẩm trong bộ ria mép, miệng bị chém ngang bởi một vết sẹo sâu hoắm do đấu súng, nói năng theo lối vòng vo nhiều khi rất khó theo dõi, và, vừa bưởng bỉnh lật giở hồ sơ của tôi, vừa không để cho tôi có nhiều cơ hội để nói. Tôi nói được vài câu về mối quan tâm dành cho chính sách đối ngoại của Reich, nhưng có vẻ như ông ta không để ý lắm. Từ cuộc gặp này có được việc *người ta rất quan tâm đến tôi và người ta sẽ xem xét khi nào tôi hồi phục xong sức khỏe*. Không mấy khích lệ và Thomas khẳng định điều đó: "Cậu phải được người ta yêu cầu từ đó cơ, cho một vị trí cụ thể. Nếu không, nếu người ta gửi cậu đi đâu đó, thì sẽ là Bungari đấy. Cũng yên tĩnh, nhất trí, nhưng rượu vang thì không được ngon cho lắm." Best đã gợi ý là tôi nên liên hệ với Knochen, nhưng những lời của Thomas mang lại cho tôi một ý tưởng hay hơn: dù sao thì tôi cũng đang được nghỉ phép, không có gì bắt tôi phải ở lại Berlin cả.

Tôi đi bằng tàu tốc hành đêm và đến Paris không lâu sau bình minh. Không có vấn đề gì với những cuộc kiểm tra giấy tờ. Trước nhà ga tôi thích thú quan sát thứ đá nhợt nhạt và màu ghi của các tòa nhà, sự náo nhiệt của phố xá; vì có lệnh hạn chế, ít có xe đi lại, nhưng trên đường đầy xe đạp và xe ba bánh chở hàng, tạo thành một đám đông mà những chiếc xe Đức phải khó nhọc mới len vào giữa được. Cảm thấy hứng khởi, tôi bước vào quán cà phê đầu tiên và đứng ngay ở quầy bán hàng uống một cốc cognac. Tôi mặc đồ dân sự, và không ai có lý do gì để không xem tôi là một người Pháp, tôi thấy vui sướng đến kỳ lạ với điều này. Tôi bình thản dạo gót đến Montmartre và vào một khách sạn nhỏ kín đáo, trên sườn Tây của ngọn đồi, phía trên Pigalle; tôi biết nơi này: phòng ốc đơn giản và sạch sẽ, và người chủ không mấy tò mò, tất cả đều hợp với tôi. Trong ngày đầu tiên, tôi không muốn gặp ai cả. Tôi đi dạo. Đang là tháng Tư, mùa xuân hiện rõ ở khắp

nơi, trong màu xanh nhẹ nhõm của bầu trời, những chồi cây và hoa nở ngát trên cành, một sự phơi phới hoặc ít nhất cũng bớt nặng nề trong bước chân của mọi người. Cuộc sống ở đây, tôi biết, rất khó khăn, cái vẻ vàng vọt trên nhiều khuôn mặt cho thấy lương thực không có đủ. Nhưng có vẻ như không có gì thay đổi kể từ lần cuối cùng tôi đến đây, ngoài giao thông và những biểu ngữ: trên tường, giờ đây có thể đọc được những dòng chữ STALINGRAD và 1918, thường xuyên bị xóa đi để thay bằng 1763, hẳn là một giải pháp xuất sắc của các lực lượng chúng tôi. Tôi đi xuống và thơ thẩn về phía sông Seine, rồi đi lục tìm trong các hiệu sách nhỏ dọc theo các bờ kè: thật ngạc nhiên, bên cạnh những Céline, Drieu, Mauriac, Bernanos hoặc Montherlant, người ta vẫn bán công khai cả Kafka, Proust và nhất là Thomas Mann; có vẻ như ở đây sự khoan hòa đang ngự trị. Gần như tất cả các hàng sách đều có một bản quyền sách của Rebatet, *Đổ nát*, ra hồi năm ngoái: tôi tò mò lật mở nó, nhưng vẫn lùi lại chưa mua vội. Cuối cùng tôi quyết định mua một tập tiểu luận của Maurice Blanchot, một nhà phê bình của tờ NRF mà tôi đã đọc và rất thích nhiều bài báo từ trước chiến tranh; đó là bản đẹp, hẳn là được một tay nhà báo bán lại, và có nhan đề *Bước hụt*; người bán sách giải thích với tôi rằng việc xuất bản quyển sách bị chậm lại vì thiếu giấy, nhưng cũng đảm bảo với tôi rằng đó là sách hay nhất thời gian gần đây, trừ khi tôi thích Sartre, nhưng ông ta thì không thích Sartre (khi đó chưa bao giờ tôi từng nghe nói về Sartre). Đến quảng trường Saint-Michel, gần đài phun nước, tôi vào ngồi trong một quán cà phê và gọi một chiếc sandwich và một cốc rượu vang. Người chủ cũ của quyển sách mới chỉ rọc đến một nửa; tôi mượn một con dao, và trong khi chờ bánh sandwich, rọc những trang còn lại, một nghi thức chậm rãi, điềm tĩnh, mà lúc nào tôi cũng thích làm. Chất lượng giấy rất tồi; tôi phải chú ý không rọc quá nhanh mà làm rách chúng. Sau khi ăn xong tôi đi ngược lên về phía vườn Luxembourg. Tôi vẫn luôn yêu cái công viên lạnh giá, cân xứng, sáng sủa, lúc nào cũng nào nhiệt yên tĩnh này. Quanh bồn nước lớn ở giữa, dọc theo những lối đi rẽ làm nhiều nhánh, giữa các

hàng cây và những bồn đất vẫn còn trơ trụi, người ta đi lại, rì rầm nói chuyện, đọc sách, hoặc, hai mắt nhắm nghiền, nằm sưởi nắng dưới một mặt trời nhợt nhạt, một thứ tiếng ồn kéo dài và yên bình. Tôi ngồi xuống một cái ghế sắt, sơn màu xanh lá cây đã tróc, và đọc vài đoạn không theo thứ tự nào, trước tiên là đoạn về Oreste, nhưng thực ra là để nói về Sartre; có vẻ như Sartre đã viết một vở kịch trong đó ông ta sử dụng hình ảnh kẻ giết cha khốn khổ này để trình bày những ý tưởng của mình về tự do của con người trong tội ác; Blanchot phân xét ông ta một cách nghiêm khắc, và tôi chỉ có thể đồng ý với ông. Nhưng tôi đặc biệt thích thú khi đọc một bài báo về *Moby Dick* của Melville, trong đó Blanchot nói về *quyển sách bất khả*, cái một thời từng in dấu ấn lên tuổi trẻ của tôi, cái *tương đương bằng ngôn từ với vũ trụ* đó, một cách bí ẩn, giống như một tác phẩm vẫn *giữ tính chất mia mai của một câu đố chỉ được giải đáp bằng sự tra vấn mà nó đề nghị*. Nói thật lòng, tôi không hiểu nhiều lắm những gì ông viết trong đó. Nhưng điều này làm sống dậy trong tôi nỗi tiếc nhớ cái cuộc đời lẽ ra tôi đã có: niềm ham thích trò chơi tự do của tư tưởng và ngôn ngữ, chứ không phải là tính chặt chẽ nặng nề của Luật lệ; và tôi sung sướng để mặc mình trôi theo từng mẩu của lối suy nghĩ nặng nề và kiên nhẫn này, thứ đang đào xới một con đường giữa những ý tưởng như một dòng sông ngầm chậm rãi vạch lấy một con đường xuyên qua đá. Cuối cùng tôi gập sách lại và tiếp tục bước đi, trước tiên là về phía Odéon, nơi có rất nhiều dòng chữ viết trên tường, rồi dọc theo đại lộ Saint-Germain, gần như không một bóng người, về phía Nhà Quốc hội. Mỗi nơi lại gợi lên trong tôi những kỷ niệm cụ thể, về những năm học dự bị và sau đó, khi tôi đã vào ELSP; hẳn là khi đó tôi phải bị khuấy động tinh thần lắm, và tôi còn nhớ đến sự dâng lên nhanh chóng của nỗi căm ghét dành cho nước Pháp, nhưng những kỷ niệm này, với khoảng cách, giờ đây có vẻ như đã nhẹ nhàng hơn, gần như là sung sướng, chìm trong một thứ ánh sáng thanh thản, hẳn là có khả năng làm biến dạng. Tôi tiếp tục đi về phía bãi đất của Điện Invalides, nơi những người qua đường đang tụ tập lại để

nhìn những người lao động đang cùng những con ngựa kéo cày xới đất lên để trồng rau; xa hơn, gần một xe tăng loại nhẹ sản xuất ở Séc, được rập nổi hình chữ thập ngoặc bên trên, những đứa trẻ vô tư đang chơi đá bóng. Rồi tôi đi qua cầu Alexandre-III. Ở Grand Palais, những tấm apphích thông báo hai triển lãm: một tên là *Tại sao Do Thái lại muốn có chiến tranh?*, cái còn lại là một bộ sưu tập các tác phẩm Hy Lạp và La Mã. Tôi không cảm thấy chút nhu cầu nào trong việc hoàn thiện hóa sự giáo dục về tinh thần bài Do Thái của mình, nhưng bộ sưu tập thời Cổ đại thu hút tôi, tôi liền mua vé và đi vào. Trong đó có nhiều tác phẩm tuyệt đẹp, hẳn là phần lớn mượn về từ Louvre. Tôi ngưỡng mộ trong một lúc lâu vẻ đẹp lạnh lẽo, bình tĩnh, phi nhân của Apollon đánh đàn xita ở Pompéi, một pho tượng đồng lớn giờ đã chuyển sang màu xanh nhạt. Chàng có một thân hình mảnh dẻ, chưa hoàn toàn đầy đặn, với một cái dương vật trẻ con và hai cái mông hẹp và tròn trĩnh. Tôi đi từ đầu này đến đầu kia của phòng trưng bày, nhưng không ngừng quay trở lại trước chàng: vẻ đẹp của chàng quyến rũ tôi. Hẳn đó chỉ là một cậu thiếu niên đẹp đẽ và tầm thường, nhưng cái màu xanh xám gặm nhấm làn da thành từng đám lớn khiến bức tượng có được một tầm sâu đáng kinh ngạc. Một chi tiết làm tôi bị ấn tượng mạnh: dù cho nhìn từ góc độ nào, được vẽ theo phong cách hiện thực trực tiếp lên chất liệu đồng, chàng không bao giờ nhìn thẳng vào mắt tôi; không thể nắm bắt được cái nhìn của chàng, nó sâu thẳm, chìm đắm trong cái trống rỗng của sự bất tử. Thứ gì đồng đã làm phồng khuôn mặt, bộ ngực, cặp mông của chàng lên, gần như ăn mất cả bàn tay trái của chàng, lẽ ra phải cầm thứ nhạc cụ giờ đã biến mất. Khuôn mặt chàng có vẻ phù phiếm, gần như là tự phụ. Nhìn chàng, tôi cảm thấy thèm thuồng, ham muốn được liếm chàng; và chàng tan biến trước mắt tôi với một sự chậm rãi bình thản và vô tận. Sau đó, tránh Champs-Élysées, tôi đi dạo trên những phố nhỏ yên tĩnh của quận Tám, rồi chậm rãi ngược trở về đồi Monmartre. Bóng tối đổ xuống, không khí thơm ngát. Ở khách sạn, người chủ chỉ cho tôi một quán ăn nhỏ chợ đen nơi tôi có thể ăn mà không cần tích

kê: "Có nhiều bọn ngoại đạo lắm, nhưng đồ ăn thì rất ngon." Quả thực khách khứa toàn dân hợp tác với Đức và dân phe phẩy; người ta phục vụ tôi món thịt bò rưới nước xốt hành cùng với đỗ dài, và một bình rượu bordeaux ngon; tráng miệng là một cái bánh ngọt Tatin với kem tươi, và, một thứ xa xỉ cao độ, cà phê xịn. Nhưng chàng Apollon của Grand Palais đã làm sống dậy những ham muốn khác. Tôi đi xuống Pigalle và tìm lại được một quán bar nhỏ mà tôi biết rất rõ: ngồi ở quầy, tôi gọi một cốc cognac và chờ đợi. Không mất nhiều thời gian lắm, và tôi dẫn cậu bé về khách sạn của mình. Dưới cái mũ cát kết, cậu ta có mái tóc xoăn mọc lộn xộn; một lớp lông tơ mỏng phủ trên bụng cậu và nâu sẫm thành từng đám xoăn ở trên ngực; nước da sậm màu của cậu ta làm thức dậy trong tôi một cơn ham muốn điên rồ ở miệng và ở đít. Cậu ta đúng như ý tôi thích, rụt rè và ngoan ngoãn. Với cậu ta, đít tôi mở ra như một bông hoa, và khi cuối cùng cậu ta đi vào trong tôi, một hòn ánh sáng tròn bắt đầu lớn lên ở đốt sống cuối cùng, chầm chậm đi ngược lên trên lưng, và làm đầu óc tôi mụ mị đi. Và tối đó, hơn bao giờ hết, tôi thấy bằng cách đó mình đã trả lời một cách trực tiếp cho em gái mình, được nhập vào nàng, dù cho nàng có chấp nhận hay không. Điều xảy ra trong cơ thể tôi, dưới cơ thể và dương vật của chàng thanh niên xa lạ này, làm tôi bị chấn động. Khi mọi việc đã xong xuôi, tôi bảo cậu ta đi nhưng rồi không ngủ được, tôi nằm đó, trên tấm ga trải giường lộn xộn, trần truồng và phô bày giống như một thằng bé tan chảy trong hạnh phúc.

Ngày hôm sau, tôi đến trụ sở báo *Je Suis Partout*. Gần như tất cả bạn bè người Paris của tôi đều làm việc ở đó hoặc có liên quan chặt chẽ. Đã như vậy từ rất lâu rồi. Khi lên Paris để học dự bị, vào năm mười bảy tuổi, tôi không quen biết ai cả. Tôi vào nội trú ở trường Janson-de-Sailly; Moreau cấp cho tôi một khoản tiền nhỏ hàng tháng, với điều kiện là tôi phải đạt điểm tốt, và tôi được tương đối tự do; sau cơn ác mộng tù đày của ba năm trước đó, chỉ

cần ít hơn như vậy cũng đã đủ làm tôi chếnh choáng. Tuy nhiên, tôi giữ mình rất tốt, tôi không làm trò bậy bạ nào. Sau giờ học, tôi chạy đến sông Seine lục tìm ở các hiệu sách cũ, hoặc đi cùng các bạn học đến một quán nhỏ ở khu Latinh, để uống thứ rượu đỏ chất lượng tồi và làm lại thế giới. Nhưng những người bạn cùng lớp này, tôi thấy khá mờ nhạt. Gần như tất cả đều thuộc vào tầng lớp đại tư sản và đang chuẩn bị để mù quáng đi theo dấu chân những ông bố của họ. Họ có tiền, và người ta đã dạy cho họ từ rất sớm rằng thế giới đã được tạo ra như thế nào và ở trong đó vị trí của họ là gì: thống trị. Đối với công nhân, họ chỉ cảm thấy một điều là khinh bỉ, hoặc nỗi sợ; những ý tưởng mà tôi mang về từ chuyến sang Đức đầu tiên, rằng công nhân cũng là một phần của Quốc gia giống như tầng lớp tư sản, rằng trật tự xã hội phải được tổ chức một cách hữu cơ vì lợi ích của tất cả chứ không phải chỉ của một vài người giàu, rằng người lao động phải được thấy mình không phải là bị đàn áp mà đúng hơn là phải có được một cuộc đời xứng đáng và một ví trí trong cái trật tự đó để có thể cưỡng lại được sự quyến rũ của chủ nghĩa Bônsêvich, tất cả những điều đó đều xa lạ với họ. Các ý tưởng chính trị của họ cũng chật hẹp y như cảm giác của họ về những lề thói tư sản, và tôi lại càng thấy vô ích khi cố gắng nói chuyện với họ về chủ nghĩa phát xít hoặc về chủ nghĩa quốc xã Đức (khi đó, vào tháng Chín cùng năm, vừa mới giành được một thắng lợi to lớn trong cuộc bầu cử, bằng cách đó mà trở thành đảng lớn thứ hai của đất nước và làm chấn động khắp các nước châu Âu thắng trận) cũng như những lý tưởng của các phong trào thanh niên do Hans Blüher rao giảng. Freud, với họ (nếu họ đã từng nghe nói đến), là một tay say mê tình dục, Spengler một tay Phổ điên rồ và lý thuyết suông, Jünger một kẻ hiếu chiến ve vuốt chủ nghĩa Bônsêvich một cách nguy hiểm; ngay cả Péguy với họ cũng là khả nghi. Chỉ có một số học sinh nhận học bổng đến từ các tỉnh có vẻ hơi khác biệt, và chủ yếu là tôi chơi với họ. Một trong số đó, Antoine F., có một người anh cả học ở ENS, nơi tôi rất mong muốn được vào học, và chính cậu ta là người lần đầu tiên dẫn tôi đến uống một cốc rượu grog và

tranh luận về Nietzsche và Schopenhauer, mà tôi khám phá được, cùng với anh trai cậu ta và các bạn học của anh ta. Anh chàng Bertrand F. đó là một *carré*, nghĩa là một sinh viên năm hai; những phòng đẹp nhất, với đivăng, tranh treo trên tường và lò sưởi, phần lớn thuộc về các *cube*, sinh viên năm ba. Một hôm, đi ngang qua trước một phòng như vậy, tôi nhìn thấy một dòng chữ Hy Lạp viết trên lanhtô cửa: "Trong phòng này đang làm việc sáu người đẹp và tốt (*hex kaloi kagathoi*) – và một người khác (*kai tis allos*)." Cửa đang mở, tôi đẩy nó ra và hỏi bằng tiếng Hy Lạp: "Thế người kia là ai?" Một thanh niên với khuôn mặt tròn ngẩng cặp kính dày lên khỏi quyển sách của mình và trả lời bằng cùng thứ tiếng đó: "Một người Hebreu, không biết tiếng Hy Lạp. Thế còn cậu, cậu là ai?" – "Cũng là một người khác, nhưng được rèn từ một thứ sắt tốt hơn Hebreu của cậu: một người Đức." – "Một người Đức biết tiếng Hy Lạp à?" – "Còn có một thứ tiếng nào tốt hơn để nói chuyện với một người Pháp đây?" Anh ta phá lên cười và tự giới thiệu: đó là Robert Brasillach. Tôi giải thích với anh rằng trên thực tế mình có một nửa dòng máu Pháp, và sống ở Pháp từ năm 1924; anh hỏi kể từ đó tôi đã quay trở về Đức chưa, và tôi nói về chuyến đi hồi mùa hè; chúng tôi sau đó nhanh chóng nói về chủ nghĩa quốc xã. Anh chăm chú lắng nghe những miêu tả và giải thích của tôi. "Quay lại đây khi nào cậu muốn nhé, sau cùng anh nói. Tớ có những người bạn sẽ rất sung sướng nếu được gặp cậu." Thông qua anh, tôi khám phá ra một thế giới khác, không có gì chung với thế giới của những tay lục sự Nhà nước tương lai kia. Những con người trẻ tuổi đó xây dựng những cách nhìn tương lai của đất nước họ và của châu Âu, mà họ tranh luận một cách hăng hái, nhưng vẫn tiếp tục bồi đắp một nghiên cứu phong phú về quá khứ. Những ý tưởng và mối quan tâm của họ bay tứ tung theo tất cả các hướng. Brasillach, cùng người em rể tương lai Maurice Bardèche, say mê nghiên cứu điện ảnh và giúp tôi khám phá nó, không chỉ là phim của Chaplin hay René Clair, mà cả của Eisenstein, Lang, Pabst, Dreyer. Anh giới thiệu tôi đến các văn phòng của *L'Action française*, đến nhà in của họ, phố

Montmartre, một ngôi nhà đẹp rất hẹp lòng với một cầu thang kiểu Phục hưng, đầy tiếng ồn của những cái máy quay. Thỉnh thoảng tôi nhìn thấy Maurras, thường là muộn ông mới đến, vào khoảng mười một giờ tối, tai đã khá điếc, nói năng chua chát, nhưng lúc nào cũng sẵn sàng mở lòng mình để chửi bới tệ hại những người Marxit, dân tư sản, bọn cộng hòa, lũ Do Thái. Brasillach, vào thời đó, vẫn còn hoàn toàn nằm dưới sự ảnh hưởng của ông, nhưng sự thù hận bướng bỉnh của Maurras dành cho nước Đức tạo ra cho tôi một trở ngại không thể vượt qua, và Robert và tôi thường xuyên tranh cãi về chủ đề này. Nếu Hitler lên nắm quyền được, tôi khẳng định, và tập hợp người lao động Đức vào giai cấp trung lưu, vứt bỏ được hoàn toàn mối nguy Đỏ, và nếu nước Pháp cũng làm như vậy, và nếu cả hai nước gộp lại để loại bỏ sự ảnh hưởng xấu xa của Do Thái, thì trái tim của châu Âu, vừa mang tính dân tộc chủ nghĩa vừa mang tính xã hội chủ nghĩa, sẽ tạo thành, cùng với Ý, một khối những lợi ích chung bất khả chiến bại. Nhưng người Pháp vẫn còn lội bì bõm trong lợi ích của những tay môi giới chứng khoán nhỏ bé và cái chủ nghĩa thù hận lỗi thời của mình. Dĩ nhiên, Hitler sẽ quét sạch những điều khoản bất công của Hiệp ước Versailles, đó là một điều cần thiết mang tính lịch sử thuần túy; nhưng nếu các lực lượng trong sạch của nước Pháp có thể, về phần mình, giải quyết được cái nền Cộng hòa suy thoái này và những kẻ Do Thái đứng đằng sau để giật dây kia, thì một liên minh Pháp-Đức sẽ không chỉ là khả thi, mà còn trở thành một thực tế không thể tránh khỏi, một Thỏa thuận mới của châu Âu, cái sẽ cắt đứt cánh của bọn đầu sỏ tài chính và bọn bảo hoàng Anh, và nó sẽ nhanh chóng sẵn sàng để đối đầu với chủ nghĩa Bônsêvich và đưa nước Nga trở lại trong dàn nhạc chung của các quốc gia văn minh (như người ta đã thấy, chuyến đi sang Đức đã phục vụ rất nhiều cho việc đào tạo trí óc của tôi; Moreau hẳn là sẽ kinh hoàng nếu biết tôi đã dùng tiền của ông ta để làm gì). Thường thì Brasillach đồng ý với tôi: "Phải, anh nói, thời hậu chiến đã kết thúc rồi. Chúng ta phải làm thật nhanh nếu muốn tránh một cuộc chiến tranh khác. Đó sẽ là một thảm

họa, kết cục của nền văn minh châu Âu, chiến thắng của bọn man rợ." Phần lớn các môn đồ trẻ tuổi của Maurras cũng nghĩ như vậy. Một trong số những người xuất sắc nhất và cay độc nhất là Lucien Rebatet, người giữ mục phê bình văn học và điện ảnh cho tờ *L'Action française* dưới bút danh François Vinneuil. Anh ta hơn tôi mười tuổi, nhưng chúng tôi nhanh chóng thân thiết với nhau, gần gũi vì cùng bị nước Đức thu hút. Còn có Maxence, Blond, Jacques Talagrand sau này sẽ trở thành Thierry Maulnier, Jules Supervielle, và nhiều người khác nữa. Chúng tôi thường gặp nhau ở quán *Lipp*, khi ai đó có rủng rỉnh tiền, nếu không thì một quán ăn sinh viên ở khu Latinh. Chúng tôi say sưa bàn luận về văn chương và tìm cách định nghĩa một nền văn học "phát xít": Rebatet đề nghị Plutarque, Corneille, Stendhal, "Chủ nghĩa phát xít, Brasillach tuyên bố, chính là thơ ca của thế kỷ XX," và tôi chỉ có thể đồng ý với anh: *fasciste, fascio, fascination* (nhưng sau này, khi đã trở nên khôn ngoan hoặc thận trọng hơn, anh sẽ dành cùng cái tên đó cho chủ nghĩa cộng sản).

Vào mùa xuân năm 1932, khi tôi qua được kỳ thi tuyển, phần lớn các bạn tôi ở trường Sư phạm đều đã học xong; sau mùa hè, họ tản đi trên khắp nước Pháp, người thì đi nghĩa vụ quân sự, người thì đi dạy học ở những nơi được bổ nhiệm. Tôi lại đi nghỉ ở Đức, khi đó đang ở vào trạng thái vô cùng sôi nổi: sản lượng giảm một nửa so với mức của năm 1929, và Brüning cầm quyền, với sự hậu thuẫn của Hindenburg, bằng những nghị quyết khẩn cấp. Một tình trạng như thế không thể kéo dài lâu được. Mặt khác, trật tự có sẵn đã chao đảo. Ở Tây Ban Nha, nền quân chủ đã bị lật đổ bởi một cuộc âm mưu của dân Tam điểm, các nhà cách mạng và các mục sư. Nước Mỹ đã gần như thụt chân đến tận đầu gối. Ở Pháp, những hiệu ứng trực tiếp của cuộc khủng hoảng ít thấy rõ hơn, nhưng tình hình cũng không sáng sủa lắm; và những người cộng sản đang kín đáo nhưng bướng bỉnh dẫn dắt công cuộc phá hoại ngầm của mình. Không nói với một ai, tôi đưa đơn xin gia nhập NSDAP, khối *Ausland* (dành cho các *Reichsdeutscher* sống ở nước ngoài), và nhanh chóng được nhận.

Khi vào học ở ELSP, vào mùa thu, tôi tiếp tục gặp các bạn ở trường Sư phạm và nhóm L'Action française, những người cuối tuần nào cũng lên Paris. Các bạn cùng lớp cũng khá giống như hồi tôi còn học ở Janson, nhưng trước sự kinh ngạc của tôi, tôi nhận ra các giờ học rất thú vị. Chính vào khoảng thời gian này, hẳn là dưới ảnh hưởng của Rebatet và người bạn mới của anh ta, Louis Destouches, mới bắt đầu nổi tiếng (cuốn *Hành trình đến tận cùng đêm* vừa được in, nhưng sự say mê chưa vượt được ra ngoài cái vòng nhỏ bé của những người xung quanh, và Céline vẫn còn thích gặp gỡ những người trẻ tuổi), tôi hăng hái tìm hiểu âm nhạc dành cho đàn claviê của Pháp, đang được người ta bắt đầu tái khám phá và chơi trở lại; cùng với Céline, tôi đi nghe Marcelle Meyer; và tôi tiếc nuối hơn bao giờ hết sự lười biếng và nhẹ dạ của mình khi rời bỏ cây đàn piano mau chóng đến vậy. Sau lễ Năm Mới, tổng thống Hindenburg mời Hitler thành lập một chính phủ mới. Các bạn học của tôi run lên, các bạn của tôi chờ đợi để xem, còn tôi thì đầy phấn khích. Nhưng trong khi Đảng đè bẹp bọn Đỏ, gạt phăng những thứ rác rưởi của thứ dân chủ-đầu sỏ tài chính, và cuối cùng giải tán các đảng phái tư sản, thì tôi lại bị chết gí ở Pháp. Trước mắt chúng tôi và trước thời kỳ của chúng tôi, đang có một cuộc cách mạng quốc gia thực thụ, và tôi chỉ có thể theo dõi được nó từ xa, qua báo chí và các chương trình thời sự xem ở rạp chiếu phim. Ở Pháp mọi việc cũng sôi sục không kém. Nhiều người sang Đức để được tận mắt chứng kiến, tất cả đều viết và mơ đến một sự phục hưng của đất nước mình. Người ta liên lạc với người Đức, giờ đã là các công chức Đức, những người kêu gọi một sự xích lại gần nhau giữa Pháp và Đức; Brasillach giới thiệu tôi với Otto Abetz, người của von Ribbentrop (vào thời đó vẫn là cố vấn cho Đảng về ngoại giao): những ý tưởng của ông ta không khác với những gì tôi đã trình bày sau khi sang Đức lần đầu tiên. Nhưng, với rất nhiều người, Maurras là một chướng ngại vật; chỉ những người giỏi nhất mới nhận ra là phải vượt qua những tiên đoán mắc chứng bệnh tưởng của ông ta, và ngay cả họ cũng do dự, bị trì níu bởi sự quyến rũ và say mê

ở ông ta. Cùng lúc đó, vụ Stavisky hé lộ cho công chúng chuyện hậu trường của cảnh sát trong việc làm thoái hóa quyền lực và cung cấp trở lại cho L'Action française một thẩm quyền đạo đức mà nó đã không còn biết đến kể từ năm 1918 nữa. Tất cả những thứ đó chấm dứt vào ngày 6 tháng Hai năm 1934. Trên thực tế đó là một việc rất mù mờ: tôi cũng đang ở trên phố, cùng Antoine F. (vào học ELSP cùng lúc với tôi), Blond, Brasillach, và một vài người khác. Từ Champs-Élysées, chúng tôi mơ hồ nghe thấy những tiếng súng; phía dưới, ngang với đoạn Concorde, nhiều người đang chạy. Phần còn lại của đêm hôm đó chúng tôi dành để đi trên phố, hét to những câu khẩu hiệu khi gặp những người trẻ tuổi khác. Ngày hôm sau chúng tôi mới biết được rằng đã có nhiều người chết. Maurras, được tất cả mọi người hướng về theo bản năng, đã hạ tay xuống. Toàn bộ sự việc chỉ là một quả bom xịt. "Inaction française!" Rebatet hết lên, anh ta không bao giờ tha thứ cho Maurras. Còn với tôi thì mọi chuyện đều không có mấy ý nghĩa: quyết định của tôi đang thành hình, và tôi không còn nhìn thấy tương lai ở Pháp nữa.

Ở báo *Je Suis Partout* tôi gặp đúng Rebatet. "Kìa! Một hồn ma trở lại." – "Như anh thấy đấy, tôi đáp. Có vẻ như là bây giờ anh đã nổi tiếng rồi." Ông ta dang rộng hai tay ra và bĩu môi: "Tôi chẳng hiểu gì nữa cả. Vậy mà tôi đã đào thủng đầu để có thể chắc chắn là không bỏ quên ai trong những lời chửi rủa của mình. Mặt khác, lúc đầu việc đó cũng tốt lắm nhé: Grasset đã từ chối in quyển sách bởi vì *tôi lăng mạ quá nhiều bạn bè của nhà xuất bản*, ông ta nói thế, và Gallimard muốn thẳng tay cắt đi nhiều đoạn dài. Cuối cùng thì cái tay người Bỉ đó đã nhận bản thảo, cậu còn nhớ không, cái tay từng in Céline ấy? Kết quả: ông ta kiếm bộn tiền và tôi cũng vậy. Ở *Rive gauche*, khi tôi đến ký tặng sách, người ta cứ tưởng tôi là một minh tinh điện ảnh. Thực tế là chỉ có người Đức không thích thôi." Ông ta ném lên tôi một cái nhìn đầy vẻ nghi ngờ: "Anh đọc chưa?" – "Chưa, tôi đang đợi để anh tặng đây. Tại sao? Anh chửi cả tôi à?" Ông ta cười: "Cũng không đủ với những gì anh đáng phải nhận đâu, cái đồ Đức bẩn thỉu. Dù

thế nào đi nữa thì tất cả mọi người đều tưởng là anh đã chết trên chiến trường vinh quang rồi. Chúng ta đi uống nhé?" Rebatet có hẹn một lúc sau đó, gần Saint-Germain, và đưa tôi đến quán *Flore*. "Tôi vẫn rất thích trò đi đánh nhau với bọn *chống phát xít* chuyên nghiệp của chúng tôi, nhất là khi bọn họ nhìn thấy tôi." Quả thực, khi ông ta bước vào, người ta liền ném về phía ông ta những cái nhìn đen tối; nhưng cũng có nhiều người đứng dậy chào ông ta. Lucien, một cách rõ ràng, đang tận hưởng thành công của mình. Ông ta mặc một bộ comlê sáng màu, cắt may rất đẹp, và đeo một cái nơ con bướm lớn đốm hơi lệch; một chòm tóc bù xù đội lên trên khuôn mặt hẹp và hoạt của ông ta. Ông ta chọn một cái bàn phía bên tay phải, ngay cạnh cửa kính, hơi khuất một chút, và tôi gọi rượu vang trắng. Khi ông ta rút đồ ra để cuốn một điếu thuốc lá, tôi liền mời ông ta một điếu thuốc lá Hà Lan, và ông ta sung sướng nhận lấy. Nhưng cả khi cười, mắt ông ta cũng lộ rõ vẻ lo lắng. "Nào, kể đi," ông ta nói. Chúng tôi không gặp nhau từ năm 1939, ông ta chỉ biết rằng tôi ở trong SS: tôi nói nhanh với ông ta về chiến dịch nước Nga, nhưng không kể rõ các chi tiết. Ông ta mở to mắt: "Vậy là anh đã ở Stalingrad à? Khốn kiếp thật đấy." Ông ta có một cái nhìn kỳ lạ, một pha trộn giữa e dè và có lẽ là cả ghen tị. "Anh bị thương à? Cho tôi xem đi." Tôi chỉ cho ông ta lỗ thủng và ông ta huýt sáo thật dài: "Có thể nói là anh đã bị đánh véc ni." Tôi không nói gì. "Robert sắp sang Nga rồi, ông ta nói tiếp. Cùng với Jeantet. Nhưng không phải là giống như vậy." – "Họ sẽ làm gì?" – "Đó là một chuyến viếng thăm chính thức. Họ đi cùng Doriot và Brinon, họ sẽ thanh tra Đội quân lê dương tình nguyện Pháp, chắc là ở gần Smolensk." – "Thế Robert sao rồi?" – "Đợt này chúng tôi đang giận nhau. Anh ta hoàn toàn theo Pétain rồi. Nếu anh ta cứ tiếp tục như vậy, người ta sẽ khai trừ anh ta ra khỏi *JSP*." – "Đến mức đó cơ à?" Ông ta gọi thêm hai cốc nữa và tôi đưa ông ta một điếu thuốc lá khác. "Nghe này, ông ta gay gắt nói, đã lâu rồi cậu không sang Pháp: cứ tin tôi đi, mọi chuyện đã thay đổi rồi. Tất cả đều giống như lũ chó đói, tranh giành nhau những mẩu thịt của cái xác Cộng hòa.

Pétain thì nghèo nàn ý tưởng, Laval cư xử còn tệ hại hơn một tên Do Thái, Déat muốn thực hiện chủ nghĩa xã hội-phát xít. Doriot thì quốc gia-Bônsêvich. Một con chó mẹ sẽ không còn nhận ra nổi lũ con của mình nữa. Những gì mà chúng tôi thiếu, là một người như Hitler. Đó chính là tấn bi kịch." – "Thế còn Maurras?" Rebatet bĩu môi vẻ chán chường: "Maurras à? Đó là l'Action marrane. Tôi đã xếp kỹ ông ta lại rồi; có vẻ ông ta đã mốc xanh cả lên. Và rồi tôi sẽ nói với anh một điều khác: kể từ Stalingrad, đã xảy ra một cuộc bỏ chạy tán loạn. Bọn chuột cống chuồn mất. Anh đã nhìn thấy các khẩu hiệu vẽ trên tường chưa? Không một kẻ theo Vichy nào không nuôi một người kháng chiến hoặc một tay Do Thái ở nhà, như một thứ bảo hiểm nhân thọ." – "Dù sao thì chúng ta cũng chưa kết thúc mà." – "Ồ, tôi biết rõ điều đó chứ. Nhưng anh muốn gì nào? Đây là một thế giới của những kẻ hèn nhát. Tôi thì đã lựa chọn rồi, và tôi sẽ không chối bỏ nó đâu. Nếu tàu đắm, tôi cũng sẽ chết chìm cùng với nó." – "Ở Stalingrad, tôi đã tra hỏi một tay chính ủy, ông ta đã trích dẫn lời Mathilde de la Mole, anh còn nhớ không, trong *Đỏ và đen*, đoạn gần cuối ấy?" Tôi nhắc lại câu đó và ông ta phá lên cười: "A, cái đó thì rắn thật đấy. Hắn ta đã đọc cho cậu bằng tiếng Pháp à?" – "Không, bằng tiếng Đức. Đó là một tay Bônsêvich lâu năm, một người chiến đấu, một kẻ rất giỏi. Chắc là anh sẽ thích ông ta." – "Thế các anh đã làm gì với hắn ta?" Tôi nhún vai. "Xin lỗi nhé, ông ta nói. Câu hỏi ngu ngốc quá. Nhưng ông ta có lý đấy. Tôi, anh biết đấy, tôi ngưỡng mộ những người Bônsêvich. Họ thì hoàn toàn không phải là một bát súp gián. Đó là một hệ thống rất có trật tự. Anh cúi lưng hoặc là anh chết. Stalin, đó là một người đặc biệt. Nếu không có Hitler, hắn là tôi đã trở thành một người cộng sản, ai mà biết được?" Chúng tôi uống một chút và tôi nhìn những người vào ra. Ở một cái bàn cuối phòng, nhiều người đang vừa nhìn chằm chằm Rebatet vừa thì thầm với nhau, nhưng tôi không nhận ra họ. "Anh vẫn phụ trách phần điện ảnh chứ?" tôi hỏi ông ta. – "Không còn nhiều lắm. Giờ tôi quan tâm đến âm nhạc." – "Thế à? Anh có biết Berndt von Üxküll không?" – "Tất nhiên rồi. Tại sao?" – "Đó là

em rể tôi. Hôm trước tôi đã gặp ông ta, lần đầu tiên." – "Không đùa đấy chứ! Anh có nhiều quan hệ thật. Ông ấy thế nào rồi?" – "Không có gì nhiều nhặn đâu, theo những gì mà tôi biết. Ông ta lui về ở ẩn tại Poméranie, nhà của ông ta." – "Tiếc thật. Nhạc của ông ấy thật là hay." – "Tôi không biết nhạc của ông ta. Chúng tôi đã tranh cãi rất hăng về Schönberg, người mà ông ta bảo vệ." – "Điều đó không làm tôi ngạc nhiên. Không một nhạc sĩ nghiêm túc nào có thể nghĩ khác được đâu." – "A, cả anh cũng đứng về phía đó à?" Ông ta nhún vai: "Schönberg không bao giờ dính líu vào chính trị. Và rồi các môn đệ giỏi nhất của ông ấy, như Webern hoặc Üxküll, đều là những người Aryen, đúng không nào? Điều mà Schönberg tìm ra, chuỗi, đó là một khả năng tính của âm thanh vẫn luôn có ở đó, một sự chặt chẽ bị che giấu, nếu như anh muốn, bởi sự mù mờ của các gam trung tính, và sau ông ấy, ai cũng có thể sử dụng nó để làm những gì mình thích. Đó là bước tiến quan trọng đầu tiên kể từ Wagner." – "Chính thế đấy, von Üxküll rất ghét Wagner." – "Không thể thế được! ông ta kêu lên giọng kinh hoàng. Không thể thế được." – "Vậy mà lại đúng đấy." Và tôi kể lại cho ông ta những lời của von Üxküll. "Thật là phi lý, Rebatet đáp. Bach, dĩ nhiên rồi... không có gì sánh nổi với Bach. Ông ấy là người không thể chạm tới, vĩ đại. Những gì ông ấy đã làm, đó là sự tổng hợp tất định của chiều ngang và chiều đứng, của cấu trúc hài hòa với sự thúc đẩy của giai điệu. Với cái đó, ông ấy chấm dứt mọi thứ có từ trước, và đặt ra một cái khung mà tất cả những người đi sau theo cách này hay cách khác đều cố thoát ra, cho đến khi cuối cùng Wagner đã làm nổ tung. Làm thế nào mà một người Đức, một nhà soạn nhạc người Đức lại không quỳ gối trước Wagner được?" – "Thế còn nhạc Pháp thì sao?" Ông ta bĩu môi: "Rameau của anh à? *Nghe vui đấy.*" – "Hồi trước không phải lúc nào anh cũng nói thế." – "Người ta phải lớn lên chứ, phải không nào?" Ông ta uống nốt cốc rượu của mình, vẻ tư lự. Trong một lúc tôi nghĩ đến việc kể cho ông ta về Yakov, rồi lại thôi. "Thế còn trong âm nhạc hiện đại, ngoài Schönberg, anh còn thích ai nữa?" tôi hỏi. "Nhiều thứ lắm. Từ ba mươi năm nay, âm

nhạc đã tỉnh ngủ, vô cùng thú vị. Stravinsky, Debussy, hay lắm đấy." – "Thế còn Milhaud, Satie?" – "Đừng ngốc thế chứ." Đúng lúc đó, Brasillach bước vào. Rebatet gọi vống lên: "Ô he Robert! Nhìn xem ai ở đây này!" Brasillach chăm chú nhìn chúng tôi qua cặp kính tròn dày cộp, lấy tay ra hiệu, rồi đến ngồi ở một cái bàn khác. "Anh ta đã trở nên không thể chịu đựng được rồi, Rebatet lầm bầm. Thậm chí anh ta còn không muốn bị nhìn thấy với một tay người Đức. Thế nhưng cậu có mặc quân phục đâu, đấy là tôi thấy vậy." Nhưng không phải hoàn toàn là như vậy và tôi biết điều đó. "Tôi đã cãi nhau với anh ấy vào lần cuối cùng tôi ở Paris," tôi nói để xoa dịu Rebatet. Một tối, sau một bữa tiệc nhỏ nơi anh uống nhiều hơn một chút so với thường lệ, Brasillach đã tìm được can đảm để mời tôi về nhà, và tôi đã đi theo anh. Nhưng đó là thể loại đồng tính đáng xấu hổ chỉ muốn giật lắc một cách yếu ớt trong khi buồn bã ngắm nhìn *eromenos* của mình, và tôi đã khá lạnh lùng cắt đứt những xúc cảm của anh. Dù nói vậy, tôi nghĩ chúng tôi vẫn là bạn. Chắc hẳn tôi đã làm anh tổn thương mà không nhận ra, và ở đúng một trong những nơi dễ tổn thương nhất của anh: chưa bao giờ Robert biết cách đối mặt với cái thực tế bẩn thỉu và cay đắng của ham muốn; và theo cách của mình, anh vẫn chỉ là một hướng đạo sinh nhỏ bé của chủ nghĩa phát xít. Tội nghiệp Brasillach! bị xử bắn mau chóng đến vậy, khi tất cả mọi chuyện đã kết thúc, để cho biết bao nhiêu kẻ khác, lương tâm bình an, có thể được quay trở về hàng ngũ. Mặt khác, tôi vẫn thường tự hỏi không biết các thiên hướng của anh có vai trò gì trong chuyện đó không: sự hợp tác, dù sao, cũng vẫn là một câu chuyện gia đình, trong khi trò tình dục đồng giới, đó còn là một điều khác nữa, với de Gaulle cũng như với những người công nhân tốt bụng trong bồi thẩm đoàn. Brasillach, dù sao đi nữa, chắc chắn là muốn được chết vì những tư tưởng của mình nhiều hơn là vì các sở thích. Nhưng không phải chính anh là người đã miêu tả sự hợp tác bằng cái câu bất hủ này ư: *Chúng ta đã ngủ với nước Đức, và liệu kỷ niệm về điều đó sẽ có dịu dàng với chúng ta hay không?* Rebatet thì, mặc cho sự ngưỡng mộ dành

cho Julien Sorel của ông ta, ranh mãnh hơn nhiều: ông ta bị kết án, và cùng với đó là sự ân xá; ông ta không gia nhập cộng sản; và sau tất cả những chuyện đó ông ta đã tìm ra được thời gian để viết một quyển *Lịch sử âm nhạc* tuyệt vời, và khiến người ta quên được mình đi một chút.

Ông ta tạm biệt tôi và đề nghị gặp lại vào buổi tối cùng với Cousteau, ở mạn Pigalle. Khi đi ra, tôi đến bắt tay Brasillach, đang ngồi cùng một người phụ nữ mà tôi không biết; anh làm ra vẻ không nhận ra tôi và đón tiếp tôi với một nụ cười, nhưng anh không giới thiệu tôi với người phụ nữ đi cùng. Tôi hỏi anh về tin tức em gái và người em rể của anh; anh lịch sự hỏi về điều kiện sống ở Đức; chúng tôi mơ hồ hẹn sẽ gặp lại nhau, nhưng không nói rõ lúc nào và ở đâu. Tôi trở về phòng khách sạn, mặc lên người bộ quân phục, viết một bức thư gửi Knochen, và đem bỏ nó ở đại lộ Foch. Rồi tôi quay về mặc lại đồ dân sự và ra ngoài đi dạo cho đến giờ hẹn. Tôi gặp lại Rebatet và Cousteau ở *Liberty*, một hộp đêm cho dân đồng bóng, trên Quảng trường Blanche. Cousteau, mặc dù rất ít khả năng về khía cạnh này, có quen biết chủ quán, Tonton, và rõ ràng là ít nhất một nửa số khách hàng lại cái, mà ông ta xưng hô thân mật; nhiều người trong số đó, hãnh diện và kỳ cục với bộ tóc giả, son phấn và những thứ đồ trang sức bằng thủy tinh, đối đáp lại những câu đùa của ông ta và Rebatet trong khi chúng tôi uống Martini. "Cô kia, anh thấy không, Cousteau chỉ cho tôi, tôi đã đặt tên là Nhà tang lễ. Bởi vì cô ta mút ác liệt lắm." – "Anh đã ăn trộm cái đó của Maxime Du Camp rồi, đồ kênh kiệu," Rebatet bĩu môi đáp lại, trước khi đắm chìm vào khối hiểu biết văn chương rộng lớn của mình để tìm cách đè bẹp ông ta. "Còn anh, anh yêu, anh làm gì?" một trong những tay đồng bóng hỏi tôi và chìa về phía tôi một cái đót thuốc lá dài một cách ấn tượng. "Đây là một tay Gestapo," Cousteau mỉa mai. Ả đặt bàn tay đeo găng đăngten của mình lên môi và để thoát ra một câu "Ooooh..." kéo dài. Nhưng Cousteau đã bắt đầu kể một giai thoại dài về những người của Doriot đi mút chim lính Đức trong các *nhà xã* ở Palais-Royal; những tay cớm Paris đều đặn đi

tuần quanh các nhà tiêu công cộng dành cho nam giới ở đó, hoặc ở phía cuối Champs-Élysées, thỉnh thoảng lại gặp phải những điều bất ngờ khó chịu; nhưng nếu Sở cảnh sát than phiền, thì có vẻ như là *Majestic* lại không buồn quan tâm một chút nào hết. Những lời bóng gió này khiến tôi cảm thấy khó chịu: hai tay này đang định làm gì đây? Những người bạn khác, tôi biết, ít ra về ta đây và thực hành nhiều hơn. Nhưng không ai trong số đó cảm thấy phải dẫn đo khi đăng những lời tố cáo nặc danh trên các cột báo của tờ *Je Suis Partout*; và nếu ai đó bất hạnh mà là Do Thái, thì người ta cũng rất có thể coi anh ta là một kẻ đồng tính; hơn một sự nghiệp, thậm chí một cuộc đời, đã vì đó mà suy sụp. Cousteau và Rebatet, tôi nghĩ, đang tìm cách chứng tỏ rằng tính triệt để cách mạng của mình vượt lên trên mọi định kiến (ngoại trừ những định kiến *khoa học và chủng tộc*, như tư tưởng Pháp vẫn buộc phải như vậy); xét cho cùng, họ cũng tìm cách *làm cho tay tư sản phải choáng óc*, như những người siêu thực chủ nghĩa và André Gide, mà họ phỉ nhổ suốt. "Anh có biết, Max, Rebatet nói với tôi, rằng cái dương vật tốt lành mà người La Mã mang đi diễu trong lễ *Liberalia*, vào mùa xuân và mùa thu hoạch rượu nho, tên là *fascinus* không? Chắc là Mussolini có nhớ điều đó." Tôi nhún vai: mọi thứ với tôi thật giả dối, một màn kịch sân khấu nghèo nàn, một dàn cảnh, trong khi ở khắp nơi người ta chết vì cái thực. Tôi, tôi đã thực sự muốn một cậu thanh niên, không phải là để chứng tỏ, mà chỉ là vì sự nồng ấm của làn da anh ta, mùi mồ hôi hắc của anh ta, sự mềm mại của dương vật nằm gọn giữa hai chân của anh ta, giống như một con thú nhỏ. Rebatet thì lại sợ cái bóng của mình, của đàn ông cũng như phụ nữ, của sự hiện diện của da thịt chính mình, sợ tất cả trừ những ý tưởng trừu tượng không thể kháng cự lại ông ta. Hơn bao giờ hết, tôi muốn được yên tĩnh, nhưng có vẻ như điều đó là không thể: tôi đang căng tấm da của mình lên thế giới như thể trên thứ thủy tinh vỡ; tôi không ngừng cắn một cách có chủ ý vào các mồi nhử, rồi kinh ngạc khi nội tạng mình bị lôi ra bên ngoài qua đường miệng.

Cuộc gặp của tôi với Helmul Knochen vào ngày hôm sau chỉ

càng củng cố thêm cảm giác đó. Ông ta tiếp tôi với một sự pha trộn kỳ lạ giữa tình đồng ngũ khoa trương và sự cao ngạo mục hạ vô nhân. Vào thời ông ta còn làm việc ở SD, tôi không qua lại với ông ta bên ngoài nơi làm việc; dĩ nhiên, ông ta hẳn biết rằng tôi thường xuyên gặp Best (nhưng có thể đây không còn là một yếu tố thuận lợi nữa). Dù vậy, tôi cũng nói rằng mình đã gặp Best ở Berlin và Knochen hỏi tôi tin tức của ông ta. Tôi cũng nói rằng tôi đã phục vụ, giống như ông ta, dưới sự chỉ huy của tiến sĩ Thomas; thế là ông ta bèn bảo tôi nói về các kinh nghiệm ở Nga, cùng lúc khéo léo làm cho tôi hiểu ra khoảng cách giữa chúng tôi: ông ta, viên Standartenführer phụ trách cả một đất nước, tôi, một thương binh đang hồi phục sức khỏe với tương lai không chắc chắn. Ông ta tiếp tôi tại phòng làm việc, quanh một cái bàn thấp với cái bình hoa khô đặt bên trên; ông ta ngồi trên sofa, vắt chéo cặp chân dài mặc một cái quần cộc dành cho người cưỡi ngựa, để tôi ngồi ghế phôtơi quá thấp: từ chỗ tôi ngồi, đầu gối ông ta gần như che hết mắt và cái nhìn của ông ta. Tôi không biết phải đề cập chủ đề mà mình đang canh cánh trong lòng như thế nào. Cuối cùng, tôi liều kể cho ông ta rằng mình đang chuẩn bị viết một quyển sách về các mối quan hệ quốc tế của nước Đức, tô vẽ thêm về các ý tưởng mà tôi nhặt nhạnh được đây đó trong cuốn *Festgabe* của Best (và càng nói, tôi càng trở nên say sưa hơn và dần dần thực sự tin rằng mình có ý định viết một cuốn sách như thế, cuốn sách sẽ gây chấn động và sẽ đảm bảo tương lai cho tôi). Knochen lịch sự lắng nghe, vừa nghe vừa gật đầu. Cuối cùng tôi kín đáo để lộ rằng tôi sẽ chấp nhận một vị trí ở Pháp để thu thập các kinh nghiệm thực tế, có khả năng hoàn thiện thêm cho các kinh nghiệm đã có ở Nga. "Người ta đã đề nghị anh cái gì chưa? ông ta hỏi, vẻ tò mò thấy rõ. Tôi chưa được biết." – "Chưa, Herr Standartenführer, vẫn còn đang phải bàn luận. Về nguyên tắc thì không có vấn đề gì, nhưng cần phải có một vị trí có sẵn hoặc được tạo ra." – "Ở chỗ tôi, anh biết đấy, hiện tại không có gì cả. Thật là tiếc, vị trí dành cho chuyên gia các vấn đề Do Thái sẽ trống vào tháng Chạp tới, nhưng đã có người thay rồi." Tôi cố mỉm cười:

"Đó không phải là điều mà tôi tìm kiếm." – "Tuy nhiên, anh đã có kinh nghiệm rất tốt trong lĩnh vực này, tôi thấy vậy. Và vấn đề Do Thái, ở Pháp này, liên quan rất chặt chẽ đến các quan hệ ngoại giao của chúng ta với Vichy. Nhưng đúng là cấp bậc của anh quá cao: đó chỉ có thể là chỗ cho Hauptsturmführer là nhiều nhất thôi. Thế còn chỗ Abetz? Anh đã đến gặp ông ấy chưa? Nếu tôi nhớ không nhầm, anh có những liên hệ cá nhân với những người Paris ủng hộ chủ nghĩa phát xít. Hẳn là điều đó sẽ làm cho ngài đại sứ quan tâm đấy."

Tôi đứng trên vỉa hè rộng gần như không một bóng người của đại lộ Foch trong một tâm trạng nản chí sâu sắc: tôi có cảm giác đang đụng phải một bức tường, nhưng là một bức tường mềm oặt, không thể nắm bắt, mờ ảo, và tuy vậy cũng không thể vượt qua giống như một bức tường đá cao vút. Phía trên đại lộ, Khải hoàn môn vẫn còn che giấu vầng mặt trời buổi sáng và ném những cái bóng dài xuống mặt đường. Đến chỗ Abetz ư? Đúng, hẳn là tôi có thể tự giới thiệu mình khi nhắc lại cuộc gặp thoáng qua của chúng tôi vào năm 1933, hoặc nhờ ai đó thuộc nhóm *Je Suis Partout* giới thiệu. Nhưng tôi không cảm thấy mình có đủ dũng khí đó. Tôi nghĩ đến em gái mình, giờ này đang ở Thụy Sĩ: có thể một sự thuyên chuyển sang Thụy Sĩ thì hợp với tôi hơn chăng? Thỉnh thoảng tôi sẽ có thể gặp nàng, khi nàng đưa chồng mình đến khu điều dưỡng. Nhưng gần như không có vị trí nào của SD ở Thụy Sĩ cả, và người ta đang rút bớt đi. Hẳn là tiến sĩ Mandelbrod sẽ có thể nhắc bỏ tất cả các rào cản, với Pháp cũng như với Thụy Sĩ; nhưng tiến sĩ Mandelbrod, tôi đã hiểu ra, đang nuôi dưỡng ý tưởng riêng của mình về tôi.

Tôi quay về mặc lại đồ dân sự và đến Louvre; ở đó, ít nhất, giữa những hình người bất động và bình thản, tôi cũng cảm thấy bình tĩnh hơn. Tôi ngồi thật lâu trước bức tranh vẽ cảnh Chúa nằm của Philippe de Champaigne; nhưng đặc biệt có một bức tranh nhỏ của Watteau làm tôi chú ý, *Kẻ bàng quan*: một nhân vật được điểm trang cho một bữa tiệc vừa nhún nhảy vừa bước đi, gần như là một bước nhảy trong balê, hai cánh tay vung vẩy như

thể đang chờ đợi nốt nhạc đầu tiên của một khúc ouverture; nhân vật nữ, nhưng rõ ràng là đang cương cứng dưới cái quần cộc bằng lụa màu xanh lá cây sậm của mình, và với một khuôn mặt buồn bã khó tả, gần như hoang vắng, đã quên đi tất cả và có lẽ thậm chí còn không tìm cách nhớ được rằng tại sao và vì ai mà mình lại đứng ở tư thế đó nữa. Điều đó gây chấn động lên tôi như một lời bình luận khá chuẩn xác về tình thế của tôi, nhưng đến tên tranh thì vang lên một cái gì đó giống như một đối âm: bàng quan? không, tôi không bàng quan, tôi chỉ cần đi qua trước một bức tranh vẽ một người phụ nữ có mái tóc đen dày là đã cảm thấy như thể có một nhát rìu tưởng tượng chém xuống mình; và ngay cả khi khuôn mặt đó không hề giống với khuôn mặt của nàng, dưới những vẻ hào nhoáng của thời Phục hưng hoặc thời Nhiếp chính, dưới những thứ vải vóc nhiều màu sặc sỡ, màu sắc đậm đà và nạm ngọc đó, dày ngang với thứ sơn dầu tràn trề của các họa sĩ, chính là cơ thể của nàng mà tôi có thể đoán định, hai vú của nàng, bụng nàng, hông nàng, thuần khiết, chảy trên những cái xương hoặc tròn trịa một chút, khép kín lại cái suối nguồn cuộc sống duy nhất mà tôi biết nơi có thể tìm được. Giận dữ, tôi rời khỏi bảo tàng, nhưng điều này không còn đủ nữa, bởi vì mỗi người phụ nữ mà tôi bắt gặp hoặc nhìn thấy đang cười sau một ô cửa kính đều gây ra cùng hiệu ứng đó. Tôi uống hết cốc này đến cốc khác ở các quán cà phê tình cờ gặp nhưng càng uống, tôi càng trở nên sáng suốt hơn, mắt tôi càng mở to hơn và thế giới càng chìm đắm vào trong đó hơn, gầm thét, máu me, dữ tợn, làm vấy bẩn bên trong đầu tôi bằng những dịch thể và chất bài tiết. Con mắt thứ ba của tôi, cái âm đạo mở toang hoác giữa trán, chiếu xuống cái thế giới đó một luồng ánh sáng sống sượng, u tối, khắt khe, và cho phép tôi đọc được từng giọt mồ hôi, từng cái mụn, từng cái lông chưa cạo kỹ của những khuôn mặt gào thét đang túm lấy tôi như một thứ xúc cảm, tiếng thét hoang mang bất tận của đứa trẻ vĩnh viễn bị cầm tù trong thân xác ghê rợn của một kẻ trưởng thành vụng về và không đủ khả năng trả thù cho việc phải sống, ngay cả bằng cách giết người. Cuối cùng, đêm đã muộn, một cậu thanh niên

tiến lại gần tôi xin thuốc lá trong một quán rượu: đó có thể là nơi tôi đấm mình vào được trong giây lát. Anh ta chấp nhận lên phòng tôi. Lại thêm một người nữa, tôi vừa trèo lên cầu thang vừa tự nhủ, lại thêm một người nữa, nhưng sẽ không bao giờ là đủ cả. Chúng tôi cởi quần áo ở hai bên cạnh giường; thật là thô thiển, anh ta vẫn đi tất và đeo đồng hồ. Tôi bảo anh ta chơi tôi theo chiều đứng, dựa vào cái tủ, mặt hướng thẳng vào chiếc gương hẹp trần ngự cả căn phòng. Khi niềm khoái cảm tràn đến, tôi vẫn giữ cho hai mắt mở to, tôi xem xét khuôn mặt tìm lại và phồng lên đầy xấu xí của mình, cố gắng tìm thấy ở đó, khuôn mặt thật đang làm đầy những đường nét của tôi từ phía sau, những đường nét khuôn mặt của em gái tôi. Nhưng khi đó đã xảy ra một chuyện kỳ quặc: giữa hai khuôn mặt đó và sự hợp giao hoàn hảo của chúng trườn vào một khuôn mặt khác, nhẵn, trong mờ như một lá thủy tinh, khuôn mặt chua chát và điềm tĩnh của mẹ chúng tôi, vô cùng thanh tú nhưng đục hơn, đặc hơn những bức tường dày nhất. Bị xâm chiếm bởi một cơn điên giận bẩn thỉu, tôi rú lên và đập vỡ tấm gương bằng một cú đấm; cậu thanh niên, sợ hãi, nhảy bật về phía sau và nằm vật ra giường, trong khi đang hưởng niềm cực khoái. Tôi cũng vậy, tôi đang lên cơn cực khoái, nhưng đó là do phản xạ, không hề cảm thấy, đã bắt đầu rũ xuống. Máu chảy từ những ngón tay tôi thành giọt xuống nền nhà. Tôi đi vào phòng tắm, rửa tay, rút từ trong đó ra một mảnh thủy tinh, quấn tay vào trong một cái khăn. Khi tôi trở ra cậu thanh niên đang mặc lại quần áo, rõ ràng là đầy lo lắng. Tôi lục tìm trong túi quần dài và vứt xuống giường cho anh ta vài tờ tiền: "Biến đi." Anh ta cầm lấy tiền và đi thẳng không hỏi han gì thêm. Tôi muốn nằm nhưng thoạt tiên tôi cần thận dọn đống vụn thủy tinh lại, ném vào thùng rác và dò tìm trên sàn nhà để chắc chắn được là không bỏ quên mất mảnh nào, rồi tôi gột rửa những vết máu và đi tắm. Cuối cùng tôi cũng có thể nằm dài ra trên giường; nhưng với tôi cái giường là một cây thập tự, một cái giá dùng để tra tấn. Mụ ta mò đến đây để làm gì, cái đồ *chó cái bẩn thỉu* đó? Vậy chẳng phải tôi đã chịu đựng bà ta quá đủ rồi hay sao? Bà ta có cần phải hành

hạ tôi thêm như vậy không? Tôi ngồi xếp bằng tròn trên ga trải giường và hút hết điếu thuốc này đến điếu thuốc khác, vừa hút vừa suy nghĩ. Ánh sáng của một ngọn đèn đường, nhợt nhạt lọt vào qua những chớp cửa sổ đã khép. Ý nghĩ hãng hái, điên rồ của tôi đang dần biến thành kẻ sát nhân già ranh mãnh; giống như một tân Macbeth, bà ta đã bóp chết giấc ngủ của tôi. Tôi thấy như thể lúc nào cũng sắp sửa hiểu ra một điều gì đó, nhưng sự hiểu đó vẫn nằm lại ở đầu những ngón tay bị khía rách của tôi, chế nhạo tôi, khéo léo lùi lại khi tôi tiến bước lên. Cuối cùng, một ý nghĩ đã bị tóm lấy: tôi kinh tởm ngấm nghía nó, nhưng vì không có ý nghĩ nào khác chịu đến thế chỗ, tôi buộc phải tuân theo nó. Tôi đặt nó xuống cái bàn cạnh giường giống như một đồng tiền nặng và cũ: nếu tôi lấy móng tay gõ lên trên, nó sẽ kêu rất chuẩn xác, nhưng nếu tôi tung nó lên để chơi trò sấp ngửa, lúc nào nó cũng sẽ chỉ thản nhiên hiện ra trước mắt tôi cùng một mặt.

Buổi sáng, rất sớm, tôi trả tiền khách sạn và lên chuyến tàu đầu tiên đi xuống phía Nam. Người Pháp phải đặt vé từ nhiều ngày, thậm chí là nhiều tuần trước; nhưng các khoang dành cho người Đức lúc nào cũng vắng một nửa. Tôi xuống đến Marseille, giới hạn của vùng do Đức kiểm soát. Tàu dừng lại liên tục; tại các ga, giống hệt như ở Nga, những bà nông dân chạy quáng quàng để chào bán cho hành khách đồ ăn, trứng luộc, đùi gà, khoai tây hầm và ướp muối; và khi đói, tôi cũng mua lấy cái gì đó, qua cửa sổ tàu. Không đọc sách, tôi lơ đãng nhìn cảnh vật trôi qua bên ngoài và lần sờ những đốt ngón tay xơ tướp, suy nghĩ của tôi đi lang thang, tách hẳn khỏi hiện tại cũng như quá khứ. Ở Marseille, tôi đi đến *Gestapostelle* để tìm hiểu về các điều kiện đi lại ở vùng thuộc Ý. Một viên Obersturmführer trẻ tuổi tiếp tôi: "Vào lúc này quan hệ có phần tế nhị. Người Ý không thông hiểu lắm về những gì liên quan đến các nỗ lực của chúng ta trong việc giải quyết vấn đề Do Thái. Vùng của họ đã trở thành một thiên đường thực thụ cho bọn Do Thái. Khi chúng ta yêu cầu ít nhất cũng phải nhốt

chúng lại, họ lại cho chúng ở những khu trượt tuyết tốt nhất của dãy Alpes." Nhưng tôi không hề quan tâm đến các vấn đề của viên Obersturmführer. Tôi nói cho anh ta về điều mình muốn: anh ta tỏ vẻ lo lắng nhưng tôi đảm bảo là mình sẽ chịu toàn bộ trách nhiệm. Cuối cùng, anh ta đồng ý viết cho tôi một bức thư đề nghị giới chức Ý *giúp đỡ việc đi lại vì các lý do cá nhân*. Đã muộn và tôi thuê một căn phòng để ngủ qua đêm, trên Cảng Cũ. Sáng hôm sau, tôi lên một chuyến xe khách đi về Toulon; ở đường phân chia ranh giới, các *bersaglieri*, với những cái mũ cắm lông thô kệch của mình, cho chúng tôi đi qua mà không hề kiểm tra. Ở Toulon, tôi đổi sang xe khác, rồi thêm một lần đổi nữa ở Cannes; cuối cùng, vào buổi chiều, tôi đến được Antibes. Xe khách để tôi lại trên quảng trường lớn; túi xách khoác trên vai, tôi đi vòng qua cảng Vauban, đi qua cái hình dáng lực lưỡng của pháo đài Carré, và bắt đầu đi ngược con đường chạy dọc theo bờ biển. Một cơn gió nhẹ đầy vị mặn từ vịnh thổi tới, những đợt sóng nhẹ liếm vào bờ cát, tiếng của những con mòng biển vang lên phía trên ngọn sóng dồi và tiếng ồn của một vài xe cộ hiếm hoi; bờ biển không một bóng người, ngoài vài lính Ý. Trong bộ quần áo dân sự, tôi không bị ai để ý: một viên cảnh sát Ý gọi tôi lại, nhưng là để xin lửa. Ngôi nhà nằm cách trung tâm vài cây số. Tôi bước đi một cách ung dung, không cảm thấy phải vội vã; tôi không buồn quan tâm đến quang cảnh và mùi vị của Địa Trung Hải, nhưng tôi không còn cảm thấy chút hoang mang nào nữa, tôi rất bình tĩnh. Cuối cùng tôi cũng tới được con đường đất dẫn về nhà. Cơn gió nhẹ chạy trong những cành thông xòe tán che ánh nắng dọc theo con đường, và mùi của chúng hòa lẫn với mùi của biển. Cánh cổng, sơn đã bong loang lổ, đang mở hé. Một lối đi dài cắt ngang một công viên đẹp để trồng những cây thông màu đen; ở đó, tôi cởi quần áo và mặc bộ quân phục vào. Nó hơi nhăn lại vì bị gấp để trong túi xách, tôi dùng tay trải phẳng nó ra, trông cũng ổn. Mặt đất xốp giữa đám cây cối trồng cách khá xa nhau phủ đầy lá thông nhọn; phía bên ngoài những thân cây thanh mảnh, có thể nhìn thấy sườn nhà màu nâu tối, cùng với sân hiên; mặt trời, sau

hàng tường bao, chiếu sáng qua những ngọn cây đu đưa, thoắt ẩn thoắt hiện. Tôi quay trở lại cổng và bước vào lối đi; ở cửa chính, tôi bấm chuông. Tôi mơ hồ nghe thấy như thể có một tiếng cười cố nén lại ở bên tay phải, giữa những cái cây: tôi nhìn ra, nhưng không thấy gì. Rồi một giọng đàn ông lên tiếng gọi từ phía bên kia nhà: "Ô hê! Lại đằng này." Tôi nhận ngay ra giọng của Moreau. Ông ta đứng đợi trước lối vào phòng khách, bên dưới sân hiên, một tẩu thuốc đã tắt cầm trên tay; ông ta mặc một cái áo gilê len đã cũ và đeo một chiếc nơ hình con bướm, và trông có vẻ già nua đến thảm hại. Ông ta nhướng mày khi nhìn thấy bộ quân phục của tôi: "Ngài muốn gì? Ngài tìm ai?" Tôi bước lên và bỏ mũ ra: "Ông không nhận ra tôi à?" Ông ta mở to mắt và há hốc mồm; rồi ông ta tiến lên một bước, nắm chặt lấy tay tôi, tay vỗ mạnh lên vai tôi. "Tất nhiên rồi, tất nhiên rồi!" Ông ta lùi lại và ngắm nhìn tôi, vẻ lúng túng: "Nhưng bộ quân phục này là thế nào?" – "Là của quân đội mà tôi đang phục vụ." Ông ta quay đầu lại và gọi với vào trong nhà: "Héloïse! Đến xem ai này!" Phòng khách đang chìm trong bóng tối; tôi nhìn thấy một bóng người màu ghi xám khẽ khàng tiến bước lên; rồi một bà già hiện ra phía sau Moreau và im lặng nhìn tôi. Mẹ tôi mà lại như thế này ư? "Em gái con đã viết thư về nói là con bị thương, cuối cùng bà ta nói. Lẽ ra con cũng nên viết thư chứ. Ít nhất thì con cũng nên báo cho nhà biết có chuyện gì xảy ra với con." Giọng nói của bà ta, nếu đặt trong so sánh với khuôn mặt vàng ệch và mái tóc màu ghi chải ngược ra phía sau, có vẻ vẫn còn trẻ; nhưng với tôi, điều này giống như một thuở xa xôi nhất đang cất giọng nói, một chất giọng mênh mông làm người tôi thu nhỏ lại, biến tôi gần như trở thành vô nghĩa, mặc cho sự bảo vệ của bộ quân phục, thứ đồ trang trí nực cười. Hẳn là Moreau đã nhận ra sự bối rối của tôi: "Dĩ nhiên, ông ta nói nhanh, là chúng tôi rất mừng vì được gặp cháu. Đây lúc nào cũng vẫn là nhà của cháu." Mẹ tôi lại nhìn chằm chằm vào tôi với cái dáng vẻ khó hiểu. "Thôi được rồi, bước lên đi, cuối cùng bà ta thốt ra. Đến ôm hôn mẹ con đi." Tôi đặt túi xách xuống, đi đến chỗ bà ta, và, cúi người xuống, hôn lên má bà ta. Rồi tôi ôm lấy

bà ta và siết chặt vào người mình. Tôi cảm thấy người bà ta cứng lại; trong vòng tay tôi bà ta giống như một cành cây, một con chim mà tôi có thể dễ dàng bóp chết. Bà ta chìa hai bàn tay đặt lên lưng tôi. "Chắc là con mệt lắm. Đến đây, để bọn mẹ thu xếp chỗ nghỉ cho con." Tôi thả bà ta ra và đứng thẳng người lên trở lại. Lại thêm một lần nữa, ở sau lưng, tôi nghe thấy một tiếng cười nhẹ. Tôi quay lại và nhìn thấy hai thằng bé sinh đôi giống hệt nhau, mặc quần cộc và áo vest trông rất hợp bộ, đứng cạnh nhau, nhìn tôi chằm chằm với những con mắt to đầy tò mò và vui vẻ. Chúng khoảng bảy hoặc tám tuổi. "Các cháu là ai?" tôi hỏi chúng. – "Con một người bạn gái của mẹ đấy, mẹ tôi trả lời. Bọn mẹ đang nuôi hộ." Một trong hai đứa giơ tay lên và chĩa một ngón tay chỉ vào tôi: "Thế đây là ai?" – "Đây là một người Đức, đứa kia nói. Mày không thấy à?" – "Đây là con trai bác, mẹ tôi nói. Anh ấy tên là Max. Đến chào anh ấy đi." – "Con trai bác là một lính Đức hả bác?" thằng bé đầu tiên hỏi. – "Đúng rồi. Bắt tay anh ấy đi." Chúng do dự, rồi cùng nhau bước lên và chìa những bàn tay nhỏ xíu cho tôi. "Các cháu tên là gì?" tôi hỏi. Chúng không trả lời. "Mẹ giới thiệu với con Tristan và Orlando, mẹ tôi nói. Nhưng mẹ vẫn luôn nhầm hai đứa với nhau. Chúng thì lại rất thích giả dạng đứa kia. Không bao giờ chắc chắn được cả." – "Đó là bởi vì giữa bọn cháu không có khác biệt gì hết, bác ạ, một trong hai thằng bé nói. Một cái tên là đủ cho cả hai rồi." – "Chú báo trước cho các cháu, tôi nói, chú là cảnh sát đấy. Với bọn chú, chuyện danh tính là rất quan trọng." Mắt chúng mở to hẳn ra: "Ôi, tuyệt," một thằng nói. – "Chú đến để bắt ai đó à?" thằng kia hỏi. – "Có thể đấy," tôi nói. – "Thôi những chuyện vớ vẩn đi," mẹ tôi nói.

Bà ta để tôi ở trong phòng ngủ cũ của tôi: nhưng ở đó không còn gì có thể giúp tôi nhận ra phòng mình nữa. Những tấm poster, một vài vật dụng để lại đó đều đã biến mất; người ta đã thay giường, tủ, giấy dán tường. "Đồ của con đâu hết rồi?" tôi hỏi. – "Trên vựa cỏ, bà ta đáp. Mẹ vẫn giữ lại tất cả. Lát nữa con

có thể đi xem." Bà ta nhìn tôi, hai tay đặt lên váy phía trước mặt. "Thế còn phòng Una?" tôi hỏi tiếp. – "Hiện tại, bọn mẹ cho hai đứa sinh đôi ở đó." Bà ta ra ngoài và tôi vào phòng tắm rộng để rửa mặt. Rồi tôi quay trở vào phòng và thay quần áo một lần nữa, xếp bộ quân phục vào tủ tường. Khi đi ra, tôi ngắm ngừ một lúc trước cửa phòng Una, rồi đi tiếp. Tôi đi ra sân hiên. Mặt trời đang xuống đằng sau hàng thông cao, chiếu những cái bóng dài xuống khắp vườn, phủ một thứ màu vàng nghệ đẹp đẽ và phong phú lên những bức tường bằng đá của ngôi nhà. Tôi nhìn thấy hai đứa trẻ sinh đôi chạy qua: chúng chạy trên bãi cỏ, rồi biến mất trong đám cây cối. Một hôm, từ sân hiên này, giận dỗi vì một chuyện cãi cọ lặt vặt, tôi đã bắn một mũi tên (dù sao thì ở mũi cũng gắn đầu sắt nhọn) vào em gái tôi, nhắm thẳng vào mặt; Una đã bị bắn trúng ngay phía trên mắt, suýt nữa thì bị mù. Nhớ lại thì hình như tôi đã bị bố tôi trừng phạt một cách nghiêm khắc: nếu ông vẫn ở đó thì có nghĩa chuyện đã xảy ra ở Kiel, chứ không phải là ở đây. Nhưng ở Kiel nhà chúng tôi không có sân hiên, và tôi tin rất chắc chắn là mình vẫn còn nhớ khi xảy ra chuyện đó có những chậu hoa bằng sành lớn đặt rải rác quanh cái sân trải sỏi nơi Moreau và mẹ tôi vừa đón tiếp tôi. Tôi không còn hiểu được nữa và, bực tức vì sự thiếu chắc chắn đó, tôi quay đi và trở vào trong nhà. Tôi đi dạo trong các hành lang, hít ngửi mùi xi trên gỗ lát tường, tùy hứng mở những cánh cửa. Ngoài phòng của tôi, rất ít thứ thay đổi. Tôi đi đến chân cầu thang dẫn lên vựa cỏ; cả ở đó nữa, tôi cũng ngắm ngừ, rồi quay đi. Tôi xuống cầu thang lớn dẫn tới lối vào và đi ra bằng cửa chính. Nhanh chóng rời khỏi lối đi, tôi lại bước vào dưới hàng cây, lấy tay vuốt nhẹ lên những thân cây màu ghi thô ráp, những dòng nhựa đã cứng lại nhưng vẫn còn dày, rất dính, và lấy chân đá những quả thông rơi xuống đất. Mùi hắc, ngây ngất của thông trùm lên không khí, tôi muốn hút thuốc nhưng ngừng lại được để tiếp tục ngửi. Ở đó, mặt đất trần trụi, không có cỏ, không có bụi cây nào, không có dương xỉ: tuy nhiên, tất cả kéo tuột tôi một cách mạnh mẽ đến ký ức về khu rừng ở gần Kiel, nơi tôi đã chơi những trò chơi kỳ lạ của trẻ con. Tôi định tựa lưng vào

một cái cây, nhưng thân của nó rất dính, tôi đành đứng đó, hai tay đu đưa, điên rồ quay cuồng trong những suy nghĩ của mình.

Bữa tối trôi qua với những lời trao đổi ngắn, đầy tính ép buộc, gần như mất hút trong tiếng lanh canh của dao đĩa và đĩa bát. Moreau than phiền về công việc làm ăn của mình và về người Ý, và nhấn mạnh với vẻ đầy bí thiết vào những quan hệ tốt đẹp với giới quản lý kinh tế người Đức ở Paris. Ông ta tìm cách khơi chuyện và tôi, về phần mình, một cách lịch sự, tôi quấy rầy ông ta bằng những câu nói gây gổ. "Cấp bậc của cháu, trên bộ quân phục ấy, là gì?" ông ta hỏi tôi. – "SS-Sturmbannführer. Tương đương với thiếu tá trong quân đội của chú." – "A, thiếu tá, tốt đấy, cháu đã lên cấp cao, xin chúc mừng." Đáp lại, tôi hỏi ông ta đã phục vụ ở đâu trước tháng Sáu năm 40; không nhận ra sự lố bịch, ông ta giơ hai tay lên: "A, con trai của ta! Chú cũng muốn phục vụ lắm chứ. Nhưng người ta không chịu nhận chú, họ nói rằng chú quá già rồi. Tất nhiên, ông ta vội vàng nói thêm, người Đức đã chiến thắng chúng ta một cách trung thực. Và chú hoàn toàn ủng hộ chính sách hợp tác của Thống chế." Mẹ tôi không nói gì; bà ta theo dõi trò chơi bé nhỏ này với đôi mắt đầy cảnh giác. Hai thằng bé sinh đôi ăn một cách vui vẻ; nhưng thỉnh thoảng chúng hoàn toàn thay đổi cách biểu hiện, như thể có một tấm màn trọng lực rơi xuống chúng. "Thế còn những người bạn Do Thái của chú thì sao? Họ tên là gì nhỉ? Gia đình Benahum đúng không. Họ ra sao rồi?" Moreau đỏ mặt. "Họ đã đi rồi, mẹ tôi lạnh lùng trả lời. Sang Thụy Sĩ." – "Chắc là điều đó đã gây phiền nhiễu cho việc làm ăn của chú, tôi tiếp tục nói với Moreau. Bọn chú đã từng là liên danh, phải không?" – "Chú đã mua lại phần của ông ấy rồi," Moreau nói. – "A, thế thì tốt quá. Với giá Do Thái, hay giá Aryen? Cháu hy vọng là chú đã không mất quá nhiều tiền." – "Đủ rồi đấy, mẹ tôi nói. Việc làm ăn của Aristide không liên quan gì đến con. Tốt hơn hết là kể chuyện của con đi. Con đã từng ở Nga, phải không?" – "Phải, tôi nói, đột nhiên thấy bị sỉ nhục. Con đã đi chiến đấu chống lại chủ nghĩa Bônsêvich." – "A! Chuyện đó thật là hay," Moreau bình luận vẻ trịnh trọng. – "Đúng vậy, nhưng hiện tại quân Đỏ đang tiến lên," mẹ tôi nói. – "Ồ, em đừng lo! Moreau kêu lên.

Chúng sẽ không đến được đây đâu." – "Bọn cháu gặp một số khó khăn, tôi nói. Nhưng chỉ là tạm thời thôi. Bọn cháu đang chuẩn bị những thứ vũ khí mới. Và bọn cháu sẽ nghiền nát chúng." – "Tuyệt vời, tuyệt vời, Moreau gật đầu thở hắt ra. Chú hy vọng rằng sau đó các cháu sẽ chiếm lấy nước Ý." – "Người Ý là đồng đội của bọn cháu ngay từ lúc khởi đầu, tôi đáp. Khi châu Âu mới được hình thành, họ sẽ là những người đầu tiên có phần của mình." Moreau coi điều đó là rất nghiêm túc và tỏ ra giận dữ: "Bọn họ là những kẻ hèn nhát! Bọn họ đã tuyên bố chiến tranh với bọn chú trong khi đã bị đánh bại, để có thể cướp phá. Nhưng chú chắc chắn rằng Hitler sẽ tôn trọng sự toàn vẹn của nước Pháp. Người ta nói rằng ông ấy ngưỡng mộ Thống chế." Tôi nhún vai: "Führer sẽ đối xử với nước Pháp đúng như những gì nó xứng đáng." Mặt Moreau đỏ bừng lên. "Max, đủ rồi đấy, mẹ tôi lại nói. Ăn đồ tráng miệng đi."

Sau bữa tối, mẹ tôi bảo tôi lên phòng khách riêng. Đó là một căn phòng liền sát với phòng ngủ của bà ta, được bà ta trang trí rất có gu: không ai được vào đó nếu không có sự cho phép của bà ta. Bà ta không vòng vo chút nào. "Con đến đây để làm gì? Mẹ báo trước cho con, nếu chỉ là để quấy rối bọn mẹ, thì không cần thiết đâu." Lại thêm một lần nữa, tôi cảm thấy mình bị thu nhỏ lại; trước cái giọng nói đầy uy quyền, đôi mắt lạnh lùng đó, tôi đánh mất hết các phương tiện của mình, tôi trở lại thành một đứa bé nhút nhát, còn nhỏ hơn cả hai thằng bé sinh đôi. Tôi tìm cách tự chế ngự, nhưng không nổi. "Không, cuối cùng tôi cũng thốt ra được thành lời, con chỉ muốn gặp hai người, có vậy thôi. Con sang Pháp vì công việc và đã nghĩ đến hai người. Và rồi, suýt nữa thì con đã bị giết chết, mẹ biết mà. Có lẽ là con sẽ không còn sống sót qua cuộc chiến tranh này. Và chúng ta có biết bao điều cần sửa chữa." Bà ta hơi dịu lại một chút và chạm tay lên mu bàn tay tôi, cùng động tác của em gái tôi: tôi nhẹ nhàng rút tay mình về, nhưng bà ta không có vẻ gì là nhận ra. "Con có lý. Lẽ ra con có thể viết thư, con cũng biết còn gì; làm như vậy con sẽ không phải tốn chút công sức nào. Mẹ biết rằng con không thích thú gì các lựa chọn của mẹ. Nhưng biến mất như vậy, khi

người ta là con của ai đó, việc ấy không thể được. Cứ như thể là con đã chết. Con có thể hiểu điều đó không?" Bà ta suy nghĩ, rồi nói tiếp, một cách vội vã, như thể thấy không có đủ thời gian. "Mẹ biết là con trách mẹ vì sự mất tích của bố con. Nhưng con phải trách ông ấy, chứ không phải là mẹ. Ông ấy đã bỏ mặc mẹ ở lại với các con, ông ấy đã để mẹ lại một mình; trong vòng hơn một năm, mẹ đã không ngủ, em gái con đêm nào cũng đánh thức mẹ dậy, nó khóc trong những cơn ác mộng. Con thì không khóc nhưng gần như còn tệ hại hơn. Mẹ phải một mình lo cho các con, nuôi các con, sắm quần áo cho các con, dạy dỗ các con. Con không thể tưởng tượng được mọi chuyện khó nhọc đến thế nào đâu. Thế nên, khi gặp Aristide, tại sao mẹ lại phải từ chối? Đó là một người tốt, ông ấy đã giúp mẹ. Theo con thì mẹ phải làm gì đây? Bố con, ông ấy ở đâu? Ngay cả khi còn ở nhà thì ông ấy cũng không bao giờ ở nhà cả. Chính mẹ là người phải làm mọi việc, rửa đít cho các con, tắm cho các con, nuôi các con. Bố con, ông ấy chỉ qua gặp các con mười lăm phút một ngày, ông ấy chơi một lúc với các con, rồi lại quay về với những quyển sách hoặc công việc. Thế mà con lại căm ghét mẹ." Cảm xúc làm tôi thấy cổ họng nghẹn thắt lại. "Không mà, mẹ. Con không căm ghét mẹ." – "Có, con căm ghét mẹ, mẹ biết điều đó, mẹ nhìn thấy điều đó. Con đã đến trong bộ quân phục đó để nói với mẹ là con căm ghét mẹ đến mức độ nào." – "Tại sao bố con lại bỏ đi?" Bà ta thở dài: "Cái đó thì không ai biết cả, ngoài ông ấy. Có thể là vì buồn chán, chỉ đơn giản vậy thôi." – "Con không tin! Mẹ đã làm gì ông ấy?" – "Mẹ không hề làm gì ông ấy cả, Max. Mẹ không đuổi ông ấy. Ông ấy đã đi, chỉ có vậy thôi. Có thể là mẹ đã làm ông ấy mệt mỏi. Có thể là các con đã làm ông ấy mệt mỏi." Sự hoang mang làm mặt tôi trương phồng lên: "Không! Không thể thế được. Ông ấy yêu bọn con!" – "Mẹ không biết liệu ông ấy có bao giờ biết yêu nghĩa là gì không, bà ta trả lời, vô cùng dịu dàng. Nếu ông ấy yêu chúng ta, nếu ông ấy yêu các con, thì lẽ ra ít nhất ông ấy cũng đã viết thư về. Dù cho chỉ là để nói rằng ông ấy sẽ không bao giờ trở lại. Lẽ ra ông ấy không nên bỏ lại tất cả chúng ta

trong nỗi nghi ngờ, trong sự hoang mang như thế." – "Mẹ đã xin tuyên bố là ông ấy đã chết." – "Mẹ đã làm điều đó chủ yếu là vì các con. Để bảo vệ những quyền lợi của các con. Ông ấy không bao giờ xuất hiện ở đâu, ông ấy chưa bao giờ sờ đến trương mục ngân hàng, ông ấy đã để lại dang dở tất cả các công việc, mẹ đã phải thanh toán tất cả, các trương mục bị phong tỏa, mẹ đã gặp rất nhiều khó khăn. Và mẹ không muốn các con bị phụ thuộc vào Aristide. Tiền để con có thể đi sang Đức, con nghĩ là nó đến từ đâu? Đó là tiền của ông ấy, con biết rõ mà, và con đã lấy, đã sử dụng nó. Chắc chắn là ông ấy đã chết ở đâu đó rồi." – "Cứ như là mẹ đã giết ông ấy." Những lời của tôi làm bà ta đau khổ, tôi nhìn thấy rõ, nhưng bà ta vẫn bình tĩnh: "Ông ấy đã tự giết mình, Max. Đó là lựa chọn của ông ấy. Cái đó thì con phải hiểu."

Nhưng tôi không muốn hiểu. Đêm đó, tôi chìm vào giấc ngủ như vào một làn nước tối sẫm, dày đặc, chao đảo, nhưng không có một giấc mơ nào. Tiếng cười của hai thằng bé sinh đôi từ dưới vườn vẳng lên đánh thức tôi dậy. Trời đã sáng, mặt trời bừng chiếu qua các khe cửa chớp. Khi trở dậy mặc quần áo, tôi nghĩ đến những lời nói của mẹ tôi. Một trong số chúng đã gây chấn động mạnh lên tôi: việc tôi đi khỏi Pháp, sự đoạn tuyệt với mẹ tôi, tất cả những điều đó quả thực có thể làm được nhờ vào tài sản bố tôi để lại, một món tiền nhỏ mà Una và tôi được chia nhau khi đến tuổi trưởng thành. Thế nhưng vào thời đó tôi chưa bao giờ nhìn ra mối liên hệ giữa những bước đi xấu xa của mẹ tôi và số tiền đã cho phép tôi vượt thoát ra khỏi bà ta đó. Tôi đã chuẩn bị cho sự trốn chạy ấy trong một thời gian rất dài. Trong những tháng tiếp theo cuộc bạo loạn tháng Hai năm 1934, tôi đã liên lạc với tiến sĩ Mandelbrod để nhờ ông ta giúp đỡ và trợ sức; và, như tôi đã nói, ông ta đã chu cấp cho tôi một cách hào phóng; đến sinh nhật tôi, mọi thứ đã được sắp xếp xong xuôi. Mẹ tôi và Moreau lên Paris để lo các thủ tục liên quan đến tài sản thừa kế của tôi: vào bữa tối, với giấy tờ của chưởng khế trong túi áo, tôi thông báo cho họ về quyết định rời khỏi ELSP để sang Đức. Moreau cố nuốt cơn giận và ngồi im lặng trong khi mẹ tôi tìm cách thuyết phục tôi từ bỏ ý

định. Trên phố, Moreau quay sang mẹ tôi: "Em không thấy rằng nó đã trở thành một tay phát xít nhỏ bé rồi à, con trai của em ấy? Cứ để cho nó đi duyệt binh ngoài đường, nếu nó muốn vậy." Tôi thì quá sung sướng nên chẳng còn muốn nổi giận, và tôi tạm biệt họ trên đại lộ Montparnasse. Cần đến chín năm và một cuộc chiến tranh để tôi gặp lại được họ.

Ở tầng dưới, tôi thấy Moreau đang ngồi trên một cái ghế lấy từ ngoài vườn, giữa một khoảnh nắng, trước cánh cửa gắn kính của phòng khách. Trời khá lạnh. "Xin chào, ông ta nói với tôi, vẻ sảo quyệt. Ngủ ngon không?" – "Có, cám ơn. Mẹ cháu dậy chưa?" – "Bà ấy dậy rồi đấy, nhưng vẫn còn nằm. Có cà phê và bánh ngọt ở trên bàn." – "Cám ơn." Tôi rót cà phê rồi cầm cái tách trên tay quay lại gần ông ta. Tôi ngắm nhìn khu vườn. Không còn nghe tiếng bọn trẻ sinh đôi nữa. "Bọn nhóc đâu rồi?" tôi hỏi Moreau. – "Ở trường. Chiều chúng mới về." Tôi uống một chút cà phê. "Cháu biết đấy, ông ta nói tiếp, mẹ cháu rất vui vì cháu đã đến." – "Vâng, có thể là như vậy," tôi nói. Nhưng ông ta vẫn tiếp tục ý nghĩ của mình một cách bình thản: "Cháu nên viết thư về nhiều hơn. Mọi việc sẽ rất khó khăn. Tất cả mọi người đều cần có gia đình. Gia đình là điều duy nhất mà người ta còn có thể trông chờ." Tôi không nói gì, chỉ lơ đãng nhìn ông ta; còn ông ta nhìn ra vườn. "Này, tháng tới có ngày lễ các bà mẹ đấy. Cháu có thể gửi thiệp chúc mừng cho bà ấy." – "Lễ đó là lễ gì?" Ông ta nhìn tôi vẻ bối rối: "Thống chế đã lập ra nó, cách đây hai năm. Để vinh danh Tình Mẫu tử. Vào tháng Năm, năm nay rơi vào ngày 30." Ông ta vẫn nhìn tôi: "Cháu có thể gửi về một tấm bưu thiếp." – "Vâng, cháu sẽ cố." Ông ta im lặng và lại quay về phía khu vườn. "Nếu có thời gian, ông ta nói sau một lúc lâu im lặng, cháu có thể đi chẻ củi cho lò sưởi trong kho không? Chú già mất rồi." Tôi lại nhìn ông ta đang ngồi dán người xuống ghế: quả thực, ông ta đã già đi. "Nếu chú muốn," tôi đáp. Tôi quay trở lại nhà, đặt cái tách không lên mặt bàn, nhấm nháp một cái bánh và trèo lên gác; lần này, tôi đi thẳng đến chỗ vựa củi. Tôi đóng cánh cửa sập lại sau lưng mình và nhẹ nhàng bước đi giữa những thứ đồ đạc

và đống rương hòm, làm cho các phiến gỗ lát sàn nghiến lên cọt kẹt dưới những bước chân. Những kỷ niệm của tôi đang tua tủa dựng lên xung quanh, có thể ngửi được khi tiếp xúc với không khí, mùi vị, ánh sáng, bụi: và tôi đắm chìm trong những cảm giác đó giống như đã từng chìm xuống dòng sông Volga, với một cơ thể hoàn toàn buông thả. Tôi thấy như thể vừa nhìn thấy cái bóng của chúng tôi ở các góc nhà kho, ánh lấp lánh của làn da trắng chúng tôi. Rồi tôi lắc đầu và tìm lại đống thùng cactông đựng đồ đạc. Tôi kéo nó vào một khoảng trống rộng rãi, gần một cây cột, ngồi xổm xuống và bắt đầu lục tìm. Trong đó có những chiếc xe bằng sắt tây, những quyển sổ ghi chép và vở ghi bài, những quyển sách thời nhỏ, các bức ảnh trong những cái phong bì dày cộp, những cái phong bì khác, dán kín, đựng những bức thư của em gái tôi, cả một thời quá khứ, kỳ lạ và tàn bạo. Tôi không dám nhìn những bức ảnh, mở các phong bì, tôi cảm thấy lớn dần trong người mình một nỗi kinh hoàng mang tính thú vật; ngay cả những thứ đồ vật bình thường nhất, ngây thơ nhất, cũng mang dấu ấn của quá khứ, của cái quá khứ đó, và chỉ riêng cái quá khứ đó đã làm cho tôi cảm thấy lạnh buốt đến tận xương tủy; mỗi thứ đồ vật mới, dẫu thân thiết đến vậy, lại gây cho tôi một hỗn hợp giữa sự ghê tởm và niềm say mê, như thể tôi đang cầm trên tay một quả mìn đã rút chốt. Để bình tĩnh lại tôi nhìn kỹ những quyển sách: đó là tủ sách của bất kỳ thằng bé nào vào thời của tôi, Jules Verne, Paul de Kock, Hugo, Eugène Sue, các nhà văn Mỹ E.R. Burroughs và Marc Twain, những cuộc phiêu lưu của Fantômas hoặc của Rouletabille, những cuốn du ký, vài tiểu sử vĩ nhân. Tôi đột nhiên thấy muốn đọc lại vài quyển trong số đó và, sau khi suy nghĩ, tôi để ra bên cạnh ba tập đầu tiên của loạt sách về sao Hỏa của Burroughs, những cuốn sách từng khơi dậy trí tưởng tượng của tôi trong phòng tắm trên tầng, tò mò xem chúng có còn đáp lại sự mãnh liệt của những kỷ niệm hay không. Rồi tôi quay trở lại với những cái phong bì dán kín. Tôi nhắc chúng lên ước lượng độ nặng, lật lên lật xuống. Thoạt tiên, sau vụ bê bối và việc chúng tôi bị gửi đến trường, em gái tôi và tôi vẫn được quyền

viết thư cho nhau; khi nhận được một lá thư của Una, tôi phải mở nó trước một trong số các ông mục sư và đưa cho ông ta đọc trước khi chính tôi được đọc; cả nàng, tôi nghĩ vậy, cũng phải làm điều tương tự. Những lá thư của nàng, thật kỳ lạ là được đánh máy chữ, rất dài, đầy tính khuyến thiện và trang trọng. *Anh trai thân yêu của em: Ở đây mọi chuyện đều rất tốt, người ta đối xử với em rất nhẹ nhàng. Em giác ngộ được một sự đổi mới về tinh thần, vân vân.* Nhưng đêm đến, tôi tự nhốt mình vào nhà vệ sinh với một mẩu nến, run lên vì hoang mang và phấn khích, và tôi để lá thư dưới ánh lửa cho đến khi xuất hiện một thông điệp thứ hai, viết nguệch ngoạc bằng sữa giữa các dòng chữ: CỨU EM VỚI! ĐƯA EM RA KHỎI ĐÂY. EM XIN ANH! Chúng tôi đã có ý tưởng đó trong khi đọc, dĩ nhiên là giấu giếm, một cuốn tiểu sử Lênin, tìm được ở một hiệu sách cũ gần tòa thị chính. Những thông điệp tuyệt vọng đó ném tôi vào nỗi hoảng sợ và tôi quyết định chạy trốn và đi cứu nàng. Nhưng ý định của tôi không được chuẩn bị tốt, tôi nhanh chóng bị bắt lại. Người ta trừng phạt tôi một cách nặng nề, tôi bị đánh đòn và phải ăn bánh mì suông trong suốt một tuần, và những vòi vĩnh của bọn trẻ lớn hơn chỉ càng tồi tệ thêm hơn, nhưng tôi chẳng còn quan tâm đến những thứ đó; chỉ có điều, người ta cấm tôi nhận thư, và điều đó khiến tôi cảm thấy điên giận và tuyệt vọng. Thậm chí tôi còn không biết liệu mình còn giữ được những lá thư cuối cùng đó hay không, liệu chúng có ở trong những cái phong bì này hay không; và tôi không hề muốn mở chúng ra để kiểm tra. Tôi xếp tất cả vào những cái thùng cac-tông, cầm lấy ba quyển sách, và đi xuống.

Bị thúc đẩy bởi một thứ sức lực cầm lặng, tôi bước vào phòng ngủ cũ của Una. Giờ đây trong đó có một cái giường đôi, bằng gỗ sơn đỏ và xanh, và những thứ đồ chơi được sắp xếp gọn gàng, trong số đó tôi giận dữ nhận ra một vài thứ đồ của mình. Tất cả các quần áo đều được gấp và xếp trong các ngăn kéo và tủ. Tôi lục nhanh để tìm kiếm những dấu vết, những lá thư, nhưng không tìm được gì cả. Họ của chúng được ghi trên những quyển sổ nhưng tôi không biết nó, và nó có vẻ có tính chất Aryen.

Những cuốn sổ này đã có được vài năm: như vậy là chúng đã ở đây từ khá lâu rồi. Tôi nghe thấy tiếng mẹ tôi ở sau lưng: "Con đang làm gì đấy?" – "Con chỉ nhìn thôi," tôi nói, không ngoái đầu lại. – "Tốt hơn hết là con nên đi xuống và chẻ củi như Aristide đã nhờ. Mẹ sẽ chuẩn bị đồ ăn." Tôi quay lại: bà ta đang đứng trên ngưỡng cửa, vẻ nghiêm khắc, lạnh lùng. "Bọn trẻ đó, chúng là ai?" – "Mẹ đã nói với con rồi: con của một cô bạn thân. Bọn mẹ đã đón chúng về nuôi khi cô ấy không còn đủ sức lo cho chúng nữa. Chúng không có cha." – "Chúng ở đây từ khi nào?" – "Được một thời gian rồi. Cả con nữa, con cũng đã đi được một thời gian rồi, con trai ạ." Tôi nhìn ra xung quanh, rồi lại nhìn bà ta: "Đó là bọn trẻ con Do Thái, phải không? Thú nhận đi. Chúng là Do Thái, hả?" – Bà ta không để bị lấn lướt: "Đừng có vô lý như thế nữa đi. Chúng không phải là Do Thái. Nếu con không tin mẹ thì chỉ cần đến nhìn khi chúng tắm thôi. Bọn con thường làm như vậy phải không?" – "Phải. Thỉnh thoảng bọn con cũng làm việc đó." – "Dù sao thì nếu chúng là Do Thái thì điều đó có thay đổi gì không? Con sẽ làm gì chúng?" – "Con sẽ không làm gì chúng cả." – "Bọn con làm gì người Do Thái? bà ta tiếp tục. Người ta đã kể đủ thứ chuyện kinh khủng. Ngay cả người Ý cũng nói rằng chuyện đó là không thể chấp nhận được, những gì mà bọn con làm ấy." Đột nhiên tôi cảm thấy già nua, mệt mỏi: "Bọn con gửi họ đi làm việc, ở phía Đông. Họ làm đường, xây nhà, họ làm việc trong các nhà máy." Bà ta không cần câu: "Bọn con gửi cả bọn trẻ con đi làm việc à? Bọn con bắt cả trẻ con phải không?" – "Bọn trẻ con thì ở các trại đặc biệt. Chúng ở cùng với những bà mẹ không thể làm việc của chúng." – "Tại sao bọn con lại làm thế?" Tôi nhún vai: "Sẽ phải có ai đó làm việc đó thôi. Bọn Do Thái là lũ ăn bám, bọn bóc lột: giờ đây, chúng phục vụ lại những người mà chúng từng bóc lột. Người Pháp, con xin lưu ý mẹ, giúp đỡ bọn con rất nhiều: ở Pháp, chính cảnh sát Pháp bắt bọn họ và giao lại cho bọn con. Chính luật của Pháp quy định điều đó. Một ngày nào đó, lịch sử sẽ phán xét rằng bọn con đã có lý." – "Bọn con điên hẳn mất rồi. Đi chẻ củi đi." Bà ta quay người và đi về phía cầu thang phụ. Tôi

đi về phòng xếp ba quyển sách của Burroughs vào túi xách, rồi đi xuống kho. Tôi cởi áo vest, cầm lấy cái rìu, đặt một khúc gỗ lên cái thớt, và bắt đầu bổ. Việc này khá là khó, tôi không có thói quen làm loại công việc này, tôi phải bổ lại rất nhiều lần. Trong khi nhấc cái rìu lên, tôi nghĩ đến những lời của mẹ tôi; không phải sự thiếu hiểu biết về chính trị của bà ta làm tôi băn khoăn, mà là cái nhìn mà bà ta đặt lên người tôi: bà ta nhìn thấy gì trong lúc dòm tôi như vậy? Tôi cảm thấy mình mệt mỏi đến mức độ nào dưới sức nặng của quá khứ, những vết thương phải gánh chịu hoặc tưởng tượng, những lỗi lầm không thể sửa chữa, về tính không thể hàn gắn của thời gian. Vật lộn cũng không ích gì. Khi chặt xong được một ít củi tôi kẹp chúng dưới nách và mang vào đặt trong bếp. Mẹ tôi đang gọt khoai tây. Tôi đặt củi lên đống gỗ, gần lò sưởi, và đi ra bổ tiếp, không nói năng gì. Tôi đi lại như vậy thành nhiều chuyến. Trong khi làm việc, tôi suy nghĩ: xét cho cùng, vấn đề chung của người Đức, đó cũng là vấn đề của tôi; cả họ nữa, họ gặp khó khăn trong việc tách ra khỏi một quá khứ đau đớn, và trong việc quét sạch nó đi để bắt đầu những điều mới mẻ. Chính bằng cách đó mà họ đã đi đến giải pháp triệt để hơn cả, giết người, nỗi kinh hoàng nặng nề của việc giết người. Nhưng giết người liệu có phải là một giải pháp không? Tôi nghĩ đến rất nhiều cuộc trò chuyện mà tôi từng có về chủ đề này: ở Đức, tôi không phải là người duy nhất thấy nghi ngờ. Và nếu giết người không phải là một giải pháp tất định, và nếu ngược lại cái sự việc mới này, còn khó sửa chữa hơn cả những gì đã có trước đó, đến lượt mình lại mở ra những vực thẳm mới thì sao? Vậy thì, còn lại lối thoát nào đây? Trong bếp, tôi nhận ra mình vẫn cầm theo cái rìu. Căn phòng trống không: hẳn là mẹ tôi đang ở trong phòng khách. Tôi nhìn đống gỗ, có vẻ như là đã đủ. Mồ hôi của tôi toát ra đầm đìa; tôi đặt cái rìu vào một góc, cạnh chỗ củi, và lên phòng tắm thay áo sơ mi.

Bữa ăn trôi qua trong một sự im lặng nặng nề. Hai thằng bé sinh đôi ăn trưa ở trường, chúng tôi chỉ còn lại ba người. Moreau tìm cách bình luận những tin tức mới – Liên quân Anh-Mỹ đang

tiến nhanh đến Tunis; ở Vacxava, những cuộc rối loạn đã nổ ra – nhưng tôi vẫn bướng bỉnh giữ im lặng. Nhìn ông ta, tôi tự nhủ: Đây là một gã đàn ông khôn khéo, hẳn là ông ta còn giữ liên lạc cả với bọn khủng bố, giúp đỡ chúng một chút; nếu tình hình xấu đi, ông ta sẽ nói rằng mình vẫn luôn đứng về phía chúng, rằng ông ta chỉ làm việc với người Đức như một thứ vỏ bọc. Dù cho có chuyện gì xảy ra, ông ta cũng sẽ biết cách làm tổ cho mình, cái con sư tử già hến nhát và móm răng này. Ngay cả khi hai thằng bé sinh đôi không phải là Do Thái, thì chắc chắn là ông ta cất giấu người Do Thái: một cơ hội quá đẹp để, lại ít tốn kém đến vậy (với người Ý, ông ta không gặp phải nguy cơ nào), để tự tạo cho mình một chứng cớ ngoại phạm sau này. Nhưng, khi đó, ý nghĩ tức tối này vụt đến, chúng tôi sẽ cho ông ta thấy, ông ta và những kẻ tương tự ông ta, điều mà nước Đức có trong bụng mình; chúng tôi vẫn còn chưa nằm trong lòng đất. Mẹ tôi cũng không nói gì. Sau bữa ăn tôi tuyên bố là sẽ đi dạo. Tôi đi ngang qua khu vườn, qua cái cổng vẫn để mở hé và xuống đến bãi biển. Trên đường đi, mùi mặn của muối biển hòa quyện mạnh mẽ với mùi của những cây thông, và lại một lần nữa quá khứ sống dậy trong tôi, cái quá khứ sung sướng đã từng tắm mình trong những thứ mùi này, và cũng là quá khứ bất hạnh. Ở bãi biển, tôi rẽ sang tay trái, đi về phía cảng và thành phố. Ngay dưới chân pháo đài Carré, trên một dải đất nằm ngay trước biển và bao quanh là những cây thông tán rộng có một khu thể thao nơi bọn trẻ con đang chơi đá bóng. Hồi còn nhỏ, tôi là một đứa bé ốm yếu; tôi không thích thể thao, tôi thích đọc sách hơn; nhưng Moreau, thấy tôi quá gầy guộc, đã khuyên mẹ tôi ghi tên cho tôi vào một câu lạc bộ bóng đá; vì vậy, tôi cũng đã từng chơi bóng trên cái sân này. Đó không phải là một thành công lớn lắm. Vì tôi không thích chạy, người ta giao cho tôi làm thủ môn; một hôm, một đứa trẻ khác đá một quả bóng vào trúng ngực tôi mạnh đến mức cả người tôi bay thẳng vào lưới. Tôi nhớ mình đã nằm đó, qua tấm lưới khung thành nhìn lên ngọn những cây thông đang rung lên trong cơn gió nhẹ, cho đến lúc cuối cùng người phụ trách cũng đến để xem tôi có bị ngất đi

không. Không lâu sau đó là trận đấu đầu tiên của chúng tôi trước một câu lạc bộ khác. Đội trưởng đội bóng không muốn tôi chơi; cuối cùng, trong hiệp hai, cậu ta cho tôi ra sân. Không biết bằng cách nào nữa, bóng ở trong chân tôi và tôi cắm đầu chạy về phía gôn. Trước mặt tôi, sân bóng trống trơn mở rộng hẳn ra, khán giả gào thét, huýt sáo, và tôi không còn nhìn thấy gì khác ngoài cái gôn đó, cậu thủ môn bất lực cuống cuồng vung vẩy tay để tìm cách chặn tôi lại, tôi đã chiến thắng được tất cả và ghi bàn, nhưng đó lại là gôn của đội tôi: trong phòng thay quần áo, tôi bị những đứa trẻ khác lao vào đánh, và tôi bỏ luôn môn bóng đá từ đó. Đi qua pháo đài xuất hiện hình dáng cong cong của cảng Vauban, một rạp xiếc thiên nhiên chỉn chu, nơi những chiếc thuyền đánh cá và tàu hộ tống của hải quân Ý đang ì oạp rẽ nước. Tôi ngồi xuống một cái ghế băng và châm một điếu thuốc, ngẩm nhìn lũ mòng biển bay lượn quanh những con tàu đánh cá. Cả nơi này tôi cũng từng thường xuyên đến. Đã có một cuộc đi dạo, vào năm 1930, ngay trước khi tôi thi tú tài, trong kỳ nghỉ Phục sinh. Đã gần một năm tôi tránh không về Antibes, kể từ đám cưới của mẹ tôi và Moreau, nhưng vào kỳ nghỉ đó bà ta đã sử dụng một cách thức khéo léo: bà ta viết thư cho tôi, không hề ám chỉ gì đến những gì đã xảy ra, cũng như đến bức thư đầy những lời chửi rủa của tôi, để nói với tôi rằng Una sẽ về nhà vào dịp lễ và sẽ rất vui nếu được gặp lại tôi. Đã ba năm chúng tôi bị tách khỏi nhau: Bọn khốn nạn, tôi tự nhủ, nhưng tôi không thể từ chối, và hẳn bọn họ đã biết là như vậy. Cuộc gặp của chúng tôi diễn ra trong sự lúng túng, chúng tôi nói rất ít; dĩ nhiên là mẹ tôi và Moreau gần như không bao giờ để cho chúng tôi ở riêng với nhau. Khi tôi đến nơi, Moreau nắm lấy cánh tay tôi: "Đừng có làm những trò xấu xa, nghe chưa? Chú sẽ theo dõi cháu sát sao đấy." Với ông ta, tay tư sản ngu độn, có vẻ như việc tôi quyến rũ Una là một điều hiển nhiên. Tôi không nói gì, nhưng khi cuối cùng nàng cũng ở đó, tôi biết rằng mình yêu nàng hơn bao giờ hết. Khi, ở giữa phòng khách, nàng chạm nhẹ vào tôi khi đi ngang qua, mu bàn tay động vào tay tôi trong giây lát, như thể có một cơn sốc

điện đóng đinh tôi chặt xuống sàn nhà, tôi phải cắn chặt lấy môi để không hét lên. Và rồi chúng tôi đi dạo quanh càng. Mẹ chúng tôi và Moreau đi trước, cách vài bước, chỗ giờ đây tôi đang ngồi và tôi còn nhớ giây phút đó; tôi nói với em gái tôi về trường tôi, các vị thầy tu, sự suy đồi và những thứ tập quán bẩn thỉu của lũ bạn cùng lớp. Tôi cũng nói với Una rằng tôi đã đi lại với bọn con trai. Nàng dịu dàng mỉm cười và đặt nhanh một nụ hôn lên má tôi. Những kinh nghiệm của nàng cũng không quá khác biệt, dù cho sự tàn bạo mang tính tinh thần nhiều hơn là thể chất. Các bà sơ, nàng tuyên bố với tôi, đều là những kẻ *loạn óc, bệnh tật và tủ lạnh*. Tôi cười và hỏi nàng đã học những từ đó ở đâu; những cô bé gái học nội trú, nàng trả lời với một nụ cười vui vẻ thoáng qua, vẫn đút tiền cho những người gác cửa để được họ chuyển cho những cuốn sách, nhưng không còn là sách của Voltaire và Rousseau nữa, mà bây giờ là Freud, Spengler và Proust, và nếu tôi chưa đọc họ, thì cũng đã đến lúc phải bắt đầu rồi. Moreau dừng lại để mua kem ốc quế cho chúng tôi. Nhưng khi ông ta quay lại chỗ vợ, chúng tôi lại tiếp tục cuộc trò chuyện: lần này, tôi nói về bố chúng tôi. "Ông ấy chưa chết đâu," tôi say sưa thì thầm. – "Em biết, nàng nói. Và ngay cả khi ông ấy đã chết, thì người sẽ chôn ông ấy cũng sẽ không phải là họ." – "Vấn đề không phải là chôn cất. Giống như là họ đã giết chết ông ấy vậy. Bị giết bằng tờ giấy đó. Kinh tởm làm sao! Vì những ham muốn đáng xấu hổ của họ." – "Anh biết không, khi đó nàng nói, em tin là bà ấy yêu ông ấy lắm." – "Anh mặc kệ! tôi rít lên. Bà ta đã lấy bố của chúng ta và bà ta là vợ của ông ấy. Sự thật là như vậy. Một lão thẩm phán không thể thay đổi được gì ở đó hết." Nàng dừng lại và nhìn tôi: "Chắc là anh có lý." Nhưng mẹ chúng tôi đã lên tiếng gọi và chúng tôi đi đến chỗ bà ta, vừa đi vừa liếm cây kem vị vani của mình.

Trong thành phố, tôi gọi một cốc rượu vang trắng ở một quầy bar, tôi vẫn nghĩ mãi đến những việc đó, và tôi tự nhủ rằng mình đã nhìn thấy những gì mình vừa nhìn thấy, ngay cả khi tôi vẫn luôn không biết đó là gì; tôi đã nghĩ đến chuyện bỏ đi. Tôi

đến chỗ ghiseê bán vé, ở gần bến xe khách, và mua một cái vé đi Marseille cho ngày hôm sau; ở nhà ga nằm ngay bên cạnh, người ta bán cho tôi một vé đi Paris, không phải đợi lâu lắm khi chuyển từ xe khách sang, tôi sẽ đến nơi trước khi trời tối. Rồi tôi quay về nhà mẹ tôi. Khu vườn, xung quanh ngôi nhà, yên bình và tĩnh lặng, bị lay động bởi tiếng xì xào nhẹ nhàng của những chiếc lá thông trong cơn gió nhẹ của biển. Cánh cửa gắn kính của phòng khách vẫn mở: tôi tiến lại gần và lên tiếng gọi, nhưng không có ai trả lời. Có thể, tôi tự nhủ, họ đang ngủ trưa. Cả tôi cũng thấy mệt, hẳn là do rượu vang và mặt trời; tôi đi vòng quanh nhà và trèo lên cầu thang chính, không gặp phải một ai. Phòng tôi tối om, mát mẻ. Tôi nằm xuống và thiếp đi. Khi tôi tỉnh dậy ánh sáng đã thay đổi, trời rất tối: trên ngưỡng cửa, tôi nhìn thấy hai thằng bé sinh đôi, đứng cạnh nhau, nhìn chằm chằm vào tôi với đôi mắt tròn mở to của chúng. "Các cháu muốn gì?" tôi hỏi. Nghe thấy những lời đó, chúng cùng lùi lại một bước và chạy mất. Tôi nghe thấy tiếng những bước chân nhỏ bé của chúng vang lên trên sàn nhà rồi chạy xuống cầu thang chính. Cửa chính đập một tiếng và sự im lặng quay trở lại. Tôi ngồi lên thành giường và nhận ra là mình đang trần truồng; tuy nhiên, tôi không hề nhớ là mình đã dậy để cởi quần áo. Những ngón tay bị thương của tôi lại đau và tôi lơ đãng đưa chúng lên miệng mút. Rồi tôi bật công tắc đèn, và, mắt hấp háy, tìm đồng đồ: đồng hồ đeo tay của tôi, nằm trên mặt bàn cạnh giường, đã ngừng chạy. Tôi nhìn xung quanh nhưng không thấy quần áo. Chúng có thể đi đâu được? Tôi lấy đồ mới trong túi xách và rút bộ quân phục từ tủ tường ra. Râu của tôi đã mọc dài một chút nhưng tôi quyết định sẽ cạo sau và mặc quần áo vào. Tôi đi xuống bằng cầu thang phụ. Bếp không có người, lò sưởi lạnh giá. Tôi đến cửa dành cho những người chở hàng: bên ngoài, về phía biển, bình minh bắt đầu ló rạng và mới làm ửng hồng phần phía dưới của bầu trời. Thật kỳ lạ vì hai thằng bé sinh đôi dậy sớm đến thế, tôi tự nhủ. Liệu có phải là tôi đã ngủ trọng bữa tối không? Hẳn là tôi đã mệt hơn là tôi nghĩ. Sắp đến giờ xe chạy rồi, tôi cần phải

chuẩn bị. Tôi quay lại và đóng cửa, bước lên ba bậc thang dẫn lên phòng khách và đi vào đó, dò dẫm tiến về cái cửa gắn kính. Trong bóng tối tôi vấp phải cái gì đó mềm oặt đang nằm trên thảm. Sự tiếp xúc này khiến người tôi lạnh cứng. Tôi lùi lại cho đến công tắc đèn chùm, luồn tay ra sau lưng mà không quay người lại, và bật nó lên. Ánh sáng chiếu ra từ nhiều ngọn đèn, gay gắt, sống sượng, gần như nhợt ra. Tôi nhìn cái hình thù mình vừa vấp chân phải: đó là một cái xác, đúng như bằng bản năng tôi đã cảm thấy, và giờ đây tôi nhìn thấy tấm thảm ngập ngụa máu, tôi đang bước đi trong một vũng máu chảy cả ra ngoài khỏi tấm thảm và lênh láng trên mặt sàn gạch, dưới cái bàn và cho đến cánh cửa gắn kính. Nỗi kinh hoàng, nỗi hoảng sợ khiến tôi cảm thấy một ham muốn hãi hùng là bỏ chạy, trốn vào một nơi tối tăm; tôi cố gắng chế ngự bản thân và rút khẩu súng đang giắt ở thắt lưng ra. Tôi lấy ngón tay lần mở chốt an toàn. Rồi tôi tiến lại gần cái xác. Tôi muốn tránh giẫm lên máu nhưng không thể được. Khi lại gần hơn tôi nhận ra, nhưng điều này tôi cũng đã biết trước rồi, đó là Moreau, ngực bị xuyên thủng, cổ bị chém sâu, hai mắt vẫn mở. Cái rìu mà tôi để lại trong bếp nằm trong vũng máu bên cạnh cái xác; thứ máu gần như có màu đen đó lấm đầy trên quần áo ông ta, bắn lên khuôn mặt hơi cúi xuống của ông ta, hàng ria xám của ông ta. Tôi nhìn ra xung quanh nhưng không thấy gì. Cánh cửa gắn kính có vẻ vẫn đóng. Tôi quay trở lại bếp, mở kho đựng đồ lặt vặt ra, không có ai hết cả. Đôi bốt của tôi để lại những vệt máu lớn trên sàn nhà: tôi mở cánh cửa phụ, đi ra ngoài, và chùi chúng lên bãi cỏ, vừa chùi vừa cảnh giác nhìn chằm chằm thật sâu vào trong khu vườn. Nhưng không có gì hết. Bầu trời trở nên nhợt nhạt, những ngôi sao bắt đầu biến mất. Tôi đi vòng quanh nhà, mở cửa chính và đi lên. Phòng của tôi không có ai; phòng của bọn trẻ sinh đôi cũng vậy. Khẩu súng lục vẫn cầm trên tay, tôi đứng trước cửa phòng mẹ tôi. Tôi giơ bàn tay trái về phía nắm đấm cửa; những ngón tay của tôi run lên. Tôi cố kìm giữ và mở cửa ra. Các cửa chớp vẫn đóng, phòng tối om; trên giường, tôi có thể nhìn rõ một dáng

hình màu ghi xám. "Mẹ?" tôi thì thầm. Dò dẫm bước vào, khẩu súng vẫn cầm trên tay, tôi tìm được công tắc đèn và bật lên. Mẹ tôi, trong cái áo ngủ cổ viền đăngten, nằm vắt người qua giường; hai chân bà ta hơi thò ra ngoài, một chân vẫn còn đi chiếc giày nhẹ màu hồng, chân còn lại, lủng lẳng giữa khoảng không, không đi gì cả. Lạnh cứng người vì sợ hãi, tôi vẫn không quên nhìn ra đằng sau cửa và cúi nhanh người xuống để kiểm tra dưới giường: ngoài cái giày rơi dưới đó, không có gì khác cả. Run lên, tôi tiến lại gần. Hai cánh tay của bà ta đặt trên ga trải giường, cái áo ngủ, kéo trùm xuống đến tận chân, không hề bị nhăn, có vẻ như bà ta đã không hề kháng cự. Tôi cúi xuống và đặt tai vào sát cái miệng há ra: không có hơi thở nào. Tôi không dám chạm vào bà ta. Đôi mắt bà ta lồi lên và những dấu đỏ hằn trên cái cổ hốc hác. Chúa ơi, tôi tự nhủ, người ta đã bóp cổ mẹ tôi. Tôi xem xét căn phòng. Không có gì bị đảo lộn, ngăn kéo của những cái tủ vẫn đều đóng, cả tủ hốc tường cũng vậy. Tôi đi vào phòng tiếp khách, nó trống không, tất cả đều có vẻ ở đúng vị trí, tôi quay trở lại phòng. Trên khăn trải giường, trên thảm, trên áo ngủ của bà ta, giờ tôi mới để ý, có những vết máu: hẳn là tên giết người đã giết Moreau trước, rồi mới lên đây. Sự hoang mang làm tôi ngạt thở, tôi không biết phải làm gì cả. Lục tìm ngôi nhà ư? Tìm hai thằng bé sinh đôi và tra hỏi chúng ư? Hay là gọi cảnh sát? Tôi không có thời gian, tôi phải đón chuyến xe. Nhẹ nhàng, thật nhẹ nhàng, tôi cầm lấy bàn chân đang thò ra ngoài và đặt nó lại lên giường. Lẽ ra tôi cũng phải đi lại cái giày cho bà ta nhưng tôi không còn đủ can đảm để chạm tay vào người bà ta một lần nữa. Tôi ra khỏi phòng, gần như là đi giật lùi. Trong phòng mình, tôi nhét vài thứ đồ đạc vào túi xách, và tôi rời khỏi ngôi nhà, đóng lại cái cổng ra vào. Đôi bốt của tôi vẫn còn những vết máu, tôi nhúng nó vào một hồ nước nhỏ bỏ không đọng một ít nước mưa. Tôi không thấy tăm hơi hai thằng bé sinh đôi đâu cả: hẳn là chúng đã bỏ trốn. Dù thế nào đi nữa thì những đứa trẻ đó cũng không liên quan gì đến tôi.

Chuyến đi diễn ra như trong một bộ phim, tôi không suy nghĩ gì cả, các phương tiện giao thông nối tiếp theo nhau, tôi chìa những cái vé ra khi được yêu cầu, và không gặp phải vấn đề nào hết cả. Khi rời khỏi nhà, trên con đường dẫn đến thành phố, giờ đây mặt trời đã lên hoàn toàn trên mặt biển hơi gợn sóng, tôi bắt gặp một đội tuần tra người Ý, những người ném một cái nhìn tò mò lên bộ quân phục của tôi, nhưng không nói gì; ngay trước khi lên xe khách, một cảnh sát Pháp đi cùng hai *bersaglieri* tiến lại gần tôi để hỏi giấy tờ: khi tôi chìa và dịch cho anh ta bức thư của Einsatzkommando Marseille, anh ta liền chào tôi và để tôi đi. Như thế là tốt nhất, tôi sẽ không có khả năng để tranh cãi, tôi đang hóa đá vì hoang mang, những ý nghĩ như thể đông cứng lại. Trên xe, tôi nhận ra mình đã để quên bộ comlê, tất cả quần áo của ngày hôm qua. Ở ga Marseille tôi phải đợi một giờ, tôi gọi một tách cà phê và đứng uống ở quầy, trong tiếng ồn ào của sảnh lớn. Tôi phải suy nghĩ một chút. Hẳn là đã phải có những tiếng la hét, tiếng ồn; làm thế nào mà tôi lại không bị đánh thức dậy? Tôi mới chỉ uống một cốc rượu vang. Và rồi gã đàn ông đã không giết hai thằng bé sinh đôi, lẽ ra chúng phải hét lên chứ. Tại sao chúng lại đến tìm tôi? Chúng làm gì ở đó, câm lặng, khi tôi tỉnh dậy? Tên sát nhân hẳn đã không lục tìm trong nhà, ít nhất là hắn đã không vào phòng tôi. Và đó là kẻ nào? Một tên kẻ cướp, một tên trộm? Nhưng không có thứ gì có vẻ bị chạm vào, chuyển chỗ, đảo lộn. Có thể hai thằng bé sinh đôi đã bắt chợt hắn, và hắn đã chạy trốn. Nhưng không thể như thế được, chúng đã không hét, chúng không đến tìm tôi. Liệu có phải chỉ có một tên giết người? Chuyến tàu khởi hành, tôi trèo lên, ngồi xuống ghế, vẫn tìm cách lập luận. Nếu không phải là một tên kẻ cắp, hoặc là những kẻ cắp, thì là gì khác? Một vụ thanh toán lẫn nhau chăng? Một vụ xích mích trong làm ăn của Moreau? Bọn chúng bố thuộc quân du kích, đến để lấy chúng tôi làm một tấm gương ư? Nhưng bọn chúng bố không giết người bằng rìu, giống như những kẻ man rợ, chúng dẫn họ vào một khu rừng rồi tổ chức một kiểu tòa án vờ vịt, rồi xử bắn họ. Và, thêm một lần nữa, tôi

đã không tỉnh dậy, tôi, người vốn rất thính ngủ, tôi không sao hiểu nổi, nỗi hoang mang làm người tôi co cứng lại, tôi mút những ngón tay đang kết sẹo của mình, những ý nghĩ xoắn đi xoắn lại, chệch hướng một cách điên rồ, hòa nhịp với những đợt xóc của con tàu, tôi không chắc chắn được vào điều gì hết cả, không điều gì có nghĩa hết cả. Ở Paris, tôi dễ dàng tìm được chuyến tàu tốc hành đi Berlin; khi đến nơi, tôi trở lại cùng khách sạn lúc trước đã ở thuê một phòng. Tất cả đều im ắng, yên tĩnh, vài chiếc xe chạy qua, những con voi, mà tôi vẫn chưa đi xem, kêu rống lên trong ánh sáng của bình minh. Tôi đã ngủ vài giờ trên tàu, một giấc ngủ đen tối, không mộng mị; tôi vẫn còn kiệt sức, nhưng không sao đi nằm lại được. Em gái tôi, cuối cùng tôi tự nhủ, tôi phải báo cho Una. Tôi đến *Kaiserhof*: Freiherr von Üxküll có để lại một địa chỉ không? "Chúng tôi không thể cung cấp địa chỉ của khách, Herr Sturmbannführer" là câu trả lời. Nhưng ít nhất họ cũng có thể gửi một bức điện chứ? Đây là một chuyện gấp của gia đình. Cái đó thì vâng, có thể được. Tôi hỏi xin một tờ điện mẫu để điền vào, trên mặt quầy tiếp tân: MẸ CHẾT BỊ SÁT HẠI STOP MOREAU CŨNG VẬY STOP Ở BERLIN GỌI CHO ANH STOP, tiếp theo là số điện thoại của khách sạn *Eden*. Tôi chìa nó cho người tiếp tân kèm một tờ mười reichsmark; ông ta đọc nó với vẻ nghiêm trang và hơi cúi đầu nói với tôi: "Xin chia buồn cùng ngài, Herr Sturmbannführer." – "Ông sẽ gửi nó đi ngay chứ?" – "Một lúc nữa tôi sẽ gọi cho bưu điện, Herr Sturmbannführer." Ông ta trả lại tiền thừa và tôi quay về *Eden*, dặn người ta gọi tôi ngay nếu có điện thoại, dù là vào giờ nào đi nữa. Tôi phải đợi đến tối. Tôi nghe điện trong một cabin ngay cạnh chỗ tiếp tân, rất may mắn là không có ai. Giọng Una hoảng hốt: "Chuyện gì đã xảy ra?" Tôi nghe thấy tiếng nàng khóc. Tôi mở đầu một cách thật bình tĩnh nhất: "Anh đã ở Antibes, anh đến thăm họ. Sáng hôm qua..." Giọng tôi chao đảo. Tôi hắng giọng và nói tiếp: "Sáng hôm qua anh tỉnh dậy..." Giọng tôi vỡ òa và tôi không thể tiếp tục được nữa. Tôi nghe thấy em gái tôi gọi: "Có chuyện gì? Chuyện gì đã xảy ra?" – "Đợi

chút," tôi cứng giọng nói và hạ máy nói xuống ngang đùi trong lúc cố bình tâm lại. Chuyện này chưa bao giờ xảy đến với tôi, mất kiểm soát giọng nói; ngay cả trong những thời điểm tệ hại nhất, tôi vẫn luôn biết cách sử dụng một cách thức đúng đắn và chính xác. Tôi ho, rồi lại ho nữa, rồi cầm lấy cái ống nói lên để ngang mặt và giải thích với nàng bằng vài câu ngắn gọn chuyện đã xảy ra. Nàng chỉ có một câu hỏi, nóng nảy, điên loạn: "Thế còn hai thằng bé sinh đôi? Hai thằng bé sinh đôi ở đâu?" Khi đó tôi trở nên như một kẻ điên, tôi lồng lộn lên trong cabin, dùng chân, nắm đấm, bàn chân đập vào bốn bên thành, hét lên trong ống nói: "Hai thằng bé sinh đôi đó là ai?! Bọn nhóc khốn kiếp đó, chúng là con ai?" Một người phục vụ, bị đánh động bởi sự ồn ào, dừng lại trước cabin và nhìn tôi qua cửa kính. Tôi cố gắng hết sức để bình tĩnh lại. Em gái tôi, ở đầu dây bên kia, vẫn câm lặng. Tôi thở phì phò và nói vào điện thoại: "Chúng còn sống. Anh không biết chúng đi đâu." Nàng không nói gì, tôi tin là nghe thấy tiếng nàng thở trong tiếng rè rè của đường dây quốc tế. "Em có ở đó không?" Không có câu trả lời nào. "Chúng là con ai?" tôi lại hỏi tiếp, thật dịu dàng. Nàng vẫn không nói gì. "Mẹ kiếp!" tôi hét lên, và dập mạnh máy xuống. Tôi lao ra khỏi cabin và đứng sững trước quầy tiếp tân. Tôi lấy sổ điện thoại của mình ra, tìm một số, chép vội nó lên một mẩu giấy và chìa cho nhân viên trực máy. Sau một lúc điện thoại đổ chuông trong cabin. Tôi cầm lấy máy và nghe thấy một giọng nói của phụ nữ. "Xin chào, tôi nói. Tôi muốn nói chuyện với tiến sĩ Mandelbrod. Tôi là Sturmbannführer Aue." – "Tôi rất tiếc, Herr Sturmbannführer. Tiến sĩ Mendelbrod không thể trả lời được. Ngài có tin nhắn nào cho ông ấy không?" – "Tôi muốn gặp ông ấy." Tôi để lại số điện thoại của khách sạn và đi lên phòng. Một giờ sau một người phục vụ tầng mang đến cho tôi một tin nhắn: tiến sĩ Mandelbrod sẽ tiếp tôi vào ngày mai, lúc mười giờ. Vẫn những người phụ nữ đó, hoặc là những người khác giống hệt, đưa tôi vào. Trong phòng làm việc rộng rãi sáng sủa, đầy mèo đi lại, Mandelbrod đang đợi trước cái bàn thấp; Herr Leland, thẳng duỗn và gầy gò

trong một bộ comlê vạt chéo kẻ sọc, ngồi bên cạnh ông ta. Tôi bắt tay họ và cũng ngồi xuống. Lần này, người ta không phục vụ trà nữa. Mendelbrod lên tiếng: "Tôi rất mừng vì được gặp cậu. Cậu đã có một kỳ nghỉ tốt đẹp chứ?" Có vẻ như ông ta đang mỉm cười trong đống mỡ của mình. "Cậu đã có thời gian để suy nghĩ về đề nghị của tôi chưa?" – "Rồi, Herr Doktor. Nhưng tôi muốn một điều khác. Tôi muốn được bổ vào Waffen-SS và ra mặt trận." Mandelbrod có một cử chỉ nhẹ, như thể ông ta đang nhún vai. Leland nhìn chằm chằm vào tôi vẻ cứng rắn, lạnh lùng, sáng suốt. Tôi biết là ông ta có một con mắt giả bằng thủy tinh, nhưng chưa bao giờ biết được nó nằm ở bên nào. Ông ta là người trả lời, bằng một cái giọng trúc trắc với một âm sắc nước ngoài vô cùng khó nhận ra: "Không thể được. Chúng tôi đã xem xét bệnh án của cậu rồi: vết thương bị xem là một sự tàn phế nghiêm trọng, và cậu đã bị xếp vào hàng công việc bàn giấy." Tôi nhìn họ và ấp úng: "Dù sao thì họ cũng đang cần người cơ mà. Họ tuyển người ở khắp mọi nơi." – "Đúng, Mandelbrod nói, nhưng dẫu vậy người ta cũng không nhận bất kỳ ai. Quy định là quy định." – "Người ta sẽ không bao giờ cho cậu quay trở lại với công việc nặng đâu," Leland nói rõ từng tiếng một. – "Phải, Mandelbrod tiếp tục, và với nước Pháp cũng có rất ít hy vọng. Không, cậu phải tin vào chúng tôi." Tôi đứng dậy: "Meine Herren, cám ơn vì đã tiếp tôi. Tôi rất tiếc vì đã làm phiền hai ông." – "Nhưng có vấn đề gì đâu, con trai của ta, Mandelbrod nhỏ nhẹ. Cứ thoải mái về thời gian, suy nghĩ thêm đi." – "Nhưng cậu phải nhớ, Leland nghiêm khắc nói thêm, rằng một người lính ở mặt trận không thể lựa chọn vị trí cho mình. Anh ta phải làm nghĩa vụ, dù cho vị trí có là gì đi chăng nữa."

Từ khách sạn, tôi gửi một bức điện cho Werner Best, ở Đan Mạch, nói với ông ta rằng tôi đã sẵn sàng nhận một vị trí trong chính quyền. Rồi tôi chờ đợi. Em gái tôi không gọi lại, tôi cũng không tìm cách liên lạc. Ba ngày sau, người ta mang đến cho tôi một bức thư của *Auswärtiges Amt*; đó là câu trả lời của Best: tình hình ở Đan Mạch đã thay đổi, và hiện thời ông ta không có

gì để đề nghị với tôi cả. Tôi vò cái phong bì lại và vứt nó đi. Sự cay đắng, nỗi sợ tăng lên, tôi phải làm điều gì đó, nếu không tôi sẽ suy sụp. Tôi gọi lại cho văn phòng của Mandelbrod và để lại một lời nhắn.

HẾT TẬP I

GHI CHÚ CỦA NGƯỜI DỊCH

Tên các chương sách, "Toccata", "Allemande", "Courante", "Sarabande", "Menuet", "Air" và "Gigue" là các dạng nhạc nổi tiếng của Jean-Sebastien Bach, nhà soạn nhạc mà nhân vật Maximilien Aue đặc biệt yêu quý và ngưỡng mộ, và theo một cách nào đó đã tạo ra nhịp điệu cho toàn bộ cuốn tiểu thuyết.

Cái tên đáng chú ý thứ hai, chính là tên sách (*Những kẻ thiện tâm*) có được ở dạng tiếng Việt sau rất nhiều thử nghiệm không thành công nhằm dịch cụm từ "*Les Bienveillantes*" từ nguyên bản tiếng Pháp. Cuối cùng "Những kẻ thiện tâm" đã được lựa chọn vì không những nói được nhiều ý tưởng của nhan đề trong nguyên bản, mà còn giữ được một sắc thái mỉa mai cần thiết. Tất nhiên, "*Les Bienveillantes*" trong tiếng Pháp là một dạng uyển ngữ chỉ các nữ thần báo thù (Euménide hoặc Furie), các vị nữ thần không biết động lòng và không biết buông tha; nhưng cũng có một cách hiểu khác, như trong truyền thuyết Hy Lạp nổi tiếng về Oreste của bi kịch Hy Lạp, các nữ thần báo thù đáng sợ sau khi được thần linh khuyên giải đã trở thành những người "từ tâm", hoặc "thiện tâm", chuyển trung tâm sự chú ý của mình từ sự báo thù sang lòng khoan dung.

Trong quá trình dịch *Những kẻ thiện tâm*, có một chi tiết bị thay đổi: Una là chị sinh đôi (sinh trước 15 phút) chứ không phải em sinh đôi của Maximilien. Nhưng ở đây, Una đã trở thành em, chủ yếu vì lý do thuận lợi cho xưng hô tiếng Việt. Đó là điều duy nhất người dịch tự cho phép thay đổi so với nguyên bản. Độc giả cũng cần lưu ý rằng các bản tiếng Pháp của *Les Bienveillantes* cho đến cuối năm 2007 có một số chi tiết khác biệt so với bản tiếng Việt, nguyên do là vì văn bản đã được chỉnh sửa theo những gì tác giả trực tiếp gửi đến cho những người dịch, trong đó đặc biệt quan trọng là chi tiết ở cuối truyện, khi Aue không còn vẻo mũi Hitler như trong các bản đầu tiên mà là cắn mũi. Độc giả sẽ không thấy bất ngờ vì điều đó, mặc dù bản tiếng Pháp có sửa đổi đến năm 2008 mới được NXB Gallimard phát hành.

Trong văn bản sẽ không có chú thích, toàn bộ chú thích được đưa ra cuối tập 2, và vì không có cách nào tốt hơn, chúng sẽ được chia làm ba nhóm phụ lục và xếp theo thứ tự bảng chữ cái. Rất tiếc vì dung lượng sách không cho

phép có thêm nhiều chú thích tỉ mỉ hơn nữa, độc giả muốn tìm hiểu có thể bổ khuyết bằng cách đọc những cuốn sách khác có chủ đề liên quan.

Bản dịch tiếng Việt đã nhận được sự giúp đỡ của nhiều người trong quá trình thực hiện, nhưng vì không ai muốn có tên xuất hiện ở đây nên sẽ chỉ có lời cảm ơn cho họa sĩ Lý Trần Quỳnh Giang vì đã bằng lòng cho sử dụng tác phẩm của mình làm bìa cho *Những kẻ thiện tâm*, và lời cảm ơn cuối cùng cho Jonathan Littell, vì đã trả lời mọi câu hỏi của người dịch, gợi ý nhan đề bản tiếng Việt, và nhất là vì đã viết *Les Bienveillantes*.

843.924
L388

NHỮNG KẺ THIÊN TÂM

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN
65 Nguyễn Du - Hà Nội
Tel & Fax: 8222135
E-mail: nxbhoinhavan@hn.vnn.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản
NGUYỄN PHAN HÁCH

Chịu trách nhiệm bản thảo
PHẠM SÔNG HỒNG

* Biên tập: TƯỜNG VÂN
* Tranh bìa: LÝ TRẦN QUỲNH GIANG
* Thiết kế bìa: TRẦN THÙY ANH
* Trình bày: KIM LIÊN
* Sửa bản in: THU PHƯƠNG

Liên kết xuất bản và phát hành:
CÔNG TY VĂN HÓA & TRUYỀN THÔNG NHÃ NAM
1B/1F1, Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: 04.5146875 - Fax: 04.5146965
Blog: http//360.yahoo.com/nhanambook
Email: nhanambook@vnn.vn

Văn phòng đại diện tại TP Hồ Chí Minh
Nhà 015 Lô B chung cư 43 Hồ Văn Huê,
Phường 9, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: 08.8479853
Email: nhanamhcm@hcm.fpt.vn

In 2.000 cuốn, khổ 15 x 24cm tại Công ty In và DVTM Phú Thịnh. Căn cứ trên số đăng ký kế hoạch xuất bản: 929-2007/CXB/96-60/HNV và quyết định xuất bản số 764/QĐ-NXB HNV của Nhà xuất bản Hội Nhà Văn ngày 6.12.2007. In xong và nộp lưu chiểu quý I năm 2008.

Hiện nay, trên thị trường đã xuất hiện hàng loạt cuốn sách làm giả sách của Nhã Nam với chất lượng in thấp và nhiều sai lỗi. Mong quý độc giả hãy cẩn thận khi chọn mua sách. Mọi hành vi in và buôn bán sách lậu đều vi phạm pháp luật và làm tổn hại đến quyền lợi của tác giả và nhà xuất bản.



Jonathan Littell (1967)

sinh ra trong một gia đình Do Thái gốc Đông Âu, là con trai nhà văn và nhà báo Mỹ có tên tuổi Robert Littell. Ông tốt nghiệp phổ thông trung học tại Pháp, học đại học tại Yale, làm việc cho một số tổ chức từ thiện quốc tế tại Bosnia, Chechnya, Ruanda..., hiện sống với vợ và hai con tại Barcelona.

Tác phẩm

Bad Voltage: A Fantasy in 4/4, Signet, 1989 (nguyên bản tiếng Anh); *Les Bienveillantes*, Gallimard, 2006 (nguyên bản tiếng Pháp), giải Goncourt 2006, giải thưởng tiểu thuyết của Viện Hàn lâm Pháp 2006.

"Này các anh em con người,
hãy để ta kể cho các ngươi nghe
chuyện đã xảy ra như thế nào."

MM 20783
nhã nam
MUA BÁN SÁCH GIẢ
LÀ GIẾT CHẾT
SÁCH THẬT
Giá: 94.000đ
8 936024 911393